J. HERMAN RANDALL, JR
JUSTUS BUCHLER - EVELYN SHIRK

TRÍCH VĂN TRIẾT HỌC

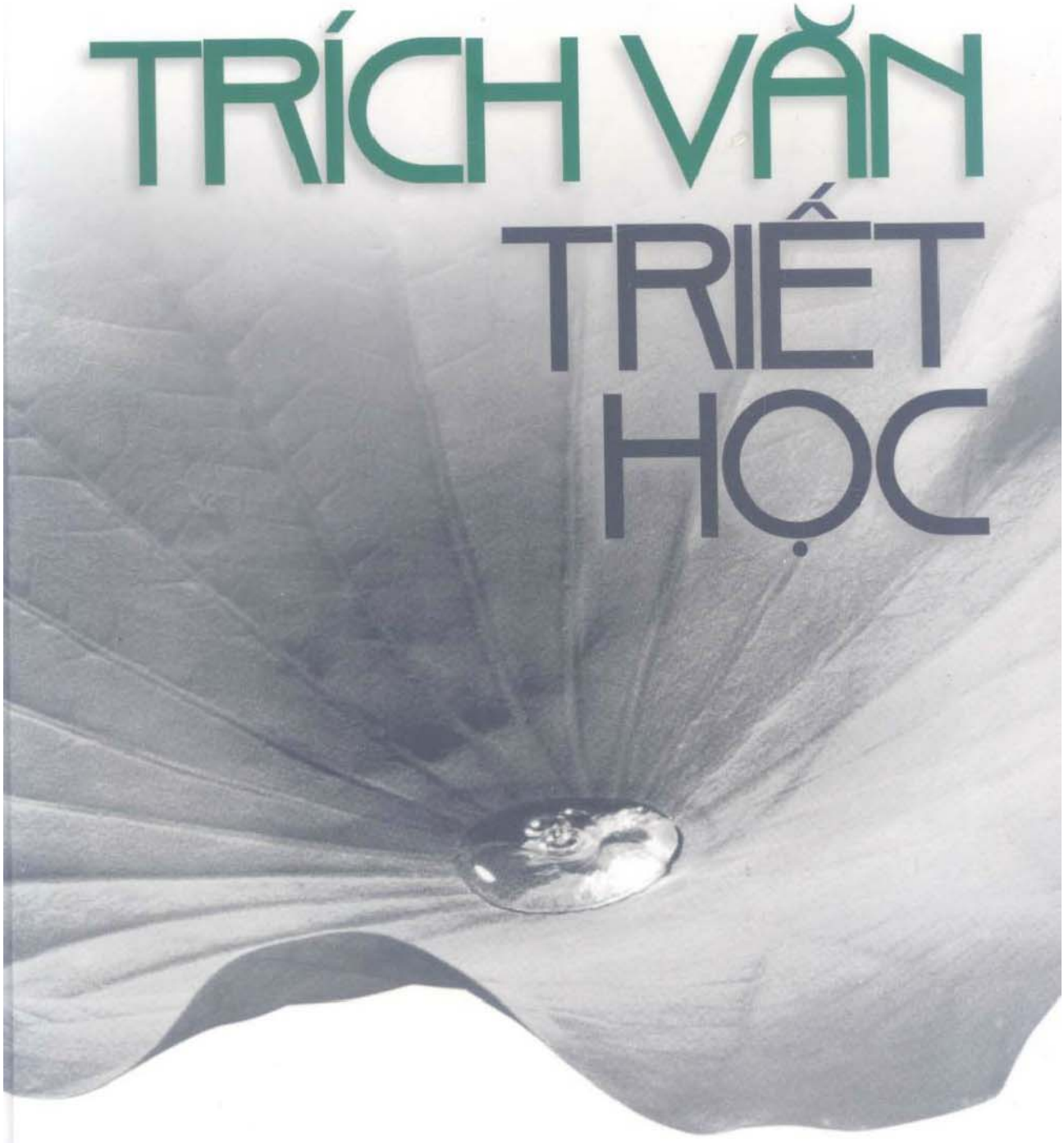

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

JOHN HERMAN RANDALL, JR.
JUSTUS BUCHLER
EVELYN SHIRK

Trích văn triết học

Bản dịch tiếng Việt:
VÕ HƯNG THANH (Tiến sĩ Triết học)

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời nói đầu

Tập sách Bài đọc Trích văn Triết học này đặc biệt dành cho bất kỳ người nào chưa được chuẩn bị trước về mặt Triết học. Toàn bộ nội dung các bài được chọn trích ở đây có phần nào bổ ích cho bất cứ ai muốn đi sâu vào chuyên ngành Triết học.

Sự chọn lựa nội dung các bài đọc được dựa trên tiêu chuẩn vừa là giá trị của từng bài đọc cụ thể, vừa nằm trong ý nghĩa của các bài nói chung trong toàn bộ tuyển tập. Về mặt yêu cầu tuyển chọn từng bài đọc đơn lẻ, chúng tôi luôn nhắm đến các khía cạnh: liệu nó có đáp ứng cho sự thích thú và cho yêu cầu tìm hiểu của người không chuyên hay không? Nếu được như vậy, sau khi đã đọc và vượt qua được các trở lực do việc không chuyên, người đọc có thể tiếp thu nó được một cách hoàn hảo không? Và nếu được như thế rồi, nó có kích thích gì thêm đối với các vấn đề nào khác nữa hay không về mặt tư duy triết học đối với chính người đọc? Riêng về mặt tuyển tập nói chung, thì liệu có bao quát đầy đủ cho cả phạm vi vấn đề rộng lớn hay không? Liệu nó có bao quát đủ tính đa dạng về mặt lịch sử, cũng như tầm quan trọng của quan điểm về cái nhìn nào đó không? Liệu nó có đại diện cho hầu hết các chuyên ngành chính yếu nhất trong công việc nghiên cứu Triết học hay không?

Điều cần nhấn mạnh trước hết là tuyển tập này nhằm đáp ứng yêu cầu về nội dung tuyển chọn hơn là cho yêu cầu về các tác giả; nhằm hướng đến lợi ích của sinh viên hơn là nhằm vào các trường phái tư tưởng; nhằm vào những gợi ý triết học hơn là nhằm vào sự tuyên dương chính bản thân của các cá nhân hay tuổi tác của họ. Tuy vậy, cũng cần nên lưu ý là mặc dầu tuyển tập đã đưa ra những mục tiêu rộng rãi như trên, nhưng không có nghĩa nó chắc chắn sẽ đáp ứng lại được đầy đủ tất cả mọi định hướng như đã gợi ý.

Mặt khác, trong tính chất chỉ cốt yếu nhằm nhấn mạnh về mặt nội dung, cũng như dành cho nó một không gian để được thể hiện tối đa, chúng tôi cũng đã lược bớt tất cả các lời giới thiệu hay các ghi chú về mặt dịch thuật, để có thể làm cho việc sử dụng các nội dung ở đây không hề bị ràng buộc một cách không cần thiết, mang lại cách hiểu độc lập cho từng đối tượng, dù là người giảng dạy chuyên ngành hay những người đang tìm hiểu, là những người sử dụng cho mục đích đặc biệt, hay đơn thuần chỉ để biết qua,...

Các bạn đọc nào muốn tháo luận, một cách có hệ thống và đầy đủ hơn về các vấn đề có liên quan, cũng như về những quan điểm triết học khác nhau, có thể tìm đọc tập sách Philosophy: An Introduction (Triết học: Giới thiệu tổng quát), để có thể có được sự sử dụng thuận lợi và tốt nhất đối với các mục đích như nêu trên.

NXB

Vài nét về các tác giả có các bài trích được tuyển chọn trong nội dung tập sách

JOHN HERMAN RANDALL, JR. là Giáo sư Triết Đại học Columbia. Trong các tác phẩm của ông có: "The Making of the Modern Mind" (Sự hình thành của Tinh thần hiện đại), "Nature and Historical Experience" (Thiên nhiên và kinh nghiệm lịch sử), "Aristotle", "The Career of Philosophy" (Con đường chuyên sâu của Triết học).

JUSTUS BUCHLER, nguyên Giáo sư Triết Đại học Columbia, và hiện nay ông là Giáo sư Triết học nổi tiếng tại Đại học New York. Trong số các tác phẩm của ông, có "Toward a General Theory of Human Judgment" (Hướng tới một lý thuyết tổng quát về năng lực Phán đoán của con người), "Nature and Judgment" (Thiên nhiên và Phán đoán), "The Concept of Method, and Metaphysics of Natural Complexes" (Quan niệm về Phương pháp, và Siêu hình học về tính đa dạng phức tạp của tự nhiên).

EVELYN SHIRK là giáo sư Triết Đại học Hofstra. Bà là tác giả của các tập sách "The Ethical Dimension" (Chiều kích của Đạo đức học), "Adventurous Idealism: The Philosophy of Alfred Lloyd" (Chủ nghĩa duy tâm dấn thân: Triết học của Alfred Lloyd), và (viết cùng với E. Kronovet) "In Pursuit of Awareness" (Đi tìm sự Thức tỉnh).

Ý ngỏ cùng bạn đọc

Phương pháp tốt nhất để khám phá và lĩnh hội triết học là tiếp cận trực tiếp và sống động với chính nó. Mỗi một bài được tuyển chọn sau đây đề cập một vấn đề có tính chất cốt lõi và nền tảng nhất về mặt triết học. Hay có thể nói một cách chính xác hơn, sự tháo luận cái vấn đề chính yếu trong nội dung của mỗi bài đã được lựa chọn lại làm nảy sinh thêm nhiều vấn đề khác, nhờ đó mà một người đọc đã phát triển được thói quen về tư duy triết học, dần dần đi tới chỗ phân biệt được chúng. Thông thường, cùng một vấn đề sẽ làm bận tâm nhiều tác giả cũng như sẽ dẫn tới một quan điểm giống nhau, hay là tương phản nhau.

Độc giả tất nhiên sẽ muốn biết về một điều gì đó mà mình vốn ***chẳng hề*** *trông đợi ở một cuốn sách như thế này. Đầu tiên, họ sẽ không nghĩ rằng là họ sẽ khám phá được mọi vấn đề triết học có thể có, mọi cách giải quyết có thể được đối với một vấn đề nào đó, hay mọi trường phái tư tưởng có thể có. Có lẽ hầu hết những vấn đề nào mà họ gặp hoặc là đã có thể được tiếp cận từ một quan điểm triết học khác. Sự tìm tòi là tính chất luôn đòi hỏi phải có của triết học, và khiến cho điều này nhất thiết phải là tất yếu. Trong một cuốn sách thuộc về loại này, chắc chắn là sẽ rất hữu ích nếu nhận thức ra được các học thuyết, những phân tích và cách thức trình bày triết học khác nhau như thế nào hơn là tìm thấy sự giống nhau cơ bản của chúng. Hơn nữa, không nên cho bất kỳ một bài đã được lựa chọn nào cũng là chìa khóa hay là sự đúc kết đối với toàn bộ nội dung tư tưởng của chính tác giả của nó. Điều này có thể có, cũng có thể không; nhưng chính bài được lựa chọn thì tốt nhất là đọc theo nội dung hay những hàm ý của nó.*

Thật sự thì người đọc lại có thể cho rằng mình đang đứng trước một bát quái trận đồ chứa đầy những danh từ chưa làm rõ được trong lịch sử triết học; rằng những vấn đề trong đó đang mở ra cho chính kinh nghiệm bản thân của mình trong tính cách như một điển hình, với tính chất thật đa dạng phong phú của nó; và việc đọc những bài tuyển chọn này vẫn không đòi hỏi cần phải có một sự trang bị về mặt kỹ thuật triết học trước nào cả. Độc giả có thể thắc mắc tại sao những bài được tuyển chọn lại không được sắp xếp theo một danh sách có thứ tự theo kiểu biên niên về thời gian. Câu trả lời chính là vì cuốn sách này không chỉ đơn giản cốt trình bày về lịch sử triết học, vì nếu làm như thế sẽ không thích hợp, thậm chí có khi có thể gây ra hiểu lầm. Thời điểm sự hình thành của mỗi bài đọc được tuyển chọn ở đây đều được nêu rõ. Mọi sản phẩm của lịch sử đều phản ánh về thời điểm và hoàn cảnh thực tế cụ thể của nó; và một tác phẩm triết học vẫn luôn lý giải và phân tích về thời đại mà nó biết. Nhưng nó cũng có thể vượt lên trên mọi thời điểm cũng như các hoàn cảnh đặc thù; và trong sự nhận thức về chân lý như thế, thì một sự sắp xếp theo biên niên có vẻ như không còn cần thiết nữa.

Nếu người đọc vẫn còn thắc mắc lý do tại sao những bài tuyển chọn này chỉ được xếp đặt trong một trật tự; câu trả lời là chính trật tự này vừa có triển vọng về sự thu hút, cũng như ít có tính rủi ro hơn cho sự vận dụng, hay cũng có thể là hữu ích hơn. Một quan điểm thoải mái như thế đã được lựa chọn, nhằm tránh một kiểu thức cứng nhắc và cố định. Như vậy, có nghĩa là sẽ phải chọn lựa làm sao, khi mà có nhiều kiểu mẫu có thể có và có thể xuất hiện. Thế nhưng, những vấn đề triết học, dù có vẻ khác biệt và không có liên hệ gì nhau, lại vẫn ảnh hưởng lẫn nhau đến một mức độ nào đó. Sự tách biệt rạch ròi giữa các ý tưởng, hay giữa các chủ đề, có thể có nguy cơ làm khuất lấp mối tương quan tiềm ẩn này, mối tương quan mà một khi nhận thức được sẽ là một cách tư duy triết học đáng khích lệ.

Người thành công trong việc hiểu được tư tưởng của người khác sẽ không bằng lòng với cách nuốt chửng tư tưởng đó. Người đọc triết học vẫn muốn mình cũng giống như nhà triết học, và như thế, cũng có nghĩa là phải có đầu óc phê phán. Điểm mạnh nhất của các nhà tư tưởng là không hề lo sợ bất cứ sự phê phán nào, dù thuộc loại này hay loại khác; và đồng thời bất cứ một nhà tư tưởng sáng giá nào, một khi đã khẳng định được về một điều gì đó, thì đều có thể mang lại được một giá trị nhất định. Càng được phê phán tích cực hơn, thì trí tưởng tượng của anh ta lại càng được kích thích nhiều hơn. Nên điều khó khăn hơn chính là sự cân nhắc và thông hiểu chứ không phải là sự trách cứ.

Không có con đường vương giả nào cho những lãnh vực hoạt động tinh thần; và chắc chắn càng không thể có đối với lĩnh vực triết học. Sự liều lĩnh trong việc tự do lạm dụng các yếu tố kỹ thuật dù chỉ với một màng tư tưởng triết học cũng chỉ làm cho việc đọc nó thêm khó khăn mà thôi. Những bài được tuyển chọn trong tập sách này khác nhau về mức độ khó hiểu nhưng tất cả chúng đều đòi hỏi người đọc phải có một sự chú tâm cần thiết nhất. Mặt khác, điều tốt nhất vẫn là không nên thất vọng, khi gặp những đoạn văn, hay ý tưởng có vẻ khó chấp nhận. Sự suy nghĩ vẫn luôn luôn là con đường rèn luyện tốt nhất đối với chính mình, và để khám phá được ý nghĩa của chính mục tiêu nhắm đến. Có nghĩa là người sinh viên không thể chỉ bằng lòng theo cách đọc suông đối với các bài đã được tuyển chọn.

Một khi họ đã chấp nhận việc cần đối thoại cùng với chính chủ đề triết học, thì yêu cầu đòi hỏi là người sinh viên đó cần phải sắp xếp chính các kỹ năng trí tuệ của mình vào trong một trật tự tốt nhất. Đối mặt trước những yêu cầu khó khăn trong tư duy triết học, hay những cách trả lời khác nhau cho các vấn đề, hoặc những cách nhìn khác nhau về vũ trụ, có thể khiến cho anh ta phàn nàn, như thể anh ta đang bị "bối rối" ở trong chính một trường hợp nào đó. Có lẽ có phần nào thuận lợi để anh ta hiểu được rằng đây cũng chính là một dấu hiệu của sự tiến bộ; và những sự không chắc đang có vẫn chỉ là do một số ý tưởng của anh ta trước đây còn chưa được củng cố. Những tác giả cổ xưa vẫn thường bảo rằng triết học bắt đầu bằng sự ngạc nhiên. Khi có nhiều ý kiến và có sự quan tâm tới những điều chân xác, thì khi đó đòi hỏi phải có tinh thần minh triết. Nhưng có những bẫy rập có thể đe dọa thái độ triết học: đó là sự tìm kiếm ngay ra những câu trả lời, núp tránh vào những giáo điều dễ dãi, tôn thờ cứu cánh vì lợi ích của chính bản thân nó. Chỉ người đọc nào không sợ các ý tưởng hay các điều nghi ngờ mà chúng có thể tạo ra, mới quan tâm lời khuyên của nhà hiền triết Plato mà đi tới bất cứ nơi nào lý lẽ có thể dẫn đến.

PHẦN MỘT

Sự nhấn mạnh vào

TINH THẦN PHÊ PHÁN, ĐỊNH NGHĨA và PHÂN TÍCH TRIẾT HỌC

1

Euthyphro ⌖

PLATO

(427 – 347 trước CN)

Euthyphro. Tại sao ngài bỏ Lyceum, ngài Socrates? Và ngài đang làm gì ở cánh cổng của vua Archon? Chắc hẳn ngài không thể bị buộc phải hành động trước khi nhà vua ra tay, cũng giống như tôi chứ.

Socrates. Không phải là hành động đâu, Euthyphro à; nói theo người A-ten, thì đó chỉ là sự nghi ngờ thôi.

Euth. Cái gì nào! Tôi vẫn nghĩ rằng hẳn đã có ai đó tố cáo ngài, bởi vì tôi không thể tin rằng ngài lại có thể đi tố cáo người khác.

Soc. Hẳn nhiên là không rồi.

Euth. Vậy thì có một ai đó đã tố cáo ngài ư?

Soc. Đúng là thế đấy.

Euth. Thế thì ai tố cáo ngài nào?

Soc. Một chàng thanh niên mà ít người biết tiếng, Euthyphro à; và tôi cũng chỉ mới được biết anh ta thôi: anh ta có tên là Meletus, và anh ta chính là con cháu của Pitthis. Có lẽ ngài còn có thể nhớ ra được hình dáng của anh ta; anh ta có mái tóc thẳng, dài, thô ráp, và một hàm râu chỉ mọc lưa thưa.

Euth. Không, tôi không nhớ ra anh ta đâu, Socrates. Vậy anh ta đã tố cáo ngài về tội gì?

Soc. Về tội gì à? Ôi, một tội rất nghiêm trọng đấy, mà chính nó có thừa nơi chàng thanh niên đó, và đối với nó, anh ta chắc chắn cũng không thể bị xem thường được. Anh ta bảo rằng anh ta vốn biết rõ các bọn thanh niên hiện nay đang bị suy thoái như thế nào, và biết những người nào đã làm cho họ thành ra hư hỏng. Tôi cho anh ta hẳn là một con người khôn ngoan, và khi nhận ra tôi cũng là một người khôn ngoan, thì chính anh ta đã khám phá ra được tôi, và đi tố cáo rằng tôi đang làm hủy hoại các bạn bè của anh ta. Và do thế mà Nhà nước này cũng như là người mẹ của chúng ta, lại phải đứng ra để làm quan tòa. Trong số tất cả các chính trị gia của chúng ta, thì anh ta là người duy nhất mà tôi cho là đã bắt đầu đi vào con đường đúng đắn, với sự bồi dưỡng về đức hạnh ở trong lớp trẻ; anh ta là một con người đàn ông tốt, biết lo toan cho các chồi non của đất nước trước nhất, và nhằm loại trừ chúng ta như những con người đang hủy diệt bọn

⌖ Toàn bộ đoạn đối thoại do Benjamin Jowet (1871) dịch từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Anh

họ. Đó chính là bước thứ nhất; rồi anh ta sau đó cũng sẽ tiến tới những cành nhánh già hơn; và nếu anh ta cứ tiếp tục cũng giống như bước khởi đầu của mình, thì anh ta chắc chắn cũng sẽ là một ân nhân của toàn bộ cộng đồng.

Euth. Tôi hy vọng anh ta là như thế; nhưng thưa ngài Socrates, tôi chỉ lo rằng cũng sẽ có một chuyện lộng giả thành chân ở đây thôi. Tôi nghĩ khi đang cố tấn công ngài, anh ta chỉ đơn giản nhằm đánh vào Nhà nước ở tại một chỗ thiêng liêng. Nhưng bằng cách nào mà anh ta lại bảo được rằng ngài đang làm hư hỏng lớp trẻ?

Soc. Điều anh ta cáo giác tôi thật là kỳ lạ, chỉ cần mới nghe qua thôi cũng đã phải hết sức ngạc nhiên rồi: anh ta bảo tôi là một nhà thơ, hay là một kẻ tạo ra thần thánh, và rằng tôi tạo ra các thần thánh mới cũng tức là chối bỏ hết thảy những thần thánh cũ; điều này là cơ sở cho sự khiếu nại của anh ta.

Euth. Tôi hiểu, thưa ngài Socrates; anh ta chỉ nhằm tấn công ngài về cái biểu hiện vẫn thường có, giống như ngài vẫn hay nói, là nó vẫn thường đến với ngài. Anh ta nghĩ ngài là người đã khởi xướng ra cái mới, và anh ta sẽ phải đưa ngài ra tòa chỉ vì điều đó. Anh ta biết một sự cáo giác như thế hẳn sẽ dễ dàng được chấp nhận, vì người dời vẫn hay tức tối với những điều gì mới mẻ mà lại xảy ra trong tôn giáo. Và tôi biết rằng khi chính tôi phát biểu trong hội nghị về những vấn đề thiêng liêng, cùng tiên liệu về những triển vọng trong tương lai đối với chúng, thì họ cứ cười nhạo tôi là một thằng điên; và mặc dầu vậy, mỗi lời tôi nói đều là sự thật. Nhưng họ vẫn luôn luôn tức tối với tất cả chúng ta. Tôi thì nghĩ rằng nếu thế, chúng ta cần phải can đảm và chẳng thèm để ý gì tới họ cả.

Soc. Điều mà họ chế cười, ngài Euthyphro à, cũng chẳng phải là một vấn đề quan trọng gì. Vì một người như thế vẫn có thể được cho là khôn ngoan; nhưng tôi thì nghi ngờ những người A-ten lại chẳng mấy quan tâm gì cả về điều này, cho tới khi anh ta đã bắt đầu tạo ra được những con người khôn ngoan khác; và thế là lại có thể vì một số các lý lẽ nào đó, cũng giống như bạn nói, bởi vì chỉ do ghen ghét mà họ đã trở thành tức giận.

Euth. Tôi không muốn nhằm tới những kết luận về điều này đối với bọn họ.

Soc. Tôi dám nói rằng bạn cũng chẳng thể nào làm được như mọi người, và cũng không có khả năng phổ biến nổi sự khôn ngoan của bạn ra đâu. Nhưng tôi vẫn có thói quen tốt là mở lòng mình ra với tất cả mọi người, và ngay cả việc lắng nghe người khác, tôi e rằng những người A-ten có lẽ cũng biết rõ điều này; vì vậy, như tôi đã nói, nếu những người A-ten muốn cười nhạo tôi, cũng giống như ngài bảo họ đã cười nhạo ngài, thì sự việc đó cũng sẽ chẳng có điều gì quan trọng ngay tại toà án cả; nhưng có lẽ họ cũng đoán trước ra được, và rồi kết cuộc là gì thì chính những người có khả năng tiên đoán như ngài đều có thể dư liệu được.

Euth. Tôi dám nói sự việc rồi cũng chẳng đi tới đâu cả, ngài Socrates à, và rồi ngài cũng sẽ được thắng kiện thôi; và tôi nghĩ cả tôi cũng sẽ được thắng kiện như thế.

Soc. Còn về vụ việc của chính ngài thì như thế nào? Ngài là người đi tố giác hay người bị tố giác, Euthyphro?

Euth. Tôi chính là người đã khởi kiện.

Soc. Kiện ai thế?

Euth. Ngài có thể cho là tôi điên, một khi khi tôi nói rõ cho ngài biết là tôi đi kiện ai.

Soc. Tại sao ngài lại phải che giấu điều đó?

Euth. Vì ông ta chẳng mấy khi thay đổi trong suốt cuộc đời của mình.

Soc. Ông ấy là ai thế?

Euth. Là cha của tôi đấy.

Soc. Cha của ngài! Ôi trời ơi, ngài có điên không đấy?

Euth. Đúng là như thế mà.

Soc. Song ông ta bị cáo buộc về điều gì chứ?

Euth. Về tội sát nhân, Socrates à.

Soc. Thật thế ư, Euthyphro! Ai lại có thể tin được điều ấy cơ chứ. Một con người hẳn phải ghê gớm lắm, và đã phải vật lộn với chính sự khôn ngoan nhiều lắm, mới có thể hành động theo cách đó được.

Euth. Đúng thế, thưa ngài Socrates, ông ta đã phải đấu tranh dữ lắm đấy.

Soc. Tôi chắc chắn rằng người đã bị cha của ngài giết đó hẳn phải là một người thân thuộc của ngài; vì nếu hắn ta chỉ là một người xa lạ, thì hẳn ngài sẽ chẳng bao giờ nghĩ là nên cáo giác cha mình.

Euth. Tôi thì không quan tâm điều đó lắm, ngài Socrates à, về việc ngài phân biệt giữa người thân hay là người không thân; bởi vì dù sao, thì chắc chắn đó cũng chỉ là một việc làm không tốt mà, và khi đã biết rõ điều đó và đi cáo giác ông ta, thì có nghĩa cũng đã phải đành đoạn luôn rồi. Nên vấn đề thật sự chỉ là người bị giết chết đó có xứng đáng để bị giết chết hay không thôi. Và nếu điều đó là hoàn toàn hợp lý, cũng chẳng còn có vấn đề gì đáng nói nữa cả; nhưng nếu vấn đề là không hợp lý, thì nếu kẻ giết người lại cùng sống dưới một mái nhà với mình, và cùng ăn cơm một bàn với mình, thì liệu ngài nên cư xử đối với người đó như thế nào đây. Vậy mà người bị giết kia lại là một người làm thuê nghèo của tôi, và anh ta vẫn cùng ra đồng làm việc với chúng tôi ở Naxos, rồi vào một ngày nọ say sưa bí tỉ, anh ta đã đi đến cãi cọ cùng với một trong những người đầy tớ của chúng tôi, và đã giết chết hắn đi. Cha tôi đã cột tay chân anh ta lại, và ném anh ta vào một cái mương, xong rồi cho người đi tới thành phố A-ten để hỏi thăm một người xem quẻ là cần cư xử đối với anh ta như thế nào. Trong khi đó, ông ta lại chẳng chịu quan tâm, hay chẳng chịu nhớ gì tới anh ta nữa cả, chỉ bởi vì ông vẫn cứ đinh ninh anh ta là một kẻ sát nhân; và ngay cả nếu anh ta có chết đi ở đó, thì cũng chẳng có vấn đề gì lớn cả. Ấy vậy mà điều này lại đã xảy ra như thế đó. Do bởi bị lạnh và đói, cùng bị dây xích trói chặt tay chân như vậy, cho nên trước khi người được gửi đi xem bói quay về, thì anh ta đã chết rồi. Cha tôi cùng gia đình tôi đều tức giận vì tôi đã đứng về phía kẻ sát nhân để cáo buộc cha mình. Họ bảo rằng ông ta đã không giết người ấy, và nếu ông ta có làm như thế chăng nữa, thì người bị chết đó cũng đã là một kẻ sát nhân, và tôi cũng chẳng nên quan tâm đến điều đó làm gì, bởi vì việc đi cáo giác cha mình là bất hiếu vô đạo. Nhưng điều này, ngài Socrates ơi, đã cho thấy là họ hiểu biết rất ít về các quan điểm của những thần thánh đối với việc thế nào là hữu đạo hay là vô đạo.

Soc. Trời ơi, Euthyphro! Nếu thật sự ngài đã biết rõ thế nào là hữu đạo hay vô đạo, cũng như về các giá trị thần thánh nói chung, và ngài cũng đã hiểu hết các tình huống xảy ra như ngài xác nhận, thì ngài lại chẳng sợ ngài cũng phạm tội vô đạo khi đi cáo giác chính cha ruột của mình sao?

Euth. Điều tốt nhất đối với Euthyphro, và cũng là điều làm phân biệt được anh ta với mọi người khác, ngài Socrates ơi, chính là việc anh ta hiểu biết rất chính xác về tất cả mọi điều này. Làm thế nào mà tôi có thể là người tốt được nếu đã không hành động như thế chứ?

Soc. Này ông bạn quý hóa! Tôi nghĩ rằng tôi không thể làm được điều chi tốt hơn là làm môn đồ của ngài, trước khi phiên tòa với Meletus tiếp tục. Kế đó, tôi sẽ thử thách anh ta, và nói rằng tôi đã luôn luôn rất thích các câu hỏi về vấn đề tôn giáo, và giờ đây, theo như những gì anh ta đã kiện tôi về những tưởng tượng và cách tân hấp tấp trong tôn giáo, thì tôi đã trở thành môn đồ của anh ta. Vậy

thì Meletus, như những gì tôi đã nói với anh ta, anh hãy công nhận Euthyphro là một nhà thần học vĩ đại, và hãy lắng nghe ý kiến của ông ấy; nếu như anh nghĩ về điều đó, thì hẳn anh cũng nghĩ về tôi như thế, và sẽ không còn muốn đẩy tôi tới tòa án nữa; anh hãy nên bắt đầu bằng việc truy tố thầy của tôi, người thực sự đã tạo nên sự hư hỏng, không phải đối với giới trẻ, mà đối với những người lớn tuổi; ý nghĩa là chính tôi, người đã được ông ta dạy dỗ, và cha của ông ta, người ông ta nhắc nhở và khiển trách. Nếu Meletus từ chối nghe tôi mà vẫn sẽ tiếp tục, và sẽ không chuyển việc khởi tố tôi sang cho ngài, tôi không thể làm gì khác hơn là nói trong phiên tòa rằng tôi đã thử thách anh ta bằng cách này.

Euth. Đúng đấy, thưa ngài Socrates; và nếu anh ta vẫn cố kết tội tôi, thì thật sai lầm nếu tôi không tìm ra được một nhược điểm ở nơi anh ta; tòa án khi đó sẽ có cách giải quyết tốt để mà nói với anh ta hơn là nói với tôi.

Soc. Tôi biết thế, ông bạn thân à; và đó chính là lý do tại sao tôi rất muốn làm đệ tử của ngài. Bởi vì tôi nhận thấy rõ rằng không có lấy một người nào, kể cả Metetus, lại có vẻ muốn chú ý tới ngài; nhưng đôi mắt tinh tường của anh ta thì đã phát hiện ra tôi ngay, và anh ta cũng liền kết tội tôi là vô đạo. Do thế, mà tôi khẩn nài ngài hãy nói cho tôi nghe về bản chất của cái gì là hữu đạo và vô đạo, là điều mà bảo rằng ngài biết rất rõ, kể cả đối với kẻ sát nhân và đối với mọi cái khác có liên quan. Chúng là những gì nào? Có phải những gì là hữu đạo trong mọi hành vi thì luôn luôn giống nhau? Và điều gì vô đạo thì không phải lúc nào cũng trái ngược lại với điều hữu đạo, và cũng như chính bản thân nó, với tư cách là cái vô đạo, có một khái niệm bao quát cho tất cả mọi điều gì vô đạo?

Euth. Hẳn đúng là như thế, ngài Socrates à.

Soc. Thế thì điều gì là hữu đạo, và điều gì là vô đạo?

Euth. Điều hữu đạo là điều giống như tôi đang làm; có nghĩa tố cáo bất cứ ai phạm tội sát nhân, phạm tội xúc phạm thánh thần, hay bất cứ tội phạm gì tương tự khác - cho dù đó là cha của ngài hay mẹ của ngài, hay bất kể là một người nào đó khác, cũng đều không được phân biệt gì hết - và việc không đi tố cáo họ chính là vô đạo. Và nào, ta hãy xem thử nhé, thưa ngài Socrates, quả thật là một chứng cứ rất hay mà tôi sẽ mang lại cho ngài về chính sự thật mà tôi sắp nói ra đây, và tôi cũng đã sẵn sàng để cống hiến cho tất cả mọi người khác: - ý tôi muốn nói đó là sự thật về nguyên tắc mà bất cứ ai vô đạo thì không thể không bị trừng phạt. Bởi vì có bao giờ người ta không coi thần Dớt là hoàn hảo nhất và đúng đắn nhất trong các vị thần đâu? - và thậm chí họ thừa nhận rằng ông ta đã trói cha mình (Cronos) bởi vì người cha đã ăn tươi nuốt sống các đứa con trai của ông ta, và người cha cũng đã trừng phạt chính cha ruột của ông ấy (tức Uranus) vì cùng một lý do tương tự, trong một cách thức không thể nào diễn đạt được. Vậy mà khi tôi chống lại cha tôi, thì họ lại đã tức giận tôi. Đây quả là cách nói có hơi khác thường của họ, khi họ đề cập tới các thần thánh, và đến việc có liên quan tới tôi.

Soc. Đây có phải chính là lý do tại sao tôi lại bị cáo buộc là vô đạo - tức là tôi cũng không thể thoát ra khỏi được các câu chuyện về thánh thần này phải không Euthyphro? Và do vậy, tôi cho rằng người ta sẽ nghĩ là tôi sai lầm. Nhưng bởi vì ngài là người đã được biết rõ về họ mà lại ủng hộ họ, nên tôi không thể làm gì tốt hơn là cùng đồng ý với sự khôn ngoan đáng khen của ngài. Bởi vì điều gì khác mà tôi có thể nói là thừa nhận như tôi đang làm, tức bảo rằng tôi chẳng biết một điều gì về họ cả. Tôi chỉ mong ngài báo cho tôi biết, là ngài có thật sự tin chắc chắn là họ đúng không?

Euth. Đúng thế, thưa ngài Socrates; và sự việc lại còn lạ lùng hơn nữa, vì chẳng có một ai đã biết như thế cả.

Soc. Và ngài có thật sự tin rằng các thần thánh thường có đánh nhau, cãi nhau kịch liệt, ấu đả nhau, và đại loại như thế, giống như các nhà thơ đã có nói, và cũng như ngài có thể thấy được sự thể hiện trong các tác phẩm của những nghệ sĩ lớn? Còn các đền đài cũng đều có đầy dẫy các hình ảnh như thế; và nhất là cái áo choàng của thành phố A-ten vốn đã được mang về từ tận Acropolis, ở tại đền Panathenaea vĩ đại, cũng đã được thêu thùa. Vậy phải chăng mọi câu chuyện về các thần thánh đều là thật cả, phải không Euthyphro?

Euth. Đúng đấy, thưa ngài Socrates; như tôi đã có nói, tôi đã bảo với ngài, là nếu như ngài muốn nghe họ, thì cũng có nhiều điều khác về các thần thánh sẽ làm cho ngài thật sự phải sửng sốt.

Soc. Tôi chắc chắn là như thế rồi; và ngài sẽ nói cho tôi biết về các điều đó vào một lần khác khi nào tôi muốn nghe. Nhưng ngay vào lúc này đây, tôi chỉ muốn được nghe về câu trả lời chính xác hơn của ngài đối với câu hỏi của tôi mà ngài vẫn chưa trả lời rõ, ông bạn ạ, tức điều gì là "hữu đạo". Để đáp lại, ngài chỉ bảo rằng hữu đạo là làm giống như ngài đang làm, tức là tố giác cha của ngài về tội giết người, có phải thế không nào?

Euth. Đúng như thế đấy, ngài Socrates ạ.

Soc. Tôi cứ cho là như thế đi, Euthyphro à, nhưng vẫn còn có nhiều hành vi hữu đạo khác nữa mà.

Euth. Có chứ.

Soc. Nhưng nên nhớ là tôi không yêu cầu ngài cho tôi biết hai, hoặc ba ví dụ về sự hữu đạo, mà phải cần giải thích về ý tưởng chung, là điều gì làm cho tất cả những điều hữu đạo là hữu đạo. Thế ngài không nhớ ra rằng có một ý nghĩa làm cho điều vô đạo là vô đạo, và điều hữu đạo là hữu đạo chứ?

Euth. Tôi có nhớ.

Soc. Hãy nói cho tôi biết điều đó là điều gì đi, và tôi cũng sẽ có được một chuẩn mực để tôi căn cứ vao đó, để tôi có thể đo lường được bản chất của các hành động, cho dù đó là của ngài hay của bất cứ ai, để có thể nói được rằng hành động này là hữu đạo, còn hành động kia là vô đạo.

Euth. Tôi sẽ nói với ngài, nếu ngài muốn.

Soc. Tôi thật muốn lắm chứ.

Euth. Vậy thì hữu đạo là điều gì đó đáng quý đối với các thần thánh, và vô đạo là điều gì đó không đáng quý với họ.

Soc. Tốt lắm, Euthyphro; giờ thì ngài đã cho tôi chính xác loại câu trả lời mà tôi hằng mong muốn. Nhưng dù nó có đúng hay không đúng, cho đến giờ này tôi vẫn không thể nói được, dù tôi không hề nghi ngờ việc ngài sẽ chứng minh được sự thật về các lời nói đó của ngài.

Euth. Dĩ nhiên mà.

Soc. Vậy thì chúng ta hãy xem xét về điều mà chúng ta đang bàn ở đây. Tức việc gì, hay người nào là đáng quý với các thánh thần thì hữu đạo, còn việc gì, hay người nào mà các thần thánh không ưa, tức là vô đạo. Có phải chúng ta đã nói thế không nhỉ?

Euth. Đúng, chúng ta đã có nói như thế đó.

Soc. Và điều đó dường như cũng đã được khẳng định chắc chắn như thế chứ?

Euth. Vâng, đã được bảo như vậy mà.

Soc. Và hơn nữa, Euthyphro, người ta đã thừa nhận là các thần thánh cũng có sự tức giận, thù ghét và sự khác nhau - người ta cũng có nói điều đó chứ?

Euth. Vâng, có nói.

Soc. Và loại dị biệt nào tạo ra sự thù hận và sự tức giận? Chẳng hạn, ông bạn thân mến ạ, như giữa ngài và tôi vẫn có thể khác nhau như thế nào đó; nhưng những sự khác nhau kiểu như vậy, có thể làm cho chúng ta thành thù địch nhau,

và khiến chúng ta không ưa nhau chăng? Chúng ta có thể chỉ rõ về chúng ngay ra được không, và đếm thử là chúng được bao nhiêu được chứ?

Euth. Hẳn là thế chứ lại.

Soc. Hay cứ giả thử là chúng ta khác hẳn nhau về vóc dáng, và chúng ta cũng không thể nhanh chóng chấm dứt điều đó được ngay chỉ bằng có cách đo đạc, phải không?

Euth. Quả đúng như vậy.

Soc. Và chúng ta liệu có thể chấm dứt được sự tranh cãi nhau về trọng lượng nặng hay nhẹ, bằng cách sử dụng đến một cái cân máy được không?

Euth. Chắc chắn là được.

Soc. Nhưng những sự khác nhau nào lại làm cho chúng ta tức tối và thù ghét nhau, bởi vì không thể nào đi đến kết luận chung được? Tôi dám nói rằng câu trả lời là không thể có được với ngài ngay, và do vậy mà tôi muốn gợi ý rằng chỉ có thể giải quyết được khi nào các vấn đề dị biệt chỉ là đúng hay không đúng, tốt hay xấu, cao quí hay tầm thường. Và phải chăng những điều này lại chẳng phải là những điểm mà đối với chúng khi nào có khác nhau, thì cũng không thể đi tới những kết luận chung, thỏa đáng giữa chúng ta được, mà sẽ phải xảy ra sự cãi cọ, giống như ngài và tôi, cũng như mọi người đều đã trải nghiệm?

Euth. Vâng, thưa ngài Socrates, đó chính là bản chất của những sự khác biệt mà chúng ta vẫn thường tranh cãi nhau.

Soc. Và những cuộc tranh cãi giữa các thần thánh, Euthyphro đáng kính, một khi chúng xảy ra, thì cũng có cùng một bản chất chứ?

Euth. Chúng đều có cùng một bản chất.

Soc. Họ cũng có các ý kiến khác nhau, giống như ngài nói, về điều tốt và điều xấu, điều đúng và không đúng, điều cao quí và không cao quí: giả dụ không có những khác biệt ý kiến như thế nào, thì hẳn cũng sẽ không có những cuộc tranh cãi nào giữa họ - thế thì giờ đây chúng có hay không?

Euth. Ngài hoàn toàn có lý đấy.

Soc. Và phải chăng bất kỳ người nào cũng đều thích những gì mình cho là cao quí, đúng đắn, và tốt lành; cũng như chán ghét những điều ngược lại?

Euth. Rất đúng.

Soc. Nhưng rồi giống như ngài nói, khi người ta xem xét cùng những sự vật, thì cũng có một vài cái được coi như đúng, và một số cái khác bị cho là không đúng; rồi họ lại tranh luận về điều đó, và thế là có chiến tranh, và những cuộc đánh nhau giữa họ.

Euth. Vâng, đúng là như thế.

Soc. Vậy thì cùng những sự vật, mà hình như có cái thì được các thần thánh ưa thích, và có cái khác thì bị các thần thánh chê ghét, và có khi vừa được ưa thích mà cũng lại vừa bị chê ghét bởi họ?

Euth. Đúng thế đó.

Soc. Vậy thì theo quan điểm này, cùng những sự vật, Euthyphro à, mà sẽ vừa là hữu đạo vừa là vô đạo?

Euth. Tôi cho rằng điều đó đúng là như thế.

Soc. Vậy thì, anh bạn thân của tôi ơi, tôi rất ngạc nhiên khi thấy rằng ngài vẫn chưa trả lời được về điều mà tôi đã hỏi. Bởi vì tôi chắc chắn mình đã không hỏi về cái vừa là hữu đạo vừa là vô đạo: tức cái được các thần thánh yêu thích mà có vẻ cũng bị thần thánh chán ghét. Và vì thế mà, Euthyphro à, trong khi trừng phạt cha của ngài, như vậy ngài có vẻ như cũng đang làm điều gì đó để làm vừa lòng thần Zeus, nhưng lại cũng làm phật lòng đối với thần Cronos, hay thần Uranus; và cái gì được chấp nhận bởi thần Hephaestus, thì lại không được chấp nhận đối với thần Here; và vẫn còn nhiều thần thánh khác nữa cũng có nhiều các ý kiến khác nhau tương tự như vậy.

Euth. Nhưng tôi vẫn tin tưởng, thưa ngài Socrates, rằng tất cả các thần thánh đều vẫn phải đồng ý về tính chất cần phải có hình phạt đối với một kẻ sát nhân: và ở đây sẽ không có ý kiến khác nhau nào về điều đó cả.

Soc. Tốt lắm, nhưng hãy tự hỏi về con người, Euthyphro à, là ngài đã có bao giờ nghe ai đó nói một kẻ sát nhân hay một kẻ làm điều gì đó ác, hay đại loại như vậy, có thể được bỏ qua mà không phải bị trừng trị chăng?

Euth. Tôi có thể nói được rằng, họ vẫn thường luôn nói về điều này, nhất là ở trong các tòa án hình: họ đã phạm đủ mọi điều tội lỗi, và họ làm, hay nói về bất cứ điều gì để tránh bị trừng phạt.

Soc. Nhưng họ có bao giờ thừa nhận là họ đã phạm tội không, Euthyphro, và nếu như thế, mà họ vẫn nói rằng họ không đáng để phải bị trừng phạt sao?

Euth. Không, họ đã không làm như vậy.

Soc. Vậy tức là có điều gì đó mà họ không dám nói và dám làm: vì họ vẫn không dám cho rằng sự phạm tội sẽ không bị trừng phạt, nhưng họ chỉ biết có chối tội, có phải thế không?

Euth. Đúng thế.

Soc. Thế nên họ không chối bỏ rằng người làm điều xấu sẽ phải bị trừng trị, và họ chỉ dám nói về sự kiện có ai đó làm điều gì xấu, và làm ở đâu, và khi nào, chứ gì?

Euth. Hẳn là vậy.

Soc. Và các thần thánh cũng vẫn thuộc cùng một trường hợp như vậy, nếu ngài cho rằng họ có cãi nhau về điều gì đó là đúng hay là không, và có một vài trong số họ thì cho rằng chính họ cũng làm điều gì đó không tốt với nhau, còn những số khác thì vẫn cứ phủ nhận điều này. Vậy thì rõ ràng, là cả thần thánh lẫn con người, đều không bao giờ dám nói người nào đó làm điều ác mà lại không bị trừng phạt, có phải là ngài không có ý muốn nói với tôi về điều đó chứ?

Euth. Thì đại loại cũng như vậy, ngài Socrates ạ.

Soc. Nhưng họ cũng phải có chỗ khác biệt với nhau chứ; và chính điều này không chỉ những đúng với con người, mà lại còn đúng cả với những thần thánh nữa; nếu họ vẫn cần phải tranh cãi nhau, họ sẽ tranh cãi về một sự kiện nào đó cần phải được đưa ra tranh cãi, mà có số người thì cho rằng đúng, còn số khác thì cứ bảo rằng không. Có phải đúng thế không nào?

Euth. Hoàn toàn đúng vậy.

Soc. Hay lắm, à anh bạn thân Euthyphro của tôi ơi, để cho tôi được biết thêm và học thêm, thì chứng cứ mà ngài muốn nêu ra, chỉ là chiều theo ý kiến của các thần thánh, thế thì một người tôi tớ đã phạm tội giết người, và đã bị người chủ xiềng xích lại cho đến chết, ngay trước khi mà con người đã muốn sửa trị anh ta kia có thể biết được về lời khuyên từ những người xem quẻ, về việc anh ta sẽ phải làm gì với người đó, thì quả là người đó đã bị chết một cách bất công; và ngài cho rằng, với tư cách của người con trai của chính người đó, thì cần phải nên hành động chống lại cha mình, và đi tố cáo ông ta như là một kẻ sát nhân. Làm thế nào mà ngài có thể chứng tỏ được là tất cả mọi thần thánh sẽ đều hoàn toàn tán thành về một hành động như thế chứ? Nào, hãy chứng tỏ cho tôi thấy đi, và tôi sẽ phải tán thưởng sự khôn ngoan đó trong suốt cuộc đời của ngài đấy.

Euth. Chuyện này cũng chẳng phải dễ dàng gì đâu, mặc dù tôi vẫn có thể chứng minh rõ ràng được về điều ấy cho ngài mà.

Soc. Tôi hiểu; ngài muốn nói rằng tôi không thể hiểu nhanh chóng được vấn đề đó như những quan tòa; bởi vì đối với họ, ngài có thể chắc chắn chứng minh được hành động kia là sai trái và bị các thần thánh đều ghét bỏ.

Euth. Đúng là như thế đó, ngài Socrates à; và ít nhất nếu họ cũng biết lắng tai nghe tôi.

Soc. Nhưng họ chắc chắn sẽ phải lắng tai nghe ngài, nếu họ thấy ngài là một con người ăn nói hay ho. Đó chính là điều mà tôi chợt nghĩ ra trong khi đang nghe ngài nói; tôi tự nhủ: "Hay thật, rõ đã chẳng phải là Euthyphro đã chứng tỏ cho mình thấy là mọi thần thánh đều xem cái chết của một kẻ nông nổ là bất công, thì làm sao mà mình không biết thêm được một điều gì đó về bản chất của sự vô đạo và hữu đạo sao? Vì để bảo đảm là hành động này có thể bị các thần thánh ghét bỏ, thì cũng chẳng cần gì phải phân biệt rõ rệt về định nghĩa điều gì là hữu đạo và điều gì là vô đạo nữa chứ, bởi vì nội cái việc bị thần thánh ghét bỏ thôi, cũng đã chứng tỏ được đối với họ về những điều gì có thể làm cho họ ưa thích và vui lòng rồi". Và như vậy, Euthyphro à, tôi cũng sẽ không cần yêu cầu ngài phải chứng minh về điều này nữa; tôi chỉ cho rằng, hẳn đúng như ngài nghĩ, tất cả mọi thần thánh đều lên án và kinh tởm đối với một hành động như thế đó. Nhưng tôi sẽ sửa thêm về định nghĩa đó, là điều gì làm cho họ thích thì hữu đạo, hoặc là thánh thiện cả; còn điều gì mà một vài kẻ trong họ ưa thích, nhưng một số kẻ khác lại ghét, thì cũng đều lơ lửng, hay cũng chẳng có ý nghĩa gì hết. Có lẽ điều này hẳn sẽ là câu định nghĩa của chúng ta về sự hữu đạo và vô đạo chăng?

Euth. Tại sao lại không, ngài Socrates?

Soc. Tại sao lại không chứ! Đúng là như thế đó, và quả giống như điều gì tôi suy nghĩ, Euthyphro à. Nhưng có phải sự nhìn nhận này cũng sẽ có ích rất nhiều cho công việc của ngài, nhằm để chứng tỏ cho tôi theo như ngài đã hứa, là cũng chính vấn đề mà ngài đang xem xét chăng?

Euth. Vâng, tôi sẽ nói được rằng mọi điều mà các thần thánh ưa thích đều là hữu đạo và thánh thiện hết, còn điều gì ngược lại, tức mọi điều gì họ ghét, đều là vô đạo cả.

Soc. Có lẽ chúng ta phải cần tìm hiểu thêm về sự thật trong vấn đề này, Euthyphro à, hay nói một cách đơn giản, là chỉ có việc phải thừa nhận đối với chính quyền hạn của chúng ta, hay đối với quyền hạn của những người khác?

Euth. Chúng ta sẽ thử xem; và tôi tin rằng sự xác nhận đó tất sẽ củng cố được cho việc trắc nghiệm về điều cần xem xét này.

Soc. Được thôi, ông bạn tốt ạ, rồi thì chúng ta cũng sẽ được biết rõ ngay mà. Điểm trước tiên tôi muốn hiểu, là có phải chăng điều hữu đạo và thánh thiện luôn được các thần thánh yêu quý, bởi vì chính nó là thánh thiện, hay nó chỉ là thánh thiện là bởi vì nó được các thần thánh yêu thích?

Euth. Tôi quả không hiểu ý ngài muốn nói gì, Socrates à.

Soc. Tôi xin giải thích như thế này nhé: chúng ta sẽ nói ở đây về sự mang và việc được mang, về sự dẫn dắt và việc được dẫn, về sự thấy và việc được thấy. Và nếu đây là sự khác nhau, thì đó cũng là bản chất của cái gì mà ngài hiểu.

Euth. Tôi nghĩ rằng tôi hiểu.

Soc. Vậy đó chẳng phải là kẻ được yêu thích thì khác biệt hẳn với kẻ yêu thích?

Euth. Chắc chắn là thế mà.

Soc. Tốt, vậy giờ đây hãy nói cho tôi biết, có phải chăng cái gì đó được mang đi là bởi vì nó đang ở trong tình trạng bị mang đi này, hay vì một lý do nào khác?

Euth. Không đâu, tình trạng bị mang đi đó, là lý do của chính nó.

Soc. Và cũng giống hệt như thế, đối việc cái gì đó bị dắt đi và kẻ nào đó được nhìn thấy nó?

Euth. Quả đúng là thế đó.

Soc. Và một cái gì đó được thấy, chính là bởi vì nó có thể bị nhìn thấy nó, nhưng ngược lại việc có thể được nhìn thấy, là bởi vì đã được nhìn thấy; cũng như một vật được dắt đi, là bởi vì nó đang trong

tình trạng bị dắt đi, và ngược lại thì cũng vậy. Và Euthyphro à, bây giờ thì tôi nghĩ lý lẽ của tôi đã có thể hiểu được; và tôi muốn nói là bất cứ tình trạng nào của hành động hay cảm xúc cũng đều bao hàm một tình trạng của hành động hay cảm xúc có trước đó. Nó không phải là đang trở thành bởi vì do đang trở thành, nhưng nó đang trở thành là bởi vì nó đã trở thành; cũng vậy không phải là nó phải chịu bởi vì nó đang ở tình trạng bắt buộc phải chịu, nhưng nó là đang trong tình trạng bị buộc phải chịu là bởi vì nó bị buộc phải chịu. Bạn có đồng ý với tôi như vậy chăng?

Euth. Quả là vậy.

Soc. Vậy chẳng phải cái được yêu cũng là đang ở trong một tình trạng hoặc là đang trở thành hoặc là đang phải chịu?

Euth. Đúng thế.

Soc. Và cũng đúng như thế đối với các trường hợp trước; như tình trạng đang được yêu là tiếp theo sau hành vi đã được yêu, chớ không phải là hành vi lại đi theo sau tình trạng.

Euth. Chắc hẳn là vậy.

Soc. Và ngài nói gì về sự hữu đạo, hỡi Euthyphro: không phải sự hữu đạo, theo như định nghĩa của ngài, được các thần thánh yêu sao?

Euth. Vâng, đúng thế.

Soc. Vì chính nó là hữu đạo hay thánh thiện, hay vì một lý do nào khác?

Euth. Không, đó mới chính là lý do.

Soc. Nó được yêu quý, là bởi vì nó thánh thiện chớ không phải nó thánh thiện do vì nó được yêu quý?

Euth. Đúng vậy.

Soc. Và cái gì ở trong tình trạng được thần thánh yêu và thân thiện với nó, thì cũng là ở trong tình trạng nó được họ yêu?

Euth. Đúng là thế.

Soc. Vậy thì điều gì được thần thánh yêu là không thánh thiện, cũng chẳng phải điều gì thánh thiện thì được thần thánh yêu, giống như điều mà ngài đã xác nhận, Euthyphro nhỉ; vì đó là hai điều khác hẳn nhau mà.

Euth. Ý ngài là như thế nào, Socrates?

Soc. Tôi muốn nói là nếu điều gì thánh thiện mà chúng ta nhận thức ra được, thì nó cũng phải được thần thánh yêu quí, là bởi vì chính nó là thánh thiện, chớ không phải vì nó được yêu quý nên mới thành ra thánh thiện.

Euth. Đúng là vậy.

Soc. Nhưng cái gì là đáng quý với thần thánh, là bởi vì nó làm cho họ yêu thích, chớ không phải vì nó làm cho họ thích, là bởi vì do nó đáng quý đối với họ.

Euth. Đúng là thế mà.

Soc. Nhưng, này ông bạn Euthyphro, nếu điều gì đó là thánh thiện, cũng giống như điều gì đó là đáng quý với thánh thần, và điều gì là thánh thiện cũng được yêu quý bởi vì chính nó là thánh thiện thì điều gì là đáng quý với thần thánh cũng được họ ưa thích, vì nó là đáng quý với chính họ; nhưng nếu điều gì đó mà đáng quý với họ thì đáng quý bởi vì được họ yêu, thế thì điều gì là thánh thiện, cũng sẽ là thánh thiện bởi vì nó được yêu thích bởi họ. Nhưng giờ đây ngài đã thấy rõ là có cả trường hợp trái ngược lại, và chúng là vẫn khác hẳn nhau giữa cái này với cái kia. Bởi vì một cái thuộc loại được yêu, chỉ vì do nó được yêu. Do thế mà đối với tôi, Euthyphro à, ngài có vẻ giống như khi tôi đã hỏi ngài về điều gì đó là yếu tính của sự thánh thiện, thì ngài đã chỉ nêu lên có một thuộc tính của nó, chớ không phải cái yếu tính - thuộc tính của việc được tất cả các thần thánh yêu quý. Thế nhưng ngài vẫn còn chưa giải thích cho tôi rõ về bản chất của sự hữu đạo là thế nào. Và như thế, nếu ngài vui lòng, tôi muốn yêu cầu ngài là đừng nên che giấu điều gì cả, nhưng bây giờ hãy nên cho tôi biết thêm một lần nữa về sự hữu đạo và sự thánh thiện xem thực chất nó

là gì, và nó có đáng quý với các thần thánh hay không (bởi vì đây chính là vấn đề để cho chúng ta khỏi cần phải tranh luận gì với nhau). Cũng như bản chất của sự vô đạo là gì?

Euth. Tôi thật sự cũng không biết phải nên trả lời cho ngài ra sao nữa, ngài Socrates à. Bởi vì với cách nào đó, hay là trên bất kỳ cơ sở nào đó chăng nữa, thì lập luận của chúng ta cũng có vẻ như rất lòng vòng, hoặc cũng chẳng đi tới được đâu cả.

Soc. Euthyphro à, điều mà ngài nói sao thấy cũng tựa tựa như lời của tiền nhân Daedalus của tôi; và nếu tôi là người phát ngôn hay là người đề xuất của họ, thì ngài có thể cho điều này chỉ là do từ mối quan hệ của tôi cùng với ông ta; và cả điều này có lẽ cũng là lý do khiến các lý luận của tôi cũng chẳng đi tới đâu hay cũng chẳng có gì là vững vàng cả trên chính cơ sở của nó. Nhưng thôi giờ đây, cứ theo đúng các ý tưởng của ngài, ngài cần phải tìm ra được một sự giễu cợt khác, bởi vì nó chắc chắn là, cũng giống như chính ngài đã cho phép, vẫn cho thấy có một khuynh hướng muốn có được sự thay đổi.

Euth. Này, ngài Socrates, chắc hẳn là tôi sẽ phải nói ngay rằng chính ngài là Daedalus, là người muốn đưa ra các lý luận lòng vòng; không phải là tôi đâu nhé, chắc hẳn là như thế, và đã làm cho chúng trở thành lộn xộn, vòng vo, nên bởi vậy, chúng cũng sẽ chẳng bao giờ được khuấy động lên, trong chừng mực nào đó mà tôi có quan tâm tới.

Soc. Vậy thì hẳn tôi đã phải cao cả hơn cả Daedalus; bởi vì cho dù ông ta chỉ mới tìm ra được chính các phát hiện của mình để di chuyển tới, thì tôi lại đã di chuyển cả các phát hiện của những người khác nữa. Bởi vì tôi sẽ cho sự là sự khôn ngoan của Daedalus, cùng sự giàu có của Tantalus, là đã có thể trì hoãn họ, và giữ cho họ được cố định. Nhưng như thế cũng là đủ rồi. Bởi vì tôi nhận thấy rằng chính ngài lần chần, còn tôi thì muốn chính tôi phải nên cố gắng để chỉ ra cho bạn thấy rằng bạn cần phải cho tôi biết về bản chất của sự vô đạo; và tôi hi vọng rằng ngài sẽ không bị bực bội vì việc làm đó của tôi. Vậy thì hãy nói cho tôi rõ, có phải chăng điều gì là hữu đạo, thì cũng nhất thiết là đúng đắn không?

Euth. Quả như vậy.

Soc. Và như vậy thì mọi điều gì đúng đắn cũng là hữu đạo? Hoặc giả, hễ điều gì là hữu đạo thì cũng đều đúng đắn cả, còn điều gì chỉ đúng đắn một phần, cũng chỉ hữu đạo một phần?

Euth. Tôi quả thật không thể hiểu nổi ngài, Socrates à.

Soc. Và thế thì ngài biết rằng ngài qua là khôn ngoan hơn tôi nhiều, bởi vì ngài trẻ hơn tôi. Nhưng giống như tôi đang nói, ông bạn đáng kính ơi, chính vì ngài khôn ngoan nhiều quá, thành ra ngài cũng lẩn thẩn. Vậy hãy làm ơn tự tu chỉnh lấy mình, bởi vì ngài cũng chẳng có khó khăn gì để hiểu được tôi cả. Điều gì tôi muốn nói, tôi vẫn có thể cắt nghĩa được bằng một hình tượng mà tôi không phải nói tới. Và nhà thơ (Stasinus) cũng đã ca ngợi

"Hỡi thần Dớt, Hoá công vĩ đại
Bàn tay ngài tạo dựng mọi loài
Cần chi phải nói điều gì
Ở đâu run sợ đấy thì kính tôn"

Và tôi thì vẫn không đồng ý với nhà thơ này. Còn bạn có muốn tôi nói ra đây điều mà tôi không thể đồng ý đó không?

Euth. Rất muốn chứ.

Soc. Tôi sẽ không cho rằng bất cứ nơi nào đó có sự nể sợ, thì nơi đó cũng có sự tôn kính; bởi vì, tôi chắc chắc rằng có nhiều người sợ hãi sự nghèo khó và bệnh tật, cũng như sự xấu xa, nhưng tôi không hề nhận ra việc họ tôn kính những gì mà họ sợ hãi.

Euth. Hoàn toàn đúng thế.

Soc. Nhưng nơi nào có sự tôn kính thì cũng có sự sợ hãi; bởi vì nếu người nào

cảm thấy có lòng kính trọng, và có sự xấu hổ về hành động sai phạm nào đó, thì cũng đều sợ hãi và lo lắng việc phải bị mang tiếng xấu.

Euth. Điều ấy quá hiển nhiên.

Soc. Vậy thì chúng ta sẽ sai lầm, nếu nói rằng nơi nào có sự sợ hãi thì cũng có sự kính trọng; mà chúng ta cần phải nói là nơi nào có sự kính trọng, thì nơi đó cũng sẽ có sự sợ hãi. Nhưng không phải luôn luôn nơi nào có sự kính trọng thì cũng có sự sợ hãi cả; bởi vì sự sợ hãi là một khái niệm được mở rộng ra thêm, còn sự kính trọng chỉ là một phần của chính sự sợ hãi, cũng hoàn toàn giống y như số lẻ là thành phần của một số, và một số là khái niệm được mở rộng ra hơn là chính số lẻ. Tôi cho rằng ngài vẫn theo kịp được tôi tới đây chứ?

Euth. Thật sự là tôi theo kịp.

Soc. Có một loại vấn đề mà tôi cũng muốn được nêu lên khi chúng ta đặt câu hỏi có phải chăng sự đúng đắn cũng là điều hữu đạo, hay sự hữu đạo cũng là sự đúng đắn; và phải chăng có lẽ nơi nào không có sự đúng đắn, nơi đó cũng luôn luôn không có sự hữu đạo; bởi vì sự đúng đắn là một khái niệm được mở rộng ra hơn, còn sự hữu đạo chỉ là một phần trong đó. Ngài có đồng ý với tôi như thế không?

Euth. Vâng, chính tôi cũng nghĩ là như thế, vì điều này hoàn toàn đúng mà.

Soc. Vậy giờ nếu sự hữu đạo là một phần của sự công chính, thì tôi cho rằng chúng ta phải cần xem xét ở phần nào đây? Nếu ngài cũng cho rằng chúng ta phải nên đào sâu vào các nội dung tranh luận trước đây hơn nữa; chẳng hạn, nếu ngài đã đặt câu hỏi với tôi thế nào là một số chẵn, và phần nào là tạo nên số chẵn, thì tôi sẽ trả lời chẳng có khó khăn gì, rằng số chẵn thì luôn có hai phần bằng nhau. Ngài đồng ý chứ?

Euth. Thưa vâng.

Soc. Như vậy, tôi cũng muốn được ngài nói với tôi là điều công chính liệu có chứa đựng cả sự hữu đạo và sự thánh thiện; để qua đó tôi có thể bảo lại với Meletus là ông ta cũng không nên đối xử bất công với tôi, hay cũng đừng nên kết tội tôi là vô đạo; bởi vì tôi đã được ông bạn chỉnh thức dạy cho thế nào là bản chất của sự hữu đạo hay của sự thánh thiện, và những điều gì là trái ngược lại với chúng.

Euth. Sự hữu đạo hay điều thánh thiện, thưa ngài Socrates à, đối với tôi, cũng đều là một phần của sự công chính, và nó vốn quan tâm đến các thần thánh, bởi vì có cả phần khác của sự công chính lại quan tâm đến con người.

Soc. Đúng đấy, Euthyphro; nhưng vẫn còn có điểm nhỏ này mà tôi đang thắc mắc, là "sự trông nom săn sóc" mang ý nghĩa như thế nào? Bởi vì sự trông nom săn sóc không có cùng một nghĩa, khi áp dụng cho các thần thánh, cũng như khi áp dụng cho các sự vật khác. Chẳng hạn, những con ngựa thì tất cần được săn sóc, nhưng không phải ai cũng có thể chăm sóc chúng, ngoại trừ người có kỹ năng cưỡi ngựa. Có phải thế không nào?

Euth. Quả đúng như thế.

Soc. Vậy thì tôi có thể cho rằng nghệ thuật cưỡi ngựa là nghệ thuật chăm sóc ngựa có được không?

Euth. Được chứ.

Soc. Và không cũng phải mọi người đều có khả năng chăm sóc chó, mà chỉ có kẻ đi săn chó mới có.

Euth. Đúng thế.

Soc. Và tôi cũng có thể cho rằng nghệ thuật của người săn chó là nghệ thuật chăm sóc chó?

Euth. Được thôi.

Soc. Giống như nghệ thuật của kẻ chăn bò là nghệ thuật chăm sóc về bò?

Euth. Rất đúng.

Soc. Và cũng giống như sự thánh thiện hay sự hữu đạo, là nghệ thuật chăm sóc quan tâm đến các thần thánh chứ gì? -

Có phải đó chính là điều mà bạn muốn nói đến không hả, Euthyphro?

Euth. Đúng thế.

Soc. Và chẳng phải là sự quan tâm chỉ nhằm dành cho điều tốt hay điều lợi của cái được quan tâm? Giống như trong trường hợp các con ngựa, bạn có thể nhận thấy khi được quan tâm chăm sóc bởi người có nghệ thuật cưỡi ngựa, chúng sẽ có lợi hơn, và được cải thiện hơn, có phải như thế không nào?

Euth. Chắc chắn vậy.

Soc. Cũng như các con chó thì được hưởng lợi từ nghệ thuật của người đi săn, và những con bò thì được hưởng lợi và nghệ thuật của người chăn bò, mọi sự vật khác cũng được trông nom chăm sóc vì điều lợi của chúng, chứ không phải vì điều hại của chúng?

Euth. Chắc chắn là không phải vì điều hại của chúng rồi.

Soc. Mà chỉ vì điều lợi của chúng?

Euth. Dĩ nhiên thôi.

Soc. Và sự hữu đạo hay điều thánh thiện, nếu được xác định như là nghệ thuật quan tâm các thần thánh, có làm lợi và cải thiện được họ không? Ngài có nói rằng khi ngài thực hiện một hành vi thánh thiện, là ngài đã làm điều gì đó cho các thần thánh được tốt hơn không?

Euth. Không phải đâu; ý của tôi đích thị chẳng phải như thế được.

Soc. Vậy sao, Euthyphro, tôi không cho ý ngài là muốn nói vậy; ngược lại là đàng khác. Và đó cũng chính là lý do tại sao tôi đã muốn hỏi ngài bản chất của sự quan tâm chăm sóc này bởi vì tôi cho rằng điều này hẳn cũng không là ý kiến của ngài.

Euth. Ngài nghĩ thế là đúng về tôi đó, Socrates; bởi vì ý kiến của tôi vẫn không phải như thế.

Soc. Tốt đấy: nhưng tôi cần phải hỏi thêm sự quan tâm đến các thần thánh được gọi là sự hữu đạo này là cái gì?

Euth. Chẳng hạn, ngài Socrates à, cũng giống như điều mà các đầy tớ vẫn tỏ ra đối với các ông chủ của họ đó.

Soc. Tôi hiểu - một dạng phục tùng đối với các thần thánh.

Euth. Chính xác là thế.

Soc. Trị bệnh cũng là một dạng phục tùng hay phục dịch, và thuộc về sự đạt tới một mục tiêu nào đó - hẳn bạn phải cho đó là sức khỏe chứ?

Euth. Đúng vậy.

Soc. Như vậy, hẳn có một nghệ thuật nhằm để phục vụ cho người đóng tàu, trong mục tiêu nhằm đạt tới một kết quả nao đó?

Euth. Vâng, ngài Socrates, đó là mục tiêu nhằm đóng xong một chiếc tàu.

Soc. Cũng giống như có một nghệ thuật phục vụ người làm nhà, và với mục tiêu là xây dựng được một ngôi nhà?

Euth. Đúng vậy.

Soc. Và giờ, hãy bảo cho tôi biết, ông bạn ạ, về nghệ thuật nhằm để phục vụ cho các thần thánh: công việc gì cần phải được hoàn thành? Bởi vì ngài hẳn phải biết nếu như ngài nói, ngài là người hiểu biết tốt nhất về tôn giáo, so với những người khác hiện nay.

Euth. Đúng là thế đó, ngài Socrates à.

Soc. Vậy xin hãy nói với tôi ngay đi, - điều gì công bằng thích đáng nhất mà thần thánh phải làm khi được trợ giúp của chúng ta là như những người phục vụ họ?

Euth. Sự việc mà họ làm thì nhiều và thích đáng lắm, ngài Socrates à.

Soc. Thế nào, ông bạn, và tất cả chỉ có thế thôi ư? Nhưng điều chủ yếu nhất ở trong đó là việc gì nào? Ngài có muốn nói tới sự chiến thắng trong việc đánh nhau chính là điều chủ yếu nhất phải không?

Euth. Hẳn đúng vậy.

Soc. Những ông chồng cũng có làm được nhiều việc thật hay ho đấy chứ, nếu tôi không lầm; nhưng công việc chủ yếu của

họ chính là phải tạo ra được nhiều lương thực từ ruộng đất chứ gì?

Euth. Rất chính xác.

Soc. Và trong nhiều điều hay ho mà các thần thánh làm, thì điều gì là chính yếu nhất?

Euth. Tôi vừa nói với ngài rồi, thưa ngài Socrates, là việc học hết mọi điều này một cách chính xác là sẽ rất cực nhọc. Cho phép tôi chỉ nói đơn giản sự hữu đạo là việc học làm sao để có thể làm hài lòng được các thần thánh, bằng những ngôn từ và việc làm, bằng những sự cầu nguyện và hi sinh. Hữu đạo có nghĩa là phải cứu vãn gia đình và nước nhà, y như sự vô đạo chính là việc làm phật lòng các thần thánh, nên cũng là hành động làm sụp đổ và hủy diệt họ.

Soc. Tôi nghĩ ngài có thể trả lời được một cách ngắn gọn hơn đối với câu hỏi chính yếu mà tôi đã nêu ra, Euthyphro à, nếu ngài muốn chọn theo cách đó. Nhưng thực tế tôi lại thấy ngài đã không sẵn sàng gì để dạy tôi: nói cách khác, khi nào chúng ta đã tới được một đích điểm, thì ngài có muốn quay ngược lại không? Ngài đã chỉ có trả lời tôi, là tôi có thể học được ở ngài vào lúc này về bản chất của sự hữu đạo. Còn giờ đây, bởi người đặt ra câu hỏi phải nhất thiết phụ thuộc vào người trả lời, cho nên nếu anh ta đi đâu, tôi cũng sẽ phải theo đến đấy; và để chỉ có thể hỏi thêm được lần nữa, sự hữu đạo có nghĩa là gì, và sự vô đạo có nghĩa là gì? Ngài có cho đó là một loại khoa học về sự cầu nguyện và hi sinh?

Euth. Vâng, tôi cho là thế.

Soc. Và hi sinh tức hiến dâng cho thần thánh, và cầu nguyện là hỏi ý thần thánh?

Euth. Đúng thế, thưa ngài Socrates.

Soc. Vậy thì trên quan điểm này, hữu đạo là khoa học về sự yêu cầu và sự cho?

Euth. Ngài hiểu tôi đúng rồi đó, Socrates.

Soc. Vâng, ông bạn ạ; lý do vì tôi là một người hâm mộ khoa học của ngài, và tôi hết sức chú tâm vào đó, do vậy không có một điều gì ngài nói ra mà tôi lại không chịu lắng nghe ca. Do vậy, nên hãy làm ơn nói cho tôi rõ đâu là bản chất của công việc phục dịch cho các thánh thần này? Ngài có nghĩ rằng tốt nhất chúng ta nên đòi hỏi và dâng quà tặng cho họ?

Euth. Vâng, tôi cho là vậy.

Soc. Và đó cũng là cách đúng đắn để hỏi xem ta cần điều gì ở họ?

Euth. Chắc chắn thế.

Soc.Và là cách đúng đắn để cho là làm cho họ điều mà họ muốn ở chúng ta? Vì chẳng có ý nghĩa gì trong cái nghệ thuật mang cho một người nào đó một điều gì mà họ không muốn.

Euth. Rất đúng, thưa ngài Socrates.

Soc. Vậy thì sự hữu đạo, Euthyphro à, là một nghệ thuật mà các thần thánh cùng những con người vẫn có mối quan hệ giao dịch giữa họ với nhau?

Euth. Đó là cách thức biểu hiện mà ngài có thể dùng nếu ngài thích.

Soc. Nhưng tôi không có ý thích đặc biệt về bất cứ điều gì, ngoại trừ sự thật. Tuy vậy, tôi mong rằng ngài sẽ nói với tôi, có phải lợi lộc càng gia tăng, khi các quà tặng của chúng ta được dành cho các thần thánh. Vì họ là những người ban mọi điều gì tốt đến cho chúng ta, thì hiển nhiên rồi; nhưng giờ đây, làm thế nào để chúng ta có thể làm được điều gì tốt để đáp trả cho họ, thì không hiển nhiên như vậy. Nếu họ cho chúng ta mọi điều tốt, còn chúng ta thì không cho lại điều gì cả, thì việc đó hẳn là một giao dịch mà trong đó chúng ta đã có được sự lợi lộc hơn họ rất nhiều.

Euth. Và ngài thử tưởng tượng xem, Socrates, có lợi lộc nào được gia tăng cho thần thánh, mà lại đến từ những gì họ đã nhận được từ chúng ta không?

Soc. Nhưng nếu là không có, Euthyphro à, thì đâu có những loại quà tặng nào mà chúng ta vẫn mang lại cho các thần thánh?

Euth. Cho dù chúng ta có mang lại cho họ những gì, thì đó cũng chính là sự vinh hạnh cho họ; và như tôi cũng vừa nói đó, cái gì vẫn làm cho họ được vui lòng?

Soc. Thì sự hữu đạo vẫn làm cho các thần thánh được vui lòng vậy, nhưng nó không phải là sự lợi lộc, hay cái gì là thân thương đối với họ, có phải như thế không?

Euth. Tôi muốn nói không có điều gì là thân thương đối với họ hơn là điều đó cả.

Soc. Vậy thì một lần nữa, sự khẳng định đã được lặp lại, điều hữu đạo là thân thương nhất đối với các thần thánh?

Euth. Hẳn đúng vậy.

Soc. Và khi ngài nói ra điều này, ngài có nghi ngại rằng các lời nói của ngài là không thật chắc chắn và chúng có thể bị vụt mất đi không? Ngài có thể cáo buộc tôi, cũng giống như Daedalus, là làm cho chúng bị phôi pha đi, vì không nhận thấy rằng có người nghệ sĩ khác, và còn lớn hơn cả Daedalus, vốn là người đã khiến cho chúng phải chạy vòng vo nhiều; và người đó chính là ngài dấy: bởi vì lập luận đưa ra, như ngài nhận thấy đó, chỉ xoay quanh duy nhất có một điểm thôi. Tôi nghĩ rằng phải cần nên nhớ lại là ngài đã từng nói rằng điều gì thánh thiện hay sự hữu đạo không hề giống với việc được các thần thánh yêu thương gì cả. Ngài hẳn còn nhớ đó chứ?

Euth. Tôi vẫn còn nhớ.

Soc. Và ngài cũng không thấy rằng điều gì được các thần thành yêu quý, thì nó là thánh thiện, và cũng giống như thế đối với điều gì vẫn là thân thương đối với họ?

Euth. Quả đúng vậy.

Soc. Vậy thì, hoặc là chúng ta đã bị nhầm lẫn trong sự nhận định đó; hoặc là nếu chúng ta đã đúng, thì bây giờ chúng ta lại phạm phải sai lầm.

Euth. Tôi cho rằng có thể là như vậy.

Soc. Vậy thì chúng ta hãy bắt đầu trở lại, và lại hỏi sự hữu đạo là gì? Đó là một sự tra vấn không bao giờ lại không muốn làm sao cho rốt ráo cả; và tôi xin ngài đừng có giận lẫy tôi, song cần phải hết sức tập trung, để nói cho tôi biết đâu chính là sự thật. Bởi vì bất cứ người nào mà biết được chính ngài là người như thế đó, thì cũng giống như tôi, sẽ phải bắt buộc ngài, cũng giống như Proteus, cho tới khi ngài phải nói ra. Bởi vì nếu ngài đã không được biết chắc chắn về bản chất của sự hữu đạo và sự vô đạo, thì tôi tin chắc ngài cũng sẽ không bao giờ nhân danh một người nông nô, để đi tố cáo chính người cha già cả của ngài là sát nhân cả. Ngài không thể mạo hiểm mà phạm phải sự sai lầm như thế được, trong cách nhìn của các thần thánh, và ngài cũng cần phải hết sức trọng thị các ý kiến của mọi người. Do vậy mà tôi chắc chắn hẳn là ngài đã phải biết rõ về bản chất của điều vô đạo và điều hữu đạo. Vậy xin hãy chỉ rõ ra, ông bạn Euthyphro ơi, và đừng có cố che giấu sự hiểu biết của chính ngài nữa.

Euth. Xin hãy để cho lần khác, ngài Socrates à; bởi vì tôi đang vội, và phải đi ngay bây giờ đây thôi.

Soc. Than ôi! Ông bạn của tôi ơi, nỡ nào vẫn cứ để tôi phải thất vọng sao? Tôi đã hi vọng ngài có thể dạy tôi biết về bản chất của điều hữu đạo và điều vô đạo, để tôi có thể tự mình thanh minh trước mặt Meletus về sự kết tội của ông ta đối với tôi. Để cho tôi có thể chứng minh cho ông ta thấy, tôi đã được dạy khôn như thế nào nhờ bởi Euthyphro, và đã biết phục thiện và đã suy tưởng được nhanh chóng, mà trong đó, tôi đã tự trách về chính sự dốt nát của mình, để đang hướng tới được một đời sống tốt đẹp hơn.

2

Có thể có các giá trị tuyệt đối không? ✣

MORITZ SCHLICK

(1882-1936)

1. Lý thuyết về các giá trị khách quan

Quan điểm chúng ta cần xem xét có lẽ đã được thể hiện một cách tốt nhất nhưng theo hướng tiêu cực trong sự khẳng định rằng giá trị đức hạnh của một hình trạng nào đó tuyệt đối không thể nào đặt cơ sở trên những cảm quan vui thích. Giá trị là điều gì đó hoàn toàn độc lập đối với những sự cảm nhận của chúng ta, một điều gì đó vẫn gắn liền với những sự vật có giá trị, ở trong một khối lượng và cấp độ nhất định, hoàn toàn độc lập với cách thái mà trong đó chúng ta phản ứng một cách cảm tính lại với chúng, và với bất kỳ ai đó dù có thừa nhận giá trị đó hay là không. Sự thích thú, chắc chắn là một giá trị, nhưng đó chỉ là một giá trị trong nhiều loại giá trị khác nhau, và rõ ràng cũng không phải nó là cao nhất. Thường người ta vẫn thừa nhận cái có giá trị tạo ra những tình cảm thích thú đối với người nào có liên quan, nhưng sự kiện này vẫn được cho là không có quan hệ gì đến yếu tính của giá trị, mà trong một ý nghĩa nào đó chỉ là tình cờ. Tôi nói "trong một ý nghĩa nào đó", là bởi vì có nhiều người có quan niệm này, tôi tin rằng, không muốn chối bỏ rằng có lẽ sự phát sinh những tình cảm thích thú trước sự hiện diện của một cái gì đó có giá trị là một quy luật của tự nhiên, và có mối liên kết nhân quả giữa hai cái đó. Nhưng có người lại bảo rằng điều này hầu như không thiết yếu, vì nếu không như thế, thì cũng sẽ chẳng có điều nào khác nhau về giá trị của cái có giá trị; giá trị này vẫn có thể hiện diện, ngay cả nếu quy luật của tự nhiên có thể được hiểu như: "ý tưởng về vật có giá trị hầu như chẳng có ăn nhằm gì đối với mọi người", hay cũng "cực kỳ khó chịu" hoặc là "thật rất kinh khủng".

Vai trò của lý thuyết về tính chất khách quan của giá trị này trong đạo đức học, được mọi người nhận thức rõ đến nỗi không cần phải quan tâm đến nó. Nó đòi hỏi cần phải có một hệ thống giá trị, giống như các ý tưởng của Platon, tạo nên một

✣ Phần lớn Chương V, trích từ *Các vấn đề về Đạo đức* do Moritz Schlick. Nxb. Dover, Inc., New York, xuất bản lần đầu vào năm 1939; được cho phép trích in lại ở đây.

lãnh vực độc lập với thực tại hiện thời, mà trong đó biểu hiện ra một trật tự thiết yếu của chính một bản chất như vậy, đồng thời các giá trị của nó tạo nên một hệ cấp được xếp đặt sao cho phù hợp theo các mức cao hơn và thấp hơn. Và mối quan hệ đó của nó với thực tại, chỉ được thiết lập bởi các mệnh lệnh đạo đức, cùng vận hành gần như là "hành vi làm sao để cho các sự việc hay là các sự vật đã được tạo ra do các hành vi của bạn là càng có giá trị bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu".

Tính chất phê phán của chúng ta đối với quan điểm này thì hết sức đơn giản. Những tiêu chí chính yếu của nó vẫn được bó buộc bởi chính phương pháp triết học của chúng ta. Trước tiên, chúng ta tự hỏi "Từ giá trị có nghĩa là gì?" hay cũng tương tự như vậy "Ý nghĩa của việc gắn một giá trị cho một sự vật nào đó là gì?" Câu hỏi này chỉ có thể được trả lời nhờ bởi việc xác lập một phương pháp nhằm xác định chân lý của một phán đoán về giá trị; tức là người ta phải xác nhận một cách dứng đắn trong những điều kiện thực nghiệm đối với mệnh đề: "Sự vật này có giá trị" là đúng, và trong những điều kiện nào nó là sai. Còn nếu người ta không thể nào xác nhận được các điều kiện này, thì mệnh đề đó là một sự kết hợp vô nghĩa của những từ ngữ.

Vậy nên chúng ta phải hỏi nhà triết học "Ông thừa nhận giá trị của một sự vật là như thế nào?" Và bởi vì chẳng có ai ở đây để trả lời cho chúng ta cả (tác giả viết những dòng này ở một nơi thật hoàn toàn tách biệt trên nằm trên bờ biển đầy đá núi của biển Adriatic), nên chúng ta sẽ chỉ cùng nhau tìm kiếm những câu trả lời thông thường có thể có được.

2. Sự thích thú như là tiêu chuẩn của giá trị khách quan

(a.) Trong trường hợp có người nào đó (tôi cũng không biết có một người nào như thế không) trả lời rằng giá trị trong thực tế chỉ được nhận thức trong những tình cảm thích thú mà sự vật có giá trị đánh thức nơi chúng ta, và rằng cấp bậc của giá trị được mở ra cho chúng ta, nhờ cường độ của cái tình cảm tương ứng, còn ngoài ra thì không có một tiêu chuẩn nào khác của sự hiện hữu và cấp độ nào của giá trị, tuy vậy giá trị cũng không thiết yếu phải ở trong hoạt động tạo ra sự thích thú, nhưng là một cái gì đó khác, thì hẳn chúng ta phải kết tội ông ta là tào lao về mặt lập luận. Thế nhưng, không phải chúng ta vẫn sẵn sàng làm như vậy, bởi vì trong thực tế chúng ta không tìm thấy một điều gì đó để thảo luận về các hiệu quả của lý thuyết của ông ta cả. Sự tào lao vô nghĩa nằm ở chính sự kiện là đối với mọi hậu quả có thể kiểm chứng được thì quan điểm của ông ta hoàn toàn ăn khớp với chính quan điểm của chúng ta (tức "giá trị" không gì khác hơn là một tên gọi những khả năng ưa thích đang mê ngủ của đối tượng có giá trị), nhưng mặc dù điều này, ông ta vẫn khẳng định chúng là khác nhau. Mệnh đề, "có giá trị" có nghĩa hoàn toàn khác với việc "mang lại sự thích thú", hàm ý rằng có một đặc tính nào đó chỉ thuộc về cái có giá trị, chớ không thuộc về cái chỉ mang lại điều thích thú: sự khẳng định này sẽ trở nên vô nghĩa nếu việc tạo ra sự thích thú chỉ là đặc điểm của cái có giá trị. Nếu chúng ta yên chí khẳng định sự hiện hữu của giá trị "khách quan", thì điều này chẳng khác gì một sự thêm vào cách vô bổ. Mọi vật vẫn tồn tại như thể chúng thiết yếu mang tính chủ quan vì chúng ta chỉ có khả năng xác định giá trị về chúng nhờ các hậu quả thú vị ở nơi chúng, cũng giống như trong trường hợp phù hợp theo chính quan điểm của chúng ta.

Tôi cũng muốn nói thêm, là từ chính quan điểm bị phê phán đó, mọi tình cảm về thích thú phải được giải thích như là chính dấu hiệu của một giá trị khách quan. Nếu điều này đã chỉ được nhận định trong một số các trường hợp nào đó, nhưng vẫn không phải trong những trường hợp khác, và chúng ta sẽ có thể nói được rằng cho dù các trường hợp là khác nhau như thế nào, thì điều này cũng đòi hỏi một tiêu chuẩn mới, và có sự chối bỏ một tiêu chuẩn ban đầu chỉ đơn thuần cho đó là một sự thú vị. Sự biện minh cho các giá trị khách quan như vậy phải đòi hỏi một tiêu chuẩn thực nghiệm về giá trị không thể bị đồng nhất cùng với sự thích thú.

3. Tiêu chuẩn khách quan của giá trị?

(b.) Điều tự nhiên là phải có một tiêu chuẩn khách quan cho các giá trị khách quan - như chúng ta vẫn nhận thức một con vật là con lạc đà bởi chính do sự kiện nó có mang hai cái bướu, là có liên quan tới sự hiện diện của nó mà người ta có thể tự mình khẳng định bằng tri giác giác quan. Tri giác giác quan, có giá trị như một tiêu chuẩn cho tính khách quan vẫn thường được thảo luận trong những sự quan sát về hữu thể học, có thể được chấp nhận lập tức như là thẩm phán trong chính vấn đề của chúng ta, giống như trong mọi câu hỏi của đời sống hàng ngày. Như vậy, nếu giá trị có thể được nhìn, hay được cảm nhận được, như thể việc con lạc đà có bướu, thì đạo đức học lại sẽ không có dịp nào để được thảo luận về bản chất của nó. Nhưng bởi vì điều này là không phải như vậy, nên người ta có thể tìm kiếm ra một sự kiện khách quan nào đó, mà nó sẽ được sử dụng như dấu hiệu của các giá trị; và do vậy, chẳng hạn người ta xác nhận "bất cứ điều gì thúc đẩy sự tiến hóa là có giá trị" hay "bất kỳ điều gì góp phần vào việc tạo ra các sở hữu tinh thần, chẳng hạn các tác phẩm nghệ thuật, và khoa học, là có giá trị", hoặc những khẳng định tương tự như vậy. Nếu tôi không lầm lẫn, thì Wilhelm Wundt trong tác phẩm "Đạo đức về mặt các sản phẩm tinh thần khách quan" của ông, đã thể hiện theo một chiều hướng như thế.

Chúng ta đều thấy được ngay rằng có điều gì đó là sai lạc trong các chiều hướng như thế. Ngay cả nếu người ta có thể đạt tới kết quả là tìm ra được một công thức phù hợp với mọi sự, mà nói chung được xem như có giá trị, thì một công thức như thế, dường như đối với tôi vẫn luôn luôn có vẻ như là lòng vòng. Bởi vì chẳng hạn, một "sở hữu tinh thần" là cái gì, sự "tiến hóa đi lên" là cái gì (như thể đối ngược lại với đi xuống), chỉ có thể được xác định nhờ so sánh với một tiêu chuẩn nào đó. Và nếu để nhằm thoát khỏi điều lòng vòng này, người ta cần thiết lập một cách độc đoán một điều gì đó được hiểu như là những sở hữu tinh thần, và những điều gì cũng đại loại như vậy, sự xác định này có thể là độc đoán; tốt nhất, người ta phải tạo ra được một định nghĩa cho một khái niệm, được đặt nền tảng trên một quan điểm mà người ta quyết định gọi là một "giá trị"; nhưng điều này cũng không mang lại một tiêu chuẩn gì mà đối với nó tất cả chúng ta đều cùng hàm ý khi chúng ta sử dụng từ ngữ "giá trị".

Một sự sai lầm căn bản trên cơ sở nền tảng của toàn bộ chiều hướng này: nó chủ yếu nhắm vào việc tìm kiếm những phân biệt về giá trị của chính các sự kiện khách quan, mà không tham chiếu những hành động ưa thích và chọn lọc, mà qua đó giá trị mới trở thành hiện thực.

4. Tiêu chuẩn chủ quan của giá trị

(c.) Như vậy vẫn không thể có một sự chọn lựa nào để xác định được cụ thể đặc điểm của giá trị thêm một lần nữa trong dữ kiện trực nhiên, và tìm ra được sự chỉnh hóa của một mệnh đề có quan hệ đến giá trị trong trường hợp ở một kinh nghiệm xác định. Tiêu chuẩn của chính chúng ta thuộc về loại này: kinh nghiệm tương ứng chỉ giản đơn là một sự cảm thấy thích thú... yếu tính của giá trị hoàn toàn bị kiệt quệ bởi chính nó. Lý thuyết ngược lại của giá trị tuyệt đối là không thể, như đã được thấy trong đoạn (a.), sử dụng sự thích thú như là đặc điểm của giá trị; tuy thế, phải khẳng định việc một kinh nghiệm xảy ra là hoàn toàn khác, nó chỉ ra cho thấy sự hiện hữu của một giá trị. Thực tế về điều này nếu tôi hiểu đúng, thì đó là ý kiến của những đại diện có giá trị của lý thuyết đó (của Brentano và những trường phái noi theo ông ta). Theo họ, chúng ta có khả năng xác định sự hiện hữu của một giá trị hoàn toàn trong cùng một cách như chúng ta đã có được cùng với sự hiện hữu của một đối tượng vật chất nhờ qua sự nhận thức. Vai trò của cảm giác ở đây được vượt lên nhờ bởi một kinh nghiệm đặc biệt, mà người ta có thể gọi đó là tình cảm hay kinh nghiệm về giá trị, là sự nhìn vào trong, hay là cái gì không phải như thế; dĩ nhiên nó cũng không mang lại bất cứ điều gì cho một sự mô tả gần hơn bằng chính sự gọi tên này. Trong một trường hợp nào đó, nó luôn luôn là cái gì đó tối hậu, không thể phân tích được, và phải xuất hiện khi có một phán đoán về giá trị đã được chuẩn xác hóa, và qua đó người ta có hoặc không có liên quan đến một điều gì đó, tuy vậy cũng chẳng cần phải thảo luận thêm gì nữa cả.

Chúng ta cần phải nói gì về lý thuyết này? Trong chừng mực nó xác nhận sự hiện hữu của một dữ liệu ý thức đặc biệt, một "kinh nghiệm về giá trị", thì bất cứ một sự không đồng ý nào đều vô nghĩa, vì chỉ một người biết được điều mà người đó đã kinh nghiệm. Người ta chỉ có thể đơn giản chấp nhận hay từ chối, mà không cần có bất cứ chứng cứ nào. (Cá nhân tôi không chấp nhận nó, bởi vì tôi không thể nào phân biệt được giữa việc cảm thấy thích thú mà tôi đã có khi tôi nghe nói "Don Juan", hay thấy một gương mặt quý phái, hay đọc về nhân cách của Abraham Lincoln, và một kinh nghiệm về giá trị sơ khởi mà theo quan điểm đó, trước hết phải cam đoan với tôi rằng cái làm cho tôi thích thú cũng là một giá trị).

Nhưng lý thuyết đó chẳng những khẳng định sự hiện hữu, hay sự xảy ra của một dữ kiện ý thức nào đó, mà khẳng định thêm rằng điều này thông báo cho tôi biết cái gì đó là khách quan, độc lập với tôi, rằng nó bảo đảm cho tôi về sự có mặt của một giá trị tuyệt đối. Phải chăng sự khẳng định này cũng không đòi hỏi phải xác minh? Và tiêu chuẩn đó cuối cùng lại sẽ được tìm thấy trong một dữ liệu của ý thức, tức trong lĩnh vực của sự "chủ quan", thì thật sự không phải nghi ngờ gì cả; bởi vì điều này là không thể tránh được, và điển hình của sự tri giác, dạy cho ta rằng những cảm giác "chủ quan" có thể dẫn chúng ta tới những đối tượng độc lập với chúng ta, còn những cảm giác khách quan cũng có thể dẫn chúng ta tới những đối tượng độc lập đối với chúng ta, cũng như tính khách quan cũng không dành cho bất kỳ một mục đích thực tiễn nào về cái gì được ham thích. Và trong đạo đức, chúng ta quan tâm đến sự hiểu biết thực tiễn, trong ý nghĩa đầy thú vị đó. Nhưng những cảm giác có được khả năng thực hiện nhiệm vụ đó chỉ vì chúng tuân thủ các quy luật rất cụ thể. Vai trò của các trì giác đầy màu sắc, tuy vậy lại chứng tỏ một sự đều đặn dứt khoát, được biểu hiện bởi sự kiện chúng ta có thể xác định cách tiên quyết việc có thể điều tiết mối quan

hệ đến điều xảy ra của những cảm giác. (Sự đều đặn không phải chỉ là điều gì đó khách quan, nhưng lại chính nó là khách quan). Nếu có cái gì đó thuộc loại như thế, có được từ những tình cảm đánh giá chỉ mang tính giả định, thì được xem như là những cảm giác; nếu những mệnh đề về giá trị được gắn kết vào một hệ thống ổn định, như tính cách của những mệnh đề về sự nhận thức, thì những tình cảm về giá trị có thể bảo đảm được những giá trị khách quan. Nhưng điều đó vẫn không phải là quan trọng. Sự hỗn độn của những việc đánh giá đã trở nên phổ biến, và không có hi vọng gì để định rõ ra lý thuyết về giá trị, đạo đức và thẩm mỹ, trên cùng một mức độ với vật lý học, hay có thể nói cách khác là dễ dàng.

Do vậy, không có khả năng đi từ những kinh nghiệm sơ đẳng về giá trị tới sự chính xác hóa những giá trị tuyệt đối khách quan. Nhưng nếu người ta nói sự chính xác hóa vốn đã có chứa trong chính kinh nghiệm, thì tôi chỉ có thể trả lời được rằng tôi không thể tưởng tượng làm thế nào mà một xác nhận có thể được biện giải, và do vậy tôi cũng không thể biết nó có ý nghĩa là gì.

5. Những phán đoán về giá trị, có giá trị của những mệnh đề luận lý toán học hay không?

(d.) Có lẽ nhiều người vẫn cho sự so sánh các giá trị tuyệt đối với những vật thể vật chất khách quan là không tương thích, bởi vì thực tế thì những giá trị này dường như không thể so sánh được với các thực tại vật lý thô thiển. Ít nhất chúng ta cũng chỉ có thể tìm thấy một sự tương đồng với điều nhận thức được rút ra ❖. Thay vì là điều đó, lại có một điều thường có khác, đó là những mệnh đề được so sánh với những mệnh đề của luận lý hay toán học, và lại được cắt nghĩa bằng chúng. Không có cái nào trong đó khảo sát về những đối tượng "hiện có", và tính hiệu lực của cả hai, là thuộc cùng một loại. Trong thí dụ về luận lý hay toán học, chúng ta nhìn thấy tốt nhất một giả định như vậy, và chúng có thể có được như thế nào, bất chấp tính chủ quan trong kinh nghiệm của chúng ta về sự hiển nhiên đã đến với cái gì đó có giá trị tiềm ẩn trong đó, mang tính tuyệt đối, và hiện hữu độc lập đoái với bất cứ một sự xác nhận hay bất cứ động tác tư duy, hay tình cảm nào. Luật mâu thuẫn, và mệnh đề "hai lần hai là bốn", chỉ đơn giản cho rằng, hoặc là có ai đó nghĩ hoặc hiểu chúng, hay là không hiểu chúng. Vì ở đây, là với chân lý tuyệt đối, và như thế cũng là với giá trị tuyệt đối. Ý niệm về tính khách quan của giá trị, thường là được thỏa đáng theo cách này (chẳng hạn, xem Nicolai Hartmann, *Đạo đức học*), và nói chung cũng vẫn chỉ là một tính cách.

Thế nhưng, lập luận sai lầm là sự so sánh của chúng ta về tri giác và các đối tượng của nó như là một ngàn lần tốt hơn, ngay cả đi từ quan điểm của một lý thuyết tuyệt đối nhất. Một sự so sánh bất kỳ mệnh đề nào với những mệnh đề của luận lý (mà trong văn mạch này cũng có hàm chứa cả yếu tố toán học) là luôn luôn đưa tới sự vô nghĩa; bởi vì luận lý không có thể so sánh đơn thuần được với bất cứ điều gì (tôi mong được tha thứ, vì điều này có vẻ hơi nghịch lý, nhưng lại là cách mà ngay cả ngày nay chính yếu tính của luận lý cũng đã bị hiểu lầm, nên cần

❖ Phần lớn đây là cuộc đối thoại đầu tiên trong *Ba đối thoại giữa Hylas và Philonous* (1713).

đòi hỏi phải có sự phê phán đúng đắn). Đây không phải chỗ cho tôi nhắm tới việc triển khai rộng ra điểm này; tôi chỉ lưu ý ngắn gọn là những mệnh đề luận lý và những mệnh đề cũng được gọi như thế của toán học, đều chỉ là cách nói lòng vòng, hay cũng chỉ là những dạng giống như kiểu nói lòng vòng; nghĩa là chúng chẳng diễn tả ra được một điều gì khác hơn như thế hết (hay chúng chỉ là các quy tắc của sự chuyển đổi các mệnh đề). Chỉ nhằm tới duy có điều này, mà chúng đã có được chân lý tuyệt đối của chúng (độc lập với mọi kinh nghiệm), mà thật ra đó chỉ là một trường hợp bị hạn chế một cách vô nghĩa của chính sự thật. Như vậy trong luận lý, chỉ tùy theo những hi vọng, hay những xác định của những người theo quan điểm tuyệt đối này, mà chẳng phải nó là ở trong lý thuyết giá trị: nói đúng ra, trong ý nghĩa nào đó, thì ở đây có một thực tại của những yếu tính phi hiện thực, độc lập với chúng ta, những sẵn sàng được thừa nhận bởi chúng ta, vào bất cứ lúc nào, hay có lẽ là trong trường hợp các giá trị, được nhận thức. Những mệnh đề luận lý không cung cấp cho chúng ta các kiến thức nào đó, chúng không thể hiện những sự kiện nào cả, và cũng không dạy cho chúng ta điều gì về một cái gì đó hiện hữu trong thế giới hết, hay là về một cái gì đó hoạt động như thế nào. Do vậy, nếu những mệnh đề về giá trị cũng tương tự như chúng, thì chỉ cần hiểu thêm, chúng cũng chỉ là những cách nói lòng vòng, hay nói một cách chính xác hơn, chúng cũng chẳng nói lên một điều gì hết; và kết quả là, chắc chắn sẽ làm cho chúng ta muốn có những mệnh đề về giá trị càng ít tương tự với những mệnh đề của luận lý lại càng tốt hơn. Các phán đoán về giá trị phải thông báo được với chúng ta cái gì là đích thực quan trọng nhất.

Những mệnh đề lòng vòng có thể được tạo nên về một cái gì đó, và dĩ nhiên về các giá trị. Chẳng hạn khi tôi viết ra mệnh đề thế này: "Nếu giá trị của A là lớn hơn giá trị của B, thì giá trị của B là nhỏ hơn giá trị của A", rõ ràng trong mệnh đề đúng này, tôi đã chẳng nói lên một điều gì có giá trị cả, mà chỉ chứng tỏ có một sự tương đương của cả hai cách thể hiện khác nhau. Thật vậy, mệnh đề đó không phải là một mệnh đề của lý thuyết giá trị, nhưng nó chỉ thuộc về luận lý. Và như thế, nó luôn luôn đúng: bất cứ khi nào tôi gặp một mệnh đề thật sự độc lập đối với mọi kinh nghiệm, thì tôi đang ở trong lãnh vực luận lý. Chỉ những mệnh đề luận lý, và tất cả chúng, là có đặc điểm này. Trong đặc điểm này, cũng có sự khác biệt của chúng mà tôi đã có đề cập trên đây.

Như vậy, cũng trong sự so sánh giữa luận lý và toán học, chúng ta không thể nào tìm ra một ý nghĩa xác đáng trong những mệnh đề về các giá trị tuyệt đối...

6. Sự trống rỗng của giả thuyết về các giá trị tuyệt đối

Như vậy chúng ta đã đi đến lập luận thứ hai trái ngược lại với những giá trị tuyệt đối, mà nó hầu như là kết luận và giải phóng chúng ta thoát khỏi việc đưa đến sự chẻ sợi tóc làm tư, như có lẽ đã bắt đầu cảm thấy ra được trong dòng tư tưởng của lập luận thứ nhất. Điều này.. chỉ đơn giản tìm kiếm ý nghĩa của cái được gọi là những phán đoán về các giá trị tuyệt đối, và kết luận được rằng chẳng thể nào chứng tỏ được điều gì cả, cho dù người ta hết sức cố gắng.

Thế nhưng chúng ta hãy quan niệm chính ý nghĩa mong muốn đã được tìm thấy, để chúng ta có thể xác định được theo cách nào đó một hệ cấp các giá trị khách quan hoàn toàn độc lập với các tình cảm của chúng ta. Bởi vậy ta hãy xem "giá

trị" là một đặc điểm của các đối tượng, nhằm chỉ ra các tính chất của chúng trong những dạng khác nhau (chẳng hạn, đẹp, tốt, cao quý, v.v.) cùng trong những cấp độ khác nhau. Tất cả các tính chất có thể có được này cùng tạo thành một hệ thống, và trong mỗi trường hợp [nó] được xác định một cách rất rõ ràng cái nào thì trong các đặc điểm này có, và một sự vật đặc biệt có, cùng là ở cấp độ ra sao; từ đó, cũng xác định được cho nó một vị trí cụ thể nằm trong hệ thống của nấc thang giá trị.

Tốt lắm, chúng ta bảo, vậy cứ để cho nó được như vậy! Rồi còn điều gì tiếp theo nữa? Và điều gì chúng ta sẽ phải tiến hành với nó? Cùng nó có quan hệ với chúng ta như thế nào?

Sự lợi ích duy nhất chúng ta có được trong thực tế này về các giá trị, sẽ là một lợi ích khoa học thuần túy; tức là, đó có thể là một lợi ích của người tìm tòi, mà những sự vật trong thế giới cộng thêm với những đặc điểm khác, cũng có những tính cách này, và cũng qua chúng mà có thể xếp theo một trật tự chắc chắn nào đó; và người đó có thể dành ra nhiều công sức cho việc mô tả hệ thống này. Nhưng đối với đời sống và phong cách, thì sự sắp xếp này có thể cũng không quan trọng hơn sự sắp xếp những ngôi sao theo trật tự các độ lớn của chúng, nếu có thể nói được như thế. Hay sự sắp xếp những đối tượng sự vật theo những số thứ tự của phù hợp với những chữ cái hay tên của chúng ở trong ngôn ngữ Swahili.

Điều này không có gì là quá đáng hay sai lệch cả, nhưng đó chính là trường hợp hiện nay. Còn đối với câu hỏi của tôi "Những giá trị khách quan này có mang ý nghĩa gì đối với tôi?" Thì người theo quan điểm tuyệt đối sẽ trả lời "Chúng tạo thành những đường dẫn cho tư cách của bạn! Trong việc tạo lập ra các mục tiêu của hành động, bạn có thể sẽ thích một cái nào đó cao hơn hay thấp hơn". Nếu khi đó tôi lại hỏi "Tại sao?" Thì người theo quan điểm tuyệt đối chỉ đơn giản không đưa ra được một câu trả lời nào. Đây là một điểm quyết định, bởi vì chủ đề của anh ta về tính độc lập của các giá trị, thì một người theo quan điểm tuyệt đối sẽ tự tách mình ra khỏi mọi khả năng có thể của việc đưa ra một câu trả lời nào đó cho câu hỏi của tôi, "Điều gì xảy ra nếu tôi không làm nó?" cũng chỉ đáp lại là "Thì rồi bạn không làm nó, tất cả chỉ có thế thôi!" Hay có lẽ anh ta cũng chỉ trả lời "Trong trường hợp đó, bạn sẽ không phải là một con người tốt", rồi thì chúng ta chỉ có thể ghi nhận rằng câu hỏi này có liên quan và có thể làm ảnh hưởng tới hành động của tôi, chỉ khi tôi muốn, hay là tôi có lý do để muốn là một "con người tốt", tức là nếu chỉ giả dụ là có một số tình cảm nào đó có quan hệ với khái niệm đó. Và ngay cả là một sự giả định như thế, nó cũng không phải là được tạo ra do một người có quan điểm tuyệt đối; và anh ta cũng không thể nói "Bạn sẽ được kính trọng nhiều hơn, với tích cách là một con người tốt, và bạn cũng sẽ có được một cuộc sống hạnh phúc hơn, có một lương tâm ý thức tốt hơn, cũng sẽ được an ổn trong tâm hồn hơn", v.v.; để làm được như thế, anh ta sẽ kêu gọi đến những tình cảm của tôi, giống như thể giá trị chỉ thực tế gắn kết với chính tôi, bởi vì nó làm cho tôi vui sướng; và lý thuyết này đương nhiên phải bị chối bỏ. Ngay cả cho dù trong mọi cách nó làm hài lòng tôi, là một tên vô lại, và nếu tôi có được sự kính trọng chân thực của những người khác, có sự an bình thật sự trong tâm hồn tôi, và có niềm vui thanh thản trong tôi, giống như là một kết quả (hãy tưởng tượng về điều này một cách sống động, cho dù cũng khó làm được như thế, bởi vì trong thực tế nó không như thế), và do vậy, nếu đời sống của tôi được dễ chịu hơn, được tán dương và hạnh phúc hơn, chỉ bởi vì tôi đã không vâng theo các quy tắc luân lý đạo đức, thì người theo quan điểm tuyệt đối vẫn có thể nói được là "Bạn phải vâng theo chúng, ngay cả cho

dù bạn có trở nên cực kỳ không hạnh phúc". Cho nên, dù là được hạnh phúc hay không hạnh phúc, hài lòng hay không hài lòng, thì tất cả mọi điều này đối với người theo quan điểm trực giác, là tuyệt đối không có liên quan gì đến giá trị luân lý đạo đức cả - và chính điều này đã được nhấn mạnh không ai sắc bén hơn Kant. Nhưng trong số các nhà triết học này, chúng ta vẫn nhận ra được một điều gì đó còn che giấu trong tình cảm của họ, ngay cả cho dù nó chỉ gồm trong việc sử dụng một số từ ngữ ngợi ca, giống hệt như chính nó "thật hân hạnh đáng quý".

Có lẽ ngay cả đến nhà triết học cũng phải tự hào rằng ông ta không thể trả lời được câu hỏi "Các giá trị tuyệt đối đối với tôi có nghĩa gì?" "Điều gì xảy ra, nếu tôi không chú ý đến chúng?" Vì có lẽ ngay cả đến ông ta cũng chẳng quan tâm gì tới các câu hỏi của chúng ta. Nếu vậy, chúng ta đáp lại sự im lặng đầy tự hào của ông ta với sự khẳng định một cách hết sức nghiêm túc là chúng ta vẫn không quan tâm gì tới các giá trị như thế, mà đối với chúng, cũng chẳng có một sự dị biệt nào để khiến chúng ta phải cần quan tâm tới chúng hay không, hơn thế sự có mặt của chúng cũng chẳng có ảnh hưởng gì đến sự an bình trong lòng chúng ta, niềm vui hay nỗi sầu của chúng ta, hay đối với mọi sự vật nào đó vẫn khiến cho chúng ta được thích thú trong cuộc đời. Thật thế, chúng ta không thể quan tâm tới các "giá trị" như thế, bởi vì... chỉ những đối tượng này mới có thể kích thích được lòng ham muốn của chúng ta trong cách này hay cách khác, và nó cũng kích thích cả những tình cảm thích thú hay đau khổ của chúng ta ở chính trong lòng chúng ta. Và chúng vẫn sẽ không là những giá trị đối với chúng ta.

Như vậy, chúng ta kết luận: nếu có những giá trị mà tự chúng là "tuyệt đối", trong ý nghĩa chúng tuyệt đối không có quan hệ gì đối với các tình cảm của chúng ta, chúng sẽ tạo nên một thực tại độc lập, sẽ đi vào trong thế giới của lòng ham muốn của chúng ta, và cũng sẽ chẳng hành động ở điểm nào cả; bởi vì cũng giống như thể một bức tường, không thể đi xuyên vào được, đã làm ngăn cách chúng với chúng ta. Cuộc đời vẫn diễn tiến như thể chúng vẫn chưa hề có; và về mặt đạo đức, như thể chúng không hiện hữu. Nhưng nếu những giá trị, kể cả chúng có phương hại hay không tới sự hiện hữu tuyệt đối của chúng, thì cũng vẫn có những tính chất hay sức mạnh của tình cảm đang có ảnh hưởng đến chúng ta, rồi chúng đi vào trong thế giới của chúng ta; nhưng chỉ ở trong một mức độ nào mà chúng ảnh hưởng tới chúng ta giống như thế. Thế thì những giá trị cũng hiện diện trong đạo đức, chỉ trong những chừng mực mà chúng ta cảm biết về nó, tức là chỉ có tính tương đối với chúng ta. Và nếu nhà triết học nói "Dĩ nhiên, nhưng chúng vẫn có một sự hiện hữu tuyệt đối", thì chúng ta cũng biết rằng những từ ngữ này hẳn chẳng thêm được điều gì mới vào cho các sự kiện có thể kiểm nghiệm được, vì thế mà khiến cho chúng trống rỗng, và sự khẳng định của chúng cũng chỉ là vô nghĩa.

3

Hai suy tưởng ⌖

RENÉ DESCARTES
(1596 – 1650)

Suy tưởng I: về các sự vật có thể được đưa vào trong phạm vi của sự hoài nghi

Đã vài năm qua, kể từ khi tôi phát hiện có biết bao nhiêu sự tin tưởng nhầm lẫn mà tôi đã mắc phải kể từ thời còn rất trẻ của mình đã được công nhận như là sự thật, và cũng thật rất đáng nghi ngờ đối với mọi sự việc mà tôi đã kiến tạo ra trên chính cơ sở này; và từ lúc đó, tôi đã tin chắc rằng tôi sẽ phải thực hiện một lần, với tất cả sự nghiêm cẩn, để loại ra khỏi tôi tất cả mọi ý tưởng mà trước đây tôi đã chấp nhận, và bắt đầu xây dựng mới lại tất cả, ngay từ nền tảng, nếu tôi còn muốn thiết lập bất cứ một cơ cấu chắc chắn và trường cửu nào trong các khoa học. Nhưng bởi vì công việc này có vẻ như một công việc rất nặng nề, nên tôi đã phải chờ đợi cho tới khi tôi đã đạt được tới một độ tuổi chín muồi nào đó rồi, để tôi mới có thể hi vọng, nếu không phải chờ đợi lâu hơn nữa, là mình có thể thích ứng tốt hơn để thực hiện được dự định đó của tôi. Lý do này khiến đã cho tôi phải bị chậm trễ khá nhiều, đến nỗi tôi như đã cảm thấy mình sẽ sai lầm nếu cứ để cho thời gian tiếp tục trôi qua mà không chịu bắt tay vào thực hiện ngay công việc của mình. Vậy là hôm nay, thật là thuận lợi để cho tôi bắt đầu kế hoạch mà tôi đã dự kiến từ lâu trong đầu óc mình, với tất cả mọi sự thận trọng [và may mắn cũng không phải bị quấy rầy bởi các đam mê nào khác nữa] và bởi vì tôi cũng đã tự làm cho mình chắc chắn phải có đủ sự thích thú trong việc tự thu mình vào trong sự tĩnh lặng, để cuối cùng tôi sẽ có được sự nghiêm túc và được tự do dấn mình vào trong việc đảo ngược lại một cách tổng quát tất cả mọi ý kiến đã có trước kia của tôi.

Giờ đây, đối với đối tượng này, tôi không cần thiết phải nêu ra tất cả mọi điều này là sai lầm - có lẽ tôi cũng sẽ không bao giờ tới được đích điểm này. Nhưng trong chừng mực nào mà lý trí sẵn sàng thuyết phục được tôi, thì tôi cũng không thể bớt cẩn thận hơn, để rút lại sự

⌖ Phần lớn của chủ đề "Củng cố niềm tin", xuất xứ từ *Nguyệt san Khoa học phổ thông* (1877).

đồng tình của mình đối với các nội dung vấn đề vốn không được hoàn toàn chắc chắn, và cũng không đáng tin gì hơn, từ những điều gì mà đối với tôi rõ ràng là sai lầm, nếu tôi có thể tìm thấy trong mỗi một điều đó lý do nào để nghi ngờ, và điều này cũng sẽ đủ để biện minh cho việc vứt bỏ đi tất cả chúng ra khỏi tôi. Và chính vì mục đích đó, mà cũng sẽ không cần đòi hỏi tôi phải xem xét ở mỗi cái riêng biệt, vì sẽ khiến cho công việc trở thành bất tận; bởi vì chính sự kiện phá bỏ những nền tảng, thì cần thiết cũng kéo theo với nó sự sụp đổ phần còn lại của cả chính tòa lâu đài, nên tôi chỉ sẽ trước hết tấn công vào những nguyên tắc nào mà từ trên đó những quan niệm trước kia của tôi đã được xây dựng nên.

Tất cả mọi điều đó, cho mãi tới lúc này tôi đã chấp nhận hầu như chúng hoàn toàn đúng đắn và chắc chắn, mà tôi đã học được hoặc từ những cảm giác, hoặc phải thông qua các cảm giác; nhưng có đôi khi điều đó lại cho tôi thấy được những cảm giác này là nhầm lẫn, và khôn ngoan hơn là dừng tin tưởng hoàn toàn vào bất cứ điều gì mà chúng ta đã từng phải có một lần bị nhầm lẫn.

Nhưng có thể mặc dù những cảm giác đôi khi đánh lừa chúng ta, lại có liên quan tới những sự vật mà chúng ta mới nhận thức được, hay dù sao cũng đã có nhiều cái khác có thể tiếp cận được, mà về mặt lý trí, chúng ta không thể nghi ngờ gì, mặc dầu chúng ta nhận thức được chúng bởi nhờ thông qua các phương tiện của chúng. Chẳng hạn, có một sự kiện là tôi đang ở đây, đang ngồi gần bên lò sưởi, tự thu mình vào trong chiếc áo choàng, trên tay đang cầm mảnh giấy này, và những sự việc tương tự khác như thế. Và làm thế nào tôi lại có thể chối bỏ những bàn tay này và thân xác này là của tôi, và có lẽ tôi cũng không thể nào so sánh được chính tôi với những người nào đó mà họ chẳng có cảm nhận nào, vì nào bộ của họ đã bị rối loạn, và đang bị che mờ bởi những đám hơi nước mãnh liệt, tối om, đến nỗi họ vẫn thường xuyên quả quyết với chúng ta rằng họ là những ông vua, trong khi thực tế họ đang hoàn toàn nghèo khó; hay cho rằng họ đang mặc áo quần màu sắc diêm dúa, trong khi thực tế họ lại không ăn mặc gì cả; hay họ tưởng tượng rằng họ có một cái đầu bằng gốm, hay cũng không gì khác hơn là những trái bí ngô, hay chúng được làm bằng thủy tinh. Nhưng họ quả là điên. Và tôi cũng sẽ chẳng kém lành mạnh gì hôn họ trong khi tôi theo đuổi những ví dụ quá thật rất kỳ cục như thế.

Cùng lúc tôi phải nhớ rằng tôi là một người đàn ông, và chẳng vậy tôi cũng lại có thói quen phải ngủ, và trong giấc mộng tôi cũng hình dung ra cùng những sự việc như thế cho chính mình, hay ngay cả đôi khi những sự việc ít có vẻ như thế hơn, hơn cả những người nào không lành mạnh chính trong lúc thức tỉnh của họ. Thường thì điều đó rất hay xảy ra đối với tôi ngay trong đêm tôi có giấc mơ đó, tôi nhận thấy ra được chính mình ở trong tình huống đặc biệt này là tôi có mặc quần áo, và cũng ngồi gần bên lò sưởi, trong khi thực tế thì tôi đang nằm không mặc quần áo, ở trong chiếc giường của tôi! Vào chính lúc đó, rõ ràng dường như đối với tôi là đôi mắt tôi đang mở, và tôi đang nhìn vào mảnh giấy này; nhưng cái đầu mà tôi cử động được này lại không đang mê ngủ, cũng hoàn toàn rõ ràng là tôi đang chìa bàn tay ra và nhận thấy được nó; song điều gì đã xảy ra trong giấc ngủ, thì cũng không thể hiện được rõ ràng, cũng không thể được phân biệt giống như đang có giờ đây. Nhưng trong khi suy nghĩ những điều như thế, tôi vẫn nhớ được ở trong nhiều trường hợp, tôi đã bị nhầm lẫn trong giấc ngủ bởi những ảo ảnh tương tự, và trong khi đang tập trung cẩn thận vào sự suy nghĩ này, tôi lại thấy rất rõ ràng vẫn không thể có được những biểu hiện chắc chắn nào, để nhờ đó mà chúng ta có thể phân biệt được rõ ràng, trong

khi hoàn toàn tỉnh táo, đối với giấc ngủ mà tôi đã bị lạc lối một cách đáng ngạc nhiên. Và sự ngạc nhiên của tôi quá kỳ lạ, đến độ mà tôi gần như có thể tự thuyết phục được chính mình rằng giờ đây tôi đang mơ ngủ.

Giờ chúng ta cứ thử cho rằng chúng ta đang ngủ, và mọi điều lạ lùng này chẳng hạn, như chúng ta đang mở mắt ra, lắc đầu, chìa hai bàn tay ra, v.v., là những ảo giác nhầm lẫn; và chúng ta cũng hãy suy nghĩ, điều đó có thể cũng chẳng phải cả hai bàn tay ta hay cả thân thể của chúng ta cũng đều hiện ra với chúng ta giống như vậy. Cũng vậy, ít nhất chúng ta cần phải thú nhận là những sự vật đã hiện ra với chúng ta trong giấc ngủ, vẫn giống như những hình ảnh được vẽ ra, mà chúng ta chỉ có thể tạo thành chúng giống như những hình ảnh ngược lại của cái gì đó thật sự và chắc chắc, và trong cách này, thì ít ra những sự vật tổng quát đó, tức là mắt, đầu, tay, và toàn thân thể, đều không phải là những sự vật tưởng tượng, nhưng là những sự vật có thật. Bởi vì, giống như một vấn đề thực tại, những nhà họa sĩ, ngay cả khi họ nghiên cứu để trình bày những mỹ nhân ngư và những thần rừng với một kỹ năng khéo léo nhất, bởi những dạng lạ lùng và kỳ dị nhất, cũng không thể nào cho chúng những bản chất hoàn toàn mới, mà vẫn chỉ là tạo nên một sự hòa trộn những phần thân thể của những loài vật khác nhau; hay nếu sự tưởng tượng là hết sức phong phú để sáng tạo ra được cái gì đó mới nhất, đến nỗi nó không giống với bất cứ cái gì đã nhìn thấy trước đó, và thế là tác phẩm của họ tiêu biểu cho sự vật hoàn toàn tưởng tượng và tuyệt đối sai lạc chắc chắn tất cả giống nhau về màu sắc mà nó được tạo đủ để trông như thật. Và cũng cùng lý do đó, mặc dù những sự vật tổng quát này, đều chứng tỏ là [một thân thể], mắt, đầu, và đại loại như thế, có thể là tưởng tượng, nên vào cùng lúc chúng ta bị ràng buộc để thú nhận rằng ít nhất có một vài sự vật nào đó khác vẫn đơn giản hơn và phổ quát hơn, chúng là thật và chắc chắn có; và ngay từ những điều này, cũng trong cùng một cách giống với một số màu sắc thực nào đó, tất cả những hình ảnh này của sự vật dều là nằm trong tư tưởng của chúng ta, cho dù thật sự và chắc chắn, hay là sai lầm và ảo tưởng, nhưng đã được tạo ra.

Đối với một lớp các sự vật như thế có bản chất vật thể nói chung, và sự mở rộng của nó, hình ảnh của những sự vật đã được mở rộng đó, khối lượng hay độ lớn và số lượng của chúng, cũng như nơi chốn nó có mặt, thời gian tồn tại, v.v.

Điều đó cho thấy được tại sao lập luận của chúng ta không đúng, khi chúng ta rút ra kết luận từ điều này rằng vật lý, thiên văn học, y học, và tất cả những ngành khoa học khác, mà mục tiêu của chúng là xem xét về các sự vật tạo thành, là rất mơ hồ và không chắc chắn; nhưng số học, hình học, và những khoa học khác thuộc cùng loại lại chỉ khảo sát về những sự vật vốn rất đơn giản và rất tổng quát mà không phải bị bối rối nhiều để nhằm xác nhận chúng có thật hiện hữu hay không, có chứa đựng mức độ nào về sự chắc chắn và có yếu tố của sự không chắc chắn hay không. Bởi vì dù tôi đang thức hay ngủ, thì hai với ba vẫn luôn là năm, và hình vuông cũng không thể nào có hơn bốn cạnh, và cũng có vẻ như không thể có những chân lý rõ ràng và hiển nhiên lại bị nghi ngờ được về bất kỳ một điều sai lầm [hay không chắc chắn] nào.

Tuy vậy, từ lâu tôi đã cố định trong óc mình một niềm tin cho rằng có một vị Thượng Đế đầy quyền năng hiện hữu và nhờ đó mà tôi đã được tạo ra giống như tôi đang có hiện nay. Nhưng làm thế nào để tôi biết được ông ta đã có thể làm cho điều đó hiện thực được nếu như không có mặt đất, không có bầu trời, không có thân xác cụ thể, không có độ lớn, không có nơi chốn, và tuy vậy [tôi luôn có những sự nhận thức về mọi sự vật này và] đối với tôi,

chúng dường như có hiện hữu thật sự giống như giờ đây tôi đang nhìn thấy chúng không? Và ngoài ra, giống như đôi khi tôi tưởng tượng là những người khác cũng luôn nhầm lẫn về những sự vật mà họ cứ nghĩ là họ đã biết về chúng tốt nhất, thì làm sao tôi biết chắc chắn là tôi đã không bị lừa dối đến một lần thứ hai và thứ ba, lúc đếm những cạnh của một hình vuông, hay phán đoán về những sự vật nào đó còn đơn giản hơn, nếu có thể có một sự vật nào đó còn mang tính đơn giản hơn có thể được tưởng tượng ra. Nhưng cũng có thể là Thượng Đế vẫn không muốn cho tôi phải bị lừa dối như thế, bởi vì ngài vẫn được cho là cực kỳ tốt. Tuy vậy, nếu trái lại với sự tốt đẹp của ông ta, ông lại đã làm cho chính tôi luôn luôn bị lừa dối như thế, thì cũng có vẻ như đi ngược lại với điều tốt đẹp của ông ta, tức dã cho phép tôi đôi khi bị sai lầm, tuy vậy tôi cũng không thể nghi ngờ được rằng ông ta lại đã cho phép cả điều này.

Như vậy, có thể nào có những người chỉ muốn chối bỏ sự hiện hữu của một vị Thượng Đế đầy quyền năng, hơn là chỉ tin rằng mọi sự vật khác cũng không chắc chắn. Nhưng chúng ta cũng đừng nên đi ngược lại họ vào lúc này, và cam quyết rằng mọi điều gì đó được nói đến về Thượng Đế đều là huyền hoặc; tuy vậy trong bất cứ tính cách nào họ vẫn cho tôi đã đạt tới được tình trạng tôi dã từng đạt tới - cho dù họ cho điều đó là tất yếu hay chỉ ngẫu nhiên, hay chủ trương đó là sự diễn tiến tiếp tục của các tiên đề, hay bởi một phương pháp nào đó khác - thì sự nhầm lẫn hay sự tự lừa dối mình đều là sai lệch cả, và rõ ràng là điều lớn hơn nữa sẽ chính là sự khả dĩ bất toàn của tôi, khiến cho tôi cứ bị ảo tưởng, như thể là một tác giả mà ngay từ dầu đã được chỉ định có rất ít quyền năng. Đối với các lý do này, chắc chắn tôi cũng chẳng có điều gì để đáp lại cả, nhưng cuối cùng, tôi vẫn cảm thấy bị bó buộc phải thú nhận rằng chẳng có điều gì thật hết trọi mà trước kia tôi đã tin đó là thật, từ đó tôi cũng không thể còn có chút nghi ngờ gì cả, và điều đó cũng không chỉ do thiếu suy nghĩ hay sự khiếm khuyết gì cả, mà là bởi những lý do rất mạnh mẽ và được suy nghĩ chín muồi; do vậy tôi cũng không thể thiếu thận trọng hơn, để không ngừng lặp lại do từ những ý kiến này, đối với một điều gì rõ ràng là sai lầm, nếu tôi muốn đi tới bất cứ một sự khẳng định chắc chắn nào đó [trong các khoa học].

Nhưng thật sự không đủ để tạo nên những sự lưu ý này, chúng ta phải cận thận giữ chúng trong đầu óc. Bởi vì những ý kiến cũ kỹ và quá thông thường này hiện vẫn còn cứ diễn ra thường xuyên trong đầu óc tôi, tập quán quen thuộc và lâu dời đã khiến cho chúng có quyền chiếm cứ đầu óc tôi, đi ngược lại cả khuynh hướng của tôi, và khiến chúng hầu như là các ông chủ của những niềm tin của tôi; sẽ chẳng bao giờ tôi phải mất đi chính thói quen, căn cứ vào chúng, hay đặt niềm tin nơi chúng, miễn là tôi vẫn xem chúng giống như thể chúng đang hiện hữu thật sự, có nghĩa là những ý kiến trong một chừng mực nào đó thật rất đáng ngờ, như tôi đã từng chỉ ra, và cùng một lúc, lại rất có thể có rất nhiều lý lẽ để tin tưởng hơn là nhằm để chối bỏ chúng. Đó là lý do tại sao tôi vẫn xem như tôi sẽ hành động không phù hợp, nếu chỉ vì một mục tiêu của một niềm tin trái ngược lại, mà tôi cho phép chính tôi bị lừa dối, và trong một thời gian nào đó, giả dụ rằng tất cả những ý tưởng này là hoàn toàn sai lầm và mang tính tưởng tượng, cho tới sau cùng, nhờ vậy mà nó cân bằng lại được với những tiên đoán của tôi trước kia cùng với những cái vừa rồi của tôi [vì thế cho nên chúng không thể làm sai lệch được những ý tưởng của tôi thành thiên về chiều này hơn là chiều kia], nhờ đó sự phán đoán của tôi sẽ không còn bị chế ngự bởi thói quen xấu và bị làm lệch đi khỏi sự hiểu biết đúng về sự thật nữa. Bởi vì tôi chắc chắn rằng có thể cũng

chẳng còn có mối nguy hiểm nào, hoặc sự sai lầm nào nữa ở trong tiến trình này, và vào lúc này tôi cũng không thể ít tin chắc hơn, bởi vì hiện giờ tôi cũng không xem xét vấn đề hành động, mà chỉ là vấn đề tri thức.

Do thế mà tôi sẽ cho rằng, không phải đấng Thượng Đế cực tốt là suối nguồn của mọi sự thật, mà là một thứ yêu ma quỷ quái nào đó không ít quyền năng và khả năng lừa phỉnh hơn đã sử dụng toàn bộ các năng lực của nó để nhằm lừa dối tôi; tôi sẽ cho rằng tất cả bầu trời và mặt đất, màu sắc, hình ảnh, thanh âm, và tất cả mọi loại sự vật bên ngoài khác nữa, cũng chẳng gì khác hơn là những ảo ảnh, những mộng mị, mà từ đó loại yêu tinh kia có các năng lực nổi trội của nó đã nhằm dặt bẫy cho tính dễ tin của tôi; tôi sẽ xem chính tôi như chẳng có tay, chẳng có mắt, chẳng có da thịt, chẳng có máu huyết, chẳng có các cảm giác gì cả, hay nói khác đi, tôi chỉ có sai lầm khi nghĩ là mình có tất cả những sự vật này; và tôi sẽ vẫn kiên trì gắn chặt với ý tưởng này, và nếu bằng cách này mà khả năng của tôi cũng không cho phép tôi có thể đạt tới được một sự hiểu biết về một sự thật nào đó, thì ít nhất có lẽ tôi cũng sẽ làm được một điều gì đó trong khả năng của mình [nghĩa là tạm ngưng sự phán đoán của mình lại], và với một mục tiêu chắc chắn tránh phải bị bắt buộc tin chắc vào bất cứ một sự vật nào, hoặc sai lầm nào bởi cái vòm dối dạt này, tuy rằng anh ta có lẽ rất mạnh mẽ và lừa dối. Nhưng công việc này quả là một công việc đầy mệt nhọc, và thế nào cũng sẽ phải rất nhàm chán, nếu tôi sẽ đưa nó vào trong dòng trôi chảy của đời sống hàng ngày. Và cũng chẳng khác nào một kẻ bị bắt giữ, ở trong giấc ngủ của mình, lại chơi trò tự do tưởng tượng, một khi anh ta đã bắt đầu nghi ngờ sự tự do của anh ta chỉ là cơn mộng, nên sợ hãi không còn muốn thức giấc, và rồi chỉ cứ muốn đồng lõa với những ảo giác dễ chịu này, khiến cho sự bị lừa dối kia cứ kéo dài mãi, và càng được tăng cường hơn, do bởi chính sự đồng lòng của tôi, khiến cho tôi lại phải bị rơi về lại trong các ý tưởng trước kia của mình, và tôi kinh sợ phải bị thức giấc từ sự ngủ say này, sợ rằng sự thức tỉnh đầy nhọc nhằn sẽ có thể tiếp theo sau nó mà sự yên tĩnh của việc nghỉ ngơi này sẽ phải bị phung phí đi mất không phải trong ánh sáng ban ngày, mà là trong bóng đêm thái quá của những khó khăn như đã được bàn cãi.

Suy tưởng II: Về bản chất tinh thần con người; điều này được biết dễ dàng hơn thân thể

Sự suy tưởng trong ngày hôm qua đã choán hết tinh thần của tôi với rất nhiều sự nghi ngờ, đến nỗi tôi không còn hơi sức nào để quên đi chúng được cả. Và do thế, tôi cũng không thể thấy có cách nào đó để tôi có thể giải quyết được chúng; vậy nên tôi như đã đột nhiên bị rơi vào trong chỗ nước rất sâu, làm cho tôi thật sự bối rối, đến nỗi tôi cũng không thể nào có cách chạm chân được xuống đáy, hoặc bơi đi hay trồi lên được trên mặt nước. Tuy thế, tôi cũng sẽ phải cố gắng hết sức nhằm để đi theo được chính con đường mà tôi đã đi vào đó chỉ mới hôm qua đây, tức tôi sẽ tìm cách đặt qua một bên tất cả những gì gợi lên được sự hoài nghi nào cho dù nhỏ nhất có thể có được, nếu khiến tôi có thể khám phá ra được nó tuyệt đối sai lầm; và tôi vẫn sẽ phải đi theo con đường này, cho tới khi tôi gặp được điều gì đó thật sự chắc chắn, hay ít nhất nếu tôi vẫn không thể nào làm được một điều gì đó khác, cho tới khi tôi biết được thật chắc chắn rằng chẳng có điều gì trong thế giới này là chắc chắn cả. Archimedes đã nói, để ông ta có thể kéo

được quả đất ra khỏi vị trí của nó và chuyển được nó đi tới một nơi khác, ông chỉ yêu cầu có được một điểm cố định và chuyển động; trong cùng cách đó, tôi có quyền được nuôi dưỡng những hi vọng cao, nếu tôi có đủ may mắn, để khám phá ra chỉ một điều nào đó thật chắc chắn và cũng không thể bị nghi ngờ được.

Do vậy, tôi cho rằng tất cả mọi sự vật mà tôi đã nhìn thấy là sai lầm; tôi tự thuyết phục mình rằng chẳng có điều gì đó đã tồn tại trong trí nhớ, mà vốn không lầm, do tôi đã biểu hiện ra cho chính tôi. Tôi muốn cho rằng tôi không có các giác quan nào cả; tôi cũng tưởng tượng là thân xác, khuôn mặt, kích thước, vận động, và cả nơi chốn đều là những ảo tưởng của trí năng của tôi. Thế thì cái gì có thể được cho là thật hữu? Có lẽ chẳng có cái gì hết cả, hay ít ra cũng chẳng có cái gì trong thế giới này là chắc chắn cả.

Nhưng làm thế nào để tôi có thể biết là chẳng có một sự vật nào khác với những sự vật mà tôi đã xem xét, mà với chúng người ta không thể có bất cứ một chút nghi ngờ nào cả? Phải chăng không có một vị Thượng Đế nào đó, hay bất cứ dưới tên gọi nào chúng ta gọi về người đã đặt những sự phản ảnh này vào trong đầu óc của tôi? Điều đó không cần thiết vì phải chăng nó không có lý do gì tự tôi lại có khả năng tạo ra chúng? Còn chính tôi, ít nhất tôi không là gì cả? Nhưng tôi đã phủ nhận là tôi có các giác quan và thân xác. Nhưng tôi lại băn khoăn, bởi vì sau đó sẽ là cái gì? Phải chăng tôi lệ thuộc vào thân xác và các giác quan tôi, đến nỗi tôi không thể hiện hữu mà không có chúng? Nhưng tôi vẫn tin chắc là chẳng có cái gì cả trong thế giới này, chẳng có bầu trời, mặt đất, chẳng có tinh thần, cũng chẳng có thân xác nào hết: thế thì qua đó, tôi cũng tin chắc là phải chăng tôi cũng không hiện hữu? Tôi chẳng hiện hữu gì hết; hẳn nhiên chắc chắn là chính tôi không hiện hữu, bởi vì tôi phải tin chắc rằng chính tôi cũng lại là một cái gì đó [hay cũng chỉ do bởi tôi nghĩ về một cái gì đó]. Nhưng đã có một kẻ lừa dối nào đó, hay một kẻ khác nào đó giống như thế, rất có quyền năng, và cũng rất láu cá, mà chính nó đã dùng tài khéo léo của nó để nhằm lừa dối tôi. Thế thì không nghi ngờ gì nữa, là tôi đang hiện hữu, cũng như nếu kẻ ấy đang lừa dối tôi tùy thích theo cách của ông ta, thì ông ta cũng không thể bao giờ làm cho tôi không là cái gì cả, chừng nào tôi vẫn còn nghĩ được tôi là chính cái gì đó. Như vậy, sau khi đã suy nghĩ kỹ lưỡng, và xem xét thận trọng mọi sự vật, tôi phải đi đến kết luận nhằm xác định rằng mệnh đề này: Tôi đang có, tôi đang hiện hữu, là điều gì đó thiết yếu thật sự mỗi lần tôi nói lên điều đó, hay là tôi nhận thức nó được trong tinh thần mình.

Nhưng tôi vẫn chưa biết đủ rõ ràng tôi là gì, tôi đích thực là ai; và do vậy tôi cần phải cẩn thận và thấy rằng tôi không thể hời hợt lấy một sự vật nào đó khác để thay vào chỗ của tôi, và như thế tôi cũng không thể đi trệch đường đối với sự hiểu biết này, mà tôi cho là chắc chắn nhất và hiển nhiên nhất đối với mọi cái gì mà trước đây tôi đã học được. Đó cũng là lý do tại sao tôi sẽ xem xét lại điều gì mà chính bản thân tôi đã tin tưởng rằng chính tôi là như thế trước khi chuyển sang những suy nghĩ mới nhất chỉ vừa có này; và cũng từ những suy nghĩ trước kia, tôi sẽ kéo lùi lại mọi cái gì chúng có thể vẫn như thế, ngay cả trong cấp độ nhỏ nhất, vì không thể nào có giá trị được, bởi chính các lý do mà tôi đã vừa trưng ra, để cốt nhằm sẽ không có cái gì sẽ bị bỏ sót lại cả, ngoài cái gì đó là tuyệt đối chắc chắn và không thể nào nghi ngờ được.

Vậy thì điều gì mà trước đây chính bản thân tôi đã tin tưởng như tôi chính là cái đó? Không nghi ngờ gì là tôi tin tưởng chính tôi là một con người. Nhưng con người là gì? Tôi có thể cho đó là một con vật có lý trí chăng? Chắc chắn là không phải; bởi vì như thế, tôi sẽ phải tìm hiểu

xem con vật là gì, và cái gì là lý trí; và như thế, thì từ một vấn đề đơn lẻ, tôi lại phải vô hình chung bị rơi vào trong sự vô hạn của những cái khác khó hiểu hơn nhiều; và tôi lại không mong muốn phải bị phí phạm chút thời gian nào cả khi có sự thích thú nào đó vẫn còn lại với tôi để cố gắng thắng vượt được những sự tinh tế như thế đó. Nhưng tôi thà sẽ ngừng lại ở đây, để xem xét những tư tưởng mà chính chúng đang nảy ra trong đầu óc tôi, và chúng cũng không được cảm hứng bởi một cái gì khác, ngoài chính bản chất của tôi, chỉ khi nào tôi phải cần bó buộc chính mình để nhằm xem xét lại sự hiện hữu của bản thân tôi. Thế nên trước hết, tôi xem chính tôi như là có một cái mặt, tứ chi, và tất cả toàn bộ hệ thống những bộ phận của thân thể được tạo nên bởi xương và thịt, giống như là được nhìn thấy trong một thây ma, mà tôi đặt cho nó cái tên là thân xác. Thêm vào điều này, tôi cho rằng tôi đã được nuôi dưỡng, rằng tôi bước đi, rằng tôi cảm thấy, và rằng tôi suy nghĩ, và từ tất cả các hành động này, cũng phải nói tới linh hồn: nhưng tôi không dừng lại để xem xét cái gì là linh hồn, hay nếu tôi dừng lại, tôi cũng tưởng tượng được rằng đó là một cái gì đó cực kỳ hiếm và tinh tế, giống như gió, lửa, và ê-te, mà chính nó lan rộng ra khắp trong mọi phần của cơ thể tôi. Vì như là một thân thể, tôi cũng không có cách nào nghi ngờ được về bản chất của nó, nhưng tôi nghĩ tôi đã có một sự hiểu biết rất rõ rệt về nó; và nếu tôi mong muốn cắt nghĩa nó phù hợp theo những khái niệm tôi đã tạo ra được nên từ đó, thì tôi sẽ mô tả nó giống như vầy: Nhờ thân thể mà tôi hiểu biết được mọi điều gì mà nó có thể được định nghĩa bằng một hình ảnh nào đó: một cái gì đó có thể được xác định trong một nơi chốn nào đó, và nó có thể lấp đầy một khoảng không gian nhất định, theo như cách mà mọi vật thể khác sẽ bị đẩy ra khỏi nơi đó; nó có thể được nhận biết, hoặc bằng xúc giác, hay bằng thị giác, hay bằng thính giác, hay bằng vị giác, hay bằng khứu giác: nó cũng có thể được vận động trong nhiều cách, thật sự không phải bởi chính nó, nhưng bởi cái gì khác ở ngoài nó, mà qua cái đó nó có thể được sờ thấy, [và từ đó mà nó nhận ra được những cảm giác]: bởi vì để có được sức mạnh tự vận động, cũng như tự cảm giác, hay tự suy nghĩ được, tôi đã không xem như nó chỉ thuộc về bản chất của cơ thể: trái lại, tôi lại ngạc nhiên nhận thấy được những khả năng tương tự với chúng cũng đã tồn tại trong một số cơ thể nào đó khác.

Nhưng tôi là gì, giờ đây tôi giả định có một loại yêu tinh nào đó cực kỳ quyền năng, và tôi cũng có thể nói được là nó còn rất ma mãnh nữa, và nó đã dùng mọi năng lực của nó để cố lừa dối tôi? Liệu tôi có thể xác định được rằng tôi vẫn có ít tính chất khách quan nhất, mà chỉ có nhiều quan hệ với bản chất của thân xác? Tôi ngừng xem xét, và tôi tự giải tỏa mọi việc này trong đầu óc của tôi, và cũng không tìm thấy có gì trong chúng mà tôi có thể nói là có liên quan tới tôi cả. Vậy cần phải nên kiên quyết ngưng liệt kê về chúng. Chúng ta hãy chuyển sang những thuộc tính của linh hồn, và thử xem có còn cái gì đó ở trong tôi chăng? Có sự nuôi dưỡng gì, hay là việc bước đi [riêng cái thứ nhất đã được lưu ý rồi]? Nhưng nếu nó là như thế, thì tôi cũng chẳng có thân thể, và điều đó cũng đúng nếu khi tôi không bước đi, và cũng không cần tới thức ăn. Thuộc tính khác là sự nhận biết. Nhưng người ta không thể cảm thấy được nếu không có thân xác, và ngoài ra, tôi cũng còn thấy rằng tôi nhận thức được nhiều điều trong khi ngủ, rằng tôi đã nhận thấy được chúng trong những khoảnh khắc tôi tỉnh thức, mà không cần được trải nghiệm gì trước đó cả. Rồi suy nghĩ có nghĩa là thế nào? Ở đây tôi cho sự suy nghĩ là một thuộc tính thuộc về tôi; nó không thể nào tách rời ra khỏi tôi, tôi đang có mặt, tôi hiện hữu, điều đó là chắc chắn. Nhưng nó thường xuyên tới mức độ

nào? Ngay cả vào lúc tôi đang suy nghĩ; bởi vì có thể có trường hợp tôi hoàn toàn ngừng suy nghĩ, thì khi ấy tôi cũng ngừng luôn hiện hữu. Giờ đây thì tôi cũng không thể nhận thức được một điều gì đó, mà chính nó cũng không thiết yếu là thực: nói một cách chính xác, tôi không còn là một sự vật đang suy nghĩ nữa, tức là một tinh thần, hay một linh hồn, hay một sự hiểu biết, hay một lý trí, đó chỉ là những từ ngữ mà ý nghĩa của chúng trước đây tôi đã không hề biết tới. Tuy vậy, tôi là một sự vật có thật, và hiện hữu thật; nhưng đó là cái gì? Tôi đã có trả lời rồi: một sự vật biết suy nghĩ.

Và còn điều gì nữa? Tôi sẽ cố gắng tưởng tượng [nhằm để thấy được phải chăng tôi cũng chẳng còn là cái gì nữa cả]. Tôi không phải là một tập hợp các bộ phận mà chúng ta gọi là thân thể của con người: tôi thật không phải là một hơi khí tinh tế được phân phối thông qua những thành phần này, tôi cũng không phải là một cơn gió, một ngọn lửa, một làn hơi nước, một hơi thở, và cũng chẳng phải là một cái gì đó khác cả mà tôi có thể tưởng tượng hay nhận thức ra được; bởi vì chính tôi đã cho rằng mọi điều này cũng chẳng là gì hết. Vẫn không thay đổi giả định rằng tôi nhận thấy tôi chỉ tự bỏ điều chắc chắn tôi về sự thực là một cái gì đó. Nhưng có lẽ điều đúng đắn nhất, chính là có những sự vật này, mà tôi đã giả định là chúng không tồn tại, chỉ bởi vì tôi không biết chúng, và sự thực thì chúng không khác với những điều mà tôi đã biết. Tôi biết rằng tôi tồn tại, và tôi tìm hiểu tôi là gì, tôi là ai, để mà tôi biết là mình hiện hữu. Nhưng có điều rất chắc chắn là sự nhận thức việc tồn tại của mình phải có mang một ý nghĩa chính xác nào đó, không phụ thuộc vào những sự vật gì mà sự hiện hữu của nó còn chưa được tôi biết tới; do vậy, mà nó cũng không thể phụ thuộc vào những điều gì đó mà tôi có thể làm bộ như mình tưởng tượng ra. Và thật vậy, duy tiếng giả đò trong tưởng tượng thôi, cũng chứng tỏ cho tôi thấy sự sai lầm của chính tôi, bởi vì tôi chỉ thật sự làm điều này nếu tôi tưởng tượng chính tôi là một cái gì đó, bởi vì sự tưởng tượng cũng chẳng gì hơn là sự chiêm ngắm một hình ảnh, hay sự chiêm ngắm ảnh tượng của một cái gì đó cụ thể. Nhưng tôi vốn biết chắc chắn là tôi đang có mặt, còn có thể tất cả những hình ảnh này, hoặc nói chung là mọi sự vật có quan hệ đến bản chất thân xác của tôi lại cũng chẳng phải là những điều gì khác hơn là các mộng tưởng [mộng mị]. Bởi lý lẽ này, mà tôi thấy rõ tôi phải có ít nhiều lý do để nói rằng "Tôi sẽ kích thích trí tưởng tượng của tôi, cốt để nhằm biết được một cách thật rõ ràng hơn tôi là ai", hơn là nếu tôi chỉ bảo là "tôi giờ đây đang tỉnh thức, và tôi nhận thấy được có cái gì đó là có thật và đích xác: nhưng bởi vì việc tôi nhận thức nó thật sự là không đủ rõ ràng, nên tôi sẽ phải đi ngủ để thể hiện được mục tiêu của mình, để cho những giấc mơ của tôi có thể biểu thị được sự nhận thức ở trong một sự thật lớn nhất và hiển nhiên nhất". Và do vậy, tôi cũng biết chắc chắn chẳng có điều gì từ mọi sự mà tôi hiểu chỉ nhờ bởi sự tưởng tượng của tôi, là thuộc về sự nhận thức mà chính tôi có này, và cũng cần thiết phải gợi lại trong trí não của tôi từ một cách suy nghĩ với sự thận trọng hết mực, nhằm để tôi có khả năng biết được bản chất thật sự của chính nó với một sự rõ rệt hoàn toàn nhất.

Nhưng thế thì tôi là ai? Là một sự vật biết suy nghĩ. Nhưng một sự vật biết suy nghĩ là gì? Có nghĩa đó là một sự vật biết hoài nghi, hiểu biết, [nhận thức], khẳng định, chối bỏ, mong muốn, từ chối, và nó cũng có thể tưởng tượng và cảm nhận được.

Chắc chắn đó chẳng phải là điều không quan trọng, bởi vì nếu tất cả mọi sự việc này đều có liên quan đến bản chất của tôi. Nhưng tại sao chúng lại phải có sự quan hệ như thế? Tôi đã chẳng phải là một kẻ đang nghi ngờ hầu hết tất cả mọi sự sao, và người như vậy mà lại hiểu được

có sự vật nào đó là chắc chắn, thì sự khẳng định đó phải là một điều gì đó có thật, còn người chối bỏ tất cả mọi cái khác chính là người muốn biết được nhiều hơn, tức là người đã cố gắng thoát ra được khỏi mọi điều bị lừa dối, nhờ tưởng tượng ra nhiều sự vật, kể cả đôi khi còn bất chấp cả ý muốn của chính mình, và cũng là người nhận thấy được nhiều điều tương tự vì nhờ có được sự tham dự của những cơ quan của thân thể? Phải chăng cũng lại không có một điều gì trong tất cả những điều này là thật, cũng giống như chắc chắn là tôi hiện hữu, ngay cả cho dù tôi cứ phải luôn luôn ngủ, và cho dù kẻ kia có đem tất cả mọi sự khôn khéo của anh ta ra để lừa tôi đi nữa? Phải chăng cũng cùng cách thức như thế đối với những thuộc tính này, mà chính chúng có thể được phân biệt với sự suy tưởng của tôi, hay có thể nói được rằng chúng là tách biệt với chính tôi? Bởi vì rõ ràng chính tự mình mà tôi là người đang nghi ngờ, hiểu biết, và mong muốn, và cũng không có lý do gì ở đây để thêm vào một điều gì đó khác nhằm để cắt nghĩa nó. Và tôi chắc chắn mình có sức mạnh tưởng tượng giống như thế; hay mặc dù có thể xảy ra sự kiện (như trước kia tôi đã giả định) là chẳng có gì trong các sự vật này do tôi tưởng tượng là thật cả, trừ phi năng lực của sự tưởng tượng này vẫn không ngừng được dùng đến thật sự, và nó tạo nên một phần trong tư tưởng của tôi. Cuối cùng, tôi cũng chính là người đang cảm nhận, hay nói khác là người đang nhận thức về những sự vật nào đó, nhờ bởi những giác quan, bởi vì thật ra tôi nhìn thấy được ánh sáng, tôi nghe được tiếng động, tôi cảm thấy được sức nóng. Nhưng vẫn cũng sẽ nói được những hiện tượng này là sai lầm, và chính tôi đang mộng mị. Hãy cứ tạm cho là như thế đi; hay ít nhất, cũng còn hầu như chắc chắn, là việc dường như tôi đang nhìn thấy được ánh sáng, tôi đang nghe thấy được tiếng động, và tôi cảm thấy được sức nóng. Điều đó thì không thể nào sai lầm; hay nói một cách đích thực, thì nó cũng là một cái gì đó trong tôi vẫn được gọi là tình cảm; và cũng trong chính ý nghĩa chính xác này, thì nó cũng không gì khác hơn chính là sự suy nghĩ.

Kể từ lần này, tôi bắt đầu biết tôi là cái gì đó với một chút ít sáng tỏ hơn và có phân biệt hơn trước kia; nhưng tuy vậy, đường như cũng hãy còn mơ hồ đối với tôi, và tôi cũng không thể nào tránh việc được việc chính tôi phải suy nghĩ là những sự vật mang tính vật chất này, mà các hình ảnh của chúng vẫn bị đóng khung trong tư tưởng, còn chúng thì được kiểm nghiệm bởi các giác quan, thì được biết một cách rõ rệt hơn là cái phần tối tăm của chính tôi mà tôi không thể nào tưởng tượng nó ra được. Mặc dù sự thật cũng rất lạ lùng, để nói được là tôi đã biết và hiểu tôi một cách rõ rệt hơn là những sự vật này, mà sự hiện hữu của chúng đối với tôi dường như đáng ngờ, vì chúng không được tôi biết, và chúng cũng không thuộc về tôi, hơn là những điều nào khác của sự thật mà tôi vốn chắc chắn là chúng đã được tôi biết tới, và chúng cũng thuộc về bản chất thật sự của tôi, hay nói ngắn gọn hơn, đó là chính tôi. Nhưng tôi lại thấy rõ ràng, làm thế nào mà trường hợp này có có thể được: đầu óc tôi luôn thích lang bang, do vậy mà không thể nào nó lại chịu bị giữ lại mãi chỉ ở bên trong chính những giới hạn của sự thật. Vậy tốt lắm, chúng ta phải cần một lần nên để cho nó được hoàn toàn tự do, nhằm khi tiến tới xa hơn, chúng ta có thể sẽ nắm được cơ hội đúng mức nhất hầu để dễ dàng điều tiết và kiểm soát hơn.

Chúng ta hãy bắt đầu xem xét những vấn đề chung nhất, những vấn đề mà chúng ta tin tưởng sẽ hiểu được một cách rõ rệt nhất, để nhằm làm bằng chứng đối với những sự vật mà chúng ta sờ thấy và nhìn thấy được; thật sự đó cũng chẳng phải là những sự vật nói chung, bởi vì

những ý tưởng chung thì vẫn thường khi có một chút ít gì đó còn mơ hồ hơn, nhưng chúng ta hãy thử xem xét một sự vật đặc thù chẳng hạn. Chúng ta cứ hãy lấy một trường hợp để làm ví dụ, như miếng sáp này: nó mới vừa được lấy ra từ một cái tổ ong, và vẫn còn giữ nguyên được vị ngọt của mật có chứa trong đó; nó cũng còn giữ lại được một vài mùi hương nào đó của hoa do từ đó mà nó đã được tạo thành; nên màu sắc, hình ảnh và qui cách của nó rất là rõ ràng; nó cứng, mát, dễ cầm lên được, và nếu bạn lấy ngón tay búng vào đó, nó sẽ phát ra một âm thanh. Cuối cùng, mọi sự vật nào đó phù hợp để chúng ta cũng nhận biết được rõ ràng nó đúng là một vật thể, đều nằm ngay trong nó. Nhưng giờ hãy lưu ý, là trong khi tôi đang nói và đưa nó gần vào ngọn lửa, thì cái mùi hương còn lại đã được cảm biết cũng liền bị loại bỏ, những mùi vị bị bốc hơi đi, màu sắc thì thay đổi, hình ảnh cũng bị tiêu hủy, độ lớn lại gia tăng lên, nó đã trở nên lỏng, bị nung nóng lên, và rồi thật khó mà cầm lấy được nó, và khi người ta thử chạm vào nó, cũng chẳng có lấy một âm thanh nào phát ra nữa cả. Có phải chăng cũng chính là miếng sáp ong đó vẫn được giữ lại sau khi có những sự thay đổi này? Chúng ta phải thú nhận đó vẫn chính là nó; không ai có thể nghĩ gì khác được. Vậy thì chính tôi đã biết được điều gì rõ ràng ở trong miếng sáp ong này? Có phải chăng chắc chắn là chẳng có cái gì khác, ngoài tất cả những sự cảm nhận mà tôi đã nêu lên cho sự ghi chú của tôi, bởi vì tất cả những sự vật này được hiện ra dưới xúc giác, vị giác, khứu giác, thị giác, xúc giác, và thính giác, đều đã bị thay đổi, song chỉ có miếng sáp vẫn cứ tồn tại mà thôi.

Có lẽ đó là điều mà giờ đây tôi phải suy nghĩ, tức là miếng sáp ong này, cũng chẳng phải là vị ngọt của mật ong, chẳng phải những mùi thơm của các bông hoa, không phải là màu trắng đặc trưng đó, không phải hình dạng như thế đó của nó, cũng không phải âm thanh đó, nhưng chỉ là một vật thể đã có một chút xíu gì đó từng hiện ra với tôi trước đây, như nó có thể được nhận biết dưới những hình dạng này, rồi giờ đây nó lại được nhận biết dưới những hình dạng thức khác. Nhưng chính xác, nó là cái gì mà tôi đã tưởng tượng ra khi tôi tạo ra những ý niệm như thế? Chúng ta hãy nên chú ý xem xét về điều này, và loại trừ ra khỏi đó tất cả mọi cái gì không thuộc về sáp, xong chúng ta hãy xem liệu có cái gì đó là còn lại. Chắc chắn cũng chẳng có cái gì còn lại, trừ ra là một trương độ nào đó có thể uốn nắn được và làm cho thay đổi được. Nhưng ý nghĩa của sự uốn nắn và thay đổi được đó lại là cái gì? Phải chăng đó chẳng phải là cái gì mà tôi có thể tưởng tượng ra được, như là mẩu sáp ong này hình tròn, nay lại có thể trở thành hình vuông, và từ hình vuông lại có thể trở thành ra một hình dạng tam giác? Không, chắc chắn chẳng phải là điều đó, bởi vì tôi tưởng tượng nó chấp nhận được vô số những sự thay đổi tương tự, và tuy vậy tôi lại không biết làm thế nào mà tưởng tượng ra cho hết biết bao nhiêu những tính chất như thế, và vì vậy mà ý niệm này của tôi có về cục sáp ong, không phải đã được nêu lên chỉ nhờ ở khả năng tưởng tượng. Còn bây giờ, cái gì là trương độ này? Phải chăng chính nó cũng không thể được nhận biết? Bởi vì nó đã trở nên lớn lên hơn khi cục sáp ong tan chảy ra, đã lớn hơn nhiều khi nó được đun sôi lên, và còn lớn hơn nữa khi nhiệt độ còn gia tăng thêm nữa; và tôi cũng không thể nhận thấy [rõ rệt] sự thật thì mẩu sáp kia đúng ra là cái gì, nếu tôi không nghĩ là ngay cả mẩu sáp tôi đang xem xét này vẫn có thể được nhận thức với nhiều đặc điểm hơn nữa trong sự mở rộng ra thêm hơn như tôi đã từng tưởng tượng. Do thế, mà tôi phải chắc chắn là ngay cả việc tôi không thể hiểu xuyên suốt được trong sự tưởng tượng mẩu sáp này là gì nữa, thì cũng chỉ duy có đầu óc tôi mới nhận thức được nó. Tôi

nói miếng sáp này thì đặc biệt nó cũng như các sáp ong nói chung, là điều sáng tỏ hơn. Nhưng miếng sáp này là cái gì, thì điều đó không thể được hiểu, trừ khi phải bằng [sự hiểu biết] tinh thần? Nó chắc chắn cũng đúng là cái tôi đang nhìn thấy, sờ mó thấy, tưởng tượng được, và cuối cùng nó cũng chính là cái mà tôi vẫn đã luôn tin chắc nó là như thế đó ngay từ lúc đầu. Nhưng cái gì đó phải được đặc biệt quan sát, chính là sự nhận thức nó chẳng phải là hành động nhìn, hay sờ, hay tưởng tượng, vì không thể bao giờ là như thế cả, mặc dù đối với tôi trước kia nó đã có vẻ là như thế, nhưng chỉ bằng sự trực giác của đầu óc, dù có vẻ nó không được hoàn hảo như đã có trước kia, hay cũng đã được rõ ràng và phân biệt như hiện nay, phù hợp theo sự chú ý của tôi, vẫn ít nhiều nhắm vào chính những yếu tố đã được nhìn thấy trong nó, và từ đó nó được tạo thành.

Thế nên tạm thời trong lúc này, tôi hết sức ngạc nhiên khi xem xét [sự yếu kém lớn của tinh thần] và khuynh hướng của nó là cứ hay rơi vào [một cách vô ý thức] trong sự nhầm lẫn; bởi vì mặc dù không có sự biểu hiện ra nơi những ý nghĩ của tôi, tôi vẫn xem mọi vấn đề này nằm trong chính tinh thần của tôi, những từ ngữ này thường hay bó buộc tôi, và tôi hầu như bị mê hoặc bởi những từ ngữ trong ngôn ngữ thường ngày. Do bởi chúng ta nói chúng ta nhìn thấy cùng một thỏi sáp, nó đang có mặt, và không phải chúng ta chỉ phán đoán đơn giản đó vẫn chính là nó, bởi vì nó có cùng màu sắc và cùng hình dạng. Từ điều này, tôi có thể kết luận được việc tôi nhận biết ra miếng sáp ong là nhờ tôi nhìn thấy nó, mà không phải chỉ đơn giản bằng trực giác của tinh thần tôi; trừ khi tôi may mắn nhớ lại được việc trong lúc tôi nhìn từ một cánh cửa sổ, và nói là tôi đang nhìn thấy những con người đang đi ngang qua ở ngoài phố, thì thật sự tôi đã không nhìn thấy họ, nhưng lại cho rằng cái gì tôi đang nhìn thấy đó là những con người, cũng giống như tôi đang nhìn thấy miếng sáp. Và như thế, thì cái gì mà tôi đang nhìn thấy qua ô cửa sổ, thật ra đó chỉ là những cái nón và những bộ quần áo, mà có thể chúng đã được mặc cho những cỗ máy tự động nào đó thì sao? Thế mà tôi lại phán đoán đó là những con người. Cũng tương tự như thế, chỉ bằng khả năng phán đoán vốn vẫn có trong đầu óc của tôi, mà tôi hiểu điều gì tôi tin tưởng như thế là tôi đã thấy nó được chính bằng đôi mắt của tôi.

Một người vẫn tự cho mục đích của mình là phải nâng cao việc nhận thức của mình vượt lên trên điều gì thông thường, có thể sẽ xấu hổ, nếu có trường hợp cần nên nghi ngờ đối với những cách thức của lời nói do những người bình thường tạo ra; tôi vẫn thích thú cố tìm hiểu xem, để coi thử có một sự hiển nhiên nào và một ý niệm nào đó hoàn hảo hơn không, về điều gì đã khiến miếng sáp đúng là chính nó, khi lần đầu tiên tôi nhận thức về nó, và khi tôi tin tưởng chính tôi biết nó là nhờ có các giác quan hướng ra bên ngoài, hay ít nhất, cũng nhờ đến ý nghĩa chung giống như nó đã được gọi, tức muốn nói chính nhờ có khả năng tưởng tượng, hay là nhờ chính ý niệm hiện có của tôi, mà giờ đây càng rõ rệt hơn đó là cái gì mà tôi vốn đã xem xét rất thật cẩn thận nhằm để biết nó là cái gì, và trong cách thức nào đó nó đã được biết tới. Chắc chắn là sẽ vô lý nếu nghi ngờ về điều này. Bởi vì trong sự nhận thức đầu tiên thì cái gì ở đây là rõ ràng? Đó sẽ là cái gì, nếu nó cũng sẽ được nhận thức bởi bất kỳ một con vật nào? Nhưng khi tôi phân biệt miếng sáp bởi các hình dạng bên ngoài của nó, và ngay khi tôi đã lấy đi hết những cái gì bao bọc bên ngoài nó, khi ấy tôi sẽ xem xét nó một cách hoàn toàn trần trụi, chắc chắn vẫn còn có một sự phán đoán nhầm lẫn nào đó của tôi, tuy vậy tôi vẫn không thể nhận thức nó được như vậy, nếu như không có đầu óc của con người.

Nhưng cuối cùng, tôi sẽ nói thế nào đây về tinh thần, tức là về chính tôi, vì cho tới điểm này tôi không thể thừa nhận trong chính tôi có một cái gì đó khác hơn là tinh thần? Thế thì đó là cái gì mà dường như tôi đã nhận thức được một cách rất rõ ràng từ miếng sáp này, nếu tôi không biết gì về chính tôi, dù ít dù nhiều một cách thật sự và chắc chắn, nhưng cũng phải với một sự rõ ràng và sự minh bạch nhiều hơn? Bởi vì nếu tôi phán đoán miếng sáp là đang có đó, hay đang tồn tại, do chính từ sự kiện là tôi đang nhìn thấy nó, thì chắc chắn điều rõ ràng hơn, sẽ là tôi đang có mặt ở đây, hay là tôi đang hiện hữu bởi từ chính tôi, do từ sự kiện là chính tôi cũng đang nhìn thấy nó. Bởi vì rất có thể điều gì tôi đang nhìn thấy đó thật ra không phải là sáp, mà cũng có thể tôi chẳng có mắt để có thể nhìn thấy được một sự vật nào đó cả; vì không thể khi tôi nhìn, hay (bởi vì tôi không còn chú ý tới sự phân biệt lâu hơn nữa) khi tôi nghĩ, là tôi đang nhìn thấy, vì chính tôi đã nghĩ rằng tôi chẳng phải là cái gì cả. Như vậy, nếu tôi phán đoán cục sáp ong hiện hữu do từ sự kiện tôi sờ thấy nó, thì đó cũng chính là bằng cớ chính tôi hiện hữu; và nếu tôi phán đoán là sự tưởng tượng của tôi, hay do nguyên nhân nào đó khác, cho dù đó là gì đi nữa, thuyết phục được tôi rằng miếng tháp hiện hữu, tôi sẽ cũng kết luận giống y như vậy. Và điều gì tôi chú ý ở đây về miếng sáp ong, thì cũng có thể áp dụng được cho mọi sự vật khác cũng đang có ở bên ngoài tôi [và chúng vẫn thường được gặp ở bên ngoài tôi). Và hơn thế, nếu như [ý niệm hay là] sự tri giác về miếng sáp ong đối với tôi dường như đã rất rõ ràng và minh bạch hơn, thì không chỉ sau khi đã nhìn hay sự sờ vào nó, mà cũng là sau khi có nhiều nguyên do khác đã làm cho nó hầu như được rõ rệt hơn đối với tôi, và cứ càng thêm rõ rệt [hiển nhiên] và phân biệt hơn như thế nào đó, khiến cho có thể nói được là giờ đây tôi đã biết về chính tôi, bởi vì mọi lý lẽ đã góp phần vào sự hiểu biết miếng sáp ong, hay bất kỳ sự vật nào đó khác, cũng đều là những bằng chứng tốt hơn cho bản chất tinh thần của tôi! Và cũng còn có nhiều những sự vật khác ở trong đầu óc tôi như thế, đã góp phần vào sự soi sáng cho bản chất của nó, vì các sự vật này phụ thuộc vào một cơ thể, chẳng hạn những gì đã được vừa nói tới, mà nó cũng thật rất đáng được chú ý nữa.

Nhưng cuối cùng, việc tôi đang hiện hữu ở đây, lại vô hình chung quay về chính điểm mà tôi mong muốn, bởi vì giờ đây nó biểu thị cho tôi, hay ngay cả những vật thể có thể cho là thật, là không được biết tới do bởi các giác quan, hay do bởi khả năng tưởng tượng nào, nhưng duy chỉ bởi sự hiểu biết mà thôi, và cũng chính bởi vì chúng không được biết do từ sự kiện chúng được nhìn thấy hay được sờ mó tới, mà chỉ vì bởi chúng được hiểu biết, nên tôi thấy rõ ràng chẳng có điều gì dễ dàng hơn đối với tôi, để tôi nhận biết được hơn là chính tinh thần của tôi. Nhưng cũng bởi vì rất khó để người ta có thể tự giũ bỏ thật nhanh lẹ một ý kiến như thế, do người ta đã vốn có thói quen từ rất lâu rồi với nó, nên tốt hơn tôi sẽ dừng lại một chút xíu ở điểm này, để cho sự suy tưởng lâu hơn của tôi có thể được ghi khắc sâu xa hơn trên trí nhớ của tôi về chính sự hiểu biết mới mẻ này.

4

Sự vật có khác biệt với ý tưởng không? ✣

GEORGE BERKELEY

(1685 – 1753)

Hylas. Tôi thật sung sướng nhận thấy chẳng có một nội dung nào đó có liên quan tới vấn đề mà anh đã đề cập cả.

Philonous. Xin cho biết những nội dung ấy là gì?

Hyl. Bạn đã được giới thiệu trong cuộc nói chuyện vào tối qua, trong tính cách như một con người cố giữ một ý kiến rất cực đoan vẫn cứ khăng khăng cho rằng trong đầu óc con người cho tới nay chưa hề từng bao giờ có sự xác nhận về một sự vật nào đó có mang bản thể vật chất đã đi vào trong thế giới cả.

Phil. Đó quả không phải là một sự vật như là cái mà những nhà triết học vẫn gọi là *bản thể vật chất*, tôi bị thuyết phục một cách nghiêm túc: nhưng nếu tôi được sáng tạo ra chỉ để nhìn thấy một tính chất gì đó vô lý hay đáng nghi ngờ ở trong điều này, thì như vậy tôi cũng sẽ có cùng một lý do để khước từ điều này, mà do chính tôi tưởng tượng ra, và giờ đây chính tôi cũng cần phải loại bỏ cả ý kiến ngược lại.

Hyl. Thế sao! còn có điều gì huyền hoặc hơn, và đáng kinh tởm hơn đối với cái cảm giác chung, hay đối với quan điểm hoài nghi luận, hơn là tin rằng không có một thứ gì như là vật chất?

Phil. Đúng thế đó, Hylas. Điều gì nếu nó chứng tỏ được ngài, người nắm giữ đức hạnh của ý kiến đó, có một sự hoài nghi lớn hơn thế nữa, và lại còn chứa đựng khá nhiều sự nghịch lý khác, và còn đáng ghê tởm hơn cả cảm giác chung, hơn cả điều chính tôi là một người tin tưởng là không có một sự vật kiểu như thế?

Hyl. Có lẽ ngài vẫn sẽ thuyết phục được tôi thôi, nếu bộ phận là lớn hơn cái toàn thể, và như thể nhằm để tránh sự phi lý của chủ nghĩa hoài nghi, tôi bao giờ cùng nên cần phải rút lại quan điểm của tôi về điều này.

Phil. Nếu vậy ngài có đồng ý chấp nhận ý kiến đó là thực, mà nếu xem xét kỹ, nó có vẻ sẽ dễ chịu nhất đối với cảm giác chung, và cũng tách biệt hẳn với chủ nghĩa hoài nghi?

✣ Phần lớn đây là cuộc đối thoại đầu tiên trong *Ba đối thoại giữa Hylas và Philonous* (1713).

Hyl. Tôi rất bằng lòng. Bởi vì ngài sắp nêu lên những sự tranh luận về cả những gì đơn giản nhất từ trong bản chất, và tôi bằng lòng một lần để nghe lấng những gì mà ngài cần phải nói.

Phil. Này nhé, Hylas, theo ngài thì thế nào là một *người hoài nghi*?

Hyl. Tôi thì cũng chỉ quan niệm giống như mọi người khác thôi, là một người nghi ngờ hết mọi sự.

Phil. Thế thì anh ta cũng sẽ không thể nghi ngờ đối với một điểm nào đó chứ, tức là đối với điểm không thể nghi ngờ được.

Hyl. Tôi đồng ý với ngài.

Phil. Kể cả cho dù là sự nghi ngờ đích thực cũng bao gồm cả hai mặt xác nhận và phủ nhận về một vấn đề?

Hyl. Chẳng có hai mặt nào cả; bởi vì bất cứ người nào hiểu tiếng Anh cũng không thể không biết rằng *sự nghi ngờ* có nghĩa là việc ngừng lại giữa cả hai.

Phil. Thế thì anh ta cũng không thể chối bỏ điểm nào cả, kể cả việc nghi ngờ nó hơn là xác nhận nó, với cùng một cấp độ trong sự quyết chắc của anh ta.

Hyl. Đúng thế.

Phil. Và do vậy mà sự chối bỏ như thế của anh ta cũng không có thể được cho là một sự nghi ngờ hơn cái kia.

Hyl. Tôi hiểu điều đó.

Phil. Vậy thì làm thế nào, Hylas, mà ngài lại cho tôi là một *kẻ hoài nghi*, bởi vì tôi chối bỏ điều ngài xác nhận, để cốt nhằm chứng tỏ sự hiện hữu của vật chất? Bởi vì dù ngài có nói như thế nào chăng nữa, thì tôi cũng sẽ chối bỏ ngay điều mà ngài xác nhận.

Hyl. Được đấy, Philonous, tôi đã có hơi đi xa ra ngoài một chút đối với việc định nghĩa của tôi; nhưng mọi bước sai lầm mà một người vấp phải trong tiến trình của mình cũng không có gì là quan trọng. Do vậy, tôi cho rằng một *người hoài nghi* là một người nghi ngờ mọi sự; nhưng tôi cũng muốn nói thêm rằng có thể cho là anh ta chối bỏ thực tại cũng như chân lý của mọi sự.

Phil. Mọi sự gì chứ? Ngài có ám chỉ những nguyên lý và những lý thuyết khoa học không đấy? Nhưng những điều này, ngài biết đó là những ý niệm tinh thần phổ quát, và do vậy mà nó cũng độc lập với Vật chất; do vậy mà sự phủ nhận về chính điều này cũng không bao gồm cả sự phủ nhận chúng.

Hyl. Tôi nhất trí điều đó. Nhưng phải chăng không có những sự vật khác? Ngài nghĩ thế nào nếu là sự phủ nhận các giác quan, hay sự phủ nhận việc tồn tại thật sự của những sự vật vật thể, hay cho rằng ngài cũng không biết một điều gì về chúng cả. Phải chăng điều này đã đủ để cho rằng một người như thế đó là một *kẻ hoài nghi*?

Phil. Do vậy, chúng ta cũng sẽ cần xem xét ai trong số chúng ta là người vẫn phủ nhận sự tồn tại thật sự của những sự vật ngoại giới, hay là thú nhận hầu như chẳng biết điều gì về chúng; bởi vì nếu tôi là cho ngài có lý, thì ai sẽ là người bị cho là *kẻ hoài nghi* lớn nhất?

Hyl. Chính đó là điều tôi muốn nói.

Phil. Thế thì theo ngài, những sự vật ngoại giới là cái gì nào?

Hyl. Những sự vật này vẫn được nhận thức bởi các giác quan. Ngài có thể tưởng tượng là tôi định nói về một cái gì đó khác?

Phil. Tôi xin lỗi, Hylas à, nếu rõ ràng tôi có thể hiểu được, thì điều này có thể khiến cho công việc tìm hiểu của chúng ta sẽ được ngắn hơn. Nhưng xin hãy làm ơn cho tôi được hỏi thêm một điều này nữa. Phải chăng những điều gì được nhận thức bằng các giác quan, thì được nhận thức một cách ngay lập tức? Hay nói khác, những sự vật này vẫn thật sự được cảm nhận một cách trực tiếp, mà không phải nhờ chuyển qua những sự vật trung gian nào khác cả?

Hyl. Tôi hiểu điều ngài nói chưa được rõ lắm.

Phil. Như trong khi đọc một cuốn sách, điều gì tôi nhận thức được ngay chính là những chữ, nhưng cùng ngay lập tức bởi chính những dòng chữ này mà lại được gợi lên trong óc tôi những ý niệm về Thượng Đế, đức hạnh, chân lý, v.v. Thế thì giờ đây những dòng chữ này thật sự là những sự vật được cảm nhận hay được nhận thức qua giác quan, và không thể có sự nghi ngờ nào: nhưng tôi muốn biết, là ngài có xem những sự vật đã được gợi lên bởi chúng thì cũng chỉ giống như thế.

Hyl. Chắc chắn là không; thật là vô lý nếu nghĩ rằng *Thượng Đế* hay *đức hạnh* cũng là những sự vật khả giác, mặc dù chúng có thể mang ý nghĩa, và được gợi lên cho tinh thần bởi những dấu hiệu khả giác, mà nhờ đó chúng có được một sự quan hệ đặc thù nào đó.

Phil. Vậy thì, có vẻ như bằng những *sự vật khả giác*, ngài lại muốn chỉ ra rằng những sự vật này quả có thể được nhận thức *trực tiếp* bằng giác quan?

Hyl. Đúng như thế.

Phil. Vậy phải chăng cũng chẳng phải từ điều này mà tôi có thể nhận thấy được một phần của bầu trời là đỏ, còn phần kia là xanh, và đó cũng là lý do để tôi có thể kết luận cách hiển nhiên cần phải có một nguyên do nào đó đã tạo ra sự khác biệt này về màu sắc, tức là nguyên do đó không thể được cho là giống như một sự vật khả giác được, tức là được cảm nhận nhờ thị giác?

Hyl. Có thể là như thế.

Phil. Cũng tương tự vậy, mặc dù tôi nghe thấy nhiều âm thanh khác nhau, nhưng tôi không thể cho là nghe được các nguyên nhân của những âm thanh này chứ?

Hyl. Ngài tất không thể nghe được nó.

Phil. Và khi qua xúc giác tôi nhận thấy một sự vật là nóng hay nặng, tôi cũng không thể nói bằng một sự thật hay tính chất nào đó, là tôi cảm thấy được nguyên nhân của sức nóng hay sức nặng chứ?

Hyl. Để nhằm tránh bớt đi những câu hỏi thuộc loại này, tôi sẽ nói với ngài chỉ một lần cuối cùng nữa, rằng đối với những sự vật khả giác, tôi chỉ muốn nói những sự vật này được nhận thức bởi giác quan, và sự thật thì các giác quan cũng chẳng nhận thức ra một sự vật nào cả, vì thực chất chúng cũng không nhận thức được một cách ngay lập tức: chúng không tạo ra bất cứ bước chuyển tiếp nào. Như thế, trong những trường hợp có sự suy đoán được những nguyên nhân ra từ các kết quả, và từ đó mà phát hiện ra là chúng đã chỉ được nhận biết được bằng các giác quan, thì vẫn hoàn toàn có quan hệ tới lý trí.

Phil. Thế thì chúng ta đã đồng ý nhau về điểm này - rằng *những sự vật khả giác chỉ là những sự vật được cảm nhận trực tiếp bằng giác quan*. Nhưng ngài hãy cho tôi biết thêm, là liệu chúng ta có thể nhận thức trực tiếp được bằng cái nhìn chăng, nếu không có ánh sáng, màu sắc, và hình ảnh; hay là nghe được một cái gì đó, nếu không có những âm thanh; hoặc nếm được cái gì đó bằng lưỡi, nếu không có mùi vị; hay ngửi được hương thơm nào đó, nếu không có những mùi hương; hay cảm nhận được bằng xúc giác, nếu không có những đặc tính có thể sờ mó được.

Hyl. Chắc chắn chúng ta không thể làm như thế được.

Phil. Do vậy, cũng giống như nếu ngài loại bỏ đi tất cả mọi tính chất khả giác, thì cũng chẳng còn lại cái gì để có thể nhận biết được?

Hyl. Tôi đồng ý như thế.

Phil. Vậy thì những sự vật kha giác không gì khác hơn là những đặc tính khả giác như thế đó, hay chính là sự phối hợp của những đặc điểm khả giác?

Hyl. Chẳng có gì khác cả.

Phil. Vậy thì *sức nóng* cũng là một sự vật khả giác?

Hyl. Chắc chắn thế.

Phil. Thế thì thực tại của những sự vật khả giác chính là gồm trong cái gì đã được cảm giác? Hay là nếu có cái gì đó được phân biệt với tình trạng chúng được cảm nhận, và điều đó lại cũng chẳng có liên quan gì đến đầu óc?

Hyl. Tồn tại là một sự việc, còn *việc được* khả giác lại là một sự việc khác.

Phil. Tôi chỉ muốn đề cập đến các sự vật khả giác mà thôi: và về những sự vật này, tôi thắc mắc là phải chăng, bằng sự hiện hữu thật sự của nó, mà ngài đã có ý nói rằng có một sự tồn tại ở bên ngoài đầu óc, và phân biệt với việc chúng được nhận thức?

Hyl. Tôi chỉ muốn nói đến một sự tồn tại thật sự tuyệt đối, hoàn toàn phân biệt, và cũng không có bất kỳ một mối quan hệ nào với sự kiện là chúng được nhận thức cả.

Phil. Thế thì sức nóng, nếu được phép nói là nó có thực, thì nó có thể hiện hữu mà không có một đầu óc nhận biết sao?

Hyl. Có chứ.

Phil. Vậy hãy cho tôi biết, Hylas, phải chăng sự hiện hữu thật sự này cũng có thể so sánh được với mọi mức độ của sức nóng mà chúng ta có thể nhận biết được; hay vì có lý do nào đó mà chúng ta có thể chỉ rõ ra nó ở những cái này mà lại phủ nhận nó đối với các cái khác? Và nếu đúng như thế, thì hãy bảo cho tôi biết lý do.

Hyl. Cho dù mức độ sức nóng mà chúng ta cảm nhận được bởi giác quan ra sao, chúng ta vẫn có thể chắc chắn đó cũng là chính nó đang hiện hữu trong đối tượng có xảy ra tình trạng đó.

Phil. Thế sao! Cái lớn nhất cũng như cái nhỏ nhất à?

Hyl. Tôi nói với ngài lý do đơn giản là đối với cả hai: cả hai trường hợp chúng đều được nhận thức do giác quan; nên mức độ cao hơn của nhiệt độ thì dễ được cảm nhận hơn; và vì thế, nếu có một sự dị biệt nào đó, thì chúng ta lại càng chắc chắn hơn về sự hiện diện thật sự của nó, hơn là chúng ta có thể chắc chắn đối với một thực tại ở cấp độ ít hơn.

Phil. Nhưng phải chăng mức độ tăng cường và căng thẳng nhất của nhiệt độ cũng đều làm cho người ta cảm thấy rất đau đớn?

Hyl. Chẳng ai chối bỏ điều này cả.

Phil. Và có một sinh vật nào lại không cảm nhận được nỗi đau đớn hay khoái lạc chăng?

Hyl. Chắc chắn là không rồi.

Phil. Vậy phải chăng bản thể vật chất của ngài là một điều tồn tại không cần giác quan, hay là sự tồn tại cũng phải cùng đi theo với giác quan và sự cảm thức?

Hyl. Nó chắc chắn là không cần giác quan.

Phil. Do thế mà không phải chủ thể biết đau đớn?

Hyl. Hoàn toàn không.

Phil. Do vậy, cũng chẳng phải sức nóng lớn nhất được nhận thức do giác quan, bởi vì ngài hiểu biết được điều này mà lại không hề có chút đau đớn nào?

Hyl. Tôi nghĩ thế.

Phil. Thế thì chúng ta sẽ phải nói như thế nào về đối tượng bên ngoài của ngài; nó là một bản thể vật chất hay không phải?

Hyl. Nó là một bản thể vật chất với những đặc điểm có thể cảm nhận được gắn liền vào với nó.

Phil. Vậy thì làm thế nào mà một sức nóng lớn lại có thể tồn tại được trong nó, bởi vì ngài đã nói nó không phải ở trong một bản thể vật chất? Tôi muốn ngài cần làm sáng tỏ về điểm này.

Hyl. Này nhé, Philonous, tôi e rằng tôi chẳng thể nào chịu nổi một sức nóng quá căng thẳng, khiến cho gây ra nhiều đau đớn được. Nên có thể nói dường như chính là sự đau đớn là cái gì đó được phản

biệt với sức nóng, cùng hậu quả hoặc tác dụng của nó.

Phil. Trong khi ngài đưa tay của ngài vào gần ngọn lửa, có thể nào ngài chỉ có nhận thấy được chỉ một cảm giác đơn giản như nhau, hay là hai cảm giác khác nhau?

Hyl. Nhưng thật thì đó chỉ là một cảm giác đơn giản.

Phil. Vậy có phải là sức nóng được cảm nhận ra ngay lập tức?

Hyl. Đúng thế.

Phil. Và cả sự đau đớn?

Hyl. Đúng vậy.

Phil. Như thế thì rõ ràng cả hai cũng đều được cảm thấy ngay lập tức, vào cùng một lúc, và cả ngọn lửa tác động vào ngài cũng chỉ với cùng một ý tưởng đơn giản mà không phức có tạp gì cả, để từ đó cũng nói được là chỉ cùng một ý tưởng đơn thuần này, khiến nhận thức được ra ngay lập tức cả sức nóng căng thẳng lẫn cả nỗi đau; và do thế, sức nóng căng thẳng đó cũng được nhận thức ngay mà không hề có điều gì phân biệt với một dạng đau đớn đặc biệt kia hết.

Hyl. Có vẻ là thế.

Phil. Vậy thì ngài hãy suy nghĩ thêm, Hylas, nếu ngài có thể nhận thấy được một cảm giác tăng cường mà không phải đi kèm theo sự đau đớn hay khoái lạc.

Hyl. Tôi cho không thể được.

Phil. Thế thì có thể nào ngài lại tự thu mình vào trong một ý tưởng về sự cảm nhận cái đau hay sự khoái lạc nói chung, mà lại tách ra khỏi mọi ý tưởng đặc biệt về sức nóng, lạnh, mùi vị, hương thơm, v.v.?

Hyl. Tôi cho không thể như thế được.

Phil. Như vậy thì không thể nào sự đau đớn nhận biết được lại chẳng phải điều gì phân biệt với những cảm giác hay những ý tưởng này, - ở trong một mức độ gia tăng?

Hyl. Không phủ nhận được; và nói thật ra, tôi đã bắt đầu nghi ngờ một sức nóng rất lớn thì không thể hiện hữu ngay chính trong tinh thần nhận thức ra nó được.

Phil. Thế chứ! Như vậy tức căn bản một người hoài nghi thì ở trong tình trạng lơ lửng giữa việc xác nhận và phủ nhận phải không?

Hyl. Tôi cho rằng có thể mình rất tâm đắc về điểm này. Một sức nóng rất đau đớn và mãnh liệt thì cũng không thể nào tồn tại, nếu không có tinh thần.

Phil. Theo ngài như vậy thì cũng không có sự vật thực hữu nào?

Hyl. Tôi chắc thế.

Phil. Như vậy chắc chắn chẳng có một vật thể nào mà bản chất là thật sự nóng cả?

Hyl. Tôi không hề chối bỏ là có sức nóng thật trong các vật thể. Tôi chỉ nói là không thể có những vật thể giống như một sức nóng thật sự mạnh mẽ như thế.

Phil. Thế nhưng phải chăng trước kia ngài không nói là mọi cấp độ của sức nóng đều thực sự chỉ như nhau; hay nếu chúng có khác nhau thế nào đó, thì cái lớn hơn phải chăng ít có thể bị nghi ngờ hơn là cái nhỏ hơn?

Hyl. Đúng thế: nhưng điều đó là bởi vì do tôi đã không xem xét trên cơ sở nhằm để phân biệt chúng, do thế tôi chỉ nhìn thấy được một cách rất đơn giản. Và đó là chính điều này: - bởi vì sức nóng gia tăng cũng không gì khác hơn là một loại cảm giác đau đớn đặc biệt; và sự đau đớn cũng không thể tồn tại nếu không được nhận thức; do vậy, cũng không thể có sức nóng gia tăng nào có thể tồn tại thật sự trong trong bản thể vật chất mà lại không thể nhận thức được. Nhưng điều này cũng chẳng phải là lý do tại sao tôi không phủ nhận sức nóng ở trong một cấp độ thấp vẫn tồn tại được trong một bản thể như vậy.

Phil. Nhưng làm thế nào chúng ta có thể phân biệt được những cấp độ đó của sức nóng, nếu nó chỉ tồn tại trong đầu óc, với những cái gì đó vốn tồn tại mà không có nó?

Hyl. Việc này cũng chẳng phải là điều gì khó khăn cả. Ngài đã biết rằng sự đau đớn tối thiểu vẫn không thể có được nếu nó không được nhận thức; do vậy mà bất kỳ như thế nào về cấp độ của sức nóng, thì nỗi đau đớn cũng chỉ tồn tại ở trong đầu óc. Nhưng bởi vì đối với mọi cấp độ khác của sức nóng, thì cũng chẳng có điều gì để buộc ta phải suy nghĩ chỉ cùng một cách về chúng.

Phil. Tôi nghĩ trước đây ngài đã cam quyết là không thể có được một sự nhận thức nào về sự khoái lạc cũng như sự đau đớn.

Hyl. Quả thế.

Phil. Và kể cả sự ấm áp, hay một mức độ nào mềm dịu hơn của sức nóng, cũng như điều gì đó tạo ra sự khó chịu hay một sự thích thú?

Hyl. Rồi sao nữa?

Phil. Kết cục nó không thể tồn tại, nếu không có tinh thần ở trong một bản thể không thể nhận thức được, tức là cơ thể.

Hyl. Có vẻ đúng như thế.

Phil. Do vậy, cũng giống như các mức độ sức nóng không gây ra đau đớn, và các mức độ có gây ra đau đớn, có thể chúng chỉ tồn tại chính trong bản thể của tư duy; nên có lẽ chúng ta cũng không thể kết luận được rằng những vật thể ở bên ngoài vẫn tuyệt đối không thể có một khả năng về mức độ sức nóng nào cả?

Hyl. Song khi suy nghĩ lại, tôi không cho rằng sự ấm áp hiển nhiên là một điều thích thú, còn việc quá nóng lại là sự đau đớn.

Phil. Tôi thì không cho sự ấm áp cũng đem lại sự thích thú lớn, giống như sức nóng lớn vẫn mang lại sự đau đớn. Nhưng nếu ngài quả quyết nó đúng là như thế, ngay cả chỉ là một sự thích thú nhỏ, thì đó không phải là kết luận của tôi.

Hyl. Tôi vẫn thích phải gọi nó là sự chai lì. Vì dường như đó chẳng là gì hơn là việc thiếu vắng cả sự đau đớn và thích thú. Và đó chính là một phẩm chất hay là tình trạng, cũng như điều này là phù hợp với một bản thể không có sự suy nghĩ, và tôi hi vọng chắc ngài sẽ không phủ nhận.

Phil. Nếu ngài quyết định chu trương sự ấm áp này, hay là một mức độ nóng nhẹ nhàng, là không gây thích thú, thì tôi không biết làm thế nào để thuyết phục ngài theo cách khác, hơn là chỉ có nhắc nhở ngài về chính các giác quan của ngài. Nhưng còn ngài nghĩ gì về sự mát mẻ?

Hyl. Tôi cho rằng nó cũng chỉ là sức nóng thôi. Một mức độ quá căng thẳng của sự mát cũng là một đau đớn; bởi vì khi cảm thấy một cái rất mát lắm, thì sự cảm thấy đó cũng là một sự rất không dễ chịu gì: do thế, nó hiện hữu mà không cần tới đầu óc; nhưng một mức độ kém hơn của sự mát có thể cũng giống như một mức độ kém hơn của sự nóng.

Phil. Tuy vậy, những vật thể này khi áp dụng cho chính chúng ta, chúng ta lại nhận thấy có một mức độ dung hòa của sự nóng hay là ấm ở trong nó; và những điều đó khi áp dụng với chính chúng ta, chúng ta sẽ cảm thấy nó như một cấp độ của mát, và phải được suy nghĩ là quả có sự mát trong chúng.

Hyl. Đúng là như thế đó.

Phil. Vậy phải chăng có một lý thuyết có thể là thực, nhưng lại tất yếu dẫn người ta tới điều vô lý chăng?

Hyl. Chắc chắc là không rồi.

Phil. Vậy phải chăng là không vô lý khi nghĩ rằng cùng một sự vật, vào cùng một lúc, lại có thể vừa ấm lại vừa mát?

Hyl. Hẳn là thế.

Phil. Vậy thì giờ đây cứ cho rằng một trong hai bàn tay của ngài, cái thì nóng còn cái kia thì lạnh, và đồng thời chúng cũng vừa có cả hai tính trạng cùng một lúc, khi được nhúng vào ngay trong một chậu nước, ở trong một trạng thái trung gian; phải chăng nước đó lại có vẻ lạnh đối với một bàn tay, còn lại ấm đối với bàn tay kia?

Hyl. Đúng như thế.

Phil. Do thế, chúng ta có thể cứ theo các nguyên tắc của chúng ta mà kết luận rằng trong thực tế cả hai việc lạnh và nóng đều cảm thấy vào cùng có một lúc, tùy theo chính tâm trạng của ngài, và có thể nào ngài tin được vào sự vô lý đó không?

Hyl. Tôi thú nhận là khó tin được như thế.

Phil. Như vậy thì chính những nguyên tắc kia là sai lầm, bởi vì ngài đã nhất quyết rằng không thể có một nguyên tắc chân thật nào lại dẫn tới một điều vô lý cả.

Hyl. Nhưng nói cho cùng, có phải chăng là sự việc còn có thể trở nên vô lý hơn khi nói không có sức nóng ở trong lửa?

Phil. Ngài hãy làm cho sự việc được sáng tỏ thêm đi; và nói cho tôi rõ, có phải chăng trong cả hai trường hợp đó, nó là hoàn toàn giống nhau, cũng như chúng ta không thể có cùng một sự phán đoán như thế chứ?

Hyl. Có thể được.

Phil. Khi lấy một cây kim chích vào ngón tay của ngài, nó có khiến cho da thịt ngài rất đau đớn không?

Hyl. Đau đớn lắm chứ.

Phil. Và khi lấy một cục than đỏ dí vào ngón tay của ngài, nó có còn đau đớn nữa không?

Hyl. Không đau nữa.

Phil. Vậy thì rõ như thế, chẳng phải ngài có thể phán đoán được chính việc cảm thấy điều gì xảy ra nơi đầu kim, hay ở bất cứ một sự vật nào khác cũng giống như mũi kim; ngài không thể cảm thấy giống như điều mà chính ngài vừa xác nhận đó, và sự phán đoán cảm giác xảy ra do ngọn lửa, hay do cái gì cũng tương tự như đang ở trong ngọn lửa.

Phil. Tốt, bởi vì nó hẳn phải là như thế, tôi đồng ý về điểm này, và nhận thức rằng nóng và lạnh đều là những cảm giác hiện hữu trong tinh thần chúng ta. Nhưng cũng vẫn hãy còn có những tính chất khác, đủ để thừa nhận về thực tại của những sự vật ở bên ngoài.

Phil. Nhưng ngài muốn nói về điều gì, Hylas, mà có vẻ giống như trường hợp đối với mọi cảm giác khác cũng như thế, và chúng cũng vẫn không thể được cho là có sự hiện diện mà không có tinh thần, cũng giống như sự nóng và lạnh?

Hyl. Vậy thì ngài hãy đưa ra được một điều gì đó để chứng tỏ nó đi; nhưng tôi vẫn nghĩ thật khó dễ ngài có thể làm được như thế.

Phil. Nào chúng ta hãy thử xem xét nhé. Ngài cho vị giác là cái gì nào? - chúng có hiện diện nhờ ở tinh thần của chúng ta hay không?

Hyl. Có người nào lại hoài nghi vị giác của anh ta là đường có vị ngọt, hay cây ngải tây là đắng?

Phil. Hãy cho tôi biết, Hylas, có phải vị ngọt là một loại riêng của khoái lạc hay của cảm giác dễ chịu không nào?

Hyl. Đúng là như thế.

Phil. Và có phải vị đắng là một loại của sự không dễ chịu hay đau đớn?

Hyl. Đồng ý vậy.

Phil. Nếu thế đường và cây ngải tây là những bản thể vật thể, và cũng không thể suy nghĩ là chúng như thế, mà lại không cần có đầu óc của chúng ta, cũng như làm thế nào mà vị ngọt và vị đắng tức là sự khoái lạc hay đau đớn, lại phù hợp với chúng?

Hyl. Này nhé, Philonous, giờ thì tôi thấy rõ điều gì đã khiến tôi vừa nhầm lẫn rồi. Ngài đã hỏi phải chăng nóng và lạnh, ngọt và đắng cũng là những loại đặc biệt của khoái lạc và đau đớn, thì tôi sẽ trả lời đơn giản nó đúng là như thế. Tuy vậy, tôi vẫn cần phải phân biệt: - những tính chất này, giống như chúng ta cảm giác được, là khoái lạc hay đau đớn; nhưng lại không phải chúng tồn tại như những đối tượng vật thể bên ngoài. Thế nhưng chúng ta phải tuyệt đối kết luận

là không hề có sức nóng trong lửa, hay vị ngọt trong đường, nhưng đó chỉ là sức nóng hay vị ngọt do bởi chúng ta nhận thức được, mà không phải nó vốn có ở trong lửa hay đường. Ngài nghĩ thế nào về điều này?

Phil. Tôi cho là điều này chẳng có nghĩa gì cả. Sự thảo luận của chúng ta cốt nhằm tập trung vào các sự vật được cảm giác, và ngài đã xác định các sự vật là do chúng ta cảm nhận ngay lập tức bằng giác quan của chúng ta. Tuy thế, những đặc tính khác là gì, thì ngài lại không cho như thể khác biệt với các tính chất này, còn tôi thì vẫn chẳng biết gì về chúng cả, cũng như không nghĩ là chúng cũng thuộc chủ đề đang thảo luận. Do thế mà ngài có thể cho rằng mình đã khám phá một vài đặc tính nào đó mà chính ngài đã không nhận thấy được, và xác nhận rằng những đặc tính không được nhận thấy này là có tồn tại trong lửa và trong đường. Nhưng thế thì điều này sẽ có nghĩa là gì đối với mục tiêu hiện thời của ngài, tôi thật cũng không thể cảm nhận được. Như vậy, một lần nữa hãy nói cho tôi biết, ngài có cho rằng nóng và lạnh, ngọt và đắng (có nghĩa những đặc điểm này là được nhận thức do giác quan) có thể nào hiện diện mà không có tinh thần của chúng ta hay không?

Hyl. Tôi thấy điều đó cũng chẳng có ý nghĩa gì cả, do vậy tôi vứt bỏ đi các nguyên nhân như thế là những gì đã được cho là có các tính chất đó. Mặc dù tôi cũng thú nhận là việc này dường như chưa ổn lắm, nếu nói rằng đường là không ngọt.

Phil. Nhưng để làm cho ngài thỏa mãn hơn, cần nói thêm về điểm này: tức nó cũng có thể có một vài lần khác có vẻ như là ngọt, còn đối với một cổ họng nào đó khác không bình thường cũng có thể là đắng. Nên cũng không có điều gì đơn giản hơn là những người khác nhau thì nhận thức bằng những cảm giác khác nhau về vị giác của họ ở trong cùng một thứ thức ăn: bởi vì có những thức ăn mà người này thì tạo sự thích thú, còn đối với người kia thì lại gây nên sự ghê sợ. Và làm thế nào để điều này là như thế được, nếu vị giác lại là một cái gì đó thật sự gắn liền vào với thức ăn?

Hyl. Tôi nhận thấy mình không biết phải nói như thế nào...

Phil. Và tôi hi vọng ngài cũng sẽ không thấy khó khăn gì để nhận ra sự việc cũng giống như thế đối với các màu sắc.

Hyl. Tôi xin lỗi: trường hợp về màu sắc thì lại hoàn toàn khác. Còn có điều gì đơn giản hơn là chúng ta thấy nó ở trên các sự vật?

Phil. Những sự vật ngài nói tới đó, theo tôi nghĩ, hẳn là các Bản thể vật chất tồn tại ở bên ngoài trí óc của chúng ta?

Hyl. Đúng thế đấy.

Phil. Và cũng có những màu sắc thật sự gắn liền vào chúng?

Hyl. Mỗi một đối tượng sự vật nhìn thấy được đều có các màu sắc mà chúng ta nhìn thấy trên nó.

Phil. Thế cơ! Phải chăng chẳng có cái gì đó có thể nhìn thấy được nếu không nhờ vào ánh sáng?

Hyl. Không thể có.

Phil. Vậy thì chúng ta có nhìn thấy được cái gì đó và không nhờ vào giác quan mà qua đó chúng ta không cảm nhận ngay lập tức không?

Hyl. Tại sao tôi cứ buộc phải lặp lại cũng chỉ một điều như thế? Tôi đã nói với ngài là chúng ta không thể có mà.

Phil. Hãy kiên nhẫn, anh bạn tốt Hylas à; và hãy nói với tôi một lần nữa, là phải chăng có một cái gì đó vẫn được nhận thức ngay lập tức bằng các giác quan, ngoại trừ những tính cách đã có thể nhận thức được. Tôi biết ngài sẽ không thể nào thừa nhận về điều này; nhưng giờ đây, tôi muốn được biết rõ, là phải chăng ngài vẫn còn bảo lưu cùng chính ý kiến đó không.

Hyl. Tôi cho là thế.

Phil. Này nhé, bản thể thân xác của ngài, hoặc đó là một tính chất khả giác, hay nó được tạo nên bởi những phẩm chất khả giác?

Hyl. Quả thật là một vấn đề lạ lùng đó! có ai lại nghĩ thế bao giờ đâu?

Phil. Lý do câu hỏi của tôi bởi vì trong khi cho là *mỗi một sự vật được nhìn thấy đều có các màu sắc mà chúng ta nhìn thấy trên nó*, ngài đã làm cho những đối tượng có thể được nhìn thấy trở thành những bản thể vật thể; mà nó hàm ý hoặc những bản thể vật thể đó là những tính chất khả giác, hoặc nói khác đi, thì đó là cái gì ở bên cạnh những tính chất khả giác, đã nhìn thấy ra được: nhưng, bởi vì điểm này trước đây chúng ta đã nhất trí nhau rồi, và hẳn ngài hãy còn nhớ rõ, là cũng chính do thế mà bản thể vật thể của ngài cũng chẳng có điều gì phân biệt với những tính chất khả giác cả.

Hyl. Có lẽ ngài đã rút ra quá nhiều những hậu quả vô lý một cách tùy thích, và dễ nhằm làm cho rối tung rối mù lên những điều đơn giản nhất; nhưng ngài lại sẽ chẳng bao giờ thuyết phục được tôi đâu, ngoài các ý nghĩa mà tôi đã có. Tôi hiểu rất rõ ràng chính các ý nghĩa đó của tôi.

Phil. Tôi mong muốn ngài cũng sẽ làm cho tôi hiểu được nó như vậy. Nhưng bởi vì ngài không muốn ý niệm về các bản thể vật thể của ngài được xem xét, nên tôi cũng sẽ không đưa tiếp điểm này đi xa hơn. Chỉ xin ngài vui lòng nói cho tôi biết, có phải chăng vẫn chỉ cùng những màu sắc mà chúng ta nhìn thấy nơi các vật thể bên ngoài nói chung, hay là có cái gì đó khác.

Hyl. Cũng chỉ có thế thôi.

Phil. Thế sao! Vậy thì màu đỏ và màu tía đẹp đẽ chúng ta đang nhìn thấy ở các đám mây đằng kia, có phải là có thật ở trong chúng chăng? Hay là ngài lại tưởng tượng chúng cũng có nơi chính chúng những hình dạng khác hơn là dạng sương mù đặc sệm hay là hơi nước?

Hyl. Tôi sẽ phải cho là, Philonous à, những màu sắc đó đều không thực có ở trong các đám mây, và dường như cũng giống khi chúng được nhìn thấy từ quảng cách xa này. Chúng chỉ mang tính chất các màu sắc bề ngoài mà thôi.

Phil. Ngài gọi chúng là *bề ngoài* ư? Làm thế nào mà chúng ta phân biệt những màu sắc bề ngoài này với cái gì đó thật hữu?

Hyl. Rất dễ. Những sự vật nào được cho là bề ngoài, thì nó hiện ra chỉ ở một quảng cách xa, và nó tất sẽ tan biến ngay đi khi ta tới càng gần.

Phil. Và cả những sự vật nào mà tôi cho nghĩ rằng nó là thật, thì nó cũng được khám phá ra bởi quảng cách thật gần, và được nhìn bao quát một cách chính xác hơn?

Hyl. Đúng thế.

Phil. Có phải một sự xem xét rõ rệt nhất và chính xác nhất là nhờ một kính hiển vi hay là bởi mắt thường?

Hyl. Tất nhiên là qua kính hiển vi.

Phil. Nhưng qua một kính hiển vi thì thường việc nhận ra các màu sắc nơi một sự vật lại khác với những màu sắc mà ta vẫn hay nhận biết được bằng mắt thường. Cả trong trường hợp chúng ta lại có một kính hiển vi để có thể rọi lớn được thêm ra đến một mức độ muốn có, thì chắc chắn là cũng không còn bất kỳ một sự vật nào được nhìn xuyên qua chúng cả, và rồi cũng chẳng còn thấy được các màu sắc như chúng vẫn luôn bày ra dưới mắt thường.

Hyl. Và ngài sẽ có kết luận như thế nào về tất cả những điều này? Ngài không thể lập luận là tất yếu và không thật sự có những màu sắc trên các sự vật được; bởi vì với những sự can thiệp giả tạo đã có thể làm thay đổi chúng, hay làm cho chúng mất đi.

Phil. Tôi nghĩ hiển nhiên có thể kết luận được từ chính những sự nhân nhượng của ngài rằng mọi màu sắc chúng ta thấy được với mắt thường vẫn chỉ có tính bề ngoài, cũng giống như những màu sắc trên

các đám mây, bởi vì chúng sẽ biến mất đi khi càng bay tới gần hơn, và nếu được xem xét cách tường tận hơn khi chúng ta sử dụng tới một kính hiển vi. Vậy thì cũng giống như điều gì ngài đã nói để nhằm ngăn đón trước: tôi hỏi lại ngài, có phải tình trạng thực sự và tự nhiên vốn có của một sự vật sẽ được nhìn thấy tốt hơn bởi một công cụ sắc sảo và xuyên suốt, hay chỉ bởi cái ít sắc sảo và xuyên suốt hơn?

Hyl. Tất nhiên là bởi cái trước rồi.

Phil. Không phải đơn giản chỉ từ cấp độ của tiêu cự, mà những kính hiển vi còn có thể làm cho cái nhìn của chúng ta có thể được đi sâu vào hơn, và bày tỏ ra nhiều hơn các chi tiết của những đối tượng sự vật mà trong bình thường thì mắt nhìn của chúng ta quá khó thể nào có được một khả năng sắc bén tuyệt diệu đến như thế?

Hyl. Đúng vậy.

Phil. Do vậy mà sự tiêu biểu của kính hiển vi có thể được suy nghĩ như là một công cụ tốt nhất để nhằm nêu lên được về các bản chất thật sự của sự vật, hay là những điều gì đó có trong chính nó. Tuy nhiên, để nhìn thấy được những màu sắc một cách trung thực hơn, thì thật sự lại phải cần nhìn bằng cách khác.

Hyl. Tôi thừa nhận có cái gì đó đúng trong điều bạn nói.

Phil. Ngoài ra, không chỉ có thế, mà còn có cả trường hợp các loài vật qua khả năng đôi mắt của chúng bị đóng khung trong năng lực nhận thức những sự vật bởi tính hạn hẹp của lý trí nhỏ bé của chúng, thành ra cũng không thể nào bì kịp được với cái nhìn của chính chúng ta. Ngài nghĩ gì về những con vật quá bé nhỏ đến nỗi cũng không thể nhìn thấy chúng được qua các thấu kính? Phải chăng chúng ta có thể giả định là tất cả chúng thảy đều mù lòa cả? Hay nếu trong trường hợp chúng cũng nhìn thấy được, thì có thể nào tưởng tưởng ra là sự thấy của chúng cũng không gì hơn là một công dụng để nhằm bảo vệ thân xác của chúng khỏi sự nguy hại, mà điều này có vẻ như tính chất chung của tất cả mọi con vật khác như thế? Và nếu như thế, thì phải chăng cũng chẳng phải hiển nhiên gì việc chúng có thể nhìn thấy được những vật thể khác bé xíu hơn cả chính bản thân chúng, và việc nhìn thấy như thế đó đối với chúng, thật thì cũng rất khác nhau xa ở từng đối tượng, nên cũng chẳng giống như việc chúng được nhận ra đối với các giác quan của chúng ta? Hay ngay cả chính cặp mắt của chúng ta cũng không phải luôn nhận ra được những đối tượng theo cùng một cách đối với chính chúng ta. Như trong căn bệnh *hoàng đản*, mọi vật gì mà người ta nhìn thấy được, dường như đều có màu vàng. Tuy vậy, cũng không phải hoàn toàn là những con vật này, trong mắt nhìn của chúng, tất phải phân biệt ra theo một dạng khác đối với những nội dung nào đó của cái nhìn của chúng ta, và vì thân thể của chúng còn gắn liền với những đặc tính thật kỳ cục khác, cho nên hẳn chúng cũng không thể nhìn thấy được cùng một màu sắc trong các đối tượng sự vật giống như chính chúng ta? Từ tất cả những điều đó, dường như có vẻ cũng không đưa tới sự việc tất cả các màu sắc bề ngoài là như nhau, và cũng không có màu sắc nào trong đó mà chúng ta nhận thấy được là vẫn thật sự gắn với bên ngoài của một của sự vật nào đó cả?

Hyl. Có thể như vậy.

Phil. Điều đó chẳng nghi nghi ngờ gì, nếu ngài xem xét trong trường hợp các màu sắc là những tính chất thật hay là những tác động gắn liền vào những vật thể bên ngoài, chúng có thể không bị thay đổi gì nếu không có một sự thay đổi rất thiết yếu nào đó đối với chính cơ thể của chúng: nhưng hiển nhiên là từ điều gì đã nói đến đó trong việc dùng kính hiển vi, phải chăng cũng chỉ làm thay đổi được tính năng của đôi mắt, hay các thay đổi về cự li, mà không hề làm thay đổi thật sự được chính bản thân của các sự vật, bởi vì

những màu sắc của bất kỳ vật thể nào cũng không thể bị thay đổi hay hoàn toàn biến mất? Này nhé, tất cả những điều kiện khác vẫn giữ nguyên, nhưng nó chỉ làm thay đổi được về tình trạng của một vài đối tượng sự vật, và vì thế chúng sẽ cho thấy những màu sắc khác nhau trước mắt ta. Cũng cùng một sự việc như vậy vẫn thường xảy ra khi chúng ta nhìn một sự vật trong các mức độ ánh sáng khác nhau. Và điều gì được biết hơn thế, cũng chính là những vật thể hiện ra với các màu sắc khác nhau chỉ bởi ánh sáng của đèn cầy từ các vật thể nào đó, nếu so sánh với ánh sáng ban ngày rất rõ ràng? Chúng ta cũng cần nói thêm ở đây thí nghiệm về một lăng kính, mà nó phân tách ra được các tia sáng khác nhau của ánh sáng, làm thay đổi được các màu sắc của bất cứ vật thể nào, và cũng sẽ tạo nên một ánh trắng nhất được hiện ra thành một màu xanh thẫm hay đỏ ối đối với mắt thường. Và giờ đây hãy nói cho tôi biết ngài có còn giữ ý kiến cho rằng mọi vật thể có màu sắc thực sự của nó gắn liền vào với nó, và nếu bạn nghĩ là nó có, thì tôi sẽ phải hỏi ngài tiếp, là ở một khoảng cách hay trong vị trí nào đó, do chính cấu trúc và sự tạo thành của đôi mắt như thế nào đó, với một cấp độ hay với loại ánh sáng thích hợp cần thiết nào đó, để có thể đoan chắc được là có các màu sắc thực, hoàn toàn phân biệt với những màu sắc chỉ có tính tính cách bề ngoài không?

Hyl. Tôi thấy điều đó hoàn toàn thỏa đáng, bởi chúng đều mang tính cách bề ngoài như nhau, và cũng không thể có được những sự vật như thế, vì những màu sắc thật sự vẫn gắn vào với những vật thể ngoại giới... Ánh sáng và các màu sắc vẫn luôn được nhận thức ngay lập tức bởi chúng ta, nên tôi quyết chắc là tôi cũng không thể hiện hữu nếu không có tinh thần của tôi. Nhưng ngay trong bản thân chúng, chúng cũng chỉ là những vận động và những hình thái của những phần tử bất khả giác của vật chất.

Phil. Vậy thì những màu sắc theo ý nghĩa thông thường, hay là nhìn mọi sự vật một cách trực quan, cũng không thể đồng hóa vào với cái gì cả, nhưng là một bản thể có thể nhận thức được.

Hyl. Đó là điều mà tôi nghĩ.

Phil. Tốt lắm, vậy là ngài đã từ bỏ quan điểm cho rằng chính những đặc điểm khả giác này mà chúng vẫn được tất cả loài người nghĩ là những màu sắc, nên ngài có thể cho rằng điều gì đó làm cho ngài hài lòng được đối với những sự vật không thể được nhìn thấy này của các nhà triết học. Tôi chẳng muốn bàn cái gì thêm về chúng; tôi chỉ muốn khuyên ngài hãy nên tự suy nghĩ để xem có phải chăng trong khi xem xét vấn đề của chúng ta hiện nay, ngài sẽ phải rất thận trọng để khẳng định rằng - *màu đỏ và màu xanh mà chúng ta nhìn thấy đó, không phải là những màu sắc thật sự có, nhưng chỉ là những sự vận động của những hình ảnh không biết được nào đó, cũng chẳng hề có một ai đã từng nhìn thấy hay có thể nhìn thấy được nó, và đúng sự thật là như thế đó.* Phải chăng đây là những ý niệm quá táo bạo, và phải chăng chúng cũng chính là chủ đề với nhiều sự vận dụng thật buồn cười, giống những gì mà chúng ta đã buộc phải loại bỏ trước đây?.

Hyl. Tôi biết rõ như thế, Philonous à, thật sự vô ích để quay lại điều đó thêm lần nữa. Các màu sắc, âm thanh, vị giác ở trong một thế giới mà tất cả mọi cái này đều được gọi là các *đặc tính phụ thuộc*, thì chắc chắn là không thể tồn tại nếu không có tinh thần. Nhưng từ sự nhận thức này, tôi sẽ không thể giả định sự tách biệt được bất kỳ một cái gì đó ra khỏi thực tại vật chất hay ra khỏi các sự vật bên ngoài; dù rằng cũng vẫn còn một vài nhà triết học còn kiên định, tuy vậy họ lại còn tưởng tượng xa hơn nữa đến việc chối bỏ cả vật chất. Để nhằm hiểu được rõ rệt hơn về vấn đề này, ngài cần phải biết rằng những đặc tính có thể nhận biết được đã được những nhà triết học phân chia ra thành

cái gì *căn yếu* và cái gì *phụ thuộc*. Loại thứ nhất là trương độ, hình ảnh, tính bền vững, hấp lực, sự vận động và ngừng nghỉ. Và những đặc điểm này được họ xem là có hiện hữu thật sự ở trong các vật thể. Còn cái sau là những cái gì đã được nêu lên rõ ở trên đây; hay nói rút lại, mọi đặc tính khả giác nhưng không phải cái thiết yếu mà họ xác nhận, thì chỉ là những cảm giác hay các ý tưởng mà chúng không hiện hữu ở đâu khác hơn là chính trong đầu óc của chúng ta. Nhưng về tất cả những điều này, thì tôi chắc chắn là hẳn ngài cũng phải đồng ý. Còn về phần tôi, đã từ lâu rồi tôi cảm thấy vẫn còn có một ý kiến như thế ngay hiện nay giữa các nhà triết học, nhưng đã không khi nào tôi bị nó hoàn toàn thuyết phục được về chính sự thật của nó cho đến giờ.

Phil. Như vậy ngài vẫn còn cho trương độ và các hình ảnh là vẫn gắn liền vào những bản thể không thể tư duy được nhưng có ở bên ngoài?

Hyl. Đúng thế.

Phil. Nhưng như thế thì có nghĩa gì nếu vẫn cùng những lập luận được đưa ra để chống lại các Tính chất Tùy thuộc, cũng sẽ nhất thiết chống lại những điều này?

Hyl. Nếu vậy tại sao bắt buộc phải nghĩ là chúng cũng chỉ hiện hữu ở trong tinh thần.

Phil. Theo ý của ngài, ngài có cho rằng đích thực cả hình ảnh và trương độ mà ngài nhận thức được qua giác quan, là vẫn tồn tại ở trong các sự vật nằm bên ngoài hay là nơi bản thể vật chất?

Hyl. Có chứ.

Phil. Và những loài vật khác phải chăng cũng có một nền tảng suy nghĩ giống chúng ta về hình ảnh và trương độ mà chúng thấy và cảm nhận được?

Hyl. Chắc chắn như thế, nếu chúng cũng phải có khả năng suy nghĩ nào đó.

Phil. Vậy hãy trả lời cho tôi đi, Hylas, ngài có nghĩ rằng giác quan cũng là nhằm để giúp cho các loài vật sống còn và sống được tốt trong cuộc chính sống của chúng không? Hay chỉ riêng có cho con người và cũng vì mục đích này?

Hyl. Tôi thấy cũng chẳng có vấn đề gì, nhưng chúng đều có cùng công dụng nơi tất cả mọi loài vật khác.

Phil. Nếu thế cũng chẳng cần thiết để chúng nhờ đó mà có thể nhận ra được các tứ chi của chúng, và các vật thể nào có khả năng làm hại chúng?

Hyl. Chắc chắn thế.

Phil. Do vậy một con mối cũng được cho là có thể nhìn thấy được chính các chân của nó, và mọi sự việc khác hẳn cũng phải tương tự như vậy, cho dù là những cơ thể rất lớn nào đó; tuy thế nếu chúng lại hiện ra đối với ngai cùng một lúc, thì thật cũng khó phân mà biệt được, hay tốt nhất cũng chỉ có thể chỉ ra được nhiều điểm vẫn được nhận thức giống như thế?

Hyl. Tôi không thể phủ nhận điều đó.

Phil. Và những con vật còn nhỏ hơn con mối nữa thì giờ đây lại như có vẻ lớn hơn?

Hyl. Có thể là như vậy.

Phil. Nếu như vậy, thì vật gì chỉ vừa đủ lớn để cho ngài có thể phân biệt được, thì đối với loài vật cực kỳ nhỏ khác, lại dường như là một trái núi lớn?

Hyl. Tôi hoàn toàn nghĩ như vậy.

Phil. Thế thì có thể nào chỉ cùng một sự vật, ở vào cùng một lúc, mà chính nó lại có các kích thước khác nhau hay không?

Hyl. Thật khó mà tưởng tượng ra được một điều vô lý như vậy.

Phil. Nhưng cũng chính từ điều gì ngài đã nêu ra đó, lại cho thấy cả hai loại trương độ mà bạn vừa nhận thức, và cả điều gì mà chính con mối nhận biết được, cũng giống như thế, tức tất cả những điều đó cũng được nhận thức bởi những con vật nhỏ hơn, và ở mỗi một trong chúng, cũng chẳng khác gì cái trương độ thật của cái chân con mối; tức ý muốn nói rằng,

chính bởi các nguyên lý của ngài, mà ngài cũng bị dẫn tới cả sự phi lý.

Hyl. Dường như cũng có một điều khó khăn nào đó ở trong điểm này.

Phil. Thế tức là ngài đã không nhận thức được rằng không có các đặc điểm thực sự gắn liền vào với một sự vật nào, dó có thể nó bị thay đổi mà vẫn không có sự thay đổi nào cả trong chính sự vật đó?

Hyl. Đúng vậy.

Phil. Như khi chúng ta tiến tới sát hay lùi cách xa ra một đối tượng, thì độ lớn nhận thấy được có thể thay đổi, bởi vì có một quảng cách mười hay một trăm lần lớn hơn đối với cái đó. Vậy thì từ đó cũng có thể nói được rằng tuy là cùng cách thức như vậy, nhưng nó thực sự lại không gắn liền vào với sự vật?

Hyl. Tôi cho chính tôi đã có phần sai.

Phil. -Việc phán đoán của ngài cũng sẽ được xác nhận, nếu ngài mạnh dạn nghĩ một cách thật thoải mái về đặc tính này, cũng giống như ngài đã làm đối với phần kia còn lại. Phải chăng điều đó vẫn không được chấp nhận như là một lập luận tốt, tức cho là chẳng có nóng hay lạnh có ở trong nước, bởi vì dường như nó là ấm đối với bàn tay này, mà là lạnh đối với bàn tay kia?

Hyl. Chính thế

Phil. Chẳng phải cũng là cùng một lập luận để kết luận việc không có độ lớn hay hình ảnh nào trong một sự vật, bởi vì đối với một con mắt, thì nó dường như là nhỏ, mềm mại, và tròn, trong khi cùng một lúc đối với con mắt kia thì lại lớn, không đều, và có góc cạnh?

Hyl. Thì cũng cũng chỉ thế thôi. Nhưng phải chăng, điều vừa nói đó lại có bao giờ đã xảy ra không nhỉ?

Phil. Ngài có thể làm được một thí nghiệm bất cứ lúc nào, bằng cách vừa nhìn bằng một con mắt thường, còn con mắt kia thì nhìn qua một kính hiển vi.

Hyl. Tôi không biết làm thế nào mà giữ lấy quan niệm đó cả, nên giờ đây tôi đành phải từ bỏ ý nghĩ về trương độ, vì tôi đã thấy quả có quá nhiều kết quả kỳ cục như thế, tiếp theo sau một sự nhượng bộ như vậy.

Phil. Ngài muốn nói là kỳ cục ư? Sau sự thừa nhận đã có đó, tôi hi vọng ngài sẽ không còn cố chấp vào một điều gì đó nữa vì do chính sự kỳ cục của nó.

Hyl. Hiện giờ tôi đành phải bỏ đi điểm đó, nhưng vẫn muốn giữ lại quyền nêu lên lại ý kiến của tôi, nếu trường hợp sau này tôi lại khám phá ra thêm bất cứ một bước sai lạc nào đó nữa trong tiến trình nhận thức của tôi nhằm đạt tới nó.

Phil. Đó vẫn là quyền không thể phủ nhận được của ngài. Thế thì vấn đề về các hình ảnh và độ lớn coi như đã được giải quyết xong rồi, và giờ đây chúng ta nên chuyển qua sự vận động. Vậy có thể nào một sự vận đông thật sự trong bất cứ một sự vật nào bên ngoài, lại cùng lúc vừa rất nhanh mà cũng vừa rất chậm không?

Hyl. Không thể nào như thế được.

Phil. Và có thể nào một sự vận động của một vật thể cùng một lúc vẫn không tương ứng với việc mô tả trong một không gian cụ thể nhất định nào đó? Nếu như thế, thì một vật thể di chuyển được một dặm trong một giờ, cũng có thể chuyển động nhanh hơn như nó có thể làm được, hay là chỉ có một dặm mà phải mất tới ba giờ?

Hyl. Tôi đồng ý với ngài.

Phil. Và chẳng phải là thời gian vẫn được đo đạc bằng sự diễn tiến của các ý tưởng trong đầu óc của chúng ta sao?

Hyl. Chính thế.

Phil. Và phải chăng các ý tưởng cũng không thể diễn tiến được nhanh hơn hai lần như thế trong đầu óc của ngài, cũng như nó xảy ra trong đầu óc tôi, hay trong đầu óc của một loại tinh thần nào khác hơn như thế?

Hyl. Tôi nghĩ như thế.

Phil. Như vậy, chỉ cùng một vật thể, mà có lẽ đối với một vật thể khác, dường như lại thực hiện sự chuyển động của nó ngang qua một quãng cách nào đó, chỉ trong có nửa thời gian mà nó xảy ra đối với ngài. Và cùng cùng một lập luận như vậy, nhưng sẽ được diễn đạt theo một cách thức khác như thế này: tức muốn nói là theo các nguyên tắc của ngài, thì (bởi do các sự chuyển động được nhận thấy, là đều thực có trong vật thể) có thể là vẫn một và chỉ cùng một vật thể sẽ lại thực sự được hai sự chuyển dộng theo cùng một cách tức thời, và cả hai cũng đều nhanh và đều rất chậm cả. Vậy làm thế nào mà điều kỳ cục này lại có thể xảy ra được theo lẽ thông thường, hay với tính cách nào đó mà giờ đây ngài có thể quyết chắc được?

Hyl. Tôi thấy chẳng có gì phải nói cả.

Phil. Vậy thì hãy nói sang *sự rắn chắc*; hoặc là ngài sẽ không có ý muốn nói tới bất cứ một tính cách nào đó có thể cảm nhận được, theo đúng với từ ngữ này, và như thế nó cũng thuộc về phạm vi đang tìm hiểu của chúng ta: hay là nếu ngài muốn nó hoặc phải là cứng hay là có sức đề kháng lại. Nhưng cả hai tính cách này vẫn đều hoàn toàn tương đối đối với các giác quan của chúng ta: rõ ràng rằng cái gì dường như là cứng đối với một con vật, thì cũng dường như có vẻ mềm đối với một con vật khác, nhưng nó lại có sức lực mạnh hơn và chân tay nó cứng cáp hơn. Cũng như vậy, chẳng kém hiển nhiên khi có sự đề kháng lại mà tôi cảm thấy được từ bên ngoài mà không phải ở trong thân thể.

Hyl. Tôi hiểu rất rõ về cảm giác đề kháng lại mà ngài có thể hoàn toàn nhận ngay ra được, và không phải nằm trong *thân thể*, mà chính là nguyên nhân của sự cảm thấy này.

Phil. Nhưng các nguyên nhân của những cảm giác của chúng ta vẫn không phải là những sự vật có thể nhận thức được ngay lập tức, và do thế mà cũng không thể cảm thấy được. Điểm này tôi nghĩ vốn đã được xác định rồi.

Hyl. Tôi đồng ý như thế; nhưng ngài để cho tôi xin lỗi, nếu tôi dường như có một chút gì đó bối rối: tôi không biết làm thế nào để tách khỏi được những ý niệm cũ kỹ đó của tôi.

Phil. Để có thể giúp ngài thoát khỏi được điều đó, cũng cần phải xem xét nếu *trương độ* đã một lần nhận thức là không có sự tồn tại nếu không có đầu óc, và cũng chính sự việc đó đã thiết yếu được thừa nhận đối với sự chuyển động, sự cứng rắn, và sức hấp lực - bởi vì tất cả chúng đều hiển nhiên được coi như có trương độ. Tuy thế, thật là hời hợt nếu nhằm muốn tìm hiểu tính cách quan hệ đặc biệt với mỗi cái ở trong chúng. Nhằm để chối bỏ trương độ, ngài sẽ phải chối bỏ tất cả mọi vật nào thật có sự hiện hữu nào đó

Hyl. Sự thật tôi cũng vừa suy nghĩ như thế, Philonous à, và đôi khi tôi cũng có được nghe nói về sự phân biệt giữa cái trương độ tuyệt đối và có thể cảm nhận được. Giờ đây, mặc dù được nhận thức về sự *lớn* và *nhỏ* vốn chỉ là cốt yếu trong mối quan hệ mà những sự tồn tại có trương đò khác có thành phần ở trong chính cơ thể của chúng ta là không thực sự gắn vào với các bản thể; do thế mà cũng không có điều gì bắt buộc chúng ta phai cùng hành xử cùng một cách như thế đối với *trương độ tuyệt đối* như là cái gì đó được trừu tượng hóa từ độ *lớn* và *nhỏ* của một sự vật nào đó hay là độ lớn riêng hoặc hình thể. Cũng giống như vậy, cả đối với sự chuyển động; *nhanh* và *chậm* đều cùng tương ứng với sự nối tiếp của các ý tưởng trong chính đầu óc của chúng ta. Nhưng thật cũng không phải như thế, bởi vì những thay đổi này của sự chuyển động là tồn tại mà không cần tới đầu óc, nên vì thế mà sự vận động tuyệt đối được trừu tượng ra khỏi chúng cũng không thể có được.

Phil. Xin cho biết điều gì là phân biệt một sự vận động, hay một phần của độ

lớn với cái khác? Phải chăng đó chẳng phải là cái gì đó cảm nhận được, giống như mức độ nào đó của sự mềm mại hay sự chậm chạp, một độ lớn nào đó, hay hình ảnh đặc biệt nào đó của mỗi cái?

Hyl. Tôi cho là đúng như thế.

Phil. Những tính chất này như vậy là đã bị tách ra khỏi những điểm có thể nhận thức được, và không có bất cứ sự khác nhau đặc biệt và xác định nào, giống như trong các trường học vẫn gọi chúng.

Hyl. Đúng vậy.

Phil. Điều này có nghĩa chúng là trương độ nói chung và sự vận động nói chung.

Hyl. Cứ cho là thế.

Phil. Nhưng có câu châm ngôn được chấp nhận phổ biến, là *Mọi cái gì tồn tại thì cá biệt*. Như vậy, làm thế nào mà sự chuyển động nói chung, hay độ lớn nói chung, lại có thể tồn tại trong một bản thể vật chất nào đó được?

Phil. Tôi sẽ dành chút ít thời giờ để giúp giải quyết sự khó khăn đó cho ngài.

Hyl. Nhưng tôi nghĩ là điểm đó hẳn có thể quyết định được nhanh thôi. Chắc chắn ngài có thể nói, hoặc ngài có thể định khung sự việc này, hay ý tưởng đó. Giờ thì tôi bằng lòng chuyển nội dung đang tranh luận của chúng ta sang vấn đề này. Nếu ngài có thể đóng khung trong các ý tưởng của ngài một ý tương trừu tương nhằm phân biệt về sự chuyển động hay độ lớn; và lột bỏ đi tất cả mọi dạng thức có thể được cảm nhận này, như nhanh và chậm, lớn và nhỏ, tròn và vuông, v.v., mà chúng được nhận thức như chỉ tồn tại ở trong óc nào thôi, như thế tôi sẽ phải chịu thuận theo với ý kiến của ngài. Nhưng nếu ngài không thể làm được, và thật vô lý nếu ngài vẫn cố tiếp tục nhấn mạnh là ngài không thể có được ý tưởng nào về điều đó.

Hyl. Tôi thành thật thú nhận là tôi không thể.

Phil. Ngài có thể nào tách biệt được những ý tưởng về sự vận động và trương độ ra khỏi các ý tưởng về mọi tính chất vốn được họ mệnh danh là *tùy thuộc* kia không?

Hyl. Là sao! Phải chăng đó không phải là một vấn đề dễ dàng gì khi xem xét trương độ và vận động ở trong chính chúng bị tách rời ra khỏi mọi đặc tính có thể cảm nhận được khác? Hãy xin làm ơn cho tôi biết làm thế nào mà những nhà toán học lại khảo sát về chúng được?

Phil. Theo tôi nhận thức, Hylas à, thì chẳng khó khăn gì để tạo lập được những mệnh đề chung, rồi lập luận theo những tính chất này, nhưng lại không lưu ý đến bất cứ điều gì khác; và trong ý nghĩa này, xem xét hay khảo sát về chúng một cách trừu tượng. Nhưng làm thế nào tôi lại có thể phát biểu là từ sự chuyển động bởi chính nó, mà tôi có thể tạo ra được ý tưởng về nó trong óc tôi mà vẫn không cần có cơ thể? Hay là, những lý thuyết có thể được làm ra từ trương độ, và các hình ảnh, mà lại chẳng cần chú ý gì đến sự lớn hay nhỏ, hay bất cứ một hình thái cảm nhận hay phẩm chất nào khác, và do thế mà nó có thể là một ý tưởng trừu tượng về trương độ, nhưng lại không hề có bất cứ một quy cách hay hình ảnh đặc thù, hay một phẩm chất cảm nhận được nào đó cả, lại có thể được tạo nên một cách phân biệt, và được nắm bắt do tinh thần? Những nhà toán học khảo sát về lượng tính, mà vẫn không xem xét tới điều gì có liên quan đến các phẩm chất khác có thể cảm nhận được vẫn đi kèm theo như thế, giống như thể tất cả chúng đều không ảnh hưởng gì tới các chứng minh của họ. Nhưng khi ở bên cạnh các từ ngữ, họ chỉ chiêm ngắm những ý tương trần trụi, thì tôi tin tưởng ngài sẽ tìm thấy chúng cũng không phải là những ý tưởng thuần túy trừu tượng về trương độ nhưng, bởi vì ngài vẫn còn tiếp tục hài lòng, nên cũng hãy cố gắng để ngài không thể đóng khung ý tưởng của bất kỳ một hình ảnh nào, khiến nó bị trừu tượng hóa khỏi mọi đặc điểm về quy cách, và ngay cả từ các tính chất khả giác khác.

Hyl. Hãy nên để cho tôi suy nghĩ thêm một chút - tôi vẫn chưa tìm ra được câu trả lời.

Phil. Ngài có thể nghĩ được là điều đó thật sự có thể tồn tại trong bản chất mà trong đó nó bao gồm một sự chối bỏ trong chính ý niệm của nó không?

Hyl. Tôi thì chẳng nghĩ thế.

Phil. Bởi vì do vậy, mà ngay cả việc không thể phân chia được những ý tưởng về trương độ và sự chuyển động đối với tinh thần, cùng tất cả các tính chất có thể cảm nhận khác, để từ đó mà nơi nào có cái gì đó hiện hữu, thì nhất thiết cũng phải có những cái gì đó khác cũng hiện diện theo cùng cách như thế?

Hyl. Có vẻ là như vậy.

Phil. Do vậy, với cùng những lập luận mà ngài đã thừa nhận như là có mang giá trị kết luận chống lại những *Tính chất Tùy phụ,* và cũng không cần phải bó buộc điều gì thêm, thì cũng chống lại cả cái cơ bản nữa. Ngoài ra, nếu ngài muốn tin chắc vào các giác quan, thì cũng chẳng phải chỉ đơn giản là tất cả mọi tính chất khả giác đều cùng tồn tại, hay là đối với chúng có vẻ như đang cùng ở một nơi? Chúng đã có bao giờ tiêu biểu cho một sự chuyển động, hay một hình ảnh giống như đã bị tước hết cả đi các đặc điểm có thể cảm nhận và tiếp cận khác không?

Hyl. Ngài chẳng cần phải nhắc nhở gì nữa đối với cái đầu này đâu. Tôi hoàn toàn vô tư mà, và nếu không có sự sai lạc thầm vụng nào, hay chỉ cái nhìn lướt qua trong các phương pháp của chúng ta cho tới giờ, thì tất cả các phẩm chất khả giác, là đều giống nhau, để có thể chối bỏ được sự tồn tại mà không cần tới đầu óc. Nhưng tôi chỉ sợ rằng chính tôi đã quá phóng túng trong các sự nhượng bộ trước kia, hay là đã nhận thức dễ dãi quá, hay cũng kiểu như thế. Nói tóm lại, tôi đã không kịp có thời giờ để suy nghĩ.

Phil. Về vấn đề đó, Hylas à, ngài có thể có thì giờ theo như ý ngài nhằm để xem xét lại tất cả các diễn trình của việc tìm hiểu của chúng ta. Ngài hoàn toàn được tự do để khắc phục lại mọi sự vấp váp mà ngài có thể đã có, hay là nhằm mang lại một cái gì đó mà ngài đã bỏ đi, và đó cũng chính là các ý kiến đầu tiên của ngài.

Hyl. Có một cái nhìn bao quát và cần thiết mà tôi đã có về vấn đề này - là tôi đã không phân biệt đầy đủ các đối tượng sự vật và các cảm giác. Thế nên, mặc dù về sau này thì điều này có vẻ như không tồn tại nếu không có đầu óc, thì như thế cũng đưa tới việc cái trước là cũng không thể có được.

Phil. Đối tượng sự vật nào mà ngài có ý nói như thế? Là đối tượng của các giác quan có phải không?

Hyl. Chính là như thế.

Phil. Thế thì nó vẫn được nhận thức một cách lập tức ư?

Hyl. Đúng vậy.

Phil. Hãy giải thích cho tôi hiểu về sự khác nhau giữa cái gì đó được nhận thức ra ngay lập tức và một cảm giác.

Hyl. Cảm giác theo tôi là hành vi của tinh thần đang nhận thức; bên cạnh đó lại có cái gì đó đang được nhận thức; và chính cái này mà tôi gọi là *đối tượng*. Chẳng hạn, có màu đỏ và vàng trên đóa hoa huệ tây. Nhưng nếu thế thì hành vi nhận thức về các màu sắc đó chỉ có ở trong tôi, và không có trong đóa hoa huệ tây.

Phil. Cái hoa huệ tây nào mà ngài đang nói tới thế? Có phải cái mà ngài đang nhìn thấy nó không?

Hyl. Chính cái hoa ấy đấy.

Phil. Và ngài còn nhìn thấy có cái gì bên cạnh màu sắc, hình dạng, trương độ đó?

Hyl. Chẳng có gì cả.

Phil. Vậy những gì ngài sẽ nói là màu vàng và màu đỏ đó đều cùng có mặt với trương độ; không phải như vậy phải không?

Hyl. Thật thì chẳng phải như thế đâu; phải nói rằng chúng vẫn có sự hiện hữu thật sự ở ngoài trí óc chúng ta, trong bản thể nào đó, không thể suy nghĩ được.

Phil. Tức những màu sắc của đóa hoa huệ tây là có thật, mà tôi nhìn thấy nó biểu hiện ra. Cũng chẳng làm sao có thể phủ nhận được là đóa hoa huệ tây này là tồn tại độc lập đối với trí óc của ngài và của tôi; nhưng bất cứ một đối tượng sự vật trực nhiên nào của các cảm giác - tức một ý tưởng hay một sự kết hợp các ý tưởng nào đó - đều có thể tồn tại ở trong một bản thể không thể suy tưởng được, hay nằm ở ngoài tất cả mọi đầu óc, thì tự nó đúng là một mâu thuẫn rõ rệt. Tôi không thể nào tưởng tượng được làm sao mà điều này lại đến được từ điều gì mà ngài vừa nói đó chứng tỏ được rằng màu đỏ và màu vàng đang ở trên cái hoa huệ tây mà *ngài đã nhìn thấy*, bởi vì ngài không thể nào giả vờ là *thấy* cái bản thể không thể suy nghĩ đó được.

Hyl. Ngài quả có một cách khéo léo, Philonous à, để tách việc tìm hiểu của chúng ta ra khỏi chủ đề.

Phil. Tôi thấy ngài cũng không lưu tâm mấy đối với cách đó. Vậy thì hãy quay lại với sự phân biệt của ngài giữa *cảm giác* và *đối tượng*; nếu tôi cho là ngài có lý, thì ngài hãy phân biệt trong mỗi tri giác có hai sự việc, một là hành động của đầu óc, còn cái kia thì lại không phải.

Hyl. Quả đúng vậy.

Phil. Và hành động này cũng không thể tồn tại được ở trong hay thuộc về bất kỳ một sự vật không thể suy nghĩ được nào; nhưng ngoài ra, thì cái gì đó mà có lẽ vẫn luôn được bao hàm trong một tri giác?

Hyl. Đó cũng chính là ý của tôi.

Phil. Như vậy, nếu có một tri giác mà lại không có một động tác nào của trí tuệ, thì liệu một tri giác như thế có thể nào tồn tại được ở trong một bản thể không thể suy nghĩ được hay không?

Hyl. Tôi cho quả là thế. Nhưng dù thế nào thì sự tri giác cũng vẫn cứ như thế được.

Phil. Và khi nào tinh thần được cho là hoạt động?

Hyl. Khi nó làm nảy ra, chấm dứt, hay thay đổi một cái gì đó.

Phil. Nhưng có thể nào mà trí óc làm sinh ra, làm gián đoạn, hay làm thay đổi một sự vật nào đó, nhưng lại không phải bằng hành vi của ý chí không?

Hyl. Không thể được.

Phil. Vậy thì tinh thần được xem như một *hoạt động* đi sâu vào trong những sự nhận thức, cũng như vào trong như những sự *ham muốn* được chứa đựng trong chúng?

Hyl. Đúng thế.

Phil. Trong khi ngắt đóa hoa này, tôi đang hoạt động; bởi vì tôi làm điều đó là do sự chuyển động của bàn tay của tôi, nó cũng chính là kết quả của sự ham thích của tôi; và cũng cùng trong một cách như thế, mà được áp dụng cho cái mũi của tôi. Nhưng cũng cho cả những sự ngửi mùi này hay không?

Hyl. Không đâu.

Phil. Tôi cũng hành vi ở trong việc hít không khí vào trong mũi của tôi; bởi vì mùi thơm như thế cũng lại là cái gì đó tăng cường hơn mặt hiệu quả của sự ham thích của tôi. Nhưng cũng chẳng vì thế mà điều này lại được gọi là sự *ngửi mùi*: bởi vì nếu nó đúng như thế, thì tôi cũng có thể ngửi mùi vào bất kỳ lúc nào mà tôi thở, cũng theo cách như vậy?

Hyl. Thật đúng thế.

Phil. Như vậy, sự ngửi mùi là cái gì đó do từ hậu quả của tất cả điều này?

Hyl. Đúng vậy.

Phil. Nhưng tôi vẫn không tìm thấy ý chí của tôi có liên quan gì đến điều này xa hơn. Có một cái gì đó hơn thế chứ - như thể việc tôi nhận biết một cái mùi nào đó đặc biệt, hay ít ra cũng là một cái

mùi gì đó - điều này là độc lập với ý chí của tôi, và do thế tôi cũng vẫn chỉ là thụ động. Ngài có thấy điều đó là khác hẳn với ngài không, Hylas?

Hyl. Không, cũng vẫn chỉ cùng một cách mà thôi.

Phil. Vậy thì giống như khi ta nhìn, không phải là ở sức lực của việc ngài mở mắt ra, hay khép chúng lại, hay xoay tròn nó theo cách này hoặc theo cách khác?

Hyl. Đúng là vậy đó.

Phil. Nhưng chính bởi cái cách nó phụ thuộc vào ý chí của ngài, về cách nhìn của ngài vào cái hoa này, mà ngài thấy nó trắng, thay vì là màu sắc khác? Hoặc là khi hướng đôi mắt ngài đang mở ra vào xa hơn lên bầu trời, có thể ngài vẫn tránh nhìn vào mặt trời? Hay chính ánh sáng hoặc bóng tối mới là hậu quả của chính ý muốn của ngài?

Hyl. Hẳn không phải là như thế.

Phil. Vậy là với cả những khía cạnh này ngài cũng chỉ là thụ động?

Hyl. Đúng là vậy.

Phil. Giờ hãy nói cho tôi biết, có phải là sự *nhìn thấy* vẫn gồm trong đó sự tiếp nhận ánh sáng và các màu sắc, hay là việc mở và xoay đôi mắt?

Hyl. Hẳn nhiên là cái trước rồi.

Phil. Thế thì bởi vì ngài có được sự nhận thức rõ ràng về ánh sáng và các màu sắc hợp cùng với nhau một cách thụ động, và cái gì đã trở thành trong hành động mà ngài đang nói đó như thể là một yếu tố của mọi cảm giác? Và nếu nó không như thế, thì từ chính sự thu nhận của ngài, có cả sự nhận biết về ánh sáng và các màu sắc, mà không hề bao gồm hành vi nào trong nó, lại có thể nào tồn tại được trong một bản thể không thể nhận thức được không? Và cũng chẳng phải chính điều này đúng là một sự mâu thuẫn rõ ràng sao?

Hyl. Tôi quả cũng không biết phải nghĩ ra sao về điều này.

Phil. Ngoài ra, bởi vì ngài phân biệt giữa *tính hoạt động* và *tính thụ động* trong mọi sự nhận thức, nên ngài cũng phải quan niệm như vậy cả trong sự đau đớn. Nhưng làm thế nào để có thể như thế được đối với sự đau đớn, nhằm để cho nó có ít tính hoạt động hơn và ngài sẽ được hài lòng, trong khi nó hiện hữu trong một bản thể không thể nhận thức được? Nói chung là phải cần xem xét điểm này, để rồi sẽ phải thú nhận một cách thành thật là có lẽ cả ánh sáng, màu sắc, mùi vị, âm thanh, v.v. đều không phải thuộc cùng những đam mê hay các cảm giác như nhau trong chính linh hồn. Và có lẽ do vậy mà ngài cần phải nên gọi chúng là những *đối tượng sự vật thuộc ngoại giới*, và gán cho chúng những từ ngữ mà chúng sẽ luôn làm cho ngài hài lòng. Nhưng ngài cũng hãy nên xem xét lại các tư tưởng của chính ngài, để nói cho tôi rõ có phải nó cũng giống như tôi đã nói hay không?

Hyl. Tôi nhận thấy rằng, Philonous, khi tôi xem xét kỹ điều gì đang diễn ra trong óc tôi, tôi cũng chẳng thể khám phá được một cái gì khác, ngoài việc tôi là một thực tại có suy nghĩ, bị tác động bởi rất nhiều cảm giác; cho dù là vậy, giờ đây tôi vẫn không thể nhận ra được làm thế nào mà một cảm giác lại có thể hiện hữu ở trong một bản thể không thể nhận thức được. Nhưng tôi vẫn còn e rằng, vẫn còn có cái gì đó ảo tưởng, hay cũng là như thế. Vậy xin cho tôi biết, ngài nghĩ ra sao về điều này? Tôi cũng chợt nhận ra rằng cơ sở của tất cả những sai lầm của chúng ta cũng lại nằm trong việc ngài hành xử theo mỗi tính chất trong chính nó. Giờ đây, tôi cam quyết rằng mỗi tính chất đó vẫn không thể chỉ đơn giản tồn tại mà lại không có đầu óc của chúng ta. Màu sắc không thể nào có được nếu không có trương độ, cũng như hình ảnh cũng không thể có nếu không có một tính chất được cảm nhận nào đó khác. Nhưng bởi vì có một vài tính chất vẫn được nối kết hay hòa trộn cùng nhau tạo thành ra toàn bộ các sự vật có thể cảm

nhận được, nên chẳng có gì ngăn trở việc tại sao những sự vật như thế vẫn không thể được giả định tồn tại được mà không cần đến đầu óc.

Phil. Hylas à, hoặc chính là ngài đùa, hoặc đúng là ngài có trí nhớ quá tồi đấy. Mặc dù thật sự chúng ta đã kiểm qua mọi tính chất nhờ việc gọi tên lần lượt chúng; tuy thế, các lập luận của tôi, cũng giống như các thú thật của ngài, tất cả dù sao cũng để nhằm chứng minh rằng những tính chất phụ thuộc đều không tồn tại riêng biệt bởi chính nó; cho nên đích thực chúng là hoàn toàn không thể nào hiện hữu được nếu không có đầu óc. Do thế mà trong khi khảo sát về các hình ảnh và sự chuyển động, chúng ta đã kết luận chính chúng không thể nào tồn tại nếu không có đầu óc, bởi vì kể cả trong tư tưởng, cũng không thể nào tách rời chúng ra khỏi những tính chất tùy thuộc để có thể nhận thức sự hiện hữu được chúng bởi chính chúng được. Như thế thì đây cũng không phải chỉ là lý luận để chỉ nhằm vận dụng vào trong trường hợp này. Nhưng (thông qua tất cả mọi điều gì đã được nói đến cho tới đây, và cũng chẳng có điều gì cần phải thắc mắc nữa, nếu ngài muốn nói là như thế) tôi cũng rất bằng lòng đặt toàn bộ ý nghĩa đó vào trong vấn đề này. Nếu ngài có thể nhận thức ra rằng vì một sự trộn lẫn hay kết hợp nào đó của các tính chất, hay của bất kỳ một đối tượng sự vật nào đó có thể được nhận thức, lại có thể hiện hữu được mà không cần có đầu óc, thì giờ đây tôi muốn đoan chắc chính nó là như thế đó.

Hyl. Nếu thế, có thể cho rằng điểm này rồi sẽ được ngã ngũ. Có điều gì còn dễ dàng hơn việc nhận thức một cái cây hay một ngôi nhà là tồn tại bởi chính nó, độc lập riêng, dù không được nhận thức bởi bất cứ một tinh thần nào? Tôi cho vào chính lúc này, thì việc nhận thức về sự tồn tại cần nên theo cách đó.

Phil. Ngài bảo thế nào, Hylas, ngài vẫn có thể nhìn thấy được một sự vật mà cùng lúc đó nó lại không thể được nhìn thấy sao?

Hyl. Không, đó là một sự mâu thuẫn.

Phil. Vậy cũng chẳng phải là rất mâu thuẫn khi ngài báo rằng ngài vẫn nhìn thấy được một sự vật mà nó không hề được nhìn thấy ư?

Hyl. Đúng thế đấy.

Hyl. Thế thì cái cây hay cái nhà có thể được bạn nhìn thấy?

Phil. Điều đó khác nhau thế nào?

Hyl. Và điều gì được nhận thức chắc chắn là phải ở trong đầu óc?

Phil. Hẳn là thế, cái gì được nhận thức đều xảy ra trong đầu óc.

Hyl. Vậy thì làm sao ngài nói được là ngài nhận thức một cái nhà hay một cái cây đang tồn tại độc lập và ở bên ngoài mọi đầu óc của bất cứ ai?

Phil. Đó chính là điều mà tôi thấy cũng cần nên rà soát lại; nhưng thôi, nào hãy để tôi xem coi điều gì đã dẫn dắt tôi vào ý nghĩ đó. - Đó quả là một sự nhầm lẫn đầy thú vị. Bởi vì tôi đã suy nghĩ về một cái cây như nó tồn tại mà không được nhận thức hay không được ai tư duy về nó - mà lại không xem xét rằng chính tôi đã nhận thức nó trong toàn thể vào lúc đó. Nhưng giờ tôi đã nhận thấy một cách đơn giản rằng tất cả điều gì tôi có thể làm chỉ là sự đóng khung các ý tưởng của tôi vào trong chính đầu óc của tôi. Do vậy mà chính tôi có thể nhận thức ra được trong tư duy của tôi ý tưởng về một cái cây, một cái nhà, một hòn núi, nhưng cũng chỉ có thế mà thôi. Và điều này vẫn không thể nào chứng minh được là tôi vẫn có thể nhận thấy rằng chúng vẫn *tồn tại ở bên ngoài đầu óc của mọi Hiện hữu tinh thần.*

Phil. Vậy thì ngài cũng đã hiểu ra được, là ngài không thể nào nhận thức được việc làm thế nào mà bất cứ một sự vật cụ thể nào đó có thể nhận thức được, nhưng lại có thể tồn tại được theo một cách nào đó khác hơn là nằm ở trong chính đầu óc?

Hyl. Tôi hiểu.

Phil. Và như thế ngài sẽ phải nghiêm túc đồng ý tính một cách hoàn toàn khách quan là không bất cứ sự vật gì mà ngài lại không thể nhận thức được nó theo cách như thế?...

Hyl. Tôi muốn nói là sự thật khách quan, Philonous à, vì theo tôi nghĩ có hai loại vật thể: - một loại được nhận thức một cách ngay lập tức, vì thế nó có thể được gọi là loại các ý tưởng; còn loại kia chính là những sự vật thật hữu, hay những sự vật ngoại giới, và được nhận thức qua trung gian các ý tưởng, chúng chính là những hình ảnh hay là những biểu tượng. Và giờ đây thì tôi có ý tưởng cho rằng chúng không thể tồn tại ở bên ngoài dầu óc; nhưng chính loại sau thì lại không phải như thế. Tôi lấy làm tiếc là đã nghĩ đến sự phân biệt này quá lâu như thế; và có lẽ cũng cần nên chấm dứt sớm sự thảo luận của ngài đưa ra.

Phil. Nhưng phải chăng các sự vật ở bên ngoài là được nhận thức bởi giác quan, hay bởi một khả năng nào đó khác nữa?

Hyl. Chúng đều được nhận thức bởi các giác quan cả.

Phil. Thế sao! Vậy có cái gì đó được nhận thức nhờ giác quan mà nó lại không được nhận thức một cách ngay lập tức không?

Hyl. Vâng, Philonous à, tùy theo một loại nào đó thì có đấy. Chẳng hạn, khi tôi nhìn một bức tranh hay một bức tượng của Julius Cæsar, tôi vẫn cho rằng có thể theo một cách thức nào đó để nhận thức được ông ta (cho dù không phải ngay lập tức) bởi chính các giác quan của tôi.

Phil. Như vậy có vẻ là ngài cũng sẽ đồng ý là chỉ có các ý tưởng của chúng ta là được nhận thức ngay lập tức, cũng như các hình ảnh và sự vật bên ngoài: vì rằng những sự vật này cũng được nhận thức bởi các giác quan, và nếu thế thì liệu chúng cũng có một sự phù hợp hay sự giống nhau nào đó cùng với các ý tưởng của chúng ta không?

Hyl. Tôi cũng nghĩ là vậy.

Phil. Và cũng trong cùng cách nhận thức về Julius Cæsar, là chính bản thân ông ta thì không được nhìn thấy, nhưng việc nhìn thấy đó lại là do cái nhìn: có những sự vật thật hữu, trong khi tự chúng không được nhìn thấy, thì vẫn lại được nhìn thấy bởi các giác quan mà.

Hyl. Hoàn toàn đúng như thế.

Phil. Nào hãy nói cho tôi rõ, Hylas, khi tay ngài cầm bức tranh của Julius Cæsar, có phải là ngài nhìn thấy bằng chính mắt ngài về cùng các hình ảnh và màu sắc cùng với một sự cân đối nào đó và cùng với sự cấu thành của cái toàn thể?

Hyl. Hẳn nhiên đúng như thế rồi.

Phil. Và phải chăng có một người nào chẳng bao giờ biết về một điều gì cả về Julius Cæsar, lại cũng vẫn nhìn thấy được như thế?

Hyl. Cũng có thể chứ.

Phil. Vậy thì anh ta có cái nhìn của anh ta, và cũng sử dụng nó trong một cấp độ hoàn hảo cũng giống hệt như ngài?

Hyl. Tôi đồng ý với ngài.

Phil. Như vậy tức các ý nghĩ của ngài thì hướng tới vị hoàng đế La Mã, còn các ý tưởng của anh ta lại là không? Điều này không thể xuất phát do những cảm giác, hay do các ý tưởng về cảm giác mà ngài nhận thức được; bởi vì ngài biết là ngài không cũng có được sự nổi trội nào so với anh ta về khía cạnh này. Và do thế, chỉ có vẻ như nó xuất phát từ lý trí và từ trí nhớ: có phải thế không nào?

Hyl. Có thể như vậy thật.

Phil. Như thế thì cũng sẽ không có việc từ trường hợp đó mà mọi sự vật được nhận biết bằng giác quan lại không thể được nhận biết ngay lập tức. Vậy nên tôi đoan quyết rằng có lẽ chúng ta có thể đồng ý chấp nhận được là việc nhận thức các sự vật có thể thực hiện được một cách ngay lập tức bằng những giác quan - tức là thường khi vẫn có được mối nối kết giữa

việc nhận thức vẫn thường có với sự nhận thức ngay lập tức về các ý tưởng, bởi nhờ giác quan gợi lên cho đầu óc những tri giác khác, hay có lẽ cũng thuộc về giác quan khác, mà nó chắc hẳn là đã được nối kết với chúng. Chẳng hạn, khi tôi nghe thấy một chiếc xe ngựa đang chạy dọc theo các đường phố, lập tức tôi liền nhận biết ra chỉ có các âm thanh thôi; thế nhưng từ các kinh nghiệm mà tôi đã có về việc một âm thanh như vậy vẫn thường nối kết cùng với một cỗ xe ngựa, nên tôi cho là mình đã nghe thấy tiếng xe ngựa. Tuy vậy, rõ ràng trong thực tế và một cách chặt chẽ, thì lại không có cái gì đã được nghe thấy ngoài các âm thanh mà thôi; và do vậy mà chiếc xe ngựa cũng không phải đã được nghe thấy bởi giác quan, nhưng là được ý thức do từ kinh nghiệm. Cũng theo cùng cách như vậy người ta nhìn thấy một thỏi sắt được nung đỏ; sự rắn chắc và sức nóng của thanh sắt không hề là những đối tượng được nhìn thấy, nhưng chúng đã được gợi ý ra cho sự tưởng tượng bởi chính màu sắc, hình ảnh đang được đích thực nhận biết bởi giác quan như thế đó. Nói chung thì những sự vật đó chỉ có trong hiện tại, và nhất thiết được nhận thức bởi một giác quan nào đó, và nó cũng đã được nhận thấy ở trong cùng một trường hợp mà cùng giác quan đó đã được tham chiếu tới trước tiên đối với chúng ta. Vì đối với những sự vật khác, thì đơn giản chỉ là chúng được gợi ý ra đối với tinh thần bằng kinh nghiệm, được đặt nền tảng trên những tri giác trước kia. Nhưng hãy trở lại với chính sự so sánh của ngài về bức tranh của Cæsar, điều đó chỉ đơn giản nếu ngài vẫn giữ nguyên quan điểm cho rằng những sự vật thực, hay những nguyên mẫu của những ý tưởng của ngài, là không được nhận thấy bởi các giác quan, nhưng là bởi một khả năng nội tại nào đó ở trong tâm hồn, như lý trí hay ký ức. Do vậy tôi cũng muốn xem thử mình biết được loại lý luận nào mà ngài sẽ có thể rút ra được từ lý trí cho sự hiện hữu của điều gì đó mà ngài gọi là các sự vật thực hữu hay là những đối tượng vật chất. Hoặc có thể ngài cũng nhớ lại là đã từng được nhìn thấy chúng trước kia, như là chính ở nơi bản thân chúng; hay là nếu ngài đã nghe hay đã đọc được về một điều gì đó như thế.

Hyl. Tôi hiểu, Philonous à, là ngài đang sắp đùa cợt rồi; nhưng điều đó cũng sẽ không bao giờ thuyết phục nổi tôi đâu.

Phil. Mục đích của tôi chỉ là muốn học từ ngài cách thức làm sao để biết được những tồn tại vật chất. Cho dù bất cứ điều gì chúng ta nhận thức như kiểu trực nhận hay là qua trung gian nhờ bởi các giác quan; hay là nhờ bởi lý trí và nhờ bởi sự suy nghĩ. Nhưng vì ngài đã loại bỏ giác quan đi, vậy xin bảo cho tôi biết, lý lẽ gì mà ngài lại phải tin vào sự hiện hữu của chúng; hay là bởi qua trung gian cái gì đó mà ngài có thể dùng để chứng minh được chúng, để cho tôi hay cho chính ngài hiểu ra được.

Hyl. Thành thật mà nói, Philonous à, giờ thì tôi có thể nói là tôi khó có thể tìm ra được cho bạn một lý lẽ nào tốt cả về nó. Nhưng như vậy, lại có vẻ thật sự rất đơn giản nếu ít nhất cũng có thể có được những sự vật như vậy lại có thể hiện hữu thực sự. Và chừng nào mà không thấy có sự vô lý về việc giả định chúng, thì tôi nhất quyết cũng phải tin tưởng giống như đã có trước đây, cho tới khi ngài có thể mang lại được cho tôi những lý lẽ tốt hơn về chính điều trái ngược lại.

Phil. Thế ư! Có phải vì điều này mà ngài vẫn chỉ tin vào sự hiện hữu thật sự của những đối tượng vật chất, và niềm tin của ngài lại chỉ thuần túy đặt nền tảng trên chính khả năng hiện hữu thật sự của nó? Vậy thì ngài hãy trưng ra cho tôi những lập luận nào chống lại được nó, cho dù có người khác vẫn có thể nghĩ nó là hữu lý với bằng chứng có thể nằm trên chính anh ta, là người xác nhận được về điều đó. Và sau hết, chính ở điểm này, mà giờ đây ngài đang quyết định muốn

cố giữ lại mà lại không cần bất cứ các lý lẽ nào, cho dù kết quả là điều gì mà chính ngài đã hơn một lần được nhìn thấy là lý lẽ tốt để bị khuất phục trong suốt cuộc trao đổi này. Nhưng cũng cần phải xem lại tất cả mọi điều này; vì nếu tôi hiểu ngài đúng, tức ngài cho rằng các ý tưởng của ngài là không hiện hữu nếu không có đầu óc, nhưng chúng chỉ là những bản sao, những hình ảnh, hay những biểu tượng của một số những nguyên mẫu nào đó đã có phải không?

Hyl. Ngài hiểu tôi đúng đấy.

Phil. Vậy thì chúng cũng giống như các sự vật ở ngoại giới?

Hyl. Đúng thế.

Phil. Phải chăng là những sự vật đó vẫn có một bản chất ổn định, thường xuyên và độc lập đối với các giác quan của chúng ta; hay chúng thường luôn luôn thay đổi và luôn tạo những sự chuyển động nào đó trong thân thể của chúng ta, khiến cho có thể làm ngưng lại, làm tác động hay làm biến chuyển những năng lực hoặc những cơ quan cảm giác của chúng ta?

Hyl. Những sự vật chỉ đơn giản có một bản chất cố định và thật hữu, nó vẫn giữ nguyên dù có một sự thay đổi nào đó nơi các giác quan của chúng ta; do vậy mà chúng có thể tác dụng đến những ý tưởng trong đầu óc của chúng ta, nhưng thật là vô lý nếu nghĩ là chúng cũng lại có cùng một tác động trên các sự vật tồn tại mà không cần có đầu óc nhận thức về nó.

Phil. Như vậy thì làm thế nào để có thể những sự vật vẫn thường xuyên trôi chảy và thay đổi được, bởi vì những ý tưởng của chúng ta chỉ có thể là những bản sao hay là hình ảnh của bất kỳ một sự vật nào đó cố định và thường xuyên? Hay nói cách khác, bởi do mọi tính chất của cảm giác, như kích thước, hình ảnh, màu sắc, v.v. đều chỉ là những ý tưởng của chúng ta bị tiếp tục thay đổi do mọi sự thay đổi về khoảng cách, môi trường, hay các công cụ của cảm giác; thì làm thế nào mà bất kỳ những vật thể vật chất xác định nào đó lại được biểu tượng một cách đích thực, hay được trình bày ra rõ ràng bằng một vài sự vật phân biệt khác nhau, mà mỗi cái trong chúng vẫn rất khác nhau, mà không hề giống gì với những cái còn lại? Hay nếu ngài cho là nó giống với một vài cái gì đó chỉ có trong các ý tưởng của chúng ta, thì làm thế nào chúng ta có thể phân biệt được các bản sao chân thật với các bản sao giả dối khác được?

Hyl. Tôi thú nhận là, Philonous à, tôi đã chịu thua rồi. Tôi không biết phải nói thế nào ở đây nữa.

Phil. Nhưng vẫn chẳng có điều gì ở đây hết cả. Chúng đều là những vật thể vật chất trong chính chúng - và có thể vừa nhận thức được và cũng không thể nhận thức được?

Hyl. Nói đúng đắn và ngay lập tức, thì không có một vật nào có thể được nhận thức cả, nhưng đó chỉ là các ý tưởng. Mọi sự vật vật chất, vốn chính chúng là không thể nhận thức được, và chúng chỉ được nhận thức do bởi chính các ý tưởng của chúng ta.

Phil. Thế thì những ý tưởng là có thể cảm nhận được, và những nguyên mẫu, hay là những nguyên gốc của chúng, là không thể nhận thức được?

Hyl. Đúng thế.

Phil. Nhưng như vậy thì làm thế nào để điều đó có thể được cảm nhận như chính là điều gì không thể được nhận thức? Có thể nào một sự vật thực sự trong chính nó là *không thể nhìn thấy được*, giống như một *màu sắc*; hay một sự vật mà thực sự nó lại không thể *nghe* được, giống như một *âm thanh*? Nói chung, có thể nào một sự vật nào đó lại giống như một cảm giác hay một ý tưởng, nhưng đó lại là một cảm giác hay một ý tưởng khác?

Hyl. Tôi chịu thua, tôi cho là không thể.

Phil. Vậy thì còn có sự nghi ngờ nào đó về điểm này không? Ngài vẫn không

thể biết được một cách hoàn toàn về các ý tưởng của chính bạn sao?

Hyl. Tôi biết được chúng một cách hoàn toàn chứ; bởi vì điều gì tôi không thể nhận thức hay biết được, thì chúng cũng không thể có chính trong ý tưởng của tôi được.

Phil. Thế thì ngài hãy xem xét và kiểm nhận về chúng, rồi hãy nói cho tôi rõ, có một điều gì đó ở trong chúng có thể hiện hữu mà không cần có đầu óc?

Hyl. Để xem nào, tôi thấy điều đó là không thể được, để tôi nhận thức hay hiểu được là làm thế nào mà một sự vật nào đó, nếu không phải là một ý tưởng, lại có thể giống như một ý tưởng được. Và cũng hết sức rõ ràng là *không một ý tưởng nào lại có thể tồn tại mà lại không có đầu óc được.*

Phil. Như vậy thì theo các nguyên tắc của chúng ta, ngài bắt buộc phải chối bỏ chính thực tại của những sự vật có thể cảm giác được; bởi vì ngài vẫn xem chúng như một sự tồn tại tuyệt đối ở bên ngoài đầu óc. Tức tôi muốn nói ngài đúng là một kẻ hoài nghi. Thế thì tôi đã thắng điểm, và điều đó cũng chứng tỏ là các nguyên lý của ngài đã dẫn tới chủ nghĩa hoài nghi.

Hyl. Tạm thời tôi phải đành chịu vậy, còn nếu tôi chưa hoàn toàn bị thuyết phục, thì ít nhất cũng phải đành im lặng.

5

Các phương pháp để được thuyết phục *

CHARLES SANDERS PEIRCE

(1839 - 1914)

Có ít người chịu quan tâm nghiên cứu về luận lý học, bởi vì mọi người đều nhận thức là chính họ cũng đã đủ năng lực trong nghệ thuật lý luận rồi. Nhưng tôi quan sát thấy sự tự mãn này vẫn còn bị hạn chế ở trong chính sự lý luận của mỗi người như thế đó, và cũng đã không để mở rộng thêm ra cho cả khả năng của những người khác.

Chúng ta phải cần đi tới việc làm sao để có đầy đủ năng lực, nhằm rút ra được những lợi điểm giống như đó cũng chính là các năng lực tối hậu của chúng ta: bởi vì điều đó thật ra không phải là một năng khiếu tự nhiên, nhưng là một nghệ thuật cần được trải nghiệm lâu dài và khó khăn. Lịch sử trong việc thực hành nó có thể làm thành cả một chủ đề lớn cho một cuốn sách. Các học giả thời Trung cổ, tiếp nối theo sau những người La Mã, đã xem môn luận lý học cũng phải nằm trong các nội dung học cần được tập tành đầu tiên của một đứa bé, chỉ sau có văn phạm vốn vẫn được xem là quá dễ dàng. Do vậy mà chúng cũng cần phải hiểu được nó. Và nguyên tắc cơ bản của nó, phù hợp theo đó, đều cho là mọi sự hiểu biết hẳn tất phải ở chính chỗ giá trị thuyết phục của nó, hay là ở lý trí; nhưng bất cứ điều gì được suy đoán nhờ lý trí, vẫn đều phải phụ thuộc tối hậu ở một tiền đề mà nó vốn xuất phát từ chính giá trị bó buộc đó. Và cũng chính nhờ thế mà chẳng bao lâu, đứa trẻ đã phải được hoàn chỉnh trong phương pháp tam đoạn luận, để từ đó các năng lực trí tuệ của nó đã có thể được coi như là hoàn chỉnh.

Đối với Roger Bacon, đầu óc xuất sắc vào giữa thế kỷ XIII gần như là một người của khoa học, khái niệm của các giáo sư triết học thời Trung cổ về lý luận xuất hiện một trở lực cho chân lý. Họ chỉ thấy có kinh nghiệm không thôi đã mang lại các sự hiểu biết về mọi sự vật cho con người - một nhận định đối với chúng ta quả có vẻ dễ hiểu, bởi vì một quan niệm rõ rệt về kinh nghiệm vốn cũng đã được truyền kế tới chúng ta từ các thế hệ trước: nên đối với một người nó dường như thật hoàn toàn sáng tỏ, bởi vì các khó khăn của nó hầu vẫn còn chưa lộ ra hết cả. Đối với mọi loại kinh nghiệm, cái gì tốt nhất,

* Phần lớn của chủ đề "Củng cố niềm tin", xuất xứ từ *Nguyệt san Khoa học phổ thông* (1877).

theo như anh ta nghĩ, chỉ là điều sáng tỏ ở chính trong lòng, nó dạy cho ta nhiều sự việc việc về thiên nhiên, mà chính những giác quan ở bên ngoài đã không bao giờ khám phá ra, cùng giống như sự dậy men lên của các bánh mì.

Bốn thế kỷ sau đó, Bacon lại còn nổi tiếng hơn, ngay ở trong cuốn sách đầu tiên của ông ta, cuốn Novum Organum, đã nêu lên rất rõ ràng kinh nghiệm của ông ta phải như cái gì đó cần phải được thẩm định và xem xét lại. Nhưng vượt cao lên hơn, là quan niệm của Lord Bacon, còn nhằm tới những ý niệm tiến bộ hơn, mà một độc giả hiện đại cũng không ngần ngại thán phục đối với sự hùng biện vĩ đại của ông ta, chủ yếu do ngạc nhiên về sự chưa chắn xắc trong cách nhìn về phương pháp luận khoa học của ông ta. Nên chúng ta chỉ phải cần làm một vài thí nghiệm khoa học thô thiển, để rút ra được các kết luận ngắn về những kết quả ở trong một vài dạng thức còn để trống nào đó, rồi thông qua những điều này bằng các nguyên tắc, nhằm kiểm tra lại mọi sự chưa chính xác, rồi đưa ra các cách thức chọn lựa, và cũng chỉ trong một vài năm như thế mà khoa học vật lý sẽ có thể được kết thúc - quả là một ý tưởng kỳ lạ! "Ông ta đã viết về khoa học mà giống như một Ngài Chưởng lý", thật vậy, Harvey, một nhà khoa học chân chính đã nói như thế đó.

Những nhà khoa học đầu tiên như Copernicus, Tycho Brahe, Kepler, Galileo, Harvey, và Gilbert, đã có các phương pháp gần gũi với các đồng nghiệp hiện đại của mình. Kepler hiểu rằng khi kéo một đường cong đi ngang qua các vị trí của sao Hỏa, và xác định rõ thời gian mà hành tinh này đã đi qua, thì cũng vẽ lên được các phần khác nhau của chính đường cong đó; nhưng có lẽ sự đóng góp lớn lao nhất của ông cho khoa học là đã gây được ấn tượng cho các đầu óc khoa học của con người hiểu ra rằng điều này là việc có thể thực hành được nếu họ muốn cải thiện hơn về thiên văn học; nên họ không thể nào tự bằng lòng, mà phải cố tìm hiểu thêm, liệu một hệ thống những đường ê-líp có tốt hơn một hệ thống các đường khác không, cho nên họ cần phải thiết lập ra các hình dạng, và tìm ra những cái gì là đường cong, những cái gì là chân lý, và những cái gì là...

Cũng trong cùng một cách như thế, mà mọi hoạt động của khoa học đã đủ để được ghi nhận tốt cho một vài thế hệ nhằm mang tới các điển hình nào đó vài về tình trạng thiếu sót của chính phương thức lý luận của thời điểm nào đó mà nó đã được viết ra; và mỗi một bước tiến quan trọng trong khoa học cũng đã là một bài học trong luận lý học. Điều đó quả đã có như thế, khi Lavoisier và những người đương thời của ông ta, đã bắt tay nghiên cứu về hóa học. Câu châm ngôn của những nhà hóa học thời xưa là "Lege, lege, lege, labora, ora, et relege". Còn phương pháp của Lavoisier lại không phải là đọc và cầu nguyện, mà là mơ màng rằng cần phải có một diễn trình thật lâu dài và phức tạp của hóa học để có thể đạt tới được một hiệu quả nào đó, nhằm để đưa nó vào trong thực hành, với một sự nhẫn nại và bền bỉ, sau khi trải qua những lần thất bại không thể tránh, rồi mới mơ tưởng được tới một số các thay đổi nào đó có thể mang lại một kết quả khác, và cuối cùng mới công bố được chính điều mơ tưởng đó ra thành một sự kiện thực tế: phương cách của ông ta cũng đã mang tinh thần của ông ta vào trong phòng thí nghiệm, và quả thật đó chính là những công cụ đắc lực cho suy nghĩ của ông ta, cùng mang lại một quan niệm mới về lý luận, như là cái gì đó được thực hành với đôi mắt mở to ra của con người, trong sự diễn tiến thực sự của các sự vật, thay vì chỉ là những từ ngữ và những sự tưởng tượng...

Đối tượng của lý luận là nhằm tìm ra, nhờ đi từ việc xem xét các điều gì đó đã được biết, một cái gì khác mà chúng ta chưa biết. Do vậy mà lý luận là tốt, nếu

nó đưa lại một kết luận thật sự từ những tiền đề thật sự, chớ không phải ngược lại. Cho nên vấn đề sự thích đáng, thuần túy là một vấn đề liên quan đến sự kiện, chớ không phải tư duy. Một sự xác nhận về các sự kiện là nằm trong những tiền đề A và B, để cho kết luận là được rút ra từ đó, thì hoặc vấn đề là những sự kiện này phải thật sự có sự quan hệ như vậy, để cho nếu có A thì B cũng phải có nói chung. Như thế thì mối quan hệ nội tại đó là thích đáng; còn nếu không thì nó không thể thích đáng được. Ít ra cũng không phải trong vấn đề nào đó, khi những tiền đề đã được chấp nhận bởi tinh thần rồi, thì chúng ta cũng cảm thấy phải bị bắt buộc tin cả ở kết luận đó. Trong thực tế, nói chung chúng ta lý luận hoàn toàn đúng do bản chất của nó; nhưng điều này cũng còn tùy thuộc; dù kết luận đúng đó vẫn luôn là đúng nếu chúng ta không bị bó buộc phải chấp nhận nó; và một kết luận sai thì vẫn là sai, cho dù chúng ta không cưỡng lại được khuynh hướng chỉ muốn tin tưởng là nó đúng.

Dĩ nhiên, chúng ta vượt trội hơn các loài vật chính nhờ có đầu óc suy luận, nhưng không phải như thế mà chúng ta đã hoàn thiện được về điều đó. Hầu hết mọi người trong chúng ta chẳng hạn, đều tự nhiên hung hăng hơn và cũng nuôi nhiều hi vọng hơn về năng lực suy luận có thể có khả năng chứng thực được. Chúng ta dường như cứ thỏa mãn rằng cho dù có sự thiếu vắng của một số sự kiện nào đó, thì cũng vẫn có thể tiếp tục suy luận được cùng với sự thích thú và thỏa mãn; do vậy mà hiệu quả của kinh nghiệm vẫn cứ liên tục phối hợp được cùng với niềm hi vọng và các khuynh hướng của chúng ta. Thế nên trong thực tế của việc áp dụng sự điều chỉnh này vẫn thường không làm tiêu diệt đi được bản chất tự nhiên đó của chúng ta. Bất cứ nơi đâu sự hi vọng không được kiểm định lại bằng một thử nghiệm nào đó, thì cũng giống như quan điểm lạc quan của chúng ta đều vẫn thái quá. Tính chất luận lý học của các vấn đề thực tại (nếu điều này được hiểu không phải trong ý nghĩa cũ, nhưng lại được xem xét trong sự kết hợp khôn ngoan giữa sự chắc chắn và kết quả của lý luận) vẫn chính là phẩm chất hữu dụng nhất mà một sinh vật có thể có được, và do vậy, có thể đó phải là kết quả từ hành động chọn lựa tự nhiên; nhưng ngoài vấn đề này, có lẽ điều nổi trội hơn đối với loài vật, chỉ là đầu óc của nó có đầy sự hài lòng và những cái nhìn khích lệ, là độc lập với bản chất của chúng; và do vậy, trên những chủ đề không mang tính thực tại, thì sự chọn lựa tự nhiên có thể là dịp tốt cho một khuynh hướng sai lầm của tư tưởng.

Còn điều gì đối với chúng ta, chính là từ những tiền đề có sẵn, nhằm rút ra được một suy đoán này, thay vì là một suy đoán khác, mà có khi đó chỉ là thói quen của tinh thần, cho dù cũng có thể do bản chất hay do sự thủ đắc được. Thói quen là tốt, hay nói cách khác là phù hợp, nếu nó đưa tới được các kết luận đúng đắn từ những tiền đề đúng đắn; và một sự suy diễn được xem là có hay không có giá trị, không thể không xem xét đến việc đúng đắn hay sai lầm trong kết luận của nó một cách đặc biệt, mà không phải chỉ là sự phù hợp với thói quen mà nó vẫn xác định để nhằm tạo ra các kết luận nói chung hay không. Thói quen đặc biệt của trí óc vẫn thường hay chi phối sự duy diễn này hay suy diễn khác, có thể được tóm lượt vào trong một mệnh đề, mà sự thật nó cũng phụ thuộc vào tính thích đáng hay không của sự suy diễn do thói quen chỉ định; và một công thức như vậy cũng được gọi là những nguyên lý chỉ đạo của suy suy diễn. Chẳng hạn, giả định chúng ta quan sát thấy một cái đĩa bằng đồng quay nhanh, rồi đi tới chỗ dừng lại khi chúng ta đặt nó vao giữa hai cực của một thanh nam châm, và chúng ta suy đoán là điều này cũng sẽ xảy ra với mọi cái dĩa bằng đồng. Nguyên tắc hướng dẫn,

chính là cái gì thực sự có ở một miếng đồng thì cũng sẽ giống như ở một miếng đồng khác. Một nguyên lý chỉ đạo như vậy đối với một miếng đồng thì có thể là chắc chắn hơn nhiều so với những loại vật thể khác - như thau, chẳng hạn.

Một cuốn sách có thể được viết ra nhằm chỉ để nêu rõ lên điều gì là quan trọng nhất trong nguyên tắc chỉ đạo về lý luận. Có thể chúng ta phải thú nhận nó sẽ không có tác động gì đối với một người mà tư tưởng luôn bị hướng trọn vẹn vào những chủ đề thực hành, với sự hoạt động chỉ nhắm theo một con đường mòn có sẵn. Những vấn đề nào được thổ lộ ra trong chính chúng, trong một tinh thần như vậy, thì các vết mòn nào của thói quen cố hủ đã từng một lần học qua rồi, thì vẫn cứ vận dụng luôn như vậy hoài. Nhưng hãy nên để cho một con người biết mạo hiểm tiến vào trong một lĩnh vực mới, hay vào nơi nào mà các kết quả của nó vẫn không được tiếp tục kiểm tra lại bởi kinh nghiệm, và tất cả mọi sự vẫn cho thấy hầu hết các trí tuệ mạnh mẽ đều vẫn có thể tầm thường khi bị mất đi sự định hướng, và làm phung phí các nỗ lực của anh ta theo những chiều hướng không hề mang anh ta lại gần tiêu đích, hay cũng có thể khiến cho anh ta hoàn bị lạc hướng. Anh ta cũng giống như một con tàu đang ở trên biển khơi, nhưng không có một ai trên boong lại hiểu được những nguyên lý hàng hải. Và trong một trường hợp như vậy thì một vài nghiên cứu nói chung của nguyên lý chỉ hướng cho lý luận chắc chắc là rất cần thiết.

Chủ đề này tuy có thể chỉ mới được lướt qua thôi, nhưng vẫn không phải là lần đầu tiên đã bị hạn chế; bởi vì hầu hết bất cứ một sự kiện nào, vẫn có thể dùng như nguyên lý chỉ hướng. Nhưng nếu xảy ra sự việc có tồn tại một sự phân chia nào đó giữa các sự kiện, cũng giống như một lớp tất cả mọi cái gì đó tuyệt đối thiết yếu, giống như những nguyên lý hướng dẫn, trong khi ở những cái khác, thì mọi cái có một lợi ích nào đó khác, như là các đối tượng tìm kiếm. Sự phân chia này giữa những cái gì thiết yếu được đưa ra để nhằm bảo đảm việc đặt câu hỏi về lý do tại sao một kết luận nào đó lại được suy nghĩ tiếp theo sau một số các tiền đề nào đó, còn những cái khác lại không bao gồm trong chính vấn đề như vậy. Một ý tưởng thoáng qua sẽ cho thấy được một loạt các sự kiện vốn đã hàm ý một khi vấn đề luận lý hết cần được yêu cầu. Chẳng hạn, nó bao gồm những trạng thái tinh thần giống như vậy, như sự nghi ngờ hay sự tin tưởng - về một sự chuyển hướng từ điều nọ sang điều kia như thế là có thể có, dù đối tượng của tư tưởng có thể vẫn giữ nguyên như vậy, và sự chuyển tiếp này cũng là chủ đề của một số các nguyên lý khiến cho mọi đầu óc bị ràng buộc giống nhau. Vì các điều này chính là những sự kiện chúng ta đã từng biết về chúng trước khi có thể có được một quan niệm rõ ràng về việc lập luận rành rẽ, mà không giả định phải cần một chút gì đó lâu hơn hay thích thú hơn nhằm để tìm hiểu về sự đúng đắn hay sự sai lầm của chúng. Mặt khác, thật dễ dàng để tin rằng những nguyên tắc lý luận được suy diễn ra từ ý tưởng về tiến trình đó, cũng chính là một sự việc thiết yếu nhất; do vậy, mà khi nào nó còn được tạo nên đối với những điều này, thì ít nhất nó cũng không thể dẫn tới những kết luận sai lầm từ những tiền đề đúng đắn. Về mặt sự kiện, sự quan trọng của điều gì đó có thể suy đoán ra được từ những sự quy kết đã có hàm chứa trong nội dung luận lý học, sẽ lại trở thành có ý nghĩa giá trị lớn hơn để có thể giả định, và đó cũng chính là lý do khiến nó thật khó để có thể được trình bày ra trong kết quả. Điều duy nhất tôi sẽ phải lưu ý ở đây, chính là những ý niệm vốn thật sự là những sản phẩm của những sự phản tỉnh luận lý, mà vì đã không được nhìn thấy như thế, nên đã bị trộn lẫn cùng với những ý nghĩ thông thường của chúng ta, và thường là những nguyên nhân gây ra sự bối rối lớn. Đây chẳng hạn như trường

hợp ý niệm về tính chất. Một phẩm chất thì không bao giờ lại là một đối tượng có thể quan sát được. Chúng ta có thể nhìn thấy một sự vật là xanh, hay lục, nhưng tính chất xanh hay lục đó lại không phải là chính sự vật chúng ta nhìn thấy đó; chúng chỉ là những sản phẩm của sự phản ảnh luận lý học. Sự thực, cảm giác chung đó, hay là cái ý tưởng như thể lần đầu tiên hiện ra bên trên một mức độ thực tiễn nông cạn, lại được thâm nhập sâu hơn với tính chất luận lý nông cạn mà thường phẩm tính *siêu hình học* vẫn được áp dụng chung đối với nó; và cũng không có gì có thể tẩy xóa nó đi được, nếu đó không phải là một động tác rốt ráo về luận lý học.

Chúng ta vẫn biết là thường khi nào chúng ta muốn hỏi một câu hỏi, thì khi ấy chúng ta cũng muốn phát biểu lên một phán đoán, bởi vì vẫn có một sự dị biệt giữa cảm giác nghi ngờ và cảm giác tin tưởng.

Nhưng điều này cũng không phải tất cả những gì để phân biệt giữa sự nghi ngờ và niềm tin. Có một sự khác biệt nhau trong thực tiễn. Những niềm tin của chúng ta thì hướng dẫn các ham muốn của chúng ta, và định hình các hành vi của chúng ta. Những kẻ sát nhân, hay các tín đồ của tà thuật Sơn thần, vẫn thường bị đưa đến cái chết một cách rất bị động đối với họ, bởi vì họ tin tưởng là sự vâng lời theo ông ta có thể bảo đảm được cho sự hạnh phúc đời đời của họ. Phải chăng họ vẫn có sự nghi ngờ về điều đó, và phải chăng họ đã không hành động giống như họ đã có. Thế thì điều đó vẫn chưa hẳn xuất phát tất cả từ niềm tin, hay phù hợp theo với cấp độ của nó. Tình cảm về niềm tin là một sự xác định với ít nhiều chắc chắn, hơn là sự tạo thành ra trong bản chất chúng ta một thói quen nào đó sẽ xác định đối với các hành động của chúng ta. Sự hoài nghi thì lại không bao giờ có được một hệ quả như thế.

Chúng ta cũng chẳng cần rà soát lại cả điểm thứ ba của sự khác nhau. Sự hoài nghi là tình trạng không mấy dễ chịu, hay không được thỏa mãn, mà từ đó chúng ta luôn đấu tranh để tự giải thoát, để nhằm đi vào trong trạng thái niềm tin; trong khi trạng thái sau là trạng thái yên bình và thỏa mãn, và chúng ta không mong muốn sẽ tránh ra, hay được chuyển sang một niềm tin nơi một điều gì đó khác. Trái lại, chúng ta bám vào đó một cách dai dẳng, không phải để chỉ nhằm tin tưởng, mà là để tin tưởng đúng cái gì chúng ta tin tưởng.

Như thế, cả hai tình trạng ngờ vực và tin tưởng đều có những hệ quả tích cực vượt lên trên chúng ta, mặc dù chúng vẫn rất khác nhau. Niềm tin không làm cho chúng ta hành động tức thì, nhưng lại đưa chúng ta vào một điều kiện như thể để chúng ta sẽ hành động theo một cách nào đó một khi có tình huống sự việc xảy ra. Sự hoài nghi lại không có một chút xíu hệ quả nào như thế cả, nhưng chỉ kích thích chúng ta phải tìm hiểu, cho tới khi nó bị phá tan đi. Điều này vẫn nhắc cho chúng ta về sự kích động trên thần kinh, và trên cả hành vi được phản tỉnh đã tạo ra bởi điều đó; trong khi đó, đối với tình trạng tương tự của niềm tin ở trong hệ thống thần kinh, thì chúng ta lại phải nhìn tới một cái gì đó được gọi là sự liên kết thần kinh - chẳng hạn đến thói quen đó của những thần kinh, mà hậu quả là sẽ từ đó mà cái mùi thơm của trái đào sẽ làm cho chúng ta chảy nước miếng.

Sự kích động của điều hoài nghi tạo nên một sự đấu tranh để đạt tới một tình trạng về niềm tin. Tôi sẽ gọi sự đấu tranh này bằng từ ngữ "tìm hiểu", cho dù phải cần nhìn nhận điều này đôi khi cũng không phải là một năng lực để thích ứng được quá dễ dàng.

Sự kích thích của tính hoài nghi cũng chỉ là một động lực tức thời cho sự đấu tranh để đạt tới niềm tin. Điều chắc chắn tốt nhất đối với chúng ta là những niềm tin của chúng ta trong tính cách như vậy sẽ có thể thật sự hướng dẫn những hành

động của chúng ta để nhằm làm thỏa mãn được những sự ham muốn của chúng ta; và sự phản dội này sẽ làm cho chúng ta vứt bỏ hết mọi niềm tin, mà dường như chúng không được tạo nên như thế nhằm để đảm bảo cho kết quả này. Nhưng nó sẽ chỉ là như thế, bằng cách tạo ra một sự hoài nghi ở vào vị trí của niềm tin đó. Cùng với sự hoài nghi, sự đấu tranh tuy thế cũng đã bắt đầu, và với sự ngừng hoài nghi, thì nó cũng kết thúc. Bởi thế, đối tượng duy nhất của sự tìm hiểu là sự tạo lập nên một ý kiến. Chúng ta có thể tưởng tượng như là điều này vẫn không đủ đối với chúng ta, và cho rằng chúng ta tìm kiếm, không phải chỉ có một ý kiến thôi đâu, mà còn là một ý kiến đúng. Nhưng một khi đưa sự tưởng tượng này ra để trắc nghiệm, thì nó lại chứng tỏ là không có đủ cơ sở; bởi vì ngay khi mà một niềm tin tưởng chắc chắn đã đạt được, thì chúng ta cũng hoàn toàn đã thỏa mãn, cho dù niềm tin đó có thực sự hay là giả tạo. Và cũng rõ ràng là không có điều gì ở ngoài phạm vi sự hiểu biết của chúng ta có thể lại là đối tượng cho chúng ta, bởi vì không có điều gì không gây tác động tới tinh thần, mà lại là động lực của nỗ lực của chính tinh thần cả. Hầu hết điều gì có thể duy trì được, chính là cái gì đó mà chúng ta muốn tìm kiếm cho niềm tin do chúng ta muốn nghĩ là nó có thật. Nhưng nếu chúng ta nghĩ mỗi điều gì trong những niềm tin của chúng ta là đúng, thì cũng do vậy mà nó chỉ là một lối nói lòng vòng, nếu ta có thể nói được như vậy.

Nên sự tạo nên ý kiến chính là mục tiêu duy nhất của sự tìm hiểu, lại là một đề rất quan trọng. Nó quét đi ngay lập tức tất cả những sự phát biểu khác nhau không được rõ ràng cùng những ý niệm sai lầm về bằng chứng. Một ít điều trong số này có thể được lưu ý ở đây.

1. Một số nhà triết học tưởng tượng khi bắt đầu một cuộc tìm hiểu nó, chỉ cần thiết nêu lên một câu hỏi bằng miệng hay bằng cách viết ra giấy, và ngay cả họ cũng đã từng yêu cầu chúng ta hãy bắt đầu các sự nghiên cứu của chúng ta đối với sự tra vấn về tất cả mọi sự vật! Nhưng chỉ việc đặt ra một mệnh đề nằm trong thể loại nghi vấn, thì không kích thích được tinh thần làm bất kỳ một sự đấu tranh nào để có niềm tin cả. Đó phải là một hoài nghi thật sự và sống động, và nếu không có nó, thì mọi sự thảo luận chỉ là cho có lệ.

2. Vẫn chỉ là một ý tưởng thông thường cho rằng sự chứng minh cần phải thuộc về những mệnh đề tối hậu, tuyệt đối nào đó không thể phủ nhận được. Những mệnh đề này phù hợp theo với một trường phái nhất định, là những nguyên lý đầu tiên cho một bản chất chung; và cũng phù hợp với một cái khác nữa, là những cảm giác đầu tiên. Nhưng về mặt sự kiện, thì một sự tìm hiểu để nhằm có được một kết quả hoàn toàn thỏa mãn được như thế đó, được gọi là một sự chứng minh, và chỉ bắt đầu với những mệnh đề hoàn toàn thoát khỏi mọi điều nghi ngờ hiện có. Nếu những tiền đề trong thực tế không bị nghi ngờ gì cả, thì chúng không thể được thỏa mãn hơn như vốn chúng có.

3. Một vài người dường như thích lập luận là một điểm sau cùng còn lại, là tính đầy thuyết phục của chính nó. Nhưng sẽ không còn có sự phát triển về sau nào nữa cả. Khi sự nghi ngờ kết thúc, thì hoạt động của tinh thần trên chính chủ đề cũng được kết thúc; và nếu nó đi tới xa hơn thế nữa, thì cũng không còn mục đích gì.

Nếu việc xác lập ý kiến chỉ là đối tượng của sự tìm kiếm, và nếu niềm tin là thuộc bản chất của một thói quen, thì tại sao chúng ta lại không đạt tới sự kết thúc như mong đợi, vì việc đó xem như một câu trả lời cho một câu hỏi nào đó do chúng ta có thể tưởng tượng ra, và vẫn thường cứ lặp đi lặp lại đối với chúng ta, dựa trên tất cả những điều gì có thể dẫn tới niềm tin đó, để học cách quay trở về với ý đồ đã có và chán ghét bất cứ một sự việc nào có thể làm xáo trộn nó? Phương thức giản đơn

và trực tiếp này, thật sự đã được nhiều người theo đuổi. Tôi còn nhớ có một lần vì không muốn đọc tới một tờ báo nào đó bởi sợ nó có thể làm thay đổi ý kiến của tôi về việc tự do thương mại. "Sợ rằng tôi sẽ ảnh hưởng bởi các sự sai trái và nhầm lẫn của nó", đó là cách biểu hiện. "Anh không thể thế được", một người bạn của tôi bảo, "Là một sinh viên chuyên ngành về kinh tế chính trị, tuy thế anh vẫn có thể bị mê hoặc dễ dàng bởi các lập luận nơi chính chủ đề đó. Do vậy, nếu anh đọc tờ báo này, anh có thể bị mất tin tưởng vào sự bảo hộ. Nhưng việc anh vẫn cho là thương mại tự do là lý thuyết đúng; nên anh cũng không thể mong muốn tin tưởng vào điều gì đó khác không đúng". Tôi vẫn thường đã biết là hệ thống này đã được chấp nhận một cách hoàn toàn tự do. Và vẫn thường có sự không thích nó theo tính cách một bản năng tự nhiên nào đó, về tình trạng không thể cả quyết của tinh thần, bởi bị cuốn hút vào trong một nhận xét không rõ ràng và đầy những sự nghi ngờ, làm cho người ta vẫn cứ không ngớt phải bám vào các quan điểm mà họ từng có. Người nào cảm thấy là nếu anh ta cứ luôn kiên trì niềm tin của mình và không hề thay đổi, thì anh ta cũng sẽ hoàn toàn được thỏa mãn. Cũng không thể chối bỏ là một niềm tin kiên định sẽ mang lại sự an bình lớn cho tinh thần. Do thế mà nếu có thể phát sinh ra những sự không thuận tiện nào đó, giống như một người cứ kiên trì rằng lửa không đốt cháy anh ta, hay anh ta cũng có thể thường xuyên bị phương hại, nếu anh ta lại nhận thấy *sự tiêu hóa* của anh ta theo vận hành theo cách khác hơn là qua đường thực quản đến dạ dày. Nhưng rồi chính người đó lại phải chấp nhận là phương pháp này cũng sẽ mang lại những sự không thuận lợi lớn hơn so với những thuận lợi của nó. Rồi anh ta sẽ phải nói rằng "Tôi chỉ nôn nóng nhằm đạt tới được sự thật, và sự thật thì vẫn luôn luôn là cái gì đó toàn diện". Và trong nhiều trường hợp, chắc chắc có thể sự thích thú anh ta có được từ niềm tin tĩnh lại của anh ta lại vượt hẳn lên những sự không thoải mái xuất phát từ tính chất bị lừa dối của nó. Do vậy mà nếu thực sự cái chết là sự hủy diệt, thì người đó cũng sẽ tin anh ta chắc chắn có thể sẽ đi thẳng tới được thiên đường khi anh ta chết, tức là anh ta cũng cần phải hoàn thành một số các tuân thủ nào đó trong cuộc đời của mình, và đã có được một sự khoái lạc rẻ tiền không phải kéo dược theo sau một sự thất vọng nhỏ nhất. Một sự xem xét tương tự như thế, lại có vẻ như thích ứng được với nhiều người trong các chủ điểm về tôn giáo, bởi vì chúng ta thường nghe thấy họ nói rằng "Ồ, tôi không thể tin như vậy được, bởi vì tôi sẽ bị thất vọng nếu tin như thế". Khi một con đà điểu chúi đầu vào trong cát lúc có sự nguy hiểm tới gần, thì điều đó đối với nó có vẻ đó là một điều may mắn nhất. Nó che giấu sự nguy hiểm, và rồi còn lặng lẽ nói là không có sự nguy hiểm nào cả; nhưng nếu nó đã cảm thấy hoàn toàn không còn một sự nguy hiểm nao cả, thì tại sao nó lại không ngẩng đầu lên để nhìn? Một người có thể trong suốt cả cuộc đời mình luôn vẫn không muốn nhìn thấy một sự việc nào có thể làm đổi thay các quan điểm của anh ta, và do vậy anh ta sẽ chỉ một mực - trên cơ sở phương pháp luận của mình, như anh ta vẫn làm theo hai quy luật tâm lý học cơ bản - không nhìn tới cái gì bị cho là có thể đi ngược lại điều anh ta đã làm như thế. Nên cũng sẽ là một sự cứng đầu và ích kỷ để phê phán biện pháp của anh ra là vô lý, bởi vì chỉ một số người nào đó vẫn nói rằng các phương pháp của anh ta để nhằm thiết lập niềm tin vẫn không phải là các phương pháp của chúng ta. Anh ta không tự cho mình là hoàn toàn hữu lý, song vẫn thường nói với sự tức giận về việc lý trí yếu kém và ảo tưởng của con người. Như vậy thì cứ nên để cho anh ta suy nghĩ tùy thích theo ý mình.

Nhưng phương pháp về sự xác lập niềm tin này và vẫn thường được gọi là phương

pháp sự kiện định, sẽ không thể nào trụ mãi được nền tảng của nó trong thực tiễn. Áp lực xã hội sẽ chống lại nó. Người nào chọn lựa nó rồi cũng sẽ nhận thấy những người khác vẫn nghĩ khác hẳn với anh ta, và lại có một lúc nào đó, có khả năng xảy đến cho anh ta là các ý kiến của họ cũng sẽ tốt chẳng khác gì chính ý kiến của anh ta, và điều này sẽ phải làm lung lay sự tin tưởng vào chính niềm tin được tạo ra bởi chính anh ta. Ý niệm cho rằng tư tưởng hay tình cảm của một người khác có thể cũng ngang bằng với chính anh ta như thế đó, hoàn toàn sẽ là một bước mới rõ rệt, và cũng lại rất quan trọng nữa là dàng khác. Nó xuất xứ do từ một lực nay đã rất mạnh trong con người bị đè nén, nhưng không có sự nguy hiểm nào tiêu diệt loài người. Trừ khi chúng ta tự làm cho chúng ta xa cách, thì chúng ta vẫn luôn thiết yếu chịu ảnh hưởng do ý kiến của những người khác; đến nỗi vấn đề lại trở thành làm thế nào xác lập được về niềm tin, không phải chỉ ở trong cá nhân, mà còn chính là trong toàn thể cộng đồng. Hãy để cho ý chí của nhà nước hành động, thay vì chính ý chí của cá nhân. Hãy để cho một định chế được tạo ra mà đối tượng và mục tiêu của nó chính là gìn giữ được những học thuyết đúng đắn trước khi chú ý tới nhân dân, và việc lặp lại lộ trình của nó thường xuyên nhằm để dạy chúng cho lớp trẻ; cũng như cùng một lúc có được năng lực ngăn ngừa những lý thuyết ngược lại, không để cho chúng được dạy, được ủng hộ, hay thể hiện. Hãy để cho tất cả các nguyên nhân có thể có của sự thay đổi của tinh thần bị loại ra khỏi sự nắm bắt của mọi người. Hãy để cho họ cứ bị ngu dốt, mà không để cho họ có thể biết được các lý lẽ nào đó để suy nghĩ theo cách khác hơn là họ đang có. Hãy để cho các dục vọng của họ được thổ lộ ra, để nhằm làm cho họ có thể nhìn thấy được những ý kiến riêng tư và không thường lệ với sự ghê tởm và thù ghét. Rồi thì để cho mọi người ném bỏ niềm tin đã được xác lập vốn đã bị kinh khiếp vào trong yên lặng. Hãy để cho người dân bộc lộ ra một cách trần trụi như thể là những con người, hay để cho những sự điều tra được theo đuổi đúng theo cách suy nghĩ của những người bị nghi ngờ, và khi họ đã cảm thấy được là họ phạm tội bởi do các niềm tin bị cấm thì hãy để cho họ phải chịu khuất phục đối với các hình phạt rõ rệt nào đó. Khi mà sự đồng ý hoàn toàn không thể có cách nào đó khác để đạt được, thì một sự tàn sát chung những người không có suy nghĩ đúng theo cách chung, đã cho thấy những phương tiện rất hiệu quả của việc thiết lập ý kiến trong một nước. Nếu quyền lực để làm điều này đang được mưu cầu, thì hãy lập ra một danh sách các ý kiến cần được nêu cao, và cũng không có một người nào có được một chút độc lập nào đó về tư tưởng có thể đồng ý được, và hãy để cho sự tin tưởng phải được đòi hỏi để chấp nhận mọi đề nghị này, nhằm để tập hợp chúng lại một cách chính thống như có thể có được, nhằm ảnh hưởng tới phần còn lại của thế giới.

Phương pháp này đã từng có từ những thời kỳ rất xa xưa, là một trong những phương tiện chính yếu để nhằm lật đổ những lý thuyết chính trị và thần học đúng đắn, và bảo đảm cho tính phổ quát hay tính Thiên Chúa giáo của chúng. Tại La Mã, nó đặc biệt đã được thực hành từ thời đại của Numa Pompilius cho đến thời đại của Pius Nonus. Đây là một điển hình hoàn hảo nhất trong lịch sử; nhưng cho dù có tính chất đạo giáo - và không có một tôn giáo nào lại không có một cách như thế -- thì phương pháp này hoặc ít hoặc nhiều cũng đã dùng tới nó. Nơi đâu đã có một một nền quý tộc, hay là một chỉ hướng hoặc một sự liên kết nào đó giữa một giai cấp của những con người có các lợi ích phụ thuộc vào, hay giả thiết là phụ thuộc vào các mệnh lệnh nào đó, thì cũng sẽ tất yếu tìm thấy được một vài vết tích của sản phẩm tự nhiên này của tình cảm xã hội.

Các sự tàn ác vẫn luôn đi theo với hệ thống này; và khi nó nhất thiết được thực hiện, nó sẽ trở thành những tai họa thuộc loại khủng khiếp nhất trong con mắt của một người có lý trí. Chẳng phải là trường hợp này đáng ngạc nhiên gì, bởi vì người điều hành một xã hội không cảm thấy sự điều tiết được trong việc khống chế các quyền lợi của xã hội đó, chỉ cốt nhằm cho sự an toàn mà thôi, như thể đó là các lợi ích riêng của chính anh ta. Tuy thế, điều thật sự rất tự nhiên là sự thiện cảm và tình bằng hữu do vậy mà cũng làm phát sinh ra một quyền lực nhẫn tâm nhất.

Trong sự phê phán phương pháp xác định về niềm tin này, cũng có thể gọi là phương pháp độc đoán, chúng ta trước hết phải thừa nhận sự vượt trội về mặt đạo đức và về mặt tinh thần vô hạn của nó đối với phương pháp kiên trì. Sự thành công của nó do vậy cũng tương đối lớn hơn; và trong thực tế, nó vẫn thường tác động trở lại cùng với những kết quả ngoạn mục nhất. Những cấu trúc vững chải của nó đã được tạo ra để cùng - tại nước Xiêm chẳng hạn, hay tại Ai Cập và tại châu Âu - nhau chia xẻ sự cao quý hơn sự thù nghịch chống lại những công trình lớn nhất của thiên nhiên. Và trừ ra những giai đoạn địa chất, thì cũng không có những khoảng thời gian nào đủ dài như thế, để được đo lường bởi chính một số những niềm tin về mặt cấu trúc này. Và nếu chúng ta xem xét thận trọng và kỹ lưỡng vấn đề hơn, chúng ta sẽ nhận thấy chẳng có một hạt giống nào của chúng vẫn luôn duy trì được giống như thế; bởi vì sự thay đổi quả là rất chậm chạp để có thể nhận thấy ra được trong suốt cả một đời người, khiến cho niềm tin của cá nhân vẫn cứ rõ ràng là cố định. Đối với số đông nhân loại, có lẽ không có một phương pháp nào khác lại tốt hơn phương pháp này. Nếu sự ham muốn cao nhất của họ là nhằm trở nên những nô lệ về tinh thần, thì rồi họ cũng có thể sẽ giữ lại được những tính chất nô lệ tinh thần này.

Nhưng không có một định chế nào lại có thể đảm nhận được việc điều tiết các ý kiến về mọi chủ đề. Chỉ có những ý kiến quan trọng nhất mới có thể tham dự vào, còn đối với phần còn lại của những nội dung tinh thần con người lại phải được để cho các nguyên nhân tự nhiên tác dụng. Sự không hoàn chỉnh này vẫn cũng sẽ không là nguồn gốc của sự yếu kém, chừng nào mà con người vẫn còn hãy ở trong tình trạng văn hóa như vậy để cho một ý kiến không thể làm ảnh hưởng tới các ý kiến khác - nghĩa là, chừng nào mà chúng cùng nối kết cả hai lại với nhau. Nhưng trong các nhà nước có bản chất tôn giáo, thì nó lại càng bị che giấu nhất, nên chỉ có một vài cá nhân có thể nhận thấy chính họ vượt được lên trên tình trạng này. Những con người này có một loại tình cảm xã hội rộng rãi hơn; họ thấy rõ những người ở trong các nước khác và ở trong những thời đại khac vẫn có rất nhiều những học thuyết khác hơn là các lý thuyết mà chính họ đã từng vun vén để cùng tin tưởng vào đó; và họ cũng thấy được điều đó quả là một điều tai hại, bởi vì họ đã được rèn dạy đối với những điều gì mà họ đã có, và cả những gì mà họ đang bị vây bọc, cùng với những cách thức và những mối kết liên mà họ đang có, và chúng cũng đã làm cho họ tin tưởng rằng những gì họ vẫn thường làm cũng chỉ là chuyện bình thường. Sự chân thật của họ cũng chẳng thể nào phủ nhận được sự suy nghĩ cho rằng chẳng có lý do gì để xem các quan điểm của họ là phải có giá trị cao hơn giá trị của những quốc gia khác hay những thế kỷ khác; do vậy cũng sẽ đi tới sự hoài nghi trong chính tinh thần của họ.

Rồi về sau họ sẽ nhận thức được rằng những sự ngờ vực như thế, cũng giống như chúng đang tồn tại trong đầu óc của họ, trong sự đối chiếu với mọi niềm tin dường như được xác định bởi sự thay đổi đột của chính họ hoặc của những người đã tạo ra những ý kiến phổ biến đó. Sự

gắn chặt có mang tính chất ý chí vào một niềm tin, và sự bó buộc độc đoán niềm tin đó lên những người khác, do vậy đều phải cần được chấm dứt. Một phương pháp mới của việc thiết lập ý kiến phải được thích nghi. Nó không phải chỉ tạo ra một sức thúc đẩy cho sự tin tưởng, nhưng cũng sẽ quyết định về dề nghị nào sẽ phải được tin tưởng. Hãy cứ để cho các hành động của những yếu tố vượt trội lên cách tự nhiên phải được bảo toàn, và rồi dưới ảnh hưởng của chúng, hãy để cho những con người cùng trao đổi với nhau và xem xét những vấn đề trong những ánh sáng khác nhau, được phát triển dần dần niềm tin của họ trong sự hòa điệu với các nguyên nhân tự nhiên. Phương pháp này cũng giống với phương pháp mà qua đó những quan niệm về nghệ thuật đã được đưa tới chỗ chín muồi. Ví dụ hoàn hảo nhất về điều đó đã được tìm thấy trong lịch sử của triết học siêu hình. Các hệ thống thuộc loại này không phải thông thường đặt nền tảng trên bất cứ những sự kiện được quan sát nào, hay ít nhất cũng không phải thuộc về những cấp độ lớn. Chúng đã được chấp nhận một cách chính yếu, bởi vì những mệnh đề căn bản của chúng là dường như "phù hợp với lý trí". Điều này là một biểu hiện thích hợp; tuy không có nghĩa là nó phù hợp với kinh nghiệm, nhưng là chính điều gì do tự chúng ta khám phá ra thì chúng ta có khuynh hướng tin tưởng vào đó hơn. Platon chẳng hạn, cũng đã nhận thấy có sự phù hợp với lý trí giữa khoảng cách của những tầng trời, từ cái này sang cái khác, cũng luôn được cân đối phù hợp theo với những độ dài khác nhau của những sợi dây đàn tạo ra các bản hòa âm tuyệt diệu. Nhiều nhà triết học cũng đã bị thúc đẩy đi tới những kết luận chính yếu của họ bằng những khảo sát giống như điều này; nhưng điều này chỉ là một dạng thế thấp nhất và kém phát triển nhất được phương pháp đó sử dụng tới, bởi vì rõ ràng một người khác có thể tìm thấy theo lý thuyết của Kepler thì các tầng trời vẫn phải cân đối với những không gian đã được điều kiện hóa, và được vẽ lên bởi các vật thể rắn, đều đặn, khác nhau, hơn là phải phù hợp theo với lý trí của ông ta. Nhưng cái sốc của các ý kiến, chẳng bao lâu cũng sẽ dẫn con người tới việc phải căn cứ vào các lợi thế của một bản chất có mang tính phổ quát hơn. Hãy lấy một ví dụ, chẳng hạn, lý thuyết cho con người chỉ có thể hành động theo tính cách ích kỷ - là luôn tự xem xét coi phải hành động theo một cách nào để có thể mang lại cho anh ta nhiều sự thích thú hơn là hành động theo hướng khác. Điều này được xây dựng không phải trên các sự kiện thực tế trong cuộc sống, nhưng nó lại được chấp nhận một cách rộng rãi như chính là một lý thuyết duy nhất hợp lý.

Phương pháp này càng mang nhiều tính chất tinh thần, và cũng rất đáng kính từ quan điểm duy lý trí hơn bất cứ phương pháp nào khác mà chúng ta đã lưu ý tới. Thật vậy, khi nào vẫn chưa có được một phương pháp nào khác tốt hơn được áp dụng, thì có thể vẫn nên theo nó, bởi vì như thế thì sự biểu hiện của bản năng, chính là nguyên nhân tối hậu của niềm tin trong mọi trường hợp. Nhưng sự thất bại của nó, cũng hầu như đã được thấy rõ. Nó tìm hiểu cái gì đó cũng giống như sự phát triển của vị giác; nhưng vị giác, thật chẳng may, lại vẫn luôn luôn không hơn không kém một vấn đề của thị hiếu, và theo các nhà siêu hình học, thì không bao giờ có được một sự đồng ý xác đáng nào, nhưng nó cứ như quả lắc đồng hồ, cứ lắc qua lắc lại không ngừng giữa một triết học thiên về vật chất hơn và thiên về tinh thần hơn, ngay từ những thời kỳ sớm nhất cho đến những thời kỳ mới nhất sau này. Và từ điều này, nó đã được gọi là phương pháp tiên thiên, khiến chúng ta cũng đã được dẫn dắt tới một câu nói của Lord Bacon, đưa tới một sự quy nạp thật sự đúng. Chúng ta đã khảo sát về điều này bằng một phương pháp

tiên nghiệm, như là cái gì đó đã hứa hẹn giúp giải phóng các ý kiến của chúng ta ra khỏi các yếu tố nhất thời và rất hay thay đổi của chúng. Nhưng sự phát triển lại là một tiến trình loại trừ dần các hiệu quả yếu kém của một vài tình huống ngẫu nhiên nào đó, nhằm làm lớn hơn yếu tố của những cái khác hiệu lực hơn. Tuy vậy, phương pháp này vẫn không khác biệt rõ rệt về cơ bản với tính cách của sự độc đoán. Chính quyền có thể chẳng cần phải động đến một ngón tay để nhằm ảnh hưởng đến các quyết định của tôi; tôi cũng có thể tìm cách tách được ra ngoài để có được sự hoàn toàn tự do chọn lựa, giống như chúng ta sẽ nói giữa độc thê hay đa thê thì nó cũng chỉ có hiện ra trong ý thức của tôi mà thôi. Tôi có thể kết luận việc thực hành cái sau là phóng túng trong chính bản chất của nó. Nhưng khi tôi đi tới việc thấy được trở ngại chính yếu trong sự mở rộng Thiên Chúa giáo ở trong một dân tộc cũng có một nền văn hóa cao như Ấn Độ, thì chính niềm tin vào sự vĩnh cửu của cung cách chúng ta đối xử với một người đàn bà, khiến tôi không thể không nhận thấy được là mặc dù các chính quyền không can dự vào đó, nhưng những tình cảm trong sự phát triển của họ vẫn được quyết định rất lớn bởi những nguyên nhân phụ thuộc. Giờ đây cũng có một vài người, mà trong số họ, tôi phải giả định trong đó cũng có các độc giả của tôi, là những người mà khi họ nhận thấy bất cứ niềm tin nào của họ lại được xác định bởi bất cứ một trường hợp thái quá nào của các sự kiện, thì ngay từ lúc đó họ sẽ không chỉ nhìn nhận có các từ ngữ của chính niềm tin đó là dáng ngờ, mà cũng sẽ kinh nghiệm được về một sự ngờ vực đích thật về nó, khiến nó phải bị ngưng lại trong một cấp độ thấp nhất nào đó trong tính chất là một niềm tin.

Tuy vậy, để thỏa mãn sự nghi ngờ của chúng ta, điều cần thiết phải có một phương pháp sẽ được tìm ra để cho những niềm tin của chúng ta sẽ được xác định không bởi cái gì đó mang tính cách con người, nhưng chính là sự có mặt thường xuyên của một cái gì đó đến từ bên ngoài - bởi một cái gì đó mà tư tưởng chúng ta không thể tác động đến. Một vài nhà huyền bí học đã tưởng tượng họ có một phương pháp như thế trong một cảm hứng riêng đến từ cõi huyền bí. Nhưng đó chỉ là một loại dạng của phương pháp kiên định, mà ý niệm về chân lý giống như cái gì đó công nhiên không được triển khai ra. Tính thường xuyên ở bên ngoài chúng ta, có thể vẫn không phải là ở bên ngoài, mà trong giác quan của chúng ta, nếu nó đã được rút hẹp lại chính trong ảnh hưởng của nó đối với một cá nhân. Nó phải là cái gì đó tác động được, hay có thể tác động tới mọi người. Và mặc dù thế, những tác động này vẫn thiết yếu thay đổi tùy theo các điều kiện của cá nhân, vì vậy phương pháp là phải làm thế nào để cho kết luận sau cùng của mọi người sẽ đều chỉ là một. Một phương pháp như thế đó, chính là một phương pháp khoa học. Giả sử nền tảng của nó được diễn đạt lại trong ngôn ngữ quen thuộc, sẽ là thế này: Có những sự vật thực tại mà các tính chất của nó hoàn toàn độc lập với các ý kiến của chúng ta về chúng; những thực tại này tác động trên giác quan chúng ta phù hợp theo các quy luật thông thường, và cho dù các cảm giác của chúng ta khác nhau ra sao, thì trong các mối quan quan hệ của chúng ta với đối tượng vẫn cùng các lợi điểm trong các quy luật về tri giác, và chúng ta có thể khẳng định được bằng lý luận rằng các sự vật là khách quan và chân thực như thế nào đó; và bất kỳ người nào, nếu có đủ kinh nghiệm và đủ lý trí về chúng, thì vẫn có thể đi đến một kết luận chung có tính thống nhất. Ý niệm mới được bao hàm ở đây chính là điều gì đó của thực tại. Nó vẫn có thể bị truy vấn là làm thế nào mà tôi biết được có một thực tại nào đó như thế. Nếu giả thuyết này là nền tảng duy nhất của phương pháp truy tầm

của tôi, thì phương pháp truy tầm của tôi không thể được sử dụng để làm nền tảng cho giả thiết đó của tôi. Câu trả lời là thế này: 1. Nếu sự truy tầm không được xem như nhằm chứng minh là có những sự vật nào đó thật sự, thì ít nhất nó cũng không dẫn đến một kết luận nào trái ngược lại; nhưng phương pháp và quan niệm trên được xây dựng luôn luôn hòa hợp với nhau. Không thể nào có các nghi ngờ về phương pháp, tuy thế, thiết yếu là việc phát sinh từ sự thực hành nó, cũng giống như trường hợp những phương pháp khác. 2. Tình cảm thứ làm phát sinh một phương pháp nào đó về sự cố định niềm tin, vẫn không làm thỏa mãn được đối với hai mệnh đề đáng ghét. Nhưng ở đây vẫn có sự nghi ngại là có một điều gì đó mà một mệnh đề có thể tiêu biểu. Do đó, không có ai có thể thật sự nghi ngờ là có những thực tại, bởi vì nếu anh ta nghi ngờ như thế, thì sự nghi ngờ đó vẫn không phải là nguồn gốc của sự không thỏa mãn. Vì thế giả thuyết là một điều mà mọi người chấp nhận. Thế nên tác động xã hội lại không khiến người ta nghi ngờ về nó. 3. Mọi người đều sử dụng các phương pháp khoa học đối với một số lớn các sự vật, và chỉ thôi sử dụng nó khi nào anh ta không còn biết áp dụng nó như thế nào. 4. Kinh nghiệm của phương pháp không đưa chúng ta tới nghi ngờ về nó, nhưng trái lại, sự nghiên cứu khoa học đã có những chiến thắng rất kỳ diệu trong cách thiết lập nên các ý kiến. Những điều này đã đem lại sự giải thích về điều tôi không nghi ngờ đối với phương pháp hay giả thiết mà nó đã giả định; và không có bất cứ sự hoài nghi nào để không tin tưởng là có ai đó khác có thể ảnh hưởng tới được, nên đó cũng thật sự là sự lúng túng cho tôi để nói nhiều hơn về nó. Nếu có ai đó lại có một sự nghi ngờ sống thực về chính chủ đề đó, thì hãy cứ để cho anh ta xem xét nó...

Đây chỉ là một trong bốn phương pháp đã cho thấy được sự phân biệt theo một cách đúng và một cách sai. Nếu tôi chấp nhận phương pháp kiên định, thì tôi sẽ không để cho tôi chịu bất kỳ một ảnh hưởng nào từ bên ngoài, hoặc bất cứ điều gì mà tôi nghĩ là cần thiết cho điều này, hay là nó thiết yếu phù hợp với phương pháp đó. Vậy thì với phương pháp độc đoán: nhà nước có thể cố gắng loại bỏ đi sự tà giáo, bởi các phương tiện mà từ quan điểm khoa học, thì dường như nó rất được ít tính toán trong việc nhằm hoàn thành các mục tiêu của nó; nhưng việc trắc nghiệm duy nhất trên phương pháp đó lại là điều gì mà nhà nước suy tính; vì vậy cho nên nó không thể theo đuổi phương pháp một cách sai lầm. Đó là đối với phương pháp tiên thiên. Yếu tính căn bản nhất của nó chính là việc suy nghĩ như một người có khuynh hướng suy nghĩ Nhưng với phương pháp khoa học thì trường hợp lại khác hẳn. Tôi có thể bắt đầu với những sự kiện đã được biết và đã được quan sát, nhằm đi đến cái chưa biết; và như vậy các nguyên tắc mà tôi luôn noi theo trong việc tìm kiếm đó, có thể không hẳn giúp những việc tìm hiểu như thế đó sẽ được chứng minh. Việc trắc nghiệm xem tôi có đang theo đúng phương pháp đó hay không không, phải là sự kêu gọi tức thời tới các tình cảm và những mục đích của tôi; ngược lại, chính nó cũng bao gồm cả sự áp dụng của phương pháp đó. Thế nên, vấn đề chính là sự lập luận tồi, cũng như sự lập luận tốt, là đều có thể có; và sự kiện này cũng là nền tảng trong khía cạnh thực tiễn của luận lý học.

Không cần giả định rằng ba phương pháp đầu tiên của sự thiết lập ý kiến vẫn không tiêu biểu cho một lợi điểm nào đó cả đối với phương pháp khoa học. Ngược lại, mỗi một cái đều có những thuận lợi riêng của nó. Phương pháp tiên thiên vẫn nổi bật do các kết luận thuận lợi của chính nó. Nó là bản chất của quá trình chấp nhận một niềm tin nào đó mà chúng ta luôn có khuynh hướng tiến tới, và cũng có một vài sự tăng bốc nào đó đối với

niềm hãnh tiến của con người, về việc tất cả chúng ta đều tin tưởng về cùng một bản chất, cho tới khi chúng ta được thức tỉnh khỏi sự mơ mộng đầy tự mãn của chúng ta do bởi các sự kiện thô thiển. Phương pháp độc đoán vẫn sẽ luôn luôn chi phối phần lớn nhân loại; và những ai đã nắm trong tay những dạng khác nhau của lực lượng được đã tổ chức trong nhà nước sẽ không bao giờ bị thuyết phục rằng các lập luận nguy hiểm sẽ không thể nào bị loại bỏ theo một cách nào đó. Nếu tự do ngôn luận luôn không bị ngăn trở bởi những hình thức cưỡng bách thô thiển hơn, thì sự đồng nhất trong ý kiến cũng sẽ được bảo vệ bởi sự khủng bố tinh thần, mà từ đó sự kính trọng của xã hội sẽ được cho là sự đồng ý trọn vẹn của nó. Đi theo phương pháp độc đoán là chính con đường hòa bình. Một số sự không hòa hợp có thể được cho phép; còn một số cái khác (bị cho là không an toàn) thì bị cấm. Những điều này đều khác nhau trong những nước khác nhau, và trong những thời đại khác nhau; nhưng bất cứ khi nào bạn để cho thấy chính bạn muốn duy trì trong một cách khốc liệt một niềm tin nào đó đã bị cấm kỵ, thì bạn có thể hoàn toàn chắc chắn là bạn đang bị đối xử với một sự tàn ác, hoặc nhiều hay ít sự phũ phàng nhưng tinh tế hơn, là việc săn đuổi bạn giống như là một con chó sói. Nếu như vậy thì những ân nhân tinh thần vĩ đại nhất của nhân loại cũng đã chẳng bao giờ dám cả, và kể cả bây giờ họ cũng chẳng thể nào dám nói ra được toàn bộ các tư tưởng của mình; và như vậy thì một tia sáng nghi ngờ nguyên khởi (prima facie) liền được nổi bật hẳn lên trên trên mọi sự đề nghị vốn được xem là cốt yếu nhất cho chính sự an toàn của xã hội. Điều khá đặc biệt là sự ngược đãi không phải tất cả đều đưa tới từ chỗ không có gì cả; nhưng nếu một người hay tự dằn vặt mình và vẫn thường thất vọng nhất, thì khi đã nhận ra chính mình, họ cũng lại tin tưởng vào những mệnh đề đã được dựng lên cùng với sự thù địch. Những con người nào hiếu hòa và đầy thiện cảm, do vậy cũng sẽ nhận ra là khó để chống lại các ý đồ nhằm quy thuộc các ý kiến của mình vào trong quyền lực. Nhưng tôi thán phục hầu hết mọi phương pháp kiên định do bởi chính sức mạnh, sự giản dị, và tính trực tiếp của nó. Những người nào hướng theo phương pháp đó, cũng nổi bật lên nhờ tính chất kiên định trong thái độ của họ, và nó cũng trơ nên rất dễ dàng đối với một nguyên tắc tinh thần. Chúng không làm phung phí thời gian trong sự nỗ lực đi tới quyết định điều gì mà họ muốn, vì chỉ nhanh như chớp đối với khả năng chọn lựa nào đến trước nhất, và họ chỉ lấy nó làm cái sau cùng, cho dù có gì xảy ra điều gì đi nữa, mà vẫn không hề có sự hoang mang nhất thời nào hết. Đây là một trong những phẩm chất sáng chói vẫn thường đồng hành với một sự thành công nhanh chóng và sáng giá. Không cần phải tức tối đối với một người nào có thể sẵn sàng bất chấp mọi lý lẽ, mặc dù rồi chúng ta cũng biết cuối cùng vấn đề cũng sẽ ngã ngũ ra sao.

Đó chính là các lợi điểm mà các phương pháp xác lập ý kiến khác đã vượt trội lên trong sự truy tầm khoa học. Một người chỉ cần xem xét kỹ lưỡng về chúng, và rồi anh ta cuối cùng cũng sẽ mong muốn những ý kiến của mình sẽ được phù hợp với chính các sự kiện, và cũng không có lý lẽ nào để hoài nghi tại sao những kết quả của các phương pháp trước tiên này lại có thể là như thế. Để mang lại được hiệu quả này, đó là tính ưu việt của chính phương pháp khoa học. Đối với những sự xem xét như vậy, anh ta sẽ có được sự chọn lựa của mình - một sự chọn lựa còn xa hơn cả sự chấp nhận của bất kỳ một ý kiến mang tính trí tuệ tinh thần nào như một trong các quyết định có mang tính cách chi phối cả cuộc đời của anh ta, mà một khi nó được thực hiện, anh ta sẽ bị ràng buộc và gắn chặt vào nó. Sức mạnh của thói quen cũng lắm khi khiến cho một

người phải bám chắc vào với những niềm tin đã cổ lỗ của mình, sau khi anh ta có được điều kiện nhận thấy được chúng chẳng có cơ sở nào chắc chắn cả. Nhưng sự phản ánh về tình trạng đó sẽ vượt lên trên những thói quen này, và anh ta có thể sẽ cho phép sự phản ánh về nó đạt tới được sức nặng đầy đủ của nó. Nhiều người tuy vậy đôi khi lại không dám thực hiện điều này, chỉ do ý tưởng cho rằng những niềm tin phải là điều toàn diện, mà họ cảm thấy không thể để mất nó được. Nhưng hãy để cho những người như vậy cứ giả định một sự tương tự như thế, cho dù trường hợp đã khác đi với chính họ. Hãy để cho họ tự hỏi điều gì mà họ có thể nói với một người Hồi giáo cải cách đang còn do dự khi phải vứt đi những ý niệm già cỗi của mình về phương diện quan hệ phái tính; hay một người Cơ Đốc giáo cải cách đang có ý muốn tránh không đọc Kinh Thánh. Phải chăng họ đã không nói rằng những người này cần nên xét vấn đề đó một cách đầy đủ, và hiểu một cách rõ ràng hơn về học thuyết mới, để cái mới có thể bao quát về nó tính chất toàn diện của nó? Nhưng, trên tất cả, hãy cần nên xem xét điều gì mang tính chất toàn diện hơn là một niềm tin đặc thù nào đó, giống như là một sự thống nhất trong niềm tin, và cũng nhằm để tránh nhìn vào chính cơ sở của một niềm tin nào đó, bởi chính nỗi lo sợ nó có thể trở nên những nát, hoàn toàn phi đạo đức và thành bất lợi. Người nào thú nhận đã có một kiểu dạng như thế và được phân biệt với sự sai lầm chỉ đơn giản bởi do điều này, thì nếu hành động trên hướng đó, trên sự xem xét đầy đủ, thì nó sẽ dẫn chúng ta tới được đích điểm mà chúng ta nhắm đến, không thể nào bị đi trệch đường được, và rồi mặc dù bị thuyết phục bởi điều này, cũng vẫn không dám biết tới sự thật nhưng lại tìm cách để tránh nó, thì đó chính là một tình trạng đáng buồn của tinh thần vậy.

Vâng, những phương pháp khác cũng vẫn có các giá trị của chúng: một ý thức luận lý sáng sủa tất nhiên cũng có cái giá trị nào đó của nó - cũng giống như một đức hạnh nào đó, hay cũng giống như mọi cái gì mà chúng ta yêu thích cũng làm cho chúng ta thành thân thiết. Nhưng chúng ta vẫn không thể mong muốn nó sẽ phải theo cách khác. Tài năng phương pháp luận lý của một người là để được ưa thích và được kính nể bởi người vợ chưa cưới của mình, một người mà anh ta đã chọn lựa cho cả một cuộc đời. Anh ta không cần bằng lòng với những cái nào khác; trái lại, anh ta có thể đề cao chúng một cách sâu xa, và trong khi làm như vậy, anh ta lại chỉ đề cao cô ta càng nhiều hơn. Nhưng cô ta chính là con người mà anh ta đã chọn, và anh ta biết là anh ta đã có lý khi chọn lựa như thế. Và một khi đã chọn lựa rồi, anh ta sẽ làm việc, tranh đấu chỉ vì cô nàng, và sẽ không bao giờ phàn nàn mình là đã phải làm việc nhọc nhằn, chỉ hi vọng rằng cho dù phải làm lụng nặng nề bao nhiêu, và càng nhiều bao nhiêu chăng nữa, thì anh ta vẫn luôn phải tỏ ra xứng đáng là một người kỵ sĩ và là người luôn phải bảo vệ nàng với mọi vòng hào quang rực rỡ do từ sự cảm hứng của anh ta và cả từ sự can đảm của anh ta.

6

Niềm tin: cùng với và không cùng với sự hiển nhiên ⊕

JOHN HENRY (CARDINAL) NEWMAN

(1801 - 1890)

Có một số tác giả vẫn kiên trì chủ trương về những mức độ tán thành, dù các lý lẽ đối với một sự xác nhận mang tính mạnh mẽ hay yếu ớt, thì cũng là sự đồng ý. Cũng do từ điều này mà sự đồng tình tuyệt đối sẽ không cần tới một sự tập tành chính thức nào, ngoại trừ có những hành vi chuẩn mực mang tính trực giác hay có chứng minh. Như thế điều gì đã trở nên quen thuộc với chúng ta vẫn được chấp nhận một cách vô điều kiện; nhưng các lý luận trong những vấn đề cụ thể thì không bao giờ vượt hơn những điều khả thể, và sự khả thể nơi mỗi một kết luận do chúng ta rút ra được, cũng là việc đo lường sự đồng lòng của chúng ta đối với kết luận đó. Như vậy, sự đồng lòng đã trở thành một loại bóng mờ thiết yếu, tiếp theo sau một sự tham chiếu vào chính bản thể; và vì thế mà cũng không bao giờ có thể có chút ít nghi ngờ nào, bởi vì sự tham chiếu vào trong cái cụ thể thì lại không bao giờ đạt tới được cái gì hơn là tính cách khả thể... Sự đồng ý không thể vươn lên cao hơn so với nguồn gốc của nó; sự tham chiếu trong những vấn đề như thế, tốt nhất cần phải có điều kiện, cho dù sự đồng ý đó cũng đã là có điều kiện.

Lý luận trừu tượng vẫn luôn luôn nguy hiểm, và thực tế nầy vẫn không có ngoại lệ về mặt nguyên tắc; nhưng tôi thì vẫn thích xuất phát từ những sự kiện hơn. Lý thuyết mà tôi đã tham chiếu tất cũng không thể được thể hiện trong thực tiễn. Có lẽ nói đúng hơn, là phải chứng minh rất nhiều; bởi vì nó tách chúng ta ra khỏi sự đồng ý không điều kiện, và trong những trường hợp trong đó có tiếng nói chung của loài người, thì sự bênh vực nó được bao hàm trong đó, có thể phản kháng chống lại được sự cấm cản. Có nhiều sự thật ở trong các vấn đề cụ thể, và không một ai có thể chứng minh nó ra được, ngay cả đến mọi sự chấp nhận không có điều kiện; và dĩ nhiên cho dù có vô số mệnh đề có vẻ như phi lý để có được một sự đồng ý tuyệt đối, thì vẫn còn có cả sự vô lý nằm ở trong những tình huống của mỗi một trường hợp riêng biệt, như thế

⊕ Trích từ chương 6 và 7 trong *Một bài luận về phương pháp sử dụng ngôn ngữ tán thành* (1870).

nó được bày tỏ ra bởi chính nó, mà không nằm trong sự vi phạm chung của chúng về một cái gì đó được cho là nguyên lý mà lý lẽ khả thể lại không bao giờ có thể mang lại niềm tin chắc chắn được.

Các lưu ý của Locke về chủ đề này là một minh họa cho điều mà tôi đã đề cập tới. Tác giả nổi tiếng này, đằng sau cách thức của trường phái của ông, đã nói một cách cởi mở về các cấp độ của sự đồng ý, và xem xét rằng sức mạnh của sự đồng ý được cho thấy ở nơi mỗi mệnh đề, thay đổi theo với chiều dài của sự tham chiếu mà trên đó sự đồng ý đi theo; thế nên ông ta đã bắt buộc phải chỉ ra những ngoại lệ đối với nguyên lý tổng quát của ông - những ngoại lệ, không thể hiểu được trên chính nguyên tắc trừu tượng của ông ta, nhưng lại được đòi hỏi bởi chính luận lý của các sự kiện. Sự thực hành của loài người tỏ ra rất mạnh mẽ đối với lý thuyết tiên đề, mà với nó ông ta luôn rất muốn gắn chặt theo.

Trước hết, ông ta có nói, trong chương của ông viết về "Về khả năng có thể", rằng "hầu hết các mệnh đề mà chúng ta suy nghĩ, lý luận, phát biểu, kể cả hành động theo đó, thì chính chúng ta cũng không thể có sự hiểu biết để không thể nghi ngờ về sự thực của chúng; dù một số trong chúng *nằm gần sát* nhất sự chắc chắn, khiến *chúng ta cũng không có nghi ngờ gì cả* về chúng, nhưng phải *đồng ý* với chúng, *như là điều chắc chắn*, và hành vi phù hợp theo với sự đồng ý đó một cách cả quyết, *như thể là chúng chắc chắn mà vẫn không thể chứng minh được*, và sự hiểu biết của chúng ta về chúng như là đã hoàn hảo và chắc chắn". Ở đây ông ta cho phép có được những sự tham chiếu, là nó chỉ "gần với sự chắc chắn", là rất gần, dù rằng chúng ta chính thức chấp nhận chúng với tính chất "không có sự nghi ngờ gì cả", và "chắc chắn đồng ý với chúng dù rằng chúng là hoàn toàn không thể chứng minh được". Đó là vì ông ta đã khẳng định và công nhận một điều rất nghịch lý nên tôi sẽ phải cần xem xét sâu thêm hơn.

Thêm một lần nữa, ông ta lại nói trong một Chương sách của ông "Những cấp độ của sự đồng ý" rằng "một khi có một sự vật đặc thù nào đó phù hợp với sự quan sát thường xuyên của chúng ta và những người khác, trong trường hợp giống như thế, mà đã đi tới được việc thừa nhận bởi những báo cáo đều cùng phù hợp nhau về tất cả mọi điều gì đã được lưu ý tới nó, thì chúng ta sẽ nhận thức về nó thật dễ, và đặt được cơ sở vững vàng trên nó, như thể đó là một sự hiểu biết chắc chắn, để chúng ta lý luận và hành động trên đó, *chẳng có một chút xíu nghi ngờ, như thể đã có được một sự chứng minh hoàn hảo*". Và ông ta lặp lại "Những khả năng có thể nay vươn tới rất gần sự chắc chắn, rằng chúng *chi phối tư tưởng của chúng ta theo như kiểu tuyệt đối*, và cũng ảnh hưởng đến tất cả các hành động của chúng ta một cách đầy đủ, *như là một sự chứng minh hiển nhiên nhất*; và trong điều gì đó có liên quan tới chúng ta, chúng ta đều ít hay không không chú ý đến sự khác nhau giữa chúng cũng như sự hiểu biết chắc chắn. *Niềm tin của chúng ta do vậy mà cần được xây dựng, để vươn tới được một sự chắc thực*". Ở đây những khả năng có thể có lẽ cũng rất mạnh mẽ giống như vẫn "chi phối tư tưởng của chúng ta một cách tuyệt đối", chính là sự chứng minh hoàn hảo, mạnh mẽ, đến độ được tin tưởng, và đặt cơ sở trên nó, "vươn tới sự chắc chắn" đó là điều chắc thực.

Vì thế, tôi rất kính trọng cả hai tính chất và khả năng đó của Locke, bởi vì tính giản dị của tinh thần con người ông ta và sự ứng xử cởi mở của ông ta, ngoài ra cũng lại có rất nhiều trong những điều lưu ý của ông ta về mặt lý luận và bằng chứng khiến tôi hoàn toàn đồng ý, nên tôi cũng cảm thấy không có được sự thích thú nào hơn là việc xem xét ông ta chính trong ánh sáng của một đối thủ trên các quan điểm mà chính tôi đã từng rất thân

thương vì luôn cho là đúng, cùng với một sự hăng hái kiên trì; và tôi còn có thể cho là trong sự chuyển tiếp theo đó trong chương về nói về "Sự nhiệt tình", ông lại rơi vào trong những sự cực đoan đầy tính mê tín mà chính tôi đã từng ruồng rẫy giống như ông ta; nhưng nếu thế, thì các từ ngữ của ông cũng đã vượt lên xa trong trường hợp đó, và thành mâu thuẫn lại với điều gì tôi đã có trích dẫn từ ông ta ở trên đây.

"Ông ta quả thật rất nghiêm túc trong việc truy tìm chân lý, cho nên trước tiên đã chuẩn bị tinh thần mình trong một tình yêu sự thật. Chỉ vì ông yêu nó, nên ông không hề thấy nhọc nhằn để nhằm có nó và rồi cũng lại rất quan tâm để không bị mất nó. Không có ai trong thế giới học giả mà không tự mang lại cho mình một tình yêu chân lý - và cũng chẳng có một tạo vật có lý trí nào mà lại không nhắm tới nó, để tránh phải suy nghĩ một cách không phù hợp theo một cách khác. Và do vậy mà từ tất cả các điều này, người ta có thể thật sự nói được là có rất ít người yêu thích chân lý chỉ vì mục tiêu chân lý, và kể cả ở trong số những người vẫn thường tự khẳng định mình là như vậy. Nhưng làm thế nào một người có thể biết được mình có thật sự nghiêm cẩn, có xứng đáng trong sự tìm tòi hay không; và theo tôi nghĩ chỉ điều này mới chính là một dấu hiệu không thể nhầm lẫn về nó, tức việc *không thể quan tâm đến bất kỳ một mệnh đề nào đó được cho là chắc chắn hơn cả những bằng chứng cần phải được xây dựng với một ý chí cương quyết*. Nên bất cứ ai vượt xa cả mức độ có thể đồng ý được của mình, thì cũng đơn giản chỉ là không thừa nhận mặt chân lý trong tình yêu đối với nó, không yêu thích sự thật chỉ vì chính sự thật, nhưng là chỉ do một số mục tiêu nào đó khác. Bởi vì sự hiển nhiên do bất cứ mệnh đề nào là thật (trừ phi sự việc vẫn tự nó hiển nhiên như vậy) cũng chỉ nằm trên những bằng chứng do một người đã có về nó, mặc dù bất cứ cấp độ nào trong sự đồng ý mà anh ta đã mang lại cho nó lại *vượt qua cả những mức độ của điều hiển nhiên đó, điều đó chỉ đơn giản rằng mọi cái gì đó có đầy đủ mọi sự khẳng định*, thì cũng thuộc về một thứ tình cảm khác nào đó khác, mà không phải chính là do tình yêu chân lý; hoàn toàn *không thể nào được*, vì tình yêu sự thật luôn cần phải mang lại *một sự đồng ý nào đó do bởi sự hiển nhiên* đối với chính điều gì đó là sự thật, tức tình yêu sự thật luôn cần phải được đồng ý cho bất kỳ mệnh đề nào cốt nhằm bảo đảm cho sự hiển nhiên mà nó không có, như đó chính là sự thật; trong thực tế tình yêu đối với nó như là yêu sự thật, bởi vì cũng có thể hay rất có thể là nó không đúng".

Ở đây ông ta nói không chỉ phi luận lý, mà còn vô luân lý khi "chúng ta *chỉ nhằm đồng ý* mà bất chấp cả *sự hiển nhiên về* việc một mệnh đề là đúng", có "một sự *cố chấp vượt qua* cả những mức độ của sự hiển nhiên". Và ông ta chỉ trích dẫn từ nguyên lý này những mệnh đề nào vốn tự chúng là hiển nhiên. Và làm thế nào nếu nó chẳng phù hợp được với lý trí đúng, với tình yêu, sự thật chỉ vì chính sự thật, để cho phép ở trong chính các từ ngữ của ông ta đã được trích dẫn như trên đây, có một số "khả năng có thể" mạnh mẽ để "chi phối những suy nghĩ của chúng ta một cách cũng tuyệt đối, giống như hầu hết các chứng minh hiển nhiên? Làm thế nào để không có "sự quá lạm dụng đối với điều quả quyết vượt xa hơn cả các cấp độ của sự hiển nhiên", khi mà trong trường hợp của những tính cái nhiên mạnh mẽ này, chúng ta cho phép "niềm tin của chúng ta nhờ vậy mà có được cơ sở để nhằm hướng tới sự đoan quyết", giống như ông ta đã phát biểu là chúng ta vẫn hữu lý trong hành động? Dĩ nhiên, ông ta có cái nhìn về một loạt các trường hợp, khi ông ta hàm ý cho rằng sự chứng minh là điều kiện của sự đồng ý tuyệt đối, và trong một loạt khác, khi ông ta nói là không có

điều kiện nào như vậy cả; nhưng ông ta vẫn quyết chắc là không nên có các suy nghĩ luộm thuộm trong việc xử lý một chủ đề chính yếu. Một nhà triết học luôn có thể tiên liệu trước cho cách áp dụng, và bảo đảm điều tiên liệu trước cho việc phát biểu lên các nguyên lý của ông ta, như thể để bảo đảm giúp chúng chống lại sự mạo hiểm trong tình trạng nó làm thay đổi vị trí lẫn nhau, để nhằm bảo vệ điều mà ông ta rất nôn nóng muốn nêu lên, và lên án điều mà ông ta thấy cần thiết phải chế tài. Tuy vậy, cho dù một cái gì được suy nghĩ theo phương pháp *tiên thiên* và mang tính chặt chẽ nơi mặt luận lý của ông ta, thì cái *animus* của ông ta, mà tôi e rằng cũng phải nên được hiểu như là điều thù dịch với chính cả lý thuyết mà tôi định duy trì. Ông ta lấy quan điểm nơi tinh thần của con người, và cùng trong quan hệ với sự quy chiếu và đồng ý, nhưng đối với tôi thì dường như nó chỉ có tính lý thuyết và không thực. Các việc lý luận và niềm tin, trong khi theo tôi nghĩ vẫn dường như là sự tự nhiên và chính đáng, thì theo ông ta lại dường như chỉ muốn gọi là sự không thuần lý, hăng say, suy thoái, và phi luân lý; và theo chỗ tôi nghĩ, là bởi vì ông ta chỉ muốn tham vấn chính ý tưởng của ông ta về cái gì vốn được phép có, thay vì chỉ muốn truy vấn về bản chất của con cũng người giống như một sự vật đang tồn tại, hay như nó vẫn được tìm thấy trong thế giới. Thay vì chỉ bằng sự kế thừa về những sự kiện tâm lý học, và từ đó cũng xác định ra được các khả năng tâm lý đã được cấu tạo ra của chúng ta, và kể cả các điều kiện của chính chúng ta, để cùng đi tới, và bằng lòng được với tinh thần như đã được chính Thượng Đế tạo ra, thì ngài vẫn muốn tạo nên con người giống như việc ngài suy nghĩ như họ phải được phép tạo ra, ở trong cái gì đó tốt hơn và cao hơn, và gọi chúng là không thuần lý và và không luân lý, nếu (muốn nói như vậy) họ muốn mềm mỏng hơn, thay vì chỉ giữ trong sự chật hẹp của chính các lý thuyết độc đoán của ngài.

1. Giờ đây câu hỏi thứ nhất mà lý thuyết này đang dẫn tôi đến việc xem xét có phải chăng là một hành vi tinh thần như vậy coi như là sự đồng ý tất cả. Nếu thế thì chỉ đơn giản là một sự tự thể hiện một cách rạch ròi như vậy, và được phân biệt với các hành vi khác. Vì nếu một hành vi được thú nhận chỉ có thể được nhìn thấy giống như một sự việc lặp lại cần thiết và lập tức của một hành vi nào đó khác, và nếu sự đồng ý chỉ là một loại dạng của sự tái xuất hiện và nhân đôi lên từ một hành vi quy chiếu, và nếu khi nào sự tham chiếu đó xác định mệnh đề là một cái gì đó, mà không phải chỉ là rất ít hay rất nhiều, hay rất giống với sự thật, mà là đồng ý giống như là cái gì đó đối ngược lại cách tự nhiên và bình thường, để có thể nói được nó phải *là* một cái gì đó, hay cũng không phải chỉ là chút ít, hay rất nhiều, hay rất giống sự thật, và rồi tôi cũng không thấy được đó là cái gì mà chúng ta muốn ám chỉ khi nói đến, hay tại sao chúng ta phải cần nói ngay là quả có một hành vi nào đó kiểu như thế. Thật chỉ hoàn toàn hời hợt trong quan điểm tâm lý học, và chỉ là một sự tò mò của đầu óc tinh tế, song cũng chẳng bao lâu nó sẽ đi tới được con đường tốt hơn. Khi tôi đồng ý, thì dường như tôi đã được giả định như đang thể hiện một cách chính xác về điều gì đó mà tôi thực hiện khi đang quy chiếu, và rồi tôi lại chợt nghĩ tới những tiền đề khi tôi đồng ý, mặc dù cũng không phải do ảnh hưởng của chúng trên mệnh đề được tham chiếu. Điều này dường như cũng sẽ là cái gì đó có bản chất bó buộc, và là sự sử dụng có ý thức đối với các năng lực của chúng ta, để cho sự đồng ý như trở thành một điều gì đó khác hơn là việc quy chiếu. Để rồi theo như tôi nghĩ, nếu điều này thật sự cũng là tình trạng của trường hợp đó, thì sự đồng ý cũng không phải ở trong cách nào đó thực sự khác với sự tham chiếu, nhưng cũng chỉ là một, và cùng cùng là cái gì đó giống với nó. Nghĩa là

một tên gọi khác của sự tham chiếu, và nếu đề cập tới nó ngay cũng không thể tránh khỏi được sự nhầm lẫn. Cũng chẳng phải hoàn toàn là như thế, dù cả khi nó được lập luận là một hành vi của ý thức, mặc dù được phân biệt với một hành vi về sự hiểu biết, và cuối cùng vẫn chỉ là một sự lặp lại của nó. Trái lại, nó cũng còn là một hành động phán tỉnh với đối tượng sự vật là chính nó, tức là một hành vi tự hiểu biết về nó. Cũng như thế, mà có lẽ còn phải nói rằng việc nghe thấy những thanh điệu của giọng nói của tôi cũng là sự lặp lại của hành vi ca hát - nó không hề mang lại một sự tương tự nào cho việc không giống với cái gì đó mà tôi đang phấn đấu.

Tôi đặt được nền tảng cho nó rồi, thì đó như một nguyên tắc, mà hoặc sự đồng ý là nhất thiết phân biệt được với sự diễn suy ra, hay nếu chúng ta càng sớm tách xa ra khỏi các từ ngữ trong triết học thì tốt hơn. Bước thứ nhất vì vậy nhằm hướng tới quyết định là điểm nào sẽ được nhằm để tìm hiểu điều gì mà kinh nghiệm của đời sống con người, như nó hàng ngày vẫn mang lại cho chúng ta, dạy chúng ta về mối quan hệ lẫn nhau từ sự suy diễn và sự đồng ý.

(1.) Trước nhất, nhờ do kinh nghiệm mà chúng ta biết rằng những sự đồng ý có thể vẫn được bền bỉ mà không cần tới sự có mặt của các hành vi suy diễn để từ đó chúng được rút ra. Thật sự đơn giản giống như trong thực tế cuộc đời, chúng ta không chỉ những tạo lập vào bên trong, và bị thay đổi do bởi sự can dự của các thói quen, nhưng chúng ta cũng còn được làm giàu thêm bởi một số lớn lao những niềm tin và ý kiến đã được xác lập, mà có một số trong đó hầu như cũng chính là các nguyên tắc tiên khởi, như những sự đồng ý, và đã được chúng tạo nên, hay như đã vốn có, giống như quần áo và các đồ đạc của tinh thần... Đôi khi chúng ta cũng vẫn có đầy đủ ý thức về chúng; dù đôi khi chúng chỉ là tiềm ẩn, hay chỉ được biết trực tiếp theo sau những khả năng suy nghĩ của chúng ta. Chúng cùng vẫn là những sự đồng ý; và khi nào chúng ta thừa nhận trước tiên về chúng, chúng ta cũng có một vài loại lý lẽ, dù nhẹ hay mạnh, dù được nhận thức hay không, để làm được như thế. Tuy nhiên, điều gì mà những lý lẽ này, hay ngay cả nếu chúng ta đã có bao giờ nhận thức được chúng, thì cũng từ lâu rồi chúng ta đã quên chúng. Cho dù đó chỉ là quyền lực của những người khác, hay cho dù là chính sự quan sát của chúng ta, hoặc sự đọc hiểu của chúng ta, hay là các sự suy nghĩ của chúng ta, thì chúng cũng đã trở thành điều gì đó nhằm đảm bảo cho sự đồng ý của chúng ta, mặc dù chúng ta có nhận thức được hay không các nội dung của vấn đề đó trong đầu óc của chúng một cách đúng đắn, và xác định cho chúng một vị trí ở đó. Chúng ta đã đồng ý với chúng, và chúng ta vẫn cứ còn đồng ý, cho dù từ lâu chúng ta cũng đã quên đi mất điều gì đó vốn đã là chính sự đảm bảo. Giờ thì chúng vẫn tự tồn tại trong chính đầu óc của chúng ta, và như thế cũng từ nhiều năm; chúng có ở trong các kết luận vô nghĩa lý; vì chúng không bao hàm một tiến trình tư tưởng nào. Và như thế chính là một trường hợp mà trong đó sự đồng ý đã tỏ ra có phân biệt với sự suy diễn.

(2.) Lại nữa, đôi khi sự đồng ý vẫn không thể có được, trong khi đó những lý lẽ dành cho nó và cho hành vi suy diễn để giúp cho sự nhận thức về những lý lẽ đó vẫn đang hiện có và vẫn còn trong hiệu lực. Những lý lẽ của chúng ta dường như có vẻ cũng mạnh mẽ như bao giờ, cho nên chúng không cần bảo đảm cho sự đồng ý của chúng ta. Những niềm tin của chúng ta được xây dựng trên chúng, dù có thể là như thế hay không; chúng ta có lẽ cũng không thể nói khi nào chúng mất đi; chúng ta có lẽ vẫn suy nghĩ là chúng ta đang hãy còn nắm chúng, cho tới khi có điều gì đó xảy ra khiến cho chúng ta cần lưu ý tới tình trạng tinh

thần của chúng ta, và thế rồi chúng ta mới nhận ra rằng sự đồng ý của chúng ta vốn đã trở thành một sự xác nhận. Dĩ nhiên, đôi khi có một nguyên nhân nào đó có thể khiến được tại sao chúng đến; có lẽ cũng đã có một vài tình cảm mơ hồ nào đó, mà một sự sai lầm lại nằm ngay ở chính cơ sở tối hậu, hay cũng chính là những điều kiện làm nền tảng cho các lý luận của chúng ta; hay nếu có sự nhầm lẫn nào đó, thì vấn đề vẫn là chủ thể tính của chúng cần phải vượt qua được khả năng có thể đạt tới được của đầu óc con người; hay chính là việc ý thức rằng chúng ta đã có được một cái nhìn rộng rãi hơn về các sự vật nói chung, so với trước lúc chúng ta đi tới được sự đồng ý của chúng ta; hay dĩ nhiên cũng có thể là một nguyên nhân giúp hiểu tại sao chúng lại xảy ra; hoặc có thể có một cảm tưởng mơ hồ nào đó, là có một lỗi lầm nào đó nằm ở cơ sở tối hậu, hay là ở những điều kiện dùng làm cơ sở của các lý luận của chúng ta; hay có một sự hiểu lầm nào đó cho là vấn đề chủ điểm của chúng vẫn nằm bên ngoài khả năng với tới được của lý trí con người; hay là một ý thức cho rằng chúng ta đã đạt tới được một quan điểm rộng lớn hơn về các sự vật nói chung, hơn cả khi lần đầu tiên chúng ta đạt tới được sự đồng ý của chúng ta; hoặc là cũng đã có những sự chỉ trích mạnh mẽ đối với các điều xác nhận đầu tiên của chúng ta, mà chúng đã không bao giờ từng lưu ý tới. Nhưng điều này thì không phải bao giờ cũng giống như thế; đôi khi tinh thần chúng ta thay đổi thật nhanh chóng, thật bất ngờ, thật dị thường, với bất cứ lý lẽ nào đó có thể có, và như thế nhằm gợi lên sự nghi ngờ về những nguyên nhân đạo đức phát sinh từ những điều kiện tuổi tác, hoàn cảnh, nghề nghiệp, tài sản của chúng ta, vẫn nằm ở dưới đáy. Tuy nhiên, đã có một lần được chấp nhận, thì cũng đã không còn nữa; thế mà sự nhận thức từ những lý lẽ cũ thì vẫn còn đó, cho thấy rằng sự suy diễn chỉ là một việc, còn sự chấp nhận lại là một việc khác.

(3.) Và bởi vì sự đồng ý đôi khi mai một nhưng không có các lý do rõ ràng dù để nhận ra được sự thất bại của nó, do thế mà đôi khi cho dù có các lý lẽ mạnh mẽ và quyết liệt, nó cũng không bao giờ được đưa ra. Đôi khi chúng ta cũng cảm thấy hành diện trong sự thán phục các sự thật của chúng, mà chúng không bao giờ được thừa. Bởi vì, do chính quy luật cấu tạo về tinh thần của chúng ta, mà sự tuân thủ là hoàn toàn phân biệt với niềm tin, và những người nào có thể tin tưởng mà không muốn thực hiện, thì như thế sự đồng ý cũng độc lập với các hành vi phán đoán của chúng ta. Ngoài ra, tiên kiến cũng ngăn cản sự đồng ý đối với hầu hết các chứng cứ nào không thể lật ngược lại được. Mặt khác, cũng lại ít khi xảy ra sự việc là trong khi sự sắc bén của năng lực lý trí vẫn giúp cho một người nhìn thấy được kết quả sau cùng của một vấn đề phức tạp chỉ ngay trong tức thời, thì lại phải cần nhiều năm đối với anh ta để có thể hiểu trọn nó như là một chân lý và nhận thức được nó theo đúng chính nội dung của phạm vi hiểu biết của anh ta. Do thế mà anh ta cuối cùng vẫn có thể chấp nhận được nó như thế, và rồi chúng ta cũng bảo là anh ta đã chấp nhận

(4.) Lại nữa, cũng đã có rất nhiều trường hợp mà những lý luận tốt và thật sự tốt tới mức có thể được, và chính chúng ta cũng phải thú thật là rất tốt, thì cũng chẳng bao giờ là đủ tốt để có thể khuất phục được đầu óc chúng ta một chút nào cả, nhằm để đi tới được kết luận mà chính chúng đã chỉ ra. Nhưng tại sao đó chính là điều mà chúng ta không có chút đồng ý nào, để phù hợp theo với các lý luận này? Ngược lại, chúng ta ném đi tất cả cái *onus probandi* [gánh nặng chứng cứ] về mặt kết luận đó, và từ chối nó thẳng thừng, cho tới khi chúng ta có thể đồng ý cùng với nó. Bằng chứng có thể gia tăng lên, nhưng sự đồng ý thì vẫn có thể có hoặc cũng có thể không.

(5.) Tôi đã có ám chỉ tới ảnh hưởng của những động lực đạo đức trong việc ngăn cản sự đồng ý đối với các kết luận mà chúng không thể bị buộc tội được. Đúng với hai câu thơ:

"Một người tự ngược ý mình
Phải chăng cũng chỉ ý mình đó thôi?"

Sự đồng ý như vậy hẳn cũng chẳng phải một là sự phán đoán.

(6.) Quả thật cũng lạ, sự tương phản này giữa suy đoán và sự đồng ý lại được điển hình ngay cả trong lĩnh vực toán học. Lý luận không phải luôn luôn có thể hướng dẫn được sự đồng ý của chúng ta, ngay cả cho du nó có được chứng minh. Dĩ nhiên, đôi khi nó cũng đi theo con đường tất nhiên của nó, tức là khi những bước của lý luận là ít, và việc chấp nhận là từ trong quan điểm bởi do chính tinh thần với nhau. Chắc chắn là người ta không thể nao chấp nhận được một người, mà đứng trước hàng loạt các điều kiện và sự thật cho thấy được rằng ba góc của một tam giác là bằng hai góc vuông, nhưng vẫn lại không chịu không đồng ý với cả mệnh đề đó. Phải chăng mọi mệnh đề nào còn đơn giản hơn như thế, và cho dù sự đồng ý do vậy cũng không cùng là một động tác như sự phán đoán, thì nó vẫn chắc chắn phải suy ra từ đó ngay lập tức. Thế thì tôi đồng ý giống như điều này, là khi một lý luận mà ngay tự nó và trong chính nó đã có chứa đựng một sự thật, thì vẫn chỉ là do bản chất tinh thần con người chúng ta chỉ phối đối với chính sự đồng ý của chúng ta, giống như ý nghĩa do chúng ta có được. Chắc chắn bản chất trí tuệ của chúng ta phải tuân thủ theo các quy luật, và khi sự tương quan của sự thật được xac nhận, thì được chấp thuận hoàn toàn.

Nhưng tôi không muốn đề cập tới sự chứng minh ngắn gọn và sáng tỏ; nhưng là về sự nghiên cứu toán học dài hơi và phức tạp; và trong trường hợp đó, cho dù mọi bước có thể là không thể cãi lại được, nó vẫn phải đòi hỏi đến một sự chú tâm đặc biệt kiên trì cũng như một nỗ lực của trí nhớ để có thể có được ngay tức thời trong đầu óc ta về mọi bước của bằng chứng, cùng với sự liên kết chặt chẽ giữa chúng với nhau, và ca những tiền đề mà chúng bao gồm một cách nghiêm cẩn; và các điều kiện này của sự suy đoán vẫn có thể ngăn trở sự nhanh chóng tán thành của chúng ta.

Thế thì chính yếu tố tinh thần đó, hay tình cảm quốc gia, hay các cảm thức tôn giáo, cho tới giờ đã có tác động làm cho chậm lại việc chấp nhận các chân lý mang tính chất toán học; mà như thế nó đã chưa từng bao giờ đạt được, nếu những chứng minh là *ipso facto* [mang tính hoàn toàn thực tại] đều là những sự đồng ý. Vì thế cũng chẳng phải bất cứ một nhà toán học nào, dù ngay cả trong các vấn đề khoa học thuần túy, đều đồng ý với chính kết luận của ông ta, trên một nền tảng mới mẻ và khó khăn, trong trường hợp của sự tính toán trừu tượng; tuy nhiên, thông thường thì ông ta vẫn hay đi quá giới hạn về phạm vi công việc của mình, mãi cho tới khi ông ta đã có được các bổ trợ của những lý luận khác, ngoài các vấn đề đích thực của chính ông ta. Ông ta có thể phải thận trọng xem xét lại mọi sự suy đoán của mình, và cũng có thể đồng ý với tính cái nhiên của sư chính xác có trong các suy đoán của ông ta, nhưng ông ta vẫn đành phải chưa vội đồng ý ngay với chính sự thật của điều kết luận của ông ta. Thế nên sự bổ trợ từ những lập luận của những người khác vẫn không thể thêm vào cho sự nhận thức chứng cứ của ông ta; ông ta còn phải nhận thức tiếp tục về chứng cứ, ngay ca cho dù ông ta có thất bại chăng nữa trong việc nhằm có được các sự bổ trợ như thế đó từ họ. Và thế là ông ta lại có thể tự chuyên chú làm cho nó trở thành nguyên tắc, mà không bao giờ lại đồng ý được với các kết luận của ông ta, nếu không có những sự bổ trợ, hay ít nhất là trước khi có thể còn hi

vọng chút ít nào đó để có đủ. Ở đây lại trở lại việc suy đoán như điều cần phải biết cùng với sự đồng ý...

Lý thuyết của Locke về bổn phận đối với sự tán thành có ít nhiều sự phù hợp theo những mức độ trong sự hiển nhiên, mà không cần tương thích cùng sự kế thừa cao hay thấp, trẻ hoặc già, cũ hay mới, như vẫn bình thường cho thấy trong các công việc và các lý lẽ vẫn thường được đưa ra. Quả thật... ông ta không hề cố bám sát chặt chẽ vào các điều đo; cho nên dù ông ta có cảm thấy những yêu cầu về bản chất và về các sự kiện cũng rất mạnh mẽ đối với ông ta trong một số trường hợp, nhưng ông ta vẫn không đưa ra các lý do lý giải tại sao ông ta lại có thể vi phạm đối với lý thuyết của ông ta ở trong những trường hợp này, và kể cả rất có thể cũng trong nhiều trường hợp khác nữa.

Giờ thì chúng ta hãy thử xem xét lại một vài trường hợp của sự tán thành đó, mà người ta đã nhận ra được cách hiển nhiên là thiếu sót trực giác và sự chứng minh, kể cả giống như là không có điều kiện nhằm để chứng tỏ về sự hiển nhiên đó.

Trước hết, bắt đầu từ trực giác, dĩ nhiên tất cả chúng ta đều tin tưởng một cách chắc chắn rằng chúng ta hiện hữu; rằng mỗi người chúng ta đều có một tính cá thể, và có một nguồn gốc nào đó của chính chúng ta; rằng chúng ta suy nghĩ, cảm nhận và hành vi, trong phạm vi của chính tinh thần của chúng ta; rằng chúng ta có mang một ý nghĩa nào đó trong hiện tại về điều tốt và điều xấu, điều đúng và điều sai, sự thật và sự giả dối, cả cái đẹp và cái xấu; tuy nhiên chúng ta cũng hãy nên phân tích thêm về chúng bằng chính các ý tưởng của chúng ta. Chúng ta cũng lại đang có một cái nhìn tuyệt đối ngay trước mặt chúng ta về điều gì đã xảy ra trong ngày hôm qua và trong năm qua, như thể không hề có sự thay đổi nào hay sai lầm nào nhằm cho thấy rõ ràng những điều gì đó trong tòa án của công lý, mà cứ vẫn để cho các hậu quả cứ mãi nghiêm trọng như thế. Chúng ta cũng chắc chắn là nhiều sự vật mà chúng ta đã không biết tới, cũng có nhiều sự vật đang còn rất nghi ngờ, và lại cũng có nhiều sự vật mà chúng ta vốn không nghi ngờ gì cả.

Cũng chẳng phải vì sự đồng ý mà chúng ta có thể cho rằng các sự kiện là bị hạn chế bởi một loạt các việc tự ý thức. Chúng ta chắc chắn ngoài mọi sự nhầm lẫn một cách ngẫu nhiên, rằng chính bản thân của chúng ta cũng không phải chỉ là một sự hiện hữu đơn độc; rằng còn có một thế giới bên ngoài chúng ta; có một hệ thống với toàn thể các thành phần, và toàn thể một vũ trụ bị chi phối do muôn vàn quy luật; và tương lai thì bị chi phối bởi qua khứ. Chúng ta phải thừa nhận và quyết chắc với một sự đồng ý mà không thể phê phán, là trái đất, được xem như một hiện tượng, chính là một quả cầu; và mọi vùng của nó đều lần lượt nhau nhìn thấy mặt trời; và có cả những vùng rộng lớn nằm trên trên nó là đất và nước; rồi cũng có những thành phố và những miền rõ rệt, mà chúng có những cái tên gọi như London, Paris, Florence, và Madrid. Và chúng ta cũng chắc chắn rằng Paris, hay London, trừ khi nào sẽ bị một cuộc động đất hay cơn hỏa hoạn tiêu hủy đi, còn hiện nay thì vẫn đúng như là điều gì mà trong quá khứ chúng ta đã từng nhìn thấy nó.

Chúng ta phải cười đến lộn ruột khi nghĩ rằng nếu chúng ta không có cha mẹ, cho dù chúng ta cũng không có trí nhớ về việc mình đã được sinh ra; hoặc cho rằng chúng ta sẽ không bao giờ chết, cho dù chúng ta cũng không có kinh nghiệm nào về tương lai; rằng chúng ta có thể sống mà không cần thức ăn, cho dù chúng ta không bao giờ có ý làm như thế; rằng một thế giới của con người đã không từng được có trước được thời đại của chúng ta, hay là thế giới đã không hề có một lịch sử; rằng đã không có sự ra đời hay sự tiêu hủy đi của các nhà nước, hay không có các vĩ nhân,

không có các cuộc chiến, không có các cuộc cách mạng, không có các ngành nghệ thuật, không có khoa học, không có văn học, không có tôn giáo chẳng hạn.

Chúng ta cũng sẽ thấy hoặc quá kỳ cục, hoặc rất khôi hài khi các bạn bè thân yêu của chúng ta đã từng làm một điều gì đó có vẻ không phải đối với chúng ta; và cũng đôi khi chúng ta không hề do dự mà đi tố cáo về một số điều thù hận và bất công đối với chúng ta. Chúng ta cũng có thể có ý thức sâu sắc về điều gì đó mà có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ có thể quên đi, hoặc có lần nào đó chúng ta đã từng hung hăng với những người khác, hoặc khiến cho họ cảm thấy chúng ta đang là như thế, hay đã là như thế, và đã bị cảm thấy như thế, tức là đã không mấy cao thượng đối với những người nào từng yêu thương chúng ta. Chúng ta cũng có thể có một cảm giác mãnh liệt đối với các sự yếu kém về đạo đức của chúng ta, về sự ngắn ngủi của đời sống của chúng ta, về sức khỏe, sự giàu có, địa vị và sự may mắn của chúng ta. Chúng ta cũng có thể có một cái nhìn sáng sủa về những điểm yếu kém nơi các yếu tố thể lý của chúng ta, của điều gì đó mà thức ăn và thuốc men chứng tỏ là rất tốt cho chúng ta, và cái gì đó là có hại cho chúng ta. Chúng ta lại cũng có thể làm chủ được, ít nhất là trong một phần nào đó, về tiến trình của lịch sử quá khứ của chúng ta; về các điểm ngoặt của nó, hay các các sự đụng chạm của chúng ta, và cả những sự sai lầm lớn của chúng ta. Chúng ta cũng có lẽ đã từng có một cảm giác về sự hiện hữu của một Tồn tại tối cao, mà không bao giờ lại có thể bị mờ nhạt đi được vì bất cứ một bóng che mờ nào thoáng qua; nhưng nó vẫn luôn hiện diện ở trong ta, ngay cả khi chúng ta có thể suy nghĩ được về một điều gì đó, và chúng ta lại không thể tưởng được là chúng ta sẽ mất được nó đi. Chúng ta rất có thể sẽ mất đi đối với những người khác, có thể nhận thức được về những tín điều và những chân lý trong Thiên Chúa giáo, như là tất cả những điều gì đang vây bọc chung quanh cuộc sống chúng ta, hơn là cứ phải chuyển biến qua cái này và phải từ chối các cái khác.

Đối với tất cả mọi sự thực này chúng ta có được một sự nắm bắt lập tức và không hề lời lỏng, và chúng ta cũng không nghĩ rằng chính chúng ta phạm tội khi không yêu quý sự thật chỉ vì bởi chính sự thật, nhưng bởi vì chúng ta đã không thể đạt được tới chúng thông qua một loạt các mệnh đề có tính trực giác. Việc đồng ý trên cơ sở các lý luận mà không được chứng minh đã được thừa nhận một cách rộng rãi như một động tác không hữu lý, trừ khi bản chất con người đúng là không hữu lý, lại rất quen thuộc với sự thận trọng và tinh thần sáng suốt cho dù vẫn được xem như một sự khiếm khuyết hay một sự gan bướng. Không một ai trong chúng ta lại có thể nghĩ hay hành động mà không hề có một sự chấp nhận nào về các sự thật, không bằng trực giác, không được chứng minh, mà bằng quyền uy tối thượng. Nếu bản chất của chúng ta cần có một sự kiến tạo nào đó, những quy luật nào đó, mà một trong chúng phải là sự thừa nhận tuyệt đối của những mệnh đề này như là sự thật, và chúng nằm bên ngoài một loạt các kết luận nông cạn, mà đối với nó, tính hợp lý, sự nghiêm túc, hay quy cách, là phải bị ràng buộc: nhưng cũng chẳng phải có một lý thuyết triết học nào đó có quyền bó buộc đối với chúng ta một quy tắt nào đó mà không phải chỉ một sớm một chiều là đã có thể có được.

Thế thì khi những nhà triết học đã đặt các nguyên lý nền tảng, mà trên đó chúng ta phải đồng ý, và trừ khi có những đối tượng về trực giác hay chứng minh rõ ràng được mang lại, thì điều kiện phải là sự đồng ý cần hướng tới các mệnh đề do bởi các đầu óc lành mạnh lam thay đổi được một cách cần thiết, với các chứng cứ phù hợp theo với chúng, và no vẫn không và cũng không thể chỉ là một điều duy nhất nào đó, trong khi bằng chứng đã

được tăng cường hay bị yếu đi, - nên phải chăng chúng cũng không thể nào được đánh giá nhập nhằng giữa hai sự vật khác xa nhau, giống như một hành vi hay trạng thái tinh thần và một quy tắc khoa học, một sự đồng ý ngấm ngầm và một loạt các công thức luận lý học? Khi họ muốn nói về các cấp độ của sự tán thành, thì chắc chắn là họ cũng không hề có ý định nào để nhằm xác định vị trí của chính tinh thần trong quan hệ với một sự chấp nhận của một kết luận đã cho sẵn, nhưng chúng chỉ có nghĩa là nhằm xác định mối quan hệ của kết luận đó đối với những tiên đề của nó. Họ đang xem xét để làm thế nào cho những ký hiệu đại diện vận hành được, mà không phải trí tuệ phải chịu ảnh hưởng đối với các sự vật nào mà những ký hiệu này tiêu biểu. Thực sự thì họ cũng rất ít khi nhằm xác định về nguyên lý đo lường sự đồng ý của chúng ta bởi chính óc luận lý của chúng ta giống như họ vẫn tưởng tượng là họ có thể ghi nhận được sự tái tạo lại điều gì đã được ghi nhận một cách minh bạch từ việc đọc trên một thang chia độ của một chiếc nhiệt kế. Có điều không thể nghi ngờ là nối kết giữa một kết luận luận lý và một sự đồng ý cũng giống như việc có sự thay đổi xảy ra giữa cột thủy ngân và những cảm giác của chúng ta; nhưng cột thủy ngân vẫn không phải là nguyên nhân của đời sống và sức khỏe, hay cũng không phải việc lý luận qua ngôn từ là nguyên lý của niềm tin nội tại. Nếu chúng ta cảm thấy được có sự nóng hay lạnh, thì không một ai có thể thuyết phục được chúng ta về điều ngược lại, bằng cách khẳng định là thủy tinh phải ở 60° cả. Rõ ràng những lý lẽ và những sự đồng ý vẫn không phải là các đồ hình trên giấy. Tôi có thể có gặp khó khăn trong sự xử lý về một bằng chứng, trong khi chính tôi không thể bị lung lay trong việc mình tham gia vào kết luận đó. Giả sử một cậu bé không thể cho ra được câu trả lời cho một câu hỏi số học hay đại số nào đó đúng theo trong sách, thì cậu ta có lập tức nghi ngờ gì về cuốn sách đó không? Và có phải lòng tin tưởng của cậu ta vào nó phải bị rơi xuống một cấp độ nào đó, tùy theo sự bó buộc do bởi chính sự gặp khó khăn của cậu ta? Hay ngược lại cậu ta vẫn cứ giữ đúng nguyên tắc ngấm ngầm nhưng đã có sẵn trong đầu óc của mình, khiến cho cậu phải nhìn kỹ lại cuốn sách, và thấy là cuốn sách quả sát với chân lý hơn là với chính cậu ta; và cũng chỉ có điều nổi bật này của khả năng có thể mới đủ để làm cho cậu ta phải trung thành với niềm tin của mình, trong tính đúng đắn của nó, cho đến khi nào mà tính không đúng hiện thời của nó sẽ được chứng minh.

Theo ý kiến tôi thì lớp các tác giả tôi vừa đề cập đến qua đã có một chut ít nhầm lẫn nào đó về các chân lý mà họ trình bày để nhằm cân nhắc và đo lường, cũng giống hệt như các kẻ láng giềng chẳng mấy có vẻ gì là tinh tế của họ cả; nhưng họ lại nghĩ là phải có bổn phận nhắc nhở chúng ta, bởi vì cái mác đầy đủ về những đòi hỏi luận lý học con chưa được thỏa mãn, và chúng ta cần phải tin vào những sự thật đó tại hoàn cảnh nguy hiểm của chúng ta. Chúng hẳn sẽ cảnh báo chúng ta về một kết quả có thể không bao giờ xảy đến, tuy vậy chính trong nội dung sự kiện về mặt lý thuyết thì vẫn là một giả thiết rất có thể có được. Chẳng hạn, đến lúc nào đó, chúng cũng không thể hàm ý đã luôn luôn có sự nghi ngờ Anh quốc là một hòn đảo, nhưng họ vẫn nghĩ rằng chúng ta có thể biết, cho dù chúng ta không hề biết, là không có bằng chứng nào về sự kiện đó, theo kiểu cách và dạng thức như thế ngang bằng với một mệnh đề của Euclide; và do thế mà họ và chúng ta đều phải cùng bị bó buộc phải nghi ngờ chính sự phán đoán của chúng ta về một sự kiện như thế, cho dù trong một cấp độ vô hạn, hay kể cả chúng ta dường như cũng không yêu mến chân lý vì chính chân lý. Khi đưa ra sự phản biện như thế, họ đã không ngần ngại thu hút

vào trong cùng một sự bảo đảm tuyệt đối, về những sự thật chỉ có được một phần chứng minh, và nó tự nhiên là một sự tưởng tượng phi luận lý từ tính đa dạng.

Một phần lớn trong số những tán thành của chúng ta đều là những biểu hiện cho các sở thích cá nhân, những thị hiếu, những nguyên tắc, những động cơ, và những ý nghĩ của chúng ta, như hé lộ ra từ bản chất, hay bởi kết quả từ thói quen; nói cách khác, chúng là những hành động và những biểu thị từ chính chúng: thế thì điều gì nếu đó chẳng phải là sự tự biết? Và trong sự tự đối ứng lại với sự ngu muội của chúng ta về chính bản thân mình, cũng là sự vô ý thức của chúng ta trong vô số những hành vi đồng ý đó, mà vẫn do chúng ta không ngừng tạo nên chúng. Và như vậy cũng đã trở thành một điều gì đó mà hầu như có thể được gọi là một thao tác cơ giới trong chính đầu óc của chúng ta, trong các hành vi nhận thức và suy đoán, trong sự tư duy và tính quyết định tiếp tục của chúng ta về những mệnh đề diễn ra trước chúng ta, và tiếp nhận được sự đồng ý của chúng ta, mà chúng ta vẫn luôn không hề có ý thức được. Vậy thì đó là điều mà chúng ta sẽ phải bối rối cùng với chính các hành vi đồng ý và suy đoán đó. Vậy nên tôi cũng có thể dám nói được là những sự đồng ý mà chúng ta có được với sự hiểu biết trực tiếp về điều gì mà chúng ta đang làm, vẫn ít hay được đối chiếu với vô số các hành vi tương tự đang diễn ra trong óc não của chúng ta, trong một diễn trình dài mà chúng ta đã không quan sát chúng.

Cách tán thành đó cũng bao gồm các động tác không ý thức, và tôi có thể gọi đó là sự tán thành đơn giản... nhưng giờ đây tôi cũng sắp sửa nói tới các sự tán thành kiểu như thế, như nó vẫn được thực hiện một cách có ý thức, cùng hoàn toàn tự do thoải mái, và đó cũng là cái tôi sẽ gọi là điều tán thành có chất phức tạp, hay là những sự tán thành có suy nghĩ. Và tôi cũng xin bắt đầu, bằng cách đặt tên lại cho cái gì đó mà tôi đã có xác định được về mối quan hệ mà trong đó sự Tán thành và sự Suy đoán được liên kết với nhau, - sự suy đoán vẫn nắm lấy những mệnh đề một cách có điều kiện, còn sự đồng ý thì được nó thừa nhận một cách không có điều kiện; mối quan hệ đó là như thế này đây: -

Những hành vi suy đoán thì vừa là những tiên đề của sự tán thành trước khi có sự tán thành, và những yếu tố thông thường của nó sau khi có sự tán thành. Chẳng hạn, tôi tuyệt đối cho rằng đất nước mà tôi gọi là Ấn Độ vẫn hiện hữu theo như niềm tin tưởng về truyền thống vốn có; và kế đó, tôi có thể tiếp tục tin tưởng nó cũng trên cùng kết quả đó. Cũng như thế, tôi đã từng tin chắc rằng Anh Quốc là một hòn đảo, bởi vì một số các lý lẽ hội đủ của nó; và trên cùng những lý do như thế, tôi có thể vẫn cứ luôn giữ mãi niềm tin của mình. Nhưng vẫn có thể xảy ra trường hợp tôi đã quên mất các lý lẽ của tôi về chính điều gì đó mà tôi tin tưởng giá trị tuyệt đối của nó là như thế; hay tôi cũng có thể không bao giờ tự truy vấn mình về chúng, hoặc rà soát lại chúng một cách nghiêm túc và kỹ càng, song vẫn đã có thói quen đồng ý mà không hề có sự nhận thức nào về sự đồng ý của tôi hay về nền tảng của chúng cả, và như vậy thì cũng sẽ có thể có điều gì đó xảy ra khiến cho tôi phải xem xét lại và tìm sự bổ sung cho các nền tảng này, rồi phân tích và sắp xếp lại chúng, kể cả cũng không phải ở trong tinh thần hàm ngụ một sự cần thiết phải tạm thời treo lại, hay là không thể nào hồi hợt về sự đồng ý như thế, đối với mệnh đề cho Ấn Độ là phần lớn trên trái đất, và cho rằng Anh quốc chỉ là một hòn đảo. Nhưng không thể có sự tạm treo nào về một sự đồng ý cả; cũng như không có gì hơn là đứa bé trong minh họa trước đây của tôi vẫn không một chút nghi ngờ gì đối với câu trả lời đã được đưa ra trong cuốn sách toán của cậu ta một khi cậu ta đã bắt đầu

tìm kiếm câu trả lời; cũng chẳng khác gì hơn việc cậu ta có thể dám nghi ngờ cả đôi mắt của mình, cùng là khả năng nhận thức nói chung của cậu ta rằng hai cạnh của một tam giác cộng lại thì phải lớn hơn cạnh thứ ba, bởi vì cậu ta đã rút ra được bằng chứng hình học về nó. Cậu chỉ cần phải lặp lại nó sau sự chứng minh rõ ràng của mình, rằng sự đồng ý là do trước hết cậu ta đã có về nó, hay là đã đồng ý với những sự đồng ý đã có trước đó. Đây chính là điều gì mà tôi gọi là một suy nghĩ, hay là một sự tán thành có suy nghĩ.

Tôi muốn nói không có một sự không tương thích thiết yếu nào giữa sự tán thành và sự chứng tỏ ra như thế, - bởi vì tính kết luận của một mệnh đề không hề đồng nghĩa với sự thật. Một mệnh đề có thể là thật, cho dù nó không được chấp nhận, hay không được kết luận; - nó có thể là một kết luận hay, nhưng cũng không phải là một sự thật. Xem xét nó dưới một khía cạnh này, vẫn không phải là xem xét nó dưới một khía cạnh khác; và cả hai khía cạnh đều có thể là điều cần thiết từ một sự kiện nào có cả hai khía cạnh đó. Tuy thế, khi nói đến việc kết luận đối với một mệnh đề, thì vẫn không phải là nghi ngờ kiểu *ipso facto* (chính bởi điều đó) về việc đúng của nó; chúng ta có thể nhắm tới một mệnh đề được suy doán ra, trong khi ở mọi lúc khác chúng ta chỉ đồng ý về nó. Chúng ta phải làm điều này giống như đó là một việc vẫn thường hay có, khi chúng ta phải tự quyết định để nhằm thuyết phục được người khác về một điểm nào đó mà người đó còn khác với chúng ta. Chúng ta không chối bỏ niềm tin tưởng của chúng ta, bởi vì chúng ta đã trở nên những người ưa tranh cãi; và trong cùng cách như vậy, chúng ta vẫn cứ cố gắng hết sức mình để nhằm chứng minh điều gì chúng ta tin tưởng là xác thật, để chỉ đơn giản là nhằm khẳng định sự hiển nhiên có thể biểu lộ ra ngay trong chính sự hỗ trợ cho nó, và cũng để nhằm làm cho đầy đủ điều gì đó đối với chính chúng ta, và đối với các yêu cầu cùng các trách nhiệm của sự giáo dục, và cho cả vị trí xã hội của chúng ta.

Chính tôi đang đề cập và đang xem xét, mà không phải là muốn yêu cầu; có nghĩa thực chất sự yêu cầu là không phù hợp với sự đồng ý, nhưng sự yêu cầu vẫn là một điều gì đó còn hơn chỉ là một việc thực hiện sự suy đoán thuần túy. Người nào yêu cầu thì chưa hẳn đã tìm thấy; vì anh ta đang ở trong sự nghi ngờ về sự thật nằm ở đâu, và còn mong ước cho công việc hiện có của anh ta sẽ được tán thành hay không được tán thành. Anh ta không thể không trở nên vô lý mà gọi ngay chúng ta là những người tin tưởng và những người yêu cầu như thế. Do thế, đôi khi cũng nói về sự cứng nhắc của một người Thiên Chúa giáo, giống như việc không được phép đi vào trong yêu cầu sự thật, như là tín điều của anh ta; - dĩ nhiên là anh ta không thể, nếu anh ta vẫn còn muốn được gọi là một người tin đồ. Anh ta không thể vừa ở cả bên trong lẫn bên ngoài Giáo hội cùng một lúc. Đó chính là ý nghĩa chung để gọi được anh ta là như thế, vì nếu anh ta tìm kiếm, thì anh ta vẫn không thể tìm ra. Nếu sự tìm kiếm có bao gồm sự nghi ngờ trong đó, và sự nghi ngờ lại loại bỏ niềm tin, khi người Thiên Chúa giáo đó phải đặt ra yêu cầu của vấn đề tìm hiểu, và sẽ vì thế mà phải tuyên bố anh ta không phải là một người Thiên Chúa giáo; anh ta đã thực sự mất đi niềm tin của mình. Và điều chính là sự tự vệ tốt nhất của anh ta trong việc truy tìm, tức là anh ta sẽ không còn phải là người Thiên Chúa giáo nữa, và chỉ mong muốn trở thành một con người thuần túy. Những người nào muốn cấm đoán anh ta tìm kiếm, thì trong chính trường hợp đó, họ đã muốn đóng lại cửa chuồng sau khi con ngựa đã bị ăn trộm dắt đi. Anh ta có thể làm gì tốt hơn cho việc đi truy tìm, nếu anh ta đang trong trạng thái nghi ngờ? Làm thế nào để anh ta lại có thể trở thành một người Thiên Chúa giáo trở

lại? Không đi tìm thù trong trường hợp của anh ta là để được thỏa mãn với sự hoài nghi.

Tuy nhiên, trong khi nói như vậy, tôi cũng đang xem xét lại vấn đề trong tính trừu tượng, và không cho phép đối với nhiều sự không tương thích của các cá nhân, như họ đã tìm thấy được trong thế giới, và họ cũng chỉ muốn kết hợp những điều không tương thích nhau; người nào không nghi ngờ, nhưng lại vẫn hành động giống như thể họ là như thế; người nào mặc dù tin tưởng, nhưng vì niềm tin không đủ mạnh, nên lại tự đặt mình vào trong tình thế trong con đường mất mát nó, bởi do sự nghe theo một cách không cần thiết các điều chỉ trích. Hơn thế nữa, có những đầu óc luôn không nghi ngờ gì đối với chính họ trong mọi lúc, nhằm để truy hỏi về sự thật để làm cho nó có thể được truy hỏi, và cho sự xem xét là sự truy xét; và lại như thế, nên có lẽ có những niềm tin rất thiêng liêng, hay là rất tinh tế như thế, đến nỗi nếu tôi có thể dùng một sự ẩn dụ, thì nói họ sẽ không giặt rửa nếu không để nó bị nhăn và bị mất màu. Tôi bảo đảm về tất cả các điều này; nhưng ở đây tôi đang thảo luận về các nguyên tắc rộng lớn, mà không phải chỉ là những trường hợp cá biệt; và những nguyên lý này nêu rõ sự tra vấn vẫn hàm chứa sự nghi ngờ, và sự truy tầm điều lợi lộc thì lại không hàm chứa nó, và những người nào đồng ý với một lý thuyết hay sự kiện, thì có thể cũng không mâu thuẫn lại với việc xem xét tính cách dễ tin của mình, mặc dù chúng thực chất lại không thể giúp truy vấn về chân lý của nó.

Kế đến, tôi xem xét đến trường hợp những đầu óc có giáo dục, các sự tra vấn bằng chứng sự lập luận về các sự vật đã được họ đồng ý, chính là một nghĩa vụ, hay đúng ra là một sự cần thiết. Một sự nỗ lực như thế của tinh thần họ là một quy luật của bản chất của họ, giống như sự tăng trưởng của tuổi thơ để trở thành người lớn, và cũng giống như sự thử thách đạo đức cũng chính là một công cụ của đời sống tinh thần của họ. Những bài học về sự đúng và sai đã được dạy cho họ ở trường học, đã được thể hiện ra nơi các hành động, ở giữa cái tốt và cái xấu trong thế giới; và những sự đồng ý tinh thần, mà trong đó họ được đào tạo cũng cùng một cách từ cái trước, đã được thử nghiệm, nhận thức và phát triển bởi một sự thực hành chính khả năng phán đoán chín muồi của họ.

Chắc chắn là những tiến trình tìm tòi như thế, cho dù các chủ đề về tôn giáo hay thế tục, đều thường xuất phát từ việc lật ngược lại những sự tích lũy đã có mà họ vẫn thường có ý nhằm muốn xác nhận từ tận gốc gác của chúng; giống như đứa trẻ đang tìm cách để giải bài toán số học nơi cuốn sách, và cuối cùng có thể phát hiện là mình đã tìm ra câu trả lời trong sách đã in sai. Nhưng vấn đề trước mắt chúng ta, hoặc là hành vi, hoặc là đồng ý với sự suy đoán, vẫn có thể so sánh được; và ý thức mơ hồ của tôi về sự khả thể đó có thể ngược dòng về lại với niềm tin của tôi bằng chính quá trình các tìm kiếm của tôi, lại vẫn có chút ít sự ngăn trở giữa sự chần thật và sự khẳng định về niềm tin đó, trong khi những tìm tòi kia đang diễn tiến, bởi vì sự nhận thức về sự tính khả thể của quá trình xem xét lại đó của tôi là chính sự hiển nhiên của một ý định về phần tôi, về một nền tảng lớn của tại ương. Tinh thần của tôi không phải được vận động bởi các cơ hội có mang tính khoa học, cũng không phải tuân theo quy luật trung bình cộng nào đó tác động đến trường hợp cá biệt của tôi. Việc xảy ra một sự phiêu lưu không mong đợi chính là sự lật ngược lại; và nếu ý kiến của tôi là đúng, thì tôi tất có được quyền nghĩ rằng chúng sẽ được mang ra để phân tích. Mặt khác, cũng chẳng phải niềm tin đã được nhìn thấy trong ý tưởng của nó có bao hàm một quyết định tích cực chính trong phần tin tưởng là sẽ không bao giờ từ bo niềm tin đó. Cho dù niềm tin có

như thế nào, vẫn không phải bao hàm một ý định không bao giờ thay đổi và không thích đáng với ý tưởng về niềm tin, nhưng lại là sự vắng mặt sau rốt của mọi tư tưởng, hay của sự mong đợi, hay của ca việc sợ sự thay đổi. Một quyết định đột ngột, không bao giờ thay đổi, vẫn không phù hợp với chính ý tưởng về niềm tin; bởi vì sự mạnh mẽ và tính tuyệt đối của hành vi trong sự đồng ý, luôn luôn đi trước bất kỳ một sự quyết định nào. Chúng ta thông thường không xác định, cũng không làm điều gì mà chúng ta không thể tưởng tượng là chính chúng ta có bao giờ đó có thể làm được. Thật thế, chúng ta vẫn sẽ sẵn sàng làm một lời hứa hẹn trịnh trọng như thế, nếu chúng ta được yêu cầu là phải làm như thế; bởi vì chúng ta có chân lý, và chân lý thì không thể thay đổi được, thì làm thế nào chúng ta lại có thể thay đổi chính trong niềm tin của chúng ta, trừ khi thật sự lại do chính sự yếu kém hay sự dao động của chúng ta; do vậy mà sự hứa hẹn của chúng ta vẫn phải có được sự bảo đảm từ chính trong bản chất của sự thành thật của chúng ta; do đó có thể là vẫn không có sự phản bội đối với những niền tin tưởng của chúng ta, nhằm để xem xét các nền tảng của chúng, hay ngay cả cho dù chúng có thất bại khi xem xét, bởi vì chúng ta cũng không có sự nghi ngờ nào về sự thất bại đó.

Và sự xem xét như thế, như tôi đã nói, không gì khác hơn là việc hoàn thành một quy luật của bản chất chúng ta. Những sự đồng ý trước tiên của chúng ta, đúng hay sai, thường ít hơn là các tiên kiến. Những lý luận đi trước và đi theo cùng với chúng, cho dù có hội đủ các mục đích của chúng, cũng không vươn lên tới sự quan trọng và năng lực của các sự tán thành tự chúng. Trong quá trình diễn tiến, do bởi các cấp độ và không đề ra mục tiêu, do bởi sự phản tỉnh và kinh nghiệm, chúng ta bắt đầu xác nhận hay chỉnh đốn các ý niệm và những hình ảnh mà các sự đồng ý được hướng tới. Vào những lúc thật sự có những điều cần thiết để xem xét lại cách tổng quát, cùng rà soát lại điều này hay điều kia, hay một loại nào đó của chúng, hoặc của điều gì đó có liên quan tới tôn giáo, tới bổn phận xã hội, tới chính trị, hay đến cung cách của cuộc sống. Đôi khi quan điểm này lại bắt đầu trong sự nghi ngờ, vì đối với những vấn đề mà chúng ta xem xét, thì từ đây cũng đã vốn quen thuộc với chúng ta; đôi khi chính những sự đồng ý đó là rất mạnh mẽ, để không cho phép bị mất đi trong lần khuấy động đầu tiên của tinh thần tra vấn, và nếu qua diễn tiến thời gian, chúng lại khai mở sự thay đổi trong tinh thần của chúng ta mà đối với nó là tốt hay là xấu, là bởi do sức mạnh tích lũy của các lý luận là lành mạnh hay không lành mạnh, mà nó phải gánh chịu dưới áp lực của những mệnh đề mà chúng ta nhận được kể từ đó những sự chỉ trích như vậy, mà không có sức mạnh trực tiếp để làm yếu đi sự đồng ý; nhưng khi chúng đã trở nên nhiều, chúng liền lên tiếng chống lại những lập luận tiềm ẩn hay những suy đoán hình thức như là sự bảo đảm của nó, và làm ngưng lại các hành vi của nó, và lần lần tạo cơ sở về thói quen cho nó. Rồi thì sự đồng ý được tiến hành; nhưng cho dù dần dần hay ngay tức thời, có được chú ý hay không được chú ý, cũng chỉ là một vấn đề của khung cảnh hay sự kiện. Tuy nhiên, cho dù sự đồng ý từ nguyên thủy có được tiếp tục hay không, thì sự đồng ý mới vẫn lại khác hẳn với sự đồng ý cũ trong việc này, vì là nó có sức mạnh của sự rõ ràng và thận trọng, vì nó không phải chỉ là sự tiên kiến, và sức mạnh của nó cũng là sức mạnh của sự tiên kiến. Nó là một sự đồng ý, không chỉ đối với một mệnh đề đã có sẵn, nhưng còn đòi hỏi của mệnh đề đó phải có sự đồng ý của chúng ta như là sự thật; đó là một sự đồng ý cho một sự đồng ý, hay điều gì đó vẫn thường được gọi là một sự phán quyết... Hãy để cho

mệnh đề đã được có sự đồng ý là tuyệt đối đúng, vì hành vi suy nghĩ về nó là như thế, tức là đúng một cách khách quan, cũng như một cách chủ quan, rồi thì sự đồng ý đó mới có thể được gọi là một *tri giác*, là một sự khẳng định *chân xác*, là mệnh đề hay là sự thật như một *sự chắc chắn*, hay là sự vật đã được biết, hay chính là vấn đề của sự *hiểu biết*, và đồng ý với nó tức là *biết*.

Trong tiến trình đối chiếu nhau giữa sự đồng ý giản đơn và phức tạp, tức sự tán thành và sự tin chắc, thì tôi bắt đầu bằng sự quan sát, theo một cách bình dị, và không có sự phân biệt nào giữa cả hai; hay nói đúng hơn, thì trong sự rao giảng tôn giáo, điều được gọi là sự tin chắc, mà tôi đã gọi bằng cái tên là sự tán thành. Tôi không gặp một sự khó khăn nào trong việc chấp nhận một sự dùng từ như thế, mặc dù tiến trình của sự suy xét của tôi đã dẫn tôi tới cái khác. Có lẽ sự đồng ý về tôn giáo có thể được gọi, nếu dùng thuật ngữ thần học, là "sự tin chắc mang tính vật chất"; và điểm so sánh đầu tiên mà tôi sẽ thực hiện giữa hai trạng thái tinh thần, sẽ được dùng tới, để nhằm cho được phù hợp với cách nói theo kiểu thông thường nói chung.

2. Từ đó chắc chắn sẽ là đi từ sự phân biệt mà tôi đã có, và phần đông mọi người phải được xem như vẫn sống suốt cuộc đời mà không hề có bất cứ điều nghi ngờ gì cả, hay nói cách khác, sự tin chắc (như tôi đã dùng từ ngữ này) đối với hầu hết những mệnh đề quan trọng mà có thể vẫn luôn chiếm lĩnh đầu óc của tôi, nhưng chỉ với một sự tán thành đơn giản, tức là một sự đồng ý mà họ chỉ nhận thức được một cách thô thiển, hay chỉ được mang lại với ý thức của họ, hay được suy nghĩ trên nó, như thể là một sự đồng ý. Một sự đồng ý như thế mà tất cả những người Tin Lành đều hay chứng tỏ nói chung, những người mà tuy thế vẫn tin với tất cả con tim của mình đối với các nội dung của Thánh Kinh. Một trạng thái như thế đó của tinh thần cũng thường có nhiều ở vô số những người Thiên Chúa giáo, và có lẽ đa số họ luôn sống và chết trong một niềm tin tưởng xác quyết, đơn giản, đầy đủ, trong tất cả điều gì mà Giáo hội đã dạy, bởi vì chính họ đã được dạy là thế, - trong niềm tin về một sự thật không thể nào đảo ngược được của điều gì đó mà nó đã xác định và tuyên bố, - nhưng những người nào thật sự khác biệt với những người Tin Lành, cùng những sự dị biệt khác, và thật sự họ chỉ có được chút ít học thức, sẽ không bao giờ lại dám nghi ngờ, và cũng không bao giờ có được cơ hội để được chắc chắn cả. Có rất nhiều các quốc gia trong thời kỳ trung cổ đã tiến bước lên như thế trong niềm tin Thiên Chúa giáo, mà không bao giờ sử dụng lý thuyết của đo như một vấn đề nhằm lý luận hay tìm tòi, hay nhằm thay đổi niềm tin nguyên thủy của thời ấu thơ của họ, để hướng vào trong những phán quyết triết học thật sự mang tính khoa học. Bởi vì có một điều kiện của tinh thần, được đặc trưng do bởi sự dốt nát một cách thậm tệ, và do thế mà cũng có những hạng người khác có thể nói được là có một sự hiểu biết chắc chắn nhất; và như thế cũng thật sự nghịch lý đối với tôi để nhằm chối bỏ một trạng thái tinh thần giống như thế, như là một phẩm chất cao nhất của niềm tin tôn giáo, - và tôi muốn nói chắc chắn như thế.

Tôi xin được phép nói điều này, và do vậy tôi cũng muốn gọi sự đồng ý đơn giản này là một sự quyết chắc mang tính vật thể; hay cũng có thể sử dụng một thuật ngữ ngược lại với nó, là sự quyết chắc có mang tính lý giải. Tôi gọi nó là tính lý giải, có nghĩa là bởi điều đó mà mặc dù sự tán thành của các cá nhân được nhìn nhận, cũng không phải là một hành vi phản tỉnh, nhưng hãy còn có ca các vấn đề chỉ được khởi đầu bằng chính sự thực của các đối tượng trong chính sự đồng ý của họ, nhằm trích xuất từ chúng một hành vi của niềm tin, để đáp ứng lại điều

đó nhờ sự hội đủ được các điều kiện về sự tin chắc, như tôi đã rút ra được. Để tiến trình lý luận cần thiết của một hành vi như thế được thích đương và hội đủ, nó phải được thực hiện một cách nghiêm túc và cân đối với những khả năng nào đó của chúng. "Thiên Chúa giáo là xác đáng, bởi vì đối tượng của nó một khi hiện diện trong đầu óc của tôi, thì kiểm soát và ảnh hưởng tới hành vi của tôi mà khó có một điều nào khác có thể làm được"; hay là "bởi vì nó có một ý hướng về sự thực nào đó và chắc chắn mang tính **sui generis**, như được nhận thấy được đối với bản chất đạo lý của tôi, như thể mùi hương thơm của các đóa hoa đối với cái mũi của tôi, và điều đó chỉ có thể đến từ cõi trời"; hay "bởi vì tôi chưa hề bao giờ nhìn thấy một điều gì khác nếu không phải đó là sự bình yên, niềm vui, sự an ủi, và sức mạnh, và mọi điều đối với cuộc sống vẫn luôn xáo động của tôi". Và nếu lý luận đặc thù được dùng trong một vài trường hợp cần được củng cố, thì hãy cứ để cho nó được quan sát, rằng sự sắc bén của sự nhận thức thực sự, mà đối với nó sự đồng ý có được, cho dù đó không thể là cơ sở chính thức của sự đồng ý, thì vẫn còn có thể hành vi một cách chính thức, và hành động một cách mạnh mẽ, trong sự khẳng định. Như thế, tôi cho đó có thể là sự nhanh lẹ và tính hữu hiệu của năng lực lý luận, và cũng dễ dàng thay đổi từ sự đồng ý đến sự tin chắc đúng như được gọi, trong trường hợp có vô số các vấn đề tạo cơ hội cho sự suy nghĩ có thể có được; nhưng điều đó lại không xảy ra; và vẫn phù hợp theo đó, thật chính đáng và hoàn hảo, bởi vì đó là sự tán thành, và đó còn có thể gọi được là sự xác quyết mang tính chất tiềm tàng, thật sự tồn tại, hay có thể lý giải được, nếu việc tôi đã cắt nghĩa sự xác quyết như ở trên đây là đúng

Dĩ nhiên những ghi chú này có mang tính chắc thực trong các chủ đề về mặt thế tục, cũng như trong tôn giáo: - Tôi tin tưởng, chẳng hạn, rằng tôi đang sống trên một hòn đảo, rằng Julius Caesar đã từng có một lần xâm chiếm nó, nó đã lần lược bị chinh phục bởi các dân tộc, và cũng đã có những sự thay đổi quan trọng về chính trị và xã hội lớn lao, và vào thời điểm này, nó hiện đang có các thuộc địa, các chế định, và sự ngự trị của vương quyền của nó trên khắp thế giới. Tất cả các điều này, tôi vẫn có thói quen coi như là chắc chắn mà không phải suy nghĩ gì; nhưng khi nào có sự cần thiết, tôi cũng sẽ không thấy có những khó khăn nào trong việc dẫn xuất ra từ những nguồn cội tinh thần của mình những lý lẽ đủ để xác minh làm sao cho được đúng đắn đối với các niềm tin tưởng của mình.

7

Bốn thần tượng *

FRANCIS BACON

(1561 – 1626)

i

Con người với tính cách là kẻ phục vụ và là người thông dịch của Thiên nhiên, có thể làm được và hiểu được rất nhiều và rất nhiều như thế, cho dù anh ta chỉ cần quan sát về mặt sự kiện hay bằng chính tư duy về tiến trình của tự nhiên: còn vượt ra ngoài phạm vi này, thì anh ta không thể nào hiểu biết được điều gì cả hay làm được điều gì cả.

ii

Cũng không phải chỉ bằng đôi tay trần, hay bằng sự hiểu biết mà có thể mang lại được nhiều hiệu quả. Chính nhờ bởi các dụng cụ và những sự trợ giúp mà công việc được thực hiện tốt hơn, mang lại kết quả nhiều cho đôi tay và cho sự hiểu biết. Bởi các dụng cụ là nhằm giúp nhiều hơn cho đôi tay, hoặc cho sự vận động, hay là hướng dẫn nó, và cũng như thế, các dụng cụ tinh thần cũng cung cấp, hoặc mang tới những sự gợi ý cho sự hiểu biết hay cho những cảnh báo.

iii

Sự hiểu biết của con người và năng lực của con người vẫn hay gặp nhau tại một nơi; bởi vì nơi nào mà nguyên nhân không được biết rõ, thì kết quả cũng không thể được xảy ra. Thiên nhiên vừa hướng dẫn vừa phải được vâng theo; và điều gì đã được chiêm nghiệm, thì đó cũng chính là nguyên nhân cho việc hành xử giống như một quy tắc.

xxxviii

Những thần tượng và những ý niệm sai lầm giờ đây đang nằm trong sự hiểu biết của con người và cũng đã bắt rễ sâu xa từ trong đó, không chỉ có dai dẳng chiếm lĩnh tinh thần của con người, khiến cho chân lý thật rất khó để mà vào được, mà ngay cả khi có vào được ở đó rồi, thì nó cũng lại sẽ khó khăn để tự dung nạp được với các yêu cầu khoa học, vì sẽ gây ra chính sự cản ngại cho chúng, trừ phi người ta cứ cố gắng dấn bước tới mà bất chấp mọi sự tấn công từ phía chúng.

* Từ tác phẩm *Novum Organum* (1620), Spedding, Ellis, và Heath phát hành (1861)

xxxix

Có bốn loại thần tượng vẫn cứ bao vây lấy tinh thần con người. Và để nhằm phân biệt được các loại thần tượng này, tôi xin kể ra đây tên gọi của chúng, - loại thứ nhất gọi là các thần tượng của Bộ lạc; loại thứ hai gọi là các thần tượng của Hang động: loại thứ ba gọi là các thần tượng của Chợ búa; loại thứ tư gọi là các thần tượng của Nhà hát.

xl

Sự tạo thành các ý tưởng và những nguyên lý tiên khởi nhờ bởi sự suy diễn đúng đắn, tất nhiên chính là thuốc chữa trị thích hợp có thể sử dụng để ngăn ngừa và loại bỏ đi các thần tượng. Tuy nhiên, việc chỉ rõ chúng ra lại cũng rất là cần thiết; bởi vì lý thuyết về các thần tượng, cũng chỉ cốt nhằm lý giải về thiên nhiên, cũng giống như điều gì đó mà các lý thuyết ngụy biện vẫn dùng đến, chỉ cốt để nhằm thay cho luận lý học.

xli

Những thần tượng của Bộ lạc có cơ sở của nó ở trong chính bản chất của con người, và cũng trong bộ lạc hay chủng tộc của con người. Bởi vì có một sự xác định sai lầm cho cảm quan của con người là thước đo của mọi sự vật. Trái lại, tất cả mọi mọi tri giác, cũng như mọi cảm nhận của tinh thần, đều phù hợp theo với thước đo của mỗi cá nhân mà không phù hợp với thước đo của vũ trụ. Và sự hiểu biết của con người chẳng khác gì một tấm gương xấu, nó thu nhận các tia sáng chiếu đến không đều, có những biến dạng về các màu sắc của tự nhiên nơi các sự vật, bởi vì do sự pha trộn từ chính bản chất nó với sự sai lạc đó.

xlii

Những thần tượng của Hang động là những thần tượng của con người cá nhân. Bởi vì mọi người (ngoài các sai lầm thông thường của bản chất con người nói chung) đều có một cái hang, hay cái hang ổ của chính mình, và nó làm cho bị khúc xạ và bị nhiễu màu sắc của ánh sáng tự nhiên: hoặc do chính bản chất đặc thù và tự nhiên của họ, hay là do sự giáo dục của họ, cùng sự trao đổi chuyện trò của họ cùng với các người khác; hay cũng do đọc sách, và do uy tín của những người nào mà họ yêu thích và thán phục; hay cũng do các sự khác nhau về ấn tượng, do đó mà khiến xảy ra trong đầu óc của một người nào đã có tiên kiến hay đã bị ảnh hưởng từ trước, hay trong một đầu óc vô cảm và lừ khừ, hay cũng tương tự như vậy; đến nỗi tinh thần con người (tùy theo điều gì đó đã được rút ra từ các cá nhân khác nhau) trong thực tế là một sự vật hay thay đổi, có đầy những biến chuyển, và bị chi phối giống như thể chỉ là ngẫu nhiên. Chính điều đó cũng đã được Héraclite quan sát, và cho rằng con người tìm kiếm các khoa học cũng chỉ ở trong chính thế giới riêng tư của mình, mà không phải trong thế giới rộng lớn nói chung.

xliii

Cũng có những thần tượng tạo nên do bởi sự giao tương và kết hợp giữa nhiều người với nhau, mà tôi gọi là những thần tượng của Chợ búa, tức muốn nói đến tính chất bán buôn và kết đàng kết đúm của người ta cùng với nhau. Qua các cách nói năng với nhau mà người ta đã kết hợp lại được; và những từ ngữ được họ nêu ra cũng phù hợp theo với chính khả năng nhận thức của người bình thường. Và do vậy, một sự chọn lựa sai trái và không phù hợp cũng đã ngăn cản một cách rất đáng nói đối với chính sự hiểu biết của họ. Nhưng cũng chẳng phải là những định nghĩa, hay những sự cắt nghĩa, nhưng chính là trong số các sự việc nào mà con người học được, đều là nhằm để bao vệ và nhằm tự vệ cho chính họ bằng bất cứ các phương tiện nào được họ cho là phù hợp. Nhưng những từ ngữ thì thong thường vẫn cứ bó buộc và chế ngự sự hiểu biết, đưa tất cả vào trong một kết luận,

và dẫn người ta cứ mãi đi vào vô số những sự cãi vã trống rỗng cùng với những sự tưởng tượng biếng nhác.

xliv

Trước kia đã có những thần tượng đi trú vào trong tinh thần con người do từ các học thuyết triết học khác nhau, và cũng từ cả những quy tắc chứng minh sai lầm. Những thần tượng này tôi xin được gọi đó là những thần tượng của Nhà hát; bởi vì theo sự phán đoán của tôi thì mọi hệ thống đã được thừa nhận, dù sao cũng vẫn giống cứ với nhiều trò diễn, nhằm trình bày thế giới của sự sáng tạo bởi chính họ theo một cách thức không chân thực và kỳ khôi. Đó cũng chẳng phải chỉ là những hệ thống mà giờ đây đang là thời thượng, hay chỉ là những tiểu phái xưa cổ, cùng những nội dung triết học mà tôi đã nói đến: bởi vì có khá nhiều những vở kịch cùng loại có thể được tạo ra cũng theo cùng một cách giả tạo như thế; cho thấy vô số những sự sai lầm khác nhau không nói hết được, tuy thế vẫn có những nguyên nhân mà phần nhiều chúng cũng lại giống nhau như thế. Nhưng tôi cũng không muốn lại thêm một lần nữa, nhằm có ý nói điều này chỉ thuộc về những hệ thống toàn diện, nhưng đó cũng là do nhiều nguyên lý và những tiên đề trong khoa học, vốn đến do từ truyền thống, từ sự dễ tin và sự cẩu thả, và đã đi tới chỗ được thừa nhận.

Nhưng cũng từ một số các thần tượng thuộc loại này, tôi thấy nên phải đề cập rộng ra hơn và chính xác thêm là sự hiểu biết của con người có thể đã bị sai lỗi do từ đó.

xlv

Sự nhận thức của con người do từ bản chất của chính nó có khuynh hướng giả định có sự hiện diện của nhiều trật tự và sự điều tiết trong thực tại thế giới hơn là nó tìm thấy. Và dù có nhiều sự vật trong tự nhiên cá biệt và đặc thù, nhưng điều đó cũng trù bị cho chúng những sự tương ứng và các liên kết, và những mối quan hệ không cần phải thật sự hiện diện. Do thế mà có sự tưởng tượng rằng mọi thiên thể trên bầu trời vận đều động theo những vòng tròn hoàn hảo; còn những con ốc ma và những con rồng (trừ ra chỉ ở trong tên gọi) thì hoàn toàn bị chối bỏ. Tuy thế, các yếu tố của lửa cùng với quả cầu lửa lại được nói tới, để làm ra thành tứ trụ, cùng với ba cái kia, mà ý nghĩa đó lại được thừa nhận. Do vậy mà định mức tỷ trọng của những cái được gọi là những yếu tố, được xác định một cách chuyên đoán từ mười cho một. Và cũng như thế, lại còn có các sự mơ mộng khác. Và những sự tưởng tượng này không những chỉ ảnh hưởng tới những giáo điều mà thôi, mà cũng còn ảnh hưởng tới cả những ý niệm hoàn toàn đơn giản nữa.

xlvi

Sự nhận thức của con người một khi đã có lần chấp nhận một ý kiến (hoặc ý kiến được chấp nhận hay chính nó được thừa nhận) cùng lôi kéo mọi sự vật khác để nhằm hỗ trợ và đồng ý với nó. Và dù cho có một số lớn hơn và nặng ký hơn trong những trường hợp khả dĩ tìm thấy được trên phương diện khác, thì những điều này cũng hoặc là bị xao lãng hoặc bị coi khinh, do bởi những tính cách phân biệt nào đó khác để bị tách riêng ra và bị loại bỏ đi; trong tính cách của sự thiên kiến nguy hiểm và lớn lao này, mà uy thế của các kết luận trước kia của nó vẫn không thể bị vi phạm tới. Và tuy thế, đó chính là câu trả lời tốt của một con người nào đó khi mà họ chỉ ra cho anh ta thấy đang có treo trong một ngôi đền, một bức tranh của những người đã muốn đáp ứng lại về các lời thề của họ vì đã thoát khỏi được một vụ dắm tàu, và đã bảo với anh ta là có phải chăng anh ta đã không biết đến quyền lực của các thần linh, và rồi anh ta cũng đã phải hỏi lại thêm họ - "Ồi chà", "nhưng rồi chúng đã được vẽ lại ở đâu kia, sau khi đã bị chìm xuống biển tiếp theo sau những lời thề của mình?"

Và như thế đó chính là con đường của mọi sự mê tín, hoặc là trong chiêm tinh học, những mông mị, những điềm báo, những phán đoán thần linh, hay đại loại như vậy; ở đâu mà con người có sự thích thú trong những điều nhảm nhí như vậy, thì chứng tỏ các sự kiện mà họ hoàn thành; nhưng ở đâu mà họ thất bại, cho dù điều đó thường xảy ra nhiều hơn, thì lơ đễnh và cho qua đi. Nhưng với nhiều sự tinh tế hơn, thì sự sai lầm này tự nó len lỏi vào trong triết học và trong khoa học; trong đó kết luận đầu tiên tô màu và mang vào trong sự phù hợp với chính nó tất cả mọi điều gì tới sau, cho dù là lành mạnh và tốt hơn nhiều. Ngoài ra, độc lập với sự thích thú và sự hợm hĩnh đó, mà tôi đã mô tả, còn có một sự sai lầm đặc biệt và thường xuyên của trí tuệ tinh thần con người thường hay bị tác động tới nhiều hơn và kích thích bởi những điều khẳng định hơn là bởi những điều phủ nhận; cho dù nó được phép xác định đúng mức chính nó là nhầm khác với cả hai như thế. Thật vậy, trong sự xác lập của bất cứ tiên đề đúng đắn nào, thì điều kiện phủ nhận vẫn thường có thể bị bó buộc hơn đối với cả hai.

xlvii

Sự nhận thức của con người được vận động bởi những sự vật đó hầu hết là nghịch lại và đi vào tinh thần cùng lúc theo một cách thình lình, và như thế mà hình thành ra đầy sư tưởng tượng; và nó có vẻ như cũng giả định ra mọi sự vật khác theo như cách nào đó, cho dù nó cũng không thể nhìn thấy điều đó được thực hiện ra như thế nào, và cũng tương tự với những điều đó mà từ đó ít nhiều sự vật đã bị che mờ. Nhưng cũng vì điều đó mà cứ lặp đi lặp lại ở các trường hợp khác biệt và xa cách hẳn. Bởi đó mà những tiền đề là được thử thách trong lửa đỏ, trí tuệ cũng cùng một lúc bị chậm và không phù hợp, trừ khi nó bị bắt buộc do từ đó bởi các quy luật nghiêm khắc và quyền lực đang cai quản.

xlviii

Sự nhận thức của con người không thể an tại; nó không hề dừng lại hay yên nghỉ, mà vẫn bị thúc đẩy phải luôn hướng tới trước, nhưng lại không hề được thỏa mãn. Do thế có điều đó khiến chúng ta không thể quan niệm được về bất kỳ một đích điểm nào, hay về giới hạn nào của thế giới cả, nhưng luôn luôn như phải có một sự cần thiết về chính điều gì đó luôn siêu vượt lên. Chẳng những thế, cũng không thể nhận thức được tại làm sao mà sự vĩnh cửu đã xuôi dòng trôi xuống mãi tới tận ngày hôm nay: bởi vì có sự phân biệt mà chúng ta vẫn thường có thể nhận ra được tính chất vô hạn của thời gian quá khứ và của thời gian sắp tới, nhưng lại không có bất kỳ một phương tiện nào có thể nhằm nắm bắt tới được; bởi vậy mà cứ đi tới sự việc là có một sự vô hạn này lớn hơn sự vô hạn khác, và rồi sự vô hạn đó lại bị tan biến đi và có khuynh hướng trở thành cái hữu hạn. Sự tinh vi tương tự nâng lên tiếp cận sự phân chia vô hạn của các đường thẳng, cũng chẳng khác gì việc không thể nào dừng lại của tư tưởng. Nhưng sự không thể dừng lại này như cũng giao thoa một cách dầy trí xảo trong sự khám phá ra các nguyên nhân: bởi vì cho dù những nguyên lý tổng quát nhất trong thiên nhiên chỉ có thể đi tới chỗ được nắm bắt theo một cách tích cực, một khi chúng đã được khám phá, mà không thể nào sự thật đó được quy chiếu vào từ một nguyên nhân; tuy nhiên, sự hiểu biết của con người vốn không thể nghỉ yên mà vẫn đi tìm một cái gì đó có trước thiên nhiên. Và sự chiến đấu nhằm hướng tới điều gì xa hơn nữa sẽ rơi vào điều gì đó gần hơn trong tầm tay: tức là những nguyên nhân cuối cùng [hay mục đích cuối cùng]: nó có tương quan rõ rệt với bản chất của con người hơn là với tự nhiên của vũ trụ; và từ nguồn này mà triết học đã tiến lên một cách lạ lùng. Nhưng anh ta cũng chẳng hết được sự vụng về và các nhà triết học nông cạn đi tìm nguyên nhân của điều gì vốn là tổng quát nhất.

hơn là người đi tìm trong những sự vật tùy thuộc và bình thường mà nó vẫn không cho phép làm được điều đó.

xlix

Sự nhận thức của con người chẳng phải là thứ ánh sáng khô khan, nhưng là sự nhận thức được pha trộn trong đó vừa ý chí lẫn các tình cảm [hay những cảm xúc]; cũng từ đó mà đã có thể tiến hành được các khoa học, để có thể gọi được là "các khoa học được người ta mong muốn". Và đối với điều gì đó mà một người vẫn muốn cho đó là sự thật, thì anh ta lại sẽ càng được tin tưởng hơn. Vì thế, mà anh ta cũng đành phải vứt đi một cách khó khăn những sự vật gì đó chỉ do từ sự không kiên nhẫn tìm tòi, để có được những sự vật thuần khiết hơn, bởi vì họ hi vọng khi bỏ đi điều hời hợt thì sẽ có được những sự vật sâu xa hơn của tự nhiên; bỏ đi sự mê tín sẽ tới được ánh sáng của thực nghiệm, đến được sự hãnh tiến và tự hào; làm cho tinh thần của anh ta sẽ tách ra khỏi được việc quá bận rộn đối với những sự vật tầm thường, tạm bợ chóng qua, để đến được với những sự vật mà không phải ai cũng tin tưởng được, vì ra ngoài sự quan tâm của ý kiến những người bình thường. Nói chung có vô số con đường, và đôi khi cũng không thể nhận thấy hết được, mà trong đó những tình cảm vẫn hay tô màu và làm ảnh hưởng tới sự hiểu biết.

l

Nhưng cho dù sự cản trở có lớn lao đến thế nào, thì sự suy thoái trong sự hiểu biết của con người vẫn phát sinh ra từ sự lười nhác, vô năng, và sự hạn hẹp của các cảm quan; trong đó những sự vật nào vẫn đập mạnh vào các giác quan thì cũng ngang hàng với các sự vật nào không lập tức hiện ra đối với chúng, mặc dù có tầm quan trọng hơn. Do thế, mà sự tư duy vẫn thường hay dừng lại ở nơi nào mà ánh sáng không đi được xa hơn; cũng giống như những sự vật không thể thấy được là bởi vì đã có ít hay không có sự quan sát. Bởi vậy mọi hoạt động của tinh thần chỉ được hạn hẹp trong những đối tượng có thể tiếp cận được, tức bị giấu kín và không thể quan được được bởi con người. Cũng thế mà mọi sự thay đổi tinh tế mặt hình thức trong những thành phần của các bản chất thô thiển hơn (mà chúng thường được gọi là sự biến chuyển, cho dù sự thật thì đó là sự vận động tại chỗ xuyên qua các quang cách rất nhỏ) thì cũng không thể quan sát được giống như thế. Và do đó mà trừ ra hai việc được quan tâm tìm kiếm và mang ra ánh sáng, còn không có gì quan trọng để có thể đạt tới được việc hoàn tất trong tự nhiên, cho dù các công việc liên quan đó có được cố gắng bao nhiêu. Cũng vậy, bản chất cốt lõi nhất của tự nhiên trong tính cách chung của không khí của chúng ta, và của mọi vật thể ít ngưng tụ hơn so với không khí (chúng không có nhiều lắm) là hầu như không thể nhận được biết. Bởi cảm thức này trong chính nó là một sự vật què quặt và sai lầm; không thể có những dụng cụ nào để mở rộng nó ra hay mài sắc các cảm thức của nó nhiều hơn; nhưng mọi loại giải thích đúng mức hơn về tự nhiên có tác dụng được bằng các tình huống, kinh nghiệm phù hợp và trái ngược; ở trong đó sự cảm quan quyết định trong khi chỉ tiếp cận kinh nghiệm, và kinh nghiệm tiếp cận đúng mức trong tự nhiên và chính sự vật.

li

Sự hiểu biết của con người từ trong bản chất của nó là nhắm tới những sự trừu tượng và đến một bản chất và thực tại đích thực của những sự vật hiện đang đang diễn ra. Nhưng giải quyết bản chất thiên nhiên vào trong những sự trừu tượng vẫn chưa hẳn là mục tiêu của chúng ta mà là phân tích nó ra từng thành phần; và điều này giống như trường phái của Democrit đã từng đi xa hơn vào trong tự nhiên, hơn là những người khác. Chính nội dung chất thể mà không phải là các hình thức, đã trở thành đối tượng của sự chú ý của chúng ta, nên các sự thể hiện

của nó, và những sự thay đổi hình dạng của nó, và các hành vi đơn thuần, cùng các quy luật của hành vi, và sự vận động cùng các hình dạng, đều là những sự huyền hoặc đối với tinh thần con người, trừ khi bạn sẽ gọi đó là những quy luật hành vi của những dạng thức này.

liii

Đó chính là những thần tượng mà tôi gọi chúng là những thần tượng của Bộ lạc; và chúng xuất hiện hoặc từ sự đồng nhất của ban thể của tinh thần con người, hay từ sự bận rộn của nó, hay từ sự hạn hẹp của nó, hay từ sự vận động không hề ngừng nghỉ của nó, hay từ một sự hòa trộn của các tình cảm, hay từ sự không tương hợp của các giác quan, hay từ một cách thế tạo ấn tượng.

liii

Những Thần tượng của Hang động xuất hiện trong sự cấu thành riêng biệt đặc thù về tinh thần hay thể xác của mỗi cá nhân; và cũng có cả sự giáo dục, thói quen và các tính chất khác. Thuộc về loại này, còn có một số lớn và các tính cách thay đổi khác; nhưng tôi muốn nêu lên những điều đó để nhấn mạnh là từ trong đó có chứa đựng cả sự thận trọng quan trọng nhất, và chúng cũng có hầu hết mọi hệ qua trong việc làm hỗn loạn chính tính trong sáng của sự hiểu biết.

liv

Con người đã trở thành ràng buộc vào một số các khoa học và những suy nghĩ đặc thù, hoặc do vì họ tưởng tượng mình giống như các tác giả và là những nhà đã khám phá ra chúng, hoặc do vì họ đã phải cố chịu đựng qua những sự vất vả lớn lao nhất từ trên chúng và đã trở thành có thói quen với hầu hết với chúng. Nhưng những người thuộc về loại này, nếu họ đã dấn thân vào trong triết học và vào những chiêm ngắm mang tính chất chung nhất, thì đã làm biến dối và đã tô màu chúng tùy theo các hình thức tưởng tượng của họ; một sự việc được đặc biệt được lưu ý nơi Aristote, là con người đã biến triết học tự nhiên trở thành một đầy tớ trung thành cho luận lý học của mình, do thế mà đã làm cho nó thành được tranh cãi và thật dễ yêu. Cuộc chạy đua của các nhà hóa học đã trở lại từ một ít các thí nghiệm của lò cao, cũng đã tạo nên một triết lý ngoạn mục, được đóng khung vào trong sự tham chiếu đến một số sự vật; và Gilbert, sau khi đã dấn mình một cách siêng năng vào trong nghiên cứu và quan sát đá nam châm, cũng đã tiến tới việc lập tức dựng lên một hệ thống hoàn toàn phù hợp với chủ đề luôn được ưa thích của ông ta.

lv

Có một điều chính yếu và như thế nó vẫn được phân biệt cách nền tảng giữa các tinh thần khác nhau về mặt triết học và các khoa học; đó là như thế này: vẫn có một số đầu óc mạnh mẽ hơn và có năng lực hơn để ghi nhận được sự khác nhau giữa các sự vật, còn những đầu óc khác thì chỉ nhìn ra được những tương tự của chúng. Đầu óc nhuần nhuyễn và bén nhạy thì có thể cố định được những chiêm nghiệm của mình, định vị và nắm bắt được về những sự dị biệt tinh tế nhất; còn đầu óc cao quý và lan man thì nhận thức và phối kết được các sự tương đồng tinh vi nhất và tổng quát nhất cùng với nhau. Cả hai loại này, tuy vậy cũng rất dễ dàng đi tới chỗ thái quá, bởi do sự nắm bắt của một cái thì theo các cấp độ, còn cái kia thì nương theo cùng các bóng râm che khuất.

lvi

Người ta cũng thấy được có một vài đầu óc được cho là vẫn hay thán phục cực kỳ tính cách cũ xưa, còn những đầu óc khác thì thì lại cực kỳ hướng tới và yêu thích những điều gì mang tính chất mới mẻ; nhưng cũng có một ít đầu óc lại có tính chừng mực, thật sự vẫn có thể giữ được ở mức chiết trung, không hướng tới

nhiều quá những điều gì đã do quá khứ mang lại, mà cũng không coi thường những điều gì đó chỉ mới được đưa vào do bởi những người đương thời. Điều này, tuy vậy lại trở thành một sự tổn thương lớn cho các khoa học và triết học: bởi vì những sự ưa thích này đối với cái cũ và cái mới, chỉ là những tính khí của các con người đó, hơn là chính các phán đoán của họ; và chân lý được tìm ra, không phải chỉ nhằm cho bất cứ một thời đại nào, vì đó chỉ là ý nghĩa chưa ổn định, mà là trong ánh sáng của tự nhiên và thử nghiệm phải mang được tính vĩnh cửu. Nhưng những yếu tố này, tuy vậy cần phải được bỏ đi, và cần phải thật thận trọng để cho trí tuệ có thể vội vàng vì chúng mà đi đến sự đồng ý chấp nhận.

lvii

Những chiêm nghiệm thiên nhiên và các đối tượng sự vật ở trong các dạng đơn giản của nó làm tách biệt và sai lạc trật sự của sự hiểu biết, trong khi những sự chiêm nghiệm thiên nhiên và những đối tượng vật thể trong trong sự cấu thành và dạng thức chung của chúng, thì lại thống lĩnh và làm tan rã sự nhận thức: một sự phân biệt đã được nhìn thấy rõ trong trường phái Leucippus và Democritus có thể so sánh được với các triết học khác. Bởi vì trường phái đó là vẫn bận rộn với những những vi tử mà nó chỉ tham dự vào trong sự cấu trúc; trong khi những trường phái khác thì lại để bị mất hút vào trong sự thán phục cơ cấu mà lại không đi vào trong tính chất đơn giản của tự nhiên. Những loại chiêm nghiệm này do vậy được chọn lựa và lấy ra lần lượt; và vì thế mà sự hiểu biết có thể bị quy thuộc một khi đi vào trong sự nắm bắt được, và những sự bất tiện đã được lưu ý trên đây, với những thần tượng thoát thai ra từ chúng, có thể sẽ được tránh đi.

lviii

Do thế mà hãy cứ để cho sự chuẩn bị và sự thận trọng chiêm nghiệm của chúng ta cốt sao tránh xa và gạt bỏ đi được các thần tượng của Hang động, mà phần lớn chúng đã phát triển lên hoặc thoát thai từ một chủ đề vốn rất được ưa thích, hay xuất xứ từ một khuynh hướng thái quá về sự so sánh hay phân biệt, hay hoặc đã ra khỏi được tính cục bộ của những thời đại riêng biệt đặc thù, hay xuất phát từ sự rộng lớn hay sự nhỏ bé của những đối tượng được chiêm nghiệm. Và nói chung, hãy nên để cho mọi sinh viên của ngành tự nhiên cứ lấy điều này như một nguyên tắc, - tức cho dù là tinh thần của anh ta nắm bắt được điều gì và cư vị tại đó ra sao, cùng với sự thỏa mãn đặc biệt riêng thế nào, đều là được nắm bắt trong sự hoài nghi, và nếu như thế, thì lại càng phải cẩn thận hơn nữa trong khi tiếp cận với những vấn đề đó, như thế để cố giữ làm sao cho sự hiểu biết vẫn luôn được trong sáng.

lix

Nhưng những Thần tượng về Chợ búa thì hầu hết đều lộn xộn đối với tất cả: những thần tượng này đã len lỏi vào sự hiểu biết thông qua những kết hợp giữa các từ ngữ và tên gọi. Bởi vì người ta tin tưởng là lý trí của họ chi phối các chữ nghĩa; nhưng cũng thật sự thì các từ ngữ vẫn phản ứng lại đối với chính sự hiểu biết. Và điều này cũng đã từng làm thúc thủ cả triết học và những khoa học, khiến thành ra ngụy luận và thụ động. Giờ thì các từ ngữ, thông thường vẫn được đóng khung và cứ được áp dụng phù hợp theo với năng lực của kẻ tầm thường, lại luôn đi theo những tuyến của sự phân chia hầu như rất hiển nhiên đối với chính sự hiểu biết tầm thường này. Và bất cứ khi nào mà một sự hiểu biết về một sự chính xác lớn hơn, hay một sự quan sát cẩn trọng hơn có thể làm thay đổi những tuyến này để phù hợp theo với những sự phân chia có thật của tự nhiên, thì những từ ngữ đang đứng trong lối đi sẽ chống lại sự thay đổi. Cho nên sẽ đi tới việc những thảo luận cao cấp và nghiêm túc của

những người có học vấn, thường khi cuối cùng cũng đi đến những sự bàn cãi về những từ ngữ hay tên gọi; với chúng (phù hợp theo sự sử dụng và sự khôn ngoan của những nhà toán học) thì lại càng cần trọng hơn để bắt đầu bằng những phương cách định nghĩa, giản lược chúng thành ra có trật tự. Nên ngay cả những định nghĩa cũng không thể chữa trị sự xấu xa này chính trong đối mặt với những sự vật tự nhiên và vật chất; bởi vì những định nghĩa tự nó là gồm có những từ ngữ, và những từ ngữ đó lại kéo theo những từ ngữ khác: như thế điều cần thiết lại quy thuộc vào những trường hợp cá nhân, và những trường hợp phải đi theo một loạt và sự trật tự...

lx

Những thần tượng bị bó buộc phải được hiểu bằng những từ ngữ thuộc hai loại. Hoặc đó là những tên gọi của các sự vật không tồn tại (bởi có những sự vật không có tên gọi nào do không hề quan sát được, cũng giống như những tên gọi chỉ do từ các sự giả định mang tính huyễn hoặc mà trong thực tế lại không có sự vật nào phù hợp cả), hay đó là những tên gọi của những sự vật có tồn tại, nhưng thực chất thì lại lẫn lộn, mơ hồ, thoáng qua, và không thường xuyên trong thực tế. Về loại trước có thể kể ra như sự giàu có, nguyên tắc vận động tiên khởi, quỹ đạo của các hành tinh, yếu chất của lửa, cùng giống như những gì huyền hoặc, mà từ nguồn gốc đó của chúng cũng dẫn tới các lý thuyết sai lầm và lười nhác. Về các thần tượng thuộc loại này thì dễ dàng để loại bỏ hơn, bởi vì để loại bỏ chúng, điều cần thiết chỉ cần lập tức loại bỏ ngay mọi lý thuyết bị cho là không ổn.

Nhưng còn loại kia thì được phát sinh ra do từ sự sai lầm và sự trừu tượng vụng về đã được nội tại và cắm rễ sâu trong đó. Chúng ta hãy lấy một ví dụ chẳng hạn như từ ngữ *ẩm thấp*, và thấy rằng trong tính chất như thế nào mà một số những sự vật mà từ ngữ này được dùng chung ngữ nghĩa vẫn có sự thống nhất giữa nhau; và chúng ta sẽ nhận thấy được rằng từ ngữ *ẩm ướt* không mang ý nghĩa gì khác hơn là một dấu hiệu được vận dụng một cách dễ dàng và mơ hồ nhằm để ám chỉ tới một loạt các hành vi sẽ không chịu để bị giản lược vào bất cứ một ý nghĩa nào đó nhất định. Bởi vì cả hai đều có ý nghĩa rằng tự nó mở rộng ra chung quanh bởi vật thể khác; và rằng trong chính nó là mơ hồ và không thể cố định chắc chắc; và rằng chúng sẽ có chiều hướng nhắm tới trong mọi hướng; và chúng dễ dàng phân chia và tách rời ra từng mảnh; và rằng chúng dễ dàng hợp nhất lại và gắn bó lại trong chính nó; và rằng nó sẽ sẵn sàng lưu chảy và được đặt vào trong vận động; và rằng chúng sẽ sẵn sàng bám vào một vật thể khác và làm ướt nó; và rằng nó là dễ dàng bị rút về thành một chất lỏng, hay trong khi đang cứng thì sẽ dễ dàng chảy tan ra. Phù hợp theo đó, khi bạn đi tới áp dụng từ ngữ, - nếu bạn dùng nó theo một ý nghĩa, thì ngọn lửa là một chất ẩm ướt; còn nếu theo cách khác, không khí là ẩm ướt; và nếu theo một cách khác nữa, thì bụi nhỏ là ẩm ướt; và nếu theo một cách khác nữa, thì thủy tinh là ẩm ướt. Như thế thật là dễ dàng thấy rằng ý niệm là do bởi sự trừu tượng hóa chỉ từ nước và các chất lỏng thông thường nói chung, mà không có bất cứ một sự rà soát lại đúng đắn nào.

Tuy nhiên, trong các từ ngữ có một vài cấp độ của sự vặn vẹo và sai lầm. Một trong những loại sai lầm ít nhất là những tên gọi của các bản thể, đặc biệt là những những loại thấp nhất và diễn dịch ra tốt nhất (vì ý niệm *phấn* và *bùn* là tốt, còn ý niệm *đất* là xấu); một loại lỗi lầm khác nữa là loại về các hành vi. như *tạo ra*, *làm hư hỏng*, *làm thay đổi*; sự sai lầm hầu hết là về các tính chất (trừ phi những tính chất như là những đối tượng ngay lập tức của giác quan) như

nặng, nhẹ, hiếm, đặc, và tương tự như thế. Do thế mà trong tất cả mọi trường hợp này một vài ý niệm là cần có một chút ít hơn là những cái khác, tùy theo với sự thay đổi nhiều hơn của các chủ thể mà chúng thuộc về trong phạm vi các giác quan của con người.

lxi

Nhưng những *Thần tượng của Nhà hát* thì không phải do bẩm sinh, cũng không phải đã len lỏi vào trong trong sự hiểu biết của con người một cách lén lút, nhưng là đã tạo được các ấn tượng một cách đơn giản, và được thừa nhận đối với tinh thần là do từ các hệ thống triết học có mang tính cách sách vở và các nguyên lý chứng minh có mang tính sai lạc. Nếu nhằm từ chối chúng trong những trường hợp này thì chắc là không phù hợp với điều gì mà tôi vừa nói tới: bởi vì lý do chúng ta đồng ý, không phải chỉ trên những nguyên tắc, hay cũng không phải chỉ dựa trên những chứng minh mà không cần tới việc lý luận. Và điều này là cũng rất tốt, cũng như nó mang lại nhiều điều hân hạnh cho những người xưa không thể chê được. Bởi vì chúng không hề bị lộn xộn - vấn đề giữa chúng và tôi cũng chỉ là theo cách đó. Vì cũng giống như người ta nói, người què thì nên giữ bên mặt con đường, bên ngoài lằn ranh của những người đi xe chạy sai, vì nếu càng hoạt động và nhanh chóng thì anh ta lại càng đi trệch thêm nhiều hơn.

Nhưng tiến trình mà tôi đề nghị cho sự khám phá khoa học cũng giống như thế, nhưng ít có sự sắc bén và sức mạnh của sự tinh nhạy hơn, trái lại chỉ đặt mọi sự tinh nhạy và những sự hiểu biết gần như cùng trên một mức độ. Vì cũng như trong việc vẽ một đường thẳng hay một vòng tròn hoàn hảo, phụ thuộc nhiều trên sự đều đặn và thao tác của bàn tay, nếu nó được thực hiện chỉ nhằm có tay không mà thôi, nhưng nếu với sự giúp đỡ của thước kẻ và compas, thì ít ra hay cũng không đến nỗi có điều gì cả; do thế mà cũng thật đúng với sự gợi ý của tôi. Nhưng dù có cả những sự bác bỏ đặc biệt, thì vẫn có thể không đạt kết quả gì, song sự tiếp xúc với các hệ phái và những bộ phận tổng quát của những hệ thống như thế, tôi cũng cần phải nói ra điều gì đó; một điều gì đó mà vốn đã tiếp xúc với những dấu hiệu bên ngoài và chỉ ra được là chúng không lành mạnh; cuối cùng cái gì đó tiếp cận với những nguyên nhân của sự không thỏa đáng lớn lao như thế, sự kéo dài như thế, sự đồng ý chung như thế trong sự sai lầm; tức để đạt tới sự thật có thể là làm cho nó ít khó khăn hơn, sự hiểu biết của con người cũng có thể càng có ý đồ nhằm đặt dưới sự thanh lọc và loại bỏ đi các thần tượng của nó.

lxii

Những Thần tượng của Nhà hát hay của những Hệ thống thì có nhiều, và có thể, hay có lẽ cũng còn sẽ có nhiều hơn nữa. Vì giả thử hiện thời không có đầu óc của nhiều người lớn tuổi vẫn bị bận bịu cùng với tôn giáo và thần học; giả sử cũng không có các chính phủ dân sự, đặc biệt cũng không có những tàng thư của các tu viện, đã bị thúc đẩy đi tới những sự mới mẻ đó, thậm chí ngay cả tới những nội dung suy tưởng; vì thế cho nên những người lao động trong đó cũng phải đi tới sự nguy hiểm và sự thua thiệt về các tài sản của họ, - không chỉ đã không có được các phần thưởng, mà còn thành ra bị ghen tức: chắc chắn rồi cũng sẽ xuất hiện ra nhiều các trường phái triết học khác nhau, cũng giống như những trường phái với một sự đa dạng lớn lao đã từng nở rộ một lần ở những người Hy Lạp. Bởi vì cũng từ trên các hiện tượng của bầu trời mà nhiều giả thuyết đã có thể được tạo ra, cũng giống như (và cũng còn hơn như thế nữa) nhiều giáo điều khác nhau có thể được dựng lên và đặt cơ sở trên những hiện tượng phát sinh của của triết học. Và trong những vở kịch của Nhà hát triết học này, bạn có thể quan sát về cùng một sự vật

được tìm thấy trong Nhà hát của các nhà thơ, về những câu chuyện được sáng tác ra cho sân khấu rất là súc tích và hay ho, và hơn thế nữa, người ta có thể mong muốn chúng sẽ lại trở thành những câu chuyện thật ở ngoài đời nữa.

Tuy vậy, nói chung cần phải thấy rằng đối với các nội dung triết học, hoặc phần lớn do từ một số ít các sự vật, hay do từ rất nhiều các sự vật, mà đề cho trên cả hai bình diện đó, triết học đều được xây dựng trên một nền tảng rất nông cạn của kinh nghiệm và của lịch sử tự nhiên, và được quyết định trên cơ sở thẩm quyền của cả hai trường hợp đó. Đối với trường phái duy lý của các nhà triết học, do nắm bắt được từ kinh nghiệm về một số lớn các trường hợp nói chung, không phải đã thật sự được khẳng quyết, hay cũng chẳng phải đã được xem xét hay đo lường chu đáo, mà chỉ dành lại tất cả cái điều gì còn lại cho sự suy nghĩ và sự vận động của đầu óc tinh tế.

Cũng có những loại triết gia khác, họ chịu khó thận trọng nhiều, và lao động tỉ mỉ trên một ít kinh nghiệm, thế nên bám chắc vào việc giáo dục và thiết kế ra những hệ thống; cùng vật lộn với những sự kiện khác trong một phương thức khác lạ để nhằm thích ứng với điều đó.

Và cũng lại có một loại thứ ba nữa, bao gồm cả hai loại kia, thì ngoài niềm tin và sự tôn kính, đã trộn lẫn triết học của họ với thần học và các truyền thống; và trong số họ, sự hành diện của vài người lại còn đi xa hơn như thế, mà ngoài việc tìm kiếm nguồn gốc khoa học chỉ ở nơi các đầu óc và thiên tài. Cho nên điều này cũng chứa đựng bao nhiêu là những sự sai lầm - mà triết học sai lầm này - là thuộc của ba loại; loại Nguỵ biện, loại Thường nghiệm, và loại Mê tín.

8

Những cách vận dụng ngôn ngữ [Φ]

BERTRAND RUSSEL

(1872 – 1970)

Ngôn ngữ, cũng giống với những đối tượng sự vật có tầm kỳ diệu quan trọng khác, chẳng hạn như hơi thở, máu huyết, giới tính, và sự sấm chớp, đã được nhìn thấy dưới góc độ mê tín ngay từ khi con người có thể ghi lại được tư tưởng của họ. Người hoang dã rất sợ tiết lộ tên tuổi thật của họ vì e kẻ thù dùng nó vào tà thuật. Origen cũng đã khẳng định với chúng ta về việc những kẻ phù thủy ngoại giáo có thể đạt được nhiều kết quả hơn bằng cách sử dụng chính cái tên gọi thiêng liêng Jehovah hơn là bằng cách dùng những tên gọi khác như Zeus, Osiris, hay Brahma. Sự thần tính đó cũng còn làm cho chúng ta thành ra mù quáng trong việc lạm dụng trong ngôn ngữ, do thế có Mệnh lệnh: "Ngươi không được nhân danh *tên gọi* của Thượng Đế vào các việc làm nhám nhí". Nhưng thói quen nhìn ngôn ngữ theo kiểu mê tín cũng không phải là không còn nữa. "Khởi thủy là Ngôi Lời", đã được nói lên bởi một câu trong Kinh Thánh của Thánh John, và khi đọc một số nhà luận lý học thực nghiệm, tôi cũng đã phải suy nghĩ là chắc cái nhìn của họ đã được trình bày do bởi bản văn dịch sai này.

Những nhà triết học vẫn là những con người sách vở và lý thuyết, và họ vẫn đã rất thích thú trong ngôn ngữ mà chủ yếu như là một phương tiện để nhằm xác nhận và cung cấp thông tin, nhưng điều này lại cũng chỉ là một trong các mục đích của nó, mà có lẽ cũng không phải là cái đầu tiên duy nhất. Nhưng còn mục tiêu của ngôn ngữ đối với một viên thượng sĩ là cái gì? Một mặt, có thứ ngôn ngữ của những từ ngữ chỉ huy, mà sự chỉ định nguyên nhân được đồng thời đồng hóa với các vận động của cơ thể ở trong một số của những người nghe; còn mặt khác, lại còn có thứ ngôn ngữ xấu, được chỉ định để tạo nên sự nhục nhã đối với những người nào mà sự trông đợi của họ về những vận động của cơ thể của những người đó đã không được tạo ra. Nên không phải ở trong trường hợp nào

---

[Φ] Trừ một vài dòng, toàn bộ Chương I của Phần II trong *Tri thức con người: Mục tiêu và các giới hạn của nó*. Bản quyền của Bertrand Russell năm 1948. Tái bản theo sự cho phép của công ty Simon và Schuster.

các từ ngữ cũng chỉ được dùng để nhằm xác định những sự kiện hay chỉ để cung cấp thông tin mà thôi.

Tức là ngôn ngữ có thể được sử dụng để biểu lộ các cảm xúc, hay tác động tới thái độ của người khác. Mỗi một trong các chức năng này vẫn có thể được thực hiện, cho dù có kém chính xác, nhờ bởi các phương pháp tiền ngôn ngữ. Con vật có thể phát ra tiếng kêu đau đớn, và đứa trẻ trước khi biết nói vẫn có thể biểu lộ ra sự tức giận, hay sự không vừa lòng, sự ưa thích, sự khoái trá, và toàn bộ các trạng thái tình cảm, nhờ bởi những tiếng kêu và những tiếng chí chóe đủ loại. Một con chó chăn cừu phát ra được những mệnh lệnh cho bầy gia súc của nó bằng các phương tiện có thể phân biệt được với những cách thức khác mà người chăn cừu vẫn dùng đối với nó. Giữa những tiếng động và lời nói như thế, không có sự phân biệt rõ nét nào. Khi người nha sĩ làm cho bạn đau, bạn có thể phát ra tiếng gầm gừ vì không đồng ý; điều này vẫn không được coi như lời nói. Nhưng nếu ông ta bảo "Nói cho tôi biết anh đau ra sao", và thế là bạn thực hiện với một âm thanh, mà nó đã trở thành lời nói, và hơn thế, là lời nói của loại ngôn ngữ để nhằm có ý cung cấp thông tin. Ví dụ này minh họa cho thấy một sự kiện là trong chính vấn đề ngôn ngữ cũng giống như trong các khía cạnh khác, có một cấp độ liên tục từ hành vi động vật cho đến các hành vi hầu như rất chính xác của các nhà khoa học, và cả từ những tiếng động tiền ngôn ngữ, cho đến những từ vựng được chọn lọc của một nhà từ điển học.

Một âm thanh biểu lộ cảm xúc sẽ được tôi gọi đó là một "từ cảm thán". Các mệnh lệnh và những từ ngữ cảm thán có thể dễ phân biệt được ở ngay trong những âm thanh phát ra do các con vật. Khi một con gà mái cục cục bầy con, nó đã phát ra mệnh lệnh, nhưng khi nó kêu quang quác lên vì sợ hãi, thì nó chỉ diễn tả về một cảm xúc. Nhưng cũng như khi phát ra tiếng gầm gừ của bạn ở phòng nha sĩ, thì một thán ngữ có thể mang lại một thông tin mà người quan sát từ bên ngoài không thể nói là có không có cái ý định làm như thế. Những con vật sống theo quần bầy, phát ra các tiếng động khá phân biệt khi chúng tìm thấy thức ăn, và những thành viên khác của bầy sẽ bị thu hút khi chúng nghe thấy những tiếng động này, nhưng chúng ta không thể biết những tiếng động đó chỉ biểu hiện sự thích thú hay cũng có ý định xác nhận việc "có thức ăn đây rồi".

Khi nào mà một con vật được kết cấu như một loại trường hợp nào đó khiến tạo nên một loại cảm xúc nào đó, và một loại cảm xúc nào đó khiến tạo nên một tiếng động nào đó, thì loại tiếng động mang tới cho một người quan sát thích hợp với hai nội dung thông tin, một là con vật có một loại tình cảm nào đó, còn cái thứ hai là có một loại tình huống như đang hiện có. Âm thanh của một con vật phát ra là công cộng, và tình huống cũng có thể là công cộng - chẳng hạn đó là sự có mặt của một đàn cá, nếu con vật là một con chim hải âu. Tiếng kêu của con vật có thể tác động trực tiếp trên những thành viên cùng loài, và chúng ta cũng sẽ có thể nói được là chúng "hiểu" được tiếng kêu của chúng. Nhưng điều này lại giả thiết một "tinh thần" trung gian giữa việc nghe tiếng kêu và sự phản ứng của thân thể đối với tiếng kêu, và cũng chẳng có lý do thực nào để giả thiết bất cứ một sự trung gian nào như thế, trừ phi khi có sự trả lời được đáp ứng lại. Tầm quan trọng lớn nhất của ngôn ngữ là sự tiếp xúc cùng với các sự trả lời được đáp lại, nhưng tôi chưa muốn đề cập tới chủ đề này.

Ngôn ngữ có hai mục tiêu sơ khởi, đó là sự biểu hiện và sự thông đạt. Trong hầu hết các dạng thể nguyên thủy của nó, có sự khác nhau chút ít từ dạng này sang dạng khác của các thái độ hành vi.

Một người có thể biểu hiện sự buồn bã bằng tiếng thở dài, hay bằng cách nói ra "chán thật!" hoặc là "tệ quá!" Anh ta có thể thông đạt bằng cách chỉ trỏ, hay bằng cách nói "nhìn này". Sự biểu hiện và sự thông đạt cũng không nhất thiết được tách bạch với nhau; nếu bạn nói "nhìn kìa" là bởi vì bạn nhìn thấy một con ma, thì bạn lại có thể nói về nó trong một thứ giọng biểu lộ sự ghê sợ. Điều này áp dụng không phải chỉ cho những dạng thức sơ đẳng của ngôn ngữ; mà cả trong thi ca, và nhất là trong hát xướng, sự cảm xúc và thông tin vẫn được mang đến bởi cùng những phương tiện. Âm nhạc cũng có thể được xem như một dạng của ngôn ngữ mà trong đó cảm xúc được tách rời khỏi thông tin, trong khi cuốn niên giám điện thoại thì chỉ cho có thông tin mà không có cảm xúc. Nhưng trong ngôn ngữ thông thường thì thì ca hai yếu tố đó đều cùng có mặt.

Sự thông đạt không chỉ có bao gồm việc cho thông tin; những mệnh lệnh và các câu hỏi cũng phải được bao gồm nhau. Đôi khi cả hai cũng chỉ tách nhau chút ít: nếu bạn đang đi dạo với một đứa bé, và bạn bảo "xem kìa, đằng kia có cái bánh ngọt", thì mệnh lệnh "đừng có dầm lên đó" đã ngầm chứa trong nó. Đưa ra thông tin cũng có thể chỉ do bởi sự kiện thông tin đó đang làm cho bạn quan tâm, hay có thể cũng chỉ là nhằm để ảnh hưởng tới các hành vi thái độ. Nếu bạn vừa nhìn thấy một tai nạn xảy ra trên đường phố, bạn sẽ muốn nói với các bạn bè của mình về điều đó, bởi vì đầu óc bạn đang đầy ứ về nó; nhưng nếu bạn nói với một đứa trẻ rằng sáu lần bảy là bốn mươi hai, bạn đã làm thế chỉ vì bởi hi vọng sẽ ảnh hưởng tới hành vi (sự nói năng) của nó.

Ngôn ngữ có hai giá trị tương tác nhau: trước hết đó là tính xã hội, và thứ hai nó cung cấp sự biểu hiện công cộng đối với các "suy nghĩ" mà nếu theo cách khác thì nó chỉ là riêng tư. Nếu không có ngôn ngữ, hay một vài trạng thái tiền ngôn ngữ tương tự nào đó, thì sự hiểu biết của chúng ta về môi trường cũng chỉ hạn chế ở trong những gì mà các giác quan của chúng ta đã mang lại cho chúng ta, và cùng với những sự suy đoán như thế, mà cơ chế bẩm sinh có thể đáp ứng; nhưng nhờ sự giúp đỡ của lời nói, chúng ta có thể biết điều mà những người khác có thể thuật lại cho chúng ta, và thuật lại cho những người khác điều mà nay không còn sự hiện diện nữa, nhưng chỉ còn được nhớ lại. Khi chúng ta thấy, hay nghe được một điều gì đó mà một người bạn đồng hành với ta đang không thấy hoặc đang không nghe, thì chúng ta có thể làm cho anh ta chú ý tới nó, bằng những từ ngữ như "hãy nhìn kìa" "hãy lắng nghe nào", hay là ngay cả bằng cử chỉ điệu bộ. Nhưng nếu cách nay nửa giờ chúng ta thấy một con chồn, thì không có thể nào làm cho một người khác ý thức về sự kiện đó được, nếu không có ngôn ngữ. Điều này phụ thuộc vào sự kiện là từ ngữ "chồn" sẽ được áp dụng giống với một con chồn đang được nhìn thấy hay một con chồn đang được nhớ lại đối với chính ký ức của chúng ta. Mà ở trong đó, chúng chỉ là riêng tư, và đã được trình bày lại cho những người khác như thể bằng những âm thanh được phát ra kiểu công cộng. Nếu không có ngôn ngữ, thì chỉ có một phần của đời sống của chúng ta gồm trong những cảm nhận công cộng mới có thể thông đạt được, và cũng chỉ cho những ai cùng ở trong điều kiện có được khả năng cùng chia xẻ về những cảm nhận đó mà thôi.

Cũng sẽ thấy được rằng sự hữu ích của ngôn ngữ phụ thuộc vào sự phân biệt giữa các kinh nghiệm công cộng và riêng tư, mà điều này là quan trọng trong việc xem xét về nền tảng thực nghiệm của vật lý học. Sự phân biệt này, tới phiên mình lại một phần phụ thuộc vào sinh lý học, còn một phần kia thì phụ thuộc vào sự tồn tại của sóng điện từ và lượng tử ánh sáng, mà chính chúng đã làm cho có thể có được

hai dạng của ngôn ngữ, là tiếng nói và chữ viết. Như vậy ngôn ngữ phụ thuộc vào vật lý, và không thể tồn tại được nếu không có các dây chuyền về các nguyên nhân mà gần như không có thể tách rời ra được, mà chúng... làm cho sự hiểu biết về vật lý có thể có được, và bởi vì tính cách công cộng của những đối tượng cảm giác chỉ là xấp xỉ, nên ngôn ngữ áp dụng cho chúng được xem vẫn mang tính xã hội, và phải có một số thiếu sót nào đó của sự chính xác. Tôi cần phải nói rằng tôi không xác nhận sự tồn tại của ngôn ngữ đòi hỏi một hiểu biết về vật lý học. Điều tôi muốn nói chỉ là ngôn ngữ không thể có được nếu thế giới vật lý thực tế không có một số các đặc tính, và lý thuyết về ngôn ngữ ở một số điểm lại phụ thuộc vào sự hiểu biết đối với thế giới vật lý. Ngôn ngữ là một phương tiện nhằm để biểu lộ ra bên ngoài và công bố hóa những kinh nghiệm của chính chúng ta. Một con chó không thể thuật lại tiểu sử của nó; tuy vậy nó có thể sua rất hăng hái, nhưng nó lại không thể nói với bạn là cha mẹ nó rất thật thà, mặc dù nghèo. Nhưng một người đàn ông thì có thể làm được điều này, và anh ta thực hiện nó bằng cách liên kết các "ý tưởng" lại với nhau, cùng với các cảm giác công cộng.

Ngôn ngữ không chỉ nhằm để biểu thị tư tưởng, mà để làm cho tư tưởng có thể có được, thứ không thể tồn tại nếu không có nó. Cũng có đôi khi người ta cho rằng không thể nào có tư duy nếu không có ngôn ngữ, nhưng trên quan điểm này, thì tôi không đồng ý: tôi cho rằng có thể có tư tưởng, và ngay cả niềm tin đúng hay sai, mà không cần ngôn ngữ. Nhưng tuy là có thể có được như thế, lại không thể chối bỏ rằng mọi tư tưởng được trau luyện một cách kỹ càng, cần yêu cầu phải có các từ ngữ. Tôi có thể biết trong một ý nghĩa là tôi có năm ngón tay, mà không cần biết đến từ ngữ "năm", nhưng tôi không thể biết rằng dân số ở London là khoảng tám triệu người, trừ phi tôi đã có được ngôn ngữ về toán học; cũng như không phải tôi có được tư tưởng nào đó là hoàn toàn gần như phù hợp đối với điều gì đó đã được thừa nhận trong câu: "Tỉ số của đường tròn so với đường kính là xấp xỉ 3,14159". Ngôn ngữ, một khi tiến hóa, có được một loại tính cách tự trị: chúng ta có thể biết, nhất là trong toán học, rằng một câu thừa nhận một điều gì đó là thật, mặc dù điều mà nó thừa nhận là rất phức rạp để có thể hiểu được, ngay cả đối với các đầu óc thông minh nhất. Chúng ta hãy một chút thời giờ để xem có gì xảy ra về mặt tâm lý trong các trường hợp như thế.

Trong toán học, chúng ta thường bắt đầu từ những mệnh đề đơn giản mà chính chúng ta tin tưởng là có thể hiểu được, và qua đó, bằng các quy tắc của sự suy đoán mà chính chúng ta lại cũng tin tưởng hiểu được, để xây dựng thêm lên những xác định cứ càng phức tạp hơn về mặt hiểu thị, mà chính chúng ta nếu ngay từ lần đầu tiên mà đã công nhận chúng là thật, thì cũng sẽ phải công nhận chúng là thật, dù chúng có mang ý nghĩa thế nào. Giống như một quy tắc, chẳng cần thiết phải biết điều gì của chúng là "có ý nghĩa" cả, nếu "ý nghĩa" của chúng được cho là một tư tưởng có thể xảy ra ở trong đầu óc của một tài năng siêu nhân toán học. Nhưng có một loại khác của "ý nghĩa" đó cho ra những cơ hội cho quan điểm thực dụng và quan điểm công cụ. Phù hợp theo các quan điểm này, và được chấp nhận đối với quan điểm này của "ý nghĩa", là điều gì đo mà một mệnh đề toán học phức tạp thực hiện được, là cho ra được một quy tắc đối với phương thức thực hành trong trong một vài loại trường hợp nào đó. Hãy lấy ví dụ, chẳng hạn sự xác định trên đây về tỉ số của đường vòng tròn với đường kính. Giả sử bạn là một người làm rượu bia, và nếu bạn muốn những đường gân dai thùng, với một đường kính cho sẵn, cho các thùng phuy bia của bạn mà nhờ đó bạn có thể tìm ra phải có bao nhiêu

nguyên liệu mà bạn cần. Nguyên tắc này có thể gồm có một mệnh đề mới cho một số thập phân, và do thế mà cũng không cần phải nắm bắt về cả ý nghĩa của nó như một toàn thể. Sự tự trị của ngôn ngữ sẽ giúp bạn xuyên suốt được tiến trình dài dằng này của việc giải thích, ngoại trừ ở những thời điểm quan trọng.

Có hai sự sử dụng khác của ngôn ngữ cũng rất quan trọng; và nó cho phép chúng ta hành xử được các can dự của chúng ta đối với thế giới bên ngoài bằng phương tiện là các ký hiệu gồm có: (1) một cấp độ nào đó của sự thường xuyên ở trong thời gian, (2) một cấp độ lớn nào đó của sự rời rạc ở trong không gian. Mỗi một trong các giá trị này vẫn được ghi chú bằng chữ viết hơn là bằng lời nói, nhưng không thể nào lại hoàn toàn không có mặt trong ngôn ngữ nói. Giả sử như bạn có một người bạn thân gọi là ông Jones. Nếu như là một đối tượng sự vật vật lý, những ranh giới của ông ấy là cái gì đó mơ hồ, bởi vì ông ta cứ tiếp tục mất đi và vừa có lại các điện tử, và bởi vì một điện tử lại cũng chính là một sự phân phối năng lượng, cho nên nó cũng không ngừng lập tức có mặt ở một quang cách nào đó từ trung tâm của nó. Cái bề mặt của ông Jones, tuy nhiên cũng có một tính cách không thể nào sờ thấy được một cách đặc thù nào đó, nếu như bạn không thích gắn kết với chính người bạn có vẻ được nhìn thấy chắc thực đó của bạn. Chẳng cần phải đi vào những điểm tinh tế này của vật lý học lý thuyết, để nhằm chỉ ra được rằng ông Jones thật khó mà xác nhận được. Khi ông ta vẫn cắt những cái móng chân của ông ta theo một thời gian xác định, cho dù chỉ đó chỉ là một thời gian ngắn, mà trong đó cũng không nghi ngờ gì là cái đã bị cắt đi đó có còn là của ông ta hay là không. Và trong khi ông ta ăn một cái đùi cừu, thì tới lúc nào đó nó lại đã trở thành là thành phần của ông ta? Khi ông thở ra khí CO_2, thì có phải khí cácbon này hãy vẫn còn là một thành phần của ông ta, cho đến khi nó thoát ra khỏi cái lỗ mũi của ông ta? Ngay cả nếu chúng ta trả lời bằng sự xác định, thì cũng vẫn phải có một thời gian cụ thể, mà chính trong đó vẫn có một vấn đề, là đã có hay không có một vài phần tử nào đó thoát ra bên ngoài lỗ mũi của ông ta. Trong một cách này hay các cách khác, thì hoàn toàn hồ nghi được rằng có cái gì đó là thành phần của ông Jones, và có cái gì là không phải. Đó cũng chính là bao nhiêu điều vô cùng mơ hồ.

Cũng cùng một vấn đề như thế đối với thời gian. Đối với câu hỏi "Bạn đang nhìn cái gì đó?", bạn có thể trả lời là "ông Jones", mặc dù cùng một lúc đó, bạn đang nhìn ông ta ngay vào chính khuôn mặt, hay lại có lúc khác thì nhìn nghiêng ông ta, và lúc khác nữa lại là từ sau lưng, và mặc dù cùng trong một lúc, ông ta vẫn có thể đang chạy đua, hay lúc khác lại đang thiu ngủ ở trong chiếc ghế bành. Lại có một câu hỏi khác như "Bạn đang suy nghĩ gì?", thì đối với câu hỏi này, bạn cũng có thể trả lời là "ông Jones", mặc dù cái gì hiện thời ở trong đầu óc bạn, có thể là rất khác nhau ở trong nhiều trường hợp khác nhau: đó có thể là ông Jones lúc còn đang là một đứa trẻ, hay lúc ông Jones đang cáu bởi vì bữa ăn điểm tâm bị dọn trễ, hay là lúc ông Jones đang nhận được những tin tức báo cho biết ông ta được phong hiệp sĩ. Điều gì mà bạn đang trải nghiệm cũng lại rất khác nhau ở trong các trường hợp khác nhau này, nhưng đối với nhiều mục đích thực tiễn, thì lại là thuận tiện để nhìn chúng giống như tất cả đều có một đối tượng chung, mà chúng ta vẫn giả định chúng đều như là chính ý nghĩa của cái tên gọi là "ông Jones". Cái tên gọi này, đặc biệt là khi được in ra, và cho dù nó không hoàn toàn thoát khỏi được tính chất vô cùng của sự chuyển biến nơi mọi đối tượng vật lý học, thì cả hai cũng đều không kém gì ông Jones có cả. Hai trường hợp của từ ngữ được in ra là "ông Jones" vẫn có nhiều sự giống nhau

với (chẳng hạn) cảnh tượng của ông Jones đang chạy, và trí nhớ về ông jones đang khi còn là em bé. Và mỗi một trường hợp, nếu được ghi dấu, vẫn thay đổi rất nhiều theo một cách chậm chạp hơn là ông Jones làm: đó không phải là ăn, hay thở, hay cắt móng chân của ông ta. Nhưng cái tên mà phù hợp theo đó, làm cho nó thành ra dễ dàng nhiều hơn là nó có trong trường hợp khác, để nghĩ về ông Jones như một thực thể đơn độc và hầu như thường xuyên, mà cho dù là không thật, thì nó cũng vẫn phù hợp với đời sống hàng ngày.

Ngôn ngữ, khi nó xuất hiện ra ở trong các thảo luận như trên về ông Jones, thì dù cho hữu ích, và dù ngay cả là một dụng cụ cần thiết đi nữa, thì vẫn là một điều nguy hiểm, bởi vì nó bắt đầu bằng việc gợi lên một sự xác định, sự riêng lẻ, và gần như là thường xuyên trong số các đối tượng mà vật lý học dường như vẫn chỉ ra được rằng chúng vốn không có. Tuy vậy, nhà triết học lại đối mặt với công việc khó khăn, là dùng ngôn ngữ để phân rã các niềm tin sai lầm mà nó gợi ra. Một vài nhà triết học khác thì họ lại né xa các vấn đề, những sự vật không chắc chắn, và các sự phức tạp bao gồm trong trong một công việc như thế đó, để lại thích suy xét ngôn ngữ như là sự tự trị, và cố quên đi là nó rõ ràng vẫn một mối quan hệ với sự kiện, và cũng nhằm làm dễ dàng hơn cùng các quan hệ với môi trường. Cho tới một mức độ mà một sự xử lý như thế lại có được những sự lợi ích lớn lao: luận lý học và toán học không thể phát triển được như đã từng có, nếu những nhà luận lý học và những nhà toán học vẫn liên tục nhớ rằng những ký hiệu có thể mang lại một ý nghĩa nào đó. "Nghệ thuật vì nghệ thuật" là một câu châm ngôn vốn có một phạm vi chính thức trong luận lý học, cũng như trong hội họa (cho dù không có trường hợp nào đã chỉ ra được về một sự thật hoàn toàn). Có thể nói được là việc ca hát đã bắt đầu như một sự kiện tự nhiên trong khi người ta gần nhau, và nó có mục đích sinh học là kích thích dục tính về giao cấu; nhưng sự kiện này (nếu đó là một sự kiện) sẽ không giúp gì cho một nhà sáng tác tạo ra được một bản nhạc hay. Ngôn ngữ cũng được dùng tới khi bạn muốn gọi một bữa ăn trong khách sạn, nhưng sự kiện này, cũng tương tự như vậy, vẫn không có sự quan trọng cho toán học thuần túy.

Nhà triết học tuy thế vẫn phải theo đuổi chân lý, ngay cả khi phải hi sinh cái đẹp, và trong việc nghiên cứu ngôn ngữ, ông ta không được để mình bị quyến dụ bởi những bài ca, hay sự hay ho của toán học, ngay cả trong lúc khởi đầu của nó, mà phải là người đi bộ và người thực hành, chỉ dùng những sự thô thiển, gần đúng, và có sẵn, mà trước hết lại không có vẻ đẹp nào, nhưng chỉ là một mức độ rất hạn chế nào đó của chân lý.

9

Tự nhiên *

JOHN STUART MILL

(1806 – 1873)

Theo phương pháp của Plato, mà hiện giờ nó vẫn còn là một phương cách tốt nhất cho những việc khảo sát như thế, thì sự việc đầu tiên cần phải có đối với nội dung của một từ ngữ mang tính mơ hồ như thế kia, là phải xác định một cách chính xác từ đó nghĩa là gì. Đó cũng là một quy tắc thuộc cùng một phương pháp, khi cho rằng ý nghĩa của sự trừu tượng có thể được tìm thấy tốt nhất ở trong cái cụ thể - và ý nghĩa của một cái phổ quát có thể được tìm thấy tốt nhất ở trong cái đặc thù. Áp dụng phương thức này vào trường hợp Tự nhiên, thì câu hỏi được đặt ra đầu tiên, là cái gì "tự nhiên" trong một đối tượng đặc thù? Như lửa, nước, hay cá thể một loại cây hay con vật nào đó? Hiển nhiên đó là cái toàn bộ hay cái tổng gộp của các lực, hay các tính chất của nó: các cách thức mà nó tác động lên các sự vật khác (có thể kể ra trong đó là các giác quan của người quan sát) và những cách thức mà những sự vật khác tác động lên nó; mà điều đó ở trong trường hợp của một sự vật có tri giác thì cần phải được thêm vào những khả năng riêng biệt về cảm thụ và về ý thức. Tự nhiên của sự vật có nghĩa là tất cả điều này; có nghĩa là toàn bộ năng lực biểu lộ hiện tượng của nó. Và bởi vì các hiện tượng mà một sự vật bày to ra, dù có thể rất thay đổi trong nhiều trường hợp khác nhau, song vẫn chỉ luôn luôn là một ở trong cùng những trường hợp như vậy, chúng chấp nhận để được miêu tả ra trong những sự tổng quát của các từ ngữ, nên vẫn được gọi là những quy luật về bản chất của sự vật. Giống như vậy, quy luật của bản chất của nước, dưới áp lực bình thường của không khí ở mực nước biển, thì sôi lên ở 212 độ Fahrenheit (100°C).

Bởi vì bản chất của một sự vật bất kỳ là sự tổng gộp của các năng lực và các đặc điểm của nó, nên Tự nhiên trong sự trừu tượng là sự tổng gộp của các sức mạnh và những đặc điểm của mọi sự vật. Tự nhiên có nghĩa là tổng thể của mọi hiện tượng, kết hợp cùng với các nguyên nhân

* Phần lớn của bài viết đầu tiên trong *Ba Bài khảo sát về Tôn giáo* (1874).

đã tạo ra chúng; bao gồm không chỉ mọi sự gì đó đang xảy ra, mà là tất cả mọi cái gì đó có thể sẽ xảy ra; những khả năng không được sử dụng đến của các nguyên nhân cũng có nhiều, như một phần của ý tưởng về Tự nhiên, vì các sự vật đó vẫn có được tác dụng. Bởi vì mọi hiện tượng nếu được xem xét đủ, thì được nhận thấy xảy ra một cách đều đặn, với mỗi cái đi theo cùng những điều kiện xác định, cả tích cực và tiêu cực, trong những trường hợp vẫn xảy ra một cách không thay đổi; loài người cũng đã có thể xác nhận được hoặc bằng quan sát trực tiếp hay bằng các tiến trình suy luận đặt nền tảng trên nó, về các điều kiện trong các trường hợp xảy ra của nhiều hiện tượng; và sự tiến bộ của khoa học chính yếu là bao gồm trong sự xác nhận những điều kiện đó. Khi đã được khám phá, chúng có thể được biểu hiện ra trong những mệnh đề tổng quát, chúng được gọi là các quy luật của các hiện tượng đặc thù, và nếu còn tổng quát hơn, cùng được gọi các Quy luật của Tự nhiên. Như thế, chân lý mà mọi đối tượng vật chất hướng vào nhau, cùng với lực trực tiếp như là các khối lượng của chúng, và ngược lại như là bình phương của quảng cách của chúng, là một quy luật của tự nhiên. Mệnh đề nói rằng không khí và thức ăn là cần thiết cho đời sống sinh vật, nếu nó được coi như là điều hữu lý để tin tưởng được, thì đúng và không có ngoại lệ, và cũng là quy luật của tự nhiên, cho dù hiện tượng về chúng là quy luật thì đặc biệt, và giống như lực hấp dẫn, nó không mang tính phổ quát.

Tự nhiên, trong ý nghĩa đơn giản nhất của nó, là một tên gọi tập hợp cho mọi sự kiện, hiện có và có thể có: hay là (nói một cách chính xác hơn) một tên gọi cho một cách thức, mà một phần đã được chúng ta biết và một phần ta không biết, mà trong đó mọi sự vật xảy ra. Vì từ ngữ đó gợi ra cho ta không phải với quá nhiều các chi tiết phức tạp của hiện tượng như chính khái niệm mà có lẽ nó đã được tạo thành bởi cách thức hiện hữu của nó, như là một toàn thể tinh thần, bởi do một tinh thần đã có được một sự hiểu biết toàn diện về chúng: đối với nó, ý niệm chính là một mục tiêu của khoa học để nhằm tự phát triển chính mình nhờ bởi những bước liên tục của sự tổng quát hóa được rút ra từ kinh nghiệm.

Như thế đó là một định nghĩa đúng về tự nhiên. Nhưng định nghĩa này chỉ phù hợp với một trong các ý nghĩa của từ ngữ hàm hồ đó. Nó hiển nhiên áp dụng được cho một vài cách thức mà trong đó từ ngữ đã được dùng một cách quen thuộc. Chẳng hạn, nó hoàn toàn đối ngược với một cách nói thông dụng chung mà trong đó thiên nhiên là đối kháng với nghệ thuật, và thiên nhiên là ngược lại với nhân tạo. Bởi vì trong ý nghĩa của từ Tự nhiên như đã vừa được định nghĩa, thì nó là ý nghĩa khoa học đúng đắn, hay nghệ thuật, thì cũng chẳng khác gì mấy với Tự nhiên hay các sự vật khác; và mọi sự vật dù là nhân tạo hay là tự nhiên - Bởi nghệ thuật vẫn không có những năng lực độc lập của chính nó: nghệ thuật chẳng có gì khác hơn là sử dụng các sức lực của tự nhiên cho một mục đích. Những hiện tượng do con người tạo ra, thì cũng chẳng có gì khác hơn là những sự vật có liên quan với chúng ta nhưng lại là tự phát, phụ thuộc vào những đặc tính của những lực sơ đẳng, hay của những bản chất sơ đẳng và các sự kết hợp của chúng. Các lực lượng thống nhất của toàn thể loài người vẫn không thể tạo ra một đặc tính mới của vật chất nói chung, hay của bất cứ một trong các loại dạng nào của nó. Chúng ta chỉ có thể lợi dụng cho các mục tiêu đối với các đặc điểm mà chúng ta tìm thấy được. Một tàu thủy nổi cũng bởi cùng những quy luật của sức hấp dẫn đặc biệt và sự cân bằng, giống như một cái cây bị gió làm cho trốc gốc và thổi bay xuống nước. Bắp mà người ta trồng làm thực phẩm, vốn mọc lên và cho ra hạt của nó cũng bởi cùng những luật thực vật giống như cây hồng đại và những cây dâu đại

trên núi nở hoa và cho trái. Một ngôi nhà đứng đó và hòa hợp, giữ được sự ổn định bởi những tính chất tự nhiên của nó, như sức nặng và những sự cố kết của những vật liệu mà nó bao gồm: giống như một máy hơi nước hoạt động nhờ bởi lực bành trướng tự nhiên của hơi nước, gây nên một áp lực trên một phần của hệ thống được sắp xếp, chúng tạo áp lực hởi các đặc điểm máy móc của trục, được chuyển vận từ đó cho phần khác, mà ở đó có thể nâng được sức nặng lên hay là loại bỏ các trở lực được đưa vào trong sự gắn kết cùng với nó. Trong những vận động này, và những vận động nhân tạo khác, thì cơ chế của con người, như đã từng nhiều lần được lưu ý, là một thực tế rất hạn chế; nó chỉ gồm có việc vận chuyển những sự vật nào đó vào trong một vài nơi. Chúng ta di chuyển các đối tượng, và bằng cách làm này, đem một vài sự vật đến tiếp cận nhau mà vốn nó là rời rạc, hay làm rời rạc nhau những cái khác mà chúng vốn đã tiếp cận: và bằng cách làm thay đổi nơi chốn kiểu đơn giản này, mà những lực của tự nhiên trước đó vốn nằm ngủ lại được gọi vào trong hành động, và làm phát sinh những hiệu lực mong muốn. Ngay cả khi sự mong muốn được biểu lộ ra, trí thông minh nổi bật lên, và lực cơ bắp thực hiện những động tác, thì chúng cũng chính là những lực lượng của tự nhiên.

Do thế mà có lẽ ít nhất chúng ta cũng phải nhận thức hai ý nghĩa của từ Tự nhiên. Theo một nghĩa, đó là mọi sức mạnh hiện hữu ở trong thế giới bên trong hay bên ngoài, và tất cả mọi sự việc xảy ra cũng đều thuộc về các sức mạnh đó. Theo nghĩa khác, thì đó không phải là mọi điều gì xảy ra, nhưng chỉ là cái gì đó thực tế xảy ra mà không có cơ quan nào điều khiển cả, hay cũng không phải do cơ quan nào có ý chí và có ý đồ của con người. Sự phân biệt này cũng khác xa với việc loại bỏ đi những sự nhập nhằng của từ ngữ; nhưng đó lại là chìa khóa của mọi điều gì đó mà có những hệ quả quan trọng lại phải phụ thuộc vào.

Như vậy, đó chính là hai ý nghĩa chính yếu của từ Tự nhiên, mà trong đó cả hai ý nghĩa hoặc ở trong mỗi cái, cả chính từ ngữ này cùng các khái niệm xuất phát của nó, phải chăng đều vẫn được dùng để mang lại những ý tưởng về sự chỉ huy, sự tán thành, và kể cả nghĩa vụ đạo đức?

Nó vẫn thường mang lại các ý tưởng như thế ở trong mọi thời đại. *Naturam sequi* [theo đúng với tự nhiên] là nguyên lý nền tảng của đạo đức thuộc nhiều trường phái triết học đáng lưu ý. Trong các trường phái cổ xưa, đặc biệt là ở trong thời kỳ suy thoái của tư tưởng và trí tuệ xa xưa kia trước, nó cũng đã từng là một thử nghiệm để nhằm mang lại mọi lý thuyết về đạo đức đã có được. Phái Khắc kỷ và phái Epicure, tuy thế lại cũng không thể hòa hợp được với nhau chính trong phần dị biệt còn lại của các hệ thống của họ, nên cũng đã đồng ý về việc tự hạn chế đối với yêu cầu chứng minh cho những câu châm ngôn vốn vẫn được kính trọng của họ về các hành vi, do chính thiên nhiên đã dạy cho họ thấy. Dưới ảnh hưởng của họ, những quan tòa của La Mã, khi cố gắng hệ thống hóa pháp chế, đã đặt ra làm hàng đầu trong việc trình bày của họ về một *Jus Naturale* [luật tự nhiên] nào đó, "quod natura", cũng giống như Justinian từng tuyên bố ở trong các Viện, "omnia animalia docuit" ["điều mà thiên nhiên đã dạy cho mọi con vật"]: kể cả những tác giả có mang tính hệ thống hiện đại, và không chỉ ở trên nền tảng các luật lệ, nhưng là trên cơ sở triết học đạo đức nói chung, đã lấy tên của những nhà pháp luật La Mã đặt cho các mô thức của họ, đối với những khảo sát trên cơ sở của cái được gọi là Luật tự nhiên, đã được đề xuất ra; và cũng đã tham chiếu vào quy luật này, như một nguyên lý tối thượng, và cũng là tiêu chuẩn tối hậu đã lan rộng ra khắp trong văn học. Những tác giả về luật quốc tế cũng đã tỏ ra vượt trội hơn

nhiều tác giả khác, khi họ đề cao phong cách này của sự suy tư về đạo đức; cũng như kể cả nếu không có những luật lệ tích cực để viết về điều đó, thì như thế vẫn cứ lo lắng để đầu tư cho những ý kiến được ủng hộ nhất, để tôn trọng đạo đức quốc tế được càng nhiều càng tốt, nhằm để có thể được đối với họ về quyền hạn của luật, khiến họ phải nỗ lực tìm kiếm ra một quyền lực như thế ở trong quy luật tưởng tượng của tự nhiên. Thần học Thiên Chúa giáo trong suốt thời kỳ phát triển lớn lao của nó, đã đối kháng lại một vài khía cạnh, mặc dù không phải là toàn diện, đã làm cản ngại đối với những cách thức tư tưởng nhằm đề cao Tự nhiên vào chính trong những tiêu chuẩn của luân lý đạo đức, và cũng giống như thế, vì phù hợp được theo với các quy điều của hầu hết những Trường phái trong Thiên Chúa giáo (dù chắc chắn đó không phải là của đấng Kitô) cho con người có bản chất là yếu đuối. Nhưng điều này lại mang tính chất là quá thiên về học thuyết, bởi vậy sự phản ứng lại mà do nó đã gợi lên, đã làm cho những nhà đạo đức học vô thần hầu như không đồng ý trong khi nó tuyên bố tính chất thần linh của tự nhiên, và cũng dựng lên những mệnh lệnh tưởng tượng của nó coi như là các nguyên tắc có mang quyền lực của hành động... Cho dù hiện nay có lẽ cũng không có người nào có thể được xem như vẫn thích thú về những tác giả mang vẫn tính chất thiết chế của thời của các kỳ trước, chấp nhận điều gì được gọi là luật Tự nhiên như là nền tảng của đạo đức, và nỗ lực bền bỉ để lý luận từ đó, từ chính từ ngữ đó và sự nhận thức của nó, như thể vẫn còn được xem là có mang sức nặng lớn lao trong lý luận về đạo đức trong những điều đó. Tức bất kỳ cách thức suy tưởng, cảm tình, hay hành vi nào mà "phù hợp theo tự nhiên", là vẫn thường được chấp nhận như một lý lẽ mạnh mẽ nhằm cho sự tốt đẹp của nó. Nên nếu có thể được phép nói rằng "thiên nhiên áp đặt" bất kỳ cái gì, thì tính chất phải vâng theo mệnh lệnh của nó là do bởi hầu hết những người nào được xem là đã xuất phát ra từ đó: và ngược lại, nếu khi bị xâm hại là bởi vì đã làm trái lại với tự nhiên, thì vẫn luôn suy nghĩ phải cần ngăn chặn cái cửa chống lại bất cứ ý đồ nào về phần sự vật mang tính chất như vậy, nhằm để được khoan dung hay thứ tha; và từ ngữ không theo tự nhiên cũng không chỉ dừng lại như một thuộc từ mang tính mắng nhiếc trong ngôn ngữ. Những người nào có liên quan tới những biểu hiện này, có thể tránh làm cho chính họ phải chịu trách nhiệm về bất cứ lý thuyết nền tảng nào tôn trọng tiêu chuẩn của nghĩa vụ đạo đức, nhưng họ cũng không phải ít bị bao hàm trong một lý thuyết như thế, một lý thuyết vẫn cùng trong một bản chất với chính bản chất mà trên đó có những nhà tư tưởng có mang tính cách luận lý hơn của một thời đại chuyên cần hơn, đã đặt nền móng của những khảo sát có tính chất hệ thống của họ trên chính quy luật tự nhiên.

Phải chăng cũng cần thiết để thừa nhận trong những dạng ngôn ngữ này một ý nghĩa phân biệt khác của từ ngữ tự nhiên? Hay chúng có thể được tiếp cận bằng bất cứ một sự nối kết thuần lý nào cùng với một trong hai hai ý nghĩa đã được khảo sát đến? Trước hết có vẻ như chúng ta không được có sự chọn lựa nào, nhưng phải chấp nhận một sự mơ hồ nào đó khác trong chính từ ngữ đó. Mọi sự truy cứu hoặc là phải vào trong một điều gì đó, hay là vào trong một điều gì có thể được phép: khoa học và lịch sử thuộc về sự phân loại thứ nhất, còn nghệ thuật, đạo đức và chính trị thì thuộc về phạm trù thứ hai. Bởi vì cả hai ý nghĩa của từ ngữ tự nhiên trước hết sẽ chỉ ra có sự đồng ý tham chiếu chỉ vào một điều gì đó như vốn có. Trong ý nghĩa thứ nhất, tự nhiên là danh từ tập hợp cho mọi cái gì vốn có đó. Trong ý nghĩa thứ hai, đó là tên gọi cho mọi sự vật hiện hữu tự thân,

tức không có ý chí của con người can dự vào. Nhưng việc dùng từ tự nhiên như là một thuật ngữ của đạo đức học thì dường như lại hé lộ ra một ý nghĩa thứ ba, mà trong đó tự nhiên không đại diện cho cái gì đang có, nhưng là cho cái gì phải có; hay là cho nguyên tắc hay tiêu chuẩn của cái gì phải có. Tuy nhiên, với một sự chú ý xem xét kỹ hơn, sẽ chỉ ra cho thấy đây không là một trường hợp hàm hồ; ở đây không hề có ý nghĩa thứ ba của từ ngữ đó. Những người nào đề cao thiên nhiên như một tiêu chuẩn của hành động thì không có ý định đưa ra một mệnh đề thuần ngôn từ; họ không có ý nói nên *gọi* tiêu chuẩn, mà cho dù có là cái gì đi nữa, là Thiên nhiên; họ nghĩ là họ đang cung cấp cho một thông tin nào đó, như cho cái gì đó phải là tiêu chuẩn của hành động thật sự có. Những ai cho rằng chúng ta cần nên hành động phù hợp theo Tự nhiên, thì không có ý nói rằng chúng ta nên làm những gì chúng ta nên làm. Họ chỉ nghĩ rằng từ Tự nhiên vẫn mang lại một tiêu chuẩn bề ngoài nào đó của điều gì mà chúng ta nên làm; và nếu họ đặt ra một nguyên tắc cho cái nên có, một từ mà trong ý nghĩa thích đáng của nó chỉ cái đang có, và họ làm thế là bởi vì họ có một ý niệm, hoặc là sáng tỏ hay là mù mờ, rằng cái đang có tạo ra nguyên lý và tiêu chuẩn của cái nên có.

Sự xem xét về ý niệm này chính là đối tượng của bài viết ở đây. Nó nhằm khảo sát về mặt chân lý của những học thuyết cho rằng tự nhiên là sự trắc nghiệm về điều gì đó đúng hay sai, tốt hay xấu, hay là trong một cách thức nào đó, hay trong một cấp độ nào đó cùng gắn với chính giá trị hay sự đồng thuận của việc đi theo theo, bắt chước, hay vâng phục tự nhiên. Đối với sự tìm hiểu này, thì cuộc thảo luận hiện thời vẫn tôn trọng ý nghĩa của các từ ngữ, là một sự dẫn nhập cần thiết. Ngôn ngữ như nó vốn vẫn có, là bối cảnh của sự xem xét triết học, nên nó phải được làm cho trong sáng, ngay trước cái gì đó có thể được nhìn thấy thông qua nó, trong một hình ảnh và vị trí đúng. Trong trường hợp hiện thời, điều cần thiết là phải bảo vệ chống lại một sự hàm hồ xa hơn, vì mặc dù có rõ ràng là hiển nhiên, thì đôi khi lại vẫn làm cho mơ hồ, ngay cả đối với những đầu óc sắc bén, và do đó mà cần phải phân biệt được phân biệt rõ rệt khi tiến hành đi xa hơn. Không có một từ ngữ nào có sự liên kết thông thường nhất với từ tự nhiên hơn là từ luật; và từ ngữ sau này rõ ràng có mang hai ý nghĩa, trong đó một nghĩa nói lên một phạm vi xác định nào đó của cái gì đang có, còn cái kia thì phạm vi của cái gì có thể sẽ xảy ra. Chúng ta nói về luật hấp dẫn, về ba loại luật vận động, về luật của những thành phần xác định trong tổng hợp hợp hóa học, về luật sống của những tồn tại hữu cơ. Tất cả những điều này đều là thành phần của mọi cái gì đang tồn tại. Chúng ta cũng nói về luật hình sự, luật dân sự, về luật danh dự, về luật tính chân thật, về luật bình đẳng; tất cả mọi cái đó đều là thành phần của cái gì có thể sẽ xảy ra; hay cũng của những giả thuyết, tình cảm, mệnh lệnh của một người nào đó về một cái gì đó sẽ có thể có được. Loại thứ nhất của các luật, như luật vận động, và luật hấp dẫn, đều chẳng hơn kém gì đối với những sự đồng dạng đã quan sát được trong khi xảy ra các hiện tượng: những sự đồng dạng mang tính bộ phận của tiên đề và hậu quả, như một phần của sự cùng liên kết xảy ra. Những luật này là cái gì đó mà trong khoa học, hay ngay cả trong cách nói thông thường hàng ngày, đều có mang ý nghĩa là những luật tự nhiên. Còn những luật trong các ý nghĩa khác, như những luật lệ của đất nước, hay luật của quốc gia, hay các luật đạo đức; trong số đó, như đã được nói tới, còn được kéo theo vào bởi các nhà luật học, và các nhà công bố luật, về một điều gì đó mà họ suy nghĩ cho là phù hợp để được gọi là các quy luật của tự nhiên. Về

sự quan hệ của các luật này, có hai ý nghĩa của từ ngữ được kết hợp ở đây, và sẽ không có ví dụ nào tốt hơn Chương thứ nhất của Montesquieu; ở đó ông ta đã lưu ý thế giới vật chất có các luật của nó, những loài vật hạ đẳng cũng có các luật của nó, còn con người thì có các luật của mình; và cũng đã lưu ý chặt chẽ nhiều hơn đối với nó hơn là cái sau trong hai quy luật đầu tiên đã được quan sát; bởi vì nếu đó là điều gì không thiết cốt, thì sẽ có một nghịch lý là các sự vật thì vẫn luôn luôn vốn là ở bản thân chúng, nhưng con người lại luôn luôn là cái gì mà họ có thể sẽ có. Một sự mù mờ tương tự về những ý tưởng đó đã được truyền bá trong các bài viết của George Combe, kể từ khi đó nó cũng đã được phát tán vào trong một vùng rộng lớn của văn chương phổ cập, và chúng ta hiện giờ cũng đang tiếp tục đọc những mệnh lệnh phải tuân theo đối với những quy luật vật lý học của vũ trụ, cũng giống như bị bắt buộc trong cùng một ý nghĩa và cách thức như trong đạo đức. Khái niệm về sự vận dụng đạo đức của từ tự nhiên bao gồm trong mối quan hệ gần gũi, nếu không nói là tuyệt đối đồng nhất giữa điều gì đó đang có và điều gì đó sẽ có thể xảy ra, chắc chắn là xuất phát từ một phần trong việc bám chắc của nó vào tinh thần, từ thói quen của sự chỉ định về điều gì đó bởi sự biểu hiện "luật tự nhiên", trong khi vẫn cùng một từ Luật cũng được dùng, và ngay cả lại còn quen thuộc và phổ trương hơn, nhằm diễn đạt về một điều gì đó có thể sẽ phải xảy ra.

Nhưng khi nó đã được xác định, hay có bao hàm tự nhiên, hay quy luật của tự nhiên là cần phải được phù hợp theo, thì phải chăng tự nhiên đó phải có nghĩa là tự nhiên trong ý nghĩa thứ nhất của thuật ngữ này, tức là mọi điều gì đó đang có - là những sức mạnh và đặc tính của mọi sự vật? Nhưng trong ý nghĩa này, cũng không cần thiết yêu cầu các hành vi đó phải phù hợp với tự nhiên, bởi vì đó chính là điều mà không một ai có thể giúp để làm được, và cũng do vậy mà anh ta chỉ có thể hành động hoặc tốt hay xấu. Bởi không có một cách thức hành động nào mà lại không phù hợp với tự nhiên theo ý nghĩa này của từ ngữ đó, và mọi cách thức hành vi như thế đều luôn chính xác và cùng cấp độ. Mọi hành động đều là sự thực hiện sức mạnh tự nhiên nào đó, và hiệu lực của mọi loại của nó vẫn luôn có nhiều cũng như các hiện tượng tự nhiên, và được tạo ra bởi những sức mạnh và các đặc điểm của một số những đối tượng của thiên nhiên, trong chính sự tuân thủ chính xác đối với một số các quy luật tự nhiên. Khi tôi cố ý sử dụng những cơ quan của thân thể tôi để thu lấy thức ăn, thì hành vi và các hậu quả của nó đều luôn xảy ra phù hợp với các quy luật của tự nhiên; nhưng nếu thay vì thức ăn, tôi lại nuốt thuốc độc, thì trường hợp này cũng lại hoàn toàn đúng như thế. Nên yêu cầu cho rằng mọi người cần phải phù hợp theo với các quy luật tự nhiên, khi mà họ không hề có sức mạnh giống như điều gì mà luật của tự nhiên mang cho họ - thì đó chỉ là một sự bất khả dĩ thuộc vật lý học, chỉ cho họ làm được một sự việc khác nhỏ nhất, hơn là thông qua được một số quy luật nào đó của tự nhiên, đó là một sự vô lý. Sự việc gì mà họ cần nên được nói tới, chỉ là luật đặc thù nào đó của tự nhiên được sử dụng trong một trường hợp riêng. Khi chẳng hạn có một người phải đi ngang qua một con sông bằng một cây cầu hẹp nhưng chẳng có lan can, anh ta phải rất thận trọng giữ sự thăng bằng bởi luật cân bằng ngay trong sự vận động thân thể của mình, thay vì chỉ phù hợp theo đúng luật hấp dẫn và rơi xuống sông.

Như thế qua là vô dụng khi cổ vũ cho những người làm điều gì đó mà họ không thể tránh làm, và cũng thật vô lý nếu bó buộc như thế là một nguyên tắc về một hành vi đúng đối với điều gì đó mà người ta có thể đồng ý một cách chính xác là đúng cũng như là sai; tuy thế một nguyên tắc thuần lý của hành vi có lẽ phải được

kiến lập ở bên ngoài mối quan hệ mà nó có thể phải tuân thủ đối với các quy luật của tự nhiên trong ngoại diên rộng rãi nhất này của từ ngữ. Con người nhất thiết phải tuân thủ các quy luật của tự nhiên, hay nói cách khác là tuân theo các đặc điểm của sự vật, nhưng anh ta không cần thiết tự để mình hướng dẫn bởi chúng. Vì mặc dù tất cả các hành vi đều phải phù hợp theo với các quy luật của tự nhiên, nhưng mọi hành vi vẫn không cần phải xây dựng chính trên nền tảng của các sự hiểu biết về chúng, nhưng chỉ cần điều khiển chúng một cách thông minh để đạt tới được những mục đích bằng cách chỉ dùng chúng làm như phương tiện. Nên cho dù chúng ta không thể tự giải phóng được chúng ta ra khỏi những quy luật của tự nhiên giống như là một tổng thể, chúng ta vẫn có thể thoát ra được bất cứ một quy luật đặc thù nào của tự nhiên, nếu chúng ta có thể tự rút lui ra khỏi những hoàn cảnh ở trong nó nó có gây ra tác dụng. Và cho dù chúng ta không thể làm được điều gì cả mà không thông qua những quy luật tự nhiên, song chúng ta vẫn có thể sử dụng một quy luật nào đó khác để vô hiệu hóa một quy luật cụ thể, phù hợp theo với câu châm ngôn của Bacon, là chúng ta có thể tuân phục tự nhiên đúng theo một phương cách nào đó mà như thể đang điều khiển nó. Mọi sự thay đổi của hoàn cảnh đều là thay đổi ít nhiều các quy luật của tự nhiên, mà qua đó chúng ta hành vi; và bằng mọi sự chọn lựa mà chúng ta tác động vào nó, hoặc như là các phương tiện hay mục đích, chúng ta tự đặt chúng ta vào một phạm vi rộng hay hẹp ở dưới một nhóm các quy luật của tự nhiên thay vì một nhóm khác. Tuy thế, nếu tiền đề tuân theo tự nhiên trong kiểu vô ích được thay đổi thành một tiên đề nghiên cứu tự nhiên, để biết và làm theo những tính chất của những sự vật mà chúng ta phải giải quyết, ở trong các chừng mực nào đó mà các đặc tính này là có thể thúc đẩy hay cản ngại bất kỳ một mục đích có sẵn nào đó, thì chúng ta sẽ đi tới được nguyên tắc đầu tiên của tất cả mọi hành động thông minh, hay ít ra cũng ở chính việc xác định về hành động thông minh tự nó. Và một ý niệm còn mơ hồ của nguyên tắc đúng đắn này mà tôi không nghi ngờ gì là nó vẫn cứ có trong đầu óc của nhiều những người nào đó đã đưa ra một lý thuyết vô nghĩa và giống với điều ấy một cách nông cạn. Họ nhận thấy có sự khác nhau thiết yếu giữa hành vi khôn ngoan và hành vi điên khùng trong tham dự hay không tham dự vào các quy luật đặc thù của thiên nhiên, mà trên đó có một số các kết quả quan trọng phụ thuộc vào. Và họ nghĩ là một người tham dự vào các quy luật của tự nhiên để nhằm định dạng về các hành vi của mình bằng đó, có thể nói được là đã tuân phục nó; trong khi đó một người trong thực tế cóc cần gì tới nó, và hành vi như thế chẳng có các quy luật nào giống như thế hiện hữu cả, thì có thể nói rằng đã không tuân theo nó: ở trường hợp đang xem xét này, thì điều đó được gọi là sự tuân phục theo một luật của tự nhiên cũng là sự tuân phục một quy luật nào đó khác, hay có lẽ cũng lại chính là quy luật đó. Chẳng hạn, một người đang đi vào trong một cửa hàng bán thuốc nổ, mà hoặc là chẳng biết, hoặc là bất cẩn quên nghĩ tới lực nổ của thuốc súng, thì có thể làm một hành vi nào đó khiến anh ta bị nổ tung thành từng mảnh trong sự tuân thủ theo chính cái luật mà anh ta không hề chú ý gì tới.

Tuy vậy, cho dù có nhiều uy thế riêng của nó, song lý thuyết *"Naturam sequi"* vẫn có thể bị đánh đồng chính nó cùng với tiên đề thuần lý *"Naturam observare* ["quan sát" thiên nhiên], mà những người ưa thích và cổ vũ cho nó vẫn nhất quyết có ý đồ đối với nó còn nhiều hơn là đối với tiên đề kia. Khi đã có được các sự hiểu biết về những đặc tính của các sự vật, và sử dụng chúng để định hướng, thì quy tắc chính là của sự thận trọng kỹ lưỡng áp dụng các phương tiện để nhằm

đạt tới được mục tiêu sau cùng; bởi vì nhằm tạo hiệu lực cho các mong muốn và các ý đồ của chúng ta về bất cứ cái gì đó như chúng vốn có. Nhưng câu châm ngôn tuân phải theo tự nhiên, hay cần phù hợp theo tự nhiên, không phải đã được đưa ra nhằm như là một mục đích thận trọng đơn thuần, mà chính là một câu cách ngôn đạo lý; và bởi những người nào nói về *jus naturae*, ngay cả như đó là một quy luật, cũng cần phải được điều tiết bởi các tòa án, và phải bị bó buộc bởi các chế tài. Hành động đúng phải có nghĩa đó là một cái gì hơn hẳn và khác hơn chỉ là hành vi thông minh: vậy nên không có châm ngôn nào đi quá được điều sau cùng này, để có thể liên kết được với từ ngữ tự nhiên trong tính cách rộng rãi hơn và cũng mang tính chất triết học nhiều hơn là chính các nội dung của nó. Tuy thế, chúng ta cũng phải nên thử xem nó ở trong một ý nghĩa khác, như là tự nhiên thì có sự phân biệt đối với nghệ thuật, và cũng lưu ý là không phải toàn bộ tiến trình của hiện tượng đó diễn ra dưới sự quan sát, nhưng chỉ là dưới sự diễn tiến ngẫu nhiên tự phát của nó.

Vậy nên chúng ta hãy thử xem xét, có thể nào chúng ta gắn kết được một ý nghĩa nào đó vào với câu châm ngôn thực hành vẫn giả định về việc tuân thủ theo tự nhiên, trong chính ý nghĩa thứ hai này của từ ngữ, mà trong đó tự nhiên được ám chỉ như điều gì đang xảy ra mà không có sự can dự tới của con người. Trong tự nhiên được hiểu như thế, là sự diễn tiến tự phát của các sự vật khi cứ để tự chính chúng, và nguyên lý tuân theo trong nỗ lực là để làm phù hợp những sự vật đó theo sự sử dụng của chúng ta? Nhưng hiển nhiên ngay lập tức câu châm ngôn được hiểu trong nghĩa này không phải chỉ như nó ở trong một nghĩa khác hời hợt và vô nghĩa, nhưng rõ ràng cũng là phi lý và tự mâu thuẫn. Bởi vì trong khi hành vi của con người không thể giúp để làm phù hợp với tự nhiên theo như một nghĩa của từ ngữ này, thì mục tiêu và đối tượng đích thị của hành động chính là làm cho thay đổi và cải tạo thiên nhiên trong một ý nghĩa khác. Nếu tiến trình tự nhiên của các sự vật là hoàn toàn đúng đắn và được thỏa mãn, thì hành vi nói chung vẫn là một điều vui thích và không tốn kém, mà cho dù như thế nếu không làm được cho các sự vật tốt thêm hơn, thì cũng phải không làm cho nó bị tệ hơn. Hay nếu hành động là hoàn toàn có thể được điều chỉnh, thì trong sự vâng phục một cách trực tiếp theo với các bản năng, nó vẫn có thể chỉ vì các điều này, mà có lẽ cũng cho thấy được đó như là một phần đã được tính toán của trật tự tự phát của tự nhiên; nhưng làm một điều gì đó mà với ý đồ và mục tiêu, cũng có thể là sự xâm phạm vào trật tự hoàn hảo đó. Nếu tính nhân tạo là không tốt hơn tính tự nhiên, thì nhằm vì mục đích gì đối với các loại hình nghệ thuật của cuộc đời? Sự đào bới, cày bừa, xây dựng, mặc quần áo, đều là những sự xâm phạm trực tiếp đối với các mệnh lệnh tuân theo tự nhiên.

Cũng dựa theo điều đó, mà mọi người, kể cả những người mà hầu như lúc nào cũng đều bị ảnh hưởng của những yếu tố tình cảm, đều bảo rằng nó nhanh chóng tạo nên các mệnh lệnh, và áp dụng điều đó vào các trường hợp như thế, cũng như vào những trường hợp vừa được nói tới, thì vẫn có thể đẩy được đi rất xa. Mọi người vẫn thừa nhận sự đồng ý và sự thán phục mang lại nhiều thắng lợi lớn lao hơn của nghệ thuật đối với tự nhiên: giống như sự nối kết bằng những cây cầu giữa hai bên bờ mà tự nhiên đã làm cho xa cách chúng; sự làm cho khô nước nơi các đầm lầy trong tự nhiên; sự đào ra những cái giếng từ đó; sự mang ra ánh sáng những vật gì mà nó đã vùi lấp với hàng bao nhiêu đó sâu ở trong lòng đất; sự chống lại sấm chớp bằng các cột thu lôi; sự đắp các bờ đê để ngăn ngập lụt, hay ngăn sự xâm hại của các đại dương bằng những bờ kè. Nhưng để chế ngự những

điều này và các sự việc khác nữa tương tự, cần phải có kiến thức về những gì mà con đường của tự nhiên cần phải được chế ngự, nhưng không là phải được vâng theo: vì những sức mạnh của nó vẫn thường hướng con người vào các vị trí thù nghịch, để từ đó con người phải vật lộn, bằng sức mạnh và sự khôn khéo, để từng bước có thể vận dụng được, nhằm để đạt tới được những tiện ích, rồi khi từng bước lại càng được cải thiện hơn, để có thể hi vọng là từ sự yếu đuối nơi mặt thể lý của mình có thể đương đầu được với những sức mạnh khổng lồ như thế kia. Tất cả sự hãnh diện của nền văn minh, hay của nghệ thuật, hay của sự chinh phục, cũng đều là sự lùi bước của thiên nhiên như thế; một sự chấp nhận điều gì đó tuy không hoàn chỉnh, nhưng đó là thực tế là và giá trị của con người, để luôn luôn nỗ lực tiến lên nhằm khắc phục hay cải thiện.

Ý thức việc bất cứ điều gì mà con người cần phải cải thiện về điều kiện của nó, đó cũng chính là sự kiểm soát và ngăn cản trật tự tự phát của tự nhiên, và trong mọi thời đại cũng đã tạo nên những chủ đích mới mẻ mà chưa có tiền lệ để cải thiện, dù nói chung trước hết vẫn phải ở trong bóng tối của sự nghi ngại mặt tôn giáo; vì như thể ở trong những điều kiện không được khuyến dụ, và cũng rất có thể lại bị tấn kích bởi những tồn tại đầy sức mạnh (hay là khi những tư duy phiếm thần phải nhường chỗ cho tư duy độc thần, cho một sự tồn tại tối cao đầy quyền năng và sức mạnh) mà giả định đang cai quản những hiện tượng vô cùng của vũ trụ, và từ ý chí của tồn tại đó mà diễn trình của tự nhiên phải được nhận thức như nhằm để biểu thị ra. Bất cứ nỗ lực nào nhằm việc chế ngự các hiện tượng của thiên nhiên cho sự tiện nghi của con người đều có thể dễ dàng hiện ra trong mối tương hỗ với sự cai quản của các tồn tại cao hơn đó: và mặc dù đời sống vẫn không thể cứ được giữ mãi ở nguyên trạng, không thể chỉ có sự bằng lòng ít ỏi như vậy, mà không cần có sự tương tác thường xuyên của các loại dạng, mà mỗi một cái mới tất nhiên phải được thực hiện với sự sợ hãi và run rẩy, cho tới khi kinh nghiệm chỉ ra cho thấy chiều hướng có thể bạo dạn mà vẫn không bị triệt hạ bởi sự trả thù của các thần thánh. Sự khôn ngoan của các giáo sĩ đã chỉ ra cho họ con đường để nhằm hóa giải mà không bị trừng phạt về những vi phạm đặc thù đối với sự gìn giữ một tinh thần chung trong việc tuân theo sự cai quản của điều thiêng liêng. Việc này được tác động bằng cách trình bày về mỗi một khám phá chính yếu của con người giống như là quà tặng và là ân huệ của thần linh nào đó, và đã có được những biểu hiện cho phép đối với một điều gì đó, mà nói cách khác, là đã thể hiện giống như một sự xé rào đối với ưu quyền của họ. Khi những sấm truyền đã ngừng lại rồi, thì bất cứ tôn giáo nào đã nhận thấy được một sự khải thị, cũng đều đã mang đến các nội dung cho cùng một mục tiêu. Thiên Chúa giáo đã có nguồn cội từ một Giáo hội đã không thể bị đánh bại, vẫn được phép tuyên bố là điều gì đã được thực hiện do sự ngẫu phát của con người thì đều đã được cho phép hay bị cấm đoán; và trong sự mặc nhiên này, mà trường hợp đó vẫn được luôn mở ra cho các sự lý giải từ Kinh Thánh, là một việc thực hành đặc thù nào đó vốn đã được chế tài một cách công nhiên hay mặc nhiên trong cách như thế nào đó rồi. Ý niệm bảo lưu về sự tự do kiểm soát thiên nhiên này, đã được áp dụng được cho con người chỉ bằng một sự dung dưỡng đặc biệt, và cũng yêu cầu cần phải có sự cần thiết của nó; cũng như luôn luôn có một khuynh hướng, cho dù có thể là đang bị giảm đi, vẫn xem bất cứ một ý đồ nào nhằm hành sử quyền lực trên tự nhiên mà quá một cấp độ nào đó, và một loạt tác động nào đó được chấp nhận, giống như một nỗ lực quá mức nhằm để lạm dụng quyền lực linh thiêng, và đã dám làm nhiều hơn mức được cho phép đối với

con người. Những dòng của Horace, mà trong đó những nghệ thuật quen thuộc của việc đóng tàu và việc hàng hải đã bị khước bỏ như là một vetitum nefas [một tội lỗi bị cấm], đã chỉ ra cho thấy, ngay cả ở trong một thời đại hoài nghi, về một cơ sở không thể nào vượt qua được mà vẫn hãy còn đó của tình cảm cũ. Sự căng thẳng của các tình cảm tương ứng ở trong thời đại trung cổ vẫn không phải chỉ có một sự song hành xác đáng, như là sự mê tín có quan hệ đối với những tinh thần xấu, mà đối với nó cũng là khá phức tạp: nhưng ngay cả sự bó buộc phải truy hướng vào trong những bí mật của đấng Toàn năng, đã từ lâu vẫn còn là một vũ khí mạnh mẽ để nhằm tấn công chống lại những sự tìm kiếm không bình thường vào lãnh vực thiên nhiên; và gánh nặng của sự nỗ lực mạnh mẽ để nhằm đánh bại những bó buộc về đấng Tối cao, vẫn còn đủ sức lực nguyên thủy của nó để phải được ném vào như một yếu tố nhằm tạo ra sức nặng cho dù có kéo theo những chỉ trích khác, trong khi có một mong ước tìm cách tranh biện lại với bất cứ một hành xử mới nào đó của ý tưởng tiên phong và sự dấn thân của con người. Thật vậy, không có một ai lại xác nhận điều đó như là ý đồ của đấng Tạo hóa, cho rằng một trật tự ngẫu phát của sự sáng tạo không nên để bị biến đổi theo một cách mới nào đó khác. Nhưng vẫn còn có một ý niệm mơ hồ cho rằng dù nó rất thích đáng đối với việc kiểm soát này, hay là những hiện tượng tự nhiên khác, thì chương trình nói chung của tự nhiên là một mẫu thức cho chúng ta bắt chước theo: tức với ít hay nhiều sự tự do ở trong chi tiết, nhưng ở trong tổng thể chúng ta cần phải được hướng dẫn bởi chính tinh thần và ý niệm chung của những đường lối của tự nhiên: hay chúng là những công việc của Thượng Đế, và như thế là toàn hảo; và con người cũng không thể đi ngược lại những giá trị cực tốt mà không thể tiếp cận được của chúng, và có thể chỉ bày tỏ ra cách tốt nhất sự khéo léo và hiếu dạo của mình bằng việc cố gắng, cho dù là trong một cách không toàn hảo nào đó, để nhằm tạo ra sự tương ứng của chúng; và nếu cái tổng thể, mà cho dù vẫn có những thành phần riêng nào đó của trật tự ngẫu phát của tự nhiên, phải được tuyển trạch phù hợp theo những chọn lựa ưu tiên của người nói, mà trong ý nghĩa đặc thù của nó, vẫn là những biểu hiện của ý chí của đấng Sáng tạo; như một loại ngón tay chỉ đường để chỉ ra phương hướng nói chung của các sự vật, và do đó có cả những hành vi có ý chí của chúng ta, cốt nhằm để thực hiện. Những tình cảm thuộc loại này, cho dù có bị ức chế trong những điều kiện thông thường bởi chính dòng chảy ngược lại của đời sống, thì vẫn sẵn sàng vỡ ra bất cứ khi nào thói tục cố giữ sự im lặng, và sự thúc đẩy bẩm sinh của tinh thần vẫn không thể bị một cái gì đó làm can ngại chúng được, nếu đó không phải là lý trí: và những sự suy xét lại được tiếp tục thực hiện bởi các nhà mỹ từ pháp, với hiệu lực là nếu không thuyết phục được những kẻ chống đối, thì ít nhất cũng làm cho những người nào sẵn sàng bám vào ý kiến do nhà mỹ từ pháp muốn khuyến dụ, cũng được thỏa mãn tốt hơn thêm. Bởi vì trong giai đoạn hiện tại, có thể rất ít khi xảy ra việc có một người nào bị thuyết phục để phải chấp nhận về một tiến trình hành động nào đó, bởi vì đối với anh ta dường như điều đó biểu hiện một sự tương tự đối với việc cai quản của đấng Thiêng liêng đối với thế giới, cho dù lý luận có thuyết phục được anh ta với một sức mạnh lớn, và được anh ta cảm nhận như thể là một sự hỗ trợ lớn, nhân danh một điều gì đó mà anh ta đang có khuynh hướng chấp nhận.

Nếu ý niệm về sự bắt chước những con đường này của đấng Tạo hóa như đã được biểu hiện ra trong tự nhiên, vẫn ít khi được thể hiện một cách đơn giản và rõ rệt giống như một châm ngôn được áp dụng chung, thì nó cũng ít khi bị phản

đối một cách trực tiếp. Những người nào đã tìm ra được trên đó con đường đi của họ, thì vẫn thích chỉ dẹp bỏ các trở lực hơn là tấn công vào nó, và thường thì chính họ cũng không thể thoát ly được các tình cảm, và ca trong bất cứ tình cảnh nào, cũng sợ phải bị chuốc lấy gánh nặng của sự vô đạo chỉ bằng cách nói ra một điều gì đó có thể bị cho là hủy báng những công việc quyền lực của đấng Sáng tạo. Tuy thế, đối với phần lớn thì thà họ phải chứng tỏ họ cũng có nhiều quyền năng giống như các sự lý luận trong tôn giáo cho những người chống đối họ, và nếu diễn trình mà họ chủ trương đó dường như có phần nào đó ngược lại với sự nhất trí thì nó vẫn cứ là tốt hơn điều gì đó tuy được bằng lòng nhưng lại thuộc về một khía cạnh khác. Trong cách tiếp cận với những ảo tưởng sai lầm lớn lao về tính chất tiên nghiệm thế này, sự tiến bộ của việc cải thiện sẽ loại bỏ đi những sai lầm đặc thù trong khi đó những nguyên nhân của sai lầm vẫn còn ở đó, và cũng chỉ có yếu đi rất ít bởi mỗi một sự đối kháng: nên chỉ bằng một loạt dài của những chiến thắng cục bộ như thế mà những tiền đề mới lại được tích lũy thêm, mà một sự gợi lại vẫn có thể được thực hiện nhằm chống lại những điều tiên quyết mạnh mẽ này, và nó cũng sẽ mang lại một niềm hi vọng càng ngày càng lớn, cho rằng những tình cảm không đúng chỗ, cho dù sau khi đã thường học, cũng sẽ phải nhượng bộ, mà có lẽ cùng vào một ngày nào đó, nó sẽ bị bó buộc phải đầu hàng vô điều kiện. Tuy vậy, bởi vì chiều hướng đó có vẻ như luôn bị tấn công bởi nhiều người theo tôn giáo, nên họ lại càng phải nhận trực tiếp ra sự kiện không thể phủ nhận được là trật tự tự nhiên, cho dù không thể thay đổi quá mức bởi con người, thì cũng không thể vì do lẽ đó mà những đặc điểm của nó phải là đúng đắn và phù hợp, để sẽ có thể làm được, với ý định là những tạo vật có lý trí của nó sẽ có thể tuân theo nó như một điển hình. Nếu nó được thực hiện một cách toàn diện như thế bởi một đấng Hữu thể, mà không phải là từng phần bởi những tạo vật có rất nhiều đặc tính khác nhau, thì đó chỉ có thể là một công việc không hoàn chỉnh đã được chỉ thị, mà chính con người trong những điều kiện hạn chế của mình, phải nhằm thực hiện đúng đắn và thuận lợi việc cải thiện nó. Nên những con người tốt nhất luôn luôn coi đó chính là yếu tính của tôn giáo, rằng bổn phận toàn bích của con người trên trái đất là phải cải thiện chính mình: nhưng tất cả điều đó chỉ ngoại trừ các mối ưu lo của giới tăng sĩ là nhằm liên kết cùng với điều này ở trong tận cùng sâu thẳm nơi tinh thần của họ (cho dù đôi khi họ cũng muốn nói lên khía cạnh bổn phận với cùng sự sáng tỏ đó) bổn phận tôn giáo phải bổ sung về việc cải thiện thế giới, không chỉ đó là phần của con người về nó, về mặt vật chất mà thôi, mà còn thuộc về mặt trật tự vật chất tự nhiên.

Khi xem xét chủ đề này, cần thiết chính chúng ta phải quan tâm nhiều đến một vài sự tiên kiến có thể được gọi rất đúng là những định kiến mang tính tự nhiên như đó là cơ sở của tình cảm, mà trong tự chính chúng có tính cách tự nhiên và không thể tránh được, được ngầm đưa vào trong những vấn đề họ có thể lại không quan tâm. Một trong những tình cảm này chính là sự ngạc nhiên, mà có khi cũng khiến trở thành sợ hãi, và được gợi ra (ngay cả có độc lập với mọi tình cảm về tôn giáo) bởi bất kỳ một trong những hiện tượng tự nhiên kỳ vĩ nào đó. Như một cơn giông tố, một sự lở núi, sa mạc, hay là đại dương, hoặc là đang cuồng nộ hay là đang yên tĩnh; hoặc hệ thống mặt trời và những sức mạnh lớn lao của vũ trụ cùng nó kết lại với nhau; hay bầu trời vô hạn, và cho một đầu óc có học, thì cũng có thể là một ngôi sao đơn lẻ nào đó; chúng kích động những tình cảm, làm cho mọi người phải ngạc nhiên, và những sức mạnh xuất hiện khiến mọi việc thành

quá vô nghĩa, đến nỗi đối với một đầu óc bận rộn như thế, nó dường như sự giả định như không thể chịu đựng được trong chính một tạo vật nhỏ nhoi như vậy, như khi con người xem xét một cách nghiêm túc về các sự vật rất xa xôi như thế ở trên đầu mình, hay có dám tự ước lượng về chính mình nếu chống lại được sự lớn lao của vũ trụ. Nhưng chỉ một thắc mắc nhỏ của chính ý thức của chúng ta cũng sẽ đủ sức để thuyết phục chính chúng ta, là điều gì đó tạo nên những hiện tượng này và gây nên được các ấn tượng như thế, đó chính đơn thuần là sự rộng lớn của nó. Sự mở rộng ra bất tận của không gian và thời gian, hay là năng lực khổng lồ do nó tiêu biểu, cấu tạo nên sự ngoạn mục của nó; đó là một cảm giác mà trong mọi trường hợp vẫn gần với sự sợ hãi hơn bất kỳ một cảm thức đạo đức nào khác. Và dù cho quy mô rộng lớn của những hiện tượng này có thể mang lại sự thán phục thật sự, cũng như cho thấy không thể nào có một ý tưởng tự so sánh hay đối đầu nào cả, thì tình cảm mà nó gợi lên vẫn là hoàn toàn khác hẳn trong tính chất từ sự thán phục cực điểm. Những người nào mà ở họ sự sợ hãi tạo nên một sự thán phục, thì có thể được phát triển theo hướng thẩm mỹ học, nhưng họ lại không được vun bồi về mặt đạo đức học. Nó là một trong những sự hiến tặng của chính phần tưởng tượng của bản chất tinh thần của chúng ta, mà những ý niệm về sự rộng lớn và sức mạnh vẫn được nhận thức một cách sinh động, để tạo nên một tình cảm mà cho dù ở cấp độ cao hơn nó lại rất gần với sự đau đớn, khiến cho chúng ta vẫn rất thích thú nhiều hơn là đối với điều gì đó được coi như những khoái lạc. Nhưng chúng ta hoàn toàn có khả năng trải nghiệm cảm xúc này đối với sức mạnh; và chúng ta chưa bao giờ trải nghiệm cảm xúc đó một cách quá mãnh liệt hướng đến hầu hết các quyền năng toàn vũ trụ, vì khi hiện tại chúng ta đang có hầu hết một ý nghĩa sống động của khả năng chúng, trong việc gây ra nguy hiểm đối với ý thức của chúng ta. Bởi vì những năng lực tự nhiên này vẫn có một điều gì đó mà chúng ta không thể bắt chước được, tức một sức mạnh vô cùng, và làm cho chúng ta hết sức kinh sợ về đặc tính đó của nó, nên thật sự là một sai lầm lớn lao khi quy vào đó những đặc tính khác của chúng, cũng giống như khi chúng ta có thể tranh đua được, hay chúng ta có thể được điều chỉnh được nhằm sử dụng được các sức mạnh nhỏ nhoi của mình để bắt chước theo chính điển hình mà thiên nhiên đã đặt để chúng ta ở ngay trong các sức mạnh lớn lao của nó.

Bởi vì, sự kiện đó có ý nghĩa thế nào? Điều đó gần với sự vĩ đại của những lực của vũ trụ, mà tính cách đó hầu như bó buộc đối với mọi người thấy đều phải nhìn thấy rõ việc không thể không cảnh giác phải xem xét nó, nếu không đó sẽ là tính thiếu thận trọng tuyệt đối và hoàn toàn của họ. Họ không thể đi thẳng tới mục đích của họ mà không cần nhìn đến điều gì đó hay là người nào mà họ sẽ dấn phải trên con đường. Những kẻ lạc quan, mà trong ý đồ nhằm chứng minh "bất kể đó là gì, đều đúng cả", thì cũng bị bắt buộc phải bảo lưu ý tưởng cho rằng không phải thiên nhiên bao giờ cũng sẽ quay lại cùng một bước trên con đường của mình, để nhằm tránh lùa chúng ta vào trong sự tàn phá, nhưng lại quá rất vô lý nếu trong khi đó chúng ta vẫn trông mong vào điều gì đó có thể sẽ có. Câu nói của đức Giáo hoàng "bạn sẽ phải như thế nào một khi lực hấp dẫn ngừng lại?" rất có thể là một sự cảnh giác đúng mức cho bất kỳ ai thật ngu ngốc đến như thế trong khi trông đợi tính cách đạo lý chung của con người từ nơi bản chất của nó. Nhưng nếu vấn đề là giữa hai người, thay vì là giữa một người và một hiện tượng tự nhiên, thì sự ngợi ca chiến thắng sẽ không còn được suy nghĩ như là một điều vụng dại lạ thường nữa. Một người có thể vẫn sống sót được trong cơn cát bay đá chạy, hay trong đạn lửa đại bác, trong khi

lại cho một người khác "đi tàu suốt", vì đã giết chết anh ta, sẽ có thể khẩn cầu cho một sự cầu xin tương tự, nhằm để được xá tội, mà có lẽ cũng là rất xứng đáng khi bị kết tội giết người.

Trong sự thật khiêm nhường, thì gần như mọi việc đều có người bị tử hình hay bị phạt tù vì làm hại sinh mạng của một người khác, cũng là sự thực hiện mỗi ngày của tự nhiên. Giết người, hành vi tội ác nhất được nhận thức bởi các luật lệ của con người, thì tự nhiên chỉ làm có một lần cho mọi sinh vật đang sống; và trong một số lớn các trường hợp, thì sau khi phải chịu những sự tra tấn chẳng hạn như bởi chính những quỷ sứ khủng khiếp nhất, mà chúng ta từng đã đọc được cũng chưa bao giờ bị áp đặt một cách phi mục đích trên những người cùng sống của họ. Nếu bằng một sự dè đặt hay tùy tiện mà chúng ta từ chối nhận định một điều gì đó là sát nhân, nhưng lại rút ngắn một thời gian nào đó vẫn giả định là được cho phép trong đời người, thì tự nhiên cũng làm điều này cho tất cả, nhưng theo một tỷ lệ phần trăm nhỏ hơn của đời sống, và làm nó ở trong mọi cách thức là mãnh liệt hay ghê gớm, mà trong đó những con người tệ lậu nhất đã tước đi đời sống của những người khác. Tự nhiên tàn hại con người, bức phá họ ra giống như thể ở trên một bánh xe, xé nát họ ra như thể bị xâu xé bởi những đã thú, thiêu đốt họ đến chết, nghiền nát họ với đá, giống như những người Thiên Chúa giáo phải tử vì đạo đầu tiên, giết chết họ bằng cái đói, làm chết cóng họ bằng cái lạnh giá, làm ngộ độc họ bằng nọc độc mà nhanh hay chậm vẫn sẽ đưa tới cái chết, và có hàng trăm của những cái chết kinh khiếp khác hãy còn đợi đó, như là sự hung dữ ác độc của một rắn dữ hay loại dã thú mà sẽ không bao giờ qua nổi. Mọi cái này, tự nhiên vẫn làm với một sự bất cần, đầy giảo quyệt, hoàn toàn vô cảm, và cũng chẳng biết đúng hay sai, chỉ làm hết sức mình trên sự bất chấp tất cả; trên cả những người nào dấn thân vào những công việc cao nhất và giá trị nhất, và cũng thường cũng là những hậu quả trực tiếp cho các hành vi cao đẹp nhất; và có lẽ như hầu hết đều được tưởng tượng như là một hình phạt cho họ.. Ngay cả tình yêu về một trật tự vẫn được nghĩ như là một sự noi theo những con đường của tự nhiên, thì trong thức tế vẫn là một sự mâu thuẫn với chúng. Mọi điều gì đó mà người ta hay có thói quen lên án như là sự "vô trật tự" và những hậu quả của nó, thì chính xác lại là một đối kháng lại với những cách thức của tự nhiên. Sự vô chính phủ và vương quốc của sự sợ hãi vẫn có sự cạnh tranh trong sự bất công, hư nát và cái chết, bằng một cơn bão tố hay một cơn dịch bệnh.

Nhưng như đã nói, mọi sự vật này chính là vì những mục đích khôn ngoan và tốt đẹp. Đối với điều này, trước hết tôi muốn lưu ý là dù chúng có như thế hay không, thì cũng vẫn cùng đi chung với nhau một cách gắn bó. Giả sử rằng điều đó là đúng và ngược lại với các sự biểu hiện ra bên ngoài, thì những điều khủng khiếp này một khi đã được đưa vào bởi tự nhiên, cũng là nhằm để làm phấn chấn những mục tiêu tốt, cho dù cũng chẳng có ai đó tin được rằng những mục tiêu tốt như thế lại vẫn được cổ vũ cho chúng ta theo điển hình của một tiến trình tự nhiên, nhưng không thể là một kiểu thức thích hợp để cho chúng ta bắt chước theo. Hoặc cũng đúng rằng chúng ta sẽ chết bởi vì do tự nhiên giết; tra tấn bởi vì do tự nhiên tra tấn; tàn phá và hủy hoại bởi vì do thiên nhiên làm giống như thế; hay chúng ta cũng không được phép nhìn vào tất cả những điều gì đó mà thiên nhiên làm, nhưng là điều gì đó là tốt để làm. Nếu có một sự việc như thế như *là một reductio ad absurdum* (sự giảm sút và sự phi lý), thì điều này chắc chắn cũng sẽ dẫn tới ai đó. Nếu có một lý do khác để làm một điều gì đó, thì tự nhiên sao phải làm nó, mà lại không phải là một điều

khác? Nếu không phải là mọi sự vật, thì tại sao lại không một có sự vật nào? Sự cai quản về mặt vật chất của thế giới luôn đầy những sự việc kể cả khi được làm bởi con người, và dường như là những sự tàn ác dã man lớn nhất, nên đó không thể là tôn giáo hay đức hạnh ở trong chúng ta đã hướng dẫn các hành động của chúng ta, bởi vì nó như tương tự với sự diễn biến của tự nhiên. Mệnh đề nầy vẫn cứ luôn đúng, cho dù tính chất huyền hoặc của nó trong làm ra một điều tốt là gì, vẫn có thể nằm trong những sự kiện đó của tự nhiên mà đối với sự nhận thức của chúng ta thì là hầu như chúng có hại, và đối với nó thì không có một người nào không xem khác hơn như một tội ác đã được tạo ra một cách không tự nhiên.

Nhưng, thực sự không ai lại nhất thiết tin tưởng quá nhiều vào tính chất huyền bí như thế. Những câu mô tả sự toàn hảo trong tiến trình của tự nhiên chỉ có thể được xem như những sự cường điệu trong các tình cảm thi ca hay sự đam mê, mà không phải nhằm xác nhận tính chất thật sự của một việc xem xét tỉ mỉ. Không một người nào cho dù là tôn giáo hay không có tôn giáo, lại tin những vào những sự kiện đầy nguy hiểm của thiên nhiên trong tính chất như một toàn thể, để cổ vũ cho những mục đích tốt, mà trong một cách nào đó khác hơn chỉ bằng cách kích thích những tạo vật có lý trí là con người, đứng lên nhằm chiến đấu chống lại chúng. Nếu chúng ta tin tưởng những sự kiện đó vốn được chỉ định bởi một đấng Tạo hóa đầy lòng tốt, giống như các phương tiện để hoàn tất những mục tiêu khôn ngoan mà chúng không thể nào thực hiện được nếu chúng không tồn tại, thế nên mọi sự việc do con người làm ra để nhằm gắn kết vào những sự kiện tự nhiên này, hay chỉ nhằm để hạn chế những tác động ghê gớm của chúng, thì từ việc làm khô đi một đầm lầy ô nhiễm, cho tới việc chữa răng, hay giương lên một cây dù, đều cần phải xem như là vô đạo; mà chắc chắn cũng không ai lại tính đến chúng, nếu không kể như một dòng ngầm của tình cảm đã được hướng tới theo hướng đó, mà vẫn có khi nhận thấy ra được. Ngược lại, những sự cải thiện mà từ đó những bộ phận văn minh của nhân loại hầu như luôn hành diện về chính mình, bao gồm trong đo có việc tách rời được một cách thành công khỏi những tai ương này của tự nhiên, nếu chúng ta vẫn sẵn sàng tin tưởng là hầu hết mọi người cũng thú nhận là tin tưởng, thì chúng ta cũng sẽ thân tình giống như những phương thuốc cung cấp cho chúng ta một tình trạng khỏe mạnh bởi sự khôn ngoan vô hạn. Cũng như thế đó, sẽ có nhiều thế hệ cũng sẽ vượt qua rất xa những tiền nhân của mình đối với vô số những tệ hại của tự nhiên vẫn thường diễn ra trong sự cảnh cáo, và trong điều kiện của chúng ta, nếu lý thuyết này là đúng, thì có thể do lần này mà nó đã trở thành một thể hiện đáng sợ của tai họa khủng khiếp nào đó, chống lại điều gì mà những sự nguy hại về mặt thể lý chúng ta đã học được, để nhằm chế ngự nó, đã được vận hành tiên quyết giống như một biện pháp dự phòng. Tuy nhiên, bất kỳ ai đã hành động như thế giả định điều này chính là trường hợp, thì chắc chắn đúng hơn tôi có thể suy nghĩ hẳn có lẽ người đó là bị điên, cần phải bị nhốt hơn là được tôn kính giống như là một vị thánh.

Rõ ràng một sự kiện có tính cách chung nhất, là điều tốt vẫn đến từ điều xấu, và khi điều đó xảy ra, thì thật quá dễ dè đồng ý nếu không tìm thấy ra được những người đã nôn nóng hưởng dụng trên nó. Nhưng trong việc thứ nhất, đó vẫn thường đúng là những tội ác của con người, cũng như là những tai họa của tự nhiên. Sự hỏa hoạn ở London, mà vẫn được tin tưởng như có một hiệu quả bổ ích cho sức khỏe của thành phố, vốn đã tạo ra được hiệu lực này, cho dù thực sự nó đã diễn ra như một việc "furor papisticus" (hết sức điên khùng) mà đã từ lâu được cũng đã được ghi khắc ở nhà tưởng niệm. Những người phải chết từ tay các bạo chúa, hay những

kẻ bị hành hình, đều đã làm nên những kẻ tuẫn tiết, vì đã đi vào những chính nghĩa cao quý, do bởi đã hiến thân cho nhân loại, mà chính họ sẽ không thể nào có được điều đó, nếu chỉ chết vì tai nạn hay do tật bệnh. Như thế thì điều gì vốn chỉ xảy ra một cách tự nhiên và bình thường, và không có kết quả mong muốn nào, thì vẫn có thể chỉ là kết quả do từ các tội ác, hay cho dù chúng không là các tội ác. Tại điều thứ hai, nếu cái tốt vẫn thường đến do từ cái xấu xa, thì sự kiện ngược lại, nếu cái xấu đến từ cái tốt, thì cũng là việc bình thường. Mọi sự cố cho dù chung hay riêng tư, mà nếu nó đã xảy ra cách đáng tiếc, thì vẫn được tuyên bố như là do trời định; nhưng nếu vào một thời gian sau, chỉ kể tới mọi hậu quả tốt mà không được thấy trước nào đó, để có thể được so sánh với một sự cố khác, mà dường như là tốt đẹp vào lúc đó, nhưng nó vẫn cho thấy tính cách tai họa hay nghiệt ngã, riêng đối với những ai mà họ có vẻ như đã được hưởng lợi. Những sự trái ngược như thế giữa cái khởi đầu và cái kết thúc, hay giữa sự cố và sự mong đợi, thì không chỉ như vẫn thường có, nhưng cũng thường rất đáng lưu ý, trong cả những trường hợp đau đớn cũng như trong trường hợp dễ chịu; nhưng lại không thường có cùng một khuynh hướng để tổng quát hóa về chúng; hay đối với mọi sự kiện, chúng vẫn không được nhìn nhận bởi những người hiện đại (cho dù chúng vẫn là như thế bởi những con người ngày xưa) xem như giống với một sự chỉ định nào đó của các mục đích thiêng liêng: con người tự thỏa mãn chính mình cùng với sự mệnh danh đạo đức, trên bản chất không toàn hảo của việc nhìn thấy trước của chúng ta, như sự không chắc chắn của các sự kiện, cùng sự khoa trương trong các mong đợi của con người. Sự kiện đơn giản chính là những lợi ích của con người luôn quá phức tạp, và những hiệu quả của bất cứ điều gì đã xảy ra, cho dù là phức tạp bao nhiêu, đến nỗi nếu nó quan hệ đến loài người nói chung, thì anh hưởng của nó tới họ trong phần lớn các trường hợp, là cả hai đều cùng tốt và xấu. Nếu một số lớn hơn các bất hạnh của cá nhân vẫn có được mặt tốt của chúng, thì lại chẳng thế nào có được sự may mắn tốt đẹp nào lại xảy ra đối với bất cứ ai bao giờ, mà không mang cho hoặc cùng chính người đó hay cho người khác một điều gì đó thật đáng tiếc: và cũng thật bất hạnh nếu có nhiều sự không may như thế lại tràn ngập lấy chính mặt thuận lợi của chúng, nếu như điều đó có mặt, cũng sẽ hoàn toàn bị che phủ và cũng làm cho nó trở thành vô nghĩa: trong khi cùng sự xác nhận tương ứng đó lại đôi khi có thể được thực hiện trong liên quan tới những người hạnh ngộ. Những tác dụng của mỗi một nguyên nhân cũng phụ thuộc rất nhiều như thế vào những trường hợp vẫn hay ngẫu nhiên đi theo nó, đến nỗi có nhiều trường hợp sẽ phải chắc chắn xảy ra, mà ở trong đó, ngay cả chính kết quả tổng quát vẫn là rõ ràng trái ngược lại với khuynh hướng chủ đạo: và như thế, thì chỉ điều xấu là có cái tốt của nó, và điều tốt là có khía cạnh xấu của nó, nhưng cái tốt thì thường sản sinh ra một sự quá đà của cái xấu, và cái xấu lại một sự quá đà của cái tốt. Điều này hoàn toàn không hề là khuynh hướng tổng quát chung cho mỗi một hiện tượng. Trái lại, cả hai điều tốt và xấu vẫn tự nhiên hướng tới lam gia tăng lên nhiều hơn mỗi cái chính trong loại dạng của nó, tốt tạo ra tốt và xấu tạo ra xấu. Đó là một trong những quy luật chung của tự nhiên, và một phần của các sự bất công vẫn thường thấy của nó, tức "đối với nó điều ấy nó tất sẽ phải xảy ra, nhưng nếu do đó mà nó là không phải như thế, thì cũng sẽ có ngay điều gì khác giống như nó tất phải có". Khuynh hướng thông thường và nổi bật của cái tốt là hướng tới cái tốt hơn. Sức khoẻ, năng lực, giàu có, hiểu biết, đức hạnh vẫn không chỉ tốt ở trong chính nó, mà còn làm cho dễ dàng và cổ súy cho sự đạt tới cái tốt,

về cả cùng loại lẫn khác loại nhau. Người nào học được dễ dàng cũng là người đã được biết nhiều: đó là chỗ mạnh; giống như người yếu thì khó có thể làm được mọi sự, mà chính là phải cần có sức khỏe; những người nào có thể dễ dàng kiếm được ra tiền, thì không thể nghèo mà là giàu có; nên trong khi sức khỏe, thể lực, tri thức, tài năng, đều là tất cả những phương tiện để tạo ra được sự giàu có, thì sự giàu có cũng thường là một trong các phương tiện cần thiết để có thể có được các điều này. Vậy thì, *econverso* (và ngược lại) cũng khó mà có điều gì đó để có thể nói là xấu chuyển thành tốt, mà chiều hướng chung của xấu vẫn là đi tới cái xấu hơn. Sự yếu đuối của cơ thể làm cho thân thể dễ sinh ra tật bệnh hơn; nó đưa lại sự bất lực trong công việc làm, một đôi lúc cũng là sự suy giảm tinh thần, và thường thì hay mất đi các phương tiện sinh sống. Mọi điều đau đớn nghiêm trọng, cho dù thân thể hay tinh thần, đều có khuynh hướng làm cho gia tăng sự cảm thấy đau đớn nhiều hơn kể từ đó trở về sau. Sự nghèo khó là tác nhân của hàng ngàn các thống khổ về vật chất và tinh thần. Điều gì mà càng tệ nhất, thì lại càng gây thiệt hại hay áp chế, trong khi thông thường những điều gì thấp kém hơn vẫn cứ là đặc điểm chung của tính cách đó. Một hành động xấu dẫn tới một hành động xấu khác, cả hai cùng là tác nhân trong chính nó, trong đó có các kẻ gây ra và những kẻ khác phải chịu. Mọi tính chất xấu vẫn được tăng cường bởi thói quen, mọi tật xấu và điều điên khùng vẫn thường có khuynh hướng mở rộng thêm hơn. Những yếu kém về tinh thần sẽ tạo ra sự yếu kém về đạo đức luân lý, và yếu kém về đạo đức cũng sẽ ra yếu kém tinh thần; mọi yếu kém tinh thần hay đạo đức lại sẽ tạo ra thêm những cái khác, cứ như thế mà không hề bao giờ ngớt.

Bởi thế có nhiều lớp các tác giả, các nhà văn, những nhà thần học tự nhiên đã từng được tán thưởng, mà tôi dám nói là họ có thể đã hoàn toàn mất hết định hướng của mình và mất cả con đường lý lẽ duy nhất để có thể làm cho họ có được những sự suy tưởng có khả năng để chấp nhận được, đối với bất cứ người nào có thể nhận thấy được là khi nào có hai mệnh đề đang mâu thuẫn nhau. Họ đã cố tát cạn hết những nguồn suối nguỵ biện để mong làm tỏ rõ sự kiện về mọi điều gì cần phải chịu đựng trong thế giới tồn tại, để nhằm ngăn ngừa cái tệ hại lớn hơn - giống như sự khó nhọc phải buộc tồn tại, bởi vì do lo sợ sẽ có thể bị nghèo khổ: một đề tài mà nếu cứ duy trì tốt như thế, cũng chỉ có thể có lợi ích nhằm cắt nghĩa và biện minh cho những công việc của những sự tồn tại vốn bị hạn chế, nếu so sánh với các công việc vốn ở trong những điều kiện độc lập đối với chính các ý chí của họ; nhưng có thể lại sẽ không có sự áp dụng nào về điều đó đối với một đấng Sáng tạo được cho là có mặt khắp nơi, người mà nếu được đếm xỉa tới, với một sự cần thiết phải được giả định nào đó, thì chính chủ thể đó vốn cũng phải tạo nên sự cả cần thiết đang cần phải được tính tới. Vì nếu người sáng tạo ra thế giới đã có thể làm được mọi điều gì mà mình muốn, thì tất cũng phải muốn đến cả sự nghèo khó, mà không thể còn có một lối thoát nào khác được. Có điều càng thiết yếu hơn, là đối với những ai mà chính họ được cho là có mang tính chất "chỉ ra được những con đường của Thượng Đế phải làm cho con người", đều đã cố gắng tránh sự chọn lựa bằng cách làm cho cứng rắn đi trái tim của mình để phủ nhận sự nghèo khổ là một điều bất hạnh. Lòng tốt của Thượng Đế, như họ bao, vẫn không bao gồm trong sự mong muốn hạnh phúc cho tất cả các tạo vật của mình, nhưng là mong các đức hạnh của họ; và vũ trụ, nếu không là một sự hạnh phúc, thì cũng cứ là một vũ trụ. Nhưng từ chối những sự chỉ trích đối với chương trình này của các nhà đạo đức, thì vẫn không phải chỉ là việc tháo bỏ đi các sự khó khăn. Vì nếu đấng Sáng tạo ra nhân loại đã muốn rằng tất cả chúng

ta phải đều có đức hạnh, thì sự chỉ định của ông ta như thế sẽ có vẻ như hoàn toàn khó hiểu, bởi vì nếu ông ta đã muốn rằng tất cả họ sẽ hạnh phúc: thì trật tự của tự nhiên phải được kiến tạo ra đúng với điều đó, ngay cả phải có ít sự quan tâm đối với các đòi hỏi của công lý, để còn chỉ là những đòi hỏi của lòng tốt. Nếu luật của mọi sự sáng tạo là công bằng, và đấng Sáng tạo vẫn có mặt ở khắp nơi mọi nơi, thế thì trong bất cứ nỗi thống khổ hay hạnh phúc nào mà người có thể tạo ra cho thế giới, hay cho mỗi một phần của mỗi con người đối với nó, đều phải được cân đối một cách đúng đắn cùng với các công việc làm tốt hay xấu của chính con người đó; và không một con người nào lại có thể bị một số những sự tệ hại hơn là những con người khác, và cũng sẽ không thể có những sa mạc tệ lậu nhất; cũng sẽ không có những tai nạn hay sự ân huệ nào; cũng sẽ không có một phần nào cả trong thế giới phải chịu như thế; nhưng mỗi cuộc sống của con người đều cần làm sao để có thể thoát ra khỏi một bi kịch vốn đã được kiến tạo như thể là một câu chuyện đạo lý hoàn hảo. Không ai có khả năng tự làm mù quáng được chính chính, để tin vào sự kiện được cho rằng thế giới mà chúng ta đang sống trong đó là hoàn toàn khác hẳn với thế giới này. Trong chừng mực nào của sự cần thiết phải dựng, mà sự cân bằng vốn đã bị yếu đi bởi các lý lẽ mạnh nhất nhằm biện giải cho một dời sống khác sau cái chết, thì chính nó cũng nhằm tới một sự chấp nhận là trật tự của các sự vật trong đời sống này vẫn thường là một điển hình về các sự bất công hay sự không công bằng. Nếu cho rằng Thượng Đế đã không có việc quan tâm đủ về sự đau khổ hay thích thú, để làm cho họ được tán thưởng hay bị trừng trị về những điều tốt hay điều xấu, nhưng đức hạnh tự nó vẫn là một điều tốt lớn nhất, thì những điều này, ít nhất cũng có thể được bù trừ ra sao đó cho phù hợp với tất cả mọi điều gì mà họ xứng đáng để có được chúng; nên thay vì như thế, mọi loại suy thoái về đạo đức sẽ dẫn theo bao nhiêu những sự phũ phàng khác được sinh ra; và qua lỗi lầm của cha mẹ họ, của xã hội, hay của những trường hợp không thể kiểm soát được, nhưng chắc chắn không phải do chính lỗi của họ. Ngay cả không phải trên những lý thuyết thật kỳ cục và khác lạ nhất về điều tốt, đã từng được đóng khung bởi những ảo tưởng triết học và tôn giáo, để sự cai quản của tự nhiên phải có thể được làm theo cách tương tự đối với các công việc của một tồn tại, tức là phải luôn tốt và luôn có mặt ở khắp mọi nơi...

Nhưng ngay cả cho dù không thể tin tưởng tự nhiên như một tổng thể là một sự thực hiện những ý đồ của sự khôn ngoan và sự tốt lành hoàn hảo, thì con người cũng không hề có ý muốn từ bỏ ý tưởng cho là có một phần nào đó của tự nhiên cũng có mang ít nhất một ý định về một sự điển hình hay kiểu mẫu; tức là ở trên một mức độ nào đó, hay hoặc như thế nào đó khác trong công việc của đấng Sáng tạo, thì hình ảnh của các tính chất đạo đức mà con người ta vẫn thường hay có thói quen quy vào cho nó, cần phải được nhấn mạnh; và nếu tất cả vẫn đều không như thế, thì cũng phải có một điều gì đó giống như thế đó, nhưng chẳng thể nào chỉ là một mô thức không thể có sai lỗi, hay một điều gì đó cũng có thể như thế, nhưng hẳn phải là có một ý định hướng dẫn cùng là làm chuẩn mực cho chúng ta trong trong việc chỉnh đốn lại đối với phần còn lại. Thật thì cũng không đủ để cho họ tin tưởng là cho dù có cái gì đó nhằm tới điều tốt phải cần được bắt chước và cần làm cho hoàn chỉnh, và có cái gì đó nhằm đến điều xấu thì cần phải được điều chỉnh lại: họ vẫn lo lắng đối với một tính chất nào đó đã xác định rõ hơn bởi những ý đồ của đấng Sáng tạo; và họ được thuyết phục là điều này phải cần có một điều kiện nào đó cần phu hợp với các công việc của ông ta, tức phải đảm nhận những trách nhiệm nguy hiểm của sự bốc riêng ra và sự chọn lựa trong chúng

để nhằm thử nghiệm về điều đó. Một sự chọn lựa mà trừ ra khi nào được hướng dẫn một cách sâu xa bởi chính câu châm ngôn chung trong việc ông ta đã có ý đồ là mọi cái phải tốt và không thể có cái xấu, như là một điều cần thiết để nhằm phải độc đoán một cách hoàn hảo; và nếu điều đó lại dẫn tới những kết luận nào khác hơn như thế, như có thể được rút ra từ chính câu châm ngôn đó, thì nói chính xác cũng phải ở trong chừng mực đó là thật tệ lậu.

Cũng chẳng bao giờ đã có được bất kỳ một học thuyết đáng tin nào cho rằng có những bộ phận riêng của trật tự tự nhiên vốn có tiếng như đã được xác định bởi sự hiểu biết về đạo đức và hướng dẫn chúng ta; và phù hợp theo đó, mỗi sự tiên quyết trong một cá nhân của con người, hay hoặc sự thuận lợi tạm thời, đã quyết định được các thành phần nào đó của sự cai quản thiêng liêng đối với những kết luận thực tiễn mà ông ta đã rất mong muốn phải cần thành lập, phải cần được bảo đảm, để có được sự thống nhất tương tự. Một sự ủy nhiệm như thế, tất phải là sai lầm giống như những cái khác, bởi vì không thể nào quyết định là có một vài điều của những công việc của đấng Tạo hóa vẫn cứ là những biểu hiện đích thực sự hơn đối với tính chất của ông ta, hơn là so với những điều còn lại; và sự lựa chọn duy nhất không dẫn tới những kết quả vô đạo đức, chính là sự lựa chọn đối với những người nào mà hầu không dẫn tới điều tốt chung, hay nói cách khác, là của những điều gì đó có chỉ ra một mục đích, mà nếu toàn bộ kế hoạch đó cũng chỉ là sự biểu thị của một dấng tồn tại duy nhất, có mặt khắp nơi và hằng cứu muốn có, thì rõ ràng đó cũng sẽ không phải là mục đích trong chính ý đồ bởi vị đó.

Tuy vậy vẫn có một yếu tố riêng biệt trong sự cấu thành thế giới, mà đối với tinh thần nhận thức ra được, thì vì tính cách đặc biệt trong ý chí của đấng Sáng tạo, nên đã hiện ra không phải không có thuận lợi, nhất là lại còn phù hợp, nhằm mang lại cho chúng; có nghĩa đó là những sự thúc đẩy tích cực của con người cùng những sinh vật năng động khác. Người ta có thể tưởng tượng ra được những con người như thế đó đã lập luận Tác giả của Tự nhiên chỉ tạo ra những hoàn cảnh, mà ông ta có thể vẫn không nhằm chỉ rõ ra chính cách thức mà trong đó những tạo vật có lý trí của ông ta cần phải tự điều chỉnh lấy chính chúng phù hợp theo với những trường hợp đó; nhưng đã khi cấy những yếu tố kích thích tích cực đó vào trong chính những tạo vật, thì cũng đã nâng chúng lên một loại hành động đặc biệt, mà không có thể nghi ngờ chính là hành động được thực hiện bởi chúng. Sự lập luận này đã được tuân theo một cách chặt chẽ, và có thể dẫn tới kết luận là đấng Huyền vi quả có ý đồ, và đã đồng ý về bất cứ điều gì đó mà con người làm; bởi vì mọi điều nào mà nó làm, đều là hậu quả của một số những xung động nào đó mà đấng Sáng tạo đã phải đặt để tất cả, và đều phải được xem như là được thực hiện phù hợp theo với ý chí của ông ta. Bởi vì kết luận thực tế này muốn được né tránh đi, thì cần phải đưa ra một sự phân biệt, và nói lên không phải toàn thể, nhưng chỉ những thành phần trong bản chất tích cực của loài người, để chỉ cho thấy một ý định đặc biệt của đấng Sáng tạo đối với các hành vi của họ. Những thành phần này dường như theo một cách tự nhiên là gia định, như là những điều gì đó ở trong đó bàn tay của Tạo hóa đã được thể hiện ra, hơn là chính do bàn tay của con người chúng ta: và như thế những mâu thuẫn giữa con người coi như là sản phẩm của Thượng Đế, và con người như là sản phẩm của chính nó. Bởi vì điều gì được làm ra với sự phóng khoáng, thì dường như giống với các hành vi có tính tự phát của con người hơn, và điều đó được cho là hoàn toàn có trách nhiệm đối với nó, hơn là đối với điều gì đó phát sinh từ những xung động đột nhiên, mà phần lớn các hành vi của con người là phải thích ứng để nhằm

được hạ xuống giống như là phần chung của con người trong các công việc, và là phần không được tính đến như của đấng Thượng Đế. Kết quả đó là cái cốt lõi của tình cảm chung như thế trong thế giới hiện đại (cho dù các triết gia ngày xưa đã không biết đến chúng) đã cổ vũ cho bản năng thay vì cho lý trí; một sự suy thoái trong thực tế đã phải chịu, mà còn gay gắt hơn do ý kiến của số đông đối với nó, cho là mọi cái, hay cũng hầu như mọi cái, đều chỉ là cảm giác hay khuynh hướng, được hành động nhanh chóng mà không phải đợi để đặt ra các câu hỏi, trong tính cách như là một bản năng. Như thế nên hầu hết mọi loại bản năng đều không có suy nghĩ cũng như không tính toán, giống như nhận được một loại thụ phong, trừ phi những điều này, cho dù đã không được phán tỉnh vào ngay lúc đó, nhưng vẫn có nguồn gốc của nó là nhờ do những thói quen vốn đã được suy nghĩ từ trước: những điều này hiển nhiên không phải là bản năng, vì không phải được gặp gỡ với sự ưu dãi, nhằm để phù hợp theo với những cái còn lại; như thế nên mọi bản năng thì không có suy nghĩ, vốn đã được đầu tư cùng với quyền lực vượt lên cả lý trí, trừ khi nếu đó chỉ là những điều nào mà hầu như có lẽ phải là đúng. Dĩ nhiên tôi không có ý nói cách phán đoán này, ngay cả cho dù có ý định nhằm thực hiện điều gì đó thiết yếu: đời sống không thể tiếp tục được, nếu nó không chấp nhận để cho bản năng phải được kiểm soát, và chính lý trí cần phải cai quản các hành động của chúng ta. Ý đồ chính là không phải nhằm lèo lái lý trí theo kiểu tùy thích, mà làm sao kết hợp được với nó bằng những công cụ, để nhằm chỉ chỉ phối theo đó trong một cách riêng. Bản năng thì không dễ cai quản, nhưng lý trí thì vẫn thực hiện được một vài sự gợi hướng mơ hồ và không rõ rệt nào đó của bản năng. Cho dù ấn tượng có thuận lợi cho bản năng cũng giống như một biểu lộ đặc biệt của những mục đích thiêng liêng, vẫn không thể được khắc sâu theo dạng một lý thuyết chặt chẽ chung, nhưng vẫn chỉ là một tiên kiến hiện thời, có thể lại trở thành thù địch với chính lý trí trong một trường hợp nào đó, mà trong đó sự chỉ đạo của khả năng thuần lý đã không còn thủ đắc được cùng với một thẩm quyền bó buộc.

Ở đây tôi sẽ không đi vào trong vấn đề khó khăn tâm lý học, về điều gì là hay không là bản năng: chủ đề này phải đòi hỏi một tập sách riêng cho chính nó. Không tiếp cận với bất kỳ một điểm lý thuyết nào được thảo luận, cũng khó có thể phán đoán việc làm thế nào mà phần bản năng ít có giá trị của bản chất con người lại được đề cao như là ý nghĩa tốt nhất của nó - như là phần mà trong đó chính bàn tay của lòng tốt và sự khôn ngoan vô hạn lại đặc biệt có thể thấy ra được. Cứ cho mọi cái gì đó là một bản năng mà mỗi người đều đã từng xác nhận chỉ như là một, thì vẫn luôn đúng là gần như mọi tính chất đáng kính của nhân tính con người, vẫn là kết quả không phải của bản năng, mà là của sự chiến thắng đối với bản năng; và thật sự bất cứ điều gì đó có giá trị trong con người tự nhiên, trừ ra những khả năng - vẫn là toàn bộ thế giới của những khả thể tính, mà mọi cái của chúng đều phụ thuộc vào kỹ luật nhân tạo cao nhất để làm cho có thể thực hiện được.

Chỉ có trong một điều kiện được nhân tạo hóa cao độ của bản chất con người, mà ý niệm đó lớn lên, hay tôi tin tưởng là nó vẫn cứ luôn luôn được lớn lên, thì điều tốt vốn là tự nhiên: bởi vì chỉ sau khi một quá trình lâu dài về giáo dục nhân tạo, mà đã làm cho những tình cảm tốt mới trở nên thành thói quen, và nhờ như thế mà mới chế ngự được cái xấu, không để cho nó nhanh chóng vươn lên, mỗi khi có dịp thuận lợi cho chúng. Trong những lúc khi mà loài người đi gần hơn lại với tình trạng tự nhiên của họ, thì những người quan sát có giáo dục vẫn nhìn con người theo dạng tự nhiên đó giống như một loại dã thú, nhưng được phân biệt chủ yếu như một con vật biết

nghề thủ công, hơn là những thú vật khác trên cánh đồng; và mọi giá trị của tính chất con người vẫn chỉ là do kết quả của một loại thuần hóa; một câu thường áp dụng bởi những nhà triết học xưa kia để nhằm thích ứng hóa kỷ luật của loài người. Sự thật thì vẫn có một điểm duy nhất cực tốt thuộc về tính chất của con người, đó là nó không nhất thiết phải ghê sợ đối với những tình cảm đã không được dẫn đạo bởi chính bản của chất con người.

Nếu có một đức hạnh mà chúng ta vẫn mong mỏi tìm kiếm hơn cả những cái khác, và thật sự cũng đã tìm ra ở trong một tình trạng chưa có văn minh, thì đó chính là đức hạnh sự can đảm. Đúng là nhờ điều này mà từ trước tiên hết đã nhằm đạt tới được một sự chiến thắng đối với một người nào đó, cùng với những cảm xúc mạnh mẽ nhất của bản chất con người. Nếu có một người nào đó cảm thấy, hay thật sự có các đặc điểm tự nhiên vượt lên hơn những người khác thuộc trong đồng loại của mình, là sự không sợ; và cũng không có được bằng chứng nào lớn hơn có thể được tìm thấy về sức mạnh của kỷ luật giả tạo, hơn chính là sự chinh phục, mà ở mọi thời và mọi nơi, chính nó đều chứng tỏ có khả năng để đạt tới được sự mạnh mẽ và tính phổ quát hơn về một loại tình cảm như thế. Sự khác nhau rộng lớn nhất có thể có được giữa một con người và một con người khác, hẳn nhiên là ở trong sự dễ dàng hay khó khăn để họ có thể có được chính điều đức hạnh này. Khó có bất cứ một tính cách nào của điều cực tốt của con người mà trong đó sự khác nhau của tính khí đầu tiên đi xa hơn như thế. Nhưng có thể cũng cần nên xem xét về trường hợp một người nào đó vẫn tự nhiên can đảm. Có nhiều người thật sự tự nhiên hiếu chiến, hay dễ nổi cáu, hay đầy nhiệt huyết, và những đam mê này khi nào được kích động mãnh liệt, có thể làm cho họ không còn cảm thấy sợ hãi nữa. Nhưng nếu loại bỏ đi những cảm xúc nghịch lý, và trường hợp sự sợ hãi lại chiếm lĩnh không thể tránh được: sự can đảm thường xuyên vẫn cứ luôn luôn là hiệu quả của sự luyện tập. Sự can đảm chỉ đôi khi mới có, cho dù nói chung không có một phương tiện nào để tìm thấy được nó giữa các bộ lạc hoang dã, thì cũng chỉ là kết qua của sự giáo dục, giống như trường hợp của những người Spart hay người La Mã. Trong tất cả những bộ lạc như thế, có một định hướng hầu như đã được thổi phồng lên của tình cảm công cộng, theo từng chiều hướng thể hiện của tình cảm, mà qua đó danh dự có thể được bù trả cho sự can đảm, và sự hèn nhát được đề cao chỉ nhằm để tán thán và chê cười. Có lẽ cũng nói được điều đó giống như sự biểu hiện của tình cảm được bao hàm chính trong tình cảm đó, và sự dào luyện một người trẻ tuổi đạt được lòng can đảm cũng chỉ giả định về một con người mà vốn gốc gác là can dảm. Nó chỉ giả định điều gì mà mọi phong tục tốt giả định - phải có những cá nhân vốn tốt hơn phần còn lại, đã góp phần làm cho các tập tục tiến triển. Một vài cá nhân thích những người khác phải bị khuất phục bởi họ, phải có sức mạnh và tinh thần và muốn chinh phục họ đối với chính ban thân người đó. Những người này cũng đã vốn chịu sự ảnh hưởng từ những người anh hùng, và vì thế mà ngay lập tức cũng đã phải ngạc nhiên, và rõ ràng là hữu dụng, do chẳng bao giờ mà lại không có được sự ngưỡng phục: và một phần cũng chính qua sự ngưỡng phục này, còn một phần khác là qua sự sợ hãi, mà chính họ đã bị kích thích, do sự mạnh mẽ của những người làm luật, để có thể thiết lập nên được những phong tục nào đó để cho họ được hài lòng.

Chúng ta hãy xem xét tiếp theo đây về một tính chất cấu thành của một trong hầu hết những tính cách dễ nhận thấy nhất, và cổ cựu nhất, đối với những tính chất đạo đức nổi bật, phân biệt giữa con người và thế giới loài vật thấp hơn; điều mà hơn bất cứ điều gì khác, nếu không có

nó, sẽ làm cho con người thành giống như con vật; đó chính là tính chất của sự sạch sẽ. Có thể có một sự vật nào đó lại hoàn toàn nhân tạo hơn không? Những trẻ con, cùng những các giai tầng thấp hơn trong nước, dường như hiện thời vẫn còn thích thú sự dơ bẩn: phần lớn loài người cũng không khác với điều đó: toan thể các quốc gia của thế giới văn minh văn minh và không văn minh khác vẫn tha thứ cho nó trong một số dạng tệ hại nhất của nó, và chỉ một thiểu số rất nhỏ mới cảm thấy bị xúc phạm bởi nó. Do thế mà quy luật phổ quát của chủ đề có vẻ như chính sự không sạch sẽ chỉ tấn công vào những người nào cảm thấy xa lạ đối với nó, và vẫn để cho những người nào đã sống trong một tình trạng nhân tạo như thế, thì dường như vẫn không thể quen với nó ở trong bất cứ dạng nào, và điều đó cũng giống như những họ là những người duy nhất cảm thấy được nó là ghê tởm nhất trong tất cả. Đối với mọi đức hạnh, thì sự hiển nhiên nhất không phải bản năng, mà là một chiến thắng đối với bản năng. Và một cách chắc chắn là không có bất kỳ một sự sạch sẽ nào mà lại cũng đi cùng với tình yêu sự sạch sẽ một cách tự nhiên đối với con người cả, mà chỉ là một năng lực đã được thú dắc về chính tình yêu đối với sự sạch sẽ.

Những ví dụ của chúng ta, giống như vậy, đã được lấy ở cá nhân, hay cũng như chúng đã được gọi bởi Bentham, là những đức hạnh tự thể hiện, bởi vì những đức hạnh này, nếu có, có thể được giả định là có mối quan hệ ngay cả với những tinh thần không văn minh. Về những đức hạnh xã hội, hầu như chỉ hời hợt để nói như thế; mà đó hoàn toàn là cơ sở của mọi kinh nghiệm cho là sự ích kỷ vốn vẫn tự nhiên. Bởi vì điều này, tôi không thấy trong bất cứ phương thức khôn ngoan nào, mà lại chối bỏ cảm tình cũng là tự nhiên; tôi tin tưởng ngược lại rằng, trên chính sự kiện quan trọng đó, còn có cả trách nhiệm của bất cứ sự bồi dưỡng nào về điều tốt và điều cao quý, và mối hi vọng về sự đi lên hoàn toàn tối hậu của họ. Những tính chất về sự thiện cảm, nếu không được vun vén, mà cứ phó mặc cho các bản năng về thiện cảm, thì cũng chỉ ích kỷ giống như những cái khác. Sự khác nhau là ở trong loại ích kỷ đó: những sự ích kỷ của họ không phải là đơn nhất, nhưng là sự ích kỷ có thiện cảm; sự ích kỷ cho hai người, cho ba người, hay cho bốn người [sự ích kỷ mở rộng cho hai, ba, hay bốn]; và họ có thể rất thiện cảm và thấy thú vị đối với những ai mà họ có cảm tình, và cư xử thô bạo, vô cảm đối với mọi người còn lại. Do thế mà những tổ chức thần kinh tinh tế hơn thì chúng hầu như có khả năng, và hầu như đòi hỏi sự thiện cảm vốn có từ sự tinh tế đó của họ, và các bản năng mạnh mẽ hơn như thế thì thuộc mọi loại, đến nỗi họ thường cho thấy được những ví dụ rất nổi nét về sự ích kỷ, cho dù thuộc một loại bản năng yếu hơn loại đó ở những bản chất lạnh hơn. Cho dù đã từng bao giờ có một người nào trong số họ, hay cho dù chẳng bao giờ nó đã có được sự học hành hoặc đào tạo nào, hay bạn bè hoặc sách vở, thì mọi sự ích kỷ được tạo thành vốn có ý đồ, phù hợp theo một ý tưởng về tính tốt tự nhiên, là tính chất mạnh mẽ hơn so với sự ích kỷ trong bất cứ dạng loại nào của nó, có thể vẫn cứ không là quyết định. Những trường hợp như thế đều là cực kỳ hiếm, mọi người vẫn phải chấp nhận, và điều này cũng đủ cho lý luận.

Sự tổng quan ngắn gọn này cũng đã đủ rộng rãi để chứng minh bổn phận của con người vẫn thuộc cùng một tính chất đối với chính bản chất của nó, cũng như đối với chính bản chất của mọi sự vật khác, tức có nghĩa không phải tuân theo, mà là cải thiện nó. Một số người, tuy vậy, lại không có ý chối bỏ bản năng đó vẫn có thể phụ thuộc vào lý trí, nhưng biết tôn trọng đối với sự tự nhiên, để có thể cũng còn chủ trương là mọi khuynh hướng tự nhiên cũng cần phải có một hoàn cảnh

nào đó của hành động để bảo đảm cho nó, và một sự mở ra nào đó cần được dành cho sự thừa nhận đối với nó. Mọi mong muốn tự nhiên, như họ nói, cần phải được được bám rễ vào một mục đích nào đó: và lý lẽ này được đẩy đi khá xa, đến nỗi chúng ta vẫn thường nghe nói là nó chủ trương rằng mọi cái mong muốn, nếu được giả thiết như là sự tự nhiên, để nhằm được thực hiện, thì phải có một sự cung ứng tương ứng trong trật tự của vũ trụ, để nhằm cho nó được thừa nhận: có như thế (chẳng hạn) thì sự mong muốn về sự việc được kéo dài vô hạn sự sống còn, mà vốn vẫn được tin tưởng bởi nhiều người, thì tự trong chính nó như một bằng chứng đủ về thực tại của một đời sống trong tương lai.

Tôi nhận thấy có một sự vô lý cơ bản trong mọi ý đồ khám phá ra trong chi tiết những ý định của Tạo hóa, để từ đó có thể giúp được cho Tạo hóa thực hiện chúng. Những người nào đã từng lập luận là từ những điều kiện đặc thù, mà Tạo hóa vốn có các ý đồ như thế này hay như thế khác, hoặc là họ tin chắc đấng Tạo hóa có thể làm mọi điều gì ông ta muốn, hay là ông ta cũng không thể nào làm được như thế. Nếu mệnh đề thứ nhất được chấp nhận - tức nếu đấng Tạo hóa có năng lực vô hạn, thì đấng Tạo hóa luôn có ý định về bất cứ việc gì xảy ra, và chính sự kiện về việc xảy ra đó cũng đã chứng tỏ Tạo hóa đã có ý định về nó. Nếu như thế, thì mọi điều gì một người có thể làm, vốn đều đã được tiền định bởi Tạo hóa, và đó chỉ là sự thực hiện ý đồ của Tạo hóa đã có trước như thế. Nhưng nếu có vẻ như đó là lý thuyết có mang màu sắc tôn giáo hơn, thì đấng Tạo hóa có ý định không phải là về mọi điều gì xảy ra, mà chỉ là điều gì tốt, và như thế thì thật sự một người đã có được nó chính trong sức mạnh của anh ta, và bằng chính các hành động thiện chí của anh ta là cốt để nhằm giúp cho các ý đồ của Tạo hóa; nhưng anh ta chỉ có thể học được những ý đồ này bằng chính sự xem xét về điều gì đó để nhằm cổ vũ cho cái tốt chung, mà không phải chỉ là điều gì mà một người có một khuynh hướng tự nhiên muốn làm; bởi vì, do đã bị hạn chế ở trên sự chỉ định này, mà sức mạnh thiêng liêng hẳn phải được bởi bọc ở trong một lớp vỏ cứng, giống như ở trong những trở lực không thể vượt qua được, và người nào biết là con người ta có thể đã được tạo ra, mà không có những mong muốn, thì nó sẽ không bao giờ giống như thế, và ngay cả có lẽ nó cũng sẽ không thể bao giờ thực hiện được? Các khuynh hướng mà đối với chúng con người phải phụ thuộc, cũng như đối với bất kỳ một sự bó buộc khác mà chúng ta quan sát được trong thiên nhiên, thì vẫn có thể là sự biểu hiện, không phải của ý đồ thiêng liêng, nhưng là của những xiềng xích làm ngăn trở những hành động tự do của nó; và cứ theo đó thì vết tích của những điều này là để hướng dẫn chính các hành vi của chúng ta, để tránh có thể bị rơi vào trong chính cái bẫy do sự thù địch dựng nên. Quan niệm cho rằng mọi sự vật mà điều tốt vô hạn có thể mong muốn có được, ma hiện thời đang sắp được diễn ra trong vũ trụ này, hay ít nhất chúng ta cũng sẽ phải không bao giờ nói được hay giả định được là điều đó sẽ không như thế, cũng chỉ xứng đáng đối với những ai mà bởi sự sợ hãi vẫn luôn mang tính nô lệ của họ, sẽ làm cho họ đáng ra phải bị nói dối đối với một sự Hiện hữu nào đó mà họ phải buộc suy nghĩ tới là họ không thể bị lừa dối và bị ảo tưởng về mọi sự sai lầm thật đáng sợ.

Khi xem xét đối với giả thuyết đặc biệt này, cho là mọi bản năng tự nhiên, mọi khuynh hướng tự nhiên, mà đủ phổ quát đủ ngẫu nhiên để có thể diễn tiến thành những bản năng, thì phải hiện hữu cho các mục tiêu tốt, và có lẽ chỉ nên được điều tiết, mà không để bị ức chế; điều này dĩ nhiên là đúng đối với đa số chúng, bởi vì các giống loài đều không thể tiếp tục hiện hữu, trừ khi hầu hết các khuynh hướng của chúng vẫn được hướng tới những sự vật cần thiết hay hữu dụng đối với sự tồn tại của chúng. Nhưng trừ ra

những bản năng có thể bị rút bớt lại thành một số nhỏ hơn như thế, thì cũng được phép nói là chúng ta cũng có những bản năng xấu, và đó có thể chính là mục đích của giáo dục, và đơn thuần chỉ nhằm để điều chỉnh mà không cốt để loại trừ, hay hơn thế (điều này có thể được làm, ngay cả cho tới một bản năng) nhằm để giết chết nó bằng một sự lạm dụng. Những người nào có khuynh hướng muốn nhân nhiều lên con số các bản năng, thì thường cũng vẫn bao gồm trong chúng một cái gì đó mà họ gọi là sự hủy hoại: một bản năng để phá hoại, hay chỉ cốt nhằm hủy hoại. Tôi có thể nhận thấy được là không có một lý do nào tốt để nhằm bảo vệ điều này, và nó cũng chẳng hơn gì một khuynh hướng nào đó khác, mà nếu đó không phải là một bản năng, thì cũng rất giống như một bản năng, giống như điều gì đã được gọi là bản năng của sự chế ngự; như một sự thích thú trong sự hành xử sự độc đoán, bằng cách khiến cho những kẻ khác phải lệ thuộc theo ý chí của mình. Người nào chỉ thấy thích thú khi được hành xử uy quyền, nhưng không phải do mục đích mà nó cần nhắm tới, như là người cuối cùng, mà trong bàn tay của người đó, người ta có thể mong muốn tín nhiệm nó...

Nhưng ngay cả nếu thực sự trong những bản năng nền tảng của mình, của bản chất con người, chúng đều đã có mặt tốt của chúng, thì cũng có thể bằng một số các huấn luyện nhân tạo đủ cần thiết, chúng vẫn được hữu dụng hơn là có hại; và cho dù con số này có nhỏ bé như thế nào, thì trong bất cứ trường hợp nào, đều phải được thừa nhận rằng khi nó không có được sự huấn luyện như thế nơi mọi người, dù ngay cả những điều gì đó cần thiết cho sự tồn tại của chúng ta, thì cũng sẽ làm cho thế giới bị tràn ngập sự nghèo nàn, làm cho đời sống con người thật hết sức đáng ghê tởm vì những sự bạo động và tàn bạo mà nó bày ra bởi chính phần còn lại của thế giới loài vật, trừ phi chúng đã được thuần hóa nhiều hơn, và được kỷ luật do bởi chính con người. Do thế mà vẫn có những con người tự phỉnh nịnh chính họ bởi ý niệm về việc đọc được các mục đích của đấng Tạo hóa ngay trong các công việc của mình, nên đã có thể luôn luôn nhìn thấy ra được những cơ sở để cho họ tránh né. Nếu có những dấu hiệu nào đó ở trong mọi dấu hiệu đặc biệt trong sự sáng tạo, thì một trong các sự vật được cho thấy hiển nhiên nhất, đó chính là một phần rất lớn các loài vật vẫn diễn ra trong chính cuộc sống của chúng trong sự trong sự hành hạ và ăn thịt những loài vật khác. Chúng đã bị nô lệ và cần phải được thích ứng như là những công cụ cần thiết cho mục đích đó; những bản năng mãnh liệt nhất của chúng bó buộc chúng phải làm như thế, và nhiều trong số chúng dường như vẫn được tạo tác để không thể chịu đựng được chính chúng bằng bất cứ các thứ thức ăn nào khác. Nếu một phần mười những sự đau khổ mà chúng đã gây ra để tìm thấy được những sự thích nghi để chịu trong mọi bản chất vốn đã được sử dụng trong việc truy tìm bằng chứng để làm cho hoen ố đi tính chất của đấng Tạo hóa, thì các mục tiêu nào nhằm làm sao cho có thể tìm thấy được trong tổng thể các sự hiện hữu của các loài vật thấp kém hơn, khi đã được chia ra như thế, mà chỉ với một sự ngoại lệ nơi những con vật ăn thịt và những con vật bị ăn thịt, như một con mồi do vì hàng ngàn sự yếu đuối của chúng, mà lại phải bị chối bỏ đi những khả năng cần thiết cho sự tự vệ của chính chúng! Nếu chúng ta không bị bó buộc phải tin là có một con vật được tạo ra để làm việc của một con quỷ, thì đó bởi vì chúng ta không cần thiết phải giả định là nó đã được làm ra bởi một Tạo hóa có năng quyền vô hạn. Nhưng nếu sự bắt chước theo Tạo hóa, thì càng làm cho thấy rõ rệt hơn là chính trong bản chất được áp dụng như là quy tắc cho hành động ở trong trường hợp này, thì sự thù địch ghê gớm nhất của một con người tệ hại nhất

sẽ được biện minh nhiều hơn lên, bởi chính ý đồ bên ngoài của đấng Tạo hóa là suốt trong mọi việc của tự nhiên sinh động, thì con nào mạnh nhất sẽ lấy con nào yếu hơn để làm con mồi cho mình.

Những quan sát có trước đây vẫn chưa phải là đã tất cạn hầu hết những cách thức và những dịp tốt mà trong đó ý tưởng về sự phù hợp theo tự nhiên đã được đưa vào như một yếu tố trong sự đánh giá ở mặt đức hạnh về những hành vi và các hoàn cảnh. Sự tiên kiến nhiều thuận lợi giống như thế vẫn đi theo sau từ ngữ tự nhiên trong hầu hết vô số các quan niệm mà trong đó nó đã được dùng, như thế một từ ngữ phân biệt với một vài phần nào đó còn lại của việc kiến tạo của con người và dường như tương phản với những phần khác. Cho đến đây, chúng ta đã vẫn chỉ tự khu biệt mình vào một trong những quan niệm này, trong đó được đặt ra chỉ như một sự chỉ định chung đối với những thành phần này của sự kiến tạo tinh thần và đạo lý của chúng ta, mà nó vốn vẫn được giả định là bẩm sinh, chính trong sự phân biệt ngược lại đối với những gì mà chúng đã thủ đắc được; bởi vì khi tự nhiên đối ngược lại với giáo dục; hay khi một tình trạng hoang dã, mà không có luật lệ, nghệ thuật, hay tri thức, được gọi là một tình trạng của tự nhiên; hay khi vấn đề đặt ra là liệu lòng khoan dung, hay tình cảm đức hạnh, là tự nhiên hay tập thành; hoặc có một vài người là nhà thơ hay nhà hùng biện do từ bản chất, còn những người khác thì lại không. Nhưng trong một ý nghĩa khác và lại còn bao quát hơn, thì bất kỳ những biểu hiện nào của con người, thường vẫn bị cho là tự nhiên, trong khi đó chỉ nhằm muốn nói là nó không được nghiên cứu hay được xác định trước hết trong các trường hợp đặc thù; như khi một người được bảo là cử động, hay nói năng với sự duyên dáng tự nhiên; hay khi người ta nói rằng phong cách tự nhiên, hay tính chất của một người là như thế như thế; có nghĩa nó vốn là như thế khi anh ta làm, mà không nhằm có ý kiểm soát hay che giấu nó. Trong một ý nghĩa lại còn mềm dẻo hơn, khi một người được cho là tự nhiên, có nghĩa là hãy còn một điều gì đó do một nguyên do đặc biệt nào đó đã tác động lên anh ta, hay nó còn được giả thiết là anh ta sẽ phải như thế, nếu có một nguyên nhân nào đó khác cũng giống như thế đã được rút ra. Như thế, một người được cho là lù đù một cách tự nhiên, nhưng vẫn có thể làm cho chính anh ta thông minh bằng sự học tập và rèn luyện; hay có người có bản tính tự nhiên dễ thương, nhưng lại thành cằn dỡ là do nghèo khó; có người tự nhiên vẫn có tham vọng, nhưng lại khiêm tốn là bởi vì không có may mắn. Cuối cùng, từ ngữ tự nhiên dù được áp dụng cho các tình cảm hay hành vi, thì hình như vẫn thường không mang một ý nghĩa gì khác hơn rằng nó là như thế, và thông thường được tìm thấy trong chính bản tính của con người; cũng như khi nói là một người hành động, trong một dịp đặc thù nào đó, như thế là người ấy tự nhiên đã làm như thế; hay là bị tác động theo một cách thế đặc biệt nào đó do bởi ánh sáng, âm thanh, hay do suy nghĩ, hay sự kiện như thế nào đó trong đời sống, là hoàn toàn rất tự nhiên.

Trong những ý nghĩa này của từ ngữ đó, thì tính cách được gọi là tự nhiên vẫn thường được thú nhận như là một tính cách tệ hại nhất, so với một tính chất nào đó khác ngược lại với nó; nhưng bất cứ khi nào mà nó là như thế, là cũng không phải hiển nhiên để đặt thành vấn đề đối với chính ý tưởng như có vẻ thích thú khi miêu tả điều đó là tự nhiên, nếu có một sự vật nào đó vốn đã được xem như rất có thể mong muốn chỉ nhằm vì sự ưu ái của nó. Về phần tôi, tôi chỉ có thể nhận thấy được về một ý nghĩa mà trong đó tự nhiên, hay sự không tự nhiên, ở trong bản thân con người, chỉ thật sự là những từ ngữ để nhằm khen ngợi; và như thế thì sự khen ngợi chỉ là tiêu cực:

nhưng đúng ra là khi dùng nó chỉ để nói lên sự việc không hề có một sự sửa sang nào. Sự sửa sang có thể được định nghĩa như là một cố gắng để tỏ ra là cái gì đó mà người ta không có, khi một động lực hay hoàn cảnh là không như thế đó, hoặc là để nhằm xin tha thứ cho ý đồ, hay là để nhằm xác nhận nó, chỉ với tính cách đạo đức giả nhiều hơn...

Cũng đôi khi có những trường hợp mà từ ngữ tính tình có thể được dùng không thích đáng, bởi vì hành vi hay bộ tịch được gợi ra thật sự chỉ là sự khen tặng, người ta nói tốt trong khi chỉ xem thường người được nói đến, nên hành vi hay tính chất như thế vẫn không giống tự nhiên đối với anh ta; còn việc so sánh không được ưu ái về anh ta và một người nào đó khác, thì đối với họ lại là tự nhiên: có nghĩa điều gì mà một người xem dường như là cực tốt thì cũng chỉ là hiệu quả do sự kích thích nhất thời, hay do từ một chiến thắng lớn đối với chính anh ta, trong khi ở vào một trường hợp khác thì nó lại là kết quả vẫn được trông đợi từ tính chất thường có. Cách nói này không phải để nhằm gợi mở ra một sự kiểm soát, bởi vì bản chất ở đây vẫn đơn thuần chỉ là một từ ngữ nhằm đến tính chất thường xuyên của một người, và nếu anh ta được khen ngợi, thì đó cũng không phải chỉ do tự nhiên, mà bởi vì vốn tự nhiên nó là tốt.

Phù hợp theo tự nhiên, điều đó không có liên quan gì với bất cứ điều nào là đúng hay sai. Ý tưởng vẫn có thể không bao giờ được đưa vào theo một cách thích hợp ở trong các tranh cãi đạo đức nào cả, trừ phi trong mỗi dịp hay trong phần nào đó có đi vào trong trong vấn đề về cấp độ phạm tội. Để nhằm minh thị về điểm này, chúng ta hãy xem xét về câu nói mà cường độ lớn nhất của tình cảm vốn bị kết tội là đã bị đưa vào trong sự tiếp cận với ý tưởng về tự nhiên - từ ngữ không tự nhiên. Một sự vật như thế là không tự nhiên, trong ý nghĩa chính xác nào đó, có thể được gắn với từ ngữ đó, vẫn không phải là lý luận để cho có thể bị quơ trách được; bởi vì những hành vi tội ác nhất, nếu nhìn từ trong bản thân con người, thì cũng không không tự nhiên hơn như hầu hết các đức hạnh. Sư thú đắc một đức hạnh ở trong mọi thời đại vẫn được kể như một công việc vất vả và khó khăn, trong khi sự *descensus Averni* [đi xuống địa ngục] ngược lại là sự dễ dàng giống như ở cửa miệng: và nó chắc chắn đòi hỏi ở hầu hết mọi người một sự chinh phục lớn đối với một số lớn hơn những khuynh hướng tự nhiên vốn đã trở thành đức hạnh nổi bật, hơn là những sư sai lầm vượt trội. Nhưng nếu một hành động hay một khuynh hướng đã được quyết định trên những nền tảng khác hơn để bị quở trách, thì có lẽ đó là một trường hợp ở trong sự gia tăng hơn, mà nó vốn là không tự nhiên, tức là đáng ghê tởm đối với một tình cảm mạnh mẽ nào đó, vẫn thường được tìm thấy ngay trong bản chất con người; bởi vì cái khuynh hướng xấu, cho dù nó là gì, rõ ràng là đã được cắm rễ sâu và mạnh, bởi vì nó đã vượt qua được chính sự ghê tởm. Sự hàm ý này, dĩ nhiên không thể có được nếu cá nhân không bao giờ có sự ghê tởm: và lập luận đó, tuy thế lại không phù hợp để được cổ vũ, trừ phi chính tình cảm đó đã bị vi phạm bởi hành vi là chỉ cần điều chỉnh được và hữu lý, nhưng lại là một điều không thể bị quở trách khi muốn không có nó.

Tệ hại tương ứng trong sự mai một đi mất của một hành vi phạm tội, là bởi vì nó tự nhiên, hay bởi vì chính nó đã bị phạm phải do bởi một tình cảm tự nhiên, tôi nghĩ sẽ không bao giờ được phép chấp nhận. Có thể có một hành động nào đó, mà bao giờ nó cũng vẫn có thể có được, nhưng không hoàn toàn tự nhiên, và những động lực dẫn tới nó cũng vẫn không hoàn toàn là những tình cam tự nhiên. Nhưng trong con mắt của lý trí, không thể có được một lời tha thứ nào, nhưng nó vẫn hoàn toàn là "tự nhiên", là bởi nó cần như thế trong con mắt của sự đa dạng; bởi vì ý

nghĩa của sự biểu hiện chính là vì nó có một tình cảm bạn bè đối với người tấn công. Khi họ nói có một điều gì đó, mà không thể không thừa nhận là đáng để quở phạt, nhưng tuy thế lại là tự nhiên, thì họ nhằm muốn nói họ tưởng tượng được là khả năng của chính họ có thể phạm phải nó. Phần lớn người ta có thể vẫn khoan dung rất nhiều đối với mọi hành vi mà họ cảm thấy như thể một nguồn ở trong chính họ, được dành cho chính sức mạnh của họ, cho những điều gì mà cho dù thực tế có thể ít xấu hơn, song họ không thể ở trong cách nào đó, để hiểu được tại sao nó có thể đã phạm phải. Nếu có một hành động thuyết phục được họ (mà thường hay được thực hiện trên những cơ sở rất không chính đáng) mà con người lại phải là một tồn tại hoàn toàn không giống chính họ, có thể đặc biệt ít khi trong sự xem xét những cấp độ chính xác của sự quở trách, bởi vì chính nó, hay ngay cả nếu như sự quở trách đúng là vì nó hết thảy. Họ đo đạc cấp độ của sự phạm tội bằng chính sự mạnh của lòng ác cảm của mình; và do thế mà những sự khác nhau về ý kiến, hay ngay cả những sự khác nhau về sở thích, cũng đã là đối tượng của sự ghê tởm tinh thần căng thẳng giống như phần lớn những tội ác ghê tởm nhất.

Và sẽ hữu ích để tóm lượt lại trong một vài từ, nhằm để đi tới kết luận cho bài viết này.

Từ ngữ tự nhiên có hai nghĩa chính: hoặc nhằm nói về toàn bộ hệ thống của các sự vật, với sự tổng gộp về mọi đặc tính của chúng, hay nói lên sự vật như chúng vốn có, hoàn toàn không hề có sự can thiệp của con người.

Trong nội dung thứ nhất của các ý nghĩa này, lý thuyết cho rằng con người phải cần nên tuân theo tự nhiên, là vô nghĩa; bởi vì con người sẽ không thể có được một quyền nào đó để làm bất cứ điều gì khác hơn là tuân theo tự nhiên; vì mọi hành vi của nó chỉ có thể là làm xuyên qua đó, và trong sự vâng lời theo đó, và có một hay nhiều quy luật tinh thần và vật chất giống như thế đó.

Còn trong ý nghĩa kia của từ ngữ, tức là lý thuyết cho rằng con người nên tuân theo đúng tự nhiên, hay nói cách khác là nên làm cùng theo với chính tiến trình tự phát của các sự vật, trong cách thức của các hành vi thiện chí của mình, thì cũng lại ngang với sự vô lý và vô đạo.

Sự vô lý, bởi vì mọi hành vi của con người, dù thế nào cũng bao có bao gồm trong nó những sự thay đổi và mọi hành vi hữu ích trong sự cải thiện đối với chính diễn trình tự phát vẫn có của tự nhiên.

Không đạo đức, bởi vì tiến trình của hiện tượng tự nhiên là nhằm đáp lại với mọi vật, mà khi nó bị sai phạm bởi con người, là hầu như thật đáng ghê tởm, và bất cứ ai phải bị bó buộc trong các hành động của mình, để bắt chước theo các tiến trình tự nhiên của các sự vật, thì có thể cũng được nhìn một cách phổ quát, và được nhận thức như là sự tội lỗi nhất của con người.

Kế hoạch của tự nhiên nếu được nhìn trong toàn bộ của nó, thì không thể có, bởi vì đối tượng duy nhất, kể cả rất chính yếu của nó, là điều gì đó tốt cho con người, hay là những tồn tại có khả năng để được thừa nhận khác. Điều gì gọi là tốt được mang lại cho họ, thì hầu như là kết quả của chính các việc làm của họ. Cho dù điều gì là như thế, thì trong tự nhiên, dều cho thấy dấu hiệu của một sự chỉ định tốt đẹp, để nhằm chứng tỏ sự tốt đẹp này, và được trang bị chỉ với một sức mạnh hạn chế; và bổn phận của con người chính là phải cùng phối hợp với những sức mạnh hữu ích, không phải bằng bắt mưu chước, nhưng là bằng việc luôn luôn nỗ lực để nhằm cải thiện chính diễn trình của tự nhiên - và mang được phần đó của nó, để nhằm qua đó chúng ta có thể thực hành được sự kiểm tra gần hơn nữa, cốt nhằm đi vào được trong sự phù hợp với tiêu chuẩn cao của sự công bằng và đó cũng phải là một điều tốt đẹp.

10

Về hai khái niệm: "nguyên nhân" và "ngẫu nhiên" ✣

ARISTOTLE

(384 – 322 trước CN)

I

Người ta chỉ có thể biết một sự vật khi người ta biết tại sao nó có, lý do của nó...

Trước tiên, người ta gọi nguyên nhân là cái hình thành một sự vật, cái mà từ đó nó phát sinh. Như vậy, thì người ta có thể nói theo ý nghĩa này, đồng là nguyên nhân của tượng, và bạc là nguyên nhân của cái lọ đựng thuốc; rồi người ta áp dụng cách nói này cho tất cả mọi sự vật thuộc cùng một loại như thế *(Nguyên nhân Vật chất)*. Còn trong ý nghĩa thứ hai, thì nguyên nhân là hình thể và là dạng thức của một sự vật; đó là tính chất cốt yếu của sự vật và của chủng loại của nó. Như thế, trong âm nhạc, nguyên nhân của quãng tám là tỉ lệ 2:1; và hiểu theo một cách tổng quát hơn, thì đó là con số; và với con số, đó là phần đã đi vào trong định nghĩa của nó *(Nguyên nhân Hình thức)*. Trong một ý nghĩa thứ ba, thì nguyên nhân là nguồn cội để từ đó một sự vận động hay sự ngừng nghỉ phát sinh. Như thế, người nào mà ở trong một trường hợp nào đó, đã cho ra một lời khuyên để hành động, thì chính người đó là nguyên nhân của cái hành động đã được hoàn thành; như người cha là nguyên nhân của đứa con; và nói chung, thì cái gì hành động chính là nguyên nhân của cái gì đã được tạo ra; hay điều gì tạo ra một sự thay đổi, là nguyên nhân của sự thay đổi được tạo ra đó *(nguyên nhân Hội đủ)*. Việc thứ tư, thì nguyên nhân có nghĩa là mục tiêu và đích điểm của một sự vật. Như

✣ Các chương 3-6 trong quyển II của *Vật lý học*. Phần I là bản dịch do Henry M. Magid thực hiện trong *Những điểm lưu ý dành cho những người mới bắt đầu tiếp cận triết học*, bản quyền của nhóm biên tập Irwin Edman và Herbert W. Schneider; Reynal và Hitchcock, 1941. Phần II trích từ *Aristotle: Tự khoa học tự nhiên, Tâm lý học, Đạo đức học Nicomachean*, do philip Wheelwright dịch, bản quyền của Xxb. The Odyssey Press, 1935. Dưới sự cho phép của nhóm dịch giả và các nhà phát hành

vậy, sức khỏe chính là nguyên nhân của sự đi bộ. Còn nếu chúng ta hỏi "Tại sao anh ta đi bộ?" thì câu trả lời sẽ là "để nhằm cho được khỏe khoắn hơn", và khi chúng ta nói ra điều này, thì chúng ta tin rằng chúng ta nói tới nguyên nhân của sự đi bộ. Ý nghĩa này được áp dụng cho mọi sự trung gian mà người ta đã quy nó cho việc đạt tới chính mục đích cuối cùng, sau khi sự chuyển động lần đầu tiên đã bắt đầu được thực hiện. Chẳng hạn, sự kiêng ăn và sự súc ruột, hay các thứ thuốc và những dụng cụ của người bác sĩ giải phẫu, có thể được xem như là các phương tiện để giúp cho sức khỏe; và sự khác nhau duy nhất là một vài cái là hành vi, còn những cái khác là dụng cụ (*nguyên nhân Cuối cùng*).

Những điều này nói gọn lại là các ý nghĩa của từ nguyên nhân. Phù hợp theo với sự khác biệt về ý nghĩa này, thì một sự vật đơn giản có thể có một số các nguyên nhân ở tại cùng một thời điểm, và đều không đơn giản. Như thế, đối với một bức tượng, người ta có thể chỉ rõ về nó thuộc những nguyên nhân cả về mặt nghệ thuật của nhà điêu khắc đã tạo ra nó, và kim loại đồng mà từ đó nó đã được làm ra, để không phải là ở trong một ý nghĩa nào khác hơn chính là một bức tượng. Cả hai nguyên nhân đó đều không thể được hiểu chỉ trong cùng một ý nghĩa; chúng khác nhau trong thực tế, mà một đó là chất liệu, và cái kia là nguồn gốc của sự vận động. Nó cũng là nguyên nhân của điều này, tức có thể nói, các sự vật vẫn luôn tương hỗ giữa những nguyên nhân của chúng với nhau. Chẳng hạn sự vận động là nguyên nhân của sức khỏe, và sức khỏe là nguyên nhân của sự vận động; nhưng đó không phải ở trong cùng một ý nghĩa; chẳng hạn trong trường hợp thứ nhất, thì sức khỏe là mục đích, trong khi đó ở trường hợp thứ hai, thì sức khỏe lại là nguồn gốc của sự vận động. Hơn thế nữa, một sự vật chỉ đơn giản là ở những thời điểm của nguyên nhân từ các kết quả ngược lại; chẳng hạn cùng một sự vật, là nguyên nhân của một hậu quả đã có khi nó đang có mặt; và cũng có thể là nguyên nhân của một hậu quả ngược lại, khi nó không có mặt. Chẳng hạn, sự vắng mặt của người hoa tiêu, có thể được xem là nguyên nhân của sự chìm tàu, bởi vì sự có mặt của chính người hoa tiêu đó vẫn có thể bao đảm được cho sự an toàn của nó.

Mọi nguyên nhân đã được nêu ra, có thể rút lại thành bốn loại rất hiển nhiên. Những chữ của bản mẫu tự, là nguyên nhân của các vần; vật chất là nguyên nhân của các sự vật mà nghệ đã thuật tạo ra: lửa và các yếu tố khác là các nguyên nhân của những vật thể do chúng đã tạo thành; những thành phần là các nguyên nhân của cái toàn thể, và những mệnh đề là các nguyên nhân của những kết luận đã được rút ra từ chúng. Mỗi một trong những cái này là nguyên nhân, bởi vì nó chính là điều gì mà từ đó một cái khác đã được sinh ra. Từ những cái này, những nguyên nhân, hoặc là chủ thể của sự vật, như là các thành phần liên quan tới cái toàn thể; hay như tính chất cốt yếu của sự vật, như là cái toàn thể, cái tổng đề, và các hình dạng; hay như là nguồn gốc của sự biến đổi, hay của cái gì đó còn lại, như là cái mầm mống, người thầy thuốc, người cố vấn, và nói chung lại là cái gì đó đã gây ra các hiệu quả; và cuối cùng, ở trong vị trí thứ tư, là mục đích và điều gì đó tốt của những sự vật khác; là sự đạt tới của cái tốt nhất, là điều gì đó làm cho mọi sự vật hiện hữu, và nó cũng không tạo nên một sự khác nhau nào để cho người ta có thể nói được đó là sự thực chất hay chỉ là cái tốt bề ngoài.

II

"Vận mệnh" và "Sự ngẫu nhiên tự phát thuần túy", đôi khi được bao gồm trong một danh sách những điều xác định nguyên nhân, và có nhiều sự vật được nói đến "như vận mệnh có được nó", hay là "tình cờ". Trong một ý nghĩa nào đó có thể là vận mệnh hay ngẫu nhiên, đã được bao gồm trong những kiểu loại của sự xác định đã vừa được liệt kê? Hơn thế, phải chăng vận mệnh là cùng một thứ với cơ hội thuần túy, hay là một cái gì đó khác nữa? Và chính xác mỗi thứ trong số chúng là gì?

Một vài người còn nghi vấn ngay đến cả sự hiện hữu của họ. Họ tuyên bố chẳng có một sự vật nào lại xảy ra một cách tình cờ cả; cái gì đó mà chúng ta cho là sự ngẫu nhiên, hay chỉ nhân dịp nào đó thôi, vẫn có cái gì đó đã được xác định. Chẳng hạn, hãy lấy ví dụ, trường hợp của một người đi ra chợ, và "do vận mệnh" mà đã gặp được một ai đó mà anh ta muốn gặp nhưng lại không có nhiều hi vọng để gặp: việc đi chợ của anh ta, họ bảo là duyên cớ của chính điều này. Như thế mà họ lập luận rằng mọi cái gì khác xảy ra mà vẫn được quy cho là vận mệnh, vẫn luôn đã có một cái gì đó được giải thích tích cực hơn về điều đã được tìm thấy. Vận mệnh [họ bảo] không thể có nguyên nhân, bởi vì đó là sự nghịch lý để xem vận mệnh như là cái gì đó có thật. Hơn thế, họ xem cũng thật xứng đáng để không có một ai trong các nhà triết học cổ đã chú ý tới vận mệnh khi họ bàn luận về các nguyên nhân có thể trở thành và lại tan biến đi - một sự xác định chỉ mang có tính bề ngoài, và họ không tin vào tính chất khả thể của những điều gì đó sẽ xảy ra một cách tình cờ.

Vậy thì không thể đúng khi người ta chấp nhận về mặt lý thuyết trong lập luận đáng kính chú trương có mọi sự ngẫu nhiên xảy ra, và cho thấy là rõ ràng sự ngẫu nhiên có thể được quy cho nguyên nhân này hay nguyên nhân khác, nhưng tuy vậy họ lại không tiếp tục nói tới một vài sự vật giống như các nội dung của vận mệnh, còn những cái khác thì không. Những nhà triết học đầu tiên cũng đã phải lưu ý tới một yếu tố nào đó của sự phân biệt phổ biến này, nhưng trong những nguyên tắc khác nhau của họ - tình yêu và sự xung đột, tinh thần, lửa, v.v. - thì vận mệnh đã không tìm ra được một chỗ đứng nào. Sự bị bỏ mất đi, cũng ngang hàng với chính sự ngạc nhiên, hoặc cho dù chúng ta có giả định là họ đã không tin vào vận mệnh, hay tuy đã có tin nhưng vẫn không quan tâm tới nó; bởi vì ở bất kỳ một mức độ nào đó, thì họ cũng đã không vượt lên trên việc sử dụng ý tưởng đó trong những giải thích của họ được. Empedocle chẳng hạn, đã lưu ý việc không khí bốc lên trong không trung không phải chỉ thuần như nhau, mà "như là có vận mệnh"; "hay theo từ dùng trong cuốn sách *Sáng lập vũ trụ* của ông ta, giờ đây nó 'đã xảy ra', theo đúng như cách này, và hiện giờ thì nó đúng là thế đó". Và những cơ quan của loài vật, theo ông ta tuyên bố, cũng đã trở thành một cái gì đó mà chính chúng là thuần túy do vận mệnh.

Một vài người còn đi xa hơn như thế khi quy cho bầu trời và cho mọi thế giới các việc "ngẫu nhiên xảy ra", và tuyên bố rằng vortex, - tức là sự chuyển động đã được tách ra và được sắp xếp lại trong toàn bộ vũ trụ với những trật tự hiện thời của nó, - là do từ "chính nó". Chúng ta rất có thể sẽ phải ngạc nhiên về sự khẳng định này, là trong khi sự hiện hữu cùng sự tạo ra các loài vật và cây cối cần phải được quy cho, không phải là cho sự tình cờ, mà là cho thiên nhiên, hay tinh thần, hay một cái gì đó của mầm mống (cái gì đó vốn xuất phát từ một tinh trùng, hay một hạt giống, đặc biệt là rất rõ ràng, mà không phải chỉ là vấn đề về sự ngẫu nhiên, bởi vì phải có một loại của hạt giống để từ đó cho ra được cây ô liu, và từ một cái khác mà cho ra một con người),

vậy nên những bầu trời và những cái thiêng liêng nhất của những sự vật, có thể thấy được là phải đi vào trong sự hiện hữu một cách ngẫu phát, và không hề có những nguyên nhân như thế, giống như những loài vật và cây cối có. Ngay cả nếu điều này là đúng, thì cũng vẫn có thể có một sự vật nào đó làm được cho chúng ta ngưng lại, và cần phải được giải thích bằng một lý do nào đó. Bởi vì, nếu không kể tới bản chất nghịch lý chung của một lý thuyết như thế, thì cũng quả là sai trái nếu bảo người ta bắt buộc phải chấp nhận nó, khi mà họ có thể nhận thấy chẳng có một sự hiển nhiên nào của những sự việc xảy ra một cách tự phát giữa những hiện tượng của bầu trời, nhưng lại đầy những sự hiển nhiên như thế giữa những sự vật mà trong đó họ phủ nhận sự hiện diện của sự ngẫu nhiên. Sự hiển nhiên thì đích thực trái ngược lại với điều gì cần trông mong nếu lý thuyết của chúng cho là đúng.

Cũng có những người khác mà họ trong khi chấp nhận sự may mắn, họ lại nhìn thấy nó như một cái gì đó bí mật một cách thần kỳ, không thể nào hiểu được đối với trí thông minh của con người.

Phù hợp theo đó, chúng ta cũng cần phải xem xét bản chất của cái ngẫu nhiên và vận mệnh, và nhận thấy được có phải chăng chúng cũng cùng là một ý như nhau hay là khác nhau, và làm thế nào để chúng lại phù hợp được, trong các sự xếp loại về các nguyên nhân theo chúng ta.

Trước tiên hãy để ý khi chúng ta thấy có một vài sự vật nào đó đã xảy ra theo như một cách nào đó, hoặc là thuần nhất, hay "như một nguyên tắc tổng quát", thì hiển nhiên chúng ta cũng không thể cho là chúng chỉ do vận mệnh. Một điều của vận mệnh không phải là điều gì đó sẽ diễn ra, hoặc với một sự thuần nhất thiết yếu, hay giống như là một nguyên tắc chung. Nhưng cũng bởi vì có một loại thứ ba của hiện tượng đó có thể vẫn được thấy xảy ra, nên mọi người đều nói đến nó như thể một vấn đề của vận mệnh, và tất cả chúng ta đều biết tới nó như nó mang ý nghĩa, khi từ ngữ "vận mệnh" được sử dụng, và chỉ đơn giản có một sự vật như thế là có vận mệnh, nên chỉ một "cơ hội thuần túy ngẫu nhiên" phải tồn tại.

Có một vài sự kiện được "dùng cho một mục đích", còn những cái khác thì không. Thuộc về lớp thứ nhất, có một vài cái phù hợp theo với ý định của người có mục đích, còn những cái khác thì không; nhưng cả hai đều cùng ở trong lớp các sự vật được nhằm phục vụ cho mục đích. Hiển nhiên vẫn như thế, ngay cả ở trong số các trường hợp có xảy ra điều đó, nhưng lại không phải là các kết quả có thể nói trước được (tức cũng chẳng phải là hằng có, mà cũng chẳng phải bình thường) của ý định hiện có của bất cứ người nào, mà có một vài cái có thể nói được là cốt nhằm phục vụ cho một mục đích. Điều gì đó phục vụ cho một mục đích, thì có thể đã được phát sinh hoặc là từ trong tư tưởng, hay ngay trong tự nhiên: trong mỗi trường hợp mà khi một sự việc xảy ra là ngẫu nhiên, thì chúng ta gọi nó là một vấn đề của vận mệnh. Chỉ vì mọi điều gì đó đều có một bản chất thiết yếu cùng một số những đặc tính phụ thuộc, đến nỗi khi có một sự việc nào đó được xem như là một yếu tố quyết định về nguyên nhân, thì nó cũng có thể tương tự như thế, là có một khía cạnh song trùng. Khi một người xây dựng một ngôi nhà chẳng hạn, thì khả năng của anh ta về xây dựng ngôi nhà chính là yếu tố quyết định cách thiết yếu về ngôi nhà, trong khi sự kiện anh ta có màu tóc nâu hay là có văn hóa, vẫn chỉ là tùy thuộc đối với kết quả đó. Yếu tố quyết định thiết yếu thường có thể được tính toán, nhưng những yếu tố có quan hệ tùy thuộc, thì lại không thể tính tới được, bởi vì có một số nào đó trong chúng lại có thể thuộc vào một chu đề khác.

Như vừa được giải thích, chúng ta có thể quy cho vận mệnh hay sự ngẫu nhiên đối với bất cứ điều gì xảy ra [một cách ngẫu nhiên] ở trong một cách như thế, để

nhằm tới một mục đích. (Sự khác nhau đặc thù giữa vận mệnh và sự ngẫu nhiên có lẽ sẽ phải được giải thích sau này; vì hiện thời cũng đã đủ để nhấn mạnh là cả hai điều này cùng được tham chiếu vào những hành động đã xảy ra cốt nhằm tới một mục đích). Trong tính cách như một minh họa, và giả thiết chúng ta muốn khuyến khích đối với một người về một sự đóng góp tiền bạc. Chúng ta tất phải biết mục tiêu nào anh ta cần được động viên cho việc đóng góp cho anh ta. Nhưng nếu với một mục đích nào đó khác ở trong chính ý hướng mà chúng ta muốn đi tới, tức không phải nhằm thực hiện một cách không thay đổi, hay ngay cả cũng chẳng phải thường xuyên, mà chúng ta muốn hướng đến, thế thì nếu chỉ vì một mục đích cần được tác động tới (có được tiền), hẳn không phải là một tiến trình ngẫu phát của tự nhiên, nhưng là kiểu loại sự vật do bởi kết quả từ một sự chọn lựa có ý thức và có suy nghĩ, mà chúng ta lại miêu tả sự gặp gỡ đó như là một trường hợp may mắn. Tuy vậy, đó hẳn chẳng phải là một vấn đề của vận mệnh, nếu chúng ta đi tới viếng thăm một nơi đó để nhằm biểu lộ mục đích về sự tìm kiếm con người đó của chúng ta, hay nếu chúng ta vẫn thường xuyên tới đó, như khi để tiến hành đăng ký. Sự ngẫu nhiên, do thế rõ ràng là một khía cạnh tùy phụ của một nguyên nhân gây ra nằm trong phạm vi của các hành động đã có bao gồm sự chọn lựa có mục tiêu cùng sự suy nghĩ. Do thế, mà bởi vì sự lựa chọn cũng bao gồm cả "sự suy nghĩ thông minh", nên chúng ta có lẽ phải kết luận về vận mệnh và sự suy nghĩ thông minh, là cả hai quy chiếu vào cùng một phạm vi của các sự vật và các hoạt động...

Phù hợp theo như là kết quả của một hành động ngẫu nhiên là tốt hay xấu, nên chúng ta nói về vận mệnh tốt và xấu. Trong những vấn đề nghiêm túc hơn, chúng ta sử dụng những từ ngữ "cơ may" hay "vận rủi"; và một khi chúng ta đã thoát ra khỏi được trong một gang tấc sự không may lớn lao nào đó, hay chỉ có bỏ qua một dịp may lớn lao nào đó, thì chúng ta vẫn xem chúng ta như có may mắn hay không có may mắn tùy theo đó - cái rìa quả là rất nhỏ để khiến chúng ta có thể suy nghĩ về chính điều tốt hay điều xấu cả trong vấn đề đó như thể nó đang hiện có. Hơn thế, cũng bởi vì các vận mệnh là không ổn định (vì không điều gì ổn định hay bình thường lại có thể được quy vào cho vận mệnh), nên chung ta sẽ cũng có lý khi xem vận mệnh giống như là không ổn định.

Cả vận mệnh và sự ngẫu nhiên, cũng giống như đã nói, vẫn tùy phụ vào chính tình huống đã gây ra nguyên nhân, và vẫn được quy cho chính loại dạng của sự việc xảy ra vốn không hằng có và cũng không bình thường, nhưng nó lại có thể đã được nhắm đến cho chính sự an toàn của nó.

Điều khác nhau giữa vận mệnh và sự ngẫu nhiên, chính là "sự ngẫu nhiên" là một từ ngữ có mang tính bao hàm hơn. Dù mọi trường hợp vận mệnh cũng là trường hợp của sự ngẫu nhiên, nhưng trái lại không phải mọi trường hợp của sự ngẫu nhiên đều là những trường hợp của vận mệnh.

Vận mệnh cùng với các trường hợp có xảy ra sự may mắn hay rủi ro, đều được nói tới chỉ ở trong sự tương quan với những nhân tố mà cơ may có thể là một điều tốt [hay xấu], và thực hiện những hành động đạo đức. Do thế, mà vận mệnh cũng luôn luôn có được một quy chiếu nào đó đối với các hành vi hay thái độ - một kết luận mà về sau phải bị bắt buộc bởi niềm tin bình dân "vận may" cũng là cùng cái đó, hay trong thực tế, cái đó như "hạnh phúc"; và hạnh phúc như hàm ý là "thực hiện – tốt", là một loại dạng của "hành động đạo đức". Thế nên chỉ điều gì đó là một hành vi đạo đức khi có thể thực hiện những hành vi có tính may rủi hay ngược lại. Vận mệnh không phải chỉ nhằm tới những hoạt động của các sự vật vô tri giác, hoặc một con vật hay đứa trẻ, bởi vì những sự vật này không có "sự chọn lựa

tùy theo ý mình muốn". Nếu chúng ta gọi chúng là có may mắn hay không may mắn, thì chúng ta đang nói theo kiểu tượng hình - vì khi Protarchus nói về những viên đá dùng làm bàn thờ như là may mắn, là bởi vì chúng cần phải có được sự kính trọng, trong khi những người bạn của họ thì lại cứ dẫm chân lên đó. Tất cả mọi sự vật như thế, bị tác động do vận mệnh, thì cũng chỉ đến một chừng mực nào đó mà một nhân tố đạo đức có thể có quan hệ với họ, ở trong cách thế như là may mắn hay là không may mắn [đối với chính anh ta].

"Sự ngẫu nhiên thuần túy ngẫu phát", mặt khác được tìm thấy cả ở trong những loài vật thấp kém hơn, và ở trong nhiều sự vật không có sự sống. Chúng ta hãy nói về một con ngựa chẳng hạn, là nó đi nhờ "do ngẫu nhiên" để tới được một nơi an toàn, bởi lẽ nếu không được như thế, cũng sẽ không an toàn để có thể tới nơi tại nơi đó [nhưng cũng lại bởi do một nguyên do bên ngoài nào đó khác]. Vậy mà chúng ta cũng nói lại về một cái chìa ba nào đó sẽ bị rơi vào dưới chân nó cũng "bởi ngẫu nhiên" là bởi vì mặc dù điều đó có thể xảy ra được như thế, nhưng rồi vẫn có thể dùng nó để ngồi lên trên, và nó đã không bị rơi xuống cũng bởi vì chính vì điều đó.

[Sự phân biệt đó, do thế cũng có thể được tóm tắt lại như sau]. Chúng ta quy cho sự "ngẫu nhiên" mọi sự kiện như thế phải được chấp nhận một cách thông thường về sự cắt nghĩa điều quy thuộc [tức là nhằm đến một sự vật nào đó], nhưng nó lại xảy ra vào dịp này, để phải được tạo ra, mà không cần có sự suy chiếu nào cả vào kết quả hiện có. Từ ngữ "vận mệnh", mặt khác cũng vẫn hạn hẹp vào trong một mẫu loại đặc biệt của các sự kiện ngẫu nhiên nào đó mà (1) có thể đó là những sự vật được lựa chọn, và (2) làm ảnh hưởng tới những người có thể phải thực hiện sự chọn lựa... Sự dị biệt giữa vận mệnh và sự ngẫu nhiên càng trở thành rõ ràng nhất, khi áp dụng vào trong những sự sản sinh ra của tự nhiên: khi tự nhiên tạo ra một con yêu tinh, chúng ta gán cho điều đó như là sự ngẫu nhiên, nhưng chúng ta không thể bảo tự nhiên là không may. Tuy vậy, ngay cả chính điều này cũng không hoàn toàn cùng một mẫu loại với tình trạng giống như tình trạng của một con ngựa ngẫu nhiên trốn thoát; bởi vì sự trốn thoát được của con ngựa, là do tại bởi một nguyên nhân từ bên ngoài, trong khi những nguyên nhân của sự sai lầm của tự nhiên lại chỉ là riêng tư trong chính bản thân của nó.

Như vậy chúng ta đã cắt nghĩa về ý nghĩa, cùng sự phân biệt giữa vận mệnh và sự ngẫu nhiên. Và cả hai có thể được thêm vào như thuộc về trật tự "những yếu tố xác định đủ" [các nguyên nhân đủ] hay "các nguồn gốc của sự vận động"; bởi vì những yếu tố quyết định cho nó chúng vẫn là tùy thuộc, hoặc là những lực tự nhiên, hay những nhân tố thông minh - tức những loại đặc biệt của nó có rất nhiều để được nói tới.

Cũng có nhiều kết quả của chính vận mệnh và sự ngẫu nhiên, trong khi một loại như thế đó của tự nhiên hay của một sự thông minh có thực, có thể đã là có ý định, và vốn đã có trong chính sự kiện xuất hiện ra như một kết quả tùy thuộc thuần túy của tiến trình do nguyên nhân nào đó, và cũng vì không có hiệu quả nào lại có thể là tùy thuộc mà lại không có nguyên nhân đi trước và chính thức nào đó để cho nó được tùy thuộc, thì rõ ràng nguyên nhân tùy thuộc đó phải giả định một mối quan hệ nhân quả mà trong đó bản thân nó là chính thức và trực tiếp. Vận mệnh và sự ngẫu nhiên như thế, thì cũng giả định một sự thông minh, và tự nhiên cũng giống như những tác nhân nhân quả. Vậy nên, tuy dầu điều đó có thể vẫn đúng với những bầu trời, nhưng cả sự may mắn ngẫu nhiên, sự thông minh và tự nhiên vẫn phải là những nguyên nhân trước tiên, không phải chỉ của nhiều sự kiện khác, mà của chính vũ trụ này.

11

Các phép lạ ⌖

DAVID HUME

(1711 - 1776)

Trong các bài viết của tiến sĩ Tillotson, có một lập luận chống lại *sự hiện diện thật sự* ... ❖ cũng cô đọng, tao nhã và mạnh mẽ như bất cứ một lập luận có thể giả định là chống lại một học thuyết, tuy chẳng có mấy giá trị như thế để nhằm tới một sự từ bỏ nghiêm khắc. Nó đã được nhận thức một cách hết lòng, để nói được là vị giám mục có học, có quyền uy, hay giá trị của Kinh Thánh, hay của truyền thống, vốn vẫn được tìm thấy chỉ ở trong lời chứng thực của các tông đồ, là những người đã chứng kiến tận mắt đối với những phép lạ đó, chính từ vị Cứu rỗi đó của chúng ta, và cũng chính qua nó, mà ông ta đã chứng tỏ được sứ mạng thiêng liêng của mình. Thế thì bằng cớ của chúng ta đối với chân lý của đạo Thiên Chúa giáo vẫn cứ kém hơn so với bằng chứng về sự thật của các giác quan của chúng ta; bởi vì, ngay cả đối với những tác giả đầu tiên trong tôn giáo của chúng ta, thì nó cũng không thể lớn hơn; và hiển nhiên điều đó cũng tất phải giảm đi trong việc truyền từ họ đến các đồ đệ của họ; vì không phải bất cứ ai cũng có thể giữ được lòng tin cậy như thế ngay trong chính lời chứng thực của họ, giống như thể trong đối tượng trực tiếp nơi các giác quan của người đó. Nhưng một bằng chứng yếu hơn không bao giờ có thể phá hủy một bằng chứng mạnh hơn; và vì thế nếu lý thuyết về sự có mặt thật sự đã từng được thể hiện rất rõ ràng trong Kinh Thánh, thì nó trực tiếp đi ngược lại các quy tắc của lý luận đúng để khiến cho ta có thể đồng ý với nó. Nó đi ngược lại cảm quan, vì Kinh Thánh lẫn truyền thông, mà từ đó nó giả định được xây dựng nên, đều không mang được bằng chứng hiển nhiên như là cảm quan; nên khi chúng chỉ được xem như là những chứng cớ ngoại tại, thì cũng

⌖ Toàn bộ Chương 10 trong *Một nghiên cứu về sự hiểu biết của con người (1848)*.

❖ Học thuyết cho rằng máu và thân thể của Chúa Kitô "hiện diện thực sự" trong bánh mì và rượu trong suốt dịp lễ ban thánh lễ.

không thể được mang vào lòng cho từng trái tim của mỗi người bằng việc hành xử trực tiếp trong Chúa Thánh Thần.

Chẳng có gì thuận lợi bằng một thứ lập luận mang tính quyết định như thế, ít nhất nó cũng làm yên lặng sự tin tưởng, và mê tín kiêu hãnh nhất, và giải phóng chúng ta ra khỏi những khuyến dụ trơ trẽn của họ. Tôi tự phỉnh dụ mình là tôi đã khám phá ra các lý luận có bản chất tương tự, mà nếu điều đó đúng, thì với sự khôn ngoan và hiểu biết, nó sẽ là một kiểm chứng vĩnh viễn đối với mọi loại ảo tưởng mê muội, và do đó mà cũng sẽ hữu dụng thật sự lâu dài suốt cả trong khi thế gian tồn tại. Và vì lâu dài như thế, nên tôi cũng cho rằng đó sẽ là những nội dung phải có đối với các phép lạ, và là những điều kỳ lạ đã được tìm thấy trong toàn bộ lịch sử, thiêng liêng cũng như trần thế.

Cho dù kinh nghiệm là sự hướng dẫn duy nhất của chúng ta trong việc lý luận có liên quan tới các sự kiện thực tế; song cũng cần phải nhận thức là sự hướng dẫn này nói chung không phải là không sai lầm, nên trong một số trường hợp vẫn có khả năng dẫn đưa chúng ta tới sự sai lầm. Như một người trong điều kiện khí hậu của chúng ta, có thể hi vọng thời tiết được tốt hơn trong một tuần lễ nào đó của tháng sáu, hơn là trong một tuần lễ nào đó của tháng mười hai, sẽ có lý lẽ đúng và phù hợp theo với kinh nghiệm; nhưng chắc chắn anh ta vẫn có thể sẽ gặp phải một trường hợp của sự kiện đó, nhận thấy chính anh ta đã bị nhầm lẫn. Tuy vậy, chúng ta vẫn có thể quan sát được là trong một trường hợp như thế, anh ta cũng không thể có lý do gì để phàn nàn về kinh nghiệm đó cả; bởi vì thông thường thì nói chung nó vẫn cung cấp cho chúng ta trước hết là về sự không chắc chắn, bởi cũng do sự trái ngược nhau như thế của các sự kiện, mà nếu chúng ta biết quan sát được từ sự thận trọng. Mọi hiệu quả không phải luôn xảy ra với sự chắc chắn, cũng tương tự như từ các nguyên nhân giả định. Một vài sự kiện vẫn đã được tìm thấy, ở mọi nơi, và trong mọi thời đại, dẽ có thể được luôn luôn nối kết với nhau: những cái khác thì được tìm thấy như đã có sự thay đổi hơn, và đôi khi còn không phù hợp với chính các mong đợi của chúng ta; nhằm để cho trong những lập luận thuộc vấn đề các sự kiện của chúng ta có được mọi cấp độ có thể tưởng tượng ra được của sự quyết chắc, cả từ sự một chắc chắn cao nhất cho tới những loại dạng thấp nhất của sự hiển nhiên tinh thần.

Một người khôn ngoan, tuy có những mức độ mà anh ta tin tưởng về sự hiển nhiên. Trong những kết luận như thế, nó đã được tìm thấy trên một kinh nghiệm không thể thất bại được, và anh ta vẫn trông đợi nơi sự kiện với một mức độ bảo đảm cuối cùng, cùng xem kinh nghiệm đã qua của anh ta như một *bằng chứng* đầy đủ của sự tồn tại trong tương lai của sự kiện đó. Trong những trường hợp khác, anh ta lại buộc phải tiến hành với sự thận trọng hơn: anh ta cân nhắc những thí nghiệm nghịch nhau; anh ta xem xét khía cạnh nào vốn đã được nâng đỡ bởi một số lớn hơn các kinh nghiệm; về khía cạnh này, anh ta sẽ nghiêng hẳn về sự ngơ vực và do dự; và cuối cùng, anh ta phải xác định sự phán đoán của mình vẫn hiển nhiên không phải điều gì đó mà chúng ta gọi một cách xác đáng là *khả năng có thể có*. Mọi khả năng có thể có như thế là chính sự giả định sẽ có một sự ngược lại với những kinh nghiệm và những quan sát đã có được, mà ở đó một khía cạnh sẽ được tìm thấy là trội vượt lên hơn so với cái kia, và tạo nên một cấp độ của sự hiển nhiên, làm cân đối lại với tính trội vượt. Một trăm trường hợp hay kinh nghiệm nằm trên một khía cạnh, và năm mươi trường hợp lại nằm trên một khía cạnh khác, tất mang lại một sự trông đợi

đầy nghi ngờ về một sự kiện nào đó; cho dù có hàng trăm những thử nghiệm giống như nhau, nhưng với chỉ một sự kiện là trái ngược lại thôi, thì cứ vẫn cho thấy một cách hợp lý là có một cấp độ thật sự mạnh mẽ của sự tin chắc. Trong mọi trường hợp, chúng ta cần phải cân nhắc những trải nghiệm ngược nhau, ở nơi mà chúng vẫn ngược nhau, và suy diễn ra từ đó một con số nhỏ hơn từ cái lớn hơn, để nhằm biết lực lượng đúng của sự hiển nhiên cao nhất.

Nhằm áp dụng những nguyên lý này vào cho một trường hợp đặc thù, chúng ta quan sát thấy là không có những chủng loại nào của lý luận lại là chung hơn, hữu ích hơn, và ngay cả là cần thiết hơn đối với đời sống của con người, hơn là cái gì đã xuất phát ra từ sự chứng nhận của con người, và những thông báo lại những sự chứng kiến tận mắt từ những người quan sát. Loại dạng này của lý luận có lẽ người ta vẫn có thể không công nhận là nó được xây dựng trên mối quan hệ của nguyên nhân và hậu quả. Tôi sẽ không thảo luận về mặt từ ngữ. Có lẽ đủ để quan sát là sự bảo đảm của chúng ta trong một lập luận nào đó của loại này vốn xuất phát không phải từ một nguyên lý nào khác hơn chính sự quan sát của chúng ta về tính hiển nhiên do bởi sự chứng kiến của con người, và là sự phù hợp thông thường của những sự kiện cùng với những thông báo lại của chính sự chứng kiến đó. Có một câu châm ngôn chung cho là không thể có những đối tượng nào được khám phá ra trong mối quan hệ với những cái khác, và mọi sự quy chiếu mà chúng ta có thể rút ra được từ một cái này và một cái khác, thì chỉ chủ yếu được đặt nền tảng trên chính kinh nghiệm của chúng ta về mối liên kết thường xuyên và đều đặn của chúng; hiển nhiên chúng ta không thể được phép làm một ngoại lệ nào cho câu châm ngôn này, để nhằm ưu ái đối với sự chứng kiến của con người, mà sự nối kết của nó cùng với một sự kiện nào đó dường như chính trong bản thân nó lại ít cần thiết giống như một sự kiện nào đó khác. Đó cùng chẳng phải do một trí nhớ dai dẳng ở một cấp độ nào đó; con người cũng chẳng phải vẫn có một khuynh hướng chung về sự thật và một nguyên lý của sự tách bạch, nên phải chăng chúng vẫn chăng cảm thấy bị xấu hổ khi mình bị khám phá đang trong sự sai lầm: chẳng phải những điều này, mà theo tôi nó vốn đã được khám phá ra do kinh nghiệm về các tính chất là gắn liền với bản tính con người, nên chúng ta có thể sẽ không bao giờ đặt để một sự tín nhiệm chí ít nào đó vào trong sự chứng kiến của con người. Một người điên loạn, hay được cho là sai trái hay xấu xa, vẫn không có một chút tính cách quyền lực nào đối với chúng ta cả.

Và bởi vì sự hiển nhiên phát xuất từ các chứng cứ, cũng như lời chứng của con người lại được xây dựng trên kinh nghiệm của quá khứ, nên nó phải biến đổi theo với kinh nghiệm, và được xem hoặc như một bằng chứng, hoặc như một khả thể tính phù hợp với chính tính chất giống như một sự nối kết giữa một loại báo cáo đặc biệt nào đó và một loại đối tượng nào đó được tìm thấy hoặc như thường xuyên hoặc là thay đổi. Có một số trường hợp vẫn được xem xét trong mọi phán đoán về loại này; và tiêu chuẩn cuối cùng để qua đó chúng ta xác định được về mọi sự tranh cãi là nó có thể được phát sinh ra trong quan hệ đối với chúng, nhưng vẫn luôn xuất phát từ kinh nghiệm và quan sát. Nơi nào mà kinh nghiệm này không hoàn toàn thuần nhất ở trên một mặt nào đó, thì nó vẫn được trông chờ với một sự nghịch lý không thể tránh được chính trong các lập luận của chúng ta, và cũng cùng với sự trái ngược và sự phá hoại lẫn nhau của các cách lập luận giống như trong mọi loại hiển nhiên khác. Chúng ta vẫn thường do dự đối với những thông báo lại của những người khác. Chúng ta phải cân nhắc những tình huống trái ngược, vì chúng mang lại một sự nghi

ngờ hay sự do dự nào đó; và khi chúng ta khám phá được một sự ưu việt về một mặt nào, thì chúng ta hắn là nghiêng về nó; nhưng còn đối với sự giảm bớt đi một sự chắc chắn, thì cũng ngang lại với sức mạnh của tính chất đối kháng lại của nó.

Tính trái ngược này của sự hiển nhiên, trong trường hợp hiện giờ có thể được xuất phát từ một số các nguyên nhân khác nhau; từ sự trái ngược của lời chứng thực nghịch lại; từ tính chất hay số lượng của người làm chứng; từ cách thức của sự nêu ra lời chứng thực của họ; hay từ sự phối hợp của mọi trường hợp này. Chúng ta thích thú có một sự nghi ngờ đối với một vấn đề nào đó về sự kiện, khi những chứng cứ là trái ngược lẫn nhau; khi chúng có đó nhưng lại ít, hay còn mang tính cách đáng ngờ nào đó; khi họ có một sự thích thú trong một điều gì đó do họ khẳng định; khi họ đưa ra những lời chứng của họ nhưng với sự do dự, hay ngược lại không hề có một sự cả quyết mạnh mẽ nào. Có nhiều sự đặc thù khác cũng thuộc cùng loại, nó có thể làm giảm xuống, hay tàn phá sức mạnh của bất cứ lập luận nào, xuất phát từ sự xác nhận dựa vào bằng chứng của con người.

Chẳng hạn, giả thiết có một sự kiện sự xác nhận được chứng cứ để nhằm thiết lập, phân chia những cái gì đó khác thường và tuyệt diệu; và trong trường hợp đó, sự hiển nhiên là do từ lời khai thừa nhận chứng cứ, thừa nhận một sự giảm đi bớt, sự lớn hơn hay ít hơn, hay chỉ ngang bằng cùng với sự kiện, hoặc là hơn hay là kém hơn thông thường. Lý do tại sao chúng ta đặt một sự tin cậy nào đó vào trong những chứng cứ và vào các nhà sử học, thì không phải do phát sinh từ một sự tiếp cận nào đó, mà do chúng ta thừa nhận nó một cách tiên nghiệm giữa sự xác nhận bằng chứng và thực tại, và cũng bởi vì chúng ta hay có thói quen tìm kiếm một sự phù hợp giữa chúng. Nhưng khi chính sự kiện đã được thừa nhận là một sự kiện như thế, thì vẫn ít khi được chúng ta quan sát thấy, mà ở đây chỉ là một sự phủ nhận cả hai kinh nghiệm trái ngược nhau; do từ đó cái này mà hủy diệt cái kia, đến chừng mực nào đó mà sức mạnh của nó đạt tới được, và cái ưu trội chỉ có thể được hành tử trên chính tinh thần do bởi sức mạnh được còn lại. Cũng chỉ có cùng một nguyên tắc như thế về kinh nghiệm, mà chúng phải cho chúng ta một mức độ nào đó của sự bảo đảm trong việc xác nhận đối với các chứng cứ, và cũng cho chúng ta trong trường hợp này một cấp độ khác của sự chắc chắn nhằm để chống lại sự kiện mà họ đảm nhận để thiết lập; và từ đó mà sự mâu thuẫn thiết yếu ở đây được nâng lên như một đối trọng, và đi tới sự tiêu huỷ lẫn nhau giữa niềm tin và quyền lực.

Tôi không nên tin vào một câu chuyện như thế mà do chính Cato đã nói với tôi, là một câu ngạn ngữ đã được nói tới ở La Mã, ngay cả chính trong lúc sinh thời của nhà ái quốc có tinh thần triết lý đó. Sự không dễ tin vào một sự kiện thì vẫn luôn vẫn được phép, và có thể là đã không tương thích cùng với một quyền lực lớn như thế.

Hoàng tử Ấn Độ đã từ chối tin tưởng vào những mối quan hệ đầu tiên đối với các hậu quả của sương mù, và ông ta đã lý luận đúng; và nó tự nhiên phải đòi hỏi rất mạnh mẽ đối với lời chứng thực về mặt chứng cứ để có thể đi đến được sự đồng ý của ông ta về các sự kiện, mà nó chỉ đã xuất phát từ một tình trạng tự nhiên do ông ta đã không quen thuộc, và nó chỉ mang lại một sự tương tự nhỏ đối với các sự kiện đó, để nhờ từ đó mà ông ta đã có kinh nghiệm thường xuyên và thuần nhất. Cho dù chúng hoàn toàn không hề đi ngược lại với kinh nghiệm của ông ta, thì chúng vẫn không phù hợp với nó.

Nhưng để tăng cường khả năng có thể có nhằm chống lại lời xác nhận về các chứng cứ, chúng ta thử nên giả định sự kiện họ khẳng định thay vì chỉ là kỳ diệu thì thực tế là kỳ diệu; và cũng giả thử sự

xác nhận về chứng cứ vẫn được xem xét cách tách biệt và chỉ trong chính nó, để gộp thành một chứng cứ toàn thể; trong trường hợp đó, có các chứng cứ chống lại chứng cứ, nên từ đó cái nào mạnh mẽ nhất tất phải vượt trội hơn lên, nhưng vẫn hãy còn bị giảm bớt của sức mạnh của nó trong tương quan với chính cái đối nghịch với nó.

Một phép lạ là một sự xâm phạm đối với quy luật của tự nhiên; và bởi vì đây là một kinh nghiệm chắc chắn, không lay chuyển được, do đó đã lập nên những quy luật này, cùng đó là chính bằng chứng để chống lại một phép lạ, do từ tính chất rất tự nhiên của sự kiện, và đó hoàn toàn như là một lập luận mà từ kinh nghiệm có thể tưởng tượng ra được. Tại sao nó lại vượt hơn lên điều gì có thể có, là tất cả mọi người đều phải chết; và chì thì tự bản thân nó không thể nào lơ lửng được trong không khí; còn lửa đốt cháy gỗ, nhưng lại bị nước làm cho tắt; trừ khi nói được là dù những sự kiện này vẫn dễ dàng được thấy rõ trong những quy luật của tự nhiên, nhưng do thế mà phải yêu cầu có một sự vi phạm những quy luật này, hay là nói khác, đó là một phép lạ làm ngăn cản chúng? Chẳng có sự vật nào được cho là một phép lạ cả, nếu nó vẫn cứ thường hay xảy ra ở trong dòng chảy chung của tự nhiên. Chẳng có một điều gì gọi là phép lạ cả, khi một người mà dường như ở trong một tình hình sức khỏe tốt, lại có thể bị chết một cách thình lình: bởi vì chính một loại chết như thế, cho dù là gần với sự không tự nhiên hơn bất cứ điều nào khác, nhưng vẫn cứ được quan sát thường thấy xảy ra một cách thông thường. Nhưng đó sẽ là một phép lạ, nếu một người đã chết, rồi lại được sống lại; bởi vì điều đó sẽ không bao giờ lại được nhìn thấy ở trong bất kỳ thời đại hay đất nước nào. Tuy vậy, đó phải là một kinh nghiệm thống nhất mới chống lại được mọi sự kiện phép lạ, hay nói khác, nếu hiện tượng vẫn là không xứng đáng để được gọi như thế. Và cũng giống như một kinh nghiệm bình thường, để trở thành một bằng chứng, ở đây cũng phải có một chứng cứ trực tiếp và đầy đủ, đi từ bản chất của sự kiện, và ngược lại chính sự hiện diện của một phép lạ nào đó; không phải là một bằng chứng như thế có thể bị tiêu diệt, hay một phép lạ trở nên có thể tin được, nhưng là bằng một bằng chứng ngược lại, và nó phải trội vượt hơn lên.

Hậu quả giản đơn là (và đây là câu châm ngôn chung, xứng đáng để chúng ta lưu ý) "không có một xác nhận chứng cứ nào là đầy đủ để tạo lập lên được một phép lạ cả, trừ phi đây là một sự xác nhận bằng chứng thuộc về một loại như thế, và nó đã thành sai lầm để có thể mang tính chất một phép lạ hơn, hơn là chính sự kiện đó mà nó nhằm tạo lập; và ngay cả trong trường hợp đó, vẫn có một sự phá hủy lẫn nhau giữa các lập luận, và cái nào trội vượt hơn vẫn chỉ có thể mang tới cho chúng ta một sự khẳng quyết thích hợp nào đó cho mức độ có được sự sự bó buộc, để được giữ vững sau khi đã suy đoán ra được cái thấp hơn". Khi bất kỳ một người nào đó nói với tôi, là anh ta đã thấy có một người chết sống lại, thì tôi liền lập tức phải tự mình kiểm tra để xem điều ấy có thể có được không, hay phải chăng người đó đã đi lừa hoặc đã bị mắc lừa, hay sự kiện do anh ta thuật lại đó quả có phải đã thực sự xảy ra hay không. Tôi cân nhắc một phép lạ để chống lại một cái khác; và tùy theo một cái nào đó trội vượt hơn, mà tôi khám phá được ra nó, thì tôi mới nói lên chính điều cả quyết của tôi, và vẫn luôn luôn phải loại bỏ chính phép lạ lớn hơn. Nếu sự sai lầm của việc xác nhận chứng cứ của anh ta lại có thể mang tính phép lạ nhiều hơn, hơn là chính sự kiện mà anh ta đã kể lại; thế thì vẫn chẳng thể nào để anh ta có thể có ý định điều khiển được lòng tin hay cả ý kiến của tôi.

Trong việc lập luận như trên đây, chúng ta đã giả định sự xác nhận về chứng

cứ mà trên đó một phép lạ được dựng lên, có thể đưa tới một bằng chứng hoàn toàn, và sự sai lầm của việc chứng nhận chứng cứ đó, có thể vẫn là một con người phi thường thật sự: Nhưng sự thật cũng dễ lệch lạc khi chúng ta lại có một sự tự do quá lớn trong sự nhượng bộ của chúng ta, và vẫn chẳng bao giờ có được một phép lạ, ngay cả khi nó được xây dựng trên một bằng chứng đầy đủ như thế.

Vì *trước hết*, chẳng có một điều gì đã được tìm thấy trong toàn thể lịch sử về bất cứ một phép lạ nào đã được trắc nghiệm bởi một số đông đủ những con người có được một khả năng cảm nhận lành mạnh, có giáo dục và học vấn không thể chê vào đâu được như vậy, để nhằm bảo đảm cho chúng ta chống lại mọi sự ảo tưởng ở trong chính họ; cho sự trọn vẹn không thể nghi ngờ như vậy được, và cũng nhằm đặt để chúng có thể vượt qua được mọi sự nghi ngờ của bất cứ một ý đồ nào cốt nhằm đánh lừa người khác; cho sự tín nhiệm và danh tiếng như thế trong chính con mắt của loài người, như đã có một số lớn đã dễ mất đi trong trường hợp họ đã bị khám phá ra trong bất cứ sự sai lầm nào; và cũng ở cùng một thời điểm, việc xác nhận những sự kiện đã được hoàn thành trong cách thức công cộng như thế, và trong một phần được tôn vinh như thế của thế giới, giống như việc làm cho sự phát hiện đó là không thể tránh được: mọi trường hợp như thế nhất thiết phải mang lại cho chúng ta một sự bảo đảm đầy đủ trong chính sự xác nhận chứng cứ của con người.

Thứ hai, chúng ta quan sát thấy trong bản chất con người có một nguyên lý mà nếu xem xét một cách chặt chẽ, có thể nhận ra được việc sự đảm bảo phải bị giảm đi một cách cực kỳ, mà có lẽ chúng ta từ đó cũng xác nhận được về bằng chứng là trong con người còn có trong một loại người đặc biệt. Câu châm ngôn mà qua đó nói chung chúng ta vẫn hành sử trong các cách suy luận của chúng ta, cho là những sự vật mà chúng ta chẳng hề có kinh nghiệm gì, cũng chỉ giống như những sự vật mà chính chúng ta có; tức điều gì chúng ta vẫn nhận thấy được thì hầu hết bình thường luôn luôn vẫn dường như phải xảy ra; còn nơi nào có sự đối nghịch về những lý luận thì chúng ta vẫn có thể dành riêng sự ưu ái đối với những điều giống như thế đã được nhận thấy trong phần lớn nhất những điều quan sát đã có được. Nhưng cho dù chính trong sự vận hành theo quy tắc này, chúng ta vẫn sẵn sàng vứt bỏ đi bất cứ sự kiện nào mà thường xuyên không có và không thể tìm được ở trong một cấp độ bình thường; do thế mà chính trong sự tiến lên xa hơn, tinh thần vẫn quan sát không phải luôn luôn chỉ cùng một quy tắc đó; nhưng một khi đã có điều gì đó được xác nhận là hết sức vô lý, và kỳ diệu, thì lại vẫn càng phải sẵn sàng để chấp nhận một sự kiện như thế, trên cơ sở của chính tình huống như thế, dù tự nó có thể phá hủy hết mọi quyền lực của nó. Niềm đam mê về *sự ngạc nhiên* và *điều kỳ diệu*, do phát sinh từ một phép lạ, là một cảm xúc dễ chịu, đáp ứng cho một khuynh hướng nhạy cảm đối với niềm tin về các sự kiện mà do từ đó nó được phát sinh ra. Và điều này lại cũng còn đi khá xa hơn thế, đến nỗi ngay cả những người không hề thụ hưởng được niềm khoái lạc này ngay lập tức được, cũng không thể không tin tưởng vào những sự kiện kỳ diệu đó mà họ đã được thông báo, và ngay cả còn thích được chia phần sự thỏa mãn vào đó, hay bằng cách phản đối ngược lại, và còn đặt sự hãnh diện và niềm vui thích vào trong việc kích thích sự thán phục của những người khác.

Với sự tham lam nào mà những toan tính ngoạn mục của những người du lịch đã nhìn nhận được những mô tả của họ về những con quái vật của biển hay của đất liền, các quan hệ của họ về những cuộc phiêu lưu lạ lùng, những con người lạ lùng, và những cách thức khác thường? Nhưng nếu tinh thần tôn giáo vẫn tự gắn

nó cùng với sự kỳ diệu, thì vẫn có một mục đích của cảm quan chung; và sự xác nhận về bằng chứng của con người, trong những trường hợp này, đã mất đi hết mọi ý đồ về quyền uy. Một người có tôn giáo có thể là một con người nhiệt thành, và dã tưởng tượng là anh ta có nhìn thấy một điều gì đó mà không có thực chất: anh ta có thể vẫn biết những chuyện đã kể lại của mình là sai lầm, và tuy thế vẫn có sự ân tàng trong đó, cùng với những ý đồ tốt nhất trong cuộc đời, việc nhằm cổ vũ cho một nguyên lý thần thánh như thế nào đó: hay ngay cả ở đâu mà chính ảo tưởng này vẫn không có đất đứng, thì sự khoe khoang, cũng được kích thích do bởi một ý hướng thật mãnh liệt đã tác động lên anh ta còn mạnh mẽ hơn hết so với tất cả mọi người còn lại trong cuộc đời này ở trong bất kỳ những tình huống nào khác; vì sự lợi ích của bản thân cũng với cùng một sức mạnh. Những người nghe anh ta kể lại đó, có thể vẫn không có hay không có chung một phán đoán đủ để nhằm hỗ trợ cho sự hiển nhiên của anh ta: phán đoán nào mà họ có, thì họ vẫn từ chối được bởi nguyên tắc đối với những chủ đề cao quý và huyền diệu này: hoặc nếu có bao giờ họ muốn sử dụng nó, thì niềm đam mê và sự tưởng tượng cháy bỏng vẫn khuấy động lên đều đặn những tác động của nó. Sự dễ tin của họ càng làm gia tăng sự bất chấp của anh ta: và sự bất chấp của anh ta lại càng khuynh loát hơn sự cả tin của họ.

Sự hùng hồn, khi đã đạt tới được đỉnh cao nhất của nó, liền rời căn phòng nhỏ bé của lý trí hay sự suy nghĩ; và lúc đó nó chỉ nói với chính mình theo một cách hoàn toàn như sự tưởng tượng hay như những tình cảm, nhằm nắm bắt lấy những người nghe đầy háo hức, cùng chế ngự sự hiểu biết của họ. May mắn là chính đỉnh cao này cũng ít khi đạt tới được. Nhưng những điều gì mà một Tully hay một Demosthenes có thể có, cũng chỉ gây ra được tác dụng đối với những người thính giả ở thành La Mã hay những người ở thành A-ten, mỗi *Capuchin*, mỗi người hay đi đây đi đó, hoặc thầy giáo quy phạm có thể thực hiện được qua tổng thể nhân loại nói chung, và cũng trong một cấp độ cao hơn, bằng cách tiếp cận những đam mê thô bạo và tầm thường như thế.

Có nhiều trường hợp về những phép lạ được tạo ra, những sự tiên tri, và những sự kiện siêu nhiên, mà trong mọi thời đại, hoặc đã được phát hiện bởi các bằng chứng ngược lại, hay là chính họ đã phát hiện ra bằng tính chất phi lý của chúng, đã đủ chứng tỏ khuynh hướng mạnh mẽ của nhân loại vẫn hướng tới sự phi thường và điều kỳ diệu, và có thể vẫn hợp lý để gây ra một điều ngờ vực chống lại mọi mối quan hệ thuộc loại này. Đây là một cách suy nghĩ tự nhiên của chúng ta, ngay cả đối với những sự kiện phổ biến nhất và dễ tin nhất. Chẳng hạn: Không có loại thông báo nào xuất phát một cách dễ dàng và lan truyền nhanh chóng đặc biệt trong những vùng quê và các thị trấn giống như những gì thuộc về hôn nhân; cũng vì thế mà hai con người tre trung tuy trong cùng một điều kiện mà không bao giờ gặp nhau được hai lần, nhưng toàn thể các vùng lân cận đều lập tức gắn họ cùng với nhau. Sự thích thú khác nhau về một mẩu tin tức mới mẻ, hay họ như thế, để rồi loan truyền nó, và mình là những người đầu tiên thuật lại nó, mở rộng nó ra trong sự thông minh. Và điều này cũng được cho là tốt, đến nỗi cũng không có một người bình thường nào lại chú ý tới những tin tức này, cho tới khi anh ta nhận thấy nó đã được khẳng định bởi sự hiển nhiên nào đó còn lớn hơn. Do cùng có những đam mê như thế, và những điều khác còn mạnh mẽ hơn, nên khiến cho nhân loại nói chung luôn tin tưởng và thông báo lại, với sự nhiệt tình lớn nhất và cùng một sự chắc chắn, và đó cũng là mọi phép lạ tôn giáo?

Thứ ba, nó tạo thành một tiên kiến mạnh mẽ chống lại mọi mối quan hệ siêu

nhiên và kỳ diệu đã được quan sát một cách cơ bản là vẫn có rất nhiều ở các quốc gia dốt nát và còn man rợ; hay nếu một dân tộc văn minh đã có bao giờ tự thừa nhận về một đất nước nào đó ở trong lịch sử của họ, thì dân tộc đó sẽ cảm thấy là do từ những tổ tiên dốt nát và man rợ đó của họ mà đã truyền lại chúng cùng với sự chế tài và quyền hành không thể bị xâm phạm, và nó luôn luôn chờ đợi những ý kiến được thừa nhận. Khi chúng ta đã nghiên cứu kỹ lưỡng về những lịch sử đầu tiên của mọi quốc gia, thì chúng ta có thể tưởng tượng được như chính chúng ta đang bị chuyển dịch vào trong một thế giới mới nào đó; nơi mà toàn bộ khung cảnh của tự nhiên là rời rạc, và mọi yếu tố thực hiện sự vận hành của nó cũng ở trong một cách thức khác hẳn, do từ các điều gì đang được thực hiện lúc đó. Những trận đánh, những cuộc cách mạng, bệnh dịch, sự đói kém và cái chết, thường vẫn là hiệu quả của những nguyên nhân tự nhiên này, và chúng ta cũng đã biết. Những con người đặc biệt, những điềm lạ, những lời sấm truyền, những sự phán đoán, vẫn hoàn toàn làm mờ mịt đi một số ít ỏi những sự kiện tự nhiên nào đó đã bị pha lẫn vào trong đó. Nhưng vì cái trước cũng trở nên mỏng manh hơn ở mọi mặt, trong sự cân đối với nó, chừng nào mà chúng ta tiến tới gần hơn với những thời đại văn minh cao hơn, thì chẳng bao lâu chúng ta cũng sẽ học được là chẳng có điều gì là bí mật hay siêu nhiên trong các trường hợp đó, nhưng mọi tiến trình vốn từ khuynh hướng tự nhiên của con người hướng tới sự kỳ ảo, và mặc dù khuynh hướng này có lẽ cũng phải trong những lúc nào đó nhận được sự một sự kiểm chứng từ các ý nghĩa và sự học hỏi, để nó vẫn có thể không bao giờ bị quét đi hết hoàn toàn ra khỏi chính bản chất của con người.

Thật lạ lùng, nếu một người đọc nào có tinh thần xét đoán, vẫn có thể nói được đối với việc thuật lại của những nhà sử học đầy tinh thần kỳ bí này, *những sự kiện lạ lùng như thế ngày nay sẽ không bao giờ có thể xảy ra được*. Nhưng chẳng có điều gì lạ lùng cả, khi tôi luôn cho rằng con người vẫn phải chết trong mọi thời đại. Bạn chắc chắn cũng phải nhìn thấy đầy đủ về những trường hợp của sự yếu đuối đó. Chính bạn cũng đã nghe được có nhiều mối quan hệ diệu kỳ như thế đã được bắt đầu, nó được hành xử bởi sự nóng giận do mọi người khôn ngoan và có óc phán đoán nào đó, dù ít nhất cũng đã từng bị bỏ đi, ngay cả chỉ bởi sự tầm thường. Chắc chắn những điều nói dối nổi tiếng này đã được lan rộng và nở hoa đến một mức độ thật hết sức cao độ như thế, lên cao hơn nữa, cũng giống như khi bắt đầu; nhưng vì đã được gieo trong một mảnh đất thích hợp hơn, và cuối cùng đã mọc lên trong những sự lạ thường, gần như ngang bằng với những gì mà họ đã thuật lại.

Đó là chính sách khôn ngoan đã có của nhà tiên tri sai lầm đó, Alexander, cho dù bây giờ đã bị lãng quên đi, song cũng đã có một lần nổi tiếng, và đã đặt nên cảnh tượng đầu tiên của những đánh lừa của ông ta ở Paphlagonia, nơi mà Lucian đã từng nói với chúng ta, là con người vẫn luôn hết sức ngu dốt và dần độn, và sẽ sẵn sàng nuốt chửng ngay cả một ảo tưởng thô kệch nhất. Những người nếu ở một quảng xa, tức là đủ yếu để cho rằng vấn đề đó quả thật là đáng để tìm hiểu, vẫn đã không hề có một cơ hội nào đó để có thể nhận được các thông tin tốt hơn. Những câu chuyện quá đã được thổi phồng lên đối với họ, bởi hàng trăm trường hợp. Những kẻ điên thì rất khéo léo trong sự tuyên truyền việc đánh lừa; trong khi những người khôn ngoan và có học, thì nói chung lại bằng lòng để rút ra từ sự phi lý của nó mà không tự mình có được các thông tin về những sự kiện đặc biệt, chỉ bởi nó có thể rõ ràng là sẽ bị khước từ. Và do thế mà những kẻ lừa mị như đã được nói đến trên đây, đã không

thể tiến hành được từ những người Paphlagonia ngu muội của mình, nhằm để chiêu dụ những người tự nguyện, hay ngay cả trong số những nhà triết học Hy Lạp, và những người thuộc giai tầng cao nhất và xuất sắc nhất tại La Mã: tức vẫn không thể nào khiến cho vị hoàng đế khôn ngoan Marcus Aurelius phải chú ý đến; chừng nào mà chưa đặt được sự tín nhiệm của ông ta vào trong sự thành công của một cuộc viễn chinh quân sự từ các sự tiên tri ảo tưởng của ông ta.

Những tiến bộ rất lớn như thế của việc bắt đầu một sự lừa mị trong một dân tộc ngu dốt, ngay cả cho dù là ảo tưởng thì cũng thô lậu, đã áp đặt nói chung lên trên họ (cho dù ít hay thường khi trong trường hợp đó) vẫn có nhiều may mắn hơn thế nữa để kế thừa vào nơi những xứ sở xa xôi, hơn chỉ là nếu lần đầu tiên mà cảnh tượng đó lại được tạo ra tại một thành phố đã vốn nổi tiếng vì nghệ thuật và sự hiểu biết. Cái ngu dốt nhất và hoang dã nhất trong chính những điều ngu dốt và hoang dã này, là đã mang sự thông báo đó ra bên ngoài. Không có một công dân nào của họ lại có được mối quan hệ rộng rãi, hay sự tín nhiệm, hoặc quyền lực dù, để nói ngược lại và đánh bại đi được sự ảo tưởng. Khuynh hướng của con người vẫn hướng tới sự kỳ diệu, và đã có đầy đủ các cơ may để tự thoả mãn chính nó. Và như vậy, một câu chuyện mà vốn nó đã bùng nổ ra một cách phổ biến tại nơi nó được phát sinh ra lần đầu tiên, sẽ chắc chắn phải được loan truyền đi xa cho đến tận hàng nghìn dặm. Nhưng Alexander đã cố định nơi trú ngụ của ông ta tại thành phố A-ten, nên những nhà triết học nổi tiếng về sự hiểu biết ở đó đã lập tức truyền rộng ra, đi khắp cả đế quốc La Mã, cho ý nghĩa về vấn đề của chúng; mà chính nó cũng đã được hỗ trợ bởi một quyền lực lớn như thế, và cũng đã mở mang nó ra khắp nơi, bởi tất cả sức mạnh của lý trí và sự hùng biện, đồng thời cũng đã mở ra hoàn toàn cho đôi mắt của loài người. Điều đó là sự thật; vì khi Lucian, do tình cờ mà đi ngang qua Paphlagonia, ông cũng đã có cơ hội để hoàn thành sự kiện tốt đẹp này. Nhưng cho dù nó có được mong muốn nhiều như thế, thì điều đó vẫn không phải luôn luôn đã xảy ra, và mọi cái gì mà Alexander đã gặp, cùng với một Lucian, vẫn sẵn sàng để bày tỏ và phơi bày ra tất cả sự dối gạt của ông ta.

Tôi hẳn cũng cần thêm vào một lý do *thứ tư*, mà nó làm giảm bớt đi quyền lực của những con người đặc biệt, nhưng lại không có những sự xác nhận về các bằng chứng nào, ngay cả những xác nhận vẫn không được phát hiện một cách công khai, dù không bị chống lại bởi vô số những con người chứng; đến nỗi không phải chỉ có phép lạ phá hoại mất niềm tin của sự xác nhận chứng cứ, nhưng là chính sự xác nhận chứng cứ phải tự tiêu hủy nó. Để cho điều này được dễ hiểu hơn, chúng ta hãy xem xét trong các vấn đề tôn giáo, vẫn cho bất cứ điều gì khác hẳn là phản ngược lại; và không thể nào mà những tôn giáo cổ của La Mã, Thổ Nhĩ Kỳ, Xiêm La, và Trung Hoa, đều cần thiết tất cả mọi điều gì của chúng phải được xây dựng trên một nền tảng vững chắc nào đó. Mọi phép lạ, tuy thế vẫn được cho là đã được tạo tác ra trong bất kỳ một của những tôn giáo này (và tất cả của chúng đều đầy dẫy những phép lạ), vì mục tiêu trực tiếp của chúng, là phải xây dựng nên một hệ thống đặc biệt đã được nhằm tới; dẫ cho nó được có cùng sức mạnh, cho dù là có gián tiếp hơn, để nhằm vượt qua được mọi hệ thống khác. Và để nhằm tiêu diệt một hệ thống thù địch, nó cũng có vẻ như cần tiêu diệt niềm tin của những phép lạ này, mà trên đó hệ thống kia đã được xây dựng; nhằm để cho mọi sự khác thường của các tôn giáo khác nhau đều được xem như là các sự kiện trái ngược, cũng như các bằng chứng về các sự lạ lùng này, cho dù yếu hay mạnh, vẫn luôn là trái ngược lại với nhau. Theo phương pháp này của lý luận, thì khi nào chúng ta tin tưởng được vào một phép lạ nào đó của Mahomet, hay những người kế thừa

ông ta, thì chúng ta cũng có sự bảo đảm cho chúng ta về những lời xác nhận những chứng cứ của một số những người Á Rập hoang dã: Và mặt khác, chúng ta cũng phải nhìn nhận quyền lực của Titus Livius, Plutarch, Tacitus, và nói tóm lại, của mọi tác giả về các chứng cứ của người Hy Lạp, Trung Hoa, và người Thiên Chúa giáo La Mã, họ đã thuật lại các phép lạ nào đó ở trong chính tôn giáo đặc thù của họ. Và tôi cho rằng chúng ta đang xem xét các lời xác nhận về bằng chứng của họ trong cùng một thứ ánh sáng, như thể chính họ đã lưu ý về phép lạ của Mahomet, và cũng có trong những từ ngữ thể hiện của nó một sự mâu thuẫn với chính nó, với cùng một sự chắc chắn, như thể họ có đối với chính phép là mà họ đã thuật lại. Lý lẽ này cũng có vẻ quá tinh tế và sâu xa; nhưng thực tế nó lại không khác với lý lẽ của một quan tòa, mà ông ta được giả định như đã tin vào cả hai người chứng để buộc tội về một người nào đó, như là đã phá hủy được sự xác nhận chứng cứ của hai người khác cũng đã xác nhận với ông ta là họ ở vào một quãng xa lắc, vào chính thời điểm mà kẻ tội phạm đó được cho là đã phạm tội.

Một trong những phép lạ đã được thừa nhận có ý nghĩa cao nhất trong mọi lịch sử thông tục, là phép lạ mà Tacitus đã thông báo lại về vụ Vespasia, nơi ông ta chữa bệnh cho một người đàn ông mù tại Alexandria bằng phương tiện là nước bọt của mình, và cho một người què cũng chỉ bằng cách sờ vào chân người đó; trong khi tuân theo quan điểm của thần Serapis, người đã từng nối kết với họ, để cùng nhau quay trở lại với Hoàng đế bởi vì những phép lạ chữa lành bệnh đó. Câu truyện đã có thể được nhìn nhận theo nhà sử học tinh tế này; nơi nào mà mọi trường hợp dường như đã tăng thêm cho sức nặng của sự xác nhận chứng cứ, và có lẽ cũng được ưa chuộng một cách rộng rãi bởi với mọi sức mạnh của việc lập luận và sự hùng biện, nếu có một ai đó mà giờ đây còn quan tâm đến việc củng cố bằng chứng của một sự mê tín kinh khủng và huyễn hoặc đó. Quyền lực, độ cứng cáp, tuổi, và sự thuần khiết của một vị hoàng đế vĩ đại như thế, ma kinh qua suốt cuộc đời, đã nói chuyện như trong một gia đình cùng với những người bạn bè và các tôi thần của mình, mà vẫn không bao giờ đụng tới những tính chất phi thường này của sự thần linh, đã được thừa nhận do Alexander và Demetrius. Nhà sử học, một nhà văn đương thời, đã được ghi nhận về sự thành thật, tính chính xác, và sự thận trọng nơi con người mà có lẽ vĩ đại nhất, và có tài năng phi thường nhất đó ở trong tất cả mọi thời đại cổ; và cũng hoàn toàn tự do như thế đối với bất cứ các khuynh hướng dễ tin nào, mà ông ta ngay cả có thể nói dối được dưới sự kết tội ngược lại của sự vô thần và thế tục: những con người mà từ quyền lực của mình, ông ta đã thuật lại phép mầu mang tính cách đã được dựng lên, để cho sự phán đoán và điều chắn thật giống như chúng ta đã có thể tóm tắt được cách đầy đủ; những người đã chứng kiến được bằng mắt mình về sự kiện, và đã xác nhận về các lời chứng của họ, tiếp theo sau gia đình Flavian, đã bị sự tước đoạt của đế quốc, và không có thể được tiếp tục cho bất cứ một phần thưởng nào, như là cái giá phải trả của chính sự nói dối. *Utrumque, qui interfuere, nunc quoque memorant, postquam nullum mendacio pretium* [Người nào đã có mặt, và thuật lại, ngay cả giờ đây, về cả hai người được chữa khỏi bệnh, cho dù không hề có bất cứ một giá trị nào trong đó nữa (Tacitus)]. Đối với điều đó, nếu tôi thêm vào tính chất công cộng của tất cả các sự kiện như đã được thuật lại, thì cũng sẽ có vẻ như không thể có một bằng chứng nào có thể được giả thiết là còn tốt hơn nhiều, cho một sự kiện thô lậu và có thể thấy rõ được là sai lầm như thế.

Có một câu chuyện rất đáng ghi nhớ có liên quan tới Đức Hồng y Retz, cũng rất đáng được chúng ta xem xét. Khi nhà

chính trị đầy mưu mô này đào tẩu sang Tây Ban Nha để tránh bị ngược đãi bởi các kẻ thù của mình, ông ta đã đi ngang qua Saragossa, là thủ phủ của Arragon, nơi ông ta đã phải lẩn tránh trong một ngôi nhà thờ, và ở đây có một con người đã từng phục vụ bảy năm như một người giữ cửa và cũng được mọi người biết tới đã vì sự tận tụy của ông ta với nhà thờ. Người đó đã được nhìn thấy, và dù trong một thời gian dài đã bị thiếu đi mất một cái chân, nhưng đã được bình phục lại với cái chân què đó, bằng cách nhờ được chà lên một thứ dầu thánh trên cái chân; và vị Hồng y đó đã cam quyết với chúng ta là ông ta đã thấy rõ người ấy với cả hai cái chân. Phép lạ này cũng đã được xác nhận bởi các sách vở của nhà thờ; và cả thảy thị trấn đều đã được loan báo cho hay để nhằm xác nhận về sự kiện này; người mà vị Hồng y đã tìm thấy đó, bởi ý thức cuồng nhiệt của mình, đã làm cho mọi người đều tin tưởng vào phép lạ đó. Ở đây người thuật lại đó cũng phải tuân thủ theo sự kỳ bí đã được giả định, với cả một sự khó tin và tính cách phóng túng, giống như của một tài năng lớn; phép lạ của chính sự kiện *đặc thù* như thế, có một bản chất như thế chỉ được thừa nhận là giả tạo, nhưng được sự chứng kiến của rất nhiều người với mọi điều của chúng, và theo một cách mà những người chứng kiến sự kiện có thể qua đó đưa ra được các xác nhận về bằng chứng của họ. Và có điều gì đó được thêm vào một cách mạnh mẽ cho sức mạnh của chứng cứ, để có thể khiến cho chúng ta lại càng phải ngạc nhiên nhiều hơn trong dịp này, chính vị Hồng y đó là người đã kể lại câu truyện mà dường như lại không mấy tin tưởng vào điều đó, và do vậy mà cũng không thể bị nghi ngờ gì đối với bất cứ sự cạnh tranh nào trong việc lừa dối thiêng liêng đó. Ông ta được xem như thể không có sự bó buộc này, để nhằm chối bỏ về một sự kiện của bản chất này, nhằm có thể chính xác phủ nhận lời xác nhận về bằng chứng, và các dấu vết của sự sai lầm như thế, thông qua tất cả những trường hợp của tính chất mã thượng và tính cách dễ tin đã tạo ra nó. Ông ta vẫn biết nếu điều này nói chung được công nhận, thì không thể có được, cho dù là có quãng cách sai biệt thế nào về thời gian và không gian; vì thế mà nó thật cực kỳ khó khăn, ngay cả ở nơi nào mà có một người nào đó đã lập tức có mặt lúc đó, bởi vì chính lý do của sự cố chấp, ngu dốt, quỷ quyệt, và gian xảo của phần lớn nhân loại. Do thế mà ông ta kết luận, giống như một người lý luận đúng, rằng một chứng cứ như thế chỉ mang lại sự sai lầm đối với ngay chính nó, và một phép lạ được nâng đỡ bởi bất cứ chứng nhận nào về chứng cứ của con người rất có thể là một sự việc thật đáng buồn cười hơn nữa của lý luận.

Chắc chắn sẽ không bao giờ có được một số lớn những phép lạ có thể được mô tả ra cho một người nào hơn những người nào, mà sau này họ vẫn nói là đã được chứng kiến tại Pháp trên nấm mộ của Abbé Paris, người theo phái Jansenist nổi tiếng, với sự thánh thiện của mình, mà nhiều người đã từ lâu từng bị ảo tưởng. Sự chữa lành bệnh cho những người ốm, việc làm cho người điếc nghe thấy được, chuyện làm cho người mù sáng mắt ra, đó là những điều gì mà khắp mọi nơi người ta đều nói đến như đó là những hiệu qua thông thường của ngôi mộ linh thiêng này. Nhưng cũng một cái gì đó lại còn dị thường hơn nhiều; là có nhiều điều trong số những phép lạ đó đã lập tức được chứng minh ngay tại chỗ, trước mặt các những quan tòa đứng đắn đầy uy tín, và đã được xác nhận bởi các chứng cứ của sự tín nhiệm và tính cách cao cả đặc biệt ở trong một thời đại có học thức và cũng trên hầu hết các vị trí cao nhất mà giờ đây đang có mặt trong thế giới. Song cũng chẳng có gì lạ về điều này cả: một sự quan hệ của chúng đã được công bố và truyền bá khắp mọi nơi; chẳng phải chỉ những người thuộc dòng *Tên* (Jesuit), cho dù là người có học vấn, đã được hỗ trợ bởi một vị thẩm phán dân sự, và được

xác nhận là những kẻ thù của các ý kiến này, trong sự hậu thuẫn cho chính chúng, cho rằng những phép lạ đã được nói đến là có sự sai lầm, ngay cả chẳng bao giờ có ai có thể phủ nhận hay lật ngược nó được. Ở đâu chúng ta có thể tìm ra được một số những trường hợp, để có thể đồng ý được về sự kết hợp cùng với một sự kiện như thế đó? Và điều gì khiến chúng ta đã chống lại với chính đám mây mù của những chứng cứ như thế, cho dù sự thật không thể nào có được một cách tuyệt đối, hay chính bản chất phép lạ của những hiện tượng mà chúng có quan hệ? Và điều này, chắc chắn trong con mắt của mọi người có lý trí, sẽ chỉ được nhìn giống như một sự phủ nhận đầy đủ.

Hậu quả đó là đúng, bởi vì có một vài cách thức xác nhận về bằng chứng của con người vẫn có sức mạnh tối hậu và có uy thế trong một số trường hợp, như khi thuật lại trận đánh của Philippi hay là của Pharsalia chẳng hạn; tức do đó mà mọi loại xác nhận về chứng cứ phải có được sức mạnh và uy tín trong mọi trường hợp tương đương? Giả thử các sự kiện về người Cæsar và Pompei mà mỗi một trong chúng đều có sự hoan hô chiến thắng nơi những trận đánh này, và những nhà sử học của mỗi một bên vẫn đã đồng loạt khẳng định lợi điểm về phần mình, thì làm thế nào mà loài người thuộc một khoảng thời gian cách xa lại có thể nào xác định được các tính chất đúng giữa chúng? Sự trái ngược cũng rất mạnh mẽ giữa những phép lạ đã được thuật lại giữa Herodotus hay Plutarch, và những điều này được chuyển giao bởi Mariana, Bede, hay một nhà sử học thầy tu nào đó khác nữa.

Sự khôn ngoan vẫn hướng dẫn niềm tin rất chuẩn mực đối với mọi sự thông báo lại cùng với chính sự ưu ái cho niềm đam mê của người thông báo; cho dù điều đó có thối phồng xứ sở của anh ta, gia đình của anh ta, hay chính bản thân anh ta, hay là trong một cách nào khác nữa, thì vẫn làm nổi bật lên những khuynh hướng và các ý thích hoàn toàn tự nhiên. Nhưng cho dù chính ý hướng đó có lớn lao đến thế nào, hẳn cũng không thể hơn được sự xuất hiện của một nhà truyền giáo, một giáo đồ, một thiên sứ? Ai lại có thể tránh được các mối nguy hiểm và những sự khó khăn để nhằm đạt tới được một tính chất cao quý như thế? Hay nếu, bằng sự giúp đỡ của lòng kiêu căng và sự tưởng tượng nóng bỏng, một người trong lần đầu tiên đã làm một cuộc cải hướng chính mình, và đã nghiêm túc đi vào trong sự ảo tưởng, thì người ấy có bao giờ lại đắn đo khi sử dụng sự lừa mị có thiện chí, trong chính sự nâng đỡ như thế cho một ý tưởng đáng kính và thánh thiện?

Chút ít đóm lửa nhỏ nhất ở đây cũng có thể gây nên một đám cháy lớn; bởi vì những vật liệu đã luôn luôn được chuẩn bị sẵn sàng cho nó rồi. *Avidum genus auricularum*, tức sự tò mò bình dân, đã nhận thấy được một cách tham lam, không có xem xét, điều gì đó có mang tính cách mê tín, và cổ vũ cho sự huyền vi.

Có biết bao những câu chuyện vẫn mang bản chất này ở trong mọi thời đại đã được khám phá ra và đã bùng nổ ra ngay trong thời kỳ ấu trĩ của nó? Còn bao nhiêu cái nữa cũng đã được trưng lên vào một thời, và sau đó lại sẽ rơi vào trong quên lãng và bị mai một đi? Tuy nhiên, nơi nào mà các thông báo lại như thế đã không còn nữa, thì sự giải quyết nơi hiện tượng là hiển nhiên; và chúng ta sẽ phán đoán tùy thuộc vào kinh nghiệm cũng như sự quan sát thường xuyên, khi nào chúng ta tính đến điều đó, bằng những nguyên tắc của sự dễ tin và sự ảo tưởng tự nhiên đã biết. Vả phải chăng chúng ta, thay vì phải quay trở lại với một giải quyết tự nhiên như thế, vẫn sẽ cho phép được một sự xâm phạm kỳ diệu vào hầu hết các quy luật tự nhiên vốn đã được thiết lập?

Tôi không cần nêu ra sự khó khăn của việc phát hiện ra một sự sai lầm nào đó, trong bất cứ câu chuyện có tính chất riêng tư, hay mang tính công cộng nào, ở ngay

tại chỗ, nơi mà nó vẫn được bảo là đã xảy ra; hơn thế nữa khi cảnh tượng cũng đã bị xóa đi vĩnh viễn cho chỉ một quãng cách nhỏ như thế. Ngay chính cả một tòa án của tư pháp, với mọi quyền lực, sự chính xác, cùng việc phán quyết của mình, mà họ có thể dùng tới, cũng thường cho thấy chính họ vẫn mất đi sự phân biệt giữa cái đúng và cái sai ở trong hầu hết các hành động chỉ mới có đây. Nhưng vấn đề cũng không hề bao giờ đưa đến bất cứ một sự thể nào, nếu nó khiến tin cậy được vào một phương pháp chung của sự chọn lựa và thảo luận về những lời dồn đãi vu vơ; nhất là khi những đam mê của con người đã có dự phần vào đó do một trong các bên liên quan.

Trong thời kỳ ấu trĩ của các tôn giáo mới, sự khôn ngoan và việc có học nói chung vẫn ưa chuộng các vấn đề rất lớn để có thể gây được sự chú ý hay quan tâm của họ. Và khi sau đó, họ lại có thể khám phá ra được sự gian dối, để nhằm thức tỉnh được vô số sự lừa dối, song thời điểm đó giờ đây cũng đã trôi qua, và những sự ghi lại cùng những chứng cứ có thể làm xóa sạch đi các vấn đề, vẫn đã bị mai một đi mà không còn có thể nhớ lại được nữa.

Chẳng có một phương tiện khám phá nào còn giữ được mãi, nhưng những gì cần phải được rút ra từ chính sự xác nhận về các chứng cứ hiển nhiên của những người đã thông báo lại đó: và những người này, vẫn luôn luôn hội đủ được các khả năng phán đoán và sự hiểu biết, và vẫn cứ thường rất tinh tế, để có thể bị rơi xuống dưới cả sự hiểu biết của những kẻ tầm thường.

Thế nên, nói chung lại, có vẻ không thể có một sự xác nhận chứng cứ nhằm cho bất kỳ một loại phép lạ nào đã từng bao giờ đạt tới được một tính chất khả thể cả, hay cũng thể chưa nói là đã có được một bằng chứng nào; và ngay cả cho dù có giả thiết đạt từng tới một bằng chứng nào đó, thì nó vẫn có thể sẽ bị chống lại do bởi một bằng chứng khác, được xuất phát do từ tính chất rất tự nhiên của chính sự kiện mà nó tất phải được xây dựng nên. Đó chỉ là kinh nghiệm đối với quyền lực trong sự chứng nhận về bằng chứng của con người; và cũng chính kinh nghiệm đó đã có sự bảo đảm cho chúng ta về các quy luật của tự nhiên. Do thế mà khi cả hai loại kinh nghiệm này trái ngược lại nhau, chúng ta chẳng cần phải làm điều gì khác hơn là loại trừ đi cái nọ do bởi cái kia, và chỉ giữ lại một ý kiến, là hoặc đi theo khía cạnh này hay khía cạnh khác, với một sự chắc chắn là nó được phát sinh từ cái còn lại. Nhưng theo chính nguyên lý đã được cắt nghĩa ở đây, thì sự loại trừ đó theo như mọi tôn giáo bình dân, sẽ cũng đi tới một sự phủ nhận hoàn toàn; và do vậy mà chúng ta có thể thiết lập nó lên như một câu châm ngôn là không có một sự xác nhận về chứng cứ nào của con người lại có thể có được một sức mạnh như thế nhằm để chứng minh về một phép lạ, và tạo lập nên một nền tảng đúng đắn cho bất cứ một hệ thống tôn giáo nào.

Tôi cũng xin mạn phép được nhấn mạnh về một điều cần lưu ý ở đây, là khi tôi nói một phép lạ sẽ không bao giờ có thể được chứng minh, thì như vậy nó cũng thật khó có thể được dùng để làm nền tảng cho một hệ thống tôn giáo. Đối với bản thân tôi, trái lại, có thể nào có được phép lạ hay sự vi phạm các quy luật của tiến trình tự nhiên về một loại như thế, để công nhận được như đó là sự thừa nhận về bằng chứng của con người; cho dù nếu có thể, cũng sẽ không thể nào tìm ra được bất cứ một sự kiện nào giống như thế mà vốn đã từng được ghi lại trong lịch sử cả. Như vậy giả như mọi tác giả, và ở mọi ngôn ngữ, đều đồng ý là vào ngày một tháng Giêng năm 1600, đã có một sự tối sầm lại hoàn toàn trên toàn thể mặt đất, trong cả tám ngày: giả thiết rằng truyền thống của chính sự kiện khác thường này hày vẫn còn mạnh mẽ và sống động trong

dân chúng: cho là mọi khách du lịch từ nước ngoài quay về, đã mang đến cho chúng ta các nội dung thuộc cùng truyền thống đó, mà ít nhất đã không hề có lấy một sự thay đổi, hay sự cải chính nào: điều hiển nhiên là những nhà triết học hiện thời của chúng ta, thay vì cũng nghi ngờ về sự kiện, lại đã vẫn thừa nhận nó như là điều chắc chắn, và còn muốn tìm kiếm những nguyên nhân cho tới khi nào có thể tìm ra được. Sự lụi tàn, suy thoái, và tan rã của tự nhiên là một hiện tượng có thể dẫn tới nhiều điều tương tự, nên khi một hiện tượng nào đó mà dường như đang có khuynh hướng tới một sự tai họa, thì vẫn đến ngay trong trong tầm tay với bởi việc xác nhận chứng cứ của con người, nếu sự xác nhận chứng cứ đó sẽ phải mở rất rộng và thuần nhất.

Nhưng giả thiết mọi nhà sử học đang nghiên cứu về nước Anh, lại sẽ có thể đồng ý rằng vào ngày đầu tháng Giêng năm 1600, Nữ hoàng Elizabeth đã qua đời; và cả ngày trước và ngày sau khi bà chết, bà đã được những thầy thuốc của mình và toàn bộ triều đình đến thăm viếng, giống như vẫn thường có đối với những người nào thuộc cương vị như bà; và người kế vị của bà đã được công nhận và được tuyên bố bởi nghị viện; và sau khi đã an táng bà được một tháng, thì bà ta lại xuất hiện, cai quản ngôi vua, và trị vì Anh quốc trong ba năm: tôi phải thú nhận rằng tôi sẽ rất kinh ngạc về các sự việc xảy ra đó, với bao nhiêu điều thật kỳ dị như thế, nhưng ít nhất cũng sẽ không thể có khuynh hướng tin vào được một sự kiện kỳ bí như vậy. Tôi không thể nghi ngờ gì về cái chết đã quá rõ ràng của bà, cùng bao nhiêu những sự việc đã diễn tiến ra công khai khác sau đó: tôi chỉ phải thừa nhận là nó đã được xác nhận rồi, và cũng chẳng còn điều gì giống như thế mà lại không thể đúng được. Bạn có thể phản đối vô ích đối với tôi về chính sự khó khăn, và cũng hầu như không thể làm thế nào để lừa mị được thế gian về các sự việc đưa lại một kết quả như thế được; sự khôn ngoan và óc lý luận chắc thực của bà hoàng nổi tiếng đó, cùng với chút ít hoặc không nhiều các điều gì đó mà bà ta có thể có được từ một sự giả tạo nghèo nàn như thế: Tất cả mọi điều này đều có thể làm cho tôi ngạc nhiên; nhưng tôi vẫn muốn đáp lại là sự nô lệ và sự điên khùng của con người quả là một hiện tượng phổ biến như thế, và tôi thà cứ tin tưởng vào các sự kiện hầu như kỳ lạ nhất dù vẫn có thể cứ xảy ra, hơn là về một dấu hiệu của sự vi phạm như thế về những quy luật của tự nhiên.

Nhưng phải chăng phép lạ này cũng đã phải bị bó buộc cho bất cứ một hệ thống tôn giáo mới nào; con người trong mọi thời đại đều cũng đã bị áp đặt nhiều đối với những câu chuyện buồn cười theo kiểu đó; đến nỗi một sự kiện giống như thế cũng có thể là một bằng chứng hoàn hảo về sự lừa mị, và cũng đủ với mọi người có trí năng lành mạnh, để không những họ chỉ muốn vứt bỏ đi sự kiện đó mà còn muốn vứt bỏ chính nó và chẳng cần phải xem xét gì cả. Cho dù đấng Toàn năng mà từ đó được quy cho phép lạ, và cả trong trường hợp này có là đấng Tối thượng chẳng nữa, thì trong tính chất như vậy, cũng không phải sẽ trở thành được một kêu gọi thần thánh hơn; bởi vì đối với chúng ta, cũng không thể nào biết được về các tính chất hay các hành vi của một đấng như thế cả, hay nói khác, từ kinh nghiệm chúng ta có được về sự tạo tác ra các sự vật, ở chính trong các tiến trình thông thường của tự nhiên. Điều này đã làm cho chúng ta phải cần quan sát, và bó buộc chúng ta so sánh những trường hợp vi phạm sự thật đó trong chính lời xác nhận về chứng cứ của con người, đối với những sự vi phạm về các quy luật tự nhiên như thế đó khi nói về các phép lạ, để nhằm phán đoán điều gì của chúng vẫn hầu như giống với và có thể có được. Bởi vì, ngay các sự vi phạm về sự thật

lại còn chung hơn nữa, ở trong việc xác nhận về bằng chứng thuộc một vấn đề gì đó khác của sự kiện; điều này khiến phải giảm đi rất nhiều tính quyền lực của việc xác nhận các bằng chứng đi trước, và giúp chúng ta tạo nên được một giải pháp chung tổng quát, nhưng không bao giờ thu hút được một sự chú ý nào vào nó, cho dù với bất cứ ý hướng quý báu nào mà nó có thể chứa đựng.

Ngài Bacon cũng dường như cũng đã chấp nhận các nguyên tắc về lý luận. Như ông đã bảo "Chúng ta phải làm một cuộc sưu tập, hay một lịch sử đặc biệt về mọi chuyện quái quỉ và những điều có xuất xứ thần kỳ, hay nói chung là về mọi điều gì mới lạ và kỳ bí trong tự nhiên. Nhưng điều này phải được thực hiện với một sự tỉ mẩn nghiêm túc nhất, bởi vì chúng ta phải khởi đi từ sự thật. Và sau cùng thì mọi mối quan hệ đó phải được xem như đã bị ngờ vực việc nó phải phụ thuộc ở một mức độ nào đó đối với tôn giáo, giống như các sự kỳ vĩ của Livy: song cũng chẳng kém thế, mọi sự việc đã được tìm thấy trong các trang viết của các ma thuật tự nhiên, hay giả kim thuật, hay các tác giả giống như thế, đều dường như tất cả họ vẫn có chung một niềm đam mê bất tận về các sự sai lầm và huyễn hoặc".

Tôi thấy bằng lòng hơn đối với phương pháp lập luận nêu lên trên đây, bởi vì tôi nghĩ nó có thể được dùng để kết hợp chung lại những người bạn nguy hiểm này, hay là phơi bày ra những kẻ thù cho Thiên Chúa giáo là người đã tìm cách bảo vệ nó bằng chính những nguyên lý của lý trí con người. Tôn giáo thần thánh nhất của chúng ta vốn được xây dựng trên nền tảng *đức tin*, chớ không phải trên lý trí; và đó là một phương pháp chắc chắn để nhằm trình bày nó, hầu muốn đặt nó trước các thử thách cần phải có như thế, để làm sao cho phù hợp được với mọi sự chịu đựng. Để làm cho điều này được hiển nhiên hơn, chúng ta hãy nên xem xét những phép lạ này, đã được nói lại trong thánh kinh; và không để cho chúng ta bị lạc nẻo xa quá trong thực tế, nên chúng ta hãy cần lưu tâm như thế, để có thể tìm ra được trong *Pentateuch* điều mà chúng ta sẽ xem xet như phù hợp với những nguyên lý phải được bảo vệ của người Thiên Chúa giáo, mà không phải từ ngữ này giống như sự chứng thực về bằng chứng của đức Chúa trời, nhưng như là sản phẩm chỉ do bởi một tác giả đã tạo ra, và nhà sử học cũng chỉ là một con người. Thế nên ở đây trước tiên chúng ta hãy xem xét một cuốn sách, đã được trình bày cho chúng ta do bởi một người dân hoang đã và dốt nát, đã được viết trong một thời đại khi mà họ hãy còn hoang dã hơn nữa, và trong tất cả mọi sự kiện mà có thể rất lâu sau khi các sự kiện đó đã được kể lại, đã cùng nhau được sửa sang không phải bởi các sự xác nhận chứng cứ có nhiều thuận lợi nào, nhưng chỉ giống như những câu chuyện truyền kỳ ma ở mọi quốc gia vẫn đều hay có, ngay cả từ trong nguyên sơ của nó. Khi đã đọc cuốn sách này, chúng ta sẽ tìm thấy dầy dẫy những điều kỳ lạ, cùng những phép lạ. Nó mang lại một tình trạng thế giới và một bản chất con người hoàn toàn khác với chính tình trạng hiện thời: Chúng ta như rơi xuống từ nơi tình trạng đó: từ thời đại của con người đã diễn ra gần một ngàn năm rồi: Về sự phá hủy thế giới bằng nạn hồng thủy: Bằng sự chọn lựa tùy tiện đối với một dân tộc như là một thứ ân sủng từ trên trời; và có những con người đồng hương của tác giả: Bởi vì sự mang tới của họ do từ sự phong phú của vô số chuyện lạ thường mà hầu như thật rất khó để có thể tưởng tượng ra nổi: Tôi muốn bất cứ người nào đó hãy đặt bàn tay của người ấy lên trên con tim của mình, và sau một sự xem xét nghiêm túc, mới tuyên bố chính anh ta đã nghĩ phải có một sự sai lầm của một cuốn sách như thế, vì đã được hậu thuẫn bởi

việc xác nhận về các chứng cứ, mà có lẽ cũng càng lạ thường và kỳ bí hơn mọi sự phép lạ mà nó đã kể lại; tuy nhiên điều cần thiết là đã làm cho chính điều đó phải được thừa nhận, để nhằm phù hợp theo với các mức độ của sự khả thể tính đã được thiết định như trên.

Điều gì chúng ta đã đưa ra về các phép lạ, có thể được áp dụng mà không cần một sự thay đổi nào đối với những sự tiên tri; và thật vậy, mọi lời tiên tri cũng là các phép lạ thật sự, và một lời như thế vẫn có thể được thừa nhận như là một bằng chứng về một sự khải thị nào đó. Nếu như nó không vượt lên quá khả năng của bản chất con người, thì có thể nói trước được về những sự kiện trong tương lai, tuy có thể là vô lý nếu dùng bất cứ một sự tiên tri nào như một lý lẽ để nhằm cho một sứ mệnh thiêng liêng, hay một quyền năng nào đó từ trên trời. Như thế, về toàn bộ, chúng ta cũng có thể kết luận được là đạo Thiên Chúa trước hết không chỉ là một việc kêu gọi tới các phép lạ, mà ngay cả trong hiện thời cũng không thể được tin bởi bất cứ một người có lý trí nào nếu đã không có nó. Chỉ có lý lẽ thôi thì vẫn không đủ cho sự thuyết phục chúng ta về chính sự thật của nó: Và cho dù là ai đã được tác động bởi *Đức tin* để đồng ý với nó, cũng có ý thức về một phép lạ vẫn được tiếp tục trong chính con người của anh ta, nó nâng đỡ cho tất cả mọi nguyên lý của sự hiểu biết của anh ta, và mang lại cho anh ta một sự xác định để nhằm tin tưởng vào điều gì đó có vẻ hầu như trái ngược lại với thông lệ và kinh nghiệm.

12

Về sự hiện hữu của Thượng Đế *

THÁNH ANSELM

(1033 - 1109)

...Tôi không tìm cách để hiểu điều gì tôi tin, mà tôi tin để nhằm tìm hiểu. Do chính điều này mà tôi tin, - rằng trừ phi là tôi đã tin, tôi sẽ không hiểu.

Và như thế, Chúa phải chăng là người đã cho tôi niềm tin để hiểu được đức tin cho chính tôi, đến chừng mực nào đó mà tôi có thể hiểu nó được, đó cũng còn là lợi ích để tôi hiểu rằng người là điều gì mà tôi tin tưởng; và chính tính cách của người mà tôi có niềm tin. Và thật thế, tôi tin tưởng nghệ thuật của người hơn hết cả thảy, mà không thể có điều gì lớn hơn để có thể nhận thức được. Hay cũng không thể có một bản chất nào như thế, bởi vì một người điên vẫn có thể nói với hết cả lòng mình là không hề có Thượng Đế? (Psalms xiv.I). Nhưng cho dù mức độ nào, thì tính cách điên rồ này, một khi anh ta nghe được về điều này mà tôi đang nói - một cái gì đó hơn cả cái gì vốn không có gì hết để có thể nhận thức được - hiểu được điều gì anh ta nghe, và điều gì anh ta hiểu là trong sự hiểu của anh ta; mặc dù anh ta không thể hiểu là nó vẫn luôn có mặt.

Vì đó cũng là một sự vật, nhằm cho một đối tượng để được thấu hiểu, và một cái gì đó khác để hiểu cũng là những đối tượng hiện hữu đó. Khi có một họa sĩ lần đầu tiên nhận thức được về một điều gì mà sau đó anh ta muốn sẽ hoàn thành, anh ta quả đã có nó trong sự hiểu biết của mình, nhưng anh ta chưa hiểu nó thật sự là như thế nào, bởi vì anh ta vẫn chưa hoàn thành nó. Nhưng sau khi anh ta đã vẽ xong một bức tranh, anh ta đã vừa có nó trong sự hiểu biết của mình, và anh ta hiểu rằng nó đang tồn tại, bởi vì anh ta đã sáng tác ra nó.

Thế thì, ngay như cả một người điên cũng được thuyết phục để tin là có cái gì đó hiện hữu, ít nhất trong sự hiểu, hơn là chẳng có cái gì đó lớn hơn để có thể nhận thức được. Vì một khi anh ta đã nghe thấy điều này, thì anh ta liền đã hiểu nó. Và bất cứ vật gì được hiểu thì đều tồn tại trong sự hiểu biết. Và

* Từ *Proslogium*, do Sidney Norton Deane dịch. Công ty phát hành Open Court, 1903.

chắc chắn nó vẫn hơn việc không có một cái gì đó lớn hơn để được hiểu, nên nó cũng không thể hiện hữu ở trong sự hiểu biết một mình. Vì chẳng hạn, nó vẫn hiện hữu ở trong sự hiểu biết một mình: thế thì no đã có thể được nhận thức là đã được hiểu thật sự, như là cái gì đó lớn hơn.

Tuy nhiên, nếu thế vẫn còn hơn là không có một cái gì đó lớn hơn để được nhận thức, tuy chỉ hiện hữu trong sự hiểu biết một mình, nhưng lại là thật sự có, còn hơn là cái gì đó không có cái gì lớn hơn sẽ được nhận thức, và nó hiện hữu ở cả trong sự hiểu biết và cả ở trong thực tại.

Và điều đó chắc chắc phải hiện hữu thật sự như thế, tức nó không thể được nhận thức như là không tồn tại. Bởi vì con người ta có thể nhận thức được về một cái gì đó tồn tại, mà cái đó lại không thể được nhận thức là không tồn tại; vậy nên, nếu thế nó còn hơn cả cái mà không thể có cái gì lớn hơn để có thể được nhận thức, như có thể được nhận thức mà không tồn tại, hơn là nó lại không có một cái gì đó lớn hơn để có thể được nhận thức. Nhưng điều này chính là một sự mâu thuẫn mà không thể nào giải quyết được. Thế thì quả có được một sự hiện hữu thật sự như thế, hơn là việc không có cái gì lớn hơn nó để có thể được nhận thức là tồn tại, và ngay cả cũng không thể được nhận thức là không tồn tại: và điều này cũng chính là cách thức của người. Chúa ôi, Chúa của chúng ta.

Tuy nhiên, nếu thật sự như thế, thì chắc chắn là người hiện hữu, Chúa ôi, Chúa của tôi, tức là người không thể không được nhận thức là không hiện hữu; và đúng như thế, bởi vì nếu một tinh thần có thể nhận thức được về một cái gì đó tốt hơn người, thì tạo vật đó lại có thể vượt được lên trên cả đấng Sáng tạo; và điều này thật thậm chí vô lý. Và thật vậy, nếu có bất cứ điều nào đó khác mà lại hiện hữu, trừ phi người chỉ có một mình, lại có thể được nhận thức là không hiện hữu. Tuy thế, nếu người chỉ có một mình, thì vẫn cứ hiện hữu thực sự hơn nhiều, hơn là mọi sự hiện hữu khác, và do thế mà ở trong một cấp độ cao hơn các cái khác. Bởi vì bất cứ cái gì đó khác hiện hữu mà lại không hiện hữu thật sự như thế, và nếu như thế là phải ở trong một cấp độ kém hơn thuộc về điều đó để hiện hữu. Chính như thế, nên tại sao người điên lại nói được bằng tất cả tấm lòng của mình là không có Thượng Đế, bởi vì điều thật sự hiển nhiên đối với một sự hiện hữu có mang lý trí, thì người phải hiện hữu trong chính cấp độ cao nhất của tất cả? Tại sao, trừ phi rõ ràng người đó là ngu đần hoặc là điên?

13

Tưởng tượng *

JEAN-PAUL SARTRE

(sinh năm 1905)

1. Tri giác và Tưởng tượng

Khi tôi tạo lập nên một hình ảnh về Peter, đó chính là Peter và anh ta là đối tượng của ý thức của tôi hiện nay. Chừng nào mà cái ý thức này không bị biến đổi, thì tôi vẫn có thể cho ra một sự miêu tả về cái đối tượng như nó xuất hiện ra trong tôi trong sự tưởng tượng, nhưng không phải về một hình ảnh như thế. Để nhằm cá biệt hóa những tính chất của một hình ảnh như một hình ảnh, tôi phải cậy tới một hành vi mới của ý thức: tôi phải *suy nghĩ*. Như vậy hình ảnh như là một hình ảnh có thể chỉ được mô tả bởi một hành vi thuộc một trật tự cao hơn của ý thức, trong đó sự chú ý được tách ra khỏi đối tượng và được hướng tới trên chính con đường mà trong đó đối tượng được cho.

Để có ý niệm, nhận thức, tưởng tượng: Đây là ba hình thức ý thức về cùng một đối tượng có thể minh họa như sau:

Khi tôi đang nhận thức, tức là tôi *đang quan sát* các đối tượng sự vật. Sự vật, cho dù có đi vào trọn vẹn trong nhận thức của tôi, vẫn không bao giờ có được do từ một khía cạnh nào đó tại một thời điểm nhất định. Hãy lấy ví dụ về một con xúc xắc: tôi không biết nó là một con xúc xắc, cho tới khi tôi đã nhận thức được tất cả sáu mặt của nó; nhưng từ sáu mặt này, tôi vẫn chỉ có thể thấy được có ba mặt vào một lúc, mà không bao giờ hơn thế. Do vậy, tôi phải nhận thức về chúng theo kiểu lần lượt. Và khi tôi đã được làm một sự luân chuyển như thế, chẳng hạn như từ các mặt ABC

* Từ các trang 3, 9-11, 13, 23-24, 26-27, 34, 40, 169-171, 177-179, 199, 200, 210-212 của tác phẩm *Tâm lý học về sự tưởng tượng* (The Psychology of Imagination của Jean – Paul Sartre, bản quyền của Thư viện Triết học, Inc., 1948. Tái bản dưới sự cho phép của nhà phát hành. Phần trích ở đây được dịch lại và biên tập bởi Robert Denoon Cumming trong hợp tuyển của ông *Triết học của Jean – Paul Sartre* (New York, Random House, 1965).

sang các mặt BCD, thì nó vẫn luôn luôn lưu lại một khả thể tính rằng chính mặt A đã bị biến mất đi trong khi tôi thay đổi vị trí của nó. Sự hiện hữu của con xúc xắc, do thế mà vẫn cứ như là đáng ngờ. Cũng cần lưu ý rằng khi tôi thấy cả ba mặt của con xúc xắc vào cùng một lúc, thì cả ba mặt này cũng không bao giờ xuất hiện trước mặt tôi như là một khối vuông cả: những góc của chúng đều trở thành góc tù, và bắt đầu từ những sự xuất hiện này, tôi phải tái tạo lại tính chất của nó như một khối vuông. Tất cả điều này đều đã được nói tới hàng trăm lần: nó chính là một đặc điểm của sự tri giác mà đối tượng sự vật hiện ra chỉ như trong một loạt các góc nhìn của nó, về tất cả các khía cạnh. Con xúc xắc chắc chắn là đang có mặt ngay trước mắt tôi, tôi có thể sờ nó, nhìn thấy nó; nhưng tôi luôn luôn thấy nó chỉ trong một cách nào đó mà nó khêu gợi ra và loại bỏ đi cùng một lúc một số vô hạn những điểm khác trong cái nhìn. Chúng ta phải học về sự vật, - tức là về vô số những điểm có thể có trong cách nhìn đối với chúng. Sự vật tự nơi chính nó là tổng đề của mọi sự xuất hiện này..

Ngược lại, khi tôi nhận thức về con xúc xắc, tôi nghĩ về sáu mặt và tám góc của nó cùng một lúc. Tôi nghĩ rằng các góc của nó là các góc vuông, các mặt của nó hình vuông. Tôi đang ở tại trung tâm của ý tưởng của tôi, tôi nắm bắt tất cả nó một cách tức thời... không có một tiến trình học hỏi nào, không có việc tập sự nào nhằm để sử dụng. Điều này đích thị là sự khác nhau rõ rệt nhất giữa tư duy và tri giác. Điều này khiến tại sao tôi không bao giờ nhận thấy ra được một tư tưởng cũng như không thể tư duy về một tư tưởng. Cả hai hiện tượng là hoàn toàn khác nhau...

Hình ảnh là cái gì? Nó là sự tập tành hay là tri thức? Trước hết cần lưu ý nó dường như rơi trên một khía cạnh của tri giác. Trong cả hai trường hợp, sự vật được cho thấy bằng các mặt bên, các khía cạnh, bằng điều gì đó mà người Đức gọi bằng một danh từ phù hợp là *Abschattungen*. Chỉ có việc là chúng ta không thể đi chung quanh được nó: con xúc xắc khi được tưởng tượng thì ngay lập tức nó phải là cái gì đó là chính nó. Khi tôi nói "sự vật mà tôi nhận thức là một con xúc xắc", thì tôi đang lập ra một giả thiết là nó đang tiến triển theo sau những tri giác của tôi, và có thể bó buộc tôi phải chối bỏ nó. Khi tôi nói "sự vật lúc này tôi đang tưởng tượng là một con xúc xắc", thì sự phán đoán của tôi đã mang tính cách một kết luận. Nó tuyệt đối chắc chắn sự vật mà tôi đang tưởng tượng là một con xúc xắc.

Song điều này cũng không phải là tất cả. Hãy xem mảnh giấy này đây trên bàn. Chừng nào mà tôi còn nhìn vào nó, thì tôi còn khám phá ra các tính chất đặc thù của nó. Mỗi một ý hướng mới trong ý định của tôi, trong sự phân tích của tôi, luôn hé lộ ra một chi tiết mới: mép trên của tờ giấy hơi bị vênh lên; cuối dòng thứ ba có dấu chấm lửng. Nhưng vấn đề không phải tôi ngắm nhìn hình ảnh đó trong bao lâu, tôi cũng sẽ không bao giờ tìm thấy một cái gì trong đó, nhưng là cái gì mà tôi đã đặt vào đó. Điều này có tính cách quan trọng đặc biệt để phân biệt giữa một hình ảnh và một sự tri giác. Trong thế giới tri giác không có cái gì xuất hiện ra mà không có liên quan tới vô số những mối quan hệ với những sự vật khác. Đúng ra chính là vô số các mối quan hệ - cũng như vô số các mối quan hệ giữa các yếu tố của sự vật này - mà nó cấu tạo nên tố chất của sự vật đó. Có cái gì đó như thể là chảy tràn lên trên đối với thế giới của "các sự vật". Ở mỗi lúc, luôn luôn có *nhiều hơn* vô tận những gì chúng ta có thể nhìn thấy; để khai thác cho hết được những sự phong phú của tri giác của tôi hiện tại, lại cần phải đòi hỏi vô số thời gian. Tính cách này của "sự chảy tràn lên" cấu tạo nên chính bản chất của các sự vật. Khi tôi nói, "Không có sự vật nào có thể hiện hữu mà không có tính cá biệt vô hạn", chúng ta phải hiểu điều đó có nghĩa "không thể có vô số các mối quan hệ đặc biệt với con số vô hạn của các sự vật khác".

Thế nên ngược lại hình ảnh phải do chịu từ một loại các sự nghèo nàn về yếu tính. Những yếu tố khác nhau của một hình ảnh không có mối quan hệ nào với phần còn lại của thế giới, trong khi giữa chúng với nhau, chúng lại hai hay ba mối quan hệ - hoặc là các mối quan hệ mà tôi đã có thể phải xác nhận, hay là những mối quan hệ quan trọng đối với tôi vào chính lúc tôi giữ lại. Không thể nói được những mối quan hệ khác là tồn tại một cách không rõ rệt, và chúng chờ đợi một thứ ánh sáng sáng hơn để tập trung tiêu điểm vào chúng. Chúng chẳng hề tồn tại gì cả. Hai màu sắc chẳng hạn, chúng có thể tương phản nhau trong thực tế, có thể tồn tại cùng nhau trong một hình ảnh, mà không có bất cứ loại mối quan hệ nào giữa chúng cả...

Hình ảnh tiêu biểu cho chính đối tượng của nó tất cả chỉ nằm trong một mảnh. Không có sự đánh đố nào, không có sự trông cậy nào; thay vào đó là một sự chắc chắn. Sự tri giác của tôi có thể lừa dối tôi, nhưng không thể lừa dối hình ảnh. Thái độ của chúng ta đối với một sự vật của hình ảnh có thể được gọi là "mới quan sát được có một nửa". Thái độ chúng ta do thế là thái độ của sự quan sát đó, nhưng nó là sự quan sát từ cái mà không có điều gì được học hỏi từ trước. Nếu tôi tưởng tượng một trang sách nào đó, thì tôi đang chấp nhận thái độ của một người đọc, tôi *nhìn* vào nơi những trang sách in. Nhưng không phải tôi đang đọc. Và trong sự kiện là như thế ngay cả khi tôi không nhìn, bởi vì tôi đã *biết* rõ điều gì đã được viết ra đó.

2. Các hình ảnh tinh thần và vật chất

Tôi mong muốn gợi lại khuôn mặt của người bạn thân Peter của tôi. Tôi thử cố gắng và tạo ra được một ý thức tưởng tượng chắc chắn nào đó về Peter. Đối tượng được tạo ra rất không hoàn hảo: một số chi tiết nào đó vẫn còn thiếu, những chi tiết khác thì đáng nghi ngờ, toàn thể nói chung thì còn mơ hồ. Có một tình cảm chắc chắn về sự thông cảm và thú vị mà tôi mong muốn làm sống lại khi đối diện với gương mặt này, nhưng nó vẫn chưa được khám phá ra. Tôi không bỏ cuộc, đứng lên và lôi ra một tấm ảnh từ ngăn kéo. Đó là một bức ảnh đẹp của Peter, tôi nhận ra được mọi chi tiết trên gương mặt của anh ta, ngay cả một vài chi tiết mà tôi đã quên đi. Nhưng tấm ảnh chụp thì không có sự sống: nó chỉ mang lại một vẻ bên ngoài hoàn hảo các chi tiết của khuôn mặt, nhưng nó không cho thấy một diễn cảm nào của anh ta. May mắn thay tôi có một bức hí họa được vẽ một cách cẩn thận. Ở đây những mối quan hệ giữa những nét khác nhau trên khuôn mặt của anh ta được biến đổi một cách tự nhiên, cái mũi thì quá dài, cái gò má thì quá nhỏ ra, v.v.. Tuy nhiên, lại có cái gì đó mà trong bức ảnh chụp lại không thể có được - sự sống động, sự biểu cảm - là rõ ràng lộ rõ ra trong bức hí họa này. Tôi đã tìm thấy đó đúng là Peter.

Sự biểu hiện tinh thần, bức ảnh chụp, bức hí họa: cả ba sự việc này là các thực tại rất khác nhau, đã hiện ra trong các ví dụ của chúng ta, như ba giai đoạn của cùng một tiến trình, ba khắc họa của cùng một động tác duy nhất. Từ khởi đầu cho tới kết thúc, ý định vẫn được giữ nguyên: trình bày [làm cho hiện thực] gương mặt của Peter, mà anh ta không có ở đây. Nhưng đó chỉ là một sự biểu hiện mang tính chủ quan, mà thuật ngữ tâm lý học gọi là một hình ảnh. Điều này có đích thực chăng?

Hãy xem xét lại ví dụ của chúng ta thêm một lần nữa. Chúng ta đã sử dụng ba cách thức để gợi lại gương mặt của Peter. Trong cả ba cách, chúng ta đã tìm thấy một "ý định" và ý định này cùng

nhận diện cùng một sự vật. Sự vật này chẳng phải là sự trình bày, cũng chẳng phải là bức ảnh chụp, hay chẳng là phải bức hí họa: đó chính là anh bạn thân Peter của tôi, Hơn thế, trong cả ba trường hợp, tôi nhận diện về đối tượng trong cùng một cách: tôi muốn làm gương mặt của Peter hiện ra như là một tri giác, tôi muốn "làm cho anh ta hiện diện" đối với chính tôi. Và bởi vì tôi không thể làm cho việc tri giác này xuất hiện ra một cách trực tiếp, tôi phải nhờ tới một chất liệu mà nó được vận hành như thể là một *sự tương tự*, như một sự tương đương với sự tri giác.

Trong trường hợp thứ nhất của cả hai trường hợp, ít nhất thì vật chất có thể được nhận thức cho chính nó, cho dù đó không phải là chính bản chất của nó, mà là nó cần vận hành như là chất liệu cho hình ảnh. Tấm hình chụp, đối với chính nó, là một sự vật: tôi có thể có gắng xác định được việc chụp nó vào khi nào bằng chính màu sắc của nó, hóa chất dùng để định ảnh, và sắc thái của nó, v.v.. Bức hí họa là một *đồ vật*, tôi có thể thích thú ngắm nhìn nó qua các đường nét và màu sắc, mà không phản ánh rằng chúng có chức năng thể hiện một cái gì đó .

Rõ ràng rằng hình ảnh tinh thần cũng phải có một chất liệu, và một chất liệu mà nó thoát thai từ ý nghĩa của nó, là chủ từ ý định làm cho nó sống thực. Nhận thức về điều này, tất cả điều gì tôi cần làm là so sánh ý định đầu tiên còn trống rỗng của tôi với hình ảnh tinh thần của Peter của tôi, mà nó là cái gì đó hiện ra và tiến tới được để làm đầy ý định của tôi. Cả ba trường hợp đều song hành một cách chặt chẽ như vậy. Chúng là ba tình huống với cùng một hình dạng, nhưng với các chất liệu khác nhau...

Chúng ta có thể kết luận là hành vi tương tượng xem xét một sự vật vắng mặt hay là có sự không hiện hữu trong tính chất hiện thực của nó thông qua nội dung vật lý hay tâm lý, và nó được tạo ra không phải vì chính nó, mà chỉ như một sự biểu tượng mang cách tương tự của đối tượng được xem xét. Những loại dạng của tài năng này phụ thuộc vào chất liệu, bởi vì ý định thông tin vẫn duy trì cùng một. Do thế mà chúng ta sẽ phải phân biệt giữa những hình ảnh mà chất liệu của chúng xuất phát từ thế giới của các sự vật (ảnh khắc, ảnh chụp, hí họa, tính chất vô danh của tác giả v.v. và những hình ảnh mà chất liệu của nó xuất phát từ thế giới tinh thần (sự vận động của ý thức, tình cảm v.v.). Có những loại trung gian được thể hiện cho chúng ta với những hợp để của những yếu tố bên ngoài và những yếu tố tâm lý, bởi vì khi chúng ta nhìn thấy một khuôn mặt trong ngọn lửa, trong hình thêu của một tấm thảm, hay trong trường hợp những hình ảnh của thôi miên, chúng vốn được cấu tạo trên cơ sở của những ánh sáng nội tâm.

Hình ảnh tinh thần không thể được xem xét bởi chính nó. Không có một thế giới của các hình ảnh và một thế giới của các sự vật. Mọi sự vật, cho dù được trình bày bởi các yếu tố bên ngoài hay bởi sự tri giác bên trong, vẫn có thể hoạt động, hoặc như một thực thể hiện co, hay như một hình ảnh, và phụ thuộc vào điều gì là trung tâm điểm quy chiếu đã được chọn lựa. Hai thế giới, thực hữu và tưởng tượng, được tạo thành từ cùng những sự vật: chỉ có sự gộp chung lại và sự lý giải về những sự vật này là thay đổi.

3. Từ dấu hiệu đến hình ảnh

Trên sân khấu của nhà hát kịch, Franconay đang đóng một số vai giả. Tôi nhận thấy rõ nhân vật mà bà ta đang bắt chước theo; đó là Maurice Chevalier. Tôi thán phục sự bắt chước đó: "Giống y chang như Maurice Chevalier", hay "Thật là không chê vào đâu được". Điều gì đó đang diễn ra trong ý thức của tôi?

Một người nào đó có thể nói, đó chỉ là một sự kết hợp do chính sự giống nhau, tiếp theo sau một sự so sánh: sự bắt chước đã diễn tiến ra trong ý thức của tôi một hình ảnh của Maurice Chevalier; rồi tôi so sánh cả hai. Quan điểm này không thể chấp nhận được. Chúng ta hoàn toàn không chống nổi ảo tưởng của sự ẩn tàng. Sự phê phán của William James tuy nhiên lại có đầy đủ sức mạnh ở đây: điều gì là sự giống nhau này, đang đi tìm những hình ảnh trong vô thức - sự giống nhau này quả có trước cái ý thức mà chúng ta có về nó?

Chúng ta có lẽ cần gợi lại cái nhìn này bằng cách đưa vào đó một vài sự điều chỉnh. Chúng ta có lẽ phải bỏ đi sự giống nhau này và nhận thức cho đúng lại thay vì cứ để phải bị động. Cái tên "Maurice Chevalier" gợi lên trong chúng ta một hình ảnh bởi do sự tiếp giáp. Sự giải thích phải chăng sẽ áp dụng cho nhiều trường hợp do người đóng vai gợi lên mà không sử dụng đến tên gọi? Có một số lớn các dấu hiệu có thể so sánh được với một cái tên: Franconay, không phải cái tên Chevalier, có thể thình lình được đặt trên đầu một cái nón rơm. Những tờ áp phích, nhật báo, những bức hí họa, đã dần dần được xây lên trên một toàn bộ tổng kho các dấu hiệu. Chúng chỉ cần được vay mượn..

Sự khác nhau giữa ý thức của một kẻ đóng vai và ý thức về một tấm ảnh được thoát thai từ các chất liệu. Chất liệu của một tấm ảnh chụp thì tự nó gợi lên cho người xem sự thực hiện một tổng đề, cũng chẳng khác gì người họa sĩ thực hiện nó với một sự giống y hệt đi từ nguyên mẫu của nó. Chất liệu của sự thủ vai là một thân thể con người. Nó cứng ngắc, và chống lại sự bắt chước. Người đóng vai thì nhỏ, mập, và tóc đen; một người đàn bà đang bắt chước một người đàn ông. Kết quả sự bắt chước đó chỉ có thể đại khái giống nhau. Đối tượng mà Franconay tạo ra bởi phương tiện thân thể của bà ta là một dạng yếu mà nó luôn luôn có thể được diễn giải bằng hai cách khác nhau: tôi đang luôn luôn tự do nhìn Maurice Chevalier như một hình ảnh hay một người đàn bà nhỏ thó đang diễn trò. Vậy nên vai trò cốt yếu của các dấu hiệu đang làm sáng tỏ và hướng dẫn ý thức của tôi.

Ý thức trước hết được hướng dẫn để hướng tới tình trạng chung: nó được đặt để diễn giải mọi sự như là một sự bắt chước. Nhưng nó vẫn cứ trống rỗng; nó chỉ là một câu hỏi (Người nào mà bà ta đang bắt chước?), chỉ một sự tiên liệu trước có định hướng. Từ sự biểu hiện mà nó được định hướng, thông qua người bắt chước, hướng tới một người không xác định, được nhận thức như một đối tượng X rất phù hợp với những dấu hiệu được cung cấp bởi sự bắt chước. Ý thức đảm nhận một vai trò kép: xác định đối tượng X phù hợp với những dấu hiệu được cung cấp bởi người bắt chước; và thực hiện đối tượng như một hình ảnh thông qua con người đang bắt chước nó.

Vậy là người đóng vai xuất hiện. Bà ta đội một chiếc mũ rơm; bà ta trề môi dưới ra, bà ta đang choài cái đầu về phía trước. Tôi ngưng sự nhận thức lại, tôi *đọc* chẳng hạn, tức là tôi đang thực hiện một tổng đề bao gồm ba dấu hiệu. Cái nón rơm trước hết là dấu hiệu đơn giản nhất, cũng giống như cái nón két hay cái khăn quàng của người ca sĩ, thật sự là những dấu hiệu mà ông ta đã chuẩn bị để hát một bài apache. Nói cách khác, trước tiên tôi không nhận ra chiếc nón của Chevalier *qua* cái nón rơm; tôi nhận thấy cái nón của người đóng vai là nhằm *gợi ý* về Chevalier, cũng giống như cái nón két là nhằm gợi ý về "*môi trường xã hội apache*". Để nhằm phán đoán các ý nghĩa tạo ra khái niệm "Chevalier". Vào cùng lúc, tôi đang làm một phán đoán, "Bà ta đang bắt chước Chevalier". Với sự phán đoán này, cơ cấu của ý thức của tôi đã được biến đổi. Giờ đây chủ đề của nó là Chevalier. Trong tính cách của ý định chính yếu của nó, ý thức của tôi là sự

tưởng tượng, sự hiểu biết của tôi được thực hiện trong chất liệu trực giác đã cung cấp cho tôi.

Chất liệu trực giác này rất nghèo nàn; sự bắt chước chỉ tạo ra một ít yếu tố - những mối quan hệ, đó chỉ là sự trực giác một cách tối thiểu: góc lệch của chiếc nón rơm và góc vuông tạo nên do bởi cái gáy và cái cằm. Ngoài ra, một số trong các quan hệ này đã hoàn toàn thay đổi: cái góc của cái nón rơm có hơi quá đáng, bởi vì điều này là dấu hiệu chính yếu đang đập vào mắt ta trước nhất, và chung quanh nó tất cả những cái khác đều được sắp xếp tuân theo. Một bức ảnh là một sự củng cố một cách trung thành của những nguyên mẫu của nó trong mọi sự phức tạp của nó, và được bó buộc trên chúng ta, như thể chính cuộc sống, một cố gắng để đơn giản hóa đi, nếu chúng ta trừu tượng hóa những nét đặc trưng của nó; nhưng một sự bắt chước bày ra những nét đặc trưng như thế từ cái bề ngoài đích thực của nó. Một tấm ảnh là trong khía cạnh nào đó ít nhất về mặt hình thức là một sự vật nào đó tự nhiên. Một sự bắt chước cũng có nghĩa là đã có một nguyên mẫu đã được nghĩ tới, được thông qua và được giản lược ra thành công thức, thành sơ đồ. Đi vào trong công thức qui ước này, ý thức cần đến một sự trực giác tưởng tượng để diễn tiến. Nhưng những sơ đồ cứng nhắc này - rất khô cằn, rất trừu tượng, đến nỗi chúng có thể được đọc trong một lúc, vừa xuyên qua như các dấu hiệu - bị cuốn hút vào trong một mớ các chi tiết chúng dường như cũng đi vào trong con đường của trực giác. Maurice Chevalier đã được khám phá ra như thế nào đó, trong đôi gò má được vẽ ra núng nính, mái tóc đen này, cái thân thể đàn bà, những áo quần đàn bà này?

Chúng ta có thể nhắc lại ở đây một đoạn nổi tiếng trong tác phẩm Vật chất và Ký ức [*của Bergson*]:

Tiên nghiệm... điều đó có vẻ như sự phân biệt rạch ròi giữa các sự vật đơn lẻ là một sự phung phí của tri giác .. Nó có vẻ như chúng ta phát xuất không phải từ tri giác của cá nhân, cũng không phải từ ý niệm tài năng, mà là từ một dạng trung gian nào đó của sự hiểu biết - từ một cảm thức mù mờ về một tính cách hay giống nhau rõ rệt.

Mái tóc đen đó, chúng ta không thấy như là đen; cái thân thể đó, chúng ta không nhận thức như một thân thể đàn bà; chúng ta không nhìn thấy những đường cong nhô ra của nó. Vậy mà, từ khi đó là vấn đề đi xuống tới một cấp độ trực giác, chúng ta dùng tới nội dung cảm thụ của giác quan trong tính cách những nét tổng quát nhất của nó. Mái tóc và thân thể được nhận thức như những khối lờ mờ, như những không gian được lấp đầy. Chúng có sự lờ mờ cảm quan; bên ngoài điều này, chúng chỉ như một sự dựng lên. Vì ở lần thứ nhất, trong sự miêu tả của chúng ta về các ý thức tưởng tượng, chúng ta đã thấy hiện ra - và ngay nơi trung tâm của sự nhận thức - một sự không định hình cơ bản . Những tính chất này là lờ mờ và chúng chỉ được nhận thức cùng với các khía cạnh tổng quát của chúng, không có các giá trị ngay tự trong bản thân của chúng: chúng được nội tại vào trong một hợp để tưởng tượng. Chúng tiêu biểu cho cái thân xác không xác định, mái tóc không xác định của Maurice Chevalier.

Các yếu tố này vẫn không đủ. Những sự xác định tích cực cần phải được thực hiện. Đó không phải là một vấn đề kiến tạo với thân thể của người đóng trò Franconay, một *sự giống nhau* tuyệt đối về thân thể của Chevalier. Tất cả những cái gì tôi cảm nhận được, chỉ là một vài yếu tố đang vận động ngay chính giờ đây như những dấu hiệu. Bởi vì tôi không có một sự đồng dạng hoàn toàn với con người được bắt chước, tôi phải nhận thức trong trực giác một *bản chất biểu hiện* nào đó, về cái yếu tính như là nó vốn có, của Chevalier đang được bày tỏ ra trong trực giác.

Trước hết tôi phải mang tới cho đời sống các sơ đồ cứng nhắc này. Nhưng chúng ta cần phải thận trọng: nếu tôi nhận thức chúng như là bản thân thật sự của chúng, như nếu tôi lưu ý tới các khóe môi, tới màu sắc của rơm trên chiếc nón, ý thức về các hình ảnh sắp tan biến mất. Tôi phải lưu tâm qua các chuyển động của sự nhận thức theo cách ngược lại, phải bắt đầu bằng sự hiểu biết và kết thúc trực giác như là một chức năng của sự nhận thức này. Cái môi đó đích thực hiện giờ là một dấu hiệu; tôi đang thực hiện một hình ảnh về nó. Nhưng đó là một hình ảnh chỉ mở rộng thêm ra cho nó cái gì đó đã là một dấu hiệu. Tôi nhìn thấy nó chỉ như một "một cái môi to bè đang trề ra". Ở đây chúng ta đang gặp lại một đặc tính cốt yếu của hình ảnh tinh thần - hiện tượng của sự bán quan sát. Điều gì tôi nhận thức là điều gì tôi đã biết; tôi không thể học được bất cứ điều gì từ nơi sự vật, và trực giác chỉ là sự hiểu biết đã bị làm nặng nề thêm và xuống cấp. Cùng lúc ấy, những tính chất dị biệt này được liên kết với nhau bằng những vùng được trực nhận một cách lờ mờ: đôi gò má, đôi tai, cái gáy của người làm trò vận động đó như thể một mảng kết hợp không xác định. Cũng tại đây, chính là sự hiểu biết, nó là tiên khởi: điều gì được nhận thức là phù hợp với sự nhận thức mù mờ mà mà Maurice Chevalier có đôi gò má, đôi tai, chiếc gáy đó. Những chi tiết mờ nhạt đi, và điều gì không thể biến mất thì vẫn chống lại với cái tổng đề tưởng tượng.

Nhưng những yếu tố trực nhận dị biệt này vẫn không đủ để nhận thức về cái bản chất được biểu hiện ra. Đây lại là một yếu tố mới đang nổi lên - tình cảm.

Hai nguyên lý cần được nhận rõ:

1. Bất kỳ một tri giác nào vẫn đều luôn đi theo với một phản ứng tình cảm.

2. Bất cứ một tình cảm nào, tức là một tình cảm về cái gì đó, vẫn xem xét đối tượng của nó theo một cách nào đó, và cùng với những dự phóng mà trên đó có một đặc tính nào đó. Có cảm tình đối với Peter cũng là việc có ý thức rằng Peter như thể một đối tượng được cảm mến.

Thế nên vai trò của tình cảm trong ý thức về sự bắt chước có thể được hiểu ra. Khi tôi nhìn thấy Maurice Chevalier, sự nhìn thấy này chứa đựng trong đó một phản ứng tình cảm nào đó. Tôi dự phóng trên khuôn mặt của Maurice Chevalier một tính chất không xác định có thể được gọi là ý nghĩa của ông ta [*sens*]. Trong ý thức về sự bắt chước, sự hiểu biết có ý định, trên cơ sở của những dấu hiệu và sự bắt đầu của sự nhận thức bằng trực giác, làm yếu đi phản ứng này, nó đã trở thành được nhập thể vào trong tổng đề mang tính ý định. Một cách tương ứng, ý nghĩa tình cảm của gương mặt của Chevalier bắt đầu hiện ra trên gương mặt của Franconay. Tính chất ý nghĩa tình cảm này, mà nó vẫn thực hiện sự nối kết tổng hợp của các dấu hiệu khác nhau, làm sinh động sự khô cằn máy móc của nó, và mang lại cho chúng một sự sống cùng nét linh hoạt nào đó. Chính ý nghĩa tình cảm này mà nó kết hợp các yếu tố rời rạc của của sự bắt chước với một ý nghĩa không xác định và tính đơn nhất của một đối tượng, và nó vận hành giống như chất liệu trực giác thật sự của ý thức của sự bắt chước. Cuối cùng, chính đối tượng này cũng như một hình ảnh mà chúng ta chiêm ngắm trên thân thể của người diễn trò: những dấu hiệu được nối kết bởi một ý nghĩa tình cảm - có nghĩa là *bản chất biểu hiện*. Đây là cơ hội đầu tiên nhưng không phải là cuối cùng mà chúng ta thấy tình cảm diễn ra do những yếu tố trực giác chặt chẽ của sự nhận thức nhằm để hiểu biết đối tượng như một hình ảnh.

Tổng đề tưởng tượng đi kèm theo với một ý thức mạnh mẽ của sự ngẫu phát - kể cả chúng ta có thể nói đó như sự tự do. Điều này bởi vì trong sự phân tích vừa rồi, chỉ có một hành vi xác định của ý chí là có thể giữ được cho ý thức khỏi bị trượt khoi lần

mức của hình ảnh so với hình ảnh của trực giác. Ngay cả như thế, thì sự trượt đi này cũng thường xảy ra chỉ ở trong lúc này hay lúc khác. Vẫn thường xảy ra việc tổng đề không được thực hiện một cách toàn hảo: gương mặt và thân thể của người làm trò không mất đi mọi tính cá biệt của mình; nhưng cái gì đó biểu hiện cho "Maurice Chevalier" vẫn không bao giờ xuất hiện trên gương mặt này, trên thân thể người dàn ba này. Một tình trạng kết hợp đã được phát triển, nó không hoàn toàn được nhận thức, cũng không hoàn toàn là tưởng tượng, và nó cũng không được miêu tả tốt nhất cho chính nó. Tình trạng không ổn định và thoáng qua này, rõ ràng là cái gì đó được thực hiện tốt nhất cho khán giả trong màn trò diễn bắt chước theo như nhân vật.

4. Tư tưởng và tưởng tượng

Luôn luôn sẵn sàng bị sa lầy vào trong tính cách chất liệu của một hình ảnh, tư tưởng thoát đi ra được là nhờ bị trôi vào trong một hình ảnh khác, và cũng từ đó mà chuyển sang một hình ảnh khác nữa. Nhưng chính trong hầu hết các trường hợp, thì sự không tin chắc này cũng giống như một ký ức phản tỉnh không xuất hiện ra. Trong những trường hợp này, quy luật phát triển là bẩm sinh đối với hình ảnh, và thường bị nhầm lẫn với luật của yếu tính trong sự xem xét... Những sự nguy hiểm của việc thay thế này được minh họa bằng ví dụ sau đây: "Tôi muốn tự thuyết phục mình về ý tưởng là mọi cá nhân hay nhóm đối kháng vẫn cứ xuất phát từ sự áp bức bằng sức mạnh cần thiết để loại bỏ những kẻ áp chế mình. Nhưng tôi có một ấn tượng rõ ràng rằng một lý thuyết như thế là độc đoán, và tôi cảm thấy có một sự khó chịu nào đó. Tôi lại phải cố gắng suy nghĩ lại là giờ đây lại xuất hiện hình ảnh của một cái lò xo bị nén. Cùng một lúc tôi cảm thấy có trong các bắp thịt của tôi một lực tiềm tàng của cái lò xo. Nó như đang giãn rộng ra mạnh mẽ hơn, nếu nó càng lại bị nén mạnh hơn. Vào một lúc, tôi cảm thấy với sự hiển nhiên rõ ràng về sự cần thiết của ý tưởng mà tôi đã không thể tự thuyết phục được mình trước đó".

Chúng ta thấy rõ trong đó có chứa điều gì đó. Cái bị nén là cái lò xo. Trên cái lò xo bị nén đã có thể quan sát ngay được, như thể chính cái lực mà với nó, nó sẽ được phát triển rộng ra; nhưng một lực nén tiêu biểu rõ ràng năng lượng tiềm tàng, và năng lượng tiềm tàng này là cái đang bị nén, vì cái bị nén đó là cái lò xo. Ở đây chúng ta thấy rõ về sự lây nhiễm lẫn nhau giữa những quy luật của hình ảnh và những quy luật của yếu tính được trình bày. Ý tưởng về năng lượng tiềm ẩn này gia tăng tỷ lệ thuận đối với cái lực đang điều khiển nó, đó chính là cái lò xo đang *thể hiện* nó; nó có thể nhận biết được trên cái lò xo. Thay vào cho từ ngữ so sánh bằng từ ngữ thay thế, cho cái lò xo một cơ chế chẳng hạn, và bạn sẽ có một trực giác hoàn toàn ngược lại - cái gì đó mà nó có thể biểu hiện bằng cách nói "Sự đè nén làm cho vô nghĩa và làm cho xuống cấp những ai phải chịu đựng nó" Nhưng hình ảnh của cái lò xo, cũng chẳng đủ để mang tới một sự thuyết phục. Chẳng nghi ngờ gì là cái lò xo tích lũy lực. Nhưng không bao giờ có đủ để ném đi được cái sức năng, bởi vì cái lực được tích lũy lại ở trong cái lò xo, là luôn luôn kém hơn lực nén của chiếc lò xo. Kết luận như thế được bị rút ra từ hình ảnh, có thể là cái bị nén lấy lại được sức mạnh và giá trị của nó từ sự kiện rất hiển nhiên là sự nén của nó, nhưng nó sẽ không bao giờ thành công trong việc cởi bỏ được chiếc ách đó của nó. Thực ra, càng hàm chứa hơn. Hình ảnh đã bị làm cho sai lạc đi, bởi ý nghĩa: năng lực tích tụ lại trong cái lò xo bị nén không cảm thấy được bị chặt

chứa ở đó một cách thụ động, nhưng như một lực sống thực mà nó cứ tăng trưởng dần lên theo *thời gian*. Ở đây hình anh của chiếc lò xo không còn là hình ảnh giản đơn của cái lò xo nữa. Nó cũng còn là cái gì đó không xác định được: hình anh của một cái lò xo sống thực. Ở đây rõ ràng có một sự mâu thuẫn, nhưng... không có hình ảnh nào mà không có sự mâu thuẫn đi liền theo. Chính ở trong và do sự kiện mâu thuẫn quá hiển nhiên này mà ấn tượng của sự hiển nhiên được tạo thành. Như thế hình ảnh mang có trong chính nó một sức mạnh nhằm thuyết phục cái gì là không xác đáng và nó đến từ sự hàm hồ của bản chất của nó.

5. Tình cảm và tưởng tượng

Đối tượng trong dạng một hình ảnh là cái gì đó không thực [*irréel*]. Nó tất nhiên không có mặt, nhưng vào cùng một lúc, nó ở ngoài cả tầm với tới được. Tôi không thể sờ mó tới nó, thay đổi vị trí của nó; hay hơn thế nữa, cho dù có làm được như thế, thì chỉ với tính cách tôi làm điều đó không có thực chất, bởi vì không thể sử dụng chính bàn tay của tôi, nhưng là bàn tay ma quỷ, và nó điều khiển cái nắm đấm không có thực vào chính khuôn mặt này. Sự hành động trên các đối tượng không thực này, tôi phải nhân đôi chính tôi lên, làm cho chính tôi cũng là *không thực*. Chúng không nặng nề, cũng chẳng đòi hỏi, cũng chẳng bó buộc: chúng chỉ tuần túy thụ động, chúng chờ đợi. Đời sống yếu ớt mà chúng ta phả vào trong chính chúng là đến từ chúng ta, từ sự ngẫu phát của chúng ta. Nếu chúng ta chạy đi khỏi chúng, chúng sẽ tan biến ngay vào trong chẳng là cái gì cả...

Sự vật thụ động này, được giữ cho sống động một cách giả tạo, nhưng gần như biến mất vào bất cứ lúc nào, không thể làm thỏa mãn những ham muốn của chúng ta. Nhưng không phải hoàn toàn là chẳng có mũi nhọn: cấu tạo nên một sự vật không thực chỉ là một cách để lừa dối trong một lúc đối với các sự ham muốn của chúng ta, để chỉ làm gia tăng thêm chúng sau này, một cái gì đó giống như tác dụng của của nước biển khi ta đang khát. Nếu tôi muốn thấy một người bạn, thì tôi tưởng tượng ra anh ta. Đó là một cách hay dùng tới để làm thỏa mãn sự khao khát của tôi. Nhưng sự thỏa mãn đó chỉ là trò chơi tưởng tượng, bởi chỉ do người bạn của tôi không hiện diện thật ở đó. Còn một điều nữa, đó là sự ham muốn tạo thành đối tượng cho phần lớn. Đối với sự mở rộng mà nó dự phóng sự về vật không có thật trước nó, lòng ham muốn tự làm đặc trưng chính nó như là một sự ham thích. Trước hết đó chỉ là Peter mà tôi rất muốn gặp. Nhưng sự ham muốn của tôi lại trở thành sự ham muốn về nụ cười đó, về cái nhìn đó. Như vậy nó vừa hạn chế và vừa tăng cường vào cùng một lúc, và đối tượng là không thật - ở một mức độ nào đó mà khía cạnh tình cảm của nó đang có quan hệ tới - tức chính xác là sự hạn chế và sự tăng cường về lòng ham thích này. Nó chẳng gì khác ngoài chỉ là một ảo giác; trong động tác tưởng tượng, sự ham muốn vẫn tự làm thỏa mãn chính nó. Để cho chính xác hơn, đối tượng trong tính chất như một hình ảnh là một sự *thiếu vắng đặc biệt*; nó là một cái hố rỗng...

Trong sự tự tổ chức của nó cùng với sự hiểu biết vào trong một dạng thức tương tượng, sự ham muốn đã trở thành chính xác và tập trung. Được soi sáng bởi sự hiểu biết này, sự ham muốn dự phóng đối tượng của nó ra ngoài chính nó. Do thế mà nó trở thành có ý thức về chính nó. Hành vi nhờ đó mà một tình cam trở thành có ý thức về ban chất đúng của nó, đã giới hạn và xác định chính nó - hành vi này là một và cũng còn như thế là

hành vi mà tự nó tiêu biểu chính nó với một đối tượng được siêu vượt lên...

Không thể nào tác động đối với hình ảnh để nối kết chính nó vào sự ham muốn từ bên ngoài: bởi vì điều này cũng sẽ bao hàm một ham thích mà chính bản thân nó là vô danh, và hoàn toàn vô cảm đối với đối tượng mà trên đó cuối cùng nó muốn được cố định chính nó. Thay vì là một tình trạng mang tính tình cảm, đang có ý thức, lại không thể hiện hữu mà không có một mối tương quan siêu việt lên.

Khi tình cảm được hướng đến một cái gì đó có thật, và hiện thời đang được nhận thức, thì sự vật, giống như một gương phản chiếu, quay ngược lại chính ánh sáng mà nó đã nhận được. Như hậu quả của mối tương hỗ diễn tiếp này, tình cảm được tiếp tục một cách phong phú hơn, và cùng một lúc sự vật như được nhuốm đầy các tính chất tình cảm. ❖ Do vậy mà tình cảm có được chiều sâu và sự phong phú riêng của nó. Tình trạng tình cảm đi theo sau tiến trình của sự chú ý, nó được phát triển với mỗi một sự khám phá mới của tri giác, và nó cũng đồng hóa mọi tính cách của sự vật; do thế mà sự phát triển của nó vẫn không thể đoán trước được, bởi vì nó phụ thuộc vào sự phát triển của mối liên quan thật sự của nó ngay cả trong khi nó vẫn cứ tự phát. Ở mỗi lúc tri giác cứ tuông trào lên nó và giữ nó lại, và sự đậm đặc của nó cùng chiều sâu, đi đến từ sự hiện hữu của nó, bị trộn lẫn cùng với đối tượng được tri giác: mỗi tính chất tình cảm là được nhập thể sâu xa như thế trong đối tượng, đến nỗi cũng không thể nào phân biệt ra được giữa cái gì được cảm thấy và cái gì được nhận thức.

Trong sự cấu tạo của sự vật không có thực, sự hiểu biết giữ một vai trò của tri giác; Đó là đối với chính nó mà tình cảm được nhập thể vào. Do vậy sự vật không có thật lại nổi lên.. Tình cảm do thế được biểu hiện trong khuôn mặt của cái không thực, như là chính trong gương mặt của cái thực. Nó tìm cách hòa nhập vào với nó, để thích ứng nó với cái chung quanh, để được nuôi sống từ đó. Chỉ có cái không thật này, được đặc biệt hóa và được xác định, vẫn là rỗng không; hay đúng ra nó chỉ là sự đơn thuần phản ánh về tình cảm.

Yêu thích cái thực hơn cái tưởng tượng, không chỉ là sự yêu thích hơn đối với một hiện tại tầm thường, hơn là so với một cái gì phong phú, một cái đẹp, một cái rực rỡ, mà nó là sự tưởng tượng, *thay vì* chính sự kiện là chúng không thực. Nó cũng thường phải chấp nhận những tình cảm và thái độ mà chính chúng là tưởng tượng, *bởi vì* chúng chỉ là sự tưởng tượng. Đó chẳng phải chỉ là một hình ảnh này hay hình ảnh kia được chọn mà thôi, nhưng đó là tình trạng tưởng tượng đối với tất cả mọi nội dung của nó, và điều đó không hề là một sự thoát đi từ các tính chất của thực tại (nghèo nàn, tình yêu dối gạt, sự thất bại trong các nỗ lực của chúng ta, v.v...) đó là một sự tìm kiếm, không phải từ chính hình thức của thực tại, hay tính cách của *sự có mặt* của nó, hay sự đáp ứng lại từ các yêu cầu của chúng ta, sự phụ thuộc các hành động của chúng ta đối với sự việc của chúng, sự không thể cạn hết được của các tri giác của chúng ta, sự độc lập của chúng, tính cách đích thực của tình cảm của chúng ta có được về sự phát triển. Sự sống giả tạo, cứng đọng, bị hình thức hóa này, ở trong một sự vận động chậm chạp, mà đối với phần lớn chúng ta, nó giống như là một đặc trưng, thì chính xác là cái gì đó mà một kẻ điên loạn hay mong muốn. Người mộng mơ bệnh hoạn vẫn cứ tưởng tượng mình là ông hoàng, mà không tự điều chỉnh chính mình với cái ngôi không

---

❖ Như thế tính duyên dáng, sự bối rối, sự tương đắc, nặng, nhẹ, tinh tế, thô thiển, kinh khiếp, ghê sợ, v.v...

thực có được đó, ngay cả điều đó cũng chẳng phải đối với một kẻ bạo chúa, nơi mà mọi sự ham muốn của kẻ đó đều được bảo đảm. Một sự ham muốn trong thực tế không bao giờ được bảo đảm một cách thực sự, bởi vì có một cái hố ngăn cách giữa thực tại và tưởng tượng. Đối tượng mà tôi mong muốn, thực ra có thể chỉ là đối với tôi, nhưng chỉ ở trên một mức độ khác của cuộc sống, mà theo đó tôi phải thích nghi với chính mình. Thế thì nó hiện thực ngay chính trước mắt của tôi. Nếu tôi đã không hành động như thế ngay tức thì, thì tôi sẽ do dự trong một lúc lâu, và ngạc nhiên, mà không thể nhận thức về thực tại này đầy đủ và phong phú trong mọi tính cách của nó. Tôi muốn tự hỏi chính mình: "Đó thực sự có phải là *điều này* mà mình muốn không?". Người mơ mộng bệnh hoạn sẽ vẫn không do dự; đó không phải cái này mà hắn muốn. Hơn thế nữa, bất kỳ một sự xem xét nào cũng đều là sự kiện mà hiện tại nó đòi hỏi có một sự thích nghi mà anh ta lại không bao giờ còn muốn thích ứng theo nữa; một loại dạng của sự không xác định về mặt những tình cảm của chúng ta là cần thiết, một sự thun giãn thật sự, bởi vì thực tại luôn luôn mới, luôn luôn *không thể đoán trước* được. Tôi muốn Anny đến; nhưng với Anny tôi chỉ muốn ở trong chính mối quan hệ cùng với các ham muốn của tôi. Cô ta đang có mặt ở đây, nhưng cô ta liền trôi ngay khỏi sự ham muốn của tôi về mọi mặt: tôi muốn bắt đầu với sự nắm bắt của tôi về mọi cái trở lại. Tương phản lại như thế, các tình cảm của kẻ mộng mơ bệnh hoạn vẫn nghiêm trang và cố định; chúng vẫn được tham chiếu vào với cùng các hình thức cùng những nhãn hiệu. Anh ta đã lấy đi thời gian của anh ta trong sự cấu thành chúng; không có một cái gì được cho là tình cờ cả; họ không muốn dung thứ đối với một chút đi chệch nhỏ nhất nào. Những nét của các sự vật không thực, tương ứng với các tình cảm của chúng, đã được cố định trong tương quan nhau một cách vĩnh viễn. Như thế thì người mơ mộng có thể chọn lựa từ phòng tích chứa các đồ phụ tùng những tình cảm mà anh ta mong muốn đặt lên trên và những đồ vật đi theo với những tình cảm này, như một người diễn viên lựa chọn các trang phục của mình. Ngày nay nó là tham vọng, ngày mai nó sẽ là tình yêu xác thịt. Chỉ những đồ vật như là các hình ảnh với sự "nghèo nàn thiết yếu" của chúng, là có thể được điều dụng một cách nhẫn nại cho tình cảm của anh ta, mà không hề bao giờ lấy đó làm sự ngạc nhiên, và lừa dối nó, hay hướng dẫn nó. Chỉ có những đối tượng không có thật là có thể mai một đi, vào chính trong cái không gì cả, khi sự thay đổi của kẻ mộng mơ đã qua đi, bởi vì chúng cũng chỉ là những sự phản ảnh của nó; chỉ có những sự vật không thật là không có những hậu quả nào khác hơn là những hậu quả mà anh ta muốn rút ra từ chúng. Do thế mà có một lầm lẫn khi nhìn vào thế giới của sự điên loạn giống như một cái thác nước về những hình ảnh, với một sự phong phú và một sự sáng lóng lánh, mà nó cân đối lại đối với sự đơn điệu của thực tại. Thế giới của anh ta thì nghèo nàn và tún mún, nơi mà cùng những cảnh tượng cứ trụ lại không mệt mỏi đến từng chi tiết nhỏ nhất, và đi theo cùng với các nghi thức, nơi mà mọi cái đều được điều tiết trước, thấy trước được - nơi mà trên tất cả, và không có cái gì thoát ra được, chống lại, hay làm cho phải kinh ngạc. Nói chung, nếu sự điên loạn tưởng tượng ra nhiều cảnh tượng yêu đương như thế, điều đó là không đúng, bởi vì tình yêu thật sự của anh ta đã bị xâm hại, và nếu quả là như thế, là bởi vì anh ta không thể nào có có khả năng yêu thương được nữa.

14

Ý thức *

GILBERT RYLE

(sinh năm 1900)

Trước khi bắt đầu thảo luận khái niệm hay các quan niệm của các nhà triết học về ý thức, có lẽ phải cần nên xem xét trong vài khía cạnh nào đó việc sử dụng từ ngữ "ý thức" cũng như "sự ý thức" trong cuộc sống hằng ngày, khi không chủ ý nhằm vào các lý thuyết đặc biệt nào cả.

(a) Thường thì người ta vẫn nói theo cách này; họ bảo "tôi ý thức rằng các đồ đạc đã được xếp đặt", hay "tôi ý thức việc anh ta tỏ ra ít thân tình hơn thường lệ". Trong các văn mạch như thế, từ ngữ "ý thức" hay được dùng đến, thay vì là các từ như "nhận thấy", "cảm thấy" và "khám phá ra" nhằm để chỉ cho một sự riêng lẻ hiển nhiên và rất đáng được lưu tâm nhiều của sự nhận biết. Sự vật được đặc biệt nhìn có vẻ hơi khác, nhưng người quan sát vẫn không thể nói rõ được những sự khác nhau đó là cái gì; hoặc giả là thái độ của con người không phù hợp trong một số các cách thức, nhưng người phát ngôn đó cũng không thể liệt kê ra hết hay là chỉ rõ ra về chúng. Cho dù là có những vấn khá đề thú vị có mang tính triết học, về sự mơ hồ, cũng như về sự không diễn tả được của cái gì đó rất mơ hồ, song việc dùng từ ngữ "ý thức" này cũng không kéo theo sự hiện hữu của của bất cứ những năng lực, phương pháp, hay cách thức nhận thức đặc biệt nào cả. Điều gì đó mà chúng ta có ý thức, nói theo theo ý nghĩa này, đều có thể là một sự kiện vật lý, hay một sự kiện của trạng thái tinh thần nơi một người nào đó khác.

(b) Người ta thường dùng từ "ý thức" và "tự ý thức" để nhằm miêu tả sự bối rối được bộc lộ ra bởi nhiều người, đặc biệt là những người trẻ có sự lo lắng về những ý kiến của những người khác đưa ra về những phẩm chất hay các tính cách tinh thần của họ. Sự xấu hổ và sự xúc cảm là những cách thức mà trong đó sự tự ý thức, trong ý nghĩa ở đây, được thể hiện ra thông thường nhất.

(c) "Tự ý thức" đôi khi cũng được dùng trong một ý nghĩa tổng quát hơn, nhằm để nêu lên việc có một ai đó đã phải đến

* Trích từ Chương VI trong *Ý niệm về tinh thần* (1949). Tái bản dưới sự cho phép của tác giả Gilbert Ryle, và nhà xuất bản Hutchinson và Công ty trách nhiệm hữu hạn.

lúc trả giá cho những tính cách, hay tinh thần của chính mình, bởi nó không được phù hợp với một điều gì đó chẳng hạn, hoặc do anh ta bị bối rối bởi các đánh giá của những người khác về mình. Khi một đứa trẻ đã bắt đầu nhận thấy rõ là cậu ta ưa thích môn toán học hơn, hay là ít nhớ nhà hơn, so với các điều gì đó khác mà cậu đang có, thì cậu ta đã bắt đầu đã tự nhận thức được theo chính nghĩa rộng này.

Sự tự ý thức, theo ý nghĩa rộng này, dĩ nhiên là có tầm quan trọng tiên quyết đối với hành vi trong cuộc sống, và cả ý niệm về nó, tuy thế nó cũng có một tầm quan trọng về mặt đạo đức; thế nhưng việc sử dụng khéo léo không kéo theo bất cứ lý thuyết nào về việc tại sao một người thực hiện và kiểm tra được sự yêu thích của mình về các phẩm chất, về tính tình, hay về trí năng của chính mình, hay là làm thế nào để anh ta có thể so sánh chúng với những điều gì mà anh ta đã từng có được.

Những thành ngữ của trường phái Freud về "vô thức" hay là "tiềm thức", có sự kết hợp chặt chẽ với việc dùng từ ngữ "ý thức" này; bởi vì ít nhất thì cái phần của cái gì đó có nghĩa bởi sự miêu tả tính ghen tuông, sự sợ bóng tối, hay khuynh hướng tính dục, như là sự "vô thức", là cái mà các nạn nhân của chúng không chỉ không nhận thức được sức mạnh của chúng, hay ngay cả sự hiện hữu của chúng, trong chính bản thân mình, nhưng cũng trong một cách nào đó *sẽ* không nhận thức nó. Anh ta muốn chối bỏ một phần công việc của sự đánh giá về loại nào chính là bản thân của con người anh ta, hay nói cách khác, là anh ta nhập nhằng một cách có hệ thống về các sự đánh giá của mình. Vấn đề hữu thể học về một người tự đánh giá mình, hay đánh giá sai lầm như thế nào về các tình trạng của mình, vẫn không phải, hay không cần kêu gọi tới các quan điểm của Freud về các tính chất nguyên nhân học, về sự khảo xét, sự định bệnh, và sự chữa chạy đối với những khuynh hướng lẫn tránh và làm nhập nhằng những đánh giá như thế.

(d) Hoàn toàn khác nhau với những sự sử dụng hiện đang còn tiếp tục về "ý thức", "tự ý thức" và "vô thức", là việc sử dụng mà trong đó một số người bị gây mê, được cho là bị mất ý thức từ chân cho tới đầu gối. Trong cách dùng này, "ý thức" có ý nghĩa là một "sự cảm nhận" hay "cảm biết", và "vô thức" có nghĩa là sự bị gây mê, hay không còn có cảm giác. Chúng ta nói rằng một người mất ý thức, khi nào anh ta ngưng không còn cảm nhận được về bất kỳ sự vỗ nhẹ, các tiếng ồn, sự kích thích, hay những mùi hương nào đó.

(e) Khác với việc sử dụng cuối cùng này, cho dù kết nối là gần gũi, vẫn có một ý nghĩa mà theo đó một người có thể được cho là không có ý thức về một cảm giác, khi anh ta chẳng có chú ý gì tới nó. Một người đi bộ khi bước vào trong một cuộc tranh cãi sôi nổi, có thể là không có ý thức theo ý nghĩa này về những cảm giác đối với cái gót chân bị phồng rộp lên của mình, và người nào đọc những từ ngữ này, thì khi anh ta lại bắt đầu câu này, như có lẽ không có ý thức gì về cảm giác các bắp thịt và da ở phía sau gáy của mình, hay cái đầu gối phía bên trái của anh ta. Một người cũng có thể không có ý thức hay không nhận thức ra rằng anh ta đang chau mày, đang đánh nhịp theo nhạc, hay đang nói lầm bầm gì đó.

"Ý thức" trong ý nghĩa này có nghĩa là sự "chú ý đến"; và nó có ý nói lên một cảm giác chỉ được nhận ra chỉ khi nào đủ rõ ràng, tức là khi sự chú ý của cá nhân đó là được xác định một cách rất mạnh mẽ ở một sự việc gì đó khác. Ngược lại, một người có thể nhận thức rất sắc bén về mọi cảm giác rất mờ nhạt; chẳng hạn như khi anh ta bị đau ruột thừa, anh ta sẽ rất có ý thức, theo ý nghĩa này, về sự đau thắt của dạ dày mà nó không hoàn toàn rõ rệt. Trong ý nghĩa này, một người cũng có thể cảm thấy rất rõ rệt, vừa có ý

thức, hay hoàn toàn không có ý thức, về một cảm giác giống như sự bồi hồi lo âu, hay sự thấp thỏm hoài nghi.

Sự kiện mà một người chú ý tới những cảm giác về thân thể và những tình cảm của mình, đều không kéo theo sự việc anh ta nhằm loại trừ các sự sai lầm về chúng. Anh ta phạm phải những lầm lỗi về các nguyên nhân của chúng và anh ta có thể mắc phải những lầm lỗi về các vị trí của chúng. Hơn thế anh ta có thể làm những sự lầm lỗi về chúng, hoặc thực hữu hay chỉ là tưởng tượng, hay là thuộc về chứng bệnh tưởng. Sự "chú ý" không cho thấy một thái độ đặc biệt nào cả về những sự chắc chắn của nhận thức.

Các nhà triết học, chủ yếu là từ Descartes, đã có trong các lý thuyết về tri thức và hành vi vận hành, một ý niệm về ý thức tương đối ít tinh tế, với một trong những ý niệm được mô tả như trên đây. Sự việc đối với ý niệm về tinh thần, giống như một rạp hát thứ hai, như những trích đoạn tạo nên trong nó niềm vui về quy chế giả định của "tinh thần", và cả sự thiếu vắng tương ứng của tình trạng giả định về "thể lý", những nhà tư tưởng thuộc nhiều loại đã đặt để nó như một tính chất tích cực và nền tảng của những trường đoạn này, rằng khi chúng xảy ra, chúng sẽ xảy ra một cách có ý thức. Các tình trạng và những sự vận hành của tinh thần là những tình trạng và các sự vận hành mà từ đó thiết yếu cần được nhận thức, trong ý nghĩa nào đó của sự "nhận thức" và sự thức tỉnh này, là không thể để bị ảo giác. Những sự vật mà tinh thần không hay có được kinh nghiệm, thì chính nó thâm thiết, và điều này được nêu giả thiết như một đặc tính tiêu biểu cho các hành vi và những tình cảm không phải chỉ là đôi lúc nhưng là luôn luôn có. Đó là một phần của định nghĩa của họ rằng tinh thần và sự kiện xảy ra của chúng vẫn có sự tự mật thiết cùng với chúng. Nếu khi tôi nghĩ, hi vọng, nhớ, muốn, tiếc rẻ, nghe một tiếng động hay cảm thấy một đau đớn, thì tôi phải, *ipso facto* [bởi điều đó rất hiện thực], biết rằng tôi đang làm thế. Ngay cả nếu tôi mơ mộng rằng tôi thấy một con rồng, tôi cũng phải hiểu rõ về việc nhìn thấy một con rồng, dù cho nó thường là không rõ ràng, và tôi có thể cũng không biết rằng tôi đang mơ mộng.

Điều đó hẳn tự nhiên là khó, nếu một người nào đó phủ nhận sự hiện hữu của một rạp hát thứ hai, nhằm để làm sáng tỏ điều gì có ý nghĩa bởi sự miêu tả về những trường đoạn mà chúng được giả thiết là xảy ra trong chính nó như là tự gắn bó với nó. Nhưng một vài điểm như thế là đã đủ sáng tỏ. Không cần phải giả định rằng khi tôi thắc mắc, tức là muốn nói cái gì là câu trả lời cho một lời hỏi đố và tôi *bằng cách rất hiện thực* thực hiện nó một cách có ý thức, khiến cho đến nỗi tôi hiện đang cùng một lúc có hai động tác đáng lưu ý, một là chú đến đến câu đố khó, còn cái kia chính là sự thắc mắc của tôi về nó. Không phải chỉ nhằm để tổng quát hóa điểm này, mà chỉ giả thiết rằng hành vi thắc mắc của tôi và sự mật thiết tự trong nó đối với tôi là hai động tác phân biệt, hay là các tiến trình cùng hòa lẫn với nhau không thể tách rời ra được. Đúng hơn, để quay trở lại tình trạng cũ, bắt buộc phải dùng tới sự vi von, nếu giả thiết rằng tiến trình tinh thần đó giống như sự phát quang, hay giống như nước biển ở vùng nhiệt đới, nó tự làm nó sáng lên qua ánh sáng mà chính do tự nó phát ra. Hay là sử dụng một ẩn dụ khác, những tiến trình tinh thần là "được nghe chập" bởi vì tinh thần mà các tiến trình của nó, có cái gì đó giống với việc một người phát ngôn nghe chập lên những từ ngữ do chính anh ta phát âm ra.

Khi khái niệm của nhà nhận thức luận về ý thức đã trở thành phổ biến, trước hết dường như nó đã là một phần của sự ứng dụng đã bị chuyển biến đi của khái niệm Tin Lành về ý thức. Những người Tin Lành vẫn cho rằng mỗi một người có thể biết được tình trạng tinh thần về linh

hồn của mình và những mong muốn của Chúa mà không cần có sự giúp đỡ của các thầy giảng hay các trợ tế; do thế họ bảo rằng "ánh sáng" do Chúa mang tới chỉnh trong ý thức riêng. Khi những sự trình bày của Galileo và Descartes về thế giới cơ giới dường như đòi hỏi là tinh thần cần phải được cứu thoát ra khỏi sự cơ giới máy móc bằng cách được thể hiện như là nó được tạo nên trong một thế giới kép, thì sự cần thiết được cảm thấy là nhằm cắt nghĩa làm thế nào những nội dung của thế giới đầy quỷ ám này có thể được trở nên chắc chắn trở lại mà không cần có sự dạy dỗ, cũng như không có sự trợ giúp của sự nhận thức được bằng giác quan. Sự ẩn dụ bằng hình ảnh "ánh sáng" dường như đặc biệt thích hợp, bởi vì khoa học của Galileo đã khảo sát thật rộng rãi đối về thế giới được khám phá qua quang học. "Ý thức" được đưa vào để đóng vai trò trong thế giới tinh thần, một phần được đóng bởi ánh sáng của thế giới cơ giới. Trong ý nghĩa ẩn dụ này, những nội dung của thế giới tinh thần đã được suy nghĩ như là sự tự chiếu sáng hay là sự tự làm mình thành huy hoàng.

Kiểu thức này cũng đã được dùng trở lại bởi Locke khi ông ta mô tả tỉ mỉ điều gì được quan sát tự tại mà một tinh thần có thể thỉnh thoảng quay trở lại các tình trạng và quá trình hiện thời của nó. Ông ta gọi điều này như giả định là sự "suy nghĩ" mang tính nhận thức được phản dội lại từ bên trong (sự "nội quan" của chúng ta) vay mượn của thế giới được "phản ánh" từ hiện tượng quang học quen thuộc của những sự phản chiếu như các mặt gương. Tinh thần có thể "thấy" hay "nhìn vào" trong những hoạt động của chính nó, trong thứ "ánh sáng" được cho ra bởi chính nó. Sự bí mật của ý thức chính là một miếng phản quang.

Những ẩn dụ này của việc "nghe chập", "phát quang" hay "tự chiếu sáng" gợi lên được một sự phân biệt khác cần thiết phải thực hiện. Chắc chắn đúng khi tôi thực hiện, cảm thấy, hay chứng kiến một điều gì đó, tôi vẫn thường có thể, và thường nhanh chóng tự phản tỉnh được ngay, nhằm chú ý được liền vào điều gì mà tôi đã vừa làm, cảm thấy, hay chứng kiến. Phần lớn thời gian đó, tôi giữ lại một vài cái được ghi nhận là điều gì làm tôi bận rộn, trong tính cách như thế, nếu hỏi tôi đã vừa nghe thấy, hay vẽ, hay nói ra cái gì, thì tôi có thể thường đáp lại bằng một câu trả lời đúng. Dĩ nhiên, tôi không thể luôn luôn lập tức quay trở lại ngay cùng với quá khứ vừa mới trôi qua; hay nói khác, chỉ mới có vài phút trôi qua được gợi lại trong lúc sáng, lẽ ra tôi nên gợi lại rằng tôi vừa gợi lại cái mà tôi mới vừa gợi lại... nghe tiếng gõ trên cánh cửa; một sự kiện có thể làm phát sinh hàng loạt các việc nhớ lại của sự nhớ lại... về nó, mà không chỉ ra một không gian nào cho tôi nhằm chú ý tới bất kỳ sự kiện nào xảy ra từ đó. Tuy vậy, có một ý nghĩa đúng mức mà trong đó tôi có thể được nói cho biết theo một cách tổng quát, để biết được điều gì đó đang đi vào trong sự chú ý của tôi, hay là chính hơi thở được chú ý, hay nói đúng hơn tôi vẫn thường có thể khiến cho trí nhớ của tôi được báo cáo lại về nó, nếu có cái gì đó xảy ra giống như thế. Điều này không hề loại trừ khả năng là tôi có thể ở trong vài lúc nào đó cho ra một báo cáo sai lầm, ngay cả trong việc nhớ lại chỉ ở trong chốc lát, không loại trừ sự bất cẩn hay sự hàm hồ nào đó cả.

Điểm cần lưu ý về sự kiện này, là chúng ta thường có thể, nếu khi có yêu cầu, báo cáo lại điều gì đã được chúng ta chú ý tới, như là ý thức, như một cái nhìn tiên quyết mô tả nó, khác hẳn với sự đóng khung này, trong một hay hai khía cạnh quan trọng. Trước hết, cũng phù hợp theo lý thuyết, những sự diễn tiến của tinh thần là có ý thức, không phải ở trong ý nghĩa rằng chúng ta làm hay có thể thông báo lại cho chúng về *post mortem* (sự mổ xẻ phân tích), nhưng là trong ý nghĩa những

sự bắt chước của chúng về những sự xảy ra của chúng, là các tính cách của những sự xảy ra này, và như thế điều đó không phải đã xảy ra sau chúng. Những sự phát ra của ý thức được giả định, là nếu diễn tả ra ngay bằng lời nói, thì có thể biểu hiện trong hiện tại, mà không phải trong thời quá khứ. Tiếp đến, cũng giả định rằng trong việc ý thức về các tình trạng tinh thần hiện tại của tôi và về những hành vi tôi biết, thì điều gì tôi đang trải nghiệm và đang thực hiện trong một ý nghĩa, vẫn không đặt để ra trước của cái "biết"; tức là muốn nói, đó không chỉ là trường hợp mà tôi có thể, nếu có cơ hội đòi hỏi, để tự nói với tôi, hay với bạn điều gì tôi đang trải nghiệm và đang làm, nhưng tôi đang tích cực nhận thức về nó. Cho dù một hành động kép của sự chú ý vẫn không hề xảy ra, thế nên khi tôi khám phá ra được chiếc đồng hồ của tôi ngưng chạy, cũng cùng lúc đó tôi khám phá ra rằng tôi đang khám phá là đồng hồ của tôi đang ngừng; một sự thật về chính tôi được lóe lên hay được chiếu sáng trong tôi, vào cùng một lúc, giống như sự thật về chiếc đồng hồ của tôi là chắc chắn phải do tôi biết.

Tôi sẽ lập luận rằng ý thức, như đã được miêu tả, là sự bí mật, và do đó sẽ có thể được xem là một lập luận cho rằng tiến trình của tinh thần là ở trong một ý nghĩa biến báo nào đó là vô thức, có lẽ chính trong tính cách trong đó mà tôi thường không thể nói về chính những thói quen về sự vận động phản xạ của tôi. Để chắc chắn chống lại được những lý giải sai lầm, tôi hoàn toàn có thể tóm lược trước hết rằng tôi thường biết được điều gì chúng ta đang có ý định, nhưng không hề có câu chuyện sự chiếu sáng đòi hỏi phải được cắt nghĩa rằng chúng được báo cho biết bằng cách nào; thứ hai, rằng những gì chúng ta biết không kéo theo một sự hướng dẫn không ngừng trong hiện tại, hay là sự tỉ mỉ của những hành vi việc làm và các tình cảm của chúng ta, mà chỉ là một khuynh hướng *inter alia* (giữa những cái khác) để nhằm tuyên bố công khai về nó, khi chúng ta đang trong sự hứng khởi để làm thế; và thứ ba, sự kiện mà chúng ta thường biết chúng ta đang sắp làm không kéo theo sự chuẩn bị của chúng ta xuyên qua điều gì xảy ra của một tình trạng ma quái.

Sự phê phán chính yếu về lý thuyết cho rằng tinh thần phải biết về điều gì chúng đang sắp sửa làm, bởi vì những sự xảy ra của tinh thần thì xác định bởi việc định nghĩa là có ý thức, hay là sự tự soi sáng được về chính nó, nói theo cách ẩn dụ, vẫn là không có những sự xay ra như thế; không có các trường hợp nào đã xảy ra trong thế giới ở trạng thái thứ hai, bởi vì không có tình trạng như thế, và cũng không có thế giới như thế, và do đó mà cũng không có nhu cầu về các cách thế đặc biệt của sự thủ đắc cho chính chúng ta như thế, với các cư dân của một thế giới như thế. Nhưng cũng có các phê phán khác nói nó không phụ thuộc vào sự chấp nhận của chúng ta về sự loại bỏ lý thuyết hồn ma trong cỗ máy.

Trước hết, và điều này cũng không nhằm để cho việc lập luận càng được thú vị hơn, không một ai không đi vào một lý thuyết triết học vốn đã có từ bao giờ, để nhằm cố gắng thuyết phục về bất cứ sự khẳng định nào đó của anh ta, bằng cách nói rằng anh ta đã tìm ra nó từ "ý thức", hay là "như một sự phóng ra trực tiếp của ý thức", hay từ "sự nhận biết trực tiếp". Anh ta sẽ quay trở lại trong một số những xác định nào đó của anh ta về sự kiện, bằng cách nói rằng chính anh ta đã thấy, nghe, cảm biết, ngửi, hay sờ thấy nó, v.v.; anh ta cũng sẽ quay trở lại với những xác nhận khác, có khi còn táo bạo hơn, bằng cách nói rằng anh ta nhớ lại là đã nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy, hay sờ thấy nó. Còn nếu được hỏi có phải chăng sự thật anh ta biết, tin tưởng, suy đoán, sợ, nhớ hay ngửi thấy cái gì đó chăng, thì anh ta lại chẳng bao giờ trả

lời cả. "Ồ, đúng đấy, chắc chắn là tôi đã có làm thế, bởi vì tôi đang có ý thức và ngay cả còn có ý thức sinh động về hành động đó". Nhưng chỉ có một sự đáp lại như thế, theo lý thuyết, là sự gợi lại cuối cùng của anh ta.

Kế tiếp, cứ giả thiết là tôi có ý thức về các trạng thái và hoạt động tinh thần của tôi, hoặc là do tôi biết nó, hay là do sự cần thiết và đủ cơ sở để tôi làm được thế. Nhưng nói lên điều này là bất chấp tính luận lý và ngay cả về văn phạm đối với động từ "biết". Thật vô nghĩa khi nói là biết, hay không nói là biết về tiếng sấm này, hay về cái quặn thắt đau đớn kia, về mảng màu sắc này hay là về hành vi rút ra kết luận đó, hay là việc thấy ra được một trò đùa; những điều này thật là quá rõ ràng về những mẫu sai, khi áp dụng vào động từ "biết". Biết và không biết, vẫn là biết và không biết về một điều gì đó ở trong trường hợp này; chẳng hạn tiếng ầm ầm là tiếng sấm, hay mảng màu đó là một khoanh phó mát. Và điều này hẳn đúng là điểm mà sự ẩn dụ về ánh sáng là không còn cần thiết. Sự chiếu sáng tốt sẽ giúp chúng ta thấy rõ ràng được những khoanh phó mát, nhưng chúng ta không thể nói "ánh sáng là quá tối để cho tôi có thể biết được đó là khoanh phó mát", bởi vì, sự biết không phải cùng một loại với sự vật được nhìn thấy, và điều gì được biết là vẫn không cùng loại với vật gì được nhìn thấy, cũng như cái gì được biết cũng không phải là cùng loại với cái gì đó được chiếu sáng. Sự thật, chúng ta có thể nói là "do bởi vì bóng tối mà tôi không thể nhận biết được cái gì tôi nhìn thấy đó là một khoanh phó mát", nhưng có thể nhận thức được rằng cái gì tôi nhìn thấy không phải là cái gì được thực hiện qua quang học khác. Chúng ta không tìm kiếm một bó đuốt để nhằm giúp chúng ta thấy và cái gì đó, mà để giúp chúng ta nhận thức điều gì chúng ta thấy. Như thế ngay cả nếu có cái gì đó tương tự, giữa một sự vật đang được soi sáng, và một tiến trình tinh thần đang được ý thức tới, thì cũng không thể do đó mà nói được là người chủ của tiến trình đó có thể nhận thức rằng tiến trình đó là cho một cái gì đó hiện hữu. Nó có thể giúp cho việc nhận thức được là làm thế nào mà những diễn tiến tinh thần lại được phân biệt, nhưng nó không thể cắt nghĩa minh bạch được việc làm thế nào để chúng ta xác nhận được về các sự thật, và nhằm để tránh, hay tu chỉnh lại các sai lầm về chúng.

Lại nữa, không có sự mâu thuẫn nào trong sự xác nhận việc có người nào đó có thể không nhận thấy được khung cảnh tinh thần của mình đối với một cái gì đó đang có đó; thật thế, điều đáng lưu ý là người ta vẫn luôn luôn làm thế. Họ giả thiết một cách sai lầm rằng chính họ biết những sự vật mà chúng hiện tại là sai lầm; họ tự lừa dối mình về chính những động cơ của họ; họ vẫn ngạc nhiên khi chú ý tới cái đồng hồ ngừng đánh nhịp, mà họ lại không thấy rằng giống như họ nghĩ là họ đã nhận thức được là nó đa đánh nhịp; họ không biết rằng họ đang mơ mộng, khi nào họ đang mơ mộng, và đôi khi họ vẫn thức tỉnh; và họ vẫn phủ nhận, trong khi họ tin tưởng, rằng họ đang bị ngứa, hay bị kích thích, khi họ đang mơ hồ trong một trong hai cách đó. Nếu ý thức là cái gì đó như được miêu tả là nó có thật, thì cũng không thể nào về mặt luận lý, lại bị thất bại và bị sai lầm như thế trong khi nhận thức xảy ra.

Cuối cùng, ngay cả cho dù sự sự tự báo cho biết được giả định là gắn liền vào với bất cứ trạng thái hay diễn tiến tinh thần nào, vẫn không được miêu tả giống như lại đòi hỏi về một hành vi chú ý tách biệt, hay như là cấu tạo nên một hoạt động nhận thức riêng lẻ, thì vẫn còn có một cái gì đó mà tôi vẫn ý thực về nó trong một tiến trình suy đoán, tức muốn nói rằng nó khác biệt với điều gì mà sự suy đoán chính là một sự nhận thức về nó. Ý thức của tôi là một tiến trình về sự suy đoán, nhưng sự suy đoán của tôi thì

có lẽ là giống một kết luận về hình học từ những tiên đề hình học. Sự biểu hiện bằng lời nói về sự suy đoán của tôi, có lẽ là do bởi vì điều này "một tam giác đều là bởi vì mỗi góc của nó là 60 độ, nhưng biểu hiện bằng lời lại là một cái gì đó tôi đang ý thức, có thể là "ở đây, tôi đang suy đoán ra như thế, và như thế, từ điều như thế và như thế". Nhưng nếu thế, thì lại dường như sẽ tạo nên một ý nghĩa để hỏi được là có phải chăng, phù hợp theo lý thuyết, tôi cũng đang ý thức về ý thức của một sự suy đoán, tức là trong một tình huống để nói rằng "này, tôi đang nói lên chính sự kiện là ở đây tôi đang suy đoán như thế, như thế, từ sự việc như thế, như thế". Và rồi ở đây cũng không có một chỗ dừng nào nữa cả; có thể có một số vô hạn kiểu các lớp vỏ của ý thức, mà chúng được nhúng vào trong nhau, trong một trạng thái, hay trong một tiến trình tinh thần nào đó, cho dù đó là cái gì đi nữa. Nếu kết luận này là bị loại trừ, thế thì tất sẽ cho phép để nói được rằng có một vài yếu tố trong các tiến trình tinh thần là tự chính nó không phải là những sự vật mà chúng ta có thể ý thức được, hay nói đúng thì những yếu tố này cấu thành cái cái vo đã được giả định là nằm ở phía ngoài nhất của những sự diễn tiến của tinh thần; và rồi thì "ý thức" sẽ có thể không còn được giữ lại lâu hơn nữa như là một phần của sự định nghĩa của "tinh thần".

Lập luận rằng những sự kiện tinh thần là cái chính thức, bởi vì những sự xuất hiện ra của ý thức là trực tiếp, và cũng là những sự chứng nhận các bằng chứng là không thể quy trách được cho sự hiện hữu của chúng, nên phải bị loại bỏ.

15

Về cái đẹp ✣

PLATO

(427 – 347 trước CN)

Socrates: Hippias à, sự tinh tế và sự khôn ngoan! Quả thật đã từ lâu rồi, kể từ lần cuối mà ngài đã ghé lại A-ten!

Hippias: Đó là bởi vì tôi cũng chẳng thấy thích thú gì, Socrates à. Đối với Eleans, ngài cũng nên biết rằng, bất cứ lúc nào mà họ có công vụ để thương lượng với một trong những đô thị lân cận, thì vẫn luôn luôn chẳng quên tới tôi, và vẫn cứ chỉ định tôi để làm đại sứ cho họ vì mục đích đó, bất chấp hết mọi điều khác: bởi vì họ luôn xem tôi như một người có khả năng nhất để tạo ra một phán đoán đúng về một điều gì đó cần được biện luận va và cần khuyến dụ cho mọi người của các đô thị, để làm được một báo cáo thích hợp về điều đó cho họ. Chức vụ đại sứ của tôi, tuy vậy, vẫn thường hay có nhằm dành cho nhiều đô thị mạnh đó; nhưng thông thường nhất và theo những điểm hay có nhất, cũng như nó có tầm quan trọng nhất, là tôi đã từng đi tới Sparta để giải quyết sự việc với những người Lacedaemoni. Điều này như vậy cũng chính là lý do để trả lời cho câu hỏi của ngài, là tại sao tôi lại ít khi lui tới để thăm viếng những miền này.

Soc. Điều đó là thế này, Hippias à, tức là một người thật sự khôn ngoan và hết sức hoàn hảo. Bởi vì để có những phẩm chất như vậy, ngài đã có trong những khả năng riêng của ngài những quà tặng lớn đã được dành cho ngài bởi những thanh niên của thời đại này; và cũng có cả khả năng làm cho họ được cải thiện rộng rãi hơn, bởi những ưu điểm lớn lao hơn xuất phát từ ngài: thế thì trong tính chất công cộng của mình, ngài có thể thực hiện nghĩa vụ của ngài đối với đất nước, như là một người có thể nâng mình lên nhằm tới một ý đồ, và để có được tiếng tăm giữa nhiều. Tôi nhận thấy đó là lý do tại sao trong mọi khả thể tính của nó, những người Sparta vẫn luôn luôn thích thú đối với ngài: đó là bởi vì ngài biết một số lớn như thế về các sự việc, và cũng cùng sự

✣ Phần lớn được trích từ đối thoại *Hippias Major*, bản dịch từ thế kỷ XVIII của Floyer Sydenham. (Vài lỗi nhỏ về mặt văn nói đã được những người biên tập sửa đổi).

vận dụng như thế cho họ, như những người đàn bà có tuổi chỉ nhằm đến cho các con cái họ, làm cho họ ưa thích với những câu chuyện kể về những bài ngụ ngôn và những câu chuyện cổ tích thật hay.

Hip. Và là bởi thần Zeus, Socrates à, trên một chủ đề về con người nữa, về cái đẹp trong các cung cách. Bởi vì, ở đó mà sau này sẽ diễn bày ra một sự cai quản hoàn chỉnh của những cách thức đang trở thành hay hỏ đối với một người trẻ tuổi, và tôi đã có được nhiều sự hoan hô. Và tôi đã dùng cơ hội này để báo cáo lại với ngài, là tôi có một sự biện luận về chủ đề cực kỳ tốt đẹp này, được đóng khung tinh tế trong mọi sự kính trọng, nhưng cũng đặc biệt được sự thán phục đối với việc chọn lựa các từ ngữ. Cơ hội hay cách để đưa vào bài diễn thuyết của tôi, là thế này: - Sau khi lấy được thành Troy, Neoptolemus được cho là đã có hỏi ý kiến của Nestor, và đã tham khảo ông ấy, về cách sống như thế nào mà một người thanh niên phải noi theo để nhằm đạt được danh tiếng và vinh dự. Theo điều này, Nestor nói, và đặt ra một số lớn các quy điều cực tốt về vẻ đẹp của các cung cách và của một cuộc sống có định hướng tốt. Sự biện luận này tôi đã trình bày tại Sparta; và ba ngày sau đó, tôi cũng đã trình bày cùng đề tài này tại A-ten, ở trong trường học của Phidostratus, cùng với một số bài của tôi cũng đáng được nghe. Tôi làm điều đó theo sự yêu cầu của Eudicus, con trai của Apemantus. Tôi hi vọng ông không thể không có mặt tại đó, và sẽ dẫn theo những người khác cùng với ông để nghe được cuộc nói chuyện đó, như thế đó cũng là những quan tòa có năng lực để hoàn thành được về loại này.

Soc. Chúng ta sẽ làm giống như thế, Hippias à; nếu điều đó làm cho Thượng Đế vừa lòng. Nhưng hiện giờ thì hãy trả lời cho tôi về một câu hỏi ngắn có liên quan tới bài luận thuyết của ngài. Bởi vì ngài vẫn sung sướng nhắc cho tôi nhớ lại nó. Ngài nên biết rằng, ông bạn thân à, có một người nào đó sẽ làm cho tôi bối rối sau này về câu chuyện mà chúng ta đã nói cùng nhau - sau khi tôi đã tấn công chống lại một vài điều gì đó về sự thấp kém và sự sa sút của họ, và đã tuyên dương về một vài điều gì đó khác về sự tốt lành và về vẻ đẹp của chúng - bằng cách phấn kích tôi với những câu hỏi này theo một kiểu cách hỗn hào. - "Cho tới khi nào, Socrates ơi, ông ta bảo, ngài biết được điều gì là đẹp và điều gì là không phải thế? Bởi vì giờ đây ngài có thể nói được cho tôi nghe cái gì là đẹp?" Chính tôi đây, mà qua chính sự tầm thường của sự hiểu biết của tôi, đã thấy được chính tôi trong một sự mất mát, và không có điều gì để trả lời cho ông ta cả, dù với cái gì đó mà mình có được. Thế là, không thể đi theo cùng với ông ta, tôi càng tức giận với chính tôi, tự trách móc mình, và đe dọa rằng chẳng bao lâu nữa, tôi có thể gặp được bất cứ người nào, cũng khôn ngoan như tất cả mọi người, để tôi có thể nghe điều gì mà ông ta nói về chủ đề đó, để cho tôi được học và nghiên cứu nó thật sâu xa; và khi đã làm được như thế rồi, tôi sẽ quay trở lại với người đã hỏi tôi, và tranh biện về điểm đó với ông ta lần nữa. Tuy thế giờ đây, như tôi đã nói, là ngài đang sung sướng đối với tôi. Vậy hãy cho tôi một thông tin rộng rãi, cùng phù hợp và có liên quan tới bản chất của chính cái đẹp; đồng thời cố gắng làm sao cho thật chính xác tới mức có thể có được trong các câu trả lời của ngài, đối với điều gì tôi sẽ hỏi ngài; và tôi có thể sẽ không bị quấy rầy lại lần thứ hai, cũng như khỏi xứng đáng để có thể bị cười cợt lại một lần nữa. Bởi vì ngài đã hiểu vấn đề, chắc chắn là thế, một cách hoàn hảo nhất. Đối với ngài thì một điều như thế về sự hiểu biết thật chẳng là gì cả trong vô số những điều mà ngài vẫn luôn là bậc thầy.

Hip. Đủ rồi, Trời ạ, Socrates à; và chỉ có một giá trị nào đó thôi mà.

Soc. Điều đó càng dễ hơn khi tôi học tập nó; và không còn bị quấy quả hay bối

rồi gì nữa về điều đó bởi bất cứ một ai khác nữa.

Hip. Không có một người nào nữa khác đâu. Nói khác đi, có thể tài năng của tôi chẳng có là bao nhiêu, và cũng chẳng có gì ghê gớm lắm đâu mà.

Soc. Đó có thể là một vấn đề hay đó, bởi vì để cho Hera, Hippias à, có thể có được người xứng đáng hơn, như ngài đã hứa với tôi như thế đó. Nhưng tôi sẽ không còn là một trở ngại nào cho chiến thắng, nếu tôi bắt chước theo cách của ông ta, và sau khi ngài đã trả lời một câu hỏi nào đó của tôi, tôi sẽ phê phán đối với các câu trả lời của ngài; bởi vì, chỉ có được sự an toàn bởi việc thông tin trọn vẹn hơn từ ngài chứ? Bởi vì tôi đã dễ dàng chia xẻ trong thực hành, để thực hiện những sự phê phán. Thế nhưng nếu điều đó không có vấn đề gì với ngài, tôi sẽ rất sung sướng để làm người phê phán nhằm cho phép tôi được nắm vững vàng hơn về chính chủ đề đó.

Hip. Hãy tham dự vào phần của người phê phán thôi: bởi vì như tôi đã vừa nói, đó là một điểm rất then chốt mà ông đang yêu cầu. Tôi có thể dạy được cho ngài về việc trả lời các câu hỏi còn khó hơn câu hỏi này nhiều nữa, và theo cách thức nào đó thì cũng sẽ không có được một người nào có thể phủ nhận được ngài đâu.

Soc. Thật là hay quá! Quả đúng là những điều mới lạ mà ngài đã cho tôi hay! Nhưng này nhé, bởi vì ngài yêu cầu chính tôi, nếu tôi tự đặt mình vào vị trí của đối thủ, sẽ cố gắng thử nghiệm về điều gì là bản chất của anh ta, theo như khả năng tốt nhất của tôi, và chính trong con người anh ta, mà tôi bắt đầu hỏi ngài. Giờ thì, nếu anh ta chính là người nghe, khi ngài trình bày về luận thuyết đó mà ngài đã đề cập tới, về vẻ đẹp của những cách thức, và sau khi anh ta đã nghe nó xuyên suốt, và anh ta đã nói, thì điều này chỉ ra rằng bất cứ một người nào đó khác cũng vẫn sẽ tốt nhất trong đầu óc của anh ta, để hỏi ngài điều này về vẻ đẹp: bởi vì anh ta có thói quen chắc chắn sẽ làm thế; và do vậy mà anh ta sẽ giới thiệu nó - "Hỡi con người Elea lạ lùng! Tôi sẽ hỏi ông, có phải chăng là không hoàn toàn đúng rằng con người thực sự là lương thiện?" Giờ xin hãy trả lời, Hippias, như thể chính anh ta đã đề ra chính câu hỏi đó.

Hip. Tôi sẽ trả lời - tức là cùng giống như chính sự thành thật của họ.

Soc. Chẳng phải có điều gì đó chắc chắn chính là sự thành thật này?

Hip. Rõ ràng đúng thế.

Soc. Và không phải trong tính cách giống như thế, bởi việc họ vẫn có được sự khôn ngoan, mà những người khôn ngoan là vẫn khôn ngoan? và cũng bằng việc họ có điều tốt trong họ, mà mọi điều gì tốt vẫn luôn là tốt?

Hip. Chẳng phải bàn cãi gì.

Soc. Và có phải chăng những điều này lại là những sự thật nào đó? bởi vì chúng chắc chắn không phải là những cái phi thực tại, bởi sự hiện diện mật thiết của chúng cùng với những sự vật khác, mà những sự việc này vẫn là chính bản chất của chúng.

Hip. Hẳn nhiên đó là những sự việc có thật.

Soc. Vậy tôi hỏi ngài, phải chăng mọi sự vật nào đó là đẹp, thì vẫn không phải là theo cách đẹp giống như vẻ đẹp bởi do việc có cái đẹp của chúng?

Hip. Chúng đúng là thế, bởi chính việc có vẻ đẹp của chúng.

Soc. Thật quả có một sự việc như thế, là vẻ đẹp này.

Hip. Đúng vậy. Nhưng cái gì vốn đến từ tất cả điều này?

Soc. Giờ thì hãy nói cho tôi biết, người bạn khác thường à, như ông ta sẽ có thể nói, điều gì đúng là vẻ đẹp này, hay chính đó là cái đẹp?

Hip. Đó phải chăng là của người đó ra câu hỏi này, và đối với chính anh ta, là cũng muốn được nghe nói về điều đó, tức cái gì là đẹp?

Soc. Tôi không nghĩ thế, Hippias à, nhưng cần phải nói với anh ta tính chất đẹp là cái gì.

Hip. Điều này khác biệt với điều kia như thế nào?

Soc Ngài có nghĩ là cũng chẳng có gì khác nhau giữa cả hai điều đó chăng?

Hip. Chẳng có khác gì nhau cả.

Soc. Ngài chắc chắn biết tốt hơn đó. Hãy quan sát đi nào, anh bạn thân ạ, câu hỏi là như thế nào. Bởi vì anh ta muốn hỏi ngài, không phải là cái gì đẹp, nhưng về đẹp là cái gì?

Hip. Tôi hiểu ông, người bạn chân thật ạ. Và đối với câu hỏi đó, vẻ đẹp là Cái gì à? Tôi sẽ đưa ra một câu trả lời, và là một câu trả lời không thể nào bất bẻ được. Để cho chắc chắn, Socrates à, nếu có sự thật được nói ra, như một cô hầu là đẹp, chính là một sự vật đẹp.

Soc. Một câu trả lời hay lắm, thật là quỷ quái, Hippias à; và một câu trả lời như thế vẫn không thể không được tán thưởng. Như vậy thì trong câu trả lời như thế, nó đã trả lời được cho câu hỏi mà tôi đã được hỏi ư? Và chính như vậy mà nó cũng không thể bị bác bỏ?

Hip. Làm thế nào mà ông lại bị bắt bẻ được, Socrates, trong khi đó chính là ý kiến của mọi người; và sự thực ở đây, thì tất cả những ai nghe ông đều cũng thừa nhận?

Soc. Dĩ nhiên phải là thế thôi. Nhưng giờ thì hãy chỉ nên để chính cho tôi, Hippias à, tóm gọn lại câu hỏi, và cùng với câu trả lời của ngài nữa. Con người đó sẽ hỏi tôi theo cách này: "Socrates à, hãy trả lời cho tôi nghe, và nói cho tôi biết rõ, có cái gì đó như chính là cái đẹp tự trong bản thân nó, mà sự hiện diện của nó chính là do vẻ đẹp của mọi sự vật mà ngài gọi là đẹp không?" Rồi thì tôi sẽ trả lời anh ta như thế này: "Một cô hầu đẹp chính là cái đẹp đó, mà đối với sự hiện diện của nó, những sự vật khác cũng là do cái đẹp của chúng".

Hip. Tốt. Và ngài có tưởng tượng được là, sau tất cả các điều này, hắn ta từng suy nghĩ để nhằm bác bỏ ngài chăng? Hay là chỉ nhằm để chứng tỏ rằng câu trả lời của ngài về một sự vật đẹp vẫn không phải là một câu trả lời đúng? Hoặc là nếu anh ta quả có ý như thế, thì anh ta cũng sẽ không thấy buồn cười?

Soc. Hẳn là anh ta định sẽ làm điều đó, ông bạn ạ, tôi chắc chắn là như thế; nhưng hoặc giả trong khi làm điều đó, anh ta sẽ có vẻ buồn cười, hay sẽ có vẻ như trong chính thái độ muốn như thế. Tuy nhiên, tôi sẽ nói cho ngài rõ về điều gì anh ta sẽ nói.

Hip. Xin hãy nói rõ thêm xem nào.

Soc. "Ông thật buồn cười thế nào ấy, Socrates à!" anh ta sẽ bảo thế. "Con ngựa cái đẹp lại chẳng phải là một điều đẹp sao? Hãy giải thích một sự kiện như thế do bởi sấm truyền xem". Chúng ta sẽ trả lời như thế nào đây, Hippias? Chúng ta có nhận thức được rằng một con ngựa cái là đẹp theo kiểu thế không? nghĩa là một con ngựa cái đẹp. Do thế, mà chẳng hạn, làm sao chúng ta lại dám chối bỏ một sự vật đẹp là đẹp?

Hip. Đúng đấy, Socrates. Và chắc chắn là chính Thượng Đế hẳn đã cho lệnh đó: đối với chúng ta, quả cũng có những con ngựa cái đẹp tuyệt trần.

Soc. "Đúng, đúng lắm chứ", hẳn nhiên là ông ta bảo: "nhưng có cái gì đó không phải là cây đàn lyre đẹp, cũng chẳng phải là một đồ vật đẹp?" Chúng ta có nghĩ như thế không, Hippias?

Hip. Chắc chắn có.

Soc. Sau câu chuyện này, anh ta sẽ nói (bởi vì với sự tha thứ, tôi đoán chắc chắn là anh ta sẽ như thế, từ việc tôi biết

rõ về tính tình của anh ta), "Nhưng điều gì anh nghĩ về một cái nồi đẹp, có phải thế không anh bạn? Đó chẳng phải là một sự vật đẹp hay sao?"

Hip. Người này là ai thế, Socrates? Tôi bảo đảm đó là một anh bạn không kiểu cọ và khó tính, lại còn dám chú ý tới những sự vật rất tầm thường cũng như chẳng đáng kể gì về một chủ đề có tính quý tộc và đáng kính như thế.

Soc. Đó đúng là con người như thế, Hippias à; không phải tinh tế và sâu sắc gì; nhưng là một anh bạn tầm thường và lèn quèn nào đó, chẳng có gì đặc biệt hay là đáng chú ý cả, trừ ra điều này để mà xem xét - Cái gì là thật? Tuy vậy người này sẽ phải có một câu trả lời; và để có được như thế, tôi phải hứa là nếu cái chảo được làm bởi một người thợ giỏi, mềm mại, tròn trịa, và được nướng kỹ, giống như cái chảo nào đó trong các cái chảo đẹp đẽ của chúng ta, với hai quai xách, mà những cái quai đó bấu vào sáu cái khoen, thật là đẹp tuyệt, không chê vào đâu được; nếu anh ta muốn nói về một cái chảo như thế, thì cái chảo phải được công nhận là đẹp thật. Bởi vì, thật vậy, làm thế nào mà chúng ta có thể chối bỏ rằng cái gì đó đúng là đẹp khi nó có vẻ đẹp thực sự?

Hip. Chẳng phải như thế đâu, Socrates.

Soc. "Chẳng phải là một cái chảo đẹp sao", anh ta sẽ bảo, "là một sự vật đẹp?" Hãy trả lời nào.

Hip. Đúng thế, Socrates à, ý kiến của tôi trong trường hợp này là: ngay cả như cái chậu này, nếu nó được làm ra thật tốt và đẹp, chính là một đồ vật đẹp, cũng giống như thế. Nhưng không có cái gì thuộc về loại này là thật đáng để chú ý xem là đẹp, khi chúng ta đang nói về một con ngựa cái, và một cô hầu, hay một đồ vật nào đó khác cũng đáng khâm phục như thế về vẻ đẹp của nó.

Soc. Thế chứ, giờ thì tôi đã hiểu anh, Hippias. Khi con người đó đề ra một câu hỏi như vậy, thì dường như chúng ta cũng vì thế mà phải trả lời cho anh ta: "Này con người thật thà! Bộ ngại không lý do như thế nào điều mà Heraclitus đã từng nói "chính con khỉ đẹp nhất, nếu đem so sánh với loài người, vẫn là một tạo vật đẹp hơn rất nhiều?" Đúng là thế, cái nồi đẹp nhất vẫn là một sự vật đẹp hơn rất nhiều nếu so sánh với loại con hầu; cũng giống như Hippias đã nói về sự khôn ngoan". Nếu không phải như thế, Hippias à, là điều mà chúng ta phải trả lời?

Hip. Đúng tất, Socrates à: câu trả lời của ông thật hoàn toàn tuyệt vời.

Soc. Vậy hãy chỉ ra cho tôi: về mặt này, tôi hoàn toàn chắc chắn là anh ta sẽ bảo với tôi như thế này: "Nhưng giả sử, Socrates, loại con hầu là rất hợp nếu so sánh với loại vô thần; chẳng phải cùng là một sự kiện thuộc về con hầu, trong trường hợp đó đã xảy ra đối với cái chảo, được so sánh với chúng? Có phải chăng con hầu đẹp nhất cho xuất hiện ra rất đẹp? Có phải chăng Heraclitus sau đó cũng đã dạy về mặt lý thuyết rằng cái gì mà chính ngài cần cho là đúng, thì người khôn ngoan nhất trong loài người nếu so sánh với Thượng Đế, cũng sẽ giống như con khỉ trong so sánh với sự khôn ngoan và đẹp đẽ, cùng mọi cái cực tốt khác?" Có phải chăng đối với chúng ta, Hippias à, thì những con hầu đẹp nhất cũng chẳng đẹp gì cả so với Nữ thần?

Hip. Ai kia, Socrates, có thể gọi được điều này ở trong câu hỏi?

Soc. Chẳng bao lâu nữa đâu, tôi sẽ phải đồng ý với ông ấy trong vấn đề này, hơn là để cho ông ấy có thể sẽ cười vào mũi tôi, và sẽ bảo "Ngài có nhớ không, Socrates, câu hỏi nào mà ngài đã được hỏi tới?" "Tôi biết", tôi sẽ bảo với ông ta rằng "Đó chính là: Loại đồ vật nào mà tự nó là đẹp?". "Thế là khi đặt ra câu hỏi", ông ta sẽ bảo "về chính cái đẹp, câu trả lời của ngài về điều gì được nói ra vẫn hãy còn xa với cái đẹp, theo chính sự thú

nhận của ngài, thì cũng đẹp giống như nó vậy". "Thế thì nó cũng dường như vậy" tôi sẽ nói thế ư?" Hay là cần sự đáp lại nào khác, ông bạn thân, ngài sẽ khuyên tôi nên đối phó với ông ta như thế nào?

Hip. Về phần tôi, tôi nghĩ ngài phải đối đáp lại cũng trong chính những từ ngữ như vậy, bởi vì khi ông ta nói loài người so sánh với thần tiên thì làm sao mà đẹp được, thì không nghi ngờ gì là ông ta sẽ dành được chân lý về phần ông ta.

Soc. "Nhưng tôi đã hỏi ngài trước tiên về câu hỏi này" ông ấy sẽ nói, "Cái gì là đẹp, và cũng cùng lúc, cái gì là không đẹp gì cả?" và ngài sẽ phải trả lời tôi theo như cách mà ngài có; thế phải chăng trong trường hợp này ngài đã không trả lời đúng được? Và phải chăng cái đẹp như thế tự nó là ngang bằng với chính nó, còn mọi cái khác được trang hoàng, và được nhìn thấy là đẹp, và bất cứ khi nào mà dạng loại này của cái đẹp vượt lên trên và dự phần giống như thế vào tính chất của sự hiện diện của nó, - phải chăng là điều này xảy ra đối với ngài là một con hầu, hay một con ngựa cái, hay một cây đàn lyre?"

Hip. Đúng đấy, Socrates, nếu điều này là câu hỏi mà ông ta hỏi, thì thật là điều dễ dàng nhất để có thể trả lời nó được; và hãy nói với ông ta cái gì là một sự vật đẹp, bởi vì những sự vật khác đều là được trang trí bởi nó; và bằng sự vượt lên và tập trung vào nó; làm cho chúng nhìn chúng trở nên đẹp. Như thế thì ông ta phải là một kẻ rất giản dị, và hoàn toàn là một kẻ lạ lùng, đối với những sự vật thật tinh tế và lịch lãm. Đối với câu trả lời, nếu ngài trả lời anh ta như thế, "rằng cái đẹp, mà anh ta yêu cầu muốn biết, chẳng phải cái gì đó khác hơn là vàng", anh ta cũng sẽ chẳng báo gì thêm, ngay cả cũng chẳng buồn bác bỏ một câu trả lời như thế. Bởi vì chẳng có người nào trong chúng ta là vô cảm với điều đó, và ở bất cứ nơi đâu vàng được sử dụng và được đề cao giá, thì hãy cứ để cho sự vật có vẻ tầm thường và bần thỉu trước đó rồi cũng sẽ được nhìn thành đẹp, khi nó được chú tâm vào đó, hay được trang trí với vàng.

Soc. Ngài chưa hề có kinh nghiệm gì về người đàn ông đó, Hippias, không biết là ông ta cứng đầu như thế nào đâu, và ông ta rất khó mà chịu chấp nhận một sự khẳng định nào đó cả.

Hip. Điều đó có nghĩa là gì, Socrates? Ông ta phải cần chấp nhận một cái gì được khẳng định là đúng chứ; hay là, nếu như không chịu chấp nhận nó, ông ta chỉ trở nên buồn cười mà thôi.

Soc. Và vì thế mà ông ta cũng sẽ khó mà chấp nhận câu trả lời này được, ông bạn ơi, rồi ông ta cũng sẽ nhìn tôi với con mắt tròn xoe kinh ngạc của ông ta, và nói với tôi rằng "Ông chỉ có chất chứa đầy rẫy với những ý kiến của ông về các kỹ năng và về sự hiểu biết, còn ông có nghĩ rằng Phidias chỉ là một con người tồi chăng?" Và tôi tin rằng tôi sẽ trả lời rằng chính ông ấy không hề là như vậy.

Hip. Ông trả lời đúng đấy, Socrates.

Soc. Đúng, chẳng bàn cãi gì. Nhưng khi tôi đồng ý với với ngài rằng Phidias là một con người tốt, ông ta sẽ nói "Ông có tưởng tượng rằng Phidias là kẻ ngu dần về điều gì đó mà ngài gọi là cái đẹp không?" - "Để nhằm mục đích gì mà ngài hỏi điều này?" Tôi sẽ vặn lại - "Bởi vì dưới những con mắt của người dân A-ten", ông ta sẽ đáp lại "Phidias không phải được làm bằng vàng, cũng không là cái phần còn lại của bộ mặt của ông ta; cũng chẳng phải là đôi chân, cũng chẳng phải là đôi tay nữa: cho dù bà ta trông đẹp nhất, và có vẻ như bà ta là một nữ thần bằng vàng: nhưng ông ta cho đó tất cả chỉ là ngà voi. Rõ ràng ông ta đã phạm phải sự sai lầm do ngu dốt; vì không biết rằng vàng là cái làm đẹp cho mọi sự vật, cho dù bất ở cứ đâu mà nó được ưa chuộng". Khi ông ta nói đằng sau cái cách nói đó, câu hỏi nào mà chúng ta sẽ phải đáp lại ông ta, Hippias?

Hip. Chẳng có khó khăn gì cả trong vấn đề đó. Chúng ta sẽ trả lời "Phidias đúng là có lý đấy; bởi vì những đồ vật làm bằng ngà voi thì cũng đẹp, theo tôi nghĩ.

Soc. "Thế là thế nào", ông ta sẽ nói, "Tại sao Philias không làm hai con mắt mình bằng ngà voi, mà lại làm bằng đá? Chọn làm bằng đá như thế, (với màu sắc) hoàn toàn giống như ngà. Phải chăng là đá đẹp cũng là một sự vật đẹp giống như thế?" Chúng ta sẽ phải chấp nhận điều đó như vậy, Hippias nhỉ?

Hip. Chúng ta sẽ thừa nhận như thế; trong một nơi mà mà đá cũng đang trở thành đẹp.

Soc. Nhưng, ở nơi nào đó mà nó không trở thành đẹp, phải chăng tôi sẽ được phép nói nó là không đẹp, có phải thế không?

Hip. Cứ cho như vậy đi; nơi nào mà đá trở thành không đẹp thì không phải là nơi đó.

Soc. "Tốt đấy; và cũng không phải là như thế với ngà voi và vàng, có phải không ông bạn khôn ngoan?" Ông ta sẽ bảo "Chẳng phải cái này, nơi mà chúng không đang trở thành đẹp, lại làm cho các sự vật trông là đẹp; nhưng không phải bằng cách khác, nơi mà chúng không đang trở thành đẹp?" Có phải chăng chúng ta chối bỏ điều này, hay nhận thức rằng người đó là có lý?

Hip. Chúng ta cần phải nhận thức điều này, là bất kỳ cái gì đang trở thành một cái gì đó khác làm cho nó hiện ra vẻ đẹp.

Soc. Và về điều này, ông ta tất sẽ nói rằng: "Khi cái chảo đẹp mà chúng ta đang nói tới, được đặt lên trên lò, đầy món súp ngon, thì có phải chăng là đẹp? Một cái muỗng bằng vàng là cái gì đang trở thành tốt nhất, và thích hợp nhất đối với nó, hay là cái muỗng bằng cây sung dầu?"

Hip. Hay thật! Thật là một loại người lạ lùng đó, Socrates à, phải chăng chính người mà ngài đang nói tới! Ngài sẽ cho tôi biết ông ta là ai chứ?

Soc. Tôi sẽ nói với ngài tên của ông ta, để xem ngài có biết ông ta là ai chăng.

Hip. Nhưng tôi đã biết rằng ông ta là một con người ngu dốt, bần tiện nào đó mà.

Soc. Thật ra ông ta là một con người hay đặt những câu hỏi gút mắc lắm, Hippias. Nhưng, tuy vậy, chúng ta sẽ trả lời sao đây? Cái muỗng nào ở trong hai cái đó, mà chúng ta cho là thích hợp nhất và sẽ được dùng để ăn súp, cũng như cho cái chảo? Chẳng phải rõ ràng đó là cái bằng cây sung dầu hay sao? Bởi vì cái này cho ta một mùi thơm tốt hơn, và có hương vị hay hơn cho món súp; và cùng cùng lúc đó, bạn ơi, nó cũng không làm hư cái chảo, cùng làm đổ súp ra, và làm cho tắt lửa đi, và khi những người khách mời đang sửa soạn để vào tiệc, cũng là lúc khiến cho họ thấy bị mất đi đĩa súp ngon lành. Nhưng tất cả những sự bất lợi này là được phát sinh do cái muỗng bằng vàng. Chúng ta phải suy nghĩ, tuy vậy nếu trả lời rằng cái muỗng bằng cây sung dầu là phù hợp hơn, và thích đáng hơn trong trường hợp này, hơn là cái muỗng bằng vàng: trừ khi ngài muốn nói theo cách khác.

Hip. Tốt, Socrates; việc thích hợp hơn và có ích hơn là như thế đó: nhưng về phần tôi, tôi không muốn bàn thảo với một người nào đã đưa ra loại những câu hỏi như vậy.

Soc. Đúng đấy, ông bạn thân ạ. Bởi vì nó không phù hợp và không đúng mức đối với ngài khi bị dây vào cùng với những từ ngữ bần thỉu, tầm thường như thế, khi mà anh ăn mặc rất quý tộc từ đầu tới chân, và cũng là hình ảnh về sự khôn ngoan của mọi người Hy Lạp. Nhưng đối với tôi - chẳng có gì là bần thỉu đối với chính tôi khi chống lại con người đó cả. Hãy cho tôi một bài học, tuy vậy, chỉ điều gì tôi cần phải nói; và hãy trả lời nhân danh tôi. Bởi vì con người đó giờ đây sẽ nói thế này: "nếu cái muỗng bằng cây sung dầu là hay hơn và thích hợp hơn cái

muỗng bằng vàng, thì tại sao nó lại không là đẹp hơn?"

Hip. Vâng. Bởi vì chính cái thích đáng và sự phù hợp, Socrates à, mà ông đã gán cho nó là đẹp, hơn cái không thích đáng và không phù hợp.

Soc. Sao cơ, Hippias; và chúng ta cũng sẽ nhất định với anh ta, rằng cái muỗng bằng cây sung dâu có vẻ đẹp là hơn cái muỗng bằng vàng sao?

Hip. Tôi có cần phải nói nữa với ngài, Socrates, rằng ngài sẽ bảo cái đẹp là gì, để mà ngăn chặn ông ta đối với mọi sự thảo luận và sự cãi bướng tiếp chăng?

Soc. Chẳng phải thế đâu: nhưng không phải trước kia chính ngài đã có nói với tôi rằng trong hai cái muỗng đó, thì chúng ta sẽ bảo cái nào là đẹp nhất là cái thích đáng nhất và phù hợp nhất sao.

Hip. Tốt thôi; nếu nó đã làm cho ngài vừa lòng, thì hãy trả lời với ông ta "đó chính là cái muỗng được làm bằng cây sung dâu".

Soc. Giờ thì hãy nói về điều gì mà chúng ta vừa đề cập tới. Vì về câu trả lời này, trong đó tôi đã bảo vàng là đẹp, sẽ bị chối bỏ; và vàng sẽ được chứng minh, theo tôi thấy, là không hề đẹp hơn chút nào so với thứ gỗ của cây sung dâu. Nhưng theo ngài thì thế nào, về cái đẹp bây giờ?

Hip. Tôi sẽ nói cho ngài biết. Bởi vì khi ngài hỏi tôi "cái đẹp là cái gì?", thì ngài đã cho rằng theo như tôi thấy được, là phải cho ngài một câu trả lời về một điều gì đó mà không bao giờ không ở bất cứ nơi nào và cũng không đối với bất cứ người nào được thể hiện ra một cách nào khác hơn là đẹp.

Soc. Hẳn là thế, Hippias. Và giờ đây thì chính ngài đã hiểu tôi hoàn toàn tốt rồi đấy. Nhưng cần chú ý đến điều gì tôi nói đây: Hãy chắc chắn rằng nếu một người nào đó có thể nói điều gì ngược lại với câu trả lời mới của chúng ta, thì tôi thề là sẽ không bao giờ khen bất cứ một điều gì về vẻ đẹp của nó cả. Còn giờ thì chỉ có trời mà biết, và ngài hãy nói cho tôi biết ngay điều đó.

Hip. Tôi sẽ nói với ngài, rằng luôn luôn và đối với mọi người và ở mọi nơi, thì điều có vẻ đẹp nhất, đáng yêu nhất, và được ham thích nhất trong trần đời, là sự giàu có, sức khỏe, có danh tiếng trong xứ; còn tới khi tuổi già thì được làm đám tang cho cha mẹ một cách vinh quang; và trong suốt cuộc đời mình cho tới hơi thở cuối cùng vẫn luôn luôn được vinh hạnh và luôn có sự hữu ích tốt đẹp.

Soc. Thật là tốt lành quá! Thật là hiếm quá! Thật là đáng khâm phục và vĩ đại bao nhiêu, và thật là giá trị bao nhiêu về phần ngài đó, Hippias à, giống như lời vàng ngọc mà ngài vừa mới thốt ra! Có Trời soi xét, nhưng tôi thật thích thú nhận thấy là những thiện chí và sự tận tình của ngài là nhằm cho tôi mọi sự giúp đỡ trong quyền lực của ngài. Nhưng chúng ta vẫn chưa đạt tới điều cuối cùng muốn đi đến. Bởi vì giờ đây hẳn là người đó cũng sẽ cười vào mặt chúng ta hơn bao giờ hết, và ngài phải tin chắc là như thế.

Hip. Một cái cười không đúng chỗ, Socrates à. Bởi vì nếu cười như thế, thì ông ta cũng chẳng có gì để phản đối ca, và ông ta lại thật sự còn chỉ muốn cười vào chính mình; và thật khôi hài cho những ai có mặt tại đó.

Soc. Có lẽ thế. Nhưng cũng có thể là chẳng bao lâu nữa, tôi cũng buộc sẽ phải trả lời thôi, vì tôi sẽ ở trong sự nguy hiểm, nếu tôi đã đoán đúng, về điều gì đó, ngoài cái cười như vậy.

Hip. Có cái gì ngoài điều ấy ra nữa sao?

Soc. Nếu có việc gì đó xảy ra, thì ông ta đã có một cây gậy trong tay, trừ khi nào tôi chạy khỏi được hay thoát đi được, còn không thì ông ta sẽ nhắm vào tôi mà đập tới tấp đó.

Hip. Ngài nói điều gì thế nhỉ? Như thế ông ta là chủ của ngài chẳng bằng? Bởi vì, nói theo cách khác, bộ ông ta chẳng bị trừng phạt khi làm hại đến ngài sao?

Hay là chẳng có công lý nơi thành thị của anh? khi những công dân đều được phép tấn công và đánh lẫn nhau một cách sai trái sao.

Soc. Tôi nghĩ là không hẳn thế, Hippias à; chẳng phải là ông ta sẽ đánh tôi một cách sai trái, nếu tôi sẽ cho ông ta một câu trả lời như thế; nhưng điều đó cũng là rất đáng đấy chứ, mà dường như đối với là thế đó.

Hip. Đối với tôi là thế đó, Socrates; nếu ông cứ giữ ý kiến của ông như vậy.

Soc. Tôi sẽ nói cho ngài rõ tại sao, theo tôi nghĩ, tôi rất xứng đáng bị đánh, nếu tôi trả lời như vậy? - Ngài cũng muốn kết tội tôi mà lại không cố tìm ra nguyên nhân chăng? hay là ngài sẽ nghe điều gì tôi sắp nói ra đây?

Hip. Đó là một trường hợp khó xử thật, Socrates, và tôi có nên tự chối bỏ là người biết nghe chăng. Nhưng rồi anh sẽ nói gì nào?

Soc. Tôi sẽ nói cho ngài rõ; nhưng cũng theo cùng một cách, như tôi đã nói với ngài, ngay vào lúc này, về tính chất của ông ta trong khi cố vũ tôi. Tôi sẽ làm điều này, để khỏi thấy ngài như trong bản chất đích thực của ngài, với một thứ ngôn ngữ như thế mà ông ấy sẽ dùng để quở trách tôi, cùng với những từ ngữ hết sức nặng lời không tưởng tượng nổi được. Bởi vì tôi vẫn bảo đảm với ngài rồi ông ta sẽ nói như thế này: - "Hãy nói cho tôi biết, Socrates à; ngài có nghĩ rằng ngài xứng đáng để bị ăn đòn không nhỉ, bởi vì ngài đã ca hát ồn ào cái bài hát như thế đó mà không ăn nhập gì cả với âm nhạc cả; như vậy là làm hư hỏng đi sự phối âm, và lại càng đi xa mất cái chủ đề đặt ra cho anh?" - "Thế là thế nào?" Tôi sẽ hỏi lại ông ta - "Thế nào?" ông ta sẽ đáp lại: "Ngài không thể nhớ rằng tôi đã hỏi ngài về cái đẹp, rằng chính nó cũng làm cho mọi sự vật khác đều được đẹp, dù ở bất cứ nơi đâu mà nó có can dự vào, chính trong tính chất của sự hiện diện của nó; cho dù đó là hòn đá hay là cây gỗ, là con người hay Thượng Đế, cho các hành động hay cho những cung cách xử sự, hay là cho bất cứ phần nào đó của khoa học. Về đẹp trong chính nó, nơi con người, tôi hỏi anh đó là cái gì: và tôi cũng sẽ không còn đánh vào đầu anh nữa, nếu hiểu ra điều gì tôi nói, hơn là nếu anh chỉ là một hòn đá đang nằm ngay cạnh tôi, hay kể cả là đó cái cối xay đi nữa, mà không có lỗ tai và không có đầu óc". Nào, Hippias, ngài có không giận tôi không, nếu tôi vẫn sợ hãi lời quở mắng đó, mà dành phải nói với ông ta như thế này: "Tại sao Hippias lại nói cái này là đẹp; và tôi đã hỏi ông ta, ngay sau khi ông ta đã hỏi tôi, cái gì là đẹp đối với mọi người, và đối với mọi lúc?" - Ngài nói cái gì nào? Ngài sẽ không giận chứ, nếu tôi nói với ông ta như thế?"

Hip. Điều gì tôi đã mô tả, Socrates à, là đẹp, tôi vẫn rất tích cực, ở trong con mắt của tất cả mọi người.

Soc. "Và luôn luôn điều đó vẫn thế sao?" anh ta sẽ bảo: "vì cái gì đẹp thì tự trong chính nó phải luôn luôn là đẹp".

Hip. Hẳn là thế mà.

Soc. "Và nó vẫn cứ là thế ở trong những lần trước đó?" ông ta sẽ bảo.

Hip. Nó vẫn cứ luôn như thế.

Soc. "Cái gì? và đối với Achill nó cũng là vậy sao", ông ta sẽ bảo "có phải con người Elea lạ lùng đó vẫn khẳng định cái đó là một sự vật đẹp và đáng ưa thích đã còn lại được từ những tổ tiên của mình? và điều đó cũng là như thế đối với ông nội của anh ta là Aeacus, và phần còn lại của những người con cái của các thần? và vì thế mà còn ngay chính các thần thánh nữa có phải không?".

Hip. Thật là một con người kỳ cục! Dẹp qua bên anh ta đi! Những câu hỏi như vậy thì cũng tầm thường quá, và cũng chẳng đáng để hỏi.

Soc. Nhưng nó cũng không tầm thường gì hơn so với bất cứ người nào đâu, khi

mà những câu hỏi này được đưa ra với một người nào đó, để trả lời trong sự khẳng định, và giữ lại những mệnh đề như thế?

Hip. Có lẽ đúng như thế.

Soc. "Chắc hẳn anh ấy là người này", ông ta sẽ bảo, "ai xác nhận đó là sự vật luôn luôn có đối với mọi người, là xinh đẹp và mến thích, là đã bị chôn vùi bởi những hậu duệ của anh ta, và nhằm để an táng cha mẹ của anh ta. Chẳng phải Herakles cũng là một trong những người như thế sao? và những người mà chúng ta vừa nói đến đó, không phải họ cũng nằm ở trong số đó à?"

Hip. Nhưng tôi không khẳng định điều đó cho những vị thần.

Soc. Không phải dành cho những anh hùng đâu, tôi cho là như vậy.

Hip. Chẳng phải cho những con cái của các thần linh như thế sao.

Soc. Nhưng chỉ danh cho những người nào không phải như vậy.

Hip. Đúng thế.

Soc. Trong số các anh hùng như vậy, dường như là phù hợp với chính ý hướng của ngài, với Tantalus, Dardanus, và Zethus, chính nó là một sự vật tồi, một sự tục hóa dễ sợ của thần linh, giả sử như thế đó, và là một cú đấm quyết định đối với chính danh dự của họ; nhưng đối với Pelops, và những người khác được sinh ra trong loại người giống như ông ta, thì đó là một điều vinh hạnh, đẹp đẽ và đáng được ham thích.

Hip. Tôi cho là thế.

Soc. "Anh nghĩ điều này sẽ là thực ư, cái trái ngược lại của nó, anh còn giữ cho tới giờ này sao", anh ta sẽ nói thế, "để sống còn được sau các tổ tiên của họ, và để được chôn cất bởi những hậu duệ của họ, ở trong một vài trường hợp, và đối với một số người, một sự vật cũng không vinh hạnh và dễ sợ: còn hơn thế nữa, nó dường như không thế nào mà một sự vật như thế sẽ có thể có được, hay ngay cả là trở thành đẹp và đáng ham thích đối với mọi người. Thế nên điều mà giờ đây ngài cho là là đẹp thì lại cũng là một trường hợp với những gì mà trước kia ngài đã ham thích, con hầu và vàng; đôi khi nó đẹp, đôi khi nó không đẹp: nhưng có một trường hợp lại còn buồn cười hơn đối với điều này: nó chỉ đẹp đối với một số người, trong khi đối với những người khác thì nó hoàn toàn ngược lại. Và chưa có", ông ta sẽ bảo "không phải chỉ trọn trong ngày này, ngài có thể nào, Socrates à, trả lời cho câu hỏi mà ngài đã được hỏi, - đẹp là cái gì". Trong những từ ngữ như thế, giống như những từ này, mà ông ta sẽ quở trách tôi thật đúng mức, thì làm sao tôi có thể trả lời cho ông ta giống như ngài chỉ cho tôi. Tất nhiên theo cách đó, Hippias, là cái gì mà giờ đây tôi trình bày cho anh thấy, nó được diễn tiến theo những câu chuyện thường có giữa người đó và tôi. Nhưng cũng có khi giống như thế là điều thường tình, là sự ngu dốt của tôi, và lòng muốn học hỏi, và ông ta đã đề nghị với tôi chính anh ta sẽ là vấn đề để được tìm hiểu đặc biệt; và cũng hỏi tôi có phải tôi nghĩ như thế không, và như thế thì một sự vật có phải là đẹp không; hay lại là một cái gì đó khác, là chủ đề chung của câu hỏi mà ông ta đã rất hài lòng để đặt ra cho tôi, hay chính trên cơ sở đó mà câu chuyện đang quay chung quanh.

Hip. Ngài muốn nói gì, Socrates?

Soc. Tôi sẽ dành ra một phút để giải thích về ý nghĩa của chủ đề này hiện nay của tôi cho ngài - "Ông bạn Socrates thân mến à", anh ta bảo, "Chúng ta hãy nên thảo luận theo cách này: xin đừng cho tôi những câu trả lời thuộc loại đó; bởi vì nó đã thật nhàm chán lắm, và còn rất dễ bị bác bỏ nữa. Nhưng nào ta hãy xem, có phải chăng cái đẹp là cái gì đó thuộc loại này; chẳng hạn như trong cuộc thảo luận của chúng ta mà giờ đây đang được đề cập tới, khi chúng ta nói đó là vàng, nơi nào mà vàng được sử dụng đến và có tính

phù hợp, thì nó là đẹp; nhưng theo cách khác, ở nơi nào nó không được thích ứng và không phù hợp: thì lại là vẻ đẹp của tất cả mọi vật khác, và điều đó cũng phụ thuộc vào trên cùng nguyên lý; do đó thật ra chúng chỉ đẹp khi ở nơi nào mà chúng được ưa thích. Vậy thì đúng là điều này, tức sự phù hợp và sự ưa thích, là tính chất chính yếu và được tự trang hoàng chính nó, xem có phải điều này là đích thực đẹp không". Còn riêng về phần tôi, thì tôi vẫn thường hay đồng ý về những vấn đề như thế, đối với mọi sự vật nào đó được đặt ra cho tôi. Bởi vì tôi tự nhận ra là mình không có điều gì để phản đối cả. Nhưng còn ngài thì đang nghĩ gì về nó? Phải chăng theo ý kiến của ngài, thì cái gì được ưa thích mới là đẹp?

Hip. Hoàn toàn đúng như thế, Socrates, đó chính là ý kiến của tôi.

Soc. Vậy chúng ta hãy xem xét nó, tuy nhiên chỉ e sợ rằng chúng ta cũng sẽ phạm một vài sự sai lầm nào đó về điểm này.

Hip. Tôi đồng ý là chúng ta có thể như thế lắm.

Soc. Hãy thử xem nào. Cái gì chúng ta gọi nó là phù hợp, chẳng phải đó là cái gì đó mà sự hiện diện của nó, cho dù nó đến từ đâu, cũng làm cho mọi sự đều có cái vẻ bề ngoài đẹp; hay là một cái gì đó mà nó làm cho chúng có thực tại của cái đẹp; hay cái gì đó mà nó kết hợp kể cả hai, và làm cho chúng không những chỉ hiện ra là đẹp, mà thực tế lại cũng đúng là như thế?

Hip. Tôi nghĩ đó hẳn phải là một trong hai cái đó.

Soc. Có phải từ các điều này mà nó đã trở thành thích hợp không? Có phải nó chỉ cho ra một vẻ đẹp bề ngoài? Giống như một người có một thân thể không bình thường, khi anh ta mặc áo quần vào, hay khi anh ta mang giày phù hợp với anh ta, thì lại nhìn có vẻ đẹp nhiều hơn so với chính anh ta trong thực tế. Thế nên nếu sự thích hợp càng làm cho mọi sự vật nhìn càng đẹp hơn lên, và thực tế là nó có, thì sự phù hợp đó quả đúng là một loại lừa phỉnh, hay một sự áp đặt cho cái nhìn đối với cái đẹp, và không thể là cái gì đó mà chúng ta đang đi tìm, Hippias. Bởi vì cái gì mà chúng ta đang truy tìm, chính là cái qua đó mà mọi sự vật đẹp phải là đẹp. Vì thế mà nếu chúng ta đặt câu hỏi cái đó là cái gì, để khiến cho tất cả các sự vật lớn lao là vĩ đại, thì chúng ta cần trả lời "chính là bởi sự vượt lên trên những sự vật khác thuộc cùng loại". Bởi chính vì như thế, mà tất cả những sự vật đó là vĩ đại: và cho dù chúng chẳng có vẻ gì là lớn lao đối với chúng ta, thì tuy thế nó cứ càng vượt lên trên các sự vật khác, nên tất yếu chúng phải là vĩ đại. Nếu như thế, chúng ta sẽ nói, là với cái đẹp thì nó phải là cái gì đó mà chính bởi nó những sự vật sẽ phải là đẹp cho dù chúng có vẻ như thế hay không. Vậy thì điều này không thể là cái gì đó phù hợp: bởi vì cái phù hợp chỉ tạo thành các sự vật có vẻ đẹp hơn là chính nó có trong thực tế, và phù hợp với sự đánh giá của anh về nó; nó có chứa đựng sự thật của các sự vật đó, và không chịu cho điều này hiện ra bao giờ cả. Nhưng cái gì đó tạo nên chúng thì thực sự đẹp, giống như tôi vừa nói, cho dù chúng có vẻ như thế hay không, và điều này chính là công việc của chúng ta phải đi tìm cho ra, để tuyên bố được về bản chất của nó: bởi vì điều này chính là mà chủ đề của chúng ta tìm kiếm, nếu quả là chúng ta đang đi tìm kiếm cái đẹp.

Hip. Nhưng Socrates à, cái phù hợp tạo nên những sự vật cũng đều vừa là như thế, vừa là đẹp, vừa bằng tính cách của sự hiện diện của nó.

Soc. Nếu thế thì, không thể nào đối với những sự vật đều thật sự đẹp, mà lại bị hiện ra theo cách khác; bởi vì nó hiện diện ra với chúng như nguyên nhân của việc tạo thành vẻ đẹp.

Hip. Khó mà chấp nhận như thế được.

Soc. Chúng ta có chấp nhận điều này chăng, Hippias, rằng tất cả các quy luật,

các nguyên tắc của các hành động, các cách thức, các thái độ, đều thật sự đẹp, là đẹp trong sự đánh giá chung, và luôn luôn hiện ra giống như thế đối với tất cả mọi người? Hay là chúng ta sẽ không thể nói điều gì hoàn toàn ngược lại, rằng con người là không hiểu về vẻ đẹp của mình, và trên hết tất cả, những điều này là chủ đề của sự tranh luận cùng sự nhất trí, mà không phải chỉ mang tính cách tư riêng hay công cộng, không phải chỉ ở giữa người và người, nhưng là giữa những cộng đồng và các nhà nước dân sự khác nhau?

Hip. Đúng là như thế đó, Socrates, rằng trong những điểm đó, thì con người vẫn còn là dốt nát về cái đẹp.

Soc. Nhưng điều này cũng chẳng phải là trường hợp, nếu những sự vật đẹp đó có hình thức bên ngoài là đẹp, cộng thêm với thực chất: và bề ngoài này mà chúng có, nếu sự thích hợp là cái đẹp, và tạo nên được những sự vật như ngài đã nói, cả hai việc nó tồn tại và thể hiện vẻ đẹp, được cùng kết hợp trong chúng cái đẹp cả thực chất và hình thức cùng vào một lúc. Thế cũng tức là nếu sự thích hợp là như thế đó, thì nhờ bởi nó mà những sự vật trở thành thực sự là đẹp, và thế thì sự thích hợp phải là cái đẹp mà chúng ta đang tìm kiếm, không phải chỉ là cái gì mà bởi nó những sự vật chỉ là trở thành đẹp theo bề ngoài, tức đó không thể là cái đẹp mà chúng ta đang tìm kiếm; vì điều này ban cho nó thực tế của vẻ đẹp. Chẳng phải nó chính là sức mạnh của cùng một sự vật tạo nên trong hình thức và thực tại, mà cả hai không chỉ là ở trong trường hợp của cái đẹp, mà cũng chẳng phải là trong những trường hợp của bất cứ cái gì khác. Thế nên chúng ta sẽ phải chọn lựa hoặc là cả hai điều này mà chúng ta cũng sẽ cho đó chính là sự thích hợp, là cái gì tạo nên hình thức của vẻ đẹp, hay là cái tạo nên thực chất của nó.

Hip. Cái gì thích hợp, Socrates, tôi cho là như thế, phải là cái tạo nên mặt hình thức.

Soc. Cứ cho như thế đi, Hippias! Sự khám phá của chúng ta về cái đẹp đang bị vụt mất, và nó đã thoát đi khỏi chúng ta. Bởi vì cái thích hợp đã trở nên cái gì khác hơn với vẻ đẹp.

Hip. Nó quả có vẻ như thế; và cũng rất khó mà nói được.

Soc. Nhưng, tuy thế, ông bạn, chúng ta cũng không thể dầu hàng để mất trắng được. Tôi vẫn còn vài sự hi vọng nào đó, rằng bản chất của cái đẹp có thể đi vào trong ánh sáng, và tự bày tỏ chính nó ra.

Hip. Thật là hoàn toàn rõ rệt, Socrates, không nghi ngờ gì nữa cả: bởi vì thật cũng chẳng khó khăn gì để có thể tìm ra. Tôi đang tích cực đây, và nếu tôi cứ kiên nhẫn thêm một chút, và biết tự xem xét chính mình, thì tôi sẽ mô tả ra được nó cho ngài, với một sự chính xác mà không bao giờ có thể hơn thế được.

Soc. Á! đừng nói thế chứ, Hippias, với cái giọng cao ngạo như thế. Ngài đã thấy cái gì từng làm cho chúng ta bối rối chứ; và tôi cũng sợ nó còn khiến chúng ta phải giận dữ nữa, rồi nó cũng lại còn thoát đi ra xa hơn trước nữa. Nhưng tôi nói có hơi quá: là đối với ngài, theo tôi nghĩ, sẽ dễ dàng để tìm được ra nó, khi ngài chỉ có một mình. Như thế nhờ Trời, tôi đoán được là ngài cũng sẽ khám phá ra, trong khi tôi đang cùng với ngài: và nếu tôi đồng ý được với ngài, thì hãy chấp nhận cho tôi, như ngài đã làm trước đây, để cùng là người bạn đi tìm kiếm nó. Nếu chúng ta lại cùng nhau tìm thấy nó, thì điều đó sẽ tốt nhất cho tất cả: và nếu chúng ta không tìm ra được nó bằng cùng cách này, là việc cùng phối hợp của chúng ta với nhau, thì tôi sẽ cùng sẽ bằng lòng, tôi hi vọng như thế, với chính sự thất vọng của tôi, và ngài sẽ phải đi và sẽ tìm đến được sự thành công hơn và không bị bất cứ sự khó khăn nào nữa cả. Ngoài ra, nếu giờ đây chúng ta lại tìm ra nó, thì tôi chắc sẽ không bị bối rối nữa, như ngài biết đó, và sẽ kích thích ngài nói cho tôi

biết cái gì chính là yếu tố của sự kiện tìm tòi đó của chính ngài, và điều gì là sự khám phá lớn, mà ngài đã tìm ra được. Còn giờ đây tuy vậy, hãy nên xem xét, nếu ngài cho rằng điều này là cái đẹp. Vậy thì tôi sẽ nói đúng ra là thế đó. Nhưng hãy vui lòng quan sát, và dành cho tôi tất cả sự chú ý của ngài, vì sợ rằng tôi sẽ nói điều gì đó điên khùng, hay là xa lạ với mục đích đó. Vậy hãy cứ để điều này vận động trong chính nội dung của cái đẹp mà chúng ta đang xem xét, và điều đó là cái có ích. Tôi đã được khuyến dụ phải suy nghĩ rằng nó có thể sẽ là như thế, do bởi những sự xem xét này. Cái đẹp, như chúng ta nói, là cặp mắt; chẳng phải những cái gì mà chúng ta nhìn, cũng như thế chúng không có khả năng biết nhìn thấy; nhưng cứ như là nó hiện ra như thế với năng lực mạnh mẽ, và hữu dụng cho mục đích của việc nhìn thấy. Có phải thế không nào?

Hip. Đúng là như thế.

Soc. Và toàn bộ cơ thể chúng ta cũng vậy, phải chăng chúng ta không gọi nó là đẹp, với một quan điểm về ích lợi; một cho cuộc chạy đua và một cuộc đấu vật? Hơn thế nữa, thông qua mọi loại động vật, như một con ngựa, gà trống, và con cuốc đẹp: trong cùng cách, mọi loại vật dụng trong nhà đều hữu dụng, và mọi sự tiện nghi cho việc di chuyển ra bên ngoài, như xe chạy trên mặt đất, hay tàu thuyền và bè mảng đi trên biển; những dụng cụ âm nhạc cũng y giống thế, với những công cụ và đồ dùng nhằm đáp ứng cho các nghệ thuật khác: đối với những thứ này ngài có thể hài lòng để thêm vào những nguyên tắc đạo đức và các luật lệ. Mỗi một sự vật của hầu hết bất kỳ những loại này, chúng ta đều gọi là đẹp trên cùng một tính cách; tôn trọng các mục tiêu mà vì đó nó được sinh ra, hay được khung vào đó hay thiết kế nên. Trong bất cứ cách nào nếu mà là hữu dụng cho bất cứ mục đích nào và cũng trên bất cứ cơ hội nào; có thể cùng đồng ý với những trường hợp mà chúng ta gọi nó là đẹp. Nhưng nếu những cái đó mà trong mọi khía cạnh là vô ích, thì chúng ta tuyên bố toàn thể chúng là không có về gì là đẹp. Đó không phải ý kiến của ngài sao, Hippias?

Hip. Đúng là thế đó.

Soc. Tuy vậy, chúng ta có lý, và thế thì có thể nói rằng, trên hết tất cả, chính cái gì ích lợi đều chứng minh cho cái đẹp.

Hip. Hầu như chắc chắn là đúng thế, Socrates.

Soc. Thế thì điều đó có thể gây anh hưởng, hay tác động tới một vật nào đó, và có phải nó là hữu dụng tới mức nào đó mà nó có thể có quyền lực như thế? Nhưng nếu nó không có được quyền lực như thế, thử liệu coi nó có vô ích không?

Hip. Chắc hẳn đúng thế mà.

Soc. Thế thì sức mạnh là cái đẹp, và thiếu sức mạnh lại là điều ngược lại.

Hip. Hoàn toàn đúng thế. Và nhiều sự vật đều là như thế đó, Socrates à, chúng khẳng định về sự vật chính là ở kết luận này: nhưng điều đặc biệt, nó vẫn cứ tốt, trong chính trị. Bởi vì khả năng trong việc quản lý các việc công, và quyền hành trong nhà nước, mà trong đó chúng ta đều là các thành viên, và từ tất cả mọi sự, nó là cái đẹp nhất: còn nếu thiếu quyền hành như thế, cùng với một sự khiếm khuyết toàn bộ về năng lực như thế, thì trong tất cả mọi vật, cũng chẳng còn có chút xíu tính cách gì.

Soc. Ngài nói đúng đấy. Nhân danh các vị thần thánh, Hippias à, chẳng phải nó cũng là từ những điều này sao, rằng chính tài khéo và sự hiểu biết cũng là tất cả những sự vật đẹp nhất, và cái trái ngược lại chính là vì thiếu chúng?

Hip. Ối, ngài mà nghĩ về điều này như thế sao, Socrates?

Soc. Đừng có vội, ông bạn thân ạ: bởi vì tôi cũng đang lo lắng về sự đúng đắn của các kết luận hiện thời của chúng ta.

Hip. Ngài lo sợ về điều gì nào, Socrates? Bởi vì công việc của sự tìm kiếm của chúng ta giờ đây đang diễn tiến tốt đẹp, và nó cũng sẽ đi tới được kết quả tốt đẹp như mong muốn.

Soc. Tôi mong ước như thế lắm. Nhưng ngài hãy cùng với tôi thử xem xét về điểm này. Có thể nào một người nào đó lại thực hiện một công việc mà anh ta vốn không biết và cũng chẳng có năng lực gì nhằm để hoàn thành nó không?

Hip. Chẳng có thể được. Bởi vì làm thế nào mà một người lại có thể làm được như thế được, định làm một việc mà anh ta chẳng có chút khả năng gì hết?

Soc. Những người đó rồi ra cũng sẽ phải làm sai, và sự sai lầm của họ vẫn có trong bất cứ sự thực hành công việc nào đó, mà chính họ không hề có ý định sai lầm hay bậy bạ; nên phải chăng họ vẫn đã thực hiện một công việc sai lầm, bậy bạ, hay là do anh ta đã không có khả năng thực hiện được chúng theo cách đó?

Hip. Rõ ràng là họ không thể làm được.

Soc. Nhưng cái gì là có thể qua các khả năng của họ: bởi vì không phải sự không có khả năng mà lại có thể khuyến khích cho họ được điều gì.

Hip. Hẳn nhiên là không rồi.

Soc. Và tất cả những ai làm một điều gì đó, tức là đã có khả năng làm điều gì mà họ đang làm.

Hip. Đúng thế.

Soc. Và mọi người vẫn làm nhiều điều sai hơn là đúng; và họ đã phạm phải sai lầm ngay từ thời ấu thơ của họ, mà không hề có ý định làm sai hay lầm lẫn.

Hip. Thực tế là như vậy đó.

Soc. Thế thì được rồi: những khả năng đó, và những phương cách, hay phương tiện đó, mà chúng giúp đỡ, và cũng là hữu ích trong việc làm, để thực hiện một điều gì đó là sai, thì chúng ta có thể bảo được là chúng đẹp không? hay là chúng chẳng có gì là đẹp cả?

Hip. Chúng chẳng đẹp gì hết, theo như tôi nghĩ, Socrates à.

Soc. Sự có thể làm được và sự hữu ích, do vậy, Hippias à, theo ý kiến của chúng ta, có vẻ như cũng chẳng có gì đẹp nữa cả.

Hip. Hẳn là thế, Socrates, nếu ta có khả năng làm điều gì đó là đúng, hay hữu dụng cho một mục đích nào đó.

Soc. Tính cách như thế vốn đã bị loại bỏ rồi, vì cái có thể làm được và cái hữu ích, chỉ đơn thuần và tuyệt đối là cái đẹp. Nhưng còn cái ý nghĩ, Hippias à, là điều gì mà tinh thần chúng ta chăm sóc tới, và muốn có sự thể hiện, chính là cái này, tức là sự hữu dụng và cái có thể làm được, để tạo ra được cái gì đó tốt, đó chính là cái đẹp.

Hip. Điều này đích thực là thế rồi.

Soc. Nhưng sự việc được miêu tả giống như thế là cái khả dụng. Có phải là thế không nào?

Hip. Đúng là vậy.

Soc. Từ giờ trở đi, có nghĩa là cái đẹp của thân thể, cái đẹp của những quy điều đạo đức, của sự hiểu biết và sự khôn ngoan, và của mọi sự vật đó, giờ đây được liệt kê ra; chúng đều là đẹp, bởi vì đều là hữu dụng.

Hip. Hiển nhiên là như vậy.

Soc. Sự hữu ích, tuy vậy, Hippias, có vẻ như là cái gì đẹp của chúng ta.

Hip. Hoàn toàn đúng, Socrates.

Soc. Nhưng sự hữu ích là cái gì mang lại hiệu quả và tạo nên điều tốt.

Hip. Đúng vậy.

Soc. Và nguyên nhân của cái tốt, tuy vậy, lại là cái đẹp.

Hip. Đúng thế.

Soc. Vậy, nguyên nhân, Hippias, là một sự vật khác với cái mà nó được tạo ra. Bởi vì nguyên nhân hẳn nhiên có thể là nguyên nhân do từ chính nó. Hãy thử xem điều này nhé: Có bao giờ nguyên nhân dường như lại không là cái tạo nên điều gì?

Hip. Rõ ràng là thế.

Soc. Và bởi vì cái tạo ra, mà không có sự vật gì khác, là bị tác dụng mạnh hơn bởi cái được tạo thành hay được làm ra; nhưng cái này lại không phải chính là cái tạo nó ra.

Hip. Ông nói có lý đấy.

Soc. Vậy thì chẳng phải cái gì được tạo ra hay được làm ra, là một sự vật, và cái tạo ra lại là một sự vật khác?

Hip. Đúng vậy.

Soc. Nguyên nhân, tuy thế, vẫn không phải là nguyên nhân tự nó; nhưng là của cái được tạo ra hay được làm ra bởi nó.

Hip. Hoàn toàn đúng như vậy.

Soc. Như vậy nếu cái đẹp là nguyên nhân của điều tốt, thì điều tốt tự nó phải được tạo ra, hay được làm thành nhờ bởi cái đẹp. Và bởi lý do này mà có vẻ như là chúng ta chăm sóc và nghiên cứu sự cần trọng, và mọi đức hạnh tốt đẹp khác, là bởi vì sự tạo ra chúng và vấn đề của chúng là rất đáng để chúng ta nghiên cứu và chúng ta quan tâm, như tự chính nó là tốt. Do thế, mà giống như chúng ta cố tìm ra từ các sự tìm kiếm của chúng ta, rằng cái đẹp, như nó vẫn hay có mối quan hệ với cái tốt, là có bản chất của một loại người cha.

Hip. Đúng thế đó, Socrates. Ngài hoàn toàn có lý về điều gì ngài vừa nói ra.

Soc. Tôi thấy cũng chẳng đúng gì trong điều này đâu, hay là cũng chẳng phải là người cha của đứa con, cũng chẳng phải là đứa con trai của người cha?

Hip. Cũng đúng trong điều đó nữa.

Soc. Cũng chẳng phải nguyên nhân của sự tạo ra, cũng chẳng phải là sự tạo ra nguyên nhân, mặt khác là nguyên nhân.

Hip. Rất đúng.

Soc. Có Trời biết, ông bạn à, chẳng phải cái đẹp là tốt, cũng chẳng phải cái tốt là đẹp. Ngài có nghĩ rằng có thể nào như thế không chứ? Có phải nó phù hợp với điều gì mà ngài đã nói chăng, và cũng đồng ý như thế mà?

Hip. Trời ơi, tôi chẳng nghĩ thế đâu.

Soc. Ý kiến này liệu có làm chúng ta hài lòng không, và liệu chúng ta có chọn lựa để tuân thủ theo nó, rằng cái đẹp không phải là cái tốt, mà cũng chẳng phải cái tốt là cái đẹp?

Hip. Trời ơi, không đâu; nó chẳng thể làm cho tôi hài lòng cả thảy.

Soc. Nói hay lắm, lạy trời, Hippias à: và nó lại làm vừa lòng tôi, ít nhất đối với bất cứ những sự miêu tả hay xem xét nào mà cho tới giờ vẫn đã cho cái đẹp.

Hip. Tôi cũng nhận thấy được điều đó.

Soc. Sự định nghĩa đó về nó, mà ngay giờ đây chúng ta nghĩ là cái tốt nhất trong tất cả, tuy thế lại là cái khả dụng, cái ích lợi, và có thể tạo ra một cái gì đó tốt, hay một cái gì đó khác, đó là cái đẹp, mà trong sự nguy hiểm có thể bị mất hết mọi sự tin cậy đối với chúng ta; và của cái biểu hiện ra, nếu có thể, lại càng buồn cười hơn cái gì chúng ta đã xem xét trước kia, khi mà chúng ta đã dự tính rằng người nữ hầu là đẹp, hay là một cái gì đặc biệt khác nào đó mà sự khiếm khuyết của nó chúng ta cũng đã khám phá ra trước đó.

Hip. Đúng là nó có vẻ như thế đó.

Soc. Và riêng phần tôi, Hippias à, tôi thấy cũng chẳng có cách nào để mình quay lại ở đó nữa, nên tôi đang bị tuyệt đối lạc hướng rồi. Ngài có còn điều gì để nói nữa không?

Hip. Không phải ngay bây giờ. Nhưng như tôi vừa nói, sau khi để tôi xem xét một chút, tôi chắc chắn sẽ tìm ra được nó.

Soc. Nhưng tôi sợ rằng chỉ do tôi cực kỳ muốn biết nó, nên tôi không thể chờ đợi lâu được. Ngoài ra, tôi cũng vừa chợt nghĩ, như tôi có thể tưởng tượng ra, về một sự mở đầu cho con đường khám phá. Để xem xét điều gì mang lại cho chúng ta sự thú vị và vui thích nhất (tôi không nói là mọi sự vui thú, nhưng chỉ nói về điều

gì xuất hiện ra trong chúng ta khi được nghe nói và được xem thấy nó), chúng ta có thể nào thảo luận nó không? Vậy hãy xem điều gì là cái đẹp của chủng loại chúng ta, Hippias, với việc nhìn thấy có ai đó mà chúng ta thích thú: như chúng ta thích thú khi xem mọi công trình đẹp của việc may vá; và bất cứ cái gì đã được vẽ đẹp, được điêu khắc hay được đúc ra đẹp. Và cũng tương tự như thế khi chúng ta nghe nói: bởi những âm thanh được đo lường tốt, và mọi sự hòa âm trong âm nhạc, cả những vẻ đẹp của văn chương cũng thế, với những câu chuyện ngụ ngôn hay, cùng những câu chuyện kể có kết cấu tốt, cũng có cùng một hiệu quả như thế đối với chúng ta, khiến chúng ta thấy dễ chịu, làm cho chúng ta thích thú, và nó rất hấp dẫn. Do vậy mà phải chăng chúng ta đã dành cho kẻ hôi thối và nhếch nhác đó câu trả lời này - "Thưa ngài quý tộc, cái đẹp là cái gì đó mà nó mang lại cho chúng ta sự vui thú qua việc nghe, qua việc thấy nó", ngài có nghĩ rằng chúng ta sẽ không làm cho hắn hết hỗn láo chứ?

Hip. Đối với tôi, Socrates à, tôi cho rằng bản chất của cái đẹp, giờ đây đã thực sự được lý giải tốt rồi.

Soc. Nhưng điều gì chúng ta sẽ nói về vẻ đẹp của các cung cách, và của các luật lệ, Hippias? Chúng ta có thể nói được rằng chính nó mang lại cho chúng ta sự thích thú qua việc nghe, hay qua việc thấy chăng? hay nó được xếp vào một loại dạng nào đó khác không?

Hip. Có lẽ người đó sẽ không nghĩ về điều này.

Soc. Tệ thật, Hippias, nhưng người đó có thể là người mà tôi sẽ phải sợ hơn tất cả những người khác; và đứng trước người nào mà tôi thấy xấu hổ nhất, nếu tôi xem thường, và định nói ra điều gì đó có tầm quan trọng nhất, khi mà trong thực tế tôi chỉ nói vu vơ và cũng không nói ra được cái gì nhằm cho mục tiêu đó cả.

Hip. Người đó là ai thế?

Soc. Socrates, là con trai của Sophroniscus; anh ta sẽ không phải chịu đựng tôi nữa, về việc cứ nói bừa bừa ra như thế, hay là cứ khăng khăng về những điểm mà tôi không thực sự rành rọt, hơn là cứ cho phép tôi nói về những điều gì mà tôi chẳng biết gì hết, giống như thể là tôi biết chúng.

Hip. Tại sao à, thật chứ, tôi sẽ phải tự mình có được điều đó, kể từ khi bạn bắt đầu đối với sự quan sát, về vẻ đẹp của những luật lệ vốn được tham chiếu từ một loại dạng khác.

Soc. Đừng vội, Hippias à. Bởi vì chúng ta hiện đang rơi vào trong những khó khăn mới, cũng ngang như những khó khăn của chúng ta trước đây, về bản chất của cái đẹp, và chúng ta cũng đang đang trên con đường tìm kiếm tốt, theo tôi nghĩ, chúng ta hẳn phải rời khỏi chúng.

Hip. Thế là thế nào, Socrates?

Soc. Tôi sẽ nói cho ngài vấn đề đó có vẻ đối với tôi như thế nào: cho dù thế nào, cũng chẳng có một sự vật vật chất nào đó mà tôi nói đến, ngài sẽ thấy ra được. Vẻ đẹp như vậy là của các quy luật và của những cách thức, mà tôi thiết nghĩ, nó có thể được tìm thấy không phải cùng với sự trừu tượng hóa từ một loại cảm giác, mà chính nó lại hiện ra nơi tâm hồn, thông qua những ý nghĩa của việc nghe và thấy. Nhưng chúng ta cứ hãy tạm thời tuân thủ về nguyên lý này, là "điều gì làm cho chúng thích thú thông qua các giác quan, là đẹp", mà không phải nó mang lại cái đẹp của các quy luật với một chút ít nào đó đã được đặt thành vấn đề. Như thế giả thử hoặc là người đàn ông mà tôi đang nói đến, hoặc là bất cứ người nào khác sẽ tra vấn chúng ta theo cách này: "Vì lý do gì, này Hippias và Socrates, mà các anh đã tách rời ra khỏi sự thích thú nói chung, để cho là có những loại dạng của nó trong đó các anh bảo là tạo ra cái đẹp; cùng phủ nhận tính chất cái đẹp đẽ của những loại dạng này của sự

thích thú, mà nó là thuộc về các cảm quan khác, và cho các sự thích thú của sự sờ thấy, của những niềm vui của Aphrodite, và mọi người khác là của cùng loại? Các ngài có từ chối chúng về đặc điểm của sự thích thú nữa, và cho rằng chẳng có điều thích thú nào có thể tìm được trong các cảm giác này, hay trong bất kỳ một sự vật nào đó khác, ngoài việc thấy và nghe?". Này, Hippias, chúng ta sẽ nói về điều này như thế nào?

Hip. Chẳng là thế nào cả, Socrates, chúng ta phải cho phép sự thích thú cũng được tìm thấy trong các cảm giác, một sự thích thú rất là tuyệt diệu.

Soc. "Bởi vì những cảm giác này sẽ mang tới sự thích thú", ông ta sẽ nói như vậy, "không kém hơn những cái gì đó khác, tại sao ngài lại tước đi khỏi chúng tên gọi của cái đẹp và tước đi khỏi chúng tính chất chia sẻ của chúng đối với cái đẹp?". "Bởi vì sẽ không có người nào mà lại chẳng cười vào chúng ta", chúng ta sẽ trả lời "có thể nào chúng tôi gọi việc ăn là cái đẹp chăng, thay vì là một sự thích thú; hay là sự ngửi được các mùi hương ngọt ngào, mà chúng ta vẫn nói đó không phải là sự thú vị, nhưng đó là cái đẹp. Trên hết tất cả, trong những sự thụ hưởng về yêu đương, tất cả mọi người đều đồng ý có một cấp độ cao nhất của sự ngọt nào và sự thích thú; nhưng cho dù có người nào đi vào trong chúng, mà vẫn có thể tìm cách để không bị nhìn thấy, thì hành vi yêu thương cũng chẳng có gì là dễ chịu đối với việc nhìn thấy, hay cái đẹp cả". Vậy thì, Hippias, khi chúng ta trả lời như thế, anh ta có thể sẽ đáp lại rằng trong cách này: - "Tôi hiểu được rất rõ lý do tại sao anh luôn luôn xấu hổ khi gọi những thú vui này là đẹp; đó bởi vì nó dường như không phải như vậy đối với mọi người. Nhưng câu hỏi mà tôi đặt ra cho ngài vẫn chẳng phải cái gì có vẻ là đẹp đối với phần đông; nhưng chính cái gì là vậy trong thực tế". Thế thì chúng ta sẽ trả lời câu hỏi đó, mà tôi cho là chỉ bằng việc lặp lại sự giả thiết sau cùng của chúng ta, rằng "chính chúng ta đã cho tên gọi cái đẹp cho cái phần chỉ về sự thích thú nổi lên trong chúng ta nhờ bởi việc chúng ta thấy và chúng ta nghe". Nhưng ngài có một điều gì đó để nói, và có lẽ nó không nhằm để phục vụ cho lý luận của chúng ta? Liệu chúng ta có cần trả lời thêm không, Hippias?

Hip. Tôi thấy với cái gì ông ta nói, Socrates à, chẳng cần phải có gì để trả lời thêm nữa cả.

Soc. "Tốt lắm vậy", ông ta sẽ nói thế. "Nếu sự thích thú như vậy có được là do cái nhìn thấy và nghe thấy? Hay là cái gì đó mà nó hiện ra qua cái nhìn thấy và cái nghe thấy, thì cũng giống như vậy đối với cái gì đó có được qua sự nhìn thấy và sự nghe thấy?". "Điều gì là nổi lên trong chúng ta hoặc chỉ qua các giác quan này mà thôi, và không thông qua những cái khác", chúng ta sẽ trả lời "hoàn toàn chẳng phải là cùng một cái với cái vẫn xuất hiện qua cả hai của chúng. Bởi vì điều này dường như là sự đưa vào từ câu hỏi của ngài. Nhưng ý nghĩa của chúng ta là mỗi một trong các loại này của sự thích thú, thì tự nó là tách biệt với cái đẹp; và chúng cũng vẫn sẽ là thế, khi cả hai chúng đều cùng là cái đẹp đó". Chúng ta sẽ không trả lời như thế chứ?

Hip. Hoàn toàn không thể.

Soc. "Vậy thì có những loại nào của sự thích thú chăng", ông ta sẽ báo, "mà lại khác với bất cứ cái gì đó khác, bất kể đó là cái gì. Hãy quan sát đi; tôi hỏi ngài nếu không phải một sự thích thú là lớn hơn một cái khác, hay là hoặc nhiều hơn hay kém một sự thú vị khác: nhưng hoặc là vẫn có một sự khác nhau nào đó giữa những sự thú vị về phương diện này, và có một điều trong chúng là thú vị, còn điều kia thì không thú vị". Theo ý kiến của chúng ta, thì không có sự khác nhau trong chúng về loại này, có phải thế không?

Hip. Tôi đồng ý với ngài là không có.

Soc. Ông ta sẽ nói "Tuy vậy, vì một số lý do nào đó khác, mà chẳng phải chỉ bởi vì sự thú vị", còn ngài thì đã lựa chọn những loại này, của sự thú vị, từ các cái gì đó còn lại, và gán cho chúng sự trội vượt lên hơn. Ngài cũng đã phân biệt là có cái gì đó hay cái khác ở trong chúng, bởi cái gì đó mà khiến chúng là khác với cái còn lại: với cái nhìn về dị biệt nhau nào đó mà chính ngài có thể phân biệt được chúng bởi chỉ định từ về cái đẹp. Vậy từ sự thú vị làm phát sinh ra trong chúng ta ý nghĩa của việc thấy, vẫn không tạo ra chính cái đẹp của nó từ bất cứ sự vật nào, đặc biệt là thuộc về ý nghĩa này. Bởi vì, nếu nó là nguyên nhân cái đẹp của nó, và sự thích thú khác mà nó phát sinh ra thông qua việc nghe, lại không bao giờ lại là đẹp, vì nó không chia sẻ với cái gì đó chỉ riêng trong ý nghĩa của việc thấy". "Và ngài đúng đấy", chúng ta có thể nói thế không?

Hip. Chúng ta sẽ nói được như thế.

Soc. "Mặt khác, không một ai có thể làm cho chúng ta thích thú trong ý nghĩa của việc nghe, lại làm phát sinh ra cái đẹp của nó với bất cứ điều kiện nào đặc biệt thuộc về việc nghe". Chúng ta có cho nhất trí không, Hippias, là người đó đúng khi anh ta bảo như thế?

Hip. Nhất trí chứ.

Soc. "Tuy vậy, có cái gì đó trong chúng, và là một trong cả hai, để nhờ đó chúng cũng có được cái đẹp của chúng, một cái đẹp chung cho cả hai của chúng. Có cái gì đó, theo tôi nghĩ, là cái thuộc về chúng cả hai, nếu nói chung cũng như nói riêng về mỗi cái. Vì nói theo cách khác, chúng vẫn có thể là không trong cả hai, và mỗi người trong chúng đều là đẹp". Vậy thì hãy trả lời đi, giả sử như ngài sẽ nói với ông ta.

Hip. Tôi sẽ trả lời thế này, là theo ý kiến của tôi, thì trong vấn đề đó, ngài đã đúng.

Soc. Có thể có trường hợp nào thuộc cả hai sự thích thú này của việc nghe và thấy gọp chung lại không; tức nếu cùng một trường hợp không thuộc riêng từng cái tách rời nhau; hay có khi lại thuộc về từng cái riêng biệt và không phải cả hai cùng chung nhau; khiến chúng không thể làm phát sinh cái đẹp của chúng từ điều kiện này.

Hip. Làm sao có thể thế được, Socrates, trong bất cứ trong điều kiện nào như thế, mà nó lại không thuộc về một cái nào trong hai cái được, hay có bao giờ lại thuộc cả hai?

Soc. Bạn có nghĩ điều này là không thể được chăng?

Hip. Tôi chắc là hoàn toàn không thể biết được, tôi dành chịu thua trong trường hợp về loại này; tôi thật hoàn toàn không có thói quen để thảo luận theo kiểu như thế.

Soc. Ngài đùa đấy ư, Hippias. Nhưng tôi dám mạo muội bảo rằng, hãy cố tưởng tượng là tôi nhận thấy cái gì đó, mà cứ theo ngài bảo là không thể có được.

Hip. Ngài chẳng đang mạo hiểm trong sự tưởng tượng như thế đâu, Socrates; nhưng tôi thật rất vui thích để chỉ riêng nhìn theo kiểu đó trong ý đồ của mình: tất cả chỉ có vậy.

Soc. Có nhiều sự việc thuộc về loại đó, mà tôi xin cam đoan với ngài là nó đối với tôi có vẻ rất hiển nhiên. Nhưng tôi vẫn không có chút tin cậy gì vào chúng cả; bởi vì chỉ chúng là không hiển nhiên đối với ngài, là một người đã nuôi nấng và lớn lên với một sự may mắn hơn bất cứ một người nào khác bởi chính nghề nghiệp triết học; và bởi vì dường như nó chỉ có đối với tôi, là một người không bao giờ được ở trong hoàn cảnh ấy, để học được một cái gì xa hơn. Tôi có một sự hoài nghi ngờ nào đó, tuy vậy, cũng có thể là ngài đã không được nghiêm túc đối với tôi, nhưng lại là tìm cách để ghẹo tôi: chính bởi thế mà có nhiều sự vật thuộc loại đó khiến tôi chỉ nhận thấy quá đơn giản như vậy.

Hip. Không ai lại muốn hiểu biết tốt hơn chính ngài, Socrates à, để xem tôi có nghiêm túc với ngài hay không, nếu ngài muốn, nhưng trước tiên hãy nói cho tôi biết, cái gì trong những sự vật đó mà ngài chỉ nhận thấy quá đơn giản. Ngài sẽ lập tức nhận ra ngay là ngài chỉ nói chơi thôi. Bởi vì ngài không đã bao giờ tìm ra một điều kiện chung cho hai chúng ta, mà nó chỉ riêng rẽ, không phải của ngài cũng chẳng phải của tôi.

Soc. Anh nói như thế nào, Hippias? Nhưng có lẽ ngài cũng có lý về phần ngài, và tôi có lẽ đã không nhận ra nó. Tuy thế, hãy để tôi cắt nghĩa cho ngài xem về ý nghĩa của tôi một cách rõ ràng hơn. Đối với tôi, có vẻ nếu trường hợp như thế mà có được, thì nó cũng không thuộc về cá nhân của tôi, cũng chẳng thuộc về cá nhân ngài, mà là một cái gì đó không thuộc về tôi, cũng chẳng thuộc về ngài, thì lại có thể thuộc về cả hai chúng ta, và thuộc về cả hai người lại được kể như cùng với nhau: và mặt khác, cũng có vài trường hợp đã xảy ra trong thực tế, không thuộc về cả hai cùng với nhau, mà lại thuộc về một trong cả hai trong tính cách riêng rẽ nhau, và thuộc từng người một.

Hip. Ngài đã nói với tôi về những điều quá mắc mỏ và còn lớn lao hơn thế, nhưng theo tôi nghĩ, thì giờ đây, Socrates, khác hơn là những gì ngài đã nói với tôi chỉ mới vừa đây thôi. Bởi vì hãy thử xem: nếu cả hai chúng ta cùng thành thật, thì mỗi người trong chúng ta có thành thật không? hay giả thử là mỗi người trong ta là không thành thật, thế thì cả hai cũng không phải là như thế chứ? Nếu cả hai chúng ta đều khỏe mạnh, thì mỗi người chúng ta lại cũng chẳng phải như thế sao? Hay giả dụ mỗi người chúng ta đều mệt mỏi về một việc nào đó, hay lại trở nên yếu đuối đi do một việc đánh nhau nào đó giữa hai chúng ta, hay là đều ngờ nghệch và lúng túng, hay là đều đang bị bối rối như thế nào đó, thế thì không phải cả hai chúng ta đều cùng trong một tình huống như thế đó chăng? Hay cần nói thêm: trong trường hợp như chúng ta đã có, cả hai chúng ta, những hình ảnh về chính chúng ta đều được làm bằng vàng, hay bạc, hay ngà voi; hay rằng cả hai chúng ta, nếu ngài cứ để cho tôi nói điều đó, là cao thượng, hay là khôn ngoan, hay là vinh dự; thì cả hai chúng ta có khi nào hoặc già hay trẻ; hay là có phẩm chất con người nào đó khác; hay là trong một điều kiện nào đó bất kỳ thuộc về đời sống con người; phải chăng một trong hai chúng ta vì phải do một sự cần thiết tuyệt đối, đều chỉ cùng một loại người, và đều cùng như nhau chỉ trong những trường hợp như thế?

Soc. Hoàn toàn phải như thế rồi.

Hip. Nhưng mà, Socrates, ngài cùng với những người bạn bè của ngài đã không xem xét đến các sự vật trong một cách phổ quát, hay trong toàn thể của chúng. Vì vậy nên ngài đã lấy cái đẹp và chẻ nó ra thành nhiều mảnh; và mọi sự vật trong tự nhiên, như những chủ đề thảo luận của chúng ta, ngài cũng dùng tới trong cùng một cách, là chẻ nhỏ và phân chia nó ra. Thế nên ngài không quen với chính sự lớn lao của các sự vật, với những vật thể có độ lớn vô hạn, vẫn thông qua sự liên tục tự nhiên của tồn tại. Và giờ đây quả nhiên là như thế đó, ngài là một kẻ xa lạ đối với sự rộng lớn của các sự vật, theo quan điểm này về vũ trụ, vì như ta có thể tưởng tượng, bất cứ vật nào, cho dù bởi nó hay do hoàn cảnh chung quanh, đều có thể thuộc về cả hai sự thích thú mà chúng ta đang nói đến đó, được xem xét cùng nhau, ngay cả cho dù cũng chẳng thuộc về một trong chúng; hay là mặt khác, có thể thuộc về mỗi một cái đó, mà không thuộc về cả hai. Vậy nên chỉ có tư tưởng và sự xem xét quá thô thiển như thế, cùng với tinh thần hạn hẹp, mà điều đó là do chính ngài và các bạn bè của mình.

Soc. Đó cũng chính là do các điều kiện của chúng ta, Hippias. Đó không phải là

một điều mà một người đàn ông muốn, như ngạn ngữ đã có nói, nhưng là điều gì anh ta có thể làm. Tuy nhiên, các ông luôn luôn tử tế trong việc giúp đỡ chúng tôi về sự hiểu biết của các ông; bởi vì, như ngay bay giờ đây, trước khi ngài dạy cho tôi điều gì tốt hơn, thì tôi vốn chỉ nghĩ đơn giản và chỉ nghĩ với một đầu óc thô thiển, là tôi sẽ lại cho ngài một bằng chứng giản đơn hơn, bằng cách nói với ngài về sự suy nghĩ của tôi trên chủ đề hiện tại là như thế nào - nếu ngài vui lòng để cho tôi được nói ra.

Hip. Ngài đã đem chúng nói cho những người nào khác biết rồi chăng, Socrates à. Bởi vì tôi đã quá quen thuộc với nhiều cách suy nghĩ khác nhau, và cũng đã biết được các tinh thần của những ai muốn triết lý. Chẳng những thế, nếu như ngài vẫn cảm thấy thích thú, thì ngài có thể nói cho tôi nghe.

Soc. Về phần tôi, tôi thú nhận rằng đúng là như thế đấy. Ngài phải biết rằng giờ đây, ông bạn ơi, là tôi là sắp điên lên được, cho tới khi tôi được nhận từ ngài các thông tin nào đó tốt hơn, như tôi đã tưởng tượng về chính tôi và ngài, rằng mỗi chúng ta đều là một con người; và rằng chính điều này như thế, mà cả hai chúng ta thì lại không phải thế, bởi vì đó không phải một người mà là hai người. - Quả thật tôi ngô nghê quá! - Nhưng từ chính ngài mà tôi đã học được, là nếu cả hai chúng ta là hai con người, thì mỗi trong chúng ta cũng thiết yếu là hai; và rằng, nếu mỗi trong chúng ta chỉ là một, thì cũng từ cùng sự thiết yếu đó, cả hai chúng ta cũng không còn là như thế nữa. Bởi vì, chính lý do sự liên tục trong thực tại là phù hợp theo với Hippias, và không thể nào lại khác đi được; mỗi một chúng ta vẫn thiết yếu là một cái gì đó mà cả hai chúng ta vẫn là như thế, và cả hai chúng ta vẫn là cái gì đó mà chính mỗi một người là như thế. Và thế là, tôi được thuyết phục do ngài để tin tưởng rằng những sự việc này, ở đây tôi đành ngồi xuống và chỉ còn có nước là phải đồng ý. Nhưng trước hết, hãy cho tôi biết, Hippias, hoặc là chúng chỉ là một người, tức ngài và tôi cùng với nhau; hay hoặc ngài là hai người, và tôi cũng là hai người.

Hip. Ý ông muốn nói thế nào, Socrates?

Soc. Tôi chỉ nói ra điều gì mình muốn nói mà thôi. Bởi vì tôi sợ phải tiếp tục cùng với ngài đi vào trong một cuộc tranh cãi về chủ đề đó nữa, bởi vì ngài vẫn rơi vào trong một sự đam mê đối với tôi, bất cứ khi nào ngài nói điều gì đó mà ngài cho là quan trọng. Tuy vậy, chúng ta cứ hãy phiêu lưu thêm một lần nữa xem sao; nào, hãy nói cho tôi - có phải chăng mỗi một trong chúng ta chỉ là một người không? và có phải chăng đó chẳng phải là một điều kiện để chúng ta cùng thuộc về sự hiện hữu của chúng ta?

Hip. Dĩ nhiên thôi.

Soc. Thế thì nếu mỗi một trong chúng ta là một người, thì mỗi một người trong chúng ta cũng là số lẻ. Hay là ngài suy nghĩ số một chẳng phải là một con số lẻ?

Hip. Tôi cho là đúng như thế.

Soc. Vậy thì cả hai kể chung lại với nhau, lại chẳng phải chúng ta là hai sao?

Hip. Điều đó vô lý, Socrates à.

Soc. Nhưng cả hai kể cùng với nhau, chúng ta là chẵn. Có phải thế không nào?

Hip. Hẳn là thế.

Soc. Vậy thì bởi vì cả hai chúng ta kể cùng với nhau là chẵn, thì có phải từ đó mà mỗi một người trong chúng ta kể riêng cũng là chẵn?

Hip. Chẳng phải thế được.

Soc. Tuy thế, vẫn không có một sự cần thiết như thế, như ngài vừa nói là có, rằng bất cứ điều gì cả hai chúng ta là như thế, thì mỗi một người chúng ta cũng sẽ là cùng như thế đó; và rồi bất cứ cái gì mà mỗi một người chúng ta là như thế, thì cả hai chúng ta cũng cùng là như thế đó.

Hip. Chẳng phải là trong từng trường hợp đó đâu, theo tôi biết; nhưng cứ cho

đúng là thật nữa đi, giống như trong những gì mà tôi đã liệt kê ra trước kia.

Soc. Điều đó đủ rồi, Hippias, tôi bằng lòng với sự nhận thức này, rằng điều đó có vẻ như là thế trong một số trường hợp, nhưng ở trong những trường hợp khác, thì lại khác. Bởi vì nếu ngài nhớ lại ngay từ khi có cuộc tranh cãi mới bắt đầu, tôi đã nói rằng, những sự thích thú về việc thấy và nghe, là không thể có được cái đẹp của chúng từ một hoàn cảnh nào đó, mà đó là thuộc về mỗi cái, nhưng cũng chẳng phải trên cả hai; cũng chẳng phải từ bất cứ cái gì thuộc về cả hai, cũng như không thuộc về mỗi một cái: bởi vì rằng cái đẹp của chúng đã đến từ một cái gì đó thuộc về cả hai của chúng khi được kể chung, và đặc biệt cho riêng từng cái. Và điều này tôi đã nói, bởi vì ngài đã thừa nhận là vẻ đẹp của cả hai chúng kể cùng nhau, và của từng cái riêng lẻ. Từ đó mà tôi rút ra được kết luận là chúng chính là nhờ ở cái đẹp của chúng, đối với cái gì đó, mà sự hiện diện của nó, hay còn đi theo và thuộc về của cả hai; và không phải chính vì thế mà không phải kể riêng cho từng cái. Và tôi vẫn cứ tiếp tục suy nghĩ như vậy. Nhưng hãy trả lời cho tôi, như thể bây giờ đây chúng ta đang bắt đầu việc tìm hiểu câu hỏi cuối cùng mới nhất này. Sự thích thú qua việc thấy và sự thích thú qua việc nghe, thế thì cứ cho là đẹp, cả hai chúng và từng cái; vậy hãy nói cho tôi, đó có phải nguyên nhân của cái đẹp mà chúng đi theo và thuộc về cả hai của chúng, gắn cùng với nhau, và trên mỗi cái cũng được xem xét riêng biệt?

Hip. Hẳn là thế.

Soc. Thế thì đó có phải là nguyên nhân khiến cho chúng được thích thú, tức cả hai và mỗi cái trong chúng đều là đẹp? Hay, nếu điều này là nguyên nhân, thì chẳng phải những sự thích thú của giác quan khác cũng là đẹp, và cũng giống như những cái này? Bởi vì có vẻ như chúng đều là những sự thích thú, cũng y như những điều này: - nếu ngài nhớ lại.

Hip. Tôi đã nhớ nó ra rồi.

Soc. Nhưng bởi vì những sự thích thú này được xuất hiện ra trong chúng ta thông qua cái nhìn và nghe, và điều này chúng ta đã xem như là nguyên nhân của sự đẹp của nó.

Hip. Rõ ràng là như thế đó.

Soc. Vậy hãy xem, có phải chính tôi có lý hay không: bởi vì giống như tôi có thể nhớ, chung ta đã đồng ý điều thích thú là cái đẹp; không phải chỉ là sự thích thú nói chung, nhưng là những loại được tạo ra thông qua việc thấy và nghe.

Hip. Đúng thế.

Soc. Vậy chẳng phải là trường hợp này cũng thuộc về cả hai sự thích thú này khi chúng được gộp lại cùng với nhau? Và chẳng phải chúng không thuộc riêng từng cái trong chúng? Bởi vì, dù thế nào thì mỗi một trong chúng, nếu kể riêng, như đã được nói trước đây, đều được sản sinh ra thông qua cả hai giác quan này. Nên cả hai của chúng, thật sự là được thông qua cả hai, nên vẫn không phải là một. Có đúng thế không?

Hip. Chính thế.

Soc. Tuy thế chúng là không đẹp kể riêng từng cái trong chúng, trong một điều kiện nào đó chỉ thuộc về một cái mà thôi. Bởi vì chúng ta không thể lý luận từ một cái cho đến cả hai; cũng không phải từ từng cái một rời rạc nhau, để từ đó suy ra cái gì đó cả hai cùng nối với nhau. Thế thì chúng ta có thể xác nhận cái đẹp là sự nối kết của cả hai sự thích thú này, phù hợp với giả thiết hiện tại của chúng ta về cái đẹp; nhưng chính giả thiết này lại sẽ không hỗ trợ cho chúng ta trong việc xác nhận bất cứ vẻ đẹp nào bị tách rời ra trong từng cái. Hay là chúng ta phải nói thế nào? Chẳng phải cũng không có một sự cần thiết nào như thế chăng?

Hip. Có vẻ là như thế.

Soc. Thế thì chúng ta nói cả hai là đẹp, mà lại phủ nhận mỗi cái cũng là thế?

Hip. Sự trái ngược lại là bởi đâu?

Soc. Về lý do này, bạn ơi, như nó là có vẻ đối với tôi: bởi vì chúng ta đã giả thiết có một vài trường hợp thuộc về các sự vật là với điều kiện này, tức nếu chúng thuộc về bất cứ cả hai sự vật nào, thì cả hai đều cùng chung nhau, cũng thuộc về mỗi cái đó; và nếu loại dạng này là thuộc tất cả những trường hợp như thế, cũng như thuộc về các sự vật như đã được chính ngài liệt kê ra. Chẳng phải thế sao?

Hip. Đúng là vậy.

Soc. Nhưng những trường hợp như vậy, hay cũng là điều kiện của sự tồn tại, giống như những cái gì tôi đã thuật lại, thì lại là khác; và nếu loại này vừa là mỗi cái, mà cũng là cả hai. Có phải tôi đã xác định đúng không nào?

Hip. Có lý đó.

Soc. Vậy thì trong loại nào, Hippias, mà ngài xếp vào cái đẹp? Ngài có xếp nó vào trong những cái gì đó mà chính anh đã lưu ý ra? Như thế khi ngài suy đoán nếu tôi là tốt và cởi mở, và ngài cũng tốt và cởi mở, thế thì cả hai chúng ta cũng đều là tốt và cởi mở: vậy thì nếu cả hai chúng ta là như thế, thì cũng có nghĩa là mỗi một chúng ta cũng là như thế. Có phải thuộc cùng một loại như thế, để suy đoán là đúng cho mỗi trường hợp này? Nếu tôi là đẹp, và ngài cũng là đẹp, thế thì cả hai chúng ta đều là đẹp; và nếu cả hai chúng ta là như thế, thì mỗi chúng ta cũng là thế. Hay chẳng có lý do gì để tại sao ở đây không thể nói về các con số? Nếu cả hai của chúng, gộp lại cùng với nhau, có thể là chẵn; hay cũng là như thế nếu là trong độ lớn; là cả hai trong chúng, cho dù có một cái là không đồng đẳng với cái thứ ba nào đó, thì khi cả hai cái đó được gộp lại cùng với nhau, cũng không đồng đẳng với nó, tức có lẽ là không đồng dẳng. Một ngàn sự vật khác như thế, nếu có, mà nếu tôi nhận thấy được, như tôi đã nói, là với sự rõ ràng nhất. Thế nên, với bất cứ cái nào trong những cái đó, thì cả hai loại đó mà ngài đã quy cho cái đẹp? Có phải loại nào đúng của nó có vẻ như cũng hiển nhiên đối với ngài, cũng như là đối với tôi? Vì đối với tôi thì điều đó dường như rất là vô lý, để mà giả thiết rằng cả hai chúng ta là đẹp, thế mà từng chúng ta lại không là thế; hay mỗi trong chúng ta là đẹp, nhưng cả hai lại là không; cũng chẳng phải kém phi lý hơn, khi giả sử rằng với cùng một loại vẫn có sự khác nhau giữa những bản chất của cả hai, và trong mỗi cái, trong bất cứ trường hợp nào do ngài đặt ra. Ngài có đồng ý với tôi rằng trong việc xếp loại cái đẹp giữa chúng với nhau, hay là ngài gắn nó vào với chính lớp đối nghịch lại của các sự vật?

Hip. Tôi hoàn toàn đồng ý với ngài, Socrates.

Soc. Ngài hay lắm, Hippias: bởi vì như vậy chúng ta sẽ thoát được ra khỏi bất kỳ sự tìm kiếm nào về khoản này. Bởi vì, nếu cái đẹp nằm trong loại sự vật chúng ta đồng ý đặt nó vào đó, thì như vậy sự thích thú phát sinh trong chúng ta do thông qua việc thấy và nghe, không thể còn giả thiết là cái đẹp nữa. Bởi vì cái gì đến qua cả hai giác quan này đều liên kết với nhau, cùng có thể làm cho những sự thích thú được cùng xảy ra và từ đó là đẹp, và thật vậy cả hai đều cùng kết hợp với nhau; nhưng nó sẽ không làm cho mỗi cái của chung như thế, khi ta xem xét tách rời từng cái với nhau. Nhưng cái đẹp vẫn có thể có một hiệu quả như thế, hay là cộng với thông nó trong tính cách như thế, và thật là vô lý để giả định như vậy; như ngài và tôi đã đồng ý, Hippias à.

Hip. Chúng ta tất phải đồng ý như vậy thôi.

Soc. Tuy thế, không thể nào cho là sự thú vị xảy ra trong chúng ta thông qua việc thấy và nghe phải là cái đẹp; bởi vì từ giả thiết này, cũng sẽ kéo theo một sự vô lý.

Hip. Ngài có lý về mặt này đấy.

Soc. "Hãy bắt đầu lại nhé, hãy nói cho tôi rõ", ông ta sẽ bảo "bởi vì giờ đây ngài đã để cho mất nó, tức cái đẹp đó cái gì là, là cái kết hợp cả hai điều thú vị đó, hay chỉ vì nó mà ngài đã cho chúng được sự ưu tiên hơn so với mọi cái khác, và bằng sự vinh hạnh hóa chúng với cái tên là đẹp?" Đối với tôi có vẻ như, Hippias à, sự cần thiết đối với chúng ta là phải trả lời như vậy; là "những điều này của mọi thích thú đó, là sự hồn nhiên nhất và điều tốt nhất, cũng như kể cả hai của chúng kết hợp cùng với nhau, cũng giống như mỗi cái được xem riêng biệt". Hay là bạn có thể nói với tôi về bất cứ một trường hợp nào khác, mà ở trong đó chúng khác với những sự thích thú khác?

Hip. Tôi thì không biết có cái nào khác không: chính bởi thế mà chúng là cái tốt nhất trong tất cả.

Soc. "Thế này nhé", ông ta sẽ bảo: "cái khả ích, như anh biết, là cái nó chính là nguyên nhân của điều tốt. Và cái nguyên nhân, như chúng ta sẽ đồng ý sau này, là một sự vật khác với hậu quả. Lý luận của chúng ta, do vậy mà cũng đã đưa chúng ta đi xoay quanh một điểm cũ: bởi vì như vậy, cũng chẳng phải chính cái tốt là cái đẹp, mà cũng chẳng phải chính cái đẹp là cái tốt; mỗi một trong hai cái đều ở trên sự giả định này, là khác biệt với cái kia". "Hầu như là hiển nhiên vậy", là câu trả lời mà chúng ta cần phải có, Hippias à, nếu chúng ta còn có tinh thần minh mẫn. Bởi vì sự thiêng liêng của chân lý sẽ không bao giờ chịu đựng được việc chúng ta chống lại con người mà sự thật là nằm về phía anh ta.

Hip. Nhưng nào, Socrates, điều gì khiến ngài nghĩ về tất cả những điều này, là cái mà chúng ta đã thảo luận đến giờ? Chúng là những sự manh mún của một cách lý luận, bị cắt xén và xé rách, như tôi đã nói trước đây, thành hàng ngàn mảnh. Nhưng cái gì đó là đẹp, cũng như có giá trị cao, là điều này: có thể được trình bày ra trong một bài nói tinh tế, theo một tính cách thích đáng và hay ho nào đó, trước một hội đồng, hay là tòa án công lý, hay là một hội nghị nào đó khác, hay là cho người có thẩm quyền, mà bài nói được hướng tới họ: bài nói như thế tất nhiên là có sức thuyết phục; và để kết thúc hay để bắt đầu, không phải bằng những cái cúp chiến thắng vô nghĩa, nhưng là với phần thưởng của sự quý phái, được dành cho chính chúng ta, như sự giàu có của chúng ta, và bạn bè của chúng ta. Điều này có thể được ngài mong ước, và cũng là sự từ bỏ đối với những sự thảo luận vụn vặt cùng tủn mủn như vậy; hay như ngài có vẻ đã bỏ mất hoàn toàn các cảm quan của mình, để chỉ đang chơi với rơm rạ, và trong sự tầm phào như điều mà hiện tại ngài đang làm.

Soc. Ôi ông bạn Hippias! Ngài thật đang sung sướng vì ngài biết rõ sự diễn tiến của đời sống như thế nào là tốt nhất đối với người đàn ông để ngài đi theo, và khi đã đi theo nó, thì cũng phù hợp với chính điều mong mỏi của ngài, để cho ngài được thành công như ý muốn. Nhưng tôi lại dường như đã phải nằm dưới quyền lực của một bản chất quỷ quái, nó vẫn làm cho tôi cứ phải tiếp tục đi lang thang để tìm kiếm sự thật, song vẫn còn hay bị lạc nẻo ở một nơi nào đó khi đang tìm nó. Và bất cứ khi nào tôi đặt những sự khó khăn của tôi và những do dự của tôi trước chính ngài, con người khôn ngoan, thì tôi vẫn chẳng có được một câu trả lời nào cả đến từ ngài, hơn là sự chế bai và quở trách. Bởi vì ngài chỉ luôn luôn nói cho tôi biết chỉ có cùng một điều như ngài vẫn đang nói cùng với tôi hiện giờ, "Rằng tôi chỉ bận rộn với những vấn đề nhỏ nhặt, tầm thường, nhàm chán và vô nghĩa". Mặt khác, khi đã có sự tin cậy nào đó vào điều gì ngài đã nói với tôi, thì tôi thấy như ngài đã làm. "Rằng có thể trình bày được một bài nói hay ho trong một tòa án công lý, hay một hội nghị nào

đó và xuyên suốt nó trong một cung cách thích hợp và hay ho, là điều mang ý nghĩa nhất trong cuộc đời; và không có sự sử dụng nào đẹp như thế, hay là tốt như thế, để trở thành một con người đàn ông"; rồi tôi cũng gặp được với sự kiểm soát, và sự lăng mạ từ một kẻ nào đó có mặt tại đây, ngay hiện giờ, nhưng đặc biệt là từ người đàn ông đó, là người luôn luôn quở trách tôi. Bởi vì anh ta là người thân cận nhất với tôi, và sống với tôi trong cùng mái nhà. Như thế, bất cứ khi nào tôi về nhà, và đi vào trong nhà, thì lập tức anh ta nghe tôi nói trong chính kiểu cách này, và anh ta sẽ hỏi tôi là tôi không có xấu hổ sao mà cứ nói như thế, với sự tin tưởng như vậy, về điều gì mà những nghề nghiệp và những việc sử dụng cho là tinh tế, hay là đẹp? Thế là trong tình trạng này của tinh thần của ngài, có thể rằng ngài luôn nghĩ cuộc sống vẫn có ý nghĩa hơn là cái chết?"Vậy là tôi đã không có được sự may mắn, như tôi đã nói với ngài, để chịu đựng sự mạ lị và sự quở trách đến từ ngài, và cũng phải chịu đựng sự mạ lị và sự quở trách đến từ anh ta. Nhưng có lẽ tôi lại phải chịu đựng về tất cả điều này. Nếu tôi đã nhận được lợi lộc hay sự cải thiện từ điều này, thì thật cũng chẳng có sự tai hại nào. Và cũng dường như chính tôi, Hippias à, được cải thiện và được có lợi từ cuộc nói chuyện với ngài về cả hai. Bởi vì chính ý nghĩa của câu tục ngữ "Những sự vật nào đẹp là những sự vật khó khăn" mà tôi biết, nếu tôi không bị nhầm lẫn trong chính tôi.

16

Tiến trình tư duy khoa học *

JOHN DEWEY

(1859 - 1952)

Những minh họa về sự hoạt động phản tỉnh

Các yêu cầu về thực tiễn liên quan tới những điều kiện hiện có, về mặt tự nhiên cũng như xã hội, gợi lên và hướng dẫn tư tưởng. Chúng ta bắt đầu [từ trong những minh họa sau đây được lấy từ những bài viết của sinh viên] với một nội dung thuộc loại đó... Sự tò mò là một khuynh hướng mạnh mẽ có từ bên trong, và vì thế ví dụ thứ hai của chúng ta, được rút ra từ lĩnh vực đó. Cuối cùng, một tinh thần sẵn sàng thực hành theo các chủ đề khoa học sẽ phải có một sự tìm tòi phát xuất từ những vấn đề của trí tuệ, và ví dụ thứ ba của chúng ta thuộc về dạng này.

Một trường hợp về sự thận trọng mang tính thực tiễn. Có một ngày nọ, khi tôi đang đi xuống dưới phố trên đường số 16, thì một chiếc đồng hồ bắt vào mắt tôi. Tôi nhìn thấy hai cây kim chỉ đúng 12 giờ 20. Điều này gợi ra là tôi sẽ đi vào phố số 124 vào chính lúc một giờ. Tôi lý luận rằng tôi đã phải mất một giờ để đi bằng xe hơi tới đó, và có lẽ tôi đã trễ hai mươi phút nếu tôi phải quay lại đó cùng một cách. Tôi có lẽ sẽ tiết kiệm được hai mươi phút nếu đi bằng tàu điện ngầm tốc hành. Nhưng liệu có một ga tàu điện nào ở gần đây không? Nếu không, tôi sẽ có thể mất hơn hai mươi phút để tìm ra nó. Thế là tôi liền nghĩ về con đường sắt trên cao, và tôi nhìn thấy có một con đường như thế trong khoảng cách chừng hai khu nhà. Nhưng cái ga hiện nằm ở đâu? Nếu có một số khu nhà phía ở trên hay ở phía dưới con đường phố ma tôi đang có mặt, thì tôi chỉ sẽ mất thời giờ thay vì tìm được nó. Trí óc của tôi lại quay trở về với tàu điện ngầm tốc hành, vì nó chạy nhanh hơn so với đường ray trên không; hơn thế, tôi nhớ là đi tới nó gần hơn là đi tới đường

* Trích từ Chương 6, 7 và 11 của *Chúng ta tư duy như thế nào* tái bản có sửa chữa (1933). Theo sự cho phép của tác giả và nhà xuất bản, D.C. Heath and Co.

ray trên không trong khu vực của đường phố số 124 mà tôi đang muốn tới, cũng để nhằm tiết kiệm được thời giờ hơn vào cuối cuộc hành trình. Tôi kết luận phải nghiên về tàu điện ngầm hơn, và tôi đã tới được đích của mình đúng trong một tiếng đồng hồ.

Một trường hợp về sự suy ngẫm qua một sự quan sát. Chìa nhô ra gần như nằm ngang, từ sàn trên của chiếc phà mà trên đó thường ngày tôi vẫn đi qua sông, là một cây trụ dài màu trắng, có mang một quả banh mạ vàng ở ngay nơi đầu của nó. Nó gợi ý cho tôi về một cây cột cờ khi tôi thấy nó lần đầu tiên: màu sắc của nó, hình dáng của nó, và qua cầu dát vàng, đều phù hợp với ý tưởng này, và những lý lẽ này cũng dường như được chính xác hóa đối với tôi trong niềm tin này. Nhưng chẳng bao lâu sau đó lại có những khó khăn hiện ra. Cái cây sào thì gần như nằm ngang, ở một vị trí không bình thường so với một cây trụ cờ; rồi kế đó, nó không có ròng rọc, khoen, và dây nhợ gì để từ đó mà người ta treo lá cờ lên; cuối cùng, lại còn phải có ca hai cây cọc đứng nữa, để từ đó mà lá cờ có khi bay phất phới. Nó dường như có vẻ cái cột cũng không ở đó để cho lá cờ có thể tung bay.

Rồi tôi thử tưởng tượng về mọi mục đích có thể có của một cây cột như thế, và xem xét thử trong số tất cả những điều này thì điều gì đó là phù hợp nhất: (a) Có thể đó là một vật để trang trí. Nhưng bởi vì tất cả mọi chiếc phà và ngay cả những chiếc tàu thuyền nhỏ đều có mang một cây sào, nên giả thiết này liền bị loại bỏ. (b) Có thể đó là phần cuối của một cái cột vô tuyến điện báo. Nhưng cùng với những sự xem xét này, cũng lại làm cho điều này không thể khả dĩ được. Ngoài ra, một vị trí tự nhiên hơn cho một phần cuối như vậy, cũng có thể là phần cao nhất của con thuyền, phải nằm trên đỉnh của buồng hoa tiêu. (c) Mục đích của nó, chính là nhằm chỉ ra phương hướng để con tàu đi chuyển.

Nhằm để hỗ trợ cho kết luận này, tôi khám phá ra cây sào là thấp hơn buồng hoa tiêu, cốt để cho người lái tàu có thể dễ dàng nhìn thấy nó. Hơn thế, cái ngọn đã đủ cao hơn cái sàn, để cho từ vị trí của người hoa tiêu, nó phải có vẻ như được ném ra xa trước mũi tàu. Hơn thế nữa, người hoa tiêu ở gần trước mũi tàu, anh ta có thể cũng cần tới một vài sự chỉ dẫn để định hướng cho nó. Những con tàu thuyền nhỏ cũng có thể cần tới những cái sào đó cho một mục đích như vậy. Giả thiết này như vậy rất có thể được chấp nhận hơn những cái khác nên tôi cần chấp nhận nó. Tôi rút ra kết luận là cái cột đó được dựng lên, để nhằm mục đích chỉ cho người hoa tiêu phương hướng mà con tàu đi tới, để giúp cho anh ta lái tàu được đúng.

Một trường hợp phản ánh sự trải nghiệm tham dự. Trong khi rửa những cái cốc bằng nước xà phòng nóng, và để chúng úp xuống trên một cái khay, tôi chú ý thấy những bọt khí hiện ra ở bên ngoài của các miệng ly, và rồi chúng lại đi vào bên trong. Tại sao thế? Sự hiện diện của các bọt khí đó gợi lên cho tôi rằng không khí mà tôi chú ý đó đang đi vào bên trong của cái cốc. Tôi thấy rõ nước xà phòng trên cái khay đã căn cản sự thoát ra của không khí, khiến cho nó như thể bị nhốt vào trong các bong bóng đó. Nhưng tại sao không khí lại rời đi khỏi cái cốc? Chẳng có một chất nào đi vào để bắt buộc nó phải đi ra cả. Nó hẳn phải nở ra. Nó nở ra là bởi sự gia tăng của sức nóng và bởi sự gia tăng của áp suất, hay bởi cả hai. Có thể nào không khí đã trở nên nóng hơn, sau khi cái cốc đã được lấy ra khỏi nước xà phòng nóng? Rõ ràng là không phải không khí đã bị nhốt vào trong nước. Nếu không khí đã bị hâm nóng lên là nguyên nhân, thì không khí lạnh đã phải đã đi vào trong sự biến đổi của những chiếc cốc từ nước xà phòng đến cái khay. Tôi thử tìm cách xem có phải có phai là giả thiết này đúng hay không, bằng cách lấy một số chiếc ly nữa ra. Một số cái tôi lắc nó, nhằm để đẻ cho

chắc chắc là chúng có giữ không khí lạnh trong chúng. Một số cái tôi lấy ra, vẫn giữ cái miệng chúng úp xuống, để nhằm ngăn cản không khí lạnh không thoát ra được. Những bọt khí hiện ra bên ngoài của mỗi một cái ly của nhóm trước, và chẳng có cái nào của nhóm sau cả. Tôi đã đúng trong sự suy đoán của mình. Không khí từ bên ngoài phải nở ra, là bởi hơi nóng của cái cốc, nó làm nở phía ngoài đối với những bọt khí ở phía bên ngoài.

Nhưng rồi tại sao chúng lại chui vào bên trong? Vì không khí lạnh co lại. Cái ly bị lạnh lại, và cũng thế đối với không khí ở bên trong nó. Sự căn thẳng đã bị loại đi, và thế là những bọt khí đã hiện ra ở bên trong. Khi đã chắc chắn về điều này, tôi thư đặt một cái nắp bằng nước đá lên trên cái ly, trong khi những bọt khí vẫn còn đang được tạo ra ở bên trong. Chẳng mấy chốc mà chúng đi ngược lại.

Ba trường hợp này tạo nên một chuỗi. Cả ba trường hợp này đã được lựa chọn có mục đích, nhằm để tạo nên một chuỗi từ yếu tố đơn giản hơn, để trở thành những trường hợp phức tạp hơn của sự suy nghĩ. Cái thứ nhất minh họa loại tư tương được cho ra bởi mọi người trong công việc hàng ngày, trong đó không có dữ kiện nào, cũng chẳng có những cách tiếp cận nào đối với chúng được đặt nằm ngoài những giới hạn của mọi kinh nghiệm hàng ngày. Cái cuối cùng thì cung cấp một trường hợp ở trong đó không có vấn đề nào, cũng chẳng có cách giải quyết nào có thể có bị trừ ra, đối với trường hợp của sự đào tạo khoa học tiên quyết nào đó. Trường hợp thứ hai tạo nên một sự chuyển tiếp tự nhiên; chất liệu của nó là thật sự nằm bên trong những giới hạn của đời sống hàng ngày, không cần thí nghiệm nào đặc biệt cả; nhưng vấn đề, thay vì là trực tiếp bao gồm trong công việc của người đó, lại nổi lên gián tiếp trong tương quan với điều gì mà anh ta hiện đang làm, và gợi ra được một lợi ích lý thuyết và vô tư nào đó.

Trong chương kế tiếp, chúng ta sẽ cho một nội dung phân tích về điều gì mà cả ba trường hợp được trình bày chung nhau. Trong điều gì trực tiếp đi theo sau đó, chúng ta trước hết sẽ tiếp tục làm thế nào để tất cả chúng đều minh họa ra được bản chất của sự vận hành đó, của sự suy diễn như chính là tâm điểm của mọi hoạt động thông minh, và cái thứ hai, nhằm làm thế nào để mục đích và sản phẩm của tư duy trong mọi trường hợp phải là sự biến đổi một điều *nghi ngờ* và một tình trạng đang do dự được trở thành một tình trạng *ổn định* hay chắc chắn.

Suy diễn ra cái chưa biết

Không có tư tưởng nếu không có suy diễn. Trong mọi trường hợp của hoạt động tư duy, một cá nhân tìm thấy anh ta đang chạm trán với một tình trạng có sẵn, hiện đang có đó, mà từ đó anh ta phải tới giải quyết, hay phải rút ra kết luận về một điều gì đó khác mà hiện thời nó còn chưa có. Tiến trình để đi tới một ý tưởng của điều gì đó còn vắng mặt, trên cơ sở của điều gì đang là trong tầm tay, gọi là sự suy đoán; là cái gì đó mà trong hiện tại đang *mang* hay *chịu* để cho tinh thần vượt tới ý tưởng đó, và sau rốt là sự chấp một cái gì đó khác. Từ sự xem xét những sự kiện đã được thiết định về vị trí và thời gian của việc hàng ngày, trong trường hợp thứ nhất được kể ra, người đó đã làm một sự suy đoán như là chính con đường tốt nhất để đi, nhằm có được một sự đồng ý, mà nó là một tương lai, và trước tiên như một sự kiện không chắc chắn. Từ những sự kiện đã được quan sát và nhớ lại, con người thứ hai lại suy đoán về tính có thể sử dụng được của một cây sào dài. Từ sự hiện diện trong một vài điều kiện của những bọt khí, và từ một

sự hiểu biết của những sự kiện và những nguyên tắc vật lý đã được thiết lập nên một cách chắc chắn, con người thứ ba suy đoán cho sự giải thích hay là nguyên nhân của một hiện tượng đặc thù, mà trước đó chưa biết; tức là, vận động của nước trong dạng những bong bóng từ bên ngoài đi vào bên trong của một cái cốc.

Sự suy đoán bao gồm một bước nhảy. Mọi sự suy đoán, vì nó vượt quá những sự kiện chắc chắn và điều gì đã biết đã được cho thấy bởi sự quan sát hay bởi sự nhớ lại của sự hiểu biết có trước đó, bao gồm *một bước nhảy từ cái đã biết đến cái chưa biết*. Nó bao gồm một bước nhảy vượt qua cái gì đó đã được cho và đã được thiết lập rồi... sự suy đoán xảy ra thông qua, hay là xuyên qua sự gợi ý, mà chính nó được kích lên bởi cái gì đó đã được nhìn thấy và được nhớ lại. Vậy nên sự gợi ý là rơi vào trong tinh thần, nên chính *sự gợi ý nào xảy ra*, thì nó trước hết phụ thuộc vào kinh nghiệm của người đó. Điều này tới phiên nó, lại phụ thuộc vào tình trạng chung về văn hóa của thời đại đó; sự gợi ý chẳng hạn, như đã vừa xảy ra, giờ đây lại không thể nảy lên được trong tinh thần của một kẻ hoang dã. Thứ hai, sự gợi ý phụ là thuộc về chính những những điều chọn lựa tiên quyết, những ham muốn, những lợi ích, hay ngay cả tình trạng đam mê của người đó ngay vào lúc đó. Việc không thể tránh được của sự gợi ý, là sức mạnh linh hoạt, mà đối với nó là nhay trước tinh thần, khuynh hướng tự nhiên để chấp nhận nó, nếu thấy nó là có thể có ích lợi, hay không hiển nhiên mâu thuẫn với các sự kiện, vẫn chỉ ra sự cần thiết của việc kiểm soát sự gợi ý mà nó được dùng làm cơ sở cho một sự suy đoán cần phải được tin tưởng.

Chứng minh bằng sự trắc nghiệm. Sự kiểm soát này của suy đoán đi trước, và nhân danh niềm tin, tạo nên *bằng chứng*. Chứng minh một sự việc có nghĩa là trước tiên *trắc nghiệm* nó. Người khách được đề nghị tới dự tiệc cưới đã phải xin lỗi bởi vì anh ta đã phải *chứng minh* cho những con bò dực của anh ta. Những ngoại lệ đã được nói tới để chứng minh một quy tắc; *tức là*, nó cung cấp những trường hợp cực kỳ, đến nỗi họ cố gắng trong một cách nghiêm túc nhất tính khả thi của nó; nếu nguyên tắc sẽ được đưa ra nhằm cho một thử nghiệm như thế, không có lý do tốt nào cho việc nghi ngờ nó nữa. Cũng không phải cho tới khi một sự vật đã được thư, - "thử xem" trong cách nói thông thường - để chúng ta biết giá trị thật của nó ra sao. Cho tới khi đó nó có thể chỉ là sự dự đoán, hay một sự lừa dối. Nhưng sự vật mà nó có vẻ đã chiến thắng, trong sự trắc nghiệm hay thử nghiệm về sức mạnh có mang sự ủy thác của nó đối với nó; nó đã được thừa nhận, bởi vì nó đã được chứng minh. Giá trị của nó rõ ràng là thuyết phục, được chứng tỏ; tức là đã được minh chứng. Do thế nó là những sự suy đoán. Chỉ có sự kiện rằng sự suy đoán nói chung là một chức năng vô giá, là không dủ bao đảm, cũng không phải ngay cả việc giúp đỡ được điều gì, sự đúng đắn của bất kỳ sự suy đoán đặc thù nào. Bất cứ sự suy đoán nào cũng có thể đi chệch đường; như chúng ta cũng đã thấy, có những ảnh hưởng đang có song vẫn luôn có thể biến nó thành sai lạc. *điều quan trọng là mọi suy đoán phải cần được thử nghiệm; hay là* (tuy vậy thông thường thì điều này khó có thể có được) *chúng ta cần phân biệt giữa những niềm tin được xây dựng trên chứng cứ đã được thử nghiệm và những niềm tin không phải như thế, và phù hợp với sự bảo vệ của chúng ta, như là một loại và cấp độ của sự phù hợp, hay niềm tin cho nó là đúng đắn.*

Hai loại thử nghiệm. Tất cả ba trường hợp thể hiện sự hiện diện của những động tác thử nghiệm đều làm biến đổi điều gì đó mà nói theo cách khác là sự suy nghĩ bị chậm lại hơn để vào trong hoạt động phản tỉnh. Sự xem xét cho thấy việc thử nghiệm thuộc hai loại. Những sự suy đoán được gợi ra được thử nghiệm trong *tư tưởng* để xem xét có phải là những yếu tố khác nhau được gợi ra có mật thiết với nhau không. Chúng cũng

được trắc nghiệm, sau khi một cái được chấp nhận. bởi động tác nhìn thấy phải chăng là những hậu quả đã được đoán trước trong *tư tưởng* có xảy ra trong *thực tế*. Một ví dụ tốt của loại chứng minh thứ hai này đã được nhận thấy trong trường hợp thứ nhất như đã kể trên, khi mà lý luận dẫn tới việc kết luận sử dụng tàu điện ngầm có thể mang người đó tới nơi điểm hẹn đúng giờ. Anh ta đã làm thử hay thí nghiệm ý tưởng kia bằng hành động tuân theo đó, và kết quả đã xác nhận ý tưởng, bằng việc cho thấy cái gì đã được suy đoán thì hiện đã xảy ra.

Trong trường hợp thứ hai, sự thử nghiệm bằng hành vi lại có thể chỉ xảy ra, như người đó đã *tưởng tượng* rằng chính mình đang ở vào nơi người hoa tiêu sử dụng cái sào để nhằm chỉ hướng cho mình. Việc thử nghiệm sự mật thiết hay sự gắn bó đó được lưu ý một cách hiển nhiên. Những sự gợi ý của cái cột cờ, sự trang trí, vô tuyến điện, đã bị loại bỏ, bởi vì chẳng mấy chốc chúng đã được suy nghĩ và nhận thức là chúng không phù hợp với một vài yếu tố của những sự kiện đã được quan sát; chúng bị loại bỏ đi, bởi vì chúng thất bại trong việc phù hợp với những yếu tố này. Ý tưởng rằng cây sào là được dùng để chỉ hướng cho sự di chuyển của con thuyền, còn trái lại, đã được tìm thấy sự phù hợp với một số của những yếu tố quan trọng, chẳng hạn (a) yêu cầu của người hoa tiêu, (b) chiều cao của cây sào, (c) các vị trí liên quan của cái chân và ngọn của nó.

Trong trường hợp thứ ba, cả hai loại thử nghiệm đều được sử dụng đến. Sau khi kết luận đã có được, nó được hành động theo đó, bởi một sự thí nghiệm tiếp theo nữa, được thực hiện không phải chỉ trong tưởng tượng mà cả trong thực tế. Một miếng nước đá được đặt lên trên cái cốc, và những bọt khí đã vận hành giống như nó hẳn phải vận hành, nếu sự suy đoán là đúng. Thế thì nó đã được suy nghĩ ra, thử nghiệm và xác chứng. Những hành động thử nghiệm khác xảy ra trong tiến trình đó, bằng cách dùng những cách khác nhau để lấy những cái cốc ra khỏi nước. Sự thử nghiệm về tính thích đương trong ý nghĩ vẫn xảy ra do sự suy nghĩ trên bản chất của sự bành trướng trong mối quan hệ của nó với nhiệt độ và bằng cách xem xét để xác định xem những hiện tượng đã được quan sát có phù hợp với những sự kiện tất phải phát sinh ra từ nguyên tắc này hay không. Rõ ràng việc sử dụng cả hai phương pháp để chứng minh cho một sự suy đoán đã được đưa ra, quả là chỉ có một cái thôi. Tuy vậy cả hai phương pháp đó đều không khác nhau, trong loại. Sự thử nghiệm trong tư duy về sự thích đương bao gồm hành vi trong sự *tưởng tượng*. Cách thứ hai mang hành vi tưởng tượng ra thẳng thừng. Sự suy đoán đúng là được xác định trước hết như có bao bao gồm một bước nhảy để đến một kết luận đã được gợi ý, và thứ hai, như là thử nghiệm sự gợi ý để đi tới xác định sự phù hợp của nó với những đòi hỏi của hoàn cảnh. Kiểu thức của hành động có suy nghĩ nguyên gốc được nêu ra bởi những trường hợp trong đó yêu cầu phải làm một cái gì đó là khẩn trương, và nơi mà kết quả của cái gì đó đã có được, đã thử nghiệm giá trị của sự suy nghĩ. Trong khi sự tò mò trí tuệ phát triển, sự nối kết với hành động minh nhiên, trở nên gián tiếp và tùy phụ. Thế nhưng nó vẫn cứ có đó, ngay cả nếu chỉ trong sự tưởng tượng.

Tư duy vận động từ một tình trạng nghi ngờ đến một tình trạng chắc chắn

Nó xuất phát từ một tình huống được trải nghiệm trực tiếp. Sự xem xét những nội dung sẽ chỉ cho thấy trong mỗi một trường hợp, sự suy nghĩ luôn xuất hiện từ một hoàn cảnh kinh nghiệm trực tiếp. Người ta không phải chỉ suy nghĩ từ

diện rộng, cũng không phải từ những ý tưởng phát sinh từ chỗ không có gì. Đó là trong trường hợp một sinh viên đang bận bịu trong vùng nào đó của một thành phố và được nhắc nhở cần phải đi tới một nơi nào đó khác. Còn trong trường hợp thứ hai, một người đang đi trên một cái phà máy và bắt đầu thắc mắc về điều gì đó trong sự cấu tạo nên của chiếc phà. Trong trường hợp thứ ba, một sinh viên với sự đào tạo khoa học có sẵn, nhưng đang bận bịu để rửa những cái dĩa. Trong mỗi trường hợp, bản chất của hoàn cảnh giống như nó đang hiện có, được thử nghiệm để làm phát sinh những yêu cầu tìm kiếm và gợi lên một sự suy nghĩ mới khác.

Không có điều gì trong sự kiện này là riêng biệt cho những trường hợp đặc biệt này. Cứ đi hết các sự thử nghiệm của chính bạn, và bạn sẽ không tìm ra được một trường hợp nào mà sự suy nghĩ lại bắt đầu từ chẳng có cái gì cả. Một đôi khi chính dòng tư duy sẽ đưa bạn đi khá xa đối với điểm khởi đầu, đến nỗi bạn sẽ khó khăn để quay trở lại điểm xuất phát có trước mà từ đó sự suy nghĩ đã khởi lên, nhưng cứ lần theo sợi chỉ đó dù xa, và bạn sẽ tìm ra một tình trạng nào đó mà nó được trực tiếp thử nghiệm, một cái gì đó đã trải qua, được tạo ra, thụ hưởng, hay chịu đựng, và chẳng phải chính sự suy nghĩ đó. Sự suy nghĩ chỉ có lúc xuất hiện do bởi tính chất của tình huống đầu tiên này. Nó không chỉ *xuất hiện* ra từ đó, nhưng *tham chiếu về nó*. Mục tiêu và sự phát sinh ra của nó được quyết định bởi hoàn cảnh mà từ đó nó xuất hiện ra.

Có lẽ nguyên nhân thường có nhất trong sự thất bại ở trường học nhằm nuôi dưỡng sự suy nghĩ đúng của các sinh viên là sự thất bại trong việc bảo đảm sự hiện hữu của một hoàn cảnh được thử nghiệm về một bản chất như vậy, như được gợi lên sự tư duy trong cách thức mà trong đó những điều kiện ngoài học đường tạo ra. Một thầy giáo bị bối rối bởi sự thất bại của các học sinh khi giải quyết những bài toán số học về phép nhân trong đó có số thập phân, để đặt dấu thập phân sao cho đúng. Những trị số số học có thể là đúng, nhưng các giá trị chính xác thì lại sai. Một sinh viên chẳng hạn có thể bảo là 320,16 đô la; người khác thì nói 32,016 đô la; và người thứ ba thì lại cho là 3201,60 đô la. Kết quả này cho thấy trong khi những học sinh có thể làm những con số đúng, họ lại không nghĩ thế là sai. Bởi vì nếu họ đã thường suy nghĩ, họ sẽ không thể thay đổi một cách tùy tiện trong việc nắm bắt các giá trị bao hàm trong đó như thế. Trong tình trạng đó, ông ta đã gửi các học sinh đến một xưởng gỗ để hỏi mua những tấm ván nhằm sử dụng cho cửa hàng thủ công, và đã thu xếp với người bán hàng để cho họ phải tự tính sao cho ra chi phí của việc mua hàng này. Cùng cùng những tính toán số học đó đã được bao gồm giống như trong những bài toán của sách giáo khoa. Chẳng có một sai sót nào xảy ra cả, trong việc đặt dấu phẩy thập phân. Tình trạng đó đưa họ đến việc suy nghĩ và kiểm tra lại sự hiểu biết của họ đối với các giá trị liên quan. Sự tương phản giữa bài toán trong sách giáo khoa và những yêu cầu của việc mua hàng hiện thời trong xưởng gỗ đã mang tới một ví dụ cực tốt về sự cần thiết của một hoàn cảnh, nhằm để dẫn dụ và hướng dẫn tư duy.

Nó đưa đến một tình trạng ổn định. Sự xem xét cả ba trường hợp cũng cho thấy mỗi một điều kiện trong một cách thức nào đó vẫn là không chắc chắn, do dự, bối rối, nếu nó chỉ cống hiến cho tinh thần một sự khó khăn không thể giải quyết được, một vấn đề đã không được xác định. Nó cho thấy trong mỗi trường hợp, chức năng của sự suy nghĩ là mang lại một tình huống mới trong đó sự khó khăn cần được giải quyết, sự mơ hồ được làm cho sáng tỏ, sự bối rối được được giảm bớt đi, vấn đề đặt ra được có lời giải đáp. Một tiến trình riêng nào đó của suy nghĩ, tự nhiên đi tới kết thúc khi tình huống

đặt ra trước tinh thần được ổn định, quyết định, theo một cách có thứ tự, rõ ràng, để từ đó sẽ không có một điều gì khác phải được gợi ra nữa cho sự suy nghĩ thêm, cho tới khi một tình trạng bối rối hay nghi ngờ mới lại hiện ra.

Chức năng của tư duy phán tính do vậy là nhằm để biến đổi một tình huống trong đó có sự tối tăm, nghi ngờ, mâu thuẫn, *không thể hiểu được nó như thế nào đó phải được kiểm nghiệm vào trong một tình trạng mà nó đã thành sáng sủa, mạch lạc, ổn định, và phù hợp.*

Kết luận đã được *xác nhận*, kết luận được đưa ra trong một mệnh đề, không phải là kết luận *cuối cùng* nhưng đó là chìa khóa của sự tạo nên nó. Chẳng hạn, người thứ nhất đã đi tới kết luận "Con đường tốt nhất để đi tới phố 124 là bằng tàu điện ngầm". Nhưng kết luận đó chỉ là *chìa khóa* để đạt tới kết luận *cuối cùng*; tức là sự giữ cho nó phai ở trong một sự dấn bước. Sự suy nghĩ là phương tiện cho sự phát triển của cái khởi đầu, tình trạng do dự chuyển vào trong một tình trạng rõ rệt, được thỏa mãn. Bạn có thể thực hiện các phân tích tương tự trong trường hợp của hai minh họa kia. Một sự khó khăn lớn có tính chất "luận lý", là loại cực kỳ nghiêm túc., là cái mà nó khởi dầu và kết thúc chỉ với những mệnh đề, thay vì là mang lại trước khi sự tương tượng hai hoàn cảnh sống thực sự đối với những cái mà các mệnh đề quy chiếu về chúng; một cái mà có chứa đựng mối nghi ngờ và sự khó khăn, còn cái kia là sản phẩm mong đợi cuối cùng và được tạo ra bằng các phương tiện của sự suy nghĩ.

Chẳng có con đường nào tốt hơn để quyết định thử xem sự suy đoán đích thực đã xảy ra hơn là việc hỏi nó có phải đã chấm dứt do sự thay thế bởi một tình trạng sáng tỏ, có trật tự, và thỏa mãn đối với một tình trạng bối rối, do dự, và không hợp lẽ. Tư duy cục bộ và không hiệu lực được chấm dứt trong những kết luận nghiêm túc đúng đắn, nhưng điều đó cũng không tạo ra sự dị biệt giữa điều gì đã được thử nghiệm theo cách cá lẻ và tức khắc. Sự suy diễn cốt lõi vẫn luôn luôn khiến cho một người suy nghĩ với một thế giới đã được kinh nghiệm hầu như khác biệt trong một khía cạnh nào đó, về một đối tượng nào đó đã có được trong sự sắp xếp theo một cách sáng sủa và có thứ tự. Sự suy nghĩ thích đáng nói chung tiến tới với một sự đánh giá của các giá trị mới.

Sự kiện và ý tưởng

Khi một tình trạng xuất hiện cùng với một sự khó khăn và do dự, thì người nào nằm trong tình huống đó có thể phải chấp nhận lấy một trong số những khả năng của tiến trình đó. Anh ta có thể né tránh nó, bỏ rơi hoạt động nào có liên quan tới nó, quay sang cái gì đó khác. Anh ta có thể sẽ dễ dàng chấp nhận một chút huyễn hoặc, như tưởng tượng chính anh ta là mạnh mẽ, hay là giàu có, hay trong một cách nào đó khác, đang có các phương tiện có thể giúp được cho anh ta nhằm đối mặt với chính sự khó khăn đó. Hay là, cuối cùng, anh ta có thể cũng phải đối diện ngay với chính tình trạng đó. Trong trường hợp này, anh ta đã bắt đầu phản ánh.

Phản ánh bao gồm cả sự quan sát. Vào lúc anh ta bắt đầu phản ánh, cũng là lúc anh ta bắt đầu buộc phải quan sát để nhằm tích lũy các điều kiện. Một số những sự quan sát này được thực hiện bởi sự sử dụng trực tiếp các giác quan; những số khác thì bởi sự tập hợp các sự quan sát, mà trước đó đã có được do chính anh ta hay do những người khác. Người nào đi vào trong việc nắm bắt, ghi nhận bằng

đôi mắt mình về vị trí hiện tại của chính mình sẽ nhớ lại vị trí ở nơi mà anh ta đã tới vào lúc một giờ, và nhớ lại trong tinh thần về những phương tiện di chuyển anh ta đã thuộc lòng cùng lần lượt những vị trí có liên quan tới. Trong cách thức này, anh ta đã có được sự phân biệt và được sáng tỏ trong một sự nhận thức có thể có được về bản chất của tình trạng anh ta phải dương đầu. Một số những điều kiện đó là những trở lực, và những cái khác là những sự thuận tiện, có thể lợi dụng được. Không có vấn đề những điều kiện này có phải tới với anh ta bằng sự tri giác trực tiếp hay bằng trí nhớ hay không, nhưng chúng tạo nên "những *sự kiện* của các tình huống". Chúng là những sự vật đang có *ở đó* đã được tính đến. Giống như mọi sự kiện, chúng vẫn rất cứng đầu. Chúng không thể bị đẩy ra khỏi con đường chỉ bằng tính chất ma thuật chỉ bởi vì chúng không thể chịu như vậy được. Cũng chẳng có cách nào để *mong muốn* chúng không hiện hữu hay là thành khác đi được. Chúng phải được tính đến trong tính cách nào đó mà chúng đang có đó. Thế nên sự quan sát và sự suy nghĩ lại phải được sử dụng đầy đủ để chúng không bị vụt ra khỏi hay là bị nhầm lẫn trong những nét quan trọng. Cho đến khi thói quen của sự suy nghĩ đã được hình thành tốt, được trực diện với tình huống để nhằm khám phá ra những sự kiện, luôn đòi hỏi một sự cố gắng. Cần cho tinh thần hướng tới sự thích ứng với điều gì dù là nó không hài lòng, và để tránh tụt ra khỏi sự lưu ý thích đáng đối với điều gì đó mà nó đặc biệt nhàm chán.

Phản ánh bao gồm những gợi ý. Cùng với sự chú ý đến những điều kiện cho các sự kiện có liên quan, những gợi ý được xuất hiện từ những diễn tiến có thể phát sinh ra của hành động. Như vậy con người được chúng ta minh họa ra đã suy nghĩ về những chiếc xe chạy trên mặt đường, những tàu điện chạy trên đường ray cao, và tàu điện ngầm. Những sự gợi ý cho các chọn lựa đó cạnh tranh cùng với nhau. Bằng cách so sánh anh ta phán đoán sự chọn lựa nào là tốt nhất, cái nào có vẻ đưa lại được một giải pháp thỏa đáng. Sự so sánh các sự việc xay ra một cách gián tiếp. Vào lúc anh ta suy nghĩ về một giải pháp khả thể, và cân nhắc nó, anh ta liền quay lưng lại các sự kiện khác. Vậy là anh ta đã có được một quan điểm đưa anh ta tới những quan sát mới cùng những suy nghĩ lại mới, rồi lại đi tới sự xem xét lại những sự quan sát đã có được nhằm để thử nghiệm giá trị của các cách thức đã được gợi ra. Trừ khi anh ta dùng tới sự gợi ý như thể nhằm để hướng dẫn đi tới những quan sát mới, thay vì tập luyện những phán đoán còn treo đó, anh ta liền chấp nhận nó ngay khi nó tự biểu hiện ra. Thế rồi anh ta lại rơi ngay vào tư tưởng phẩn tính. Những sự kiện mới được lưu tâm tới, có thể (và chắc chắn trong một tình trạng phức tạp nào đó sẽ) tạo nên những gợi ý mới được sinh ra. Những cái này lại trở nên gắn vào những sự kiểm tra tiếp đến trong những điều kiện đó. Những kết quả của sự thử nghiệm tổng quát này lại chỉnh đốn sự suy đoán đã được gợi ra, hay cũng gợi lên một cái mới. Sự dan kết tiếp tục này của những sự kiện được hé lộ ra do sự quan sát và của những đề nghị được gợi ra cho giải pháp và có những phương pháp được gợi ra đối mặt trước những điều kiện còn xảy ra tiếp tục, cho tới khi một giải pháp nào đó được gợi ra đáp ứng lại được những điều kiện của trường hợp đó, mà không đi ngược lại bất cứ tính chất nào được biết về nó.

Dữ liệu và các ý tưởng là những yếu tố có liên quan và không thể thiếu nhau trong sự phản ánh. Một thuật ngữ dùng cho những sự kiện đã được quan sát gọi là *các dữ liệu*. Các dữ liệu tạo thành chất liệu mà nó cần phải được phiên dịch, giải thích và cắt nghĩa; hay trong trường hợp một sự lý giải như là điều gì đó phải làm hay là cần làm thế nào để

thực hiện nó, để được vận hành và được tận dụng. Những giải đáp được gợi ý với những khó khăn được phơi bày ra bởi sự quan sát tạo nên các ý tưởng. Các dữ liệu (các sự kiện) và các ý tưởng (những sự gợi ý, những giải pháp khả thi) như vậy tạo nên hai yếu tố cần thiết và đan xen nhau của mọi hoạt động phản ánh. Cả hai yếu tố được thực hiện bởi những phương tiện lần lượt của *sự quan sát* (trong đó nhằm cho sự thuận lợi, bao gồm trí nhớ vẫn đi trước những sự quan sát những trường hợp tương tự) và *sự suy diễn*. Cái sau vượt qua khỏi cái gì đó mà hiện tại đã được lưu ý, vượt quá cái gì đó đã được tìm thấy, nhờ sự xem xét cẩn thận, cho tới lúc hiện giờ. Do thế, nó có quan hệ tới cái gì có tính khả thi hơn là tới cái gì đang có mặt. Nó diễn tiến bằng sự đoán ra trước, sự giả thiết, sự phỏng đoán, sự tưởng tượng. Tất cả mọi sự tiên liệu, dự đoán, trù hoạch, cũng như việc lý thuyết hóa và sự suy tưởng, là được đặc trưng bởi việc đi từ cái thực tại vào trong cái khả thi. Thế nên (như chúng ta đã vừa thấy) cái gì là được suy đoán thì đòi hỏi một sự thử nghiệm kép: thứ nhất là tiến trình tạo thành ý tưởng hay là giải pháp giả định được kiểm tra sự giao chéo thường xuyên cho đến những điều kiện đã được quan sát tới hiện thời; thứ hai, ý tưởng sau đó được tạo thành, được thử nghiệm bằng hành động trên đó, như thể rõ ràng là có thể được, hay nói cách khác trong sự tưởng tượng. Những kết quả của hành động này cho phép xác nhận, điều chỉnh, hay phủ định ý tưởng đó.

Chúng ta sẽ minh họa điều gì đã được nói tới bằng một trường hợp đơn giản. Giả sử bạn đang đi bộ ở nơi không có lối đi thông thường. Trong khi mọi việc đang diễn ra suông sẻ, bạn cũng chẳng nghĩ việc bạn đang đi bộ; thói quen vừa được tạo nên cứ tự điều chỉnh lấy nó. Thình lình bạn nhìn thấy có một cái mương trên lối đi của bạn. Bạn nghĩ bạn sẽ nhảy qua nó (giả thiết, hoạch định); nhưng để chắc chắn, bạn nhìn tổng quát nó với đôi mắt (quan sát) của bạn, và bạn nhận ra rằng nó thật khá rộng và cái bờ ở phía bên kia khá trơn trợt (các sự kiện, dữ liệu). Thế rồi bạn nghi ngờ cái hố có thể là không cạn hơn cái hố ở nơi một nào đó khác (ý tưởng), và bạn nhìn lên rồi nhìn xuống dòng nước (quan sát) để nhận thấy các vấn đề hiện ra như thế nào (thử nghiệm các ý tưởng bằng sự quan sát). Bạn cũng không tìm thấy bất cứ chỗ nào tốt hơn, và như vậy là dành phải lùi lại để tạo nên một kế hoạch mới. Giống như bạn phải dự liệu, bạn lại khám phá ra một khúc cây (lại sự kiện nữa). Bạn tự hỏi tại sao bạn không đẩy nó tới cái mương và đặt nó ngang qua cái mương để sử dụng nó như một chiếc cầu (lại ý tưởng nữa). Bạn phán đoán ý tưởng đó là đáng để nên thử, và thế là bạn lấy khúc cây và đặt nó vào đúng vị trí để có thể đi qua mương (thử nghiệm và xác nhận bởi hành vi rõ rệt).

Nếu tình huống là phức tạp hơn, sự suy nghĩ dĩ nhiên là sẽ nhiều khê hơn. Chúng ta có thể tưởng tượng một trường hợp cần làm một cái bè mãng, thiết kế một một cầu tàu, hay làm một con thuyền độc mộc, thì sẽ là những ý tưởng cuối cùng hiện ra trong óc và được xét duyệt bằng cách tham chiếu vào các điều kiện của hành động (các sự kiện). Đơn giản hay phức tạp, có liên quan tới cái gì đó phải làm, nằm trong yêu cầu thực tế đang đặt ra, hay là điều gì cần tham chiếu vào trong một vấn đề khoa học hay triết học, sẽ luôn luôn là hai phương diện: những điều kiện phải tính đến, phải đương đầu, và những ý tưởng là những kế hoạch phải đối mặt với chúng, hay là những giả thiết để nhằm lý giải và cắt nghĩa hiện tượng.

Trong việc đoán trước một cuộc nhật thực, chẳng hạn, có vô số những sự kiện được quan sát có liên quan tới vị trí và vận động của trái đất, mặt trời và mặt trăng, xuất hiện ra trong một phương diện, trong khi phương diện kia là các ý

tưởng được sử dụng để tiên đoán và cắt nghĩa, bao gồm các sự tính toán toán học mơ rộng. Trong một vấn đề triết học, những sự kiện hay các dữ liệu có thể rất xa vời và không thể trực tiếp quan sát được bằng giác quan. Nhưng ở đây vẫn hãy còn các dữ liệu có thể về mặt khoa học, hay là mặt đạo đức, nghệ thuật, hay các kết luận của các nhà tư tưởng đi trước, để cung cấp các nội dung chủ đề cần suy xét tới và bởi đó những lý thuyết sẽ được kiểm xét. Mặt khác, có những tư duy đến trong đầu óc, và nó hướng dẫn cho sự tìm kiếm những nội dung chú đề bổ sung, và cả hai sẽ cùng phát triển những lý thuyết đã được đưa ra như những ý tưởng và sự trắc nghiệm về giá trị của chúng. Chỉ những sự kiện hay những dữ liệu là chết cứng, trong chừng mực nào mà đầu óc có liên quan tới, trừ phi chúng được sử dụng để gợi lên và trắc nghiệm một ý tưởng nào đó, một cách nào đó để thoát ra khỏi sự khó khăn. Những ý tưởng, mặt khác, là cũng *chỉ là* những ý tương, những sự suy tưởng thuần túy, những sư tưởng tượng, mơ mộng, trừ khi chúng dược dùng để hướng dẫn những quan sát mới về điều đó, và những suy nghĩ trên đó, những tình trạng hiện tại, quá khứ, hiện thời, hay tương lai. Cuối cùng, chúng phải mang tới được một vài loại kiểm chứng nào đó, bởi các chất liệu đã có được hiện thời, hay là bởi những ý tưởng khác còn lại. Nhiều ý tưởng có giá trị lớn, như là ý tưởng trong thi ca, trong tiểu thuyết, hay là trong kịch nghệ, nhưng không phải là các nội dung của tri thức. Tuy nhiên, những ý tưởng có thể cần sự sử dụng của trí tuệ để đi vào trong đầu óc, ngay cả khi nó không tìm thấy bất cứ một suy đoán tức thời nào, cho ngay hiện thời, miễn là chúng vẫn nằm lại trong tinh thần, để sẽ được sư dụng khi những sự kiện khác được đưa ra ánh sáng.

Những chức năng cốt yếu của hoạt động phản ánh

Giờ đây chúng ta đã có ngay trước mắt chúng ta chất liệu cho sự phân tích về động tác toàn diện của hoạt động phản ánh. Trong chương trước chúng ta đã thấy được hai giới hạn của mọi đơn vị tư tưởng, là một tình trạng do dự, bối rối hay lộn xộn vào lúc khởi đầu, và một sự tình trạng sáng tỏ, thống nhất, được giải quyết vào lúc cuối. Cái thứ nhất của các tình trạng này có thể được gọi là *tiền* phản ánh. Nó đặt ra vấn đề cần phải giải quyết; cùng từ đó mà phát triển lên vấn đề cho sự phản ánh phải trả lời. Trong trạng thái cuối, sự nghi ngờ đã bị loại bỏ; tình trạng đó là sự *hậu* phản ánh; từ đó phát sinh một kinh nghiệm trực tiếp của sự chủ động, được thỏa mãn, thích thú. Thế thì đó chính là những giới hạn mà trong đó sự phản ánh phải phụ thuộc vào.

Năm giai đoạn hay khía cạnh, của tư duy phản ánh. Ở phần giữa, như các tiến trình của trạng thái suy nghĩ là (1) *Những sự gợi ý*, trong đó tinh thần vươn tới một giải pháp khả thi; (2) một quá trình trí tuệ hóa về sự khó khăn, hay sự do dự vốn đã *được cảm thấy* (được trải nghiệm trực tiếp) trong một *vấn đề* cần được giải quyết, một câu hỏi cần phải tìm ra được câu trả lời; (3) việc sử dụng một sự gợi ý này tiếp sau một gợi ý khác, hay giả thuyết, để nhằm khởi đầu và hướng dẫn sự quan sát cùng các tác động khác trong sự tập hợp chất liệu, dữ kiện; (4) sự biến báo mang tính trí tuệ của ý tưởng hay sự giả thiết trong tính cách một ý tưởng hay giả thiết (*lý luận*, trong ý nghĩa sự lý luận là một phần, mà không phải cái toàn bộ của sự suy đoán); và (5) kiểm chứng giả thiết bằng sự minh bạch, hay động tác tưởng tượng.

Giờ chúng ta sẽ khảo sát năm giai đoạn hay chức năng đó, theo từng cái một.

Giai đoạn thứ nhất, sự Gợi ý. Sự vật "tự nhiên" nhất đối với bất cứ ai tác động vào nó là tiến tới; tức muốn nói là sự hành động một cách công khai. Tình trạng bối rối và do dự sẽ ngăn cản sự hoạt động trực tiếp như thế theo một cách tạm thời. Khuynh hướng tiếp tục *hành động*, tuy vậy cứ vẫn còn đó. Nó được chỉ hướng và có hình thức của một ý tưởng hay một sự gợi ý. *Ý tưởng* về điều gì cần nên làm, khi chúng ta tìm thấy chính chúng ta ở "trong sự hụt hẫng", là sự thay thế cho một hành vi trực tiếp. Nó là một cách đi trước theo kiểu tạm bợ của hành vi, một loại lội ngược dòng một cách vất vả. Chỉ có một sự gợi ý được xuất hiện ra; chúng ta nhất định dành phải chấp nhận nó lập tức. Nhưng lúc nào có hai hay nhiều hơn sự gợi ý đó, thì chúng đụng độ lẫn nhau, khiến cho tình trạng đó bị ngưng đọng, và tạo ra yêu cầu tìm hiểu tiếp theo. Sự gợi ý xuất hiện đầu tiên trong hoàn cảnh đó vừa mới được kể ra, là việc tìm cách để nhảy qua cái mương, nhưng sự nhận thức về điều kiện đã bị chế ngự bởi sự gợi ý đó, và dẫn đến sự xuất hiện những ý tưởng khác.

Một sự chế ngự nào đó của hành vi *trực tiếp* vẫn cần thiết cho điều kiện của sự do dự, và làm hòa hoãn nó, đó là cái cốt yếu để suy nghĩ. Sự suy nghĩ như nó vốn có, là việc hướng về trong chính nó, nhằm xem xét các mục tiêu, những điều kiện, những tài nguyên, những sự giúp đỡ, những khó khăn, cùng những trở ngại đặt ra.

Giai đoạn thứ hai, sự Trí tuệ hóa. Chúng ta đã lưu ý rằng trong chừng mực nào sự suy nghĩ có quan hệ tới, thì điều đó là giả tạo, nếu khởi đầu từ một vấn đề nào đó đã có sẵn, một vấn đề đã được tạo ra từ toàn thể chất liệu, hay thoát ra từ một một khoảng trống. Trong thực tế, một "vấn đề" như thế chỉ đơn giản là một công tác đã được chỉ định. Trước tiên, không có một tình trạng cùng một vấn đề nào, mà lại càng chẳng phải một vấn đề mà không có hoàn cảnh. Có một tình cảnh do dự, bối rối, thử thách, nơi nào có sự khó khăn, như thể nó tràn lan, xuyên suốt với toàn thể tình cảnh đó, làm ô nhiễm nó trong cả tổng thể. Nếu chúng ta biết ngay ra điều gì đó là sự khó khăn và chính nó nằm ở đâu, thì công việc suy nghĩ sẽ lại dễ dàng hơn như nó phải có. Trong khi chân lý phải phát triển, thì một câu hỏi được đặt đúng cũng là đã được trả lời xong một nửa rồi. Thực ra, chúng ta biết điều gì mà vấn đề đúng đắn đặt ra, là cùng lúc với việc tìm được một lối ra, là đi tới việc giải quyết được nó. Vấn đề và giải pháp xuất hiện ra một cách hoàn toàn vào chính cùng một lúc. Cho đến điểm đó, sự nắm bắt của chúng ta về vấn đề lại càng có ít mơ hồ và lại xác định rõ ý đồ hơn.

Một sự gợi ý bị phong tỏa dẫn chúng ta tới việc rà soát lại những điều kiện đang đối mặt trước chúng ta. Rồi thì sự không thể dễ dàng của chúng ta, tình trạng sốc do hoạt động bị ngăn trở, được xác nhận trong một cấp độ nào đó, trên cơ sở của những điều kiện đã được quan sát của chính đối tượng. Bề rộng của con mương, sự trơn trợt của bờ mương, nhưng không chỉ là sự hiện diện của con mương, là điều phiền toái. Cái khó khăn đang dần được xác định và nhận diện; nó đang trở thành một vấn đề đúng đắn, một cái gì đó mang tính chất trí tuệ, không còn là một sự nhảm chán khi đưa nó vào trong điều gì đó mà chúng ta đang thực hiện. Con người bỗng nhiên bị phong tỏa và bị gây phiền toái về những gì mà anh ta đang làm do ý nghĩ về một sự dấn thân vào để giữ vững được trong một lúc, cái gì đó là gần gũi, và ở một nơi nào đó ở xa có sự gợi ý về việc đi tới đó tức thì. Nhưng để thực thi sự gợi ý này một cách có hiệu lực, anh ta đã phải tìm ra được những phương tiện di chuyển. Để tìm ra chúng, anh ta phải lưu ý tới vị trí hiện có của anh ta, và khoảng cách đến đó từ nhà ga, vào chính thời gian hiện tại, và khoảng thời gian mà anh ta phải cần tới. Như

vậy, sự do dự được xác định chính xác hơn: chính như thế mà nhiều lĩnh vực được bao phủ, và có nhiều thời gian để khiến nó kiệt quệ.

Từ ngữ "vấn đề" dường như thường rất được quan tâm và xứng đáng để được chú ý tới điều gì xảy ra trong trường hợp chỉ cần ít suy nghĩ nhất. Nhưng trong mọi trường hợp, khi nào có hoạt động suy nghĩ xuất hiện, lại có tiến trình của sự vận dụng trí tuệ, về cái gì trước hết chỉ là một tính cách cảm xúc của toàn bộ tình huống. Sự cải đổi này được tác động bởi sự chú ý một cách xác định hơn về những điều kiện tạo thành sự bối rối và tạo nên sự ngừng trệ của hành động.

Giai đoạn thứ ba, Ý tưởng chỉ đạo, Giả thuyết. Sự gợi ý đầu tiên xảy ra một cách tự phát; nó hiện ra trong óc một cách tự động; nó *nảy* lên; nó "đột xuất", như chúng ta đã nói, "vào trong đầu óc"; nó lóe sáng lên trong chúng ta. Chẳng có một sự kiểm soát trực tiếp nào về sự xuất hiện của nó; cái ý tưởng chợt đến hay là không đến; đó là tất cả có thể nói. Không có sự vật trí tuệ nào về sự xuất hiện ra của nó. Yếu tố trí tuệ hàm chứa *trong cái chúng ta đối mặt với nó*, làm thế nào chúng ta sử dụng nó, *sau khi* sự xuất hiện thình lình của nó như là một ý tưởng. Một sự sử dụng có kiểm soát về nó được làm cho khả thi bằng tình trạng của các sự việc vừa được miêu tả. Trong cấp độ mà trong đó chúng ta xác định ra sự khó khăn (nó được tác động bởi tình trạng nằm trong những điều kiện của các đối tượng), chúng ta có được một ý tưởng tốt hơn đối với loại giải pháp cần có. Những sự kiện hay các dữ liệu đó đặt vấn đề ra trước chúng ta, và đưa vào trong các vấn đề đó những sự sửa chữa, thay đổi, và những mở rộng các sự gợi ý mà khởi thủy đã xảy ra. Trong cách này, sự gợi ý trở thành một giả thiết rõ ràng hay được chỉ ra một cách kỹ thuật hơn, một giả thuyết.

Hãy lấy trường hợp một y sĩ xem một bệnh nhân, hay là một sự xem xét về máy móc của một cỗ máy phức tạp hiện đang không thể hoạt động được tốt. Có cái gì đó đang không ổn, thật sự như thế. Nhưng làm thế nào để sửa chữa nó thì không thể nói được, cho tới khi đã biết được điều gì đó là không bình thường. Một người không có chuyên môn thì dường như chẳng thể hiểu gì cả - phải cần có sự gợi ý - và rồi tiến hành để hành động trên đó, theo một cách tình cờ, hi vọng là bằng sự may mắn nào đó, có thể sẽ tìm ra được điều gì đó cần phải sửa chữa. Vậy thì một phương thức y học nào đó có vẻ như đã tác động trước, hay như là cái gì đó mà một người láng giềng đã dặn đò cần phải thử. Hay là con người đó cứ tha hồ mò mẫm với cái máy, thọc tay vào chỗ này, nên búa vào chỗ khác, trong tính cách cầu may là nó sẽ chạy được. Con người có chuyên môn thì hẳn phải tiến hành theo một cách thức khắc hẳn. Anh ta quan sát với một sự cẩn thận đúng mức, sử dụng những phương pháp, những kỹ thuật, mà kinh nghiệm của những người y sĩ, hay những chuyên gia cơ khí nói chung, mà họ vốn quen thuộc với cơ chế của cơ thể, hay của chiếc máy đó, cho thấy có sự hữu ích trong sự phát hiện ra chỗ hỏng hóc đó.

Ý tưởng về giải pháp như vậy được kiểm tra bằng sự khám nghiệm đã được thực hiện. Nhưng nếu trường hợp thật sự phức tạp, người y sĩ hay nhà cơ khí không đánh đố tiếp tư tưởng nữa bằng cách cho phương pháp được gợi lên về sự sửa chữa là chắc chắn đúng. Anh ta tiến hành hành động trên nó một cách dò dẫm, hơn là có tính quyết định. Tức là, anh ta xử lý nó như một ý tưởng hướng dẫn, một giả thiết để vận hành và được hướng dẫn bởi đó để làm nhiều sự quan sát hơn nữa, để tập hợp nhiều hơn các dữ kiện, để xét xem nếu có chất liệu gì mới mẽ mà chính giả thiết cần kêu gọi tới. Anh ta lý luận nếu căn bệnh là bệnh thương hàn, thì rồi phải có một vài hiện tượng sẽ được tìm thấy; và anh ta tìm kiếm nét đặc thù để xem

có đúng là có những điều kiện đó hay không. Như vậy cả hai sự vận động thứ nhất và thứ hai đều được đặt dưới sự kiểm soát; ý nghĩa của vấn đề trở nên đích thực hơn và tinh tế hơn, và sự gợi ý không còn là chỉ là sự khả thể nữa, mà đã trở thành một cái đã được thử nghiệm, và nếu có thể là một khả thể tính đã được đo lường.

Giai đoạn thứ tư, Lý luận (trong Ý nghĩa hạn hẹp hơn). Những sự quan sát vẫn hướng vào cái gì đó có mặt trong tự nhiên. Nó tạo thành những sự kiện, và những sự kiện này, cả việc điều chỉnh sự hình thành các gợi ý, các ý tưởng, các giả thuyết, và việc trắc nghiệm các giá trị có thể có của nó như những chỉ thị dành cho các giải pháp. Mặt khác, các ý tưởng xảy ra như chúng ta nói, ở trong đầu óc chúng ta, trong tinh thần chúng ta. Nó không chỉ xảy ra ở đó, nhưng còn là có thể, cũng còn được phát triển nhiều ở đó. Cứ cho là một sự gợi ý phong phú xảy ra trong một đầu óc giàu kinh nghiệm, được dào tạo tốt, đầu óc đó có khả năng vận dụng nó cho tới khi từ đó nảy sinh ra được một ý tưởng hoàn toàn khác với một ý tưởng mà đầu óc đã có từ lúc bắt đầu.

Chẳng hạn, ý tưởng về nhiệt độ trong trường hợp thứ ba trong chương trước, đã được dựng lên với cái gì đó mà người đó đã biết về nhiệt độ - trong trường hợp anh ta, sức bành trướng của nó - và điều này tới phiên nó, với khuynh hướng co rút của cái lạnh, do thế mà ý tưởng về sự giãn nở ra có thể được dùng như một ý tưởng cắt nghĩa, cho dù chỉ ý tưởng sức nóng có thể đã không có được sự hữu dụng nào. Nhiệt độ hoàn toàn được gợi ra trực tiếp do những điều kiện đã quan sát được; nước đã được cảm thấy nóng. Nhưng chỉ một đầu óc với sự hiểu biết nào đó đã có trước về nhiệt độ mới lý luận được sức nóng có nghĩa là sự giãn nở, và rồi sử dụng ý tưởng về sự giãn nở như một giả thuyết hữu ích. Trong những trường hợp phức tạp hơn, có những quá trình lý luận dài mà trong đó một ý tưởng lại nhảy vọt sang một ý tưởng khác đã được biết bởi những sự thử nghiệm trước đó có liên quan tới nó. Sự nới rộng các mối liên kết được mang ra ánh sáng bởi lý luận, dĩ nhiên phụ thuộc vào sự tích lũy của các sự hiểu biết mà tinh thần đã có nó. Và điều này không chỉ phụ thuộc vào kinh nghiệm và giáo dục chuyên ngành có trước của cá nhân đang làm việc tìm tòi đó, nhưng cũng trên tình trạng văn hóa và khoa học của thời đại và của địa phương đó. Lý luận giúp mở rộng sự hiểu biết, trong khi cùng lúc, nó lại phụ thuộc vào cái gì đó đã được biết đến và trên những khả năng tiện ích đang có cho việc thông tin sự hiểu biết và công bố nó ra công chúng, ra nguồn hiểu biết công cộng.

Một y sĩ ngày nay có thể phát triển bằng lý luận, từ kiến thức của mình, những nội dung, tính chất của bệnh tật, mà những triệu chứng gợi ra cho anh ta như có thể có được theo một cách thức mà điều đó không thể nào có được, ngay cả trong một thế hệ trước đây; đúng như thế, mặt khác anh ta có thể mang những quan sát về các triệu chứng đó của mình đi xa nhiều hơn, nhờ vào sự cải thiện của những công cụ y học và kỹ thuật của việc dùng đến chúng.

Lý luận có cùng hiệu quả trên một giải pháp được gợi ra, và nó càng mật thiết hơn, và sự quan sát được mở rộng, vốn đã bị lúng túng vào lúc ban đầu. Sự chấp nhận một gợi ý trong dạng đầu tiên của nó cần phải được đề phòng bởi sự quan sát vào bên trong nó thật rốt ráo hơn. Những sự phóng đoán dường như hữu ích trong cái nhìn thấy đầu tiên, thì cũng thường nhận thấy là không phù hợp, hay ngay cả vô lý, khi những kết quả đầy đủ của nó đã được đưa ra. Ngay cả khi sự lý luận được đưa ra, thì sự tiềm tàng của một giả thiết vẫn không dẫn tới sự vứt bỏ nó, nhưng nó vẫn phát triển ý tưởng đó vào một dạng có quan thiết hơn tới vấn đề. Chỉ khi nào, chẳng hạn sự phỏng

đoán một cây sào đúng là một cây sào chỉ hướng, đã được nghĩ ra chính trong những sự hàm chứa của nó có thể có sự áp dụng đặc biệt, là trường hợp hiện đang được phán đoán. Những sự gợi ý trước tiên dường như xa xôi và ngông cuồng như vậy, thông thường được biến đổi bởi vì còn được xử lý vào trong một cái gì đó tiếp theo sau đó, mà từ đó dường như nó có vẻ trở nên thích hợp và có kết quả. Sự phát triển một ý tưởng qua lý luận giúp cho việc cung cấp các yếu tố được tham dự hay là trung gian mà nó nối kết lại với nhau vào trong những yếu tố tóng thể mật thiết với nhau, mà trước kia dường như mâu thuẫn nhau, thì một vài cái vẫn dẫn dắt đầu óc tới một sự suy đoán, và những cái khác thì đưa tới một điều ngược lại.

Toán học với tư cách là sự suy luận điển hình. Toán học mang lại ví dụ điển hình về việc làm thế nào để có thể thực hiện được sự vận dụng xa tới mức nào đó đối với những ý tưởng có liên quan lẫn nhau, mà không phải lệ thuộc vào những sự quan sát của các giác quan. Trong hình học, chúng ta bắt đầu với một ít khái niệm đơn giản, như đường thẳng, góc, song song, các mặt phẳng được tạo nên bởi các đường thẳng cắt nhau v.v., và một số những nguyên lý xác định về những sự vật bằng nhau. Biết một điều gì đó về sự bằng nhau của những góc được tạo thành bởi những đường thẳng song song nhau khi chúng cùng cắt một đường thẳng khác, và biết bởi định nghĩa, một đường thẳng góc với một đường thẳng tạo nên hai góc vuông, nhờ vào sự phối hợp của những ý tưởng này chúng ta đã sẵn sàng xác định được tổng số những góc trong của một tam giác bằng hai góc vuông. Bởi sự tiếp tục con đường như thế mà những nội dung các định lý được chứng minh, chủ đề tổng thể của những hình dạng phẳng cuối cùng đã được nghiên cứu. Sự vận dụng những ký hiệu đại số như thế để xây dựng nên một loạt các đẳng thức và các phương trình toán học đã mang đến, ngay cả một điển hình nổi bật hơn, của cái gì đó có thể được hoàn thành bởi việc phát triển mối quan hệ giữa các ý tưởng cùng với nhau.

Khi giả thuyết được chỉ ra bởi một loạt các quan sát và các thí nghiệm khoa học, được xác định trong dạng toán học, thì ý tưởng có thể được biến đổi thanh hẳn hết các mở rộng nào, cho tới khi có được một dạng mà trong đó một vấn đề có thể được xử lý với sự khéo léo nhất và hiệu lực nhất. Nhiều kết quả của khoa học vật lý phụ thuộc vào các trợ lực với những vận dụng các ý tưởng về toán học. Nó không chỉ sự hiện diện về mặt đo lường trong dạng định lượng nhằm cung ứng cho ta tri thức khoa học, nhưng cũng còn là loại xác định toán học riêng biệt có thể được phát triển bằng lý luận theo những hình thức khác và có kết quả hơn - một sự xem xét có tính quyết định cho yêu cầu và tiêu chí cao của nhiều cách đo lường được đào tạo chỉ bởi vì chúng có các dạng định lượng.

Giai đoạn thứ năm, Thử nghiệm Giả thuyết bằng Hành động. Giai đoạn kết thúc này là một loại nào đó của thử nghiệm bằng hành vi cụ thể nhằm mang lại *sự xử lý khoa học*, hay *sự minh chứng*, của ý tưởng phỏng đoán. Lý luận chứng tỏ *nếu ý tưởng* được chấp nhận, thì có một số các kết qua đi theo. Do thế mà kết luận lại càng mang tính giả thuyết hay mang tính điều kiện xa hơn. Nếu khi chúng ta nhìn thấy trong hiện tại tất cả các điều kiện đều đòi hỏi từ lý thuyết, và nếu chúng ta tìm ra các tính chất đặc trưng được gợi ra bởi những chọn lựa ngược lại là thiếu sót, thì khuynh hướng tin tưởng, chấp nhận hầu như không thể cưỡng lại được. Một đôi khi những quan sát trực tiếp cung cấp sự xác nhận, như trong trường hợp cái sào trên con thuyền. Trong những trường hợp khác, như trong trường hợp của các bọt khí, sự thí nghiệm buộc phải có; tức là, *những điều kiện là được sắp xếp tùy ý để phù hợp với những yêu cầu của một ý tưởng hay giả thiết, để*

thấy có phải những kết quả được chỉ định về mặt lý thuyết là hiện thời đang xảy ra hay không. Nếu lại tìm thấy những kết quả của việc thử nghiệm là phù hợp với những kết quả đã được suy đoán ra về mặt lý thuyết hay mặt thuần lý, và nếu có lý do để tin *chỉ* có những điều kiện trong vấn đề là có thể mang lại những kết quả như thế, thì sự khẳng định là rất mạnh mẽ để có thể suy đoán ra được một kết luận - ít nhất cho tới khi những sự kiện ngược lại sẽ chỉ ra được tính cần thiết phải xem xét lại nó.

Dĩ nhiên, sự biện minh không luôn luôn được kéo theo. Đôi khi những hậu quả chỉ ra sự thất bại được xác nhận thay vì việc tự xác nhận. Ý tưởng trong vấn đề bị phủ nhận bởi một tòa án phán quyết cuối cùng. Nhưng một lợi điểm lớn của thói quen hoạt động suy nghĩ là sự thất bại không *chỉ* là sự thất bại. Nó là một sự học hỏi. Người thật sự suy nghĩ thì được học hoàn toàn càng nhiều từ các sự thất bại cũng như từ những sự thành công của mình. Bởi vì một sự thất bại chỉ ra cho người có sự suy nghĩ của người đó là nó vốn đã bao gồm trong đó, và người đó không đi tới nó *chỉ* bởi sự may mắn mù quáng, mà phải là điều gì mà những quan sát tiếp theo đó cần được tiếp tục. Nó gợi lên cho anh ta những sự thay đổi nào cần thiết phải được đưa vào trong giả thiết mà từ đó anh ta đã đề ra. Hoặc là nó mang ra ánh sáng một vấn đề mới hay là giúp để xác định và làm sáng tỏ vấn đề mà trên đó anh ta đang dấn bước vào. Không có điều gì chỉ ra cho người suy nghĩ đã được đào tạo tốt hơn là việc sử dụng đã có được từ những sự nhầm lẫn và sai phạm của mình. Cái gì chỉ gây ra sự nhàm chán và làm chùn bước một người không có thói quen suy nghĩ, hay cái gì bắt đầu cùng với anh ta thoát khỏi một lộ trình mới, do sự tấn công mới không hề có mục tiêu, bởi chỉ do những phương pháp dò dẫm, tạo nên một kích thích và một hướng dẫn cho người tìm tòi vốn đã có được đào tạo.

Hậu quả của năm giai đoạn là không xác định. Năm giai đoạn, những cái cuối cùng, hay những chức năng của tư duy, chúng ta đã lưu ý là chúng không đi theo nhau trong một thứ tự nhất định. Trái lại, mỗi bước trong sự suy nghĩ đúng đắn, thực hiện nhiệm vụ gì đó để làm hoàn chỉnh việc tạo thành một sự gợi ý, và cổ vũ sự thay đổi của nó thành ra ý tưởng hay giả thiết chủ đạo. Nó tạo ra một cái gì đó để cổ vũ cho vị trí và sự xác định về vấn đề. Mỗi một sự cải thiện trong ý tưởng thường dẫn tới những sự quan sát mới vẫn mang lại những sự kiện hay những dữ liệu mới và giúp cho tinh thần phán đoán được chính xác hơn về mối quan hệ của những sự kiện đã xuất hiện ra ngay trong tầm nắm bắt. Sự xem xét đánh giá giả thiết không phải cần chờ cho tới khi vấn đề đã được xác định và giả thiết đúng đắn đã đạt tới được; nó có thể đi đến trong bất cứ thời điểm trung gian nào. Và như chúng ta đã vừa thấy, bất cứ sự trắc nghiệm rõ ràng, cụ thể nào cũng đều không cần thiết là cái cuối cùng; nó có thể chỉ nhằm đưa vào trong những quan sát mới và những gợi ý mới, phù hợp với điều gì xảy ra trong kết quả của nó.

Tuy vậy, có một sự khác nhau quan trọng giữa sự trắc nghiệm bằng hành vi cụ thể trong những sự vận dụng thực tiễn và trong tìm tòi khoa học. Trong cái trước, sự xúc tiến trong thực tiễn bao gồm trong hành vi thực tế vẫn nghiêm chỉnh hơn nhiều so với cái sau. Một nhà thiên văn học hay một nhà hóa học hoàn thành những động tác cụ thể, nhưng họ chỉ nhằm vào tri thức; họ dùng nó để thử nghiệm và để phát triển những quan niệm và các lý thuyết của họ. Trong các vấn đề thực tế, kết quả chính thức được mong muốn vẫn nằm ở ngoài kiến thức. Một trong những giá trị lớn của tư duy là giá trị phù hợp theo việc thực hiện cùng với hành động, là điều gì không thể được bù đắp được, vì một khi đã tạo ra thì không còn

có thể lặp lại nữa. Ngay cả trong đạo đức và những vấn đề thực hành khác cũng vậy, do thế mà một người có đầy đủ suy nghĩ, vẫn xử sự những việc làm thực tiễn của mình như là việc thử nghiệm đến chừng mực nào có thể được; tức muốn nói, trong khi anh ta không thể lặp lại chúng, và phải trụ lại ở những hậu quả chúng cho ra, nên anh ta cần tới một sự chú ý linh hoạt về cái gì mà chúng đã mang tới cho anh ta về hành vi của anh ta, cũng như về những hậu quả không như ý đã có được. Anh ta thực hiện một vấn đề từ những hậu quả của hành vi, để nhìn vào trong những nguyên nhân mà từ đó chúng đã có thể xảy ra, đặc biệt là những nguyên nhân vẫn nằm trong chính các thói quen và những mong muốn... của chính anh ta.

Phương pháp như là sự trắc nghiệm có chủ đích về các sự kiện và các ý tưởng

Yêu cầu đối với Phương pháp được hệ thống hóa. Phương pháp trong một loại hệ thống được yêu cầu nhằm bảo đảm các qui trình giúp chúng ta đi từ khâu này sang khâu khác, từ các sự kiện sang các ý tưởng, và quay ngược trở lại từ các ý tưởng tới các sự kiện, nhằm để trắc nghiệm chúng. Không có phương pháp thích ứng đối với một người thì có thể xảy ra việc các sự kiện đầu tiên hiện ra, anh ta sẽ không xem xét chúng, mà chỉ nhằm xem chúng có phải là những sự kiện thật hay không, cho dù chúng là những sự kiện thật chăng nữa, thì chúng có liên quan gì tới sự suy đoán mà các yêu cầu cần phải thực hiện. Mặt khác, chúng ta bị buộc phải xuất phát ở ngay giải pháp đầu tiên xuất hiện trước chúng ta, chấp nhận đó như là một kết luận mà không cần xem xét hay thử nghiệm. Chúng ta cần phải làm như thế để tổng quát hóa một ý tưởng mà chẳng cần gì tới các chứng cứ. Chúng ta mở rộng nó tới những trường hợp mới mà không nghiên cứu cẩn thận để thấy được những trường hợp này có thể không khác nhau đến như thế, nhằm để biện minh cho sự tổng quát hóa. Phương pháp là đặc biệt cần thiết trong những trường hợp phức tạp và những trường hợp tổng quát hóa, nhằm để bảo vệ chúng ta khỏi rơi vào trong những sự sai lầm đó.

Trước hết chúng ta sẽ nêu ra một minh họa về cách thức trong đó sự khám phá ra các sự kiện có liên quan đến cái làm nền tảng, và bởi cái nhằm để hỗ trợ và trắc nghiệm, một giải pháp tổng hợp cùng đi đôi với sự tạo thành và sử dụng những ý tưởng nhằm giải thích về các sự kiện.

Một người đàn ông đã rời phòng mình trong tình trạng trật tự, đã nhận thấy nó ở tình trạng lộn xộn khi anh ta quay trở lại, do những đồ vật đã bị ném ra lung tung. Tự nhiên ý niệm hiện ra trong đầu anh ta là đã có một kẻ trộm đạo đã đi vào trong phòng nên tạo ra tình trạng lộn xộn đó. Anh ta đã không nhìn thấy được kẻ trộm; sự hiện diện của hắn không phải là một sự kiện để quan sát; nó là một suy nghĩ, một ý tưởng. Tình trạng của căn phòng là một *sự kiện*, đúng thế, có thể nói như vậy; sự hiện diện của kẻ trộm là sự thế để cắt nghĩa ra những sự kiện. Hơn thế, người đó cũng không có một kẻ trộm đặc thù nào trong óc mình. Tình trạng của căn phòng của anh ta đang được nhận thấy và nó thật đặc biệt, được xác định - một cách đúng đắn là như thế; một kẻ trộm đã vào trong đó. Nhưng không có cá nhân cụ thể nào để được nghĩ tới; đó chỉ là một kẻ nào đó không được xác định, không có tính cụ thể gì cả, chỉ là một tên trộm đạo nào đó thôi.

Sự kiện nguyên thủy, căn phòng giống như đã được quan sát lần đầu tiên, hoàn toàn không *chứng minh* gì về sự kiện việc bị trộm đạo. Sự phỏng đoán tiếp sau đó có thể là đúng, nhưng bằng chứng để được

chấp nhận nó một cách chính xác thực tế vẫn còn thiếu. "Sự kiện" toàn bộ như thế cho thấy nó vừa có chứa đựng rất nhiều và cũng vừa rất ít điều của cả hai; rất nhiều là bởi vì có nhiều tính chất có vẻ như không thích hợp để suy đoán, và hơn thế lại còn mang tính cách 'hời hợt về mặt suy lý. Còn rất ít, là bởi vì những sự xem xét mang tính chất cốt yếu - nếu được khẳng định, thì có thể sẽ được quyết định - lại không hiện ra trên bề mặt. Sự tìm kiếm đầy tính suy nghĩ cho các loại sự kiện chúng đang bám sát tuy thế lại là cần thiết. Nếu sự minh họa được tiếp tục ngoài cả sự phán đoán, chẳng hạn có thể có việc trộm đạo ở đây không, người nào là kẻ phạm pháp, và làm thế nào để phát hiện ra được và phải bị trừng trị, thì sự cần thiết là phải mở rộng, và phải được xem xét cẩn thận đối với sự kiện của vụ việc, ngay cả phải cần làm sao cho rõ rệt thêm hơn.

Sự quan sát có giá trị khi được dẫn dắt bởi các giả thuyết. Sự tìm kiếm này cần có sự hướng dẫn. Nếu nó được hướng dẫn thuần túy theo cách thức tình cờ, thì một loạt vô số các hành động sẽ được khởi lên, nhưng nếu như thế, thì cũng không có quan hệ với việc số lượng của chúng sẽ được tăng thêm vào sự khó khăn cho trường hợp đó. Nó hoàn toàn có thể xảy ra việc suy nghĩ sẽ bị tràn ngập bởi vô số các sự kiện dị biệt. Vấn đề thực sự là: Những sự kiện nào sẽ là chứng cứ trong trường hợp này? Việc tìm kiếm những sự kiện nhằm để làm chứng cứ sẽ được hướng dẫn tốt một khi có một ý nghĩa được gợi lên nhằm có thể được sử dụng như thế nào đó, nhằm hướng dẫn cho sự khai thác các sự kiện, đặc biệt sự xây dựng thành một cuộc săn tìm đối với một sự kiện nào đó có thể chỉ ra được cho giá trị kết luận đối với một hướng cắt nghĩa, và loại trừ đi mọi cái khác. Vậy nên người đó sẽ vận dụng một số các giả thuyết khác nhau. Ngoài việc trộm đạo, còn có khả năng một thành viên nào đó trong gia đình vì có một yêu cầu cấp thiết để tìm kiếm một đồ vật gì đó, và trong lúc vội vàng, đã không có thời gian xếp đặt mọi thứ cho có trật tự trở lại. Trong gia đình cũng còn có các trẻ con, và chúng cũng là một khả năng của chính việc làm tồi tệ đó. Mỗi một trong các phỏng đoán đó, có thể được phát triển theo một chiều hướng nào đó. *Nếu* đó là một kẻ trộm, hay là một người lớn trong lúc vội vã, hay là sự nghịch ngợm của chính bọn trẻ con, *thì* đó là một số tính chất đặc biệt từ mỗi một nguyên do riêng nào đó có thể có được. *Nếu* đó là trường hợp của một kẻ trộm, *thế thì* những đồ đạc có giá trị có thể bị mất. Được hướng dẫn bởi ý tưởng này, người đó sẽ xem lại, không nhất thiết phải lâu hơn về cảnh tượng đó trong toàn thể, nhưng là bằng cách phân tích, với sự xem xét lại trên chính yếu tố này. Anh ta tìm thấy có các nữ trang bị mất; anh ta tìm thấy có một vài món đồ bạc đã bị vặn vẹo và bẻ cong đi, và chỉ còn để lại những đồ mạ. Những dữ liệu này sẽ không phù hợp với bất cứ một giả thuyết nào, trừ khi đó là việc ăn trộm. Nhìn kỹ càng hơn, anh ta lại tìm thấy những dữ liệu mà chúng hầu như hoàn toàn tự nhiên có thể giải thích được, cho thấy một cái cửa sổ có để lại dấu vết - một sự kiện chỉ có quan hệ với hành động của một kẻ trộm mà thôi. Trong bất kỳ những điều kiện bình thường nào, những dữ kiện này có thể cho ta một chứng cứ rõ ràng về sự viếng thăm của một kẻ trộm; nếu những điều kiện đều rất không bình thường, thì cũng chẳng có việc gì hơn là phải suy nghĩ tiếp tục về những điều có thể có khác nữa, và tìm xem những sự kiện tiếp nữa, như những dữ liệu nhằm thử nghiệm chúng qua đó. Trường hợp rút ra từ đời sống bình thường. Phương pháp khoa học tiêu biểu cho cùng một loại sự việc được thực hiện với sự giải quyết tỉ mỉ hơn, bằng những phương tiện đặc biệt của các dụng cụ và các máy móc được dùng cho mục tiêu, cùng các tính toán toán học.

Sự quan trọng của phương pháp trong việc phán đoán dữ kiện

... Từ vấn đề đã được đề cập, rõ ràng sự tạo thành các ý tưởng hay giả thuyết được dùng để giải thích các dữ kiện và để phối hợp chúng với nhau trong một tình trạng mật thiết, chỉ là gián tiếp. Về cơ bản, những sự gợi ý chỉ thật sự có xảy ra hay không còn phụ thuộc, như ta đã thấy, vào tình trạng văn hóa và tri thức vào lúc thời điểm đó; và tùy khả năng phân biệt, kinh nghiệm và tài năng bẩm sinh của cá nhân, trên chính các hoạt động mới đây của anh ta; cho tới mức nào đó còn có cả sự may mắn; và đối với phần nhiều các phát kiến và khám phá đã được thai nghén, cho ta thấy hầu hết cũng do sự tình cờ, mặc dù những sự tình cờ đầy may mắn này không bao giờ xảy ra, trừ khi những người nào đã được chuẩn bị đặc biệt bởi do sự suy nghĩ và sự thích thú đã có trước đó. Nhưng trong khi một sự kiện xảy ra lần đầu tiên như một điều gợi ý, và cho dù nó sáng giá hay là ngu ngốc, thì vẫn không thể được kiểm soát một cách *trực tiếp*, vì chỉ có sự chấp nhận và sự sử dụng của việc gợi ý mới có thể được kiểm soát, cho dù đó là một người có thói quen tinh thần hay suy nghĩ.

Phương pháp kiểm soát đầu tiên là phương pháp đã được chỉ ra rõ trong minh họa. Người phải đương đầu với hoàn cảnh đó, lần này đã phải nghĩ lại những sự mới xem xét, sự mở rộng ra, những phân tích, và việc làm để được chính xác hơn và được xác định hơn về những sự kiện của trường hợp đó. Anh ta phải cố gắng chuyển chúng vào đúng các dữ liệu đó, để cho chúng sẽ được trắc nghiệm, những sự gợi ý đã có xuất hiện ra trong đầu óc. Sự thử nghiệm này sẽ được thực hiện, như trong trường hợp kẻ trộm đột nhập, bằng cách tìm ra trên cơ sở xem xét những khía cạnh có vẻ như *không tương hợp* với một tính cách mà có thể đã được gợi ý như thế nào đó, và xem ra phù hợp với một điều gì đó khác. Chúng đúng là điều gì *nên* có ở đó trong chính sự kiện *nếu* giả thuyết đặc thù nay là đúng. Điều lý tưởng dĩ nhiên là khám phá ra những điểm nào đó mà có thể hiện thời *chỉ* thuộc một giả thuyết đặc biệt. Loại chứng cứ này có thể ít khi được tìm thấy trong sự kiện, nhưng rất có thể bằng những phương pháp nhằm kiểm soát sự quan sát và tập hợp các dữ liệu đã được tìm thấy, để giúp làm việc tốt trong nghiên cứu khoa học.

Sự tương hỗ giữa Quan sát và Suy nghĩ. Cần nên lưu ý sự quan sát không phải là một hành vận đối ngược lại với tư tưởng, hay ngay cả độc lập đối với nó. Trái lại, sự quan sát có *tính lưu tâm* ít nhất là một nửa của sự suy nghĩ, còn một nửa kia là sự thu hút và sự sử lý một lô các giả thuyết. Những đặc điểm nào có lóe lên chút nghi ngờ, thì thông thường không cần lưu ý tới; những đặc tính bị che giấu cần được mang ra ánh sáng; những tính chất mờ tối phải được soi rọi lên và làm sáng tỏ ra.

Hãy xem xét, ví dụ, cách một y sĩ thực hiện việc chẩn đoán, giải thích của ông ta. Nếu ông ta đã được đào tạo theo khoa học, thì ông ta treo lại - hay để lui lại - việc đi tới một kết luận nhằm vào cái gì đó mà ông ta có lẽ đã không được dẫn dắt bởi những sự việc xảy ra chỉ có tính hời hợt để vào trong một lập luận vội vàng. Có một vài sự kiện đã được cho thấy đi theo một cách rõ rệt sau sự quan sát của ông ta. Nhưng cái gì đó là hiển nhiên có thể là *khi được nhìn như một dấu hiệu rõ ràng,* một sự sai lầm; những sự kiện hiển nhiên, những dữ liệu có thật, có thể tự chúng thể hiện ra chỉ sau một sự tìm tòi kéo dài, bao gồm cả các máy móc nhân tạo và kỹ thuật để thể hiện được phương pháp đã được tìm thấy là hữu ích, bởi toàn thể một nhóm chuyên gia.

Những hiện tượng còn ngờ vực có thể gợi lên theo một cách bó buộc về bệnh thương hàn, nhưng người y sĩ vẫn tránh

một kết luận, hay ngay cả chỉ ưu tiên mạnh mẽ cho điều này, hay cho hết luận đó, cho đến khi ông ta đã *mở rộng* thêm ra mục tiêu của những dữ liệu của ông ta, và cũng để làm cho chúng trở thành *chi tiết* hơn. Ông ta không chỉ hỏi người bệnh theo như tình cảm của mình và theo như những hành vi của người đó trước khi bị bệnh, nhưng với những sự xem xét khác nhau bằng đôi tay của ông ta (và với những dụng cụ được dành cho mục đích đó) để mang ra ánh sáng một số lớn các sự kiện mà từ đó người bệnh hoàn toàn không biết đến. Tình trạng của nhiệt độ, hô hấp, nhịp tim, được lưu ý một cách chính xác, và sự biến chuyển của chúng từ lúc này qua lúc khác đã được ghi lại một cách cụ thể. Cho tới khi sự xem xét này đã được làm *rõ ra* nhằm hướng tới một tập hợp rộng hơn và được gom *vào trong* nhằm hướng tới một sự xem xét tỉ mỉ các chi tiết, khi đó sự suy đoán mới được thực hiện..

Sự thay đổi thực nghiệm của các điều kiện... Đối tượng của sự thử nghiệm là *xây dựng, bằng những bước đi đều đặn, được rút ra từ sơ sở một kế hoạch đã được suy nghĩ trước, về một trường hợp mẫu mực, then chốt,* một trường hợp đã được tạo nên với sự quy chiếu rõ ràng vào việc soi rọi lên các khó khăn đang nằm trong vấn đề. Tất cả các phương pháp mặt ngoài của sự kiện đều dừng lại vì đã được xác định xong, và trên sự điều chỉnh của những điều kiện của sự quan sát và trí nhớ; sự thí nghiệm đơn giản là nhằm điều chỉnh một cách thích đáng nhất về những điều kiện này nếu có thể được. Chúng ta cố gắng làm một sự quan sát để nhận thức về mọi sự kiện tham dự vào trong đó, cùng với các cách thức, và số lượng của nó, chính trong sự vận dụng nó, để có thể mở ra được cho sự nhận thức. Việc thực hành những sự quan sát, mở rộng ra, có tính hiện thực, chính xác, đã tạo nên sự thí nghiệm.

Ba lợi điểm của sự thí nghiệm. Những sự quan sát như thế luôn có nhiều, và những lợi điểm là hiển nhiên qua các sự quan sát - không có vấn đề mở rộng thế nào - chú trọng tới cái gì mà chúng ta chỉ đơn giản chờ đợi cho một sự kiện sẽ xảy ra, hay là một đối tượng tự bày tỏ. Thí nghiệm bổ sung cho chính những sự thiếu sót, là do bởi (a) sự *hiếm hoi,* (b) sự *tinh vi* và sự tỉ mỉ (hay là mạnh mẽ), và (c) sự *cố định* cứng nhắc của các sự kiện như chúng ta vẫn thường thí nghiệm chúng. Những trích dẫn sau đây từ *Những bài học cơ bản về Luận lý học* của Jevons, đã chỉ rõ ra về những điểm này:

> *"Chúng ta có lẽ sẽ phải chờ đợi nhiều năm hay nhiều thế kỷ để bắt gặp được một cách tình cờ những sự kiện mà chúng ta có thể sẵn sàng tạo ra được vào bất cứ lúc nào trong một phòng thí nghiệm; và có thể hầu hết những chất hóa học hiện giờ đã được biết và nhiều sản phẩm cực kỳ hữu ích có thể không bao giờ được khám phá, bằng cách phải đợi cho tới khi thiên nhiên bày tỏ nó ra theo một cách ngẫu nhiên nhằm để cho sự quan sát của chúng ta".*

Sự trích dẫn này ám chỉ vào tính cách không thường xuyên, hay chính là sự hiếm hoi của một số các sự kiện của tự nhiên, ngay cả những sự kiện rất quan trọng. Đoạn văn được nêu trên nhằm để nói lên các sự tỉ mỉ của nhiều hiện tượng mà chúng làm cho chúng thoát ra khỏi các kinh nghiệm thông thường:

> *"Điện vẫn nhất thiết đang vận động trong mọi phần tử của vật chất, và có lẽ ở mọi lúc theo thời gian; và ngay cả những người xưa cũng đã từng lưu ý tới sự tác động của nó trong đá nam châm, trong sét, trong bắc cực quang, hay trong một miếng hổ phách được chà xát. Nhưng trong sấm chớp thì điện lại có cường độ cao và rất nguy hiểm; trong những*

trường hợp khác, nó lại rất yếu để có thể nhận thức ra được cách rõ rệt. Khoa học nghiên cứu về điện và từ học chỉ có thể phát triển nhờ việc có cung cấp được đều đặn điện từ các máy phát điện nói chung, hay từ bình ac quy, và bằng các di na mô. Hầu hết, nếu không phải là tất cả những hiệu quả mà điện được sản xuất ra, phải tiếp tục trong bản chất, nhưng nói cho cùng cũng rất khó cho sự quan sát.

Jevons do vậy mà tiếp cận cùng với sự kiện, là dưới những điều kiện bình thường của kinh nghiệm, những hiện tượng nào có thể được hiểu chỉ bởi nhìn chúng dưới những điều kiện thay đổi, thì được trình bày trong một cách cố định và đơn điệu.

"Cũng như vậy, axit cacbon chỉ hay gặp được trong dạng một chất khí, do tiến trình của sự đốt cháy cácbon; nhưng khi được xử lý với áp suất cực kỳ và nhiệt độ lạnh, nó bị ngưng tụ lại thành một chất lỏng, và ngay cả có thể biến thành những kiểu dạng đặc như bông tuyết. Nhiều loại khí khác cũng có thể trong cùng một cách thức như thế, được hóa lỏng, hay làm cho đông đặc lại, và ta có lý để tin rằng mọi chất đều có thể có được mọi trạng thái rắn, lỏng, và khí, nếu chỉ với những điều kiện của nhiệt độ và áp suất có thể hội đủ để làm nó thay đổi. Trái lại, nếu chỉ có sự quan sát trong thiên nhiên, thì khó thể dẫn chúng ta tới được giả thiết cho rằng hầu gần như mọi chất đều chỉ có thể cố định trong một điều kiện nào đó, và không thể bị biến chuyển từ chất rắn vào trong chất lỏng và từ chất lỏng và trong chất khí".

Nhiều yếu tố có thể được đòi hỏi để miêu tả ra trong chi tiết mọi phương pháp mà những nhà nghiên cứu đã phát triển nơi những chủ đề khác nhau, để phân tích và xác định lại đối với những sự kiện của kinh nghiệm thông thường, để cho chúng ta có thể thoát ra khỏi những sự gợi ý thường tình và hay thay đổi, và có thể có được những sự kiện trong một dạng giống như thế, và trong một ánh sáng như thế (hay là thực tại cụ thể) mà những sự cắt nghĩa chính xác và sâu hơn có thể được gợi lên, nơi nào hãy còn những điều gì đó còn mơ hồ và giới hạn. Nhưng những dụng cụ đa dạng khác nhau của sự tìm tòi, quy nạp tất cả đi theo cùng một mục đích và trong cùng quan điểm: sự điều chỉnh gián tiếp của chức năng qua những sự gợi ý, hay việc tạo thành các ý tưởng.

17

Ýchí tự do, con người và lịch sử [*]

JOHN STUART MILL
(1806 - 1873)

I. Về sự tự do và tính tất yếu

§1. Vấn đề có phải chăng luật nhân quả có thể áp dụng được trong cùng một nghĩa hẹp cho những hoạt động của con người cũng như cho các hiện tượng tự nhiên là cuộc tranh luận đã được đưa ra có liên quan tới sự tự do và ý chí; điều đó ít nhất cũng lùi xa về tận thời đại của Pelagius, đã phân chia ra hai thế giới triết học và khoa học. Ý kiến khẳng định được gọi chung là lý thuyết về Tất định, vì đã xác định những ý muốn và những hành động của con người là cần thiết và không thể tránh được. Thuyết phủ nhận thì chủ trương rằng ý chí là không được xác định, cũng giống như những hiện tượng khác, bởi từ những điều gì có trước, nhưng chỉ tự xác định chính nó; các ý thích của chúng ta, nói cho đúng không phải là những hiệu quả của những nguyên nhân, hay ít nhất cũng không có những nguyên nhân nào để chúng phải nhất thiết và mặc nhiên phải tuân thủ.

...Ý kiến thứ nhất trong hai ý kiến này là điều mà tôi xem là ý kiến đúng; nhưng những thuật ngữ sai lầm mà trong đó nó thường được biểu hiện, và chính cách thức không phân biệt mà trong đó nó thường được hiểu, đều vừa làm ngăn cản sự chấp nhận nó, cùng làm suy yếu đi ảnh hưởng của nó khi nó được thừa nhận. Lý thuyết siêu hình học về ý chí tự do, như được chủ trương bởi các nhà triết học (vì tình cảm thực tiễn về nó, là chung cho các cấp độ lớn hơn hay nhỏ, hơn là cho tất cả loài người, vẫn không có cách nào phù hợp được với lý thuyết ngược lại), cùng được phát kiến ra bởi chính sự lựa chọn giả định cho sự chấp nhận những hành động con người là đều nhất thiết, là dường như không phù hợp với ý thức về bản năng của mọi người, cũng như chính sự nhún nhường đối với lòng tự hào, và ngay cả sự đối với suy thoái nói chung của bản chất đạo đức của con người. Chẳng phải

[*] Chương 2, 3, 11 trong Quyển VI của *Một hệ thống Logic* (1843).

tôi phủ nhận lý thuyết đó, như một đôi khi nêu ra, nhằm mang đến những sự cắt xấn này; bởi vì đối với sự hiểu nhầm, mà trong đó tôi có thể chỉ ra việc chúng đã phát sinh, là không mấy hay ho, và không hạn định vào những kẻ đối kháng lại với lý thuyết đó, nhưng là việc tham dự vào trong đó bằng nhiều, có lẽ chúng ta có thể nói được bằng nhiều cách nhất, của những người ủng hộ nó.

§2. Nhận thức một cách đúng đắn, lý thuyết được gọi là Tất yếu triết học chỉ đơn giản như thế này: có những lý do hiện có đối với một đầu óc cá nhân, và cũng giống như thế có tính chất và tình trạng của cá nhân, cách thức trong đó anh ta có thể sẽ phải hành động, vẫn có thể được luận ra một cách chắc chắn; nên nếu chúng ta biết rõ con người đó một cách hoàn toàn, và biết rõ mọi sự thu hút nào đó đang tác động trên anh ta, thì chúng ta có thể đoán trước được hành vi của anh ta, cũng chắc chắn giống như có thể đoán được bất cứ một hiện tượng vật lý nào như thế. Mệnh đề này, nội dung này, tôi chỉ xem như một sự giải thích bằng kinh nghiệm phổ biến, một sự xác định bằng những từ ngữ của điều gì đó mà mọi người mặc nhiên đều tin chắc. Không ai lại có thể tin rằng anh ta nắm biết xuyên suốt mọi trường hợp của bất cứ sự việc gì, và cả các tính chất của những người khác nhau có liên quan, để có thể do dự đoán trước được việc làm thế nào mà mọi điều trong chúng hành động. Cho dù cấp độ nghi ngờ mà thực tế anh ta có thể cảm nhận được như thế nào, thì vẫn có thể phát sinh ra từ sự không chắc chắn, hoặc là anh ta có thực sự biết về những điều kiện, hay là về các tính chất của một người nào đó, hay là về các tính chất khác của những người đó, cùng với một mức độ chính xác được đòi hỏi; nhưng hoàn toàn không phải từ sự suy nghĩ nếu anh ta có thật biết về những điều này không, thì có thể có một sự không chắc chắn nào đó, mà hành vi đó có thể là như thế. Cũng chẳng phải là sự bảo đảm đầy đủ này lại đối chọi cả trong mức độ nhỏ nhất đối với điều gì đó được gọi là những tình cảm của chúng ta về sự tự do. Chúng ta không cảm thấy chính chúng ta có chút tự do nào, bởi vì những người này được chúng ta biết một cách thân thiết, rất chắc chắn để làm thế nào mà chúng ta sẽ muốn hành vi trong trường hợp riêng biệt. Thông thường thì ngược lại, chúng ta nhìn với sự nghi ngờ về điều gì hành mà vì chúng ta sẽ thực hiện, đó như là một dấu hiệu của sự ngu dốt trong tính cách của chúng ta, và một đôi khi ngay cả việc cảm thấy đó giống như một sự cắt xấn. Những nhà siêu hình học trong tôn giáo đã từng xác nhận sự tự do của ý chí, họ đã luôn luôn chủ trương nó phù hợp với sự khải thị thiêng liêng trước đó cho những hành vi của chúng ta; và nếu với sự thiêng liêng như vậy, thì sẽ cũng với những sự tiên thị khác. Chung ta có thể là tự do, và như thế một người khác cũng có thể có lý để hoàn toàn chắc chắn là cách sử dụng nào mà chúng ta sẽ làm do từ sự tự do của chúng ta. Tuy thế, chẳng phải lý thuyết cho những mong muốn của chúng ta và những hành vi của chúng ta là những hậu quả không thay đổi của những tình trạng tinh thần có trước đó của chúng ta, điều này hoặc là mâu thuẫn với ý thức của chúng ta, hay là tự cảm thấy là bị xuống cấp.

Nhưng lý thuyết về nguyên nhân, khi được xem như đã có được từ trong những ý muốn của chung ta, và từ những tình trạng đã có trước chúng, hầu như được nhận thấy phổ biến như đã có bao hàm nhiều hơn về điều này. Nhiều người vẫn không tin, và thực tế ít người cam thấy không có cái gì trong nguyên nhân lại không có một hậu quả không thay đổi, chắc chắn, và không có điều kiện. Có một số người mà đối với họ, chỉ có sự liên tục là vẫn luôn có, của những sự việc có vẻ như một mối dây thiết yếu, đầy đủ, của sự nối kết để cho ra một sự liên hệ đặc

biệt như thế, như thể là ý nghĩa bản chất của nguyên nhân và hậu quả. Ngay cả nếu lý trí có bác bỏ, thì sự tưởng tượng vẫn cứ nấn ná ở lại, khiến cho cảm thấy có một mối liên hệ nào đó mật thiết hơn, của một quan hệ đặc thù hay bó buộc bí mật nào đó, được sử dụng bởi chính tiền đề lên trên hệ quả. Thế thì điều gì được xem như việc được ứng dụng cho ý chí của con người, là mâu thuẫn với ý thức của chúng ta, và phản ngược lại với những tình cảm của chúng ta. Chúng ta chắc chắn trong trường hợp những mong ước của chúng ta, không có sự ép thúc bí mật này. Chúng ta biết chúng ta vẫn không bị bó buộc như kiểu một bùa mê, ma thuật, để nhằm phải vâng theo một sự thúc đẩy riêng biệt nào đó. Chúng ta cảm thấy chúng ta muốn chứng minh việc chúng ta có năng lực để chống lại động cơ đó, và chúng ta có thể làm thế (sự mong muốn đó, chỉ cần được quan sát thôi, là một *tiền đề mới*); và nó sẽ làm cùn nhụt sự tự hào của chúng ta, và (những gì quan trọng hơn) làm tê liệt sự ham muốn của chúng ta về cái gì là cực tốt, nếu chúng ta nghĩ theo cách khác. Nhưng không phải bất kỳ sự thúc ép bí mật nào như thế vẫn được giả thiết bởi những người có uy tín triết học tốt nhất, được luyện tập bởi bất cứ một nguyên nhân nào khác trên chính hậu quả đó của nó. Những người nào vẫn cho rằng những nguyên nhân kéo theo những hậu quả của chúng, do bởi một sự ràng buộc bí mật nào đó, thì đúng là họ tin tưởng có mối quan hệ giữa những sự ham muốn của con người và những nguyên nhân đi trước chúng, lại thuộc một bản chất khác. Nhưng họ sẽ đi xa hơn, và chấp nhận điều này cũng vẫn đúng cho mọi hậu quả khác và các tiền đề khác của chúng. Nếu một sự ràng buộc như thế được xem như đã bao hàm trong từ ngữ Tất yếu, thì lý thuyết đó cũng không đúng với các hành vi của con người; nhưng cũng chẳng phải nó là đúng như thế đối với những sự vật vô tri vô giác. Nhưng sẽ là đúng đắn hơn, khi nói vấn đề vẫn không bị ràng buộc bởi sự tất yếu, hơn là chính bản chất tinh thần của nó là như thế.

Những nhà siêu hình học chủ trương ý chí tự do, hầu như đều thuộc vào trường phái phản bác sự phân tích của Hume và của Brown về nguyên nhân và hậu quả, có thể đánh mất con đường của họ vì thiếu ánh sáng hướng dẫn và sự phân tích mang lại, có thể không mấy làm cho chúng ta ngạc nhiên. Tuy thắc mắc đối với những người chủ trương thuyết tất yếu, họ vẫn thường chấp nhận lý thuyết triết học đó, nên có thể trong thực tế cũng sẽ mất quan điểm về nó. Cũng chính quan niệm nhầm lẫn của lý thuyết được gọi là thuyết Tất yếu triết học, mà nó vẫn đề phòng phần nào nhằm chống lại với sự nhận thức về chân lý của nó, tôi tin tưởng vẫn có nhiều điều hay hơn là sự mờ tối, trong chính những tinh thần của những của những người hướng theo quan niệm tất định nhất, tuy dù có thể trong ngôn ngữ thì họ không thú nhận nó. Tôi cho là sẽ bị nhầm lẫn nhiều, nếu họ vẫn thường cảm thấy sự thiết yếu là điều mà họ thừa nhận trong hành động, nhưng lại không thống nhất trong trật tự, và có thể là đã được dự liệu trước. Họ có một tình cảm giống như thể đã có ở tận đáy họ một sự nối kết mạnh mẽ giữa những ham muốn và những nguyên nhân của chúng; giống như khi họ xác nhận ý chí được cai quản bởi sự cân nhắc giữa những động lực, nên chúng có nghĩa là có cái gì đó mang tính thuyết phục hơn nếu họ chỉ cần nói cho bất kỳ ai biết về những động lực đó, và những sự việc có thể nhận thức được theo thông thường của chúng ta đối với nó, sẽ có thể nói trước được việc làm thế nào mà chúng ta có thể sẽ muốn hành động. Ngược lại, chúng phạm vào chính hệ thống khoa học của họ, và cùng một lầm lẫn như thế đó mà những sự trái ngược lại của nó trong sự tuân phục đối với những gì của chúng; và do đó mà thật sự trong một vài trường hợp, phải chịu những hậu

quả gây ra sự thất vọng đó mà những kẻ đối kháng của họ đã làm phương hại một cách sai lầm đến chính lý thuyết.

§3. Tôi vẫn có thói quen suy nghĩ sự sai lầm đó hầu như hoàn toàn là hậu quả của việc cứ gắn kết vào với một từ ngữ, tuy điều đó có thể được ngăn ngừa được, bằng cách kiên định việc sử dụng nó cho sự biểu hiện một sự kiện đơn giản từ nguyên nhân tạo ra, mà một từ ngữ thật cực kỳ không thích hợp mệnh danh như sự Tất yếu. Từ ngữ đó, trong những ý nghĩa khác của nó, có bao hàm nhiều hơn chỉ đơn thuần là hậu quả; nó hàm chứa cả sự không thể chống lại được. Áp dụng vào ý chí, nó chỉ có nghĩa nguyên nhân đã có sẽ được đi theo bởi hậu quả, chịu sự chi phối của tất cả những khả năng có thể chống lại được bằng những nguyên nhân khác; nhưng trong việc sử dụng chung, nó nhằm đến sự tác động của những nguyên nhân đó mà thôi, và nó được giả thiết rất là mạnh để có thể chống lại được tất cả. Khi chúng ta nói mọi hành vi con người xảy ra đều do sự tất yếu, chúng ta chỉ muốn nói chúng chắc chắn sẽ xảy ra nếu không có cái gì đó ngăn cản nó; khi chúng ta nói chết vì đói đối với một người nào không thể tìm ra được thức ăn, là một sự tất yếu, tức chúng ta muốn nói điều đó chắc chắn phải xảy ra, cho dù một điều gì đó có thể làm để ngăn cản nó. Việc áp dụng cùng một từ ngữ đó cho những tổ chức mà những hành vi con người phụ thuộc, cũng như nó được sử dụng để biểu thị những tổ chức đó của tự nhiên mà chúng không thể kiểm soát được, vẫn có thể không bị thất bại, trong khi theo lẽ thông thường, vẫn tạo ra một tình cảm không thể kiểm soát được, cả trong cái trước cũng vậy. Điều này, tuy vậy chỉ là một ảo tưởng. Có những hậu quả vật lý được chúng ta gọi là cần thiết, như chết do thiếu thức ăn hay do thiếu không khí; lại có những cái khác cho dù chúng là nguyên nhân của nhiều sự kiện nhân quả cũng giống như cái trước, mà không thể nói là cần thiết, như chết là do ngộ độc, đó lại là một yếu tố đối kháng lại, hay sự dùng đến việc bơm ruột, cũng sẽ đôi khi có thể tránh được. Nó có khả năng bị quên đi bởi những tình cảm của con người, ngay cả khi nếu có nhớ được bởi những sự không hiểu ra của họ, mà những hành động của con người chính là trong sự tiên liệu cuối cùng này: chúng không bao giờ (trừ khi trong vài trường hợp của sự điên khùng) khi được cai quản bởi một động lực nào đó, với một lối thoát tuyệt đối như vậy mà sẽ không có một chỗ nào cả cho sự ảnh hưởng của một cái khác. Tuy thế, những nguyên nhân mà những hành động phụ thuộc vào, không bao giờ lại không kiểm soát được; và bất cứ một hiệu quả nào có thể có được, đều cũng chỉ là cần thiết, miễn là những nguyên nhân hướng tới việc tạo ra nó đã không thể kiểm soát được. Bất cứ điều gì xảy ra, cũng không thể xảy ra được một cách khác, trừ khi một cái gì đó đã xảy ra có khả năng ngăn cản được nó, còn thì không một ai chắc chắn là không bị đo dự để chấp nhận. Nhưng để gọi điều này là sự Tất yếu, tức là sử dụng thuật ngữ đó trong một ý nghĩa khác hẳn với ý nghĩa nguyên thủy và quen thuộc của nó, do đó mà vẫn thường xảy ra ngay trong cuộc sống bình thường, như vẫn thấy hầu hết đều dùng để chỉ những từ ngữ đó. Những sự liên kết được xuất phát từ ý nghĩa thông thường của từ ngữ này, sẽ gắn kết vào với nó, cho dù tất cả điều gì đó chúng ta có thể làm; và cho dù là lý thuyết Tất yếu, như đã được khẳng định bởi hầu hết những ai chủ trương nó, vẫn rất xa lạ đối với thuyết định mệnh, tuy dù có thể những người theo thuyết tất yếu lại là những người theo định mệnh thuyết, dù nhiều hay ít, trong tình cảm của họ.

Một người theo thuyết định mệnh tin rằng, hay hầu như tin rằng (bởi vì chẳng có ai là người theo định mệnh thuyết theo nghĩa chặt chẽ cả), không chỉ bất cứ điều gì xảy ra, phải là kết quả không thể tránh

được của những nguyên nhân tạo ra nó (đó là lý thuyết tất định đúng đắn), nhưng hơn thế, không cho là có khả năng đấu tranh nào để chống lại chúng được; vì nó tất yếu sẽ xảy ra; tuy nhiên, chúng ta chỉ có thể cố gắng nhằm ngăn cản nó. Thế nên một người theo thuyết Tất yếu tin tưởng những hành động của chúng ta luôn đi theo sau những tính chất của chúng ta, và vì những tính chất của chúng ta xuất phát do chính thể trạng của chúng ta, sự giáo dục của chúng ta, và những hoàn cảnh riêng của chúng ta, là phù hợp, để với ít hay nhiều ý thức, về phần anh ta, một người theo thuyết định mệnh, giống như đối với chính các hành động của anh ta, và tin tưởng chính bản chất của anh ta là như thế, hay là sự giáo dục và các hoàn cảnh của anh ta đã được đúc khuôn như thế đối với tính chất của anh ta, nên không có gì giờ đây có thể ngăn cản anh ta trong việc cảm thấy và hành vi theo một cách đặc biệt, hay là ít nhất, cũng không có sự nỗ lực nào của chính anh ta cả để có thể ngăn cản được nó. Trong từ ngữ chuyên biệt, mà trong thời đại của chính chúng ta hầu như đã được tính toán một cách khe khắt, và hầu hết đã bị hiểu lầm một cách khốc liệt về học thuyết lớn này, thì tính chất của anh ta đã được tạo thành *cho* anh ta, và lại không phải *do bởi* anh ta; tuy thế, sự mong ước của anh ta ước gì nó đã được tạo nên khác đi là không thực tế; anh ta không có quyền năng nào để làm thay đổi nó. Nhưng điều này là một sự nhầm lẫn lớn. Anh ta, trong một chừng mực nào đó, đã có một năng quyền để biến đổi tính chất của anh ta. Tính chất đó, nói cho cùng, là được tạo thành cho riêng anh ta, không nhất thiết gắn với sự tồn tại của nó, mà một phần được tạo thành *bởi* anh ta như một trong những nhân tố trung gian. Tính cách của anh ta được tạo thành bởi những điều kiện của anh ta (bao gồm trong đó cả thể chất của anh ta); nhưng sự mong muốn của chính anh ta là việc đúc khuôn nó theo một cách riêng, chính là một trong những điều kiện này, và không thể nào đó lại là một yếu tố bị ảnh hưởng ít nhất. Thật thế, chúng ta không thể nhất định sẽ khác đi với chính bản chất đã có của chúng ta. Nhưng không phải những điều gì được giả thiết đã tạo nên những tính chất của chúng ta một cách trực tiếp phải là cái mà bản chất chúng ta phải là như thế đó. Ý chí của họ không có năng quyền trực tiếp, trừ ra trên chính các hành vi của họ. Chúng tạo ra cho chúng ta cái gì mà chúng đã không tạo ra cho chính chúng ta bằng ý chí, đó không phải là cái cuối cùng, nhưng là những phương tiện mang tính đòi hỏi bắt buộc; và chúng ta, một khi mà các thói quen của chúng đã không quá thâm căn cố đế, thì vẫn có thể, bởi các mong muốn tương tự như những phương tiện cần có, có khả năng làm sao cho chính chúng ta trở thành khác. Nếu chúng có thể đặt chúng ta dưới sự ảnh hưởng của một số các điều kiện nào đó, thì chúng ta cũng trong cùng cách đó, có thể đặt chính chúng ta dưới sự ảnh hưởng do những hoàn cảnh khác hẳn. Chúng ta đúng là có khả năng tự tạo nên tính chất cho chúng ta, *nếu chúng ta muốn*, trong khi những điều khác vẫn đã được tạo ra sẵn cho chúng ta rồi.

Vâng (the Owenite trả lời), nhưng những từ này, "Nếu chúng ta muốn", khu biệt về một điểm cho toàn bộ: bởi vì ý muốn biến đổi tính chất của chính chúng ta, cứ cho là để cho chúng ta, vì không phải bởi bất kỳ những cố gắng nào của chúng ta, nhưng bởi những điều kiện có sẵn khiến chúng ta không thể giúp được chúng, nên nó luôn đến với chúng ta hoặc từ những nguyên nhân bên ngoài, hay chẳng do là gì cả. Hầu hết đều đúng: nếu Owenite chỉ dừng lại ở đây, con người ở trong một vị trí nào đó không thể nào loại bỏ được chính ta. Tính chất của chúng ta được tạo thành do bởi chúng ta, cũng như cho chúng ta; nhưng sự mong muốn đã thúc đẩy chúng ta nhằm tạo ra điều gì

tạo lập nên bản chất chúng ta; và tại làm sao? Nói chung không phải do bởi thể trạng chúng ta, cũng chẳng phải hoàn toàn bởi sự giáo dục, nhưng còn bởi kinh nghiệm của chúng ta: kinh nghiệm từ những hậu quả đau đớn của tính chất mà trước đây chúng ta đã có; hay cũng bởi một vài tình cảm mạnh mẽ trong sự thán phục hay trong nguyện vọng đột nhiên nảy sinh ra. Nhưng cứ nghĩ rằng chúng ta sẽ không dùng sức mạnh của chúng ta, trừ khi nào chúng ta muốn dùng đến nó, đó là những sự việc rất khác nhau, và có một hiệu quả rất khác trên tinh thần. Một người nào đó không muốn thay đổi tính chất của mình, có thể không phải là người được giả thiết là đang cảm thấy thất vọng và tê liệt, bởi vì anh ta nghĩ rằng anh ta không thể làm được điều đó. Hiệu quả của sự thất vọng của một người theo thuyết định mệnh là chỉ có thể cảm thấy mơ hồ *có* một ước muốn phải làm cái gì đó mà học thuyết đó diễn đạt như là không thể được. Không có những hậu quả mà do chúng ta nghĩ là được tạo nên từ các tính chất của chúng ta, khi chúng ta không có một sự ham muốn nào của chính chúng ta về việc tạo ra nó; nhưng đó lại là hậu quả lớn khi chúng ta không thể để bị ngăn cản đối với việc tạo ra một ham muốn như thế, bởi chỉ nghĩ là việc đạt tới điều ấy không thể thực hiện được, và nếu chúng ta có sự ham muốn như thế, chúng ta sẽ biết công việc đó nhất định không thể nào làm được như thế cả, nên không thể thay đổi được.

Và thật sự nếu chúng ta xem xét kỹ càng hơn, chúng ta nhận thấy tình cảm này của bản thân chúng ta có thể làm biến đổi tính chất của chúng ta *nếu chúng ta muốn*, vì đó là tình cảm của sự tự do tinh thần mà chúng ta vẫn có ý thức về nó. Một con người cảm thấy mình có tự do về mặt tinh thần thì cũng cảm thấy những thói quen của anh ta, hay là những tiên kiến của anh ta, không phải những ông chủ của anh ta, nhưng anh ta mới chính là ông chủ của chúng; cho dù người nào ngay cả có phải chịu lụy chúng, thì cũng biết anh ta vẫn có thể chống lại: cho dù anh ta có muốn vứt hết chúng đi tất cả, thì cũng không thể chỉ đòi hỏi cho mục đích đó, nhưng dù một ham muốn mạnh mẽ hơn, thì anh ta cũng tự biết chính mình có khả năng cam nhận được điều đó. Dĩ nhiên là no cần thiết, nhằm khiến cho ý thức của chúng ta về sự tự do là hoàn toàn có được, và chúng ta đã lần lượt tạo nên tính chất của chúng ta, điều mà tất cả chúng chúng ta đều đã có cho tới giờ này, bởi có ý muốn thực hiện điều đó; bởi vì nếu khi chúng ta muốn mà đã không đạt tới được, thì trong chừng mực nào đó, chúng ta không có quyền lực đối với chính tính cách của chúng ta; như thế chúng ta không có sự tự do. Hay ít nhất, chúng ta phải cảm thấy được sự mong muốn của chúng ta, nếu nó không đủ mạnh để làm thay đổi được tính cách của chúng ta, thì phải đủ mạnh để chinh phục được tính cách của chúng ta, khi cả hai điều này đều được mang vào trong đối kháng lại một trường hợp đặc thù nào đó của thái độ của chúng ta. Như thế, có thể nói hoàn toàn đúng là không có điều gì khác hơn là ý muốn của một đức hạnh được xác định như thế nào đó là một sự tự do hoàn toàn.

Sự áp dụng một từ ngữ quá không tương thích như từ Tất yếu cho lý thuyết về nguyên nhân và hậu quả trong vấn đề về tính chất con người, dường như đối với tôi là một trong những trường hợp nổi nét nhất trong triết học về sự lạm dụng từ ngữ, và có những hậu quả thực tiễn của nó, cũng là một trong những ví dụ nổi bật nhất của sức mạnh của ngôn ngữ đối với những sự liên kết của chúng ta. Chủ đề sẽ không bao giờ được thấu hiểu một cách tổng quát, cho tới khi từ ngữ có thể bị phản đối đó phải bị bỏ đi. Lý thuyết về ý chí tự do, vẫn chủ trương theo trong quan điểm của nó một cách chính xác, là một bộ phận của chân lý do từ Tất yếu

đặt để ra, là ngoài sự nhận thức được, tức là ngoài năng lực của tinh thần vận dụng trong việc hiểu được ra nó, đã cho ta những sự kết hợp cùng với một tình cảm thực tiễn càng gần gũi đối với sự thật hơn, và nói chung (tôi tin vậy) vẫn đã hiện hữu trong đầu óc của những người theo thuyết tất yếu. Lý thuyết này có lẽ đã có một ý nghĩa mạnh mẽ hơn theo ý nghĩa quan trọng đối với điều gì đó mà mọi người có thể thực hiện để định hình về tính chất của họ lẫn nhau; nhưng lý thuyết ý chí tự do theo tôi nghĩ vẫn đã được nuôi dưỡng trong những người luôn hỗ trợ của nó trong một tinh thần mạnh mẽ hơn nhiều trong mục tiêu xây dựng nó lên.

§4. Vẫn còn một sự kiện cần phải được lưu ý (cộng thêm sự tồn tại một quyền lực sự sáng tạo) trước lý thuyết về nguyên nhân hành động của con người, có thể có tự do là bởi từ sự lẫn lộn và sự hiểu lầm vẫn làm bối rối nhiều đầu óc. Khi ý chí được cho là được xác định bởi những động lực, một động lực không có nghĩa là luôn luôn, hay là duy nhất, là cái gì đi trước một sự thích thú hay một sự đau đớn. Tôi sẽ không tìm hiểu ở đây có phải nó là cái gì có thực hay không, trong sự khởi đầu cho mọi hành động có ý chí của chúng ta, nhưng chỉ là những phương tiện được dùng một cách có ý thức để đạt tới một sự thích thú nào đó, hay tránh sự đau đớn nào đó. Ít nhất điều chắc chắn là chúng ta cùng dần dần, thông qua ảnh hưởng của những sự kết hợp đó, mà đi tới mong muốn những phương tiện tuy không nghĩ gì về đích điểm của nó; tự hành động của chính nó trở thành một đối tượng của sự thích thú, và nó được thực hiện mà không có bất kỳ một động lực nào ở bên ngoài nó. Hơn thế nữa, nó vẫn có thể bị chỉ trích như là hành động được thông qua sự kết hợp, do vậy trở nên thích thú, và cũng y hệt như trước kia, chúng ta bị đẩy tới việc hành động, bởi đoán trước về một sự thích thú, tức là sự thích thú của chính hành động đó. Nhưng để bảo đảm cho điều này, vấn đề không hề kết thúc ở đây. Như chúng ta đã tập tành trong việc tạo nên những thói quen, và trở nên quen thuộc với việc muốn có một hành vi đặc thù hay là một hiểu hiện đặc thù của thái độ, là bởi vì nó thích thú, chúng ta cuối cùng tiếp tục mong muốn nó mà không có bất cứ sự nhắc đến việc nó có được thích thú hay không. Cho dù có một số thay đổi nào đó trong chúng ta, hay trong hoàn cảnh của chúng ta, chúng ta đã ngưng tìm kiếm bất cứ một sự thích thú nào trong hành động, hay có lẽ đoán trước được bất cứ sự thích thú nào như là hậu quả của nó, chúng ta vẫn cứ tiếp tục mong muốn hành động, và kết quả là thực hiện nó. Trong cách này, chính những thói quen về sự thái quá có hại, vẫn cứ tiếp tục được thực hiện, mặc dù chúng đã không còn là thích thú nữa; và cũng trong tính cách này, mà đó chính là thói quen của sự mong muốn cứ kiên trì trong cuộc chạy đua mà anh ta đã chọn lựa, vẫn không loại trừ yếu tố tinh thần, hay ngay cả có khi là phần thưởng, cho dù đó là thật, mà anh ta vẫn nghi ngờ việc nhận được từ ý thức của sự làm tốt, hay là cái gì đó nhưng vẫn là một sự tương đồng với các chịu đựng mà anh ta đã phải trải qua, hay là cả những mong muốn mà anh ta đã phải từ chối.

Một thói quen của sự mong muốn vẫn thường được gọi là mục đích; và trong số những nguyên nhân của những mong ước của chúng ta, và của những hành động phát sinh ra từ đó, phải được tính tới không phải chỉ những sở thích hay sự thù ghét, mà cũng là những mục đích. Nó chỉ là khi những mục đích của chúng ta, khi đã trở nên độc lập với những tình cảm của sự thích thú, hay đau đớn, từ đó mà chúng vốn phát sinh ra, song chúng ta được bảo có một tính cách đã được xác định. "Một tính chất", Novalis nói, "là

một ý chí được định kiểu một cách hoàn toàn"; và ý chí, một khi đã được xác định tính cách, có thể đã là thường xuyên và ổn định, khi mà những sự nhận thức có tính thụ động về sự thích thú và đau đớn, đã bị yếu đi nhiều lắm, và đã bị thay đổi mặt chất thể .

II. Có, hay có lẽ có, một khoa học về bản chất con người

§1. Đó là một ý niệm chung, hay ít nhất nó hàm chứa trong nhiều cách nói khác nhau về một nội dung vấn đề như thế, ý muốn nói các tư tưởng, tình cảm, và những hành động của các sinh vật có ý thức không thể nào trở thành đối tượng cho khoa học, theo một ý nghĩa chặt chẽ phân biệt với những đối tượng của thiên nhiên bên ngoài. Quan điểm này dường như chứa đựng một sự lẫn lộn về các ý tưởng, nên cũng cần thiết phải được làm cho sáng tỏ.

Bất cứ những sự kiện nào đã tự khẳng định cho một chủ đề khoa học, mà tự nó tỏ ra phù hợp theo các quy luật luôn vẫn có, mặc dù các quy luật này có thể chưa được khám phá, ngay cả cũng không thể được khám phá bởi những khả năng hiện có của chúng. Chẳng hạn, ta hãy lấy loại các hiện tượng thời tiết quen thuộc nhất đối với chúng ta, những hiện tượng mưa và nắng. Các tìm tòi khoa học vẫn chưa đi tới việc xác định được về thứ tự của cái gì đi trước và hệ quả giữa những hiện tượng này, để cho từ đó mà có thể, ít nhất là trong những vùng của trái đất, tiên đoán chúng một cách chắc chắn, hay ngay cả với mức độ tin vậy cao của tính khả thể. Thế nhưng chẳng có một ai nghi ngờ những hiện tượng đó là phụ thuộc vào những quy luật, và những hiện tượng này chỉ là những hiện tượng thứ cấp mà chính chúng là kết quả của những quy luật tối hậu vốn đã được biết, như những quy luật về nhiệt độ, điện, sự bốc hơi, và sự lưu chuyển của những chất lỏng. Cũng chẳng phải nó bị nghi ngờ nếu chúng ta quen thuộc với mọi trường hợp có trước, chúng ta có thể ngay cả từ những quy luật tổng quát hơn, tiên đoán được (không kể những khó khăn về mặt tính toán) tình trạng của thời tiết tại bất cứ thời điểm nào trong tương lai. Khoa khí tượng học tuy vậy không không mang tính chất bó buộc tự nhiên trong bản chất của nó, nhưng hiện nay vẫn là một khoa học, cho dù có những khó khăn nhất định của sự quan sát những sự kiện mà từ đó những hiện tượng phải phụ thuộc (một sự khó khăn gắn liền với bản chất riêng của những hiện tượng này), nên đó là khoa học là cực kỳ không hoàn hảo; và cho dù nó có hoàn hảo đi chăng nữa, thì có lẽ cũng vẫn ít có giá trị trong thực tế, bởi vì những dữ kiện luôn đòi hỏi phải được áp dụng được những nguyên lý của nó cho những trường hợp xảy ra đặc thù và có thể là hiếm hoi khi có dịp thu nhận được.

Một trường hợp có thể nhận thức được về tính chất trung tính này, giữa sự hoàn hảo của khoa học và sự cực kỳ không hoàn hảo của nó ở đây. Điều có thể xảy ra là những nguyên nhân lớn hơn, những nguyên nhân mà phần chính yếu của một hiện tượng là phụ thuộc vào trong đó, vẫn nằm ở trong phạm vi quan sát và đo lường; đến nỗi nếu không có những nguyên nhân khác can dự vào, thì một sự cắt nghĩa hoàn hao có thể được đưa ra, không chỉ về những hiện tượng nói chung, nhưng còn là của mọi khác biệt và thay đổi khiến chấp nhận được. Nhưng cũng như các cái khác, có lẽ cũng còn nhiều nguyên nhân khác, trở thành vô nghĩa nếu bản chất chúng là tách biệt nhau trong các hệ quả của chúng lại kết hợp cùng với nhau, hay lại là mâu thuẫn với nhau, trong nhiều hay trong tất cả mọi

trường hợp đối với những nguyên nhân lớn hơn này, mà phù hợp theo đó, tiêu biểu cho số nhiều hơn hay ít hơn về các sự sai biệt so với từng cái một có thể được tạo ra từ những nguyên nhân chỉ có một mình. Giờ nếu những nguyên nhân thứ yếu này lại không thường xuyên đạt tới được, hay là không thể đạt tới được gì hết, để nhằm làm rõ hơn cho các sự quan sát, thì khối lượng chính của các hiệu quả vẫn có thể là còn phải được tính tới giống như trước đó, và ngay cả việc tiên đoán nữa; nhưng cũng sẽ có những sự thay đổi và những chuyển biến mà chúng ta sẽ không thể có được thẩm quyền để cắt nghĩa được xuyên suốt, và những dự đoán của chúng ta sẽ không nào được hiện thực một cách chính xác, mà chỉ là sự xấp xỉ.

Điều đó như thế, chẳng hạn lý thuyết thủy triều. Không ai nghi ngờ khoa thủy văn (như Tiến sĩ Whewell đã đề nghị tên gọi) thật sự là một khoa học. Nếu các hiện tượng càng phụ thuộc vào lực hấp dẫn của mặt trời và mặt trăng được hiểu một cách hoàn toàn, thì có lẽ, trong bất cứ vùng nào, ngay cả có khi không biết, của bề mặt trái đất, đều có thể được tiên đoán trước một cách chắc chắn; và vùng đó càng lớn hơn, càng cho thấy những hiện tượng đó là phụ thuộc vào những nguyên nhân này. Nhưng những điều kiện đó của một tính chất địa phương, cho dù ngẫu nhiên, như là hình dạng của đáy đại dương, độ xa hay gần bờ, hướng của gió, v.v. bị ảnh hưởng, trong nhiều hay ở tất cả các nơi, về chiều cao và thời gian của thủy triều; và một phần những điều kiện này, hoặc là không thể biết được một cách chính xác, hay không thể đo lường được xác đáng, hoặc là không có được khả năng để đoán trước được một cách chắc chắn, vì thủy triều ở những nơi biết trước, nói chung luôn thay đổi từ những kết quả đã tính toán được của những nguyên lý tổng quát, bởi sự khác nhau nào đó, mà chúng ta không thể thấy trước hay dự đoán được. Tuy vậy, cũng không hẳn những sự biến đổi luôn phụ thuộc vào những nguyên nhân, và phải tuân theo những nguyên nhân của chúng, bởi những quy luật của điều gì phải tất yếu xảy ra đều đặn; tuy thế không chỉ thủy văn học là một khoa học, cũng giống như khí tượng học, nhưng thực chất vẫn có một điều gì đó, mà cho tới giờ khoa khí tượng học vẫn ít nhất không phải là một khoa học có giá trị rộng rãi trong thực tiễn. Những quy luật tổng quát có thể được lập ra tùy thuộc vào thủy triều, những sự tiên đoán có thể được xây dựng trên các quy luật này, và kết quả cũng sẽ ở trong tầm tay, cho dù thường thì không phải với sự chính xác hoàn toàn, hay là phù hợp với những điều tiên đoán.

Và điều này có thể cho là có ý nghĩa bởi những ai đó nói về những khoa học trong tính chất là những khoa học chính xác. Thiên văn học đã từ lâu vẫn là một khoa học, nhưng không phải là một khoa học chính xác. Nó đã không trở thành chính xác, cho tới khi đó không chỉ là cuộc chạy đua chung của những chuyển động của các hành tinh, mà cả các sự nhiễu loạn nữa, cũng được tính đến, và quy về cho các nguyên nhân của chúng. Nó đã trở nên một khoa học chính xác, bởi vì những hiện tượng của nó đã được đưa vào trong những quy luật bao quát toàn thể các nguyên nhân mà các hiện tượng phải chịu ảnh hưởng, hoặc trong phần lớn hay chỉ trong một cấp độ nhỏ, hoặc trong toàn thể hay chỉ ở trong một vài trường hợp, và nhằm chỉ định ra cho mỗi một các nguyên nhân phần hệ quả thực sự thuộc về nó. Nhưng trong lý thuyết về thủy triều, thì chỉ có những quy luật đã được công nhận chắc chắn rõ ràng, mới là những luật của các nguyên nhân có tác dụng đến hiện tượng trong mọi trường hợp, và trong mức độ lớn lao; trong khi đó những cái khác chỉ tác dụng đến nó trong một vài trường hợp; hay nếu trong tất cả, thì cũng chỉ trong một mức độ không đáng kể, không đủ để xác nhận

và nghiên cứu nhằm để giúp chúng ta xác định được các quy luật của chúng; do hãy còn yếu kém để có thể suy ra được quy luật đầy đủ của hiện tượng, bằng cách phối hợp những hệ quả của cái lớn hơn với những hệ quả của các nguyên nhân thứ yếu. Thuy văn học, tuy nhiên vẫn chưa phải là một khoa học chính xác; không phải từ các khó khăn gắn chặt với nó như thế đó, nhưng từ là sự khó khăn của việc xác nhận với sự chính xác hoàn toàn những sự thuần nhất có thực vốn được phát sinh ra từ đó. Tuy vậy, bằng việc kết hợp những quy luật chính xác của những nguyên nhân lớn hơn, và những nguyên nhân thứ yếu hơn như thế, như đã được biết đầy đủ, với những quy luật thực nghiệm như thế, hay những sự tổng quát hóa xấp xỉ như thế, đối với những sự biến chuyển nhỏ nhặt có thể có được, bằng sự quan sát đặc biệt, chúng ta có thể lập ra những mệnh đề tổng quát chung sẽ vẫn luôn đúng trong sự chính yếu nhất, và từ đó mà với sự cho phép tới mức độ chính xác có thể có được của chúng, có lẽ chúng ta sẽ đặt được nền tảng một cách an toàn cho những sự mong đợi của chúng ta và cho thái độ của chúng ta.

§2. Khoa học về bản chất con người cũng chính là sự mô tả này. Nó hoàn toàn không thuộc tiêu chuẩn sự chính xác mà hiện giờ đang được thừa nhận trong thiên văn học; nhưng không có lý do gì để cho nó không là một khoa học giống như thủy văn học, hay giống như thiên văn học đã có, khi những sự tính toán của nó chỉ xác đáng cho những hiện tượng chính yếu, nhưng không phải cho những điều gì phụ thuộc.

Những hiện tượng đối với chúng khoa học này vẫn dành cho những tư tưởng, tình cảm, và những hành động của con người, có thể đã đạt tới được sự hoàn thiện lý tưởng của khoa học, nếu nó giúp cho chúng ta tiên đoán được sự việc lầm thế nào một cá nhân có thể suy nghĩ, cảm thấy và hành động suốt cả cuộc đời, với cùng một sự chắc chắn như trong thiên văn học có thể giúp được chúng ta tiên đoán các vị trí và những điều kỳ lạ của các thiên thể trên bầu trời. Chi lam sao xác định là không cần đến những điều này vẫn có thể làm được. Những hanh vi của các cá nhân không thể được tiên đoán trước, với sự chính xác của khoa học, cho dù chúng ta không thể thấy trước cái toàn thể của những diều kiện trong đó những cá nhân nay sẽ được dăt vao. Nhưng hơn thế, ngay ca trong bất cứ sự kêt hợp nào của những diều kiện (hiện có), cũng vẫn không có được sự xác nhận nào, vừa chính xác lại vừa dúng một cách phổ quát có thể có được, theo như cách thức trong đó con người có thể nghĩ tới, cam biết, hay là hành động. Tuy thế, điều này không phải chi bởi vi những cách thức suy nghi, tình cảm, và hành động của mọi người là không phụ thuộc vào các nguyên nhân; chúng ta cũng không thể nghi ngờ nếu trong trường hợp đối với một cá nhân nào đó, những dữ kiện của chúng ta có thể là hoàn chinh, thi do thế chúng ta ngay cả có thể biết được đầy du về những quy luật tối hậu mà bơi đó những hiện tượng tinh thần được xác dinh, để giúp chúng ta trong nhiều trường hợp, có thê tiên đoán được, với sự chắc chắn có thé chấp nhận, điều gì đó, trong một số lớn hơn, từ những sự kết hợp có thể giả định được của những điều kiện, hành vi hay những tình cảm mà anh ta có thè có. Nhưng những ấn tượng và những hành động của con người vẫn không phải chỉ là kết quả của những diều kiện hiện tại của họ, mà là kết quả liên kết của những điều kiện này, và của những tính chất của các cá nhân; và những cơ quan chức năng quy định được về các tính chất của con người là rất nhiều và rất khác nhau (không có điều gì xảy ra cho con người trong suốt cả cuộc đời lại không có phần nào bị ảnh hưởng của chúng), và trong sự kết tập đó, chúng không bao giờ ở trong hai trường hợp mà lại hoàn toàn giống nhau. Cho nên, ngay cả nếu khoa học về bản chất của con người chúng ta được hoàn

hảo về mặt lý thuyết, thì chúng ta mới có thể tính toán được bất cứ một tính cách nào đó, như chúng ta có thể tính toán quỹ đạo của bất cứ hành trình, từ những dữ liệu sẵn có; lại cũng còn vì những dữ liệu đó không bao giờ đã được cho sẵn cả, nên cũng không bao giờ là hhoàn toàn giống nhau trong các trường hợp khác nhau, nên chúng ta vẫn không thể nào có được những sự tiên đoán đúng mức, cũng không thể đặt ra những quy tắc phổ quát về điều đó được.

Hơn thế, cũng giống như nhiều hậu quả có mang tính cách rất quan trọng, có thể làm cái thiện được sự tiên đoán, và sự kiểm soát của con người được xác định, cũng giống như với thủy triều, trong một mức độ lớn hơn, tuy không thể so sánh được bởi những nguyên nhân tổng quát, mà chỉ bởi những nguyên nhân cục bộ được kết hợp cùng nhau; sự phụ thuộc chính yếu trên những điều kiện đó và trong những tính chất chung cho loài người, hay ít nhất cũng cho bộ phận rộng lớn nhân loại, và chỉ trong một mức độ nhỏ là trên các cung cách, hành vi ứng xử của tổ chức hay của lịch sử riêng của những cá nhân; điều hiển nhiên là cùng với sự quan tâm đến mọi hiệu quả như thế, để làm những sự tiên báo, mà nó sẽ *hầu như* luôn luôn được xác minh, và những nội dung tổng quát mà chúng vẫn luôn luôn đúng. Nên bất cứ khi nào đủ để biết làm thế nào phần lớn loài người, hay một quốc gia, hay một lớp người, sẽ suy nghĩ, cảm thấy và hành động theo những quy tắc ngang tầm với những quy tắc phổ quát. Vì với những mục tiêu của khoa học chính trị và xã hội thì điều này là đủ. Như chúng ta [ở một chỗ khác] đã lưu ý, một sự tổng quát hóa gần đúng, nằm trong những điều tra xã hội, vì hầu hết những mục đích thực tiễn cũng ngang bằng với một mục đích chính xác; điều gì chỉ có thể có, khi được xác định do những cá nhân con người, thì được lựa chọn không phân biệt, sẽ được chắc chắn khi được xác nhận về tính chất và hành vi tập thể của đám đông.

Tuy nhiên, không nên coi re đối với khoa học về bản chất của con người, vì những khoa học nào mà với những quy tắc tổng quát vẫn hội đủ trong chi tiết, để nhằm lập nên nền tảng, giúp đoán trước được những hiện tượng trong trường hợp cụ thể, đều hầu như phần lớn chỉ đúng theo tính cách xấp xỉ. Nhưng để nhằm có được một tính chất khoa học đích thực trong nghiên cứu, điều cần thiết là những sự tổng quát hóa xấp xỉ này, mà chúng chỉ có thể được kết tập từ một loại thấp nhất các quy luật thực nghiệm, thì có thể được nối kết theo kiểu diễn dịch với những quy luật của thiên nhiên mà từ đó chúng phát sinh; nó có thể được giải quyết trong những tính cách của những nguyên nhân mà trên đó những hiện tượng phụ thuộc vào. Nói cách khác, khoa học về bản chất của con người có thể nói là có được, trong chừng mực với một sự thật xấp xỉ, và chúng bao gồm một sự hiểu biết thực tiễn về loài người, cùng có thể được trình bày ra như các hệ luận từ những định luật phổ quát của bản chất con người mà trên đó chúng đặt cơ sở; cho dù có những hạn chế thật sự của những sự thật mang tính xấp xỉ này có thể được chỉ ra, và chúng ta vẫn có thể được khuyến khích cần suy diễn thêm ra những cái khác, cho một tình trạng mới của những điều kiện nào đó. Trong sự phỏng đoán ra trước của các kinh nghiệm đặc biệt...

III. ...Về khoa học lịch sử

§1. ..Trong số những chướng ngại để đi tới sự hiểu biết chung, bởi những đầu óc vẫn hay suy nghĩ, từ sự quy thuộc những yếu tố lịch sử vào các quy luật khoa học, cái căn bản nhất được tiếp tục chính là nền tảng mà trên đó xây dựng lý thuyết

Ý chí Tự do, hay nói cách khác, trên sự phủ nhận quy luật của nguyên nhân bất biến là đúng đối với những ý muốn của con người; bởi vì nếu không phải thế, thì tiến trình của lịch sử, là kết quả của những ham muốn của con người, không thể là một đề tài của những quy luật khoa học, bởi vì những ham muốn mà trên đó nó phụ thuộc, có thể không thể được thấy trước, cũng không thể quy nạp vào cho bất kỳ một chuẩn mực nào có tính cách đều đặn, ngay cả sau khi chúng đã xảy ra. Tôi đã thảo luận vấn đề này, cho tới mức nó dường như có thể phù hợp với sự việc như thế, trong một chương trước đây; và tôi chỉ nghĩ là cần thiết để lặp lại rằng học thuyết về tính tất yếu không khẳng định một *chuỗi liên kết* (nexus) bí mật nào, hay nó còn chi phối cả tính định mệnh: nó chỉ xác định những hành vi của con người được nối kết cùng với những kết quả của những quy luật và những điều kiện tổng quát của bản chất con người, và của những tính chất đặc biệt riêng của họ; những tính chất này lại là hậu quả của những điều kiện tự nhiên và nhân tạo đã tạo nên sự giáo dục của họ, mà trong số đó những điều kiện đó phải được tính tới với những nỗ lực có ý thức của chính họ. Bất cứ một người nào muốn lấy (nếu sự biểu hiện đó có thể được cho phép) chính sự bối rối trong suy nghĩ của chính mình, nhằm đưa vào trong lý thuyết như thể nó được xác nhận như thế, thì sẽ nhận thấy được, và tôi tin đó không phải chỉ là một sự giải thích trung thực của kinh nghiệm phổ quát của hành vi con người, nhưng là một sự trình bày đúng về cách thức mà trong đó chính anh ta, trong mọi điều kiện đặc thù, giải thích theo một cách ngẫu hứng đối với kinh nghiệm của chính anh ta về hành vi đó.

Nhưng nếu nguyên lý này là đúng cho mỗi cá nhân nhân con người, nó sẽ phải đúng với tập thể con người. Nếu nó là quy luật của đời sống con người, thì quy luật đó phải được thực hiện trong lịch sử. Kinh nghiệm về các sự việc của con người khi được nhìn trong *đám đông*, phải là phù hợp với điều đó nếu là đúng, hay sẽ là ghê tởm nếu đó là sai. Sự hỗ trợ mà sự thẩm tra mang tính *a posteriori* (dựa trên các sự kiện thực tế để truy tìm nguyên nhân) này cho quy luật, là một phần của trường hợp mà nó hầu như đã trở nên sáng tỏ và được ông Buckle giới thiệu một cách thành công.

Những sự kiện về thống kê, bởi vì ở đây chúng đã được tạo thành một chủ đề với sự ghi chú và nghiên cứu cẩn thận, đã mang tới được các kết luận, và một số trong đó đã rất kỳ lạ đối với những người nào chưa quen lắm đối với những hành vi đạo đức như thể được đặt dưới những quy luật đồng bộ. Có những sự kiện mà từ chính trong bản chất của nó dường như rất hay thay đổi và không chắc chắn, và trong một trường hợp cá nhân nào đó không có một cấp độ nào để nó có thể đạt tới sự hiểu biết có thể giúp chúng ta khả dĩ thấy trước được, đã xảy ra, khi mà những con số lớn lao là được tính đến, với một mức độ của sự đi đến gần cách đều đặn với toán học. Có hành vi nào đó mà tất cả xem như phụ thuộc một cách toàn diện hơn đối với tính cách của cá nhân, và trên sự thực hành của ý chí tự do của cá nhân, hơn là sự tự do giết chết một kẻ nào đó? Thế nên trong một xứ sở rộng lớn, con số những kẻ sát nhân, so trong tỉ lệ với dân số, thay đổi (nó đã được chứng minh) là rất nhỏ trong hàng năm, và trong sự biến chuyển của nó, vẫn không bao giờ đi chệch quá xa đối với một số trung bình nào đó. Cái một điều đáng chú hơn nữa, có một sự khảo hướng tương tự, với sự thường có trong tỷ lệ của những kẻ sát nhân này hàng năm phạm phải, với mọi loại dụng cụ đặc thù. Có một sự giống với sự xấp xỉ để nhận dạng, là từ năm này và năm khác, theo một con số đối chiếu của các số sinh hợp pháp và không hợp pháp. Cùng sự việc cũng được tìm thấy đúng về việc các vụ tự tử,

các tai nạn, và mọi hiện tượng xã hội khác, mà sự đăng ký đủ hoàn chỉnh; một trong những ví dụ minh họa đáng chú ý nhất là sự kiện được xác định bởi những nhà đăng bộ bưu điện ở London và Paris, là con số những lá thư được bỏ bưu điện mà lại quên ghi địa chỉ, là gần như giống nhau trong một tỷ lệ với toàn bộ các lá thư được bỏ bưu điện, từ năm này hay sang năm khác. "Cứ từng năm", ông Buckle nói, "cùng một tỷ lệ những người viết thư đã quên chính việc đơn giản này; đến nỗi cứ mỗi thời kỳ lần lượt, chúng ta có thể cứ qua đó mà nói trước được con số của những người mà chính trí nhớ của họ đã không giúp cho họ trong những việc lặt vặt đó, và lại có vẻ như sự việc xảy ra, một sự kiện tình cờ".

Cấp độ đặc thù của sự đều đặn *theo số đông*, được kết hợp với tính cực kỳ của sự không đều đặn trong những trường hợp tạo nên số đông, là sự biện minh đáng khen kiểu hậu nghiệm *a posteriori* của luật nhân quả, trong sự áp dụng vào hành vi con người. Công nhận chân lý của quy luật này, mọi hành vi của con người, như mọi kẻ sát nhân chẳng hạn, là kết quả đã cùng quy kết lại từ hai chuỗi nguyên nhân. Một mặt, những điều kiện tổng quát của một xứ và những dân cư của xứ đó; các ảnh hưởng về đạo đức, giáo dục, kinh tế và những ảnh hưởng khác đã tác động lên toàn thể dân cư đó, và cấu thành điều gì mà chúng ta gọi bằng thuật ngữ tình trạng văn minh. Mặt khác, tính đa dạng lớn lao của những ảnh hưởng đặc biệt đối với cá nhân: tính khí, và những đặc điểm khác của thể trạng, mối quan hệ gia tộc, những sự giao tiếp thường có, những nguyện vọng cùng với các điều khác nữa. Nếu chúng ta lấy toàn thể những trường hợp xảy ra trong một địa bàn đủ rộng để có thể có được đầy đủ mọi sự kết hợp của những ảnh hưởng đặc biệt này, hay nói cách khác, để loại bỏ đi tính ngẫu nhiên; và nếu tất cả những trường hợp này đã xảy ra ở trong những giới hạn thời gian hạn hẹp như thế, thì không một sự thay đổi vật chất nào có thể xảy ra trong những ảnh hưởng tổng quát tạo nên tình trạng của văn minh ở một xứ; chúng ta có thể chắc chắn nếu những hành động của con người bị chi phối bởi vô số những quy luật, thì kết quả gộp lại sẽ là cái gì đó giống như một lượng tính ổn định. Con số những người phạm tội giết người trong một khoảng thời gian và ở một vùng nhất định, là hậu quả một phần nào của những nguyên nhân tổng quát không thay đổi, và một phần của những nguyên nhân phần bộ của cái toàn bộ của những thay đổi của chúng được bao gồm trong đó, nói theo cách thực tế, vẫn không thay đổi.

Nó không thay đổi về mặt thực tế và về mặt toán học, và cũng không thể mong đợi như thế: bởi vì một thời kỳ trong vòng một năm là quá ngắn để bao gồm tất cả mọi sự kết hợp có thể có được của những nguyên nhân phổ quát vẫn không thay đổi và một phần của những nguyên nhân bộ phận, mà cùng một lúc, nó đủ lâu để có thể ít nhất trong vài năm, của mọi loại, sẽ được đưa vào những ảnh hưởng mới của một tính chất tổng quát nhiều hay ít hơn; như thế mà có một tính chất cảnh sát mạnh mẽ hơn hay là hoãn đãi hơn; một sự kích thích tạm thời nào đó từ những nguyên nhân chính trị và tôn giáo; hay một sự kiện nói chúng đáng lưu ý của một bản chất của hành động bệnh hoạn nào đó trên sự tưởng tượng. Nên mặc dù những sự khiếm khuyết không thể tránh được này trong những dữ liệu, thì có thể rất bình thường cho một sự thay đổi nhỏ nhặt của những kết quả hàng năm, là sự xác định sáng giá của chính lý thuyết chung.

§2. Cùng với những sự xem xét khả dĩ nêu bật bằng chứng hiển nhiên của lý thuyết, rằng những sự kiện lịch sử là những hệ quả không thay đổi của các nguyên nhân, cũng hướng đến việc làm sáng tỏ lý thuyết từ những sự hiểu lầm khác nhau, sự tồn tại của nó đã được đưa

vào trong chứng minh bởi những bàn cãi mới đây. Một số người chẳng hạn, dường như tưởng tượng lý thuyết không chỉ bao gồm tổng số những kẻ giết người phạm tội trong một không gian và thời gian cụ thể, hoàn toàn là hậu quả của những điều kiện xã hội nói chung, nhưng mọi trường hợp giết người cá lẻ cũng giống như thế - những kẻ giết người cá lẻ cũng có thể đó chỉ là công cụ của những bàn tay của những nguyên nhân tổng quát; bởi chính anh ta không có sự lựa chọn nào khác, hoặc nếu anh ta có sự lựa chọn để hành động, thì có thể có một người nào đó khác thay thế vào chỗ của anh ta; nếu một người nào đó trong số những kẻ giết người hiện có biết tự chế để không phạm tội ác, thì có thể một người nào đó khác sẽ bằng cách khác dù vẫn cố giữ được sự vô tội, lại đã phạm vao một vụ giết người bổ sung vào để tạo thành con số trung bình. Một hệ luận như thế chắc chắn có thể thuyết phục được một lý thuyết nào đó mà sẽ thiết yếu dẫn tới sự vô lý. Tuy vậy, hiển nhiên rằng một vụ giết người riêng lẻ thì lại phụ thuộc nhiều không phải chỉ trên tình trạng chung của xã hội mà thôi, nhưng là trên sự phối hợp với những nguyên nhân đặc biệt đối với trường hợp đó, mà nói chung có sức mạnh nhiều hơn; và nếu những nguyên nhân đặc biệt này lại có ảnh hưởng lớn hơn những nguyên nhân tổng quát trong việc tạo ra mọi kẻ giết người đặc thù, mà không có ảnh hưởng nào trên số những kẻ giết người trong một thời kỳ nhất định, đó là bởi vì phạm vi của sự quan sát là quá rộng để có thể bao gồm tất cả những sự kết hợp có thể có của những nguyên nhân đặc biệt - mọi tính cách loại biệt của tính cá cá nhân và ý định cá nhân phù hợp với tình trạng tổng quát chung của xã hội. Sự thí nghiệm tập thể, nếu như có thể được gọi như thế, làm tách biệt một cách chính xác hiệu quả của cái chung từ hiệu qủa của những nguyên nhân đặc thù, và cho thấy kết quả thật rõ ràng của cái trước; nhưng nó không nói lên điều gì cả về con số gộp của sự anh hưởng của những nguyên nhân đặc biệt, cho du nó lớn hơn hay nhỏ hơn, bởi vì qui mô của sự thí nghiệm mở rộng tới số lượng những trường hợp trong đó những hiệu quả của những nguyên nhân đặc biệt là cân bằng lẫn nhau, và phải biến mất trong hiệu qua của những nguyên nhân tổng quát.

Tôi sẽ không cho rằng mọi người bảo vệ lý thuyết đó đã luôn luôn giữ ngôn ngữ của họ không bị ảnh hưởng bởi chính sự lẫn lộn này, và cũng đã cho thấy không có khuynh hướng cô vũ sự ảnh hưởng của những nguyên nhân tổng quát bất chấp điều gì đặc thù. Tôi thì theo ý kiến ngược lại, cho rằng chúng đã làm như thế trong tất cả mọi cấp độ rất lớn, và bởi thế mà làm kềnh càng ra lý thuyết của họ, cùng với những khó khăn, và đưa nó tới những sự phê phán không cần thiết phải tác dụng tới nó. Một số người, chẳng hạn (trong đó có chính ông Buckle), đã xâm nhập, hay là cho phép được giả thiết họ tham dự vào, từ sự xảy ra đều đặn trong quan hệ với những sự kiện mà chính nó phụ thuộc vào những phẩm chất đạo đức, và những phẩm chất đạo đức của con người thì ít có khả năng được cải thiện, hay có sự quan trọng chút đỉnh nào trong sự phát triển chung của xã hội, nếu so sánh với những nguyên nhân trí tuệ hay kinh tế. Nhưng để rút ra điều suy đoán nay, lại quên những bảng thống kê, cho thấy những số trung bình có tính ổn định, cho dù có được thúc đẩy bởi những sự kiện đã xảy ra bên trong của những giới hạn địa lý hẹp, và trong một số nhỏ nhoi cho những năm liên tiếp nhau; tức là từ lĩnh vực toàn thể của nó dưới sự vận hành của cùng những nguyên nhân tổng quát, trong chỉ một thời gian rất ngắn, cho phép nhiều thay đổi trong đó. Mọi nguyên nhân đạo đức, nhưng những cái nào là chung cho

đất nước đó nói chung, đã được loại bỏ bởi số lớn những trường hợp nêu lên; và những trường hợp nào là chung cho cả đất nước đó thì không thay đổi lớn, theo những những quan sát được trong một thời hạn ngắn. Nếu chúng ta chấp nhận giả thiết cho là chúng đã thay đổi; nếu chúng ta so sánh một thời đại này với thời đại khác, hay một xứ này với một xứ khác, hay ngay cả một vùng trong một xứ với một vùng khác, thì sự khác nhau trong vị trí và trong tính chất, cũng như đối với những yếu tố đạo đức, những tội ác đã phạm trong một năm, sẽ không còn như nhau, nhưng một sự khác nhau rộng rãi về số lượng chung lại gia tăng. Ba điều này không thể là điều gì khác hơn chính là trường hợp đó: bởi vì, cũng giống như mọi tội ác riêng lẻ mắc phải bởi một cá nhân chính yếu phụ thuộc vào những tính cách đạo đức của người đó, những tội ác đã phạm phải bởi toàn thể dân cư của một xứ phải phụ thuộc trong một cấp độ tương đương trên những tính cách đạo đức của cộng đồng của họ. Để làm cho yếu tố này không vận hành trên quy mô lớn, cần thiết phải gia thiết tính trung bình đạo đức nói chung của loài người là không thay đổi từ xứ này qua xứ khác hay từ thời đại này qua thời đại khác; điều đó không đúng, và ngay cả nếu nó là đúng, cũng không thể nào chứng minh được bởi các thông tin nào hiện có. Không phải trên phương diện này mà tôi ít đồng ý cùng với ý kiến của ông Buckle cho rằng yếu tố trí tuệ trong loài người, bao gồm trong sự biểu hiện đó, cái bản chất của những niềm tin của họ, khối lượng của sự hiểu biết của họ, và sự phát triển của trí thông minh của họ, là điều kiện tiên quyết trong sự xác định sự phát triển của họ. Nhưng theo quan điểm của tôi, thì không phải vì tôi nhìn điều kiện kinh tế và đạo đức của họ hoặc như những bộ phận kém mạnh mẽ hay ít thay đổi, nhưng bởi vì những điều này trong một cấp độ lớn, là những hậu quả của điều kiện trí tuệ, và trong mọi trường hợp, vẫn bị giới hạn bởi nó... Những sự thay đổi trí tuệ là phần lớn những nhân tố đáng ngờ trong lịch sử, không phải từ sức mạnh vượt trội của họ đã được xem xét trong chính họ, nhưng bởi vì về thực tiễn, chúng vận hành với một sức mạnh thống nhất thuộc về tất cả ba điều kiện đó.

§3. Có một sự phân biệt khác, thường hay bị quên mất trong cuộc thảo luận về chủ đề này, mà nó lại cực kỳ quan trọng để quan sát. Lý thuyết về sự tuân phục của sự tiến bộ xã hội đối với những quy luật không thay đổi, vẫn thường được cho là đi cùng với lý thuyết cho sự tiến bộ xã hội không thể bị ảnh hưởng về mặt vật thể bởi sự sử dụng ảnh hưởng của các cá nhân, hay là bởi những hành động của các chính phu. Nhưng dù những ý kiến này có được chủ trương bởi cung nhiều người, thì chúng cũng là những ý kiến rất khác nhau, và sự nhầm lẫn giữa chúng vẫn là sự sai lầm thường hay xảy ra do sự đồng hóa nguyên lý nhân quả với thuyết định mệnh. Bởi vì cho dù điều gì xảy ra chăng nữa, thì đó cũng sẽ chỉ là các hậu quả của những nguyên nhân, nhưng ý muốn của con người ở giữa số còn lại, không đi tới việc những sự ham muốn đó, ngay cả những sự ham muốn của những cá nhân riêng rẽ, không phải từ hiệu quả lớn cũng như những nguyên nhân. Nếu có một người nào đó trong cơn bão tố giữa biển cả, nếu nghĩ về cùng số phận của những con người trong hàng năm phải chết do chìm tàu, thì có thể kết luận thật là vô ích đối với anh ta để nhằm cứu vớt chính sự sống của mình, và chúng ta có thể gọi anh ta là một người theo thuyết định mệnh; và cần nhắc nhở anh ta về những nỗ lực của những người bị đắm tàu để cứu vớt chính cuộc sống của họ là hoàn toàn không phải điều gì phi vật chất, mà con số trung bình của những cố gắng đó là một trong những nguyên nhân mà nhờ đó con số cụ thể hàng năm của những người chết bởi đắm

tàu phụ thuộc vào đó. Tuy phổ quát theo như những quy luật của sự phát triển xã hội có thể có, nhưng chúng cũng không thể phổ quát hơn hay là mạnh mẽ hơn những quy luật của những hiện tượng vật lý trong tự nhiên; tuy thế con người vẫn có thể đưa những điều này vào trong những công cụ xác định của mình, và tới mức độ nào đó phải làm như thế, là sự khác nhau chủ yếu giữa những người hoang dã và những người có văn minh cao nhất. Những sự kiện về con người và xã hội, từ các bản chất phức tạp hơn của chúng, vẫn không kém hơn, nhưng có thể thay đổi nhiều hơn là những sự kiện cơ giới và hóa học; tuy thế, thực tại con người vẫn còn sức mạnh lớn hơn đối với chúng. Và phù hợp theo đó, những người chủ trương sự tiến hóa của xã hội chỉ phụ thuộc duy nhất, hay là hầu như chỉ vào những nguyên nhân tổng quát, thì luôn luôn hàm chứa cả kiến thức tập thể và sự phát triển trí tuệ của nòi giống. Nhưng nếu của nòi giống, tại sao không có các vương triều mạnh mẽ hay nhà tư tưởng nào đó, hay của một bộ phận cai trị của một xã hội chính trị nào đó, vẫn hành vi xuyên qua chính phủ của nó? Cho dù những loại dạng trong tính cách giữa những cá nhân bình thường có trung hòa lẫn nhau trên một quy mô lớn, thì những cá nhân ngoại lệ ở những vị trí quan trọng, không phải ở trong một thời đại nhất định nào đó lại trung hòa hóa lẫn nhau; đó không phải là một Themistocles, hay Luther, hay Julius Caesar nào khác của những quyền lực ngang nhau và thiên hướng trái ngược nhau, những người đã làm thăng bằng một cách chính xác những quyền lực và thiên hướng đến Themistocles, Luther, và Caesar, và ngăn cản họ có một hiệu quả nào đó thường xuyên. Hơn nữa, để cho điều đó xảy ra, những mong ước của những con người ngoại hạng, hay là những ý kiến và những mục tiêu của những cá nhân ở một thời điểm riêng biệt nào đó tạo nên một chính phủ, có thể là những sự nối kết cần thiết trong một chuỗi nhân quả bởi điều gì mà ngay cả những nguyên nhân phổ quát tạo nên những hiệu quả của chúng; và tôi tin rằng điều này là dạng duy nhất có thể có được của lý thuyết đó.

Ngài Macaulay, trong một đoạn văn nổi tiếng về một trong những luận thuyết trước kia của ông (cho tôi thêm đó là một luận thuyết mà chính ông ta đã lựa chọn để in lại), bày tỏ về học thuyết cho rằng không có vai trò tác động tuyệt đối của các vĩ nhân, hơn thế không có sự cá biệt, mà theo tôi nghĩ, nó còn đặc biệt hơn đối với bất cứ nhà viết luận thuyết nào có cùng năng lực. Ông ta so sánh họ với những người chỉ có tầm cao hơn một chút nên đáng nể hơn mà thôi, và như thế cũng sẽ nhận được những tia sáng mặt trời sớm hơn một chút so với phần còn lại của cả loài người. "Mặt trời vẫn soi sáng những quả đồi trong khi nó vẫn đang còn ở dưới chân trời, và chân lý được khám phá bởi những đầu óc cao nhất chỉ có một chút trước khi nó trở thành hiển nhiên cho số đông. Đây chính là phạm vi ưu việt của họ. Trước hết họ nắm bắt và phản chiếu lại một ánh sáng mà nếu không có sự giúp đỡ của họ, thì cũng phải trong một thời gian ngắn nữa để mới có thể thấy được đối với những ai còn nằm xa ở bên dưới chúng". Nếu hình tượng ẩn dụ này là được triển khai ra, sẽ có ý nghĩa là nếu không có một Newton, thì thế giới sẽ không chỉ không có một hệ thống Newton, nhưng cũng sẽ phải có nó chẳng bao lâu sau đó; cũng như mặt trời sẽ phải mọc lên rất sớm đối với những người nào ngắm xem ở trong đồng bằng, nếu không có những núi non che khuất họ ngay trong tầm nhìn để ngăn chặn những tia sáng đến sớm hơn từ nó. Và như thế nếu đó là sự thật, thì cũng giống như mặt trời mọc lên, là chỉ do bởi chính sự chuyển động của nó, mà không cần có sự cố gắng nào của con người; và sự việc cũng chẳng phải là điều gì khác. Tôi tin rằng nếu Newton

đã không có, thì thế giới cũng sẽ phải chờ đợi triết học của Newton, cho tới khi có một Newton khác, hay là người cũng ngang như ông ta xuất hiện. Không thể có con người thường tình, và cũng không chỉ có sự nối tiếp của những con người thường tình mà lại có thể đạt tới điều đó. Tôi sẽ không tiếp tục nói cái gì Newton làm trong một cuộc đời riêng lẻ, lại không có thể làm được trong những bước nối tiếp nhau của những con người đi theo sau ông ta, mà mỗi người đều không bì kịp thiên tài của ông. Nhưng ngay cả các bước nhỏ nhất trong những bước đó cũng đòi hỏi một con người với một sự ưu việt trí tuệ lớn. Những con người nổi bật, không chỉ nhìn thấy ánh sáng đến từ trên đỉnh đồi, mà họ còn trèo lên tận đỉnh đồi và kêu gọi nó; và nếu không có ai đã từng trèo lên đó như thế, thì ánh sáng đó, trong nhiều trường hợp, có thể sẽ không bao giờ nhìn thấy được trên quảng đồng bằng cả thảy. Triết học và tôn giáo vẫn có khả năng dẫn đến rất nhiều những nguyên nhân tổng quát phong phú; thế nên ít có người nghi ngờ rằng nếu không có một Socrates, một Platon, hay một Aristote, thì cũng sẽ không có triết học cho hai ngàn năm tiếp theo sau đó, có thể cũng sẽ không có một triết học nào cả; và nếu không có một Đấng Kitô, và không có Thánh Phao Lồ, thì cũng chẳng thể có Thiên Chúa giáo được.

Điều quan trọng nhất trước tiên cho thấy ảnh hưởng của những cá nhân xuất chúng là tính quyết định sự tác động mau lẹ đối với sự vận động của thực tại. Trong hầu hết các thực trạng của xã hội thì chính là sự hiện diện của những con người vĩ đại vẫn nắm tính chất quyết định trong việc sẽ phải có một sự tiến bộ nào đó hay không. Có thể nhận thấy các trường hợp của Hy Lạp hay cộng đồng châu Âu Thiên Chúa giáo, có lẽ đã tiến bộ trong những giai đoạn nào đó nhất định trong lịch sử của mình, chỉ thông qua những nguyên nhân tổng quát; nhưng nếu không có một Mohammed, thì Ả Rập đã không tạo ra được một Avicenna, hay Averroes, hay Caliphs của Bagdad hoặc của Cordova? Tuy nhiên, để định rõ trong cách thức và thứ tự nào mà sự tiến bộ của loài người sẽ xảy ra, nếu tất cả phụ thuộc rất ít vào tính chất của các cá nhân. Có một loại dạng cần thiết được thiết lập trong khía cạnh này bởi những quy luật tổng quát của bản chất con người - bằng sự tạo thành đầu óc con người. Một vài chân lý có thể không được khám phá, cũng sẽ không có những phát kiến nào được tạo ra, trừ khi một số những điều khác đã được làm trước tiên; một số sự cải cách xã hội, từ trong chính bản chất của vấn đề, chỉ có thể đi theo sau mà không thể đi trước những cái khác. Trật tự trong sự tiến bộ của loài người, vì thế có thể đi tới một mức độ nào đó để có những quy luật xác định được dành cho nó; trong khi đó, đối với sự mau lẹ của nó, hay ngay cả nó xảy ra mà không có một sự tổng quát hóa nào mở rộng tới loài người nói chung có thể được thực hiện; nhưng chỉ có một số những sự tổng quát là gần như chỉ có tính chất tạm bợ, và hạn chế chỉ trong phần nhỏ của loài người, mà trong đó có điều gì đó cũng giống như sự tiến triển được phát sinh ra từ đó trong những giai đoạn lịch sử, và được suy diễn từ một vị trí đặc biệt của chúng, hay được tập hợp từ ở lịch sử đặc thù của chúng. Ngay cả khi nhìn vào cách thức của sự tiến bộ, của trật tự diễn tiến ở những tình trạng xã hội, phải cần có sự mềm dẻo trong những việc tổng quát hóa của chúng ta. Những giới hạn của sự thay đổi trong sự phát triển có thể có của xã hội, cũng như của đời sống sinh vật, là một chủ đề vẫn còn ít được hiểu tới, và là một trong những vấn đề lớn trong khoa học xã hội. Đó là ở mọi sự cố, thì một sự kiện mà nhiều nhóm khác nhau trong loài người, dưới ảnh hưởng của những điều kiện khác nhau, đã phát triển trong trong những cách thế khác nhau nhiều hay ít và trong những hình thức khác nhau; và

trong những điều kiện xác định này, tính chất cá nhân của những nhà tư tưởng trừu tượng vĩ đại của họ, hay những nhà tổ chức thực tiễn, có thể cũng chỉ là một. Ai có thể nói một cách sâu sắc là làm thế nào mà toàn bộ lịch sử trong quá khứ của Trung Hoa có lẽ đã bị ảnh hưởng bởi nhân cách của Khổng Tử? còn trường hợp Sparta (của Hy Lạp và do thế mà cũng của thế giới) là bởi nhân cách của Lycurgus?

Về bản chất và phạm vi của điều gì đó mà một con người vĩ đại, dưới những điều kiện thuận lợi có thể mang đến cho loài người, cũng như điều gì đó mà một chính phủ có thể làm được cho quốc gia họ, có thể có nhiều ý kiến khác nhau; và phần nhiều dư luận về những điểm này vẫn đã thường thừa nhận là có những quy luật bất biến của những hiện tượng lịch sử. Dĩ nhiên trong các mức độ được thừa nhận như thế cho những điều này, còn có những tính chất đặc biệt hơn, đưa tới một sự dị biệt lớn về mặt chính xác có thể có được cho các quy luật tổng quát, và trong độ tin cậy có những sự đoán trước được đối với chúng chúng. Cho dù điều gì phụ thuộc vào những sự đặc thù của cá nhân, được kết hợp với tính cách ngẫu nhiên của những vị trí mà họ có, là vẫn thiết yếu không thể nào đoán trước được. Chắc chắn những sự kết hợp tình cờ này có thể bị loại bỏ giống như bất cứ các điều gì khác, bởi lấy một phạm vi đủ rộng: những tính đặc thù của một nhân vật lịch sử lớn đã làm những ảnh hưởng chúng được cảm thấy trong lịch sử có khi đối với một vài ngàn năm, nhưng rất có thể họ không gây ra một sự dị biệt nào vào cuối thời gian năm mươi triệu năm dài hơn. Bởi vì dẫu sao, chúng ta không thể có một con số trung bình của độ dài lớn của thời gian cần thiết để có thể thực hiện hết được mọi sự kết hợp của con người và những điều kiện vĩ đại, cũng như của quy luật của sự tiến hóa của những công việc của loài người dường như phụ thuộc vào con số trung bình này, mà chúng ta vẫn không thể nghĩ tới được; và trong những ngàn năm sau đó, lại càng quan trọng rất nhiều đối với chúng ta hơn là toàn thể phần còn lại của năm mươi triệu năm, với những sự kết hợp thuận lợi và không thuận lợi xảy ra, sẽ thuần túy phụ thuộc vào chúng ta. Chúng ta không thể thấy trước được sự xuất hiện của những vĩ nhân. Những người này đưa những điều suy tưởng mới hay những quan điểm thực hành vĩ đại vào trong thế giới, mà không phải chỉ cố định thời đại của họ trước hết. Điều khoa học có thể làm được chính là điều này. Nó có thể vạch ra xuyên suốt qua lịch sử quá khứ những nguyên nhân chung đã mang loài người ở trong tình trạng tiến khởi đó, khi đúng thời điểm của con người vĩ đại xuất hiện, làm cho chúng đạt được ảnh hưởng của người đó. Nếu tình trạng này được tiếp tục, kinh nghiệm sẽ làm cho nó có thể chắc chắn trong một thời kỳ dài hơn hay ngắn hơn, con người vĩ đại sẽ được tạo ra; miễn rằng những điều kiện chung của đất nước và nhân dân (nhưng thường thì không được như thế) phù hợp với sự hiện hữu của người đó; tương tự thế, khoa học cũng có thể, trong một chừng mực nào đó, phán đoán được. Chính trong tính cách này mà những kết quả của sự tiến bộ, trừ khi giống như sự mau mắn trong việc tạo ra chúng, có thể tới đi một mức độ nào đó, lại thành sự thường xuyên và có tính quy luật. Và niềm tin chúng có thể là như thế, cũng gắn liền với tính chỉ định rất lớn, hay là hiệu lực rất nhỏ, tới ảnh hưởng của những con người ngoại hạng, hay tới những hành vi của các chính phủ. Và cũng trong cùng cách đó, có thể đúng với mọi sự việc xảy ra kể cả những nguyên nhân gây ra đảo lộn.

§4. Tuy vậy, là một sai lầm lớn nếu chỉ đánh giá xoàng xĩnh về tính chất quan trọng của những nhân vật nổi bật, hay của những chính phủ. Không thể xem thường ảnh hưởng của điều đó, bởi vì chúng không thể tạo ra điều gì nếu không có những điều kiện tổng quát của xã hội, và diễn tiến của lịch sử đi trước đã không chuẩn bị tạo điều kiện sẵn có. Cũng chẳng phải những nhà tư tưởng hay những chính

phủ có khả năng tác động đến mọi cái đó mà họ nhằm đến, nhưng bù lại, họ vẫn thường tạo ra những kết quả quan trọng mà chính họ cũng không hề thấy trước chút nào. Những con người vĩ đại và những hành động vĩ đại rất ít khi bị hoang phí; chúng tạo nên vô số ảnh hưởng không thể thấy hết trước được, và càng hiệu quả hơn là những gì đã được nhìn thấy; và dù có đến chín phần mười tất cả những sự việc đã có được như vậy, cùng với một mục đích tốt, bởi vì những người đi trước thời đại của họ, không tạo nên những hiệu quả vật chất nào, thì một phần mười của sự việc tạo cũng ra được những hiệu quả hai mươi lần lớn, giống như bất cứ một người nào từng mơ mộng trước hết về điều đó. Ngay cả những người do không có hoàn cảnh đủ thuận lợi, mà không để lại được những ấn tượng nào cả trên thời đại của họ, thì vẫn thường phải có một giá trị nào đó lớn nhất đối với hậu thế. Phải chăng có người nào có vẻ đã từng sống hoàn toàn vô ích, kém hơn một người nào đó của các thế hệ trước? Họ đã bị đốt và bị tàn sát, những tác phẩm của họ bị hủy hoại, sự ghi nhớ về họ đã bị làm cho mờ mịt đi, và những tên tuổi và chính cuộc đời của họ thì vẫn đã lưu lại cho muôn đời, nên dù tám thế kỷ trong tối tăm, thì những bản thảo bị phủ đầy bụi bặm - và lịch sử của họ vẫn được sưu tập lại, mà có lẽ chỉ từ những câu nói mà đã bị kết án. Thế thì sự ghi nhớ của những người này - những người dám chống lại một số những điều tai quái hay một số giáo lý nào đó của Giáo hội, trong những thời buổi bị cấm kỵ đi ngược lại với tinh thần Thiên Chúa, sau đó đã được tuyên bố là đứng về phía họ, và xác nhận nó như là nền tảng của uy thế của họ - đã bẻ gãy sợi dây xích truyền thống, thiết lập nên một loạt các tiền đề cho sự chống đối, gây cảm hứng về sau ho những cải cách với sự can đảm, và trang bị cho chúng những vũ khí cần thiết khi nhân loại đã chuẩn bị tốt hơn để đi theo sự thúc đẩy của họ. Đối với tấm gương từ những con người này, chúng ta hãy nói thêm một điều gì đó khác cho các chính phủ. Nguyên tắc so sánh sáng chói mà người Tây Ban Nha đã tỏ ra ưu thế trong hầu suốt thế kỷ XVIII, vẫn đã không sửa đổi được những khiếm khuyết cơ bản của nhân dân Tây Ban Nha; và trong hậu quả đó, mặc dù nó có tạm thời làm được các việc tốt lớn lao có tính tạm thời, thì nhiều điều tốt như thế đó cũng đã mai một với nó, đến nỗi nó có thể được khẳng định rõ rệt là đã không có một hiệu lực thường xuyên nào. Trường hợp đã được kể như một bằng chứng việc làm thế nào mà những chính phủ nhỏ có thể thực hiện đối ngược lại với những nguyên nhân từng đã xác định được tính cách chung của đất nước. Nó chỉ ra cho thấy việc làm thế nào khi có nhiều cái mà họ không có thể làm, nhưng không phải họ không thể làm được điều gì đó hết. So sánh Tây Ban Nha là gì vào nửa đầu thế kỷ đó của chính phủ tự do, với việc mà đất nước đã trở thành cái gì vào thời điểm nó khép lại. Thời kỳ đó đã đưa ra thật ngoạn mục trong ánh sáng của tư tưởng châu Âu đối với những giai cấp được giáo dục hơn; và sau đó nó không bao giờ ngừng tiếp tục bành trướng. Trước thời kỳ đó, sự thay đổi nằm ở trong một hướng ngược lại; văn hóa, trào lưu ánh sáng, trí tuệ và ngay cả sự hoạt động vật chất, đã trở nên bị loại bỏ. Không có gì đã làm ngưng trệ lại sự suy thoái này, và đưa nó được lại vào một tiến trình đi lên? Có bao nhiêu điều mà Charles Đệ Tam và Aranda đã không thể làm được, đã có hậu quả mang tính tối hậu của những điều gì mà họ đã làm! Đối với nửa thế kỷ đó, Tây Ban Nha đã nhờ vào điều gì để cởi bỏ được sự đàn áp dị giáo, mà nước này đã cởi bỏ được các thầy tu, và giờ đây đã có được các nghị viện và (được lưu giữ trong những giai đoạn biệt lệ) một sự tự do báo chí, và những tình cảm của tự do, và quyền công dân, và việc có được các tuyến đường sắt, và tất cả những yếu tố

khác trong tiến bộ vật chất và kinh tế. Ở Tây Ban Nha, trước thời đại đó, không hề có một yếu tố đơn lẻ nào có thể dẫn tới những kết quả này trong bất cứ giai đoạn thời gian dài nào, nếu đất nước đã không tiếp tục được cai trị như đã từng có bởi những ông hoàng cuối cùng của triều đại Áo, hay nếu những nhà cai trị Bourbon đã từ những gì có trước đó, cả ở Tây Ban Nha và ở Naples, họ đã trở thành được như thế từ đó về sau.

Và nếu một chính phủ không thể làm được gì nhiều, ngay cả khi dường như vẫn có thể làm được chút ít trong việc cố gắng cải thiện theo hướng tích cực, thì vẫn quan trọng hơn đối với những vấn đề phụ thuộc vào nó, trong cách thức nhằm loại bỏ các mối hiểm nguy, cả ở trong nước lẫn ở bên ngoài, mà nếu không như thế, thì sẽ ngừng không còn cải thiện được nữa. Một nhà tư vấn tốt hay tồi, trong một thành phố cá lẻ, tại một cuộc khủng hoảng cá biệt, cũng đã ảnh hưởng đến toàn bộ số phận tiếp theo đó của cả thế giới. Điều đó cũng mang ý nghĩa chắc chắn như thế, đối với bất cứ một phán đoán phụ thuộc nào về phương diện các sự kiện lịch sử, mà có thể nếu không có một Themistocles nào ở đó, thì cũng sẽ không có một chiến thắng nào ở Salamis; và nếu như không có, thì liệu tất cả nền văn minh của chúng ta có được không? Nên sự khác nhau như thế nào đó, sẽ là vấn đề của Epaminondas, hay Timoleon, hay ngay cả của Iphicrates, thay vì là của Chares và Lysicles đã điều khiển tại Chæroneia. Cho nên cũng có thể nói, trong cuốn thứ hai của hai tập Luận thuyết về Nghiên cứu Lịch sử, mà theo phán đoán của tôi, thì những sản phẩm tốt lành nhất và mang tính triết lý nhất mà những cuộc tranh luận mới đây trên chủ đề này đã nói tới, thì khoa học lịch sử không tuyệt đối cho phép, nhưng chỉ là những sự tiên đoán có điều kiện. Những nguyên nhân phổ quát thì có rất nhiều, nhưng những cá nhân cũng "tạo ra những sự thay đổi lớn lao trong lịch sử, và tô lên cho toàn bộ màu da của họ rất lâu sau khi họ đã chết...

Không ai nghi ngờ việc Cộng hòa La Mã chưa chắc đã bị đặt vào trong chế độ độc tài quân phiệt nếu Caesar đã không bao giờ hiện diện" (có nghĩa nhiều điều đã trở thành chắc chắn trong ý nghĩa thực tiễn bởi những nguyên nhân phổ quát); "nhưng phải chăng tất cả đều được sáng tỏ, như trong trường hợp đó thì xứ Gaul sẽ không bao giờ trở thành một tỉnh của đế quốc đó? Có lẽ không chỉ có việc Varus đã mất đến ba quân đoàn của mình trên bờ của sông Rhone? và có thể con sông đó đã không trở thành biên giới, mà lại là con sông Rhine? điều này có lẽ đã hẳn xảy ra, nếu Caesar và Crassus đã trao đổi với nhau những tỉnh; và chắc chắn cũng không thể nói ở trong một biến cố như vậy, mà sự tiến đến (giống như các luật sư đã nói) của nền văn minh châu Âu có thể là đã không thay đổi. Sự chinh phục của người Norman cũng trong cùng một cách thức, cũng lại chính là hành động của một con người đơn lẻ, như bài viết ở trong một tờ báo; và đã biết chúng ta đã viết lịch sử của con người đó và của gia đình ông ta, chúng ta có thể tiên đoán theo cách hồi tưởng lại, là sẽ không có điều gì chắc chắn để không thể phản bác được, là không thể có một người khác" (không có ai khác trong thời đại đó, mà theo tôi, điều này rất có ý nghĩa) "đã có thể hoàn thành được công việc. Nếu công việc đã không được hoàn thành, thì cũng phải có một cơ sở nào đó để giả thiết là lịch sử của chúng ta hay tính chất của đất nước chúng ta phải là cái gì đúng như bản chất của chúng?

Như hầu hết đã được lưu ý một cách đúng đắn, cũng bởi cùng một tác giả, về toàn bộ dòng chảy của lịch sử Hy Lạp, giống như đã được làm sáng tỏ bởi ông Grote, là một chuỗi những điển hình mà thường là những sự kiện thể hiện toàn bộ số mệnh của nền văn minh sau đó buộc

phải quay hướng, vẫn chỉ phụ thuộc vào tính cách tốt hay xấu của một cá nhân nào đó. Tuy vậy, cần nên nói rằng Hy Lạp đã cung cấp cho ta những tấm gương cực kỳ điển hình của chính bản chất này đã có thể tìm thấy được trong lịch sử, và cũng là một mẫu loại rất tuyệt diệu của khuynh hướng tổng quát chung. Điều đó chỉ đã xảy ra có một lần và cũng sẽ không bao giờ có thể xảy ra được nữa, và những cơ may của loài người chỉ phụ thuộc vào việc giữ gìn một trật tự nào đó của chính thực tại sự việc.

Trong cuộc sống của một đô thị đơn lẻ, hay một xứ chỉ có hơi lớn hơn vùng Yorkshire, có thể bị phá hủy hay được cứu thoát bởi hàng trăm nguyên nhân, với khả năng chỉ rất nhỏ thôi, so với những khuynh hướng tổng quát chung của những vụ việc của con người. Chẳng phải những sự kiện đó vốn vẫn thường xảy ra, cũng chẳng phải những tính cách của những cá nhân lại có bao giờ có thể rất ư quan trọng như thế giống như chúng đã từng có. Cứ chừng nào mà loài người còn tồn tại, và cứ chừng nào mà nền văn minh càng phát triển đi lên hơn, giống như Comtes đã lưu ý, thì lại càng đậm nét sự ảnh hưởng của những thế hệ liên tục nhau cho tới hiện tại, và loài người *kế gộp chung nhau* qua mọi cá nhân ở trong đó, vẫn cứ trội vượt lên qua những sức mạnh khác; và cho dù tiến trình của những công việc đó vẫn không bao giờ ngừng lại, vẫn khiến cho ta nhận thấy được sự thay đổi, bởi cả những sự kiện bình thường, và bởi cả những phẩm chất đặc biệt của cá nhân, thì sự ưu việt gia tăng của hoạt động của tập thể của chủng loại, đối với mọi nguyên nhân thứ yếu, vẫn luôn mang được sự tiến hóa tổng thể của chủng loại vào trong một cái gì đó cứ phải thoát đi ra từ một lối đi chắc chắn và tiên định. Do vậy, khoa học lịch sử sẽ luôn luôn trở thành khá dễ hơn; không phải chỉ bởi vì nó được nghiên cứu tốt hơn, nhưng bởi là vì trong mọi thế hệ, nó sẽ trở thành thích ứng tốt hơn cho việc nghiên cứu.

PHẦN HAI

Tập trung vào

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VIỄN TƯỢNG TRIẾT HỌC

18

Nhà nước ⊕

ARISTOTLE

(384 -322 trước CN)

...Vì Nhà nước được tạo nên nhằm để bảo đảm cho đời sống, cho nên chính nó tồn tại để làm cho đời sống được tốt đẹp. Do vậy, nếu từ những sự kết hợp giản dị, như ở trong gia đình và trong làng, đó là một sự hiện hữu tự nhiên, thì Nhà nước cũng được là như thế trong mọi trường hợp; bởi vì trong Nhà nước, chúng đạt tới sự phát triển hoàn toàn, và Thiên nhiên cũng hàm chứa đầy đủ sự phát triển toàn thể, bởi vì bản chất của mọi sự vật nào đó, nghĩa là của một người, một cái nhà hay một con ngựa, đều có thể được định nghĩa như là điều kiện của nó, khi tiến trình tạo ra nó đã được hoàn thành. Hay là bản tính tự nhiên của Nhà nước cũng có thể được chứng minh theo một cách khác: đối tượng được gợi ý hay sự phát triển đầy đủ của một sự vật chính là mục đích tốt cao nhất của nó; nhưng sự độc lập đầu tiên đạt được trong Nhà nước là sự phát triển đầy đủ, hay là cái tốt cao nhất của nó, và do thế cũng là sự tự nhiên.

Như vậy, chúng ta thấy rằng Nhà nước là một chế định tự nhiên, rằng con người tự nhiên là một con vật chính trị, và một người nào đó không phải công dân của bất cứ một Nhà nước nào đó, và nếu nguyên nhân của sự tách biệt của anh ta là tự nhiên và cũng không phải cái gì đó trái lẽ, thì hoặc đó là một con người siêu đẳng, hay là còn thấp xuống nhiều trong tính cách của nền văn minh, bởi vì anh ta chỉ đứng có một mình, giống như là một "cái tì vết" ở trên một cái bàn cờ gỗ đen. Chính con người "không có bộ tộc, không có pháp luật, không có con tim" như thế đó, đã được Homer miêu tả một cách đắng cay ở trong một trường hợp như vậy; bởi vì anh ta tự nhiên vì không phải là một công dân của một Nhà nước nào cả, và còn là một kẻ ham chiến tranh. Cũng vì thế mà người đó là một con vật chính trị theo một ý nghĩa cao hơn so với một con ong, hay với bất kỳ một con vật bầy đoàn nào khác, là điều hiển nhiên do

---

Trích từ Chương 2 trong Quyển I và các Chương 9, 11 trong Quyển III trong bản dịch của E.C Welldon (1883) về *Chính trị học*.

từ sự kiện Thiên nhiên, như chúng ta vẫn luôn thích khẳng định, không hề tạo ra một sự vật nào mà không có một mục đích, và con người cũng chỉ là một con vật đã có được một khả năng ngôn ngữ. Thế mà chỉ có những âm thanh được vẫn dùng để chỉ các cảm giác đau đớn và thích thú, và như thế cũng là chung cho các loài vật khác, cũng như cho con người; bởi vì bản chất của chúng không hề tiến tới xa hơn cái điểm nhận thức về sự đau đớn và thích thú, và có nghĩa những sự nhận thức này là đổi lẫn cho nhau. Đối tượng của lời, nói mặt khác cũng là để chỉ sự ưu điểm và bất lợi, và do thế mà cũng là sự công bằng và không công bằng. Bởi vì đó là tính cách đặc biệt dùng để phân biệt con người với mọi loài vật khác, mà chỉ anh ta là sử dụng được sự nhận thức về cái tốt và cái xấu, sự công bằng và không công bằng, và tương tự thế. Nhưng những điều này là những nguyên lý của sự kết hợp đó, mà qua đó cấu thành nên một nội gia hay một Nhà nước.

Lại nữa, trong trật tự tự nhiên, Nhà nước vẫn tiên quyết hơn nội gia, hay cá nhân. Bởi vì cái toàn thể tất nhiên phải vượt trội hơn so với cái thành phần. Chẳng hạn, nếu bạn lấy ra khỏi cơ thể là cái toàn thể một bộ phận nào đó, bộ phận đó sẽ không còn mang tính chất như thế nữa, như một cái chân hay một cánh tay, trừ phi chúng ta muốn dùng từ ngữ đó theo một ý nghĩa khác, giống như khi chúng ta nói về một cái tay bằng đá theo ý nghĩa là một cái tay. Bởi vì một cái tay đã bị tách rời ra khỏi cơ thể thì nó sẽ là một cái tay mất năng lực; do thế mà chức năng hay năng lực của một sự vật là nhờ vào nơi chính bản chất của chức năng đó, vì vậy mà khi những sự vật đã mất chức năng hay khả năng của chúng rồi, thì cũng không nội dung còn đúng để gọi chúng, giống như những sự vật đó vốn có, nhưng chỉ còn là những từ ngữ đồng âm, tức chỉ là những sự vật khác nhau mà có cùng một tên gọi giống nhau.

Như thế, chúng ta thấy Nhà nước là một thiết chế tự nhiên, và nó cũng đã có trước đối với mọi cá nhân. Bởi vì nếu cá nhân trong tính chất như một đơn vị tách rời, thì nó cũng không thể độc lập, vì anh ta phải là một thành phần và phải chịu cùng một mối quan hệ với Nhà nước, giống như những phần khác tối với cái toàn thể của chúng; và nếu một người có thể có một sự kết hợp với những người khác, hay là độc lập, và kể ca anh ta cũng không cần một sự kết hợp như thế, thì không phải là một thành phần của một Nhà nước nữa, hay nói khác đi anh ta hoặc chỉ là một con vật thô thiển hay là một vị Thần. Thế nên bản năng nhằm đi tới một sự kết hợp chính trị là bẩm sinh ở trong mọi người. Và cho dù tác giả của sự kết hợp đầu tiên đó là ai chăng nữa, thì chính người đó cũng đã là một ân nhân vĩ đại của loài người. Bởi vì con người, chỉ trong điều kiện phát triển hoàn toàn của mình, tức là trong Nhà nước, mà anh ta là cái cao quý nhất so với mọi loài vật, thế nên nếu không có pháp luật và sự công bằng thì anh ta lại là cái xấu xa nhất trong tất cả. Bởi vì sự bất công luôn luôn là dáng tởm nhất khi nó lại được vũ trang; và thiên nhiên đã trang bị cho con người những cánh tay là nhằm để trợ lực cho những mục tiêu của sự thận trọng và đức hạnh, nhưng cũng là khả năng để có thể quay hướng một cách toàn diện vào các mục tiêu ngược lại. Thế nên, nếu con người mà không có đức hạnh, thì cũng không có một con vật nào lại ghê gớm và hoang dã bằng như thế, hoang tàng bằng như thế và tham lam bằng như thế cả. Hành vi đúng đắn, mặt khác, lại liên kết với sự tồn tại của một Nhà nước; bởi vì sự quan lý nhằm hướng về công lý, là một sứ mạng của việc kết hợp có tính chính trị, và là sự quản trị sự để nhằm tới công bằng, và điều đó cũng không gì khác hơn là sự quyết định về những điều gì là đúng đắn.

...Các kẻ quả đầu chế và những người dân chủ cũng đều đồng ý về điều nay, đó là họ đều cùng chia xẻ chung một nguyên

lý nào đó về công bằng, nhưng họ vẫn không tiến lên hơn một điểm nào đó, hay cùng đi tới việc xác nhận đầy đủ ý nghĩa của công lý trong chính nội dung ý nghĩa của từ ngữ này. Thế nên, một bên, tức là những người dân chủ, thì chủ trương công bằng là sự bình đẳng; và cho là như thế, thì cũng không phải cho tất cả thế giới, mà chỉ là cho những người nào đã bình đẳng nhau. Còn những người kia, tức những kẻ quả đầu, lại cho rằng sự không công bằng là đúng, bởi vì thực chất của vấn đề là phải như thế, và cũng không phải cho tất cả thế giới, mà chỉ cho những sự đã vốn không công bằng. Cả hai đều không muốn nhìn vào góc độ của mối quan hệ của những người nào được hưởng dụng sự công bằng hay sự không công bằng, và do vậy mà họ đã đi tới một phán đoán sai lầm. Lý do chính là họ đang phán đoán về các vấn đề có ảnh hưởng tới chính họ, và tất cả chúng ta đều là các vị phán quan đáng buồn khi nào những lợi ích cá nhân của chúng ta đang bị thử thách. Và do vậy, mặc dù sự công bằng chỉ là một từ ngữ mang ý nghĩa tương đối, cũng như đã được xác nhận cả rồi trong Đạo đức học, với hàm ý rằng tỉ lệ của sự phân phối là cố định về phương diện những sự vật được phân phối cùng là những người nào đã nhận được chúng, ở cả hai phần; trong khi họ chỉ có chung đầu óc về sự công bằng về các sự vật, thì lại khác nhau về điều gì tạo nên sự công bằng trong những cái bao hàm, là chính yếu bởi vì lý do như đã vừa viện dẫn, tức họ chỉ là những phán quan tồi bất cứ khi nào có liên quan đến những quyền lợi của chính họ. Nhưng điều thứ hai cũng bởi vì sự kiện mỗi người chỉ giữ một nguyên lý nào đó về công bằng, cho tới một điểm nào đó mà chính anh ta đã dẫn chúng đến giả thiết họ cùng chủ trương một nguyên tắc công bằng theo một ý nghĩa tuyệt đối. Đối với những người quả đầu, nếu họ thượng phong trong một điểm đặc thù nào nào đó, như trong tiền bạc, mà chính họ cho rằng họ có ưu quyền hơn cả thảy; trong khi những người dân chủ, nếu họ đúng là bình đẳng trong một điểm nào đó, chẳng hạn như trong sự tự do cá nhân, thì lại tự cho họ là bình đẳng trong tất cả. Nhưng họ lại bỏ qua đi chính điểm quan trọng tối hậu. Nếu một số lớn các vật sở hữu chỉ là đối tượng duy nhất của sự liên kết hay hợp nhất của họ, thế thì những phần chia của họ trong Nhà nước là ngang với những phần của họ trong quyền sở hữu, và trong trường hợp này, dường như không hề có một sự phản đối nào đối với lý luận của bên quả đầu, rằng nơi nào có của, tức một số vốn hàng trăm minae, là người góp phần vào một quỹ đơn lẻ, thì sẽ không có quyền trong công bằng để hưởng dụng cùng phần chia, hoặc là trong cái chính, hay là trong những lợi tức mang lại như một người đã được cho giữ lại chín mươi chín phần. Nhưng sự thực thì đối tượng của sự kết hợp lại của họ chính là việc sống tốt đẹp - mà không phải chỉ là sống; nói cách khác đi, những người nô lệ và những con vật thấp hơn, có thể tạo nên một Nhà nước, mặc dù điều này trong thực tế là không thể có được, bởi vì chúng vẫn không có khả năng cho sự hạnh phúc hay là cho một cuộc sống điều hòa được bởi một mục đích đạo đức xác định, tức là những điều kiện cần thiết cho một Nhà nước. Cũng chẳng phải đó là mục tiêu đồng minh quân sự và sự an ninh chống lại sự thiệt hại đến từ một vùng nào đó. Cũng không phải chỉ là mục tiêu cho việc được đề nghị thương thảo và thông giao giữa nhau; bởi vì nếu như thế, thì những người Tyrrhenia và những người Carthaginia và mọi đất nước như thế cũng sẽ liên kết với nhau bởi các hiệp ước thương mại để có thể được xem như những công dân của cùng một Nhà nước. Trong số họ, chắc chắn có những hiệp ước về thuế quan, những hiệp nghị chống lại sự xâm hại lẫn nhau, và những điều khoản quan trọng của sự đồng minh. Nhưng vẫn không có những cơ quan tư

pháp chung cho mọi bên ký kết được thiết định để nhằm bảo đảm cho các đối tượng này, nhưng lại là những cơ quan tư pháp khác nhau tồn tại trong mỗi các Nhà nước; nên cũng không thể làm cho những thành viên cảm thấy được một mối liên quan nào đó về tính cách đúng đắn của các thành viên của bên kia, hay là về những phương tiện của việc dự phòng những người nào sẽ đến với những hiệp ước do từ sự không công bằng và che giấu bất cứ một loại ma mãnh nào hay là một thực tế riêng lẻ nào đó, trừ ra việc ngăn ngừa được các bên có những hành động làm phương hại lẫn nhau. Mặt khác, đức hạnh và tật xấu là những vấn đề cùng cần có sự nghiêm cẩn xem xét, nhất là đối với tất cả những ai mà trái tim luôn hướng về điều thiện và về một chính phủ có trật tự. Và cũng từ sự kiện này, mà hiển nhiên một Nhà nước cần nên tập trung chú tâm vào đức hạnh. Không quan tâm tới đức hạnh tức là đã chuyển sự liên kết chính trị vào một đồng minh không khác nhau về điều gì cả, ngoại trừ trong sự tiếp cận địa phương của những thành viên đó, từ những thành viên được tạo thành bởi những Nhà nước ở cách xa, và làm biến đổi luật lệ chỉ vào trong sự kết hợp, hay cũng như nhà biện luận Lycophon nói, chỉ có thể chắc chắn kính trọng lẫn nhau đối với các quyền, mà không bất cứ sự toan tính nào cho nhằm tạo ra điều tốt hay sự công bằng giữa các công dân. Nhưng rõ ràng điều này chính là quan điểm đúng của Nhà nước, tức là nó cổ vũ cho đức hạnh của các công dân. Bởi vì nếu một người nào đó đã kết hợp được nhiều địa phương khác nhau vào một, nhằm cho những bức tường của Megara và Corinth tiếp giáp nhau, thế thì kết quả cũng sẽ không phải là một Nhà nước đơn lẻ. Cũng chẳng phải sự thực hành của những cuộc hôn nhân giữa nhau mà thiết yếu bao hàm một Nhà nước đơn lẻ, mặc dù những cuộc kết hôn giữa nhau là một trong những dạng kết hợp đã đặc biệt nói lên tính cách của các Nhà nước. Thế nên nếu chúng ta giả thiết trường hợp một số người sống tách biệt nhau, mặc dù không quá xa nhau để ngăn cản sự kết hợp, nhưng bởi vì luật pháp phán đoán có thể có những sự làm hại lẫn nhau giữa họ trong sự trao đổi hàng hóa, như nếu chúng ta giả thiết, chẳng hạn anh A là một thợ mộc, anh B là một người chồng, còn anh C là một thợ giày, anh D là cái gì đó khác, thì tổng số đó cho đến mười ngàn người, nhưng sự liên kết giữa họ vẫn tuyệt đối xác định trong những quan hệ như thế, như sự thương lượng, và đồng minh quân sự, nhưng ở đây lại chắc chắn sẽ không phải là một Nhà nước. Như thế bởi lý do gì? Chắc chắn đó không phải là sự tiếp tục vắng mặt trong sự kết hợp. Vì giả thiết rằng những thành viên hiện thời tạo thành một sự thống nhất mà từ sự kết hợp đó như chúng ta đã mô tả, và giả thiết ở cùng thời điểm, mỗi cá nhân vẫn sử dụng nội gia của chính mình giống như một Nhà nước tách biệt, và sự những giao hảo giữa họ luôn bị giới hạn như dưới những điều kiện của một liên minh tự vệ cốt nhằm mang đến sự hỗ trợ lẫn nhau chống lại sự tấn công, thì vẫn còn quan niệm về Nhà nước trong quan điểm chật hẹp, và có thể ngay cả cũng không được thực hiện, nếu những cách thức của họ về các vấn đề xã hội đến sau sự kết liên cũng chính xác chỉ là một giống như khi họ còn sống rời rạc trước kia.

Nên rõ ràng Nhà nước không chỉ là một sự liên kết kiểu địa phương, hay một sự liên kết trong tồn tại để nhằm ngăn cản sự làm hại giữa nhau và cổ vũ cho sự trao đổi thương mại. Điều này khác xa với trường hợp là mặc dù có những điều kiện cần thiết, và nếu một Nhà nước tồn tại, thế thì tất cả những điều kiện này cũng không nhất thiết phải bao gồm một Nhà nước. Một nhà nước, trước hết trái lại chỉ được thực hiện khi có sự kết hợp của những nội gia cùng những gia đình trong sự sống tốt với nhau, trong một quan

điểm về một sự tồn tại độc lập và trọn vẹn. (Tuy nhiên, điều này vẫn sẽ không phải là trường hợp, trừ ra những thành viên là ở trong một và cùng một địa phương và có tập quán về hôn nhân tương giao). Chính vì lý do này đã được xây dựng nên trong những Nhà nước khác nhau những sự kể cận mẫu hệ, mối quan hệ bộ tộc, những sự hi sinh chung, và những sự vui thú, vì cổ vũ cho một đời sống chung. Nhưng tất cả những điều này chỉ là công việc của tình thân hữu, bởi vì sự chọn lựa một đời sống chung, bao hàm cũng không hơn là tình thân hữu. Và như thế, trong khi cứu cánh của Nhà nước là cuộc sống tốt đẹp, thì những điều này chỉ là những phương tiện của cứu cánh đó. Một Nhà nước, trái lại là một sự kết hợp của những gia đình và những làng xóm trong một cuộc sống độc lập và toàn vẹn, hay nói cách khác, phù hợp theo với định nghĩa của chúng ta, trong một đời sống của sự thịnh đạt và cao quý. Chúng ta phải cần nhận định như thế, thì mục tiêu của sự kết hợp chính trị không chỉ là một đời sống chung, nhưng là hành vi cao quý. Và từ điều đó, đi đến việc họ góp phần hầu hết vào sự kết hợp đó, như đã được nhận thấy, có một lợi ích lớn hơn trong Nhà nước, hơn chỉ là họ được bình đẳng hay trội vượt chính trong sự tự do cá nhân, hay là được sinh ra, nhưng chỉ ở dưới thấp trong tính chất chính trị, hay hơn thế, họ có sự ưu việt trong sự giàu có, nhưng lại là ở dưới thấp trong đức hạnh.

Lý thuyết cho rằng quyền hành tối cao cần phải được đặt vào trong các số đông thay vì trong một số ít người, mặc dù họ có là tốt nhất, là một lý thuyết dường như đã bị bác bỏ bởi những điều cần lưu ý mà chúng ta đã nêu ra; và trong thực tế, có một sự khó khăn nào ở trong đó, cho dù có thể cũng chỉ ở một mức độ nào đó của sự thật. Bởi vì có thể trong số đông, mà trong đó mỗi cá nhân lại không phải là những con người có đức hạnh, hay là điều đó cũng có thể cao hơn về mặt tập thể nếu so với một ít người tốt nhất, tức là tính ưu việt không phải như tính cách của những cá nhân, nhưng trong tính cách như là một tổ chức, cũng giống như cuộc đi chơi và ăn ngoài trời có thể là cao hơn so với những bữa tiệc vẫn được cung cấp do một người duy nhất phải gánh chịu tốn phí. Bởi vì chính do tổng số là lớn, mà có thể mỗi người lại có cái phần chia theo đúng tỉ lệ của mình về đức hạnh và về sự thận trọng, và cũng bởi vì cái tính cách cộng đồng của nhiều người, nên có thể so sánh được với một cá nhân có nhiều chân, tay, và các giác quan, đến nỗi cũng tính cách đó mà thể hiện ra tính chất và sự thông minh của họ. Như vậy số đông nếu là các phán quan thì tốt hơn là số ít, ngay cả về những sáng tác âm nhạc và thi ca cũng vậy; bởi vì vẫn có một phán quan nào đó một mặt, cùng một người khác nào đó, và tất cả họ về mặt tập thể cũng còn là cái toàn thể. Nhưng điểm mà trong đó những người đức hạnh là vượt lên trên so với bất cứ những người bình thường nào, và trong trường hợp đó cũng có thể là một trong số những người đẹp mã, nếu có thể nói thế, là ưu việt hơn những người không đẹp, và những sự trình diễn nghệ thuật đến với thực tế, tức là qua đó, những đặc điểm trong đời sống thực tiễn được phân phối giữa một số các đối tượng ở trong những tác phẩm nghệ thuật được tập hợp vào chỉ trong một; bởi vì, nếu chúng ta lấy mỗi một nét từ chính nó, với con mắt của một người sống, và phần kia của cái khác là đẹp hơn những cái đó trong hội họa. Cho dù sự ưu việt của số đông đối với số ít những người đức hạnh là có thể có, và cho dù đó là tính chất của những cộng đồng hay những đám đông thì không chắc chắn, hay có lẽ trong một vài trường hợp nào đó, nó chỉ đơn giản là không thể có được. Vì cùng ở một tuyến lập luận, có thể chỉ áp dụng được cho những động vật thấp hơn. Tuy nhiên, có thể là vô lý nếu cho rằng một số đông những động vật thấp hơn là ưu việt hơn một số ít những con

người; thế nên có những con người có thể được miêu tả là không chắc chắn cao hơn những động vật thấp hơn. Cùng lúc đó, đã thật sự có những đám đông mà trong trường hợp của họ lý thuyết chúng ta, thì lại không thể có một sự phê phán nào.

Như vậy, những sự xem xét này cung cấp cho chúng ta một câu trả lời đối với câu hỏi đã được đặt ra trước đó, mà chính yếu điều gì có thể là quyền lực tối cao trong Nhà nước; cũng như đối một loại quyền lực vẫn gắn liền một cách gần gũi với nó, chủ yếu là cái gì, sẽ là các giới hạn đặt ra cho quyền lực của những công dân tự do, hay những đám đông, tức là của tất cả những người nào không giàu có và không hưởng bất cứ danh tiếng đặc biệt nào về đức hạnh? Có sự nguy hiểm nhất định trong việc thích ứng của họ đối với những cơ quan cao nhất của Nhà nước, một sự nguy hiểm mà một mặt sự bất công sẽ dẫn họ đến tội ác, và mặt khác tới sự điên cuồng, trong chính sự sai lầm; cho dù sự loại trừ họ ra khỏi mọi cơ quan, trong lý thuyết và trong thực hành, là một điều kiện của nhiều điều báo động, bởi vì không bao giờ có thể có một đoàn thể đủ lớn của những con người bị loại trừ, dù từ danh dự hay từ sự nghèo khổ, nhưng Nhà nước mà trong đó mà họ là những thành viên, thì chắc chắn có một số lớn các kẻ thù trong phạm vi đó của nó. Và còn có điều là họ cần phải tham dự vào, trong những chức năng cân bằng và tư pháp. Nó phù hợp với quan điểm cho rằng những người làm ra luật khác nhau, và có cả Solon ở trong số họ, bó buộc những cộng đồng phải chọn lựa những công chức của Nhà nước và cũng để làm cho họ phải có trách nhiệm, nhưng lại từ chối việc họ sự nắm các cơ quan trong tính chất cá nhân. Bởi vì trong năng quyền tập thể của họ, họ có một nhãn quan thích hợp và chính bằng sự phối hợp cùng với các cấp trên của họ, nhằm để hưởng dụng những lợi lộc của Nhà nước, trong cùng một tính cách như thức ăn sẽ bị pha trộn, nếu trộn chung với cái không bị pha trộn, sẽ làm cho toàn thể được bổ dưỡng hơn, nhờ ở thức ăn không bị pha trộn đã có, mặc dù mỗi cá nhân đều chỉ có một khả năng phán đoán không hoàn hảo.

Tuy nhiên, có những khó khăn gắn liền với hệ thống tổ chức này; trước hết khả năng phán đoán, tức là người nào thích nghi được với sự chạy chữa đúng đắn trong việc sử dụng thuốc thang, thì có thể sẽ có vẻ chỉ thuộc về con người cũng có khả năng chữa lành cho người bệnh về mặt y học và làm bình phục được sức khỏe cho anh ta sau cơn bệnh hiện có để đi tới sức khỏe, nói khác việc tới với y sĩ. Sự việc đó cũng đúng đối với bất cứ nghệ thuật nào khác, thực nghiệm hay khoa học. Có thể lập luận rằng một y sĩ có thể phải chịu trách nhiệm với một y sĩ khác, như thế phải cần có một lớp khác của những người mà anh ta phải có trách nhiệm đối với những người ở cùng địa vị với họ. Câu trả lời là từ ngữ "y sĩ" có thể có nghĩa là người làm việc chữa trị y học thông thường hoặc là người nghiên cứu khoa y học, hay là nội dung thứ ba, là người đã hoàn toàn nắm bắt, làm chủ được những nguyên lý của nghệ thuật đó; cũng khó có nghệ thuật nào không tìm thấy được những con người trả lời cho ba lớp này, và cái đúng của sự phán đoán, là xác định cũng nhiều đối với những người này, mà họ chỉ làm chủ được những nguyên lý, cũng như những người đã có được một kiến thức khoa học về chủ đề này. Và thứ hai, là cùng một sự việc, có vẻ như trường hợp sự bầu chọn những công chức. Điều thực hiện đúng quyền chọn lựa, có thể được thúc đẩy, cũng như quyền phải sự xem xét tỉ mỉ, là chức năng dành riêng cho những người nào đã làm chủ được khoa học đó. Như vậy, một nhà hình học hay một hoa tiêu, có thể được lựa chọn, chỉ bởi những người nào hiểu được hình học và thuật thủy hành. Ngay cả để bảo đảm có một số nghề nghiệp và nghệ thuật nào đó mà một vài người không có nghề nghiệp có một lá phiếu trong việc bầu cử, họ cũng chắc chắn không dùng ảnh hưởng lớn hơn các chuyên gia.

Phù hợp theo lý thuyết này, cũng không thể khuyên được việc tín nhiệm vào những đám đông, với quyền hành cuối cùng, hoặc là trong bầu cử những viên chức Nhà nước, hay là có trách nhiệm đối với họ. Tuy vậy, có vẻ có một sai lầm nào đó ở trong cách lập luận này, một phần - trừ phi tính chất của những đám đông là nô lệ tuyệt đối - bởi lý do như đã được viện dẫn ra, mặc dù về mặt cá nhân họ là những phán quan tệ nhất, còn hơn cả những chuyên gia, do thế mà trong khả năng tập thể của họ, họ tốt hơn, hay ít nhất cũng là tốt, một phần là bởi vì có một số chủ đề mà trong đó những kết quả được tạo ra là liền bị chỉ trích chính bởi những người không hề làm chủ được các khoa học. Do thế, đó không phải là người xây dựng duy nhất, với chức năng phê phán về những giá trị của một ngôi nhà; vì người sử dụng nó, tức người chủ nhà hiện thời là phán quan tốt hơn, và cũng giống như vậy, một viên hoa tiêu là một phán quan tốt hơn cho việc lái tàu, hơn là một người thợ mộc, hay trong một bữa tiệc thì chính những người ngồi ăn hơn là những người nấu.

Sự khó khăn này như vậy, có lẽ chúng ta xem là đã được giải quyết thỏa đáng. Tuy nhiên, còn một sự khó khăn khác vẫn nối kết chặt chẽ với nó. Cho dù đó không phải là một điều phi lý, thì cũng thường có thể nói là vì những trật tự thấp hơn mà với quyền hạn tối cao trong những vấn đề cao hơn của những giai cấp đáng kính? Tuy rằng không có những bổn phận nhất thời nào nữa, hơn là những bổn phận của việc chọn lựa những viên chức của Nhà nước, và giữ cho họ phải có trách nhiệm, và cũng chính những điều này mà trong một vài khu vực, như đã được lưu ý, đã được giao cho các cộng đồng. Vì Nghị hội công cộng vẫn là tối cao trong tất cả những vấn đề như thế, mặc dù những thành viên của Nghị hội, Hội đồng, và của các Pháp đình, vẫn không cần phải là những người có tài sản lớn, hay có tuổi tác thích hợp, tuy vậy tính chất về một tài sản lớn hơn, vẫn cần thiết cho những vị ủy viên của ngân khố, những tướng lĩnh, và những viên chức cao nhất của Nhà nước. Thế nên, sự khó khăn này cũng có cùng giải pháp. Có thể là có lý để lập luận rằng tình trạng hiện thời của những sự việc đó là đúng. Bởi vì không phải những thẩm phán cá nhân, hay những thành viên cá nhân của Hội đồng hay Nghị hội đang dùng quyền lực chính thức, mà là toàn thể Tòa án hay Hội đồng, hay tổ chức của các cộng đồng, mà từ đó các cá nhân đã được phân nhiệm, chỉ là những bộ phận. Đó chính là thành phần của tổng thể, và như thế, nó thoát thai từ mọi điều quan trọng, là từ cái toàn thể mà tôi nhận thấy là các thành viên cá nhân của Hội đồng, Nghị hội, hay Tòa án. Như thế, đúng là những đám đông cần phải kiểm soát những lợi ích lớn hơn số ít, bởi vì có nhiều những thành viên của các Cộng đồng, Hội đồng, hay là Tòa án, và tài sản tập thể hiện có của họ, tất cả đều vượt quá tài sản của những người nắm các vị trí cao trong Nhà nước như tính cách những cá nhân hay trong những tổ chức hạn chế.

Với sự thảo luận này về những điểm đó, chúng ta hẳn phải bằng lòng. Nhưng sự khó khăn đầu tiên chúng ta đã lưu ý đối với quyền lực tối cao trong Nhà nước, lại chẳng đưa ra được điều gì cũng sáng tỏ như là pháp luật, nếu đúng là việc kích hoạt, nó cần phải là tối cao, và những viên chức Nhà nước, cho dù có một hay là nhiều, cũng nên có quyền hành tối cao chỉ trong những vấn đề đó, mà hoàn toàn không thể đối với những luật lệ đã nói lên một cách đúng đắn, bởi vì sự khó khăn trong việc cung cấp một sự xác nhận chung cho mọi trường hợp. Cái gì cần phải mang tính chất của luật pháp, nếu nó kích hoạt đúng, vẫn chưa là chắc chắn; trái lại, sự khó khăn cũ của chúng ta vẫn hãy còn ở đó. Điều này không thể được bàn cãi, vì những luật pháp đã được lập ra là cần thiết đối với đô thị trong đó họ tồn tại.

19

Bản chất con người và quyền lực chính trị *

THOMAS HOBBES

(1588 – 1679)

I

...Chúng ta xem xét, rằng sự phúc lạc của cuộc đời này, sự nhất quán không phải ở trong việc nghỉ ngơi của đầu óc đã được thỏa mãn. Bởi vì chẳng thể có cái *finis ultimus*, tức mục đích cuối cùng như thế, cũng không phải cái *summum bonum*, tức cái tốt đẹp lớn nhất, như vẫn thường được nói trong những tác phẩm của những nhà triết học đạo đức xưa. Cũng không phải trường hợp một người nào đó khác hiện đang sống, mà những sự ham muốn của anh ta đã ở tới mức tận cùng, hơn cả những giác quan và sự tưởng tượng chính anh ta ở chính tình trạng của nó. Điều đáng khen chính là ở sự tiến bộ không ngừng của sự ham muốn, tức là luôn đi từ một mục tiêu này sang một mục tiêu khác; sự đạt tới của cái trước, luôn vẫn chỉ là con đường tiến lên cho cái sau. Nguyên nhân cho mục tiêu của lòng ham muốn của con người, không phải chỉ là sự hưởng thụ một lần, hay cho một lúc nào đó trong tiến trình thời gian; nhưng điều đó phải được bảo đảm cho muốn thứa, trên con đường của sự ham muốn trong tương lai của mình. Và do thế, những hành vi có ý chí, cùng khuynh hướng của tất cả mọi người, đều nhằm đến không phải chỉ để cung cấp, nhưng cũng còn nhằm để bảo đảm cho một đời sống như ý; và nó chỉ khác nhau trong các cách thức: là cái gì đó mà một phần là được phát sinh do từ sự khác biệt của những đam mê ở những con người khác nhau; và một phần là từ sự khác nhau của tri thức, hay quan niệm mà mỗi người có được về những nguyên nhân đưa lại các hiệu quả mong muốn.

Do thế, trước hết tôi cho là một khuynh hướng chung của tất cả loài người, một sự ham muốn vẫn luôn có và không ngừng nghỉ hướng về quyền hành, rồi tới quyền quyền hành lớn hơn nữa, và chỉ chấm dứt khi nào chết. Và nguyên nhân của điều này, cũng luôn luôn do con người mãi

* Trích từ các Chương 11, 13-15, 17 và 18 của *Leviathan* (Quyền lực tối thượng) (1651), ấn bản Molesworth (1839).

hy vọng làm sao càng có nhiều sự thích thú gia tăng cường độ hơn, hơn điều gì đó anh ta đã có được nó rồi; hay là anh ta không thể hài lòng với một quyền lực bình thường; là bởi vì anh ta không thể không muốn bảo đảm cho quyền lực đó và có những phương tiện để sống tốt hơn, đối với điều gì anh ta hiện đang có, và không thể không tìm cách để có thêm nữa. Và do từ điều đó, mà những ông vua, dù quyền lực của họ là lớn nhất, cũng lại biến những tham vọng của họ đi tới chỗ phải bảo đảm cho nó được an toàn bởi luật pháp, hay là cần mở rộng nó ra nhờ bởi các cuộc chiến tranh; và khi điều đó đã có được, cũng lại phát sinh ra thêm một sự ham muốn mới; trong một số của những cuộc chinh phục nổi tiếng; còn trong những ham muốn khác, có sự ham muốn của điều dễ chịu và sự thích thú về thể xác; trong những cái khác nữa, còn có sự ham muốn của việc được thán phục, hay của sự được mát lòng mát dạ, vì đạt đến được sự cực tốt trong nghệ thuật nào đó, hay ở những khả năng khác của tinh thần.

Sự tranh đua của những người giàu, hay về danh dự, uy tín, hoặc quyền hành khác, cũng có khuynh hướng tiến tới sự hòa hoãn, sự thù địch, hay là chiến tranh: bởi vì cách thức của một kẻ cạnh tranh, là nhằm đạt tới được lòng ham muốn của mình, là giết chết, là làm cho khuất phục, là thay thế, hay là trục người khác đi khỏi. Đặc biệt, sự cạnh tranh nhằm để được khen lao, có khuynh hướng đi tới một tôn vinh cái gì đó cổ xưa. Bởi vì con người chỉ bằng lòng với cuộc sống, không phải với cái chết; vì những điều này chủ động hơn là cam chịu, rằng họ có thể làm lu mờ đi vinh dự của người khác.

Lòng ham muốn sự dễ chịu và sự khoái lạc giác quan khiến cho con người phải vâng theo một quyền lực chung: bởi vì bằng những ham muốn như thế, một người sẵn sàng từ bỏ sự che chắn mà anh ta có thể hy vọng nhờ ở sự khôn khéo của chính mình và sự làm việc. Sợ chết, và bị thương, cũng khiến theo cùng cách như thế, và trong cùng lý do. Trái lại, những kẻ tham lam và bạo dạn thì không bằng lòng với điều kiện hiện tại của họ; cũng như thế, mọi người nào có tham vọng về lãnh đạo quân sự thì có khuynh hướng tiếp tục gây các nguyên nhân của chiến tranh: và cũng để quấy lên những hỗn loạn và xúi giục: vì không có việc vinh quang quân sự nào mà lại không phải bằng chiến tranh; không có bất cứ hy vọng nào như thế để lèo lái được một cuộc chơi xấu xa, nếu không phải là tạo ra một sự xào bài mới.

Lòng ham muốn hiểu biết, và những nghệ thuật trong hòa bình thúc đẩy con người vâng theo một quyền lực chung: đối với lòng ham muốn như vậy, có chứa đựng lòng ham muốn về sự thích thú; và do đó mà được che chở bởi một quyền lực nào đó khác không phải của chính mình.

Sự ham muốn được khen tặng, muốn hướng tới những hành vi danh giá, như thể để được làm vừa lòng họ bằng những sự phán đoán mà họ muốn được đánh giá; bởi vì đối với những người này, những người mà chúng ta hài lòng, chúng ta cũng bằng lòng về những sự khen tặng. Sự ham muốn được danh thơm sau khi chết, cũng chính là như thế. Và cho dù sau khi chết, cũng không có ý nghĩa nào của sự khen tặng đã có được cho chúng ta trên mặt đất để được thụ hưởng, vì đó mà hoặc phải chịu đựng để có được niềm vui sướng không thể nói hết được của thiên đàng, hay là bị loại bỏ đi trong sự đày đọa cực kỳ ở nơi địa ngục: tuy thế cũng không phải sự nổi tiếng là vô ích; bởi vì con người đã có một sự thỏa thích trong hiện tại mà từ đó thấy trước được về nó và các sự lợi lộc mà họ có thể chuyển lại cho chính con cháu của họ: điều đó cho dù giờ đây họ không nhìn thấy, nhưng họ có thể tưởng tượng ra; và một điều gì đó thích thú cho giác quan, thì cũng thích thú như thế trong sự tưởng tượng.

Khi nhận được từ một người nào đó, mà theo chúng ta đều là đồng đẳng nhau,

những lợi lộc lớn hơn niềm hy vọng có thể đền đáp lại được, tất sẽ đẩy tới sự giả tạo trong tình yêu, nhưng thực sự lại là một sự thù ghét ngấm ngầm; và sẽ đưa một người vào trong tình trạng một con nợ vô vọng, mà chính trong sự suy sụp đó, nếu phải nhìn thấy của chủ nợ, anh ta hắn ngấm ngầm mong muốn là mình sẽ không bao giờ thấy người ấy nữa. Bởi vì những lợi lộc thì thúc bách, còn các bổn phận lại không thể tránh được; và nghĩa vụ chưa hoàn thành vẫn cứ luôn luôn còn đó; đó là điều mà bất cứ ai cũng ghét. Nhưng khi đã nhận các lợi lộc từ một người đó mà chúng ta đã thừa nhận là thuộc bề trên, thì chúng ta sẽ có khuynh hướng yêu thương; bởi vì nghĩa vụ vẫn không phải là sự buồn phiền mới, nhưng là một điều được chấp nhận cách vui vẻ, như là cái gì đó mà người ta vẫn gọi là sự *biết ơn*, và một vinh hạnh như thế phải được dành cho người thọ ơn, như nó vẫn được thường xem là một sự đền đáp. Cũng nhằm để nhận được những lợi lộc, cho dù là từ một người ngang hàng hay một người dưới, nếu chừng nào còn có hy vọng đền đáp, thì chúng ta cũng vẫn có khuynh hướng thương yêu: bởi vì trong ý định của người nhận, đó như là một nghĩa vụ giúp đỡ, hay như sự trợ giúp lẫn nhau; cũng từ đó, mà luôn có sự tranh đua của người nào được đi quá xa trong sự thụ hưởng; tính cách cao quý nhất, và sự thỏa thuận có lợi, vẫn có thể có; mà trong đó kẻ chiến thắng hài lòng với sự chiến thắng của mình, còn người kia thì lại trả thù bằng phương cách thừa nhận nó.

Khi gây ra sự thiệt hại quá đáng đối với một người, hay lại còn có ý muốn tước đoạt cả bản thân của người ấy, người có khuynh hướng làm điều đó phải là người rất căm ghét kẻ nạn nhân. Bởi vì anh ta chỉ trông mong có sự trả thù; nên dù có tha thứ thì cả cũng hai đều rất đáng ghét.

Khi sợ bị áp bức, mà một người có khuynh hướng dự phòng trước, sẽ hay tìm cách tránh thoát bằng chính sự liên kết: bởi vì cũng không còn cách nào khác để cho một người có thể tự bảo đảm cho đời sống và sự tự do của mình.

Những người nào không tin tưởng vào chính sự cao quý của mình, mà trong một cơn tao loạn và khuấy động, lại có được một khả năng tốt hơn để chiến thắng, thì họ vẫn sẽ tự xem mình là khôn ngoan hay láu lĩnh. Bởi vì những người này vẫn thích hỏi ý kiến người khác, do sợ rằng sẽ bị rơi vào chỗ bất lợi, cốt để nhằm chủ động trước hết. Và trong việc bị xúi giục, người ta vẫn thường luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, gắn kết lại với nhau, và tận dụng hết mọi lợi thế về sức mạnh, đó chính là một chiến lược tốt nhất, con hơn cả bất cứ điều gì có thể được triển khai ra từ sự linh mẫn của trí năng.

Lại còn những người chỉ ưa thích sự hào nhoáng giả tạo, giống như thể họ không có ý thức về chính họ một cách sự thật đầy đủ, họ vẫn thích luôn tự cho mình là những người lịch lãm, nên thường có khuynh hướng huênh hoang; nhưng lại không thực chất: bởi vì khi có một sự nguy hiểm hay sự khó khăn xuất hiện, thì họ không tìm kiếm ra được điều gì cả, nhưng chỉ có khám phá ra được chính sự yếu kém của mình.

Những kẻ chỉ thích sự hào nhoáng suông như vậy vẫn đánh giá sự trọn vẹn của họ bằng chính sự nịnh nọt tọn hót của những người khác, hay là qua sự may mắn của một hành vi đã có trước, song lại không có cơ sở chắc chắn nào cho niềm hy vọng về sự nhận thức thật sự về chính mình, do vậy mà vẫn có khuynh hướng vội vàng dấn thân; nhưng khi có sự nguy hiểm hay sự khó khăn đến gần, lại rút lui ngay nếu thấy có thể được: bởi vì nếu không thấy có con đường nào an toàn, họ sẽ thà cứ đánh đố danh dự của họ để may chi có thể được cứu vãn được, chỉ với một sự chống chế; hơn là đánh đổi cuộc sống của họ, bởi vì đối với họ nó có giá trị hơn cả thảy mọi thứ.

Những người nào có một ý kiến mạnh mẽ về sự khôn ngoan của chính họ trong vấn đề cai quản, thì hay có tham vọng. Bởi vì không có việc làm nào ở nơi công cộng, trong hội đồng, hay tư pháp, thì danh giá nơi sự khôn ngoan của họ sẽ bị mất. Và do thế mà những người có năng lực hùng biện, vẫn có khuynh hướng về điều tham vọng; bởi vì sự hùng biện có vẻ như sự khôn ngoan, kể cả đối với họ cũng như đối với những người khác.

Sự hèn yếu vẫn hay làm cho con người ta không cả quyết, và do vậy mà cũng mất đi những cơ hội, và những dịp may phù hợp nhất cho hành động. Bởi vì sau khi người ta đã có được sự suy nghĩ chọn lựa, cho tới khi thời gian hành động đã tới gần, nếu nó không biểu hiện ra điều gì là tốt nhất để phải làm theo, thì đó lại là dấu hiệu của sự khác nhau trong những lý do giữa con đường này và con đường khác là không lớn: thế nên nếu không quyết định vào chính ngay lúc đó, thì cũng sẽ mất đi cơ hội bởi do sự cân nhắc quá kỹ lưỡng về những điều gì không đáng; đó chính là sự hèn kém.

Sự tằn tiện cho dù nơi một người nghèo là một đức hạnh, vẫn làm cho một người sẽ không thích hợp để đạt tới được những hành động cần phải đòi hỏi sức mạnh của nhiều người tức thời; bởi vì nó sẽ làm yếu đi các nỗ lực của họ, mà nó vẫn cần phải được nuôi dưỡng và gìn giữ trong sức mạnh do bởi phần thưởng.

Sự hùng biện, cùng với sự bợ đỡ, làm cho con người vẫn tin tưởng như thể họ cần phải có nó; bởi vì cái trước thì dường như là sự khôn ngoan, còn cái sau thì dường như là sự tử tế. Nếu thêm vào cho họ chút ít tiếng tăm về quân sự, thì nó sẽ làm cho nhiều người tham gia vào, và tự đặt mình dưới quyền của những người nào có chúng. Cả hai điều đó, thì cái trước vẫn có lợi cho sự phòng bị chống lại sự nguy hiểm, trừ chính anh ta; còn cái sau thì làm cho họ sự thận trọng chống lại việc nguy hiểm từ những người khác.

Thiếu khoa học, có nghĩa là không biết rõ về những nguyên nhân, thì lại khiến, hay đúng ra là bó buộc một người cần dựa trên lời khuyên, và trên uy tín của những người khác. Bởi vì mọi người nào thật sự có liên quan tới điều ấy, nếu họ chỉ dựa trên chính cái gì của họ có, thì họ cũng phải dựa trên ý kiến của một người nào đó khác mà họ nghĩ là khôn hơn chính họ, và cũng không thấy được lý do tại sao anh ta lại lừa dối họ.

Sự không hiểu hết ý nghĩa của những từ ngữ, mà vốn nó thiếu nghĩa lý, sẽ khiến cho người ta cứ tin, không chỉ ở trên sự thật mà họ không biết; nhưng cũng còn trên những sai lầm: và cũng còn hơn cả điều đó nữa, là chính sự vô nghĩa của chúng mà họ tin cậy: dù cũng chẳng phải sự sai lầm hay sự vô nghĩa, mà đó có thể chỉ do việc không thể hiểu được hoàn toàn những từ ngữ được bày tỏ ra.

Cùng từ sự việc như thế đó, mà đi tới điều người ta sẽ gán cho những tên khác nhau đối với cùng một sự vật, chỉ do từ sự khác nhau của chính những đam mê của họ: bởi vì họ chấp nhận một ý kiến riêng, và họ gọi nó là ý kiến; nhưng họ lại không thích nó, đó là sự dị giáo: và như thế dị giáo có nghĩa là không có ý kiến tư riêng nữa; nhưng chỉ có một màu sắc lớn hơn của những sự chọn lựa.

Cũng từ duy có điều đó mà đi tới việc người ta không thể phân biệt nếu không nghiên cứu nhằm để hiểu rõ nhiều khía cạnh trong một hành động của nhiều người, và trong nhiều hành động của một đám đông; bởi vì chẳng hạn, giữa một hành động của tất cả những nghị sĩ tại La Mã trong vụ giết chết Cataline, và việc nhiều hành động của một số những nghị sĩ trong vụ việc giết Caesar; và do vậy mà cũng dẫn tới việc xem hành động của những người dân, tức là số đông đảo các hành động vẫn được làm bởi một số đông người, mà có lẽ đã dẫn tới được chỉ do bởi sự thuyết phục của một người.

Việc không biết rõ những nguyên nhân, sự tạo lập nguyên thủy của quyền hành, công lý, luật pháp và sự công bằng, cũng sẽ dẫn một người đi đến sự tạo lập ra thói quen và sự điển hình nguyên tắc của những hành động của mình; mà trong cách đó, cũng chỉ bởi vì suy nghĩ là sự sự sai trái vẫn thường hay bị trừng phạt, còn điều đúng thì hắn không trừng phạt, và có lẽ do vậy mà họ có thể tự tạo ra một tấm gương, hay là giống như các luật sư cũng chỉ dùng sự đo lường sai lầm này về điều công bằng, để gọi nó một cách kỳ cục là một tiền lệ; giống như những trẻ nhỏ vẫn không có một nguyên tắc nào khác đối với các hành vi tốt và xấu, nhưng chỉ có các sự chỉnh sửa mà chúng vẫn nhận được từ cha mẹ của chúng và các thầy giáo của chúng; để cứ cho rằng các trẻ em vẫn luôn luôn tuân theo các nguyên tắc của họ; tuy nhiên, những người đó thì lại vẫn không như thế; bởi vì họ đã trở nên già và cứng đầu, họ không còn thói quen nghe theo lý trí nữa, và cũng từ lý trí họ trở lại thói quen, giống như đến lượt nó phải tác dụng; từ chối thói quen khi khi quyền lợi của họ nhằm đòi hỏi điều đó, và tự đặt họ chống lại lý trí, giống như thường thì lý trí vẫn chống lại họ: đó chính là nguyên nhân mà lý thuyết về sự đúng và sai vẫn cứ mãi mãi được bàn cãi, cả về bằng chữ nghĩa lẫn cả đao binh; tuy vậy lý thuyết về các đường thẳng, các mặt phẳng, thì lại giống không như thế; bởi vì trong các chủ đề đó, người ta vẫn không cho có cái gì là thật, nhưng nếu đó chính là một sự trái ngược lại cái quyền thống lĩnh của một con người nào đó, thì việc ba góc của một tam giác là bằng ba góc vuông, sẽ cũng chẳng phải là điều gì để cần bàn cãi, nhưng cũng bằng đem đốt hết mọi sách vở về hình học, để nhằm loại bỏ đi hết cả đến mức nào đó có thể được cho dù là đối với bất cứ ai cũng vậy.

Không cần biết tới những nguyên nhân xa xôi đã đưa con người tới chỗ qui về cho mọi sự kiện những nguyên nhân trực tiếp, chỉ mang tính công cụ: bởi vì tất cả những nguyên nhân này đều là những nguyên nhân mà họ nhận thấy được. Và do thế, cũng đi đến việc ở mọi nơi con người hay bị tức giận bởi những việc chi trả cho các yêu cầu công cộng đã khiến cho họ trút hết các sự giận dữ của họ lên những người Cộng hòa, tức muốn nói những người chủ trại, những người thu thuế và những viên chức khác cho lợi tức công cộng; và việc tham dự như thế là để nhằm tìm cách gây lợi cho chính quyền chung; và do thế, mà khi họ đã dấn thân vào, thì cũng vượt quá sự hy vọng của việc làm cho nó đúng đắn, để sẽ lại sẽ rơi xuống từ trên quyền lực tối cao, và sợ phải bị trừng phạt, hay bị xấu hổ vì phải buộc nhận sự tha thứ.

Không biết đến những nguyên nhân tự nhiên, sẽ dẫn con người đến sự dễ tin, và do thế mà lại tin nhiều lần vào những sự việc không thể có được: bởi vì họ chẳng biết điều gì như thế hết, mà trái lại họ vẫn có thể đúng; vì không hề có khả năng để phát hiện ra được các điều không thể có. Và sự dễ tin đó, cũng chính vì con người vẫn thích kết hợp hết lòng với nhau, sẽ dẫn đưa họ tới việc nói dối; như thế nên sự dốt nát tự nó mà không cần ma mánh, vẫn có thể làm cho một người vừa tin được vào những điều nói dối, và lại cũng vừa biết nói dối; nên đôi khi cũng tạo ra cả những điều đó nữa.

Sự lo lắng về các triển vọng trong tương lai đã dẫn đưa con người đến việc tìm hiểu về các nguyên nhân của các sự việc: bởi vì sự hiểu biết về chúng sẽ giúp làm cho người ta có được khả năng tốt hơn để nhằm có sự sắp xếp trong hiện tại, làm sao cho có lợi cho họ nhất.

Sự tò mò hay là lòng yêu thích sự hiểu biết về những nguyên nhân, đã kéo con người ra khỏi việc chỉ xem xét những hiệu quả, để tìm đến những nguyên nhân; và rồi lại đến nguyên nhân của những nguyên nhân đó; cho tới khi nếu phải cần thiết, anh ta cũng sẽ tới tư tưởng này sau cùng,

là có một nguyên nhân nào đó, mà chính từ đó lại không còn một nguyên nhân nào khác trước nữa, nhưng chỉ có nó là vĩnh cửu; đó là cái mà người ta gọi là Thượng Đế. Và như thế thì cũng không thể nào thực hiện được một cuộc truy tầm sâu xa hơn vào những nguyên nhân của chính tự nhiên, và do thế ma cũng không có khuynh hướng để tin là có một vị Thượng Đế vĩnh cửu; cho dù họ cũng không thể có một ý tưởng nào đó về ông ta trong đầu óc, để có thể trả lời được về bản chất của ông ta. Bởi vì với tính chất chính là con người được sinh ra mù mờ, chỉ nghe người ta nói về việc họ biết tự sưởi ấm nhờ lửa, và cũng mang lại hơi ấm cho chính mình cùng bằng cách đó, vì có thể dễ dàng nhận thấy được, và sẽ tự thuyết phục mình là đã có một cái gì đó được gọi là *lửa*, và đó chính là nguyên nhân của hơi nóng kia mà anh ta cảm thấy được; nhưng vẫn không thể nào tưởng tượng ra được một cái gì giống như thế đó; cũng như không hề có một ý tưởng nào như thế về nó ở trong đầu óc, giống như thể họ đã thấy nó: thế thì cũng như vậy mà những sự vật có thể thấy được trong thế giới này, và cả trật tự đáng thán phục của chúng, khiến cho một người có thể nhận thấy phải có một nguyên nhân của chúng, và là cái mà người ta gọi là Thượng Đế; cho dù ngay cả cũng không hề có một ý tưởng, hay hình ảnh nào về ông ta trong đầu óc.

Và họ cũng không chú ý, hay không truy tìm vào những nguyên nhân tự nhiên của các sự vật, kể cả chỉ bởi do nỗi lo sợ nó được phát sinh ra từ trong sự ngu dốt đối với điều gì đó đã có sức mạnh tạo lập ra họ, dù là tốt hay có nguy hại nhiều, vẫn có khuynh hướng giả định và giả bộ ở trong chính họ một số loại nào đó của sức mạnh không thể nhìn thấy đó; và còn sợ hãi về cả những sự tưởng tượng của họ; mà trong lúc thất vọng đã có liên quan tới họ; cũng như cả trong thời gian một sự mong đợi sự thành công tốt đẹp nào đó, để cho họ có được những sự cám ơn; vì đã tạo ra được những tạo vật trong sự tưởng tượng của họ, tức những thần thánh của họ. Bởi vì chúng có nghĩa cũng sẽ đưa tới việc là từ vô số những sự tưởng tượng đó, mà con người cũng đã tạo ra vô số loại thần thánh trong thế giới. Và điều sợ hãi này về những sự vật không nhìn thấy được, cùng chính là hạt giống tự nhiên của điều đó, và mọi cái trong chính nó, đã được gọi là tôn giáo; và cũng ở trong chính chúng mà sự thờ kính, hay sự sợ sệt quyền lực đó, khác hơn điều gì họ phải làm, đó chính là sự mê tín.

Và mầm giống này của tôn giáo, cũng đã được quan sát bởi nhiều người; mà do đó một số những người đã quan sát nó cũng thường có khuynh hướng nuôi dưỡng, trau chuốc lại, và kiến tạo nó vào trong các luật lệ; cùng thêm vào cho nó những phát kiến của chính họ, về bất cứ những ý kiến nào đó của những những nguyên nhân cho các sự kiện tương lai, mà bởi đó mà họ nghĩ là có thể là tốt nhất để nhằm có được khả năng cai quản những người khác, và họ tự đặt mình vào trong ca sự sử dụng các quyền lực lớn lao nhất đó của chính họ.

II

Thiên nhiên đã tạo ra con người bình đẳng như thế; trong những khả năng của thân thể, và cả tinh thần; vì điều đó cũng vẫn vậy, cho dù thường khi đều có thể tìm thấy được một người rõ ràng là mạnh khỏe hơn về thể xác, hay là nhanh lẹ hơn về trí óc so với người khác; kể cả khi cứ cho như đồng đều nhau tất cả, thì sự khác biệt giữa người và người cũng sẽ được coi không lớn, để cho một người do vậy mà có quyền tự đòi hỏi cho chính mình một lợi điểm nào, trong khi một

người khác cũng lại có thể đòi hỏi không thua gì anh ta. Bởi vì về mặt sức mạnh của cơ thể, thì một người yếu nhất cũng sẽ có đủ sức mạnh để giết chết được một người mạnh nhất, hoặc là bằng sự âm mưu bí mật, hoặc là bằng sự liên kết với những người khác, thì điều đó cũng là cùng một mối nguy hiểm đối với chính người kia.

Và đối với những khả năng tinh thần, nếu đặt qua một bên những nghệ thuật xây dựng trên chữ nghĩa, đặt biệt là kỹ năng của một tiến trình qua những nguyên tắc tổng quát, không thể có sai lầm được, và vẫn được gọi là khoa học; nhưng nó lại có rất ít, cũng như có rất ít trong các sự vật, giống như không phải là một khả năng bẩm sinh mà sinh ra đã vốn có đối với chúng ta; và cũng không thể đạt tới được giống như là một sự thận trọng trong khi chúng ta tìm kiếm một cái gì đó khác, khiến cho tôi tìm thấy ngay ra được cả một tính ngang bằng lớn hơn giữa những con người với nhau, hơn chỉ là sự ngang bằng về sức mạnh. Vì sự thận trọng cũng không gì khác là do kinh nghiệm; nó cùng ngang nhau về thời gian, ngang nhau trong sự ban phát trên mọi người, mà với những sự vật đó họ đã ứng dụng chính họ vào trong đó. Cũng có lẽ một sự ngang bằng như thế là không thể tin được, nhưng lại là một sự nhận thức vô ích của chính sự khôn ngoan của con người, mà với nó hầu như mọi người đều nghĩ rằng họ phải ở trong một cấp độ lớn hơn so với người bình thường; tức không phải ở nơi mọi người mà là ở chính họ cùng ở một ít những người khác, nên bằng sự danh tiếng, hay là bằng việc tự nỗ lực mà họ đã được tán thành. Bởi vì như thế đó cũng chính là bản chất của con người; vì cho dù như thế nào, thì họ cũng đã có thể hiểu biết được nhiều người khác, nhờ có được sự tinh nhạy hơn, hay là sự hùng biện hơn, hay là vì có được học hành hơn; kể cả họ còn muốn vẫn tin rằng còn có nhiều người khôn ngoan như thế, thì cũng chỉ giống như chính họ; bởi vì họ đã thấy được chính sự láu lỉnh của họ ngay trước mắt, còn của những người khác thì lại vẫn ở một quãng cách xa. Nhưng điều này vẫn luôn chứng tỏ sự việc đúng là những người được nói ở đây là bình đẳng hơn là không bình đẳng. Bởi vì thông thường thì không có một dấu hiệu nào lớn hơn cho thấy sự phân phối điều bình đẳng nơi một sự vật nào đó, mà đúng hơn chỉ là việc mọi người phải chịu bằng lòng với chính phần được có của mình.

Từ điểm bình đẳng này của năng lực, cho thấy ra sự bình đẳng của điều hy vọng mong đạt tới được những cứu cánh của chúng ta. Và do thế nếu có bất cứ hai người nào đều cùng muốn về một điều gì, nhưng họ lại không thể nào có thể cùng thụ hưởng được cả hai bao giờ, thì họ lại sẽ trở nên là những kẻ thù; và trong con đường đi tới mục đích đó của họ, chính yếu nó là sự bảo đảm lợi quyền của họ, kể cả đôi khi cũng chỉ có duy sự thích thú của họ, thì họ cũng chỉ sẽ cốt nhằm tiêu diệt hay là nhằm làm khuất phục chính người kia. Và cũng từ đó mà đi tới sự việc là một nơi nào có kẻ xâm lăng, thì cũng không có một điều gì để phải sợ sệt nữa, hơn cả chính quyền lực duy nhất của một người nào đó khác; nên nếu có một cái cây, một hạt giống, yêu cầu xây dựng, hay có một chỗ đất nào thuận tiện, thì những cái khác có thể sẽ được trông dợi nhằm để đi tới việc chuẩn bị với một sự thống nhất sức mạnh, để nhằm tước đoạt, và lấy đi hết của anh ta, không phải chỉ là các thành quả của công việc của anh ta, mà cũng cả chính đời sống của anh ta, hay sự tự do của anh ta. Và kẻ xâm lăng lại chính là một sự nguy hiểm cũng chẳng khác gì như người kia.

Và từ sự rụt rè này của họ lẫn nhau, là vì không hề có một con đường nào cho bất cứ ai để chính mình có thể được an toàn, hay được hợp lý như đã dự liệu trước như thế; tức là, chỉ bằng sức mạnh hay bằng thủ đoạn, để nhằm làm chủ được những

người nào có thể làm được, cho tới chừng nào mà anh ta không còn thấy có một quyền lực nào khác đủ lớn để gây ra được sự nguy hiểm cho anh ta; và điều này cũng không còn là chính sự tự bảo vệ mà anh ta cần đòi hỏi nữa, nên cũng sẽ được cho phép nói chung. Cũng giống như vậy, bởi vì cũng có một vài người vẫn lấy làm thích thú trong việc được tán thưởng chính sức mạnh của mình trong các hành động chinh phục mà họ vẫn theo đuổi xa hơn chính sự an toàn của họ cần được đòi hỏi; trong khi đó có những người khác có cách khác hơn là việc chỉ mong muốn được sự hài lòng trong sự thoải mái trong chính những mối hệ lụy thường tình, thì cũng không ngừng phát triển quyền lực của mình bằng sự xâm lăng, nên họ cũng không thể về lâu về dài chỉ bằng lòng ở sự tự vệ của họ để được tồn tại. Và kết quả chính là sự gia tăng các việc đô hộ như thế trên những con người khác, như là điều cần thiết để nhằm duy trì cho những người nào đã được phép của anh ta.

Lại còn có những người không hề có điều gì thích thú, mà trái lại, chỉ có một nỗi niềm âu sầu lớn, trong việc cố giữ vững trong tập đoàn, nơi mà không có quyền lực nào có thể làm cho họ sợ hãi được cả. Bởi vì mọi người vẫn thấy sự kết đoàn của anh ta nên cần đánh giá anh ta, và cũng ở cùng một mức độ như anh ta vẫn tự đánh giá về chính mình; và cho dù trên tất cả những biểu hiệu của sự khinh miệt, hay cả việc đánh giá thấp, thì vẫn nỗ lực một cách tự nhiên, cho đến mức độ nào đó mà anh ta có thể dám (mà ở giữa họ vẫn không có quyền lực chung nào để giữ được họ trong im lặng, tuy vẫn đủ cách xa để làm cho họ hủy hoại lẫn nhau), để loại đi các phần giá trị lớn hơn từ những kẻ khinh thị họ, bằng cả sự làm hại và bằng từ những cách khác chẳng hạn.

Như thế, trong bản chất của con người, chúng ta tìm thấy được ba nguyên nhân chính yếu cho sự cãi vả nhau. Trước hết là sự cạnh tranh; thứ hai là sự nhút nhát; và thứ ba là sự háo danh.

Điều thứ nhất vẫn làm cho con người ta xâm phạm lẫn nhau vì sự ích lợi; điều thứ hai là vì sự an toàn; còn cái thứ ba là cho sự tăm tiếng. Điều thứ nhất sử dụng tới sức mạnh để nhằm làm cho chính họ trở thanh chủ nhân của vợ con, và của gia súc của những người khác; điều thứ hai thì nhằm để tự vệ; còn điều thứ ba chỉ cho những cái không đâu, như một lời nói, một cái mỉm cười, một ý kiến khác nhau, và bất cứ dấu hiệu nào khác của sự đánh giá thấp, hoặc là trực tiếp trong những con người họ, hay là bằng sự phản ánh trong những người thân quyến, bạn bè, quốc gia, nghề nghiệp, hay tên gọi của họ.

Ở đây rõ ràng trong suốt thời gian con người sống mà không có một sức mạnh chung để giữ cho tất cả họ khỏi được sự lo sợ, thì họ phải ở trong điều kiện vẫn được gọi là chiến tranh; và một cuộc chiến như thế, giống như đó là của mọi người chống lại mọi người. Vì chiến tranh không phải chỉ ở trong trận chiến, hay là ở trong hành động đánh nhau; nhưng chỉ là ở trong một quảng thời gian, mà trong đó ý chí là sự bằng lòng với trận đánh và cũng đủ để biết nó: nên do thế mà ý niệm về *thời gian* vẫn là được xem là ở trong bản chất của chiến tranh; cũng giống như chính nó ở trong bản chất của thời tiết. Bởi vì giống như bản chất của thời tiết xấu không phải là nằm trong một cơn mưa rào, hay trong một hai cơn mưa nào đó; nhưng là ở trong khuynh hướng của nhiều ngày như thế họp lại với nhau: bản chất của chiến tranh cũng như vậy, không phải chỉ có trong hành động đánh nhau hiện thời; nhưng trong tình hình đã được biết như nó vẫn có trong suốt cả một thời gian mà không có được sự bảo đảm nào cho điều ngược lại. Chỉ mọi thời gian khác mới được gọi là Hòa Bình.

Thế nên, cho dù một điều gì là hậu quả của một kỳ thời chiến tranh, thì ở đó mọi người đều là kẻ thù của cả mọi người;

và đó cũng sẽ cùng một hậu quả như thế đối với thời gian, ở trong đó con người sống mà không hề có một sự bảo đảm nào khác hơn là điều gì đó của chính sức mạnh của họ, và sự phát kiến của chính họ cũng sẽ cung cấp cho họ tất cả mọi thứ. Trong một tình trạng như thế đó, thì cũng không có chỗ cho công nghệ; bởi vì thành quả của điều này vẫn là không chắc chắn: và do vậy mà sẽ không có văn hóa trên mặt đất; không có hàng hải, không có việc sử dụng những hàng hóa có thể được nhập cảng vào từ nước ngoài; cũng không có những dinh thự tiện lợi; cũng không có những phương tiện để đi lại; mà những phương tiện như thế phải đòi hỏi nhiều sức lực hơn; không có sự hiểu biết về bề mặt của trái đất; cũng không có định mốc trong thời gian; không có nghệ thuật; không có văn học; không có xã hội; và đó thật là điều tệ hại nhất, vì sự sợ hãi liên tục, và cả sự nguy hiểm của cái chết bạo tàn; và cuộc sống của con người chỉ có cô đơn, nghèo khó, hoang phí, phũ phàng và ngắn ngủi.

Điều này có vẻ lạ lùng đối với một người nào đã không cân nhắc kỹ về các điểm này; rằng bản chất như thế đã bị tách rã khiến con người đã có khả năng xâm lấn và tàn phá lẫn nhau: và do đó mà anh ta có thể sẽ không tin cậy vào sự suy diễn này vốn được tạo ra từ các đam mê, hoặc có lẽ từ sở thích, để sẽ cũng có cùng các sự việc được xác nhận do kinh nghiệm. Do thế cứ hãy để cho anh ta tự xem xét lấy chính mình, khi đi xong một hành trình, biết tự trang bị cho mình, và tìm cách thích ứng tốt; rồi khi đi ngủ, anh ta cũng sẽ biết khóa các cánh cửa; và ngay cả khi ở trong nhà mình, anh ta cũng cứ khóa những hòm rương của mình lại; và điều này cả khi anh ta đã biết có luật pháp và những sĩ quan viên chức công có võ trang vẫn tìm cách trả thù cho mọi sự thiệt hại mà nếu người khác tạo ra cho anh ta; quan điểm nào mà anh ta vẫn có về những người bình đẳng với chính mình khi anh ta cưỡi ngựa có võ trang; tức của những người đồng bào của anh ta, khi anh ta khóa các cánh cửa của anh ta lại; và của cả những con cái của anh ta, cùng những người làm lụng cho anh ta, một khi anh ta muốn khóa các hòm rương của mình lại; có phải là anh đã không cáo giác cả nhân loại chỉ bởi những hành vi của anh ta như thế, giống như tôi đã làm điều đó bằng các chữ nghĩa này? Nhưng không có ai trong chúng ta cáo giác chính bản chất của con người trong đó. Những sự ham muốn, và những điều đam mê khác của con người, cũng chẳng phải là sự phạm tội mà đã nằm ngay trong chính bản thân họ. Cũng chẳng phải là do từ những hành động nữa, mà do chúng diễn tiến ra từ những đam mê này, cho tới khi họ biết có một luật pháp cấm đoán họ: cái nào luật pháp đã có mà họ lại không thể biết: hay cũng không hẳn là do một luật lệ nào đó có, mà họ đã đồng ý cùng những con người đã làm ra nó.

Cũng có thể bắt buộc phải suy nghĩ rằng sẽ không bao giờ có được một thời gian nào như thế, là không có một tình trạng chiến tranh giống như điều này; và nói chung tôi vẫn tin là không có bao giờ như thế cả, xuyên qua tất cả thế giới: nhưng vẫn có nhiều nơi họ đang sống như thế hiện thời. Bởi vì những giống dân dã man ở nhiều nơi tại Mỹ, trừ ra sự cai quản trong một số các gia đình nhỏ, thì sự hòa nhịp vẫn phụ thuộc vào sự ham muốn tự nhiên, không có sự cai trị gì cả; và họ sống hiện thời trong cách thức hoang dã, như tôi đã nói trước đây. Tuy nhiên, có thể nhận thức được rằng cho dù trong cách nào của đời sống chăng nữa, thì cũng không thể có một quyền lực nào chung để sợ, bởi vì chính cách thức của đời sống mà trước đó người ta đã phải sống dưới sự cai quản trong hòa bình, vẫn phải thường suy biến vào cả trong một cuộc nội chiến.

Nhưng cho dù không bao giờ không có tình trạng ở trong đó những con người cụ

thể luôn ở trong điều kiện chiến tranh chống phá lẫn nhau; và kể cả trong mọi lúc, giữa các ông vua và những người có quyền cai trị, chỉ bởi vì sự độc lập của họ, và cả trong những sự ghen tuông tiếp tục, hay trong tình trạng và tính chất của những người giác đấu; với các vũ khí sắc nhọn của họ, cùng những đôi mắt của họ nhìn chằm chằm vào nhau; giống như những pháo đài, hào lũy, và súng ống của họ tại các nơi biên giới của các vương quốc của họ; và có cả những sự do thám liên tục trên những kẻ láng giềng của họ; đó chính là tính cách của một cuộc chiến tranh. Nhưng bởi vì họ cảnh giác như thế đó, mà công nghệ của những thần dân của họ, cũng vì thế mà không phát triển được, cho nên sự nghèo đói vẫn đi theo cùng với sự tự do của những con người cụ thể đặc thù đó.

Đối với cuộc chiến của mọi người chống lại mọi người này, thì hậu quả là không có điều gì là có thể không đúng. Những ý niệm về đúng và sai, công bằng và không công bằng đều không có chỗ đứng trong đó. Nơi nào không có quyền lực chung, thì nơi đó cũng không có pháp luật, cũng không thể không có sự bất công. Sức mạnh, và sự lừa mị, là hai nét chính yếu trong chiến tranh. Sự công bằng và sự bất công cũng đều không còn là điều gì cả đối với các khả năng không phải chỉ của thân thể hay chỉ của tinh thần. Nếu đúng là có, thì chúng cũng chỉ có thể ở một người nào chỉ có một mình ở trên thế giới, giống như những giác quan của anh ta và những đam mê của anh ta. Vì chúng vẫn là những tính chất có liên quan tới những con người trong xã hội nhưng không phải chỉ trong sự đơn lẻ. Đó cũng là hậu quả cho cùng moat điều kiện, là không có tài sản, không có sự chế ngự, không có *của tôi* và *của anh* phân biệt; nhưng đó chỉ là của mọi người, và anh ta cũng có thể có; và cùng tới bao nhiêu lâu mà anh ta còn có thể giữ được nó. Và như thế thì cũng nhiều điều đối với các điều kiện xấu, mà chính con người chỉ bởi bản chất của mình vẫn hiện đang bị đặt trong đó; cho dù với một khả năng có thể đi ra khỏi nó, mà chủ yếu một phần là ở trong những đam mê, còn một phần kia thì ở trong lý trí của anh ta.

Những đam thích hướng con người tới hòa bình là sự sợ cái chết; sự ham muốn những sự việc như vậy vẫn là cần thiết cho cuộc sống nhiều tiện ích; và còn là một hy vọng nhờ bởi công nghệ của họ để được có chúng. Và lý trí được gợi lên phù hợp với những nội dung của hòa bình, để mọi người đều cùng tiến tới sự đồng ý. Những nội dung này, nói một cách khác, chính chúng được gọi là quy luật của Tự nhiên..

QUYỀN CỦA TỰ NHIÊN mà những tác giả gọi chung là *jus naturale*, là sự tự do mà mỗi người đều có để nhằm sử dụng quyền lực của chính anh ta, giống như thế chính anh ta vẫn sẽ là thế, nhằm để duy trì được chính bản chất của anh ta; tức là của chính cuộc sống anh ta; và do thế mà thực hiện một điều gì đó theo chính sự phán đoán và lý trí của anh ta, và anh ta nhận thấy đó là những phương tiện thích ứng nhất phải đi theo đó.

BỞI TỰ DO được hiểu phù hợp theo với ý nghĩa thích đáng của từ ngữ đó, là sự không có mặt những sự can dự nào từ bên ngoài vào: những sự can dự vẫn thường lấy mất một phần quyền lực của người ta khi làm điều gì đó người đó muốn; nhưng vẫn không thể ngăn cản được anh sử dụng những quyền lực hãy còn lại nơi anh ta, tùy theo chính sự phán đoán của anh ta, cũng như lý trí chỉ vẽ cho anh ta.

MỘT QUY LUẬT CỦA TỰ NHIÊN, *lex naturalis*, là một định đề của quy tắc chung do bởi lý trí tìm ra, và bởi đó mà một người phải bị cấm làm một điều gì đó, nếu nó sẽ hủy hoại đi đời sống của anh ta, hay là nó sẽ tước đi các phương tiện để duy trì đời sống đó, và hoặc để sẽ bỏ nó đi; và bởi đó mà anh ta suy nghĩ đó

có thể là một sự bảo vệ tốt nhất. Mặc dù vậy, khi nói về điều đó nơi chủ đề này, thường họ vẫn nhầm lẫn về *jus*, và *lex*, *right* và *law*: nhưng chúng cần phải được phân biệt; bởi vì RIGHT (quyền) chính là sự tự do để làm hay là không chịu làm; trong khi LUẬT LỆ, đã chỉ định, và rằng như vậy vào một trong số chúng: vì vậy mà luật và quyền phải khác nhau nhiều, cũng giống như bổn phận và sự tự do; cái ở trong một và cũng là vấn đề là không phải thiết yếu.

Và bởi vì điều kiện của con người, như đã được nêu lên trong chương trước, là điều kiện trong chiến tranh của tất cả mọi người chống lại mọi người; ngay trong trường hợp mọi người vẫn được chi phối bởi chính lý trí của mình; và không có điều gì anh ta có thể thực hiện được từ đó, nếu không thể có sự giúp đỡ do chính anh ta trong việc tự bảo tồn đời sống của anh ta để chống lại những kẻ thù của anh ta; do thế mà trong một điều kiện như vậy, mọi người đều có một quyền nào đó về mọi sự vật; kể cả đối thân xác của người khác. Thế nên chừng nào mà quyền tự nhiên này của mọi người đối với mọi sự vật vẫn cứ còn đó, thì có thể vẫn không có sự an ninh cho bất cứ một người nào, cho dù là mạnh mẽ và khôn ngoan như ra sao, trong suốt cả thời gian cuộc đời mà thiên nhiên thông thường vẫn cho phép người ta sống. Và kết quả đó là một định đề, hay là một quy luật tổng quát chung của lý trí, *tức mọi người đều được phép nỗ lực hướng tới hòa bình, tới mức độ nào mà anh ta hy vọng sẽ có được nó; và khi anh ta không thể nào có nó, anh ta vẫn có thể tìm kiếm và sử dụng nó, cùng với mọi sự giúp đỡ và các lợi điểm của chiến tranh.* Vế thứ nhất của nguyên lý này có chứa đựng luật thứ nhất, và là căn bản của tự nhiên; đó là *bởi tất cả mọi phương tiện mà chúng ta có thể có được để tự bảo vệ chính chúng ta.*

Từ quy luật nền tảng này của tự nhiên, nên con người bó buộc phải nỗ lực hướng tới hòa bình, cũng là phát sinh từ luật thứ hai này; *tức nếu có một người muốn, và khi mà những người khác cũng như thế, cùng đều hướng tới hòa bình, nhằm để tự bảo vệ mình mà anh ta nghĩ là cần thiết, để thiết đặt quyền này lên cho mọi sự vật; và anh ta cũng sẽ hài lòng cũng với một sự tự do nhiều như thế, để chống lại những người khác, cũng giống như việc anh ta phải cho phép những người khác chống lại chính anh ta.* Cho tới khi nào mỗi người đều nhận thức được quyền này khi làm bất cứ điều gì anh ta thích; chừng nào mà mỗi người vẫn đều ở trong điều kiện của chiến tranh. Nhưng nếu những người khác vẫn không muốn đặt nền tảng cho quyền của họ, cũng giống như anh ta, thì khi ấy chẳng có lý do gì để cho bất cứ người nào đặt vào chính họ quyền đó của anh ta: bởi vì như thế là tự bày mình ra giống như cái mồi, điều mà không ai muốn bị ràng buộc vào, hơn là việc tự phơi bày mình ra cho sự hòa bình. Điều này chính là luật của Phúc âm; *bất cứ điều gì mà anh ta muốn đòi hỏi những người khác phải làm cho anh ta, thì hãy nên làm điều ấy cho họ...*

Nếu một khế ước phải được thực hiện, mà trong đó lại không có một ai trong cả hai phía cùng nhau thực hiện, thì làm sao tin cậy lẫn nhau; nên trong trường hợp hoàn hoàn tự nhiên của điều kiện chiến tranh của mọi người chống lại mọi người, thì bất kỳ một sự nghi ngờ nào, đều không phải không có lý: nhưng nếu có một quyền lực chung, vượt lên trên cả hai bên, với quyền và sức mạnh đủ bó buộc sự thực hiện, thì nó không phải là chỗ vô lý. Bởi vì nếu có sự thực hiện điều đó trước hết, thì phải có được sự bảo đảm là người khác sẽ phải thực hiện sau; là bởi vì những ràng buộc của những từ ngữ là rất yếu để nhằm thắng cương cho những tham vọng, sự hà tiện, sự giận dữ, và những dục vọng khác của con người, nếu không phải sợ một quyền lực cưỡng chế nào đó; nên trong điều kiện của sự tự

nhiên thuần túy, nơi mà mọi người đều bình đẳng và chỉ phán đoán về sự đúng đắn trên chính các nỗi sợ hãi của họ, thì cũng không thể nào được giả thiết.

Sức mạnh của các từ ngữ, là.. quá yếu để giữ cho con người thực hiện những giao kèo của họ; trong bản chất của con người có thể cũng cần sự tưởng tượng giúp đỡ nhằm để củng cố nó. Và những người này, hoặc là họ sợ về hậu quả của sự không giữ lời của họ; hay là do danh dự, hay vì sự hành diện nhằm tỏ ra không cần phá vỡ nó. Điều sau là một sự cao thượng rất ít khi gặp để có thể đoan quyết được, đặc biệt là trong con những người vẫn theo đuổi sự giàu có, quyền lực, hay thú vui vật chất; Họ là thành phần lớn nhất của nhân loại. Đam mê phải được tính tới trong đó, cùng là sự sợ hãi; bất cứ ở đâu mà có cả hai đối tượng rất phổ biến này: một là quyền lực của những tinh thần không thể nhìn thấy được; còn cái kia là quyền lực của những người nào mà họ sẽ tấn công vào đó. Về cả hai, cho dù cái trước là quyền lực lớn hơn, kể cả sự sợ trong cái sau, cũng vẫn thường là cái sợ lớn hơn. Cái sợ của cái trước rất thường có trong bản chất con người, đó chính là tôn giáo của anh ta: nó có một vị trí trong bản chất của con người trước khi có xã hội dân sự. Cái sau thì lại không như thế; ít nhất cũng vì không có đủ bó buộc để nhằm giữ người ta phải tôn trọng các lời hứa của họ; bởi vì trong điều kiện của cùng một bản chất, cùng sự không ngang bằng về quyền lực, nên cũng không phân biệt được, nhưng cần phải có sự tỉ thí nhau. Như thế đó nên trước thời điểm của xã hội dân sự, hay trong sự gián đoạn nó vì do chiến tranh, cũng không có điều gì có thể củng cố được một khế ước hòa bình cùng được đồng ý nhau để chống lại sự xâm lấn của thói biển lận, tham vọng, hoang tàng, hay những ham muốn mãnh liệt khác; nhưng chính nỗi sợ hãi về quyền lực không nhìn thấy đó, mà mọi người phải sùng bái nó như là Thượng Đế; và chỉ sợ bị trả thù bởi điều điên dại của họ..

Từ quy luật đó của tự nhiên, chúng ta bó buộc phải chuyển sang cho người khác các quyền cũng như thế, giống như phải được giữ lại, vì ngăn cản sự hòa bình của nhân loại, do đó mà cũng đi tới điều thứ ba; đó là cái *những con người tạo nên các khế ước của họ:* vì không có nó những khế ước sẽ là vô ích, mà chỉ còn là những từ ngữ trống rỗng, vô nghĩa; và quyền của mọi người đối với mọi sự vật vẫn còn giữ đó, chúng ta vẫn còn ở trong tình trạng của chiến tranh.

Và trong luật này của tự nhiên, gồm có suối nguồn của Công lý. Bởi vì ở đâu không có khế ước đi trước, thì cũng không có quyền nào được chuyển tới, và mọi người vẫn có những quyền gì đối với sự mọi vật; và cũng do vậy mà không thể có một hành động nào có thể gọi là bất công. Nhưng khi một khế ước được hứa hẹn, rồi lại phá vỡ nó là sự *bất công:* và định nghĩa của sự KHÔNG CÔNG BẰNG, vẫn không gì khác hơn là sự *không thực hiện khế ước*. Và cho dù bất cứ cái gì không công bằng, vẫn là *đúng*.

Nhưng bởi vì những khế ước là của lòng tin cậy nhau, nên sự sợ hãi phía bên kia không thực hiện khế ước, như đã được nói trong chương trước, là không hợp lý; cho dù tính nguyên thủy của điều công bằng là sự tạo lập nên các khế ước; ko cả sự không công bằng hiện thời, cũng có thể không là gì cả, cho tới một khi mà nguyên nhân của sự sợ như vậy đã bị loại bỏ; vì trong khi con người ở trong điều kiện tự nhiên của chiến tranh, thì nó không thể được thực hiện. Do thế mà dưng trước những từ ngữ về công bằng và không công bằng, vẫn phải có một sức mạnh cưỡng chế nào đó để bó buộc con người phải cùng thực hiện như nhau trong những hợp đồng của họ, do việc họ sợ phải bị trừng phạt như thế nào đó, còn lớn hơn cả điều lợi mà họ hy vọng có được bởi sự phá bỏ khế ước của họ; và cần phải làm tốt yêu cầu đó do sự khế ước của hai bên đòi hỏi, trong sự đền đáp lại đối với năng

quyền phổ quát mà họ đã từ bỏ: và một quyền lực như thế vẫn không là gì cả trước khi đã xây dựng nên được một cộng đồng chung. Và điều này cũng được kết tập do từ sự định nghĩa thông thường về điều công bằng trong nhà trường: bởi vì họ vẫn nói *công bằng là ý chí thường xuyên vẫn muốn cho mọi người có được cái chính mình đáng có*. Và do thế mà ở nơi đâu không có cái của *chính đáng của mình* thì cũng không có tài sản, không có điều bất công; và ở nơi đâu không có một quyền lực cưỡng chế được lập nên, tức ở nơi đâu không có một cộng đồng chung, thì cũng không có tài sản; mọi người sẽ có quyền đối với mọi sự vật: do thế mà nơi nào không có cộng đồng chung, thì cũng không có sự bất công. Thế nên bản chất của công bằng, chính là nhằm giữ gìn những khế ước có giá trị: nhưng tính chất có giá trị của các khế ước vẫn phải bắt đầu với các chế định của một quyền lực dân sự, có đủ để bó buộc người ta phải giữ chúng: và thế nên sự tư hữu cũng bắt đầu...

.. Không có ai phải buồn nản, nếu với ý định sẽ được tốt cho chính họ; bởi vì đó là món quà tự nguyện; và tất cả mọi hành vi tự nguyện, mà đối tượng là dành cho mọi người về cái tốt của chính anh ta; nếu không thế, người ta sẽ cảm thấy bị lừa gạt, sẽ không tỏ ra tử tế hay tín nhiệm; và cũng do đó mà không có sự giúp đỡ lẫn nhau; cũng không có sự hòa giải với nhau giữa những người này và những người khác nữa; và do thế họ cũng vẫn cứ giữ nhau trong điều kiện *chiến tranh*; nó sẽ trái lại với luật tự nhiên căn bản vào ban đầu, là nó hướng con người tới việc *tìm kiếm hòa bình*...

Triết học đạo đức vẫn chẳng phải điều gì khác hơn là khoa học về điều gì là *tốt*, và *xấu*, trong giao tiếp trong xã hội loài người. *Tốt* và *xấu* là những tên gọi có nghĩa như những điều thú vị của và những điều ác cảm của chúng ta: nó có trong những tính khí, thói quen khác nhau, và có những học thuyết khác nhau của con người; và sự khác nhau của những con người, không chỉ khác nhau về sự phán đoán của họ về ý nghĩa của điều gì là thú vị, và không thú vị cho sự nếm, ngửi, nghe, sờ và thấy: nhưng cũng còn là điều gì phù hợp hay khó chịu đối với lý trí, trong những hành động của đời sống chung. Thế nên cùng một con người, nhưng trong từng lúc khác nhau, thì cũng sẽ khác nhau trong chính người đó; và một lần nào được khen lao, thì gọi là tốt, còn lần khác lại gọi là chê bai, và sẽ gọi rằng xấu: từ đó mà cũng nảy sinh ra sự tranh cãi, sự khác biệt ý kiến, và cuối cùng là chiến tranh. Và do thế mà cứ càng lâu dài thì con người càng ở trong điều kiện chỉ thuần túy tự nhiên, đó là điều kiện của chiến tranh, và sự thích thú tư riêng của họ là thước đo của cái tốt, và cái xấu: và do thế mà mọi người cũng đồng ý về điều này, cho rằng hòa bình là tốt, là điều mà tôi đã chỉ ra trước đây, giống với *sự công bằng, sự biết ơn, sự khiêm tốn, sự công chính, sự tử tế*, và điều gì còn lại của những quy luật tự nhiên là tốt, tức muốn nói *những giá trị đạo đức*; và điều ngược lại với chúng *là các tật xấu*, tệ hại...

III

Nguyên lý cuối cùng, tức cứu cánh, hay mục đích chung cuộc của con người, những người yêu tự do, và sự chế ngự một cách tự nhiên vượt lên trên những thứ khác, trong sự khởi đầu về hạn chế chính họ, ở cái mà chúng ta thấy chúng sống trong đời sống cộng đồng, là điều họ cần phải thấy trước nhằm để bảo toàn cho chính họ, và cho một đời sống muốn sẽ được hài lòng hơn nữa; tức ý muốn nói, là để thoát ra khỏi điều kiện khốn khổ của chiến tranh, vì thiết yếu nó sẽ là hậu quả, như đã được chỉ ra [ở trên] cho những đam mê tự nhiên của con người, nếu không

có sức mạnh có thể nhận thấy được để nhằm giữ họ ở trong sự sợ hãi, và để ràng buộc họ do bởi sự sợ hãi phải bị trừng phạt mà đi tới việc thực hiện các hiệp ước của họ, cùng tuân thủ các luật lệ đó do thiên nhiên đặt ra [ở trên].

Đối với các quy luật của tự nhiên, như *sự công bằng, tính công chính, sự khiêm tốn, lòng từ tế*, và nói chung là việc muốn *làm cho người khác điều gì chúng ta vẫn muốn được làm cho mình*, mà vẫn không sợ hãi một quyền lực nào, đã buộc cho chúng ta phải tuân thủ, làm trái lại với những đam mê tự nhiên của chúng ta, để tránh sẽ mang chúng ta đến sự cục bộ, hãnh tiến, sự trả thù và nhiều điều khác nữa như thế. Và các hợp đồng thay cho cung kiếm, sẽ là các chữ nghĩa, vì không có một sức mạnh nào đủ để bảo đảm cho một người về tất cả. Do thế mà nếu không kể các quy luật của tự nhiên, khiến mọi cái đều được giữ tốt, thì khi anh ta mong muốn giữ chúng, và khi anh ta có thể làm được điều đó một cách an toàn, khi mà không có một sức mạnh nào được dựng lên, hay là không đủ lớn để nhằm giúp cho sự an toàn của chính chúng ta; mọi người sẽ có lẽ chỉ biết dựa vào, với đầy đủ tính cách pháp lý, trên sức mạnh và nghệ thuật của chính họ, để thận trọng chống lại những người khác. Và trong mọi nơi, nơi nào mà con người sống với những gia đình nhỏ, sẽ tước đoạt và bóc lột lẫn nhau, vốn có trong mọi sự giao dịch, và còn lâu mới có khả năng chống lại được luật của tự nhiên, để nhằm tới được phần lợi lộc lớn hơn mà họ sẽ có được, cả cái phần lớn hơn đó là danh giá của họ; và nếu người ta không phải tuân thủ các quy luật nào khác trong đó, thì đó là những quy luật của danh dự; tức là phải tự chế đối với tính hung ác, để cho những người khác cũng được sống, và tôn trọng những dụng cụ sinh hoạt của họ. Và nhờ những gia đình nhỏ đã làm như vậy; mà giờ đây những thành phố của những vương quốc đã không khác gì hơn là những gia đình lớn hơn, vì nhờ chính sự an toàn của họ, mà đã mở rộng các việc chinh phục của họ đối với tất cả những điều gì vẫn được cho là nguy hiểm, do lo sợ việc bị xâm lăng, hay muốn tránh khỏi bị xâm lăng, mà họ đã phải cố gắng tối đa có thể được, để nhằm sáp nhập hay làm yếu đi những lân bang của họ, bằng sức mạnh công khai, và kể cả các mưu toan bí mật, nếu không có các sự phòng bị khác một cách đúng mức; và điều đó vẫn luôn có qua nhiều thời đại cùng với danh dự.

Đó cũng chẳng phải là sự kết hợp cùng nhau của một số nhỏ những con người mà đã mang lại cho họ sự an toàn này; bởi vì trong những số nhỏ, mà có được những số nhỏ thêm vào cho một mặt, hay các mặt khác, vẫn tạo được các sự lợi điểm của sức mạnh lớn như thế, như vẫn đủ để mang tới chiến thắng; và do vậy mà cũng tạo thêm được sự can đảm cho một cuộc xâm lăng. Số đông vẫn thường đủ để tin cậy vào đó về sự an toàn cho chúng ta lại không được xác định bởi một con số bất kỳ nào đó, nhưng là bởi sự so sánh với kẻ thù mà chúng ta sợ; và thế cũng là đủ, khi có những sự mưu trá của kẻ địch vẫn không thể được nhận thấy rõ vào các lúc đáng chú ý, để có thể giúp xác định được các sự kiện của chiến tranh, và nhằm giúp được hiệu lực cho anh ta đương đầu.

Và cũng không bao giờ có được số đông lớn như thế; kể cả nếu có những hành vi trực tiếp phù hợp với những phán đoán đặc thù của họ, và cả những đánh giá nhỏ, họ vẫn có thể trông đợi được từ đó mà không cần có sự tự vệ cũng như sự che chở bảo vệ, cũng chẳng cần chống lại kẻ thù chung, cũng không phải phòng chống gì những sự thiệt hại lẫn nhau. Bởi vì họ còn chưa quan tâm tới những ý kiến làm sao sử dụng tốt nhất, và áp dụng sức mạnh của họ, và họ đã không giúp mà chỉ làm ngăn cản lẫn nhau; và làm giảm đi sức mạnh của họ do bởi sự chống đối nhau một cách vô ích: ở đâu họ cảm thấy dễ dàng, thì không chỉ phải bị khuất

phục bởi một số rất ít, mà lại còn đồng ý với nhau; nhưng một khi không có kẻ thù chung nào, thì họ lại tự đánh nhau chỉ vì những lợi ích riêng tư, đặc thù của họ. Bởi vì nếu chúng ta có thể giả thiết có một số đông lớn những con người cùng đồng ý tuân thủ sự công bằng, và các quy luật khác của tự nhiên, mà vẫn không có được một sức mạnh chung để giữ tất cả họ đều phải sợ; thì chúng ta cũng có thể giả thiết là tất cả nhân loại sẽ cùng làm như thế; và nếu được như thế, chúng ta cũng sẽ không cần đến bất cứ một sự cai quản dân sự nào, hay là cộng đồng chung nào cả; bởi vì cũng sẽ không có hòa bình mà không cần có sự khuất phục.

Nếu cũng không đủ cho sự an toàn như điều người ta mong muốn, thì vào lúc cuối cùng của cả cuộc sống của họ, họ sẽ bị cai quản và bị chi huy bởi một phán đoán, chỉ cho một lần hạn chế; bởi chỉ trong một trận đánh, hay một cuộc chiến. Vì cho dù họ chiến thắng khi chống lại một kẻ thù nước ngoài bởi chính nỗ lực bền bỉ của họ; thì kể cả sau này, có khi họ cũng không còn có kẻ thù chung; hay chỉ do anh ta có một phần đã được giúp đỡ bởi một kẻ thù, còn phần khác chỉ nhằm lấy cho một người bạn, và bởi sự khác nhau về những lợi lộc của họ đã được giải quyết, nên đã rơi vào một cuộc chiến giữa họ với nhau trở lại.

Đúng là có một vài sinh vật, như con ong, con kiến. sống thành một xã hội cùng nhau, vì thế nên theo Aristote, cũng được kể chúng vào các con vật chính trị; và hơn thế chúng cũng chẳng có một sự định hướng nào khác là những phán đoán có tính đặc thù và các sở thích; không có tiếng nói để cho một con nào trong chúng có thể nói với một con khác về điều gì mà nó suy nghĩ để vì ích lợi chung; và do thế mà có một số người rất có thể rất thắc mắc tạo sao con người lại không thể làm được như thế. Tôi sẽ giải thích về điều này.

Trước hết, bởi con người vẫn cứ lo cạnh tranh về danh dự và phẩm chất, còn các con vật kia thì không; và do thế mà giữa những con người vốn xuất phát từ cơ sở đó, mà có sự tham muốn, sự ganh ghét, đố kỵ và cuối cùng là chiến tranh; nhưng trong chúng thì lại không như thế.

Thứ hai, giữa những sinh vật này, sự khác nhau ở cái tốt chung không xuất phát từ sự riêng tư; và tồn tại vì bản chất thiên về sự tư riêng của chúng, chúng cung cấp cho lợi ích chung. Nhưng con người do sự vui thích của họ nằm ở chỗ muốn so sánh chính họ với những người khác, nên vẫn có thể họ chẳng có hứng thú nào hơn là việc được nổi trội nhất.

Thứ ba, những sinh vật này không giống như con người trong việc sử dụng lý trí, vì không thấy, hay cũng không suy nghĩ chúng có thấy điều lỗi phải gì không trong sự quản trị công việc chung của chúng; trong khi đó ở nơi con người, vẫn hay có nhiều con người thường suy nghĩ mình là khôn ngoan hơn người khác và có khả năng cai quản công việc công cộng tốt hơn số người còn lại; và chính những người này hay nỗ lực để cải cách và canh tân, và một số thì theo cách này, còn số khác thì lại theo cách khác; và do thế mà cũng sẽ đi đến chỗ tranh chấp nhau và nội chiến.

Thứ tư, là những sinh vật này, mặc dù chúng có sử dụng một số các loại ngôn ngữ nào đó để nhằm thông tin cho nhau những ham thích của chúng và các tình cảm khác; nhưng chúng vẫn thiếu một số các khả năng ngôn ngữ ma con người người vẫn hay trình bày được cho những người khác điều gì là tốt hay xấu trong các trường hợp cụ thể khác nhau; tức cả về việc xấu cũng như việc tốt; và còn biết gia tăng hay giảm bớt đi các nội dung tính chất của điều tốt và điều xấu đó; khiến làm bất mãn được con người, và làm hỗn loạn sự hòa bình giữa nhau theo chính điều gì thích thú của họ.

Thứ năm, những con vật không có lý trí đó thì không thể phân biệt được giữa *cái*

gây hại và *sự thiệt hại*; và do thế mà chừng nào chúng đã cảm thấy thỏa thích, thì chúng không còn muốn làm hại cho đồng loại của mình: trong khi đó con người vẫn cứ lộn xộn nhiều, khi anh ta đã hầu như thỏa mãn: khi đó thì anh ta còn ưa thích phô trương sự khôn ngoan của mình, và vẫn ưa kiểm soát những hành vi của người khác để nhằm cai quản được cộng đồng.

Cuối cùng, sự đồng thuận của những sinh vật là tự nhiên; còn với con người thì chỉ bằng khế ước mà thôi, đó là điều nhân tạo; và do thế nó vẫn cứ thắc mắc không biết còn điều gì đó khác để được đòi hỏi hay không, ngoài cái khế ước đã có đó, nên làm cho sự đồng ý của họ phải là thường xuyên và lâu dài; và nó phải là một sức mạnh chung để giữ cho họ phải e sợ và để nhằm hướng dẫn những hành động của họ vào với lợi ích chung.

Cách duy nhất để lập nên được một sức mạnh chung như thế, theo yêu cầu có thể có được nhằm để bảo vệ họ khỏi sự xâm lăng từ bên ngoài, và tránh được những sự gây thiệt hại do bởi kẻ khác, và nhờ vậy để bảo dảm cho họ đại loại như thế, nhằm cho chính những công nghệ của họ, và cũng bởi những thành quả trên mặt đất mà họ có thể nuôi sống chính họ và cũng sống được như ý; thì cần gửi gắm mọi quyền lực và sức mạnh của họ vào cho một người, hay cho một tập thể nhiều người, và có thể sẽ làm giảm được mọi ý chí của họ bằng tiếng nói của số đông, thuộc trên một ý chí: tức cũng chính việc nhằm chỉ định ra một người, hay một hội đồng gồm nhiều người, để đảm nhận vai trò của họ: và mọi người cũng nhằm cho chính mình, và tự biết mình cũng là tác giả của bất cứ điều gì mà anh ta đảm nhiệm trong vai trò của mình giống như thế, và sẽ hành động, hay là tác nhân của trách nhiệm hành động, ngay trong những sự việc đó mà nó có quan hệ tới hòa bình và an ninh chung; và từ đó mà khống chế ý chí của họ, của mọi người cho ý chí của mình, và cả sự phán đoán của họ cho chính sự phán đoán của anh ta. Điều này còn hơn cả sự đồng ý hay sự thuận lòng; nó là một thực tế thật của họ tất cả, có trong một và cùng nơi con người đó, được làm ra bởi sự hợp đồng của mọi người với mọi người, trong tính cách như thế, như thể mọi người đều cần nói với mọi người rằng: *Tôi cho phép và từ chối quyền cai quản của tôi đối với chính tôi, cho chính người này, hay cho hội đồng này bởi nhiều người, trên điều kiện này, và anh ta từ chối quyền hạn của anh cho anh ta, cùng cho phép mọi hành động của anh ta ở trong cùng cách đó.* Điều này khi được thực hiện, thì số đông như thế lại được kết hợp vào trong một người, được gọi là CỘNG ĐỒNG CHUNG, và trong tiếng La tinh gọi là CIVITAS. Đây là thế hệ của cái LEVIATHAN sự tối thượng vĩ đại đó, hay là hơn thế để có thể nói một cách kính trọng hơn, là của *cái thần chết* đó, mà chúng ta vẫn mắc nợ với *vị thần bất tử*, về sự hòa bình và sự tự vệ của chúng ta. Bởi vì do thẩm quyền này, đã được giao cho anh ta bởi mọi con người cụ thể, nên trong Cộng đồng, anh ta được sử dụng cái quyền hạn và sức mạnh như thế, vốn đã được trao cho anh ta, cùng bởi sự sợ hãi về điều đó mà anh ta được khuyến khích để nhằm thực hiện tất cả các ý chí của họ, cho hòa bình trong nước, và trong sự giúp đỡ lẫn nhau để chống lại những kẻ thù từ bên ngoài. Và trong anh ta gồm có cả yếu tính của cộng đồng; thứ vẫn được xác định như là *một người mà những hành vi của anh ta, và một số đông dao bằng những khế ước hỗ tương lẫn nhau, đã làm cho chính họ đều như một tác giả, để nhằm tới cứu cánh là anh ta có thể dùng được tất cả sức mạnh và những phương tiện của họ, như chúng ta nghĩ là sẽ có lợi cho sự hòa bình và tự vệ chung.*

Và khi anh ta là người mang sứ mạng này, thì được gọi là NGƯỜI CAI QUẢN, và là người có *quyền cai quản*; và mọi người bên cạnh, gọi THẦN DÂN của ông ta.

Việc đạt tới được quyền lực cai quản này do bằng hai cách. Một là bằng sức mạnh tự nhiên; như khi một người sinh ra các con cái của mình, để chịu phục tùng chúng; và con cái của chúng, đối với chính phủ của anh ta, như thế sẽ tàn hại chúng nếu chúng dám từ chối; hay là nhờ bởi chiến tranh mà khuất phục được những kẻ thù của anh ta vào dưới ý chí của anh ta, và cho họ được sống trên chính điều kiện đó. Điều đó là khi có nhiều người cùng đồng ý nhau như vậy, chịu phục dưới người nào đó, hay một Hội đồng do nhiều người, có sự tín cậy, để nhằm được che chở do bởi chính anh ta nhằm chống lại tất cả mọi người khác. Điều sau này có thể được gọi là một cộng đồng chính trị, hay cộng đồng do bởi *chế định;* còn điều trước là một cộng đồng bởi sự *thủ đắc*. Và đầu tiên tôi sẽ nói về một cộng đồng do bởi chế định.

Một *cộng đồng* được gọi là *chế định*, khi có một *số đông* những con người cùng đồng ý, và có sự khế ước giữa *mỗi người với mọi người*, đó là đối với bất cứ *người* nào, hay *hội đồng do nhiều người*, sẽ được giao cho bởi đa số, cái *quyền* được *đại diện* tất cả mọi người của họ, tức muốn nói là *người đại diện* của họ; và mọi người cũng như anh ta đã *bỏ phiếu cho người đó*, như anh ta *đã bỏ phiếu chống lại người đó, sẽ cho phép* mọi hành động và mọi phán đoán, của con người đó, hay của hội đồng nhiều người đó, theo cùng một cách như thể họ chính là anh ta, để cuối cùng, được sống hòa bình giữa họ với nhau, và được bảo vệ nhằm chống lại những người khác.

Từ chế định này của một cộng đồng, sẽ phát sinh tất cả mọi *quyền*, và *khả năng* của anh ta, hay của họ, mà trên đó quyền lực cai quản đã được đồng ý trao cho anh ta bởi toàn thể nhân dân.

Trước hết, bởi vì họ cùng khế ước, tức được hiểu họ không bị bắt buộc bởi hợp đồng có trước đó, cho bất cứ điều gì đáng ghét sẽ phát sinh về sau. Và do vậy, khi họ đã thiết định được một cộng đồng, mà do đó phải bị ràng buộc bởi khế ước, để nhằm cho các hành động và những phán đoán của một người, nên không thể tạo lập một cách hợp pháp một khế ước mới giữa họ khi nghe lời theo người khác trong bất cứ điều gì đó mà không có sự cho phép của anh ta. Và do thế họ đã là thần dân của một vương triều, nên cũng không thể không có sự rời bỏ của anh ta mà phá đổ được vương triều đó và quay trở lại tình trạng lộn xộn của một đám đông rời rạc; cũng không thể chuyển được cho người khác, hay cho hội đồng nhiều người khác của họ thay cho anh ta, mà vẫn phải gánh chịu; bởi vì họ vẫn bị ràng buộc mọi người với mọi người, và cho chính mình, và đó là tác giả nổi tiếng của tất cả, vì anh ta đã là người cai quản của họ, sẽ làm và phán đoán phù hợp về điều gì phải được làm: do thế mà bất cứ người nào không đồng ý, thì tất cả số còn lại cũng sẽ phá bỏ khế ước đã có với chính người đó, vì cho nó là không công bằng: và họ cũng chỉ ở mỗi người cho sự cai quan đó của anh ta, là con người đã chịu đựng được con người đó của họ; và do thế nếu họ đã đặt vào anh ta, họ cũng sẽ lấy từ anh ta cái gì đó,mà nó là của chính anh ta, và như vậy lại cũng không công bằng. Ngoài ra, nếu anh ta phá bỏ đi sự cai quan của anh ta, tất sẽ bị giết chết hay bị trừng trị, bởi do anh ta có sự mưu toan như thế, nên anh ta sẽ là tác giả của chính sự trừng phạt của mình, cũng như bởi chế định, là tác giả của mọi quyền cai quản của anh ta sẽ làm: và bởi vì điều đó là không công bằng đối với một người để làm điều gì đó, nếu đối với cái đó, anh ta có thể bị trừng phạt bởi chính quyền lực của anh ta, thì cũng trên danh nghĩa đó, vẫn là sự không công bằng. Và cho dù một vài người đã tính không vâng lời người cai quản của họ, thì một khế ước mới được lập ra, không phải với con người đó, mà với Thượng Đế; điều này cũng là không đúng: bởi vì không có khế ước nào với Chúa mà chỉ bởi sự trung gian của

một vài người nào đó, mà họ đại diện cho bản thân của Chúa; với chẳng một ai khác, mà chỉ với người phụ trợ cho Chúa, và chỉ người đó mới có quyền cai quản ở dưới Chúa. Nhưng điều có ý nhắm đến khế ước với Chúa này hiển nhiên là nói dối, ngay cả dù có cho đó là có ý thức của chính mình, vì đó không chỉ là một hành động của sự bất công mà cũng là hành động của một tình trạng tai hại và không có tính người.

Thứ hai, bởi vì quyền mang danh nghĩa của tất cả họ đã mang lại cho anh ta sự cai quản, bởi vì khế ước chỉ của một người cho người khác, và không phải của anh ta cho một người trong số họ; nên có thể xảy ra việc phá vỡ khế ước về phía người cai quản, và do vậy mà không có ai trong những thần dân của anh ta, do bởi một sự toan làm giả nào đó, lại có thể được tự do ra khỏi sự thần phục. Điều đó làm cho sự cai quản, mà không có bất cứ sự khế ước nào của những thần dân của anh ta ở ngay tại đó, được thể hiện; bởi vì hoặc anh ta phải thực hiện nó với với toàn thể số đông, như là một bên của khế ước; hoặc là anh ta phải làm một số khế ước nào đó với mỗi người. Với toàn thể như tính chất một bên thì không thể được; bởi vì như thế họ vẫn không là một người; và nếu anh ta thực hiện nhiều khế ước như vậy, thì với bao nhiêu người đang có, những khế ước này sau khi anh ta đã có được sự cai quản, đều đã có được; bởi vì cho dù là hành động nào thì vẫn có thể nhằm hướng tới chỉ bởi một trong số những người của họ đối với việc phá bỏ nó, vẫn là hành động của cả anh ta và của tất cả những người còn lại, bởi vì phải làm như thế trong mỗi con người, và bởi quyền của mọi người của họ nói riêng. Ngoài ra, nếu một người nào đó, hay là nhiều người hơn trong số họ chỉ nhằm phá vỡ khế ước được thực hiện nhờ bởi sự cai quản ở chế định của anh ta; và những cái khác, hay một người khác trong các thần dân của anh ta, hay một mình anh ta, lại toan sẽ không có một sự phá vỡ nào như thế, thì trong trường hợp này cũng sẽ không có một quan tòa để quyết định về sự tranh cãi; do thế nó sẽ quay về thanh gươm trở lại; và mọi người tất khám phá ra rằng quyền tự vệ của chính anh ta là bằng chính sức mạnh của anh ta, sẽ cũng trái với sự chỉ định anh ta đã có được trong chế định. Do thế sẽ là vô lý để nhằm đảm bảo cho sự cai quản bằng tính cách của khế ước trước đó. Ý kiến cho rằng bất cứ vị quân vương nào đều nhận được quyền của ông ta bằng khế ước, tức muốn nói trên các điều kiện, tiến trình, không hiểu sự thật dễ dàng là những khế ước không gì hơn chỉ do bởi những chữ nghĩa, và bởi hơi thở, do vậy không có sức mạnh cưỡng chế, không chứa đựng điều gì, hay bó buộc hoặc che chở được bất kỳ ai, nhưng phải là điều gì đó có từ lưỡi gươm công cộng; tức là từ những bàn tay không bị trói buộc của người đó, hay của hội đồng nhiều người, có quyền cai quản, và những hành động của họ được thừa nhận bởi tất cả mọi người, và được hoàn thành bởi chính sức mạnh của tất cả họ, vốn thống nhất trong anh ta. Nhưng một hội đồng nhiều người được thực hiện sự cai quản, thì lại không có ai tưởng tượng ra được bất cứ khế ước nào đã được thông qua trong chế định đó; bởi vì không ai ngu tới độ, chẳng hạn, như nhân dân ở La Mã đã thực hiện một khế ước với những người La Mã để nhằm giữ quyền chủ quản trong những điều kiện cũng giống như thế; khi nó không được thực hiện, những người La Mã có thể sẽ triệt phá hợp pháp người La Mã. Người này sẽ không thấy lý do nào giống với một vương quốc, mà là trong chính quyền của bình dân đã diễn tiến do từ tham vọng của người nào đó, mà người đó vẫn dễ thương hơn đối với chính quyền của một hội đồng, để từ đó anh ta có thể hy vọng được tham dự vào, hơn là trong một vương quốc mà họ thấy thất vọng đối với nó.

20

Tiến hóa và đạo đức *

THOMAS HENRY HUXLEY

(1825 – 1895)

Có một câu chuyện trẻ em thú vị, được biết dưới tiêu đề "Jack và cây dây dậu", mà nhiều người hiện thời của chúng ta đều rất quen thuộc. Nhưng có khá nhiều những người trẻ đáng kính và nghiêm cẩn của chúng ta vốn đã được nuôi dưỡng bằng một tinh thần thuần khiết và khe khắt hơn, và có lẽ cũng chỉ trở nên quen thuộc với mảnh đất thần tiên này, nhờ thông qua những cơ sở đầu tiên của thần thoại học đối chiếu, và có thể cũng rất cần thiết cho một nét nổi bật hơn của câu chuyện. Đó chính là truyền thuyết về một cây dậu, nó cứ lớn lên và lớn lên mãi, cho tới khi nó phải đụng tới tầng trời cao, và cũng ở đó mà nó tỏa nhánh ra trong một tàng lá bao la. Có một anh chàng đã đi tới đó để trèo lên cây đậu, và đã khám phá ra sự mở rộng của tán lá đang nâng đỡ cho một thế giới cũng gồm có cùng những yếu tố như ở phía dưới, nhưng lại thật hết sức mới lạ; và sự phiêu lưu của anh ta ở đó, mà có lẽ tôi không thể nói dài được, đã hoàn toàn thay đổi cách nhìn của anh ta về bản chất của sự vật; và cho dù câu chuyện cũng chỉ do các nhà triết học tự bịa đặt ra cho thú vị, nhưng cũng không phải không có quan điểm gì đó đáng nói.

Công việc của tôi giờ đây cũng có phần nào giống với chính kẻ phiêu lưu táo bạo đó. Tôi xin mời bạn hãy thử theo tôi đến một thế giới, mà đối với nó nhiều người có thể cảm thấy lạ, bởi nhờ sự giúp đỡ của một hạt đậu. Và như bạn biết, nó là một sự vật đơn giản, như thể bất động. Nếu nó được trông trong những điều kiện thích hợp, mà yếu tố quan trọng nhất là có đủ hơi ẩm, để nó thể hiện những sức mạnh tích cực của nó, một loại rất đáng chú ý. Một cái chồi màu xanh bé tí mọc ra, lớn lên ở trên mặt đất, nhanh chóng lớn lên và cùng lúc cũng chịu một loạt các biến thái không khỏi làm cho chúng ta phải rất ngạc nhiên, chẳng khác gì trong một câu chuyện thần kỳ, chỉ bởi vì chúng luôn được nhìn thấy mỗi ngày, và suốt cả ngày.

* Trích phần lớn từ bài nói vào 1893, được công ty the Macmillan xuất bản.

Bằng những quá trình vô cảm, cái cây nhỏ tự hình thành cái cây lớn, có sự cấu tạo biến đổi từ rễ, thân, lá, hoa và trái, và mọi cái đều được đúc trong đó và dù không phù hợp với cái mục đích cực kỳ phức tạp và theo một mẫu mực định sẵn một cách tỉ mỉ. Trong cấu trúc phức tạp này, cũng như trong các thành phần cấu tạo nhỏ nhất của chúng, có một năng lượng tiềm ẩn mà trong sự hòa hợp với tất cả những cái khác, luôn không ngừng vận hành hướng tới sự duy trì cái tổng thể, và thực hiện cách hiệu quả của chính cái phần nó phải hoàn thành trong cơ cấu tổ chức của tự nhiên. Nhưng chẳng bao lâu, khi công trình đồ sộ như thế đạt tới hoàn chỉnh, thì cũng bắt đầu tàn tạ. Từ từ, cái cây héo dần, rồi biến mất, để lại ít nhiều vật thể bất động cũng giống y như hạt đậu sinh ra nó; và cũng giống như hạt đậu ấy, chứa đựng một năng lượng tiềm ẩn để lặp lại những chu kỳ tiếp tục, y hệt như thế.

Chẳng phải là sự tưởng tượng thi ca, cũng chẳng phải sự tưởng tượng khoa học đặt ra để ra sức nghiên cứu nhiều cái tương tự đối với tiến trình của sự phát triển này, giống như nó đã có, rồi thì quay lại với chính điểm khởi đầu. Cũng có vẻ giống như thế, khi quẳng một hòn đá, nó cũng bay lên, rồi rơi xuống như vậy, hay bắn đi một mũi tên trong quỹ đạo. Hoặc chúng ta cho rằng năng lượng sống trước hết là con đường đi lên và rồi đi xuống. Hay dường như thích hơn khi ta so sánh sự phát triển của một cái mầm để thành ra một cái cây trưởng thành hoàn toàn với việc mở một cây quạt, hoặc với một dòng nước chảy tỏa ra; và vì thế cũng đạt tới một khái niệm về sự "phát triển", hay sự "tiến hóa". Ở đây, cũng như ở nơi khác, có những tên gọi như "tiếng ồn và khói"; và điểm quan trọng là có một khái niệm rõ ràng và thích đáng về những sự kiện có ý nghĩa bằng một cái tên. Và trong trường hợp này, sự kiện là một tiến trình Sisyphian (tiến trình được lặp đi lặp lại theo chu kỳ đều đặn), trong sự tiến triển của nó, cái cây sống và lớn lên, trải qua từ giai đoạn đơn giản tương đối, và tiềm lực của cái hạt, cho tới sự hiện ra của một loại rất khác biệt, rồi thì lại quay trở về với tính giản đơn và các tiềm năng.

Giá trị của sự thông suốt mang tính trí tuệ một cách mạnh mẽ về bản chất của tiến trình này nằm trong trường hợp mà điều gì đó đúng với hạt đậu, thì cũng đúng với mọi sự sống khác nói chung. Từ các dạng rất thấp, cho đến dạng cao nhất - thế giới động vật, cũng như trong thế giới thực vật - tiến trình của đời sống cho thấy cùng xuất hiện giống nhau của sự tiến hóa tuần hoàn. Không những thế, chúng ta chỉ việc phóng tầm mắt ra trên khắp mọi sự vật, và sẽ thấy rằng sự biến chuyển chu kỳ như thế, là được thể hiện ở khắp mọi nơi. Chúng ta thấy nó có ở trong nước, trôi chảy ra biển, và lại quay trở về với những con suối; trong những thiên thể, hết khuyết rồi đầy, và lại quay trở lại vị trí của mình; trong sự nối tiếp lạnh lùng của tuổi tác đời người cũng thế; trong tiến trình đó, nó lớn lên, tới cực điểm, rồi lại suy vi đi của những triều đại và các nhà nước, là điều gì dễ dàng thấy nhất trong lịch sử của nền văn minh.

Cũng như khi lội qua một con suối đang chảy nhanh không ai có thể ngâm hai chân mình đến hai lần ở trong cùng dòng nước đó vì dòng nước thì vẫn chảy mà chân thì ở lại. Cũng không một người nào có thể nói một cách chính xác, nhằm xác định được về một sự vật nào trong thế giới cảm quan, là nó đang tồn tại. Bởi vì khi anh ta cất tiếng, cũng giống như khi anh ta nghĩ đến, thì cái tiền đề đó đã không còn áp dụng được nữa; cái hiện tại đã trở thành cái quá khứ; cái "đang" đã trở thành cái "đã". Và khi chúng ta càng biết nhiều về bản chất của các sự vật, thì rất rõ là điều gì mà chúng ta gọi ra đó, chỉ là hoạt động không thể nào nhận biết được; và dường như hòa bình lại là cái yên tĩnh của trận chiến kinh khủng thật

sự. Mọi phần, mọi lúc, tình trạng của vũ trụ là sự biểu hiện việc điều chỉnh tạm thời của những lực cùng tham gia vào đó; một cảnh chiến đấu, mà trong đó tất cả mọi chiến sĩ đều lần lượt ngã xuống cả. Điều gì là đúng cho mỗi thành phần, thì cũng đúng cho cái tổng thể. Tri thức tự nhiên càng có khuynh hướng đi tới kết luận rằng "tất cả bài hợp xướng của bầu trời, và trang bị trên mặt đất" đều là những dạng tạm thời của những phần bản chất vũ trụ, theo con đường tiến hóa, từ tiềm dạng tinh vân, qua sự lớn lên không ngừng của mặt trời và các hành tinh cùng vệ tinh; qua tất cả mọi thay đổi của vật chất; qua vô số dị biệt của sự sống và tư tưởng, có thể qua những dạng sống mà chúng ta chưa bao giờ có một khái niệm nào, cũng không có trình độ tạo ra một cái nào đó, không thể trở lui về cái tiềm ẩn vô tâm mà từ đó chúng đã được sinh ra. Như thế, tính chất hiển nhiên nhất của vũ trụ là sự không thường hằng của nó. Nó bao hàm khía cạnh, không có bản thể thường hằng, như thể là một tiến trình thay đổi luôn, ở trong đó chẳng có một cái gì giữ mãi được dòng năng lượng và cái trật tự lý trí tràn ngập nó.

Chúng ta đã trèo lên cây đậu của chúng ta, và đã đến được xứ thần tiên, trong đó cái chung và cái quen thuộc trở thành những sự vật mới mẻ, xa lạ. Trong sự phát hiện cái tiến trình vũ trụ đã được kiểu mẫu hóa như vậy, sự thông minh cao nhất của con người là tìm thấy khả năng vô hạn của mình; những người khổng lồ sẽ phải thần phục chúng ta; và những giá trị tinh thần của nhà triết học suy lý được đưa vào bằng những vẻ đẹp xứng đáng với sự thường hằng vĩnh cửu.

Nhưng có một khía cạnh khác của tiến trình vũ trụ, cũng hoàn chỉnh như thuyết cơ giới, và cũng đẹp như một tác phẩm nghệ thuật. Ở đâu mà năng lượng tiềm tàng của vũ trụ vận hành qua những sinh vật có ý thức, thì ở đó xuất hiện những sự biểu lộ khác của nó, mà chúng ta vẫn gọi đó là sự đau đớn hay sự chịu đựng. Sản phẩm gây hại này của tiến hóa đã gia tăng trong số lượng, và trong cả sức mạnh, với những cấp độ gia tăng của cơ thể động vật, cho tới khi đạt tới mức đỉnh điểm ở trong con người. Hơn nữa, con người vẫn không thể đạt tới sự hoàn thiện được mà chỉ động vật mới có thể; cũng không phải con người, là toàn thể, hay một nửa hoang dã; nhưng chỉ trong con người, như thành phần của một xã hội có tổ chức. Và đó là một hậu quả cần thiết của ý định của anh ta để sống trong cách này; đó là trong những điều kiện, mà cũng là thiết yếu cho sự phát triển đầy đủ của những quyền năng cao quý nhất của mình.

Trong thực tế, con người, con vật đã tạo nên được con đường của mình trong việc dẫn đầu thế giới của các loài có tri giác, và đã trở nên một con vật đẹp đẽ, là con người, trong tính cách của sự thành công của con người trong sự đấu tranh sinh tồn. Những điều kiện đã thuộc về một trật tự nào đó, sự tổ chức của con người đã điều chỉnh chính nó, để cho họ được tốt hơn, chính là những kẻ cạnh tranh trong cuộc đấu tranh trong vũ trụ. Trong trường hợp loài người, sự tự khẳng định, sự nắm bắt không thể nghi ngờ gì nữa về mọi cái gì có thể nắm được, và thái độ kiên trì đối với tất cả những gì có thể nắm được, đã tạo nên yếu tính của sự đấu tranh cho sinh tồn, và đã được đáp ứng. Bởi vì sự tiến trình thành công của mình, xuyên qua tình trạng hoang dã, con người đã nhờ có các phẩm chất đó, vốn đã được chia phần với con khỉ và con cọp; sự tổ chức thể lý biệt lệ của anh ta, và sự khôn ngoan; sự kết hợp xã hội, tính tò mò, và cả tính bắt chước của anh ta; sự không thương cảm và tính tàn phá hung dữ của anh ta, khi anh ta nổi giận, nếu được kích thích bởi sự đối kháng.

Nhưng cũng trong chừng mực nào mà con người đã đi qua, từ tình trạng vô chính phủ, đến khi có tổ chức xã hội, và trong chừng mực mà sự văn minh đã phát triển

tiếp tục, những tính chất hữu ích từng bắt rễ sâu xa này, đã trở nên thiếu sót. Sau tính cách của những người thành công, con người văn minh có thể sung sướng dá ngã cái thang mà nhờ nó anh ta đã leo lên. Anh ta có thể chỉ rất hài lòng khi thấy "con khỉ và con cọp chết". Nhưng chúng chỉ suy thoái để theo sự thích ứng của chúng; và sự xâm phạm không được hoan nghênh này của những người bạn đồng hành vui tính, mà mình từng ưa thích trong thời tuổi trẻ sôi nổi của anh ta, đã đi vào trong sự tồn tại có trật tự của chính đời sống văn minh, thêm vào sự đau khổ và những phiền muộn, nhiều vô số và vô cùng lớn, cho những điều gì mà tiến trình của vũ trụ đã mang lại một cách thiết yếu chỉ có trên loài vật. Thực tế, con người văn minh đã đánh dấu tất cả những sự xúi giục của con khỉ và con hổ này, với cái tên của những sự phạm tội; anh ta trừng trị hành động như những tội ác từ chúng gây ra; và trong những trường hợp cực đoan, anh ta đã làm hết sức mình để chấm dứt điều sống sót của cái gì thích hợp nhất trong những ngày trước kia cây búa và dây thừng.

Tôi đã nói con người văn minh đã đạt tới đích điểm này; sự khẳng định có lẽ rất rộng và tổng quát; tôi đã đặt nó cho tốt hơn với con người đạo đức đã đạt tới đó. Khoa học đạo đức công nhận đã cung cấp cho chúng ta, với một nguyên tắc hữu lý cho đời sống; đã nói cho chúng ta biết cái gì là hành vi đúng, và tại sao nó lại như thế. Bất cứ những sự khác nhau nào của ý kiến, có lẽ cũng chỉ tồn tại trong những chuyên gia, và có một sự thống nhất chung là phương pháp của con khỉ và con cọp trong sự đấu tranh cho sinh tồn, là không phù hợp với những nguyên tắc đạo đức lành mạnh.

Nhân vật của câu truyện của chúng ta đã trèo xuống khỏi thân cây đậu, và đi trở về trong thế giới quen thuộc chung, nơi mà mọi cuộc sinh hoạt đều vẫn phải cứ khó khăn như nhau; nơi mà những người cạnh tranh gớm ghê vẫn có nhiều điểm chung nhau, hơn là những bà hoàng đẹp đẽ; và nơi mà cuộc chiến vẫn luôn có đó, với chính mình, là vẫn chắc chắn nhiều hơn, để được ca khúc khải hoàn với một chiến thắng, hơn là một sự thỏa hiệp với một kẻ không lồ. Chúng ta đã làm ra đời sống. Hàng ngàn, hàng ngàn những người bạn của chúng ta đã từ nhiều ngàn năm qua, vốn đã đi trước chúng ta trong việc họ đã tự đối mặt được với cùng một vấn đề quái quỉ của cái xấu. Họ cũng đã nhìn thấy tiến trình của vũ trụ là sự tiến hóa; và cũng thật vô cùng ngạc nhiên, đầy vẻ đẹp đẽ, và cùng lúc cũng đầy sự đau khổ. Họ đã tìm cách khám phá thực chất của những sự kiện lớn lao này về mặt đạo đức; để nhằm tìm ra liệu có hay là không có một sự chế tài cho tính đạo đức, theo những cung cách của vũ trụ.

Những lý thuyết về vũ trụ, trong đó có những quan niệm về sự tiến hóa, đóng một vai trò chủ đạo, đã được mở mang cũng ít nhất sáu thế kỷ trước khi tới thời đại của chúng ta. Một sự hiểu biết nào đó về chúng, trong thế kỷ thứ năm, đã đến với chúng ta từ những vùng xa xôi ở tận thung lũng sông Hằng, và những bờ biển châu Á của Aegean. Đối với những nhà triết học sớm nhất của Hindostan, họ cũng không kém gì những nhà triết học của Ionia, vì tính cách có ý thức và nét đặc trưng của thế giới hiện tượng là tính chất luôn luôn thay đổi của nó; luồng trôi chảy không ngừng của mọi sự vật, thông qua sự sinh ra trong các sự vật nhìn thấy được và không nhìn thấy được, trong đó, chúng ta không có thể phân biệt được dấu hiệu nào của sự bắt đầu và đối với cái mà chúng không thấy có một triển vọng nào của một sự kết thúc. Điều đó không kém đau đớn đối với một số trong những người đi tiên phong trước kia, của thời cổ đại của triết học hiện đại, cho sự chịu đựng là phù hiệu với tất cả chủng loài của những sự vật có ý thức; cho đó không phải là sự đi theo với điều gì mang tính tùy phụ,

nhưng là một yếu tố cấu thành cốt yếu của tiến trình vũ trụ. Hy Lạp năng động có thể tìm thấy được những niềm vui lớn lao trong một thế giới trong đó "sự đấu tranh là người cha và vì vua"; nhưng tinh thần Aryan cổ xưa vẫn bị đặt dưới sự tĩnh lặng nơi tính hiền triết của Ấn Độ; làn sương mù của sự chịu đựng mà nó trải ra trên khắp nhân loại, đã che giấu mọi cái gì đó khác từ chính cái nhìn của anh ta; đối với nó đơi sống là một với sự chịu đựng, và chịu đựng với chính cả đời sống.

Tại Hindostan, cũng giống như tại Iona, là một thời kỳ của nền văn minh tương đối cao và mang tính ổn định, đã kế tiếp theo sau những thời đại dài của tình trạng bán khai và sự tranh đấu. Rồi từ sự giàu có và sự an toàn, đã đi tới việc hưởng lạc thú và sự tinh tế, và tiếp theo sau đó cũng lại chuyển bước theo sự bệnh hoạn của tư tưởng. Còn đối với sự đấu tranh để có được cuộc tồn tại thuần túy, vẫn không bao giờ kết thúc, dù cho có thể được giảm nhẹ đi, và một phần được ngụy trang cho một ít may mắn, khi mà tiếp theo sự đấu tranh lại làm cho cuộc tồn tại có thể hiểu được, và mang lại một trật tự cho các sự vật trong sự sự hòa hợp với ý nghĩa đạo đức của con người, song nó cũng không bao giờ kết thúc, và đối với một ít người có sự suy nghĩ, nó trở thành sắc bén hơn cùng với mọi sự tăng cường hiểu biết, cùng mọi bước hướng tới việc thực hiện một lý tưởng có giá trị cho đời sống.

Cách đây 2500 năm, giá trị của nền văn minh cũng vẫn rõ rệt như ngày nay; bởi vì giống như ngày nay, điều hiển nhiên vẫn chỉ ở trong ngôi vườn của một tổ chức xã hội có trật tự mà những thành quả tốt đẹp nhất của nhân loại có thể có khả năng được tạo ra. Nhưng cũng còn hiển nhiên hơn, là những sự tốt đẹp nhất của văn hóa đã không bị trộn lẫn. Ngôi vườn vẫn thích ứng để bị biến thành một ngôi nhà nóng. Sự kích thích của những giác quan, sự nuông chìu đối với các cảm xúc, vẫn nhiều không kể hết từ các suối nguồn của lạc thú. Sự mở rộng thường xuyên của lĩnh vực tinh thần cũng đã mở rộng không ngớt hàng loạt những khả năng đặc biệt đó của con người, hướng về phía trước và nhìn ra sau, gia tăng thêm vào cho hiện tại đang trôi chảy đó những thế giới cũ xưa và mới mẻ khác của quá khứ và của tương lai, mà trong đó con người sống càng cao hơn nhờ văn hóa của họ. Nhưng mọi cái sắc bén trong ý nghĩa, và sự tinh luyện tế nhị của cảm xúc có mang một sự phong phú những cảm xúc như thế, đã tham dự một cách định mệnh vào đó bằng sự mở rộng cân đối với chính khả năng của sự chịu đựng; và khả năng thiêng liêng của sự tưởng tượng, trong khi tạo ra những bầu trời mới và những trái đất mới, cũng cung cấp cho họ cùng với những địa ngục tương ứng của sự ân hận thoáng qua đối với quá khứ, và sự lo lắng bệnh hoạn đối với tương lai. Cuối cùng, hình phạt không thể nào tránh khỏi của sự kích thích quá mức, sự hụt hẫng, đã mở ra những cánh cửa của văn minh cho các kẻ thù lớn của nó, sự lười chán, sự cũ rích, sự mệt nhọc và chán chường, khi người ta không còn thích thú nữa, kê ca là dàn bà, khi mọi sự vật thành vô bổ và làm cho bực mình, và đời sống dường như không đáng sống nữa trừ phi nhằm thoát khỏi được sự nhạt nhẽo của cái chết.

Ngay cả sự phát triển trí tuệ thuần túy cũng mang lại các sự trả thù của nó. Các vấn đề đã chỉ được giải quyết một cách thô thiển và cho xong bởi những con người thô lậu, chỉ có biết hành động, phải đòi hỏi sự chú ý để được hàm mới lại, và tự thể hiện mình ra, như thể vẫn còn chưa đọc lên những câu đố khó, khi người ta đã có thời gian để suy nghĩ. Con quỷ tử tế, tức sự nghi ngờ, có tên của nó là Legion, và nó sống giữa những ngôi mộ của những niềm tin già cỗi, đã đi vào trong nhân loại, và do thế mà cũng từ chối cả việc được đúc khuôn. Những thói tục thiêng liêng, những cái chết đáng kính của sự khôn ngoan của tổ tiên, đã bị che

mở đi bởi truyền thống, và việc thừa nhận phải giữ sao cho tốt ở mọi thời, lại được đặt thành câu hỏi. Sự suy nghĩ có mang tính văn hóa vẫn đòi hỏi các phẩm chất của chúng, và phán định chúng bằng những tiêu chuẩn của chính nó; để cuối cùng, lượm lặt lại những cái đó, và từ đó nó tán thành việc đi vào những hệ thống đạo đức, mà trong đó sự lý luận vẫn ít khi có nhiều hơn như một cái cớ lộ liễu cho việc dung nạp những kết luận có thể đoán ra trước được.

Một trong những yếu tố già cỗi nhất và quan trọng nhất trong những hệ thống như thế, là quan niệm về công lý. Xã hội không thể nào có được, trừ khi có những người đã kết hợp lại với nhau đồng ý tuân thủ một số các nguyên tắc nào đó trong những thái độ hành vi đối với nhau; sự ổn định của nó phụ thuộc vào sự vững chắc nhờ được họ tuân thủ bởi sự đồng ý về điều đó; nhưng nếu chừng nào họ còn do dự, thì sự tin cậy lẫn nhau như một sợi dây nối kết của xã hội sẽ bị làm cho yếu đi hay bị tàn phá. Những con chó sói không thể nào đi săn thành những bầy đàn, trừ khi về mặt thực chất, dù không cần biểu lộ ra, cần phải hiểu việc chúng không thể tấn công lẫn nhau trong suốt cuộc săn. Tổ chức xã hội sơ khai nhất, cũng một nhóm người sống dưới cùng một sự ngầm định như nhau hay cả sự biểu thị ra, về sự hiểu biết nhau; và còn tiến bộ quan trọng hơn nhiều so với xã hội loài chó sói, việc họ đồng ý sử dụng sức mạnh của toàn thể tổ chức để chống lại những cá nhân vi phạm nó, và việc ưu đãi đối với những ai chịu tuân thủ nó. Sự tuân thủ này trong một sự thông hiểu chung, với sự phân phối những hình phạt và các phần thưởng đến từ đó. Phù hợp theo đó để chấp nhận những nguyên tắc, được gọi tên là sự công bằng, còn điều trái lại thì gọi là sự bất công. Những nền đạo đức cổ xưa thì vẫn không chú trọng nhiều đến ý đồ của kẻ nào vi phạm các nguyên tắc. Nhưng nền văn minh lại không thể tiến lên xa, nếu không thiết lập nên một sự phân biệt căn yếu giữa trường hợp vô tình và trường hợp hành vi xấu có ý đồ, giữa một hành vi chỉ có sự sai lầm và một kẻ phạm tội. Và, với sự tinh tế gia tăng của cảm quan đạo đức, vấn đề sự khước bỏ phát sinh ngoài sự phân biệt này, càng ngày càng có nhiều tầm quan trọng về lý thuyết và thực hành. Nếu đời sống phải được quan niệm chỉ vì đời sống, lại cần phải nhận thức sự giết chết do vô tình sẽ không đáng phải bị tội chết; và cùng bằng một loại các sự đồng lòng giữa quan niệm công cộng và quan niệm riêng tư về sự công bằng, mà một nơi ẩn nấp đã được cung cấp, để trong đó anh ta có thể được khỏi sự trả thù dầm máu.

Vì thế ý tưởng về sự công bằng, đã trải qua một sự thăng hoa từ từ, từ sự trừng phạt và sự thưởng công tùy theo các hành vi, cho tới sự trừng phạt và phần thưởng tùy theo giá trị; hay nói cách khác, là tùy theo động cơ. Sự đúng đắn, tức là hành vi từ động cơ đúng đắn, không chỉ trở thành đồng nghĩa với sự công bằng, mà còn là thành phần xác định của sự vô hại, và đúng là trung tâm của điều tốt.

Thế nên, khi các nhà hiền triết thời xưa, cho dù là Ấn Độ hay Hy Lạp, đã đạt được khái niệm về điều tốt này, thì họ cũng đã nhìn nhận thế giới, và nhất là đời sống con người; mặc dù họ cũng đã nhìn thấy mặt khó khăn của nó, giống như chúng ta đã phải trải qua suốt trong dòng tiến hóa trong sự hòa hợp vùng với ngay cả những yêu cầu cơ bản của lý tưởng đạo đức của sự công bằng và điều thiện.

Nếu có một sự vật nào đó đơn giản hơn một sự vật khác, thì điều đó hẳn không phải là những thích thú hay đau khổ của đời sống, đều được phân phối theo công lao đơn thuần trong thế giới động vật; bởi vì nó không thể nào chấp nhận được đối với những trật tự thấp hơn của những tồn tại có ý thức, để nhằm được xứng đáng hơn cho cái này hay cho cái khác. Nếu có một sự tổng quát hóa những sự kiện của đời sống con người, có sự đồng

ý của những con người có suy nghĩ ở trong mọi thời đại và mọi xứ sở, thì người nào vi phạm các nguyên tắc đạo đức, thường xuyên vẫn thoát khỏi sự trừng phạt mà anh ta đáng bị; khiến cho điều xấu sẽ rộ nở lên giống như một cái cây xanh tốt, trong khi những thắc mắc đúng đắn vẫn là đeo bám lấy anh ta; và sự phạm tội của những người cha được truyền qua cho con trẻ; còn trong thực tại tự nhiên, thì sự ngu dốt lại bị phạt nghiêm khắc, đúng như sự sai phạm có mang ý đồ đã có; và hàng ngàn, hàng ngàn người vô tội sẽ phải chịu đựng tội ác, hay sự vô tình xâm phạm của một người.

Người Hy Lạp, Do Thái và Ấn Độ cũng đều đã đồng ý nhau về chủ đề này. Cuốn sách của Job cùng ngang với cuốn "Works and Days", và cuốn kinh Sutras của Phật giáo; các nhà tụng thi và các giáo sĩ Do Thái cũng giống với những nhà thơ bi ca Hy Lạp. Có điều gì đó là một động lực chung, hơn là một bi kịch trong thực tế, hơn là một sự bất công vô hạn của những sự vật tự nhiên; điều gì vẫn được cảm thấy sâu sắc hơn và thật hơn là sự trình bày việc phá hoại mà không có tội bởi hành động của chính bàn tay anh ta, hay là bởi hành vi định mệnh do những tội lỗi của những người khác? Chắc chắn dipus vẫn có lương tâm trong sạch; vì đó chỉ là các hậu quả tự nhiên của những sự kiện - tiến trình vũ trụ - đã dìm anh ta một cách vô tình, giết cha mình và trở thành chồng của mẹ mình, mang đến sự buồn chán của dân tộc anh ta, và của chính anh ta, và dẫn tới sự sụp đổ. Vả lại, để vượt quá những giới hạn lần lượt theo thời gian, mà tôi đã định ra cho chính tôi, điều gì tạo nên sự thu hút muôn thuở của Hamlet, là một sự mời gọi đến do kinh nghiệm sâu xa nhất của câu chuyện đó của một con người mơ mộng mà vô tội, đã bị kéo lết, bất chấp chính anh ta, vào trong một thế giới rời rã, bao gồm trong sự trộn lẫn của tội ác và sự khốn khổ, do một trong những yếu tố đầu tiên của tiến trình của vũ trụ giống như nó vẫn vận hành bên trong tạo nên và thông qua con người?

Như thế, khi bị mang ra trước tòa án của đạo đức, thì vũ trụ cũng có lẽ phải bị kết tội. Ý thức của con người phản kháng lại sự dửng dưng về đạo lý của tự nhiên, và các nguyên tử nhỏ tí xíu, cần phải được tìm thấy trong sự phạm tội vô hạn của cái đại vũ trụ. Nhưng vẫn chí ít hay là không có, để dám đi tới việc ghi nhận cái biên bản đó.

Trong sự thử thách lớn lao mang màu sắc Do thái về vấn đề này, Job đã ẩn mình trong im lặng và chịu đựng; còn người Ấn Độ và người Hy Lạp, có lẽ ít khôn ngoan hơn, chỉ nhằm hòa giải điều không thể hòa giải được, và đã bênh vực cho bị cáo. Cho chính mục đích này, người Hy Lạp đã khám phá ra Thần học; trong khi đó người Ấn Độ thì đã sáng tạo ra cái gì đó trong dạng tối hậu của nó, và được gọi là sự tạo lập vũ trụ. Bởi vì, mặc dù Phật giáo thừa nhận những thần linh cũng nhiều và cũng giống như tính cách của con người, thì chúng cũng là các sản phẩm của tiến trình vũ trụ; và dù thế trong bước quá độ qua suốt quá trình vẫn có những sự thể hiện trong hoạt động vĩnh cửu của nó. Trong lý thuyết về luân hồi, thì bất cứ điều gì vẫn có nguồn gốc của nó, do sự suy tư Bà la môn và Phật giáo đã tìm thấy, và cũng đã có ngay trước mắt những phương tiện xây dựng nên bằng chứng có thể tin được trong những con đường của vũ trụ đã đưa tới con người. Nếu thế giới này đầy những sự đau đớn và sầu khổ, nếu sự phiền muộn và cái xấu cứ rơi xuống giống như mưa trên đầu của những cái đúng và cái không đúng, thì điều đó cũng giống như mưa, chúng đã được nối kết trong một sợi dây chuyền vô cùng tận của thuyết nhân quả tự nhiên, do bởi nó mà quá khứ, hiện tại và tương lai luôn gắn kết nhau không thể tách rời; và cũng không thể còn có sự bất công nữa, dù là trong trường hợp này hay trong trường hợp khác. Mọi sinh vật phải có ý thức là đang gặt hái điều gì mà nó đã gieo,

nếu không phải trong cuộc đời này, thì rồi cũng phải trong cuộc đời khác nào đó trong tương lai, trong một loạt vô hạn những tồn tại đã đi trước, mà nó là cái khâu cuối cùng. Sự phân phối hiện tại của cái tốt và cái xấu, tuy thế lại là tổng đại số của những ý đồ tích cực và tiêu cực vốn đã được tích lũy; hay là đúng hơn, nó phụ thuộc vào cán cân dao động của sự tính toán đó. Bởi vì không cần thiết phải suy nghĩ về một sự giải quyết toàn diện nào đó sẽ bao giờ có thể xảy ra được. Những sự lưu tồn vẫn cứ còn đó, như một loại "bão treo"; một thời kỳ của hạnh phúc thiên đàng vừa kiếm được, có thể được nối tiếp nhau bởi những thời đại của sự khốn khổ trong một thế giới địa ngục gớm ghiếc, vì cái cân vẫn hãy còn nghiêng về một bên do sự sai lầm từ tổ tiên xa xôi nào đó.

Cho dù tiến trình của vũ trụ có vẻ như một điều gì đó trước tiên có mang tính chất đạo đức hơn chăng nữa, nên sau một sự tin chắc như thế, có lẽ cũng phải được đặt thành câu hỏi. Kể cả yêu cầu về tính công bằng này, cũng không phải là đáng tin hơn những cái khác; và cũng chẳng ai nếu đó không phải là những nhà tư tưởng rất vội vàng, sẽ vứt bỏ điều đó đi, trên cơ sở sự phi lý đi liền theo đó. Giống như lý thuyết về tiến hóa tự trong nó, sự luân hồi còn có gốc rễ của nó ở trong thế giới thực tại; và nó có thể đòi hỏi một sự nâng đỡ như thế đó, như một lý lẽ lớn lao mà sự tương tự có thể cung cấp được.

Kinh nghiệm thường nhật khiến chúng ta vẫn quen thuộc với những sự kiện vốn đã họp thành một nhóm dưới tên gọi là di truyền. Mọi người chúng ta mang trên bản thân những dấu hiệu rõ ràng của cha mẹ mình, và có lẽ từ một huyết thống xa xôi. Đặc biệt hơn, tổng số những khuynh hướng hành động, trong một cách nào đó mà chúng ta gọi là "tính khí", đều thường mang các dấu vết xuyên qua những chuỗi dài những gốc gác và các ảnh hưởng phụ thuộc. Như thế, chúng ta có thể nói là cái "tính khí" đó, - yếu tính đạo đức và tinh thần của mỗi người - đã thật sự kinh qua từ một chỗ nguyên do bằng xương bằng thịt chuyển sang cho người khác, và được chuyển tiếp từ thế hệ này sang thế hệ kia. Trong một đứa trẻ mới được sinh ra, tính chất của kho lưu trữ nằm đó còn ngầm ngầm, và cái *Ngã* hãy còn nhỏ còn hơn cả một nhóm những tiềm năng. Nhưng rồi rất sớm, những cái này liền trơ thành các điều hiện thực; từ thời tre thơ, đã lớn lên, chúng tự biểu hiện ra chính trong sự dần độn hay thông minh, yếu đuối hay mạnh mẽ, xằng bậy hay cương trực; và với mỗi một đặc điểm được biến đổi do bởi ảnh hưởng tinh nết khác, còn nếu như không bị ảnh hưởng do điều gì đó, thì tính nết đó cứ thế phát triển lên, để rồi cũng sẽ đầu thai vào một thân xác mới.

Những nhà triết học Ấn Độ đã gọi tính nết đã được xác định như vậy là "karma". Chính cái "nghiệp" này vẫn đi từ cuộc đời này sang cuộc đời khác, và nối kết chúng lại trong chuỗi luân hồi; và họ cho rằng nó được biến đổi trong mỗi cuộc đời, không chỉ bởi ảnh hưởng của cha mẹ mình, mà còn bởi chính những hành động của mình. Thực ra họ là những người tin tưởng rất mạnh mẽ vào chính lý thuyết đã được tranh cãi rất nhiều như thế tới hiện nay, về những tính chất đã thủ đắc được của sự chuyển dịch di truyền. Tức sự biểu hiện những khuynh hướng của mỗi tính cách có thể sẽ vô cùng dễ dàng, hay có thể bị ngăn chặn, bởi những điều kiện của sự tự chế ngự mình, hay là nếu không có được như thế, dù là nằm trong số điều quan trọng nhất, cũng không thể nói khác đi được; nhưng tính tình tự nó cũng được chuyển biến theo cách này mà không bởi một phương tiện nào chắc chắn hơn như thế; không chắc hẳn tính cách được di truyền của một tính khí xấu sẽ là cái xấu nhất, hay tính khí của một người cương trực sẽ là tốt hơn cả điều gì anh ta đã nhận được. Triết học Ấn Độ, tuy vậy lại không thừa nhận bất cứ sự nghi ngờ nào về chủ đề này; sự tin tưởng vào việc ảnh

hưởng do các điều kiện, mà nhất của sự tự rèn luyện trên cái "nghiệp", không chỉ là một tiền đề thiết yếu của lý thuyết của họ về việc tái điều chỉnh lại, nhưng nó còn biểu hiện cách thức duy nhất để nhằm thoát ra khỏi cái vòng lẩn quẩn vô hạn của sự luân hồi.

Những dạng thức sớm nhất của triết học Ấn Độ vẫn phù hợp với những dạng thức đã từng có trước thời đại của chúng ta, trong giả thiết về sự hiện hiện hữu của một thực tại thường hằng, hay là về cái "bản thể" nằm bên dưới những loạt hiện tượng vẫn nổi lên phía trên, cho dù của thân xác hay tinh thần. Bản thể của vũ trụ gọi là "Brahma", còn bản thể của cá nhân gọi là "Atman"; cái sau chỉ bị tách ra khỏi cái trước, nếu tôi có thể nói thế, chỉ bởi cái vỏ hiện tượng của nó, bởi sự khu trú của những cảm xúc, ý nghĩ, ham muốn, lạc thú và đau khổ, tạo thành các ảo vọng của cuộc đời. Điều này kẻ nào không biết thì gọi đó là thực tại; và do thế cái "tiểu ngã" của họ vẫn bị giữ lại vĩnh viễn, bị cầm tù trong những ảo tưởng, bị ràng buộc vào những xích xiềng của lòng dục vọng, và bị chế tài bởi sự khốn khổ. Nhưng nếu người nào đã đạt tới giác ngộ, thì thấy cái thực tại bề ngoài đó chỉ là ảo tưởng, hay là như đã từng được nói đến từ hai ngàn năm sau đó, không có điều gì là tốt hay xấu, mà chỉ là do suy nghĩ cho nó là như thế. Nếu vũ trụ là đúng đắn, "và bởi những tật xấu thích thú của chúng ta lại tạo thành những dụng cụ để trừng phạt chúng ta", thì đó có vẻ như là con đường duy nhất nhằm thoát ra khỏi sự thừa hưởng của chúng ta về điều xấu, như là sự hủy diệt đi chính suối nguồn của lòng ham muốn, khi mà các tật xấu của chúng ta trôi chảy; nhằm chối bỏ bất cứ cái nào dài hơn, như là những công cụ của quá trình tiến hóa, và rút lui khỏi cuộc đấu tranh sinh tồn. Nếu cái "nghiệp" có được sự biến đổi bởi việc tự tu chỉnh mình, nếu các lòng ham muốn bị lậu, mà cái này sau cái khác, có thể lần lượt bị tiêu diệt đi, thì cái nền tảng sau cùng của sự ham muốn, là tự xác định mình, hay là lòng tham dục có lẽ cũng bỏ được. Rồi cái bong bóng ảo tưởng sẽ phải nổ bung ra, và cá nhân được giải phóng, "Atman" sẽ tự hòa nhập nó vào trong "Brahma" phổ quát.

Như thế dường như đó là ý niệm về giải thoát trước khi Phật giáo ra đời, và cũng là con đường phải noi theo bởi những người muốn đạt tới đó. Không còn khổ hạnh thông qua xác thân nữa, giống như những người tu khổ hạnh Ấn Độ đã thực hành thời xưa kia; cũng không còn kiểu độc đoán phong kiến, hầu như chỉ muốn thành công trong việc giản lược tinh thần con người vào trong điều kiện gần như mê ngủ, bị bế tắt, nhưng lại là một tri thức lành mạnh, và không có thể mạo hiểm để đồng hóa cùng với sự ngu dốt.

Và sự giải thoát này sẽ phải được tuân thủ, nhằm đạt tới được thông qua tri thức, và bằng hành động đặt trên nền tảng của chính tri thức đó; đúng như những người làm thí nghiệm, là người đó muốn có được một kết quả vật lý hay hóa học nào đó, thì phải có kiến thức về các quy luật tự nhiên có liên quan, cùng với ý chí kiên quyết, và có kỷ luật thích hợp để nhằm thực hiện mọi sự vận dụng khác nhau cần phải có. Cái siêu nhiên, trong ý nghĩ của chúng ta đối với từ ngữ này, đã hoàn toàn bị loại khỏi. Không có một sức mạnh nào từ bên ngoài vào mà lại có thể tác động được vào chuỗi nguyên nhân và kết quả đã tạo nên "karma"; không có cái gì khác hơn là ý chí chủ thể của cái nghiệp mới có thể kết thúc điều đó.

Chỉ một quy tắc về hành vi để có thể dựa trên lý thuyết đáng chú ý mà tôi đã cố gắng để làm rõ về tính hữu lý đó. Thật là điên rồ khi cứ tiếp tục sống trong bao nhiêu điều đau khổ, vốn đã có quá nhiều và cũng quá chắc chắn; và các khả năng nhằm tăng cường sự khốn khổ, cùng với việc kéo dài chính sự tồn tại không thể nào chịu nổi như thế. Giết chết thân xác

cũng chỉ là làm cho vấn đề lại càng tệ hại hơn; cũng chẳng có vấn đề gì khác hơn chỉ là sự giết chết linh hồn, bởi sự ngừng lại có ý chí của mọi hoạt động của nó. Tài sản, những ràng buộc của xã hội, những tình cảm trong gia đình, tình thân hữu nói chung, phải bị bỏ đi; những ham muốn tự nhiên nhất, kể cả sự ăn uống, cũng phải được dẹp bỏ, hay ít nhất cũng phải được giảm thiểu; cho tới khi tất cả những gì còn lại chỉ ở trong con người, như một thầy tu khổ hạnh, kiệt lực, trơ lì, tự thu hút mình vào trong những trạng thái ý thức lờ mờ, mà sự huyền nhiệm ảo hoặc đã có được các bước đầu của sự hóa nhập tối hậu cùng với Brahma.

Người sáng lập đạo Phật đã chấp nhận những định đề chủ yếu đã từng được yêu cầu bởi những người tiên phong của mình. Nhưng ông ta đã không thỏa mãn với sự hư vô hóa trong hành động thực hành vốn nằm trong sự trộn lẫn tồn tại của cá nhân vào trong cái vô điều kiện - cái Atman trong Brahma. Có vẻ đó như là sự quản trị việc tồn tại của bất kỳ bản thể nào - ngay cả sự mỏng manh của cái gì không có năng lượng hoặc phẩm chất và cũng không xác định được một thuộc tính nào cả - nên đối với ông ta có vẻ là một mối nguy hiểm và một cái bẫy. Mặc dù bị giản lược vào cùng với sự chối bỏ trong tính cách bị thôi miên, Brahma vẫn không được tin chắc; chừng nào mà cái thực thể là ở đó, thì nó có lẽ chỉ tóm lược lại một cách rõ rệt như cái vòng tròn chán chường của sự tiến hóa, với tất cả một loạt những sự khổ ải bất tận của nó. Đức Cồ Đàm đã vứt bỏ ngay cả cái bóng đó trong hình bóng của sự tồn tại hằng cửu bởi một *sức mạnh* siêu hình học với lợi ích lớn lao cho sinh viên triết học ....

Chấp nhận lý thuyết Phạm Thiên vốn đã có trước mình về toàn bộ vũ trụ, bầu trời, mặt đất, và địa ngục, với bao nhiêu vị thần linh của nó cùng những hiện thân khác ở trên trời, của những loài vật có ý thức, của Mara, và cả những tính hiểm ác của hắn, vẫn không ngừng vươn lên qua những vòng luân chuyển của sự sinh ra và hủy diệt, mà trong mỗi cái đó, mọi sự tồn tại của con người đều có biểu hiện luân hồi của nó, ngài Cồ Đàm đã tiến hành loại bỏ mọi bản thể toàn bộ như thế; và giản lược vũ trụ vào chỉ còn là một dòng các cảm nhận, xúc cảm, những ham muốn, và các ý nghĩ, mà không có bất cứ căn cơ bản thể nào. Vì, trên bề mặt của dòng chảy của nước, chúng ta thấy những đợn sóng và các xoáy nước, chỉ có tồn tại ở trong chốc lát, và rồi tan biến đi với những nguyên nhân đã làm cho chúng sinh ra; thế nên cái gì dường như là những sự hiện hữu cá thể, thật ra thì đó chỉ là những sự kết hợp tạm thời của những hiện tượng quay vòng quanh một trung tâm, "giống như một con chó bị cột vào một cây cột". Trong toàn bộ vũ trụ vẫn không có cái gì là thường hằng cả, không có bản thể vĩnh cửu, hoặc trong tinh thần hay trong vật chất. Chủ thể tính cá nhân chỉ là một sự huyễn tượng siêu hình học; và trong thực chất của nó, thì không những chúng ta, mà tất cả mọi sự vật trong những thế giới vô cùng của ngọn đèn ảo hóa của vũ trụ, là yếu tố cấu thành như thế đó, chỉ như những giấc mộng được tạo ra từ đó.

Thế thì cái gì đã trở thành cái "nghiệp"? Cái "nghiệp" thì vẫn không thể bị chạm tới được. Vì dạng thức đặc biệt của năng lượng mà chúng ta gọi là từ lực, thì có thể chuyển dịch được từ một hòn đá nam châm sang cho một miếng thép, từ miếng thép sang cho một miếng ni ken, cũng như nó có thể được tăng cường hay là làm yếu đi bởi những điều kiện mà nó phụ thuộc vào, trong khi ở dưới hình thức các miếng đó, khiến cho dường như nó cũng được nhận thức là "karma" có thể được chuyển dịch từ sự kết hợp có tính hiện tượng này cho một sự kết hợp có tính hiện tượng khác, chỉ bởi một loại quy nạp. Tuy nhiên, điều này có lẽ ngài Cồ Đàm đã không nghĩ ngờ gì là đã có

được một bảo đảm tốt hơn cho sự hủy bỏ được luân hồi, một khi cũng không còn một chút nào của các bản thể hoặc là của Atman hay là của Brahma còn lại được phía sau ông ta; nói tóm lại, khi một con người chỉ đang mơ mộng, nếu anh ta không còn muốn mơ mộng nữa, để chỉ nhằm chấm dứt mọi sự mơ mộng.

Sự chấm dứt này của giấc mộng cuộc đời chính là Niết Bàn. Điều gì là Niết Bàn thì các nhà học giả vẫn không thống nhất với nhau. Nhưng bởi vì những người vốn có uy thế nguyên thủy tốt nhất từng nói với chúng ta ở đó không có sự ham muốn hay hoạt động gì cả, cũng không có bất cứ một sự việc về hiện tượng bên ngoài nào của nhà hiền triết đã đi vào được Niết Bàn, để có thể được an tâm nói tới đỉnh cao này của triết học Phật giáo - nên "cái còn lại chỉ là sự tĩnh lặng".

Vậy thì không có một sự bất đồng thực tế lớn lao thật sự giữa ngài Cồ Đàm và những người tiên phong của ông ta về chính vấn đề cứu cánh của hành động; nhưng nói khác đi, nó vẫn được xem như là các phương tiện nhằm đạt tới cứu cánh đó. Với sự nội quan đúng đắn vào trong bản chất, ngài Cồ Đàm đã tuyên bố sự hành xác nghiệt ngã cực kỳ chỉ là vô ích, và thực chất vì thế lại còn có hại. Sự ưa thích và những đam mê chỉ cần phù hợp với những đòi hỏi của cơ thể, tùy theo những đòi hỏi chính đáng tự nhiên, cần thiết của nó, mà chúng cần phải có, và ngoài ra, cũng phải gắn liền với nền tảng của chính chúng, và cần được chinh phục bởi sự vun bồi không ngừng về các thói quen tinh thần đối ngược lại chúng; bởi chính sự thông tuệ phổ quát; bằng sự lấy đức báo oán ; bằng sự khiêm tốn, bằng sự tiết chế đối với các ý nghĩ xấu; hay nói tóm lại, bằng sự từ bỏ toàn thể của điều gì tự khẳng định mình, giống như nó là yếu tính của tiến trình vũ trụ.

Chẳng nghi ngờ gì đối với những tính chất đạo đức này, thì đạo Phật đã có được sự thành công ngoạn mục của mình. Một hệ thống không hề biết đến Thượng Đế theo nghĩa của phương Tây; nó phủ nhận việc con người có linh hồn; nó cho sự tin tưởng vào sự bất tử là một sự rồ dại, và sự hy vọng về nó là một điều sai lầm; nó từ chối bất cứ hiệu lực nào của việc cầu nguyện và hi sinh; nó yêu cầu người ta không nên nhìn vào cái gì khác ngoài sự cố gắng của chính họ cho sự giải thoát; trong sự trong sáng đầu tiên của nó, nó không biết đến cái gì hơn là sự quyết chí vâng phục, tinh thần dũng mãnh, và không bảo đi tìm một sự trợ giúp thế tục nào cả; kể cả việc mở rộng nhanh chóng phi thường thành phần của Thế Giới Cũ, song vẫn hãy còn một điều gì đó vẫn đang còn bị pha trộn với mê tín từ bên ngoài, hay với một tín điều áp đảo lên phần lớn nhân loại.

Giờ đây chúng ta hãy cùng đối diện với phương Tây. Ý đồ của phái Khắc kỷ là tự làm mờ tối mình trước thực tại của điều xấu xa, như cần thiết phải tham gia vào tiến trình vũ trụ, vẫn ít thành công hơn so với các nhà triết học Ấn Độ, để nhằm loại trừ thực tại cái xấu từ sự nhìn thấy trước của họ. Không may điều đó lại còn dễ hơn nhiều, trong việc nhắm mắt trước cái tốt hơn là trước cái xấu. Sự đau khổ và sự phiền muộn gõ cửa chúng ta vẫn nhiều hơn là sự vui thú và hạnh phúc; và những dấu chân của những bước chân nặng nề của chúng cũng không phải dễ dàng bị xóa hơn. Trước những thực tại ghê sợ của đời sống thực tiễn, những mơ mộng dễ chịu của quan điểm lạc quan thường bị tiêu hủy. Nếu điều này là cái tốt nhất mà thế giới có thể có được, nó vẫn cho thấy một sự cư trú không hề có chút thuận lợi thật sự nào cho một vị hiền triết lý tưởng.

Sự tóm lược mang tính của khắc kỷ về toàn bộ bổn phận của con người là "sống theo tự nhiên", dường như chỉ có hàm ý rằng tiến trình vũ trụ là một điển hình cho hành vi của con người. Vì thế, đạo đức thành ra chính là áp dụng Lịch sử Tự nhiên. Sự thực, sự sử dụng lẫn lộn câu

châm ngôn trong ý nghĩa này đã dẫn đến sự nhầm lẫn liên tục trong các thời kỳ sau đó. Nó đã cung cấp một nền tảng tiên đề cho triết học của các nhà triết học lấm cấm này, và cả cho sự luân lý hóa của những người Duy cảm. Nhưng những nhà Khắc kỷ vẫn ở đấy tận dưới đáy, họ không chỉ là những con người cao quý, mà còn quá thánh thiện; và nếu chúng ta nhìn gần hơn vào điều gì đó mà họ thật sự nói lên bởi chính câu nói đã được sử dụng không đúng này, tất sẽ nhận thấy việc trình bày không có được một sự biện giải nào đối với các kết luận tai hại đã được rút ra từ trong đó.

Trong ngôn ngữ Stoa, "Thiên nhiên" là một từ có nhiều nghĩa. Có "Thiên nhiên" của vũ trụ, và có "Thiên nhiên" của con người. Trong cái sau, "thiên nhiên" của loài vật mà con người chia sẻ cùng với một phần của đời sống của vũ trụ, vẫn khác biệt với một "thiên nhiên" cao hơn. Ngay cả trong thiên nhiên cao hơn này, vẫn có những cấp độ thứ bậc. Khả năng luận lý là một công cụ có thể được hướng tới một mục đích nào đó. Đam mê và xúc cảm như vậy cũng được buộc chặt vào thiên nhiên thấp hơn, mà chúng có thể được xem như các hiện tượng bệnh lý hơn là bình thường. Cái tối thượng cai quản khả năng, tạo thành "bản chất" cốt yếu của con người, hầu như tiêu biểu bởi cái gì đó mà trong ngôn ngữ triết học sau này, gọi là lý trí thuần túy. Nó chính là cái "thiên nhiên" này; nó nâng lý tưởng của cái thiện tối thượng, và yêu cầu tùng phục tuyệt đối ý chí con người vào mệnh lệnh của nó. Chính điều này điều khiển để tất cả mọi người yêu thương lẫn nhau, lấy ân trả oán, cùng xem nhau như anh em huynh đệ, công dân đồng bào trong một Nhà nước lớn. Dĩ nhiên, cho rằng sự tiến bộ nhằm đi đến sự hoàn thiện một Nhà nước văn minh, hay là tổ chức xã hội phụ thuộc vào sự vâng lời của những thành viên cho những mệnh lệnh này; những người Khắc kỷ cũng đôi khi gọi lý trí thuần túy là bản chất "chính trị". Không may là ý nghĩa của tính từ này đã phải chịu rất nhiều sự biến đổi, nên sự áp dụng nó cho điều gì đó vẫn điều khiển sự hi sinh của chính nó cho cái tốt chung, mà giờ đây nghe kỳ cục.

Nhưng phần nào đã được trình bày bằng thuyết Tiến hóa theo quan điểm đạo đức? Tôi có thể phân biệt về hệ thống đạo đức của những người Khắc kỷ đến mức nào. Có thể đã được nhìn đúng về điều gì như thế, nếu lấy bất cứ một lý thuyết khác nào đó; một mặt đó là sự sáng tạo đặc biệt, mặt khác là cái gì đó trong sự hiện hữu vĩnh cửu của một trật tự hiện có. Đối với phái Khắc kỷ, vũ trụ không hề có một sự quan trọng nào cho ý thức, ngoại trừ, ở trong mức độ nào đó mà anh ta đã chọn lựa để suy nghĩ như một nhà sư phạm về đức hạnh. Sự lạc quan kiên định của các nhà triết học của chúng ta vẫn che giấu đằng sau nó tình trạng hiện có của trường hợp đó. Nó đã ngăn chặn chúng từ việc nhìn nhận bản chất vũ trụ, thì cũng không có trường phái nào của đức hạnh như là tổng hành dinh của kẻ thù của bản chất của đạo đức. Tính luận lý của các sự kiện vẫn cần thiết để thuyết phục họ là vũ trụ vận hành thông qua thiên nhiên thấp hơn con người, và không phải cho sự đúng đắn, nhưng là chống lại nó. Và nó cuối cùng, cũng đưa chúng đến sự thừa nhận sự tồn tại của "con người khôn ngoan" là lý tưởng của họ, và không tương hợp được với bản chất của các sự vật; dù ngay cả một sự xấp xỉ có thể đạt tới được cái lý tưởng đó, cũng chỉ đạt được với cái giá của sự từ bỏ thế giới và sự hành xác, và không chỉ về xác thịt, mà cả mọi tình cảm của con người. Tình trạng của sự hoàn hảo vẫn là một "vô cảm" mà trong đó sự ham muốn, cho dù vẫn còn cảm nhận được, nhưng lại không còn có sức mạnh nữa để lay chuyển được ý chí, nên đã bị hạn chế thành một chức năng duy nhất để thực thi những mệnh lệnh của lý trí thuần túy. Ngay cả điều tồn tại nầy của sự hoạt động, cũng chỉ được nhìn như một sự vay mượn tạm

thời, như một sự trôi chảy ra như thế đó của tinh thần thế giới linh thiêng đang lan tỏa ra, cọ xát ở nơi có sự tù hãm trong xác thịt, cho tới thời điểm giống như thế của cái chết, để giúp nó quay trở về được với suối nguồn trong cái logos lan tỏa khắp nơi.

Quả thật tôi khó tìm thấy được bất cứ một điểm khác biệt lớn lao nào giữa sự vô cảm và Niết Bàn, trừ ra sự tư duy của nhà Khắc kỷ cũng chấp nhận với nội dung triết học đã có trước Phật giáo, hơn là với giáo lý của đức Cồ Đàm, trong mức độ nào đó mà nó đặt ra như một bản thể thường hằng cũng ngang bằng như "Brahma" và "Atman"; và trong sự thực hành Khắc kỷ, việc chấp nhận đời sống của kẻ hành khất, khuyến trệ, vẫn được nhiều người hơn hưởng ứng, là sự tham vấn điều hoàn thiện như một điều kiện cần thiết cho đời sống cao hơn.

Như vậy hai cái cực đó đã gặp nhau. Tư tưởng Hy Lạp và tư tưởng Ấn Độ, đều xuất phát từ trên nền tảng chung của cả hai, nhưng lại khác biệt nhau xa, rồi phát triển dưới những điều kiện vật chất và tinh thần khác nhau, để cuối cùng cùng đã hội tụ lại trong cùng một mục đích thực tiễn.

Kinh Phệ đà và Anh hùng ca của Homer đều đặt ra trước chúng ta cái thế giới của một cuộc sống phong phú và mạnh mẽ, đầy đủ những con người chiến đấu vui sướng.

Luôn luôn được đón chào hân hoan
Với sấm chớp và nắng chói ...

Và họ vẫn luôn sẵn sàng tung hô những vị thần khi máu của họ sôi lên. Một vài thế kỷ đã trôi qua, và dưới ảnh hưởng của nền văn minh, những con cháu của những người này lại thành ra "yếu đuối hơn bao giờ hết cùng với sự suy nghĩ vật vờ" - như những người bi quan thật sự, hay ít nhất cũng chỉ làm ra vẻ như người lạc quan. Lòng can đảm trong tinh thần ưa chiến trận, có lẽ cũng chỉ như trước kia, hay có lẽ lại còn mạnh mẽ hơn, nhưng kẻ thù thì lại là chính mình. Người anh hùng đã trở thành người thầy tu. Con người hành động đã được thay thế bằng con người tĩnh lặng, mà ý hướng cao nhất của anh ta là được làm công cụ thụ động cho Lý trí thiêng liêng. Bởi ở sông Tiber cũng như ở sông Hằng, con người đạo đức vẫn chấp nhận việc xem vũ trụ như là rất mạnh mẽ đối với anh ta; và cần phải phá hủy đi mọi sợi dây ràng buộc anh ta với nó bằng một kỷ luật nghiêm ngặt, khiến anh ta phải tìm kiếm sự giải thoát trong sự từ bỏ tuyệt đối.

Tư tưởng hiện đại đã được đánh dấu bằng một sự khởi đầu mới mẻ từ nền tảng, mà từ đó triết học Ấn Độ và triết học Hy Lạp đã đề ra; và tinh thần con người có rất nhiều điều đã từ hai mươi sáu thế kỷ trôi qua, không hề có cơ sở để thắc mắc, lại cần phải được trình bày những ý nghĩa của một khuynh hướng vận động, đi dọc theo những lối mòn dẫn đến cùng những kết quả.

Chúng ta cũng đã quen thuộc nhiều hơn với các quan điểm bi quan hiện đại, ít nhất cũng như một sự suy tư; bởi vì tôi không thể gợi ra cho tinh thần điều gì đó của những sự cuồng nhiệt hiện thời của nó, vốn đã in dấu ấn về niềm tin của nó, bằng hình ảnh cái bình bát và bộ quần áo rách rưới của các tì kheo khất thực, hay là cái áo choàng thùng thình và cái bị của kẻ Khắc kỷ Những trở ngại trên con đường lang thang bằng một tính cách phi triết học, có lẽ đã tỏ ra thật kinh khủng đối với triết học đích thực. Chúng ta cũng biết quan điểm tư duy lạc quan hiện đại, với sự hoàn chỉnh của nó về các giống loài, quyền uy của hòa bình, và trong những cảnh chuyển biến của con sư tử cùng con cừu; nhưng người ta cũng không thể nghe quá nhiều về nó như đã từng có cách đây bốn mươi năm; thực tế tôi vẫn tưởng tượng nó được tìm thấy thông thường hơn ở các bàn ăn lành mạnh và giàu có, hơn là những tích lũy sự khôn ngoan. Đa số chúng ta, theo như tôi thấy,

không thú nhận việc mình không phải chỉ có quan điểm bi quan, mà cũng chẳng phải là quan điểm lạc quan. Chúng ta chủ trương thế giới chẳng phải là tốt, mà cũng chẳng phải là xấu, giống như nó có thể được nhận thấy như thế; và hầu hết chúng ta đều có lý, để giờ đây một lần nữa cũng khám phá được là nó có thể rất đúng như thế. Chỉ những ai đã thất bại trong kinh nghiệm về những sự vui thú vốn đã làm cho đời sống có giá trị đáng sống, thì có thể trong một số nhỏ và ít ỏi, cũng như những người nào đó đã không bao giờ biết đến những sầu khổ đã từng tước đi từ đời sống của họ nguồn vui thú, và làm cho những kết quả phong phú nhất của nó chỉ cho ra bụi bặm và tro tàn.

Hơn thế, tôi cho là mình không nhầm lẫn khi quan niệm rằng dù có sự dị biệt quan điểm của họ về các vấn đề tôn giáo và triết học, thì hầu hết vẫn thống nhất với nhau rằng sự cân đối giữa điều tốt và điều xấu trong cuộc sống rất hay dễ bị tác động bởi hành vi của con người. Do đó, tôi không bao giờ nghe nói có ai đó hoài nghi cái xấu có thể gia tăng, hay giảm đi; và dường như cũng đưa tới việc điều tốt có thể được chấp nhận một cách tương tự trong việc gia tăng hay giảm đi. Cuối cùng theo sự hiểu biết của tôi, không ai tỏ ra nghi ngờ là tới mức nào đó, khi chúng ta có quyền đối với những sự việc tốt hơn, đó là bổn phận chung để chúng ta sử dụng nó, và phát huy mọi năng lực và trí lực của chúng ta đối với lợi ích tối cao của loài người.

Thế nên lợi ích cấp bách của vấn đề, là đến mức độ nào mà sự tiến bộ hiện đại trong tri thức tự nhiên, và đặc biệt hơn là thành quả chung của sự tiến bộ đó ở trong thuyết Tiến hóa, là có uy thế để giúp chúng ta trong sự giúp đỡ lẫn nhau?

Những việc xem xét cái gì gọi là "đạo đức của sự tiến hóa", khi sự "tiến hóa của đạo đức" có thể thường biểu hiện đối tượng của những suy đoán tốt hơn đã dẫn dụ một số sự kiện ít nhiều thú vị, và những lý luận ít nhiều lành mạnh, trong việc hậu thuẫn cho các nguồn gốc của những tình cảm đạo đức, cũng trong cùng cách như những hiện tượng tự nhiên khác, bởi một tiến trình tiến hóa. Riêng phần tôi, tôi không nghi ngờ gì việc họ đi đúng đường; nhưng bởi vì những tình cảm đạo đức chẳng kém liên quan, nên càng lại là sự chế tài tự nhiên cho điều này cũng như điều kia. Kẻ trộm và kẻ giết người, nói theo bản chất, cũng chí ý hệt như những người bao dung và cao quý. Sự tiến hóa của vũ trụ có thể dạy cho chúng ta làm thế nào các khuynh hướng tốt và xấu của con người có thể được phát sinh ra; nhưng trong chính nó, thì lại bất lực trong việc cung cấp bất kỳ một lý lẽ nào tốt hơn, cho việc giải thích tại sao điều mà chúng ta gọi là tốt, lại được ưa thích vượt trội hơn điều mà chúng ta gọi là xấu, như chúng ta đã có trước kia. Một ngày nào đó, tôi sẽ không nghi ngờ gì là chúng ta sẽ hiểu về sự tiến hóa của khả năng thẩm mỹ; nhưng mọi sự hiểu biết trong thế giới vẫn sẽ không bao giờ làm gia tăng hay làm giảm đi sức mạnh của trực giác nói cái này là đẹp và cái kia là xấu.

Có một sự nhầm lẫn khác đối với tôi có vẻ như đã len lỏi vào được trong cái vẫn gọi là "đạo đức của sự tiến hóa". Đó là ý niệm cho rằng, về tổng thể, những loài động vật và cây cỏ đã tiến triển hoàn hảo trong tổ chức là nhờ bởi cuộc đấu tranh sinh tồn, và hậu quả là "cái gì thích nghi nhất thì tồn tại"; cho nên con người trong xã hội, tức con người như một tồn tại đạo đức, phải nhìn về cùng tiến trình đó để giúp họ đạt được tới sự hoàn thiện. Tôi cho rằng điều sai lầm này hẳn đã phát sinh ra từ sự hàm hồ đáng tiếc của câu nói "sự sống cho cái thích ứng nhất" "thích nghi nhất" cũng đồng nghĩa với "tốt nhất"; và "tốt nhất" thì cũng hàm nghĩa đạo đức. Tuy vậy, trong bản chất vũ trụ, cái gì "thích nghi nhất" phụ thuộc vào các điều kiện. Đã từ lâu tôi tin rằng bán cầu của chúng ta mát mẻ thì sự tồn

tại các sinh vật thích nghi nhất vẫn có thể cũng mang tới trong thế giới thực vật một cư dân của những sinh thể càng ngày càng nhiều lùn mập hơn và càng trở nên dễ khiến hơn, cho đến cái "thích nghi nhất" còn sống sót, có lẽ cũng không phải là cái gì khác hơn là rong rêu, địa y, và những loại vi nấm, giống như những loại làm cho tuyết có màu đỏ của nó; trong khi mà nếu thời tiết nóng hơn, thì những thung lũng dễ chịu của các sông Thames và Isis có lẽ cũng không còn cư dân là các sinh vật, trừ ra những giống chỉ có phát triển được ở các vùng nhiệt đới. Bởi vì cái thích nghi nhất, mới có thể thích nghi được tốt nhất đối với các điều kiện đã bị thay đổi, nên mới tồn tại được.

Con người trong xã hội hẳn nhiên cũng phải tuân thủ theo tiến trình của vũ trụ. Cũng như giữa các loài vật khác, nó cứ tăng số lượng lên không ngừng, và như thế cũng bao hàm sự cạnh tranh ghê gớm để nhằm có các phương tiện hầu sống còn. Sự đấu tranh sinh tồn vẫn có khuynh hướng loại trừ đi những những cá thể nào kém thích nghi nhất nhằm tự thích ứng chúng với các điều kiện của sự tồn tại của chúng. Cái nào mạnh nhất, cái nào tự thích ứng tốt nhất, sẽ có khuynh hướng chế ngự cái yếu hơn. Nhưng ảnh hưởng của tiến trình vũ trụ trên sự tiến hóa của xã hội vẫn là cái lớn hơn, khi mà nền văn minh của nó lại thô thiển hơn. Tiến trình xã hội luôn mang ý nghĩa như một sự kiểm tra tiến trình vũ trụ ở từng bước, và thay thế nó bằng các bước khác, mà có thể gọi đó là tiến trình đạo đức; kết thúc những cái nào không phải là cái sống còn được, và những cái nào có lẽ đi tới thích nghi nhất, về phương diện toàn thể của những điều kiện nó có được, là những cái có đạo đức tốt nhất.

Như tôi đã vừa nhấn mạnh, việc thực hiện điều gì là tốt nhất về đạo đức - mà chúng ta gọi là điều thiện hay đức hạnh - chính là một quá trình hành vi mà về mọi phương diện là đối nghịch lại với điều dẫn tới thành công trong đấu tranh cho việc sinh tồn. Nơi nào có sự tự xác định tàn nhẫn, cũng đòi hỏi có sự tự chế ngự; nơi nào có sự đe dọa sát bên, hay là sự chế ngự của mọi kẻ cạnh tranh, cũng đòi hỏi cá nhân sẽ không phải chỉ có kính trọng, mà còn phải giúp đỡ cho những người đồng bạn của mình; ảnh hưởng của nó được hướng dẫn, không phải chỉ nhằm để sinh tồn mà thôi, của cái nào thích ứng nhất, cũng giống như sự thích ứng càng nhiều càng tốt để sinh tồn. Nó vất bỏ đi lý thuyết về đấu tranh bạo lực để sinh tồn. Nó đòi hỏi mọi người phải đi vào trong sự thích thú cho sự trội vượt lên của một xã hội, cũng sẽ phải mang đầy tinh thần của món nợ của mình đối với những ai đã phải làm việc nhọc nhằn để tạo dựng lên nó; và cũng sẽ không chú ý tới việc không có hành động nào của anh ta làm yếu đi chất liệu mà trong đó anh ta đã được cho phép sống. Luật lệ và các quy định về đạo đức nhằm hướng đến cái đích của việc làm cong đi tiến trình của vũ trụ, và lưu giữ bổn phận cá nhân của anh ta trong cộng đồng. Cho tới sự bảo vệ và ảnh hưởng của cái gì mà anh ta nợ, nếu không có sự hiện hữu tự nó, thì ít nhất đời sống của một cái gì đó vẫn cứ tốt hơn là một sự hoang dã phũ phàng

Chính vì lơ là trong việc xem xét đơn giản này, mà chủ nghĩa cá nhân cuồng nhiệt của thời đại chúng ta đã từng cố gắng áp dụng phép loại suy về bản chất vũ trụ vào xã hội. Một lần nữa chúng ta đã phải có một áp dụng sai lầm về yêu cầu của thuyết Khắc kỷ là phải tuân thủ theo tự nhiên; những bổn phận của cá nhân đối với nhà nước đã bị quên đi, và những huynh hướng của sự tự khẳng định của anh ta lại được đánh giá cao lên, gọi là những quyền. Và đã có một sự tranh luận kịch liệt, là phải chăng những thành viên của một cộng đồng có quyền được điều chỉnh trong việc sử dụng những sức mạnh kết hợp để bó buộc một người trong số họ phải đóng góp phần mình vào sự

gìn giữ nó; hay là ngay cả việc ngăn cản người đó không được làm gì nhằm để phá hủy nó. Sự đấu tranh sinh tồn đã thực hiện một công việc ngoạn mục như thế, trong bản chất vũ trụ, có vẻ cũng được lợi lộc trong phạm vi đạo đức. Vì thế, nếu điều tôi vừa nhấn mạnh ở trên là đúng, cũng như nếu tiến trình của vũ trụ không có quan hệ nào đối với các mục tiêu đạo đức, hay nếu con người bắt chước nó cũng chính là những nguyên lý đầu tiên của đạo đức, thì điều gì đã trở thành lý thuyết đáng ngạc nhiên này?

Chúng ta hiểu rằng, chỉ một lần thôi, tiến trình đạo đức của xã hội không phải phụ thuộc ở sự bắt chước tiến trình của vũ trụ, cũng không tránh xa nó, mà là đấu tranh với nó. Đây có vẻ như một đề nghị táo bạo nhằm lấy thế giới vi mô ra dọ sức với thế giới vĩ mô, và buộc con người phải lấy việc chinh phục thiên nhiên làm mục tiêu cao hơn của anh ta; nhưng tôi dám cho rằng sự khác biệt lớn về trí tuệ giữa thời xưa với thời đại chúng ta đang sống hiện nay, nằm trên nền tảng vững chắc của điều gì mà chúng ta đã đạt được đối với niềm hy vọng là một công trình như thế sẽ có thể mang lại được một chừng mực thành công nào đó.

Lịch sử của của nền văn minh thể hiện chi tiết từng bước cái tiến trình mà con người dần dần xây dựng nên được một thế giới nhân tạo ở bên trong vũ trụ. Cái cây sậy mong manh của bản thân chúng ta, tức con người, là như thế, giống như Pascal đã nói, là cây sậy biết suy tư: đã có ở trong nó một vốn liếng năng lực, được vận hành một cách thông minh, và càng chứng tỏ hơn như thế về điều gì đó đang bành trướng ra khắp vũ trụ, như đó là một khả năng có ảnh hưởng và nhận dạng tiến trình vũ trụ. Bằng trí thông minh của mình, con người lùn tịt đó đã buộc được kẻ khổng lồ cũng phải tuân theo ý chí của mình. Và trong mọi gia đình, trong mọi cộng đồng xã hội, tiến trình vũ trụ trong con người đã được hạn chế, và nói cách khác, luật lệ và phong tục đã làm thay đổi trong thiên nhiên ở chung quanh, nó cũng đã chịu ảnh hưởng một cách tương tự bởi nghệ thuật của người chăn cừu, người trồng tỉa, và người làm thủ công. Khi nền văn minh phát triển, thì cũng mở rộng sự tương giao đã được gia tăng này; cho tới các ngành khoa học cùng là những môn nghệ thuật có tính tổ chức và nội dung phát triển cao, hiện nay, đã mang định hướng tới cho con người qua quá trình sự tiến triển bản chất phi con người, lớn lao hơn điều gì ngày xưa đã đóng góp cho những thầy phù thủy. Điều gây ấn tượng nhất ở nay, là những sự thay đổi đã có được trong suốt hai thế kỷ vừa qua; khi một sự hiểu biết đúng đắn về tiến trình của cuộc sống và của những phương tiện đã gây ảnh hưởng tới những biểu hiện của nó, đúng là chỉ thuộc về chúng ta. Do thế, chúng ta đã không nhìn thấy được con đường của chúng ta còn đi xa hơn những sự tổng quát hóa; và chúng ta bị che mờ do chướng ngại của những phép loại suy sai lầm cùng những sự tiên đoán thô lậu. Nhưng Thiên văn học, Vật lý học, Hóa học, tất cả đều đã kinh qua những giai đoạn tương tự, trước khi đạt tới được giai đoạn mà anh hưởng của chúng đã trở nên một yếu tố quan trọng trong những công việc phải làm của con người. Sinh lý học, Tâm lý học, Đạo đức học, Khoa học chính trị, đều phải tuân theo cùng một tình trạng giống như thế. Vì thế đối với tôi dường như vô lý khi nghi ngờ là ở một thời kỳ xa xôi nào đó, chúng từng hành xử như một cuộc cách mạng lớn trong lãnh vực thực hành.

Thuyết tiến hóa không khuyến khích những dự đoán trước hàng ngàn năm nào. Nếu đối với nhiều triệu năm, quả đất của chúng ta đã tiến vào con đường đi lên, thì cũng vào một lúc nào đó, sẽ đạt tới đỉnh cao, và con đường đi xuống sẽ lại bắt đầu. Sự tưởng tượng táo bạo nhất cũng sẽ khó mà liều lĩnh cho rằng cái sức mạnh và trí thông minh của con người luôn luôn

có thể làm cho ngưng lại tiến trình của tháng năm vĩ đại.

Hơn thế nữa, bản chất của vũ trụ khoan thứ chúng ta, và theo nghĩa rộng, và cần thiết cho sự tồn tại của chúng ta, là thành quả của nhiều triệu năm huấn luyện khắt khe; nên thật điên rồ nếu tưởng tượng phải một vài thế kỷ mới đủ để khuất phục sự chế ngự của nó cho những mục tiêu đạo đức thuần túy. Bản chất đạo đức có thể hy vọng thanh toán kẻ thù dai dẳng và mạnh mẽ, chừng nào mà thế giới còn tồn tại. Nhưng mặt khác, tôi thấy không có giới hạn nào cho việc mở rộng trí thông minh và ý chí, được dẫn dắt bởi những nguyên lý lành mạnh của sự tìm tòi cùng được tổ chức trong nỗ lực chung, có thể biến đổi những điều kiện của cuộc sống, để cho một thời kỳ dài lâu hơn mà giờ đây đang bao trùm bởi lịch sử. Và nhiều điều cũng có thể được thực hiện để làm thay đổi bản chất của chính con người. Sự thông minh đã khiến cho người là anh em của chó sói lại trở thành người bảo vệ đáng tin cậy của bầy đoàn, cho phép có thể làm được điều gì đó nhằm hướng tới sự bẻ cong những bản năng hoang dã vào trong chính những con người văn minh.

Nhưng nếu chúng hy vọng đánh bại được sự xấu xa bản chất của thế giới, hơn là những gì đã từng có được trong thời kỳ mà sự hiểu biết chính xác, đã phải đương đầu với những vấn đề tồn tại, hơn là một thành tích của nhiều thế kỷ qua, tôi thấy đó dường như là một điều kiện thiết yếu của nhận thức về mối hy vọng mà chúng ta đặt ra một bên, khi ý niệm được việc thoát ly ra khỏi sự buồn khổ là mục tiêu chính của đời sống.

Từ lâu chúng ta đã thoát ra được cái thời ấu thơ khoa trương của giống nòi mình, khi "hân hoan chào đón" cả cái tốt và cái xấu những ý đồ thoát khỏi cái xấu, hoặc của Ấn Độ hay Hy Lạp, cũng đã phải chấm dứt cuộc chiến nơi bãi chiến trường; còn lại nơi mỗi chúng ta, là ném qua một bên sự tinh kiêu của tuổi trẻ, kể cả chán nản của tuổi vị thành niên. Chúng ta đang là những người lớn và phải chơi theo phong cách người lớn:

Mạnh mẽ trong ý chí

Nỗ lực tìm tòi, truy tìm, khám phá ra,

và không chịu dầu hàng khuất phục.

Nâng niu cái tốt đang có trong tầm tay chúng ta và gắng chịu đựng cái xấu đang có chung quanh chúng ta, với một trái tim can trường luôn muốn tìm cách để giảm thiểu nó. Để rồi chúng ta vẫn có thể tiến vào niềm tin cho tới một hy vọng:

Có thể là cái vịnh sẽ nhận chìm được chúng ta

Có thể là chúng ta sẽ đến được quần đảo của Hạnh phúc

...Nhưng có điều gì đó sai lầm vào lúc cuối

Có công việc ghi nhận cao cả nào đó, vẫn sẽ có thể được thực hiện.

21

Chế độ dân chủ *

JOHN DEWEY
(1859 - 1952)

Chế độ dân chủ mang ý nghĩa rộng lớn hơn nhiều so với một hình thái chính trị đặc biệt, một phương pháp xúc tiến cai trị làm luật, và thực hiện việc quản lý nhà nước bằng cách đầu phiếu phổ thông để chọn ra những viên chức làm việc. Tất nhiên, chế độ dân chủ còn rộng lớn hơn và sâu xa hơn thế. Chính trị và chính quyền của chế độ dân chủ chỉ là một phương tiện, phương tiện tốt nhất, được lập nên nhằm thực hiện những mục tiêu nằm trong phạm vi những mối quan hệ rộng lớn của con người và sự phát triển của nhân cách. Điều đó giống như chúng ta vẫn thường nói, có lẽ không thể đánh giá hết được tất cả mọi điều có liên quan, lối sống của cá nhân và xã hội. Yếu tố quan trọng của chế độ dân chủ giống như là một lối sống có thể được biểu hiện ra, và đối với tôi dường như đó là sự cần thiết cho việc tham gia của mọi con người chín chắn trong việc tạo thành các giá trị điều chỉnh cuộc sống của mọi người nói chung: nó cần thiết từ quan điểm phúc lợi xã hội chung cho đến quan điểm phát triển đầy đủ của con người như là những cá nhân.

Phổ thông đầu phiếu, các cuộc tuyển cử theo định kỳ, trách nhiệm của những cử tri và những yếu tố khác của chính quyền dân chủ, là những phương tiện được xem là thích hợp cho việc thực hiện dân chủ, như là cách sống thực sự của con người. Chúng không phải là một mục tiêu sau cùng hay một giá trị sau cùng. Chúng được phán đoán trên cơ sở sự đóng góp của chúng vào mục tiêu. Đó là một dạng của sự tôn thờ thần tượng, nhằm dựng lên những phương tiện nhắm vào các mục tiêu mà họ phụng sự. Những hình thái chính trị dân chủ chỉ là những phương tiện tốt nhất do trí tuệ của con người nghĩ ra trong một thời kỳ lịch sử đặc biệt. Nhưng chúng dựa trên ý tưởng là không có một người nào hay một tập thể hạn chế nào đủ khôn hay đủ tốt để cai quản những người khác nếu không có sự đồng ý của họ. Ý nghĩa tích cực của sự xác định

* Lời ngỏ trong tạp chí *Học đường và xã hội*, 1937.

này, là tất cả những người nào bị tác động bởi những thể chế xã hội, đều phải có sự góp phần trong việc tạo ra và quản lý chúng. Hai sự kiện mà mỗi sự kiện chịu ảnh hưởng của điều gì anh ta làm ra để thụ hưởng nó, và của điều gì thích hợp với những định chế anh ta sống trong đó. Vì thế, anh ta sẽ có được tiếng nói trong một chế độ dân chủ để định hình chúng. Đó là những khía cạnh tiêu cực và tích cực của cùng một sự kiện.

Sự phát triển của nền chính trị dân chủ diễn ra qua việc thay thế phương pháp số đông phải chịu phụ thuộc vào số ít bằng phương pháp tham vấn và đồng thuận lẫn nhau. Việc tổ chức xã hội kéo theo sự phụ thuộc cố nhiên được duy trì bằng việc cưỡng chế. Việc cưỡng chế không nhất thiết là vật chất. Đã từng có những thời kỳ ngắn tồn tại chế độ chuyên chế nhân từ. Nhưng thật sự đã có một số loại cưỡng chế nào đó, có lẽ là có cưỡng chế kinh tế, và chắc chắn là có cưỡng chế tâm lý và tinh thần. Chính sự kiện rút khỏi sự tham gia, là một biện pháp khôn ngoan của sự hủy bỏ. Nó không cho những cá nhân có cơ hội phản ảnh và quyết định có lợi cho riêng mình. Hình thức cưỡng chế và sự hủy bỏ này là khôn ngoan hơn và hiệu quả hơn là đe dọa và bức bách lộ liễu. Khi nó đã trở nên thông thường và đã gắn vào thể chế xã hội, thì dường như nó cũng là những công việc bình thường và tự nhiên của nhà nước. Quần chúng vẫn thường không ý thức việc họ có quyền đòi hỏi sự phát triển quyền lực của chính họ. Kinh nghiệm của họ rất hạn chế, đến nỗi họ cũng không có ý thức nào về sự hạn chế đó. Nó là một phần của khái niệm dân chủ, mà họ như là những cá nhân không phải là những người chịu thiệt hại duy nhất, mà toàn bộ tổ chức xã hội bị lấy đi tiềm năng để lại phục vụ cho chính xã hội đó. Những cá nhân bị đám đông quần chúng nhận chìm này không thể quá khôn ngoan. Nhưng có một điều có thể là họ khôn ngoan hơn bất cứ người nào khác.

Nền tảng của chế độ dân chủ là niềm tin vào những khả năng nơi bản chất con người, niềm tin vào trí thông minh, và vào sức mạnh của kinh nghiệm đã được chuyên sâu và phối hợp. Không thể cho rằng những điều ấy là hoàn thiện, nhưng vẫn có một điều nào đó chứng tỏ chúng sẽ phát triển và có khả năng làm nảy sinh tăng dần sự hiểu biết và sự khôn ngoan cần thiết, để hướng dẫn hành động chung. Mọi kế hoạch chuyên chính và độc đoán trong hoạt động xã hội dựa trên niềm tin rằng trí thông minh bị giới hạn trong một số ít người cao cấp vì họ là những tài năng bẩm sinh tự nhiên, đã được ban cho cùng với năng lực và quyền chỉ đạo hành động cho người khác, nhằm thiết lập ra những nguyên lý và những quy tắc, và hướng dẫn những phương cách phải được thực hiện. Thật là điên rồ nếu chối bỏ việc nhiều người có thể phê phán quan điểm này. Đó là điều đã kiểm soát những mối quan hệ của con người trong những nhóm xã hội, chiếm phần lớn trong lịch sử nhân loại. Niềm tin về chế độ dân chủ đã nổi lên rất mạnh, và cũng chỉ vừa mới đây trong lịch sử nhân loại. Ngày nay, ngay cả ở những nơi mà chế độ dân chủ hiện diện thì đầu óc và tình cảm con người vẫn còn có những ý tưởng về sự lãnh đạo bó buộc từ trên xuống, những ý tưởng đã phát triển từ xa xưa suốt thời kỳ lịch sử đầu tiên của loài người. Sau khi những thể chế chính trị của chế độ dân chủ đã có mà niềm tin và cách nhìn đời sống cũng như hành động của nam giới và phụ nữ vẫn bị bên ngoài kiểm soát, và bị đặt dưới quyền lực độc đoán, vẫn còn tồn tại trong gia đình, trong giáo hội, trong việc làm và trong trường học, và kinh nghiệm chỉ ra cho thấy nó sẽ vẫn cứ mãi tồn tại như thế, thì chế độ dân chủ vẫn không bảo đảm, mà chỉ có trên danh nghĩa mà thôi.

Niềm tin vào sự bình đẳng là một yếu tố của tín điều dân chủ. Tuy vậy, đó không phải là niềm tin vào sự bình đẳng của

các tự nhiên. Những người nói lên ý tưởng về sự bình đẳng, không có nghĩa họ nói về một học thuyết mang tính tâm lý học, mà là một học thuyết chính trị và pháp luật. Mọi cá nhân có quyền được đối xử bình đẳng trước pháp luật và trong việc thi hành pháp luật. Mỗi người có ảnh hưởng ngang nhau về chất lượng mà không phải về số lượng, theo thể chế anh ta có quyền ngang nhau trong việc thể hiện ý kiến của mình, dù sức nặng ý kiến của anh ta có thể không ngang bằng về số lượng khi ý kiến ấy được đưa vào kết quả chung với ý kiến của những người khác. Tóm lại, cá nhân mỗi người đều bình đẳng, và có cơ hội đồng đều trong việc phát triển khả năng của mình, dù khả năng ấy lớn hay nhỏ. Hơn thế, mỗi một người đều có những nhu cầu của riêng mình, chỉ có ý nghĩa đối với chính mình, cũng như người khác cũng có những nhu cầu của riêng họ và có ý nghĩa đối với họ. Chính sự kiện bất bình đẳng về tự nhiên và tâm lý, đều là lý do để luật pháp thiết lập sự bình đẳng cho cơ hội, bởi vì nói khác đi thì sự bất bình đẳng đã trở nên phương tiện cho tình trạng áp chế những người kém năng lực hơn.

Trong khi cái mà chúng ta gọi là trí thông minh, không được phân bố đồng đều, thì chính niềm tin vào chế độ dân chủ mới đủ đảm bảo cho mỗi cá nhân có cái gì đó để đóng góp. Giá trị đóng góp của họ có thể được thừa nhận, chỉ khi nào giá trị ấy tham gia vào sự hiểu biết chung sau cùng được tạo nên từ những đóng góp của tất cả. Trái lại, mỗi một kế hoạch độc đoán mà giá trị của nó có thể được thừa nhận bởi một nguyên lý *có sẵn* nào đó. Nguyên lý ấy nếu không phải của gia đình và dòng dõi, hay của chủng tộc và màu da, hoặc sở hữu tài sản vật chất giàu có, thì cũng nhờ vào vị thế và địa vị của người có uy thế trong xã hội. Niềm tin vào chế độ dân chủ về sự bình đẳng là niềm tin mà mỗi một cá nhân đều sẽ có sự may mắn và cơ hội để đóng góp một cái gì đó mà anh ta có thể đóng góp và là niềm tin mà giá trị đóng góp của người ấy được quyết định bởi vị trí và chức vụ của mình trong một tổng thể có tổ chức của những đóng góp tương tự, mà không dựa trên cơ sở của cơ chế tiền định thuộc bất cứ loại nào.

Tôi nhấn mạnh về cái quan trọng hàng đầu trong việc thể hiện hiệu lực của trí thông minh trong mối quan hệ với kinh nghiệm cá nhân trong cách sống dân chủ. Tôi đã làm như thế một cách cố ý, bởi vì chế độ dân chủ vẫn thường như thế, và thường hợp sức rất tự nhiên với sự tự do của hành động, mà coi thường sự quan trọng của sự hiểu biết đã được giải phóng vốn cần thiết để hướng dẫn và bảo đảm cho sự tự do của hành động. Trừ phi sự tự do của hành động cá nhân có biểu hiện hầu như chắc chắn dẫn tới lộn xộn và vô trật tự. Ý tưởng về tự do của chế độ dân chủ không đúng khi mỗi cá nhân *làm* điều mình thích dù khi đã thêm vào "miễn là anh ta không can thiệp vào tự do của người khác". Khi ý tưởng không phải luôn luôn đủ từ ngữ để biểu hiện thì tự do nền tảng chính là tự do *tinh thần* và tự do của bất cứ mức độ nào trong hành động và kinh nghiệm vẫn cần thiết tạo ra sự tự do của sự hiểu biết. Những kiểu tự do đã được bảo đảm trong Tuyên ngôn Nhân quyền, là tất cả nội dung này: Tự do tín ngưỡng và ý thức, tự do biểu lộ ý kiến, tự do hội họp và hội nghị, tự do báo chí như là một bộ phận của truyền thông. Chúng phải được bảo đảm, bởi vì nếu không có chúng, thì những cá nhân sẽ không có tự do để phát triển, và xã hội sẽ thiếu những gì mà chúng có thể góp phần mang lại.

Có loại chính quyền mang tính chất làm chủ, người ta cùng nhau hành động đối với bất cứ công việc nào liên quan đến họ. Đó là một quan điểm nông cạn như chính quyền ở tại Washington và Albany. Có sự cai quản như thế trong gia đình, trong kinh doanh, trong giáo hội, hay trong mọi nhóm xã hội. Sắc lệnh đạo luật hoặc phong tục

sẽ điều chỉnh để những cá nhân trong nhóm cần phải xử lý như thế nào trong mối quan hệ lẫn nhau.

Đó là một vấn đề lý thuyết lẫn thực tế đứng dậy tranh cãi cho tới đúng mức độ nào đó mà một nền chính trị dân chủ có thể sẽ phải ở trong sự kiểm soát của những điều kiện hành động trong các nhóm đặc biệt. Ví dụ, trong thời hiện nay chẳng hạn, có những người vẫn còn cho rằng những chính quyền liên bang và tiểu bang hãy còn dành quá nhiều quyền tự do hành động độc lập cho những nhóm tài chính và công nghiệp, còn những người khác thì lại cho rằng chính quyền nói chung đi quá xa trong thời hiện nay. Tôi không muốn thảo luận phương diện này của vấn đề, cũng chẳng cần phải cố gắng nhằm giải quyết nó. Nhưng cần phải vạch ra rằng nếu các phương pháp điều chỉnh và quản trị đang thịnh hành trong sự quản lý của những nhóm xã hội thứ hai là dân chủ trực tiếp hay gián tiếp, hay là cả hai đều thế, thì cần có sự ràng buộc để cho một phản ứng không thuận lợi phải lui về trong thói quen của tình cảm, tư tưởng và hành động của công dân, trong ý nghĩa rộng rãi nhất của từ ngữ đó. Con đường mà trong đó bất cứ lợi ích của một xã hội có tổ chức nào vẫn được kiểm soát một cách cần thiết luôn đóng vai trò một phần quan trọng trong việc tạo những điều kiện, những thị hiếu, những thái độ, những lợi ích, những mục tiêu, và những ham muốn của những người đã đi vào việc tiếp tục thực hiện những hoạt động của nhóm. Để minh chứng, không gì hơn, tôi chỉ ra hiệu quả về mặt đạo đức, cảm xúc, và trí tuệ, cả giới chủ và giới thợ trong hệ thống công nghiệp hiện thời. Chính cái gì mà những hiệu quả đặc biệt là một vấn đề mà chúng ta còn biết rất ít. Nhưng tôi cũng giả thử là mọi người đã từng suy nghĩ trên chủ đề đó, thì cũng chấp nhận là có thể những tính cách cho những hoạt động được tiếp tục thực hiện đối với một phần lớn hơn những giờ giấc trong ngày; và cái cách mà trong đó phần của những cá nhân được bao hàm trong sự quản lý những công việc thuộc một vấn đề như thế, như để kiếm một cuộc sống, cùng đạt tới được sự an toàn xã hội và vật chất, có thể cũng không là gì hơn một yếu tố rất quan trọng trong sự hình thành những điều kiện cá nhân, hay nói gọn, là việc tạo thành các tính cách và trí thông minh.

Trong ý nghĩa rốt ráo sau cùng, thì mọi định chế mang tính giáo dục, có nghĩa chúng vận hành để tạo ra những thái độ, những điều kiện, năng lực, và những sự vô khả thi cấu tạo nên một nhân cách cụ thể. Nguyên lý áp dụng, với một sức mạnh đặc biệt dành cho trường học. Bởi vì nó là công việc chính yếu của gia đình và của học đường là gây ảnh hưởng trực tiếp tới việc hình thành và phát triển thêm những thái độ và những tính khí về cảm xúc, trí tuệ và đạo đức. Cho dù tiến trình giáo dục này được thực hiện theo một cách thức dân chủ hay không dân chủ một cách nổi bật, đôi khi nó vẫn trở thành một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt vượt lên trên, không chỉ cho chính giáo dục mà còn cho cả hiệu lực sau cùng đối với mọi lợi ích và hoạt động của xã hội mà nó được gắn vào với cách sống dân chủ...

Có một số hệ luận giúp soi tỏ ý nghĩa vấn đề này. Sự thiếu tham gia luôn có chiều hướng dẫn tới sự thiếu lợi ích và sự quan tâm trên phần những điều gì đó bị phong bế. Kết quả là một sự thiếu sót tương ứng về mặt trách nhiệm hữu hiệu. Một cách tự động và vô ý thức, nếu nó không có ý thức, thì tình cảm phát triển "điều này chẳng hề là một công việc của chúng ta; mà đó là công việc của người đứng đầu; và cứ hãy để cho thiên hạ làm điều gì mà thiên hạ cho là cần thiết". Những xứ sở mà trong đó chính phủ tự trị nổi bật lên, thì đúng là những xứ có ít tinh thần công cộng, và việc quá dững dưng những vấn đề chung, là tính chất khác biệt với sự quan tâm cá nhân. Liệu chúng ta có thể mong đợi một loại Tâm lý học khác, để thúc đẩy những thầy cô

giáo không? Nơi đâu ít có quyền lực, thì nơi đó cũng có ít ý nghĩa tương ứng về vị trí trách nhiệm đủ để làm điều gì mà người ta bảo phải làm, cũng đủ tốt để nhằm thoát khỏi sự chú ý mà rõ ràng là không thuận lợi. Đối với những vấn đề rộng lớn hơn, một tinh thần thụ động lại xảy ra. Trong một vài trường hợp, sự dừng dưng cũng dẫn tới việc né trách trách nhiệm, khi không ở trực tiếp dưới mắt của người cai quản; trong những trường hợp khác, một tinh thần chống đối, phản kháng lại xảy ra...

Cũng còn sự thật là việc không có năng lực để đảm nhận các trách nhiệm bao gồm trong việc phải có một tiếng nói trong việc hình thành các chính sách đã được nuôi dưỡng và củng cố bởi những điều kiện mà trong đó trách nhiệm kia bị phủ nhận. Tôi giả sử chẳng bao giờ có một kẻ chuyên quyền lớn hay nhỏ trong việc định hình các chính sách vì hắn ta không điều chỉnh hành vi không thích hợp của mình, những chủ đề mà mình tham dự trong chính quyền... Điều gì mà lý luận về dân chủ bao hàm, là cách tốt nhất để tạo nên sức mạnh cho sáng kiến và tinh thần xây dựng nhằm thực hành nó. Sức mạnh cũng như lợi ích được đưa tới bằng việc thực hành và sử dụng. Hơn thế, lý luận về sự không có năng lực cũng đã chứng minh rất nhiều. Nếu sự không có năng lực đủ lớn để tạo ra được một cản ngại thường xuyên, thì những nhà giáo cũng không thể nào được trông đợi có sự thông minh và kỹ năng cần thiết để thực hiện những hướng đi đã được trao cho họ. Nhiệm vụ tế nhị và khó khăn của sự phát triển tính tình và năng lực phán đoán tốt, nằm trong yêu cầu của thanh niên có thể có được mọi sự kích thích và cảm hứng. Có thể công việc không trở nên tốt hơn, nên khi các thầy giáo đã hiểu được điều gì họ đang làm, cần phải đến từ phần trách nhiệm trong việc chia sẻ việc tạo thành và hướng dẫn các ý tưởng của họ.

Nhưng niềm tin và các việc thực thi cơ bản về dân chủ giờ đây bị thách thức, như thể chưa từng bao giờ trải qua trước đó. Trong một số quốc gia nền dân chủ còn bị thách thức hơn nữa. Chúng bị tàn phá một cách thô bạo và có hệ thống. Mọi nơi đều có những làn sóng phê bình và nghi ngờ là liệu nền dân chu có thể gặp những vấn đề cấp bách hay không về trật tự và sự an toàn. Những nguyên nhân của sự tàn phá nền chính trị dân chủ ở trong những nước mà nền dân chủ được xây dựng nên một cách danh nghĩa là rất phức tạp. Nhưng có một điều tôi suy nghĩ, là chúng ta có thể nào chắc chắn như thế không. Bất cứ nơi đâu xảy ra điều đó, thì bản chất đó là nền chính trị. Nền dân chủ đã không trở nên một phần máu thịt của nhân dân. Những hình thức dân chủ đã được hạn chế vào trong Quốc hội, những cuộc đầu phiếu, và những cuộc đấu tranh giữa các đảng phái. Điều gì đang xảy ra đã chứng minh một cách thuyết phục, mà theo tôi nghĩ, trừ phi những tập quán dân chủ về tư tưởng và hành động là phần chính yếu trong huyết mạch của một dân tộc, còn ngoài ra nền dân chủ là không an toàn. Nó không thể đứng riêng một cách biệt lập. Nó phải được củng cố do sự hiện diện của những phương pháp dân chủ trong mọi mối quan hệ xã hội. Những quan hệ tồn tại trong các thể chế giáo dục chỉ quan trọng thứ hai trong mối quan hệ này, đối với những điều gì hiện hữu trong công nghệ và doanh nghiệp, mà có lẽ cũng không phải ngay cả công nghệ và doanh nghiệp.

22

Khái niệm về pháp luật [*]

ROSCOE POUND
(1870 - 1964)

Vì ý tưởng pháp luật nhắm tới điều gì được bao hàm rất rộng rãi trong ý tưởng bản chất của pháp luật là gì, nên một nghiên cứu ngắn gọn ý tưởng bản chất của luật pháp từ quan điểm này vẫn sẽ rất có ích. Có thể được phân biệt không ít hơn mười hai khái niệm về pháp luật là gì.

Trước hết, chúng ta có thể cho một ý tưởng về một nguyên tắc đã được quy định một cách huyền vi, hay là một tập hợp các nguyên tắc hướng dẫn hành động con người, chẳng hạn như luật Hồi giáo, hay luật Hamurapi, đã gắn con người với thần mặt trời, hay luật Manu do con trai Bhrigu của Manu đã nói với những nhà hiền triết.

Thứ hai, có một ý tưởng về luật, như truyền thống của những tập tục cũ chứng tỏ là có thể chấp nhận được đối với các vị thần, và do thế mà vạch ra con đường cho con người có thể đi trên đó một cách an toàn. Đối với người nguyên thủy, bị vây bọc giữa những điều gì dường như đầy thù nghịch, và những quyền lực luôn luôn thay đổi của tự nhiên, nên họ sợ hãi liên tục, khi làm điều gì đó xâm phạm đến những quyền lực này. Sự an toàn chung đòi hỏi con người không chỉ phải thực hiện những sự việc này, và thực hiện chúng cũng chỉ trong sự bó buộc của tập tục đã có từ lâu để ít nhất cũng không làm phật lòng các thần linh. Luật là mệnh lệnh truyền thống đã được chép lại, trong đó tập tục đã được lưu giữ và thể hiện. Bất cứ khi nào chúng ta tìm thấy một luật lệ nguyên thủy, chứa đựng truyền thống giai cấp, bởi một quả dầu chính trị, thì nó cũng giống như cái suy nghĩ ngay trong phương cách này, đúng như một luật lệ của truyền thống tương tự ở trong nhà kín của một phái tu hành, chắc chắn phải được suy nghĩ tới như là đã được mặc khải một cách thiêng liêng.

Thứ ba, ý tưởng có liên quan gần gũi với việc thừa nhận đối với luật, như là một sự khôn ngoan đã được ghi lại từ những con người già khôn ngoan, mà họ đã học được trong một tiến trình an toàn, hay trong một tiến trình đã được thừa

[*] Phần lớn của Chương 2 của *Dẫn nhập vào Triết học Pháp luật* (1922)

nhận một cách thiêng liêng đối với hành vi con người. Khi một tập tục truyền thống về quyết định, và về hành động, đã được giản ước thành văn tự trong một tập điều luật cổ sơ, thì nó có vẻ như vẫn được suy nghĩ theo cách này, và Demosthene trong thế kỷ thứ tư trước Công nguyên, cũng đã có thể mô tả luật của thành A-ten trong những cách thức giống như thế.

Thứ tư, luật có thể được nhìn nhận như một hệ thống các nguyên tắc đã được khám phá, mang tính triết học, biểu hiện bản chất của các sự vật, và do thế giúp người ta có thể thích ứng được các hành vi của mình. Như thế, chính ý tưởng đó, mà Ban pháp chế La Mã đã ghép được vào với những ý tưởng thứ hai và thứ ba, và thành một lý thuyết chính trị về pháp luật giống như thể việc điều khiển nhân dân La Mã, nhưng cũng hòa giải được với họ, bằng việc thừa nhận sự khôn ngoan truyền thống và sự chỉ huy người dân giống như là những tuyên ngôn, hay những phản ánh về những nguyên lý đã được công nhận về mặt triết học, để rồi được đánh giá, hình thành, giải thích, và được tăng cường thêm. Trong tay những nhà triết học, khái niệm đó vẫn được tiếp tục, và thường còn có một dạng khác, do thế mà dạng thứ năm, luật pháp được nhìn nhận như một tập hợp những điều xác nhận và những nội dung tuyên bố của bộ luật tinh thần bất biến và vĩnh cửu.

Thứ sáu, có một ý tưởng về luật như một vật thể về những thỏa thuận của con người trong một xã hội có tổ chức về chính trị, cũng như các mối quan hệ lẫn nhau của họ. Đây là một nội dung dân chủ trong việc xác định luật pháp, với những nguyên tắc của luật, và do đó với những khuyến khích và những quy định của quốc gia thành bang đã được thảo luận trong tác phẩm Minos của Plato. Chẳng phải tự nhiên mà Demosthene đã gợi nó lên trong một Ban Hồi thẩm của thành Athenes. Rất giống với một lý thuyết như thế, một ý tưởng triết học phải ủng hộ ý tưởng chính trị và gắn liền với nghĩa vụ đạo đức trong đó về một sự hứa hẹn phải được bao hàm trong đó, để cho thấy được tại sao con người cần phải giữ gìn những thỏa thuận đã được thực hiện trong những cuộc hội họp nhân dân của họ.

Thứ bảy, luật được xem như một phản ánh của lý luận thần thánh cai quản vũ trụ; một sự phản ánh của cái phần xác định là "cần phải" bởi lý luận mà con người như là những thực thể đạo đức, để phân biệt với "phải" được dùng cho những tạo vật còn lại. Đó chính là khái niệm của Thomas d'Aquinas, đã có một tác động lớn cho tới thế kỷ mười bảy, và cũng đã có nhiều ảnh hưởng kể từ đó.

Thứ tám, luật được nhận thức như một tập hợp các mệnh lệnh của quyền tối cao trong một xã hội đã được tổ chức chính trị, theo một cách nào đó mà con người sẽ hành động theo ý muốn của chính họ, được căn cứ sau cùng trên bất kỳ các cơ sở nào vốn đã có ở đàng sau quyền lực tối cao đó. Những nhà hội thẩm của La Mã đã nghĩ như thế về nền Cộng hòa, và về thời kỳ luật tự nhiên cổ điển. Và khi vị hoàng đế đã nắm quyền thống lĩnh dân La Mã, có quyền áp đặt lên trên họ những định chế của Justinia, có thể xem ý chí của hoàng đế có sức mạnh của một đạo luật. Một cách thức suy nghĩ như thế đã được sự đồng thuận của các luật sư hoạt động trong sự hậu thuẫn cho quyền lực triều đình trong vương triều tập trung của Pháp vào các thế kỷ thứ mười sáu và mười bảy, và qua đó chúng cũng đã đi vào trong công pháp. Điều đó dường như cũng phù hợp với hoàn cảnh của quyền tối cao của Quốc hội tại nước Anh sau năm 1688, và đã trở thành lý thuyết pháp luật chính thống tại Anh. Cũng vậy, nó có thể đã được làm cho phù hợp với một lý thuyết chính trị về quyền lực của nhân dân, trong đó người dân được suy nghĩ như vẫn tiếp nối theo quyền lực tối cao của Quốc hội trong cuộc Cách mạng tại Mỹ, hay của hoàng đế của Pháp tại cuộc Cách mạng Pháp.

Ý tưởng thứ chín của luật, như một hệ thống những lời giáo huấn mà kinh nghiệm con người khám phá ra, qua đó con người cá nhân sẽ có thể thực hiện quyền tự do đầy đủ nhất phù hợp với sự tự do ý chí của những người khác. Ý tưởng này dưới hình thức này, hay hình thức khác, theo từng trường phái lịch sử, đã phân chia sự trung thành của những nhà luật học với lý thuyết về luật pháp như sự thống lĩnh của quyền lực cai quản, trong hầu suốt thế kỷ vừa qua. Nó cho thấy kinh nghiệm con người đã được khám phá ra những nguyên tắc pháp luật được xác định theo một số phương pháp quen thuộc. Đó không phải là vấn đề nghĩa vụ của con người có ý thức. Tiến trình đó được xác định bởi sự triển khai một ý tưởng về quyền hạn và công lý, hay ý tưởng về sự tự do mà nó đã tự thực hiện trong sự quản lý của con người về mặt công lý, hay bằng sự vận hành của các luật sinh học và tâm lý học, hay về những đặc tính chủng tộc giòng, mà kết quả thiết yếu của nó là một hệ thống luật pháp thế tục.

Thứ mười, con người cho luật pháp như một hệ thống các nguyên lý, được khám phá về mặt triết học, và đã được phát triển chi tiết bằng các văn kiện pháp lý và quy định pháp luật, mà qua đó đời sống xã hội của con người được đo lường bởi lý trí, hay trong giai đoạn khác, qua đó ý chí của cá nhân trong hành động hài hòa với ý chí của những đồng bào của mình. Cách suy nghĩ này xuất hiện trong thế kỷ mười chín, sau khi lý thuyết luật thiên nhiên đã chiếm ưu thế suốt hai thế kỷ, đã bị bỏ đi, và triết học đã được viện dẫn để cung cấp một nhận định cho việc sắp xếp và phát triển có hệ thống các chi tiết đó.

Thứ mười một, luật đã được xem như là một vật thể, hay là một hệ thống các nguyên lý bó buộc mọi người trong xã hội, do giai cấp bên trên áp đặt một cách có ý thức hay vô ý thức vì quyền lợi của họ. Sự lý giải về mặt kinh tế như thế của luật mang nhiều hình thức. Trong một dạng mang tính duy tâm, nó cho rằng về chính sự triển khai không thể bỏ qua ý tưởng kinh tế. Trong mô thức xã hội cơ giới, nó cho đấu tranh giai cấp, hay một sự đấu tranh sinh tồn, trong những thuật ngữ của kinh tế và của luật, như là kết quả vận hành của những sức mạnh, hay các luật lệ được bao gồm ở trong đó, hay xác định về những sự đấu tranh như thế. Phân tích theo quan điểm thực nghiệm, còn cho luật như sự chỉ huy của nhà cai quản, nhưng sự chỉ huy đó như được xác định trong nội dung kinh tế của nó, bằng ý chí của giai cấp xã hội bên trên, mà đến lượt nó lại được xác định bởi lợi ích của chính nó. Tất cả những dạng này đều thuộc về sự chuyển tiếp từ sự ổn định của việc chín muồi của luật, để đi vào một giai đoạn mới của sự phát triển. Khi ý tưởng về sự tự được cho là đủ của luật, và người ta tìm cách liên hệ pháp chế với những khoa học xã hội khác, thì mối liên hệ với kinh tế cũng thách thức liền ngay đó. Hơn thế, trong một thời buổi mà lập pháp rất phong phú, luật lệ được khuyến khích thì dễ coi như loại giáo huấn pháp lý, và là một thí nghiệm nhằm đóng khung một lý thuyết về lập pháp, đã được vận dụng để nhằm quan tâm đến tất cả mọi luật pháp.

Cuối cùng thứ mười hai, có một ý tưởng xem luật như được làm ra từ các loại luật kinh tế hay xã hội, về hành vi của con người đối với con người trong xã hội, thể hiện trong những quy điều đã được hình thành qua kinh nghiệm của con người, về điều gì có thể làm và điều gì không được phép làm, phù hợp theo công lý. Loại lý thuyết này dường như thuộc về thời gian cuối Thế kỷ thứ mười chín, khi con người bắt đầu tìm kiếm những cơ sở vật lý và sinh học, và có thể đã được khám phá bằng suy tư triết học. Một dạng khác đã tìm thấy được một vài sự kiện xã hội tối hậu, nhờ việc quan sát và phát triển các nội dung về Luận lý học, theo cách thức của nhà pháp lý Siêu hình học. Điều này

là những kết quả của khuynh hướng hợp nhất các ngành khoa học xã hội, và sự quan tâm chú ý đối với các lý thuyết xã hội mới đây.

Các yếu tố chung nào mà chúng ta đã có thể tìm thấy của bản thân luật pháp trong mười hai hình ảnh như vừa nói? Một sự vật, mỗi cái vẫn chỉ ra cho chúng ta chỉ một hình ảnh về một số cơ sở tối hậu nào đó, ngoài ý chí cá nhân con người, và nó trụ lại nhanh chóng trong cơn lốc của sự thay đổi mà trong đó chính cuộc sống được tạo thành Cơ sở ổn định tối hậu cuối cùng có thể được nghĩ tới như là sự thích thú thiêng liêng, hay là ý chí hoặc là lý trí, hé lộ ngay, hay phải thông qua một bộ luật đạo đức bất biến đã được khải thị một cách huyền vi. Có thể đưa vào trong đó hình thức của một vài dữ liệu Siêu hình học tối hậu đã được mang lại cho chúng ta như thế, đến nỗi chúng ta có thể ở lại trong đó một cách vĩnh viễn. Nó có thể đã được khắc họa như những luật tối hậu nào đó, xác định một cách tất yếu hiện tượng hành vi của con người. Hay có thể miêu tả theo thuật ngữ về một số ý chí quyền lực nào đó, có thời gian và không gian cụ thể, khiến cho ý chí của những người khác phải chịu tuân phục, như là ý chí đem lại quyền lực sau cùng và tuyệt đối của nó, trong một số mô thức có trước nào đó, để cho cái gì đó mà nó tạo dựng, và nhất thiết không phải là một vấn đề may mắn. Điểm khởi đầu cố định và ổn định này, thường là đặc điểm mà trên đó điểm nhấn mạnh chủ yếu đã xác định được. Kế đến chúng ta sẽ tìm kiếm trong mọi lý thuyết về bản chất của luật cái bức tranh mang một dạng thức xác định, và tuyệt đối máy móc, của tiến trình đi từ một điểm xác định và khởi đầu tuyệt đối. Những chi tiết có thể đến từ điểm khởi đầu này, xuyên qua sự hé lộ thần thánh, hay là do truyền thống quyền uy, đã được lập nên hay được ghi lại, hay là một phương pháp luận lý hoặc triết học không thể né tránh, và không thể thất bại được, hay như một bộ máy của quyền lực chính trị, hay như một hệ thống quan sát khoa học, hay như những ý tưởng đã được điều chỉnh qua lịch sử, có thể đã được chứng minh một cách hợp lý cho các nội dung ý nghĩa của các dữ kiện siêu hình học căn bản có thể đã có được. Điều thứ ba, chúng ta sẽ nhìn thấy trong những lý thuyết này như một bức tranh về một hệ thống hành vi của con người một cách có trật tự, và những mối quan hệ điều chỉnh của con người, dựa trên một cơ sở sau cùng, và do chính tiến trình tuyệt đối rút ra từ đó. Nói khác đi, tất cả các bức tranh đó, không đơn thuần chỉ là một trật tự của hành vi con người và sự điều chỉnh của những mối quan hệ con người, điều mà hiện nay chúng ta đã xác nhận, mà còn là cái gì đó hơn thế, mà chúng ta có thể thích có được, hay nói đúng là một sự thực hiện những điều này theo một cách đã được định trước có tính cố định và tuyệt đối, và loại trừ mọi tình cảm chỉ mang tính cách cá nhân, hay những ham muốn của những con người mà bởi họ sự trật tự và sự điều chỉnh đó đã được thực hiện. Vì thế, trong những bức tranh siêu ý thức này về mục đích của luật, dường như được nhận thức như đang hiện hữu, nhằm làm thỏa mãn việc tìm kiếm sự an toàn chung về mặt xã hội..

Nếu chúng ta quay sang ý tưởng về mục đích của luật mà chúng ta ý thức được thì chúng ta có thể nhận thức được ba điều nền tảng trong lịch sử pháp lý, và cái thứ tư cũng đang bắt đầu tự khẳng định. Ý tưởng đầu tiên và đơn giản nhất, là luật pháp hiện hữu nhằm giữ gìn hòa bình trong một xã hội nhất định; giữ hòa bình ở mọi sự kiện, và bằng bất cứ giá nào. Đây là khái niệm về cái gọi là giai đoạn của luật pháp nguyên thủy. Nó nhằm thỏa mãn cho cái xã hội tìm kiếm sự an toàn chung, được xác định trong những điều kiện thấp nhất của nó, như là mục

tiêu của trật tự pháp lý. Đến mức độ nào đó pháp luật đã được áp dụng, thì những nhu cầu của cá nhân hay xã hội không được biết đến, hay phải bị hi sinh... Trong một xã hội được tổ chức trên cơ sở họ hàng dòng tộc, mà trong đó một số lớn hơn những nhu cầu của xã hội sẽ được chú ý bởi những tổ chức họ tộc, thì sẽ có hai loại nguồn gốc về sự cọ xát: sự cọ xác của những lợi ích họ hàng, hướng tới những tranh cãi của một người có quan hệ họ hàng với người ngoài, và với người không có sự quan hệ họ hàng nào cả, thì đối với họ cũng không có tổ chức họ hàng nào có trách nhiệm, nên cũng chẳng có một tổ chức họ hàng nào đứng dàng sau anh ta trong việc xác nhận những yêu sách của anh ta. Hòa bình giữa những người bà con, hòa bình giữa những người trong bộ tộc, và đám quần chúng đang phát triển, của một dân cư không tử tế, là nhu cầu xã hội không được thỏa đáng, mà một xã hội được tổ chức về mặt chính trị cần phải biết quan tâm đến. Hệ thống những người bà con đã được tổ chức, dần dần cũng vỡ ra. Những nhóm của những người bà con hết còn là những đơn vị xã hội nền tảng nữa. Sự tổ chức theo họ hàng được thay thế bằng sự tổ chức chính trị, khi cơ quan đầu tiên cho sự kiểm soát xã hội. Công dân tự do, hay con người tự do trở thành đơn vị pháp lý. Trong sự điều chỉnh chuyển tiếp này của sự tự đứng lên lại, và sự ngăn ngừa cuộc chiến riêng tư trong số những người không được những tổ chức đoàn nhóm mạnh mẽ nào, điều khiển hoặc đáp ứng yêu cầu an toàn nói chung. Những phương tiện làm thỏa mãn những nhu cầu xã hội này lại được tìm thấy trong một trật tự pháp lý được nhận thức bởi những thuật ngữ của việc gìn giữ hòa bình.

Những nhà triết học Hy Lạp đã nhận thức được về sự an toàn chung bằng lời lẽ rộng lớn hơn, và hiểu mục đích của trật tự pháp lý là giữ gìn hiện trạng xã hội. Họ cũng hiểu rằng việc gìn giữ an toàn chung một cách trực tiếp phải thông qua an toàn của những định chế xã hội. Họ cho rằng về luật như một công cụ có khả năng giữ được mỗi người ở trong vị trí đã được chỉ định trong xã hội, và như vậy ngăn chặn sự xung đột của anh ta với những người khác. Người ta nhấn mạnh đức hạnh là một *sophrosyne* [sự tự kiềm soát], là những giới hạn do thiên nhiên xác định cho hành vi con người. Tật xấu mà người ta công khai lên án là tính chất *hybris* [sự kiêu căng], cố tình phá bỏ các mối quan hệ - tức vi phạm có ý thức những mối quan hệ xã hội đã được thiết lập. Cách suy nghĩ này tiếp theo sau việc thay thế tổ chức xã hội theo kiểu chính trị quốc gia thành bang của xã hội được tổ chức dựa trên họ hàng. Tổ chức xã hội theo mối quan hệ họ hàng vẫn hãy còn sức mạnh. Một mặt xã hội quý tộc được tổ chức theo họ hàng, và theo ý thức bà con, và một đám đông quần chúng của những người đã bị mất đi, hay là đã bị căng thẳng mối quan hệ họ hàng của họ, hay đã đi tới từ chỗ không còn có gì, mặt khác, là sự đấu tranh liên tục nhằm để thống lĩnh xã hội và chính trị. Nhu cầu chính của xã hội mà không một định chế xã hội nào khác có thể thỏa mãn nói chung, chính là sự an toàn của những định chế xã hội. Việc duy trì *hiện trạng* xã hội, đã trở nên quan niệm chính về mục tiêu của pháp luật của Hy Lạp rồi La Mã, và thời kỳ Trung cổ.

Sự quá độ từ ý tưởng luật pháp như một công cụ để giữ hòa bình, cho đến ý tưởng luật pháp như một công cụ để giữ gìn hiện trạng xã hội, có thể được nhận ra được trong mệnh đề của Heraclitus, cho rằng con người cần phải đấu tranh cho pháp luật của họ cũng như cho những bức tường đô thị của họ trong tư tưởng của Plato. Gìn giữ trật tự xã hội thông qua luật pháp cũng đã phát triển đầy đủ. Trật tự xã hội thực sự tuyệt nhiên không phải là cái gì cần phải có. Con người luôn phải được sắp xếp lại, và mỗi người đều

đã được chỉ định vào một giai cấp mà nó thích hợp nhất. Nhưng một khi sự sắp xếp và sự chỉ định đã hình thành, thì pháp luật nhằm giữ anh ta ở vị trí đó. Nó không phải là công cụ để làm cho anh ta tự do, nhưng ở mức độ nào đó anh ta có thể tìm thấy chính mình bởi sự cạnh tranh tự do với những người khác, và bởi kinh nghiệm về tự do với các quyền lực tự nhiên của anh ta. Đó là một công cụ để ngăn cản những hỗn loạn như thế của trật tự xã hội, bằng cách giữ cho mỗi cá nhân phải làm theo đúng vị trí đã được chỉ định. Aristote đã đạt tới cùng ý tưởng đó theo một cách khác, và ông xác nhận công lý là một điều kiện mà trong đó mỗi một người phải được giữ trong phạm vi đã được chỉ định của mình; và chúng ta trước hết phải chú trọng tới những mối quan hệ của sự không công bằng, nhằm giúp những cá nhân hành xử sao cho phù hợp với giá trị của chính họ; và rồi cái thứ hai trong những mối quan hệ về sự công bằng trong những giai cấp, mà trong đó những giá trị của họ đòi hỏi phải được chỉ định. Khi St. Paul cổ vũ việc những người vợ phải tuân phục chồng của họ, những tôi tớ phải vâng phục ông chủ của họ, và có như thế thì mọi người mới tự mình hành xử theo đúng bổn phận của mình, cái bổn phận mà trật tự xã hội đã đặt để ràng buộc anh ta, thì chính ông đã biểu hiện ý niệm này của người Hy lạp về mục đích của luật.

Những luật sư La Mã đã đưa các quan niệm triết học Hy Lạp vào trong lý thuyết pháp luật. Với ba quy điều nổi tiếng mà pháp luật đã đúc kết nó thành những Định chế của Justinian, cũng như vậy: Mọi người sống có danh dự; anh ta được "gìn giữ các giá trị luân lý trong chính con người của anh ta" bằng sự thích ứng với những quy ước của trật tự xã hội. Mọi người phải tôn trọng nhân cách của người khác; anh ta không được can dự vào những lợi ích và những quyền hành động của người khác đã được trật tự xã hội thừa nhận đã tạo thành nhân cách của họ theo pháp luật. Mọi người có nghĩa vụ mang lại cho mọi người khác cái của chính họ: phải tôn trọng những quyền đã thu đắc của người khác. Hệ thống xã hội xác định sự vật nào đó thuộc về mỗi cá nhân. Công lý được định nghĩa trong những thể chế như là khuynh hướng và mục đích thường xuyên của việc làm cho người ấy có những sự vật này. Nó bao gồm việc mang chúng đến cho người ấy, và cả trong trường hợp không liên can tới sự sở hữu chúng, và người ấy được dùng chúng trong những giới hạn xác định. Đây là một sự phát triển pháp lý của ý tưởng Hy Lạp về việc duy trì tính hài hòa trong *hiện trạng* của xã hội...

Thời Trung cổ, ý tưởng sơ khai của luật như đã được xác định, chỉ nhằm giữ vững hòa bình, đã có từ luật của nước Đức. Nhưng sự nghiên cứu luật La Mã hiện thời vẫn xoay quanh nội dung của luật La Mã theo quan điểm của Hy Lạp, và trật tự pháp lý một lần nữa lại được suy nghĩ như điều gì đó không phải chỉ như một sự duy trì trật tự về *hiện trạng* của xã hội. Quan niệm này đã đáp ứng được các nhu cầu của xã hội thời Trung cổ, trong đó con người có vẻ nổi bật với sự vô chính phủ và bạo lực trong những mối quan hệ nhằm phục vụ và bảo vệ cho tổ chức xã hội vẫn xếp hạng con người theo những điều kiện của những quan hệ như thế, cùng đòi hỏi họ phải gắn với các nhiệm vụ như đã được xác định. Nơi đâu người Hy Lạp cho là một xã hội ổn định, thì nơi đó đã hiệu chỉnh dần dần qua thời gian, với việc xem xét đến bản chất hay lý tưởng của nó, và thời Trung cổ vẫn cho rằng một xã hội ổn định là xã hội dựa trên quyền lực và được xác định bởi tập quán hay truyền thống. Đối với mỗi xã hội, luật là hệ thống những quy điều đang tồn tại, nhằm duy trì bản thân xã hội ổn định này giống như nguyên trạng mà nó đã có.

Trong trật tự xã hội phong kiến, những bổn phận hỗ tương bao gồm những mối quan hệ được thiết lập bởi truyền thống

và được giữ ổn định trên quyền lực, là những thể chế pháp lý đầy ý nghĩa. Với sự tan rã dần dần của trật tự này, và sự quan trọng của cá nhân tăng dần lên trong một xã hội đã dấn sâu vào những việc khám phá, thực dân và thương mại, để bảo đảm những đòi hỏi của các cá nhân được tự khẳng định mình một cách tự do trong những lãnh vực hoạt động mới mẻ đã mở rộng thêm mọi mặt, đã trở nên một nhu cầu xã hội càng cấp thiết hơn, việc gìn giữ những thiết chế xã hội mà nhờ đó hệ thống những bổn phận hỗ tương đã được bó buộc, và những mối quan hệ bao gồm trong những bổn phận này đã được gìn giữ. Người ta đã không mong ước nhiều như thế, về việc những người khác thực hiện cho họ những bổn phận có được trong mối quan hệ nào đó, bởi vì những người khác cũng đã rút tay ra, khi họ đã thực hiện hoàn tất điều gì họ có thể làm cho chính họ, trong cái thế giới tiếp tục cung cấp những cơ hội mới cho những con người năng động và bạo dạn. Yêu cầu không còn lâu dài hơn nữa, những con người đó lại bị giữ cứng trong những vị trí đã được chỉ định của họ. Sự cọ xác và sự hoang phí đã được nói tới, không phải từ những người đã đi ra khỏi những vị trí này, mà từ những ý đồ giữ họ lại ở đó, bởi những phương tiện đáp ứng những nhu cầu của một trật tự xã hội khác, mà bởi đó họ đã được kích thích dưới sự bó buộc độc đoán và những quyền lực của họ, không được sử dụng trong sự khám phá và khai thác những tài nguyên của thiên nhiên, mà đối với nó, sức mạnh của con người đã được dồn vào đó suốt trong nhiều thế kỷ liên tiếp. Phù hợp với mục tiêu của luật pháp, đi tới chỗ nhận thấy một sự thực hiện có thể có được của việc tự khẳng định về quyền tự do tối đa của cá nhân.

Thời kỳ quá độ đối với phương cách mới hơn về mặt tư tưởng có thể được nhìn thấy nơi những nhà thần học pháp lý của Tây Ban Nha vào Thế kỷ thứ mười sáu. Lý thuyết pháp lý của họ là một trong những giới hạn hoạt động tự nhiên trong mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau, tức là những giới hạn đối với hoạt động của con người biểu hiện trong lý tưởng thuần lý của con người như một tạo vật đạo đức, và lý trí áp đặt lên con người. Lý thuyết này dị biệt một cách có ý nghĩa với các ý tưởng của thời cổ, mặc dù nó vẫn được mang cái tên cổ xưa. Người Hy lạp cho rằng một hệ thống những hoạt động có giới hạn của con người trong một trật tự mà mỗi người có thể có được trong vị trí của mình thích hợp với bản chất của họ – cái vị trí mà trong đó có thể thực hiện được một mô thức lý tưởng theo năng lực của người ấy - và vì thế gìn giữ được trật tự xã hội như nó tồn tại, hay như nó sẽ có được, sau khi được tái sắp xếp. Những nhà luật học của Thế kỷ thứ mười sáu, của phong trào Chống Cải cách, đã cho rằng những hoạt động của con người phải bị hạn chế một cách tự nhiên, và do đó luật tích cực có thể sẽ giới hạn họ ở trong lợi ích của những hoạt động của người khác, bởi vì mọi người đều có sự tự do ý chí và khả năng tự hướng dẫn đến những mục tiêu có ý thức. Điều gì Aristote đã nghĩ tới các sự bất công, xuất phát từ sự khác nhau về giá trị của những con người cá nhân và những kha năng khác nhau của họ đối với những sự vật có liên quan tới trật tự xã hội, thì những nhà luật học này nghĩ tới một sự bình đẳng tự nhiên (tức là lý tưởng), đã bao gồm trong sự tự do giống như thế của ý chí, và trong quyền lực giống như thế của sự sử dụng có ý thức của những khả năng của mỗi người gắn với mọi người. Như thế luật không chỉ có hiện hữu để nhằm duy trì *nguyên trạng* của xã hội cùng với mọi sự hạn chế độc đoán của nó trên ý chí và trên việc sử dụng những quyền lực cá nhân; mà hơn thế, nó còn hiện diện nhằm duy trì sự bình đẳng tự nhiên thường vẫn bị đe dọa, hay là bị làm cho sai lạc đi bởi những hạn chế có tính truyền

thống trên hoạt động cá nhân. Bởi vì sự bình đẳng tự nhiên này được nhận thức một cách tích cực như một sự bình đẳng lý tưởng để thực hiện những sự việc trong các cơ hội; do thế có thể dễ dàng quan niệm tự xác định sự tự do cá nhân như là đối tượng sự vật tìm kiếm, và về trật tự pháp luật như hiện hữu nhằm làm cho đạt tới mức tối đa trong một thế giới đầy dẫy những tài năng chưa được khám phá hết, những đất đai chưa được khai thác, và những sức mạnh tự nhiên chưa được khống chế. Ý tưởng sau này đã ra đời trong thế kỷ mười bảy, và đã nổi bật trong hai thế kỷ sau đó, và lên tới đỉnh cao nhất trong tư tưởng pháp luật của thế hệ cuối cùng.

Luật pháp là sự bảo đảm cho tính bình đẳng tự nhiên đã trở thành, luật là sự bảo đảm cho những quyền tự nhiên. Bản chất con người thể hiện bởi một số các bản tính nào đó mà con người sở hữu trong tư cách là một tạo vật có đạo đức và có lý trí. Những giới hạn trong hoạt động của con người, mà những nhà pháp luật thần học Tây Ban Nha đã viết, đã có được sự bảo đảm từ những tính chất đạo đức vốn có của con người. Tính chất đạo đức ấy làm cho họ có quyền hạn đối với một số các sự việc nào đó. Đó là những quyền tự nhiên của họ, và pháp luật hiện hữu chỉ đơn giản là nhằm bảo vệ và nhằm mang lại hiệu lực cho các quyền này. Không có hạn chế nào đối với bất cứ một mục đích nào khác. Trừ khi chúng đã được bó buộc để đảm bảo các quyền của những người khác, mà con người tự nhiên hay con người lý tưởng cần nên làm, như một yêu cầu về mặt lý trí không hề có một sự thúc đẩy nào, và mọi người đều vẫn được để cho tự do. Trong Thế kỷ thứ mười chín, cách suy nghĩ này đã mang một sự sự chuyển biến siêu hình. Đối tượng sau cùng của những mục đích pháp lý là ý thức cá nhân. Vấn đề xã hội là sự hòa giải việc tranh chấp giữa các ý chí tự do của những cá nhân đang có ý thức xác nhận một cách độc lập ý chí của họ trong vô số các hoạt động của cuộc sống. Sự bình đẳng tự nhiên trở thành sự bình đẳng trong tự do của ý chí. Kant đã hợp lý hóa luật pháp trong những nội dung này, như một hệ thống của những nguyên lý hay những quy tắc phổ quát, nhằm áp dụng vào hành động của con người, mà trong đó ý chí tự do của người này có thể cùng tồn tại chung với ý chí tự do của mọi người khác. Hegel cũng đã hợp lý hóa luật pháp trong những nội dung này, như một hệ thống những nguyên lý mà trong đó, và do đó mà ý tưởng về sự tự do đã được thực hiện qua kinh nghiệm của con người. Bentham thì đã hợp lý hóa luật pháp như một nhóm các quy tắc, được quyền lực của nhà nước đặt ra và cưỡng chế, mà qua đó yêu cầu tối đa về mặt hạnh phúc được nhận thức trong những nội dung của sự tự khẳng định về tự do được bảo đảm cho mỗi cá nhân. Mục tiêu của nó là làm sao để có thể có được sự tối đa trong hành vi cá nhân tự do, là cốt yếu trong hành vi cá nhân tự do nói chung. Spencer thì hợp lý hóa luật pháp như là một tập hợp các nguyên tắc tạo nên "sự cai quản đời sống bởi người chết", qua đó con người tìm cách khuyến khích tự do của mỗi người nằm trong giới hạn tự do của mọi người. Trong bất cứ những cách thức nào, thì mục tiêu của luật vẫn là nhằm bảo đảm cái khả năng lớn nhất có thể có của sự tự xác định hành động của cá nhân nói chung; để cho con người được tự do làm mọi điều gì họ có thể làm giống như sự hành xử tự do mọi sự việc của người khác. Điều đó thực chất là một triết học về pháp luật của những người muốn khám phá, những kẻ thực dân, những kẻ đi tiên phong, những nhà buôn bán, những nhà kinh doanh, và những nhà công nghệ hàng đầu. Cho tới khi thế giới đã trở nên đông đảo, nó đã được sử dụng tốt để tránh va chạm, cổ vũ cho những sự khám phá rộng lớn nhất, và sự sử dụng những tài nguyên thiên nhiên phục vụ con người.

Ngược dòng lịch sử, quan niệm này đã thống quản những lý thuyết về mục tiêu của luật đã hơn hai trăm năm, và chúng ta cũng nên lưu ý là nó có ba công dụng. Trước hết nó đã được dùng như một phương tiện cho việc giải tỏa những hạn chế trên hoạt động kinh tế tự do đã được tích lũy trong suốt thời kỳ Trung cổ, như là các sự kiện của hệ thống những bổn phận có liên quan, và như những sự biểu hiện của ý tưởng về việc giữ con người ở đúng vào vị trí của họ trong một trật tự xã hội tĩnh tại. Mặt tiêu cực này đã giữ một phần quan trọng trong phong trào cải cách lập pháp ở Anh quốc trong thế kỷ vừa qua. Những nhà thực dụng Anh nhấn mạnh đến việc loại bỏ mọi hạn chế về hoạt động tự do của cá nhân, các hạn chế vượt ra ngoài những điều cần thiết để bảo đảm giống như sự tự do về phần những người khác. Theo như họ bảo điều này là mục tiêu của lập pháp. Lại nữa, nó đã được dùng như một ý tưởng kiến tạo, giống như trong các Thế kỷ mười bảy và mười tám, khi một luật thương mại mang lại hiệu lực như người ta mong muốn là xem xét không phải chỉ trong hình thức, và giải thích về sự an toàn tổng quát theo các thuật ngữ riêng về sự an toàn trong sự quản lý và tìm kiếm, nhằm hiệu quả hóa ý chí cá nhân, nhằm mang lại hiệu lực pháp lý đã được phát triển ra bên ngoài luật La Mã và tập tục của những thương gia thông qua những lý thuyết pháp lý của luật tự nhiên. Cuối cùng nó đã được dùng như một ý tưởng ổn định, vì trong nửa sau của Thế kỷ mười chín, khi người ta chứng minh luật là một điều tồi, cho dù đó là một điều tồi cần thiết, nên tạo ra ít luật lại càng tốt, bởi vì mọi luật lệ vẫn bao gồm trong đó sự bó buộc trên việc hành xử tự do của ý chí, và do vậy nhà luật học và người làm luật cần phải bằng lòng với yêu cầu phải làm cho các sự vật được mang tính pháp lý như chúng vốn có, và cho phép cá nhân được lấy việc "thể hiện trong sự tự do của chính mình đối với điều hạnh phúc hay bất hạnh của chính họ" làm cơ sở.

Khi giai đoạn cuối cùng trong sự phát triển ý tưởng về pháp luật này xuất hiện như để cổ vũ hay cho phép đến mức độ tối đa sự tự khẳng định của cá nhân tự do đã đạt tới được, thì những khả năng pháp lý của quan niệm này đã bị tắt cạn. Không còn có những lục địa nào để khám phá ra được nữa. Những tài nguyên thiên nhiên đã được tìm thấy và khai thác, cùng nhu cầu gìn giữ điều gì đó vì có giá trị. Những lực lượng tự nhiên đã được chế ngự cho con người sử dụng. Sự phát triển công nghệ đã đạt tới những quy mô rộng lớn, tổ chức cùng sự phân công lao động trong trật tự kinh tế của chúng ta cũng đã đi quá xa, đến nỗi người ta không còn có thể tự do đi xa hơn được nữa, hoặc làm một điều gì theo sự tưởng tượng không bờ bến và tham vọng táo bạo như một phương tiện để đạt thắng lợi. Mặc dù luật sư vẫn cứ tiếp tục lặp lại công thức xưa cũ, thì luật pháp lại đã bắt đầu chuyển động theo chiều hướng khác. Sự tự do của chủ sở hữu tài sản thực hiện trên đó bất kỳ điều gì anh ta thích, song dù thế người ấy vẫn không thể nào vượt qua được chính giới hạn của mình, hay gây nguy hiểm cho sức khỏe và an ninh của cộng đồng, cũng đã bắt đầu bị hạn chế. Thế nên, luật đã bắt đầu làm cho con người hành động một cách chủ động trên tài sản của mình, song phải trong những cách thức đã được chỉ định, mà ở đó phúc lợi chung sẽ bị nguy hiểm nếu không hành động. Sức mạnh tạo ra những hợp đồng bắt đầu bị giới hạn ở chỗ các điều kiện công nghệ đã tạo nên một sự tự do trừu tượng của việc thất bại hợp đồng, hơn là việc tiến tới đầy đủ về đời sống con người cá nhân. Sức mạnh của người chủ sở hữu trong việc sử dụng tự do tài sản của mình đã bắt đầu bị hạn chế để bảo đảm sự an toàn của những định chế xã hội về hôn nhân và gia đình. Sự tự do dấn thân vào trong những sự kêu gọi mang tính pháp lý, đến

lúc bị hạn chế chặt chẽ, và một tiến trình hoàn thiện của giáo dục và đào tạo bị lạm dụng bởi những người nào có thể dấn thân vào, do sợ rằng họ sẽ làm hại tới sức khỏe, sự an toàn và các nguyên tắc đạo đức của cộng đồng. Một chế độ trong đó bất kỳ ai đều có thể tự do thiết lập nên một tổ hợp, để thực hiện một dịch vụ công cộng, hay là tự do ganh đua trong một dịch vụ như thế, đã được thay thế bằng một biệt lệ pháp lý của các tiện ích công cộng từ việc cạnh tranh phá hoại. Trong một thế giới đã trở nên đông đảo, mà những tài nguyên đã bị khai thác nhiều, một hệ thống nhằm cổ vũ cho sự tự xác định có tính tối đa của sự tự khẳng định cá nhân đã mang lại nhiều va chạm, hơn là làm giảm bớt đi, và đã đẩy xa hơn, thay vì là loại bỏ những sự phí phạm.

Vào cuối thế kỷ trước và bắt đầu thế kỷ hiện nay, một cách suy nghĩ mới đã lớn dần lên. Những nhà luật học đã bắt đầu suy nghĩ về các nội dung ham muốn hay ước vọng của con người, hơn là ý chí của con người. Họ bắt đầu nghĩ điều gì họ làm, không đơn giản chỉ là nhằm làm cho bình đẳng, hay làm cho hòa hợp những ý chí, nên nếu không thể làm cho bình đẳng được, thì ít nhất cũng phải hòa hợp được, hay làm cho thỏa mãn những mong muốn. Họ bắt đầu cân nhắc, đắn đo, và hòa giải những đòi hỏi, hay những ham muốn, hay những ước vọng, giống như trước kia họ đã từng cân nhắc hay nhằm hòa giải những ý chí. Họ bắt đầu suy nghĩ về mục đích của luật không giống như một sự tối đa hóa việc tự khẳng định, nhưng phải như một sự tối đa hóa của sự thỏa mãn những ham muốn. Do thế mà đã có một thời kỳ họ đã phải nghĩ về vấn đề đạo đức, về pháp chế, và về chính trị, như một điều cốt lõi của sự đánh giá; như một vấn đề nhằm tìm ra một tiêu chuẩn cho giá trị tương quan của các lợi ích. Trong pháp chế và chính trị, họ nhận thấy chúng ta cần phải thêm vào những vấn đề thực tiễn trong khả năng của việc làm những lợi ích hữu hiệu thông qua hoạt động của chính phủ, pháp lý, và hành chính. Nhưng vấn đề thứ nhất lại là một trong những nhu cầu phải được nhìn nhận - của những lợi ích cần phải được thừa nhận và đảm bảo. Khi đã liệt kê được các nhu cầu, hay các yêu cầu, hay các lợi ích mà chúng đang xác định, và đối với chúng sự an toàn pháp lý đang được tìm kiếm, thì chúng ta phải đánh giá chúng, lựa chọn những cái nào cần nên được thừa nhận, xác định những giới hạn trong đó chúng phát huy được tác dụng, trong quan điểm của những lợi ích khác đã được thừa nhận, và xác định tới mức độ nào chúng ta có thể tạo cho chúng hiệu lực pháp luật, trong quan điểm những giới hạn đối với hành vi pháp lý có hiệu lực. Cách suy nghĩ này có thể được nhận thấy, được che giấu dưới những thuật ngữ khác nhau, trong nhiều loại ngôn ngữ của nhà luật học trong ba thập niên vừa qua.

Ba yếu tố đã góp phần vào việc xây dựng nền tảng của các lý thuyết về mục tiêu của luật, từ các ý chí cho đến những lòng mong muốn, từ sự hòa giải hay hòa điệu của các ý chí, đến sự hòa giải hay hòa điệu của các nhu cầu. Phần quan trọng nhất đã được hành xử bởi Tâm lý học, dùng làm nền tảng cho triết học về ý chí Siêu hình học của luật pháp. Thông qua cuộc vận động nhằm thống nhất các ngành khoa học xã hội, Kinh tế học cũng đã đóng góp một phần quan trọng, nhất là gián tiếp thông qua những ý đồ của sự giải thích kinh tế bởi lịch sử pháp luật, đã củng cố lại Tâm lý học, bởi cho thấy phạm vi mà luật pháp đã được định hình bởi áp lực của các ý muốn về kinh tế. Cũng vậy, những sự đa dạng hóa của xã hội, được bao gồm trong việc tổ chức của công nghiệp, đã chẳng còn là một yếu tố gì nữa, khi những giai cấp đã hiện hữu mà trong đó những đòi hỏi của một sự hiện hữu cho con người tối thiểu, dưới những tiêu chuẩn của một nền văn minh nhất định, đã trở nên thúc bách hơn so

với những đòi hỏi của sự tự xác nhận. Sự chú ý đã được hướng từ bản chất của luật pháp sang mục tiêu của nó, và một thái độ có tính chức năng, một khuynh hướng đo lường những nguyên tắc pháp lý, cùng với những lý thuyết và các định chế phù hợp theo phạm vi mà trong đó họ đã tiếp tục hay đã đạt tới những mục tiêu cho pháp luật tồn tại, đã bắt đầu thay thế các phương pháp xưa hơn của sự phán đoán pháp luật bởi các tiêu chuẩn được rút ra từ chính nó. Trong khía cạnh này, tư tưởng hiện nay như giống hơn với tư tưởng của các Thế kỷ mười bảy và Thế kỷ mười tám, hơn là tư tưởng của Thế kỷ thứ mười chín..

Rất xác thực là hình thức sớm hơn của nó, quan điểm thực dụng xã hội, sự gần gũi với mọi triết học pháp luật của Thế kỷ mười chín. Lý thuyết mang tính cứu cánh của nó, là nhằm chứng minh cho chúng ta điều gì hiện đang có, và điều gì nhất thiết phải xảy ra trong việc làm luật, hơn là điều gì chúng ta đi tìm. Sự phục vụ của nó cho triết học pháp luật, sự khác nhau giữa thúc dục chúng ta cần phải vượt lên nội dung thuật ngữ hàm hồ "quyền", và phân biệt đòi hỏi, nhu cầu yêu cầu đang hiện hữu độc lập đối với luật, đã được công nhận một cách hợp pháp, hay những yêu cầu, đòi hỏi, nhu cầu có giới hạn, cùng những thể chế pháp lý, mà chúng đã đi quá xa và được mở rộng ra hơn, bởi tên gọi là các quyền pháp lý, mà nơi đó những đòi hỏi một khi đã được thừa nhận và hạn chế thì cũng được đảm bảo. Cũng thế, trước hết nó làm sáng tỏ nhiệm vụ của người làm luật là một công việc mang tính nhất trí nhiều như thế nào. Đối với trường phái tự nhiên về pháp luật, việc làm luật chẳng phải gì hơn là một sự phát triển xác thực về những nguyên lý tuyệt đối. Một sự phát triển luận lý trọn vẹn của nội dung đó được bao hàm trong một thứ quyền lực tự nhiên có thể mang đến một sự vật luật pháp cụ thể phù hợp với mọi thời và mọi nơi. Thật sự thì một ý tưởng về việc nhất trí vốn ẩn giấu bên sau lý thuyết của những nhà luật học siêu hình vào Thế kỷ thứ mười chín. Nhưng họ đã tìm kiếm một sự hòa hợp tuyệt đối, hơn là một sự đi tìm một điều được sự phù hợp theo thời gian và không gian. Những ý chí cá nhân va chạm nhau, đã được hòa giải một cách tuyệt đối bởi một công thức đã có được một quyền năng và uy thế tối hậu. Khi chúng ta suy nghĩ về luật pháp như sự hiện hữu nhằm bảo đảm những lợi ích xã hội, đến mức độ nào đó mà chúng có thể được bảo đảm thông qua một trật tự của con người, và những quan hệ con người thông qua guồng máy tổ chức chính trị xã hội, thì cũng hiển nhiên là chúng ta có thể đạt tới một hệ thống thực tiễn về những sự đồng thuận đối với các nhu cầu của con người thường là mâu thuẫn nhau, bởi những phương tiện của một bức tranh tinh thần trong việc mang lại hiệu quả mức độ nào đó có thể, và không cần tin chắc chúng ta đã có một giải pháp tuyệt đối cho mọi thời và mọi nơi...

Quan điểm thực dụng xã hội đại diện cho việc hiệu chỉnh, cả trong Tâm lý học lẫn trong Xã hội học. Cần phải thừa nhận rằng làm luật và điều chỉnh luật, thực chất không phải đã được xác định một cách chính xác do việc cân bằng các lợi ích. Trong thực tế, áp lực của những nhu cầu, yêu cầu, đòi hỏi, mong muốn sẽ bao trùm sự thống nhất thực sự do hệ thống pháp luật làm ra bằng cách này hay cách khác. Để duy trì sự an toàn nói chung, chúng ta phải cố gắng bằng mọi cách, giảm thiểu sự bao che này. Nhưng người ta chỉ cần nhìn xuống bên dưới bề mặt của pháp luật, vào bất cứ nơi đâu và bất cứ khi nào, để thấy là nó vẫn tiếp tục làm cho tiến trình đó hiện ra như một tiến trình tuyệt đối, và kết quả là một tiến trình đã được tiền định, ngay cả nếu nó bị những công cụ có tính máy móc bao phủ. Chúng ta sẽ không chắc rằng việc những sự đồng ý đã được tạo ra và bị bó

buộc bởi trật tự pháp luật, sẽ luôn luôn và nhất định mang lại hiệu lực cho một bức tranh nào đó do chúng ta tạo ra, bởi bản chất hay bởi những mục tiêu trong tiến trình của việc tạo lập ra và bó buộc chúng. Do thế cũng sẽ ít có sự bao trùm vô thức này, nếu chúng ta có được một bức tranh sáng sủa về điều gì chúng ta đang tìm kiếm để thực hiện và để kết thúc việc gì đó, và nếu chúng ta xây dựng lên được hình ảnh đó với mức độ mà chúng ta có thể xây dựng và uốn nắn một cách có ý thức về pháp luật.

Những khó khăn xuất hiện chủ yếu trong sự tiếp cận với những tiêu chuẩn về giá trị. Nếu chúng ta cho rằng những lợi ích đã được mục loại hóa, hay được liệt kê, thế thì chúng cũng đã được đánh giá, và cái giá trị đó thuộc giá trị cần thiết được thừa nhận là đúng pháp luật và mang lại hiệu lực trong những giới hạn đã được xác định bởi sự đánh giá, trong mức độ mà những sự khó khăn cố hữu trong sự bảo đảm hiệu lực pháp lý về những lợi ích sẽ được cho phép, thì câu hỏi xuất hiện ngay tức thời là làm thế nào chúng ta sẽ làm được công việc đánh giá này? Những nhà triết học đã dành ra nhiều nỗ lực cho việc khám phá một số phương pháp nào đó nhằm đạt tới được quyền lực thiết yếu của các lợi ích khác nhau, để cho một công thức tuyệt đối sẽ có thể đạt tới được, một cách phù hợp, và cũng sẽ bảo đảm những lợi ích trội hơn mà nhất thiết phải sẽ trội vượt hơn trong đó. Nhưng tôi lại nghi ngờ về khả năng của một phán đoán tuyệt đối. Chúng ta đã đối mặt về điểm này trong vấn đề nền tảng của triết học về xã hội và triết học về chính trị. Tôi không tin rằng những nhà luật học phải làm nhiều hơn ngoài việc thừa nhận vấn đề, và nhận thức là nó đã được trình bày như một sự bảo đảm mọi lợi ích xã hội, trong việc duy trì sự cân bằng, hay sự hòa hợp giữa chúng, mà nó có thể thích hợp với sự bảo đảm của tất cả. Thế kỷ vừa qua đã đề cao sự an toàn nói chung. Thế kỷ hiện thời lại cho thấy nhiều dấu hiệu của việc đề cao đạo đức cá nhân và đời sống xã hội. Tôi hoài nghi liệu một sự đề cao như thế sẽ có thể tự duy trì được hay không.

Những nhà thực dụng xã hội có thể nói là cân nhắc một số các lợi ích trong nội dung mục tiêu của luật pháp. Nhưng chúng ta có được chuẩn bị một cách tuyệt đối để nói được như thế chăng? Có phải chăng mục tiêu của pháp luật chí ít là làm một cái gì đó để có thể thỏa mãn được những yêu cầu thiết yếu của con người?... Tôi không có ý nói luật cần phải giao thoa kiểu như thế, trong tiến trình của mọi quan hệ cá nhân, và trong mọi tình huống trong đó có cơ may để suy nghĩ về một điều mong muốn của xã hội thông qua đó có thể được thỏa mãn. Kinh nghiệm đã cho thấy một cách phong phú cách làm thế nào mà cơ chế pháp luật có thể ngay trong ý đồ của nó vẫn nhằm việc bảo đảm được cho một vài loại lợi ích nào đó. Điều tôi muốn nói đến, là trong bất cứ phạm vi nào của hành vi cá nhân con người, hay trong bất kỳ mối quan hệ con người nào, thì pháp luật, với cơ chế đã có như thế của nó, có thể làm thỏa mãn được một ước muốn của xã hội mà vẫn không phải có một sự hi sinh to tát nào về những yêu cầu khác, và cũng không có một sự hạn chế vĩnh cửu nào gắn liền với bản chất của những sự vật, cũng như không có những ràng buộc nào bị áp đặt vào sự sáng tạo, làm cản ngại con đường hiện thực của nó giống như thế.

Chúng ta hãy thử ứng dụng một vài lý thuyết khác mà hiện giờ đang phổ biến. Học thuyết của những người theo phái Tân Hegel nói: Hãy thử dùng từ các yêu cầu bằng thuật ngữ văn minh, bằng thuật ngữ của sự phát triển những sức mạnh của con người, cho đến hết điều gì có thể được – cái ưu thế hoàn chỉnh nhất của tự nhiên, cả về bản chất con người lẫn thiên nhiên bên ngoài. Những người theo học thuyết Tân Kant thì bảo: Hãy thử dùng

các yêu cầu bằng thuật ngữ của một cộng đồng những con người luôn có tự do ý chí như là lý tưởng xã hội. Duguit nói: Hãy thử dùng chúng trong nội dung sự phụ thuộc lẫn nhau trong xã hội, và trong chức năng xã hội. Phải chăng họ đều cổ vũ, hay là đều dẫm chân lên mối quan hệ lẫn nhau trong xã hội, thông qua sự đồng hóa lợi ích và sự phân công lao động? Trong những công thức này, phải chăng chúng ta đã thật sự đi chệch khỏi vấn đề về một sự cân đối phù hợp trong việc duy trì tất cả mọi lợi ích, trong sự đáp ứng lại mọi yêu cầu và đòi hỏi đã hàm chứa trong hiện thực của một xã hội văn minh?

Bởi vì về mục đích của sự am hiểu luật pháp ngày nay, thì tôi đồng ý với hình ảnh của việc làm thỏa mãn càng nhiều càng tốt đối với toàn bộ sự ham muốn của tổ chức xã hội con người như chúng ta có thể có được với sự hi sinh ít nhất, tôi cũng hài lòng nghĩ về luật như một thiết chế của xã hội nhằm làm thỏa mãn những nhu cầu của xã hội - những đòi hỏi và những yêu cầu hàm chứa trong sự hiện hữu của một xã hội văn minh - bởi nó mang lại hiệu quả càng nhiều càng tốt mà chúng ta có thể có được với càng ít sự hi sinh nhất, trong mức độ nào mà những ham muốn như thế có thể được thoả mãn, hay những đòi hỏi như thế có hiệu lực, bởi một trật tự hành vi của con người thông qua một xã hội được tổ chức chính trị. Bởi vì về những mục tiêu hiện thời, mà tôi hài lòng nhìn thấy trong lịch sử pháp lý sự ghi nhận về một sự thừa nhận cứ càng ngày càng được tiếp tục mở rộng hơn, và làm thỏa mãn những mong muốn của con người, hay những đòi hỏi, hoặc những ước muốn, thông qua sự kiểm soát của xã hội; một điều càng ngày càng ham chứa hơn, và càng hiệu lực hơn, cho việc bao đảm những lợi ích của xã hội; một sự việc càng ngày càng hoàn thiện hơn và hiệu lực hơn, trong việc tiếp tục loại bỏ sự phí phạm và ngăn ngừa sự xung đột trong hưởng thụ của con người đối với những phúc lợi của đời sống xã hội - nói tóm, một sự tiếp tục có hiệu lực hơn nữa, trong việc tinh vi hóa các kỹ năng hoạt động của xã hội.

23

Quan điểm duy vật *

HUGH ELLIOT
(1881 - 1930)

Mục tiêu chính của công trình này là nhằm bảo vệ thuyết Duy vật... Những nét khái quát của hệ thống này không còn mới mẻ; thật vậy những đặc điểm chính yếu của nó đã được thừa nhận cố kết hợp với sự phát triển của khoa học trong suốt nhiều thế kỷ qua. Thời đại khoa học nhất thiết là một thời đại của thuyết Duy vật; thời đại của chúng ta là thời đại khoa học, và thật sự có thể nói rằng giờ đây chúng ta đều là những con người duy vật. Những nguyên lý chính mà tôi sẽ nhằm nhấn mạnh gồm có ba điểm sau đây:

1. Tính đồng nhất của quy luật. Trong những thời xa xưa, những sự kiện xuất hiện hoàn toàn ngẫu nhiên, không thể tính toán được và chúng dường như vẫn chỉ là thế nếu chúng ta chỉ hạn chế thuần túy sự chú ý của chúng ta vào lúc nó đang xảy ra. Nhưng bởi vì khoa học đã tiến bộ, nên đã hé lộ ra một sự thống nhất trong tiến trình của tự nhiên. Khi những điều kiện ở một thời điểm nào đó là chính xác đồng nhất với những gì chúng đã từng vượt trội ở một thời điểm có trước nào đó, thì những kết quả có được từ chúng cũng sẽ đồng nhất. Chẳng hạn đã tìm thấy quy luật một vật thể có trọng khối cho sẵn, hút một vật thể khác có trọng khối cho sẵn, ở một quãng cách nhất định, với một lực có một sức mạnh nhất định. Đã chứng minh được rằng khi những khối lượng, những quãng cách, và những điều kiện khác được lặp lại một cách chính xác, thì sự hút nhau giữa các vật thể cứ luôn luôn chính xác giống như nhau. Tiếp nữa, chứng minh được rằng, khi quãng cách giữa các vật thể tăng lên, thì lực hút của chúng lại giảm đi theo một tỉ lệ xác định, và điều này lại được chứng minh là đúng, ở mọi quãng cách chúng có thể được đặt vào. Lực hút của chúng thay đổi theo một tỉ lệ khác nhau, nhưng vẫn luôn luôn không thay đổi tương ứng với khối lượng của chúng. Do thế cũng đưa tới kết quả của luật hấp dẫn, và nhờ đó mà luật hấp dẫn có thể được đánh giá một cách chính xác do từ sự hiểu biết về những

* Các chương 5 và 6 trong *Khoa học hiện đại và chủ thuyết duy vật* (1919).

khối lượng và những quãng cách của bất cứ hai vật thể nào. Tính đồng nhất đã được thiết lập, được duy trì một cách tuyệt đối trong kinh nghiệm của con người, và đối với một phạm vi tương ứng, thì sự xuất hiện có vẻ như tình cờ của những sự kiện đã được tìm thấy, chỉ là một hiện tượng bề ngoài. Vô số những luật khác thuộc cùng một tính chất tương tự, đã dần dần được phát hiện, đã xây dựng nên một thứ gắn kết giữa mọi loại sự kiện. Nếu ôxy và hydrô với một tỉ lệ trọng lượng một phần tám, được trộn lẫn cùng nhau, và có một tia lửa điện phóng qua, thì nước sẽ được tạo thành; và đối với mọi trường hợp, khi những điều kiện được thực hiện chính xác, thì luôn cho ra cùng một kết quả giống như nhau. Chân lý này là nền tảng của phương pháp thực nghiệm. Nếu từ cùng những điều kiện giống nhau mà lại cho ra những kết quả khác nhau, thì với các trường hợp khác nhau như thế, những thí nghiệm cũng sẽ vô ích để nhằm phát triển tri thức.

Tính đồng nhất này đã ban sức mạnh cho việc tiên đoán; và khi chúng ta càng học hỏi nhiều về mối quan hệ nhân quả của những hiện tượng tự nhiên, thì chúng ta lại càng thêm sức mạnh trong việc tiên đoán về những sự kiện của tương lai. Những sự tiên đoán như vậy ngày nay được thực hiện và hoàn thành trong mọi lĩnh vực của tri thức, nơi mà những dữ liệu, hay những điều kiện đã đủ mới và đơn giản, để tiếp cận được với sự tính toán; chẳng hạn, như trong nhiều vấn đề Thiên văn học. Chúng được thực hiện ngay cả khi có vô số dữ liệu và thật sự phức tạp, và mặc dù cũng có vấn đề kém chính xác. Chẳng hạn, chúng ta có thể nói trước được ở phút nào, vào ngày nào sẽ có hiện tượng nhật thực bắt đầu xảy ra. Chúng ta cũng có thể nói trước việc tăng lãi suất ngân hàng trong những điều kiện bình thường, sẽ tạo nên một luồng lưu chuyển vào của kim loại vàng; nhưng chính xác có bao nhiêu vàng, thì chúng ta không thể nói trước được. Với một hiểu biết rộng rãi hơn về những điều kiện, chúng ta có thể biết xấp xỉ gần hơn về tổng số của các luồng vào. Còn với một sự hiểu biết tuyệt đối về mọi điều kiện đang được thực nghiệm, chúng ta có thể đoán trước được con số chính xác của khối lượng vàng mà bất cứ sự tăng lên đặc biệt nào của lãi xuất ngân hàng, có thể tỏa vào trong xứ này. Một sự hiểu biết như vậy, dĩ nhiên không bao giờ có thể có được, bởi vì những yếu tố có liên quan nhiều vô số và cũng vô cùng chi tiết; để có thể áp dụng được các phân tích toán học cho chúng, ngay cả nếu chúng có thể tập hợp được tất cả, thì cũng vượt lên một cách vô hạn các khả năng của chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta vẫn sẽ được hướng dẫn để công nhận mệnh đề của Laplace, đối với hiệu quả đó nếu chúng ta biết các điều kiện cụ thể tại một thời điểm chính xác về mọi vật chất và năng lượng đang tồn tại trong vũ trụ, và phương hướng sự chuyển động của mọi vi hạt đang vận động, và nếu chúng ta được trang bị một khả năng tính toán vô hạn, thì chúng ta vẫn có thể tiên đoán được thực tế chính xác của mọi vật chất và năng lượng của vũ trụ ở bất cứ thời điểm nào trong tương lai. Bất kỳ con người nào có được các năng lực như thế, và cũng từ vô số thời đại, đã thủ đắc cái tri thức tuyệt đối tại một thời điểm nào đó của tinh vân, kể từ đó mà mặt trời xuất hiện, thì hẳn ta cũng có thể tiên đoán được là vào thời điểm hiện nay cũng sẽ có một sự hiện hữu giống như chính tôi là người đang viết những dòng này, mà vào giờ đây chúng đang tuôn ra từ ngòi bút của tôi; thì hẳn ta cũng có thể tiên đoán được về những sự hiện hữu khác sau đó một chút ít, hoàn toàn giống như các độc giả của tôi, cũng có thể xem đến những từ ngữ này, và hẳn ta cũng có thể ý thức về những xúc động nào đó được kích thích trong họ bởi việc xem xét tỉ mỉ đó. Nói cách khác, tính đồng nhất của tự nhiên và sự phổ quát của quy luật vẫn là phổ biến và không có ngoại lệ.

2. Với sự chối bỏ Mục đích luận, chủ nghĩa Duy vật khoa học cũng đã nồng nhiệt phủ nhận là có một sự việc nào đó như thể là mục tiêu của Vũ trụ, hay những sự kiện có động cơ hay mục đích sau cùng, mà nó đang hướng đến. Quan điểm này khẳng định rằng mọi sự kiện nhờ sự tương quan giữa vật chất và sự vận động tác động một cách thiết yếu mù quáng, phù hợp với những kết quả không thay đổi nên chúng ta gọi tên chung là các quy luật. Đây chính là một sợi dây quan trọng trong sự nối kết giữa quan điểm Duy vật của Hy Lạp thời cổ đại và chủ nghĩa Duy vật khoa học thời hiện nay. Trong mọi dân tộc không có nền văn hóa cao, thì vẫn ngự trị điều khẳng định nhiệt tình, không chỉ cho rằng vũ trụ luôn như một toàn thể vận hành để thực hiện một mục tiêu tiền định nào đó, mà còn cho là mọi phần tử cá nhân của nó cũng đều nhằm tới một yêu cầu đặc biệt nào đó trong việc hoàn thành mục tiêu này. Chẳng cần gì phải nói mục đích đó đã luôn luôn được nhìn nhận như gắn liền với phúc lợi của con người. Vũ trụ cho tới những phần tử nhỏ nhất của nó, vẫn được nhìn bởi sự mê tín nguyên thủy, như hiện hữu cho chính lợi ích đặc biệt của con người. Đối với những chiều cực dài nào đó đưa đến quan điểm cho rằng ngay cả với Bernadin de Saint-Pierre, người chỉ vừa mới qua đời thế kỷ qua, cho rằng lý do tại sao dưa hấu lại có khất, là để cho có thể dễ ăn hơn trong các gia đình.

Lý lẽ của lý thuyết Mục đích luận từ rất xa xưa này, quả là rõ ràng. Tất cả chúng ta đều nhìn vào toàn bộ vũ trụ theo quan điểm tự xem chúng ta như là trung tâm điểm. Nói một cách chủ quan, thì tất cả chúng ta hiện nay đang ở tại trung tâm của vũ trụ. Toàn bộ kinh nghiệm của chúng ta về vũ trụ, là một kinh nghiệm như nó vẫn tác động lên chính chúng ta; bởi vì nếu nó đã không tác động lên chính chúng ta, chúng ta cũng chỉ biết về nó một cách gián tiếp, và ngay trong những thời kỳ cổ sơ, chúng ta cũng đã không biết gì về nó ca. Bởi vì sự giáo dục luôn có nhiệm vụ giúp chúng ta mở mang tầm nhìn rộng lớn hơn cùng sự hiểu biết rộng rãi hơn, nên chúng ta cũng đã đi tới chỗ thấy được vũ trụ khách quan thật rất khác với chính vũ trụ chủ quan riêng tư của chúng ta. Trước hết, chúng ta khám phá là mọi cá nhân đều không ở tại ngay trung tâm vũ trụ, mà có vẻ như kinh nghiệm không đúng đã cho chúng ta có cảm giác như thế; nhưng chúng ta thật ra chỉ là một cá thể trong nhiều loại cá thể khác có thể có cùng một thể trạng như chính chúng ta để cấu tạo thành một quốc gia hay xã hội. Có lẽ chúng ta đã nhìn xã hội của chính chúng ta như là trung tâm của vũ trụ, như nhiều dân tộc cổ xưa đã tin như thế, chẳng hạn những người cổ La Mã, và người Trung hoa hiện đại. Hay chúng ta có thể nhìn chính giới tính của chúng ta như một loại sản phẩm có mục tiêu của vũ trụ, giống như những dân tộc theo đạo Hồi, vẫn cho rằng người đàn bà không có linh hồn như nam giới, mà họ chỉ hiện hữu cho lợi ích thuần túy, hay cho sự sử dụng của đàn ông, cũng trong cùng một cách như trâu bò hiện hữu để được dùng làm thực ăn, hay cũng giống như những trái dưa hấu có khất, là dùng để chỉ rõ một con số thích hợp cho các phần chia.

Với nền văn hóa phát triển hơn, toàn bộ loài người trở nên được nhìn như là trung tâm và như là đối tượng của mọi sự kiện trong vũ trụ. Đây là một giai đoạn mà ngày nay đã quen thuộc với đám đông trong những nền văn minh hiện đại. Đúng là sự hiện hữu của một cá nhân đặc thù, không rộng khắp, hay là quan trọng của tầm vũ trụ, mà cá nhân đó có thể được giả định; đúng là sự tồn tại của một bộ lạc hay một xã hội đặc thù, luôn không phải mang ý nghĩa lịch sử nào sâu sắc mà bộ lạc hay xã hội đó vẫn thông thường hay tưởng tượng; vì thế mà cũng thật đúng với loài người, giống như một toàn thể,

thì cũng lại khó đúng được như họ vẫn thường tin tưởng như vậy; vì không phải như một đối tượng duy nhất mà vũ trụ đã tạo ra, nhưng là với mọi sự vật trong nó, lớn cũng như nhỏ. Loài người trong thực tế chỉ hoàn toàn rất ngẫu nhiên, trong việc tái phân phối nói chung của vật chất và sự vận động; sự tồn tại của nó cũng không có một ý nghĩa vũ trụ nhỏ nhất nào. Loài người chúng ta hiện đại về mặt sinh học. Còn về số lượng, cũng như thời gian xa xưa, thì cũng không thể so sánh được với con số không hạn định của những giống loài của các giới động vật khác cũng đang sống trên mặt đất. Trái đất vốn chỉ là một trong những hành tinh nhỏ hơn, đang xoay chung quanh một ngôi sao nhỏ. Toàn bộ hệ thống mặt trời mà ở trong đó trái đất của chúng ta chỉ là một phần tử nhỏ bé, thì chính nó cũng là một hệ thống chẳng có nghĩa lý gì trong vô số những thực tại chói sáng khác, cùng những hệ thống khác vượt lên hẳn nhiều lần về khối lượng, về độ sáng, và trong mọi tính chất khác có thể khẳng định được, mà chúng ta vẫn thường phải ngưỡng phục. Hầu hết chính con người ta đều không thể trút bỏ được các thói quen của mình, mà mọi người đều nhất thiết vẫn bắt đầu từ đó, cho rằng chính họ, hay gia đình họ, đất nước họ, như là trung tâm của vũ trụ dù là với hình thức bề ngoài trong thực tế...

3. Sự phủ nhận bất cứ dạng thức hiện hữu nào khác hơn những dạng thức đã được nhìn thấy bằng vật lý và hóa học, tức muốn nói khác hơn sự hiện hữu vẫn có một số các loại tính chất hay đặc điểm vật chất nào đó có thể cảm nhận được. Chính ở đây mà thuyết Duy vật hiện đại đã bắt đầu kết hợp cùng với quan điểm Duy vật cổ xưa, và chính ở đây mà tôi trông mong có những phê phán chính yếu trực tiếp của các đối thủ. Học thuyết hiện đại đặt trong sự đối kháng trực tiếp đối với một niềm tin về bất cứ những hiện hữu nào được xếp loại kiểu mơ hồ như là "tinh thần". Đối với loại này, không chỉ thuộc về các dạng ma quỷ, thần linh, linh hồn, *et hoc genus omne* [và mọi thứ cùng loại], vì những loại này từ lâu đã bị vất bỏ khỏi niềm tin của hầu hết những nhà tư duy tiên tiến. Giờ nay, qua thời gian, cũng được bao gồm vào trong danh sách đã bị lên án đối với các thực thể được tưởng tượng tiếp theo, mà chúng ta gọi là "tinh thần", "ý thức" v.v... cùng với những loại dạng thức khác của của nó, như trí tuệ, ý chí, tình cảm v.v.. cho tới chừng mực nào chúng được giả thiết là độc lập, hay khác với những sự tồn tại cùng như các tiến trình vật chất...

Sự đề nghị mà tôi muốn đưa ra ở này, là mọi sự kiện xảy ra trong vũ trụ, bao gồm những sự kiện đã được biết như hoạt động của tinh thần, và mọi loại của hoạt động, thái độ của con người, vẫn biểu hiện thuần túy trong ngôn ngữ về vật chất và vận động. Nếu chúng ta cho rằng cả trong tinh vân đầu tiên của hệ mặt trời cũng chẳng có cái gì khác hơn là những yếu tố hóa học sơ khai và vượt quá những yếu tố về vật chất, năng lượng, hay sự vận động, thì chúng ta có thể về mặt lý thuyết, như đã được lưu ý ở trên đây, suy diễn ra được vũ trụ đang hiện hữu cũng bao gồm cả tinh thần, ý thức v.v... mà không cần phải đưa thêm vào một yếu tố mới lạ nào cả. Vũ trụ đang hiện hữu và mọi sự vật khác, cùng những sự kiện trong đó, có thể về mặt lý thuyết, thể hiện trong những từ ngữ như vật chất và năng lượng, phải chịu sự tái phân bố không ngừng để phù hợp với những quy luật thông thường của vật lý và hóa học. Nếu mọi sự biểu hiện mà trong đó kinh nghiệm của chúng ta có thể vì thế mà thể hiện được, như từ lâu vốn đã được tin tưởng bởi những nhà khoa học, thì điều gì là cần thiết đối với việc đưa vào bất kỳ một thực thể nào mới có tính chất tinh thần, được gọi là tinh thần? Không có thành phần nào có vai trò gì cả; nó chỉ là nội tại trong tính chất nhân quả. Theo lý thuyết của Huxley, thì có

một số những tiến trình vật lý đi kèm theo nó, giống như một hình bóng, mà không có bất cứ một sức mạnh nào, hay bất cứ một lý do nào, hay bất cứ một sự ích dụng nào. Thế giới giống như Huxley bảo, và được phần lớn các nhà Sinh lý học khẳng định, cũng chỉ có như thế thôi, và cũng không cần đến nó. Thế thì có một tiên đề luận lý học cổ xưa mà hiện phần lớn vẫn con giá trị: *entia non sunt multiplicanda praeter necessitatem* [không có gì hơn là những thực thể đã được đặt để tùy theo sự cần thiết]. Đôi khi nó được ám chỉ như lưỡi dao cạo của William Occam đã cắt lìa và loại khỏi các lý thuyết của chúng ta mọi yếu tố hay những thực thể chỉ hời hợt trong việc hướng dẫn chúng ta đi tới một giải thích. "Tinh thần" như một thực thể tách biệt, đúng là một sự phù phiếm như thế đó. Tôi sẽ không chối bỏ - mà thực ra tôi thật sự khẳng định - như đó là một dữ liệu trực tiếp của kinh nghiệm; nhưng vẫn không có dữ liệu trực tiếp của kinh nghiệm đối với kết quả cho rằng đó là một cái gì đó khác với các tiến trình nào đó của bộ não... Những nhà duy vật cổ đại tin tưởng tới một mức độ nào đó vào một thế giới không nhìn thấy được; họ tin tưởng ngay cả vào sự hiện hữu của các linh hồn. Họ chỉ khẳng định có quan điểm duy vật về mặt lý thuyết, là những thực thể này mang tính vật chất. Democritus thừa nhận linh hồn được tạo thành bởi các phần tử vật chất tròn và mềm mại. Nhà duy vật khoa học ngày nay không tin tưởng vào bất cứ sự hiện hữu tách biệt nào của một loại dạng thức như thế. Ông ta nhìn vào điều gì đó được gọi là linh hồn, hay tinh thần, như *đồng nhất* với một số các tiến trình vật lý nào đó trong một bộ não có mang tính vật chất, những tiến trình mà từ đó những nhà triết học Hy Lạp cổ đại hãy còn chưa biết gì hết, và do thế chúng hoàn toàn chưa được biết đến đối với mọi người nào chưa có được một sự am hiểu nào đó về Sinh lý học...

Quan niệm duy vật, điều mà tôi sẽ hậu thuẫn, tuy vậy lại tập trung chung quanh ba điểm chính yếu nhất: sự đơn nhất của quy luật, sự loại bỏ tính mục đích, và sự khẳng định tính nhất nguyên: tức là muốn nói không có bất cứ một loại bản thể hay thực tại tinh thần nào có được một bản chất khác với bản chất mà vật chất đã được tạo thành.

Điều đầu tiên của những khẳng định này, hay nói một cách khác, được gọi là tính Phổ quát của quy luật Nhân quả, khẳng định không có điều gì xảy ra lại không có một nguyên nhân, và cùng những nguyên nhân trong cùng những điều kiện, thì luôn luôn tạo ra cùng những kết quả. Để đạt tới sự hiểu biết đúng đắn về quy luật này, chúng ta phải định nghĩa điều gì chúng ta muốn ám chỉ là "nguyên nhân" và "kết quả", và điều gì là bản chất của sự tương cận giữa chúng. Quan niệm về một vũ trụ mà từ đó chúng ta xuất phát, là một thực tại của một hệ thống lớn về vật chất và vận động, chịu sự tái phân bố phù hợp với những hậu quả xảy ra một cách xác định, mà nói theo thuật ngữ khoa học thì chúng được gọi là những quy luật. Vật chất luôn luôn chịu sự biến đổi từ hình thức này sang hình thức khác, và năng lượng của nó được tái phân phối cũng như được biến đổi theo một cách tương ứng. Chỉ từ quan điểm sơ khởi này, chúng ta có thể rút ra được một định nghĩa chính xác về cái gọi là nguyên nhân, một vấn đề hầu như không có gì khác biệt hơn so với bất cứ một quan điểm nào khác. Mill định nghĩa một sự kiện như là nguyên nhân của một cái khác theo kinh nghiệm khi sự kiện thứ nhất luôn luôn được cái thứ hai nối theo một cách bất biến như vậy. Trong nguyên nhân và kết quả, Mill đã không nhìn thấy gì ngoài một chuỗi bất biến các sự kiện nối tiếp nhau. Quan điểm của Mill ngay lập tức đã bị đánh đổ đi khi ông ta được hỏi có phải chăng ông cho rằng ngày là nguyên nhân của đêm, bởi vì điều này cũng là một hệ quả xảy ra

không có sự thay đổi trong kinh nghiệm của chúng ta. Nhưng nếu chúng ta áp dụng việc phân tích, thì điều khó khăn sẽ không còn nữa. Nếu chúng ta nhìn một sự kiện như một giai đoạn nhất thời trong sự tái phân bố vật chất và vận động, thế thì nguyên nhân của sự kiện đã được tìm thấy trong sự đi trước nó ngay tức thời đối với tình trạng phân bố của cái gì có cùng bản chất vật chất và sự vận động đó. Chẳng hạn, chúng ta có thể hỏi cái gì là nguyên nhân của việc một đinh tinh mới đột ngột hiện ra trong bầu trời. Giả sử trước đó đã có hai mặt trời phân biệt nhau chuyển động rất nhanh hướng vào nhau, và tạo nên một sự va chạm, thì chúng ta sẽ xác nhận được của những sự kiện có thể được thừa nhận như một "nguyên nhân" là rất có thể đúng. Sự kiện thứ hai, hay là "kết quả", duy chỉ được biểu hiện trong những từ ngữ về vật chất và sự vận động, bởi ý tưởng hai vật thể đã được kết hợp vào nhau, và xâm nhập vào nhau, để từ đó tạo ra một lượng nhiệt độ và ánh sáng kinh khủng. Và một nguyên nhân chỉ được xem như có thật, bởi việc khẳng định sự phân phối đã có trước đó của vật chất và năng lượng đã được nhận thấy trong việc sản sinh ra sự kiện đó. Từ ngữ *vật chất* được nhận thức trong sự kiện đó gồm có hai vật thể đang nhanh chóng rút ngắn khoảng cách lại với nhau. Còn *năng lượng* bao gồm một nửa sản phẩm của mômen và tốc độ của chúng. Bởi sự đụng chạm đó mà vật chất chứa đựng trong hai vật thể rắn đó phải chịu sự tái phân phối, bao gồm trong đó sự chuyển hóa thành tình trạng khí, với sự tan rã của nhiều phân tử của chúng, tức muốn nói cùng với một sự sắp xếp, hay sự phân phối lại của các nguyên tử. Năng lượng của sự chuyển động đã được chứa đựng ngay lúc trước đó ở trong các vật thể rắn phải chịu cùng lúc một sự biến đổi thành nhiệt độ và ánh sáng. Ánh sáng đột ngột, do đó mà được cắt nghĩa, hay phát xuất từ nguyên nhân của nó, chỉ bởi việc cung cấp tình trạng sự phân phối trước đó về vật chất và năng lượng có liên quan với sự sản sinh ra nó.

Giờ đây chúng ta hãy lấy một sự kiện có phần phức tạp hơn, là quả thật có phải chăng một loại vi khuẩn đặc biệt là nguyên nhân của bệnh lao, hay cái gì đó là nguyên nhân của bệnh lao? Bệnh này được tiêu biểu bởi sự xâm hại của loại vi khuẩn đặc biệt có thể gây ra trong những phần khác nhau của cơ thể. Do thế hậu quả, hay điều kiện của ho lao, có thể được quy kết vào một sự sắp xếp đặc biệt của vật chất và năng lượng. Do thế sự sắp xếp, cũng rất giống với cái đã nổi trội trước đó trong nó và tạo thành một cơ thể sống khỏe mạnh; nhưng ở đó có vật chất và năng lượng, lại là cái gì đó được xác định vị trí khác nhau, như thể đã cấu tạo nên cái gì đó được gọi là một cơ thể đã bị bệnh lao.

Trước khi bị nhiễm bệnh, vật chất và năng lượng trong cấu trúc cơ thể của sinh vật có sự phân bố bình thường. Vào thời điểm bị nhiễm bệnh, có việc thêm vào một lượng rất nhỏ vật chất và năng lượng khác, được phân phối một cách đặc biệt, trong một số những vật thể nhỏ bé được gọi là các vi khuẩn; vật chất và năng lượng mà chúng được tạo thành, cùng với vật chất và năng lượng của một cơ thể khỏe mạnh, phải chịu một sự tái phân phối tiếp theo sau đó, đưa lại kết quả sau cùng trong một sự sắp xếp mới, và đó là đặc tính của bệnh tật. Tất cả các điều này theo các quy luật không thể tránh được, mà đúng là cùng những luật đó vốn kiểm soát sự tái phân phối không ngừng của vật chất và vận động ở trong mọi thành phần của vũ trụ. Nguyên nhân của bất kỳ hiện tượng nào cũng sẽ được tìm ra, khi chúng ta mô tả tình trang có trước đó về việc tham dự của vật chất và năng lượng do chúng đã được phối hợp để tạo ra hiện tượng đó.

Tuy vậy, đối với điều xảy ra trong đời sống thực tiễn, thông thường chúng ta

chỉ quan tâm tới một trong nhiều yếu tố của các thành phần cấu thành đã đưa đến việc tạo nên một hiện tượng. Từ quan điểm khách quan, thì yếu tố này cũng thường cực kỳ vô nghĩa, do thế mà chúng ta sẽ chỉ giới hạn trong việc gợi tới các nguyên nhân của nó mà thôi. Trong ví dụ nêu trên, nguyên nhân trực tiếp và khách quan của chứng bệnh lao phổi đã phát sinh do sự kiện về nguồn gốc, hay là tình trạng có trước đó của sự phân bố vật chất và năng lượng trong sự thiết tạo của lá phổi, cũng như trong điều kiện tạo nên vi khuẩn. Nhưng chúng ta vẫn hay có thói quen xem lá phổi như đã được bảo đảm, và chỉ nại ra những con vi khuẩn như nguyên nhân của tật bệnh...

Quan niệm về nguyên nhân, do thế, có cả một yếu tố chủ quan và một yếu tố khách quan. Về mặt khách quan, nguyên nhân của bất kỳ một hiện tượng nào là tình trạng đi trước của sự phân bố vật chất và năng lượng có liên quan đến hiện tượng đó. Từ quan điểm này, đơn giản nguyên nhân chỉ là hiệu lực của tình trạng đang có của vũ trụ, tại một thời điểm nào đó như là tình trạng đang đi liền ngay trước đó của nó. Còn về mặt chủ quan, tuy vậy, chúng ta vẫn thích thú chỉ ra trong tiến trình của một phần nào đó của vật chất và năng lượng được cấu thành, và chúng ta có thói quen gán ghép tên gọi nguyên nhân cũng chỉ trên yếu tố đặc biệt nằm trong tiến trình đang xảy ra có liên quan tới chúng ta, trong khi còn chỉ ra những điều kiện yếu tố khác nữa.

Định nghĩa nêu trên của nguyên nhân, ngay lập tức cũng soi sáng vấn đề sự khác nhau giữa "thế nào" và "tại sao". Nhiều nhà khoa học tiếp theo sau Mach và Karl Pearson, đã khẳng định khoa học không bao giờ cắt nghĩa được nhiều hơn đối với yếu tố "làm thế nào" các sự kiện xảy ra: bởi nó không bao giờ tiếp cận được tới vấn đề lý giải việc "tại sao" chúng lại xảy ra. Trên điểm thứ hai này, nhân loại vẫn cứ luôn luôn chưa biết được. Do thế họ dựng nên một sự phân biệt nền tảng và sâu sắc giữa "thế nào" và "tại sao", nhằm có được một số rất khiêm tốn những phân tích cần thiết hội đủ để nhằm tách rời chúng ra. Tôi phải hỏi người đọc ngay lập tức nhìn xem vũ trụ như là sự kết hợp của một tổng số cố định về vật chất và năng lượng đang phải chịu sự tái phân bố. Khi xem xét một giai đoạn tạm thời và chịu một điều kiện nhất định nào đó của tiến trình tiến hóa này, mà trong ngôn ngữ bình thường được gọi là sự kiện, chúng ta cũng nên xem xét điều làm thế nào mà chúng ta có thể trả lời được cho cả hai câu hỏi được đặt ra là "như thế nào" và "tại sao" để nó trở thành như thế, khi chúng ta đưa ra được một xác định trọn vẹn về lịch sử xảy ra ngay trước đó của mọi dạng vật chất và năng lượng. Ý tưởng "như thế nào" phù hợp với việc định nghĩa thuần túy khách quan về nguyên nhân như đã được cho thấy ở trên. Và giờ đây chúng ta hãy hỏi "tại sao" khiến cho sự kiện lại xảy ra. Câu hỏi được đưa ra, bởi sự định rõ về mặt lịch sử đã đi trước liền ngay đó, không phải của tất cả vật chất và năng lượng đều như vậy, nhưng chỉ vì thành phần của nó mà *trong đó chúng ta đang tỏ vẻ quan tâm*. "Tại sao" tương ứng với chính sự định nghĩa cuối cùng đó về nguyên nhân. Và như đã được nói trên đây, thì cả hai yếu tố chủ quan và khách quan đã bao hàm trong đó. Thực ra, "tại sao" chỉ đơn thuần giống như điều "làm thế nào" đã được giới hạn; nó ít có nền tảng hơn, nên nó đòi hỏi về mặt lịch sử, không phải của toàn thể vật chất và năng lượng đã được đi vào trong sự kiện, nhưng chỉ là của thành phần đặc biệt của nó đã xảy ra và gợi lên sự quan tâm đặc biệt.

Do thế, mà đối với điều trên đây, mặc dù câu hỏi "làm thế nào" để một sự kiện xảy ra có thể đúng là một câu hỏi trọn vẹn, còn đối với câu hỏi "tại sao" nó xảy ra, thì có thể là nhiều câu hỏi, và tất cả đều đúng..

Giả thử câu hỏi đã được đặt ra "Tại sao tối nay mặt trăng lại tròn?", là một câu hỏi lớn của những câu hỏi đúng có thể được đưa ra, khi chúng ta vẫn không biết đến một lợi ích đặc biệt nào của người hỏi trong vấn đề này. Mặt trăng tròn đầy, bởi vì nó được đặt vào phía đối diện với trái đất nhìn từ phía mặt trời; bởi vì có cả một bề mặt của nó được phản chiếu ánh sáng; bởi vì một tháng qua đã có sự che khuất kể từ lúc khi trăng lại tròn vừa rồi; bởi vì đã có một phần nhỏ của nó bị che khuất nhìn từ trên đường thẳng với mặt trời và trái đất; bởi vì mặt trời chói sáng trên nửa phần bề mặt của nó được quay về hướng trái đất; bởi vì những tia sáng có thể chiếu qua không gian v.v . Câu trả lời của chúng ta cho một cậu bé sẽ lại khác với câu trả lời của chúng ta cho một nhà thiên văn học; bởi vì đối tượng trước vẫn có thể thích thú trong những nét khác nhau của tiến trình, mà không phải đối với người sau. Nhưng để đưa ra được một câu trả lời có mang ý nghĩa đầy đủ đối với câu hỏi *như thế nào*, hay bởi tiến trình ra sao mà trăng tròn xảy ra, thì tất cả các yếu tố này sẽ lần lượt được liệt kê ra. Cái "tại sao" của hiện tượng cũng chẳng khác gì hơn một trường hợp đặc biệt của cái "như thế nào"; và mọi câu hỏi "tại sao" của những hiện tượng nào đó xảy ra vẫn có thể được trả lời tất cả, vì chỉ bởi mối quan hệ như thế nào mà chúng đã xảy ra; nhưng cũng không phải chúng sẽ được trả lời trong một cách khác hơn nào đó; cũng không phải cách hỏi "tại sao" có một ý nghĩa nào đó khác hơn là việc được nhận biết bởi loài người. Trong việc cắt nghĩa lý do tại sao một hiện tượng nào đó lại xảy ra, chúng ta chỉ có sự phân biệt mang tính phức tạp trong việc quyết định điều gì trong vô số các yếu tố có liên quan trong tiến trình có vẻ như nhằm thỏa mãn sự tò mò của người truy vấn. Và tất cả các yếu tố đó, khi chúng được mang ra phân tích, có thể được giải quyết trong một biểu đồ hay trong lịch sử của những thay đổi đã trải qua từ lúc này sang lúc khác bởi chính vật chất và năng lượng đã đi vào trong sự sản sinh ra hiện tượng đó..

Và điều này dẫn tôi tới vấn đề thứ hai tôi phải đối mặt ở đây là vấn đề về Mục đích luận. Cho đến giờ đây, tôi đã nỗ lực trình bày quan niệm về nguyên nhân và hậu quả trong những nội dung chỉ thuần túy có tính Duy vật, nhằm loại trừ mọi sự suy diễn Siêu hình học mang tính siêu việt; là để nhằm xác định mối quan hệ giữa nguyên nhân và hậu quả trong chính những nội dung phân bố lại vật chất và vận động. Giờ thì tôi lại phải thực hiện cùng một công việc như thế đối với quan niệm về mục đích, và đặc biệt hơn nữa, là về mục đích của con người, để chứng tỏ làm thế nào tính chất có mục đích có thể được phiên dịch ra thành những từ ngữ thuần túy vật chất và cơ giới; tức là muốn nói làm thế nào để nó cũng được biểu hiện nhiều giống như một giai đoạn của tiến trình bình thường của sự phân bố lại của vật chất và vận động trong những quy luật luôn cố định và không thay đổi.

Kết cục của việc tìm hiểu này, chúng ta nên lưu ý đến từ ngữ mục đích đã được bao hàm trong cùng một ý nghĩa còn lờ mờ đối với hầu hết mọi từ ngữ vẫn được sử dụng trong cách nói bình dân. Nói chung, một từ ngữ trong cách sử dụng bình dân của nó cần phải được xác định và giới hạn theo một ý nghĩa chính xác nào đó, trước khi nó được thích hợp trong việc sử dụng cho một thảo luận triết học. Trong trường hợp hiện tại, từ ngữ đó vẫn được dùng chung trong ít nhất hai nghĩa rất khác nhau; tính cách hai nghĩa này cũng sẽ dẫn tới sự nhị tính theo những quan niệm đã phát sinh ra từ đó của "Mục đích luận", "Cứu cánh luận", "mục đích" v.v... mà thông thường chúng không tạo ra một sự bối rối và nhầm lẫn nào. Hai ý nghĩa đó có thể được ghép lại một cách thô thiển như một mục tiêu có sự thông minh và một mục tiêu không có sự thông

minh, cùng đồng hóa cả hai vào những từ ngữ máy móc được bao hàm trong hai tuyến khác nhau của sự phân tích. Tôi sẽ tiếp cận trước hết với mục đích tính không thông minh.

Trong trường hợp này, từ ngữ đó thường áp dụng cho một loại nào đó về những mối quan hệ hữu cơ mang một sự liên lạc hiển nhiên với những yêu cầu của cơ thể đang phản xạ. Một con trùng roi *a míp* trong nước luôn ném những chiếc đuôi giả của nó một cách tình cờ theo mọi hướng. Khi một trong những cái đuôi giả này tiếp cận được một chất thể nào đó phù hợp để dùng làm thức ăn, thì một dòng nguyên sinh chất sẽ bao bọc lấy nó và bao trọn cả phần tử nhỏ bé đó, do vậy nó cũng sẽ được đi vào trong cơ thể con trùng roi, và sẽ được tiêu hóa tại đó. Sự phản ứng là có mục đích, trong ý nghĩa có một chuỗi phức tạp của sự vận động nào đó đang được thực hiện, nhằm dẫn tới việc duy trì cơ thể hoạt động.

Theo đúng cách đó, khi chúng ta khảo sát những loài vật có kích thước lớn, chẳng hạn như con bạch tuột khi nó trải rộng những xúc tu của nó trên mặt nước. Một sự tiếp xúc với một chất liệu nào đó thích hợp để làm thức ăn cho nó, thì cái xúc tu đó sẽ quấn quanh lấy sự vật đó và kéo vào trong lòng của con bạch tuột. Hành động này chỉ đơn giản có mục đích biểu hiện sự hiện diện tiếp tục của con vật. Trong mọi loài vật, những vận động và những phản ứng chung là tiên quyết thuộc loại mục đích này. Nếu một đối tượng bỗng đột ngột xuất hiện ra ngay trước mắt chúng ta, thì chúng ta liền tự động nhắm mắt ngay tức thời, và phản ứng này hiển nhiên có mục đích, giống như nhằm hướng đến việc bảo vệ đôi mắt.

Tất cả mọi hành động mang tính bản năng như thế đều có cùng mục đích như nhau, mà hiển nhiên tất cả chúng là thuộc về bản chất của hành động phản xạ, chỉ vận động một cách mù quáng và cũng tất yếu cho kết luận của chúng. Trong sự tiếp xúc với giác tu của con bạch tuột, sự kích thích được áp dụng cho cái giác tu đó như thế, được hình thành bởi những tiến trình hoàn toàn mang tính chất cơ giới trong sự vận động hữu cơ của nó, là kết quả thiết yếu nằm trong những sự co lại như đã quan sát thấy được. Tương tự như vậy trong trường của con người, sự xuất hiện thình linh của một sự vật ở gần sẽ tạo nên một phản xạ lập tức và máy móc tác động vào thần kinh thị giác, làm lan truyền sự hiệu lực của nó cho các nhóm thần kinh có liên quan để dẫn tới việc khiến cho các bắp thịt cử động làm cho khép mí mắt lại. Cùng loại phản xạ như vậy ta cũng hay thấy được nơi các chức năng của cây cỏ. Sự xoay hướng của hoa quỳ hướng tới ánh sáng, và mọi tiến trình của sự hấp thụ, sự thoát hơi nước v.v một mặt nhằm hỗ trợ cho sự sống và sự phát triển của cây cỏi, trong khi đó mặt khác chúng là những phản ứng mù quáng đối với những sự kích thích.

Thế nên một hành vi đơn lẻ có thể cùng lúc vừa có mục tiêu lại vừa máy móc, và điều đơn giản có thể vẫn không có một phân định nào giữa hai cái; nhưng sự khác nhau giữa mục đích và tính cơ giới mù quáng đều chỉ đơn giản phát sinh từ quan điểm của chúng ta, và không phải do từ bất kỳ sự khác nhau nào mang tính khách quan cả. Những phản ứng có mục đích luôn luôn không khác gì với các phản ứng mang tính máy móc, nhưng chúng là những phản ứng mang tính máy móc thuộc một loại nào đó. Không phải mọi loại phản ứng mang tính máy móc đều có mục đích; và còn cần phải xác định những hành vi máy móc nào có thể được mô tả một cách đúng đắn như có mang tính chất mục tiêu, và điều gì chỉ có đơn thuần mang tính chất máy móc mù quáng và vô nghĩa lý.

Sự phân biệt chỉ hoàn toàn là một sự quy ước. Tôi đã trình bày mọi sự kiện trong ánh sáng của sự phân bố lại của vật chất và năng lượng dưới những quy luật cơ giới xác định. Một vài giai đoạn đặc biệt của

sự tái phân bố này, một vài sự kết hợp đặc biệt của vật chất và năng lượng, đang tiến triển, mang tới cho chúng ta một lợi ích đặc biệt, và chúng ta cũng đặc biệt chú ý tới những phát triển mang tính vật chất, và những tiền đề mang đến cho các sự kết hợp đặc biệt nào đó có quan hệ đến chúng ta. Từ những sự kết hợp như thế, điều gây được sự chú ý nhất chính là việc duy trì sự vận động cân đối được chúng ta gọi là đời sống của một vật thể hữu cơ. Sự cân đối này nhờ ở sự kế tiếp bởi những sự kích thích từ cái không có gì hết, được tìm thấy bởi những phản xạ "được thích ứng" trên phần của cơ thể sống; và nó cũng nhằm tới các đối tượng đặc biệt đó của cơ chế máy móc phổ quát như những phản ứng hữu cơ đã được thích ứng mà chúng ta vẫn gọi là những mục tiêu.

Nguồn gốc vật chất của mọi phản ứng có mục đích có thể được cắt nghĩa một cách thích đáng bởi lý thuyết sự chọn lọc tự nhiên. Chúng ta phải giả thiết là tại nguồn cội của đời sống, dấu vết nhỏ nhất đầu tiên của vật chất có sự sống có thể đã được đáp ứng theo một cách thức tình cờ nào đó đối với những sự kích thích gây tác động tới nó từ cái không gì cả. Những cơ thể sống và những tiền cơ thể sống này trong mọi trường hợp sẽ cho ra một sự đáp ứng một cách mù quáng, bởi sự cấu tạo hóa học và vật chất trong nguyên sinh chất của nó. Bởi những quy luật bình thường của sự ngẫu nhiên, phần rất lớn những phản xạ này có lẽ không phải chỉ là như những động lực trong sự tiếp diễn của sự sống, và trong nhiều trường hợp, như thế nó phá hủy được ngay lập tức chính sự sống đó. Nhưng, rồi lại bằng những quy luật thông thường của sự may mắn, có thể xảy ra một số trường hợp có sự phản ứng chống lại các kích thích từ bên ngoài, theo một cách thức nào đó giống như thế, làm hậu thuẫn cho sự tiếp tục của sự sống. Những cơ thể sơ khai, mà sự cấu tạo hóa học của nguyên sinh chất của nó, thuộc loại này, có thể phát huy tác dụng, và được chuẩn bị trước cho sự tồn tục dài lâu về sau này; trong khi những mẫu loại khác của đời sống còn tiềm ẩn trong giai đoạn sơ khai đó lại có thể bị triệt tiêu mất. Những phản ứng của những cơ chế tiền sự sống sống con có thể được gọi là cái gì đó mà chúng ta cho là "có mục đích". Tuy thế, trong ý nghĩa này chúng ta đã có ý gán cho tính mục đích những phản ứng này của vật chất hữu cơ nhằm đi tới thúc đẩy cho sự sống được tiếp diễn từ vật chất hữu cơ này. Bởi tiến trình cơ giới của sự chọn lọc tự nhiên, mà mọi dạng loại của vật chất hữu cơ vẫn phản ứng lại một cách không có mục đích - tức những phản ứng của nó xảy ra không phải nhằm thúc đẩy cho sự tồn tại của nó được tiếp tục - luôn bị suy hủy đi, mà kết quả hoặc cái toàn thể hay thành phần lớn hơn trong mọi hoạt động của con vật vẫn có mục đích trong tính cách của nó. Trước tiên, do thế mà sự chọn lọc tự nhiên chính là nhân tố của mục đích luận vĩ đại. Kết quả rõ ràng của sự phân tích này là mục đích đó như một danh gọi cho một số các hiện tượng vật chất phải hoàn thành trong một điều kiện được chọn lựa một cách độc đoán nào đó, và được giữ lại từ mọi hiện tượng vật chất khác đã không hoàn thành được điều kiện đó. Điều kiện đó thường được lấy ra từ trong những trường hợp đơn giản như yêu cầu của việc duy trì sự sống, và trong số những yếu tố của sự duy trì đời sống này, cũng được chọn lựa chung những điều gì đó mà chúng được bao gồm trong dạng hoạt động hữu cơ. Mọi hoạt động hữu cơ như thế có thể nói được là chúng có một mục đích.

Điểm đặc biệt cần được lưu ý, là mục đích đó thuần túy độc đoán và chủ quan; nó không tương ứng với điều gì đó trong thiên nhiên bên ngoài ca, cũng không phải là những hành vi có mục tiêu trong một cách thức có tính dị biệt nào đó một cách khách quan bởi từ những hành vi chỉ mang tính ngẫu nhiên tình cờ. Bởi sự chọn lựa

một loạt các điều kiện mới cần phải thỏa mãn, hay lựa chọn một tiêu chuẩn mới, có thể trình bày bất cứ một loại sự kiện cơ giới nào như thể nó có mục đích. Chẳng hạn, giả thiết điều kiện đã được thực hiện, thì các hành tinh trong thái dương hệ của chúng ta phải quay quanh mặt trời trong những quỹ đạo mà chúng hiện nay đang có; giả sử chúng ta rất thích thú cá nhân trong việc thực hiện chúng như thế đó, và vẫn lo lắng nhìn xem mọi sự phát triển vật chất trong tinh vân đầu tiên có vẻ như đã dẫn tới một sự hoàn thiện như vậy; giả thiết chúng ta có thể tự chuyển đổi chúng ta nhằm tiến đến quan điểm Vũ trụ học này, khi đó chúng ta có thể khẳng định đúng đắn rằng hấp lực là có mục đích, đúng như chúng ta khẳng định sự chọn lọc tự nhiên là có mục đích. Một điều thì dẫn tới sự cân bằng trong chuyển động của hệ mặt trời, còn điều kia thì dẫn tới sự cân bằng cũng đang vận động trong một cơ thể sống. Loại bỏ đi hấp lực để các hành tinh chuyển động một cách tình cờ, thì hệ mặt trời sẽ không tồn tại nữa. Loại bỏ sự chọn lọc tự nhiên, và như thế thì những cơ thể sống sẽ phản ứng lại một cách tình cờ, và chúng cũng sẽ không thể tồn tại được nữa. Sự song hành đó là hoàn chỉnh... Nếu chúng ta không gọi những sự biểu hiện của vũ trụ là có mục đích, nhưng chỉ gọi những biểu hiện của sự sống là có mục đích, bởi vì chúng ta vẫn rất thích thú đối với cái sau, nhưng lại không thấy thích thú mấy đối với cái trước. Sự liên tục của sự sống, sự thỏa mãn những nhu cầu v.v... là những điều kiện mà dường như đối với chúng ta rất là quan trọng, đến mức cần phải đòi hỏi có một tên gọi đặc biệt dành cho nhóm những yếu tố nổi bật nhất có liên quan trong chúng; tuy thế sự tồn tại của hệ mặt trời, và sự gắn liền một cách ổn định những hành tinh vào các quỹ đạo của chúng, không phải là một chủ đề có mang tính chất quan trọng quá mức như thế, hay là của một ảo tưởng không ngừng nghỉ như thế trong sự sống nói chung, cũng như việc đòi hỏi cần phải tạo nên một tên gọi đặc biệt. Một sự vận động có mục đích, do thế cũng chỉ là một trường hợp bình thường trong việc phân bố lại của vật chất và năng lượng. Tên được dùng đến trong những trường hợp đó như chất và năng lượng vẫn được cố kết trong cơ cấu đó và chúng ta gọi đó là một cơ thể sống, được áp dụng cho những dạng hoạt động như thế của cơ thể sự sống, trong việc đưa tới sự tồn tại của sự sống nơi chính nó.

Giờ đây tôi sẽ đi đến một dạng hoạt động thứ hai, mà đối với nó tên gọi mục đích vẫn được áp dụng, tức muốn nói đến các trường hợp của sự hoạt động chịu sự quy chiếu vào một mục đích một cách có ý thức và có sự thông minh đã được nhìn thấy trước; chẳng hạn như các hành vi được gợi lên bởi ý chí có ý thức trong đời sống của con người. Những hoạt động này nhìn chung như thuộc một cấp độ cao hơn về phương diện Mục đích luận so với những phản ứng không có sự thông minh đã được xem xét cho tới lúc này; và trong nhiều việc sử dụng từ ngữ "mục đích", việc quy chiếu chỉ có ý định hướng tới những điều tiên liệu trước, không có sự thông minh này của các sự kiện tương lai, và đi tới những hoạt động được thể hiện ra trong kết quả của những việc tiên liệu trước như thế. Trong ý nghĩa này, mục đích vẫn theo liền với ý chí, và những hành động có mục đích thì hoặc nhiều hoặc ít luôn cùng đồng nghĩa với những hành động có ý chí. Vấn đề đặt ra trước chúng ta, tuy thế có phải chăng ý chí có thể được hiểu trong cơ chế sơ đồ vật chất vẫn chi phối mọi hiện tượng tự nhiên khác, hay phải chăng đó là cái gì đó nằm ở bên ngoài và độc lập, được biết như không có một quy luật nào, và do thế mà cũng không dẫn tới những sự tranh cãi khoa học. Và vấn đề này, hơn thế nữa, phải chăng là cái gì khác hơn chính vấn đề của ý chí tự do, quan điểm tất định,

quan điểm duy sinh, quan điểm duy cơ giới, quan điểm duy tinh thần, và quan điểm duy vật, và vẫn phù hợp theo với quan điểm mà từ đó chúng ta tiếp cận với nó.

Không hề có sự khác nhau nào về phẩm chất giữa các phản xạ đơn giản, và phản xạ cao nhất, hay những phản ứng phức tạp nhất do hệ thần kinh đã phát triển, đã có thể biểu hiện. Trong những sinh vật thấp nhất, hệ thần kinh được thích ứng một cách đơn giản cho việc bảo đảm những phản xạ từ bề mặt bên ngoài, cho một trung tâm thần kinh nào đó, trong khi tiến hành một phản xạ mới, theo một dây thần kinh khác và quay trở về ngoại vi, tạo nên một sự co bóp hay một sự vận động khác nào đó. Tổng phương cách chỉ thuần túy cơ giới. Hiện giờ hệ thống thần kinh được biết là phát triển nhất, đã phát sinh do sự tiến hóa, qua những giai đoạn tuần tự, từ chính dạng thức đơn giản nhất này, và cách thức phát triển đó vẫn là chủ yếu trong sự kết hợp của hành vi phản xạ. Từ một cung phản xạ đơn giản, đã phát sinh những cung phản xạ khác phức tạp hơn, rồi cùng hội nhập vào với nhau trong một hệ thần kinh lớn. Thay vì chỉ có một đường thần kinh chạy xuyên suốt từ vùng ngoại vi vào nơi trung tâm, thì có nhiều đường thần kinh cũng cùng chạy vào; một sự đa dạng tương ứng cũng xảy ra trong những đường thần kinh tỏa ra đó. Trung tâm cũng vì thế mà được tăng cường thêm với sự nhận thức qua việc kết hợp một cách phức tạp đó. Nó được chẻ nhỏ ra thành một số lớn những thần phần cấu thành, rồi chính chúng lại liên kết nhau bởi từng bó những sợi thần kinh, và những trung tâm cao hơn, cứ phát triển lên thêm mà chúng nhận được ở những phản xạ từ các trung tâm thấp hơn, và cũng gửi trở lại những trung tâm khác. Nhưng cung phản xạ đơn giản thì vẫn duy trì như những đơn vị của hoạt động nền tảng và của các dạng cấu trúc. Tuy nhiên, cho dù hệ thần kinh phát triển phức tạp và vô hạn bao nhiêu, thì nó vẫn cứ được xây dựng trên cung phản xạ nền tảng, và do thế mà lại bao gồm vô số những cung phản xạ được cấu thành cùng nhau trong mọi loại dạng. Cung phản xạ luôn có tính chất cơ giới trong chức năng của nó; do thế mà hệ thần kinh đã phát triển cũng vẫn mang tính cơ giới trong các chức năng của mình. Bất cứ nơi đâu có một sự gián đoạn nào đó trong sự phát triển, thì nơi đó chúng ta có thể giả thiết là có một yếu tố mới và không mang tính cơ giới đã làm cho nó xuất hiện.

Mối quan hệ giữa hệ thần kinh có sự cấu tạo cao của con người, đối với cung phản xạ sơ đẳng, tương ứng với mối quan hệ giữa tính có mục đích thông minh mà giờ đây đang được tranh luận, và tính có mục đích không có sự thông minh như đã phân tích ở trên. Thế thì chúng ta cần xem xét điều gì mà những phản xạ của hệ thống thần kinh được gọi là có mục đích, và điều gì vẫn được nhìn nhận chỉ thuần túy là ngẫu nhiên.

Một trong các đặc tính nổi bật của hệ thần kinh đã phát triển cũng được so sánh với hệ thống sơ khai, là sự kích thích không dưa tới ngay một hành động. Trong con vật sơ khai, sự kích thích liền tức thời đi theo ngay sự co rút. Trong con vật đã có sự phát triển cao, sự kích thích có thể chỉ đơn thuần gây ra một hiệu quả trên hệ thần kinh, mà không tạo nên một phản ứng bên ngoài nào. Tuy vậy, hệ thần kinh ở một mức độ nào đó vẫn bị tác động bởi sự kích thích, để trong những thời điểm tương lai, sẽ phát sinh ra từ đó những cái vẫn được phát sinh nếu không có một sự kích thích nào giống như thế đã từng được kinh qua. Thế thì cũng một hệ thần kinh, mà có thể bắt đầu với một hành động nhưng không có bất kỳ một sự kích thích đi trước trực tiếp nào từ bên ngoài nào. Thay vì chỉ là một sự sắp xếp nguyên sơ, chỉ do một sự kích thích làm phát sinh một phản xạ lập tức và đơn giản, thì một sự kích thích như thế

lại có thể xâm nhập vào trong hệ thống thần kinh, và lưu lại những hệ quả sẽ được tích chứa trong đó. Nó đã tự tích chứa lấy nó, và hòa vào trong hệ mạng thần kinh phức tạp; và từ đó tạo nên một sự biến đổi nào đó đối với chính hệ mạng này, cũng sẽ từ đó tác động vào những phản ứng đối với các kích thích vào nó. Chuỗi dài kích thích và phản ứng vẫn còn mơ hồ. Trong một hệ thống thần kinh phát triển cao, các kích thích không ngừng đi vào, mà không còn mang mối quan hệ tức thời một cách trực tiếp nào đối với sự phản xạ không ngừng phát ra. Bộ não cung cấp một kho chứa vĩ đại và một nền tảng sáng tỏ cho những xung động thần kinh, đến nỗi những ấn tượng đi vào, và những xung động phát sinh ra từ nó đã mất đi một phần lớn sự quan hệ ngay lập tức của chúng. Những luồng đi vào sẽ tự thích ứng chúng trong tác động của một sự tái sắp xếp nào đó của vật chất và năng lượng thuộc về bộ não. Những luồng đi ra cũng chịu theo một cách tương tự, trong nhiều trường hợp, đối với những sự tái sắp xếp xảy ra trong bộ não, như sản phẩm của một số những yếu tố bên trong và bên ngoài, hơn chỉ là đối với bất kỳ một sự kích thích cá thể bên nào ngoài. Đối với điều này, vẫn phụ thuộc vào điều gì đó xảy ra đối với người quan sát từ bên ngoài, giống như thế sức mạnh khởi đầu của bộ não, và mọi loại như thế những hoạt động của nó được biết như sự lựa chọn, ý chí v.v... đối với những nhà tâm lý học.

Vậy chúng ta cũng hãy lượng giá ý nghĩa đúng mức của những hành vi đó vốn đã được miêu tả như có một mục đích thông minh. Như những hoạt động có lý trí và tự chủ, đến một mức độ nào đó, chúng có thể bị loại khỏi kiểu thức đơn giản của hành vi phản xạ, mà trong đó sự phản ứng đi liền ngay sau sự kích thích từ bên ngoài. Chúng thuộc về phạm trù trong đó sự kích thích ngay lập tức nằm trong chính bộ não, và được xem như những sự tái sắp xếp của vật chất và năng lượng vốn đã được chứa đựng chính trong bản thân của bộ não. Bộ não trong suốt quá trình ý thức, có thể không bao giờ yên tĩnh, và sự hoạt động không ngừng của nó đã cung cấp sự kích thích, không chỉ vì có một mục đích, nhưng còn vì mọi hành vi mang tính chất trí năng. Thế nên sự hoạt động thường xuyên này của bộ não có thể được phân chia ra thành một số những loại khác nhau được biết về mặt tâm lý học dưới các tên gọi như ký ức, tưởng tượng, lý luận v.v... Mặc dầu sinh lý học thần kinh chưa tiến xa tới mức đủ để khiến chúng ta nói được điều gì là những loại khác nhau của những tiến trình vật chất trong bộ não tương ứng với những tiến trình tâm lý học này; do thế cũng không nghi ngờ gì sự phân biệt về mặt tâm lý học vốn đặt cơ sở trên chính sự phân biệt hiện có nào đó trong các hoạt động xảy ra tương ứng trong bộ não. Trong số những tiến trình bộ não này, có cái được biết như các sự ham muốn về mặt tâm lý học đối với một đối tượng sự vật bên ngoài nào đó, hay đối với các sự kiện, như một sự nhắm tới của một hiện tượng bên ngoài trong tính cách là đích điểm hay mục tiêu phải đạt tới được. Sự ham thích này, do vậy có thể tác động trên những thần kinh khác nhau, và làm phát sinh những hoạt động được biết như chúng có mục đích. Yếu tính của hành động có mục đích, và tiêu chuẩn mà từ đó được phân biệt với những loại khác của những hành động, chính là "mục tiêu" đó hành động được hướng tới như đã được thể hiện trước đó trong bộ não của người đó, và tạo nên một sự kích thích cho hành động. Sự kích thích tổng hợp được phát sinh, như tôi đã nói, từ sự cấu thành của một số lớn những sự kích thích sơ khởi mà nó đã nhận được trước đó. Trong đó về mặt tâm lý gồm có một biểu hiện mơ nhạt của cảm giác được trình bày một cách sống động bởi sự nhận thức về một điều nào đó xảy ra ở bên ngoài. Và khi sự

biểu hiện mờ nhạt này lại vận động trong chức năng của sự kích thích, nó làm kích động các cơ bắp, và sự co rút của chúng sẽ đáp ứng với điều gì đó xảy ra từ bên ngoài đang được biểu hiện, thì chúng ta cũng cho điều gì đó được gọi là một hành động có mục đích thông minh.

Sau đây là sự phân tích được đồng hóa với điều gì đó đã được sử dụng trong sự mô tả mục đích không có sự thông minh. Sự khác nhau chỉ là sự kích thích thuộc trường hợp sau thì gồm một tiếp xúc đơn giản từ bên ngoài, được thay thế bởi một dạng kích thích bộ não mang tính phức tạp, được xây dựng trên và được sản sinh ra bởi một số lớn những sự kích thích này, vốn đã thủ đắc từ những giai đoạn có trước đó, và dĩ nhiên cũng được xác định bởi cấu trúc của bộ não. Có thể đặt vấn đề về tiến trình nào đã xảy ra làm cho một biểu thị tâm lý (hay bộ não) lờ mờ do một cảm giác mong muốn nào đó có thể làm phát sinh ngay một loạt phức tạp những hoạt động cơ bắp cần thiết đối với sự nhận thức hiện thời của cảm giác này. Câu trả lời cũng giống như trong trường hợp mục đích không thông minh, khi chúng ta đã tìm hiểu việc làm thế nào những sự kích thích như thế được cung cấp bởi sự tiếp xúc với một phần tử thức ăn nào đó đã được đưa ra ngay vào đúng những sự co bóp để hấp thụ phần thức ăn đó vào trong bản thân của cơ thể sống. Câu trả lời đã được gợi lên như là sự *chọn lọc tự nhiên*. Trong tất cả mọi trường hợp những sự kích thích phức tạp của bộ não tạo ra một loạt hoạt động cơ bắp, lại không xảy ra phù hợp với mục tiêu nhắm tới, thì cơ thể sống sẽ bị loại trừ. Chỉ có một số nhỏ là tồn tại được, do sự hoạt động của bắp thịt khi đó đã được thực hiện một cách đúng đắn.

24

Niềm tin và lý trí *

THÁNH THOMAS AQUINAS

(1225? - 1274)

Bằng cách nào có thể hiểu được Chân lý thiêng liêng. Bởi không phải tất cả mọi sự thật đều được hiểu theo cùng một cách, *và đó chính là một phần của con người có giáo dục để tìm kiếm niềm tin nơi mỗi chủ thể, và cũng chỉ tới mức độ nào đó mà bản chất của chủ thể có thể cho phép*, bởi nhà triết học [tức Aristotle] đã hoàn toàn đúng khi quan sát thấy điều, đã được trích dẫn bởi Boethus, cần thiết trước hết phải chỉ rõ ra được mọi điều để bằng cách thức nào đó có thể hiểu được chân lý đã được đề cập đến.

Vậy chính trong những sự việc đó mà chúng ta vẫn cho là thuộc Thượng Đế, sự thật có được trong hai cách. Đối với một vài sự vật, mà nếu là đúng thuộc về Thượng Đế, thì chúng hoàn toàn vượt quá khả năng lý trí của con người; chẳng hạn như Thượng Đế vừa là ba và một: trong khi đó có những sự vật khác thì ngay cả lý trí tự nhiên cũng có thể đạt tới được, chẳng hạn Thượng Đế thì hiện hữu, Thượng Đế chỉ có một, và còn những điều khác nữa cũng tương tự như thế, mà ngay cả những nhà triết học cũng đã chứng minh được về Thượng Đế, do đã được hướng dẫn bởi chính lý trí tự nhiên.

Có những chân lý thiêng liêng nào đó hoàn toàn vượt quá khả năng lý trí của con người, là điều hầu như quá rõ ràng. Bởi vì nguyên lý mọi sự hiểu biết mà lý trí đòi hỏi về một sự vật, chính là sự hiểu về điều gì đó là căn cơ nhất của sự vật đó, bởi cứ theo lý thuyết của các nhà triết học về nguyên tắc của sự chứng minh, thì *cái gì mà sự vật vốn có*, cũng sẽ đưa tới sự hiểu biết của chúng ta về sự vật đó luôn được ngang bằng với sự hiểu biết của chúng ta về chính yếu tính của nó. Do thế mà nếu trí năng của con người có thể hiểu về một sự vật đặc thù nào đó, chẳng hạn một hòn đá, hay một hình tam giác, thì cũng không có một chân lý nào về sự vật đó có thể vượt lên quá khả năng lý trí của con người. Nhưng điều này không xảy ra cho chúng ta trong mối quan

* Trích từ *Summa Theologica* và *Summa Contra Gentiles*, Cuốn I, Chương 1-13.

hệ với Thượng Đế, bởi vì trí năng của con người từ năng lực tự nhiên của nó vẫn không có thể nào đạt tới được sự hiểu biết về sự hiện hữu của chính thực tại đó: bởi sự hiểu biết về trí năng của chúng ta chỉ phù hợp với mô thức của đời sống hiện tại, vốn xuất phát từ các giác quan: do thế mà các đối tượng sự vật nào không phải là đối tượng của những giác quan, thì cũng không thể nào được hiểu biết bởi trí năng của con người, trừ phi tới một mức độ nào đó mà sự hiểu biết chúng đã được thu thập do từ những điều chỉ mang tính chất cảm giác. Thế nên, những tính chất thuộc cảm giác vẫn không thể nào dẫn chúng ta tới được sự hiểu biết về chính tính cách của Thượng Đế, bởi vì chúng vẫn là những hiệu lực không hề ngang bằng với chính quyền năng của nguyên nhân của chúng. Và do thế mà trí năng của chúng ta vẫn được hướng dẫn bởi những gì cảm nhận được nhằm đi tới sự hiểu biết mang tính cách thiêng liêng, để từ đó hiểu biết được về Thượng Đế theo cách như thế nào đó, cùng những chân lý khác đã được gán cho Nguyên lý đệ nhất. Phù hợp theo một số những nguyên lý thiêng liêng có thể đạt tới được bằng lý trí con người, trong khi đó những cái khác nói chung lại vượt trên khả năng của trí tuệ con người.

Lại nữa, cũng dễ dàng thấy được những cấp độ của trí năng như thế. Bởi vì nếu một trong hai người nhận thức về một sự vật nào đó với chính trí năng của họ, nhưng với một sự tinh tế, thì người có trí năng thuộc cấp độ tinh vi hơn, hẳn phải hiểu được nhiều tính chất sự vật đó hơn mà người kia nói chung là khó có thể lãnh hội được; chẳng hạn một kẻ quê mùa thì chắc chắn không thể nào nhận thức được những vấn đề vi tế trong lãnh vực triết học. Cũng giống như thế, trí năng thần thánh thì vượt quá khả năng thông thường của trí tuệ con người, còn hơn cả khả năng của nhà triết học thông minh nhất vượt quá khả năng của con người ít văn hóa nhất. Bởi vì một thiên thần thì biết về Thượng Đế thông qua một hiệu quả cực kỳ tốt hơn một con người có thể có được; bởi vì tố chất của thiên thần thì quả thật cao hơn rất nhiều để nhờ đó có thể có cho phép sự hiểu biết về Thượng Đế một năng lực nhiều hơn, cực tốt hơn là những sự vật cảm tính, và còn hơn cả chính linh hồn nữa, và bởi đó mà trí năng con người được kết tụ lại thành sự hiểu biết về Thượng Đế. Và trí năng thiêng liêng thì vượt quá năng lực thiên thần, nhiều hơn cả năng lực thiên thần vượt quá con người. Bởi vì trí năng thiêng liêng, do bởi khả năng của nó, cũng ngang bằng với yếu tính thiêng liêng, do thế mà Thượng Đế hoàn toàn tự hiểu được chính mình, và còn tự mình biết được tất cả mọi sự, nhưng chúng thì chỉ có thể được hiểu biết bởi chính Thượng Đế: Tuy thế thiên thần không thể biết điều gì về bản chất của Thượng Đế chỉ bằng sự hiểu biết tự nhiên của mình, bởi vì yếu tính của thiên thần tự bản chất phải dẫn tới được sự hiểu biết về Thượng Đế, vì là một hiệu lực không ngang tầm với sức mạnh từ nguyên nhân của nó. Do thế một thiên thần bởi bản chất của mình vẫn không có khả năng nắm bắt được tất cả những gì thuộc bản chất của Thượng Đế: cũng như thế, con người cũng không có khả năng nắm bắt được những hiểu biết về bản chất của thiên thần, chỉ do bản chất trong năng lực tự nhiên của mình. Cũng chính vì thế, một người chỉ có thể tự tỏ ra giống như điên khùng, không được lành mạnh, nếu tuyên bố những khẳng định của các nhà triết học là sai lầm, bởi vì anh ta không thể có khả năng hiểu về họ như thế, và cũng giống như thế, một người có thể cực kỳ điên dại, nếu nghi ngờ cho là sai lạc những gì mà Thượng Đế đã mặc thị ra qua chính các thiên thần của ngài, bởi vì chúng không thể nào là đối tượng tìm hiểu của chính lý trí.

Vả lại, cũng một nội dung như thế đã tỏ ra hết sức rõ ràng, bởi chính sự thiếu

thốn về điều gì mà mọi ngày chúng ta vẫn kinh nghiệm được trong sự hiểu biết của chúng ta đối với các sự vật. Bởi chúng ta không hề biết gì nhiều về đặc tính của những sự vật thuộc cảm giác, và trong nhiều trường hợp, chúng ta vẫn không thể khám phá được bản chất của những đặc điểm này mà chính chúng ta đã nhận biết được do bởi các giác quan của chúng ta. Bởi thế mà lý trí con người lại càng có ít khả năng nhằm tìm hiểu về tất cả những chân lý của chính bản thể cao cả nhất.

Với điều này mà câu nói của nhà triết học cũng phù hợp với điều ông ta cho rằng *trí tuệ của chúng ta trong tương quan với những sự vật nguyên thủy này, mà điều rõ ràng nhất trong bản chất của chúng, cũng giống như con mắt của con dơi đối với ánh sáng của mặt trời.*

Đối với chân lý huyền nhiệm này, hẳn cũng có những chứng cứ của nó. Vì đã từng có người viết: *Ngươi muốn biết rõ từng bước về Thượng Đế, và muốn tìm ra chính bản chất thật sự của Ngài ư? Thì hãy nên tin rằng Thượng Đế luôn thật sự lớn lao, vượt lên quá mọi khả năng nhận thức của chúng ta, nên chúng ta chỉ có thể biết được từng phần.*

Do thế mà mọi điều gì được nói về Thượng Đế, cho dù không thể nào tìm hiểu được nó bằng lý trí, thì cũng không thể vì thế mà có thể vất bỏ đi được chỉ vì cho là sai lầm, giống như là những người Maniche và những người không có đức tin nghĩ như vậy.

Vì chân lý của những điều thiêng liêng không thể nào đạt tới được bằng lý trí, thì vẫn rất đáng để được con người ta tin tưởng. Do thế trong khi những chân lý về điều gì đó mà con người có thể hiểu biết được bằng lý trí về Thượng Đế, lại có hai mặt; mà một mặt là những khía cạnh do lý trí con người có thể đạt tới được; còn khía cạnh kia thì hoàn toàn vượt ra ngoài mọi khả năng hiểu biết của con người, và cả hai điều đó vẫn hoàn toàn thích hợp để cho con người trở thành chính đối tượng của niềm tin tưởng vào Thượng Đế. Chúng ta trước hết phải chứng tỏ ra điều này theo khía cạnh đó của chân lý, có thể đạt tới được nhờ sự truy tìm của lý trí, cho dù vẫn có vẻ như có một vài điều không thể nào đạt tới được bằng lý trí, nên tất nhiên cũng vô ích làm cho nó trở thành đối tượng của niềm tin, bởi những cảm thức siêu nhiên. Thế nên ba điểm bất lợi đó là kết quả, nếu chân lý đó chỉ dành cho sự hiểu biết của lý trí. Có một điều là ít người có thể hiểu biết được về Thượng Đế: bởi vì có rất nhiều cản ngại cho việc lượm lặt các kết quả trong việc chuyên chú truy tìm để nhằm khám phá ra chân lý, cho chính ba lý do đó. Thật vậy một số người do tính chất của tính khí, nên không được thuận lợi mấy trong việc truy tầm chân lý; do thế mà cũng không thể có được những nỗ lực để nhằm thúc đẩy họ vươn tới các khả năng đạt tới mức độ cao nhất trong sự hiểu biết của con người, mà trong đó có yếu tố về sự hiểu biết Thượng Đế. Một số người thì bị ngăn cản bởi những yêu cầu của các công việc hàng ngày. Bởi vì những nhu cầu trong xã hội con người, mà một số người đành phải dấn mình vào những công việc phàm tục, do đó họ cũng không còn được nhiều thời gian để có thể hiến thân cho những hứng thú của việc chiêm ngắm, tìm hiểu, nhằm đạt tới đỉnh cao trong sự hiểu biết của con người, mà trong đó đích thực phải có sự hiểu biết về Thượng Đế. Và một số người lại bị ngăn cản chỉ do sự lười nhác. Bởi vì để đạt tới được một sự hiểu biết về Thượng Đế, và trong những sự vật đó mà lý trí con người có thể có khả năng tìm hiểu được, thì cần thiết phải có một sự hiểu biết tiên quyết đã có trước, đối với nhiều sự vật: bởi vì hầu hết các sự xem xét về triết học, sẽ dẫn đến sự hiểu biết về Thượng Đế: đó chính là lý do của khoa Siêu hình học, nhằm việc tìm hiểu về những thực thể thiêng liêng, mà cũng là

phần cuối cùng của triết học, và cần phải được nghiên cứu. Do thế, không thể đi tới sự tìm hiểu về chân lý đã nói trước đây được, trừ phi chỉ sau một sự truy tìm lâu dài: và có một ít người vẫn muốn phải dấn thân vào trong công việc này, chỉ vì chính tình yêu thương sự hiểu biết, vì lòng ham muốn tự nhiên đối với điều gì đó, tuy thế Thượng Đế chưa từng bao giờ đưa vào trong tinh thần con người.

Sự bất lợi thứ hai, những người nào muốn đạt tới sự khám phá ra chân lý đã nói trước kia, chỉ có thể thành công được trong một nỗ lực lâu dài. Trước hết, bởi vì sự thật thì rất nhiều khê, chỉ có thể đạt đến được sau một thời gian truy tìm lâu dài, mà tinh thần con người phải trải qua, để nhờ đó trí tuệ mới có thể nắm bắt được nhờ phương tiện của lý trí. Thứ hai, bởi vì nhiều sự vật còn đòi hỏi phải có ngay trước mắt, như được xác định ở trên. Thứ ba, bởi vì vào thời tuổi trẻ, tinh thần khi đó phải đụng chạm với nhiều sự vận động khác nhau của đam mê, thì không thích hợp cho sự hiểu biết về chân lý cao cả; chính do vì *sự tĩnh lặng mang lại sự thận trọng và sự hiểu biết,* giống như đã được xác định trong Aristote. Do thế con người chỉ có thể phải ở lại trong chiều sâu thẳm, tăm tối của dốt nát, nếu con đường của lý trí chỉ là một con đường hiệu lực cho sự hiểu biết về Thượng Đế: bởi vì sự hiểu biết về Thượng Đế đặc biệt làm cho con người toàn hảo và tốt đẹp, thì cũng chỉ một ít người có thể thủ đắc, và chỉ bằng chính con đường đó, sau một thời gian rất lâu dài.

Sự bất lợi thứ ba, là nhiều sự sai lầm có thể bị trộn lẫn với với sự truy xét của lý trí con người; chỉ do tính chất yếu đuối của trí tuệ chúng ta trong việc đưa ra các lý lẽ để phán đoán, và cũng bằng lý trí của sự hàm hồ trong nhận thức. Do thế nhiều người vẫn cứ mãi ngờ vực về những điều đó, ngay cả khi chúng đã được chứng minh một cách đúng đắn, mà do không nhận biết ra được chính sức mạnh của những việc chứng minh: nhất là khi họ nhận thấy những sự vật khác nhau đã được truyền dạy bởi những con người khác nhau, được gọi là những con người khôn ngoan. Hơn thế, trong số những chân lý đã chứng minh được, có đôi khi lại có một sự trộn lẫn với sự sai lầm đã không được chứng minh, nhưng vẫn cứ cho là vì một lý do khả thể hay ngụy biện nào đó, mà nhiều khi nó đã có sự nhận thức sai lầm đối với một sự chứng minh. Do thế, điều cần thiết là phải xác định cho chắc chắn, và sự thật thuần túy về những sự vật thiêng liêng cũng cần phải được đưa ra bởi chính con người và bằng con đường của đức tin.

Phù hợp theo đó, bản chất tốt lành của thực tại thiêng liêng đã đưa ra một mệnh lệnh bổ ích, mà ngay cả một vài thực thể mà lý trí có thể truy tìm được, cũng cần phải được giữ gìn bởi niềm tin: do thế mà tất cả đều có thể cùng dự phần vào sự hiểu biết về Thượng Đế một cách dễ dàng, không phải có sự nghi ngờ hay sai lầm nào.

Vì vậy cũng đã từng được viết thế này: *ngươi cứ như thế nhằm thẳng hướng mà đi, nhưng đừng có tỏ ra hợm mình để không còn có được nhận thức sáng suốt nữa,* và: *Tất cả con cái các ngươi sẽ được dạy dỗ để biết Chúa.*

Vậy những sự vật nào đó vốn không thể truy ra được bởi lý trí thì thích hợp cho con người như chính nó là đối tượng của đức tin. Có vẻ như vẫn có một vài sự vật nào đó mà không thể tìm hiểu được chúng bằng lý trí, có thể khuyến dụ con người cần chuyển thành đối tượng của đức tin: bởi vì sự khôn ngoan thiêng liêng sẽ mang lại cho mỗi sự vật yếu tố phù hợp với cách thức nơi bản chất của nó. Do vậy chúng ta cần phải chứng minh điều đó cũng cần thiết đối với những sự vật vẫn vượt quá lý trí con người này, mà vốn được khuyến dụ bởi Thượng Đế nhằm cho con người như chính nó đối tượng của đức tin.

Bởi vì chẳng có ai muốn làm một điều gì chỉ vì lòng ham muốn và nỗ lực của mình, trừ ra trước đó anh ta đã biết về chính điều đó. Do thế mà người ta vẫn được hướng tới bởi sự ân sủng thiêng liêng, để đi đến một bản chất con người có giá trị cao hơn là sự yếu kém vốn có, để có thể đạt tới được nó trong đời sống hiện tại, cũng như chúng ta sẽ cũng phải cần chứng tỏ được trong tiến trình đó về chính sự cần thiết của nó đối với tinh thần anh ta, nhằm đạt tới điều gì đó cao hơn những điều gì mà lý trí chúng ta có thể đạt tới được trong cuộc sống hiện tại. Và điều này cũng thật đặc biệt như thế trong Thiên Chúa giáo, như những ý nghĩa duy nhất hứa hẹn những giá trị về tinh thần và vĩnh cửu tốt đẹp: bởi vì lý do đó mà cũng khuyến dụ về nhiều sự vật vượt quá tư tưởng con người: tuy rằng luật cũ có chứa đựng những lời hứa về các sự việc thế tục, cũng đã khuyến dụ về một vài sự vật vốn vượt lên trên khả năng tìm hiểu của con người. Cũng với chính lý do này mà những nhà triết học, trong ý đồ muốn giải phóng con người ra khỏi những lạc thú giác quan nhằm giúp họ vươn tới đức hạnh, mà sự cẩn trọng cũng đã chỉ ra cho thấy có những điều tốt khác còn lớn hơn những điều gì chỉ được biểu hiện qua các giác quan, trong cảm giác, và chúng sẽ mang tới cho chúng ta nhiều điều thú vị hơn để được dấn mình vào sự chiêm ngưỡng hay vào các hoạt động mang tính chất giá trị đức hạnh.

Thế nên điều cần thiết đối với sự thật này, là sự khuyến dụ đối với con người trong tính cách như là một đối tượng của niềm tin, để sẽ có được sự hiểu biết chân thực hơn về Thượng Đế. Bởi khi đó chúng ta mới được biết về Thượng Đế một cách chân thực, khi chúng ta đã có niềm tin Ngài vượt trên tất cả mọi điều gì con người có thể nghĩ tới được về Thượng Đế; bởi vì bản chất thiêng liêng này vượt lên quá các khả năng nhận thức của con người, giống như đã được xác nhận ở trên. Do thế mà đã có một vài điều gì đó về Thượng Đế đã được khuyến dụ đến với con người, như nó vượt xa lên quá lý trí của chúng ta, để sẽ được củng cố thêm trong ý kiến của mình việc Thượng Đế vẫn vượt lên quá xa tất cả những gì mà cá nhân con người có thể nghĩ được về Ngài.

Từ đó cũng đi tới kết quả về một lợi điểm khác, mà đúng ra từ điều này, cần tới sự kiểm chứng lại các tiên kiến như chúng là gốc gác của các sai lầm. Đối với một điều gì đó mà có người có tiên kiến rất đậm về mặt khả năng trí tuệ của mình, do họ nghĩ họ có khả năng trắc lượng được toàn bộ bản chất các sự vật chỉ nhờ bởi trí năng của họ, trong đó họ cứ vẫn tự cho rằng mọi sự vật đều đúng giống như họ nhìn thấy, và cho là sai điều gì họ không thấy. Chính vì thế, để cho tinh thần con người có thể giải phóng ra khỏi được sự tiên kiến này, và tìm đến được sự thật một cách khiêm tốn, tất phải cần vài sự vật nào đó vượt xa lên trên trí năng của anh ta, để có thể cho đó là do chính Thượng Đế đã phú xuống cho con người.

Vậy là có được một lợi điểm khác nữa đã được làm cho hiển nhiên nhờ bởi những từ ngữ của nhà triết học. Bởi vì khi một Simonides nào đó chủ trương con người cần phải quên đi sự hiểu biết về Thượng Đế, và chỉ ứng dụng đầu óc của anh ta vào những sự việc con người, rồi tuyên bố rằng *một con người chỉ cần quan thiết đến những điều gì thuộc con người, và là một con người hữu tử thì chỉ quan tâm đến điều gì hữu hạn:* thì nhà triết học sẽ nói ngược lại anh ta, và cho rằng *một con người có thể tự cống hiến mình cho những sự vật thiêng liêng, bất tử, đến chừng mực nào anh ta có thể làm được.* Thế tức ông ta muốn nói điều đó dù sao cũng chẳng phải có vấn đề gì khi chúng ta nhận thức được về những bản thể cao hơn, kể cả nó cũng đáng yêu hơn một chút gì đó, và còn ham muốn hơn tất cả sự mọi hiểu biết mà chúng ta có được về những bản thể thấp hơn. Ông ta cũng nói khi những câu

hỏi về các thiên thể trên bầu trời có thể được trả lời bằng một giải đáp ngắn và khả hữu, thì sẽ làm người nghe cũng rất được vui thích. Tất cả những điều này cho thấy mặc cho các tri thức về những sự vật cao nhất hẳn là không thể hoàn chỉnh như mong muốn, nhưng nó cũng giúp có được một sự trọn vẹn cho linh hồn: và do vậy mặc dù lý trí con người không thể nắm bắt đầy đủ được về mọi sự vật vượt lên trên năng lực lý trí, song tuy vậy nó cũng đạt tới được một sự hoàn hảo nào đó, nếu ít ra nó cũng đã nắm bắt được rất nhiều điều nơi các sự vật, trong bất cứ một thế cách nào đó bởi niềm tin.

Do thế cũng đã thấy viết: *Nhiều sự vật cho thấy luôn vượt quá các khả năng hiểu biết của con người, và: Những sự vật ... thuộc về Thượng Đế thì không ai có thể biết được, vì đó chính là bản thể tinh thần của Thượng Đế: nhưng đối với chúng ta, vẫn đã được mặc khải về nó bởi chính tinh thần của Thượng Đế.*

Vậy đó không phải là dấu hiệu của sự ngờ vực để cho rằng các sự vật đó thuộc về đức tin, mặc dù chúng vượt quá xa lý trí. Nên chúng ta phải thật sự tin vào điều này, *là nó là vẫn được lý trí cung cấp cho một bằng chứng, để không phải chỉ tin tưởng một cách nhẹ dạ, giống như kiểu nghe theo các bài ngụ ngôn dại dột.* Bởi vì sự khôn ngoan thiêng liêng thì tự nó biết được mọi sự vật một cách đầy đủ, để nhằm vén mở cho con người *điều bí mật nơi sự khôn ngoan thần thánh của Thượng Đế:* và bằng những lập luận thích hợp, đã chứng tỏ được sự hiện hữu của Ngài và chân lý nơi lý thuyết và ước nguyện của Ngài, bởi việc hoàn thành các công việc vượt lên trên mọi bản chất thường tình của chúng, giống như sự chữa lành cho người bệnh, việc làm cho người chết sống lại, hay một sự kiểm soát ngoạn mục đối với tất cả thiên thể trên bầu trời, và điều gì cũng càng khiến phải có sự kinh ngạc lớn hơn, đó là nguyện vọng tinh thần của con người, kể cả những kẻ mù chữ và kém hiểu biết, là được thể hiện cùng với tinh thần thần thánh, và chỉ trong một thoáng chốc đã có thể đến được với sự khôn ngoan cao quý và hùng hồn nhất. Và sau khi xem xét những lập luận này, được thuyết phục bởi sức mạnh của bằng chứng, nhưng không phải bởi sức mạnh của khí giới, cũng không phải bởi lời hứa hẹn của những lạc thú, nhưng - và điều này là sự kỳ diệu lớn nhất của tất cả - cả trong hoàn cảnh bạo ngược của những sự ngược đãi, một đám đông rất lớn, không phải chỉ là những người bình thường, mà cũng không phải những người khôn ngoan nhất, đã ôm ấp niềm tin Thiên Chúa giáo hàm chứa cả những sự vật vượt xa mọi sự hiểu biết của con người, đã vượt được những lạc thú của xác thịt, và cũng biết truyền dạy cả sự coi khinh những lạc thú trần tục. Tức tinh thần của những tồn tại hữu tử cũng cần nên hài lòng với những sự việc như thế, như cả hai điều lớn nhất của các điều kỳ lạ, và là công việc hiển nhiên của nguyện vọng thiêng liêng, cho thấy được họ bất chấp những sự vật hữu hình, mà chỉ mong muốn được hướng đến những cái vô hình. Và điều này đã xảy ra không phải ở trong tính chất bất ngờ hay ngẫu nhiên, mà bởi sự sắp xếp của Thượng Đế, và cũng cho thấy qua sự kiện giống như đã nói, là Ngài làm thế do những sấm truyền kỳ bí của những nhà tiên tri, và những cuốn sách của họ được chúng ta tôn kính như mang các chứng tích về đức tin. Loại bằng chứng đặc biệt này cũng đã được ám chỉ đến bằng những từ ngữ của Thánh tông đồ Phao lô: *Cái đó*, mà nói đúng là sự cứu rỗi cho loài người, *đã bắt đầu được tuyên bố bởi Chúa, và đã được khẳng định với chúng ta bởi họ, rằng họ đã nghe thấy thấy tiếng nói của Chúa, và cũng mang tới bởi những bằng chứng là các dấu hiệu và những phép lạ, và ... những ban phát các điều huyền nhiệm khác nữa.*

Vậy thì một câu chuyện ngoạn mục như thế về thế giới theo niềm tin Thiên Chúa

giáo, hầu như là bằng chứng không thể phủ nhận được về những dấu hiệu đã xảy ra, đến nỗi cũng chẳng cần có yêu cầu nào phải lặp lại nó nữa, vì nhìn thấy sự hiển nhiên của chúng trong các kết quả đã có. Bởi vì đó vẫn sẽ là dấu hiệu kỳ diệu nhất cho tất cả, nếu không có bất cứ một dấu hiệu kỳ lạ nào khác mà chính thế giới đã được thuyết phục bởi những con người bình dị, thấp kém, tin tưởng vào các sự việc đó một cách hết sức nhiệt thành, để nhằm hoàn thành được những công việc cực kỳ khó khăn, và hy vọng vào những giá trị cao cả như thế. Mặc dù Thượng Đế ngay trong chính thời đại của chúng ta, vẫn không ngừng tạo ra những phép lạ, thông qua những vị thánh của Ngài trong sự khẳng định về đức tin...

Vì chân lý của lý trí không thể đi ngược lại chính niềm tin của Thiên Chúa giáo. Thế nên mặc dầu chân lý như đã được nói trên đây của niềm tin Thiên Chúa giáo luôn vượt trên những khả năng lý trí của con người. Tuy vậy những sự việc này cũng đã được len vào lý trí một cách tự nhiên, cũng không thể nào đối nghịch lại với chính sự thật này. Bởi vì rõ ràng những sự việc đó đã được cấy vào trong lý trí do bản chất là đúng nhất, cũng chẳng khác gì việc không thể cho là chúng là sai lầm. Cũng chẳng phải không đúng với quy luật tự nhiên mà cho là nó sai lầm do niềm tin, bởi vì nó hiển nhiên được xác nhận là do Chúa. Nếu cho rằng chỉ có sự sai lầm mới đối ngược lại với sự thật thôi, thì cũng hiển nhiên như thế chúng ta chỉ xem xét có những định nghĩa của chúng, vì điều đó cũng không thể nào cho rằng sự thực như đã nói về niềm tin là trái ngược với những nguyên lý đã do lý trí biết được một cách tự nhiên.

Lại nữa, cùng một sự việc mà tinh thần của người tông đồ nhận thấy được từ vị thầy của mình, vẫn chứa dựng kiến thức của vị thầy, trừ ra khi vị thầy đó dạy không thành thật, nhưng là sai lạc khi nói về Thượng Đế. Vậy thì sự hiểu biết về những nguyên lý đã được biết một cách tự nhiên, vốn đà được đưa sẵn vào trong bản thân chúng ta bởi Thượng Đế kể từ lúc chính Ngài là tác giả bản chất của chúng ta. Do thế sự khôn ngoan thiêng liêng cũng đã chứa đựng những nguyên lý này. Bởi vậy bất cứ điều gì trái ngược với các nguyên lý này, thì cũng trái ngược với sự khôn ngoan thiêng liêng đó; bởi vì nó không thể đến từ Thượng Đế. Tuy thế, những sự việc đã được nhận thức bởi niềm tin từ sự vén bức màn thiêng liêng đó lên, cũng không thể trái ngược lại với các sự hiểu biết tự nhiên của chúng ta.

Hơn thế nữa, trí năng của chúng ta cũng đã được sắp đặt bởi những lập luận trái ngược, để cho không thể dẫy tới được sự hiểu biết về chân lý. Do thế, nếu những sự hiểu biết mâu thuẫn nhau đã được đưa vào trong bản thân chúng ta ngay từ đầu bởi Thượng Đế, thì trí năng của chúng ta cũng sẽ vì thế mà bị ngăn cản không cho biết được điều gì về chân lý. Và điều này cũng không thể được quy cho bản chất của Thượng Đế.

Hơn thế nữa, những sự vật vốn vẫn tự nhiên không thay đổi trong suốt quá trình thiên nhiên tồn tại. Vậy thì những ý kiến trái ngược nhau cũng không thể nào cùng nhau có được ở trong cùng một chủ thể. Do vậy mà Thượng Đế cũng không thể cấy trước vào trong con người bất cứ ý kiến hay niềm tin nào đi ngược lại với sự hiểu biết tự nhiên.

Do thế vị Tông đồ đã bảo: *Ngôi Lời đã vẫn có trong ngươi, ngay cả trong con tim của ngươi và trong miệng của ngươi. Đây là Ngôi Lời của niềm tin mà chúng ta đã nói ra.* Thật thế, bởi vì nó vượt lên quá xa lý trí của con người, mà có khi nó được nhìn nhận như một sự nghịch lý; nhưng điều đó thì không thể có được.

Điều này cũng đã được khẳng định bởi uy thế của Thánh Augustin, khi ngài nói: *Điều gì Chân lý có thể cho ta thấy rõ, có thể đối ngược hoàn toàn những gì của Thánh thư Cựu ước hay Tân ước.*

Từ điểm này, chúng ta có thể hiển nhiên kết luận bất cứ lập luận nào được xem như chống lại lời dạy của đức tin, thì chúng không diễn tiến đúng theo được với những nguyên lý hiển nhiên đầu tiên vốn đã được cấy vào ngay trong bản chất. Do thế mà chúng thiếu sức mạnh để chứng minh, hoặc cho những phán đoán có thể có, hoặc cho các loại ngụy biện, và kết quả vẫn khó có thể giải quyết được chúng.

Trong mối quan hệ nào có được giữa lý trí con người với chân lý của đức tin. Thật thế có thể dùng sự quan sát để nhận thấy rằng chính cảm giác mà lý trí con người đã tạo lập ra nguồn gốc các sự hiểu biết của nó, nhưng vẫn lưu lại một vết tích nào đó trong sự tương tự với Thượng Đế, dù không thể hoàn thiện được như thế, đến nỗi đã chứng tỏ, cùng với sự không thích đáng, việc biểu lộ về chính bản chất tự có của Thượng Đế. Bởi vì những hiệu quả cũng giống với những nguyên nhân của chúng, phù hợp theo với cách thức riêng của chúng, bởi vì cũng giống với hành vi đã diễn tiến ra từ nhân tố tương tự này; và do thế mà hiệu quả là không luôn luôn đạt tới một sự giống nhau hoàn toàn với nhân tố đó. Theo như thế đó, lý trí con người thích ứng với sự hiểu biết về chân lý của đức tin, như nó có thể được biết ở trong mức độ cao nhất, chỉ bởi những người nào nhìn thấy được bản thể thiêng liêng, và trong chừng mực nào mà điều này có thể được đặt cùng với một số những phán đoán có thể có được trong sự nâng đỡ điều này, nhưng lại không bao giờ đủ để khuyến khích chúng ta hiểu biết về chân lý đã được nói trước nay, như nó đã được chứng minh cho chúng ta thấy, hay đã được chúng ta thấu hiểu. Và tuy vậy những phán đoán này có lẽ cũng yếu, do chỉ hữu dụng với tinh thần con người để thực hành trong đó, trong chừng mực nào nó không thể tự hãnh diện về chính mình như điều gì đã được hiểu, hay đã được chứng minh; bởi vì mặc dù quan điểm của chúng ta về những sự việc cao siêu nhất vẫn luôn bị hạn chế và yếu lý; thì nó vẫn phải làm hài lòng, nhất là nó có thể giúp để nắm bắt được về dấu tích của chúng, và có vẻ giống như nó vẫn thuộc về những điều gì đó đã được nói tới.

Uy thế của Hilary cũng trong sự đồng ý với điều khẳng định này: vì ông ta đề cập tới trong khi nói cùng về một sự thật: *Bắt đầu bằng sự tin tưởng vào những sự việc này, cứ tiến tới, kiên trì; và dù tôi vốn biết người không muốn tiến tới, tôi vẫn sẽ vui sướng về sự tiến bộ của con người. Đối với những ai nhiệt tình theo đuổi trong cái chuỗi dài vô hạn đó, cho dù sẽ không bao giờ tới được với nó, thì vẫn sẽ luôn luôn tiến tới được trong sự tiến bộ. Nên cũng chẳng cần gì chúi mũi vào sự bí mật, mà cũng không cần chìm đắm vào sự bí nhiệm về việc phát sinh của cái vô hạn; cũng không cố gắng tìm nhằm nắm bắt điều gì là đỉnh cao của sự hiểu biết: nhưng nên hiểu rằng có những sự vật con người không thể nào nắm bắt được.*

Về trật tự và qui trình của sự việc này. Theo như thế, điều gì từ đó chúng ta hiển nhiên gán cho nó như ý định của người khôn ngoan, sẽ dẫn tới chân lý có tính hai mặt về những sự việc mang tính thiêng liêng, và đi đến việc chối bỏ những sự sai lầm trái ngược: tìm hiểu lý lẽ có thể đạt tới được một trong những điều này, trong khi điều kia thì vượt lên trên mọi nỗ lực của lý trí. Và tôi muốn nói sự thật hai mặt của những sự việc thiêng liêng, không phải thuộc phần của Thượng Đế, vì ngài chính là cái Một và đơn giản, nhưng là thuộc về phần hiểu biết của chúng ta, hay mối quan hệ trong việc hướng tới sự thay đổi điều hiểu biết về những sự việc thiêng liêng.

Do thế để rút ra được điều thứ nhất của sự thật, chúng ta phải tiến hành với những phán đoán nhằm chứng minh để qua đó có thể thuyết phục được những kẻ thù của chúng ta. Nhưng bởi những sự phán đoán như thế vẫn không có giá trị

nhằm hỗ trợ loại thứ hai của sự thật, nên ý đồ của chúng ta không phải nhằm thuyết phục những kẻ đối kháng lại chúng ta chỉ bằng các lập luận của chúng ta, nhưng là phải giải quyết những phán đoán mà ông ta đã mang ra để chống lại chân lý, bởi vì như đã nói ở trên, lý lẽ tự nhiên không thể đối kháng lại được chân lý của đức tin. Theo cách đặc biệt, có thể kẻ đối kháng với chân lý thuộc loại này bị thuyết phục bởi thẩm quyền của Kinh Thánh đã được xác nhận do bởi Thượng Đế qua các phép lạ: bởi vì chúng ta không tin tưởng điều gì vượt lên trên lý trí của con người lại có thể có được, nếu không nhờ Thượng Đế khải thị nó. Tuy vậy, trong sự hậu thuẫn của loại sự thật này, có một số các lập luận có thể phải bị rút bỏ đi trong thực tế, và cần dựa vào sự trợ giúp của niềm tin, nhưng vẫn không phải nhằm cho sự quyết đoán nơi các đối thủ của chúng ta, bởi thật sự không hội đủ từ những lý luận này, thì thà cứ xác nhận chúng chỉ là sai lầm, nếu họ cho rằng chúng ta chỉ đồng ý trong sự thật của niềm tin dựa trên yếu tố của những lập luận yếu kém như thế đó.

Rồi với ý đồ trong phương thức đặt cơ sở, trước hết với tất cả mọi nỗ lực chúng ta, sẽ tuyên bố sự thật về đối tượng sự thú nhận do đức tin và những truy tìm về các lý lẽ, bằng cách giản chế bớt các lý luận, cả mặt chứng minh và tính khả thể...

Về phần ý kiến của những người vẫn luôn luôn cho rằng không thể chứng minh được là Thượng Đế hiện hữu, bởi vì chính điều đó là một chân lý hiển nhiên. Có vẻ như một điều gì vô ích nhằm để cố chứng minh sự hiện hữu của Thượng Đế: họ bảo hiển nhiên Thượng Đế tồn tại, cho nên cũng không thể nào nghĩ về một điều trái ngược lại được, và như vậy cũng không cần phải chứng minh có Thượng Đế. Những lý lẽ cho quan điểm này, như sau đây:

(1) Những sự việc đó được cho là hiển nhiên, và chẳng mấy chốc sẽ được biết, giống như những từ ngữ đã biết: có nghĩa chẳng mấy chốc cũng sẽ được biết điều gì đó như là một toàn thể, và điều gì đó như là một thành phần, và cũng được biết cái toàn thể thì luôn lớn hơn cái thành phần của nó. Chính do thế mà cũng xác nhận được việc *Thượng Đế* hiện hữu. Đối với từ ngữ này, *Thượng Đế* được chúng ta hiểu như là một sự vật lớn hơn mọi cái gì do nếu không thể nghĩ là cái đó: điều này là ý nghĩa của việc một người nhận thấy được trong đầu óc của người đó như thế, khi anh ta nghe và hiểu về từ ngữ *Thượng Đế* này: cho nên Thượng Đế ít nhất cũng phải đã tồn tại ở trong chính đầu óc của anh ta. Cũng chẳng phải anh ta chỉ có nó một mình trong đầu óc, vì đối với cái gì đó vừa có trong đầu óc, vừa có trong thực tại, thì phải lớn hơn cái gì chỉ có trong đầu óc mà thôi. Và ý nghĩa đích thực nhất của từ ngữ đó, cho thấy không có cái gì lớn hơn Thượng Đế cả. Do thế mà điều hiển nhiên phải đi tới, là Thượng Đế phải hiện hữu, bởi vì là điều đã được làm sáng tỏ từ chính ý nghĩa của từ ngữ này.

(2) Có thể suy nghĩ về sự việc có một sự vật không thể nào được cho là không hiện hữu: và một sự vật như thế thì phải hiển nhiên lớn hơn điều gì mà chúng ta có thể nghĩ là nó không hiện hữu. Do vậy nếu Thượng Đế có thể được cho là không hiện hữu, thì sẽ đi tới chỗ phải có cái gì đó có thể được cho là lớn hơn Thượng Đế: và điều này lại trái với ý nghĩa của từ ngữ đó. Bởi thế việc còn lại hiển nhiên chính điều Thượng Đế phải hiện hữu.

(3) Những mệnh đề như thế là hiển nhiên nhất đối với chính bản thân sự việc như là thuộc tính của nó, chẳng hạn: *Con người là con người;* hay trong đó thuộc tính đã được bao hàm trong định nghĩa của chủ thể, chẳng hạn: *Con người là một con vật*. Thế nên... chỉ trong Thượng Đế chúng ta mới tìm thấy sự hiện hữu của Ngài mà thôi, vì đó cũng chính là yếu tính của Ngài, cũng giống như câu trả lời tương tự cho câu hỏi *Thượng Đế là*

gì? hay là câu hỏi *Ngài có hiện hữu không?* Và vẫn phù hợp như thế khi chúng ta nói *Thượng Đế hiện hữu*, là thuộc tính, hoặc đồng nhất với chính chủ thể, hay ít nhất nó cũng đã được bao gồm trong định nghĩa về chủ thể. Và như vậy cũng sẽ rất hiển nhiên việc Thượng Đế hiện hữu.

(4) Những sự vật được biết tới một cách hoàn toàn tự nhiên, thì tự chúng cũng hiển nhiên, bởi vì không cần phải có một tiến trình tìm kiếm nào để nó được trở thành hiển nhiên cả. Cho nên đã được biết một cách tự nhiên là Thượng Đế hiện hữu, bởi vì lòng ham muốn của con người luôn tự nhiên hướng về Thượng Đế như là mục đích sau cùng của mình... Do thế mà rất hiển nhiên là Thượng Đế hiện hữu.

(5) Và do thế mà mọi sự vật đã được biết, tự nó cần phải hiển nhiên. Thượng Đế cũng giống như thế. Bởi vì chỉ do ánh sáng mặt trời là nguyên lý vẫn nhìn thấy được của thị giác, cho nên ánh sáng thiêng liêng cũng chính là nguyên lý của mọi sự hiểu biết thuộc trí tuệ, bởi vì chính trong đó mà trước hết và trên hết ánh sáng của trí tuệ được tìm thấy. Do thế mà phải thừa nhận điều hiển nhiên là Thượng Đế hiện hữu.

Chính trong các tính chất này và những lập luận tương tự, mà có ý kiến cho rằng việc hiển nhiên là Thượng Đế hiện hữu, là điều đối với tinh thần không thể nào suy nghĩ ngược lại.

Sự chối bỏ các ý kiến thông thường vốn có và giải pháp về những lý luận được nói tới. Ý kiến thông thường vốn có và người ta vẫn thường có thói quen nói tới ngay từ đầu, là việc nghe và gọi tên Thượng Đế. Thế thì thói quen, đặc biệt nếu nó vốn từng có từ thuở bé thơ, đã có được sức mạnh của một bản chất tự nhiên, với kết quả chính là tinh thần giữ chặt đối tượng sự vật này cùng với nó, như đã được thấm nhuần ngay từ thuở ấu thơ một cách chắc chắn, cho dù tự nó vẫn hiển nhiên. Cũng đi tới một kết quả này, là việc không thể phân biệt được điều gì chỉ hiển nhiên theo cách đơn thuần, và điều gì hiển nhiên cho chính chúng ta. Bởi vì đơn thuần hiển nhiên là Thượng Đế hiện hữu, và bởi vì sự hiển nhiên trong chính bản chất Thượng Đế là như thế, là phải có sự hiện hữu. Nhưng do bởi chúng ta không thể nhận thức được bằng tinh thần về chính sự hiện hữu đó là Thượng Đế, cho nên sự vật vẫn cứ chưa thể biết hết được đối với chúng ta. Do thế một cách đơn thuần sự tự hiển nhiên là cái toàn thể thì lớn hơn các thành phần của nó, nhưng nếu có người nào đó lại không thể chiêm nghiệm ra được chính ý nghĩa của cái toàn thể bằng tinh thần đó, thì lại hẳn nhiên cũng không thể nhận biết về nó được. Bởi vậy chính những sự vật đó là hiển nhiên nhất trong tất cả mọi cái gì về phương diện tinh thần, chẳng khác nào như ánh sáng của mặt trời đối với đôi mắt của con cú, giống như đã được Aristotle thừa nhận.

Cũng chẳng phải vì thế mà lập luận đầu tiên đã được viện dẫn ra, và chẳng bao lâu sau đó thì ý nghĩa của từ ngữ *Thượng Đế* đã được hiểu, được biết như Thượng Đế hiện hữu. Trước hết, bởi vì nó đã được biết đối với tất cả, ngay cả đối với những người nào vẫn quyết chắc có một Thượng Đế, và Thượng Đế là cái gì đó lớn hơn cả cái không lớn hơn có thể được nghĩ tới được, bởi vì đã có nhiều người trong số những nhà triết học xưa kia khẳng định chính thế giới này là Thượng Đế. Chẳng phải một kết luận như thế có thể lượm lặt được từ ý nghĩa mà Damascene đã gán cho từ ngữ *Thượng Đế* này. Thứ hai bởi là vì cũng đã bảo đảm cho mọi người được hiểu về từ ngữ *Thượng Đế* này như nhằm tới ý nghĩa của điều gì đó hơn chỉ là cái lớn hơn mà không thể nghĩ tới được của sự hiện hữu trong thực tại. Bởi vì chúng ta cần phải viện dẫn về một sự vật trong cùng một cách như chúng ta đã viện dẫn ý nghĩa theo tên gọi của nó. Thế nên từ sự kiện

chúng ta nhận biết được bằng tinh thần điều gì mà từ ngữ *Thượng Đế* nhằm có ý muốn được nhận thức tới, thì cũng không đi tới việc Thượng Đế là một cái gì khác hơn điều chỉ có trong tinh thần. Bởi vì cũng chẳng phải vì thế mà một sự vật lớn hơn thì không thể được suy nghĩ về nó một cách khác hơn là trong tư tưởng. Và do thế mà không dẫn tới việc trong thực tại có một cái gì đó hơn cả cái lớn hơn không thể suy nghĩ tới được. Do thế mà điều này vẫn không phải là một lập luận chống lại những người nào khẳng định không có Thượng Đế; bởi vì bất cứ điều gì được bảo đảm là hiện hữu, cho dù trong thực tại hay trong tư tưởng, thì cũng không có cái gì ngăn cản được một người có thể nghĩ về cái gì cái đó lớn hơn, trừ phi anh ta bảo đảm được trong thực tại có cái gì đó hơn là cái lớn hơn mà không thể nghĩ tới được.

Lại nữa, không thể đưa tới sự việc giống như lập luận thứ hai nhằm đến, nếu có thể nghĩ Thượng Đế không hiện hữu, thì cũng có thể nghĩ có cái gì đó khác lớn hơn Thượng Đế. Bởi vì nếu có thể nghĩ được Ngài không hiện hữu, thì cũng không phải do bởi sự không hoàn hảo của Ngài như là điều gì đó chắc chắn, vì trong chính bản thân Ngài, thì Ngài vẫn thể hiện như là cái gì cao nhất; nhưng đó chỉ vẫn do kết quả bởi sự yếu kém của trí năng chúng ta, để có thể thấy được là không phải ở trong chính bản thân Ngài, mà chính là do những hiệu lực nơi chính ngài, để có thể bằng các lập luận, để dẫn tới việc biết Ngài hiện hữu.

Do vậy mà lập luận thứ ba cũng được giải quyết. Bởi vì do thế cũng hiển nhiên đối với chúng ta việc một cái toàn thể thì lớn hơn cái thành phần của nó, và như thế nên điều hiển nhiên nhất đối với những ai thấy được yếu tính quan trọng nhất của Thượng Đế là phải hiện hữu, bởi vì yếu tính của Ngài cũng chính là sự hiện hữu của Ngài. Nhưng bởi vì chúng ta không thể nhìn thấy được yếu tính của Ngài, nên chúng ta đã đi tới việc biết sự hiện hữu của Ngài không phải tự trong chính bản thân Ngài, mà chính là trong các hiệu lực của Ngài.

Sự giải quyết về lập luận thứ tư cũng đã sáng tỏ. Bởi vì con người biết đến Thượng Đế một cách tự nhiên, trong cùng một cách như anh ta ao ước Ngài một cách tự nhiên. Thế nên vì con người ao ước Ngài một cách tự nhiên, trong những mức độ tự nhiên nào đó mà người ta vẫn mong mỏi về hạnh phúc, cũng rất giống với sự tốt đẹp thần thánh. Do thế cũng không đi tới việc Thượng Đế được con người xem Ngài trong chính bản chất tự nhiên của Ngài một cách tự nhiên, nhưng chỉ là sự yêu thích Ngài giống như thế. Do vậy con người cần phải đi tới bằng lý luận để biết được về Thượng Đế trong những sự yêu thích của họ đối với Ngài, và cũng chính bởi điều đó mà người ta đã khám phá ra trong chính bản thân Ngài các hiệu lực của Ngài.

Cũng có thể dễ dàng đáp ứng với lập luận thứ năm. Vì Thượng Đế là điều gì mà trong đó tất cả mọi vật đều được biết, nên không phải như các sự vật khác không được biết, trừ khi Ngài đã được biết, giống như sự kiện những nguyên lý tự nó là hiển nhiên, mặc dù mọi sự hiểu biết về Ngài chỉ được tạo thành do bởi chúng ta đã rút ra được từ Ngài.

Những phán đoán về chứng cứ trong sự hiện hữu của Thượng Đế... Cách thứ nhất giống như sau. Bất cứ vật gì đang chuyển động, là do sự kích hoạt bởi một vật khác: và điều đó là đúng trong ý nghĩa đối với một vật nào đó, như mặt trời chẳng hạn, hiện đang trong chuyển động. Do thế, mà việc nó chuyển động, là do được một cái gì đó khác đã làm cho nó chuyển động. Thế thì một vật gì đó chuyển động, thì hoặc do nó đã chuyển động hay không. Nếu nó không chuyển động, thì điều cần chứng minh, là chúng ta phải nhất thiết định có một tiền đề cho sự

chuyển động không có nguyên do chuyển động: và cái này chúng ta gọi nó là Thượng Đế. Tuy thế, nếu nó chuyển động, thì nó phải chuyển động là do một cái khác chuyển động. Vậy nên, hoặc chúng ta phải tiến hành một cách vô hạn, hay là chúng ta phải đi tới một cái vận động mà không có cái vận động trước nó. Nhưng không thể có tiến trình một cách vô hạn. Do đó phải cần thiết ra một tiên đề là phải có cái vận động mà không do sự vận động có trước nó.

Lập luận này chứa đựng hai mệnh đề cần phải được chứng minh: chủ yếu là *bất cứ cái gì đang vận động thì phải được vận động do một cái khác, và không thể tiến trình một cách vô hạn trong chuỗi những sự vật tạo ra chuyển động và những sự vật phải bị chuyển động...*

Cách thứ hai, là từ bản chất của tính nhân quả đủ. Trong thế giới về ý nghĩa, chúng ta nhận thấy có một trật tự những nguyên nhân túc lý.❖ Chưa có một trường hợp nào được biết (cho dù vẫn có thể có được) ở trong đó có một sự vật được tìm thấy như là nguyên nhân túc lý cho chính nó; bởi vì nếu như thế, thì nó phải là tiên quyết cho chính nó, là điều không thể nào có được. Thế nên, trong số những nguyên nhân túc lý, thì không thể đi tới vô tận được, bởi vì trong mọi nguyên nhân túc lý, có cái tiếp theo sau trong trật tự, có cái đầu tiên là nguyên nhân của những nguyên nhân trung gian, còn nguyên nhân trung gian là nguyên nhân của nguyên nhân sau cùng, hoặc nguyên nhân trung gian có thể là một vài cái nào đó, hay chỉ có một cái. Nên nếu loại bỏ nguyên nhân đi, thì cũng là loại bỏ đi chính kết quả. Do vậy, nếu không có nguyên nhân đầu tiên trong số những nguyên nhân túc lý, thì cũng sẽ không có nguyên nhân sau cùng nữa; cũng như sẽ cũng không có nguyên nhân trung gian nào. Thế thì, nếu trong chuỗi những nguyên nhân túc lý lại có thể đi tới vô hạn, thì cũng sẽ không có nguyên nhân túc lý nào đầu tiên nào, cũng như sẽ không có hậu quả sau cùng nào, và cũng chẳng có bất cứ những nguyên nhân túc lý trung gian nào cả; mọi cái của nó chỉ đơn thuần là sai lầm. Tuy thế, cần thiết phải chấp nhận một nguyên nhân túc lý đầu tiên, mà đối với nó mọi người cùng gọi tên là Thượng Đế.

Cách thứ ba, được lấy từ khả năng và sự cần thiết, và cũng giống như thế. Chúng ta nhận thấy được trong những sự vật tự nhiên, là có thể chúng hiện hữu hoặc không hiện hữu, bởi vì chúng được nhận thấy việc đã được tạo ra, và bị hủy hoại đi, và do thế chúng có thể tồn tại hay không tồn tại. Nhưng không phải những điều này luôn luôn hiện hữu, do thế mà chúng nó cũng có thể không hiện hữu tại một lúc nào đó. Vì vậy mà mọi sự vật đều có thể không hiện hữu, nên vào một lúc nào đó có thể chẳng có cái gì hiện hữu cả. Do thế, nếu điều này đúng, thì ngay cả giờ đây cũng chẳng có một sự vật nào hiện hữu cả; bởi vì vật gì đó không hiện hữu, thì chỉ có thể bắt đầu hiện hữu do một cái gì đó đã hiện hữu. Bởi vậy, cùng một lúc nào đó, nếu không có cái gì hiện hữu, thì cũng sẽ không có cái gì đó bắt đầu hiện hữu được; và như thế, ngay cả hiện giờ cũng không có cái gì hiện hữu hết - điều này là vô lý. Vì thế, không phải tất cả mọi sự tồn tại đều có thể có

❖ Từ ngữ "nguyên nhân" có khá nhiều nghĩa. Chẳng hạn "nguyên nhân" của một người đi Mexico để thực hiện một thỏa ước chính trị nào đó. Nhưng trong những nghĩa khác, thì nguyên nhân có thể chỉ một số những lực vật lý nào đó trong thân thể và trong con tàu đang đưa anh ta đi. Khi đó những nhà triết học lại muốn hạn chế các nguyên nhân hiểu theo nghĩa sau; nói cách khác, nó nhằm chỉ rằng cái gì mà về mặt Vật lý học nó tạo ra hiệu quả và thường xảy ra trước trong thời gian, thì họ thường sử dụng từ ngữ "nguyên nhân túc lý".

được, nhưng phải có sự hiện hữu của chính một cái gì đó thật sự rất cần thiết. Nhưng mọi sự cần thiết, thì hoặc là do sự cần thiết của nó đã được tạo ra hay không bởi một cái khác. Thế nhưng không thể đi tới chuỗi vô hạn về các sự vật cần thiết được tạo ra bởi cái khác, giống như đã từng được chứng minh về mặt các nguyên nhân túc lý. Do thế, chúng ta không thể xây dựng được định đề sự hiện hữu của một vài cái gì đó là do bởi tự nó có sự cần thiết của chính nó, mà không cần nhận phải được do từ một cái khác; mà đúng ra nó chỉ tạo nên cho những cái khác sự cần thiết của chúng. Điều này mọi người đều cùng cho đó chính là Thượng Đế

Cách thứ tư, được lấy từ sự xuống cấp nhận thấy được trong các sự vật. Trong số các sự vật, có những cái hoặc là tốt, đúng, cao quý, xấu, nhiều, hay ít hơn, và cứ thế. Nhưng "nhiều hơn" hay "ít hơn" là thuộc tính của các sự vật khác nhau, phù hợp với nó trong những cách khác nhau, và có cái thì đạt tới được mức tối đa, hay có cái được nói là nóng hơn, theo tính cách là giống hay bằng với cái nóng nhất; do thế cũng có cái là đúng nhất, có cái thì tốt nhất, có cái là cao quý nhất, và vì đó mà cũng có vài cái gì đó là cực kỳ nhất; bởi vì những cái này là lớn nhất thật sự, như chính Aristotle đã viết. Nên cái tối đa trong một sự phát sinh nào đó phải là nguyên nhân của tất cả trong mọi cái đã phát sinh. Như lửa là cái tối đa của tất cả mọi cái nóng, là nguyên nhân của tất cả mọi sự vật nóng. Do thế cũng có một cái gì đó có tất cả mọi nguyên nhân của mọi sự hiện hữu của chúng, như điều thiện và mọi cái hoàn hảo khác, và chúng ta gọi cái đó là Thượng Đế.

Cách thứ năm, được rút ra từ sự cai quản thế giới. Chúng ta thấy có những sự vật không có sự thông minh, như các sự vật tự nhiên, vẫn hành động cho một mục đích, và điều này hiển nhiên những hành động của chúng là luôn luôn hay gần như luôn luôn cùng một cách, nhằm để có được các kết quả tốt nhất. Vì thế sự thật đơn giản, không phải chỉ có tình cờ, mà vốn được chỉ định trước, để cho chúng đạt tới được mục tiêu nào đó. Thế thì bất cứ cái gì không có trí thông minh, không thể tự vận động tới một mục đích, trừ phi chúng đã được hướng dẫn bởi điều gì đó vốn đã có sự hiểu biết và trí thông minh; như mũi tên được bắn trúng vào mục tiêu của nó, là do chính người bắn cung. Bởi thế phải có một hiện hữu có trí thông minh nào đó để mọi sự vật khác trong tự nhiên có thể được hướng dẫn để đi tới được một mục đích; và cái đó phải được chúng ta gọi là Thượng Đế.

25

Sự hiện hữu, sự kiện và việc tồn tại *

GEORGE EDWARD MOORE

(1873 - 1958)

Nói chung, điều gì đó mà chúng ta vẫn thường hiểu theo ý nghĩa của các câu chữ như "thật sự", "hiện có", "là một sự kiện", "có tồn tại", và "có thật"? Tính chất nào, hay đặc điểm nào của nội dung các từ ngữ này, mà chúng ta vẫn thường hiểu chúng theo nghĩa đó?... Có vẻ như đó đều là những sự vật tưởng tượng thuần túy, cho dù ngay cả khi chúng tuyệt đối tự mâu thuẫn, giống như một hình vuông có dạng tròn, nên tất phải có một loại của *tồn tại* - còn phải *là* cái gì đó trong một ý nghĩa - đơn giản chỉ vì chúng ta suy nghĩ, và chúng ta nói về chúng. Nên dường như đã hoàn toàn sáng tỏ rằng trong một ý nghĩa nào đó, thì không *có*, và không thể nào có được một sự vật mà nó vừa tròn, lại vừa vuông như thế: nhưng nếu nó không có, thì làm thế nào mà chúng ta lại có thể nghĩ và nói về nó được? Và tôi chắc chắn là không thể nào nghĩ và nói về nó. Tôi đang thử làm điều đó hiện giờ. Và không phải chỉ có việc tôi có thể thực hiện và tin tưởng vào những mệnh đề về nó: tôi có thể tạo được những mệnh đề *đúng* về nó. Tôi biết rằng một hình vuông dạng tròn, nếu có được một sự vật như thế, thì có thể nó vừa tròn mà vừa không tròn: đó là một sự kiện cho thấy điều này là như thế. Và giờ đây khi đang nói rằng không thể có một sự vật nào như thế, tức một hình tròn có dạng vuông, thì tôi dường như hàm ý rằng là *có* một sự vật như thế. Điều đó dường như thế, là nếu phải *có* một sự vật như thế, thì cũng chỉ là nhằm nói rằng, nó có thể có đặc tính, là *không* tồn tại. Tuy thế, cũng dường như khi nói về bất cứ một sự vật nào đó, mà chúng ta lại lưu ý rằng nó tuyệt đối *là không có*, thì cũng là việc tự mâu thuẫn đối với chính chúng ta: như thể một cách tuyệt đối, mọi sự vật mà chúng ta lưu ý là chúng *tồn tại*, thì chúng phải có một loại tồn tại nào đó.

Nhưng, nếu chúng ta xem những trường hợp tương tự đối với những niềm tin vốn sai lầm, thì điều đó đối với tôi dường như đã trở thành hoàn toàn sáng tỏ, rằng

* Phần lớn của Chương XVI trong *Một vài vấn đề chính yếu trong triết học* (1953).

chúng ta có thể suy nghĩ về những sự vật, mà tuy vậy chúng lại *không* tồn tại: hoàn toàn chúng không hiện hữu gì hết. Chẳng hạn, một trong những người bạn của tôi có lẽ đang tin tưởng vào sự có mặt của tôi hiện giờ, *rằng tôi không đang ở London*. Điều này là một niềm tin, mà chắc chắn nó có thể hoàn toàn dễ dàng đang xảy ra vào lúc này. Và như thế, thì chắc chắn cũng không thể không có sự việc là tôi hiện giờ *không* đang ở tại London. Tôi *đang* ở tại London; và điều đó lại chính là vấn đề. Như chúng ta đã thấy, điều đó có thể là, *nếu* có một người nào đó trong số các bạn bè của tôi mà hiện giờ lại đang tin chắc điều này, như thế thì nó phải *có* một ý nghĩa, tức chính sự việc là tôi hiện giờ *không* đang ở tại London; có thể cho rằng *phải* có một sự việc như thế, như là chính đối tượng niềm tin của bạn bè của tôi - là *nội dung* mà anh ta tin tưởng - thế nên những từ ngữ "rằng tôi hiện giờ đang ở tại London" là một cái tên gọi cho mệnh đề này, mà nó chắc chắn *là* thế. Và hiện giờ tôi cũng không có ý nhằm để tranh cãi quan điểm này; cho dù như tôi đã nói, tôi không nghĩ chính nó là thật. Nhưng chúng ta cứ hãy cho nó *là* thật. Và ngay cả nếu nó là thật, thì vẫn còn có sự kiện là nó là *một* sự việc, mà những từ ngữ đó thì *có thể* đại diện cho nó, nếu niềm tin của anh ta là đúng, thì chắc chắn nó là *không*. Điều đó vẫn đúng, rằng trong *một* ý nghĩa của những từ ngữ, thì không *có* một sự vật như thế, như là tôi hiện tại không đang ở London. Nói cách khác, ngay cả nếu chúng ta có quan điểm rằng, nơi nào mà một niềm tin là thật, thì cũng có trong vũ trụ hai sự vật khác nhau, có cùng một tên gọi; còn nơi nào mà nó là sai, thì như thế cũng chỉ có một trong hai sự vật đó - ngay cả nếu chúng ta lấy quan điểm cho rằng, tuy thế vẫn còn có một sự kiện, là nếu niềm tin đó là sai, thì chắc chắn cũng có trong một ý nghĩa, là không có một sự việc như thế, như sự việc giờ đây tôi đang không có mặt tại London; và đích thực chính sự việc này, mà giờ đây chúng ta đang nhận thấy, hay tưởng tượng ra, hay ngay cả nếu như chúng ta nhằm làm như thế, thì chúng ta lại cũng cùng một lúc, phải suy nghĩ về một điều gì đó khác, có cùng tên gọi, mà chắc chắn nó là có. Tuy thế, chúng ta phải cần thừa nhận rằng, chúng ta có thể ở trong một ý nghĩa nào đó, rằng chúng ta có thể suy nghĩ về những sự vật, mà tuyệt đối chúng không có sự hiện hữu nào. Chúng ta phải *nói*, như thế là chúng ta đã có chúng. Và khi chúng ta nói như thế, và *báo rằng* chúng ta có chúng, thì chúng ta chắc chắn có ý muốn nói về *một điều gì đó*, mà nó là một sự kiện, bởi chúng ta đang nói như thế. Chẳng hạn, khi người bạn của tôi tin tưởng rằng tôi không đang ở tại London: thì chẳng có gì phải nghi ngờ về điều đó cả. Đó là có ý nói về sự biểu lộ cái toàn thể này "Anh ta tin chắc rằng tôi đang không có tại London", được biểu hiện ra, hay đó là cái tên gọi cho một sự kiện. Nhưng cái giải pháp cho sự khó khăn đó, đối với tôi, dường như là điều này; đúng ra, điều này là toàn thể sự biểu hiện, mà *không* chỉ là sự biểu hiện; và nó dường như thế, một sự quan hệ giữa người bạn của tôi trong một mặt, và một sự kiện xảy ra của điều đó, với cái tên gọi là "rằng tôi không đang ở London" trong mặt khác. Nó *có vẻ như* trong chính điều này, là nơi mà sự khó khăn xuất hiện. Cũng dường như cụm từ "rằng tôi không đang ở London" *phải* là một tên gọi cho cái gì đó, mà đối với nó, người bạn của tôi đã có sự liên hệ, một cái gì đó mà nó chắc chắn *đã từng có*. Nhưng chúng ta phải chấp nhận, theo tôi nghĩ, những từ ngữ này, có lẽ dù không thực sự là một cái tên gọi cho bất cứ cái gì đó cả thảy. Cứ nói về chính bản thân của chúng, thì chúng cũng không phải là một cái tên gọi cho bất cứ cái gì cả thảy, mặc dù sự biểu hiện trong toàn thể "anh ta tin rằng tôi không đang ở tại London", là một tên gọi cho cái gì

đó. Sự kiện này, với những từ ngữ và những câu đơn lẻ, mà chúng ta sử dụng, sẽ dường như luôn luôn là những tên gọi cho những cái gì đó, khi mà trong thực tế, chúng lại không là những tên gọi cho bất kỳ cái gì đó hết thảy; là cái gì đó mà dường như đối với tôi, là đã tạo ra cái toàn thể thật khó khăn. Bởi vì nó, mà trong khi nói về chủ đề này, chúng ta dường như đã phải luôn luôn có sự mâu thuẫn trong chính nó. Và tôi cũng không nghĩ là nó có thể hoàn toàn tránh được hình thức mâu thuẫn này. Trong khi đó chỉ cần nói "Không thể có một sự việc như là có một con cá kình", bạn dường như thường xuyên có vẻ tự mâu thuẫn với chính mình; bởi vì bạn có thể vẫn hàm ý rằng "một con cá kình", là tên gọi của cái gì đó; tuy rằng cùng một lúc, đó chính là sự vật mà bạn khẳng định, là cái gì đó mà nó là *không có:* rằng không hề có một sự vật như thế. Điểm cần nên nhớ lại, là cho dù chúng ta vẫn *phải* sử dụng một biểu hiện như thế, và cho dù những sự biểu hiện toàn thể, *là* những tên gọi cho các sự kiện, mà chắc chắn chúng *là* có, thì những sự kiện này cũng không thể được phân tích sâu hơn vào trong một chủ đề của "một con cá kình" về một mặt, và một cái gì đó mà nó được khẳng định về chính chủ đề đó, trên một mặt khác.

Câu hỏi làm thế nào để những sự kiện như thế *được* phân tích, dĩ nhiên là một câu hỏi khác, và nó cho thấy có các sự khó khăn lớn; cũng như tôi không thể nghĩ là có thể trả lời được nó. Song điều gì mà tôi nghĩ, là rõ ràng chúng *không* thể được phân tích theo cách thức đề nghị đó. Nói tóm, chúng ta không được giả thiết là *có* một sự vật kiểu như thế, như là một con cá kình chẳng hạn, bởi vì chúng ta chỉ có thể làm cái điều gì đó mà chúng ta gọi là sự suy nghĩ về nó, và nói lên các nội dung mệnh đề về nó. Chúng ta không ở trong một sự kiện có thật, ngay cả đang chú ý đến một con cá kình, khi chúng ta nói về một con cá đó; chúng ta sử dụng một từ ngữ mà chính nó lại không phải là cái tên gọi cho một vật gì đó bất kỳ.

Tôi đang định nói là mặc dù có những sự nghịch lý như thế mà ngôn ngữ vẫn dường như có hàm ý, là có một vài sự vật mà chúng ta đang suy nghĩ về chúng và nói về chúng thật sự, thì *không* có thực, trong bất cứ ý nghĩa nào tất thảy. Tôi nghĩ, điều đó chỉ là hoàn toàn đơn giản, là bất cứ cái gì mà chúng ta thích thú cùng với một niềm tin sai lầm - bất cứ khi nào mà chúng ta làm một điều gì đó lầm lỗi - thì thật sự vẫn có trong một ý nghĩa nào đó, cho dù chẳng có một sự vật nào như thế cả, giống như là *cái gì* mà chúng ta tin vào đó; và cho dù ngôn ngữ kiểu như thế là không *có vẻ gì* tự mâu thuẫn trong bản thân chính nó, tôi không nghĩ chúng ta có thể biểu thị hết thảy mọi sự kiện, trừ phi bằng sự sử dụng loại ngôn ngữ mà tự nó không mâu thuẫn với chính nó; và nếu bạn hiểu đó là cái gì mà ngôn ngữ có nghĩa như thế, thì sự mâu thuẫn bề ngoài cũng chẳng có gì quan trọng. Và chính tính chất đầu tiên và cơ bản nhất, mà tôi muốn gợi nên sự chú ý, và đôi khi đã được lưu ý bởi một cái nào đó trong năm cụm từ của chúng ta, thì đó đúng là cái này, và nó *là* thuộc về chính *cái gì* mà chúng ta tin tưởng, vào bất cứ khi nào mà niềm tin của chúng ta là sai lầm. Tôi đề nghị cần hạn chế cái tên gọi sự *hiện hữu* cho tính cách này; và tôi nghĩ là bạn có thể thấy tất cả cái gì, mà trong tính chất của vấn đề là như thế. Chẳng hạn, nếu bạn tin tưởng rằng giờ đây trong khi tôi đang nhìn vào tấm giấy này, tôi đang nhận biết trực tiếp về một mảng trắng trắng của màu sắc; và nếu sự tin tưởng của bạn là đúng, thì quả *có* một sự vật như thế, như là chính *sự hiện hữu của tôi giờ đây đang nhận thấy được một cách trực tiếp* một cái mảng màu trắng trắng. Và tôi nghĩ bạn có thể hiểu tất cả trong cái ý nghĩa nào mà có một sự vật như thế. Vì một vấn đề thực tế, thực sự

nó *có*. Tôi giờ đây *đang* trực tiếp nhận thức được một mảng màu sắc trắng trắng. Nhưng ngay cả nếu điều đó chẳng có, thì bạn vẫn có thể hiểu một cách trọn vẹn rằng cái gì đó mà nó có mang ý nghĩa bởi giả thiết đó, là *có* nó. Tính chất này, do thế mà nó không đơn giản là thuộc về sự kiện này (hay điều gì đó mà bạn thích gọi nó như thế) là một cái gì đó mà tôi đang gọi tên nó là cái "đang có"; và điều này đối với tôi, dường như lại là tính chất cơ bản nhất, mà nó có thể phải được lưu ý bởi bất cứ một thành phần nào đó trong năm cụm từ của chúng ta đã đưa ra.

Một cách khác để chỉ rõ ra điều gì mang tính chất này, chính là cái mà tôi muốn ám chỉ theo ý nghĩa là "đang có", và là một cách mà theo tôi nghĩ, là được dùng để làm cho nó trở nên sáng tỏ hơn, trong một số khía cạnh nào đó; tức muốn nói rằng nó là tương đương với sự việc *thuộc về vũ trụ*, như là một yếu tố cấu thành của vũ trụ, tức là đang *ở trong* vũ trụ. Chúng ta có thể nói rằng, bất cứ cái gì mà chính nó *không phải là sự vật như thế*, và nó đơn giản chỉ là *không phải* thôi, thì tức muốn nói là chính nó không phải là một trong số những cái cấu thành của vũ trụ, tức là nó không có một chỗ đứng nào cả thảy trong vũ trụ. Sự phân biệt này về cái gì thuộc về vũ trụ và cái gì không thuộc về vũ trụ, thì theo tôi nghĩ, dường như đã sáng tỏ hơn ở trong một vài khía cạnh nào đó, hơn chỉ là sự phân biệt giữa cái hiện hữu và cái không hiện hữu. Chỉ khi nào mà chúng ta dùng cách này để cắt nghĩa về điều gì mà chúng ta muốn gán cho ý nghĩa là chúng ta có thừa nhận sự cắt nghĩa như thế đó, trong một vài khía cạnh, là không chính xác, và có thể có một sự nhầm lẫn. Trước hết, nếu chúng ta nói rằng "sự hiện hữu" là có ý nghĩa ngang với thành phần cấu tạo ra vũ trụ, thì điều này, nói một cách chặt chẽ, có thể hàm ý rằng nó *chỉ* là những sự vật mà chính chúng là những thành tố đang cấu tạo nên vũ trụ, mà chính nó đang hiện hữu như thế, và do thế, mà vũ trụ trong tự bản thân của nó, như là một toàn thể, đã không có sự hiện hữu - thì không *có* sự vật nào là như thế cả. Nhưng điều này có thể là vô lý. Điều tự nhiên phải nghĩ tới, là vũ trụ chính là một toàn thể, là đã chính xác, cùng có ý nghĩa rằng trong đó các thành phần cấu thành của vũ trụ là có nó. Do thế, để cho được hoàn toàn chặt chẽ, có lẽ chúng ta cần phải nêu lên rằng, chỉ có những sự vật mà chúng đang là hiện hữu, thì (1) chính chúng là cái vũ trụ toàn thể, và (2) là mọi thành phần tạo thành vũ trụ này. Vì chỉ có lý lẽ này mà thôi, mới hoàn toàn chính xác, để nói rằng mọi cái gì "tồn tại" là tương ứng với việc "là một thành tố cấu thành vũ trụ"; bởi vì, vũ trụ tự nó là có thể tạo thành một ngoại lệ cho nguyên lý này: vũ trụ như một toàn thể, chắc chắn không chỉ là cái gì cấu thành của chính nó, và do thế mà dường như là nó phải hiện hữu.

Về điều thứ hai, nếu chúng ta sử dụng quan niệm "thuộc về vũ trụ" này để cắt nghĩa điều gì mà chúng ta nhằm nói về "hiện hữu", chúng ta có thể nhằm vào giả thiết rằng việc nói một sự vật là "hiện hữu" hay là "đang có", là không những chỉ *tương đương* với, nhưng cũng còn là *cùng một sự vật* một cách chặt chẽ, giống y như ta nói là nó thuộc về vũ trụ. Và điều này, theo tôi nghĩ, thì đó cũng là một sự sai lầm. Vì nếu nó như thế, thì chúng ta cũng không thể nào có thể nghĩ được rằng một sự vật nào đó là đã hiện hữu, nhưng mà trước hết lại không nghĩ về một vũ trụ như là một toàn thể; và nghĩ rằng sự vật được nói đến là thuộc về vũ trụ đó. Nhưng điều này chắc chắn cũng chẳng phải là trường hợp muốn nói tới. Người ta có thể nghĩ rằng một vài sự vật nào đó *là hiện có* và một vài sự vật khác *là không có*, trước khi kể cả họ đã hình thành nên quan niệm về vũ trụ như một toàn thể; và ngay cả khi họ đã tạo nên nó rồi, thì chúng ta vẫn chắc chắn là nó

không thể có trước các đầu óc của chúng ta, bất cứ lúc nào mà chúng ta nghĩ rằng một sự vật nào đó *là có tồn tại* và một sự vật khác là *không có tồn tại*. Quan niệm về sự "tồn tại" là điều chắc chắn, do đó mà nó không phải *cùng* là một cái với việc thuộc về vũ trụ, ngay cả cho dù là cả hai vẫn có thể là *tương đương* trong một chừng mực mà tôi đã chỉ ra. Sự thực, là dù quan niệm của việc thuộc về vũ trụ, trong những cách nào đó, dường như là sáng tỏ hơn quan niệm về sự tồn tại; do thế mà cái trước chỉ thật sự có thể được xác định bởi việc tham chiếu vào cái sau; nhưng không phải là *ngược lại*. Nếu chúng ta muốn nói điều gì đó mà chúng ta muốn ám chỉ về vũ trụ, chúng ta chỉ có thể tham chiếu như thế đối với quan niệm về sự "tồn tại" - bằng cách nói, chẳng hạn, như vũ trụ mà mà chúng ta nói tới, là tổng số tất cả mọi sự vật mà chúng hiện *đang có*. hay là chúng tồn tại trong cách nào đó như thế, giống như trong cách này. Nói cách khác, quan niệm về vũ trụ đã hàm ý trước về một quan niệm của sự "tồn tại", và chỉ có thể được xác định bởi việc tham chiếu về điều đó; do thế mà thực tế chúng ta không thể xác định được cái sau nhờ vào cái trước.

Và điều này lại mang tôi tới một khía cạnh sau cùng, mà trong đó việc đề nghị sự giải quyết vấn đề "tồn tại", bằng cách nói là nó tương đương với sự việc "thuộc về vũ trụ", là không thật chính xác và có thể nhầm lẫn. Giả định rằng trong thực tế, nó là trường hợp mà nói chung chúng ta vẫn hay giả định rằng ngoài những sự vật mà chúng hiện giờ *là đang hiện hữu* ra, thì cũng có một vài sự vật mà chúng vốn *đã hiện hữu* trong quá khứ, mà bây giờ thì *không tồn tại nữa;* và những sự vật khác sẽ hiện hữu trong tương lai, còn hiện nay thì chúng *chưa có mặt*. Điều này dường như chỉ giản đơn rằng, đối với ba loại sự vật này, và đó cũng chỉ là những sự vật này, thì chúng hiện tại đang hiện hữu, theo một ý nghĩa của từ ngữ này, là tính chất của sự "tồn tại": về những điều này thì chúng vốn đã tồn tại, nhưng giờ không tồn tại nữa; hay chỉ thật sự là hiện giờ chúng *đã* không còn tồn tại, tức *không* phải là chúng đang có mặt hiện giờ; và cũng giống như những điều này, khi chúng sẽ hiện hữu, nhưng giờ thì chưa có mặt, tức thật sự chỉ là *sẽ* có nó, mà *không* phải là chúng hiện đang có đó. Dĩ nhiên, như chúng ta cũng đã thấy, có một số nhà triết học, mà họ dường như vẫn nghĩ rằng không có cái gì đó khác hơn là cái đó mà vốn nó đã có, hay là đang có, hay là sẽ có: có nghĩa rằng, mọi sự vật mà nó *đã* hiện hữu như thế rồi, thì tất *đã* có một ý nghĩa phi thời gian nào đó - tức là muốn nói, *giờ* thì *không* thể có nó được nữa; và rằng không có bất cứ một sự vật nào, mà hoặc *đã* tồn tại trong quá khứ, hay là sẽ có mặt trong tương lai: tức nói gọn, là không thể có quá khứ nào, cũng không thể có hiện tại nào bây giờ, và cũng sẽ không có tương lai nào sẽ tới cả. Một trong những sự việc mà chúng ta cố gắng khám phá, hoặc là có người nào đó thực sự suy nghĩ về điều này hay không. Và hiện giờ thì tôi không có ý nhằm cho rằng những nhà triết học này, nếu có người nào đó trong số họ nghĩ về điều này, là sai lầm. Điều gì mà tôi muốn chỉ rõ ra đây, là *giả thử* như nó là sai lầm - giả thử có vài sự vật nào đó vốn *đã hiện hữu*, mà giờ đây thì không còn tồn tại nữa; còn những sự vật khác, thì *sẽ có*, mà hiện giờ thì lại chưa có; điều này lại làm phát sinh một khó khăn, giống như điều gì mà chúng ta đang định nói về vũ trụ. Sự khó khăn đó là thế này: Phải chăng chúng ta sắp nói, hay là đang không nói, rằng mọi sự vật mà chúng *đã có* và *sẽ có*, là thuộc về vũ trụ - là những thành tố của vũ trụ - cũng giống như là mọi cái gì đó mà hiện giờ chúng đang có? Tôi cho rằng nhiều người sẽ phải báo rằng "Vâng": rằng quá khứ và và tương lai *hẳn* là vẫn thuộc về vũ trụ, ngay chính trong hiện tại, mà chúng vốn là như thế. Và tôi nghĩ rằng điều này chắc chắn phải là *một* ý nghĩa chung, mà

trong đó chúng ta hiện đang sử dụng từ ngữ "vũ trụ": chúng ta sử dụng từ ngữ này, là nhằm bao quát cả quá khứ và tương lai, cũng như hiện tại. Nhưng nếu chúng ta đi tới việc nói ra điều này, mà như bạn sẽ thấy, chúng ta lại phải chấp nhận rằng, do hãy còn lý lẽ khác, là việc "thuộc về vũ trụ" là *không* nhất thiết tương đồng với sự "tồn tại". Bởi vì, chúng ta phải thừa nhận rằng có nhiều sự vật, tuy chúng *vẫn* thuộc về vũ trụ, nhưng lại mang ý nghĩa là *đã* không có tính cách mà chúng ta muốn nói là chúng "hiện hữu", nhưng chỉ là sự *có* nó, hay là việc *sẽ* có nó. Do vậy chúng ta sẽ phải nói rằng việc "thuộc về vũ trụ" có ý nghĩa *không phải là giờ đây đang có*, với tính chất mà chúng ta gọi là sự "tồn tại", nhưng *hoặc là* đã có nó, *hay là* đang có nó hiện giờ, *hoặc là* sắp có nó; và chúng ta cũng phải cần thêm vào đó một chọn lựa thứ tư: là thật sự *có nó*, trong một ý nghĩa phi thời gian nào đó - sự *có* nó trong một ý nghĩa *không* tương đương với sự có nó hiện giờ. Bởi vì như chúng ta đã thấy, có một số nhà triết học tin tưởng rằng chỉ ở trong ý nghĩa đó mà một sự vật nào đó có thể *tồn tại*, thì nhất thiết phải là một ý nghĩa phi thời gian nào đó; và ngay cả những nhà triết học này, cho dù họ tin tưởng rằng đã có một quá khứ, và đang có một hiện tại, và sẽ có một tương lai, thì vẫn có nhiều người trong số họ tin tưởng rằng *ngoài ra* vẫn có một ý nghĩa phi thời gian của chính từ ngữ "là"; và tin rằng bên cạnh những sự vật mà chúng đã có, hiện giờ đang có, và sẽ có, còn có nhiều sự vật khác cũng thuộc về vũ trụ, mà chúng *đang là* và chưa là ở *hiện giờ*. Nói khác, họ tin tưởng rằng sự "tồn tại" là một đặc tính không phải *đã* chỉ thuộc về nhiều sự vật, mà lại là thuộc về nhiều sự vật *hiện giờ*, và *sẽ* thuộc về nhiều sự vật đó trong tương lai, mà đối với nó, là *không* thuộc về thời điểm *hiện giờ*. Tôi hoàn toàn không chắc gì, là liệu những nhà triết học này có đúng hay không đúng. Bởi vì, về phần tôi, tôi vẫn nghĩ về một trường hợp nào đó của một sự vật, thì đối với nó dường như là hoàn toàn chắc chắn rằng nó *đang* có, và cũng chính vì thế mà nó là đang có *hiện giờ*. Nhưng chúng ta phải nghĩ tới việc chấp nhận một sự chọn lựa như là một việc có thể có: và cũng chỉ với tính cách như thế, mà được gọi là sự "tồn tại", mà nó *đã* thuộc về, và *sẽ* thuộc về những sự vật, mà với chúng, hắn là *không* phải thuộc về bây giờ. Và do thế mà chúng ta phải thừa nhận câu nói "*Thuộc về* vũ trụ như thế và như thế " có mang ý nghĩa hoặc là của bốn sự vật khác nhau: có thể có nghĩa *hoặc là* "nó *đã* có như vậy", *hay là* "Nó *đang* có như vậy", *hay là* "nó sẽ có như vậy", *hay là* nó có tồn tại như thế, nhưng *không* phải là bây giờ". Vì lý do này, mà tôi nghĩ rằng để cắt nghĩa điều gì, mà chúng ta muốn nói là nó đang "tồn tại", thì bằng cách nói rằng nó có một sự tương đương với việc "thuộc về vũ trụ", hay đang là thành tố của nó, thì có thể sẽ dẫn tới một sự hiểu lầm. Nếu chúng ta đang muốn ám chỉ cho ý nghĩa sự "tồn tại" như một đặc tính mà nó đã có, và sẽ là thuộc về một vài sự vật nào đó, mà đối với nó là không thuộc về thời điểm *hiện giờ*, thì chúng ta sẽ phải nói rằng *trong một ý nghĩa* nào đó, những sự vật này *hẳn nhiên* là không thuộc về vũ trụ, nhưng chỉ là đã, hay là sẽ thuộc về vũ trụ mà thôi; trong khi đó, *trong một ý nghĩa khác* thì chúng lại *hẳn nhiên* thuộc về vũ trụ, cho dù có sự kiện rằng chúng đã không *có* được tính chất mà chúng ta vẫn gắn cho ý nghĩa "tồn tại"; nhưng nó chỉ đã là hay sẽ là có tính chất đó như thế. Và theo cả hai ý nghĩa này của cụm từ "thuộc về vũ trụ" thì theo tôi nghĩ, nó vẫn mang tính chất nhập nhằng giữa nhau. Mỗi cái gì cũng tất yếu phải đồng nhất với chính tính chất mà chúng ta vẫn muốn gọi bằng từ ngữ "tồn tại": do thế mà chúng ta vẫn luôn có đến hai ý nghĩa khác nhau của cùng một từ ngữ "tồn tại", mà chúng vẫn thiết yếu lẫn lộn vào nhau. Nhưng hãy gác qua bên sự hiểu lầm rất có thể có này, và cả hai ý

nghĩa mà chúng ta đã lưu ý trước đây, thì tôi nghĩ rằng nó thật sự có ích, để nhằm làm sáng tỏ hơn về điều gì đó mà chúng ta vẫn muốn nói đó là sự "tồn tại", nếu tôi cho rằng nó là tương đương với sự tạo nên một thành tố của vũ trụ - còn nếu tôi chỉ nói trong sự tra vấn về cái gì *là có* và cái gì là *không có*, thì chúng ta lại chỉ đang tra hỏi về cái gì đó là thật sự có là hay không phải là các thành tố của vũ trụ.

Thế thì rõ ràng rằng, để cắt nghĩa điều gì đó mà tôi chỉ muốn nói ra ngay bởi tính cách đầu tiên và cơ bản nhất, đã được lưu ý tới bởi cả năm câu chữ của chúng ta - một cái gì đó mà tôi giả định đề nghị nên gọi đó là sự "tồn tại".

Và điều thứ hai, tôi muốn xem câu chữ "là một sự kiện", trong sự sử dụng ở đây của nó, mà theo đó chúng ta nói: nó là một sự kiện, và nó phải tồn tại; đó là một sự kiện mà tôi đang nói đến giờ đây; đó là một sự kiện như hai lần hai là bốn. Rõ ràng là chúng ta nhằm nói rằng, có cái gì đó là hết sức quan trọng, cũng bởi chính câu chữ này. Đó là một câu chữ mà chúng ta luôn luôn dùng đến để biểu thị những sự vật mà chúng ta đặc biệt muốn nhấn mạnh về nó. Vấn đề chính là: "*Điều gì* mà chúng ta đang muốn nói về nó?" Có phải là chúng ta đang dùng nó để biểu thị hoàn toàn với cùng một ý nghĩa mà tôi đã gán cho chính nó với cái tên gọi là sự "tồn tại", hay là một cái gì đó khác? Và, nếu là khác, thì khác trong khía cạnh nào? Chắc chắn là phải có sự dị biệt nào đó giữa việc chúng ta *sử dụng* nó đối với câu chữ này, và việc chúng ta sử dụng đối với từ ngữ "tồn tại"; bởi vì chính do thế mà thật hoàn toàn tự nhiên khi ta nói "Đó là một sự kiện, và nó phải hiện hữu", "đó là một sự kiện như hai với hai là bốn"; và hoàn toàn không tự nhiên khi nói "là nó phải hiện hữu", *là đang có;* hay là "hai với hai là bốn" *là vẫn có;* và ngược lại, trong khi đó thì hoàn toàn tự nhiên khi chúng ta nói chúng tạo nên những thành tố của vũ trụ, hay con số 2 là một sự cấu thành của vũ trụ; nhưng không là hoàn toàn tự nhiên, khi nói rằng sự kiện đó hiện hữu, hay sự kiện hai với hai là bốn, là một cấu thành của vũ trụ. Tuy vậy, tôi lại đang có khuynh hướng muốn nghĩ rằng, sự khác nhau này trong việc sử dụng đó, không thật sự chỉ ra được bất cứ sự khác nhau nào có trong bản chất của những thuộc tính hay là trong những đặc điểm thật sự có ý nghĩa, bởi cả hai giai đoạn. Trong mức độ nào mà tôi có thể nhận thức được như thế, khi chúng ta đang nói về một sự vật, rằng nó là một sự kiện, và về một sự vật khác, rằng nó đã có hay nó đang là một sự cấu thành của vũ trụ, thì tính chất mà chúng ta cốt nhằm xác nhận cả hai sự vật đó, là thật sự chính xác, và cùng là một, trong cả hai trường hợp. Lý do của sự khác nhau trong việc sử dụng này, theo tôi nghĩ, cũng chỉ là điều gì đó mà chúng ta vẫn hay có khuynh hướng làm theo bản năng, nhằm sử dụng cho một giai đoạn, khi chúng ta muốn gán chính đặc điểm của vấn đề cho một số *loại* của sự vật nào đó, và một đặc điểm khác khi chúng ta chỉ muốn gán nó cho *những loại* sự vật khác. Nói gọn lại, sự khác nhau của việc sử dụng đó không hề biểu hiện một sự khác nhau về *thuộc tính*, nhưng lại là một sự khác nhau của các tính chất về những *chủ đề* mà chúng ta áp dụng. Và sự khác nhau trong tính cách đó lại dẫn ta tới chính sự khác nhau này, mà mà theo tôi nghĩ, thực chất lại là một trong những sự khác biệt nền tảng nhất, mà nó đã có được giữa những sự cấu thành của vũ trụ. Chúng ta có thể phân chia tất cả những yếu tố cấu thành của vũ trụ - tức tất cả mọi sự vật hiện hữu, vào trong hai lớp, để nhằm đặt vào trong một lớp, mà chúng ta chỉ có thể biểu hiện nó bởi một mệnh đề bắt đầu bằng liên từ "rằng", hay bằng một danh-động-từ tương đương; và trong lớp kia mọi cái còn lại. Như vậy, chúng ta có trong lớp thứ nhất gồm những sự việc như là "sự kiện rằng những con sư tử hiện hữu",

hay là (nhằm để diễn đạt nó bằng một danh-động-từ) "sự tồn tại của những con sư tử", "sự kiện rằng hai với hai làm thành bốn", "sự kiện rằng hiện giờ tôi đang nói", và một cách tuyệt đối thì tất cả con số vô hạn của những sự kiện, mà chúng ta diễn đạt chúng bởi những câu nói bắt đầu bằng liên từ "rằng".

Nói tóm lại, loại này của những thành tố của vũ trụ, gồm có những loại thực thể, mà chúng *tương đương* với (trong ý nghĩa mà tôi đã lý giải) những niềm tin thật sự. Mỗi một niềm tin thật sự đó tương đương với một thực thể như vậy; và nó cũng *chỉ là* những thực thể của các loại này, mà những niềm tin thật sự hẳn là tương ứng. Và loại thứ nhất của những thực thể này - loại thực thể mà chúng *tương ứng* với những niềm tin thật sự, chắc chắn là tạo thành, theo tôi nghĩ, một trong những loại rộng lớn nhất và quan trọng nhất, của những sự vật trong vũ trụ. Khía cạnh chính xác mà trong đó chúng khác biệt với những thành tố khác của vũ trụ, theo tôi nghĩ, là rất khó có thể được xác định. Và trong chừng mực mà tôi có thể thấy, thì bạn chỉ có thể nêu ra được rằng, tính chất mà chúng ta phân biệt chúng, bằng cách như tôi vừa làm, là nêu rõ chúng là lớp của những thực thể mà chúng ta đặt tên cho chúng, bằng cách gọi chúng là "sự kiện như thế, như thế", hay là nói rằng chúng thuộc loại những thực thể tương ứng với những niềm tin thật sự. Nhưng về sự khác nhau giữa chúng với tất cả các loại thực thể khác, thì theo tôi nghĩ, là dễ dàng *nhìn thấy* được, ngay cả cho dù nó thật không dễ dàng được xác định. Chắc chắn mọi người có thể thấy được rằng sự kiện một con sư tử hiện hữu, là hoàn toàn khác với các loại thực thể có từ chính một con sư tử? hoặc sự kiện hai với hai là bốn, là hoàn toàn khác với các loại thực thể từ chính con số 2? Dĩ nhiên, khi ta nói rằng những sự vật thuộc loại này tạo nên một lớp bởi chính chúng, cũng là nói rằng chính chúng là như thế trong thực chất, có một loại tính chất chung nào đó, mà tính chất đó không được chia sẻ bởi những sự vật khác. Và như thế, chúng ta có thể nói rằng, khi chúng ta sử dụng cụm từ "Đó là sự kiện như thế, như thế", chúng ta *không* chỉ có gắn kết "sự tồn tại" cho sự vật được nói tới, mà là *cũng* qua đó, gán cho nó chính đặc tính mới này, mà nó *không* cùng chia sẻ với *tất cả* những sự vật mà chính chúng đang có mặt. Nếu điều này đúng là như thế, thì sẽ có một sự khác biệt thật sự giữa đặc tính vẫn được ám chỉ bởi việc "có một sự kiện" và đặc tính chỉ được ám chỉ bởi sự "tồn tại". Nhưng như tôi đã nói, tôi không nghĩ rằng là nói chung, chúng ta chỉ nhằm quy là *thuộc tính* đối với tính chất nay, khi chúng ta nói rằng "Đó là một sự kiện như thế, như thế", nhưng chỉ là nhằm nói lên tính cách của sự tồn tại. Chúng ta vẫn sử dụng theo thói quen cụm từ "đó là một sự kiện" thay vì "đó là", khi chúng ta đang nói về các sự vật đang *có thật*, mà trong thực tế chúng có được tính cách này cũng như cả tính chất của sự tồn tại: nhưng tôi lại không nghĩ rằng điều gì mà chúng ta chỉ nhằm muốn nói về chúng, là cái mà chúng có. Tuy nhiên, vấn đề có phải điều này đúng là như thế hay không, chỉ là một vấn đề tương đối ít quan trọng. Điều quan trọng, chính là sự nhận thức về cái gì là có tính chất đó, và nó làm cho chúng ta áp dụng được cụm từ này "Đó là sự kiện rằng" cho một số sự vật, cho dù chúng ta không thể áp dụng điều đó một cách cũng tự nhiên giống như đối với những sự vật khác. Và giờ đây, tôi cũng đang vì các mục tiêu của sự thảo luận này, mà phải hạn chế tên gọi "các sự kiện" đối với những thành tố đó của vũ trụ, và những cái gì đó chỉ có tính chất này. Như vậy, chúng ta sẽ nói rằng sự hiện hữu của những con sư tử là một sự kiện, nhưng còn chính những con sư tử thì không phải là những sự kiện; chúng ta sẽ nói đó đúng là một sự kiện rằng hai với hai là bốn,

nhưng chính con số 2 thì lại không phải là một sự kiện. Và nếu chúng ta hiểu về từ ngữ "những sự kiện" là trong ý nghĩa này, thì điều quan trọng cần lưu ý, là "những sự kiện" cũng chẳng phải là cái gì khác hơn là những điều gì đó vẫn thường được gọi đó là những "sự thật". Trước đây, tôi đã có chỉ ra rằng có một cụm từ dưới dạng "điều đó *đúng* là như thế, như thế", có thể *luôn luôn* tuyệt đối dùng nó tương đương với cụm từ tương ứng có dạng "Có một *sự kiện* rằng như thế, như thế". Và một cách tương tự, bất cứ điều gì mà nó chính là một sự kiện trong ý nghĩa này, thì nó vẫn có thể cũng luôn luôn tự nhiên giống như khi gọi là "điều thật sự". Thay vì chúng ta nói có một sự kiện là 2+2 = 4; hay thay vì chúng ta nói có sự kiện những con sư tử tồn tại; thì chúng ta cũng có thể nói rằng sự thật là những con sư tử tồn tại: và cứ như thế đó, trong mọi trường hợp khác một cách tuyệt đối. Và điều quan trọng cần lưu ý về điều này, là bởi vì tính chất này thuộc về một "sự thật", nên điều đó làm cho nó là một sự thật, là một điều khác biệt tối hậu đối với cái gì mà nó... thuộc về *những niềm tin "thật sự"*, và trong tính chất đó của nó, mà chúng ta gọi chúng là "thật". Nói về một sự thật, rằng đó là một sự thật, cũng chỉ là nói về nó rằng đó là một sự kiện trong chính ý nghĩa chúng ta đang xem xét; cho dù là nói về một hành vi, về một niềm tin, rằng đó "đúng", là như thế, như chúng ta đã thấy, cũng chỉ là nói rằng nó *tương đương* với một sự kiện. Thực tế, không một ai có thể nghĩ rằng việc gọi một hành vi được tin tưởng thật sự là một sự thật: nó hoàn toàn không được tự nhiên để sử dụng một ngôn từ như thế. Và do thế, mà tôi nghĩ rằng, rất phổ biến khi tìm thấy hai sự kiện đó lẫn lộn nhau. Chẳng hạn, vẫn có sự giả định thông thường rằng những sự thật là hoàn toàn phụ thuộc vào tinh thần; rằng có thể không có những chân lý trong vũ trụ, nếu không có tinh thần trong vũ trụ. Và tới một mức nào đó mà tôi có thể nhận thấy ra được, thì lý do chính yếu tại sao điều này vẫn hay được giả định, là bởi vì nó đã được giả định rằng từ ngữ "thật" là nhằm nói lên một tính chất mà nó chỉ có thể thuộc về các hành vi của niềm tin, và sẽ không có cái gì có thể gọi là một "sự thật", trừ phi chính nó có tính chất *này*. Đó là điều đi nhiên hoàn toàn hiển nhiên, vì rằng có thể không có những niềm tin đúng nào cả trong vũ trụ, nếu không có những đầu óc ở trong đó: không có hành vi tin tưởng nào có thể là đúng, trừ phi *có* những hành vi của niềm tin; và có thể cũng không có những hanh vi của niềm tin nào, nếu không có những đầu óc, bởi vì một hành vi của niềm tin chính là một hành vi của ý thức. Do thế mà hoàn toàn hiển nhiên, là sự hiện hữu của *những hành vi về các niềm tin đúng*, là hoàn toàn phụ thuộc vào sự hiện hữu của đầu óc. Nhưng chính vào lúc mà chúng ta nhận thức rằng đó là một "sự thật", thì cũng *không* có nghĩa đó là một hành vi của niềm tin đúng, nhưng chỉ là một sự kiện - một cái gì đó đó phù hợp với một niềm tin đúng, khi vẫn có những niềm tin đúng; nhưng chúng vẫn có thể *là* như nhau, ngay cả khi chẳng có một ai tin tưởng vào điều đó; và cũng chẳng có lý do gì để giả thiết rằng cũng có thể chẳng có những sự thật nào cả trong vũ trụ, nếu chẳng có những đầu óc nào ở trong đó. Điều đó thật là hoàn toàn trái ngược lại với sự thật hiển nhiên, rằng có thể không có những sự kiện nào hết trong vũ trụ, nếu chẳng có những đầu óc ở trong đó. Và tức thì chúng ta liền nhận thấy rằng "một sự thật" cũng chỉ là một cái tên khac của một sự kiện, và đó là cái gì hoan toàn khác hẳn đối với một sự kiện đúng của niềm tin, và điều đó trở thành hoàn toàn đơn giản là có thể có những sự thật trong vũ trụ, ngay cả nếu không có những đầu óc ở trong đó. Vì chính lý do này mà tôi nghĩ điều quan trọng cần nên lưu ý, là "một sự thật" chỉ là một cái tên gọi

khác của một sự kiện, mặc dù từ ngữ "thật" vốn được áp dụng cho *các hành vi về niềm tin*, thì có nghĩa là cái gì đó hoàn toàn khác hẳn - tức *không* có nghĩa hành vi của niềm tin trong trong vấn đề đó là một sự thật. Và cũng thế, theo tôi nghĩ, rất đáng nên lưu ý rằng có một sự liên kết giữa cụm từ "Có một sự kiện rằng" với từ ngữ "thật". Nói "có sự kiện rằng những con sư tử là hiện hữu", thì rõ ràng chỉ là tương đồng với khi ta nói rằng "những con sư tử *thật sự* hiện hữu". Tức muốn nói là, khi chúng ta sử dụng từ ngữ "thật" dưới dạng danh- động-từ, thì chỉ nhằm biểu hiện cùng một ý tưởng với khi chúng ta cũng diễn đạt bằng "có một sự kiện là". Dĩ nhiên cho dù rất là tự nhiên khi ta nói "điều *thật sự* là những con sư tử hiện hữu": chẳng có điều gì không là tự nhiên cả. Và điều này cho thấy ra rằng có một sự khác nhau nào đó trong việc sử dụng những cụm từ "là thật" và "có một sự kiện". Nhưng vào cùng lúc, sự sử dụng trạng từ "thật" này, theo tôi nghĩ, thật sự cũng chỉ ra một sự nối kết cả hai.

Thế nên, tôi cũng sẽ dùng từ ngữ "những sự kiện", chỉ nhằm đơn giản và duy nhất như một tên gọi cho dạng những thành tố đó của vũ trụ, mà chúng phù hợp với những niềm tin thật sự - bởi vì là dạng những sự vật mà chúng ta diễn đạt bằng những cụm từ bắt đầu bằng "rằng". Nhưng dĩ nhiên tôi không có ý muốn nói rằng điều này *chỉ* có ý nghĩa mà trong đó từ ngữ "những sự kiện" vẫn được mọi người hay dùng tới. Còn đối với mọi sự kiện xảy ra, thì những nhà triết học chắc chắn đôi khi vẫn dùng nó trong một ý nghĩa rộng rãi hơn: chẳng hạn họ sẽ nói không chỉ có sự hiện hữu của những con sư tử là một sự kiện, nhưng còn cho rằng chính một con sư tử cũng là một sự kiện; hay họ sẽ nói rằng mảng màu trăng trắng này - mà tôi đang nhận thức một cách trực tiếp - là chính dữ liệu mang ý nghĩa này - là một sự kiện. Và tôi thì không có ý nói rằng sự sử dụng theo cách rộng rãi hơn này là sự sai lầm: tôi chỉ muốn nói trong một cách hoàn toàn đơn giản, rằng tôi vẫn phải chấp nhận nó cho các mục tiêu của việc thảo luận hiện có này. Và điều gì mà tôi cho là còn quan trọng hơn, là phải chỉ ra trong đời sống thường ngày, rằng chúng ta rất thường hay sử dụng từ ngữ "sự kiện" trong một ý nghĩa *hẹp hơn* so với ý nghĩa mà trong đó tôi đang dùng nó: chúng ta chỉ áp dụng nó cho *một vài lớp* trong số lớp các sự vật mà tôi đang gọi là những sự kiện. Việc sử dụng đó mà tôi đang nghĩ tới, là trong đó thì *những sự kiện* là thường trái ngược với các lý thuyết, hay là chính trong đó vẫn được cho rằng những vấn đề luôn có thể được giải quyết bởi việc nại ra *những sự kiện*. Trong ý nghĩa sử dụng *của tôi* đối với từ ngữ đó, thì một lý thuyết *có thể* là một sự kiện, cho dù nó chỉ thuần túy như là một lý thuyết; nó sẽ là một sự kiện *nếu* một khi có người nào đó tin tưởng vào nó, và niềm tin của anh ta là đúng. Và trong một mức độ nào mà tôi có thể nhìn thấy được, thì sự phân biệt chính yếu giữa cách sử dụng hẹp này của từ ngữ "sự kiện" so với cách tôi dùng nó, chính là trong sự sử dụng phổ biến của từ ngữ, đó là hạn chế nó vào những loại đó của các sự kiện, mà chúng ta vẫn thường có thể tuyệt đối *biết* đó là những sự kiện. Cho nên điều đó cũng có nghĩa là trong số nhiều các *sự kiện* thuộc trong ý nghĩa sử dụng của tôi về từ này, là chúng có trong vũ trụ, thì vẫn có một vài loại mà chúng ta trong những điều kiện nào đó có thể tuyệt đối *biết* chính chúng là những sự kiện; tuy rằng có những loại khác, mà chúng ta không bao giờ (trong tình trạng hiểu biết hiện nay) tuyệt đối *biết* chính chúng là những sự kiện. Do vậy, có thể nói rằng nơi nào mà con người tin tưởng vào một sự vật, và nếu niềm tin của anh ta là đúng, thì cái gì mà anh ta tin tưởng trong đó, *là* một sự kiện; ngay cả nếu chẳng có một ai đang sống để để có thể tuyệt đối biết chính nó là như thế. Và dĩ nhiên ý

nghĩa của tôi dùng là một trong những ý nghĩa mà trong đó từ ngữ đó vẫn hay được dùng đến; mọi người thường vẫn dùng ngôn ngữ mà theo đó nó bao hàm rằng khi một niềm tin là đúng, thì cái gì đã được tin vào trong đó, có mang ý nghĩa là một sự kiện, cho dù chẳng có ai để có thể biết được là nó có phải như thế hay không. Nhưng chắc chắn theo tôi nghĩ, thì cũng có một nghĩa hẹp hơn của từ ngữ đó, mà trong đó nó được giới hạn vào những sự vật mà chúng vẫn thường được cho là (dù đúng hay là sai) có thể tuyệt đối biết tới được; và tôi cũng muốn làm cho nó được sáng tỏ hơn, rằng tôi vẫn đang *không* muốn hạn chế nó vào trong ý nghĩa hẹp này.

Như thế, tôi đã cố gắng tới mức có thể được, để mang lại những ý nghĩa xác định cho hai trong năm cụm từ của chúng ta - cụm từ "đang có" hay "đã có" và cụm từ "có một sự kiện". Nhưng cụm từ mà tôi muốn xem xét đến nhất, là cụm từ "tồn tại". Cụm từ này cũng chắc chắn là một cụm từ mang ý nghĩa quan trọng nhất. Chẳng có điều gì lại có thể quan trọng hơn, là việc biết rằng có một vài dạng của các sự vật là tồn tại, hay là chúng sẽ có thể hiện hữu trong tương lai, hoặc là không: không có sự vật nào mà chúng ta vẫn thường quan tâm để biết hơn. Và vấn đề mà chúng ta muốn khơi dậy là: "sự hiện hữu" thật ra là cái gì? Cái gì là đặc tính mà chúng ta muốn nói lên bởi từ ngữ này? Có phải chăng "sự hiện hữu" chỉ đơn thuần cũng cùng một nghĩa như là có, hay là một yếu tố tạo thành của vũ trụ, hoặc không phải là thế? Và nếu không, thì làm thế nào mà chúng là khác nhau? Và đối với vấn đề này, tôi vẫn luôn luôn chủ trương mạnh mẽ là cái gì đó mà nhiều người vẫn có khuynh hướng sử dụng những từ ngữ "tồn tại" và "hiện hữu", chính là nhằm vào hai tính chất hoàn toàn khác nhau; và cho dù mọi sự vật hiện hữu thì cũng đều phải "tồn tại", kể cả nhiều sự vật mà chúng là đang "có"; tuy thế, nói theo cách nhấn mạnh, là *không* hiện hữu. Thực ra hiện giờ tôi đã chấp nhận quan điểm này, khi tôi bắt đầu viết những trang này; và tôi đã xây dựng lên toàn bộ cái khung sườn của những bài viết ở trên sự phân biệt này, và đã nói rằng tôi phải giải quyết trước tiên đối với vấn đề cái gì là thuộc những loại sự vật hiện hữu, và rồi xét một cách tách biệt, giống như một vấn đề hoàn toàn phân biệt đối với vấn đề về các loại sự vật nào *đang có* nhưng chúng lại không hiện hữu. Nhưng dầu thế, tôi lại đang có chiều hướng nghĩ rằng tôi đã bị nhầm lẫn, và cho rằng không hề có sự phân biệt nào như thế giữa "sự tồn tại" và "sự hiện hữu" cả, giống như tôi đã nghĩ rằng là nó có. Dĩ nhiên, có một sự phân biệt trong việc sử dụng, nhưng tôi lại có khuynh hướng nghĩ rằng sự phân biệt này chỉ là cùng là một loại, giống như loại mà tôi đã cố cắt nghĩa như nó vẫn được cho là nằm giữa "tồn tại" và "là một sự kiện". Tức là muốn nói, khi chúng ta nói về một sự vật nào đó rằng nó tồn tại, thì theo tôi nghĩ, chúng ta không nhằm gán cho nó một đặc điểm nào đó khác hơn với đặc điểm của sự "tồn tại"; tất cả những gì chúng ta muốn nói về nó, chỉ đơn giản như là nó *có*, hay là nó như một thành tố của vũ trụ. Và sự phân biệt của việc sử dụng này chỉ có thể có được, là bởi vì chúng ta cốt nhằm làm phân biệt đối với việc sử dụng từ ngữ "tồn tại", chỉ khi nào chúng ta có ý muốn gắn đặc điểm này cho một vài loại sự vật nào đó, mà không phải khi chúng ta nhằm có ý gắn nó với những loại *khác* mà trong thực tế cũng có chúng, và cũng là những cấu thành của vũ trụ hoàn toàn cũng giống y như cái trước. Nhưng như tôi đã có nói trong một trường hợp trước, là tôi không nghĩ liệu vấn đề là chính điều này có phải là như thế thật sự hay không, hay lại còn nhiều sự quan trọng hơn như thế. Trong khi chỉ muốn nói rằng có một lớp các sự vật, mà với chúng, chúng ta muốn hạn

chế từ ngữ "hiện hữu" vào đó, thì dĩ nhiên chúng ta đang nói rằng những sự vật này phải có một đặc tính chung nào đó, mà nó vẫn *không* bị chia sẻ cùng với các thành tố khác của vũ trụ. Và dĩ nhiên bạn có thể nói, nếu bạn thích thế (cho dù tôi không nghĩ là nó có thật sự đúng không), rằng khi tôi nói về một sự vật nào đó, rằng nó hiện hữu, thì chúng ta cùng nhằm nói về nó trong hai khía cạnh đích thực cùng một lúc (1) rằng nó *có* hay nó là một cấu thành của vũ trụ và (2) nó có tính chất đặc biệt này, mà nó vẫn *không* thuộc về tất cả những thành tố nói chung của vũ trụ. Điều quan trọng, là cần nên nhận thức được càng sáng tỏ càng tốt, *rằng* có một tính chất như thế, và nó chính là *cái gì*: rằng có một lớp các sự vật trong vũ trụ, mà chúng ta có ý định nói một cách rõ rệt, là chúng hiện hữu; và làm thế nào mà lớp các sự vật này lại khác với những loại dạng các sự vật khác mà chúng hoàn toàn cũng thuộc về vũ trụ, và là những thành tố của nó; cho dù chúng ta không thể nói chung về chúng, là chúng "hiện hữu".

Và tôi nghĩ cách tốt nhất để làm được điều này, là chỉ rõ ra cái gì chính là những lớp các sự vật trong vũ trụ mà chúng ta *không thể* hoàn toàn nói được một cách tự nhiên rằng chúng "hiện hữu". Và trong chừng mực nào mà tôi có thể thấy được, thì chúng ta có thể phân chia những sự vật này thành hai lớp. Lớp thứ nhất chỉ đơn thuần là lớp các sự vật mà tôi đã từng gọi chúng là những "sự kiện". Đó là mức cao nhất rất không tự nhiên để nói về những sự vật này, rằng chúng tồn tại. Chẳng hạn, không một ai lại có thể nghĩ rằng việc nói về sự kiện những con sư tử hiện hữu, là *chính nó* hiện hữu; hay sự kiện 2+2 = 4 là hiện hữu. Do thế, mà chúng ta hẳn là phải, theo tôi nghĩ, chắc chắn phải coi khuynh hướng áp dụng từ ngữ "hiện hữu" là *chỉ* cho những thành tố của vũ trụ, nói *khác đi* là những sự kiện.

Nhưng dường như đối với tôi, thì cũng có một lớp khác của các sự vật, mà chúng thực tế là những thành tố của vũ trụ, và trong trường hợp của chúng, cũng là không được tự nhiên, cho dù nó không hoàn toàn có vẻ như không tự nhiên, để nói rằng chúng "tồn tại". Lớp các sự vật mà tôi có ý nói đến, là lớp các sự vật đã được Locke, và Berkeley, cùng Hume, gọi là "những ý tưởng tổng quát", hay là "những ý tưởng trừu tượng", và chúng vẫn thường hay được gọi bằng cái tên đó, bởi các nhà triết học người Anh khác. Điều này, theo tôi nghĩ, là cái tên gọi thân thuộc nhất của chúng.

Và để cắt nghĩa được hoàn toàn sáng tỏ sự phân biệt đó là thế nào, mà đối với tôi dường như cần để điều chỉnh lại chính sự phân biệt giữa "tồn tại" và "đang tồn tại", và tôi cho rằng nó là tuyệt đối thiết yếu, khi nhằm bàn cải về bản chất của các ý tưởng "tổng quát" hay là "trừu tượng" đó. Và điều này, tôi cho là một chủ đề mà nó rất đáng để được thảo luận cho thật rạch ròi đối với nó. Cho tới đây, tôi đã không nói bất cứ điều gì về nó cả thảy. Nhưng những vấn đề như bản chất của những ý tưởng tổng quát có trong thực tế, vẫn đóng một phần vai trò rất lớn trong triết học. Có một vài nhà triết học từng nói rằng không hề có những sự vật như thế bao giờ: rằng những ý tưởng tổng quát là thuần túy tưởng tượng, giống như khi nói đến những con kình ngư, hay là những thứ chằng tinh. Berkeley và Hume chẳng hạn, cũng đã nói lên điều này. Nhưng phần lớn các nhà triết học, thì theo tôi nghĩ, họ vẫn có thể nói rằng có những sự vật như thế; và *nếu* quả có như thế, thì tôi cho rằng, chắc hẳn chúng phải là một trong những loại dạng quan trọng của các sự vật trong vũ trụ. *Nếu* có bất cứ những cái gì như thế, thì có một số rất lớn trong chúng, mà tất cả chúng ta đều vẫn thường xuyên nghĩ tới, và vẫn thường hay nói về chúng. Nhưng câu hỏi liệu chúng là *gì*, nếu quả có những sự vật như thế, thì dường như đối với tôi, là một trong

những vấn đề hay phân vân nhất trong triết học. Có nhiều triết gia vẫn thường hay nói về chúng; nhưng đến mức nào mà tôi biết, thì vẫn chưa hoàn toàn được sáng tỏ, đối với các điều gì được cho là một ý tưởng tổng quát giống như thế, và còn bởi vì chính xác như thế nào, mà nó là khác với những thành tố khác của vũ trụ. Do thế, tôi đã muốn làm hết sức mình có thể được, để chứng minh rằng *có* những ý tưởng tổng quát; và những đặc tính nào đó mà chúng có, và có sự phân biệt với những sự vật khác. Nhưng như tôi đã nói, đối với tôi, thì chủ đề đó dường như là hết sức lẫn lộn: bởi vì một sự vật mà dường như có nhiều loại ý tưởng tổng quát, và lại rất khó mà thấy được chúng, thì chỉ là cái gì đó nói chung. Tuy vậy, tôi không muốn giả thiết rằng tôi có thể làm cho chủ đề đó thật sự sáng tỏ ra được, nhưng tôi vẫn muốn cố thử làm cho hết sức mình.

Điểm đầu tiên thật cần thiết để được hoàn toàn sáng tỏ, chính là cái tên gọi "ý tưởng tổng quát" hay "ý tưởng nói chung", giống như tên gọi "ý tưởng" khi nói chung, là hết sức mập mờ: nó có thể nhằm để chỉ về hai loại sự vật hoàn toàn khác nhau. Và tôi cũng đã từng có dịp nhấn mạnh một vài lần, trên tính chất mơ hồ này, trong từ ngữ "ý tưởng"; nhưng nó vẫn dường như là một điểm, mà nhiều người luôn thấy rất khó nắm bắt được nó. Chúng ta hãy lấy một ví dụ. Mọi người nào đó có thể đồng ý rằng con số hai, hay một con số nào đó khác, là một ý tưởng trừu tượng, nếu có một vật nào đó là hiện hữu. Nhưng khi tôi, hay một người nào đó khác, *nghĩ* về con số hai, thì hai sự vật hoàn toàn khác nhau đó, lại được trộn lẫn vào nhau, và *cả hai* của chúng có thể được gọi là một "ý tưởng". Trước hơn hết, có hành vi tinh thần của tôi, hành vi đó bao gồm trong sự suy nghĩ về điều gì đó, hay là có ý thức, hay là sự nhận biết được về con số hai; và hành vi tinh thần này, tự nó có thể được gọi là "một ý tương". Và nếu chúng ta sử dụng từ ngữ đó trong ý nghĩa này, thì những ý tưởng là những sự vật, mà chúng chỉ có thể có được trong đầu óc người ta: chúng là những tên gọi khác cho những hành vi của ý thức. Hành vi tinh thần mà tôi tạo thành trong khi suy nghĩ về con số 2, và trong trường hợp này, là "một ý tưởng"; nó là một ý tưởng *của tôi*, và chỉ thuộc về tôi mà thôi. Nhưng rõ ràng, con số 2 *chính nó* vẫn *không* chỉ thuộc về tôi mà thôi; nó không phải là một ý tưởng chỉ của tôi trong ý nghĩa này. Do thế, mà chúng ta phải nhận thức rằng nó như là cái gì đó được hoàn toàn phân biệt với động tác tinh thần của tôi đối với sự vật *tư tưởng* về nó - con số hai, chính nó - là *đối tượng* của hành vi hiểu biết của tôi - là *cái gì* mà tôi nắm bắt được: và điều này, cũng thường được gọi là một "ý tưởng". Và hiển nhiên, nếu chúng ta sử dụng từ ngữ "ý tưởng" trong ý nghĩa này, thế thì một "ý tưởng" là một sự vật mà nó có thể hoàn toàn *là* như thế đó, và không phải chỉ có hiện hữu ở trong đầu óc nào đó. Có thể có hai sự vật, và chúng có thể thật sự là hai, ngay cả chẳng có người nào để suy nghĩ về chúng, hay của hành vi mà khiến chúng là hai. Tuy vậy, tôi vẫn muốn làm cho nó hoàn toàn sáng tỏ, là khi tôi nói về "những ý tưởng tổng quát", tôi vẫn muốn nói *không phải* là những hành vi của sự nắm bắt, nhưng là những sự vật được nắm bắt: *không* phải là hành vi của tôi về việc hiểu được con số hai, nhưng lại là chính con số hai, mà nó là *cái gì* đó được tôi hiểu ra. Về mặt hành vi hiểu ra, hành vi tinh thần, tôi không muốn gợi lên ngay lúc này, rằng nó không hiện hữu. Tôi chỉ cho là về phần tôi, thì nó *có đó*, cho dù có một số người có thể nghi ngờ về điều này. Chỉ với khía cạnh sự vật được hiểu ra, mà tôi muốn gợi lên, rằng nó không "hiện hữu". Sự vật được được hiểu ra, thế thì *không phải* hành vi hiểu ra là cái gì đó mà chúng ta sắp sửa thảo luận; và nhằm tránh sự lẫn lộn của cả hai điều này, theo tôi nghĩ, có lẽ tốt hơn hết, tôi sẽ phải sử dụng đến từ ngữ "ý

tưởng tổng quát", hay là "ý tưởng trừu tượng" trước hết. Thay vì với một tên gọi khác, tôi sẽ sử dụng nó thường xuyên cho các dạng sự vật này, cho dù điều đó vẫn không phải quen thuộc như thế: tôi sẽ gọi chúng là "phổ quát". Và rồi điều gì mà tôi muốn làm, là chỉ rõ ra dạng các sự vật nào đó là "phổ quát", và là có các sự vật như thế - rằng chúng không phải chỉ thuần túy tưởng tượng, giống như con cá kình, hay như lũ chằng tinh.

Và tôi sẽ bắt đầu với một trường hợp, mà nó có lẽ không phải chỉ trong những khía cạnh nào đó, lại cũng đơn giản như có thể có được; bởi vì nó đưa ta tới một điểm, mà giờ đây trở nên quan trọng. Khi tôi nhìn vào hai bàn tay tôi như thế này, tôi liền trực nhận ra ngay, là cả hai thành phần các dữ kiện trên đó, da thịt, màu sắc, tính cách, hình thể, mà bạn cũng biết rất rõ, và chúng còn có khoảng cách nhau giữa cả hai bàn tay. Khoảng cách đó, như bạn thấy là không lớn, thế cho nên tôi có thể nói được là chúng *gần* nhau. Và để cho được thuận lợi hơn, tôi sẽ nói thêm về các dữ kiện cảm giác, cùng màu sắc trên da thịt của chúng, như là *hai bàn tay của tôi*, cho dù như chúng ta đã thấy, vẫn có lý do để giả định rằng các dữ kiện về màu sắc và da thịt đó, thực tế không phải là những bàn tay của tôi, hay bất kỳ thành phần nào của chúng. Do thế, mà khi tôi nói đến những *bàn tay* của tôi, bạn sẽ hiểu ra được ngay rằng, tôi đang *chỉ có* nói về cả hai dữ liệu da thịt và màu sắc này, mà chính tôi đang trực tiếp nhận thấy. Tôi không nhầm cho rằng tôi có hai bàn tay gì cả, trong chính ý nghĩa thông thường của từ ngữ này. Tôi chỉ muốn nói đến những sự vật, mà nó hẳn *là* như thế đó; và như thế, tôi chỉ muốn nói về các dữ liệu cảm giác này, mà tôi đang nhận thấy trực tiếp về chúng, và cũng chỉ để được hoàn toàn thuận lợi, mà tôi gọi chúng là "hai bàn tay của tôi". Thế thì, đó chính là một *sự kiện*, nằm trong ý nghĩa của việc dùng từ này của tôi, rằng là bàn tay này - cái mảng màu sắc của da thịt - mà vào lúc này, nó ở một quãng cách nào đó (một quãng cách mà chúng ta sẽ gọi là "gần") từ bàn tay này của tôi - so với cái mảng màu da thịt kia. Đó là một sự kiện, mà cái bàn tay phải, giờ đây là đang nằm gần với bàn tay trái này. Nhưng sự kiện này, dường như chỉ đơn giản có thể được phân tích chúng vào trong những thành tố như sau. Khi tôi nói rằng nó có thể được phân tích, tôi không nhầm nói rằng nó chẳng phải *là* cái gì khác hơn là tổng số những sự vật cấu thành nên nó: tôi chỉ nghĩ đơn giản là nó *không có* - không những nó chỉ đồng hóa với tổng số những thành tố của nó: tôi chỉ muốn nói rằng, nó là những thành tố đang được nói tới, *là* những thành phần, hay những yếu tố cấu thành nó - rằng chúng được chứa đựng trong nó. Những yếu tố cấu thành mà tôi muốn nói tới, là những cái này. Bàn tay phải này - các dữ liệu cảm giác này - là một yếu tố của nó - và cái kia là *cái gì đó*, mà chúng ta khẳng định về các dữ liệu đó, là các đặc tính mà chúng ta gán cho nó - nói đúng ra, là các đặc điểm của *cái tồn tại ở gần bàn tay trái*. Sự kiện *rằng* bàn tay phải của tôi là *ở gần* bàn tay tay trái: và chúng ta có thể phân tích điều nay thành: (1) chính bàn tay phải - đó là một sự vật đang đi vào trong cấu tạo của sự kiện: và (2) cái gì đang được khẳng định về bàn tay phải - nói đúng ra, là tính cách của sự hiện hữu mà giờ đây nó ở gần với bàn tay trái. Vậy, cái cấu thành thứ hai này - tính cách của sự hiện hữu ở gần với bàn tay trái - là một *cái phổ quát*, và là một trong những trường hợp hiển nhiên nhất của một cái phổ quát. Bạn đã thấy tại sao nó phải được gọi là một "cái phổ quát". Nó cũng phải được gọi như thế, là bởi vì đó là một đặc tính mà nó có thể (và là) có *chung* với bàn tay này, cùng là chung với những sự vật khác. Những sự vật có thể trong thực tế, cũng được chia phần với đặc tính của sự hiện hữu gần

với bàn tay này: những sự vật như thế khác: cái mảng màu trắng mà tôi thấy được trong khi tôi nhìn vào tờ giấy, cũng nằm *gần* với bàn tay này, và cũng như thế, nó cũng là một mảng màu sắc mà tôi nhìn thấy được trong khi nhìn vào cái bàn viết. Tất cả ba sự vật này đều có cùng một tính cách chung, là tồn tại ở gần với bàn tay này. Tất cả chúng đều nằm *gần* nó, chính xác theo cùng một ý nghĩa; cho dù, mỗi một trong chúng dĩ nhiên *cũng* có những mối quan hệ với nó, mà những sự vật khác lại không thể có được. Và tính chất đó của sự tồn tại *gần* cái mảng màu sắc này, trong một ý nghĩa là trong đó, nó là *chung* cho cả hai dữ kiện cảm giác của bàn tay phải của tôi, và những dữ kiện cảm giác của cái bàn viết, và dữ kiện cảm giác của tờ giấy; thật sự là cái gì đó, mà nó được gọi chung là một "ý tưởng tổng quát", hay là "một ý tưởng trừu tượng". Mối quan hệ mà tôi muốn nói tới ở đây, bằng sự "tồn tại *ở gần*", là chắc hẳn không hề *đồng hóa* hoặc với quãng không mà tôi đang nhìn thấy ở giữa hai bàn tay và cái đó, hay là ở giữa bàn tay và cái bàn viết, hay là ở giữa bàn tay và tờ giấy. Tất cả những quãng không này đều khác nhau. Nhưng điều gì đó mà tôi muốn nói về sự tồn tại "ở gần", chính là cái gì đó mà nó là tuyệt đối đồng nhất nhau ở cả trong ba trường hợp. Tuy thế, chúng ta cũng đã có ở trong đặc điểm này của sự việc *tồn tại gần với các dữ kiện cảm giác này*, một yếu tố đích thật của một ý tưởng "phổ quát", hay ý tưởng trừu tượng. Và lý do tại sao tôi đã bắt đầu với sự thể này, chính là bởi vì trong trường hợp này, cái phổ quát đối với tôi dường như thật sự hiển nhiên là được bao gồm trong sự có một mối quan hệ với cái gì đó, mà nó *không* là một cái phổ quát. Mảng màu sắc này, mà hiện tôi đang nhìn thấy, là hiển nhiên không phải là một ý tưởng phổ quát, hay ý tưởng trừu tượng; không có cái gì đó có thể có, hơn là một *đặc điểm*. Nhưng bởi vì cái phổ quát được bao gồm trong việc có một mối quan hệ - mối quan hệ của sự ở gần với - hay đúng ra là với cái mảng màu sắc *này*: tính cách của sự *tồn tại gần với mảng màu sắc này*, là một đặc tính, mà nó phải là và có thể là được chia phần cùng một số những sự vật khác biệt nào đó nói chung.

Thế nên, chúng ta có một mẫu về cái phổ quát, mà chủ yếu là việc nó có một mối quan hệ đồng nhất với cái gì đó mà cái đó *không* phải là cái phổ quát. Nhưng, nếu chúng ta xem xét những sự kiện sau đây, chúng ta lại sẽ có được một trường hợp khác về một loại phổ quát mới khác. Cái bàn tay trái này của tôi không chỉ là bàn tay trái trong vũ trụ: vì vẫn có nhiều bàn tay trái khác nữa như thế, và ngay cả nhiều dữ kiện khác cũng giống với cái này mà hiện giờ tôi đang trực tiếp nhận thức được nó. Nhưng trong cùng một ý nghĩa là trong đó những sự vật đang ở đây là đang nằm gần với bàn tay trái của tôi, thì những sự vật khác lại có thể là nằm gần với bàn tay trái của những người khác. Vậy thì có một đặc điểm như thế, tức là sự *hiện hữu ở gần một bàn tay trái nào đó hay là cái gì đó khác*. Cái này, như bạn đã thấy, đó là đặc tính mà những sự vật hiện giờ ở đây đều cùng chia sẻ với tất cả mọi sự vật mà chúng nằm gần với bàn tay trái của một người nào đó khác. Tất cả chúng đều ở gần *bàn tay trái nào đó hay là gần với cái gì đó khác*. Tuy thế, tính chất này cũng là một cái phổ quát, và nó chỉ đơn giản thuộc về một mẫu khác đối với mẫu đầu tiên mà chúng ta đã lấy. Tính chất này không chủ yếu là ở trong sự việc có một mối quan hệ đặc biệt nào đó đối với *cái gì đó hay cái khác* của một nhóm những sự vật mà chúng không phải là những cái phổ quát. Và những cái phổ quát kiểu mẫu này, là những cái phổ quát mà chúng ta vẫn hay luôn nghĩ tới cũng như nói tới. Nhiều từ ngữ thông thường nhất mà chúng ta sử dụng, là những tên gọi được đặt cho

chúng. Chẳng hạn, khi chúng ta nói có một người nào đó có một người cha, thì điều gì mà chúng ta nhằm nói tới, là anh ta có một mối quan hệ cha con với một người *nào đó* hay với *một người khác*: điều này chính là tính chất mà nói chung nó cùng chia sẻ với mọi người cha, và hiển nhiên một số lượng lớn của những từ ngữ chung nhất đó là những tên gọi cho những cái phổ quát của loại này: những cái phổ quát mà chính chúng có một mối quan hệ nào đó với *một cái nầy* hay một *cái khác* của một nhóm các sự vật mà chính chúng lại *không* phải là những cái phổ quát.

Do thế, chúng ta có thể có được những ví dụ thuộc hai loại khác nhau của những cái phổ quát: (1) cái phổ quát mà chủ yếu là việc nó ở gần bàn tay này của tôi; và (2) mà nó còn chủ yếu ở gần bàn tay trái nào đó, hay là một cái khác. Và có lẽ cũng cần nghĩ rằng, có thể không nghi ngờ gì, rằng *có* những sự vật như thế, y như hai cái phổ quát này. Chắc chắn điều đó là có, và nó có vẻ là như thế, và một sự vật là như thế, tức là tính cách của sự nằm ở gần bàn tay *này*, và cũng là một sự vật như thế, đó là tính chất của sự việc ở gần một *bàn tay nào đó* hay ở gần một bàn tay nào *khác*. Nhưng để nhằm thấy được tại sao lại có sự nghi ngờ về vấn đề này, chúng ta phải xem xét một mẫu hoàn toàn khác của cái phổ quát, mà nó được bao gồm trong yếu tố cấu thành trong cả hai cái này. Cả hai đặc tính này [cùng có] như một yếu tố cấu thành, một mối *quan hệ* - mối quan hệ mà chúng ta gọi nó là "là *gần*". Và phần lớn người ta đều muốn nói rằng mối quan hệ này trong chính nó là một "cái phổ quát": nó chắc chắn đều là một "ý nghĩa phổ quát". Thật thế, vì nếu mối quan hệ này đã *không* phải là một cái phổ quát, thì ít nhất trong một ý nghĩa nào đó của từ ngữ, chẳng có cái nào đó ở trong hai đặc tính này, lại có thể cũng là một trong những điều gì như thế.

26

Nghệ thuật và tồn tại *

ARTHUR SCHOPENHAUER

(1788 – 1860)

Không phải chỉ có triết học mà đến cả các tác phẩm nghệ thuật thẩm mỹ vốn từ cơ bản cũng vẫn hướng tới việc giải quyết những vấn đề về sự tồn tại. Bởi vì trong mọi đầu óc nào đã từng một lần biết từ bỏ sự chiêm ngắm thế giới tự nhiên thuần túy khách quan, thì có một sự ham muốn đã được khêu lên, mặc dù vẫn còn giấu kín và một cách vô thức, nó đã có thể nhằm để hiểu được bản chất thật của mọi sự vật, của đời sống, và của sự hiện hữu. Và vì chỉ có điều này thôi, mà trí tuệ trở nên thích thú như thế đó, *tức là* đối với một chủ thể thuần túy về mặt hiểu biết, mà nó đã trở thành thoát ra khỏi được mọi mục đích của ý chí; cũng như chính chủ thể đó hiểu biết được trong tính chất thuần túy là một cá nhân, những mục đích mà chỉ có một mình ý chí là ham muốn. Trong ý nghĩa này, kết quả của sự nắm bắt được tính khách quan thuần túy của các sự vật, là một sự thể hiện nhiều hơn về bản chất sự sống và sự tồn tại, nhiều hơn là một sự trả lời cho câu hỏi "Đời sống là gì?" Mọi công trình thanh công và xứng đáng nhất của nghệ thuật đều trả lời cho câu hỏi này theo cách riêng của nó, với một sự đúng đắn hoàn hảo nhất. Nhưng tất cả mọi nghệ thuật đều chỉ nói bằng thứ ngôn ngữ hồn nhiên và trẻ thơ của sự nhận thức, không phải bằng thứ ngôn ngữ trừu tượng và nghiêm cẩn của sự *suy nghĩ*; câu trả lời của chúng, tuy thế lại là một hình ảnh thoáng qua: nó không phải là sự hiểu biết thường xuyên và tổng quát. Như thế, đối với cả sự *nhận thức*, thì mọi tác phẩm nghệ thuật đều trả lời câu hỏi đó; mọi bức hoa, mọi bức tượng, mọi bài thơ, mọi vở kịch trên sàn diễn, và âm nhạc cũng trả lời nó; và thật sự còn sâu sắc hơn mọi thứ còn lại, bởi vì trong ngôn ngữ của âm nhạc, nó được thông hiểu bằng sự trực tiếp tuyệt đối; nhưng nó lại không thể được phiên dịch thành thứ ngôn ngữ của lý trí; và bản chất sâu xa hơn của mọi đời sống và sự hiện hữu, diễn đạt được chính nó. Do vậy, mà tất cả những nghệ thuật khác,

* Từ Cuốn III, Bổ sung, Chương 34, và Cuốn III, Đoạn 52 của *Thế giới như là ý chí và ý tưởng* (1819).

đều gợi lên được cho người đang tra vấn một hình tượng để có thể nhận thấy được, và nói "Hãy nhìn nào, đây là cuộc sống". Tuy vậy câu trả lời của họ điều chỉnh nó, và có thể vì thế mà sẽ luôn luôn mang lại một sự thỏa mãn chỉ mang tính tạm thời nhưng không phải toàn diện và sau hết. Bởi vì chúng chỉ luôn luôn cho ra một đoạn, một minh họa, thay vì của cả nguyên tắc, nên không phải là cái toàn thể, mà nó chỉ có thể mang đến một *quan niệm* trong tính phổ quát. Bởi vì chính điều này, mà do vậy, để phản ánh, và chính trong sự trừu tượng, mà nêu lên một câu hỏi, chỉ trên khía cạnh đó, nó sẽ là điều thường xuyên và đầy đủ, để luôn luôn cho là công việc của triết học. Tuy nhiên, chúng ta nhận thấy ở đây, đối với điều gì mà trên đó mối quan hệ của triết học và những nghệ thuật thẩm mỹ vẫn đặt cơ sở, đồng thời có thể kết luận từ đó về cả yếu tố mở rộng ra khả năng của cả hai, mặc dù trong chiều hướng của nó, và trong những vấn đề thứ yếu của nó, là rất khác nhau, và tuy thế, nhưng trong gốc rễ thì vẫn chỉ là một.

Mọi tác phẩm nghệ thuật, thực sự đều tập trung vào một cách phù hợp, ở việc nêu lên cho chúng ta về đời sống và những sự vật trong sự chân thực của chúng, nhưng lại không thể mang tới cho chúng ta một cách trực tiếp, bởi vì tất cả mọi cái đều có một sự trộn lẫn giữa các yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan. Chính nghệ thuật phải luôn luôn loại bỏ đi sự lẫn lộn này.

Những tác phẩm thi ca, điêu khắc, và những nghệ sĩ trình diễn, trong nội dung tổng quát là một kho tàng không thể cảm nhận ra hết được những khôn ngoan sâu sắc; bởi vì từ chúng, mà sự khôn ngoan từ nơi bản chất của các sự vật đó tự nó nói lên; mà lời nói của chúng tự nói lên, chỉ được phiên diễn ra bởi những hình ảnh, và những điều diễn đạt thuần túy hơn. Tuy vậy trên khía cạnh này, người nào đọc một bài thơ, hay nhìn vào một bức tranh, đều chắc chắn là phải phát hiện ra được nhờ các phương tiện riêng của anh ta, để nhằm mang sự khôn ngoan đó ra ánh sáng; tùy theo sự hiểu biết của anh ta, và cũng tùy thuộc nhiều vào đó, mà khả năng và văn hóa của anh ta chấp nhận nó; như trong lòng biển sâu, mỗi một thủy thủ chỉ thả có hòn chì xuống biển, càng xa càng tốt, cho tới mức mà chiều dài của đường thẳng sợi dây cho phép. Trước một bức tranh, cũng như trước một vị hoàng tử, mọi người đều phải đứng, chờ đợi để được xem, hoặc là có cái gì đó sẽ được nói với anh ta; và cũng giống như trường hợp của một vị hoàng tử, ở đây, chính anh ta lại không thể được nói điều đó, bởi vì nếu thế thì anh chỉ có thể nghe được chính anh ta. Chính từ tất cả mọi sự việc này, mà những tác phẩm nghệ thuật đều trình bày tất cả mọi sự thật mà chắc chắn chứa đựng trong nó; mà thật sự, nó cũng vốn đã *tiềm ẩn, hay là đã bao hàm* trong đó; triết học, mặt khác, chính là nỗ lực nhằm cung cấp cung với sự thật *hiện thực ra*, và *minh thị hóa* nó; và do thế, mà cũng trong ý nghĩa này, vẫn có sự liên quan tới nghệ thuật, cũng như rượu vẫn có liên quan tới nho. Cái gì mà nó hứa hẹn cung cấp, sẽ chính là cái mà nó vốn có từ một kết quả đã được thực hiện và đã được làm sáng tỏ ra rồi; một sự thủ đắc chắc chắn và cũng đích thực; trong khi đó, cái gì diễn ra từ các thành quả của các tác phẩm nghệ thuật, là cái mà nó luôn luôn được tạo tác thành mới lại. Tuy vậy, do thế mà nó phải yêu cầu, không phải đối với những người nào đã tạo tác ra các tác phẩm của họ, mà còn đối với những người nào hiện đang thưởng thức chúng, mà với chúng họ có thể gặp các khó khăn nào đó. Do vậy, mà tính cách công chúng của nó vẫn cứ bị hạn chế, trong khi đó, tính chất này của nghệ thuật thì lại rất rộng lớn.

Sự kết hợp của người sở hữu mà họ được đề cập ở trên đây, như chính việc được yêu cầu cho sự thưởng ngoạn một

tác phẩm nghệ thuật, vẫn phụ thuộc một phần vào sự kiện là mọi tác phẩm nghệ thuật đều có thể chỉ tạo ra các hiệu quả của nó, thông qua trung gian của sự tưởng tượng; do thế mà phải kích thích cái này, và có thể không bao giờ được cho phép nó được quyền rời khỏi sân chơi,cũng như cứ mãi mãi thụ động.

Đây là một điều kiện của tính hiệu quả thẩm mỹ, và do vậy, cũng là một quy luật căn bản của mọi nghệ thuật thẩm mỹ. Nhưng cũng từ đó, mà dẫn tới điều này, là việc phải thông qua chính tác phẩm nghệ thuật, mà mọi sự vật đều không thể trực tiếp được mang đến cho các giác quan; và đúng ra, chính vì thế mà việc dẫn tới sự tưởng tượng vẫn là con đường đúng; một vài sự vật, mà thực chất là các sự vật sau cùng, vẫn phải luôn luôn được kinh qua bởi trí tưởng tượng, để có thể được thực hiện. Ngay cả các tác giả, cũng luôn luôn cần phải để lại một điều gì đó, khiến cho người đọc buộc phải suy nghĩ; vì thế, Voltaire đã rất có lý khi nói *"Le secret d'être ennuyeux, c'est de tout dire?"* {Cái bí quyết của việc gây ra sự buồn chán, có phải chăng là việc nói huych tẹt ra tất cả?}. Nhưng bên cạnh điều này, trong nghệ thuật, điều tốt hơn hết, chính là phải có nhiều ý nghĩa tinh thần để mang trực tiếp nó đến với các giác quan; phải tạo ra trí tưởng tượng ở người tạo tác, mặc dù chỉ qua đó để có thể có được các tác phẩm nghệ thuật. Nó phụ thuộc vào điều này, là chính những sự phát họa của những bậc thầy lớn, lại thường có tác dụng nhiều hơn là những hình ảnh cuối cùng của họ; mặc dù có một lợi điểm khác, mà chắc chắn có góp phần vào điều này, đó chính là chúng được hoàn thành ngay tức khắc, vào đúng ngay lúc nó được nhận thức; trong khi đó, một bức họa được coi là hoàn hảo, chỉ có thể được sản sinh ra thông qua một nỗ lực liên tục, nhờ phương tiện phát huy các kỹ năng và các ý tứ thường xuyên, để cho sự cảm hứng luôn luôn duy trì, cho tới khi nó đã được hoàn thành. Từ quy luật thẩm mỹ học căn bản này, mà chúng ta đang đề cập tới, nó cũng cần phải được cắt nghĩa rõ thêm, là tại sao những gương mặt sáp, lại không bao giờ tạo ra được một hiệu quả nghệ thuật; và do vậy, nó cũng không phải đúng nghĩa là các tác phẩm nghệ thuật; mặc dù thực sự trong chúng, chính sự bắt chước tự nhiên luôn có thể đạt đến mức độ cao nhất. Chỉ bởi vì chúng luôn luôn không để lại một cái gì cho sự tưởng tượng làm việc cả. Điêu khắc thì lại chỉ cho ra một hình dạng nhưng không có màu sắc; hội họa thì cho ra màu sắc, nhưng thuần túy chỉ là một dạng thức bề ngoài của hình dạng; bởi thế, cả hai đều kêu gọi đến sự tưởng tượng của người thưởng ngoạn. Gương mặt sáp, mặt khác, tuy có mang lại tất cả các hình dạng và màu sắc một cách tức thì; do thế mà chỉ gợi lên hình ảnh của thực tại, còn sự tưởng tượng thì không được dự phần vào. Thi ca, trái lại, thực chất của nó là chỉ gợi lên sự tưởng tượng, nó mang người ta vào trong chính sự tác động, chỉ thuần túy bằng các từ ngữ.

Một sự vận dụng độc đoán cùng với các phương tiện nghệ thuật, mà không có sự hiểu biết đích thực về mục tiêu nào trong mọi nghệ thuật, đó là đặc điểm căn bản của nhà tài tử. Một con người như thế, chính mình vẫn tỏ ra như những cột trụ, mà chúng lại không hỗ trợ cho một điều gì cả, đó chỉ là các đam mê không mục đích, những sự dàn giá, và những dự phóng của sự kiến tạo tồi, cả trong những đường nét và những hình ảnh vô nghĩa lý, cùng với tiếng ồn vô mục đích của âm nhạc tồi, trong sự ồn ào của những nhịp điệu, của thi ca vô nghĩa...

...Một tác phẩm nghệ thuật nếu nó được tiến hành bởi những quan niệm chỉ thuần túy có phân biệt thì luôn luôn không chính đáng. Nếu giờ này, trong khi chúng ta xem xét một tác phẩm trong nghệ thuật nặn tượng, hay trong khi ta đọc một bài thơ, hay trong khi ta nghe một bản nhạc (và nó nhằm mô tả một sự vật nào đó xác định), chúng ta thấy được, là thông qua

tất cả mọi chất liệu phong phú của nghệ thuật, quan niệm phân biệt, hạn chế, lạnh lùng, khô cứng sẽ trở thành nhạt nhòa, và cuối cùng nổi bật lên chính là quan niệm mà chính nó là tạo thành cái cốt lõi của tác phẩm này; ý niệm toàn bộ về nó, do vậy cũng bao gồm cả trong sự suy nghĩ nhằm phân biệt về nó, cùng phù hợp theo nó một cách tuyệt đối, rốt ráo, bởi qua sự thông đạt của nó; chúng ta sẽ cảm thấy ghê tởm và tức giận, nếu chúng ta thấy chính chúng ta bị lừa dối và bị phỉnh gạt đối với sự thích thú và sự chú tâm của chúng ta. Chúng ta chỉ được thỏa mãn hoàn toàn bởi ấn tượng về một tác phẩm nghệ thuật, khi nào nó để lại một cái gì đó, mà qua đó, với tất cả mọi sự suy nghĩ của chúng ta về nó, chúng ta không thể nào tạo nên được một sự phân biệt nào hết về quan niệm. Biểu hiệu của nguồn gốc đa đoan này, chỉ là do những quan niệm, là cái mà tác giả của một tác phẩm nghệ thuật trước khi cấu tứ về nó, đã đưa nó vào trong những từ ngữ phân biệt về cái gì mà anh ta có ý nhằm trình bày; bởi vì rồi thì, nó vẫn có thể đạt tới mục đích hoàn toàn của nó, thông qua những từ ngữ này. Do thế, mà đó là một cố gắng hầu như là vô bổ, hay vô lý, giống như người ta vẫn hay nỗ lực như hiện nay, để tìm kiếm cách giản lược một bài thơ trong tác phẩm của Shakspeare, hay của Goethe, vào một sự thật trừu tượng mà nó được cho là nhằm truyền đạt. Chắc chắn người nghệ sĩ luôn có thể nghĩ tới bố cục tác phẩm của mình; nhưng chỉ tư tưởng đó thôi, cũng đã được *nhận thấy* ngay trước khi nó được suy nghĩ về sau này, trong sự truyền đạt, sức mạnh của sự sống động hay sự khơi dậy của nó, và do vậy, nó trở thành không thể giảm sút được. Chúng ta sẽ không thể không quan tâm ở đây, rằng chắc chắn một tác phẩm mới được phác thảo ra, cũng giống như những phác họa của những nhà họa sĩ đã được nói tới, tác phẩm mà chính nó đã được hoàn thành trong sự cảm hứng trong ý niệm đầu tiên của nó, và nó đã được gợi ra một cách vô ý thức, giống như bản hòa âm mà chính nó đã hoàn toàn đến từ sự không cần suy nghĩ, và hoàn toàn như thể chỉ do sự cảm hứng; và cuối cùng, cũng chính là bài thơ trữ tình, bài hát nhàn nhã, mà trong đó cách thức của hiện tại lại được cảm nhận sâu sắc, và ấn tượng của bối cảnh chung quanh, giống như là không có ý thức, tự nó rót vào bên trong những từ ngữ, mà câu thơ và vần điệu của nó, được hòa hợp với nhau - mà tất cả những điều này, theo tôi là có một lợi điểm lớn lao của sự thuần khiết nơi tác phẩm của sự xuất thần trong một lúc, sự cảm hứng, sự vận động tự do của tài năng, mà không có sự xen lẫn vào của ý đinh và sự suy nghĩ; do thế, chính chúng được xuyên qua, và thông qua sự hứng khởi và điều thích thú, mà không cần có cái vo bọc, cũng như không cần có cái cốt lõi; và hiệu quả của chúng, càng không thể khác đi được, cho dù là của những tác phẩm nghệ thuật lớn nhất, hay của giá trị thấp hơn và phóng túng hơn, đều luôn có một phần quan trọng; sự thông hiểu, kỹ năng, và thói quen ở đây, phải lấp đầy vào những quãng cách, mà chính quan niệm và cảm hứng của tài năng đã để lại; và nó phải trộn lẫn mọi loại này của các công việc bổ sung cần thiết, như là chất kết đính đối với chỉ những thành phần thực tế, được sáng ngời một cách chính đáng. Điều này cắt nghĩa được là tại sao mọi tác phẩm như vậy, chỉ trừ những kiệt tác hoàn hảo của mọi bậc thầy vĩ đại nhất (chẳng hạn như "Hamlet", "Faust", vở nhạc kịch "Don Juan"), thì tất yếu chứa đựng một sự trộn lẫn các cái gì đó không màu sắc và sầu bi, mà trong chừng mực nào đó, nó ngăn cản sự vui thú trong việc thưởng thức chúng. Những bằng chứng cho các điều này, la các tác phẩm "Messiah", "*Gerusalemme liberata*", hay ngay cả "Paradise Lost" và "Æneid"; và Horace cũng đã từng nói lên một sự lưu ý táo bạo, "*Quandoque dormitat bonus*

Homerus" [Ngay cả tài danh như Homer, mà đôi khi cũng có thể thình lình bắt gặp được]. Nhưng điều này cũng chỉ là trường hợp trong hậu quả của sự giới hạn đối với những sức mạnh của con người nói chung.

Người mẹ của những nghệ thuật có ích, là nhu cầu cần thiết; còn của các nghệ thuật thẩm mỹ là sự thăng hoa cao khiết. Nhưng người cha của chúng, với yếu tố trước là sự thông hiểu; còn yếu tố sau là tài năng, mà chính nó là một loại thăng hoa cao khiết, là cái của những sức mạnh của sự thông hiểu, đặc biệt vượt lên trên biện pháp mà nó cần đòi hỏi nhằm vào chính sự phục vụ cho ý chí.

Bản chất của con người, chủ yếu ở trong điều này, là việc mà ý chí của nó đòi hỏi, là phải được thỏa mãn, và lại đòi hỏi mới, và cứ như thế không ngừng. Thật vậy, niềm hạnh phúc này của anh ta, và điều hoan lạc chỉ đơn thuần nằm ở sự chuyển đổi nhanh lẹ từ một sự ao ước qua sự thỏa mãn, và từ sự thỏa mãn qua sự ao ước mới. Do thế, sự không được thỏa mãn là việc phải chịu đựng, một sự mong mỏi trống rỗng, một sự ao ước mới, một mỏi, *chán chường*. Và phù hợp với điều này, bản chất của sự hòa điệu là việc biến chuyển thường xuyên, và sự chệch hướng khỏi nốt chủ theo một ngàn cách, không chỉ là hướng tới những quảng hòa điệu cho một nốt thứ ba và nốt chủ, nhưng cho mọi âm tiết, cho những nốt thứ bảy chõi âm, và cho những cấp độ thoáng nhanh qua; kể cả, luôn luôn kéo theo nó một sự quay về thường xuyên với nốt chủ. Trong những biến âm này, hòa điệu thể hiện ở những cố gắng đa dạng của ý chí, nhưng luôn luôn là sự thỏa mãn của nó, cũng như bởi sự quay về cuối cùng với quảng hòa điệu, và còn hơn thế nữa, đến nốt chủ âm. Sự cấu thành hòa điệu, sự hé mở ra trong nó, của mọi chiều sâu thẳm nhất của ý chí và của tình cảm con người, là công việc của tài năng, là hành vi của nó, mà nó càng hiện rõ rệt ở đây hơn bất cứ nơi nào khác, nằm cách xa mọi sự suy nghĩ và mọi ý định có ý thức, và có thể gọi đó là một sự cảm hứng. Ở đây quan niệm đó, cũng như mọi nơi trong nghệ thuật, là không có kết quả. Người sáng tác vẫn hé lộ ra bản chất sâu xa hơn ở bên trong thế giới, và biểu lộ sự khôn ngoan sâu xa nhất trong ngôn ngữ, mà nó chính là lý do để anh ta không thể hiểu được; giống như một con người, dưới ảnh hưởng của sự thôi miên, nói lên được các sự vật mà anh ta không hề có một ý niệm nào về chúng, khi anh ta thức tỉnh ra. Do thế mà trong con người sáng tác, thì hơn bất cứ một nhà nghệ sĩ nào khác, con người đó hoàn toàn tách rời và phân biệt hẳn với người nghệ sĩ. Ngay cả trong sự lý giải của môn nghệ thuật ngoạn mục này, quan niệm vẫn chỉ ra được sự nghèo nàn và giới hạn của nó. Tuy nhiên, tôi sẽ cố gắng hoàn thành sự giống nhau đó của chúng ta. Vì sự chuyển đổi nhanh chóng từ sự ao ước qua sự thỏa mãn, và từ sự thỏa mãn sang một ao ước mới, là niềm hạnh phúc và sự thỏa mãn, để cho những giai điệu được nhanh, mà không có những sự biến cải lớn quen thuộc; những giai điệu chậm, nói lên sự đối ngược, đau khổ gay gắt, và chỉ quay trở lại khúc đầu, thông qua nhiều tiết đoạn, cho đến chu âm, là giống với sự trì hoãn và sự thỏa mãn khi có được một cách táo bạo, buồn bã. Sự trì hoãn của việc kích thích mới của ý chí, sự nhọc mệt, không hề có một biểu hiện nào khác hơn, là chu âm còn kéo dài, và hiệu quả của nó có thể chẳng bao lâu sẽ không thể chịu đựng được nổi nữa; rất đơn điệu, và những hòa điệu vô nghĩa lý, đi tới gần hiệu quả này. Những chủ đề ngắn có thể dễ hiểu được, của âm nhạc khiêu vũ nhanh, dường như chỉ nói lên sự thích thú chung, có thể vẫn dễ dàng đạt tới được. Mặt khác, điệu *Allegro Maestoso*, trong những chuyển động trau chuốc của nó, những đoạn dài, và những biến tấu trống rỗng, có ý nghĩa như một nỗ lực lớn hơn, quý phái hơn, hướng tới

một đích điểm xa hơn, và với sự đạt tới cuối cùng của nó. điệu *Adagio*, nói lên trong nỗi đau cùng sự cố gắng lớn lao và cao quý, mà nó luôn bất chấp những hạnh phúc nhỏ nhoi. Nhưng là ngoạn mục như thế nào, với hiệu quả của âm *thứ* và *trưởng!* Và tính vang âm như thế nào, với sự thay đổi của bán âm, sự đi vào của quãng nốt thứ ba thứ, thay vì là một nốt trưởng, ngay tức thì, và sẽ không thể tránh được những lực tác dụng trên chúng ta, với một cảm giác đau đớn lo âu, mà từ đó, một lần nữa chúng ta lại như là tức khắc được giải phóng ngay, bởi âm giai trưởng. Điệu *Adagio* kéo dài ra trong nốt thứ, như một sự biểu hiện của niềm đau đớn sắc nét, và trở thành kể cả một sự khắc khoải, quặng đau. Âm nhạc khiêu vũ trong âm giai thứ, dường như luôn chỉ ra một sự thất bại của diều hạnh phúc tầm thường đó, mà chúng ta thà cứ coi khinh nó vẫn còn hơn, vì dường như nó nói về việc đạt tới một đích điểm thấp hơn, với sự bận bịu và bối rối. Sự không thể tát cạn hết được của những tiết diệu, có thể có sự phù hợp với sự không thể tát cạn hết được của Thiên nhiên, trong sự khác nhau của các cá nhân, những gương mặt, và những bận rộn trong chính cuộc đời. Sự chuyển tiếp từ một chủ âm sang một âm tiết là hoàn toàn khác hẳn, bởi vì nó cùng bẻ gãy sự thông đạt với cái gì đó đã có trước nó, cũng giống như cái chết, đối với những mục đích cá nhân ở trong nó; nhưng ý chí hiện ra trong những đời sống cá nhân này, đằng sau nó, cũng như đằng trước nó, vẫn đang hiện ra trong những cá nhân khác, mà ý thức của chúng, tuy vậy lại không có một mối liên kết nào hết với ý thức của anh ta.

Nhưng không bao giờ được quên rằng, trong sự truy tìm đối với mọi diều tượng tự này, tôi đã có nêu ra rằng âm nhạc không có một mối quan hệ trực tiếp nào, nhưng đó chỉ là một mối quan hệ gián tiếp đối với chúng; bởi vì, nó không bao giờ biểu hiện được hiện tượng, nhưng chỉ là cái bản chất bên trong, là cái tự thân của mọi hiện tượng, là chính cái ý chí Do thế, nó cũng không thể hiện được niềm vui thú đặc thù và xác định này, hay là niềm vui thú đặc thù và xác định kia, như sự buồn bã, hay đau đớn, hay sợ hãi, hay vui thích, hay sung sướng, hay an lành nơi *chính chúng lúc* này hoặc lúc khác, cho đến một phạm vi trừu tượng nào đó; nên bản chất thiết yếu của nó, vì không có những sự phụ thuộc, và do thế, cũng không có những động lực của chúng. Bởi vậy, chúng ta hoàn toàn hiểu được chúng trong yếu tính đã được nêu ra ở đây. Vì thế, mà đi tới nhận định rằng sự tưởng tượng của chúng ta thường rất dễ bị kích thích như thế bởi âm nhạc, và giờ đây, ta tìm kiếm để tạo ra một dạng thức cho thế giới tinh thần không nhìn thấy được, nhưng thật sự cảm động, sống thực đó, mà tự nó nói lên với chúng ta một cách trực tiếp, và được bao phủ với nó bằng máu thịt, *tức là* nhập thân vào nó vào trong một diển hình tương tự. Điều này là nguồn gốc của các bài hát cùng với những từ ngữ, và cuối cùng là các vở ca kịch, và văn mạch của nó, do vậy không bao giờ bảo đảm an toàn cho cả vị trí phụ thuộc này, nhằm làm cho chính nó là sự vật chính yếu, và âm nhạc chỉ còn thuần túy là phương tiện của sự biểu hiện nó, mà đó là một quan niệm sai lầm lớn, cũng như là một mẫu thoái hóa tận cùng; bởi vì âm nhạc luôn luôn chỉ thể hiện có yếu tính của cuộc đời và những sự cố của nó, mà không bao giờ là chính những điều này, và do thế mà những sự khác nhau của chúng không luôn luôn có tác động đến nó. Chính xác là sự phổ quát này, mà nó chỉ thuộc về điều đó, cùng với một sự xác định lớn nhất, mà nó vẫn mang lại cho âm nhạc giá trị cao, và nó có ý nghĩa như là một liều thuốc chữa trị cho mọi sự thù hận của chúng ta. Do vậy, nếu âm nhạc vẫn luôn gần như là có sự thống nhất cùng với các từ ngữ, và nó cố gắng tạo thành trong chính bản thân nó một

sự phù hợp cùng với những sự kiện, vì nó nỗ lực nói lên một ngôn ngữ mà ngôn ngữ đó không phải là riêng của nó. Không có người nào có thể vẫn tránh xa được sự lầm lỗi này như là Rossini; do thế mà âm nhạc của ông ta luôn nói lên được *ngôn ngữ của chính nó*, hoàn toàn phân biệt và thuần túy, rằng nó dời hỏi không cần phải có từ ngữ nào, mà vẫn sản sinh ra được hiệu quả đầy đủ của nó khi chỉ được diễn đạt bằng những nhạc cụ mà thôi.

Theo tất cả những điều này, thì chúng ta có thể nhìn thấy thế giới hiện tượng, hay là thiên nhiên, và âm nhạc, như là hai sự biểu hiện khác nhau của cùng sự vật, mà do thế, tự nó cũng chỉ là phương tiện trung gian của sự tương ứng lẫn nhau, cho nên, một sự hiểu biết về nó, là phải được yêu cầu để nhằm hiểu rõ về sự tương tự này. Do thế, âm nhạc, nếu được nhìn như một biểu hiện của thế giới, chính là trong cấp độ cao nhất, một ngôn ngữ phổ quát, mà nó có mối quan hệ thực tế với chính tính phổ quát của các khái niệm, hoàn toàn giống như khi chúng có mối quan hệ với những sự vật đặc biệt. Sự tổng quát của nó, tuy nhiên, vẫn không hề là tính tổng quát trống rỗng của sự trừu tượng, nhưng lại hoàn toàn là một loại khác, cùng là thống nhất với sự hữu hạn riêng biệt và xuyên suốt... Mọi nỗ lực, những sự kích thích có thể có, và những sự biểu hiện của ý chí, tất cả đều đi vào trong con tim của con người, và lý do đó còn bao gồm trong trong ý niệm rộng lớn, tính tiêu cực của tình cảm, có thể được diễn đạt bởi con số vô hạn của những giai điệu có thể có được, nhưng luôn trong sự tổng quát, trong dạng thuần túy, mà không cần có chất liệu, luôn luôn phù hợp với sự vật trong bản chất của chính nó, không phải là hiện tượng, mà là linh hồn trong sâu thẩm nhất, như nó thuộc về hiện tượng, mà không cần có vật thể. Mối quan hệ sâu sắc này, mà âm nhạc có bản chất thật của mọi sư vật, cũng cắt nghĩa được sự kiện là âm nhạc phù hợp trong việc đóng vai trò của nó đối với bất cứ một cảnh tượng, hành vi, sự cố, hay ngoại cảnh nào, dường như hé lộ cho chúng ta ý nghĩa thầm kín nhất của nó, và hiện ra như một lời bình phẩm chính xác và phân biệt ngay trên nó. Điều này là trường hợp rất thật, đến nỗi bất cứ người nào nếu đã thật sự tự quay lưng với ấn tượng của một hòa điệu, thì dường như đều thấy tất cả mọi sự cố có thể có được của đời sống và thế giới, đều xảy ra được trong chính anh ta, và nếu anh ta suy nghĩ, anh ta có thể thấy là không có sự tương tự nào giữa âm nhạc và những sự vật đang diễn ra nơi đầu óc của anh ta. Bởi vì như chúng ta đã nói, âm nhạc vẫn phân biệt với tất cả mọi nghệ thuật khác, bởi sự kiện nó không phải là một bản chép của một hiện tượng... Nhưng là một bản sao chép trực tiếp của chính ý chí, và do thế, mà tự nó vẫn bày tỏ ra như một Siêu hình học cho mọi tính chất vật lý ở trong thế giới, và giống như là một sự vật-trong-chính-no đối với tất cả mọi hiện tượng. Do thế, mà ngay cả chúng ta có thể báo rất đúng, là thế giới được thấm nhuần âm nhạc, cũng giống như được thấm nhuần ý chí; và điều này, cũng là lý do tại sao âm nhạc thể hiện ra được mọi hình ảnh, và cùng do vậy mà cũng là mọi cảnh tượng của đời sống thật, và của thế giới, ngay trong khi nó hiện ra bởi một ý nghĩa cao hơn, và chắc chắn là còn nhiều hơn nữa, và trong mọi mức độ, như là sự hòa điệu của nó, cũng như là đối với chính tinh thần sâu xa hơn của mọi hiện tượng đã có. Có một điều nữa đối với vấn đề này, là chúng ta luôn có thể phổ một bài thơ vào âm nhạc, như là một bài hát, hay là một sự biểu hiện có thể nhận thấy được, của một kịch cảm, hay cả hai ở trong một vơ nhạc kịch. Những hình ảnh đặc thù như thế của đời sống con người, được đưa vào ngôn ngữ phổ quát của thế giới âm nhạc, vẫn không bao giờ gắn với nó, hay là tương đồng với nó, trong sự cần thiết chặt chẽ; nhưng chính chúng tiêu biểu cho nó chỉ ở trong

một mối quan hệ, chỉ trong một điển hình được chọn lựa theo ý chí, cho một ý niệm tổng quát. Trong tính chất xác định của sự thật, chúng biểu hiện như là điều gì mà âm nhạc thể hiện, trong tính phổ quát của một dạng thức thuần túy. Bởi vì những giai điệu, mà trong mức độ nào đó, giống với những ý niệm tổng quát, là một sự trừu tượng hóa từ hiện thực. Thế giới hiện thực này, là do thế giới của những sự vật đặc biệt, đã cung cấp cho đối tượng nhận thức, là đặc biệt và riêng rẻ, trong trường hợp riêng biệt, đối với cả tính phổ quát của các ý niệm, cũng như tính phổ quát của những giai điệu. Nhưng cả hai tính chất phổ quát này, và trong một khía cạnh nào đó, là đối ngược lẫn nhau; bởi vì những ý niệm chứa đựng những tính chất riêng, chỉ như là những dạng thức đầu tiên đã được trừu tượng hóa từ sự tri giác, giống như nó có, với cái vỏ tách biệt của những sự vật; do vậy, chúng được nói một cách chặt chẽ, là *abstracta;* âm nhạc, mặt khác, còn mang tới cái cốt lõi sâu thẳm nhất, mà nó có được trước mọi dạng thức, hay là cái tâm điểm của các sự vật. Đối với ý nghĩa phổ quát của giai điệu, mà đối với nó, một bài thơ đã được phổ nhạc, cũng hoàn toàn có thể phổ vào các cái khác giống nhau, những điển hình tự do chọn lựa của tính phổ quát, được thể hiện trong bài thơ, là phù hợp với ý nghĩa của giai điệu trong cùng một cấp độ. Điều này cho thấy tại sao trong cùng một sáng tác, vẫn có sự phù hợp với nhiều câu thơ; và điều này, cũng là cái gì đó đã làm nên cái *vaudeville* đã có thể có được. Nhưng nói chung, thì một mối quan hệ là có thể có được giữa một sự sáng tác và một sự biểu diễn, mà có thể nhận ra được có tồn tại ở đó, như chúng ta đã nói, chính trên sự kiện rằng cả hai chỉ đơn thuần là những biểu hiện khác nhau của cùng một tồn tại bên trong của thế giới. Nên khi nào mà trong một trường hợp đặc biệt, một mối quan hệ như thế mà hiện thời đã có thể có được, tức là muốn nói, khi nhà sáng tác đã có thể biểu hiện trong ngôn ngữ phổ quát của âm nhạc, về những xúc cảm của ý chí, mà chính nó tạo nên tâm điểm của một sự kiện, rồi đến giai điệu của bài hát, âm nhạc của nhạc kịch, sẽ được biểu thị. Nhưng sự tương đồng đã được khám phá bởi nhà sáng tạo giữa cả hai cái, phải được diễn tiến từ sự hiểu biết trực tiếp bản chất của thế giới, mà không là biết đối với lý trí của anh ta, và cũng không phải là một sự bắt chước đã được sản sinh ra với ý định có ý thức, bởi những phương tiện của những quan niệm; nói khác đi, âm nhạc không thể diễn tả bản chất sâu xa bên trong của chính ý chí, nhưng chỉ có thể cho nó một sự bắt chước không chính dáng về mặt hiện tượng của nó. Mọi âm nhạc bắt chước, đều đặc biệt thực hiện điều này; chẳng hạn, "Bốn mùa" của Haydn; cũng như nhiều đoạn của "Sáng tạo" của ông ta, trong đó, những hiện tượng của thế giới bên ngoài là được trực tiếp bắt chước; cũng vậy, trong mọi bản nhạc về chiến trận. Âm nhạc như thế là đã hoàn toàn bị loại bỏ.

Chiều sâu không thể nói hết được đối với tất cả mọi âm nhạc, bởi tính chất của nó là bồng bềnh, xuyên suốt qua ý thức của chúng ta, như một cái nhìn về một thiên đường luôn được tin tưởng một cách chắc chắn, và do thế mà chẳng bao giờ có quãng cách nào đối với chúng ta; và cũng bởi đó, mà nó cũng được thâu hiểu một cách trọn vẹn và đầy đủ; nhưng do thế mà cũng không thể cắt nghĩa được; vì nó vẫn cứ đứng lại trên sự kiện là nó vẫn tái hiện với chúng ta mọi cảm xúc của bản chất sâu thẳm nhất trong chúng ta, nhưng là hoàn toàn không có thực tại, và là sự xúc động sâu sắc từ sự đau đớn của họ. Như vậy, đó cũng là sự nghiêm cẩn vốn vẫn là thiết yếu cho nó; nó loại trừ sự vô lý ra khỏi phạm vi trực tiếp và riêng biệt của nó; là việc được cắt nghĩa bởi sự kiện là đối tượng của nó không phải là ý tưởng; mà là với sự tham chiếu vào nó, và chỉ là sự thất vọng và sự vô lý là có thể có được;

nhưng đối tượng trực tiếp của nó vẫn là ý chí, và điều này thiết yếu là nghiêm cẩn nhất đối với mọi sự vật; bởi vì chính cái đó mà tất cả đều phụ thuộc vào. Thật là phong phú bao nhiêu trong nội dung, và đầy đủ bao nhiêu về ý nghĩa trong ngôn ngữ của âm nhạc; mà chúng ta vẫn thấy từ những đoạn điệp khúc, cũng giống như là *Da capo**, mà cái tương tự của nó có thể là không chịu đựng được, trong những tác phẩm được tạo tác trong ngôn ngữ của những từ ngữ; nhưng trong âm nhạc thì nó là rất thích ứng và có lợi điểm, bởi vì nó nhằm để hiểu được đầy đủ, và chúng ta phải nghe nó đến hai lần.

Trong toàn bộ sự trình bày này về âm nhạc, tôi đã cố gắng diễn đạt một cách sáng tỏ, rằng nó biểu hiện ra một cách hoàn thiện bằng một ngôn ngữ phổ quát, trong một chất liệu thuần nhất, đó chỉ là những âm tiết, và cùng với sự minh định lớn nhất, và sự thật về bản chất bên trong, cùng sự nổi bật của thế giới, mà chúng ta suy nghĩ được dưới khái niệm về ý chí, bởi vì ý chí là sự biểu hiện được phân biệt nhất. Hơn thế, theo quan điểm về cái nhìn và sự chiêm ngưỡng của tôi, triết học cũng chẳng gì hơn là một sự lặp lại hoàn toàn, và chính xác nữa, của bản chất của thế giới trong những ý niệm phổ quát nhất; bởi vì chỉ ở trong tính cách như thế, nó có thể mang lại một cái nhìn về toàn thể thế giới tự nhiên, mà chính nó sẽ vẫn đích thực, và vẫn được áp dụng ở mọi nơi. Do thế, mà bất cứ ai đã bước đi theo tôi, và đã đi vào trong cách suy nghĩ chân thực của tôi, sẽ không suy nghĩ nó một cách quá nghịch lý như thế nếu tôi nói được rằng giả thiết là nó có thể mang lại một sự cắt nghĩa đầy đủ, chính xác một cách hoàn hảo của âm nhạc, mở rộng ngay cả đến những sự đặc thù, tức là muốn nói, một sự lặp lại trong chi tiết, trong những ý niệm về điều gì mà nó diễn tả, và điều này cũng là sự lặp lại và cắt nghĩa đầy đủ của thế giới trong những khái niệm, hay ít nhất cũng hoàn toàn song hành với một sự cắt nghĩa như thế, và do vậy, mà nó phải là triết học thật sự.

27

Một khảo sát về quan điểm siêu nhiên *

PAUL HENRI THYRY (BARON) D'HOLBACH

(1723 - 1789)

Khi chúng ta khảo sát một cách trầm tĩnh các quan niệm đã có chúng ta sẽ ngạc nhiên nhận thấy rằng, ngay cả trong những ý kiến mà họ cho là bản chất nhất, thì chẳng có gì khác thường cả; hay nói cách khác, không có cái gì không mang tính cách phổ quát, hơn là một cấp độ phán đoán đủ để khám phá những sự thật đơn giản nhất, hoặc bác bỏ phần lớn những sự việc vô lý hiển nhiên nhất, cũng như bị gây sốc bởi những sự mâu thuẫn có thể nhận ra được. Chúng ta cũng đã có một ví dụ về nó trong Thần học, một khoa học vẫn được đa số người tôn kính ở mọi thời và mọi xứ, một sự vật mà họ cho là quan trọng nhất và hữu ích nhất, cũng như là cần thiết nhất đối với hạnh phúc của xã hội. Tuy nhiên, một sự khảo sát nhẹ nhàng, về những nguyên lý mà trên đó, đặt cơ sở trên cái được cho là một khoa học này, vẫn bó buộc chúng ta phải nhận thức rằng chính những nguyên lý này, mà trước kia được tin chắc là không thể bàn cãi, lại chỉ là những giả thiết, những sự tưởng tượng, do ngu dốt, và được truyền bá bởi sự cuồng tín và sự nô lệ: được chấp nhận bởi sự dễ tin, và được duy trì bởi tập tục, mà thực chất không bao giờ mang tính suy lý, nhưng chỉ được kính trọng là do không hiểu. "Một vài người" như Montaigne đã nói, "làm cho *thế giới* nghĩ rằng họ tin tưởng vào cái gì mà chính họ không tin; còn những người khác đông hơn, lại làm cho *chính họ* suy nghĩ rằng họ tin tưởng vào cái gì đó mà họ không hề tin, và không biết niềm tin đó là cái gì"

Bị áp lực bởi cả hai cái ách tinh thần, và sức mạnh thế tục, nên đã không thể nào để những người đó biết và theo đuổi hạnh phúc của họ. Bởi vì Tôn giáo, cũng như Chính trị, và Luân lý, đã trở thành những gì rất thiêng liêng, mà thế tục đã không còn cho phép nó tự ý hành xử. Con người đã không còn có luân lý nào khác, hơn là điều mà các nhà làm luật, và các giáo sĩ, đã mang xuống từ những nơi không được ai biết là thiên đàng. Tinh

* Từ *Giác quan chung* (1772).

thần con người, bị nhiễu loạn bởi những ý kiến thần học, không còn biết được những sức mạnh của chính nó, kinh nghiệm không còn được tin cậy, phải sợ sự thật, và khinh miệt lý trí, cốt chỉ nhằm đi theo quyền lực. Con người vốn chỉ còn là một bộ máy trong tay của những bạo chúa cùng những thầy tu, mà chỉ có họ mới có quyền hướng dẫn những hành động của nó. Và bởi luôn luôn được đối xử như người nô lệ, khiến anh ta đã bị nhuốm phải các tật xấu của kẻ nô lệ.

Như thế chính là những nguyên nhân thật sự của sự suy thoái luân lý mà Tôn giáo chống lại chỉ bằng những rào cản ảo tưởng và không hiệu quả. Sự ngu dốt và sự nô lệ đã được vận dụng để làm cho con người yếu hèn và không hạnh phúc. Sự hiểu biết, lý trí, và sự tự do, có thể giúp để cải thiện họ, và làm cho họ được hạnh phúc hơn. Nhưng mọi âm mưu làm mù quáng họ, và làm cho họ tin vào những sự sai lầm của họ. Những người thầy tu vẫn lừa gạt họ, những bạo chúa thì làm hư hỏng họ, còn cái gì tốt hơn thì biến họ thành nô lệ. Tính bạo chúa luôn luôn, và mãi mãi, là nguyên nhân thật sự của sự suy đốn của con người, và cũng là của những sự bất hạnh thông thường. Hầu như họ luôn luôn bị ám ảnh bởi những câu chuyện về tôn giáo, và những người chết trong sự nghèo khổ vẫn hướng cặp mắt của họ ra khỏi những nguyên nhân tự nhiên và rõ ràng của sự nghèo khổ của họ; nhưng lại mệnh danh các tật xấu của họ cho sự không hoàn hảo của tự nhiên, và quy trách những sự không may của họ cho sự giận dữ của các thần linh. Họ hướng những lời nguyện cầu, những sự hi sinh, và những lễ vật của họ lên cho trời, để có được những cứu cánh cho những sự chịu đựng của họ, mà trong thực tế nó, chỉ có thể được gán cho chính sự bất cẩn, sự ngu dốt, và sự sa đọa của họ, cho sự điên khùng của những thói quen của họ, cho sự vô lý của những luật lệ của họ, và trên tất cả nói chung, cho sự thiếu hiểu biết của chính họ. Hãy để cho đầu óc của con người được lấp đầy những ý tưởng chân thật; hãy để cho lý trí của họ được vun xới lên; hãy để cho chính công lý cai quản họ; và họ sẽ chẳng thấy có sự cần thiết nào để chống lại những đam mê như một rào cản yếu ớt, như thế sự sợ hãi như thế đối với thần thánh. Mọi người sẽ được tốt, khi người ta có được sự hiểu biết tốt, và được cai quản tốt, và khi họ bị trừng phạt hay bị khinh ghét chỉ vì thói xấu, và họ được tưởng thưởng một cách đúng đắn cho việc làm điều tốt, khi họ thực hiện nó cho các công dân bè bạn của họ.

Thật vô ích khi chúng ta cố chỉnh sửa con người đối với các tật xấu của họ, trừ phi chúng ta bắt đầu bằng cách chữa họ khỏi các tiên kiến vốn có. Chỉ có cách là vạch ra cho họ thấy sự thật, để họ có thể nhận ra được những lợi ích thật sự của họ, trong những động cơ thực tế thúc đẩy họ để nhắm tới điều thiện. Cho tới nay những nhà giáo dục đã có đủ thời gian để bó buộc con mắt người ta qui hướng về thiên đàng; giờ hãy nên để họ phải quay chúng xuống mặt đất. Một nội dung thần học khó hiểu, những câu chuyện ngụ ngôn buồn cười, những sự bí ẩn không thể nào giải thích được, những nghi lễ kiểu trẻ con, thật là đã quá mệt mỏi và chán chường, mà họ đã phải từng chịu đựng kéo dài. Hãy để đầu óc con người tự thích ứng nó vào cái gì là tự nhiên, cho các đối tượng sự vật mà nó có thể hiểu được, về những sự thật thực tế, và sự hiểu biết thực dụng. Hãy để cho những sự mộng mị cần bị dẹp bỏ đi; và những ý kiến hữu lý rồi sẽ được họ đồng ý chấp nhận, cũng là chính những đầu óc của họ được suy nghĩ, để thoát được ra khỏi sự sai lầm thường xuyên.

Phải chăng vẫn là không đủ để phá hủy hoặc lay chuyển những thiên kiến về tôn giáo, để thấy được, là điều gì không thể nhận thức rõ được đối với con người, thì cũng không thể nào dựng đứng ra cho họ được? Có phải là chẳng cần đòi hỏi

một cái gì đó, mà theo giác quan đơn giản thông thường, nó có thể được nhận thấy rõ ràng, là không thể so sánh được với hầu hết những ý niệm hiển nhiên hiện tại - rằng một nguyên nhân cứ tiếp tục đi ngược lại với những kết quả mà chúng ta đã gán cho nó - rằng một cái gì đó mà đối với nó, chúng ta có thể nói là chẳng có điều gì mà lại không rơi vào sự mâu thuẫn - rằng một cái tồn tại, mà chính nó phải còn lâu mới có thể cắt nghĩa được các sự bí nhiệm của vũ trụ, chỉ càng làm cho chúng càng không thể nào cắt nghĩa nó được - rằng một sự tồn tại, mà đối với nhiều thời đại đã qua, con người đã nói tới nó một cách vô ích như thế, để đạt tới được hạnh phúc của họ, cùng kết thúc được những sự đau khổ của họ - phải chăng, theo tôi nghĩ, nó đòi hỏi một cái gì đó, mà chỉ đơn giản có thể nhận ra được bằng chính giác quan thông thường - thì một ý tưởng về một tồn tại như thế, là một ý tưởng không có khuôn mẫu, và cũng thế, chính anh ta vẫn chỉ là một bóng ma của sự tưởng tượng? Có chăng một sự vật gì đó là cần thiết, và cảm nhận chung có thể nhận ra được, rằng ít nhất nó chỉ là sự điên cuồng và rồ dại đối với con người, để oán ghét và gây đau khổ cho nhau, về các ý kiến không thể nào hiểu được có liên quan đến một sự tồn tại thuộc loại như thế? Nói tóm, có phải chăng là tất cả mọi cái đều không chứng tỏ được rằng luân lý và đức hạnh là hoàn toàn không tương hợp với những ý niệm về một Thượng Đế, mà chính những vị mục sư và những nhà lý giải của ông ta đã miêu tả, ở khắp mọi nước, như thể là cái hay thay đổi nhất, không chính xác, và dữ dội nhất trong các bạo chúa, cho dù ý chí muốn nhằm đến của ông ta phải được phụng sự như là các lề luật cho các cư dân trên mặt đất?

Để khám phá những nguyên lý thật sự của Luân lý, người ta vẫn không cần tới thần học, sự mặc khải, hay là các thần thánh: Họ chỉ cần sự cảm thúc chung. Họ chỉ cần có sự thông đạt chung với nhau của chính họ, để nhằm suy nghĩ về bản chất chính họ, để nhằm quy chiếu về những lợi ích có thể nhìn thấy được của họ, cùng để xem xét những đối tượng của xã hội, và những cá nhân tạo ra nó; và họ sẽ dễ dàng nhận thấy được là đức hạnh có lợi điểm, còn tật xấu thì có sự bất lợi đối với các sự vật, cũng như với chính họ. Chúng ta thử thuyết phục mọi người, rằng hãy nên ngay thẳng, dễ yêu, khoan dung, và hòa hợp; không phải chỉ bởi vì điều đức hạnh như vậy là được đòi hỏi bởi các thần linh, mà bởi vì nó chính là những thú vui cho con người. Chúng ta hãy khuyên họ là nên chế giảm các tật xấu, và tránh xa các tội ác; không phải vì họ sẽ bị trừng phạt trong một thế giới khác, mà vì họ sẽ phải chịu nó ở trong chính cõi đời này..

Có một đế quốc rộng lớn, được cai trị bởi một quân vương, mà đức hạnh lạ lùng của ông ta là rất xứng đáng để làm kinh ngạc những thần dân của mình. Ông ta mong muốn được biết tới, được yêu thương, được kính trọng, được vâng lời; nhưng không bao giờ muốn chứng tỏ về chính ông ta đối với các thần dân của mình; và tất cả mọi âm mưu là nhằm để làm lung lay những ý tưởng về sự tạo thành đặc tính của ông ta.

Những thần dân phải thần phục dưới quyền lực của ông ta, do tính chất và các luật lệ của sự cai trị vô hình của ông ta, chỉ có những ý tưởng như thế, giống như những vị quần thần của ông ta đã mang chúng tới cho ông ta. Tuy nhiên, họ từng thú nhận rằng họ không có một ý tưởng nào về người chủ đó của họ; rằng tính cách của ông ta là không thể bị xâm nhập vào được; những quan điểm và bản chất của ông ta là hoàn toàn không thể hiểu được. Những đại thần này, cũng giống như thế, đều không đồng ý về những mệnh lệnh mà họ cho rằng đã được ban ra bởi vị chúa tể đó, mà chính họ gọi là những công cụ của ông ta. Họ vẫn gọi chúng một

cách khác nhau theo mỗi tính của dế quốc đó. Họ bôi nhọ lẫn nhau, và cũng đối xử giữa họ với nhau như những kẻ thù, hoặc là những thầy giáo sai trái. Những sắc dụ và lệnh lạc mà chính họ nhân danh để ban hành, là luôn tối tăm; chúng luôn là các bí ẩn, và không cần biết nó có hiểu được hay không, hay ngay cả phỏng đoán, để cho những thần dân này được biết đến. Những luật lệ của cái vương quốc bị che giấu đó, phải đòi hỏi đến những nhà phiên giải; nhưng những nhà phiên giải vẫn luôn luôn tranh cãi nhau về các cách thức thật sự của việc hiểu chúng. Bên cạnh đó, họ cũng vẫn luôn không nhất trí với nhau; tất cả họ đều báo cáo lại với ông hoàng giấu mặt đó của họ, chỉ bằng một sự xuyên suốt đầy mâu thuẫn. Họ vẫn thốt ra điều gì đó có liên quan với ông ta, không chỉ là một từ duy nhất mà tự nó không lập tức bị làm cho sai lạc đi. Họ gọi ông ta là cực kỳ tốt; cho dù chẳng có một ai mà không phàn nàn về các bản sắc dụ của ông ta. Họ giả thiết ông ta như khôn ngoan vô hạn; và dưới sự cai trị của ông ta, mọi cái dường như đều đi ngược lại lý trí và lương tri. Họ ca ngợi sự công chính của ông ta; và cái tốt đẹp nhất của những thần dân của ông ta, nói chung là cái gì ít được đặc ân nhất. Họ khẳng định là ông ta biết hết mọi sự; cho nên ngay sự hiện diện của ông ta cũng chẳng cần thiết gì. Họ bảo chỉ ông ta mới là người bạn của sự trật tự; nhưng chính là thông qua sự cai quản của ông ta, mà mọi cái đều thành lộn xộn và rối rắm. Ông ta phải tự làm tất cả cho chính mình; nhưng những sự cố thì ít khi đáp ứng lại được các ý đồ của ông ta. Ông ta tiên đoán trước được mọi điều, nhưng lại không thể ngăn chặn được bất cứ điều gì. Ông ta chịu đựng khá kiên nhẫn các sự tấn công, ông còn cho mọi người cái năng lực để tấn công ông ta. Người ta thán phục sự khôn ngoan và tính cách hoàn hảo trong các công việc ông ta; cho dù những công việc đó của ông ta luôn chứa đầy các sự thiếu sót, và cũng chẳng bền lâu gì. Ông ta cứ tiếp tục làm và không làm: sửa đổi lại điều gì mà ông ta đã làm; nhưng chẳng bao giờ ông ta lại vừa lòng với chính công việc của mình. Trong mọi công trình của ông ta, ông ta chỉ cốt nhắm đến cho sự vinh quang của chính mình; kể cả dù chẳng bao giờ nó là vinh quang cả. Mục tiêu duy nhất của ông ta chính là sự hạnh phúc cho các thần dân của mình; và các thần dân của ông ta thì số đông vẫn là muốn những điều gì cần thiết. Những người này, dường như ông ta vẫn rất ưu ái, và nói chung họ cũng chẳng hề thỏa mãn gì với số phận của họ; hầu như mọi cái đều có vẻ như thường xuyên phản kháng chống lại ông chủ đó, mà sự vĩ đại của ông ta, họ vẫn cứ không ngừng thán phục, ngợi ca, tung hô sự khôn ngoan của ông ta; thán phục lòng tốt của ông ta, sự công bằng của ông ta mà họ luôn kính sợ; và tôn kính những lề luật của ông ta, cho dù không bao giờ họ chịu vâng phục cả!

Đế chế này là thế giới; vị quân vương này là *Thượng Đế*; những bầy tôi của ông ta là những thầy tu; thần dân của ông ta là loài người...

Siêu hình học dạy cho chúng ta Thượng Đế là *tinh thần thuần khiết*. Nhưng phải chăng thần học hiện đại là vượt lên trên thần học của thời kỳ hoang dã? Những người hoang dã thừa nhận có một *tinh thần vĩ đại* là ông chủ của thế giới. Những người hoang dã cũng giống như tất cả mọi kẻ ngu muội, gán cho *những cái gì tinh thần* đối với tất cả mọi hiệu quả của điều gì mà kinh nghiệm không thể khám phá những nguyên nhân đích thực của nó được. Hãy hỏi một người bán khai việc chiếc đồng hồ của bạn làm sao mà chạy được? Người đó sẽ trả lời *đó là do một tinh thần*. Hỏi những vị tu sĩ của chúng ta cái gì làm nên sự vận động của vũ trụ? Họ cũng sẽ trả lời *đó là một tinh thần*.

Kẻ hoang dã khi được hỏi về một tinh thần, thì anh ta gắn với ít nhất một ý tưởng nào đó cho từ ngữ này; anh ta nói

rằng đó là một yếu tố nào đó, giống như không khí, gió, hơi thở, và nó tạo tác ra một cách vô hình những hiệu quả có thể nhận thức được. Bởi sự tinh vi hóa đối với mọi sự vật, mà những nhà thần học hiện đại cũng dường như trở nên không thể hiểu được đối với chính họ cũng như là đối với những người khác. Thử hỏi ông ta việc ông ta hiểu về tinh thần là như thế nào? Ông ta sẽ trả lời bạn rằng đó là một bản thể không thể nào nhận biết được; và hoàn toàn đơn giản là nó không có trương độ, không có một điểm chung nào cùng với vật chất cả. Chính vì thế, mà có một người nào đó cũng có thể tạo nên được ít nhất là một ý tưởng về bản thể như thế chăng? Thế thì một tinh thần là gì nói theo ngôn ngữ của thần học hiện đại, phải chăng cũng chính là sự thiếu một ý tưởng? Ý tưởng về *tinh chất tinh thần* cũng do thế mà thành ra một ý tưởng không có một khuôn mẫu chung.

Do thế mà cũng chẳng phải tự nhiên, và cũng chẳng có thể hiểu được gì hơn nếu vẽ ra một sự hiện hữu phổ quát nào đó từ dưới đáy của vật chất mà sự hiện hữu của nó luôn được chứng minh với tất cả mọi giác quan cùng những hiệu quả của nó mà chúng ta kinh nghiệm được mọi lúc, và chính chúng ta hành động, di chuyển, thông đạt, vận chuyển, và không ngừng sinh sôi, hơn là việc gán cho sự tạo thành của các sự vật một sức mạnh nào đó không hề được biết đến, cho là một sự hiện hữu tinh thần, mà nó không thể cho thấy được cái gì đó mà từ bản chất của chính nó là không có, và thực tại mà chính bản thể tinh thần của nó có thể tạo ra được, không phải vật chất cũng như không phải là sự vận động? Chẳng có điều gì hiển nhiên hơn thế, là điều mà ý tưởng của họ nhằm mang đến cho chúng ta, sự tác động của tinh thần trên vật chất, mà tiêu biểu không phải là đối với vật thể nào, hay chính là một ý tưởng mà nó không hề có khuôn mẫu...

Con người là từ đâu tới? Nguồn gốc của nó là gì? Đó có phải chăng chỉ là do hiệu quả của sự kết hợp tình cờ của các nguyên tử? Có phải chăng con người đầu tiên đã được tạo ra ngay từ một hạt bụi trên trái đất? Tôi không biết. Con người đối với tôi cũng giống như mọi sự vật khác, là một sản phẩm của tự nhiên. Tôi cũng sẽ không bị bối rối khi phải nói rằng do đâu mà có những hòn đá đầu tiên, những cái cây đầu tiên, những con sư tử đầu tiên, những con voi đầu tiên, những con kiến đầu tiên, và những hạt cây sồi đầu tiên v.v . cũng giống như khi phải cắt nghĩa về nguồn gốc của con người. Chúng ta luôn được bảo là phải nhận thức và kính trọng bàn tay của Thượng Đế, của một Đấng khôn ngoan vô hạn, như một người Tạo tác có trí thông minh và quyền năng vô song, trong một công trình ngoạn mục như là bộ máy con người. Tôi đã phải thú nhận rằng bộ máy của con người đối với tôi dường như rất đáng ngạc nhiên. Nhưng bởi vì do con người hiện hữu trong tự nhiên, nên tôi không được phép nói rằng sự tạo ra nó là vượt lên trên quyền năng của tự nhiên...

Những người thờ phụng một Thượng Đế, trước hết đã tìm ra một bằng chứng không thể bác bỏ được trong trật tự vũ trụ, rằng chính ai là người cai quản nó. Nhưng trật tự này thì chẳng gì khác hơn một chuỗi các vận động được tạo ra một cách thiết yếu bởi những nguyên nhân hay những trường hợp, mà đôi khi chúng có lợi hay đôi khi chúng lại có hại cho ta: và chúng ta tán thành một số cái nhưng lại phàn nàn một số cái khác.

Thiên nhiên tuân theo trong cùng một vòng tròn đồng nhất; tức là cùng các nguyên nhân thì cho ra cùng lúc những kết quả, tới khi nào mà những vận hành của chúng không còn bị biến chuyển bởi các nguyên nhân khác để có thể buộc chúng phải làm phát sinh những hậu quả khác. Khi diễn trình của các nguyên nhân mà những hiệu quả của chúng mà chúng

ta đã từng có kinh nghiệm lại bị can thiệp bởi các nguyên nhân khác, mặc dù chưa được biết tới, và cũng chẳng phải kém tự nhiên và cần thiết, thì chúng làm cho chúng ta bối rối; chúng ta sẽ kêu toáng lên đó là *một phép lạ!* và gán cho nó một nguyên nhân nào đó mà ta càng không thể biết được rõ hơn bất cứ những nguyên nhân nào khác mà chúng vẫn cứ thường hay diễn ra ngay trước mắt chúng ta.

Vũ trụ luôn luôn phải ở trong trật tự. Nó không thể rơi vào tình trạng lộn xộn. Chỉ có bộ máy cơ thể của chúng ta là phải chịu đựng những điều gì khi chúng ta phàn nàn là nó không còn trật tự. Những vật thể, những nguyên nhân, những sự vật mà thế giới này chứa đựng, thiết yếu phải diễn ra theo cách thức mà trong đó chúng ta thấy chúng đang xảy ra, cho dù chúng ta có muốn tán thành hay không về các kết quả của chúng. Động đất, núi lửa, lụt lội, dịch bệnh, đói khát, đó là những hậu quả mang tính thiết yếu, hay như là một trật tự của tự nhiên, cũng giống như sự rơi xuống đất của những vật nặng, giống như một dòng sông trôi đi, như sự vận động của thủy triều trong biển cả, giống như các cơn gió thổi, giống như các trận mưa mang lại sự tốt tươi, và những hậu quả thuận lợi khác, mà con người vẫn ca ngợi Thượng Đế và cám ơn về lòng tốt của Ngài.

Thật rất ngạc nhiên rằng có một trật tự nào đó luôn ngự trị trong thế giới, và cũng đáng ngạc nhiên rằng cùng với những nguyên nhân thì luôn luôn cho ra cùng những hậu quả. Cũng thật kinh ngạc là có khi có sự mất trật tự, mà lại quên rằng có khi có những sự vật thay đổi, hay là bị gián đoạn trong các hoạt động của chúng, nên những hậu quả không thể tiếp tục kéo dài thêm giống như thế được nữa. Sự kỳ diệu là chính ở chỗ trật tự của tự nhiên, và còn kỳ diệu về bất kỳ cái gì đó đã có thể hiện hữu; và còn là đáng ngạc nhiên nữa ở chỗ chính sự hiện hữu của con người. Cái gì là trật tự đối với sự hiện hữu này, thì lại là không trật tự đối với một cái khác. Khi mọi sự tồn tại không theo đúng cách, thì họ nhận thấy rằng mọi sự là không ở trong trật tự khi họ có thể tùy thích đặt chúng vào trong sự không trật tự. Trái lại họ nhận thức là mọi sự sẽ không ở trong trật tự khi họ bị quấy quả chính trong việc thực hiện ý thích sai lạc của họ.

Theo Lactantius, đã hơn hai ngàn năm qua, nhà hiền triết Epicurus từng quan sát: "hoặc là Thượng Đế loại trừ được điều xấu ra khỏi thế giới này, hoặc là vẫn không thể làm được; hay là ngài có thể làm mà lại không muốn làm điều đó; hay là ngài đã không có sức mạnh và cũng chẳng muốn làm như thế; thế nên cuối cùng, tất ngài đã phải có cả năng lực và có cả ý chí. Nếu ngài có ý chí mà không có năng lực, thì điều này đúng là một sự yếu kém, và nó trái ngược với bản chất của Thượng Đế. Nếu ngài có năng lực mà lại không có ý chí, thế thì điều này là lừa dối; và nó cũng trái ngược với bản chất của Thượng Đế. Hoặc nếu ngài cũng chẳng có năng lực hay cũng chẳng có ý chí, thì ngài lại vừa bất lực mà lại cũng vừa xấu xa, và do thế mà ngài cũng chẳng phải là Thượng Đế được. Nếu ngài lại vừa có ý chí, mà lại vừa có quyền năng (chỉ có điều này thì mới phù hợp với tính chất của ngài thôi), thì điều ác do đâu mà có, hay tại sao ngài đã không ngăn ngừa nó được?" Những đầu óc có suy nghĩ đã từng phải chờ đợi một giải đáp hợp lý cho những điều khó khăn này trong hơn hai ngàn năm; và những giáo sĩ của chúng ta thì lại nói rằng chúng sẽ được gọt bỏ đi chỉ ở trong một đời sống thuộc tương lai mà thôi...

Nhiều người cũng đã làm một sự phân biệt tinh tế giữa tôn giáo chân chính và sự mê tín. Họ nói rằng sự mê tín chỉ là sự sợ hãi và lệ thuộc thấp kém vào thần thánh; còn người nào có niềm tin tôn giáo đích thực, thì tin tưởng vào Thượng Đế của mình, và yêu thương ngài một cách thành kính; trong khi đó, con người mê

tín thì luôn nhìn thấy ở trong ngài chỉ như là một sự thù địch, không có niềm tin nào, và hình dung ra ngài như một kẻ không đáng tin cậy được, một bạo chúa hung dữ, sẽ sẵn sàng chia chác các lợi lộc của anh ta, và luôn sẵn sàng quở trách anh ta. Nhưng thực tế, có phải chăng mọi tôn giáo đều mang lại cho chúng ta cùng một ý tưởng nào đó về Thượng Đế? Cùng lúc, chúng ta vẫn được nghe nói Thượng Đế thì cực kỳ tốt, và chúng ta cũng đã được cho biết rằng ngài rất dễ dàng được kêu gọi tới, ngài luôn luôn ban phát ân huệ của mình chỉ cho một số ít người, và ngài sẽ trừng phạt một cách giận dữ đối với những người nào mà ngài không vừa lòng nhằm bảo ban họ?

Nếu chúng ta lấy các ý tưởng của chúng ta về Thượng Đế đi từ bản chất của các sự vật, thì từ đó chúng ta sẽ nhận thấy được có sự pha trộn giữa cái tốt và cái xấu; và vị Thượng Đế này sẽ thực sự giống như cái tốt và cái xấu mà chúng ta đã từng kinh nghiệm thấy được, và phải tự nhiên thể hiện ra trong tính chất rất hay thay đổi, không thể bền chặt, lại có đôi khi tốt và đôi khi ma mãnh; và do thế, mà thay vì kích thích được tình yêu thương của chúng ta, lại tạo ra sự thiếu tin cậy, sự sợ hãi, và sự không an tâm. Thế thì cũng chẳng có sự khác nhau thực tế nào giữa tôn giáo tự nhiên cùng sự mê tín có tính tối tăm và thấp kém nhất. Nếu là người hữu thần nhìn thấy Thượng Đế chỉ có trong một thứ ánh sáng ưu ái, thì kẻ cuồng si lại nhìn thấy ngài ở trong một thứ ánh sáng gớm ghiếc nhất. Sự điên khùng của một bên thật dễ thương, còn của bên kia thì thật buồn bã; nhưng cả hai đều cùng là mê sảng như nhau...

Những nhà thần học thì chẳng phải là những nhà lý luận lạ lùng đó chăng? Bất cứ khi nào mà họ không thể thần thánh hóa được những nguyên nhân *tự nhiên* của các sự vật, họ liền dựng lên những điều mà họ gọi là *siêu nhiên;* đó như là những ma quỉ, những nguyên nhân thần bí, những nhân tố không thể lý giải được, hay hơn thế, những *từ ngữ* bí hiểm, và còn tối tăm hơn nhiều đối với những *những sự vật* mà họ cố gắng giải thích. Chúng ta hãy giữ chúng trong bản chất khi chúng ta muốn tìm hiểu về các nguyên nhân của tự nhiên; chúng ta hãy bằng lòng cứ tự cho là ngu dốt về những nguyên nhân quá tế vi đối với các giác quan của chúng ta; và chúng ta hãy chắc chắn rằng, bằng cách vượt lên trên tự nhiên, chúng ta sẽ không bao giờ giải quyết được những vấn đề mà nó biểu hiện..

Cũng còn bị sự phê phán chống lại chúng ta, rằng chủ nghĩa Duy vật vẫn coi con người chỉ như một cỗ máy, là cái cỗ máy rất là tầm thường đối với toàn thể loài người. Nhưng cái cỗ máy hẳn còn có giá đối với con người hơn, nếu chúng ta biết nói lên rằng chính con người luôn hành động bởi những sức đẩy bí mật của một tinh thần, hay bởi một *cái gì đó mà tôi không biết nó là cái gì cả*, nhưng nó vẫn điều động con người theo một cách hoàn toàn không thể cắt nghĩa được?

Thật dễ dàng nhận thấy rằng tính chất siêu đẳng đó được giả thiết là của *tinh thần* vượt lên trên vật chất, hay là của linh hồn vượt lên trên thân xác, nhưng lại không có một nền tảng nào khác hơn là sự dốt nát của con người về bản chất của linh hồn này, trong khi đó họ lại quen thuộc hơn với *vật chất,* mà họ vẫn tưởng tượng là họ đã thủ đắt, và họ nghĩ rằng họ có thể tát cạn được những suối nguồn. Nhưng những sự vận động đơn giản nhất của thân thể chúng ta, mà đối với những người đã nghiên cứu chúng, chính là những sự bí hiểm, như là điều gì đó mà tư tưởng không thể nào giải thích được.

Giá trị cao xa mà có rất nhiều người vẫn gán cho bản thể tinh thần, cũng chẳng có động cơ nào khác hơn là sự bất lực tuyệt đối nhằm xác định nó một cách có thể hiểu được. Ý đồ nhằm chỉ rõ *vấn đề* bởi những nhà Siêu hình của chúng ta, là chỉ xuất phát từ trường hợp mà sự thần

thuộc đó yêu cầu được chấp nhận. Khi họ nói với chúng ta rằng *linh hồn là cực tốt và cao khiết hơn nhiều so với thân xác*, thì họ chỉ nói lên rằng cái gì mà họ biết, tất yếu nó không phải là đẹp đẽ gì hơn so với cái gì đó mà họ chỉ mới có một ý tưởng lờ mờ nào đó thôi.

Giáo điều về một đời sống khác vẫn không ngừng được cổ vũ như nó là rất hữu ích. Cần phải quan niệm rằng, ngay cho nó chỉ là một điều tưởng tượng chăng nữa, thì nó vẫn có ưu điểm, bởi vì nó lừa dối và dẫn con người tới điều đức hạnh. Nhưng sự thật có phải là giáo điều làm cho con người ta khôn ngoan hơn và có đức hạnh hơn không? Phải chăng ở những nước đã có được sự tin tưởng vào điều tưởng tượng này, là đáng được chú ý, do sự trong trắng của các đức hạnh? Có phải chăng là thế giới hữu hình bao giờ cũng vẫn có ưu điểm hơn so với thế giới vô hình? Nếu đối với những người nào đó, mà họ không tin tưởng là với sự hiểu biết, và sự cai quản của những con người đã có kiến thức và đức hạnh, thì họ sẽ cai quản được những người này tốt hơn nhiều bằng các thực tại, hơn là các chuyện tưởng tượng. Nhưng những nhà lập pháp ranh mãnh, đầy tham vọng, và sa đọa, đã tìm thấy có con đường ngắn hơn, để làm vui những quốc gia bằng những câu chuyện ngụ ngôn, hơn là dạy cho họ những sự thật, nhằm mở mang trí năng của họ, nhằm kích thích để họ hướng tới đức hạnh bằng những động cơ họ cảm thấy được và thực tế, mà thực chất, là để nhằm cai quản họ theo một cách thức hữu lý. Những giáo sĩ chắc chắn là sẽ có các lý do để cho rằng linh hồn là bản thể phi vật chất; họ săn tìm những linh hồn và những điều huyền hoặc để mang đến cho con người những vùng đất tưởng tượng, mà do họ đã khám phá trong một thế giới khác. Những linh hồn có tính vật thể có thể chỉ giống như những mọi vật thể khác, và hẳn là phải có sự tan rã. Cho nên, nếu mọi người phải tin tưởng rằng tất cả mọi sự vật rồi cũng sẽ phải bị hủy diệt cùng với thân xác, thì những nhà địa lý học của một thế giới khác, sẽ hiển nhiên mất đi quyền hướng dẫn những linh hồn con người ta hướng đến vùng đất lạ vẫn không được biết đến; họ sẽ không thu được những lợi lộc nào, từ niềm hy vọng mà chính họ đã nuôi dưỡng, và những nỗi sợ hãi đã áp chế cho họ. Nếu tương lai, đó không phải là một thực tại nào hữu dụng cho con người, thì ít nhất, đó cũng là sự hữu dụng lớn nhất cho những người nào vốn đã từng cho rằng đó là nơi mà họ hướng tới đó.

"Nhưng phải chăng có thể nói rằng chính giáo điều về sự bất tử của linh hồn phù hợp với những thực tại mà họ vẫn thường rất không hạnh phúc ở tại dưới trần thế này ư? Và cho dù nó có thể sai lầm, nhưng chẳng phải là không thích thú? Đó chẳng phải là một ân huệ để con người tin tưởng rằng mình có thể tư sống sót được và sau đó được hưởng hạnh phúc mà chính cái hạnh phúc ấy không có được ở trên đời ư?" Như vậy những người chết đáng thương à! Và bạn mong muốn đo chân lý; bởi vì bạn vẫn luôn mong muốn được sống vĩnh cửu, và được hạnh phúc, và ngay lập tức bạn sẽ kết luận rằng bạn được sống mãi mãi và bạn sẽ được ân sủng trong một thế giới chưa từng được biết, hơn là trong chính thế giới đã quá quen thuộc này, nơi mà bạn vẫn thường chỉ thấy chẳng có điều gì ra ngoài sự buồn nản! Do thế mà bạn rất đồng ý rời bỏ, mà không hối tiếc gì, về thế giới này, mà phần nhiều bạn vẫn bị dày vò, đau khổ, hơn là được hạnh phúc. Bị khuất phục dưới trật tự của tự nhiên, mà nó đòi hỏi bạn, cũng như mọi hình thức tồn tại khác, là bạn không thể cứ phải chịu đựng mãi mãi. Nhưng cái gì sẽ xảy đến với tôi đây? Xin hỏi người, ôi con người hữu tử! Người vẫn muốn là cái gì mà nó là bản chất của người đã từ nhiều triệu năm rồi. Người đã có mặt, và tôi biết chẳng phải là cái gì; rồi giải quyết nó liền ngay lập tức. *Tôi chẳng biết điều gì* mà chính người đã

từng có hàng triệu năm trước kia; sự quay về với đám đông phổ biến một cách bình lặng, để rồi từ đó cũng chẳng có thêm được sự hiểu biết nào, để rồi con người đi đến dạng thức hiện nay, và rồi đi tiếp tới nữa, mà cũng chẳng buồn để ý đến, cũng giống như mọi sự tồn tại khác hiện đang có mặt ngay ở chung quanh người .

Người hữu thần kêu lên: "Đừng nên thờ phượng vị Thượng Đế thần thoại hung dữ, dễ nổi giận; vị Thượng Đế của tôi thì khôn ngoan hơn và tốt hơn rất nhiều; ngài là người cha của tất cả mọi người, là người cai quản nhân từ nhất từ xưa đến nay; chỉ có ngài mới ban hạnh phúc cho toàn thể vũ trụ". Nhưng phải chăng bạn vẫn không thấy rằng mọi sự trong thế giới này vẫn luôn đi ngược lại các tính tốt đẹp vốn đã được quy đặt cho chính vị Thượng Đế của bạn? Trong gia đình đông đúc của người cha nhân từ này, hầu hết mọi sự đều không hạnh phúc. Dưới sự cai quản của vị chúa tể này, các tật xấu đã chiến thắng, còn đức hạnh thì chịu thiệt thòi. Trong vô số những diễm phúc mà bạn ca ngợi, và lòng nhiệt tình mà bạn muốn nhìn thấy, tôi chỉ xin đơn cử một số những tật xấu đủ mọi loại, mà để chống lại chúng, bạn hẳn phải kiên trì nhắm mắt lại. Cho nên phải hiểu ra rằng vị Thượng Đế rất tốt lành của bạn vẫn tự mâu thuẫn với chính mình, chính trong các đặc điểm tốt đẹp đã được gán cho ngài; là cái tốt và cái xấu đều cùng một tay ngài mà ra, và vì sự điều tiết của ngài mà cũng giống như một người thầy tu, bạn phải hướng tôi tới những tôn giáo của một đời sống khắc. Do thế mà phải tìm đến một vị Thượng Đế khác; bởi vì những điều gì của bạn đều tự mâu thuẫn cũng không kém gì hơn những điều của những nhà thần học.

Một Thượng Đế tốt nhưng lại là người có thể làm điều ác, hay là vẫn đồng ý cho các việc ác; một Thượng Đế đầy lòng công chính, mà trong đế quốc của ông ta, sự vô tội cứ vẫn thường hay bị áp chế; một Thượng Đế thật hoàn hảo, nhưng vẫn chỉ tạo ra chẳng có gì khác hơn là những sự bất toàn, cùng những điều khốn khổ; thế thì đó cũng chẳng phải là một Thượng Đế tốt đẹp gì, và hành vi của ông ta lại càng có nhiều kỳ bí hơn, giống như sự nhập thế của ngài?

Bạn hẳn phải e thẹn với những người đồng bào của mình, vì họ tự cho phép mình tin chắc vị Thượng Đế của vũ trụ có thể tự biến đổi được chính mình thành một con người, và chết trên thập giá, trong một xó góc của Á châu. Sự bí nhiệm của sự nhập thể đó đối với bạn thực có vẻ rất là vô lý. Bạn có thể nghĩ chẳng có điều gì buồn cười hơn, là một Thượng Đế mà lại tự biến đổi mình thành bánh mì, và làm cho mình lại được ăn bởi nhiều người tại hàng ngàn chỗ khác nhau. Nhưng tất cả những điều thần bí này, phải chăng lại càng nghịch lý hơn đối với lý trí con người hơn là một Thượng Đế giống như là người biết trả thù và người biết tưởng thưởng những hành động của con người? Phải chăng theo bạn, con người là có tự do hay không có tự do? Trong mỗi trường hợp đó, vị Thượng Đế của bạn, nếu ông ta có chút lòng công chính nào, thì hẳn không thể trừng phạt hay tưởng thưởng một ai cả. Nếu một người có tự do, thì đó là do Thượng Đế đã cho anh ta tự do; do thế mà Thượng Đế chính là nguyên nhân đầu tiên của tất cả mọi hành động của anh ta; nên trong sự trừng phạt anh ta về những lầm lỗi của anh ta, ngài cũng trừng phạt anh ta chỉ vì anh ta đã hành xử điều gì mà chính ngài đã cho anh ta có được tự do làm. Còn nếu con người đó không có tự do để có thể hành xử được theo cách hơn điều mà anh ta đã làm, thì phải chăng chính Thượng Đế là người không được hoàn hảo như thế, vì đã tạo nên sự việc đó, để rồi lại trừng phạt anh ta về những lỗi lầm mà chính anh ta không thể nào không phạm phải được?

Điều phụ thuộc hơn, hay là điều thứ hai, chính là những sự vô lý mà tất cả các

tôn giáo đều có đề cập tới, và đối với nhiều người thì điều đó là không thể chịu được; nhưng chính họ lại không có lòng can đảm để vạch ra về nguồn cội do từ đâu mà những sự phi lý đó đã xuất phát . Họ không hề nhìn thấy được rằng một Thượng Đế mà lại chứa đầy những mâu thuẫn như thế, những sự thay đổi bất nhất như thế, và những tính chất không thỏa đáng như thế, thì chỉ gây lộn xộn sự tưởng tượng của con người, và cũng vì thế mà cũng tạo ra một loạt không dứt các huyễn tượng.

Nhà thần học cần phải khép miệng những con người này, và họ chối bỏ sự hiện hữu của Thượng Đế theo cách nói rằng mọi người trong mọi thời đại và mọi xứ sở đều hiểu biết về sự cai quản của bản chất thần linh này hay bản chất khác; rằng mọi người trên trái đất vẫn luôn tin tưởng vào một sự tồn tại vô hình và đầy quyền năng, mà đó chính là đối tượng của sự thờ phụng và lòng tôn kính của họ; hay nói gọn lại, rằng không có một quốc gia nào, cho dù là hoang dã, lại không từng được thuyết phục về sự hiện hữu của một tri thông minh nào đó siêu vượt hẳn trên bản chất của con người. Nhưng có thể đã có một sự nhầm lẫn nào đó, khiến nó được chuyển biến thành một sự thật bởi chính niềm tin của tất cả mọi người? Một nhà triết học lớn đã từng quan sát rất đúng rằng "truyền thống nói chung, hay là sự đồng ý thống nhất của loài người, là không có tiêu chuẩn nào của sự thật cả". Một nhà hiền triết khác trước đó cũng đã từng nói "người chủ của những người có học vẫn không đủ sức làm thay đổi bản chất của sự sai lầm và biến nó thành sự thật"..

Tôn giáo, nhất là đối với con người trong thời hiện đại, đã cố gắng tự đồng hóa chính nó với luân lý, những nguyên lý của nó do vậy trở nên hoàn toàn mù mờ. Nó đã làm cho con người ta không còn tha thiết gì với phận sự, và còn bó buộc họ trở thành không còn nhân đạo đối với bất kỳ người nào mà họ cứ nghĩ là hoàn toàn không giống với họ. Những sự tranh cãi về thần học, và ngay cả rất khó hiểu đối với cả mỗi bên, cũng đã làm lay đổ cả những nội dung, khiến tạo nên những cuộc cách mạng, đã dẫn tới những sự độc đoán và gây tàn phá khắp cả châu Âu. Những sự tranh cãi xằng bậy này, vẫn đã không bị loại bỏ được, ngay ở cả trong những suối máu. Bởi vì chính sự loại bỏ ngẫu tượng giáo, mà con người đã làm cho nó thành ra một nguyên lý tôn giáo trở nên quá đáng, khiến cho bất cứ khi nào có một ý kiến khác được đưa ra, thì những giáo sĩ vẫn cứ nghĩ là nó phản lại với chính *giáo thuyết lành mạnh*. Những hệ phái tôn giáo mà nó vẫn thuyết giảng, về mặt hình thức bề ngoài, rằng không có điều gì hơn là lòng từ thiện, lòng bác ái, sự hòa bình, thì lại tỏ ra chính tự chúng lại còn dã man hơn cả bọn mọi ăn thịt người hay các giống dân hoang dã, vào bất cứ khi nào mà những niềm tin thần thánh của họ đã kích động lên, để họ tàn hại các huynh đệ của họ. Chẳng có loại tội ác nào mà con người đã không từng phạm phải, chỉ do ý tưởng cốt làm vừa lòng ý tưởng về thần thánh của họ, hay là cốt để làm dịu bớt đi chính cơn khát máu của họ...

Để tìm thấy các đức tính đạo lý nơi một vị Thượng Đế, mà từ mọi sự vẽ vời, người ta vẫn gán cho ông ta nhiều cách khác nhau, được tạo nên theo như cách thức của họ, và sắp xếp làm sao cho phù hợp với tính khí và lợi ích của chính họ, và hiển nhiên là họ tìm thấy được các đức tính luân lý đó trên những thay đổi, cùng sự tưởng tượng của con người: nó chỉ nhằm để được tìm thấy điều đó trên những tính khí của một bộ phận loài người, của một khu vực, một giáo phái, mà chính họ muốn tin rằng sẽ có lợi điểm nhằm tôn thờ một Thượng Đế chân thật, hầu loại bỏ mọi hình tượng khác.

Để thiết lập các ý nghĩa luân lý, hay những bổn phận của một người trên nền tảng của ý chí thiêng liêng, chính là phải

tìm thấy chúng trên chính ý chí, những mơ tưởng, và những lợi ích của những con người, mà chính họ đã làm cho vị Thượng Đế đó phải nói, mà không bao giờ lo sợ rằng cả ông ta sẽ có thể nói ngược lại họ. Trong mọi tôn giáo, cũng chỉ những hàng giáo sĩ mới có quyền phán định cái gì là làm hài lòng hay không làm hài lòng vị Thượng Đế của họ; và chúng ta chắc chắn rằng họ vẫn sẽ luôn luôn quyết định rằng đó chính là điều gì làm bằng lòng, hay không làm bằng lòng chính họ...

Chúng ta vẫn thường xuyên được bảo rằng nếu không có một vị Thượng Đế, thì cũng sẽ chẳng có *bổn phận đạo đức* được: rằng mọi người, và ngay cả những nhà cai trị, đều đòi hỏi cần có một nhà làm luật với đầy đủ quyền năng để thúc ép họ. Sự ước thúc luân lý vẫn tạo nên một lề luật; nhưng lề luật này là phát sinh từ những mối quan hệ vĩnh cửu và mang tính thiết yếu giữa những sự vật với nhau; những mối quan hệ mà chính nó lại không có một điều gì chung hết với sự tồn tại của một vị Thượng Đế. Những quy tắc của hành vi của con người đều là xuất phát từ chính bản chất của nó, mà con người vẫn có khả năng biết được, mà không phải là từ bản chất thiêng liêng của điều gì đó không có ý niệm nào cả. Những quy tắc này vẫn bó buộc được chúng ta; như chúng ta vẫn tỏ ra tùng phục và thích ứng theo nó, như là dễ yêu hay là đáng ghét, đáng được khen hay phải bị trừng trị, được hạnh phúc hay bất hạnh, là phù hợp với điều gì mà chúng ta mong mỏi, hay là đi trệch ra khỏi các quy tắc đó. Lề luật mà nó bó buộc chúng ta, thì vẫn không làm hại gì chính nó, luôn được xây dựng ngay trên bản chất của sự tồn tại hữu hình, mà cho dù tuân theo cách nào đi nữa, thì nó vẫn đã đi vào trong thế giới, hay vào bất cứ điều gì mà có thể sẽ là số phận của anh ta trong một thế giới tương lai; và vẫn bị bó buộc bởi chính yếu tính hiện tại của anh ta, là sự tìm kiếm điều tốt và tránh xa điều xấu, ưa thích niềm lạc thú và sợ hãi sự đau đớn. Lề luật mà nó bó buộc con người, là không được gây hại, và ngay cả phải làm điều gì đó tốt đẹp cho những người khác, thì vẫn được tìm thấy trên bản chất của những tồn tại hữu hình, đời sống trong xã hội, mà yếu tính của nó, là bó buộc, thúc đẩy nó luôn khinh thường những người nào là vô tích sự, cũng như ghét những người nào đi ngược lại hạnh phúc của họ.

Cho dù vẫn có một vị Thượng Đế hiện hữu hay không hiện hữu, cho dù vị Thượng Đế đó đã có nói gì hay không nói gì, thì các bổn phận đạo đức của con người vẫn phải luôn là một, chừng nào mà họ vẫn còn giữ được bản chất đặc thù của mình, tức chừng nào mà họ vẫn còn chính là những tồn tại hữu hình. Cho dù con người có cần tới một vị Thượng Đế mà mình vẫn không biết được hay không, tức một nhà lập pháp vô hình của một tôn giáo bí nhiệm, và của những nỗi sợ hãi cuồng mê, để nhằm biết được rằng mọi điều gì quá đáng rõ ràng đều dẫn tới sự tàn phá chính họ, rằng để giữ gìn sức khỏe thì họ cần phải điều độ; rằng để có được tình yêu thương của những người khác, thì họ nhất thiết biết làm điều thiện; rằng việc gây ra điều ác, thì cũng là phương cách chắc chắn để gây ra sự căm ghét và sự trả thù đối với họ.

"Trước khi có luật lệ thì cũng đã chẳng có điều gì là tội lỗi". Chẳng có điều gì là sai lầm hơn là câu châm ngôn này. Đủ thấy rằng, con người chính là cái gì đó vẫn đi theo với bản chất của nó, hay nó là một tồn tại hữu hình, nhằm phân biệt với cái gì vẫn mang lại cho nó thích thú hay không thích thú. Điều đó cũng đủ cho thấy rằng một người vẫn biết rằng một người khác là một tồn tại hữu hình giống như chính nó; để nhận thức được rằng cái gì là lợi ích, hay là có hại đối với chính anh ta. Điều đó cũng đủ thấy rằng con người phải cần có người đồng hành với mình, để biết được rằng anh ta phải

thấy sợ hãi việc gợi lên trong anh ta những tình cảm không ưu ái đối với chính bản thân anh ta. Như vậy một tồn tại có tình cảm và có suy nghĩ, chỉ có thể cảm thấy và suy nghĩ nhằm khám phá được cái gì mà anh ta phải làm cho chính mình và làm cho những người khác. Tôi cảm thấy và người khác cũng cảm thấy giống như tôi; đây chính là nền tảng của mọi luân lý.

Chúng ta có thể phán đoán về tính chất tốt đẹp của một hệ thống luân lý, chỉ là sự hòa hợp của chính nó với bản chất của con người. Bởi vì sự so sánh này, mà chúng ta có quyền vất bỏ nó đi, nếu nó đi ngược lại với sự an sinh của chủng loài chúng ta. Bất cứ người nào đã từng có sự suy nghĩ nghiêm túc về tôn giáo và đạo lý siêu nghiệm của nó, bất cứ người nào đã từng cẩn thận cân nhắc giữa những lợi ích và những bất lợi của họ, sẽ hoàn toàn bị thuyết phúc rằng cả hai điều đó là có hại cho họ, cho những lợi ích của con người, hay là trực tiếp chống lại chính bản chất của nó...

Điều đó vẫn khẳng định rằng giáo điều về một đời sống khác thực sự có tầm quan trọng tối hậu đối với sự an sinh và hạnh phúc của những xã hội; rằng nếu không có nó thì người ta sẽ từ bỏ các động cơ làm điều thiện. Cái gì cần có chính là những sự sợ hãi và những chuyện ngụ ngôn, để làm cho mọi người có lý trí có thể cảm thấy được là mình cần phải luôn hành xử như thế nào trên cõi đời này? Có phải chăng mọi người đều nhận thấy được rằng mình sẽ có một lợi ích lớn nhất, trong sự chào đón, sự tán thành, sự thích thú, và sự lương hảo của những tồn tại chung quanh mình; và trong sự tiết chế đối với mọi điều gì mà xã hội có thể sẽ kiểm soát, khinh thị, và tẩy chay? Tuy nhiên cho dù không có sự thích thú nào, thì một cuộc chuyện trò, một sự viếng thăm, cũng chẳng có gì là thích thú để hành vi một cách trơ trẽn về phần mình, cùng tự bằng lòng với chính mình, cũng như với những người khác? Nếu đời sống chỉ là một sự việc thoáng qua, chúng ta hãy cứ cố gắng làm sao cho nó được dễ dàng thoải mái; điều gì chúng ta không muốn hành động, thì chúng ta cũng không thể yêu cầu đối với những người bạn đồng hành của chúng ta.

Tôn giáo, vì bị bận rộn bởi những giấc mơ buồn bã của nó, nên xem con người chỉ như một đoàn hành hương trên mặt đất; và do thế mà giả định rằng để cho cuộc hành trình đó được an ổn hơn, con người phải từ chối sự đánh bạn, và phải tự tách mình ra khỏi những lạc thú cùng những thú vui mà chúng vẫn luôn có thể an ủi mình khi mệt mỏi và chán chường ở trong chính lộ trình đi xuyên suốt qua cuộc đời này. Một nhà triết học khắc kỷ và buồn bã, đôi khi vẫn mang đến cho chúng ta những lời khuyên cũng vô lý y như những lời khuyên của tôn giáo. Nhưng một nền triết học duy lý hơn, thì luôn mời chúng ta hãy trải hoa lên trên chính lối đi của cuộc đời, hãy loại bỏ mọi sự buồn chán và những sự sợ hãi khốn khổ, để kết hợp lợi ích của chúng ta cùng với lợi ích của những bạn đồng hành của chúng ta, và bởi các niềm vui và những lạc thú hợp pháp ấy, giải tỏa chúng ta ra khỏi những sự khó khăn, và vượt qua được những tai nạn, mà đối với chúng, chúng ta thường hay bị đẩy vào; nó dạy chúng ta rằng cuộc hành trình đó là rất thích thú, để chúng ta sẽ loại trừ ra khỏi được chúng ta mọi điều gì đó có thể gây hại cho chúng ta, và cũng để thận trọng tránh xa được những điều gì có thể khiến cho chúng ta có thể trở nên dễ ghét đối với những người khác trong xã hội của chúng ta...

Ý thức chính là di sản bên trong mà chúng ta đã phải chịu khó mang vác nó trong việc phải hành động để sao cho xứng đáng với sự ưa thích hay tránh được sự quở trách của những cá nhân mà cùng với họ chúng ta phải sống; và nó vẫn được xây dựng trên mọi sự hiểu biết rõ ràng,

rằng chúng ta đã có được nó là từ con người, và từ những tình cảm mà các hành động của chúng ta cần tạo ra trong họ. Ý thức của con người có tôn giáo, chỉ chủ yếu là ở sự tưởng tượng rằng mình đã làm bằng lòng hay làm phật lòng Thượng Đế của mình, mà chính mình cũng chẳng hề có lấy một ý niệm nào; và những ý định tối tăm, và đầy ngờ vực của vị này, vẫn được cắt nghĩa cho con người cũng chỉ bằng những con người cũng đầy lòng nghi ngờ, mà họ cũng giống như mình, là cũng hoàn toàn chẳng biết một chút xíu gì hết về chính vị Thượng Đế đó cả; cũng như cũng rất ít khi đồng ý điều gì đó mà nó có thể làm vừa lòng, hay là làm phật lòng ngài. Nói chung, ý thức của lòng dễ tin vẫn cứ luôn được những con người đó hướng tới, mà chính ngay bản thân họ đã có một nhận thức nhầm lẫn, hay do những lợi ích của họ đã làm che mờ đi sự hiểu biết..

Một người nào có đầu óc biết suy nghĩ, thì không thể không thấy được các phận sự của mình, để qua đó khám phá được những mối quan hệ vẫn mãi tồn tại giữa những con người với nhau, cũng như của sự suy tư về chính bản chất của mình, của sự phân biệt về các ý muốn của chính mình, cùng các khuynh hướng, các mong mỏi, và của việc nhận thức để thấy ra được điều gì mà mình đã có thể có được trong đời sống, mà nó vẫn luôn là cần thiết cho hạnh phúc của chính mình. Những suy nghĩ này, tự nhiên vẫn hướng dẫn con người đi đến một sự hiểu biết về luân lý, đạo đức căn bản nhất trong đời sống xã hội. Những đam mê nguy hiểm, thì ít khi lại rơi vào trong số đông con người nào mà họ luôn ưa thích giá trị cộng đồng cùng với chính họ, nhằm nghiên cứu và tìm ra được những nguyên lý của các sự vật. Đam mê mạnh mẽ nhất của một con người như thế, sẽ là sự hiểu biết về chân lý, và tham vọng của anh ta, chính là việc truyền dạy nó cho những người khác. Triết học đích thực chính là sự bồi dưỡng về cả hai mặt tinh thần và con tim. Đối với tính cốt lõi của luân lý, đạo đức, và sự lương hảo, thì đâu phải là anh ta chẳng đã từng suy nghĩ và lý luận một cách hiển nhiên về một sự ưu điểm vượt lên trên chính anh ta, là con người biết biến nó thành một nguyên lý của lý trí?

28

Bản ngã *

WILLIAM JAMES
(1842 - 1910)

Bản ngã thường nghiệm nơi mỗi con người chúng ta chính là cái vẫn thường được gọi là *cái tôi*. Nhưng rõ ràng giữa điều gì mà một người gọi là *tôi*, và cái gì mà anh ta đơn giản chỉ gọi là *của tôi*, thì cũng khó có thể phân biệt cho rạch ròi. Chúng ta cảm thấy và hành xử trên một vài vật nào của chúng ta y như chúng ta vẫn cảm thấy và hành động về chính chúng ta. Như danh dự của chúng ta, con cái của chúng ta, công việc của chính hai bàn tay của chúng ta, có lẽ cũng đáng quý đối với chúng ta như chính thân thể của chúng ta, và chúng cũng gợi lên cùng những tình cảm, và cả những hành động đáp lại mỗi khi bị tấn công. Và ngay như thân thể của chúng ta, thì chính chúng cũng đơn thuần là của chúng ta, hay chính chúng là *chúng ta?* Chắc chắn là có khi người ta cũng đã muốn tách bỏ cả thân thể của mình đi, và nhìn chúng cũng chỉ như quần áo, hay thậm chí như là loại tù ngục bằng đất, mà một ngày nào đó họ sẽ được sung sướng thoát khỏi nó.

Thế nên chúng ta luôn thấy rằng chúng ta đang đối diện với chính vật chất đang chuyển biến. Cùng một sự vật, mà có khi được cư xử như là một phần của tôi, còn khi khác thì chỉ đơn thuần như là của tôi, rồi có lúc lại như chính tôi cũng chẳng có gì quan hệ với nó cả. Tuy nhiên *theo ý nghĩa rộng nhất có thể có được, thì cái Ngã của một con người là tổng số gộp chung của mọi cái mà anh ta* có thể *gọi* là *của anh ta*; không chỉ là thân thể của anh ta, những năng lực tâm lý của anh ta, mà cả áo quần, nhà cửa của anh ta, vợ con anh ta, tổ tiên anh ta, bạn bè anh ta, danh giá và công việc làm của anh ta, đất đai cùng gia sức của anh ta, cả du thuyền và tài khoản nơi ngân hàng của anh ta. Tất cả những điều này đều mang tới cho anh ta cùng với những cảm xúc. Nếu chúng đều phát triển đi lên, anh ta tất cảm thấy thắng lợi; còn nếu chúng dao động và tàn lụi đi, thì anh ta cảm thấy đau khổ, - nhưng không nhất thiết là ở trong cùng một mức độ đối với mỗi

* Trích từ Chương X trong *Nguyên lý Tâm lý học (1980)*

đối tượng sự vật, nhưng phần lớn lại vẫn cùng trong một cách thức như nhau đối với tất cả...

[1] (a) Cái bản ngã vật chất;

(b) Cái bản ngã xã hội;

(c) Cái bản ngã tinh thần; và

[2] (d) Cái bản ngã thuần khiết

(a)Thân thể là phần sâu thẳm nhất của *cái Bản ngã vật chất* trong mỗi chúng ta; và một vài phần của thân thể dường như lại còn mật thiết đối với chúng ta hơn là những phần khác. Rồi kế đến mới là áo quần. Câu ngạn ngữ xưa kia nói rằng bản thân con người là được cấu thành do ba phần - linh hồn, thân xác và áo quần - đó không phải chỉ là lời đùa cợt. Vì thế chúng ta cũng thích nghi hóa với quần áo của chúng ta, và còn đồng hóa chính chúng ta với chúng, đến nỗi có không ít những người trong chúng ta, nếu họ được hỏi sẽ chọn lựa thế nào giữa việc có một thân thể đẹp mà lại cứ phải được bọc trong các áo quần rách rưới, thường xuyên dơ bẩn; và phải có một hình dạng xấu xí, kỳ quái, mà vẫn luôn luôn được ăn mặc đẹp đẽ, thu hút; thì họ sẽ lại do dự mà khó có thể đáp ngay lại được. Rồi kế đến, gia đình cũng rất gần gũi với chúng ta, giống như một phần của chính chúng ta. Chính cha mẹ chúng ta, vợ con chúng ta, cũng là xương của xương chúng ta, và là thịt của thịt chúng ta. Khi họ chết, giống như một phần của chính chúng ta đã ra đi. Nếu họ làm điều gì đó sai trái, thì đó cũng là sự xấu hổ của chính chúng ta. Còn nếu họ bị làm nhục, thì ngay chúng ta liền nổi giận lên như khi chính bản thân chúng ta bị nhục mạ. Rồi đến nhà cửa của chúng ta. Cảnh trí nhà cửa, cũng là một phần đời sống của chính chúng ta; những khía cạnh của nó gợi lên cho chúng ta những cảm giác đẹp đẽ cùng những tình cảm êm ái nhất; và chúng ta không thể dễ dàng tha thứ cho một người lạ nào đó, mà trong khi tới viếng thăm ta, lại gây xáo trộn đối với nó, và cư xử không phải, hay là khinh miệt đối với nó. Tất cả mọi sự vật khác nhau này, chính là đối tượng được ưu ái một cách rất tự nhiên của chúng ta, kết hợp cùng với những lợi ích quan trọng nhất của chính đời sống. Chúng ta vẫn đều có một sự thúc đẩy mù quáng thích ngắm nhìn bao quát toàn bộ thân thể của chúng ta, thích ăn diện cho nó, cùng trang sức cho nó một cách phù hợp; rất thích thân mật với cha mẹ và vợ con của chúng ta; và tìm thấy chính họ vẫn ở trong một ngôi nhà như chính chúng ta, mà họ luôn luôn sống trong đó và "cải thiện" nó.

Còn một sự thúc đẩy rất tự nhiên khác, nó hướng chúng ta tiến tới việc cóp nhặt các loại tài sản; và những tích cóp như thế vẫn đã trở thành chính những thành phần của đời sống thực tế của chính chúng ta, với mọi cấp độ đòi hỏi khác nhau. Những thành phần của sự giàu có của chúng ta, là vẫn thân thiết nhất đối với chúng ta, và đó là những gì mà chúng đã được bão hòa với chính sự lao động, làm lụng của chúng ta. Có một số người không thể không cảm thấy bản thân họ bị hủy hoại hoàn toàn, nếu việc cố gắng xây dựng một đời sống lâu dài của đôi bàn tay và khối óc - tức muốn nói cách góp nhặt theo kiểu côn trùng, và đã vượt qua quá đáng chính yêu cầu cần thiết của công việc - bỗng đột nhiên bị mất trắng. Còn kẻ biển lận, thì cũng cảm thấy một cách tương tự như thế, đối với vàng bạc của mình, và mặc dù thật sự một phần của sự mất giá các tài sản của chúng ta, là chính ở sự mất mát của các sở hữu của chúng ta, là cũng bởi tình cảm của chúng ta, mà do thế chúng ta phải đi tới chỗ không có một số tài sản nào đó, trong khi chúng ta trông đợi chúng sẽ có thể mang lại cho chúng ta được; cho nên trong mọi trường hợp khác, nếu không kể điều này, thì đó chính là ý nghĩa của sự teo tóp nhân cách của chúng ta, khiến cho có một sự biến chuyển của một phần nào đó của chính chúng ta, làm nó thành ra chẳng là gì

hết; và tự chính nó lại là một hiện tượng tâm lý. Và ngay lập tức, tất cả chúng ta liền bị đồng hóa với những tật xấu của những kẻ vô lại và nghèo khổ mà chúng ta khinh ghét, và đồng thời còn bị trục xuất đi xa hơn bao giờ hết, từ những đứa con trai sung sướng của mặt đất, mà nó từng chủ động trên đất liền và biển, và là những người có cuộc sống sung túc mà sự giàu có và sức mạnh của họ có thể làm cho chúng ta phải nể sợ khi đứng trước họ, và bắt buộc chúng ta phải cảm thấy kính sợ mà không thể nào thoát ra khỏi được, cho dù đó là cảm tưởng công khai hay ngấm ngầm.

(b) *Bản ngã xã hội của một người* là sự nhìn nhận mà người đó có được từ những người đồng chủng của mình. Chúng ta không chỉ là những con vật sống đoàn bầy; nhưng chúng ta còn muốn được các đồng loại của mình chú ý tới; chúng ta có một khuynh hướng sâu kín, bẩm sinh, là tự nhiên muốn chính chúng ta phải được quan tâm tới, được sự ưu ái đặc biệt hơn của các người đồng chủng của chúng ta. Không phải chúng ta chỉ ngại sự bị trừng phạt hay căm ghét, vì sự việc như vậy thật ra cũng chỉ có tính cách thể lý; mà đúng hơn chính là điều chúng ta sợ bị khước từ trong xã hội, sợ bị tuyệt đối không được mọi thành viên khác trong cộng đồng đếm xỉa đến. Nếu không có một ai đó quay lại để nhìn khi chúng ta bước vào, và trả lời khi chúng ta hỏi, hay không chú ý gì đến các việc chúng ta làm; nếu mọi người mà chúng ta gặp được chỉ "phớt lạnh" đối với chúng ta, và cứ hành vi như thể chẳng có sự hiện diện của chúng ta, tức chẳng coi chúng ta ra ký lô nào, thì tự nhiên chúng ta sẽ cảm thấy bị ê chề thất vọng và chán ngán ngay; và từ đó chúng ta cũng sẽ cảm thấy buồn nản khủng khiếp nhất, còn hơn cả khi thân thể bị dày vò tra tấn, như thể chúng ta đang bị lún xuống một vực sâu, và hơn thế nữa như là bị hoàn toàn không còn một giá trị gì.

Nói đúng ra, *một người cũng có nhiều bản ngã xã hội, nếu có nhiều cá nhân nhìn nhận người đó* và có một hình ảnh về anh ta trong tâm trí của họ. Khi bị làm thương tổn bất cứ một hình ảnh nào trong các hình ảnh này, tức cũng là làm thương tổn đến chính bản thân của anh ta. Nhưng bởi vì những cá nhân có mang những hình ảnh đó, lại thuộc về những giai cấp nhất định, nên có lẽ trong thực tế chúng ta nói rằng có nhiều bản ngã xã hội khác nhau, cũng như có nhiều *nhóm* phân biệt khác nhau, mà các ý kiến của họ đều khiến cho người ta tất phải quan tâm. Mặt khác, anh ta cũng thường biểu hiện ra chính mình tùy theo mỗi nhóm khác nhau này. Có nhiều người trai tre vẫn tỏ ra nhún nhường đến mức ngay trước cha mẹ mình hay các thầy giáo của mình, nhưng lại vẫn chơi thể và văng tục đến phát khiếp đi được trong khi đang ở cùng những loại bạn bè thô bỉ, chẳng khác gì là quân đầu trộm đuôi cướp cả. Chúng ta cũng không hề tỏ vẻ trước bọn trẻ của chúng ta, như khi chúng ta cư xử cùng các bạn bè ngang hàng trong các câu lạc bộ của chúng ta, hay đối với các khách hàng, hay đối với các người làm thuê của chúng ta, hay như khi đối với các người chủ của chúng ta, hay những người nào đã thuê mướn chúng ta, hoặc là kể cả các bạn bè thân thiết của chúng ta. Từ điều này cũng đi tới kết quả là trong thực tế có một sự phân chia một con người ra thành một số các bản ngã của anh ta; và điều này rất có thể là một sự chia tách không mấy hòa hợp, khi nào có người lo sợ rằng sẽ có những người quen biết của anh ta nhận ra anh ta theo một kiểu cách khác; hay cũng có thể đó là một sự phân chia hoàn toàn hòa hợp trong lao động, ở một lúc nào đó thì người ta dịu dàng với con cái của mình, còn khi khác thì lại nghiêm nghị với người làm, và khi khác nữa thì rất nghiêm khắc đối với những người tù mà anh ta cai quản.

Bản ngã xã hội đặc biệt nhất mà người ta vẫn thường có, chính là trong tinh thần của một người nào đó mà người ta yêu

thương. Những cơ hội tốt hay xấu của bản ngã này thường tạo nên những sự thể hiện căng thẳng nhất - dù không hợp lý để được đo lường bởi mọi tiêu chuẩn khác, hơn là chính tiêu chuẩn của tình cảm tự nhiên của cá nhân đó. Đối với chính ý thức của mình, thì người đó *vẫn là* không tồn tại, chừng nào mà cái bản ngã xã hội đặc thù này không được thừa nhận đến, và khi mà nó đã được thừa nhận thì sự thích thú của anh ta lại vượt ra khỏi mọi sự hạn hẹp vốn có.

Tên tuổi của một người, cho dù là tốt hay xấu, và *danh giá* của anh ta, hay kể cả sự không được danh giá của anh ta, đều là tên tuổi hay danh giá trước một người chính trong những bản ngã xã hội của người đó. Bản ngã xã hội đặc thù của một người, vẫn được gọi là danh dự của người đó, và thường là kết quả của một trong những sự phân chia này, của cái gì mà chúng ta đã nói tới. Nó chính là hình ảnh của anh ta trong con mắt của sự tự "đánh giá" của chính bản thân anh ta, mà nó sẽ cổ vũ hay là kết án anh ta, như thể anh ta là phù hợp hay là không phù hợp với một số các yêu cầu nào đó của nó, mà điều đó sẽ có thể không là như thế, nếu ở trong một tình huống đời sống nào đó khác đi. Cho nên, một con người bình thường thì có thể sẽ rời bỏ đi một thành phố bị nạn dịch tả; nhưng trái lại một nhà tu, hay một bác sĩ, thì có thể suy nghĩ rằng đó là một hành động không phù hợp đối với danh dự của họ. Danh dự của một người lính vẫn luôn đòi hỏi anh ta phải chiến đấu hay là chết, trong những điều kiện mà một người nào đó khác có thể nại ra được các lý lẽ khác nhau để chạy đi, mà chẳng có gì thấy phải bận tâm đối với chính bản ngã xã hội của người đó cả. Một thẩm phán, một chính trị gia, cũng ở trong những trường hợp giống như thế, vì phải bị ngăn trở bởi danh giá của mình, nên không được có những quan hệ mang tính chất tiền bạc, trong khi những người khác thì vẫn cho là hoàn toàn bình thường trong đời sống tư riêng hàng ngày của họ. Chẳng có gì xem ra bình thường hơn, khi nghe có người phân biệt giữa những bản ngã khác nhau của họ, theo như cách này: "Với tính chất là con người, tôi thật ái ngại cho anh, nhưng với tính cách là một sĩ quan, tôi phải nhất thiết khe khắt với anh thôi; hoặc với tính cách một nhà chính trị, tôi nhìn anh ta như một người đồng minh, còn với tính cách một nhà đạo đức, thì tôi thật kinh tởm anh ta" v.v.. v.v. Cái gì có thể được gọi là "nhóm dư luận", là một trong những lực lượng luôn rất mạnh mẽ trong cuộc sống. Kẻ móc túi thì không được móc túi những tên móc túi khác; kẻ cờ bạc thì phải trả nợ cờ bạc của mình, cho dù anh ta có thể vẫn không trả nợ cho những người bình thường trong cuộc sống. Luật danh dự của xã hội quả là kỳ lạ như thế, xuyên suốt qua toàn bộ lịch sử, vẫn có đầy dẫy những sự cho phép và những sự khước từ giống như vậy, mà lý do duy nhất vẫn chỉ là phải tuân theo một trong những bản ngã xã hội nào đó của chúng ta, mà có người cho rằng nó không thể không được thích ứng một cách tốt nhất. Nói chung bạn không được nói dối, nhưng bạn vẫn cứ được nói dối giống như bạn muốn, nếu có người nào đó hỏi bạn có quan hệ với quý bà nào đó không; bạn phải chấp một sự thách đố từ một người ngang cơ với mình, nhưng nếu là sự thách đố đến từ một kẻ dưới cơ, thì bạn có lẽ chỉ cần cười với hắn một cách ngạo nghễ cũng đủ thôi: đây cũng là những ví dụ mà chúng vẫn luôn mang đầy ý nghĩa.

(c) Bởi bản ngã tinh thần trong chừng mực nào mà nó thuộc về con người thường nghiệm của tôi, tức muốn nói là nội dung bên trong của một cá nhân, hay là chủ thể tính của con người đó, hay là những khả năng tâm lý, ý thức của chính anh ta, hay là những tính khí vẫn được nhìn thấy trong cụ thể; đều không phải là bản thể thuần túy của tính đơn nhất của cá nhân, hay là cái Bản ngã "thuần túy" mà nó vẫn còn được tranh cãi. Những trạng thái tâm lý này, chính là phần bền bỉ và sâu xa nhất của bản ngã, mà hầu như chúng ta có vẻ vẫn mãi là như thế. Chúng

ta hãy lấy một phần bản ngã được xem là thuần túy hơn, khi chúng ta suy nghĩ khả năng về lý luận và phân biệt của chúng ta, về sự cảm nhận đạo đức và về ý thức của chúng ta, về ý chí không thể khuất phục được của chúng ta, hơn là khi mà chúng ta xem xét bất cứ một cái nào trong số những năng lực nào đó khác mà chúng ta có được. Chỉ khi nào những điều này bị thay đổi, thì một người liền bị cho là bị *tâm thần* [tức là không còn bình thường như cũ nữa].

Thế thì bản ngã tinh thần này có thể được xem xét trong nhiều cách khác nhau. Chúng ta có thể phân chia nó ra những khả năng, cho dù chỉ trong chớp nhoáng thôi, tách biệt nó ra khỏi những cái khác, và tự đồng hóa chúng ta vào trong từng cái một lần lượt. Đây là một phương thức *trừu tượng hóa* mà chúng ta muốn áp dụng cho ý thức, mà trong đó, giống như nó tự thể hiện ra vào lúc này, trong một số lớn những khả năng mà chúng luôn luôn được nhận ra vào cùng trong một lúc; hay là chúng ta cũng có thể nhấn mạnh trên một quan niệm cụ thể, và rồi trên chính bản ngã của tinh thần của chúng ta, hoặc sẽ trong toàn bộ dòng chảy của ý thức cá nhân, hay trong một "đoạn", hay trong một "phần" của dòng chảy đó, tùy theo cách chúng ta quan niệm rộng hay hẹp hơn - và cả dòng ý thức nói chung, lẫn từng khu vực riêng biệt của nó, đều mang tính cụ thể trong thời gian, và mỗi cái là hiện hữu bằng từng mỗi đặc trưng của nó. Nhưng cho dù chúng ta trừu tượng hóa nó, hay là cụ thể hóa nó, sự khảo sát của chúng ta về bản ngã tinh thần, nói cho cùng chính là một tiến trình phản ảnh, là kết quả của việc chúng ta từ bỏ quan điểm nhìn ra bên ngoài, và chúng ta tập trung vào khả năng suy nghĩ về chủ thể tính bên trong, như thế, tức sự *suy nghĩ của chúng ta trong tư cách của những nhà tư duy.*

Sự chú ý này đối với tư duy như thế, và sự đồng nhất của bản ngã của chúng ta với nó, hơn là với bất với một sự vật nào khác, để cho nó hé lộ, trong một hoạt động thoáng qua, và trong một vài khía cạnh nào đó còn bí hiểm nữa, của điều gì mà chúng ta chỉ cần nói ở đây là nó tồn tại trong tính chất một vấn đề thực tế; và rằng ở trong mỗi người, từ một độ tuổi rất sớm, đã có sự phân biệt trong tư tưởng như thế, và cái gì đó là "của" hay "về", đã trở nên quen thuộc với chính đầu óc. Nhưng cơ sở sâu hơn đối với sự phân biệt này, là có thể rất khó khăn để nhận ra; nhưng những nền tảng bề ngoài thì lại có nhiều và cũng ở ngay trong tầm tay. Hầu như bất cứ ai cũng đều muốn nói với chúng ta rằng tư tưởng là một loại tồn tại khác với các sự vật, bởi vì các loại ý tưởng đều không mang tính chất vật chất gì cả - chẳng hạn sự khoái lạc, sự đau đớn, những cảm xúc; những tư tưởng khác là những sự vật không tồn tại - những sự nhầm lẫn và những sự tưởng tượng; những loại khác là những sự vật tồn tại, nhưng trong một dạng mà nó biểu hiện và cũng không giống với chúng - những ý tưởng và những ý niệm trừu tượng; trong khi đó, có những ý tưởng mà chúng giống với các sự vật mà "từ đó" chúng xuất phát (những tri giác, cảm giác), và chúng ta có thể cảm thấy được, cùng với các sự vật đã được biết, tư tưởng về nó vẫn được tiếp tục như một động tác tách ra và cùng vận động với nó ở trong đầu óc ta.

Thế thì đời sống chủ thể của chúng ta ở đây, được phân biệt một cách rõ ràng như thế đó với những đối tượng được nhận biết bởi những phương tiện của nó, có thể, như đã được đề cập tới, là do chúng ta đã lấy từ trong đó một cách cụ thể hay là một cách trừu tượng. Theo cách cụ thể, thì tôi sẽ không nói ngay nó là điều gì lúc này, trừ khi nào những "khu vực" hiện thời của dòng chảy đó sẽ còn phiêu du lâu dài hơn trong sự tranh luận của chúng ta về bản chất của nguyên lý về sự *đơn nhất* của ý thức, vẫn đóng một phần quan trọng. Cách trừu tượng thì cần đến sự

chú ý của chúng ta trước nhất. Nếu dòng chảy đó như một toàn thể là đồng nhất với chính Bản ngã, và đi xa hơn bất cứ cái gì hướng ra bên ngoài, thì *một bộ phận nào đó của dòng chảy đó lại được trừu tượng hóa từ phần còn lại,* là được đồng hóa cùng nhau như thế, trong một cấp độ đặc trưng, và được cảm thấy bởi mọi người, như là một loại tâm điểm sâu xa bên trong, của một vòng tròn, của một phạm vi, mà trong đó cái vương quốc được cấu tạo bởi đời sống chủ thể là giống như một toàn thể. So sánh với yếu tố này của dòng chảy, thì những phần khác, ngay cả đời sống của chủ thể, dường như đều là những sự cố được thông qua từ bên ngoài, mà từ đó mỗi cái, tới phiên nó, lại được tách biệt, trong khi đó thì cái tách biệt đó vẫn cứ được giữ lại. Thế thì *cái gì là cái bản ngã của tất cả những bản ngã khác của chúng ta?*

Có lẽ mọi người vẫn có thể miêu tả nó theo cùng một cách cho tới một mức độ nào đó. Họ có thể gọi đó chính là một yếu tố *tích cực* trong mọi ý thức; tức muốn nói bất cứ những tính chất nào mà tình cảm một người có thể có được, hay bất cứ nội dung nào mà tư tưởng của người ấy có thể bao gồm, đều có một thực tại tinh thần nào đó ở trong người ấy, mà có vẻ như nó *đi ra phía bên ngoài* để hội ngộ cùng với những tính chất và nội dung này, cũng trong khi đó, chúng lại dường như *đi vào bên trong* để được tự nhận thức chính nó. Đó là điều gì vẫn được ngênh đón hay bị khước từ. Nó cai quản mọi sự nhận thức và cảm giác, và bằng cách tạo ra hay lưu giữ với sự thống nhất của nó làm ảnh hưởng tới những vận động mà nó nhằm gợi lên. Đó là con người của lợi ích, - nhưng không phải là hài lòng hay đau đớn, hay ngay cả cũng chẳng phải là lạc thú hay đau khổ; nó giống như thế, nhưng lại là ở trong chúng ta, để cho sự thích thú hay đau khổ, sự vui vẻ hay đau đớn cất tiếng. Nó là nguồn gốc của mọi sự cố gắng và chú ý, và là nơi có vẻ phát xuất từ những mệnh lệnh của ý chí. Một nhà Sinh lý học nào muốn suy nghĩ về nó trong chính bản thân mình, thì theo tôi nghĩ, chỉ có thể vừa đủ sức quan hệ tới nó chỉ với ít hoặc nhiều mơ hồ, đối với tiến trình mà qua đó những ý tưởng hay những cảm giác đang hình thành, là "được phản ánh", hay là được chuyển đổi thành những hành vi hướng ngoại. Chẳng thiết yếu để nó phải *là* tiến trình này, hay chỉ sự cảm nhận về tiến trình này, nhưng trong một cách thức nào đó phải *có liên quan* tới chính tiến trình này; bởi vì nó có một phần vai trò tương tự nào đó trong đời sống tâm lý, là một loại nối kết mà ở đó những ý tưởng thuộc cảm giác chấm dứt, và từ đó mà những ý tưởng mang tính động lực tiến hành, và tạo nên một loại nối kết cả hai. Và không thể chỉ dừng lại ở đó đối với bất cứ một yếu tố đơn độc nào khác của đời sống tinh thần, những yếu tố khác chấm dứt khi dường như đã gia tăng chung quanh nó, và thuộc về nó. Nó trở nên đối nghịch với chúng, cũng giống như cái ổn định thường trực vẫn hay đối nghịch với cái thay đổi và không ổn định.

Theo tôi nghĩ, người ta có thể không bị bối rối vì do bất kỳ các thông báo Galton nào trong tương lai, để tin tưởng rằng mọi người sẽ phải bị đơn độc tách ra khỏi phần còn lại của điều gì mà chính họ vẫn gọi là nguyên tắc trung tâm nào đó về điều gì mà mỗi người đều nhìn nhận sự tồn tại như là một miêu tả xác thực nói chung, - đủ chính xác, với mức độ nào đó, nhằm lưu ý về cái gì mang một ý nghĩa, và để khiến nó không thể bị nhầm lẫn với những cái khác. Tuy nhiên, về thời điểm để chúng đi tới tiếp cận với một nơi gần trung tâm hơn với nó, và cố gắng xác định chính xác hơn về bản chất đích thực của nó, chúng ta lại có thể gặp được những ý kiến mà chúng đã bắt đầu khác biệt nhau. Một vài người thì có thể cho rằng đó là một bản thể hoạt động đơn giản, là linh hồn, để từ đó chúng mới có ý thức

như vậy; còn những người khác thì lại bảo đó chẳng phải điều gì khác hơn là một sự tưởng tượng, một sự tồn tại tưởng tượng được dựng lên bởi đại danh từ Tôi; và ở giữa hai cực đoan này của các ý kiến thuộc loại như thế, có thể tìm thấy được những loại trung hòa.

Chính chúng ta sẽ phải thảo luận về tất cả những điều đó sau này, cho dù nó cũng sẽ chẳng được sáng sủa gì. Còn *Giờ đây,* chúng ta hãy cố gắng thu xếp với chính chúng ta theo một cách xác định mà chúng ta có thể có được; chính xác là làm thế nào để những hạt nhân trung tâm điểm của Bản ngã có thể được *cảm biết*, không có vấn đề gì về nó, dù là bản thể tinh thần, hay chỉ là một từ ngữ giả tạo.

Bởi vì phần trung tâm này của Bản ngã là sự *cảm biết*. Rất có thể là tất cả những nhà theo thuyết Siêu nghiệm đều bảo rằng nó hiện hữu, còn tất cả những nhà Thực nghiệm thì lại nói rằng nó là cần phải được bàn thảo, nhưng cho bất cứ ở mức độ nào, thì nó cũng chỉ là *ens rationis* [một sự kiện của lý trí], chỉ được nhận thức trong tính cách của tinh thần, và cũng *chỉ* là tổng số của những ký ức, hay *chỉ là* âm vang của một từ ngữ ở trong tai chúng ta. Nó là cái gì đó mà đối với nó chúng ta vẫn có được những sự hiểu biết bằng cảm tính trực tiếp, và nó hoàn toàn chỉ ở trong hiện tại vào bất kỳ thời điểm nào của ý thức, mà chính trong đó nó *là* hiện tại, như ở trong toàn bộ đời sống của những thời điểm như thế. Khi ngay cả giờ đây, nếu nó được gọi là một sự trừu tượng, thì điều đó vẫn không có nghĩa giống như một ý niệm tổng quát nào đó, bởi nó không thể được trình bày trong một kinh nghiệm đặc thù. Điều đó chỉ có nghĩa rằng ở trong dòng tồn tục của ý thức, luôn không bao giờ có thể tìm thấy được mọi cái gì đó chỉ có một mình. Nhưng một khi nó được tìm thấy, thì đó là sự *cảm thấy;* đúng ra là thân thể cảm thấy được, cảm biết được về nó giống như một sự trừu tượng; bởi vì không bao giờ thân thể lại cảm thấy mọi cái chỉ một mình, nhưng là luôn luôn cùng với những sự vật khác. *Giờ đây chúng ta có thể nói được một cách chính xác hơn, là trong điều gì mà sự cảm biết của trung tâm này hoạt động, là việc nó cấu tạo thành* - không phải nhất thiết đúng, như cái gì đó mà nó chính *là* cái bản ngã hoạt động đó, như một sự tồn tại hay một nguyên lý, hay là cái gì mà chúng ta *cảm thấy* khi chúng ta có ý thức về chính sự tồn tại của nó?

Tôi nghĩ đó có thể là trong trường hợp của chính tôi; và điều gì như tôi đã nói, tôi sẽ có thể gặp nó với sự đối kháng nếu khi được tổng quát hóa (nhưng thật sự nó có thể có một phần không thể áp dụng được cho các cá nhân khác); tôi thà cứ tiếp tục ở trong người thứ nhất, rời bỏ sự miêu tả của tôi, để sẽ được chấp nhận bởi những người khác tùy theo những quan điểm nội quan của họ, mà nó có thể được tự cho như là đúng, và đành thú nhận sự bất lực của tôi, để đáp ứng những đòi hỏi của những người khác, nếu những người khác này là như thế.

Trước hết, tôi đã có ý thức về một sự tác động thường xuyên của việc phát triển hơn, và cả những sự cản ngại trong sự suy nghĩ của tôi, của những sự kiểm tra, của những sự dễ dãi, của những khuynh hướng vẫn thường hay đi đôi với lòng ham muốn, cả những khuynh hướng vẫn đi theo các chiều hướng khác. Trong số những vấn đề mà tôi thường suy nghĩ tới, có một số là thuộc về các sở thích của tư duy, trong khi đó những cái khác thì lại có một vai trò chẳng mấy thân thiện. Những sự phù hợp cùng các sự đối nghịch nhau đó, những sự tăng cường nhau, cùng là những sự ngáng ngại nhau đó, mà chúng đã có được trong số những vấn đề khách quan vang âm trở lại cùng sản sinh ra cái gì đó dường như là những phản ứng tiếp diễn không ngừng của sự tự phát của chính tôi trên chúng, bằng sự chào đón hay chống đối, thích ứng hay khước

bỏ, cố gắng đi tới hay là chống lại, nói lên hay là chỉ lặng thinh. Sự phập phồng hướng tới đời sống nầy ở trong tôi, chính là cái hạt nhân trung tâm đó, mà tôi đã vừa cố gắng để mô tả nó ngay trong những từ ngữ mà mọi người có lẽ sẽ sử dụng.

Nhưng khi tôi vẫn bất chấp đối với những miêu tả tổng quát như vậy, mà chỉ bám vào các cái đặc thù, trong lúc vẫn đi tới với những trung tâm đầu não có thể là gần nhất đối với những sự kiện, *thì thật là khó khăn cho tôi để khám phá ra chính ngay trong sự hoạt động đó chỉ duy một yếu tố thuần túy tinh thần nào đó. Bất cứ khi nào mà qua một thoáng chốc nội quan của tôi, đã diễn tiến trong việc chuyển động chung quanh nó đủ nhanh, để có thể nắm bắt một cái trong những biểu hiện của tính tự phát này ngay trong sự hoạt động, thì tất cả họ đều vẫn luôn cảm thấy một cách rõ rệt là có một vài diễn tiến của cơ thể mà đối với phần lớn nhất của chúng vẫn thường xảy ra trong đầu.* Hãy tạm thời bỏ đi trong thoáng chốc đối với cái gì đó vẫn là tối tăm trong những kết quả nội quan này, và hãy để cho tôi thử xác định những tính chất đặc thù, mà đối với chính ý thức của tôi, nó vẫn dường như là hiển nhiên và rõ rệt.

Trước nhất, những hành vi như tham dự, đồng ý, phủ nhận, cố gắng, đều được xem như là sự vận động của một cái gì đó trong đầu óc. Trong nhiều trường hợp, vẫn có thể mô tả được những sự vận động này một cách hoàn toàn chính xác. Trong sự tham dự của một ý tưởng hay một cảm giác thuộc về một phạm vi cá lẻ, đặc thù nào đó, thì sự vận động đó chính là sự điều tiết của một cơ quan cảm giác, khiến cảm thấy được như là nó đang xảy ra. Tôi không thể suy nghĩ bằng những từ ngữ có thể nhìn thấy được, chẳng hạn, không thể cảm thấy một động tác bập bềnh nào đó của những áp lực, về những sự kết tập hay những sự phân định và về những sự thích ứng của các nhãn cầu của tôi. Chiều hướng mà trong đó một đối tượng được nhận biết ở đó, xác định tính cách của những sự vận động này, và cảm giác về nó đang hình thành đối với ý thức của tôi, là vẫn đồng nhất với cách thức mà trong đó chính tôi đã sẵn sàng tiếp nhận sự vật được nhìn thấy đó. Bộ não của tôi đối với tôi có vẻ có sự lóe lên chớp nhoáng theo các chiều hướng khác nhau, về một cái gì đó mà tôi ý thức ngay, khi sự chú ý của tôi đang hướng vào đó từ một cơ quan cảm giác để đi đến một cái khác, trong sự việc đi qua lần lượt các sự vật bên ngoài, hay là trong sự việc đi theo dòng chảy của mọi biến đổi của ý thức cảm giác.

Khi tôi cố gắng nhớ lại hay để suy nghĩ một điều gì, những vận động trong vấn đề này, thay vì được trực tiếp hướng ra ngoài, dường như lại từ bên ngoài được hướng ngược về bên trong, và được cảm thấy giống như một cách *rút lui* từ thế giới bên ngoài. Đến một chừng mực nào mà tôi có thể khám phá ra, thì những cảm giác này là do một sự trôi chảy, mà hiện thời đang hướng ra bên ngoài, cùng là sự hướng lên của những nhãn cầu, như thể tôi vẫn tin tưởng rằng nó đã từng xảy ra trong giấc ngủ của tôi, và là một sự đối kháng chính xác lại lùng của hành động của nó ở trong sự xác định về một sự vật vật lý. Trong khi lý luận, tôi đã tìm thấy rằng, chính tôi đã thích ứng với việc có một loại dồ hình nào đó được vị trí hóa một cách mơ hồ ngay trong đầu óc của tôi, với rất nhiều những manh mún của các đối tượng của tư duy đang được sử dụng ở những điểm đặc thù từ đó; và sự lưu chuyển trong sự chú ý của tôi từ một yếu tố nào đó của chúng đi sang những yếu tố khác, là được cảm thấy rõ rệt nhất, như là những sự chọn lựa lần lượt của những chiều hướng vận động đang xảy ra ở bên trong đầu óc.

Trong sự đồng ý và sự phủ nhận, và trong khi thực hiện những cố gắng tinh thần trong những vận động dường như phức tạp hơn, thì tôi lại thấy được là chúng khó mô tả hơn. Sự mở và sự đóng của

thanh quản luôn giữ một vai trò quan trọng trong những tác động này, và ít rõ rệt hơn là những chuyển động của đóc họng v.v.. làm đóng hẳn đi cái phần hốc ở phía sau kể từ miệng. Thanh quản của tôi là giống như một giá trị cảm nhận, nó can thiệp vào hơi thở của tôi từng lúc, vào bất cứ lúc nào khi có sự do dự tinh thần, hay khi cảm thấy khó chịu đối với những đối tượng trong sự suy nghĩ của tôi, và vì thế mà nó được mở ra nhanh chóng, để cho không khí đi vào, ngang qua cổ họng và mũi tôi, nhằm đúng lúc sự khó chịu được vượt qua. Cảm tưởng về sự vận động của luồng khí này ở trong tôi, là một yếu tố mạnh mẽ đối với cảm tưởng đồng ý. Những vận động của các bắp thịt của chân mày và ổ mắt, cũng phản ứng rất tinh nhạy đối với mọi sự biến chuyển trong sự dễ chịu hay khó chịu của cái gì đó xuất hiện ra trước dầu óc của tôi.

Trong sự *cố gắng* của bất cứ loại nào, thì những sự co thắt của những bắp thịt quai hàm cùng những bắp thịt khí quản, là để bổ sung cho những bắp thịt của lông mày và của thanh quản, và như vậy gây cảm giác giải thoát ra khỏi dầu óc một cách nhẹ nhõm, như vẫn được gọi. Nó giải thoát ra khỏi dầu óc bất cứ khi nào có sự chào đón hay sự từ bỏ về một sự vật, đều được cảm thấy rất *mạnh mẽ*. Rồi thì có một lố những cảm giác được tuông vào từ khắp nơi của cơ thể tôi, là mọi cái "biểu hiện" của sự xúc động của tôi, và những cảm tưởng ở trong đầu dúng là được nuốt chửng vào trong cái mớ rộng lớn hơn này.

Thế nên trong một ý nghĩa nào đó, có thể rất đúng khi nói rằng, ít nhất trong một người, *cái "Bản ngã của chúng ta"khi nó được xem xét một cách thận trọng, thì có thể thấy được là nó phù hợp chính yếu với việc tập hợp của những động lực đặc biệt này, ở trong đầu óc, hay là giữa đầu óc và cổ họng.* Tạm thời tôi sẽ không nói rằng đây là *tất cả* những cái gì mà nó được bao gồm trong đó, bởi vì tôi vẫn nhận thức đầy dủ là thật sự rất khó khăn như thế nào để nội quan trong phạm vi này. Nhưng tôi cũng cảm nhận được hoàn toàn chắc chắn rằng những vận động này của não bộ là những thành phần của một sự hoạt động sâu xa bên trong nhất của nó, mà tôi vẫn có *ý thức rõ rệt nhất*. Nếu những thành phần lờ mờ mà tôi không thể nào xác định rõ được, để chứng minh là nó giống với những thành phần phân biệt được trong tôi, thì tôi thích có những người khác *sẽ chứng minh chúng ta có thể cảm thấy được hoàn toàn sự hoạt động của tinh thần, hay là cái gì đó vẫn xảy ra dưới cùng một tên gọi, và thật sự là một cảm nhận được của những hoạt động thân xác, mà bản chất xác thực của chúng đã được nhiều người nhận rõ.*

Giờ thì không cần chúng ta tự khẳng định theo một cách nào đó cho sự chấp nhận giả thiết này, chúng ta hãy thẩm nghiệm lại nó trong một thoáng chốc để sẽ thấy được những kết quả ra sao nếu chính chúng có thể dẫn được chúng ta đến sự thật.

Trước tiên hết, phần dưới cùng của Bản ngã, là phần trung gian giữa những ý tưởng và những hành động mở, sẽ là một tập hợp những hoạt động sinh lý học mà không nhất thiết là cái gì khác với chính những hành động mở đó. Nếu chúng ta chia tất cả những hành động Sinh lý học đó thành *những sự điều tiết* và *những sự hành xử*, thì chính bản ngã hạt nhân kia sẽ là sự điều chỉnh vẫn được xem xét đến một cách tổng thể; và cái gì ít mật thiết hơn, nhưng tự nó lại có nhiều ý nghĩa tích cực hơn, chừng nào mà nó vẫn còn hoạt động, sẽ chính là những thái độ hành xử. Cả những sự điều chỉnh và những sự hành xử, cả hai đều phải tuân thủ theo các loại phản xạ. Cả hai sẽ là kết quả của những tiến trình cảm nhận, và ý tưởng được phóng vào, hoặc là ở trong bộ não, hay là ở trong những bắp thịt và ở trong những phần khác nằm bên ngoài. Tính đặc trưng của những sự điều tiết, sẽ là

tính đặc thù mà chúng chính là những loại phản xạ yếu nhất, ít nhất về số lượng, không ngừng hay lặp lại, cùng thường xuyên nằm ở giữa những giao động lớn, trong chính phần nội dung còn lại của đầu óc, và hoàn toàn không quan trọng, cũng không có gì thú vị, trừ khi được thông qua những việc sử dụng trong mục tiêu xa hơn, hay là ở ngay trong sự làm cản ngại trong hiện tại đối với nhiều sự vật khác nhau, cùng những hành động đi trước ý thức. Những tính chất này có thể tự nhiên ngăn chúng ta chính trong sự quan sát nội tâm, trong khi vẫn chú ý nhiều đến chúng về chi tiết. Trong khi cùng một lúc, chúng làm cho chúng ta có ý thức về chúng như là một nhóm chặt chẽ của các tiến trình, và tương phản mạnh mẽ với mọi sự vật khác bao gồm trong cả ý thức, - ngay như cả đối với những yếu tố cấu thành khác của cái "Bản ngã" vật chất, xã hội, hay tinh thần, như là trường hợp có thể có được. Chúng là những phản ứng, và chúng là những phản ứng *tiên khởi*. Và mọi cái gì kích thích chúng; bởi vì những sự vật mà chúng không có những tác động khác, sẽ trong một thoáng chốc, làm cho nhíu mày, và làm cho thanh quản đóng lại. Như thể tất cả mọi cái gì mà đến viếng thăm đều phải đứng để xem xét một lối vào, và tất hẳn phải chường mặt ra, để hoặc giả là được chấp nhận, hay là bị đuổi về. Những phản ứng sơ khởi này, cũng giống như việc mở hay đóng cánh cửa. Trong những sự biến chuyển tâm lý, chúng là cái cốt lõi thường xuyên, của việc quay tới hay là quay lui ra, của việc cung ứng, và việc ngăn chặn, mà nó tự nhiên dường như là trung tâm, và ở bên trong, trong sự so với những vấn đề ở bên ngoài, *mà qua đó* nó diễn ra, và vẫn giữ một loại vai trò điều giải, hay vị trí quyết định, và hoàn toàn không giống với cái đã được nắm bắt bởi các yếu tố cấu tạo này, hoặc là khác của Tôi. Thế nên chẳng phải ngạc nhiên gì, rằng nếu chúng ta vẫn cảm thấy chúng như là nơi phát sinh các kết luận, và là điểm xuất phát của những hành vi, hay là chúng thường đi tới việc biểu hiện như cái gì đó mà chúng ta gọi được là một sự thoáng quay trở về cùng với cái "phạm vi nằm bên trong của lãnh địa" của chính đời sống cá nhân của chúng ta.

Nếu thực sự chúng chính là cái lãnh địa sâu thẳm nhất, là *cái sâu thẳm tận cùng* của mọi cái bản ngã của chúng ta, mà đối với chúng, chúng ta luôn luôn có thể kinh nghiệm trực tiếp được, thì có thể đi tới việc xác định là *tất cả* các cái đó là được kinh nghiệm, và được xem xét một cách chặt chẽ, *khách quan;* rằng sự khách quan này nhất thiết phải rơi vào một trong hai phần đối ngược nhau, mà một thì được nhận thức như "Bản ngã", còn cái kia thì như là "Không phải là bản ngã"; và điều đó vượt xa hẳn tất cả những phần nào mà không *có* cái gì đó được dành riêng ra cho sự kiện là chúng có được biết tới, sự kiện của dòng tư tưởng, mà ở đó như thể là một điều kiện chủ quan cần thiết của bản thể của chúng, được kinh nghiệm qua cả thảy. Nhưng *điều kiện* này của kinh nghiệm, vẫn không phải là một trong *những sự vật được kinh nghiệm* vào lúc đó; cái biết này không phải ngay lập tức là *được biết* tới. Nó chỉ được biết tới trong sự suy nghĩ tiếp sau đó. Nên thay vì là của dòng tư tưởng mà nó đang là một của cái *đồng-ý* thức, sự "suy nghĩ về sự tồn tại của nó, cùng với cái gì đó khác, mà nó đang suy nghĩ" (như Ferrier nói), có thể tốt hơn nên được gọi là một dòng chảy của *ý thức* thuần khiết và đơn thuần là sự vật đang suy nghĩ về cái gì đó của nó, làm cho nó là cái gì đó vẫn được gọi là một cái "Tôi", và chỉ có ý thức về cái Bản ngã "thuần túy" đó, nói một cách trừu tượng, giả thiết là ý niệm. Mỗi "khu vực" của dòng chảy đó, do thế mà chỉ là một chút ý thức hay chút hiểu biết của loại này, bao gồm và được chiếm ngắm cái "tôi" của nó, và cái "không phải tôi" của nó, như những sự vật mà nó kết thành một chuỗi tồn tục đó, ở cùng nhau,

nhưng không phải là được bao gồm và được chiêm ngắm chính cái chủ thể tính của nó. Ý thức đang được nói tới ở đây, chính là *Nhà tư duy*, và sự hiện hữu của nhà tư duy này, có thể mang lại cho chúng ta như một tiền đề luận lý, hơn là một ý niệm sâu thẳm trực tiếp ở bên trong của hoạt động tinh thần đó mà nó được tự nhiên tin tưởng như là chính chúng ta có nó. "Vật chất" vẫn như là một cái gì đó nằm ở đàng sau các hiện tượng vật lý, là một định đề thuộc loại này. Giữa vật chất đã được định đề hóa, và Nhà tư duy đã được định đề hóa, thì cái lớp hiện tượng có thể nhún nhẩy, là một cái gì đó ở trong chúng (như những thực tại) vẫn cứ lưu tồn hơn so với vật chất, và những cái khác (tưởng tượng, ý kiến, và sự nhầm lẫn) vẫn lưu tồn hơn là một Nhà tư duy. Nhưng *ai* có thể là *Nhà tư duy*, hay là làm thế nào để phân biệt được Nhà tư duy, như chúng ta có thể giả định được trong vũ trụ, tất cả sẽ là những chủ đề cho các sự truy vấn siêu hình học sau này...

Hiện thời.. kết luận độc nhất mà tôi có thể đưa ra, là như thế này: Rằng (ít ra là trong một số người) cái phần của Bản ngã sâu thẳm nhất, mà nó còn được cảm thấy sinh động nhất, được lộ ra, là sự cấu thành của chính phần thiết yếu nhất của tập hợp những vận động của bộ não, trong sự "điều tiết" mà nó còn thiếu sự chú ý và suy nghĩ phản tỉnh, thường không thể nhận ra được, và được xếp vào như cái gì đó mà chính chúng có sự hiện hữu; và vượt lên trên hết tất cả những điều này, với một sự cảm nhận lờ mờ về một cái gì đó hơn nữa, hay không phải là cái gì đó khách thể thêm nữa, nhưng lại đúng một chủ thể tính là như thế đó, của tư duy đã trở thành "đối tượng của chính nó", hiện giờ phải được bảo lưu cho một câu hỏi mở, - giống như câu hỏi là phải chăng đó là một bản thể linh hồn vẫn hoạt động mà không thể phân chia, hay cũng là vấn đề phải chăng nó chính là nhân cách của chủ thể Tôi, hay là cái gì đó khác của sự dự đoán, mà còn có một cái gì đó khác có thể là bản chất của nó.

29

Bại ngã ✣

JOSIAH ROYCE

(1855 - 1916)

Thuyết Duy tâm có hai phương diện. Phương diện thứ nhất là một loại phân tích về thế giới, một sự phân tích mà nói cho cùng thế giới đó không có tính chất tuyệt đối gì cả, nhưng nó nỗ lực theo một phương cách có thể chấp nhận được đối với bất cứ một nhà hoài nghi nào nhằm xem xét về cái gì bạn muốn ám chỉ về tất cả mọi sự vật, cho dù chúng có là gì đi nữa, mà chính bạn đã tin tưởng hay là đã kinh nghiệm được. Sự phân tích bằng tư duy này, chỉ có là việc nhằm chỉ ra, bằng các cách thức khác nhau, rằng thế giới mà chúng ta hiểu biết, cho dù nó có chứa đựng điều gì xuyên suốt và xuyên suốt về mặt chất liệu như thế mà những ý tưởng đã được tạo thành, và cho dù là bạn không bao giờ tin tưởng vào một cái gì đó xác định trong đời sống của bạn, *nhưng* chính những ý tưởng mà như Berkeley đã đưa ra, là "điều chọn lựa tổng thể này của bầu trời và sự cung cấp của trái đất", cũng chẳng là gì cả cho bất cứ một ai trong chúng ta, nhưng chính là một hệ thống của những ý tưởng mà chúng vẫn cai quản các niềm tin và những hành vi của chúng ta. Quan niệm duy tâm như thế đó, có nhiều sự khẳng định, lý giải, minh họa... Và trong khía cạnh này, quan điểm duy tâm đã từng làm bối rối phần nào đối với ý thức tự nhiên của chúng ta, nhưng nó cũng đã nhanh chóng trở thành quen thuộc trong thực tế của hầu hết mọi nơi, và dường như cuối cùng, nó đã biến đổi niềm tin thực tiễn của chúng ta, còn việc giải quyết những vấn đề sâu xa hơn của chúng ta vẫn rất ít.

Khía cạnh khác của chủ nghĩa Duy tâm, là một nội dung mà nó mang lại cho chúng ta khái niệm của chúng ta về cái Ngã tuyệt đối. Đối với nó cái đầu tiên mới chỉ là chuẩn bị...

Tôi bắt đầu với khía cạnh thứ nhất và ít mang ý nghĩa hơn cả của quan niệm duy tâm. Tôi cho rằng thế giới của chúng ta cho dù có thể chứa đựng điều gì đi nữa, thì nội dung của nó như vậy cũng chính là những ý tưởng được tạo thành. Loại chuẩn bị này của quan điểm duy tâm là một loại mà như tôi đã gợi ra, chính Berkeley đã cao hơn ai

✣ Phần lớn của Chương XI trong tác phẩm *Tinh thần của Triết học hiện đại (1892)*.

hết, và cũng theo một cách thức khá quen thuộc. Tôi đã phải nhắc lại nó trong tính cách của chính tôi, mặc dù người ta có thể sẽ tìm tòi vô ích nhằm đạt tới một cái mới trong việc hình dung ra nó như vẫn được dùng để mô tả một quan niệm.

Thế thì ở đây, nó là thế giới thực tại của các giác quan của chúng ta, đầy cả ánh sáng, và sự ấm áp cùng âm thanh. Nếu có một cái gì đó mà chắc chắn có thể là ở bên ngoài, và chắc chắn là cái trước hết cần phải được nói đến, thì đó là chính thế giới này. Những sự kiện chắc thực, không phải thuần túy là những ý tưởng, thì chúng gặp được ở mọi nơi. Còn những ý tưởng thì bất kỳ ai cũng có thể uốn nắn nó nếu họ muốn như thế. Những sự kiện thì không phải là như vậy. Trong ý tưởng xã hội chủ nghĩa, người ta có thể mơ mộng điều không tưởng; còn những người yêu bị thất tình thì có thể tưởng tượng ra là chính họ đã thành công; những kẻ ăn mày vẫn có thể tưởng tượng như mình đi ngựa; những người lang thang vẫn có thể tưởng tượng mình đang ngồi bên bếp lửa trong gia đình. Trong thực tế của những sự kiện xã hội, vẫn là sự tự tổ chức nó như là nó phải có; loại ra những người yêu đương tiêu biểu cho thời khắc họ đang bị thất vọng, những kẻ ăn xin chỉ có một mình họ với những mong muốn của chính họ, và biến cả thì cứ cuồng xoay giữa nhà ở và người đang sống lang thang. Thế nên thế giới của các sự kiện thì nói cho cùng cũng chẳng phải vẫn hoàn toàn cứng đầu hay cũng không phải chỉ đầy khó khăn. Ý chí kiên cường vẫn có thể uốn nắn lại được những sự kiện. Chúng ta vẫn có thể định hình được thế giới của chúng ta, phần nào phù hợp với những ý tưởng của chúng ta. Những nhà chính trị muốn làm ảnh hưởng tới trật tự xã hội, những người yêu nhau thì cố gắng tranh thủ đối tượng của mình, những người lang thang cuối cùng rồi cũng tìm được mái ấm cho mình. Nhưng nếu như thế, để biến đổi thế giới, chúng ta phải làm việc, và chính vì người lao động vẫn có giá trị đối với công việc của mình, nên thế giới thực sự cũng cần phải được ổn định, nhằm giúp cho chúng ta có thể tham dự vào những sự kiện nào mà chúng sẽ được bền lâu, và để thấy được rằng những công việc của chúng một khi mang lại kết quả. Cho nên điều này chính là tiền đề của đời sống, rằng chúng ta làm việc trong thế giới thực tại, nơi mà nó vẫn không cho phép chúng ta bị tan ra thành những mộng ảo, nhưng là khiến chúng ta bị buộc phải trụ lại trước bao nhiêu cơn bão tố trong cuộc đời, và chỉ thế mới có thể cảm thấy được sự chắc chắn. Chúng ta không thể mong muốn chỉ tìm thấy được những sự kiện hoàn toàn dễ dãi; chúng ta muốn chúng phải cứng rắn, và không chỉ sự cứng rắn mà còn phải có sự quyết liệt. Ý chí của chúng ta phải luôn kết hợp cùng với thế giới như thế nào đó, tùy theo nếu thế giới vẫn tiếp tục bày tỏ một khía cạnh nào đó đối với ý chí, ý chí phải chấp nhận sự phấn đấu trong sự thích nghi với nó. Sự giao hỗ với thực tại trong thế giới này, và do thế mà bạn phải chấp nhận để sống, và phải sống sao cho hết mình.

Tuy nhiên thực tại thế giới một khi đã được xác định như vậy trong tính cách cứng cỏi của nó, sự cứng mạnh mà ý chí phải chấp nhận thử thách để phù hợp với các quy luật của nó, nhằm hái được các thành quả lao động của nó - thực tại như thế, tôi cho vẫn là cái gì đó mà nó hoàn toàn không thể phân tích được. Trong cái gì mà sự cứng rắn là chủ yếu? Chắc chắn là luôn có nhiều loại khác nhau của thực tại, mà nó vẫn dường như là nhất thiết như thế. Vấn đề là tính nhất thiết đó mạnh mẽ chống đối lại chúng ta, hay chính những dãy núi cao lại là sự thử thách cho những người khám phá. Nhưng tinh thần cũng có thể cứng mạnh như thế. Chỉ những người lang thang là nhìn bờ biển cùng với những làn sóng tuôn tràn vào giữa anh ta và quê nhà anh ta, để nói rằng đó là những

sự kiện ghê gớm, những vách ngăn vật chất thật sự, mà chỉ bởi chúng *là* vật chất mà không phải là các ý tưởng, nên mới là những kẻ thù không thể chống lại được của tấm lòng nhớ thương quê nhà. Anh ta nói, "Mong thay tôi rất muốn được gần với những người thân yêu của mình, nhưng than ôi, những mong muốn đó không thể nào thắng nổi đại dương! Những đại dương đó chính là những sự kiện vật chất, ở trong thế giới lạnh lẽo bên ngoài. Mong sao cho hết thảy thế giới này được có niềm sưởi ấm cho tâm hồn!" Nhưng than ôi! khi đối với một người yêu bị ruồng bỏ, thì thế giới của con tim *là* tất cả, và chính đó là những gì mà anh ta thật sự buồn lo. Có thể nào vách ngăn cách giữa anh ta và người yêu của mình chỉ được làm bằng những sự kiện vật chất cứng đầu đó thôi ư, hay chỉ có những bức tường thành của các đại dương, và làm thế nào mà anh ta có thể phiêu bạt để vượt lên tất cả chúng! Vật chất luôn cứng đầu! Thiên nhiên cả bên ngoài là hung dữ, là kẻ thù của những ý tưởng! Thế nên đó đúng là một ý tưởng, mà giờ đây đang đối chọi lại với anh ta, - chỉ có một ý tưởng và nó cũng ở trong đầu óc của cô gái mà anh ta thương yêu. Nhưng chỉ là vô ích khi anh muốn gọi chút cứng cổ này của sự khinh thị như một sự kiện chỉ mang tính cách ý tưởng. Không bao giờ có một chút dấu vết nào lại được xác định trong việc gìn giữ sự đồng nhất của nó và các khía cạnh của nó, hơn là sự khinh miệt có thể có được này. Thế nên hãy để tôi tạm thời trong một lúc đi vào trong thế giới ngoại vật chỉ hoàn toàn gồm các ý tưởng, - các ý tưởng, hay đúng hơn là của những người khác về tôi, một thế giới của những cô nàng hầu hẳn là sẽ bực tức với tôi, với những người bạn xưa mà họ sẽ thấy tôi dễ ghét, của những thiên thần sẽ kết tội tôi, của Thượng Đế là người sẽ phán xử tôi. Trong cái gì đó thật tê buốt của những cơn gió bấc, giữa những cánh đồng tuyết nào đó giá lạnh, trong những hố thẳm mịt mùng nào đó của những cánh rừng già, trong những chiều sâu thẳm nào đó của những ngục tối âm u, trên những bờ vực của những hố thẳm rơn người, tôi cũng còn thích hợp hơn với sự hiện diện của những sự kiện cứng đầu và ngoan cố, hơn là trong thế giới của các ý tưởng đã được nhận thức ra đó! Thế thì, như người ta thấy được, tôi hoàn toàn không bị tước bỏ khỏi thế giới thực tại luôn cứng đầu của tôi, nếu tôi chỉ gọi nó là một thế giới của những ý tưởng. Trái lại, như mọi thầy giáo đều biết. những ý tưởng của mọi người vẫn thường là những sự kiện khó nhất để có thể bị ảnh hưởng tới. Do thế mà chúng ta vẫn nhầm lẫn khi chúng ta nói rằng trong khi vật chất luôn ươn ngạnh thì các ý tưởng có thể bị chiều theo sự thích thú. Các ý tưởng thường là những sự kiện không thể du dỉ được. Ngay cả chính những ý tưởng của tôi, những sự kiện của chính đời sống nội tâm của tôi, cũng thật sự hoàn toàn có khuynh hướng dễ dàng thuận theo sự mong muốn của tôi. Ý chí ác độc sẽ không dễ bị hủy hoại, - điều gì mà tảng đá vẫn hay thường cưỡng lại đối với các giác quan của chúng ta một cách kiên cường, hơn chính là ý chí này mà nội tâm chúng ta vẫn luôn thấy được! Đức vua trong chính lời độc thoại của mình trong tác phẩm "Hamlet"_ trong đó một thế giới ngoan cố của những sự kiện thật sự cứng cỏi, đã không hề chuyển động! và thế là giờ đây chúng chỉ là những sự kiện nội tâm. Lầm lỗi đã đi qua; và ông ta đang một mình với lương tâm của ông ta.

Cái gì là còn lại?

Hãy cố mà hối hận đi, khi nào người ta không thể hối lỗi?

Ôi điên đảo làm sao! Ôi đen tối làm sao!

Ôi linh hồn khốn ải, đang đấu tranh để thoát ra khỏi,

Còn cách nào đi sâu hơn!

Không, đây là những rào cản tệ lậu, hơn bất cứ những xiềng xích vật chất nào. Thế giới các ý tưởng có những ngục tối và những vực sâu thẳm khủng khiếp của chính nó. Hãy để cho những ai đã từng phản bác quan điểm duy tâm của vị Giám mục Berkeley thật sự ngạc nhiên là tại sao ông ta lại không đi ngang qua một bờ vực thẳm, hay đi vào trong mỗi ngọn lửa nếu những sự vật này thực sự chỉ tồn tại trong các ý tưởng của ông ta; như thế tôi muốn nói trước hết là hãy thử một vài bờ vực hay vài ngọn lửa nào đấy, và những bờ vực ở trong đời sống nội tâm, kể cả khi họ cả quyết rằng những nguy hiểm kia không còn là những nguy hiểm nữa, ngay cả khi nào chúng được gọi là ý tưởng, hay ngay cả ý tưởng đó có tính cách chủ thể tính trong tôi.

Nhiều loại thực tại, mà có thể là sự hiện hữu ngay tại trung tâm của bất cứ thế giới các sự kiện nào. Nhưng cái thế giới cảm tính xinh đẹp và tươi sáng của chúng ta, - cái gì đó trong số những loại thực tại có thể có này, để làm hiện thực những cái đó? Có phải là những ngôi sao và những đại dương, những bức tường và những bức tranh, và sự thực hữu như là con tim của nàng hầu gái là hiện thực, - là hiện thân của ý tưởng của ai đó, nhưng lại chẳng có gì khác hơn là chút ít thực tế cứng cỏi hơn đối với điều đó sao? Hay là chúng ta có thể làm một điều gì đó khác của chính thực tại của chúng? Dĩ nhiên bởi vì rằng những ngôi sao và những đại dương, những bức tường và những bức tranh, vẫn luôn có một loại thực tại cứng đầu *nào đó*, cũng giống như đầu óc của những người đồng hành của chúng ta, sự phân tích của chúng ta đến mức độ nào đó mà trong một thoáng có điều suy nghĩ về sự chối từ. Vấn đề hiện tại của chúng ta lại là loại thực tại nào? Nên chỉ xem xét trong chi tiết, một số mặt của thực tại, dường như luôn được điển hình hóa trong thế giới cảm giác của chúng ta. Sự cao cả của bầu trời, cuộc sống và sự vĩ đại của đại dương, sự thú vị nơi một bức tranh, - thì những điều này thuộc về các loại thực tại nào? Hiển nhiên là ở đây chúng ta cũng sẽ không những có vấn đề gì. Chừng nào mà thế giới cảm giác là đẹp đẽ, là hùng vĩ, là cao cả, thì vẻ đẹp và giá trị này của nó mới cần cho người quan sát đánh giá. Nếu sự tồn tại của chúng vượt lên trên anh ta, thì chúng chỉ nhằm hiện hữu cho một đầu óc nào đó, hay chỉ vì tư tưởng và mục tiêu hiện thân của linh hồn phổ quát nào đó của tự nhiên. Một người chỉ nhìn thấy trong một thế giới, nhưng nếu người đó không có con mắt mang tính thần tiên của nó, cũng sẽ tìm thấy mọi sự kiện có thể nhìn thấy được, nhưng sẽ không nhận ra được một giá trị nào của cái gì đó của chúng. Nên lập tức sự cao cả và vẻ đẹp của thế giới, do thế cũng là những sự thật, mà một người có ý hướng có thể nhận thấy ra được nó từ bên trong, và chúng là những sự thật, mà lại không mang một ý nghĩa nào, trừ khi đối với một người đã sẵn có một đầu óc như thế, hay giống như một sự hiện thân trong tư tưởng của chính tinh thần của thế giới. Vì thế, nên ở đây, ít nhất chúng cũng nhiều như thế giới bên ngoài, đó là các ý tưởng, giống y như những đồng tiền hay các viên đá quý, hay là các tờ ngân phiếu, hay là những tờ cổ phiếu có giá trị của nó, không phải duy chỉ ở nơi bề ngoài vật lý của nó, nhưng là ở trong ý tưởng mà nó đại diện, đối với tinh thần của người chủ sở hữu của nó, hay là đối với tư tưởng phổ quát một cách tương đối của thế giới thương mại. Nhưng chúng ta hãy xem xét sâu hơn một chút. Chắc chắn là nếu những đối tượng sự vật vượt lên trên đó, là không mang ý tưởng, và chỉ nằm bên ngoài của mùi hương, xúc giác, cũng như nhiệt độ, là không hiện diện trong những sự vật này đúng theo như cách thức mà chúng hiện hữu trong chúng ta. Về sự hiện hữu của những đặc tính này, thì nếu không phải là tất cả, ít nhất cũng có phần nào đó thuộc ý tưởng,

và là hiện hữu trong chúng ta, hay nói đúng hơn nữa, đó là hiện thân của tư tưởng hay của mục đích tinh thần thế giới nào đó. Về các cảm nhận thì có thể tranh cãi, bởi vì chúng không chỉ là các ý tưởng, mà còn là năng lực của các cá nhân. Bởi vì đối với một cái lưỡi bị tê và cái đóc họng đang bị nhiễm bệnh, thì tất nhiên là không thể có cảm giác. Như đối với nhiệt độ chẳng hạn, kinh nghiệm vẫn thường chứng tỏ cho thấy là trong cùng một chậu nước, mà có thể lạnh hơn, hay nóng hơn, là còn tùy người này hay người khác. Nhưng ngay cả các màu sắc và âm thanh, thì ít nhất một phần nào cũng thuộc về các ý tưởng. Những nguyên nhân của chúng cũng có thể có là một loại thực tại nào đó; nhưng chính những màu sắc thì không phải chỉ ở nơi những sự vật, bởi vì chúng thay đổi với ánh sáng chiếu vào các sự vật, và sẽ mờ nhạt đi ngay trong bóng tối (trong khi các sự vật đó vẫn không hề thay đổi), và cũng còn khác nhau do các mắt nhìn khác nhau. Và đối với âm thanh, về cả cao độ và sắc độ, cũng vẫn phụ thuộc vào chúng ta trên một số các đặc tính liên quan nào đó của chính bộ phận tai nghe; còn sự hiện hữu trong thiên nhiên, thì sẽ như không có tiếng nói, nếu không có sóng âm thanh rung lên xuyên qua không khí. Tất cả mọi đặc điểm cảm giác như thế, đều mang tính chất của ý tưởng. Thế giới vượt lên trên đó, có thể - đúng là phải - có các thuộc tính mà chính nó mang lại cho lý trí, khiến cho tại sao chúng ta cảm thấy được là những tính chất này như thế; bởi vì chính như thế mà chúng ta kết luận. Thế giới phía bên kia nó, ngay cả có thể là một tinh thần, mà qua đó biểu hiện ý chí của nó cho chúng ta. Nhưng những tính chất này, do vậy mà không cần và cũng không thể giống với những ý tưởng đã tạo ra trong chúng ta được, trừ phi trong thực tế là thực sự như thế, bởi vì những tính chất này có vị trí như những ý tưởng ở trong một tinh thần thế giới nào đó. Những sóng âm thanh trong không khí, là không giống với những cảm biết về âm nhạc của chúng ta; nó cũng không phải là bản hòa âm mà chúng ta nghe được và cảm thấy được nó theo một tính chất Vật lý học nào đó của những dây đàn cùng những nhạc cụ thổi; đó cũng chẳng phải là những rung động của khí ether do từ mặt trời phóng đến chúng ta, giống như những ý tưởng của chúng ta mỗi khi chúng ta nhìn thấy mặt trời; và nó cũng chẳng phải như là ánh trăng đang sóng sánh trên mặt nước, như chúng ta nhìn thấy sự trực tiếp thể hiện đó qua những đợt sóng thật sự của những chuyển động hiện thời của chất lỏng là nước biểu hiện chúng.

Cho nên trừ khi nào thế giới của thực tại vật lý bị vượt lên trên, tự nó chính là hiện thân của những ý tưởng của một tinh thần thế giới nào đó mà nó đang được gởi đến cho chúng ta, trừ khi nó thực sự giống như con tim của người hầu gái, hay nói đúng như thế chính nó là tư tưởng, có ý thức, còn chúng ta thì chẳng có điều gì hơn là một kết quả: thế giới thực tại (được lặp lại như một trong những vị trí phổ biến của nền khoa học đại chúng hiện nay) là nếu chính nó bị tách biệt khỏi mắt thấy, lưỡi nếm, tai nghe, và xúc giác của một người nào đó, thì cũng chẳng còn là màu sắc, cũng chẳng còn là vị giác, cũng chẳng còn là các cảm giác nóng hay lạnh, cũng chẳng còn là ánh sáng hay bóng tối, cũng chẳng phải là âm nhạc hay sự yên lặng nữa. Tất cả những tính chất này đều thuộc về các ý tưởng của chúng ta, do thế mà không có một sự kiện nào lại ít thích đáng hơn thế, nhưng quả thật nó đúng là nằm trong các sự kiện thuộc ý tưởng của chúng ta. Chúng ta luôn phải nhìn thấy các màu sắc khi chúng ta nhìn, chúng ta luôn phải nghe thấy tiếng nhạc khi có người chơi đàn bên cạnh chúng ta; nhưng điều này hẳn *phải* là một ý tưởng ở trong chúng ta và trong những điều kiện nào đó. *Rằng* ý tưởng

này phải xâm nhập vào, như một sự thật không thay đổi được, và một lần nữa giống như sự hối hận của nhà vua trong tác phẩm Hamlet. Nhưng cũng giống như sự hối hận này, lại còn có một sự thật trong ý tưởng nữa, nó là khách quan, nhưng lại xuyên suốt qua đối tượng *cho* ai đó, và cũng *không phải là ở xa* hẳn đối với một người nào đó. Điều gì mà sự thật này bao hàm, chúng ta đã được nhìn thấy. Và càng như thế, nó chỉ là một sự thật trong ý tưởng mà một người nào có nó; và thật sự đúng là khả năng, mà bên sau nó, ở đó tất cả chính là ý tưởng của tinh thần thế giới. Và trong thực tế, chúng ta cần càng phải cùng nhau đi xa hơn thế nếu chúng ta có suy nghĩ.

Nhưng giờ đây chính điểm này mà các nhà duy tâm theo học thuyết Berkeley đã đi tới một bước xa hơn. Thế giới thực tại bên ngoài vẫn còn chưa được cắt nghĩa hết và chưa được phân tích sâu về đẹp của nó, sự ấm áp của nó, màu sắc của nó, mùi vị của nó, và âm thanh của nó, đã được thích ứng theo thực tại những chân lý của ý tưởng, và cái gì mà bạn muốn ám chỉ nó là có mang *ý nghĩa* bởi vì bạn gọi nó là thực? Chẳng phải nghi ngờ gì rằng nó *đã* được biết là có thật như thế nào, nhưng *cái gì* là thực tại trong tính cách như nó *đã được biết* trong sự tồn tại? Nếu bạn đã biết rằng thế giới này hiện đang tồn tại ở đây và ở ngoài kia, như trong giả thiết mà bạn biết, bạn sẽ nói rằng *cái gì* đó có tính chất bề ngoài này là được bao gồm trong tư tưởng của bạn. Và ở đây bạn hẳn phải bối rối. Có phải chính thế giới bên ngoài, như nó hiện diện ở bên ngoài các ý tưởng của bạn, hay là của ý tưởng của một người nào đó khác, là một cái gì đó có hình dạng, lấp đầy quảng không, có tính cứng đặc, và đầy mọi sự vật vận động? Rồi trước hết, nó có vẻ như là hiển nhiên. Âm thanh không ở bên ngoài tai của tôi, nhưng những làn sóng âm như bạn bảo, nó nằm ở đây. Những màu sắc là những sự kiện của ý tưởng; nhưng những sóng ether thì không cần một đầu óc nào để biết chúng. Sự ấm áp là một cái thuộc về ý tưởng, nhưng sự kiện vật lý mà ta gọi nó là nhiệt độ, sự vận động qua lại của những phân tử này là có thật, mà nó hoàn toàn không phụ thuộc vào một đầu óc nào cả. Nhưng còn điều này nữa, là phải chăng chính nó *là* hiển nhiên? Điều gì mà tôi muốn *ám chỉ* bởi hình thể của một cái gì đó, hay bởi kích thước của một cái gì đó? Chẳng phải là tôi muốn nói tới ý tưởng về hình dạng, hay là kích cỡ mà tôi bắt buộc phải đưa vào một số điều kiện? Điều gì là ý nghĩa của bất cứ tính cách nào mà tôi cho nó chính là thực tại ở ngoài thế giới? Làm thế nào mà tôi biểu hiện tính chất đó, trừ phi là trong trường hợp mà tôi suy nghĩ nó trong những nội dung của ý tưởng của tôi? Bởi vì đối với những sóng âm và những sóng ether, thì chúng là cái gì đó mà nếu đó không phải là những sự vật của ý tưởng đã được nhận thức để cắt nghĩa bằng những sự kiện thiên nhiên? Những ý niệm là hẳn nhiên có các chân lý của chúng, nhưng đó là một chân lý trong ý niệm. Điều gì mà tôi muốn bày tỏ khi nói rằng những sự vật siêu vượt nó, có hình thể và kích cỡ, và những phân tư rung động; và rằng có không khí, với những sóng âm thanh, và có ether với những sóng ánh sáng trong nó, - điều gì mà tôi *có ý nói* là bởi tất cả những điều này, mà kinh nghiệm bó buộc trên tôi, trực tiếp hay gián tiếp, một hệ thống rộng lớn các ý niệm, và nó thật sự có thể được tìm thấy ở trong sự thật siêu vượt lên trên tôi, mà trong thực thế nó *phải* được tìm thấy trong sự thật, nếu kinh nghiệm của tôi có một ý nghĩa nào đó, nhưng nó cũng giống những ý tưởng của tôi về các màu sắc và về sức nóng, là những biểu hiện đơn giản của việc làm như thế nào mà một trật tự thế giới được hiện ra trước tôi, và cũng cho một người nào đó được cấu tạo giống như tôi. Trên hết, chính là sự đơn giản này đối với không gian. Những

sự vật có thật, theo tôi nghĩ, thì nó ở ngoài tôi, lấp đầy khoảng không, và có sự vận động ngay bên trong nó. Nhưng điều gì mà tôi muốn ám chỉ về quãng không? Chỉ là một hệ thống rộng lớn các ý tưởng do tôi kinh nghiệm được, và bởi chính tinh thần của tôi bó buộc chúng trên tôi. Chắc hẳn là các ý tưởng này phải có một giá trị của chúng. Chúng vẫn hàm chứa cái giá trị *này,* là đối với tất cả các sự kiện mỗi khi tôi nhìn ra thế giới bên ngoài, tôi đều phải bó buộc nhìn thấy chúng ở trong không gian, cũng hoàn hoàn giống như vị vua trong tác phẩm Hamlet, khi ông ta nhìn vào bên trong thì thấy chính ông ta bị phạm tội mà không thấy hối hận. Nhưng ngay cả khi đó, sự phạm tội của ông ta chỉ là một ý tưởng, - một ý tưởng táo bạo, cương quyết, tràn ngập, - nhưng vẫn cũng chỉ là một ý tưởng, cũng giống như thế trong không gian, trong đó tôi đặt thế giới của tôi vào một ý tưởng nghiêm chỉnh lớn của tôi. Rằng đó đúng là điều tại sao tôi có thể miêu tả nó cho những người khác. "Nó có ba chiều kích", mà theo tôi, là "chiều dài, chiều rộng, và chiều sâu". Tôi miêu tả từng cái đó. Tôi tạo thành, bao quát, và xây dựng một ý tưởng về nó, xuyên qua chúng. Tôi biết không gian như một ý tưởng rất rõ ràng. Tôi có thể kiến tạo mọi loại sự thật mà không cần nhìn thấy về các mối liên hệ của các thành phần của nó. Tôi chắc chắn rằng bạn cũng làm thế, chia sẻ ý tưởng này. Nhưng rồi đối với tất cả chúng ta, nó cũng luôn là một ý tưởng như nhau; và khi tôi đặt thế giới của chúng ta vào trong không gian, và tôi gọi nó là một thực tại ở đó, chúng ta vẫn chỉ đơn giản nghĩ ra một ý tưởng để đi vào một ý tưởng khác, không phải như ý mong muốn, để được chắc chắn, nhưng là điều không thể tránh được, và do thế mà nó không hề tách rời những thực tại của các ý tưởng.

Do thế tất cả mọi thực tại *chúng ta* gán cho thế giới của chúng ta, tới chừng mực nào đó mà *chúng ta* biết, và có thể nói về cái gì mà chúng ta có ý muốn nói, nó trở thành mang tính ý tưởng. Thực tế là có một hệ thống nào đó những ý tưởng, đã bị bó buộc trên chúng ta bởi kinh nghiệm, mà chúng ta sử dụng chúng như sự hướng dẫn cho các hành vi của chúng ta. Hệ thống này của các ý tưởng, mà chúng ta không thể thay đổi được bởi ý muốn riêng của chúng ta, nó tràn ngập đối với chúng ta như một sự kiện, giống như sự phạm lỗi, hay như sự mang vác cố từ những người người đồng loại của chúng ta, hướng tới chúng ta, nhưng chúng ta biết dù thế nào, nó cũng chỉ *như* một hệ thống các ý tưởng kiểu như thế. Và chúng ta gọi đó là thế giới của vật chất. John Stuart Mill từng diễn đạt rất tốt sự rối rắm của các sự vật một cách toàn diện; như giờ đây chúng ta cũng đã đạt đến được việc xác nhận về tính rối rắm này, khi chúng ta gọi vật chất là một đám "những khả thể tính thường xuyên của kinh nghiệm" vẫn có được đối với mỗi người chúng ta. Định nghĩa của Mill có chỗ sai lạc của nó, nhưng đó lại là một khởi dầu rất tốt. Bạn biết vật chất như là cái gì đó mà nó hoặc mang lại cho bạn một ý niệm hay kinh nghiệm này, hoặc là nó đem tới cho bạn một ý tưởng nào đó khác, hay là các kinh nghiệm trong những điều kiện khác. Một ngọn lửa trong khi nó đang cháy, đối với bạn là một khả thể tính thường xuyên, hoặc chính nó cho bạn một ý tưởng về hơi ấm dễ chịu, hay cho một ý tưởng về sự nóng rát khó chịu, và bạn sẽ xử sự tùy theo đó. Một hố sâu ở giữa hai ngọn núi, lại một khả thể tính thường xuyên của kinh nghiệm của bạn về một sự rơi xuống, hay về việc bạn có cảm tưởng về sự kích cảm, hay về sự hùng vĩ giữa cảnh trí núi non. Hiện tại, bạn chưa có kinh nghiệm về những vùng nhiệt đới hay những vùng cực, nhưng cả hai loại khí hậu của vùng nhiệt đới và vùng cực, thì chúng vẫn tồn tại trong thế giới của các bạn, như là một khả thể tính thường xuyên của kinh nghiệm. Khi bạn bảo mặt trời ở cách xa trái đất chúng ta

92 triệu dặm, là bạn muốn nói rằng ở giữa bạn và mặt trời (tức giữa kinh nghiệm hiện tại và kinh nghiệm khả thể về bề mặt mặt trời) là tất yếu nằm trong tình trạng thực sự không thể nào tới được, nhưng có một loạt các con số có thể nhận thấy được của những kinh nghiệm về quãng cách, được thể hiện bởi các con số của những dặm đường có liên quan. Nói chung, thái độ tổng thể của bạn đối với thế giới thực tại, có thể được tóm tắt bởi câu nói như sau: "Tôi đã có những kinh nghiệm mà giờ đây tôi dường như vẫn bị ràng buộc, những kinh nghiệm về màu sắc, âm thanh, và tất cả những cái còn lại, của những ý tưởng hiện nay của tôi; và tôi cũng bị ràng buộc vào cả những kinh nghiệm mà tôi tin tưởng trong các trường hợp tôi đã làm một vài sự việc nào đó (chẳng hạn như đã sờ vào bức tường, đi du lịch vùng nhiệt đới, đến thăm châu Âu, nghiên cứu vật lý học), và rồi tôi có được chúng trong một trật tự xác định, phụ thuộc hoàn toàn vào *điều gì* mà tôi đã làm, cùng một số kinh nghiệm nào đó (chẳng hạn, những kinh nghiệm về sự chắc chắn của bức tường, hay khí hậu của vùng nhiệt đới, hay những cảnh trí của chuyến du lịch châu Âu, hay của những sự kiện vật lý học)". Và sự tiếp nhận này của kinh nghiệm hiện có, niềm tin trong kinh nghiệm khả thể này, tạo nên tất cả cái gì mà bạn muốn ám chỉ bằng niềm tin của bạn trong thế giới bên ngoài.

Nhưng, bạn lại nói, thế thì phải chăng tất cả các niềm tin này của chúng ta, sau hết vẫn có một nền tảng chắc chắn? Có phải thực sự chẳng có cái gì đó siêu vượt những cái tương ứng đó trong thực tế, đối với hàng loạt các kinh nghiệm trong chúng ta? Vâng, thật thế, điều đó chắc là thế. Nhưng đó là cái gì nếu các điều này cũng sẽ tương ứng như thế, nếu không có sự hiện diện của chúng ta, đối với những ý tưởng ở trong chúng ta, điều gì mà nếu thực tại cứng chắc và nhanh chóng này, tự nó sẽ là một hệ thống các ý niệm, nằm ở ngoài đầu óc của chúng ta, nhưng lại không ở ngoài mọi đầu óc? Vì sự khinh thị của người đầy tớ gái là ở bên ngoài đầu óc của người yêu bị từ chối, vẫn cứ không thay đổi đối với anh ta, nhưng lại không phải đối với nội dung của vấn đề ít lý tưởng hơn, và cũng không kém hơn là một sự kiện ở trong một đầu óc, khi lấy lại một hình thức mới của một minh họa có trước kia, là cái giả của sự an toàn hay là một sự tồn tại khách quan của bài đọc này, là một sự kiện lý tưởng, những cái có thực, và nằm ở bên ngoài đối với mỗi con người cá nhân, - và nếu ngay cả như thế, tại sao thế giới này lại siêu vượt chính chúng ta, "cái khả thể tính của kinh nghiệm thường xuyên" này, là nằm trong yếu tính chính nó, như một hệ thống của những kinh nghiệm mang tính chất ý tưởng của suy nghĩ chuẩn mực nào đó, mà từ đó những ý tưởng của chúng ta chỉ là các bản sao? Thế thì, như thế nó cũng chẳng phải là một hệ thống trong trường hợp tất phải có một thực tại nào đó? Bởi vì, sau hết, chẳng phải điều này chính xác ra là cái gì đó mà sự phân tích của chúng ta luôn mang chúng ta tới? Chẳng có cái gì, mà nó dù gì đi nữa, để tôi có thể nói rằng thế giới của tôi siêu vượt cái mà tôi không thể diễn tả được trong những nội dung của đầu óc. *Cái gì* đó mà tự bản thân các sự vật là sự choáng chỗ, vận động, có màu sắc, có âm thanh, kỳ vĩ, đẹp đẽ, cao khiết, là *cái gì* đó mà chính chúng trong một khía cạnh nào đó, là bản chất của chúng, mang tính Toán học, Luận lý học, Vật lý học, làm cho các giác quan thích thú, có giá trị tinh thần, và tất cả điều này phải mang một ý nghĩa đối với tôi, chỉ là một cái gì đó mà tôi vẫn phải biểu hiện nó trong những hình thức của các ý tưởng. Tôi càng phải hiểu biết về thế giới của tôi, thì tôi lại càng có mục đích đối với tinh thần của tôi. Tôi càng đi đến gần hơn với chân lý về các sự vật, thì tôi lại càng có nhiều ý tưởng của tôi hơn. Thế phải chăng chỉ đơn giản cho rằng *nếu* thế giới siêu vượt của tôi là cái

gì đó hoàn toàn có thể biết được, thì nó phải nằm trong, và tự bản thân chính nó, thiết yếu là thế giới tinh thần? Và phải chăng những ý tưởng của tôi, theo một cách nào đó, là *giống với* thế giới? Có phải chăng thật sự trong tư duy của tôi, trong bản thân chính nó thiết yếu là *sự thống nhất* của nó với thực tại? Và như thế, như mọi người vẫn thường cho như thế, tôi có thể cũng nói có *sự phù hợp* của các ý tưởng của tôi cùng với các sự vật? Rồi lại suy nghĩ tiếp, sau hết thì cái gì là có thể cũng hoàn toàn thống nhất và phù hợp như thế với một ý tưởng này cũng như với ý tưởng khác? Đối với cái gì mà các sự vật có thể đi vào trong đầu óc của tôi phù hợp trừ phi nó là đối với một tinh thần khác? Nếu tinh thần của tôi càng phát triển đi lên hơn nữa trong sự sáng tỏ của nó, thì nó lại càng đi tới gần hơn nữa đối với bản chất của thực tại, và chắc chắn đó là thực tại mà tinh thần của tôi cũng giống với và cũng hẳn phải là như vậy trong chính bản chất của nó là tinh thần.

Thế thì sau hết, có thể tách khỏi thế giới về thực tại của tôi, mà không phải là nó cứ thà được giữ lại, nhằm bảo đảm thực tại đó và cái có thể biết được về thế giới qua kinh nghiệm, vì nếu khi tôi nói rằng thế giới này, giống như nó hiện hữu ở ngoài tinh thần của tôi cũng như những chủ thể tinh thần khác của con người, là hiện hữu ở trong và cho một định chuẩn nhất định, một tinh thần phổ quát nào đó, mà hệ thống những ý tưởng của nó vẫn cấu tạo thế giới một cách đơn thuần? Ngay cả nếu tôi không thể chứng minh được rằng có tồn tại một tinh thần như thế, thì ít nhất, tôi cũng không thể làm thế nào nói được rằng thế giới của cảm quan thông thường của chúng ta, thật sự chẳng có một sự kiện nào trong nó mà chúng ta không thể giải thích được trong nội dung của các ý tưởng, để cho thế giới này sẽ hoàn toàn như là cùng một chất liệu giống như những ý tưởng đã làm ra nó? Nói đến điều này, như bạn đã thấy, cũng chẳng phải là ra tách khỏi thế giới chúng ta cái phần mà nó cùng phải chia xẻ với thực tại. Nếu tinh thần chuẩn mực giờ đây vẫn biết rằng ý tưởng của nó về lửa là có tính chất cháy, thì khi người ta chạm vào nó, và nếu ở trong sự hữu hạn của tôi, lại phải bó buộc phù hợp với các kinh nghiệm của tôi về những tư tưởng của chính tinh thần chuẩn mực này, và rồi nếu là trong trường hợp tôi chạm vào lửa đó, tôi chắc chắn là mình sẽ có được ý tưởng về một sự cháy bỏng là thế nào. Tinh thần chuẩn mực cũng sẽ ít nhất và nhanh chóng cùng với thực tại, như chính trong bản chất thiết yếu của nó, là ý tưởng của nó giống như người hầu gái trong sự khinh thị của cô ta đối với người yêu đã bị từ bỏ; và với tôi, trong sự hiện diện của những ngôi sao và những đại dương trong ý tưởng, sẽ thấy những thực tại đúng nghĩa của chính định mệnh, chắc chắn giống như người yêu nghe khi định mệnh của anh ta trong tiếng nói mà nó thể hiện ý ra chí của cô ta.

Điều gì mà tôi kỳ vọng xa như vậy, chỉ là muốn cho mỗi một người trong các bạn cũng giống là như thế, sẽ cảm nhận được như một người duy tâm, trong ý nghĩa phân tích đầu tiên và thuần túy này, của thuật ngữ quan niệm duy tâm. Nội dung tổng quát và bản chất của tất cả điều đó, như bạn đã thấy, chính là điều này: bạn biết thế giới của bạn trong thực tế giống như một hệ thống các ý tưởng về các sự vật, mà từ lúc này sang lúc khác, bạn tìm thấy hệ thống đó bị bó buộc trên chính bạn bởi kinh nghiệm. Ngay cả các vấn đề bạn biết, cũng đúng như một khối những ý tưởng mật thiết với nhau, mà bạn không thể không có. Không gian và thời gian, như bạn nghĩ, hẳn nhiên chúng là những ý tưởng của các bạn. Thế nên, cái gì là tự nhiên hơn, để nói rằng *nếu* có như thế, thế giới thật sự siêu vượt lên trên bạn, phải tự trong chính nó là một hệ thống những ý tưởng của một người nào đó khác?

Nếu nó quả như thế, thì bạn có thể hiểu ra điều gì mà sự hiện hữu của nó có ý nghĩa. Nếu nó không là như thế, thì bởi vì mọi cái bạn có thể biết được về nó là các ý tưởng, thế giới thực tế sẽ chắc chắn là không thể nào biết được, là một cái thuần túy ẩn số *x*. Hãy nên lưu ý là tôi có thể hiểu được, bởi vì chính tôi là một tinh thần. Một sự hiện hữu mà không có một thuộc tính tinh thần nào cả, thì hoàn toàn mờ dục đối với tôi. Tuy vậy, tới mức độ nào đó mà từ một thế giới của các ý tưởng như thế, sự hiện hữu siêu vượt tôi nằm ở trong một tinh thần khác, thì dường như đó là tư tưởng mạch lạc, mà chủ yếu là *không* thực, những ý tưởng và những tinh thần, cùng những cách của chúng, trái lại là những sự kiện khó khăn nhất và cứng đầu nhất, mà chúng ta có thể gọi tên ra được. *Nếu* thế giới bên ngoài trong tự thân chính nó là tinh thần, thế thì đúng là thực tế này, là một tư tưởng chuẩn mực và phổ quát, hay là một mớ của những tinh thần nhỏ nguyên tử luôn cấu tạo nên những phần tử khác nhau của vật chất, trong bất cứ trường hợp nào đó người ta đều có thể hiểu được nó là cái gì, và cùng lúc sẽ phải tuân phục theo quyền hạn cứng cỏi, giống như khi người yêu đó phải chấp nhận thực tại những tính khí của cô hầu gái kia. Nếu thế giới vẫn *không phải là* một ý tưởng như thế, thì thực ra mọi khoa học của chúng ta, mà nó xuyên suốt trong sự quan hệ với cách giải thích tinh thần của chúng ta về các sự vật, có thể hoặc không thể là một giá trị khách quan, cũng không thể đáp ứng được sự tiến bộ hướng tới chân lý. Bởi vì chính do khoa học là có quan hệ tới các ý tưởng, nên thế giới siêu vượt lên trên tất cả các ý tưởng, vẫn thuần túy là một ẩn số x...

Có những vấn đề có thể giải quyết được và những vấn đề không thể giải quyết được trong thế giới của các ý tưởng đó. Là một vấn đề giải quyết được nếu người ta hỏi con số nào là số có bình phương là 64. Câu trả lời là 8. Nhưng đó là một vấn đề không thể giải quyết được, nếu người ta hỏi tôi phải tìm ra con số nào để bình phương là 65. Đúng là không thể nào có được con số như thế cả. Nếu người ta hỏi tôi về chiều dài của đoạn thẳng mà nó bằng với đường chu vi của một vòng tròn có bán kính đã biết, thì điều đó chính là trong thế giới của các ý tưởng, như là một vấn đề không thể giải quyết được, bởi vì như ta có thể chứng minh được, là đường chu vi của một vòng tròn lại là một chiều dài mà nó không thể được biểu thị một cách chính xác bằng nội dung của một con số nào đó cụ thể, khi đường bán kính của nó là một độ dài được xác định nào đó. Như thế, trong thế giới của những ý tưởng, thì các vấn đề là những câu hỏi mà chúng có thể được hỏi trong các nội dung có thể biết được. Những câu hỏi hay thuộc loại này, hoặc sẽ được trả lời một cách đúng đắn trong tình trạng hiện thời của sự hiểu biết của chúng ta, hay là nó có thể được trả lời theo một cách khác, nếu tôi đã biết chút ít hoặc là nhiều hơn thế, hay cuối cùng chúng ta không thể nào trả lời được. Nhưng trong trường hợp sau, nếu chúng không thể được trả lời, chúng luôn luôn giống vấn đề làm thế nào cho hình vuông lại là một vòng tròn. Thế nên chúng luôn luôn thực sự làm bật ra những câu hỏi mà thực tế là hoàn toàn vô lý, và chính là sự phi lý đó của chúng khiến những vấn đề này tuyệt đối không thể nào giải quyết được. Bất cứ một câu hỏi thú vị nào cũng có thể trả lời được bởi một người nào đó có đủ hiểu biết. Không có câu hỏi hay ho nào lại không có được câu trả lời có thể hiểu được. Nhưng *nếu* thế giới của bạn là không thể hiểu được, mà trong đó có một sự vật nào đó về mặt toàn bộ là mơ hồ thật sự, và bản chất của nó không thể hiểu ra được, như thế thì bạn cũng chẳng thể nào hiểu ra được nó *đâu*, bởi vì chính trong bản chất đích thực và cốt yếu của nó lại là một sự vật vô lý, một ẩn số x để *có thể* trả lời cho một câu hỏi, thì hiện thời nó

là vô nghĩa khi được hỏi? Chắc chắn người ta vẫn phải chọn lựa sự lựa chọn trước kia. Thế giới thực tại có lẽ không thể nào biết rõ được cả; nó thiết yếu không phải là điều gì đó có thể biết được.

Sự tế vi này thật chán, tôi biết điều đó ở đây quả đúng là như thế, nhưng tôi cũng sẽ không dừng lại ở đó lâu đâu. Đơn giản là *nếu* thế giới là không thể biết ra được, mà lại có trong bản chất xuyên suốt của nó một vấn đề nào đó mà thực tế là không thể thăm dò hết được, thì điều này phải có nghĩa rằng trong thiên nhiên nó cũng chẳng khác gì với các vấn đề như có con số nào mà bình phương là 65? Hay có khi nào có hai trái đồi liền nhau mà lại không có một thung lũng nào ở giữa chúng? Bởi vì trong thế giới tư tưởng như thế, thì đó *chỉ* là những vấn đề không thể giải quyết được. Mọi điều khác thì hoặc hiện giờ có thể giải quyết được, hay là chỉ sẽ giải quyết được nếu chúng ta có thể hiểu biết thêm hơn về điều chúng hiện có. Nhưng một lần nữa, *nếu* cái không thể nào biết được này, mà đúng là trong thế giới thực tại giờ đây chúng ta không thể biết, thì vẫn có khả năng tới một lúc nào đó, nó sẽ trở thành biết được, và cần nên nhớ rằng, như chúng ta cũng đã thấy, thì chỉ có tinh thần mới có thể trở nên một đối tượng được biết bởi tinh thần mà thôi. Nếu tôi biết bạn như là cái gì đó ở bên ngoài đối với tôi, thì cũng chỉ bởi vì các bạn là những tinh thần. Nếu tôi có thể đi tới chỗ biết được *bất cứ* một chân lý nào đó, thì cũng chỉ tới mức nào đó, mà chân lý này thiết yếu chính là tinh thần, là một ý tưởng, là một tư tưởng, để tôi có thể đi tới việc nắm biết nó được. Như thế, nếu một cái gì đó mà được gọi là không thể biết được, thì cái không thể biết được đó là nằm ở bên ngoài thế giới, mà chính bởi một phương thức nào đó, nó sẽ đi vào trong chính nội dung hiểu biết của chúng ta, rồi thì sẽ trở thành một thế giới của các ý tưởng. Bởi vì, chỉ có điều đó là nội dung mà sự phân tích duy tâm của chúng ta đã có thể được chứng minh. Và không có điều gì mà tuyệt đối không thể biết được, lại có thể có được. Bởi vì cái gì đó mà tuyệt đối không thể biết được, một cái ẩn số x thuần túy và giản đơn, tức cái sự vật tự thân của Kant, vẫn chỉ đơn giản là không thể chấp nhận được. Ý niệm về sự vật đó thật sự là vô lý. Sự khẳng định về nó chỉ là một sự mâu thuẫn. Những hình vuông có dạng tròn, và loại đường mặn như muối, cùng những con quái vật, và những ông kẹ, những con chằng tinh, các loài yêu quái; những sự vật như thế, tôi chỉ xin nhấn mạnh đó chính là những cái không thể nào biết được nếu nó có. Cái gì không thể biết được, cái gì mà bản thân nhân loại cùng các khả năng của chúng ta luôn không thể nào nắm bắt được, thì chính nó cũng sẽ vượt ra ngoài sự nhận thức thực tế của chúng ta như đó là chính thế giới của sự thật; nhưng nếu cái gì là thiết yếu không thể biết được, thì có thể nói nó chính là cái *ipso facto* và cũng chỉ là một sự tưởng tượng.

Cái cốt lõi của toàn bộ khả năng phán đoán, lý luận của chúng ta trong nó khi vận hành, giờ đây sẽ được trình bày ra rõ rệt. Chúng ta đã thấy chân lý ở bên ngoài, nếu đó là một sự vật nào đó, thì tất phải là "một tính khả thể của kinh nghiệm". Nhưng giờ đây chúng ta cũng lại thấy rằng cái "khả thể tính" *trần trụi* như thế đó, cũng giống như cái gì không thể biết được, là điều gì đó vô nghĩa. Cái gì mà bất cứ lúc nào tôi đi tới chỗ biết được nó, lại trở thành xuyên suốt, và sự xuyên suốt là một ý tưởng, một kinh nghiệm, là nằm trong tự thân nó, trước khi tôi biết nó, hoặc đó là ý tưởng của một người nào đó, hay kinh nghiệm của một người nào đó, hay nó cũng chẳng phải là cái gì cả. Cái gì là một "khả thể tính" của kinh nghiệm, và nó nằm ở ngoài tôi, cũng như nó chưa phải là cái gì cả *đối với* bất cứ ai khác hơn chính bản thân tôi? Có phải chăng đó chỉ là một ẩn số x thuần túy, một câu nói vô nghĩa? Có phải chăng

nó cũng giống như một màu sắc mà không thể nhìn thấy được, một mùi vị mà không thể nếm được, một cảm nhận mà không thể cảm thấy được? Để chứng minh thế giới chính là một trong các kinh nghiệm "có thể có" được, chúng ta cần phải chứng minh rằng cho tới mức độ nào đó, như thế nó đích thật là một kinh nghiệm hiện thời.

Hơn nữa, nói chung ở đây, *nếu* cứ cho là thế giới không thể hiểu biết được là rộng lớn như thế nào, thì vẫn chỉ những cái gì không thể hiểu biết được cách thiết yếu là có thể tồn tại, và *nếu* mọi sự vật có thể biết được chỉ là một ý tưởng, một cái gì đó mang tính chất tinh thần, là nội dung của tinh thần nào đó, thế thì chỉ cần một lần thôi là đủ, chúng ta có thể cho đó là thế giới của những ý tưởng. Sự nghi ngờ sâu xa nhất của các bạn đã chứng minh về điều này. Chỉ có cái gì vô nghĩa của ẩn số x không thể thăm dò ra được này, tức cái quái quỉ, kỳ bí nào đó mà không thể nào nắm biết được, và trong yếu tố của nó, mà bạn tạo nên được thế giới thật của bạn, ngăn cản bạn nhìn thấy điều này.

Tuy nhiên, cũng cần trở lại với vấn đề song luận nan giải của chúng ta. *Hoặc là* theo quan điểm duy tâm mà chúng ta nói, *hay là* cho rằng có cái không thể biết được. Cái gì chúng ta đã đề cập, mà giờ đây chính là cái tuyệt đối không thể nắm biết được, đó thiết yếu là một sự vô lý, một sự vật không hiện hữu. Đối với một vấn đề kỳ thú và bí nhiệm nào đó cũng cần phải chấp nhận một câu trả lời. *Nếu* thế giới hiện hữu là siêu vượt cái đó, thì như thế yếu tính của nó vẫn có thể biết được bởi một đầu óc nào đó. Và nếu nó có thể biết được bởi một đầu óc, thì yếu tính này như vậy sẽ lại cũng có thể hiểu biết được bởi một tinh thần nào đó. Nếu nó thiết yếu hiểu biết được bởi một tinh thần nào đó, thì yếu tính của nó thiết yếu là thuộc về ý tưởng, thuộc về tinh thần. Một đầu óc có thể hiểu biết được thế giới thực tại chẳng hạn, thì có thể thấy được rằng nó là một cái gì đó chứa đựng những tính chất. Nhưng những tính chất là những sự hiện hữu có mang tính chất ý tưởng, đó hoàn toàn là những tính chất đặc thù, mà có thể được gọi đó là những mùi vị, âm thanh, hay những màu sắc. Một đầu óc hiểu biết được thế giới thực tại, thì có thể tìm thấy trong đó có những mối quan hệ, chẳng hạn như tính ngang bằng hay không ngang bằng, sự hút và sự đẩy nhau, sự giống nhau và sự khác nhau. Nhưng những mối quan hệ như vậy thì vẫn chẳng có một ý nghĩa nào hết, trừ ra đó như những đối tượng của một tinh thần. Nên nói tóm tại, thế giới như vẫn được biết đến, có thể nhận được đó là một thế giới mà nó bao gồm tất cả, kể cả mang tính chất ý tưởng và tinh thần, và ngay cả trước khi nó trở nên được nhận biết bởi một đầu óc đặc thù nào đó, mà chúng ta nhận thấy như đang tiến đến trong sự tiếp cận nó. Vậy nên chúng ta lại đi tới một sự chọn lựa thứ hai. Thế giới thực tại hẳn phải là một tinh thần, hay ngay cả nó như là một nhóm của các tinh thần.

Nhưng với kết quả này, chúng ta đi tới việc đối mặt với một vấn đề sau cùng. Mọi sự việc này như bạn thấy, phụ thuộc vào sự khẳng quyết của tôi là đàng sau tất cả phải có một thực tại, và do vậy, đó là một thế giới thiết yếu có thể biết được và siêu vượt một cách hữu lý. Một thế giới như thế tất phải là yếu tính của một tinh thần, hay chính là thế giới của những tinh thần. Nhưng sau hết, làm thế nào mà một thế giới như thế lại có thể thoát ra khỏi được sự tù hãm của đời sống ở bên trong? Phải chăng, nói chung là tôi không thể chỉ đi vớ vẩn giữa những thực tại và các ý tưởng của chính các ý tưởng của tôi? Thế giới *của tôi*, dĩ nhiên, không phải là và cũng không thể là một ẩn số x thuần túy nào đó, một sự vật thiết yếu không thể nhận biết được, là chính bởi vì nó *là* thế giới *của tôi*, và tôi có một ý tưởng về nó. Nhưng thế thì phải chăng điều này vẫn không mang ý nghĩa thế

giới *của tôi* là cái sau hết thảy, và vẫn luôn chỉ là thế giới *của tôi*, do thế mà tôi không bao giờ có thể có được một chân lý nào đó siêu vượt chính tôi? Phải chăng kết quả này là rất khó hiểu? Thế giới của tôi, vì thế là một thế giới của những ý tưởng, nhưng than ôi! do thế mà làm thế nào tôi vẫn có thể đạt tới được những ý tưởng này, của những tinh thần siêu vượt chính tôi?

Câu trả lời quả là đơn giản, nhưng lại trong một ý nghĩa vẫn mang khá nhiều tính chất nghi vấn.

Nói đúng ra, trong một ý nghĩa nào đó, thì bạn không bao giờ *thực hiện* hay vượt lên trên được các ý tưởng của chính bạn, cũng chẳng phải bạn có khả năng làm được như thế, bởi vì thật sự thì mọi cái tinh thần khác mà nó cấu tạo nên thế giới bên ngoài và thật hữu đó của bạn, chính trong bản chất của nó vẫn luôn là một với chính bản thân của bạn. Cái thế giới tổng thể của các ý tưởng này thiết yếu là *một* thế giới, và như thế nó cũng thiết yếu là thế giới của một bản ngã và *Cái ấy chính là Người*.

Chân lý và ý nghĩa của mệnh đề sâu xa nhất này của quan niệm duy tâm, hoàn toàn không phải xuất phát từ chính chúng ta. Tuy nhiên, sự xem xét trên khía cạnh nào mà nó phụ thuộc, có thể đó là loại khô khan nhất, cũng như thật khá sâu xa.

Bất cứ đối tượng nào mà bạn nghĩ tới, cho dù đó là đối tượng được bạn trực tiếp biết tới, hay là những đối tượng lùi ra xa một cách vô hạn, những đối tượng nơi các vì sao xa xăm, hay là những đối tượng rất xa xưa trong thời gian, hay là những đối tượng đang ở gần và hiện tại, - những sự vật như thế, thì tương tự như một con số với thành phần năm mươi số thập phân trong nó, hay như những ngọn núi ở phần bên kia của mặt trăng, hay là ngày qua đời của bạn, hay là tính chất của chính Cromwell, hay là luật vạn vật hấp dẫn, hay là một tên gọi nào đó mà bạn mới vừa thử cố suy nghĩ ra và đã liền quên mất, hay ý nghĩa của một cách thức hoặc một cảm tưởng nào đó giờ đây đang có trong óc bạn, - tất cả những sự vật như thế, tôi xin nhấn mạnh, vẫn có mặt trong sự quan hệ thường xuyên và tò mò nào đó đối với chính tinh thần của bạn bất cứ khi nào mà bạn suy nghĩ về chúng, - một mối quan hệ mà chúng ta thường bỏ mất đi bởi vì nó vẫn rất quen thuộc như thế. Điều gì là mối quan hệ này? Một đối tượng như vậy, khi mà bạn nghĩ về nó, vẫn không cần như mọi người nghĩ, và thường giả thiết nó là như thế, là *nguyên nhân* của các tư tưởng của bạn về nó. Như vậy, khi bạn nghĩ về tính chất của các tính chất của Cromwell, thì không phải đúng là hiện giờ nó đang *tạo nên* bất cứ một ý tưởng nào đó trong bạn, - không thể nói là nó đang tác động đến một điều gì đó giống như thế ở trong bạn được. Vì do Cromwell đã chết, và sau một cơn sốt ngặt nghèo của cuộc đời, tính chất của ông ta hiện giờ là một sự vật rất bất động. Chẳng phải nó như là *nguyên nhân*, nhưng lại như là *sự vật* của tư tưởng của bạn, và đó là Cromwell trong hiện tại đối với bạn. Ngay cả thế, nếu giờ đây bạn lại chọn lựa để suy nghĩ về thời điểm của cái chết của bạn, và thời điểm đó ở nơi nào đó xa xôi trong tương lai, và bạn vẫn có thể biến nó trở thành đối tượng của bạn, nhưng giờ đây nó không phải là nguyên nhân của sự hoạt động của các ý tưởng của bạn. Thời điểm của cái chết của bạn vẫn không có một sự hiện hữu vật lý nào trong hiện tại cả thảy, và giờ đây, nó cũng không tạo ra bất cứ một sự vật nào Cũng giống như vậy, đối với những ngọn núi nằm ở phía bên kia của mặt trăng Khi bạn biến chúng thành các đối tượng của tư duy của bạn, thì nó vẫn chẳng ăn nhằm gì tới bạn cả. Chúng luôn không ảnh hưởng gì tới bạn. Bạn không bao giờ nhìn thấy chúng. Nhưng tất cả đều cùng một dạng như vậy khi bạn đang suy nghĩ về chúng.

Thế nên sự suy nghĩ này *về* sự vật, sau hết là một mối quan hệ rất kỳ lạ, mà trong đó nó tiêu biểu cho các sự vật. Để suy nghĩ *về* một sự vật, thì sự việc tôi có một ý tưởng trong tôi cũng giống với sự vật đó, là *không* đủ. Chính điều sau cùng này là một sự nhìn nhận rất quan trọng. Tôi xin nhắc lại, là nó *không* đủ đối với việc tôi có một ý tưởng trong tôi là giống với sự vật mà tôi đang suy nghĩ về sự vật đó. Chẳng hạn, như khi tôi có trong tôi một ý tưởng về sự đau đớn. Một người khác vẫn cứ có một sự đau đớn giống như tôi. Chúng ta hãy lấy ví dụ là cả hai đều cùng đau răng; hay là cả hai đều bị phỏng nơi đầu các ngón tay giống nhau. Thế thì ý tưởng của tôi về sự đau cũng chỉ giống như sự đau đớn có trong anh ta, nhưng tôi lại không thiết yếu là đang suy nghĩ giống như thế về cái đau *của anh ta*, chỉ bởi vì điều gì mà tôi đang nghĩ về, thì đích thị là sự đau của tôi cũng giống như sự đau của anh ta. Không phải chỉ suy nghĩ về một sự vật mà bạn mới có được một ý tưởng giống với sự vật, nhưng đó *có nghĩa là* bạn đã phải có một ý tưởng của bạn giống với sự vật đó. Nói theo cách khác, thì khi suy nghĩ về một đối tượng, bạn cần phải nhắm vào sự vật đối tượng đó một cách có ý thức, bạn phải chỉ rõ về sự vật đó, bạn phải đã có nó trong một mức độ hội đủ nào đó về sự vật đó, tức là có sự đồng nhất với nó về một cái gì đó mà bạn đang suy nghĩ tới. Nhưng bạn đang nhằm *nói tới* nó như thế nào, bạn đang cố *nhắm tới* nó ra sao, làm thế nào mà bạn *có* nó, làm thế nào để bạn *nêu ra* nó được, làm thế nào mà bạn *đồng nhất* cái gì đó mà hiện tại nó đã có trong yếu tính của chính bản ngã vẫn bị che giấu đó của bạn? Ở đây chắc chắn là một vấn đề sâu sắc. Khi bạn nhắm vào một sự vật siêu vượt lên trên thực tế, mà có thể đó là những ngọn núi ở trên mặt trăng, hay là ngày tháng mà bạn lìa đời, thì bạn thật sự nói "Tôi, cũng giống như bản ngã thực sự của tôi, giống như bản ngã rộng hơn của tôi, giống như ý thức trọn vẹn của tôi, vốn đã ở trong một sự thật sâu xa nhất, là đã có được đối tượng đó, chiếm lĩnh nó, sở hữu nó, đồng nhất nó. Và chỉ có điều đó thôi, cũng làm cho nó đối với tôi như thế là ở trong sự chuyển tiếp của tôi, của cá nhân tôi, của nhân cách nhất thời của tôi, để mang ý nghĩa của một sự vật siêu vượt thực tại đó, nhằm tìm hiểu về nó, với một phần có ý thức về nó, và một phần thì không hay biết gì về nó". Bạn không thể nhằm nói tới một điều gì là hoàn toàn xa lạ đối với bạn. Bạn nhằm nói về một sự vật, bạn khẳng định về nó, bạn đề cập tới nó, vâng, bạn hoặc nghi ngờ hay thắc mắc về nó, và bạn thừa nhận không hề biết nó có mang tính chất tư riêng và cá nhân của bạn, chỉ đến một mức độ nào đó mà bản ngã rộng lớn hơn của bạn, nhân cách sâu xa hơn của bạn, ý thức tổng thể và thường xuyên của bạn, đã *có* đối tượng đó. Sự thắc mắc riêng tư và nhất thời của bạn, sự thiếu tri thức, sự mong muốn tìm hiểu, hay sự khẳng định về sự vật đó, luôn bao hàm, xác định, giả thiết rằng cái bản ngã tổng thể của bạn, chính là sự sở hữu đầy đủ và tức thời về sự vật đó. Điều này, thực tế là bản chất đích thực của mối quan hệ lạ lùng của một tư tưởng nhằm hướng tới một đối tượng, mà giờ đây chúng ta đang xem xét. Cái bản ngã tự nó đang khẳng định hay hoài nghi, hay cái đang ý thức, hay ngay cả việc cảm thấy còn chưa biết gì về một sự vật riêng lẻ nào đó, và điều đó ngay cả trong hệ quả của mọi sự việc này, là có *mang ý nghĩa* muốn *nhắm tới một* sự vật như thế đó, mà trong yếu tính của nó là đồng nhất với chính cái bản ngã, mà đối với nó thì sự vật này đang hiện hữu ở trong chân lý đã được biết tới một cách có ý thức và đầy đủ của nó.

Thế nên có vẻ như nghịch lý đối với điều khẳng định cuối cùng này của quan điểm duy tâm, mà tôi cũng không thể có hy vọng trong chốc lát có thể làm cho nó trở thành đơn giản dễ hiểu ra đối với bạn đọc... Nhưng điều gì mà qua đó tôi

muốn nói, là cái bản ngã mà chính nó suy nghĩ về một sự vật, mà nó thực sự tồn tại, ngay cả trong trường hợp một sự ngu dốt, mù quáng nhất, kể cả sự nghi ngờ có liên quan tới đối tượng của nó, thì vẫn có nghĩa là sự vật đó, - và bản ngã này cũng đồng nhất với bản ngã sâu kín hơn do nó sở hữu và nắm biết thật sự về sự vật đó, - là điều gì mà ở đây tôi có ý muốn nói là tôi không thể minh họa tốt nhất cho những trường hợp rất đơn giản đã rút ra được từ kinh nghiệm của bạn. Có khi bạn có sự ngờ vực, như về một tên gọi nào đó mà bạn đã quên mất đi, hay về một ý nghĩ gì đó mà bạn vừa có đó, nhưng giờ đây bạn lại vụt quên mất. Do thế mà bạn phải cần săn tìm lại cái tên gọi hay cái ý tưởng đã mất đó, và chính trong lúc đó, chắc chắn chỉ muốn gợi lại được tên gọi đó hay một ý tưởng gì đó đặc biệt mà sẽ không là cái gì khác. Nhưng bạn vẫn không thể nhớ lại nổi cái tên gọi đó là gì hay cái ý tưởng đó là gì ở đây. Bạn sẽ phải cố gắng loại bỏ đi lần lượt hết cái tên này đến cái tên khác. Và bạn thắc mắc "Điều này là gì trong khi tôi đang suy nghĩ về nó?" Nhưng sau khi bạn tìm kiếm, chắc hẳn bạn sẽ tìm thấy cái tên gọi hay cái ý tưởng đó, và giờ đây, ngay lập tức, bạn sẽ *nhận thấy* nó. "Ồ, đúng là nó đây rồi", bạn nói, "đó là cái gì mà tôi đã nhằm tìm kiếm từ lúc lâu, chí, - là tôi đã không thể nhận biết rõ về điều gì mà tôi nhằm muốn nói tới". Thật đã không biết sao? Vâng, trong một ý nghĩa nào đó thì bạn biết hết tất cả cùng một lúc, - rằng đó chính là cái bản ngã sâu xa hơn của bạn, cái ý thức thật sự của bạn đã biết nó. Nó là cái bản ngã nhất thời của bạn, nên nó đã không biết. Nhưng khi bạn tìm thấy cái tên gọi đã từng được tìm từ lâu, đã gợi lên cái ý tưởng mà bạn đã mất, bạn liền nhận thức được nó ngay lập tức, bởi vì nó vẫn là tất cả cái gì đó trong mọi lúc của chính bạn, bởi vì bạn, cái bản ngã thật và rộng lớn hơn, là cái vẫn có được cái tên gọi hay cái ý tưởng đó, và đã ý thức về điều gì mà nó đã có, và giờ đây, bạn đã thấy ra được là chính nó bao gồm cả cái bản ngã nhỏ hơn và nhất thời kia, và nó đã phải tìm kiếm lại cái tên gọi đó hay cố gắng nhằm gợi lại cái ý tưởng đó. Ý thức sâu xa hơn của bạn về cái ý tưởng đã mất đó, vẫn là tất cả cái gì nằm ở đó. Trong thực tế, phải chăng bạn đã giả định trước nhất về điều này, khi bạn tìm kiếm lại cái ý tưởng đã mất? Làm thế nào tôi có thể nói lên được ý nghĩa của một cái tên gọi, hay một ý tưởng, trừ khi nào thực sự tôi vẫn là cái bản ngã mà chính nó biết cái tên gọi đó, hay nó có cái ý tưởng đó? Trong khi nhằm săn tìm cái tên gọi và cái ý tưởng đã mất đó, tôi cũng đang săn tìm cả chính ý nghĩ của tôi. Vâng, chính như thế mà tôi biết được là không có điều gì về những ngôi sao xa tít mù kia trong chi tiết, nhưng trong một chừng mực nào mà tôi có ý nhằm nói về những ngôi sao xa tít đó, như tôi đang nói về chúng, thì tôi cũng đang tự đồng nhất với cái cái ý tưởng xa xôi và sâu thẳm đó của chính tôi, rằng như thể là tôi đã biết về các ngôi sao xa xăm đó. Khi tôi nghiên cứu về những ngôi sao, tôi cũng đang cố gắng nhằm tìm ra cái gì đó mà tôi thực sự muốn nói về nó. Để cho chắc chắn, chỉ có kinh nghiệm mới có thể nói được cho tôi, nhưng điều đó là bởi vì chỉ có kinh nghiệm là có thể mang lại cho tôi mối quan hệ cùng với cái bản ngã rộng lớn hơn của tôi. Sự thoát ly ra khỏi sự tù ngục của chính cái bản ngã bên trong, vẫn chỉ đơn thuần là sự kiện cái bản ngã bên trong luôn xuyên suốt trong sự gợi ra một cái bản ngã to rộng hơn. Cái bản ngã đó đòi hỏi, cho dù một sự đòi hỏi không có chút ý nghĩa nào, hoặc giả nếu có một ý nghĩa, thì ý nghĩa này tồn tại bên trong và đối với cái bản ngã to rộng hơn mà no biết được.

Ở đây chính là sự gợi ý về một cái gì mà tôi có ý muốn nói về quan điểm duy tâm tổng hợp. Tôi xin lặp lại là không có sự thật nào quen thuộc hơn. Rằng tôi vẫn

luôn luôn có ý nhằm tìm tòi nơi những sự vật siêu vượt lên trên tôi, là cái gì mà một sự kiện sáng tỏ hơn có thể cần được lưu ý? Rằng chỉ trong trường hợp mà nó vẫn luôn là tôi, chủ thể con người trong sự thật sâu xa hơn, trong tư tưởng thực hữu và bị giấu kín của tôi, *biết* rõ về sự vật siêu vượt lên trên đã bị bên mất đó, sự vật mà bản chất của nó tôi đang tìm kiếm để hiểu ra, thì chỉ trong trường hợp này tôi thật sự có thể *nhằm có ý nói* đến chân lý siêu vượt lên trên đó, - điều này, như chúng ta cũng đã khẳng định, là bao hàm cả ở trong ý tưởng về chính *ý nghĩa* của nó. Đó cũng chính là sự phân tích lô-gích về nó. Bạn vẫn có thể nêu lên ý nghĩa của điều gì mà bản ngã sâu xa hơn của bạn biết được: bạn không thể hàm ý điều gì mà bản ngã sâu xa hơn của bạn không biết. Để cho chắc chắn, sự minh họa đầy đủ của chính cái nhìn nội quan quan trọng nhất này của quan niệm duy tâm, vẫn thuộc về một nơi nào đó khác mà ít người thừa nhận nó là quen thuộc. Điều vẫn bình thường xảy ra đối với nhiều người là họ vẫn nghĩ rằng mọi sự vật thì cũng chẳng có gì để cần phải xem xét kỹ hơn với chúng. Chính Kant là người cho dù có quan điểm về những sự vật tự thân của ông ta, trước hết chỉ ra cho chúng ta rằng không có ai thật sự thấu đáo về một đối tượng sự vật cả, thật sự biết rõ nó, hay là có sự nghi ngờ về nó, hay muốn nhằm tới nó thực sự, trừ khi anh ta làm như thế, là cốt nhắm tới chính sự thật rằng nó vẫn luôn là hiện tại đối với chính cái bản ngã rộng hơn của anh ta. Trừ phi đối với sự đơn nhất trong chính bản ngã thực của tôi, Kant đã cho là tôi không thể có một đối tượng sự vật nào cả. Và như thế tức là điều đó không hề tạo nên một sự khác nhau nào để cho tôi biết được một sự vật, hay là nghi ngờ gì về nó. Tới chừng mực nào mà tôi thật sự có *hàm ý* về nó, như thế cũng là đủ. Bản ngã mà nó vẫn *hàm ý* rằng sự vật là đồng nhất với cái bản ngã lớn hơn mà nó vẫn luôn sở hữu sự vật, ngay cả đúng vào lúc mà bạn đang cố tìm kiếm cái ý tưởng đã mất, thì bạn vẫn sẵn sàng cho là, chính trong yếu tính của nó, cái bản ngã đó vẫn đang có cái ý tưởng đã mất đó.

Theo cách này, tôi gợi lên cho bạn bằng chứng về một sự phân tích chặt chẽ mặt lô-gích của tư tưởng phổ biến nhất của chúng ta, được học thuyết đó nêu ra rằng, trong thế giới chẳng có cái gì hơn ngoài *một* Bản ngã, và đó chính là thế giới của *anh ta*, mà tất cả chúng ta đều gọi nó giống nhau, là có mang ý nghĩa thật sự, hoặc là chúng ta nhận thức lẫn nhau, hay nhận thức về tính chất của Cromwell, hay về những định tinh, hay về cả những thời kỳ xa xôi nào đó trong tương lai. Mối quan hệ của tư tưởng của tôi đối với các đối tượng sự vật của nó, tôi muốn nhấn mạnh, là vẫn có tính chất lạ lùng này, chỉ *trừ ra khi* tư tưởng và những đối tượng của nó là những thành phần của một tư tưởng rộng lớn hơn, ngay cả tôi không có ý định *hàm ý* đối với các đối tượng siêu vượt, kể cả không thể nhầm lẫn về nó, kể cả không thể nghi ngờ về sự hiện hữu của nó. Chẳng hạn, bạn cũng là một phần của cái bản ngã rộng lớn hơn giống như tôi, hay nói khác đi, ngay cả tôi không thể việc có ý nói với bạn những sự vật của thực tại bên ngoài. Bạn là một thành phần của một bản ngã rộng lớn hơn, điều này đi cùng với sự kiện bí mật nhất, hay là ẩn khuất nhất, của tự nhiên, cũng như kể cả mặt trăng, và kể cả mọi tinh tú trên bầu trời, cùng với tất cả mọi sự thật và mọi vẻ đẹp khác. Nói khác đi, bạn không thể nào, ngay cả việc có ý định nhằm nói về những sự vật vẫn siêu vượt các bạn như thế. Đối với bất cứ điều gì mà bạn muốn nói về bạn, đều hàm ý cho thấy rằng thế giới của bạn vẫn luôn đúng hoàn toàn là thế giới riêng của bạn. Nói về cái gì đó không thể biết được, và do vậy nó cũng trở thành cái không thể biết được đối với bạn, thì vấn đề của bạn chính là giải pháp đối với nó, trừ phi đó chỉ là một sự vô

nghĩa, và bản ngã rộng lớn hơn của bạn là phải có và phải ý thức về điều đó. Vấn đề sâu xa nhất trong đời sống chính là "Cái gì đó mới đích thị là cái bản ngã sâu xa hơn?" Và câu trả lời duy nhất là: *Đó là cái bản ngã mà nó tự biết chính trong sự đơn nhất của tất cả mọi sự thật.* Điều này tôi muốn nhấn mạnh đó không phải là sự giả định. Hiện thời nó chính là tiền đề cho sự hoài nghi sâu xa nhất của bạn. Và cũng tại sao mà tôi nói: Mọi cái hữu hạn, đều là, hoặc ít nhiều đều mờ tối, bí hiểm, đầy hoài nghi. Chỉ có cái Bản ngã vô hạn, mới là cái lý giải được hết mọi vấn đề, là cái tư duy hoàn thiện nhất, là cái tồn tại mà nó biết điều gì tôi hàm ý, ngay cả khi tôi bị bối rối nhất và ngu dốt nhất, cái mà tự nó bao hàm tất cả chúng ta, nó là thế giới hiện tại của nó trong tính đơn nhất, là cái mà trước nó tất cả mọi chân lý của quá khứ và tương lai, mọi chân lý xa xôi và bị che mờ nhất, đều được sáng tỏ trong một thời khắc vĩnh cửu, đối với bất kỳ người nào đã từ lâu hay gần đây đều quên lãng nó, người nào mà sự tư duy về toàn thể thiên nhiên, mà ở trong đó tất cả mọi sự, là cái Logos, cái sở hữu thế giới, - chỉ là sự hiện hữu của nó, và tôi muốn nói theo một cách hoàn toàn chắc chắn là..."

Sự phân tích duy tâm về mặt tổng thể của chúng ta ... từ lúc sơ khởi của việc bàn thảo này, cho đến kết quả sự công nhận các sự kiện phải là các sự kiện đối với một vài vật thể nào đó, mà không phải là những sự kiện không nhằm cho một vật thể nào, và chỉ có những khả thể tính *thuần túy* mới thực tế là không thể có được. Do thế mà không có bất kỳ ai tin tưởng rằng, cho dù đó là sự thật hay sai lầm, về những sự vật siêu vượt tất cả ở thời điểm của sự tin tưởng của anh ta, là một phần hữu cơ của cái bản ngã phản tỉnh và có ý thức rộng lớn hơn, mà trong nó có cả những đối tượng sự vật vẫn là hiện tại ngay tức thời đối với chính nó, và nó có chúng trong mối quan hệ hữu cơ với cái bản ngã có thể nhất thời sai lầm hay trong sự thật mà nó tin tưởng..

Chúng ta cứ tiếp tục suy nghĩ theo dòng, rồi sẽ thấy rằng cái mạng lưới của cái Bản ngã rộng lớn hơn đó là bao trùm hết thảy mọi chúng ta. Chúng ta bị mất hút và bị giam hãm vào trong sự dày đặc của cái hố sâu nghẹt thở đó của nó. Những thời khắc đều không ở trong chính chúng ta, bởi vì những thời khắc mà chúng ta có đều là vô nghĩa; chúng chỉ hiện hữu trong mối quan hệ với cái gì đó siêu vượt lên trên. Chỉ có cái Bản ngã đó mà thôi, và vì thế mà chúng ta chính là của nó, là những phần hữu cơ của nó. Chúng tuy có mai một đi, nhưng vẫn luôn duy trì trở lại; chúng dù là sự thật hay sai lầm, cũng vẫn là trong chính sự hiện diện bị phủ mờ bóng che của nó.

Và giờ đây, đối với nó cũng như đối với tính nhất thể của bản ngã. Có thể có rất nhiều những bản ngã hữu cơ như thế, và đó là những đơn vị tách biệt nhau của những thời điểm, cùng của những đối tượng sự vật, và phải chăng những thời điểm đó có mang một ý nghĩa? Thế cho nên đã vẫn có *nhiều* sự kiện như thế, mà không phải chính những sự trùng khớp của chúng mới là sự thật? Những mối quan hệ của chúng lại có thể nào không là thực sự ư? Những vị trí phân biệt của chúng ở trong trật tự thế giới, chẳng phải là những sự vật này, hay là những sự vật của những tư tưởng khả thể mang tính chất đúng đắn hoặc sai lầm chăng? Nếu như thế, chẳng phải đã từng có hơn một lần, cái bản ngã thực hữu của nó bao hàm tất cả những sự thật này là đúng, mà những cái bản ngã tách biệt này đều xen kẽ vào nhau, và mọi loại của nó đều bị hấp thụ vào trong tính chất hữu cơ của chính cái ý nghĩa thuần lý của nó?

Thế thì cuối cùng, cũng chỉ có một cái Bản ngã hữu cơ, phản tỉnh, có ý thức, bao hàm mọi cái bản ngã, và như thế, đó cũng chính là mọi sự thật. Tôi đã gọi cái bản ngã này là cái Logos, là cái có

thể lý giải được tất cả mọi vấn đề, là cái hiểu biết hết thảy mọi sự. Trong [a] nội dung trước đây, chúng ta đã hoài nghi về nhiều sự vật; chúng ta thắc mắc về cái thế giới vẫn có vẻ như là tổng thể của mọi trật tự bên ngoài; chúng ta ngạc nhiên về thời gian và không gian, về thiên nhiên và sự tiến hóa, cũng như sự khởi đầu và sự kết thúc của mọi sự vật. Giờ đây chính anh ta lại phải ngạc nhiên, cũng giống như anh ta đã từng nghi ngờ. Phải chăng sự thắc mắc của anh ta về nó là hoàn toàn hữu lý? Có phải chăng anh ta đã có *hàm ý* về một sự vật nào đó do sự nghi ngờ của anh ta? Thế nên sự thật diệu mà anh ta hàm ý, và cũng chính nó mà anh ta ngạc nhiên, là có cái cấu thành thực sự của nó. Vì do sự ngạc nhiên mà trong thời điểm đó, anh ta đã không thể có được sự giải quyết về chân lý này; anh ta đã phải kêu gọi tới cái bản ngã mà nó có thể giải quyết được. Cái bản ngã đó phải có sự giải quyết được xem như thế là đúng, và chắc chắn vấn đề phải mang một ý nghĩa. Bản chất thật sự của không gian và thời gian là gì, sự khởi đầu thật sự của mọi sự vật là thế nào, do nơi đâu mà có vật chất ở một thời điểm nào đó trong thời gian của quá khứ, cái gì mà từ đó nó đã trở thành ra năng lượng của thế giới: những vấn nạn này chính là các vấn đề của chân lý, và chân lý thiết yếu hiện tiền đối với chính cái Bản ngã đó, như trong khoảnh khắc nó tự hiểu biết được tất cả mọi sự một cách trọn vẹn, siêu vượt một cái gì đó giống như là sự trống không mà trong đó nó lại chính là thế giới.

Thế cho nên thế giới đúng là một nội dung chất liệu như thế, như là các ý tưởng đã được tạo thành từ đó. Tư tưởng có hết mọi sự vật. Nhưng thế giới vẫn là không thật. Nó triển khai vô hạn, và siêu vượt mọi ý thức riêng của chúng ta, bởi vì nó chính là thế giới của một tinh thần phổ quát. Những sự kiện nào mà nó chứa đựng, cũng chỉ là kinh nghiệm để có thể thông tin cho chúng ta. Không thể có ma thuật nào lại đi trước được các công việc của khoa học. Nói một cách tuyệt đối, thì chắc chắn đó *phải là* sự vật đầu tiên của thế giới này, thế nhưng đó lại là cái mang sự thông minh, hữu lý, trật tự, và thiết yếu là có thể hiểu được; cho nên tất cả mọi vấn đề gì của nó đều có thể giải quyết được ở một nơi nào đó, đó là tất cả những điều gì bí mật, tăm tối nhất của nó nhưng vẫn biết được đối với cái Bản ngã tối cao. Cái Bản ngã này siêu vượt lên trên một cách vô hạn, và một cách có phản tính, trong chính ý thức của chúng ta, và như thế là bởi vì nó vẫn bao gồm chúng ta trong đó; tất nhiên nó như là một nhân cách, và hơn thế nữa, là một ý thức cụ thể hơn hẳn điều gì chúng ta vẫn có: bởi vì cái gì mà nó sở hữu phải chăng cũng chính là sự hiểu biết mang tính cách tự phản tỉnh về nó, và cái gì là sự hiểu biết có ý thức về chính nó, đó cũng chính là khả năng ý thức? Vượt lên trên mọi điều dường như tản mạn và lộn xộn của những vấn đề hữu hạn của chúng ta, sự nội quan vĩnh cửu của nó, do thế mà vẫn luôn tồn tại trong sự kỳ vĩ tuyệt đối và tối cao. Điều đó vẫn luôn không xa cách với tất cả mọi người chúng ta. Chẳng có tư tưởng nào là tạm bợ và thoáng qua, dù nó chợt xuất hiện trong đầu óc của một đứa bé, hay nó đang làm bối rối khuôn mặt nhạt nhòa của cô hầu gái, mà lại không chứa đựng cũng như không phải là hiện thân của một bản chất nào đó của cái Logos thiêng liêng này.

30

Sự thất vọng *

SOREN KIERKEGAARD

(1813 - 1855)

I. Sự thất vọng là niềm khắc khoải về cái chết

A. Sự thất vọng là niềm khắc khoải trong tinh thần, trong bản ngã, do đó có thể có một dạng với ba hình thức: sự thất vọng trong đó không ý thức việc có một bản ngã (sự thất vọng không được gọi theo đúng nghĩa); sự thất vọng trong đó không có ý chí về sự tồn tại của chính mình; sự thất vọng trong đó có ý chí của chính mình.

Con người là giá trị tinh thần. Nhưng cái gì là tinh thần? Tinh thần là cái bản ngã. Nhưng thế thì bản ngã là cái gì? Bản ngã là một mối quan hệ mà trong đó tự nó quan hệ với chính nó, hay đó là mối quan hệ [nó chỉ nhằm cho chính nó] với chính nó trong chính tự thân của nó. Con người là một tổng hợp của cái vô hạn và cái hữu hạn, của cái thế tục và cái vĩnh cửu, của sự tự do và sự thiết yếu, hay nói chung nó chính là một tổng đề. Một tổng đề lại là một mối quan hệ giữa hai yếu tố. Nhìn rõ được điều đó thì con người vẫn còn chưa phải là một bản ngã.

Trong mối quan hệ giữa cả hai, thì mối quan hệ đó là một yếu tố thứ ba, như một yếu tố đơn nhất phủ định, và cả hai có mối quan hệ giữa chính nó, và cả trong mối quan hệ với mối quan hệ; một mối quan hệ như thế, là một cái gì đó ở giữa linh hồn và thân xác, khi con người được nhìn nhận như là một linh hồn. Nếu ngược lại, thì mối quan hệ là sự việc tự nó quan hệ với chính nó, và sự quan hệ chính là cái yếu tố tích cực thứ ba. Và điều này cũng chính là cái bản ngã.

Mối quan hệ tự nó quan hệ với chính nó (tức là muốn nói tới một bản ngã) như thế, thì nó phải là, hoặc đã là có sự cấu tạo ra chính nó, hay là nó đã được cấu tạo bởi một cái khác.

Nếu mối quan hệ này, tức mối quan hệ giữa chính nó với chính nó, được cấu tạo bởi một cái khác, thì mối quan hệ đó chắc

* Trích từ *Niềm khắc khoải về cái chết (1849)*, từ trong *Sợ hãi và run sợ*.

chắn phải là yếu tố thứ ba, nhưng mối quan hệ này (yếu tố thứ ba) tới phiên nó, lại là một mối quan hệ thuộc về chính nó với một cái gì đó mà tự nó đã cấu tạo nên toàn bộ các mối quan hệ đó.

Một mối quan hệ được phát sinh, được tạo thành trong tính chất là bản ngã của con người, một mối quan hệ mà tự bản thân nó là một sự quan hệ với chính nó, với chính bản ngã của nó, và cũng trong mối quan hệ của chính nó với bản ngã của chính nó và cùng với cái khác. Vì thế, cho nên cũng có thể gọi được một cách đúng nghĩa là có cả hai dạng của sự thất vọng như thế. Nếu bản ngã của con người vốn đã thiết tạo nên chính nó, thì chỉ có thể chỉ có vấn đề về một dạng, nhưng không phải ý muốn là một bản ngã của chính nó, của sự mong muốn được tách ra khỏi chính nó. Công thức này [tức bản ngã đã được kiến tạo bởi một cái gì đó khác] là sự biểu hiện đối với sự phụ thuộc về tổng thể của mối quan hệ (hay nói đúng hơn là bản ngã), là sự biểu hiện đối với sự kiện bản ngã không thể từ là chính nó để đạt tới, hay duy trì được trong sự cân bằng cũng như là tự tại bởi chính nó, nhưng chỉ do mối quan hệ giữa chính nó với cái Sức mạnh vốn đã cấu tạo nên toàn bộ mối quan hệ đó. Thật thế, đến một mức độ nào đó mà thật sự dạng loại thứ hai của sự thất vọng (sự thất vọng mà không phải chính điều mong muốn như là bản ngã của một người nào) chỉ nói lên được một dạng đặc thù của thất vọng; và trái lại, mọi thất vọng có thể có được, khi được phân tích đến tận kỳ cùng, đều lại bị giản lược vào chính điều này. Nếu một người mà trong thất vọng, như thể anh ta suy nghĩ là chính mình có ý thức về sự thất vọng của mình, thì vẫn không thể nói về điều đó một cách vô nghĩa như thể nó thuộc về một cái gì đó mà chính nó lại thuộc về anh ta (thật là kỳ cục khi một người đang bị chóng mặt lại tự dối gạt mình bằng cách nói hệ thần kinh của mình như thể có một sức nặng nào đó được đặt lên trên đầu mình, hay là nói giống như có cái gì đó đã rơi xuống trên đầu mình v.v... Sức nặng này và áp lực của nó, trong thực tế không phải là cái gì đó ở bên ngoài, mà là một sự phản ảnh từ một kinh nghiệm hướng nội, vốn chính từ ngoài đi vào bên trong); và nếu bởi chính người ấy, và cũng chỉ bởi chính người ấy mà thôi, thì người ấy có thể huy bỏ được sự thất vọng; và rồi bởi tất cả sự lao động của người ấy, triển mở bản thân người ấy như là đang làm việc một cách sâu sắc hơn, đi vào trong một sự thất vọng sâu xa hơn. Sự biến động của một thất vọng không đơn thuần chỉ là một sự biến động, nhưng là một sự biến động trong một mối quan hệ mà tự nó quan hệ trong chính nó trong bản thân của nó, và cũng là được tạo lập bởi một cái gì đó khác; cho nên sự biến động trong mối tự quan hệ với chính bản thân đó của nó vẫn luôn tự phản ảnh chính nó một cách vô hạn trong chính mối quan hệ với quyền năng siêu việt đã đặt ra chính nó.

B. Khả thể tính và hiện tại tính của sự thất vọng

Phải chăng sự thất vọng là một lợi điểm hay chỉ là một sự tự rút lui? Nếu nhìn trong tính cách thuần túy biện chứng, thì là cả hai. Khi một người bị kích thích trong một ý niệm trừu tượng về sự thất vọng, mà không phải là sự ám chỉ về một con người cụ thể đang bị thất vọng nào, thì người ta có thể nói rằng đó là một sự lợi điểm vô cùng. Khả thể tính của sự yếu đuối này chính là một lợi điểm của con người so với con vật, và lợi điểm này giúp phân biệt người ấy trong tính cách thiết yếu hơn so với chính tư thế đứng thẳng, bởi vì nó bao hàm chính tính

đứng thẳng vô hạn, hay là chính tính mềm mại của tinh thần đang tồn tại. Khả thể tính của sự yếu đuối này cũng lại là lợi điểm của con người so với con vật; nhằm quan sát một cách sắc bén sự yếu đuối này, chính là tính chất tạo thành lợi điểm của một người Thiên Chúa giáo so với một người bình thường; và nhằm chính sửa sự yếu đuối này cũng chính là ân sũng đối với con người Thiên Chúa giáo đó.

Như thế, đó chính là một ưu điểm vô hạn khi có thể bị thất vọng; và như thế, đó không chỉ là một sự bất hạnh hay như là sự khốn khổ lớn nhất khi phải bị thất vọng; nhưng đó lại là sự mất mát. Thông thường thì vẫn không có một mối quan hệ như thế giữa khả thể tính và hiện tại tính; nếu đó là một ưu điểm để nó có thể là cái này hay cái kia, thì nó vẫn là một lợi điểm lớn hơn so với một sự vật như vậy. Tức muốn nói rằng có một mối quan hệ với tính khả thể để nó là một yếu tố hướng lên. Trong trường hợp của thất vọng, thì ngược lại đó là một mối quan hệ với khả thể tính như là một sự rơi xuống. Ưu điểm như là tính vô hạn của khả thể tính, là ngay cả nó có lớn lao như thế nào, thì đó chính là việc đo lường đối với sự sa ngã. Như thế, trong trường hợp của sự thất vọng, thì sự hướng lên luôn chính yếu không phải bao gồm trong sự thất vọng. Cho nên chính trong sự khẳng định này lại dẫn tới một sự hiểu lầm. Sự việc không nằm trong sự thất vọng, vẫn luôn không giống với sự què quặt, đui mù v.v... Trong trường hợp không phải ở trong sự thất vọng, có nghĩa là vẫn không hơn hay kém đối với chính điều này, thế nên, nói chính xác vẫn phải là chính nó. Sự việc về sự không tồn tại trong thất vọng, phải có nghĩa là sự tiêu hủy của chính tính khả thể của điều tồn tại này; nếu sự thật đúng là một người không ở trong sự thất vọng, thì người đó tất phải hủy hoại tính khả thể đó vào mọi lúc. Như thế, thông thường đó không phải là mối quan hệ giữa tính khả thể và tính hiện tại. Mặc dù những nhà tư tưởng vẫn nói rằng tính hiện tại là tính khả thể đã bị tiêu hủy, thế nhưng điều này là không hoàn toàn đúng; nó là tính khả thể đã có hiệu lực và đã được hoàn thành đầy đủ. Ở đây trái với tính khả thể (không phải ở trong sự thất vọng) mà nó nằm trong dạng thức đích thực của nó, lại là một sự phủ định, lại là tính khả thể đã bị hủy diệt, đã bất lực; thông thường thì tính hiện tại trong so sánh với tính khả thể là một sự xác nhận, và ở đây nó chính là một sự phủ định.

Sự thất vọng chính là sự lộn xộn trong mối quan hệ tự nó được nối kết với chính nó. Nhưng tổng đề lại không phải là sự lộn xộn, mà đó chỉ là sự khả thể, hay là trong tổng đề thì lại có tiềm ẩn tính khả thể của chính sự hỗn độn. Nếu tổng đề là một sự phản quan hệ, thì cũng sẽ không có sự vật như thế đó trong tính chất là một sự thất vọng, bởi vì sự thất vọng khi đó sẽ là cái gì đó gắn liền với bản chất của con người như thế, tức là nó sẽ không phải là một sự thất vọng, nhưng nó sẽ là một cái gì đó thuộc về một con người cụ thể, một cái gì đó mà anh ta phải chịu đựng một cách thụ động, cũng giống như sự đau yếu khi nó xâm nhập vào trong một con người bị sa ngã, hay giống như là cái chết mà đó là một định mệnh cho tất cả mọi người. Không phải thế, sự việc này của sự thất vọng vẫn được gắn liền với bản chất của chính anh ta; nhưng nếu anh ta chẳng phải là một tổng đề, thì anh ta không thể bị thất vọng, cũng không thể như thế, nếu tổng đề vốn không phải từ bàn tay của Thượng Đế, đã cấu tạo nên mối quan hệ đúng đắn mà có thể con người phải thất vọng.

Vậy do đâu mà có sự thất vọng? Từ mối quan hệ ở bên trong đó, mà tổng đề là mối quan hệ của chính nó với chính nó, trong điều gì đó mà Thượng Đế đã tạo nên trong con người chính mối quan hệ để làm cho điều này được diễn tiến trong tính chất là nó đã được tạo ra từ bàn tay của Ngài, và trong sự kiện mối

quan hệ đó chính là tinh thần, là bản ngã, mà cốt yếu chính là trách nhiệm mà ở dưới nó có mọi sự thất vọng nằm ở đó, và nằm ở đó trong mọi lúc nó hiện hữu, dù rằng có nhiều và dù rằng một cách thông thông minh, mà người bị thất vọng đã phải tự lừa dối mình và lừa dối những người khác, để có thể nói về sự thất vọng của người ấy như là một sự không may, hay là nó đã tự nhiên rơi xuống trên đầu người ấy, trong sự xen lẫn cùng nhiều sự vật khác nhau, giống như trong trường hợp của cơn chóng mặt đã từng được nói trước đây, mà đối với nó, cho dù bản tính khác nhau, thì sự thất vọng vẫn có nhiều cái chung, bởi vì sự chóng mặt là dấu hiệu của linh hồn, là cái gì mà sự thất vọng nằm ở dưới nó là dấu hiệu của tinh thần, và đã được thai nghén với những điều tương tự cùng với sự thất vọng.

Cho nên, khi sự lộn lạo đó - tức là sự thất vọng - đã có mặt, thì dĩ nhiên lại chẳng đưa tới chính vấn là nó tồn tục? Không phải thế, điều đó không thể đi tới hậu quả về một mối quan hệ trong chính nó với chính nó. Tức ý muốn nói là mọi lúc có sự mất đi mối quan hệ thể hiện trong chính nó, và trong mọi lúc mà nó tồn tại, thì nó là mối quan hệ làm cho người ta phải chú trọng tới. Lấy ví dụ chúng ta đang nói về một người đã bị nhiễm một căn bệnh nào đó, thì đó có thể là do sự không thận trọng. Rồi thì có sự đau yếu hiện ra, và chính từ thời điểm này, mà nó tự khẳng định chính nó, và giờ đây đó là một điều *hiện giờ* đang có, là nguồn gốc của cái gì đó mà chính nó cứ càng lùi xa hơn vào trong *quá khứ*. Đó sẽ là một sự hung ác và dã man, nếu một người cứ không ngừng tiếp tục nói "Lúc này đây chính mày là con người đau yếu đang bị nhiễm loại bệnh này"; tức là nếu trong mọi lúc, người ta cứ phải cố giải quyết tính hiện tại của bệnh tật, áp đặt vào trong tính khả thể của chính nó. Điều thật sự là anh ta đã mắc phải bệnh thật, nhưng điều này anh ta lại chỉ bệnh đã mắc có một lần; còn sự tiếp tục của bệnh tật, thì đó chỉ là hậu quả đơn giản của sự kiện anh ta đã có một lần mắc phải nó, là sự diễn tiến của nó đã không được nói tới, nên mọi lúc đối với anh ta nó như thể là nguyên nhân; anh ta đã bị nhiễm phải nó, nhưng người ta không thể nói rằng anh ta *đang bị nhiễm* nó. Cũng chẳng phải với một sự thất vọng như thế: mọi khoảnh khắc hiện tại của sự thất vọng là phải được nhắc trở lại với tính khả thể, mọi khoảnh khắc mà con người trong sự thất vọng là đã bị *nhiễm* phải nó, đó là tính thường xuyên trong thời gian hiện tại, không có cái gì đang đi đến tạt ngang qua đây, giống như một hậu quả của hiện tại và đã qua đi xong rồi; ở mọi lúc trong hiện tại của sự thất vọng, con người bị thất vọng giống như đang mang lấy trách nhiệm của mọi kinh nghiệm đã qua đi, trong chính tính khả thể như một điều hiện tại. Điều này vốn đi đến từ sự kiện sự thất vọng là một tính chất của tinh thần, là nó có liên quan đến sự vĩnh cửu ở trong chính con người. Nhưng tính vĩnh cửu mà người ấy không thể nào vất bỏ đi được đó, không thể nào, thì vẫn không phải đó là tất cả tính vĩnh cửu; người ấy không thể tách nó ra khỏi người ấy chỉ một lần rồi thôi, điều đó không thể nào khác hơn được như thế; mọi khoảnh khắc mà người ấy không có nó, là do người ấy phải tách nó đi, hay là nó đã bị tách ra khỏi người ấy - nhưng nó lại quay trở lại, trong mọi thời khắc mà người ấy là đang trong sự thất vọng, và người ấy phải bị thất vọng. Bởi vì sự thất vọng không phải là một kết quả của sự mất quan hệ, nhưng là của của mối quan hệ mà tự nó quan hệ với chính nó. Và mối quan hệ với chính nó mà một người không thể tướt bỏ ra được khỏi người ấy, hơn nữa nó cũng chính là một, và cùng thuộc về một sự vật, chỉ bởi vì bản ngã vẫn luôn là mối quan hệ với chính nó.

C. Sự thất vọng là "sự đau yếu, cho tới cái chết"

Ý niệm về sự đau yếu dẫn tới cái chết, tuy nhiên, phải được hiểu theo một ý nghĩa riêng biệt, đặc thù của nó. Nói theo nghĩa đen, đó là một sự đau yếu mà cái tận cùng, và lối thoát ra của nó, chính là cái chết. Như vậy, người ta nói về một sự đau yếu đưa tới chết, được coi như là đồng nghĩa với sự đau yếu làm chết người. Nhưng theo nghĩa này, sự đau yếu vẫn không thể thật sự được gọi là sự đau yếu dẫn tới cái chết. Bởi vì trong sự hiểu của người Thiên Chúa giáo, thì cái chết tự nó là một chuyển dịch sang một đời sống mới. Trong quan điểm này, tức quan điểm của người Thiên Chúa giáo, thì không có sự đau yếu trần tục của thân xác để dẫn tới cái chết. Bởi vì cái chết đích thực, chỉ là giai đoạn sau cùng của sự đau yếu, nhưng chính cái chết lại không phải là sự vật sau cùng. Nếu trong ý nghĩa hẹp nhất mà chúng ta đang nói tới, là sự đau yếu dẫn tới chết, thì nó phải là một sự kiện mà trong đó sự vật sau cùng chính là cái chết, và cái chết mới chính là sự vật cuối cùng. Và điều này nói chính xác chính là sự thất vọng.

Thế nên, trong một ý nghĩa khác, và cũng còn mang tính xác định hơn, thì sự thất vọng chính là sự đau yếu đưa tới cái chết. Sự thực rất là sâu xa đối với chân lý mà nghĩa đen vẫn được hiểu, là người ta chết vì do sự yếu đuối này, hay muốn nói là sự yếu đuối này sẽ được chấm dứt với cái chết của thân xác. Trái lại, sự khổ ải của niềm thất vọng, mà chính xác là điều này, vẫn không phải là việc có thể chết. Do thế mà nó vẫn có nhiều điều chung với tình trạng của sự hấp hối khi người ta đang nằm trên giường bệnh, và chống chọi với cái chết, và vẫn không thể chết. Như vậy, việc bị đau yếu *đưa đến* cái chết vẫn không phải là có thể chết cho dù nó không phải là sự hy vọng dẫn tới sự sống; không đâu, sự không hy vọng trong trường hợp này, cho dù ngay cả sự hy vọng sau cùng, tức cái chết, vẫn là không có giá trị. Khi cái chết là sự nguy hiểm lớn nhất, thì người ta hy vọng vào đời sống; nhưng khi người ta trở nên quen thuộc với chính sự nguy hiểm, ngay cả là khủng khiếp hơn nhiều, thì người ta vẫn hy vọng vào cái chết. Như vậy, khi sự nguy hiểm là quá lớn, đến độ mà cái chết trở thành niềm hy vọng của chính con người ta, thì sự thất vọng chính là sự không thể an ủi được của việc không thể chết được.

Trong ý nghĩa sau cùng này, thì niềm thất vọng đó, chính là sự đau yếu dẫn tới cái chết, và sự mâu thuẫn ghê gớm này, là sự đau yếu trong chính bản thân của nó, chắc hẳn là luôn luôn dẫn tới sự chết, dù cái chết không dẫn tới cái chết, hay cái chết là dẫn tới sự chết. Bởi vì sự đang hấp hối, có nghĩa là nó đang vượt lên trên hết cả, nhưng việc đang chết cái chết có nghĩa là để được sống qua kinh nghiệm của chính cái chết; và nếu vì trong một thời khắc duy nhất mà kinh nghiệm này có thể có được, thì cầm bằng nó là kinh nghiệm về chính nó mãi mãi. Nếu người ta có thể chết vì thất vọng, giống như khi người ta chết về một sự đau yếu, thế thì cái vĩnh cửu ở trong con người đó, cái bản ngã, là có thể chết được trong cùng một ý nghĩa, cũng giống như thân xác chết vì do tật bệnh. Nhưng điều này là điều không thể có được; sự chết do thất vọng tự nó biến đổi thường xuyên thành ra sự sống. Con người đang thất vọng thì không thể chết; cũng chẳng phải "con dao lại có thể giết chết được các ý nghĩ", có thể là sự thất vọng làm tiêu hủy được sự vật vĩnh cửu kia, là chính cái bản ngã, mà nó là nền tảng của sự thất vọng, nhưng bản chất của nó thì không chết, và ngọn lửa của nó thì không thể tắt được. Đúng là sự thất vọng nói chính xác là *tự*-hủy hoại chính nó, nhưng đó là một sự tự hủy hoại vô ích, vì nó không thể nào làm được

điều gì mà nó muốn; và sự vô ích này, chính là một dạng thức mới của sự tự hủy hoại, mà trong đó, tuy nhiên nó vẫn làm cho người thất vọng luôn không thể làm được điều gì mà mình muốn, hay nói đúng hơn không thể tự hủy hoại được chính mình. Điều này, có nghĩa là sự thất vọng được nâng lên một năng lực cao hơn, hay đó chính là luật của sự triển khai rộng ra. Điều này cũng chính là một sự kích thích nóng bỏng, hay là ngọn lửa lạnh trong sự thất vọng, hay sự âu sầu cắn rứt, mà sự vận động của nó thường xuyên vẫn hướng vào bên trong, sâu xa hơn, và cũng là sự tự hủy hoại nó một cách thật vô ích. Sự kiện sự thất vọng không thể hủy hoại được anh ta, thì cũng chẳng hề đem lại được điều gì phù hợp hơn cho con người đang bị thất vọng đó muốn làm hành động tự hủy hoại chính mình, mà thực tế nó chính là sự đi ngược lại, và sự thích hợp này chính xác chỉ là sự dằn vặt, hay nó chính xác chỉ là việc giữ cho sự đau đớn triền miên thật là hết sức căng kéo, và khiến cho đời sống phải bị đau đớn. Điều này chính xác cũng là lý do mà tại sao anh ta thất vọng - không phải nói là bị thất vọng - bởi vì anh ta không thể tự hủy hoại chính mình, không thể bứt nó ra được khỏi anh ta, không thể trở thành ra chẳng là cái gì cả. Điều này cũng chính là công thức căn cơ của sự thất vọng, là sự tăng sốt trong sự đau yếu của chính cái bản ngã...

Socrates đã chứng minh sự bất tử của linh hồn từ sự kiện rằng sự đau yếu của linh hồn (tội lỗi) không hủy hoại được nó giống như sự đau yếu của thể xác vẫn hủy hoại được thân thể. Cũng như thế, chúng ta có thể chứng minh được sự vĩnh cửu trong con người, từ sự kiện rằng sự thất vọng luôn không thể làm hủy hoại được chính bản ngã của người ấy, và điều này chính xác cũng là sự dày vò trong sự mâu thuẫn của niềm thất vọng. Nếu chẳng có một điều gì là bất tử trong một con người, thì anh ta cũng không thể thất vọng; nhưng nếu sự thất vọng có thể hủy hoại được chính bản ngã của anh ta, thì tất cũng sẽ không thể có được sự thất vọng.

Như vậy tức có nghĩa sự thất vọng đó, cái đau yếu đó trong bản ngã, là cái đau yếu dẫn tới cái chết. Con người đang thất vọng chính là sự đau yếu có thể dẫn đến cái chết được. Trong một ý nghĩa hoàn toàn khác hơn, thì điều đó có thể nói được một cách phù hợp về bất cứ một tật bệnh nào, và chúng ta có thể nói rằng sự đau yếu đã tấn công vào chính cái phần cao quý nhất của người ấy; và như thế con người là không thể chết được. Sự chết vẫn không phải là giai đoạn sau cùng của sự đau yếu, nhưng sự chết là điều tiếp tục cái sau cùng. Để được giải phóng ra khỏi sự đau yếu này qua chính cái chết, đó là điều không thể có được, bởi vì cái chết và sự dày vò của nó... Và cái chết cốt yếu chính là ở sự có thể chết đi được.

Điều này cũng là tình trạng của sự thất vọng. Tuy vậy và cũng xuyên suốt qua đó, mà nó tránh được sự chú ý của chính người đang thất vọng, tuy nhiên cũng xuyên suốt qua đó, mà người bị thất vọng có thể được thành công (như trong trường hợp cùng loại đó của sự thất vọng, mà nó vẫn có đặc trưng bởi sự không có ý thức là mình cũng đang ở trong sự thất vọng), trong sự đánh mất chính mình một cách hoàn toàn, và sự đánh mất chính mình như thế, mà nó vốn đã được lưu ý ít nhất - tuy nhiên, sự vĩnh cửu sẽ làm cho nó thể hiện ra tình trạng của người ấy là đã bị thất vọng, và nó sẽ vẫn cứ gắn chặt anh ta với chính mình, đến độ mà tuy thế sự dày vò vẫn cứ còn ở đó, khiến cho người ấy không thể nào bứt nó ra khỏi người ấy được, và nó đã trở thành hiển nhiên không thể nào suy nghĩ được là người ấy đã thành công. Và do thế, mà sự vĩnh cửu lại phải hành động, bởi vì vẫn có một bản ngã, mà một bản ngã lại là một diễn trình lớn nhất, được tạo ra cho chính con người, nhưng cùng trong một lúc, nó lại là yêu cầu của tính vĩnh cửu ở trên chính người ấy.

II. Sự thất vọng là tội lỗi

Chương I: Sự thăng cấp trong ý thức của bản ngã (Phẩm chất "trước Chúa")

Tội lỗi là sự thất vọng khi phải đứng trước Chúa mà không phải do việc tự mình muốn, hay là sự thất vọng khi phải đứng trước Chúa mà lại do ý muốn của chính mình. Nhưng cũng không phải định nghĩa này, cho dù ngay cả trong các khía cạnh nào đó khác, mà có lẽ cần thừa nhận về những mặt lợi điểm (mà trong số đó, thì điều này có thể vẫn nặng ký hơn cả, vì đó là sự định nghĩa từ trong Kinh Thánh, và bởi vì Kinh Thánh luôn luôn vẫn xác định tội lỗi như là sự không vâng phục), và phải chăng sau hết nó rất có ý nghĩa tinh thần? Đối với chính điều này, trước hết người ta cần phải dưa ra cả câu trả lời rằng một định nghĩa về tội lỗi có thể vẫn không bao giờ mang tính chất rất tinh thần (trừ khi nào nó trở nên rất tinh thần đến nỗi nó có thể làm cho mất hết tội); bởi vì tội lỗi nói chính xác là một sự xác định của tinh thần. Và lại còn điều này nữa, là tại sao nó lại mang tính rất tinh thần? Bởi vì nó không hề nói về kẻ sát nhân, kẻ trộm đạo, kẻ bất hảo v.v .? Nhưng có phải chăng chỉ vì nó đã không nói về chúng? Và có phải chăng nó cũng không tự xác nhận việc mình chống lại Chúa, khi có một người nào đó là không vâng theo lời và còn thách đố cả các mệnh lệnh của Ngài? Nhưng về mặt khác, thì trong khi nói về tội lỗi, người ta vẫn chỉ nói về những tội lỗi giống như thế, và cũng rất dễ dàng quên rằng trong một cách nào đó thì nó có thể là rất đúng; hay nói một cách phù hợp hơn, và cùng với sự xem xét đối với với tất cả mọi khía cạnh về sự vật như thế, thì cho tới một mức độ nao đó, và cũng do thế mà toàn bộ cuộc sống cũng có thể là tội lỗi, và hắn cũng cần nên biết rõ về các loại tội lỗi đó: những tội lỗi thật rõ ràng, ghê gớm, mà chúng hoặc là không có ý nghĩa tinh thần, hay vô đạo, và cứ tiếp tục như thế, hay là chính những ý muốn được ý thức trong cái gì đó, về một ý nghĩa mang tính chất sâu xa hơn rất nhiều, là một bản ngã của con người trong giá trị đạo đức, đặt dưới bổn phận đối với Chúa, cho tất cả mọi sự mong ước cùng là các tư tưởng bí mật nhất, được nhanh chóng hiểu ra ngay và sẽ sẵn sàng đi theo mọi điều gọi dẫn của Chúa, giống như là việc đi theo cái gì đó mà ý chí của Ngài muốn cho bản ngã này. Những tội lỗi của thân xác chính là sự tự khẳng định về một bản ngã thấp kém hơn; nhưng làm thế nào để yêu thương một điều gì là tội lỗi, thì lại được nêu ra bởi chính một điều gì là tội lỗi, và cái tình trạng sau cùng đó lại càng trở nên tệ lậu hơn nữa, hơn hẳn cái đầu tiên. Bởi vì như thế, thì đó cũng chính là đối với con người của thế gian: vì trước hết, những tội lỗi của con người chính là từ sự yếu đuối và sự ốm đau; và nếu như thế rồi thì - vâng, rồi thì có lẽ người ấy lại học được cách thức trốn chạy để tới với Chúa và để được giúp đỡ bởi niềm tin mà rồi nó sẽ cứu vớt được người ấy ra khỏi mọi điều tội lỗi; nhưng đối với điều này, chúng ta vẫn chưa cần nói ra ở đây - và rồi người ấy lại thất vọng đối với chính sự yếu đuối của mình, và trở thành hoặc là một kẻ Pharisee, mà chính trong nỗi thất vọng, vẫn cố gắng để đạt tới một sự đúng đắn về pháp lý nào đó, hay là anh ta bị thất vọng, và lại càng đắm mình vào trong tội lỗi.

Do thế mà việc định nghĩa chắc chắn cũng bao gồm mọi loại dạng hiện tại và cũng có thể nhận thức được của tội lỗi; nó chắc hắn phải được ném vào trong sự nổi lên của sự kiện quyết định, rằng tội lỗi là sự thất vọng (bởi vì tội lỗi không phải chỉ là sự dã man về máu và thịt, nhưng chính là trong sự tương ứng như thế về mặt tinh thần), và nó... đứng trước Chúa. Như một dạng định nghĩa, nó là một thứ đại số. Trong tác phẩm nhỏ này,

nó sẽ đi ra khỏi vị trí của nó, và cũng do thế, mà một nỗ lực có lẽ cũng sẽ không đạt tới thành công, và cũng do thế ma tôi sẽ bắt đầu mô tả nó bằng một sự mô tả những tội lỗi đặc thù. Điều chính yếu ở đây, là định nghĩa cũng phải giống như một cái lưới, phải bao trọn mọi hình dạng trong đó. Và chính vì thế mà nó cũng giống như là có thể nhìn thấy được, khi người ta thử thách nó bằng cách nêu lên cái gì đó trái ngược, đó chính là sự định nghĩa của niềm tin, bởi đó mà tôi sẽ định hướng toàn bộ công việc này của tôi, giống như việc nhờ các dấu hiệu của người thủy thủ lành nghề. Niềm tin đó chính là: bản ngã trong chính cái bản thân của nó, đã được đặt nền móng một cách trong sáng ở trong Chúa.

Nhưng thông thường, nó đã được nhìn bao quát như thể cái đối ngược của tội lỗi chính là *đức hạnh*, mà không phải là bất cứ một điều nào khác. Đây lại là một phần trong quan điểm của ngẫu tượng giáo, mà chính nó vẫn chỉ bằng lòng với cái thước đo của con người, mà đích thực thì vẫn không biết được *tội lỗi* là gì, và bảo rằng tất cả mọi tội lỗi là khi đứng trước Chúa. Không, *đối ngược với tội lỗi chính là đức tin,* như vốn đã được xác nhận trong Rom. 14: 23, "bất cứ điều gì mà không phải thuộc về đức tin thì đều là tội lỗi". Và nói chung, đối với Thiên Chúa giáo, thì đó là một trong những điều quyết định nhất, cho rằng sự đối kháng với tội lỗi, thì không phải là đức hạnh, mà là niềm tin...

Đạo Thiên Chúa dạy rằng các cá nhân đặc thù này, và như thế cũng là mọi cá nhân, và cho dù trong tất cả những khía cạnh nào đó khác, thì các cá nhân đó vẫn có thể là đàn ông, đàn bà, cô gái giúp việc, vị bộ trưởng, người thương gia, người thợ hớt tóc, sinh viên, v.v... - các cá nhân này tồn tại ở *trước Chúa* - các cá nhân này vẫn có thể là vô ích, vì đã từng có một lần trong cuộc đời của mình, đã có nói với đấng chí tôn, rằng con người này vẫn không hề có một chút tự hào nào về đời sống, trong những từ ngữ thân mật như thế, đối với con người đó, hay là đối với những con người khác, và những con người hiện hữu trước Chúa, vẫn có thể nói với Chúa vào bất cứ lúc nào mà người ấy muốn, và chắc chắn là Ngài vẫn nghe được, hay nói gọn là người này đã được mời tới, để sống trong những nội dung thân mật nhất cùng với Chúa! Hơn thế nữa, nhằm bảo đảm an toàn cho người này vốn đến từ thế giới, thì cứ hãy để cho chính người đó được sinh ra, chịu đau khổ và chết đi; và vị Thượng Đế phải cam chịu sự khổ ải này đã xin, và được cư xử như người này phải thừa nhận sự giúp đỡ, mà nó đã được hiến tặng cho người đó! Thật thì, nếu có một sự việc gì đó mà nó có thể làm cho một người nào đó bị mất đi sự hiểu biết của mình, thì điều đó chắc chắn chính là điều này! Bất cứ người nào mà chẳng có một chút can đảm nào để dám tin vào điều đó, thì tất phải bị tấn công ngay ở đó. Nhưng lý do tại sao anh ta lại bị tấn công? Bởi vì nó vẫn là rất cao so với anh ta, bởi vì anh ta không thể nào đưa được nó vào chính trong đầu óc của người ấy; bởi vì khi đối mặt với chính nó, thì người ấy luôn không thể có được một tấm lòng bộc trực, và do thế mà cứ đành phải vất bỏ nó đi giống như thế, và càng làm cho nó trở thành chẳng ra gì và cũng chẳng còn có một ý nghĩa gì nữa, là bởi vì nó đã được suy nghĩ như thế là đã có thể làm cho anh ta bị tất nghẹn.

Bị tấn công là vì nhằm tới điều gì? Sự tấn công cho thấy đó là việc không may. Điều đó do thế mà cũng đi liền với sự ghen tức, nhưng đó là một sự ghen tức liền quay lại chống lại chính bản thân của người đó, hay nói một cách chính xác hơn, là sự ghen tức mà nó là tệ lậu nhất của tất cả, trong mọi sự chống đối lại chính mình. Cái đầu óc thiển cận, hẹp hòi của con người trong tự nhiên, không thể nào đón nhận về cho chính mình cái điều gì kỳ thú mà chính Chúa đã có ý

muốn dành cho anh ta; bởi như thế mà anh ta đã bị tấn công.

Cấp độ của sự tấn công phụ thuộc vào sự đam mê nào đó mà con người ta bị thu hút. Con người khi càng trần tục, thì lại càng có ít trí tưởng tượng và đam mê, và do thế mà người ấy cũng không thể có khả năng chiêm ngắm, nên người ấy lại càng hay bị tấn công hơn, nhưng rồi lại tự bằng lòng mà nói rằng "Một sự việc như thế, tôi không thể nào để nó xuyên qua được đầu óc của tôi, tôi cứ để nó ở đó một mình". Đây chỉ là những sự hoài nghi. Nhưng càng có nhiều đam mê, và càng có nhiều sự tưởng tượng, thì người ấy lại càng gần hơn nhiều đối với một ý nghĩa nào đó (đó vẫn là việc có thể có) để trở thành được một người có niềm tin_ *nota bene!* - bởi sự tự nhún mình trước sự kỳ vĩ - và với chính điều đó, mà tất cả những người có lòng đam mê hơn, lại là người thường tấn công, vì điều đó ít nhất là việc không thể bằng lòng một chút nào về sự biểu hiện: việc bị hủy hoại ra thành tro bụi.

Nếu người ta học được cách nhằm hiểu ra sự tấn công, hãy để cho họ nghiên cứu lòng ghen tức của con người, thì hẳn đó là một chủ thể mà tôi dành riêng cho nó như một lớp học đặc biệt, và dành hết sức mình nhằm nghiên cứu nó cho thật sự sâu sắc. Sự ghen tức vẫn chứa đựng sự thán phục. Mà một người thán phục thì họ cảm thấy rằng họ không thể có cái may mắn, nên phải tự đầu hàng, bằng sự lựa chọn để trở thành ghen tuông với cái mà họ thấy thán phục. Do thế mà người ấy phải nói bằng một ngôn ngữ khác, và trong ngôn ngữ đó của người ấy, thì sự vật mà người ấy thực sự thán phục lại được người ấy gọi là một loại sự vật ngu ngốc, nhạt nhẽo, và kỳ cục. Sự thán phục là sự tự đầu hàng một cách hạnh phúc; sự ghen tức là sự tự nô lệ một cách không được may mắn.

Nó cũng giống như thế đối với sự tấn công: và điều đó trong mối quan hệ giữa người với người, thì được biết như là một sự thán phục/ghen tức, còn trong mối quan hệ giữa người với Thượng Đế thì lại được biết như là sự ngợi ca/tấn công. Cái *summa summarum* của mọi sự khôn ngoan của con người, là cái *ne quid nimis* "vàng son", hay có lẽ nói đúng hơn, là cái sáng giá [không phải cái gì đó quá nhiều], sự quá nhiều hay quá ít đều làm hư hoại cả hai. Cái này là cái được cho và được lấy giữa người và người, giống như là sự khôn ngoan và việc được vinh danh bởi sự thán phục, sự trích dẫn về nó không bao giờ bị dao động, là cái toàn thể của nhân loại bảo đảm cho chính giá trị của nó. Do thế mà nếu có một lần nào đó trong một lúc, mà ở đó sự sống của một thiên tài, và người đó trội vượt lên một ít về điều đó, thì anh ta sẽ bị cho là điên.. Bởi vì chính sự khôn ngoan. Nhưng Thiên Chúa giáo, thì lại vượt xa quá điều *ne quis nimis* này nhiều, một sự đẩy tới điều phi lý, nơi mà đạo Thiên Chúa giáo bắt đầu... và là sự tấn công.

Giờ thì người ta thấy được làm thế nào mà sự kỳ vĩ (nó là cái gì đó mà có lẽ vẫn lưu lại sự kỳ vĩ) - hay làm thế nào mà nó là ngu ngốc một cách kỳ vĩ, để nhằm bênh vực cho Thiên Chúa giáo, và làm thế nào mà một chút hiểu biết của những người phản bội điều này, cùng làm thế nào để thực sự, ngay cả cho dù nó là vô thức, và nó lại đang vận động trong sự đụng chạm cùng với kẻ thù, bằng cách làm cho Thiên Chúa giáo giống như một sự việc đáng thương nào đó, hay là một sự việc khác, mà cuối cùng nó lại đã được cứu vớt bởi một sự bảo vệ. Do vậy mà chắc chắn, và thật sự rằng người ấy là con người đầu tiên đã khám phá ra ý niệm về sự bảo vệ Thiên Chúa giáo trong tinh thần của Thiên Chúa giáo, là *đích thực* Judas No. 2; người ấy cũng đã phản bội với một cái hôn, chỉ ra sự phản bội của người ấy, chính là sự ngu ngốc mà thôi. Bảo vệ một cái gì đó, tức là luôn luôn không tin chắc vào nó. Hãy để cho một người cứ có được một

nhà kho chất chứa đầy vàng bạc, hãy để người ấy muốn tiêu xài bao nhiêu đối với người nghèo cũng vẫn được - nhưng hãy gạt người ấy qua một bên, và rằng người ấy đã đủ ngu ngốc để bắt đầu hành vi tử tế đó với một sự bênh vực mà trong đó người ấy đã đưa ra ba lý do để chứng minh rằng là nó có thể biện minh được - và hầu hết người ta vẫn có khuynh hướng muốn nghi ngờ, là không biết người ấy có làm điều gì đó tốt hay không. Nhưng giờ đây làm thế nào đối với Thiên Chúa giáo! Đúng, người ấy là người bảo vệ nó, nên không bao giờ tin vào nó. Nếu người ấy tin tưởng, thì sự nhiệt tình của niềm tin là... không bảo vệ, không, mà đó là sự tấn công và chiến thắng. Người tin tưởng là một người chiến thắng.

Như vậy, đứng cùng với Thiên Chúa giáo, và tấn công. Tính khả thể của sự tấn công, là hàm chứa hoàn toàn trong định nghĩa của Thiên Chúa giáo về tội lỗi ở trong sự diễn đạt này, "trước mặt Chúa". Một kẻ thờ ngẫu tượng, người theo tự nhiên, vẫn rất hay muốn chấp nhận rằng tội lỗi là hiện hữu, nhưng cái "đứng trước Chúa" này, mà nó thực sự là cái gì đó làm cho tội lỗi lại trở thành tội lỗi, lại là quá nhiều đối với người ấy, và đối với người ấy (cho dù trong một ý nghĩa khác, mà chính từ điều đó đã được chỉ ra ở đây) nó dường như là làm quá nhiều về cái gì đó, mà nó là một con người; hay có một chút ít kém hơn, và rồi người ấy vẫn muốn đồng nhất với nó - "nhưng rồi quá nhiều vẫn cứ là quá nhiều".

Chương 2: Định nghĩa của Socrates về tội lỗi

Tội lỗi là sự ngu dốt. Đây là định nghĩa của Socrates về tội lỗi đã được rất nhiều người biết đến, và nó cũng giống như mọi tính chất của Socrates, tức là một ý kiến rất luôn đáng được lưu ý tới. Tuy nhiên, đối với việc xem trọng về vị trí này của Socrates, cũng như đối với việc xem trọng nhiều vị trí khác của Socrates, thì làm thế nào mà nhiều người đã cảm thấy ra được một yêu cầu cần phải đi xa hơn? Cái gì khiến cho một số người đã cảm thấy điều cần thiết phải đi xa hơn là sự ngu dốt của Socrates - điều này có thể nói là bởi họ cảm thấy không thể có được đối với họ về việc phải dừng lại ở tại đó; bởi vì trong mỗi thế hệ, làm thế nào mà nhiều người được cho rằng là có khả năng, ngay cả dù chỉ có một tháng, về sự rèn luyện và thể hiện một cách sinh động đối với sự ngu dốt về mọi sự việc?

Do thế mà tôi cũng không thể dù bất cứ như thế nào, lại có ý định nhằm trình bày sự định nghĩa của Socrates, dựa trên nền tảng rằng con người ta vẫn không thể chỉ dừng lại với nó; nhưng lại còn có định nghĩa của Thiên Chúa giáo *in mente* [trong đầu], và tôi sẽ sử dụng nó để thực hiện một cái khác một cách sắc nét (chỉ bởi vì định nghĩa của Socrates thì rất đúng theo cách thức Hy Lạp như thế), để cho ở đây như thể vẫn luôn luôn có một sự trống rỗng của mọi định nghĩa khác, mà nó không phải ở trong ý nghĩa chặt chẽ nhất của Thiên Chúa giáo (tức của mọi định nghĩa mang tính cách thành phần) để có thể trở thành hiện thực được.

Cái khó khăn đối với định nghĩa của Socrates, vì nó cho thấy rằng sự ngu dốt vẫn không chấm dứt được như thế nào đó, khi mà tự nó đã trở nên được hiểu một cách chính xác đối với vấn đề về nguồn gốc của nó, v.v.... Tức muốn nói, là ngay cả nếu tội lỗi là sự ngu dốt (hay là cái gì đó mà Thiên Chúa giáo có lẽ vẫn thích gọi là sự ngu dần hơn), thì nó vẫn là một ý nghĩa không thể bị chối bỏ được, và chúng ta cần phải hỏi, có phải chăng điều này là một sự ngu dốt nguyên thủy, phải chăng nó cứ luôn luôn là trường hợp mà người ta đã không được biết tới, và cho mãi tới giờ,

cũng không thể nào biết được về một điều gì về chân lý đó cả, hay có phải chăng nó là một sự ngu dốt mà cũng do từ đó nó đã được sản sinh ra? Nếu nó chính là điều gì đó mà cả vấn đề sau rốt cũng bao hàm, thế thì tội lỗi có phải chăng đúng là có nền tảng từ trong một cái gì đó khác, phải chăng nó phải có nền tảng từ trong sự hoạt động mà đối với nó người ta đã đào luyện để cố làm cho tối tăm cái trí thông minh của người ấy.

Nhưng cũng khi nào mà điều này được hàm ý, thì một sự khó khăn ghê gớm cũng sẽ quay lại, để giải quyết nhanh gọn vấn đề đó, hoặc ngay vào lúc mà một người nào đó đã bắt đầu trí thông minh của mình bị mờ tối, thì người ấy cũng tất đã phải có ý thức một cách rõ rệt về nó, và rồi thì tội lỗi (ngay cả cho dù đó là sự không có ý thức, mà đó chỉ là một tình trạng đã được tạo ra) có lẽ vẫn không nằm ở trong sự thông minh nhưng là trong ý chí, và chính vấn đề phải được nêu lên, lại là chính mối quan hệ giữa trí thông minh và ý chí với nhau. Với những vấn đề như vậy, như những vấn đề (mà người ta có thể tiếp tục tăng thêm cho nhiều ngày) về sự định nghĩa này của Socrates, thì cũng chẳng quan hệ gì. Socrates chắc chắn vẫn là một bậc thầy về đạo đức (thời đại Cổ điển đã tuyệt đối gọi ông ta như con người đã khám phá ra đạo đức học), ông ta đã là con người đầu tiên, giống như ông ta vẫn đã giữ được vị trí hàng đầu trong tính cách của chính mình; nhưng ông ta đã bắt đầu với sự ngu dốt. Bằng một cách thông minh, ông ta đã hướng tới sự ngu dốt do chính ông ta đưa ra, hướng về chính tình trạng của sự không biết gì. Về mặt đạo đức, ông ta hiểu rằng sự ngu dốt lại hoàn toàn là một việc khác, và do vậy mà ông ta đã bắt đầu với nó.

Nhưng một mặt khác, như thế là một vấn đề dĩ nhiên, Socrates thiết yếu không phải là một nhà đạo đức học theo kiểu của tôn giáo, dù vẫn ít giáo điều hơn, giống như một nhà Đạo đức học Thiên Chúa giáo vẫn thường có. Do thế mà thực chất ông ta không hoàn toàn đi vào trong sự xem xét nó với việc mà Thiên Chúa giáo bắt đầu, vào trong cái *prius* [trước khi] ở trong đó tội lỗi được tự giả định trước với chính nó, và đó là cái mà Thiên Chúa giáo đã cắt nghĩa bởi chính lý thuyết về sự phạm tội tổ tông - một lý thuyết mà chính nơi biên cương của nó chúng ta chỉ có thể tới được ở trong nghiên cứu này.

Do thế mà Socrates đã không bao giờ thực sự hướng tới được một sự xác định mà chúng ta được biết tới như là một sự tội lỗi, mà nó chắc chắn chỉ là sự thiếu sót trong một sự định nghĩa về tội lỗi. Điều này có nghĩa là thế nào? Là bởi vì nếu tội lỗi thật sự chỉ là cái dốt, thế thì tội lỗi đúng nghĩa là không hiện hữu, bởi vì tội lỗi phải nhất định là có ý thức. Nếu tội lỗi được bao gồm trong cái ngu về cái gì đó là đúng, để cho con người ta vì thế mà có thể làm được cái gì đó là sai lầm, thì cái tội lỗi không thể có được. Nếu điều này là tội lỗi, thế thì nó phải được giả thiết rằng, giống như Socrates cũng đã nêu ra, rằng đó là trường hợp đó không thể xảy ra đối với một người vốn biết rằng một sự việc nào đó là sai lầm, và lại đang làm điều sai lầm. Thế thì nếu định nghĩa của Socrates là đúng, thì tội lỗi không thể có. Nhưng nếu điều này chính xác là như thế, và hiểu theo nghĩa Thiên Chúa giáo, thì do chính nó là ở trong một ý nghĩa sâu sắc hơn, nên nó là hoàn toàn đúng, và trong lợi ích của Thiên Chúa giáo, thì nó là *quod erat demonstradum* [cái đó cần phải được chứng minh]. Nói một cách chính xác, thì khái niệm bởi nó mà Thiên Chúa giáo tự phân biệt ra với Ngẫu tượng giáo, theo một cách tinh túy và quyết định, là chính ý niệm về sự tội lỗi, là lý thuyết về sự tội lỗi; và cũng do thế mà Thiên Chúa giáo hoàn toàn chủ trương một cách kiên định rằng chẳng phải Ngẫu tượng giáo, hay con người tự nhiên biết được như thế nào là tội lỗi; vì

thế mà nó cho rằng cần phải có một sự khải thị đến từ Chúa, mới có thể thấy được chí ít ra sự tội lỗi là như thế nào. Bởi vì điều đó là không đúng, giống như một cái nhìn hời hợt kết luận, rằng lý thuyết về sự tha thứ là sự khác nhau về phẩm chất giữa lý thuyết Ngẫu tượng giáo và Thiên Chúa giáo. Không phải thế, sự bắt đầu đã phải được thực hiện một cách sâu sắc hơn, với tội lỗi, với lý thuyết về tội lỗi, vì Thiên Chúa giáo cũng đã làm như thế. Do thế sẽ là một sự chê trách rất nguy hiểm như thế nào đó nhằm chống lại Thiên Chúa giáo, nếu ngẫu tượng giáo cũng có một định nghĩa về tội lỗi mà Thiên Chúa giáo cũng phải nhận là đúng!

Phải chăng có cái gì đó là xác định khi Socrate thiếu sót trong việc định nghĩa tội lỗi là gì? Nó chính là ý chí, ý chí của sự thách đố. Đó là tính chất tinh thần của người Hy Lạp. Điều đó quả là rất hạnh phúc, rất vô tư, rất thẩm mỹ, rất hài hước, rất tế nhị... để có thể có được nó một cách tội lỗi, và đưa vào trong đầu óc, rằng một người có thể thất bại mà vẫn phải có sự hiểu biết để làm điều tốt, hay là có sự hiểu biết, với tri thức của mình về cái gì là đúng, và việc làm điều gì là sai lầm. Tinh thần Hy Lạp vẫn luôn luôn đề xuất một mệnh lệnh về trí tuệ một cách nghiêm ngặt.

Sự thật trong định nghĩa này cần phải hoàn toàn thấu triệt, và nó cần phải bị cưỡng chế nhiều lần, như thể từ những cái này mà chính nó đã đi lạc bước, trong một sự hiểu biết không có kết quả, và nhạt nhẽo, đến độ mà giờ đây có sự nghi ngờ, ngay cả trong chính thời đại của Socrates, cũng lại càng nhiều hơn, và nó lại được khuyến khích rằng người ta cần phải nhẫn nhục một chút ít. Nó cũng đủ để khiến cho ta phải cười ra nước mắt, khi rồi người ta cũng thấy rằng tất cả điều này được biết, và hiểu được những bài tập đều không có một ảnh hưởng nào trên chính cuộc sống của những người này, rằng cuộc sống của họ không phải nằm ở trong cách biểu đạt xa xôi nhất về cái gì mà họ đã hiểu, nhưng đúng hơn chính là trái lại. Người ta vô tình thố lộ rằng nếu khi thấy được một sự bất cân đối, thì ngay lập tức thật là đáng phiền và đáng tức cười. Nhưng làm thế nào mà trong thế giới họ lại có thể hiểu ra nó? Và phải chăng đúng là họ đã hiểu được nó? Ở đây có nhà khôi hài và nhà đạo đức ngày xưa cũng đã từng trả lời: "Hỡi các bạn thân yêu, đừng bao giờ tin vào điều đó, bởi vì nếu họ đã thật sự hiểu, thì đời sống của họ cũng sẽ biểu hiện ra nó, và rồi họ cũng sẽ làm cái gì mà họ đã hiểu".

Do thế hiểu/và được hiểu là hai sự vật? Chắc chắn phải là thế; và chính người ấy là người đã hiểu được điều này (nhưng không phải, nhằm ghi nhận nó, ở trong chính ý nghĩa của loại hiểu thứ nhất) là khởi đầu được đưa vào trong mọi điều bí mật sâu kín của cả sự khôi hài. Chính với sự mâu thuẫn này mà sự khôi hài đã được sử dụng một cách thích đáng. Để nhận thấy được sự khôi hài trong sự kiện hiện tại là một ngu dốt về một cái gì đó mang nghĩa như là một loại rất thấp của sự khôi hài ở dưới cả tính chất của sự khôi hài. Thực ra cũng chẳng có một sự khôi hài sâu sắc nào cả trong sự kiện người ta đã từng có một lần sống, là người vẫn chủ trương rằng trái đất vẫn còn đó - khi mà cũng chẳng có ai biết về một điều gì tốt hơn. Cùng sự việc đó, cũng được cho là thuộc vào thời đại của chúng ta, trong sự trái ngược với một thời đại mà nó được biết nhiều hơn về các định luật của vật lý học. Sự mâu thuẫn chính là người ta ở giữa hai thời đại khác nhau, mà lại thiếu một quan điểm sâu sắc, phù hợp hơn; một sự mâu thuẫn như thế là không cốt yếu, và do vậy mà cũng chẳng có gì đó thiết yếu là khôi hài. Không phải thế, nhưng có một người đứng dậy, và nói đúng về sự vật... và như vậy là đã

hiểu ra nó, va rồi khi anh ta đã phải hành động, và làm một điều sai trái.... Và như vậy, chứng tỏ là anh ta đã chẳng hiểu gì về nó, vâng, điều đó thật là buồn cười. Nó là một sự buồn cười vô hạn, rằng là một người bị cảm xúc đến chảy cả nước mắt, đã cảm xúc quá nhiều, đến nỗi đã không chỉ khóc, mà còn đến độ toát cả mồ hôi, có thể ngồi và đọc, hay là nghe, về những sự trình bày về việc tự phủ nhận mình, hay về sự cao quý của việc hi sinh chính cuộc sống của người ấy cho sự thật - và rồi lại vào các thời khắc kế tiếp - một, hai, ba, và thế rồi, hầu hết cùng với nước mắt ràn rụa trên mi - là hoàn toàn dao động, trong khi mồ hôi đầy trán, với tất cả sức mạnh, và chính yếu là việc giúp cho sự sai lầm là sự chinh phục được. Đó là sự hài hước vô cùng, vì rằng một diễn giả, với chân lý ở trong giọng nói của ông ta, và trong cách diễn đạt của các điệu bộ của ông ta, đã làm cho cảm động sâu sắc, và làm cảm động rất sâu xa, để có thể trình bày được sự thật trong cách phải được tâm phục khẩu phục, để có thể khu xử được mọi điều xấu và mọi sức mạnh của địa ngục ở ngay dưới đôi chân của người ấy, với một vóc dáng đứng thẳng, hiên ngang của người ấy, trong thái độ của người ấy, với một sự bảo đảm trong cái liếc mắt của người ấy, một sự quyết liệt trong các bước chân của người ấy, mà chúng đều cùng đáng được ca ngợi - đó là một sự khôi hài vô cùng, rằng hầu hết ở cùng lúc, hầu hết "với bộ áo chùng dài vẫn hãy còn trên thân mình", người ấy có thể chạy đi một cách hèn nhát, và rụt rè lén ra khỏi con đường của một sự việc chẳng mấy thuận lợi gì. Điều ấy cũng thật khôi hài vô cùng, khi có một người có thể hiểu được toàn thể sự thật về việc làm thế nào để cho thế giới lạc loài và nhỏ bé này có thể là v.v... - rằng người ấy có thể hiểu rõ điều này, và rồi không thể nhìn nhận ngược lại điều gì mà người ấy đã hiểu; bởi vì hầu như trong cùng một lúc, thì chính người ấy đã đi ra khỏi, và lấy một phần ở trong cùng cái nhỏ nhặt và chìm đắm đó, và lấy sự vinh hạnh trong nó, và nhận lấy cả sự vinh hạnh từ nó, tức là chấp nhận nó. Ôi khi một người nắm được một người, mà người đó lại phản đối, bảo rằng anh đã hoàn toàn hiểu được việc làm thế nào mà Chúa đã đi đến đó, trong bộ dạng một người phục dịch chậm chạp, nghèo khổ, chẳng ra làm sao cả, và cũng như trong Kinh Thánh nói, xơ xác - khi tôi nhìn thấy cùng người ấy phải rất thận trọng để hành xử chính mình trong thế giới, để cho trong chính ý nghĩa thế gian phải được tốt, và phù hợp với chính bản thân mình, thì được an toàn sau hết, khi tôi thấy rõ người ấy hiểu ra được mọi vấn đề mà không sót điều gì, cho dù cuộc sống của người ấy là phụ thuộc vào trong đó, và như vậy là rất ân huệ, và ân huệ vô cùng, rất vui sướng - vâng, để làm cho sự vật được hoàn chỉnh, thật là quá đỗi hạnh phúc, đến nỗi người ấy có thể cám ơn Chúa về điều đó - sung sướng vì rằng người ấy đã có được sự vinh hạnh trong tất cả mọi người - rồi tôi vẫn thường nói với chính mình và chỉ bởi chính mình, rằng "Socrates ơi, Socrates ơi, Socrates ơi, phải chăng chính người này đã có thể hiểu ra điều gì mà người ấy bảo là người ấy đã hiểu? Như thế thì tôi đã nói, và cùng lúc đó tôi đã mong muốn rằng Socrates có thể là có lý. Bởi vì điều đó đối với tôi dường như sau hết Thiên Chúa giáo là quá nghiêm khắc, cũng như cả tôi cũng không thể thấy nó là phù hợp với kinh nghiệm của tôi, mà cư xử đối với một người như thế, như là một kẻ đạo đức giả. Không đâu, Socrates, tôi đã rất hiểu người; người đã coi người ấy như một kẻ tầm phào, một thứ trò dùa, xem người ấy như một thứ trò cười, chẳng phải bình phẩm gì cả, ngay cả sự phản đối hay đồng ý, rằng tôi chỉ xem người ấy cũng chỉ như một chuyện tức cười mà thôi, - miễn là tôi đã làm tốt như thế.

Socrates, Socrates, Socrates ơi! Vâng, người ta có thể gọi tên người lên như thế đến ba lần, và cũng chẳng cần gì phải gọi tới mười lần, nếu cũng chẳng cần thiết phải làm như vậy. Người ta đã nghĩ rằng thế giới cần phải có một nền Cộng hòa, và họ cũng nghĩ rằng phải cần có một trật tự xã hội mới, cùng một tôn giáo mới - nhưng đã không bao giờ xảy ra cho bất cứ ai một điều gì mà thế giới hiện nay đang cần, sự lẫn lộn như thế là do việc biết nhiều, đó là một Socrates. Nhưng điều đó là hoàn toàn tự nhiên, bởi vì nếu một người nào đó mà có được ý niệm này, và nếu không muốn nói là cũng có nhiều người có nó, thì sẽ ít cần tới một Socrates. Điều gì mà một ảo tưởng hầu hết đều cần, là một sự vật thật sự nào đó, ít nhất được nghĩ về - một cách tự nhiên, bởi vì nói theo cách khác, thì đó lại không phải là một ảo tưởng.

Thế cho nên, một sự chỉnh sửa khôi hài –và đạo đức như thế, có thể là điều gì đó rất tốt mà thời đại chúng ta cần đến, và có lẽ chỉ có sự vật mà nó vẫn thật sự cần; bởi vì thật sự hiển nhiên chính đây là một sự vật mà ít được người ta nghĩ tới nhất. Nó rất là quan trọng, thay vì phải đi xa hơn Socrates, chúng ta lại chỉ đơn giản quay trở về với câu nói của Socrates rằng hiểu và được hiểu là hai sự việc khác nhau - không phải là quay trở về với nó như là một kết quả [một lần để có được tất cả], bởi vì vào mức cuối cùng thì cũng chỉ giúp được để người ta có thể đi vào trong một sự thất vọng sâu xa hơn, bởi vì nó chỉ đơn giản chỉ hủy hoại sự phân biệt giữa hiểu và được hiểu, nhưng lại phải quay về với nó như là sự lý giải về đạo đức của mọi đời sống hàng ngày.

Định nghĩa của Socrates tự nó giúp cho ta thoát ra được như sau. Khi một người không làm đúng đắn sự việc; thì tại sao khi ấy chẳng có ai hiểu ra nó; sự hiểu biết của người ấy là một khái niệm vô ích, sự khẳng định của người ấy cho rằng người ấy đã hiểu nó chỉ là một cách thức nhằm chỉ ra sự sai lầm của cách thức đó, sự khẳng định được lặp lại của người ấy cho rằng sự xấu xa chiếm lấy người ấy nếu người ấy đã không hiểu nó, là xa kinh khủng, nằm dọc theo khúc quanh vĩ đại nhất có thể có được. Nhưng rồi thực tế thì sự định nghĩa đó là đúng. Nếu một người không có quyền nghĩ, thì rồi chắc chắn là người ấy không có tội lỗi; còn nếu người ấy không biết suy nghĩ đúng đắn về sự vật, thì rồi người ấy cũng không hiểu ra nó; nếu thật sự người ấy đã hiểu ra nó, thì ngay tức thời điều này sẽ khiến cho người ấy thực hiện nó, sẽ tức thời tạo nên tiếng âm vang trong người ấy, của chính việc hiểu biết của người ấy - *ergo* tội lỗi chính là sự dốt nát.

Nhưng sự khó khăn này là nằm ở đâu? Nó đã được mô tả cùng với sự kiện mà đối với nó quan điểm của Socrates tư nó vốn đã có ý thức (dù chỉ ở một cấp độ nhất định) và tìm cách sửa chữa, rằng nó thiếu một sự xác định biện chứng cho việc chuyển đổi từ sự việc đã hiểu được về một điều gì đó cho đến việc cần thực hiện nó. Trong sự chuyển bước này, Thiên Chúa giáo đã khởi động chính nó; bằng cách diễn tiến dọc theo con đường mà nó chứng minh được rằng sự tội lỗi là việc liên kết với nó trong ý chí, và do vậy mà cũng đạt tới ý niệm về sự không tin cậy; và thế cũng nhằm làm cho cứu cách của nó được hoàn toàn chắc chắc, và nó cùng nối kết điều này cùng với giáo điều đó về sự tội lỗi - bởi vì, than ôi, cái bí mật của sự thành công của việc Suy tư trong sự thông hiểu lại chính là điều này, của sự may khâu mà không muốn đi tới kết thúc nhanh và cũng không làm cho gút chỉ, và do thế mà nó có thể giữ cho việc may khâu được trọn vẹn, tức là giữ cho việc nhằm đi tới kết thúc sau cùng. Thiên Chúa giáo trái lại, nhằm đưa nhanh tới kết quả bằng phương thức của sự nghịch lý.

Trong nội dung ý tưởng thuần túy, thì ở đâu không có vấn đề con người cá nhân

thực hữu, thì ở đó sự chuyển bước được hoàn thành bởi tính thiết yếu (trong một hệ thống thực tại mà mọi cái đều đi đến bằng chính sự thiết yếu), hay nói cách khác, không có sự khó khăn nào lại được nối kết với sự chuyển tiếp từ sự hiểu qua sự thực hiện cả. Điều này cũng hoàn toàn có trong tinh thần Hy Lạp - mà cũng chẳng phải chỉ có Socrates, bởi vì chính Socrates vẫn không phải hoàn toàn là một nhà đạo đức học đối với vấn đề này. Và hoàn toàn cũng là một sự việc mang tính bí mật thực tế trong cái toàn thể của triết học mới đây: *cogito ergo sum*, để phải nghĩ rằng là nó như thế. Khẩu hiệu của Thiên Chúa giáo trái lại là: ngươi nào có đức tin như vậy thì sẽ vượt qua được; hay là ngươi nào tin tưởng, thì như vậy sẽ có được; ngươi nào tin tưởng thì sẽ được như thế. Như vậy, người ta có thể thấy ra rằng triết học hiện đại hoàn toàn không hơn không kém, chẳng gì khác hơn so với Ngẫu tượng giáo. Nhưng điều này cũng chẳng phải là cái tệ hại nhất, vì gần với Socrates cũng không phải là vị trí yếu kém nhất. Nhưng cái nét phi Socrates một cách toàn diện của triết học hiện đại là vì chính nó muốn tạo ra cho chính nó, và chúng ta cũng tin tưởng rằng đó chính là Thiên Chúa giáo.

Mặt khác, trong thế giới của thực tại, thì ở đâu có vấn đề về con người cá nhân, thì ở đó cũng có vấn đề chuyển dịch một chút nào đó từ một việc đã hiểu sang một vấn đề phải làm; nó không luôn luôn là cái *cito citissime* [càng nhanh lại càng tốt], cũng chẳng phải là cái *geschwind wie der Wind* [nhanh như gió], nếu tôi có thể nói bằng tiếng Đức, vì còn thiếu những từ ngữ triết học. Trái lại, ở đây cũng lại bắt đầu cho một câu chuyện rất phong phú.

Trong đời sống của tinh thần, mặt khác, cũng không có sự dừng lại [*Stilstand*] (cũng không có bất cứ điều kiện dừng lại nào trong thực tế [*Tilstand*], mọi sự vật là hiện đang có): thế nên trong trường hợp một người mà trong chỉ một khoảnh khắc người ấy lại biết được điều gì là đúng nhưng vẫn không chịu làm nó - như thế thì, trước tiên hết, sự hiểu biết đã hết còn sôi nổi nữa. Và tiếp đến, liền xuất hiện vấn đề làm thế nào để cho ý chí thích thú về điều này mà nó đã biết được. Nếu nó không thích thế, thì cũng chẳng đi đến việc ý chí sẽ tiến lên và lại làm cái điều ngược lại của điều mà trí thông minh hiểu được, rồi chắc chắn những gì trái ngược lại như thế sẽ không phải là không thường hay xảy ra; nhưng ý chí cũng đôi khi vẫn để trôi qua, có một lúc tạm thời, điều đó có nghĩa "Chúng ta sẽ thấy được điều đó trong ngày mai". Tất cả điều này xảy ra, trong khi trí thông minh càng trở nên tối tăm hơn. Bởi vì, than ôi, cái thiện phải cần được làm ngay - ngay lập tức, vào chính lúc mà nó được biết (và cũng do thế mà sự chuyển dịch sẽ được diễn tiến dễ dàng trong tính chất lý tưởng thuần túy, đối với mọi sự việc, là "ngay lập tức"), nhưng sức mạnh của bản chất thấp hơn, lại thiết yếu trong việc kéo lùi sự việc. Ý chí sẽ không có sự chỉ trích đặc thù nào đối với nó - thế là nó chỉ nói ra với sự tránh né. Rồi khi mà trí thông minh đã trở nên tối sầm lại, thì chính trí thông minh và ý chí sẽ có thể hiểu được lẫn nhau tốt hơn; để cuối cùng, chúng sẽ hoàn toàn nhất trí nhau, bởi vì hiện giờ thì trí thông minh đã tự buông bỏ để đến với ý chí, và hiểu ra rằng sự vật là hoàn toàn đúng giống như nó phải là như thế. Và thế là có lẽ sẽ có một số rất đông người vẫn tiếp tục để bị mờ tối đi về sự hiểu biết tôn giáo và đạo đức của họ, mà điều đó sẽ dẫn họ tới những quyết định và những kết quả mà chính bản chất thấp hơn vẫn không ưa thích, trong khi đó thì lại được phát triển trong sự hiểu biết về thẩm mỹ học và siêu hình học, mà đối với nó về mặt đạo đức lại là một sự chênh mảng.

Tuy nhiên, đối với tất cả điều này, chúng ta vẫn chưa có được một giá trị gì

đó đi xa hơn vị trí của Socrates; bởi vì, như chính Socrates đã từng nói, và nếu điều này là đúng, thì khi đó nó chỉ chứng tỏ rằng một người như thế thì cũng không hiểu ra được điều gì là đúng. Tức muốn nói rằng tinh thần Hy Lạp đã không có sự can đảm để xác nhận rằng một người làm điều gì đó mà có sự hiểu biết là sai, tức với sự hiểu biết của điều đúng, mà lại làm điều gì đó sai; do thế mà Socrates đã đi tới việc nói về sự trợ giúp của nó và bảo rằng khi có một người làm điều sai, thì người ấy không hiểu biết cái gì đó là đúng.

Hoàn toàn đúng thế, và hơn nữa, cũng không có *người* nào có thể đi xa hơn: không có người nào mà tự mình và từ chính mình mà lại có thể cắt nghĩa được một cách chính xác điều gì là tội lỗi, bởi vì người ấy vẫn đang ở trong tội lỗi. Tất cả những điều gì mà người ấy nói về tội lỗi, vẫn là ở tận cùng dưới đáy của sự tội lỗi, vẫn là một sự xin tha thứ, hay một sự cất bỏ đi đầy tội lỗi. Do thế mà Thiên Chúa giáo cũng bắt đầu theo một cách khác, là bằng cách tuyên bố cần phải có một sự khải thị từ Chúa, nhằm làm cho con người biết được rằng mình bị tội lỗi là như thế nào, rằng là sự tội lỗi không phải chủ yếu ở trong sự kiện con người không hiểu ra được điều gì là đúng, mà chính ở trong sự kiện là người ấy vẫn không muốn hiểu nó, và ở trong sự kiện là người ấy vẫn không muốn thực hiện nó.

Với tính cách phân biệt giữa cái không *thể nào* hiểu được/và cái không *muốn* hiểu ra, thì ngay cả chính Socrates cũng chẳng giải thích một cách sáng tỏ gì hơn, cho dù ông ta là bậc Thầy vĩ đại, và trội vượt lên trên tất cả những người đầy tính khôi hài khác, trong việc hành xử bằng những phương cách của sự phân biệt giữa sự có thể hiểu được và được hiểu ra. Socrates chỉ cắt nghĩa rằng người nào không làm điều đúng, chỉ là do họ không hiểu nó; nhưng Thiên Chúa giáo thì lại đi thêm một chút xa hơn về phía trước, và nói sở dĩ thế là do việc người ấy đã không hiểu nó, và điều này tới phiên nó lại bởi vì người ấy đã không muốn biết về điều gì là đúng. Và kế tiếp theo đó, thì việc miêu tả điều gì đúng là còn nghi ngờ, và điều đó còn cho thấy rằng một người nào đó làm điều gì quấy, mặc dù người ấy hiểu biết điều gì đó là đúng, hay là vẫn cố gắng để làm điều gì là đúng, cho dù anh ta đã hiểu biết điều gì đó là đúng; nói tóm lại, lý thuyết của Thiên Chúa giáo về tội lỗi, là chỉ thuần túy chống lại con người, sự tố cáo về sự tố cáo; đó là trách nhiệm mà Thần linh cứ như là một kẻ cáo buộc tự do có đầy đủ quyền hạn để phản kháng chống lại con người.

Nhưng có ai là có thể hiểu lý thuyết này của Thiên Chúa giáo? Chẳng có ai cả - điều này kể cả những người Thiên Chúa giáo cũng thế, và do thế mà đó là một sự tấn công. Cần phải có sự tin tưởng. Sự hiểu biết chỉ có tính tương liên với mối quan hệ giữa con người với nhau, nhưng niềm tin là mối quan hệ của con người với thần linh. Làm thế nào mà Thiên Chúa giáo có thể cắt nghĩa về sự khó hiểu này? Hoàn toàn thật mạch lạc, theo một cách cũng không thể nào hiểu được như vậy, bởi chính phương thức về sự kiện nói rằng nó đã được khải thị.

Thế thì Thiên Chúa giáo đã hiểu tội lỗi vốn nằm ở trong ý chí mà không phải ở trong trí tuệ; nên sự hư hỏng của mọi thứ ý chí này tất phải được vượt khỏi ý thức của cá nhân. Đây là một tuyên bố hoàn toàn hữu lý, vì nói theo cách khác, thì vấn đề làm thế nào mà tội lỗi bắt đầu, lại phải phát xuất từ phương diện của mỗi cá nhân.

Ở đây, chúng ta lại cũng có tiêu chuẩn của sự tấn công. Tính khả thể của sự tấn công chính là ở chỗ sự kiện cần phải có một sự khải thị từ Chúa, để nhằm soi sáng cho con người, cũng như để hiểu

tội lỗi là gì và nó sâu xa ra sao. Con người tự nhiên, kẻ theo Ngẫu thần giáo, thì suy nghĩ như thế này: "Ồ tốt thôi, tôi thừa nhận là ta đã không hiểu được mọi sự trong bầu trời và trái đất; nếu có cái gì đó giống như là sự khải thị, thì cứ hãy để nó thông báo cho chúng ta về bầu trời; nhưng nếu có một sự khải thị để cắt nghĩa tội lỗi là cái gì, thì đó là sự việc sau cùng của tất cả mọi sự vật. Tôi không nhằm chủ trương có con người hoàn thiện, mà thay vào đó, tôi vẫn biết rõ và tôi cũng đang muốn nói cho bạn biết là chính tôi cũng chẳng hoàn hảo gì, và tôi cũng muốn thú thật với bạn rằng tôi thật cũng chẳng có một sự hoàn hảo nào - nên tôi cũng chẳng thể nào biết được tội lỗi là gì?" Nhưng đạo Thiên Chúa lại sẽ trả lời "Không đâu, đó chính là điều gì mà bạn biết ít nhất, cho dù bạn chẳng có chút hoàn hảo nào", và thế thì tội lỗi là cái gì? Trong ý nghĩa này, hãy cứ lấy ý nghĩa của người Thiên Chúa giáo, thì tội lỗi chắc chắn là sự ngu dốt, và đó chính là sự ngu dốt về cái gì vốn là bản thân của tội lỗi đó.

Định nghĩa về tội lỗi đã được nêu ra trong chương trước, tuy thế vẫn hãy còn cần phải được hoàn thiện: tội lỗi là sau khi đã được báo cho biết về một sự khải thị từ Chúa, về điều gì là tội lỗi, rồi thì trước mặt Chúa, ở trong sự thất vọng, muốn được là chính là mình.

31

Đạo đức của sự tự hi sinh ✣

FRANCIS HERBERT BRADLEY

(1846 - 1924)

Đâu là những hạn chế của sự hi sinh? Đến chừng mực nào và do nguyên lý nào mà một cá nhân hay một quốc gia cần phải từ bỏ các phúc lợi hay ngay cả đời sống của chính mình? Trước hết tôi sẽ cố gắng nhằm xác định nguyên lý của sự hi sinh và kế đó tôi sẽ chỉ ra một vài thiên kiến mà chính nó đã làm tối đi nguyên lý này, và rồi cũng sẽ chứng tỏ cách thức chung của việc áp dụng nó.

Tôi cho rằng sự hi sinh có thể vẫn tồn tại, và nó cũng sẽ là đúng. Và vấn đề ở đây chính là trên nguyên tắc nào mà sự hi sinh là đúng, và phải chăng có một giới hạn đối với nó? Có lẽ về nguyên lý tổng quát, cũng không khó xây dựng. Từ ngữ sự hi sinh chính mình có nghĩa là sự hủy hoại hay giảm thiểu đi sự hiện hữu của chính mình, và điều này tự bản thân nó là không tốt. Chỉ vì sự tự hủy hoại chính mình, cho dù một phần hay toàn thể, vẫn là điều không thể mong muốn. Việc hi sinh là đúng, nếu phần bị mất đi vẫn duy trì một lợi ích to lớn hơn, còn nếu không thì nó là sai lầm. Chúng ta phải cho rằng điều gì mà tôi cho nó qua đi, vẫn là một giá trị, bởi vì nếu nó không có một giá trị gì cả, thì điều đó cũng chẳng phải là một sự hi sinh. Giả sử rằng tôi mất nó đi, là để cho một cái gì đó có giá trị hơn, thì hành vi của tôi là đúng, còn nếu tôi mất nó đi chỉ vì một cái gì đó có giá trị kém hơn, thì hành động của tôi là sai. Đây là một nguyên lý, và đối với điều ấy có lẽ sẽ không có gì để phản đối cả. Ý kiến trái nghịch xuất phát một phần từ những khó khăn trong sự áp dụng nó, nhưng có một điều chính yếu là tôi suy nghĩ, do từ chính sự tham dự của các thiên kiến đạo đức. Có những điểm hay khía cạnh về quan điểm không phải bị phụ thuộc vào những nguyên lý chi phối chúng, và do thế chúng ta cũng phải tìm cách để nhận thấy được chính chúng là cái gì.

Tôi bắt đầu với sự việc được tự cho là kiểu "Thiên Chúa giáo" rao giảng về nền tảng của đạo đức theo Kinh Tân ước. Nhưng cho dù điều đó có thật sự mang

✣ Toàn bộ bài này xuất xứ từ bản gốc của *Tạp chí Quốc tế về Đạo đức* (1894)

nhiều tính chất Thiên Chúa giáo để noi theo, hay cũng không biết đến lời dạy của Phúc âm chăng nữa, tôi cũng sẽ không bàn cãi.

Thế nên chúng ta phải cần xem xét đến quan điểm "Thiên Chúa giáo" này, và thử hỏi ở đây phải chăng có một hạn chế nào đó của sự tự hi sinh. Chẳng có một sự hạn chế nào như thế cả. Linh hồn của mỗi cá nhân rất có giá trị, đến nỗi tất cả đều có cùng một giá trị. Chúng có các phí tổn cho cùng một giá và giá trị của chúng là ngang nhau. Và sẽ không có một cứu cánh nào cho cá nhân, nếu không phải là tránh xa sự bị dằn vặt, khổ đau, và để có được sự ấn sũng từ chính mình cũng như từ những người khác, và những điều này chính là hai đối tượng, mà nói rộng ra, thì cũng không phải là hai, nhưng chỉ là một. Lợi ích của tôi là không thể phân chia ra được từ những lợi ích của những người khác, bởi vì tôi có thể gìn giữ chính bản thân tôi chỉ bằng cách tìm kiếm nhằm gìn giữ cho người anh em khác của tôi. Do vậy mà sự cạnh tranh phải biến mất; bởi vì nếu tôi chiến đấu chỉ nhằm cho chính tôi, thì tôi cũng sẽ tự mất tôi một cách chắc chắn.

Lý thuyết này thật sự đơn giản, nhưng nó lại bị khiếm khuyết một cách kinh khủng. Sự tự hi sinh dường như là không hạn chế, nhưng thực sự là nó không thể có được. Một con người không thể từ bỏ điều gì tốt của mình ở nơi nào mà nó cũng không có điều gì tốt đẹp để hi sinh. Sự hiện hữu thế tục mà bạn cần phải hi sinh, và bạn tuyên bố, là không có giá trị ; thật thế bạn chỉ ngây thơ cổ vũ rằng điều đó chính như một lý lẽ để hi sinh nó. Nhưng không kể đến cái phần hiện hữu này, thì bạn lại chẳng hi sinh điều gì cả. Cái gì mà đời sống tự nó phát triển của một cá nhân hay của một quốc gia? Cái gì chính là vẻ đẹp của điều tốt nơi mà con người có thể có được? Bạn đã làm để cho tất cả điều đó phải bị đảo lộn, xáo trộn, biến động? Cứu cánh là ở trong một thế giới *khác*, và điều đó có nghĩa rằng đời sống đã bị lấy đi khỏi thế giới này; và điều đó cũng có nghĩa là đời sống vẫn không có giá trị hay là vô đạo đức. Ở đâu mà cái bản ngã không có giá trị gì, thì sự hi sinh chắc chắn cũng sẽ không thể có được. Và hơn thế nữa, chỉ có nơi nào mà không có một người nào có giá trị, thì tất cả mọi người cũng sẽ đều có giá trị ngang nhau. Khi đã có một cứu cánh và một giá trị trong thế giới này, thì con người sẽ trở thành không còn ngang nhau, là bởi vì họ phải thực hiện cứu cánh đó trong những cấp độ khác nhau. Do thế mà Thiên Chúa giáo trong chính ý nghĩa nêu trên đã không thể hòa giải được với đạo đức; và chúng ta cũng cần nên xem xét một quan điểm sai lầm khác. Chúng ta phải gọi đó là lý thuyết về lòng yêu nước một chiều, hay là tính chất đạo lý quốc gia.

Sự hiện hữu có tính chất thế tục ở đây là một điều đáng mong muốn trong chính mình. Đời sống của những cá nhân trong cộng đồng và của cộng đồng trong những cá nhân, sự phát triển của nhân loại trong cơ cấu của nhà nước, chính là đích điểm. Sự tự hi sinh của một thành viên phải được đòi hỏi và bị giới hạn bởi điều gì đó tốt của cơ thể. Nếu cơ thể mà đòi hỏi nó, thì người ấy phải tự phát triển chính mình, và nếu cơ thể mà đòi hỏi nó, thì người ấy phải hi sinh chính mình. Như thế thì sự hi sinh cho điều tốt của nhà nước là đúng đắn, và cho bất cứ mục đích nào khác đều là sai. Ngoài nhà nước ra, không thể có sự hi sinh mang tính chất đạo đức nào khác, bởi vì ngoài nó ra thì không có cái gì khác tốt. Và dĩ nhiên là không có đạo lý quốc tế.

Nhưng bổn phận của con người không thể được giới hạn trong phạm vi của nhà nước. Và do thế mà quan điểm này, giống như quan điểm của "Thiên Chúa giáo", là một quan điểm phiến diện và sai trái, cho nên không xứng đáng để noi theo. Và như thế thì cả hai tín điều đó ngày hôm nay đều có cùng một sự thiếu suy

nghĩ. Có một bên là "Thiên Chúa giáo", và một bên là "những lợi ích của chính nước Anh". Nhưng các chính trị gia Thiên Chúa giáo không bao giờ tự hỏi có phải chăng chiến tranh là đi ngược lại với Phúc âm, hay chính trị cũng không đi ngược lại. Và con người mà tự nó từ chối quyền quốc tế, và chỉ giảng thuyết về đạo lý bộ tộc, có thể cũng là phù hợp chăng. Chẳng có bên nào thật sự nghiêm túc nhất với chính nguyên lý mà theo đó nó ra lệnh cho chúng ta phải hành động.

Nhưng những lý thuyết này kết hợp lại và trộn lẫn vào nhau trong một quan điểm thứ ba thì còn là chung hơn từng cái. Giờ đây tôi cần phải xem xét điều này, nhưng tôi cũng thú nhận là tôi không biết phải nên gọi nó là cái gì. Bởi vì cái tên gọi "quan niệm nhân bản" vẫn là rất tốt để có thể trở nên bổ ích hơn cho dịp này.

Những yếu tố mà tự chúng đi vào trong tín điều này là (1) ý tưởng về cá nhân và quốc gia tự phát triển, (2) lý thuyết về tình yêu phổ quát và sự hi sinh, và (3) nguyên lý về giá trị của cá nhân. Có thể nói đó là khởi điểm cùng với đạo lý của Nhà nước, và mở rộng điều này ra cho cả nhân loại, rồi xác định tính cách của nó xa hơn, bởi chính ý tưởng về sự tự hi sinh không có giới hạn, và cũng thêm vào đó một ý niệm về giá trị vô hạn và cả sự bình đẳng của tất cả mọi người. Và kết luận thực tế đó là những quốc gia, cũng như những con người, tất cả đều có các quyền như nhau, rằng tất cả họ đều cần phải được cai quản bằng luật pháp, và không thể đấu tranh lẫn nhau một cách ích kỷ chỉ vì lợi ích riêng, và rằng không một dân tộc nào hay những cá nhân nào lại có thể bị loại trừ, mà ngược lại trong bất cứ trường hợp nào họ cũng đều phải được tôn trọng.

Tín điều này được đồng nhất rất nhiều với cái gì đó là cao quý; nhưng điều đó vẫn không phù hợp, không thể tin cậy được, và trong một phần nào vẫn có sự sai lầm. Nó chấp nhận sự tự phát triển, nhưng lại lên án sự tự khẳng định, sự đấu tranh, mà nếu như không có nó thì cũng không có sự phát triển được. Nó mở rộng ra hàng loạt các đạo lý về Nhà nước, nhưng lại bỏ rơi đi chính một yếu tố của đạo lý đó, và nó cũng chuyển đi những cái khác vượt quá xa những điều kiện cho sự tồn tại của chúng. Và nó cũng vay mượn từ tôn giáo các giá trị của cá nhân, nó tìm kiếm để sử dụng các giá trị đó một cách sai lầm ở một nơi khác. Tôi sẽ khảo sát xuyên suốt về những điểm này, và sẽ bắt đầu với giá trị của các cá nhân.

Sự bình đẳng, hay cần nói thêm, là giá trị tuyệt đối của những cá nhân, vẫn không phải là một nguyên lý chi phối giữa chính con người và con người, hay giữa chính quốc gia và quốc gia. Trái lại, cứu cánh ở đây chính là sự phát triển của bản chất con người, những người nào có năng lực, và những người nào có khả năng phán đoán về tiến trình này để dẫn tới kết quả, có thể chấm dứt được, hay sử dụng đến cả con người và quốc gia. Bởi vì cứu cánh chính là sự vượt lên trên các cá nhân, và nó có lý do để hành động cho mục đích này cách tốt nhất, theo sự phán đoán của con người ta. Và, nếu thế, thì kết luận là phải cần đi theo như trên. Cứu cánh *không* biện minh cho phương tiện, và không thể bị thất bại để làm như thế, trừ khi nào mà phương tiện là không thiết yếu, hay là cứu cánh tự nó cũng không thỏa mãn được, hay ít nhất là cũng không bao quát. Nhưng cứu cánh mà chúng ta đang nói tới ở đây lại là sự tuyệt đối.

Có một ý nghĩa mà trong đó mọi người đều bình đẳng với nhau, và có giá trị không thể nào so sánh với nhau được; nhưng ý nghĩa này lại rơi ra khỏi thế giới của đạo lý. Những giá trị đạo đức ở bên trong của con người là không thể so sánh được, nhưng bạn không thể từ điều này mà kết luận rằng họ là bình đẳng. Chỉ có ở trước Chúa mọi người mới trở nên bình đẳng, và ngay cả như vậy thì sự

bình đẳng của họ cũng chỉ là một phần. Vì về mặt lý tưởng, con người ta với ý chí của đấng thiêng liêng, thì tất cả họ đều bình đẳng, nhưng cũng như các chức phận khác nhau của ý chí đó, mà họ lại thành ra không bình đẳng. Nơi đâu thực hiện, thì nơi đó có những cấp độ, và nơi đâu mà con người quan hệ, thì ở đó cũng có sự thực hiện ra bên ngoài khiến nó có thể so sánh được. Và sự bình đẳng tôn giáo ở đây cũng chẳng phải là một sự thật, nhưng lại đã trở nên một sự mê tín.

Và bỏ sự xem xét trừu tượng này, nếu chúng ta lấy trường hợp những tội phạm hình sự, mà trong đó vẫn thường là sự dã man, và sự bất chấp cả cộng đồng, thì chắc chắn là đúng để loại bỏ đi sự tồn tại của nó. Nguyên lý để chúng ta hành động theo đó, chắc chắn vẫn có thể bị lạm dụng bởi tính vô đạo. Nó có thể mang lại một cái cớ cho hành vi mù quáng, hay là cho lòng ích kỷ được lớn lên hơn. Và sự tiến bộ của nhân loại về lâu về dài bởi tính chất đa dạng của những yếu tố, và điều đáng quan tâm nói chung là các cá nhân có thể phát triển được bản chất của họ. Và điều này chứng tỏ một chủ trương nhằm chống lại sự loại bỏ hay là làm ngăn cản con người và đất nước. Nhưng nó không chứng minh được rằng trong một số trường hợp, chúng ta lại còn bị ràng buộc về cả mặt đạo lý để sẽ phải hoàn thành nó.

Những người ngoan đạo từ thời xa xưa đã có lý khi nhấn mạnh vào sự thiêng liêng của đời sống và vào sự bình đẳng của tất cả mọi người; nhưng đối với chúng ta giờ đây, thì những ý tưởng đó chỉ còn có một vị trí phụ thuộc. Đối với những người Thiên Chúa giáo, con người là bình đẳng, bởi vì trong thế giới bên kia, giá trị của họ là vô hạn, còn trong thế giới này thì nó không là gì cả. Bởi vì đối với họ sự phát triển của bản chất con người chẳng có gì đáng ham muốn cả. Nhưng đối với chúng ta, sự phát triển là một điều tốt, và lại là một cứu cánh trong chính nó. Và điều này đúng là như thế, chúng ta đã rời bỏ một nền tảng mà trên đó những cá nhân đều là thiêng liêng. Trong việc đạt đến được một giá trị *trần tục*, họ đã thủ đắc được một giá trị *tương đối*, và giá trị tương đối này lại được đo lường bởi cứu cánh, có thể đòi hỏi cả sự hủy bỏ chúng. Tức là bởi các mục đích thực tiễn, sẽ là sai lầm khi gìn giữ giá trị bình đẳng hay là tuyệt đối của các cá nhân, trừ khi chúng ta đã được chuẩn bị để thấy được rằng bản chất của con người ngay tự trong bản thân của nó là không có giá trị. Và với điều này, chúng ta cần chuyển sang việc gìn giữ những yếu tố của một "quan điểm nhân bản".

Điều này, chúng ta đã được thấy mở rộng từ đạo lý quốc gia ra thế giới. Những mối quan hệ của các Nhà nước, và những mối quan hệ của những con người trong một nhà nước; và ở đây chúng ta lập tức có một sai lầm tương tự. Tín điều này, một lần nữa vẫn không biết đến nguyên lý của sự tự khẳng định mà chính nó luôn bị chế tài bởi nhà nước; và ở đây là một sự tương tự thiếu kém. Và trong khi rao giảng về sự hi sinh không giới hạn, nó lại đi ngược lại với đạo lý lành mạnh.

Bắt đầu với sự tương tự không đúng lắm, và xem xét những mối quan hệ đạo lý của công dân, cũng như của Nhà nước, tôi sẽ nhắc lại một vài điểm khác nhau quen thuộc. Trong một quốc gia, thì luật pháp được hỗ trợ bởi sức mạnh. Có một vị chủ tể, mà bằng sự hành xử quyền hành của mình, thực hành pháp luật, và bó buộc người ta phải tuân thủ. Nhưng hiện thời thì vẫn không có một vị chủ tể quốc tế, và có lẽ cũng sẽ không bao giờ có được. Và một quốc gia có tòa án để giải quyết các sự tranh chấp, trong khi tòa án quốc tế thì dường như rất khó có thể có được. Sự thiếu quyền hành chung có thể làm cho nó không có hiệu lực, và điều này không phải là tất cả. Một tòa án quốc gia được xem là có đạo lý, để đại diện cho các công dân của nó. Nó đứng trên đạo lý

chung của những kẻ tranh tụng, và không có những quyền lợi ích kỷ nào. Nhưng một tòa án quốc tế thì vẫn không thể được cho là luôn luôn tiêu biểu, ngay cả chuyện vô tư. Và không nghi ngờ gì nếu luật quốc tế có thể nói được là một hiện hữu thực tế.

Tôi được cho biết là không còn nghi ngờ gì về sự vắng mặt của một chủ tể, luật pháp, cũng như hành pháp, mà không có gì khác biệt đối với những bổn phận của chúng ta. Nhưng chắc chắn phải phụ thuộc vào một cái gì đó là các bổn phận của chúng ta. Trừ khi chúng ta tin tưởng vào một số quyền lực *tiên nghiệm* nào đó của loài người giống như thế, đó chính là những điều kiện của đời sống của chúng ta, mà chúng đã tạo thành những quyền hạn và những bổn phận của chúng ta, và nếu bạn loại bỏ những quyền hạn này, thì những bổn phận kia cũng sẽ bị loại bỏ. Chẳng hạn nếu lấy đi tài sản của nhiều người mà không được sự đồng ý của họ, thì chúng ta bị cho là ăn trộm, và ăn trộm vẫn là ăn trộm, cho dù là đối với cá nhân hay là quốc gia, và cho dù bạn có luật pháp hay không có luật pháp. Nhưng điều này là hoàn toàn sai lầm. Ăn trộm là một sự tấn công chống lại quyền sở hữu, nhưng không có lý do tuyệt đối nào tại sao quyền sở hữu lại tồn tại; và ở trong một nhà nước cộng sản thì có lẽ nó sẽ không hiện hữu. Nó nằm trong cứu cánh của một nhà nước, và nó quyết định xem là tôi có được quyền sở hữu hay không, và nó cố định những điều kiện mà trên đó tôi còn phải lệ thuộc. Và nói rằng sự tước bỏ những điều kiện này, sẽ để lại những sự vật mà ở nơi đó chúng sẽ dường như là vô lý. Cái gì của tôi là cái của tôi, và hiển nhiên cái gì của anh là cái của anh; nhưng nếu thế thì *cái gì* lại là của tôi và của anh, và làm thế nào để cho nơi nào không có pháp luật, thì những câu hỏi này vẫn có thể được trả lời? Ở đây tôi không thể phủ nhận sự tồn tại về quyền hạn giữa các Nhà nước; nhưng nếu lấy những nguyên tắc về đạo đức, chúng ta sẽ tìm thấy sự hiện hữu giữa những công dân, và trừu tượng hóa đi những điều này, nhằm áp dụng chúng một cách không cần tính toán vào mọi nơi và vào bất cứ nơi nào, và tôi quyết rằng là không thể bảo vệ nó được.

Như vậy chúng ta không thể lập luận rằng nói chung, từ trong đời thường cho tới đạo lý quốc tế, và đặc biệt chúng ta cũng không thể chuyển dịch bổn phận của sự tự hi sinh mà không có sự thay đổi vào trong một thế giới rộng lớn hơn. Mỗi người có một món nợ đối với đất nước của mình, nhưng một nước có lẽ lại chẳng cảm thấy mình có một món nợ đối với một đất nước nào đó khác cả. Bổn phận đối với những người lân lý của chúng ta thì vẫn có đó, nhưng thế thì ai là người lân lý của con người ta? Trong cộng đồng, người ấy là một đại diện khác của cùng một ý tưởng, và tôi có thể tin tưởng được, còn khi tôi hi sinh chính tôi, thì đời sống của tôi lại được sinh tồn trong cái toàn thể, và chính những lợi ích tinh thần chung là có được nhờ sự mất mát của riêng tôi. Có thể nào một Nhà nước lại nói rằng chính điều này của mối quan hệ láng giềng là ở trong chủng tộc và là mối quan hệ ở trong các ý tưởng? Hay có lẽ nào và tại sao một sự hi sinh ở đây lại không mang lại lợi lộc gì, và nếu không phải chỉ là kết quả vô bổ như việc bị phung phí?

Trong những điểm như thế thì sự tương tự của những công dân và những quốc gia là sai lầm. Nhưng sự tương tự này thì giờ đây chúng ta đã thấy cũng đủ. Trong phạm vi Nhà nước, luôn có một nguyên tắc vẫn đi ngược lại với sự hi sinh; và lý luận từ những cá nhân cho tới các quốc gia, chúng ta có thể nói rằng sự hi sinh là không hề bị giới hạn, bởi vì sự hi sinh của công dân chính là một bổn phận đạo đức.

Phúc lợi của người khác là vì chính nó là của người khác, và cũng không phải là tốt hơn chính phúc lợi của bản thân tôi, và cả những hậu quả mà nó kéo theo,

thật sự phi lý. Cũng chẳng phải là kém phi lý hơn, khi bảo rằng sự hi sinh là cần phải được dừng lại ở tại một nơi nào đó; hay là phúc lợi của bất cứ một người nào đó cũng vẫn tốt như phúc lợi của bất cứ người nào khác. Hẳn nhiên một sự kiện thuần túy chính là người ấy là người ấy, còn tôi là tôi, chẳng thể có một sự khác biệt nào cả, và thật sự là điên khùng khi có bất cứ một người nào đó lại giả dụ rằng có thể như thế. Nhưng nếu bạn muốn ám chỉ rằng *cái hạng người mà anh ta là thế* có thể không có sự khác biệt nào, và rằng anh ta không thể là như thế, bởi vì từ điều này mà đối chiếu cùng với điều khác, thì bạn đã đi từ việc nói tào lao cho đến sự sai lầm. Điều tốt đẹp cho toàn thể chính là cái cứu cánh, và sự cạnh tranh giữa những cá nhân chỉ là những phương tiện, bởi vì nếu cái tốt nhất mà không đi lên hàng đầu, thì đó là sự mất mát chung. Và như vậy, là cộng đồng sẽ chế tài sự hi sinh, và nó đặt để những giới hạn và những điều kiện của việc tự tìm kiếm. Bạn có thể không được phép giết người hay trộm cắp, nhưng bạn vẫn có thể chiến đấu chống lại một người khác vì sự sinh tồn. Làm cạn kiệt một người khác thì bị cấm, nhưng làm cho người đó phải bị nghèo khổ do sự cạnh tranh thì có thể được một khi được chấp nhận. "Có quyền được làm điều gì nếu được cho phép" và "được phần thưởng cho chính cái giá trị" vẫn không phải là những nguyên lý của sự tự hi sinh, nhưng mà trong những giới hạn đó, chúng là những nguyên lý luôn được Nhà nước tán đồng.

Và nguyên lý của sự hi sinh cũng cần phải được cho phép giữa các quốc gia. Những người thương nhân tự do "Thiên Chúa giáo" của chúng ta cấm chúng ta lấy của cải của một đất nước bằng vũ lực; nhưng bán phá giá trong thị trường và thủ lợi nó bằng thương mại, thì dường như là một minh họa rõ ràng hơn về các nguyên lý đã được Phúc âm cho phép. Bởi vì "điều này không phải là ích kỷ, và nó vẫn còn tốt hơn những cái khác trong cứu cánh của nó. Trong sự phản đối hòa bình của thương mại tự do, thì việc được hay thua của tôi cũng chỉ là một với cái của người làng giềng của tôi, và *chúng ta* không cần phải tuân thủ nghiêm ngặt lời răn dạy "Con không được ghen tị", bởi vì sự ghen tị thì không thể có được.

Nhưng ngay cả khi sự cạnh tranh trong thương mại vì một điều tốt cho nhân loại, thì cũng thật khó mà tin tưởng rằng lợi lộc sẽ phải đến với tất cả mọi người. Những người nào và các quốc gia đã bỏ ra nhiều thời gian để làm cho thương mại phát triển hơn, thì trong khi đó họ vẫn cứ tìm cách cạnh tranh để đạt được nó. Trong tiến trình mà họ phải chịu đựng, và cũng không phải họ luôn luôn được sống còn. Và trong khi kẻ cạnh tranh của họ được lợi, thì chắc chắn anh ta phải được lợi cái gì đó mà chính họ bị mất, và sau hết, lại vẫn cứ tìm kiếm cái gì đó mà người láng giềng của anh ta phải chịu thiệt.

Như vậy, trong những giới hạn, thì sự tìm kiếm chính mình là có thể mong muốn được ở giữa các quốc gia, và vấn đề chính vẫn là về những giới hạn này. Thật dễ dàng để nói về pháp luật, và xác định chiến tranh giữa các đất nước vẫn được phán đoán giống như là bạo lực ở trong một Nhà nước; nhưng điều này lại chỉ rơi vào chính trong sự tương tự mang tính sai lầm cũ. Nhà nước chế tài nguyên lý của sự tự hi sinh, và những phẩm chất mà nó vẫn phù hợp theo cùng với những điều kiện của đời sống dân sự. Nhưng những điều kiện đó thì khác nhau, và nguyên lý của sự cạnh tranh thì có thể có một phạm vi khác hẳn. Nếu một quốc gia mà thu hẹp phạm vi đó, và tự đặt mình ra ngoài việc thương mại với các nước khác, thì tại sao nó lại không nên làm như thế? Nhưng nếu trái lại, nó tự khẳng định chính mình nhằm vượt lên khỏi những giới hạn đã được cho phép trong đời sống dân sự, thì lại một lần nữa, có phải điều này là phi đạo đức? Có lẽ vẫn

có thể nói được rằng "Cạnh tranh là một việc, còn chiến tranh lại là một việc khác"; nhưng lại không dễ dàng gì để rút ra được một sự phân biệt về nguyên tắc như thế.

Sự ích kỷ vẫn không phải là bệnh hoạn, bởi vì Nhà nước khuyến khích công dân của mình hãy ích kỷ; và bạo lực vẫn là bệnh hoạn, bởi vì Nhà nước vẫn cứ mạnh mẽ đối với các công dân của mình. Chiến tranh là bạo lực *phi pháp* nếu không có được luật pháp để kết án nó, và chúng ta ngay cả có thể nói rằng một luật pháp như thế vẫn được đặt trên nền tảng của chiến tranh. Chính ở đây mà "tinh thần nhân đạo" của chúng ta đã vấp phải một sự sai lầm kinh khủng, bởi vì luật pháp quốc tế có khi nào đó được hiện thực, thì nó tất phải có một quyền lực thi hành. Nhưng một quyền lực hành pháp thì phải sử dụng tới sức mạnh, và sức mạnh giữa các nước là chiến tranh. Khi một đa số sẽ cùng đồng ý là trên những điểm nào đó họ sẽ bó buộc làm cho những Nhà nước bị tan tác, thì luật của những quốc gia vẫn sẽ là một thực tế. Và như vậy nếu chiến tranh xảy ra, thì chắc chắn là sẽ bằng cách đánh nhau, bằng một sự kiểm soát quân sự với một sức mạnh không thể chống lại được, cùng với một sức mạnh làm hậu bị cho nó. Nhưng nếu thế thì cái gì mà chúng ta sẽ đề cập với một "quan niệm nhân đạo", nếu họ đòi hỏi hòa bình bằng tất cả mọi giá? Chắc chúng ta sẽ trả lời là chỉ có những người có lòng nhân đạo, và các bạn hữu của hòa bình - những con người mà đối với chiến tranh vẫn được gọi bằng cái tên là Nhân loại?

Chúng ta đã tìm thấy giá trị bình đẳng của những cá nhân như là một ảo tưởng, và sự giống nhau từ công dân đến quốc gia là không thích đáng. Cứu cánh là sự hoàn thiện nói chung, và đối với cứu cánh này, chắc chắn là sự hi sinh có thể được đòi hỏi. Nhưng những bổn phận mà trong đó Nhà nước được đặc biệt chỉ định, nhằm mở rộng những điều này vượt lên trên những điều kiện của họ là không thể bảo vệ được; bởi vì giống như những sự thật nói chung khác, những chân lý nói chung về đạo đức là vẫn có điều kiện. Và bên cạnh sự sai lầm này, chúng ta cũng còn tìm thấy sự sai lầm khác. Sự tương đồng từ đời sống dân sự không những chỉ ra rằng sự hi sinh là không có giới hạn, nhưng nó lại còn cho thấy điều trái ngược lại, là bên trong của những giới hạn, thì sự tự khẳng định là điều hợp lý.

Nhưng về phần "Thiên Chúa giáo" chúng ta, tôi vẫn giả sử là sẽ có một từ ngữ riêng cho chúng ta. Họ có thể nói thế, "bạn đã chứng tỏ được rằng sự tự xác định đã được thừa nhận bởi đạo lý của thế giới, nhưng đạo lý của Phúc âm là tiêu chuẩn sau hết". Và về điểm này, tôi nghĩ là chúng ta sẽ có thể hiểu lẫn nhau. Nếu "Thiên Chúa giáo" có nghĩa là lấy Phúc âm làm nguyên tắc cho đời sống chúng ta, thế thì cũng chẳng ai trong chúng ta là người Thiên Chúa giáo cả, và cũng không có vấn đề gì để chúng ta nói nữa, nhưng tất cả chúng ta đều biết là chúng ta không thể là thế. Nếu đạo lý của Hy Lạp là phiến diện, thì đạo lý của Tân ước lại còn phiến diện hơn thế nữa, bởi vì nó vẫn hàm chứa sự phát triển của cá nhân và của Nhà nước là không có giá trị. Nó không chỉ cho rằng nó coi thường sự chiến thắng đối với các sức mạnh của tự nhiên, mà nó còn coi khinh vẻ đẹp và xem nhẹ cả tri thức, nhưng nó lại không có một trong những định chế luân lý lớn của chúng ta, mà chính nó không biết hay coi thường. Những quyền về sở hữu vẫn bị chối bỏ hay nghi ngờ, những mối dây ràng buộc trong gia đình thì bị phá vỡ, không còn một quốc gia hay lòng yêu nước nào nữa, và sự nối kết của giống phái cũng trở thành một phương tiện thứ yếu chống lại tội lỗi. Tình yêu phổ quát tất nhiên lại là một đức hạnh, nhưng sự thuần phục và sự thấp kém - để chìa cái má ra cho mọi kẻ kỳ thị mỉm cười nó, để chịu sự ăn cướp của những kẻ vô lại và thông thường là của những người áp chế,

để được đứng vững bởi sự lười nhác, còn khi sự không giúp đỡ là bị vi phạm, và là đất đai của người ta trong sự hấp hối của nó, và để lại điều danh dự và sự trả thù cùng công lý cho Chúa ở trên cao - là những tính chất mà nó xứng đáng cho một thuộc tính nào đó khác. Luân lý của những người Thiên Chúa giáo nguyên thủy là luân lý của một hệ phái tôn giáo; nó không hề có nhà, không có phái tính, và không có quốc gia. Đạo lý ngày nay nằm ở trong gia đình, trên tài sản, và nơi quốc gia. Đạo lý của chúng ta là chính các thành viên của thế giới mà chúng ta sống ở trong đó; là ở trong chính thế giới và cũng không phải của nó, là một loại hoàn chỉnh. Nói tóm lại sự hấp dẫn về luân lý giữa chúng ta, cũng rộng rãi như trí tuệ; và nếu là chính trị đã không biết đến điều này, thì tôi nghi ngờ không biết nó có còn là chính trị nữa hay không. Chúng ta đã sống một thời gian dài mà giờ đây chính những giáo sư của một giáo điều mà không phải một ai khác là có thể liên tục thực hiện được, và cả nó, nếu được thực hiện, thì cũng chỉ vô đạo, cũng như là không thật.

Sự tự khẳng định mà chúng ta đã nhìn thấy cũng đúng là một sự hi sinh, và ở điểm này, chúng ta cũng có thể lưu ý tới một sai lầm khác. Nó chẳng phải là một suy luận thực chất nào, từ những quan điểm của Darwin, nếu có một người nào đó mà duy trì được mặt đạo lý chỉ của sự ích kỷ của quốc gia mà thôi. Bởi vì chỉ duy sự kiện về việc tự xác định mà chính nó phải chịu đựng, và việc hành động trên nguyên tắc của sự tự xác định, thì trước tiên hết vẫn không cùng là một. Và hơn thế nữa, nơi sự bắt đầu của đạo lý ở những động vật bầy đàn, thì sự kiện của việc tự khẳng định này, tự nó đã trải qua một sự thay đổi có thể nhìn thấy rõ được. Sự đấu tranh của cộng đồng chống lại những kẻ bên ngoài, và đơn thuần cũng còn bởi sự đấu tranh của những cá nhân ở ngay bên trong cộng đồng. Và làm thế nào mà chúng ta có thể nhất thiết dựng lên được một đạo lý bộ tộc, và chỉ có sự đấu tranh giữa những Nhà nước như là tối hậu, khi ở bên trong đạo lý của một bộ tộc nguyên lý ích kỷ vẫn là không bao trùm? Nếu ở đó mà quy luật của sự tự khẳng định đã phải ngừng lại, không thành cái tối cao, thì sự thống lĩnh của nó, nơi nào mà những Nhà nước vẫn có quan hệ tới, cũng chỉ là một sự phỏng đoán thuần túy. Sự tiến bộ đã giới hạn sự đấu tranh của những công dân sẽ có giới hạn, chúng ta có thể giả định là như thế, còn sự đấu tranh của Nhà nước, và sự tự khẳng định sẽ phải bị giản lược lại ở tất cả mọi nơi, vào một yếu tố nằm bên trong của một đạo lý cao hơn.

Và ở đây có lẽ chúng ta cũng phải từ bỏ những ý tưởng phiến diện mà chúng ta đã từng phê phán. Mục đích mà chúng ta nhắm tới là sự phát triển của bản chất con người. Nguyên lý này tạo nên sự hi sinh, bởi vì con đường của nó có thể phải thông qua sự mất mát của các cá nhân. Và nó cũng tạo ra sự tự khẳng định, bởi vì chỉ như vậy mới có thể đạt tới được cứu cánh sau cùng phải có. Nó phụ thuộc vào cả hai, và nói chung những giới hạn của chúng có thể được xác định. Có thể rằng một người hay một Nhà nước có thể tự phát triển một cách tốt nhất, bằng cách phục vụ những người khác tốt nhất, và ở đây vấn đề sẽ không còn nữa. Lại nữa, một người hay một Nhà nước, bằng cách từ bỏ các tài sản riêng, có thể phục vụ tốt nhất cho cứu cánh này; và ở đây sự hi sinh trở thành một bổn phận. Nhưng nếu sự tự khẳng định, là nhằm đến sự mất mát, hay ngay cả là sự hủy diệt của những người khác, thì một người hay một Nhà nước cần nên xem xét điều đó, coi thử nó có lợi ích tốt nhất cho nhân loại hay không, còn nếu không, thì sự hi sinh đó là vô đạo.

Những sự thật này dường như rõ ràng đòi hỏi cần phải được giải thích, nhưng vì chúng vẫn thường hay bị hiểu lầm như

thế, nên tôi thấy phải quan tâm xem xét điều này. Giả thử trước hết chúng ta chỉ có một đất nước duy nhất, thì sự hoàn thiện của bản chất con người ở bên trong chính đất nước đó sẽ là mục đích. Điều gì là tốt cho mỗi một con người ở đây, thì đối với phần lớn nhất có thể vẫn phù hợp đối với điều tốt của những người khác, nhưng về tổng thể thì nó vẫn không thể, và cũng không phù hợp. Bởi vì nếu không có cạnh tranh, thì xã hội sẽ phát triển èo uột, thông qua sự mất mát của chính những cá nhân mạnh mẽ. Sự không có giá trị sẽ không bị gạt sang một bên, và người thích ứng nhất cũng không đi tới được phía trước. Và do thế, mà nếu tôi là một người thích hợp nhất để có được một lợi điểm, thì bổn phận của tôi là phải thực hiện nó. Nhưng trên cùng một nguyên tắc đó, cũng có những trường hợp mà sự hi sinh có thể được đón nhận. Sự hi sinh là một mục đích nói chung, và nó thường đưa đến cho một lợi ích lớn hơn, và nó cũng là một mục tiêu cho người nào bị mất mát, cho tới một mức độ nào mà anh ta đồng hóa được chính mình với điều gì là có lợi. Nhưng tự trong bản thân nó, thì sự hi sinh là một điều xấu, và luôn luôn có một tiên kiến nào đó chống đối lại nó. Từ bỏ đời sống hay các tài sản hay là những tài năng cho sự an toàn của những người khác có thể là phi đạo lý.

Và sự việc đó, vẫn thường tồn tại giữa các quốc gia. Mỗi một đất nước nói chung, có thể được lợi, nhưng không phải luôn luôn có được điều lợi như thế cho tất cả. Một sự cạnh tranh nào đó, và do vậy cũng có được sự tự khẳng định, vẫn luôn đưa lại một sự mất mát cho người khác, và có thể trong một vài lần vẫn đúng. Và ở những lần khác, vì sự an toàn của cả nhân loại, thì một quốc gia có thể phải từ chối chính mình. Sự hi sinh chính mình của quốc gia, nếu đem so sánh với cá nhân thông thường, thì luôn có một mục tiêu rộng lớn hơn, nhưng cũng lại là một hiện thực hạn hẹp hơn. Thật khó đối với một Nhà nước để phán đoán rằng sự mất mát của nó là ngang bằng với lợi ích chung. Và những quốc gia vẫn khác nhau về những giá trị, và cũng không có những tổ chức nào để bảo đảm rằng một sự mất mát của một nước sẽ là có lợi cho nước khác. Ảnh hưởng của sự điển hình là yếu, nơi nào mà tinh thần công ích vẫn khó để có thể có được. Và (cũng còn mang tính chất nguỵ biện nếu có) sự sẵn sàng trong một quốc gia nhằm cho một sự hi sinh có thể vẫn là một lý lẽ nhằm ưu ái cho sự tự khẳng định của chính quốc gia đó.

Nguyên tắc tổng quát thì dường như chỉ đơn giản, nhưng cũng không đưa chúng ta đi xa hơn. Một quốc gia phải nhắm tới điều gì tốt đẹp cho nhân loại, và nhắm tới cứu cánh hòa bình; nhưng như chính các thực tế cho thấy, nguyên tắc này ở trong một số các trường hợp sẽ biện minh cho bạo lực, và ngay cả cho sự tiêu diệt. Bởi vì bên cạnh nguyên lý mà nó tạo ra như là cứu cánh, thì không có một pháp luật tuyệt đối nào; và những phương tiện cho cứu cánh này cũng không thể được xác định trước. Và những phương tiện như thế chắc chắn cũng không cần luôn luôn phù hợp với sự tiết chế đối với chiến tranh hay ngay cả đối với sự tấn công. Hy vọng trước tiên của chúng ta hiện nay là quyền lực hành pháp của quốc tế bó buộc đạo lý với kẻ tốt nhất; nhưng nếu điều đó hiện hữu, thì rồi kẻ tốt nhất có thể đồng ý, và cũng phải là kẻ mạnh nhất. Và sức mạnh cũng có nghĩa là chiến tranh trong tiềm ẩn. Có lẽ chúng ta phải nhìn xa hơn nữa về khả năng này để đi tới một tình trạng tốt hơn đối với các sự việc, nhưng cái đầu tiên dường như cũng chỉ là con đường dẫn tới cái thứ hai. Sự hiền hòa sẽ *không* phải là di sản trên trái đất, và một quốc gia mà tuyên bố là đạo lý thì phải sẵn sàng sử dụng sức mạnh nhằm để bảo vệ quyền hạn của mình.

Thật là không đúng để từ bỏ quan điểm này như là một tấm ván nhún cho chính sách hiếu chiến hay sự vinh quang bằng

máu và sự cướp bóc. Quan điểm này tạo ra niềm tin rằng một cuộc chiến tranh mà bắt đầu theo một cách thiếu suy nghĩ hay ích kỷ, là một tội ác. Nó chỉ thù địch đối với sự việc áp dụng những nguyên lý phiến diện một cách không cần tính toán. Chúng ta nhớ lại trong phần "Lợi ích của Anh quốc", là một sự ích kỷ gớm ghiếc và vô đạo, và nếu một quốc gia mà chấp nhận điều đó, thì có thể bị mất đi một nguồn sức mạnh. Đối với người nào tìm kiếm hòa bình bằng mọi giá, thì chúng ta cần nên lưu ý rằng một sự việc có thể có giá trị hơn điều gì mà nó được vỗ béo trong thị trường; và chúng ta nói với một nhà chính trị "Thiên Chúa giáo" nào đó, hay với người theo phái Quaker, rằng trong khi có những quan điểm khác, người ta đã không biết tới lời dạy của Phúc âm, thì người ta là một kẻ đạo đức giả, nếu người ta cố gắng dạy cho chúng ta bổn phận của chính chúng ta về điều này. Và chúng ta cũng yêu cầu những người duy cảm cần nhớ lại rằng, sau hết thì chính sức mạnh bó buộc những nguyên tắc cho thế giới, và sau hết rằng sự tự khẳng định cũng là một điều kiện của phúc lợi.

Có thể đúng là một ngày đẹp trời, nếu tại nước Anh chúng ta có thể có được một số ý tưởng sáng suốt hơn về tính ích kỷ và lòng ái quốc; nếu chúng ta có thể học được điều đó để tự chế đối với những lời rao giảng không chân thật, cũng như từ sự khoác lác bệnh hoạn. Thế nên chúng ta có lẽ cần nhớ lại rằng khi thương mại đã ra đi, và những xí nghiệp sụp đổ, thì ký ức về một đất nước mà chính nó đã nỗ lực để trở nên hùng mạnh, và cũng dám mạo hiểm về một điều gì đó, thì chính nghĩa của nhân loại, cũng không phải để gì để có thể bị mất.

32

Lạc thú và niềm hạnh phúc *

ARISTOTLE

(384 - 322 Tr. CN)

Có một số người bảo rằng điều thiện (cao nhất) là sự thích thú; trái lại những người khác thì cho rằng sự thích thú là điều gì đó quá tệ, hoặc là nếu mà có thể được, thì họ cũng được thuyết phục rằng nó quả thật là thế, hay nếu họ suy nghĩ về nó tốt hơn trong chính lợi ích của đời sống con người, thì cũng để trình bày sự thích thú giống như là một điều gì đó xấu xa, ngay cả nếu có cho nó không là thế, thì cũng cảm thấy nói chung là người ta vẫn có khuynh hướng hướng tới chính sự thích thú, và là nô lệ cho những loại lạc thú của họ, và cũng cho rằng do thế mà cần có một bổn phận để hướng dẫn họ đi theo hướng ngược lại, nếu như họ cứ muốn đi tới việc được như thế như là sự bình thường hay là một tình trạng thích đáng.

Nhưng tôi thì lại muốn cho rằng trường hợp đó không có một sự khẳng định nào đúng. Bởi vì trong cả những vấn đề của các cảm xúc, và của những hành động, thì các lý thuyết đều không có các giá trị đáng tin giống như những sự kiện; và do vậy mà khi những lý thuyết không phù hợp với những sự kiện của nhận thức, thì nó trở thành không có giá trị, và cũng bao hàm rằng sự thật thì tự nó cũng đã bị hủy hoại trong chúng. Bởi vì nếu một người có thể kiểm soát được sự thích thú, và rồi có một vài lần nhận thấy rằng nhằm hướng tới được mục tiêu thích thú, thì anh ta vẫn bị cho là muốn hướng về sự thích thú hoàn toàn như là điều mong muốn; bởi vì nó vượt quá năng lực của những người bình thường để có thể phân biệt được. Nên nó dường như là những lý thuyết đúng và cũng cực kỳ hữu dụng, không chỉ trong những phương tiện của sự hiểu biết, nhưng còn như là những kim chỉ nam của đời sống; bởi vì như trong sự hòa điệu với những sự kiện, họ tin tưởng và phải tin tưởng rằng họ khuyến khích những người nào hiểu họ, để điều tiết sao cho đời sống của họ phù hợp với họ.

Thế thì hội đủ những sự xem xét như thế; chúng ta hãy thử rà lại những lý thuyết về sự khoái lạc.

---

* Trích từ Cuốn X, *Đạo đức học của Nicomac*

Eudoxus đã từng cho rằng khoái lạc là một điều tốt, bởi vì chúng ta đã thấy rằng mọi sự vật, cho dù là hữu lý hay không hữu lý, thì vẫn cứ xem khoái lạc chính là mục đích của chúng. Ông ta lập luận rằng trong mọi trường hợp nếu nó được mong muốn thì là tốt, và cho rằng điều gì được mong muốn nhất vẫn cứ là tốt nhất; do thế mà sự kiện mọi sự vật được lôi kéo tới cùng một đối tượng, là một sự chỉ định rằng đối tượng đó là cái gì tốt nhất cho tất cả, vì tất cả mọi sự khám phá điều là tốt cho chính nó, trong cùng một cách như thể là sự khám phá ra thức ăn; nhưng nếu điều đó là tốt cho tất cả, và cũng là mục đích cho tất cả, thì nó là tốt.

Các lý thuyết của ông ta vốn đã được chấp nhận, không phải chỉ vì giá trị tiềm ẩn của chúng, mà giống như là cái cực tốt trong tính cách đạo đức của ông ta; vì ông ta đã được đánh giá như một con người có tính cách của một chuẩn mực gương mẫu. Cũng dường như là ông ta đã không đẩy xa hơn những quan niệm này, giống như nó là một sự cổ vũ cho lạc thú, nhưng sự thực vẫn là đúng như ông ta đã nói. Ông ta cho rằng sự thực này đã đi tới kết quả với một sự sáng tỏ không kém, từ sự xem xét về cái nghịch lại với sự khoái lạc; bởi vì giống như sự đau đớn, là cái gì đó mà mọi người đều muốn tránh, thì cũng giống như thế đối với cái ngược lại với nó, là cái gì đó mà mọi người đều cảm thấy thích thú. Ông ta lý luận rằng nếu một sự vật là ở trong mức độ ham muốn cao nhất, và nếu chúng ta không ham muốn nó vì một lý do khác hơn nào đó, hay là với bất cứ động cơ nào khác cả, thì điều này là có thể chấp nhận được như là trường hợp của sự lạc thú; bởi vì nếu một người đã được hài lòng, thì cũng không có ai cần phải hỏi thêm điều gì như là động cơ của sự hài lòng chứ sao? Tức một sự kiện mà nó chứng tỏ rằng lạc thú là tự ở trong chính nó, cũng là điều mà người ta ham muốn. Và cần nói thêm rằng sự gia tăng của lạc thú cho bất cứ trường hợp tốt, tức là nó điều chỉnh, hay là làm dung hòa các thái độ hành vi, và làm cho điều tốt ấy lại càng nên được ham muốn hơn, và đi tới kết quả là nếu điều tốt gia tăng bởi một sự vật, thì cũng chính sự vật đó phải là một điều tốt.

Thế nên dường như lý luận này chứng tỏ lạc thú là một điều tốt, nhưng lại không phải là một điều tốt theo một ý nghĩa cao hơn bất cứ cái gì khác; bởi vì bất cứ một điều tốt nào, cho dù nó là gì chăng nữa, thì đều đáng mong muốn hơn, nếu có việc cộng thêm một điều tốt khác, hơn là chỉ có nó một mình. Đó cũng vì một lý lẽ hoàn toàn tương tự, mà Plato đã cố gắng chứng minh rằng lạc thú không phải là một điều tốt. Lạc thú (theo ông ta nói) không phải là điều tốt cao nhất, bởi vì cuộc sống có lạc thú là đáng muốn hơn, phải cùng với việc thận trọng bổ sung, hơn là không có nó; nhưng nếu có sự phối hợp mới tốt hơn, thì lạc thú đã không phải là điều tốt, vì điều tốt tự nó không thể không được mong muốn, hơn là bởi bất cứ một sự cộng thêm nào nào.

Nhưng rõ ràng nếu lạc thú không phải là điều tốt, thì cũng không thể có một sự vật nào đó khác lại có thể được mong muốn hơn, nhờ bởi sự gia tăng thêm vào cho một cái tốt tuyệt đối nào đó. Thế thì cái gì không phải là sự gia tăng thêm như thế, nhưng lại được chấp nhận với sự tham gia của chúng ta vào nó? Bởi vì nó chính là cái tốt của loại này, và là đối tượng tìm kiếm của chúng ta.

Có những người ở mặt khác lại lý luận rằng điều gì mà mọi sự vật nhằm tới nhưng không phải là điều tốt, thì có thể nói đó là sự phát biểu vô nghĩa; bởi vì chúng ta chấp nhận ý kiến phổ quát luôn như là sự thật, và người nào đảo lộn niềm tin của chúng ta bằng một ý kiến phổ quát, thì cũng sẽ thấy khó mà đi tới bất kỳ một ý kiến nào đáng tin cậy hết. Nếu đó chỉ là những kẻ không thông minh mà lại mong ước lạc thú, thì sẽ có cái gì đó trong điều mà anh ta nói; nhưng nếu sự thông minh vẫn có

đó chừng nào mà sự vật đó còn tồn tại, thì làm thế nào để nó có thể như thế? Có vẻ như ngay cả trong những sự vật thấp hơn, cũng có một nguyên tắc tự nhiên nào đó vượt lên trên chính những tạo vật đó, và nhằm đến chính mục tiêu của cái tốt thích đáng của chúng.

Dường như cũng chẳng phải một người nào đã nhận thấy được một cách tốt đẹp lý luận rút ra từ cái trái ngược với lạc thú. Họ bảo điều đó không phải như thế, nếu sự đau khổ là một điều tệ hại, thì sự lạc thú lại là điều tốt, mà không phải chỉ là một điều xấu chống lại một điều xấu khác, mà cả hai đều đi ngược lại với chính điều gì mà tự nó cũng chẳng phải là cái này hay cái kia, nhưng lại là một tình trạng trung hòa cho cả hai. Điều này cũng đã đủ, nhưng nó lại không áp dụng cho sự khoái lạc hay sự đau khổ. Bởi vì cả hai sự đau khổ và sự khoái lạc đều là xấu, nên phải có bổn phận tránh xa cả hai, và nếu không có cái nào là điều xấu cả, thì cũng dường như là một bổn phận để phải tránh một trong hai, hay là cũng không phải để tránh cái này hơn là cái kia; tuy thế trong thực tế, rõ ràng rằng người ta tránh xa một cái như là điều xấu xa, nhưng lại ham thích chính cái kia như là một điều tốt. Thế nên việc đưa tới khoái lạc và đau khổ vẫn là sự đối ngược nhau như chính điều tốt và điều xấu.

Rồi cũng chẳng hề đi đến việc là nếu khoái lạc không phải là một phẩm chất, thì một điều gì tốt cũng không phải là một phẩm chất, bởi vì những hoạt động của đức hạnh vẫn không phải là những phẩm chất, và cả hạnh phúc cũng vậy.

Người ta cũng lập luận rằng điều tốt là cái xác định, nhưng khoái lạc lại không xác định, bởi vì nó chấp nhận cả về những mức độ.

Thế nên nếu cơ sở của ý kiến này là có thể được hài lòng theo một mức độ nào đó nhiều hơn hay ít hơn, thì cũng cùng một sự vật, mà có khi cái này là đúng đắn, công chính, còn cái kia thì lại chỉ là những đức hạnh. Bởi vì hiển nhiên ở đây chúng ta nói về những người nào mà họ có một số các đức hạnh nào đó, trong một mức độ lớn hơn hay nhỏ hơn; một số người thì đúng đắn và can đảm trong một mức độ nhỏ hơn hay lớn hơn so với những người khác, và có thể hành động với một mức độ công chính và chuẩn mực nhiều hơn hay ít hơn như thế đó.

Tuy nhiên nếu ý nghĩa về sự không xác định là nằm trong những lạc thú, thì điều này theo tôi nghĩ, cũng không phải là sự cắt nghĩa chính xác, khi giả dụ rằng có một vài sự khoái lạc là bị trộn lẫn, còn những cái khác thì không.

Lại nữa, sức khỏe thì được xác định, cho nên nó chấp nhận những cấp độ; và tại sao lại không là như thế đối với lạc thú? Bởi vì sức khỏe không phải cùng trong một sự ngang bằng, hay là cũng gồm những yếu tố nơi tất cả mọi người, và nó cũng không luôn luôn như nhau trong cùng một cá nhân con người; nó vẫn thường có sự thun dãn cho tới một mức nào đó, và với những mức độ khác nhau, mà cứ vẫn là sức khỏe. Còn đối với sự khoái lạc thì hầu gần như cũng là như thế.

Lại nữa, về những cái đối ngược lại với khoái lạc, thì nhìn trên điều gì tốt, giống như là hoàn hảo và đầy đủ, và tiến trình của sự vận động và sự sản sinh như là chưa hoàn hảo hay là chưa đầy đủ, để có chứng minh khoái lạc như là động lực hay là sự sản sinh. Nhưng tôi cho rằng chúng sai lầm, vì khoái lạc chẳng phải là động lực gì cả. Bởi vì sự nhanh lẹ hay sự chậm chạp, là một đặc điểm, và nó dường như là của mọi động lực, một cách tuyệt đối, như của động lực của vũ trụ, hay nói một cách khác thì chỉ là tương đối, nhưng cũng không có cái nào trong chúng là một điều kiện gắn liền vào trong sự khoái lạc cả. Nó có thể trở thành sự hài lòng, cũng như nó có thể trở thành sự giận dữ một cách nhanh chóng, nhưng cũng không thể là hài lòng

nhanh chóng hay tương đối, tức là trong sự so sánh với một người nào đó khác, như thể nó bước đi hay là cứ lớn lên nhanh chóng và cứ thế. Sự diễn tiến như thế rồi cũng đi đến một tình trạng khoái lạc có thể nhanh chóng hay chậm chạp, nhưng kinh nghiệm sống động của sự khoái lạc, tức là tình trạng của sự cảm thấy được hài lòng, vẫn không thể nhanh chóng.

Trong một ý nghĩa nào đó thì cũng vậy, có thể nào sự khoái lạc là một tiến trình của sự sản sinh? Rõ ràng nó không phải là trường hợp của bất cứ một cái gì có thể sản sinh từ một cái gì đó khác; nó là trường hợp mà một sự vật đã được giải quyết qua đó, mà từ đó nó được sinh ra. Cũng vậy, sự đau đớn là sự tàn phá của cái gì đó mà từ đó sự khoái lạc đã tự sinh ra. Tức cũng là nói rằng sự đau khổ là sự thiếu sót của tình trạng tự nhiên, và sự khoái lạc là sự thỏa mãn nó. Nhưng sự khiếm khuyết này và sự thỏa mãn này đều là những sự xúc cảm của thân thể. Nên nếu khoái lạc là một sự thỏa mãn của tình trạng tự nhiên, thì sẽ dẫn tới phần nào căn bản của sự thỏa mãn sẽ cảm thấy khoái lạc, tức là cơ thể. Nhưng điều này dường như cũng không phải là trường hợp đó. Do thế mà chúng ta kết luận được rằng khoái lạc không phải là một sự thỏa mãn của tình trạng tự nhiên, mặc dù người ta có thể cảm thấy sự khoái lạc trong khi tiến trình của sự thỏa mãn là đang diễn ra, bởi vì như anh ta có thể cảm thấy bị đau khổ trong khi chịu đựng một cuộc giải phẫu.

Quan điểm này về khoái lạc, kể cả cứ cho rằng đó là một tiến trình của sự thỏa mãn, thì dường như cũng có xuất xứ từ những khoái lạc và đau khổ trong việc ăn uống, bởi vì chính trong chúng mà trước hết chúng ta vẫn cảm thấy có một sự thiếu sót và một cái đau đớn đi trước, và rồi lại cảm thấy thích thú khi được thỏa mãn. Nhưng điều này không đúng đối với tất cả mọi sự khoái lạc; những khoái lạc trong toán học chẳng hạn, có nghĩa là chúng ta không có sự đau đớn nào đi trước nó cả, cũng như cũng chẳng phải trong những sự khoái lạc của các giác quan, mà có thể kể ra như trong sự ngửi, mà hơn nữa cũng chẳng phải nơi những âm thanh hay những cái nhìn, trong trí nhớ và những sự hi vọng. Thế thì điều gì ở đây mà từ đó có được tiến trình của sự sản sinh? Bởi vì trong chúng cũng không hề có sự thiếu thốn nào để cần được làm thỏa mãn cả.

Nhưng nếu đó là trường hợp của sự khoái lạc vô đạo đức, được đưa ra để chứng minh khoái lạc là một điều xấu, thì chúng ta lại có thể trả lời rằng sự thực là không có khoái lạc. Chúng có thể là sự thỏa mãn cho những người ở trong một điều kiện xấu, nhưng cũng không thể suy đoán được rằng họ thích thú, trừ khi đối với những người như thế, và không có gì khác hơn là những sự việc như có đầy đủ sức khỏe hay sự ngọt ngào hay là điều đắng cay trong chính chúng, bởi vì chúng ta không thấy thích đáng như thế, hay những sự vật đều là màu trắng, bởi vì chúng có vẻ là thế đối với những người mắc phải chứng rối loạn màu sắc ở võng mô nơi nhãn cầu.

Có lẽ sự thật chỉ có thể được xác định như thế này: những sự khoái lạc đều đáng mong ước, miễn không phải là chúng vô đạo từ trong nguồn gốc của chúng, hay ngay cả như sự giàu có là thích thú, nhưng không phải nó phải có được bằng chính cái giá phải phản bội lại đất nước của mình, hay là sức khỏe, nhưng không phải bằng việc ăn bất cứ thức ăn nào, cho dù là nó khó chịu. Hay có thể nói rằng những sự thích thú là thuộc nhiều loại khác nhau, mà có những điều là cao quý trong nguồn gốc của chúng, là rất khác với những cái mà nguồn gốc của chúng là đáng xấu hổ, và chính cũng không thể thu hưởng được điều thích thú nơi những người chân chính nếu không có sự chân chính, hay như là sự thích thú của âm nhạc mà lại không có âm nhạc, và v.v... Sự phân biệt được rút ra giữa một người bạn và một người nịnh nọt,

dường như có thể giúp để làm cho sáng tỏ sự thật rằng khoái lạc vẫn không phải là điều gì tốt, hay là luôn có những sự khoái lạc thuộc về các loại khác nhau; bởi vì dường như là trong khi đối tượng một người bạn thân trong quan hệ xã hội là tốt, thì đối tượng một người nịnh nọt lại làm cho thích thú, và trong khi người nịnh nọt phải được kiểm nghiệm, thì người bạn thân thẳng thắn nên đáng ca ngợi.

Lại nữa, vẫn không có ai muốn chọn lựa sống tất cả cuộc đời của mình trong tinh thần của một đứa trẻ, mặc dù người ấy có thể thấy rõ sự thích thú về tuổi thơ hơn là so với tuổi già, hay là thích thú trong khi làm điều gì đó cực kỳ xấu hổ, cho dù người ấy không bao giờ cảm thấy đau khổ để làm điều đó cả. Có nhiều sự vật cũng giống như thế mà đối với chúng, chúng ta vẫn mở rộng lòng mình ra, ngay cả như chúng cũng chẳng mang tới điều gì thích thú đối với chúng, chẳng hạn như việc thấy, nhớ, biết, và việc có các đức hạnh; và nếu đúng những điều này là cần thiết để đạt tới bằng chính những sự thích thú, thì nó là phi vật chất, như chúng ta có thể mong muốn chúng, ngay cả nếu vẫn không có một lạc thú nào được phát sinh từ chúng. Thế nên dường như thật rõ ràng rằng lạc thú vốn chẳng phải là điều tốt, cũng không phải mọi lạc thú đều đáng mong muốn, và cũng có một số lạc thú mà chúng đáng mong ước trong chính chúng, nhưng chúng khác nhau về loại dạng hay là về nguồn gốc cùng với những cái khác.

Chúng ta có lẽ cũng nên xem xét điều này như là một yếu tố hội đủ những quan niệm như thế, giống như đã xem xét đối với sự lạc thú và sự đau khổ.

Nhưng bản chất hay tính cách của lạc thú sẽ được nhìn thấy rõ ràng thêm nữa, nếu chúng ta tóm lược lại lập luận của chúng ta ngay từ đầu.

Dường như hành vi của việc nhìn thấy vốn được hoàn chỉnh hay trọn đủ vào bất cứ lúc nào; nó không thiếu bất cứ điều gì để sau đó sẽ được tạo ra, và làm cho nó được hoàn chỉnh thêm trong loại dạng của nó bởi có sự gia tăng nhiều thời gian hơn.

Do thế mà sự khoái lạc không phải như một động lực; bởi vì mọi động lực đều cần phải có một thời gian nào đó, và nhằm vào một mục tiêu nào đó. Như vậy, nghệ thuật của người xây dựng là đầy đủ và hoàn tất, khi nó đã được hoàn thành xong đối tượng của mình. Nó được hoàn thành, hoặc là về mặt tổng thể thời gian mà công trình xây dựng cần phải có, hay là về mặt thời điểm khi mà nó đã được hoàn tất. Nhưng trong nhiều thành phần khác nhau của thời gian, thì những tiến trình khác nhau, hay là những động lực, vẫn là không hoàn thiện, và là khác nhau trong loại dạng, từ cái toàn bộ, và cũng từ trong chúng lẫn nhau; bởi vì việc dựng lên những viên đá, vẫn là khác với việc dựng lên những hàng cột, và cả hai đều từ sự xây dựng ngôi đền như một toàn thể, và do vậy mà công trình xây dựng ngôi đền là đầy đủ, không có gì thiếu sót đối với mục tiêu đã đề ra, cái của nền tảng và bước sơ thảo ban đầu còn chưa hoàn chỉnh, giống như mỗi cái chỉ là sự xây dựng một phần của ngôi đền. Những tiến trình này hay những động lực, do vậy vẫn khác nhau trong dạng loại, và không thể nào tìm ra được một động lực nào hoàn toàn hay hoàn hảo trong dạng loại của nó vào bất cứ lúc nào trong khi ngôi đền còn đang được tiến hành. Một động lực như thế, nếu được tìm thấy trong toàn thể, thì cũng chỉ được tìm thấy trong toàn bộ thời gian.

Hoàn toàn giống với sự đi bộ hay với bất kỳ một tiến trình nào đó khác. Bởi vì chính ở đây cho dù mọi động lực là một sự vận động từ nơi này tới nơi khác, vẫn có nhiều loại khác nhau của sự chuyển động, chẳng hạn như bay, đi bộ, nhảy và tương tự như thế. Và không chỉ có thế, nhưng việc đi bộ tự nó thuộc vào những

loại khác; bởi vì điểm xuất phát và đích đến vẫn không phải cùng một cái trong toàn thể cuộc hành trình, và trong phần bộ của nó, hay là trong một phần nào đó của cuộc hành trình, hay trong cái khác; chẳng phải cũng cùng một sự việc, khi cắt một con đường này cũng giống như cắt một con đường khác; bởi vì nó không chỉ là điều mà một người đi ngang qua một con đường, nhưng con đường mà anh ta đi ngang qua là một nơi nào đó, và một con đường là thuộc một nơi khác hẳn với nơi kia.

Chủ đề về sự vận động đã được thảo luận một cách kỹ lưỡng trong một khảo sát khác. Sự vận động rõ ràng là không hoàn toàn trong bất kỳ giai đoạn nào của thời gian; trái lại, hầu hết sự chuyển động là không hoàn toàn và khác nhau về loại dạng, cũng y hệt như điểm khởi đầu và đích đến vẫn tạo nên một sự khác nhau về dạng loại. Mặt khác khoái lạc cũng dường như hoàn toàn hay đầy đủ và thuộc về dạng loại của nó trong bất cứ một giai đoạn thời gian nào.

Thế nên rõ ràng sự vận động và lạc thú cần phải được phân biệt lẫn nhau, và khoái lạc là cái gì đó mà nó là toàn diện và hoàn hảo.

Lý do khác để chủ trương quan niệm này là sự vận động không thể bị loại trừ trong một giai đoạn, nhưng sự khoái lạc thì lại không; bởi vì khoái lạc trong một lúc là một toàn thể.

Rõ ràng từ những khảo sát này mà lạc thú đã không được miêu tả đúng đắn như một động lực hay như tiến trình của một sự sản sinh, bởi vì chính một sự mô tả như thế là không thích hợp với mọi sự vật, nhưng chỉ thích hợp cho những sự vật nào có thể được chia thành những phần nhỏ và lại không là các cái toàn thể như thế. Bởi vì không có một tiến trình sản sinh nào trong một hành vi của việc nhìn thấy, hay trong một điểm toán học, hay trong một đơn vị, cũng chẳng có một cái nào trong các sự vật này là một sự vận động, hay một tiến trình của sự sản sinh. Từ đó cũng sẽ không có một tiến trình nào như thế trong lạc thú, vì chính nó là một toàn thể.

Lại nữa, mọi ý nghĩa về sự hành xử hoạt động trên chính đối tượng của nó, và việc hoạt động là hoàn hảo chỉ khi nào ý nghĩa của chính nó ở trong một điều kiện lành mạnh, và đối tượng là cái cao quý nhất thuộc trong phạm vi của ý nghĩa; bởi vì điều này dường như vẫn rõ nét là tính chất của sự hoạt động hoàn hảo. Chúng ta có thể nói rằng nó không tạo ra sự khác nhau, hoặc là chúng ta nói về ý nghĩa của chính nó, hay là của bộ phận của nó, mà trong đó nó chủ trì như là đang hành xử hoạt động đó; trong mọi trường hợp, sự hoạt động là cao nhất khi nào cái thành phần mà nó hoạt động ở trong một điều kiện tốt nhất, và đối tượng mà trên đó nó hoạt động, là cao nhất trong những đối tượng mà chúng cùng thuộc về phạm vi đó. Một hoạt động như thế sẽ không chỉ là cái hoàn hảo nhất, nhưng cũng là cái hài lòng nhất; bởi vì có sự lạc thú trong mọi cảm giác, và tương tự như thế, trong mọi tư tưởng và sự suy nghĩ, và hoạt động sẽ làm hài lòng nhất, khi nó là hoàn hảo nhất, và nó cũng sẽ là hoàn hảo nhất khi nó là sự hoạt động của một phần đang ở trong một điều kiện lành mạnh, và hành vi đó trên cái cực tốt trong những sự vật vốn thuộc về lãnh vực của nó.

Lạc thú vẫn hoàn thiện sự hoạt động, nhưng không cùng một cách, trong đó có cái cực tốt của ý nghĩa, hay là của đối tượng của ý nghĩa hoàn thiện nó, giống hệt như sức khỏe là nguyên nhân của sự tồn tại của chúng ta ở trong tình trạng khỏe mạnh nằm trong một ý nghĩa, và bác sĩ là nguyên nhân của nó ở trong cái khác.

Rõ ràng mọi ý nghĩa đều có lạc thú riêng của nó; bởi vì chúng ta nói về những cái nhìn thích thú, những âm thanh thích

thú, và vân vân. Cũng như rõ ràng rằng lạc thú là cái lớn nhất khi ý nghĩa đó là cái tốt nhất, và đối tượng của nó là cái tốt nhất; nhưng nếu chủ thể có liên quan, và đối tượng cảm nhận được ở tình trạng tốt nhất của chúng, thì sẽ luôn luôn được thích thú, chừng nào mà có một chủ thể hành động và một đối tượng để được hành động trên đó.

Khi nói tới việc lạc thú làm hoàn thiện hoạt động, thì đó không phải là tình trạng hay tính chất gắn liền vào trong chủ thể, nhưng là như một sự hoàn thiện được gia cố thêm cho nó, giống như sự nở hoa của tuổi trẻ đối với những người nào đó đang ở trong tuổi thanh xuân.

Nên chừng nào mà đối tượng của tư tưởng hay cảm giác, và chủ thể phê phán hay chiêm ngắm có thể có được như thế, thì sẽ có khoái lạc trong hành vi của hoạt động; bởi vì điều này chính là kết quả tự nhiên, nếu tác nhân và chính chủ thể đó vẫn giữ được trong cùng một quan hệ với nhau.

Thế thì có thể đặt câu hỏi tại sao không ai cảm thấy được sự thích thú liên tục? Bởi vì có lẽ chúng ta trở nên mệt mỏi. Con người không thể nào hoạt động liên tục, và trong khi hoạt động phải đi tới kết thúc, thì khoái lạc cũng phải kết thúc; bởi vì nó phải đi liền với hoạt động. Đó cũng là lý do mà một số sự vật chỉ mang lại thích thú khi chúng còn mới mẻ, nhưng về sau càng kém thích thú đi; bởi vì chính trí thông minh được mời gọi vào trò chơi trước nhất, và cũng tự ứng dụng chính nó cho đối tượng của nó, với sự hoạt động căng thẳng, như khi nào chúng ta nhìn ngay vào mặt một người để nhận thức điều gì đó về người ấy, nhưng sau đó thì sự hoạt động lại không còn căng thẳng như thế nữa, mà trở nên thư giản, và do vậy mà sự thích thú cũng phải mờ nhạt dần.

Có thể giả định rằng mọi người đều mong muốn sự khoái lạc, bởi vì mọi người đều quyến luyến vào cuộc sống. Nhưng cuộc sống là một loại hoạt động, và hoạt động của con người vẫn tự nó diễn ra trong phạm vi và với những phương tiện mà nó luôn đi theo sau chính con tim của nó. Như vậy nên một nhạc sĩ sử dụng đôi tai của mình để lắng nghe âm nhạc, một sinh viên dùng trí tuệ của mình trong sư suy tưởng và v.v..

Nhưng lạc thú hoàn thiện các hoạt động; do vậy mà nó hoàn thiện cuộc sống, đó là mục đích của sự ham muốn của con người. Nó hợp lý khi nhắm vào sự khoái lạc, bởi vì nó hoàn thiện cuộc sống trong mỗi một con người chúng ta, và cuộc sống là đối tượng của lòng ham muốn.

Cho dù chúng ta ham thích cuộc sống là vì sự khoái lạc, hay là việc ham thích sự khoái lạc là nhằm cho cuộc sống, thì đó là một vấn đề mà có lẽ tạm thời còn chưa cần đặt ra ở đây. Bởi vì dường như là sự khoái lạc và đời sống là luôn gắn bó vào nhau mà không thể nào tách rời chúng ra được, vì sự khoái lạc không thể nào có nếu không có sự hoạt động, và mọi sự hoạt động đều được hoàn thiện là nhờ khoái lạc.

Nếu điều này là đúng, thì dường như sẽ dẫn tới việc những khoái lạc thuộc về các loại khác nhau, bởi vì chúng ta cho rằng những sự vật khác nhau về loại dạng, thì được hoàn thiện bởi những sự vật cũng khác nhau về các loại dạng như vậy. Bởi điều này rõ ràng là một nguyên lý trong những công việc của tự nhiên hay của nghệ thuật, chẳng hạn loài vật, cây cối, tranh ảnh, hình tượng, nhà cửa, hay là bàn ghế. Tương tự như thế, chúng ta cũng cho rằng những năng lượng khác nhau về loại dạng cũng được hoàn thiện bởi những sự vật cũng khác nhau về loại dạng.

Thế nên những lạc thú của tinh thần vẫn là khác với các lạc thú của giác quan, và những lạc thú này cũng lại khác về loại dạng với nhau. Từ đó mà những lạc thú hoàn thiện chúng cũng phải khác nhau.

Kết luận này cũng có vẻ như là kết quả do từ sự liên kết sâu xa của từng lạc

thú với sự hoạt động mà nó hoàn thiện. Bởi vì sự hoạt động vẫn được tăng cường bởi chính sự lạc thú của nó, như thể chính sự hoạt động là thích thú, và chúng ta như thể đang đi tới một sự phán đoán đúng hay là một kết quả chính xác như thế đối với bất cứ vấn đề nào. Điều đó đúng là thế, chẳng hạn đối với những người ham thích hình học; họ là những nhà hình học tài giỏi hơn, và cũng hiểu nhiều vấn đề về hình học tốt hơn so với những người khác. Cũng giống như thế đối với những người ham thích âm nhạc, hay là kiến trúc, hay là một chủ đề nào đó khác; sự tiến bộ của họ trong các lĩnh vực riêng của họ, là nhờ sự thích thú mà họ tìm thấy được trong đó. Lạc thú giúp tăng cường sự hoạt động, và điều đó cũng giúp tăng cường về một cái gì đó phải gắn chặt với nó. Thế thì nơi nào mà những sự vật khác nhau về loại dạng, thì những sự vật vẫn mật thiết gắn chặt với chúng, cũng khác nhau về loại dạng.

Điều này càng trở nên sáng tỏ hơn khi chúng ta quan sát những lạc thú xuất phát từ một hoạt động vẫn đi liền cùng sự thực hiện lẫn nhau. Do vậy mà những người thích thổi sáo thì không thể còn tham dự vào một tranh cãi được, nếu họ nghe thấy đang có ai đó thổi sáo, bởi vì họ cảm thấy có sự thích thú trong việc nghe chơi sáo, hơn là trong hoạt động mà họ phải bó buộc tạm thời can dự tới; do vậy mà sự thích thú của việc chơi sáo đã tàn phá việc hoạt động tranh luận của họ. Cũng hoàn toàn giống như thế đối với những trường hợp khác, khi mà một người hành xử về những hoạt động của mình trên cả hai chủ đề vào cùng một lúc; thích thú cái nào hơn trong hai cái sẽ đẩy lùi cái kia, đặc biệt là khi nó càng được thích thú hơn, cho đến khi cái kia phải hoàn toàn bị biến mất. Cũng theo đó, nếu chúng ta quá thích thú về một cái gì đó, thì chúng ta cũng không thể nào làm một cái gì khác hơn được. Đó chỉ là khi chúng ta không quan tâm nhiều đến một sự vật nên chúng ta lại làm được một cái gì đó khác vào lúc đó, cũng tựa như những người thích đồ ngọt thì họ lại ăn đồ ngọt nhiều hơn trong rạp hát một khi có các diễn viên diễn quá tồi.

Vậy nên khi sự thích thú là thích hợp cùng với hoạt động nào đó, thì sự việc là cần làm cho nó được tinh tế, và làm cho nó càng được thường xuyên hơn và trở thành cực tốt, trong khi những sự thích thú có liên quan thì lại không hỗ trợ cho nó, và rõ ràng có một sự dị biệt lớn giữa những sự thích thú này. Có lẽ hầu như có thể nói được là những thích thú có liên quan tới nó, có cùng các hiệu quả, cũng giống như những sự đau đớn cũng thích hợp với nó; bởi vì những sự đau đớn thích hợp với một hoạt động thì lại tàn phá nó, bởi vì khi một người nhận thấy một bản văn hay một sự suy nghĩ là khó chịu và đau đớn, thì anh ta sẽ không viết hay không suy nghĩ giống như trường hợp có thể xảy ra.

Những sự thích thú và những sự đau đớn như thế thì thích hợp với một hoạt động có những hiệu quả ngược lại như thế đó. Tôi muốn nói ý nghĩa của sự "thích hợp" giống như thể là những hậu quả của hoạt động *tự thân*. Nhưng điều đó cũng được xác nhận, rằng những thích thú có liên quan, cũng có cùng những hiệu quả thì cũng nhiều như sự đau đớn; chúng là sự tàn phá của hoạt động, mặc dù cũng sẽ không tàn phá cùng với nó nếu nó cùng trong một cách.

Thế nên, giống như mọi hoạt động là khác nhau trong các tính cách tốt hay xấu, có cái thì đáng mong muốn, có cái thì không, và lại có cái thì chẳng là thế này mà cũng chẳng là thế kia, thì sự lạc thú cũng y hệt như vậy, vì tất cả mọi hoạt động đều vẫn có lạc thú phù hợp với nó. Như vậy thì mọi lạc thú mà tự nó phù hợp với hoạt động mang tính đạo đức đều là tốt, con lạc thú nào chỉ phù hợp với một sự hoạt động thấp hèn là sai trái. Bởi vì những mong muốn về một cái gì

đó là cao quý thì chính bản thân chúng là đáng khen, còn những ham muốn về các điều gì là không tốt thì phải được kiểm soát; nhưng những sự ham muốn ở trong những hoạt động thì lại phù hợp đối với chúng một cách chặt chẽ hơn chỉ là những sự ham muốn thuần túy, bởi vì cái sau là phân biệt với sự hoạt động trong cả yếu tố thời gian và bản chất, nhưng cái trước thì lại quan hệ chặt chẽ trong thời gian với các hoạt động, và là rất khó để phân biệt giữa chúng, đến nỗi chính đó là vấn đề không biết sự hoạt động có phải là đồng nhất với sự thích thú không.

Tuy nhiên dường như sự thích thú vẫn không cùng là một sự vật như sự suy nghĩ hay cảm giác; nó có thể là rất lạ lùng nếu quả nó chính là thế; nhưng vì sự thế không thể nào tách rời được chúng ra, nên làm cho một số người vẫn nhìn chúng như chỉ cùng là một.

Vì những hoạt động vẫn rất khác nhau, cho nên những lạc thú cũng thế. Sự nhìn thấy vẫn khác và cao hơn đối với sự sờ thấy một cách thuần túy, nghe và ngửi vẫn cao hơn nếm; do vậy nên có một sự dị biệt tương ứng trong các lạc thú của họ. Những lạc thú về trí tuệ thì khác hẳn và vượt hẳn lên trên so với các lạc thú này, và có những loại dạng khác nhau của những lạc thú giác quan hay những những lạc thú của trí tuệ. Dường như lạc thú vẫn có một chức năng, và nó phù hợp với mọi sinh vật, tức là có những lạc thú gắn liền với mọi hoạt động của nó. Nếu chúng ta xem xét những vật sống cá lẻ, chúng ta sẽ thấy điều này là đúng như thế; bởi vì những lạc thú của một con ngựa, một con chó, và một con người là khác nhau, và như Heraclitus nói "một con lừa có thể lựa chọn một bó cỏ khô hơn là lựa chọn thỏi vàng; bởi vì cỏ khô thì thích thú đối với con lừa hơn là thỏi vàng".

Bởi vì những lạc thú của những sinh vật là thuộc các loại khác nhau, nên sẽ có lý do để giả thiết rằng không có sự khác nhau giữa các lạc thú của cùng một chủng loài. Nhưng có một sự khác nhau rất xa, ít nhất là trong trường hợp của con người; cũng cùng những sự vật, mà có khi chúng mang lại sự thích thú cho một số người, nhưng lại mang sự đau khổ đến cho những người khác; vì đối với một số người thì chúng là đau khổ và đáng ghét, còn đối với những người khác thì chúng lại thích thú và dễ yêu. Điều này là đúng đối với những món ngọt; cùng là những sự vật, mà dường như không ngọt đối với một người đang ở trong một cơn sốt, và ngọt đối với một người khỏe mạnh; cũng giống như thế, cũng cùng là một sự vật mà dương như nóng đối với một người tàn tật còn không nóng đối với người có thân thể lành mạnh. Điều đó cũng hoàn toàn như thế đối với các sự vật khác.

Nhưng trong tất cả những trường hợp này, dường như sự vật thực sự là cái gì mà đối với người đức hạnh nó có vẻ là như thế. Nhưng nếu điều này là một sự xác nhận đúng về trường hợp như thế, vì nó dường như đúng là vậy, và nếu đức hạnh hay con người phải *thông qua* cái tốt là thước đo của mọi sự, thì cũng sẽ đi tới việc những sự thích thú như thế có vẻ là những sự thích thú đối với con người tốt, và mới thực sự là những thích thú, và những sự vật nào cung cấp cho anh được sự thích thú thì nó cũng thực sự thú vị. Chẳng có gì là ngạc nhiên nếu có cái gì đó mà anh ta cảm thấy khó chịu, thì dường như dễ chịu đối với một người nào đó khác, bởi vì con người bị ràng buộc vào nhiều sự khiếm khuyết và bất toàn; nhưng những sự vật như thế thì đều không dễ chịu, trừ phi đối với những người này, và đối với họ cũng chỉ như thế khi nào họ ở trong điều kiện này.

Nên rõ ràng chúng ta không thể nói về những sự thích thú không được chấp nhận như là những sự thích thú, trừ ra trong mối quan hệ với những người mà chính họ hoàn toàn hư hỏng. Nhưng vấn đề này vẫn sẽ còn đó. Trong số những lạc thú như vậy, như đã thấy nếu nó là

tốt, thì cái gì là tính cách hay là bản chất của những lạc thú đáng để được gọi là những lạc thú *đúng nghĩa* của con người? Điều đó theo tôi nghĩ, chỉ đơn giản từ một sự xem xét các hoạt động; bởi vì những hoạt động vẫn mang lại những thích thú trong khi thực hiện chúng. Nên cho dù có một hay là có vài ba hoạt động thuộc về một con người hoàn hảo và hạnh phúc, thì chúng cũng là những thích thú khi chúng hoàn thiện những hoạt động này, và có thể được mô tả một cách chặt chẽ như là những lạc thú *thuộc riêng* của con người. Tất cả những lạc thú khác, chỉ ở trong một ý nghĩa phụ thuộc, hay thành phần, và những lạc thú của con người cũng giống như tất cả mọi hoạt động khác.

Sau thảo luận này về những loại đức hạnh và tình bằng hữu, lạc thú vẫn còn dành lại cho một sự phác họa về hạnh phúc, bởi vì chúng ta đã định nghĩa hạnh phúc như là cứu cánh của đời sống con người. Chúng ta sẽ rút ngắn việc khảo sát của chúng ta về điều này nếu chúng ta bắt đầu bằng sự vận dụng lại những sự lưu ý trước đây của chúng ta.

Chúng ta từng nói rằng hạnh phúc không phải là một tình trạng đạo đức; bởi vì nếu như thế, nó tiên liệu được về một người nào đó sẽ dùng toàn bộ thời gian trong cuộc đời của mình để ngủ, và sống một cuộc sống như loài cây cỏ, hay là của một người cực kỳ nghèo khó. Thế nên nếu chúng ta không thể nào chấp nhận được quan điểm này, thì tốt hơn chúng ta phải xác định hạnh phúc như là một hoạt động thuộc về một loại nào đó, như đã được nói trước đây, và nếu những hoạt động thì hoặc là cần thiết, hoặc là sự mong ước như là một phương tiện nhằm đạt đến một cái gì đó khác, hay là sự rất thích thú trong chính chúng, thì rõ ràng chúng ta phải xác định hạnh phúc như vốn thuộc về lớp của các hoạt động vẫn được mong muốn trong chính chúng, và không phải việc được mong muốn giống như là phương tiện để đạt tới một sự vật gì đó khác; bởi vì hạnh phúc thì vẫn không phải là thiếu thốn, mà tự nó là đủ.

Lại nữa, những hoạt động là tự chúng thích thú, nếu không có cái gì được mong muốn khác lại vượt lên trên chính hoạt động. Điều này dường như chính là trường hợp của những sự vui thú cũng như là điều gì đó thích thú, không phải chúng ta ham muốn chúng như phương tiện cho những cái khác; bởi vì chúng vẫn thường làm cho chúng ta bị phương hại hơn là làm được cho chúng ta điều gì đó tốt, bởi vì chúng làm cho chúng ta bị lơ đễnh đối với chính con người và tài sản của chúng ta. Những thời gian bị bỏ qua như thế, thông thường là những tài nguyên của những người nào mà chính thế giới đối với họ được cho là hạnh phúc. Theo nhiều người có đầu óc thông minh thì những thời gian trôi qua như vậy thường được biết đến nhiều trong triều đình của những kẻ độc tài, vì họ tự thấy thích thú đối với chính kẻ độc tài trong những vấn đề mà chính chúng là những đối tượng của lòng ham muốn của họ, và đó là điều gì mà họ muốn cho trôi qua thời giờ một cách thích thú.

Đó là lý do tại sao những sự việc này vẫn được xem là những yếu tố hạnh phúc, bởi vì những người chiếm giữ được những địa vị cao, thì vẫn thường dành thời gian nhàn rỗi cho chúng. Nhưng những người như vậy, theo tôi nghĩ, vẫn không phải là một tiêu chuẩn. Bởi vì một địa vị cao không phải là một sự bảo đảm cho đức hạnh hay cho trí tuệ, mà chúng chỉ là những nguồn gốc mà chính nơi đó những sự hoạt động của trí tuệ bị phụ thuộc. Và nếu những người này lại không bao giờ nếm được một sự khoái lạc và sự tự do thuần túy, thì họ lại tìm đến những sự khoái lạc của xác thân, và nó phải không được suy đoán rằng những khoái lạc này vẫn được ưa thích hơn; bởi vì ngay cả đến những đứa trẻ, thì vẫn giả định rằng những sự việc như thế vẫn luôn được đánh giá hay được tôn vinh đối với chúng tốt nhất. Và điều hữu lý là những người lớn

và những trẻ con vẫn khác nhau trong sự đánh giá về điều gì là vinh dự, và như thế cùng đối với cả những con người tốt hay là xấu.

Tuy thế, như vẫn thường được nói, đó là những sự việc vinh dự và thích thú đối với những người có đức hạnh, và thực tế là sự vinh dự và thích thú. Nhưng mọi người đều cảm thấy sự hoạt động là phù hợp với chính tình trạng đạo đức của người ấy là sự ham muốn nhất, và phù hợp với người có đức hạnh, để nhìn thấy việc hoạt động phù hợp với đức hạnh như là điều gì được mong muốn nhất.

Thế thì hạnh phúc không thiết yếu ở trong việc vui chơi. Và sẽ là nghịch lý nếu cho rằng cứu cánh của đời sống con người là sự vui chơi, và rằng chúng ta nên tận dụng tất cả đời sống của chúng ta cho việc vui chơi thỏa thích. Bởi vì chúng ta có thể được bảo rằng việc ưa thích mọi sự như là phương tiện cho cái gì đó khác, trừ ra thật sự đó là sự hạnh phúc, bởi vì sự hạnh phúc là cứu cánh *hay là tình trạng hoàn hảo nhất.*

Có vẻ điên rồ và hết sức trẻ con khi cho sự hỗn loạn và sự đau khổ một ý nghĩa vui chơi. Nhưng nếu để vui chơi, với quan điểm nghiêm túc, thì dường như là có lý, như Anacharsis đã nói; bởi vì vui chơi là một loại thư giãn, và nếu nó quả đúng như thế, là bởi vì chúng ta không thể cứ làm việc mãi, mà cũng cần thư giãn.

Thư giãn như vậy chẳng phải là một mục đích. Chúng ta sử dụng nó như là một phương tiện cho hoạt động; nhưng cũng dường như đời sống có hạnh phúc là một đời sống đức hạnh, và một đời sống như thế là nghiêm túc, nhưng nó không phải là một đời sống chỉ biết có vui chơi. Chúng ta cũng nói về các sự việc nghiêm túc (bởi vì những sự việc nghiêm túc chính là đức hạnh) vì chúng tốt hơn những sự việc chỉ buồn cười và vui chơi, và của sự hoạt động là phần tốt hơn cả của đời sống con người, hay con người tốt hơn luôn luôn phải là có đức hạnh hơn. Nhưng hoạt động của điều gì mà tốt hơn, thì cần thiết phải là cao hơn và hạnh phúc hơn. Bất cứ ai cũng có thể tận hưởng được những khoái lạc của thân xác, một nô lệ cũng có thể tận hưởng chúng được, chẳng khác gì một người sung sướng nhất; nhưng không ai có thể cho một người nô lệ là có hạnh phúc, trừ khi anh ta có thể có nó trong đời sống; bởi vì hạnh phúc không cốt yếu chỉ ở những thời gian trôi qua như thế đó, như tôi đã từng nói tới, nhưng là trong những hoạt động đức hạnh, giống như nó vừa được nói tới.

Nếu hạnh phúc là phần cốt yếu trong hoạt động đức hạnh, thì nó chỉ hợp lý để giả thiết rằng đó là hoạt động của đức hạnh cao hơn, hay nói cách khác, là đối với phần tốt nhất trong bản chất của chúng ta. Hoặc giả nó là lý do hay là cái gì đó khác mà dường như là hành xử nguyên lý và quyền hành bởi một quyền tự nhiên, và có một quan niệm về những sự vật cao quý và thiêng liêng, hoặc như chính nó là thiêng liêng hay nói một cách tương đối là cái phần thiêng liêng nhất của bản thể chúng ta, đó là sự hoạt động của phần này phù hợp với đức hạnh đích thực của nó và đó sẽ là hạnh phúc hoàn hảo.

...[Hạnh phúc] là hoạt động suy tưởng, *tức là một hoạt động tự nó mang lại hình thức của sự chiêm ngắm.* Đây là một kết luận dường như phù hợp với những lập luận trước đây của chúng ta, và cùng với chính sự thật; bởi vì sự suy tưởng là hoạt động cao nhất, vì lý trí trực nhận chính là khả năng cao nhất trong các khả năng chúng ta, và những đối tượng mà lý trí trực nhận về chúng thì có liên quan tới cái cao nhất trong các sự vật mà nó có thể biết được. Đó cũng là cái liên tục nhất; bởi vì sự suy tưởng của chúng ta có thể dễ dàng tiếp tục hơn bất kỳ một loại hoạt động nào khác. Chúng ta cũng phải xem xét lạc thú là một yếu tố thiết yếu của hạnh phúc, và nó cùng được chấp nhận rằng không phải một sự hoạt động tiềm

tàng nào cũng thích thú như là sự hoạt động của chính sự khôn ngoan hay suy tưởng triết học; ở mọi khía cạnh đều có vẻ như triết học có những sự thích thú của sự thuần khiết, và chắc chắn là đầy ngoạn mục, và thật hữu lý để giả thiết rằng những người nào có kiến thức thì kinh qua thời giờ của họ một cách thú vị hơn là những người còn đang đi tìm chân lý.

Sự tự biết, như nó được gọi, cũng là điều nổi bật trong tính chất của hoạt động tư duy; đối với người khôn ngoan, người đúng đắn, và mọi người khác, vẫn cần những nhu cầu của đời sống; nhưng khi họ đã được cung cấp một cách đầy đủ về những yêu cầu nầy rồi, thì người công chính lại cần những người mà đối với họ, và vì họ mà anh ta có thể làm được điều gì công chính, cũng giống như thế đối với người có chừng mực, người can đảm, và mọi người khác; nhưng người khôn ngoan thì có khả năng tự mình suy tưởng, và người khôn ngoan hơn thì chính anh ta lại có khả năng hơn đối với năng lực suy tưởng giống như vậy. Và có lẽ tốt hơn đối với anh ta trong sự suy tưởng của chính mình, là có những người bạn đồng hành; nhưng không bao giờ anh ta tự cho là ở trong cấp độ cao nhất được gọi là tự mãn được.

Cũng có vẻ như sự suy tưởng là hoạt động duy nhất vẫn được yêu thích đối với chính bản chất của nó, mà lại không có một kết quả nào trừ ra chính sự suy tưởng; tuy rằng từ mọi hành vi đạo đức mà chúng ta có được điều gì đó dù nhiều hay ít hơn, ngay bên cạnh của chính hành động đó.

Lại nữa, sự hạnh phúc dường như cũng đòi hỏi sự thong dong; bởi vì đối tượng của công việc làm của chúng ta vẫn là để có sự thong dong, giống như mục tiêu của chiến tranh là để được hưởng hòa bình. Thế nên hoạt động của những đức hạnh thực tế được triển khai trong chính trị hay trong chiến tranh, và những hành động thuộc loại này dường như vẫn không tương hợp cùng với sự thong dong. Điều này tuyệt đối đúng trong các hành động chiến tranh, bởi vì không ai ham thích chiến tranh, hay chuẩn bị để đi vào cuộc chiến, chỉ vì mục đích của chính nó. Một người có thể được xem như là hết sức khác máu, nếu anh ta đã làm cho những kẻ thù, và cả những người bạn của mình chỉ nhằm có mục đích đánh nhau và đổ máu. Nhưng sự hoạt động của các con người chính khách cũng vẫn không phù hợp với sự thong dong, nhàn hạ. Nó chỉ nhằm đến sự bảo đảm về một sự vật nào đó có tính vượt quá và cách xa đối với chính trị, tức là quyền lực và danh vọng, hay ít nhất là hạnh phúc của chính con người chính trị gia và các chiến hữu của mình, và nó khác với hoạt động chính trị và được chứng minh khác với sự tìm kiếm của chúng ta đối với nó như một cái gì đó phân biệt.

Nếu thế thì các hành động chính trị và quân sự là nổi bật trong những hành vi đức hạnh, trong vẻ đẹp và sự cao cả, nếu chúng không tương thích với sự thư thả và là nhằm tới một mục tiêu nào đó, và cũng không được ham muốn vì chính bản thân của chúng, nếu sự hoạt động của lý trí trực nhận dường như có sự nghiêm túc hơn so với tính chất suy tưởng, và không nhằm đến bất cứ một mục tiêu nào bên ngoài chính nó, và phải có điều khoái lạc riêng trong chính nó, đồng thời nếu sự khoái lạc này lại cổ vũ sự hoạt động, thì cũng dẫn tới là một sự tự hội đủ như thế, và sức mạnh của sự nhàn tản cùng sự thiếu vắng sự mệt nhọc là có thể có được đối với một người, và tất cả những thuộc tính khác của sự khuyến khích, đều được thấy rõ được thực hiện trong hoạt động. Thế thì điều này sẽ là hạnh phúc trọn vẹn của con người, nếu có một cuộc sống đủ lâu dài có thể được, bởi vì không có sự không hoàn thiện nào trong sự hạnh phúc cả. Nhưng một đời sống như thế là rất tốt cho con người. Anh ta sẽ tận hưởng một cuộc sống như thế, không phải trong đức hạnh của nhân tính của anh ta, nhưng là trong đức hạnh

của yếu tố thiêng liêng nào đó ở trong anh ta, và sự ưu việt của hoạt động này đối với hoạt động của bất kỳ đức hạnh nào khác, sẽ cân đối với sự ưu việt của yếu tố thiêng liêng này trong con người, đối với việc cấu thành hay là bản thể vật chất của nó.

Thế nên nếu lý trí là thiêng liêng khi so sánh với phần còn lại của bản thân con người, thì một đời sống phù hợp với lý trí cũng sẽ là thiêng liêng khi so sánh với đời sống mọi con người nói chung. Chẳng phải nó là đúng để được noi theo, và lời khuyên của nhiều người cho rằng những tư tưởng của con người không cần phải quá cao đối với nhân loại, hay là những tư tưởng của những con người hữu tử đừng quá cao đối với sự hữu tử; đối với một người, thì trong chừng mực nào đó trong chính bản thân người đó, vẫn cần nên tìm kiếm sự bất tử, và việc làm tất cả điều đó là ở trong quyền lực của anh ta để có thể sống phù hợp với chính cái phần cao nhất của bản chất của anh ta, vì mặc dù phần đó là vô nghĩa trong tầm vóc của nó, thì ngay cả trong quyền lực và sự vinh hạnh của nó, nó vẫn là cao hơn so với tất cả các phần còn lại.

Cũng có vẻ như điều này chính là bản ngã thật của mỗi con người, nếu bản ngã thật của một con người là cái phần cao nhất và tốt hơn hết của người đó. Có thể rất vô lý nếu cho rằng một người không nên ham thích đời sống như thế, dù đúng đó là chính đời sống của người đó, nhưng cũng là đời sống thuộc về một tồn tại nào đó khác. Sự lưu ý đã từng được nói đến sẽ vẫn cứ phù hợp ở đây. Nó thích đáng đối với mọi người, và trong bản chất của nó, đó là cái tốt nhất và thích thú nhất đối với anh ta. Đó chính là đời sống phù hợp với lý trí, vậy nên nó cũng sẽ là tốt nhất và là lạc thú nhất đối với con người, vì rằng lý trí của một người ở trong ý nghĩa cao nhất của chính anh ta. Do thế điều này cũng sẽ là cuộc đời hạnh phúc nhất.

33

Tôn giáo tối hậu *

GEORGE SANTAYANA
(1863 - 1952)

Trước mặt các cử tọa chọn lọc ở đây, ở tại chỗ được dành riêng này, có lẽ tôi xin được mạo muội bỏ qua tất cả mọi vấn đề phiền tạp để đi ngay vào vấn đề then chốt cần được nói đến: Điều gì sẽ được biện minh sâu sắc nhất, điều gì là nội dung tôn giáo tối hậu, phải chăng sẽ được thích ứng hơn đối với một tinh thần hoàn toàn tự do và sáng suốt? Cơ hội đang mời đón chúng ta xem xét vấn đề này, và nhất thiết là phải xem xét nó với tinh thần thẳng thắn hoàn toàn. Như các bạn và tôi vẫn cảm thấy món nợ của chúng ta đối với Spinoza về triết học tự nhiên của ông ta thật là lớn lao bao nhiêu, và theo tôi nghĩ, có cái gì đó mà đối với nó, chính chúng ta phải nợ ông ta, và ngay cả món nợ còn lớn hơn thế nữa; tôi muốn nói về ví dụ rất ngoạn mục mà ông ta đã mang tới cho chúng ta về tinh thần tự do của triết học, về lòng can đảm, sự chân thực, mà với nó ông ta đã hòa hợp được con tim của mình cùng với chân lý. Đôi khi bất cứ một người thông minh nào cũng có thể thấy được chân lý trong thoáng chốc; bất cứ một nhà khoa học nào cũng có thể đặt để được một khía cạnh nào đó của chân lý vào trong những thuật ngữ kỹ thuật chuyên môn; và do thế mà mọi điều này đã thật tinh xứng đáng với cái tên gọi là triết học, chừng nào mà con tim vẫn còn có điều không ngờ vực, và chúng ta vẫn tiếp tục sống giống như những động vật bị lạc hướng trong cái dòng chảy của những ấn tượng của chúng ta, không chỉ trong thói thường của đời sống công cộng cùng những nhu cầu cần thiết trong cuộc đời, nhưng ngay cả trong những tư tưởng và những tình cảm tĩnh lặng của chúng ta nữa. Từ đó nhiều người trước Spinoza cũng đã tìm ra được cái bí mật của sự yên tĩnh; nhưng cái đặc sắc của Spinoza, ít nhất là trong thế giới hiện đại, là cái gì mà ông ta đã tuyên dương, sự chiến thắng tinh thần này, bởi những định đề không thể nào nghi ngờ được. Ông ta vẫn không yêu cầu Thượng Đế phải gặp chính ông ta ở ngay giữa đường: ông ta không bóp méo những sự kiện, vì những sự kiện hiện ra trước lý trí minh mẫn, hay là vì chúng

* Trích từ *Septimana Spinozana* (1933)

hiện ra đối với khoa học trong thời đại của ông ta. Ông ta giải quyết vấn đề của đời sống tinh thần sau khi đã xác lập nó trong những từ ngữ cứng nhắc nhất, sắc bén nhất, quyết liệt nhất. Chúng ta phải giật mình ghê gớm khi ngày nay chúng ta bắt chước tấm gương của ông ta, không phải bằng sự chấp nhận một cách giản đơn giải pháp của ông ta, mà đối với một vài người trong chúng ta nó có thể dễ dàng, nhưng là vì việc hành xử sự can đảm của ông ta, trực diện với một thế giới nào đó khác, mà ngay cả ở trong đó nó có thể còn khó khăn hơn đối với chúng ta, hơn là nó đã có đối với ông ta, để tìm ra một chân đứng chắc chắn và cả một sự đồng hành cao quý.

Có một câu nói táo bạo và hài hước của Luther, mà có lẽ có thể áp dụng cho Spinoza còn tốt hơn là cho chính Luther. Khi được hỏi ông sẽ ở đâu nếu ông bị đẩy ra khỏi Giáo hội, ông ta đáp lại: "Dưới gầm trời". Cái gầm trời của Luther vẫn bị phủ mây mù đáng sợ: có một lố khủng khiếp những sự bí nhiệm với sấm chớp gầm gừ ở dây đó: và ngay cả trong bầu trời quang rạng của Spinoza, có lẽ cũng có cái gì đó đặc thù, như thể nó có trong vòm trời xanh của chính nó. Mặt trời, như ông ta nói với chúng ta, dường như là ở tận khoảng hai trăm bộ từ xa; và nếu khoa học của ông ta lập tức chỉnh sửa cái ảo giác quang học này, thì nó cũng không bao giờ bớt đi lòng khẳng quyết của ông ta cho rằng mọi thực tại là ở trong tầm với dễ dàng trong tư tưởng của ông ta. Ông đã kết luận thiên nhiên đã bị chế ngự bởi chính những nguyên lý khoa học không thể hoài nghi được và còn mang tính biện chứng; vì thế mà trong khi những sức mạnh của tự nhiên có thể thường làm cho thân xác hiện hữu của chúng ta bị thách thức, thì chúng vẫn luôn luôn tạo nên một đối tượng đầy sự thân tình và trung thành dành cho trí óc con người. Vẫn không có một sự bí mật thiết yếu nào. Linh hồn của con người từ trong chính vị trí khiêm nhường của nó, có thể là cao khiết, vĩnh cửu và vô hạn, với sự cấu thành hoàn hảo và với một sự tự hào được truyền thụ chắc chắn nào đó từ người khác. Mọi người có một ý tưởng đúng và thích đáng như thế nào đó về Thượng Đế: và câu nói này đã được biện minh một cách có kỹ thuật, như nó có thể có được bởi những định nghĩa về các thuật ngữ của Spinoza, đã không thể không làm cho chúng ta phải ngạc nhiên; nó hé lộ một ý nghĩa trinh bạch như thế đó về sự thân tình với cái tuyệt đối. Không thể có gì khác hơn là niềm vui sướng trong việc mở rộng của khả năng thông minh mà dường như nó được thắng lợi hoàn toàn như thế, và không có một sự nhầm lẫn nào có thể làm bối rối được đối với một quan điểm về thế giới mà chính nó đã cắt nghĩa mọi sự.

Tuy vậy, ngày nay chúng ta chỉ có thể cảm thấy được một sự cam quyết như thế; chúng ta cần nên tìm lánh trong một lâu dài của con người mà một cuộc động đất kế đến có thể làm cho nó sụp đổ. Đó cũng chẳng phải thật sự là một vấn đề thường xuyên hay thuộc tính khí: bất cứ ai ở bất cứ đâu, nếu anh ta không mong muốn thiết lập một hệ thống tiện ích, thì sự thách đố về chính các tin tưởng của anh ta, và việc đi đến sự tự hiểu biết mang tính chất tinh thần, phải bắt đầu bằng việc không chịu chấp nhận mọi chân lý một cách dễ dàng, vì ngại rằng anh ta sẽ phải điền khùng lấp đầy vũ trụ bằng những hình ảnh của chính lý trí của anh ta cũng như chính những niềm hy vọng của anh ta. Do thế tôi sẽ hỏi các bạn ngày hôm nay, cho dù một cách tạm bợ, hay trong một giờ, và cũng không có tiên kiến gì đối với những xác quyết hữu lý của các bạn sau này, để tưởng tượng chân lý như là không thuận lợi như nó có thể có được đối với những ham muốn của các bạn, và như thế nó đi ngược lại với những điều tiên định tự nhiên của các bạn; để khiến cho tinh thần trong mỗi chúng ta có thể bị

kéo ra khỏi ngôi nhà tạm bợ của nó, và bị đặt vào một sự cực kỳ trần trụi và một thử thách ghê gớm. Vâng, mặc dù những người chết thì không thể làm biến đổi được các đầu óc của họ, nhưng tôi có thể trân trọng yêu cầu cái bóng của chính Spinoza phải dừng lại trong lúc chính quan điểm duy tâm hẹp hòi đó, mà lòng mộ đạo đầy ghen tức, sự lập luận gay gắt, niềm tin cẩn, mà ông ta đã chia sẻ cùng với những kẻ theo quan điểm Calvin và Jansen ngày nay, và tưởng tượng - tôi không nói là chấp nhận - rằng thiên nhiên có thể cũng chẳng gì hơn là việc được tạo thành một cách không hoàn chỉnh, từ chính trong lòng của tình trạng hỗn độn, và lý trí nào trong chúng ta cũng có thể đã thích ứng một cách không hoàn hảo đối với sự hiểu biết về tự nhiên. Thế nên nếu đã được thiết định một cách ngẫu nhiên mà cũng chẳng có những định đề nào thuận lợi, và cũng không nại tới những sức mạnh vũ trụ nào vẫn được cho là đã nâng đỡ những cảm hứng của chúng ta, chúng ta có thể sẽ hoàn toàn tĩnh lặng để quan sát điều gì chúng ta tìm thấy được; và bất cứ những hòa điệu nào mà có vẻ như vẫn tồn tại giữa tinh thần của chúng ta, và bản chất của những sự vật sẽ là những quà tặng miễn phí cho chúng ta, và trong chừng mực nào mà chúng đạt tới được, và những sự sở hữu thì không thể đua chen được. Chúng ta cuối cùng cũng sẽ đứng trơ trọi và đơn côi dưới một bầu trời rộng mở.

Trong điều mà tôi sắp nói tới đây, tuy thế, tôi vẫn không hàm ý tiên định về bất cứ các vấn đề vũ trụ luận nào, chẳng hạn như vấn đề về ý chí tự do, hay là về sự tất yếu, hay quan điểm hữu thần hay phiếm thần. Tôi chỉ quan tâm đến những thú nhận thành khẩn của một tinh thần, mà chính nó đã đầu hàng tất cả mọi yêu sách dầy ngờ vực và mọi sự xác quyết có đầy đủ các vấn đề. Từ những sự xác quyết hay những yêu sách như thế, vẫn có một cái mà nó là cái cốt yếu và có thể hiểu được: tôi muốn nói yêu sách về sự tồn tại và tính chỉ hướng trong sự diễn tiến của những sự kiện. Chúng ta cần nói theo cách ước định rằng tương lai là không chắc chắn: nhưng nếu chúng ta rút lui một cách thật thà vào trong chính chúng ta, và xem xét những suối nguồn tinh thần hiện nay của chúng ta, thì chúng ta sẽ cảm thấy có điều gì đó không bảo đảm, không phải chỉ sự diễn tiến của những sự kiện đặc thù, nhưng chính là một lòng tin mãnh liệt rằng hiện có một tương lai đang đến thật sự, và một tương lai đang tiếp tục một cách thú vị các kinh nghiệm vốn có của chúng ta. Chúng ta tin cậy vào điều này, giống như chúng ta phải tin, dựa trên những sự tương tự của kinh nghiệm, hay đúng hơn là trên chính đồng hồ bản năng, và sự tin chắc vào thân thể chúng ta; nhưng sự hiện hữu quả là một điều kỳ lạ, và nếu được xem xét về mặt tinh thần, thì đúng là một quà tặng tự nhiên từng lúc một. Điều đó vẫn luôn luôn tương đồng với chính nó, đó chính là vấn đề mà chúng ta đang yêu cầu. Rõ ràng mọi mối quan hệ giao thoa và mọi hậu quả của các sự kiện, và nhất là bất cứ những hậu quả nào mà chúng có thể trông mong xuất xứ từ những hành động của chúng ta, thì hoàn toàn thực sự vượt quá khỏi sự kiểm soát của tinh thần chúng ta. Khi ý chí của chúng ta điều khiển, và dường như chúng ta cũng không biết như thế nào, để được vâng theo chính thân thể của chúng ta và thế giới, thì chúng ta cũng giống như Joshua đang nhìn thấy mặt trời dừng yên theo chính yêu cầu của anh ta; còn khi chúng ta điều khiển và cũng không có điều gì xảy ra, thì chúng ta cũng giống như vị vua Canute cứ ngạc nhiên tại sao thủy triều lại lên mà không vâng theo lời của ông ta: và khi chúng ta nói chúng ta đã hành xử một đại công tác, và điều chỉnh lại dòng chảy của lịch sử, thì chúng ta cũng giống như Chanticleer đã gán việc mặt trời mọc là do chính lệnh của ông ta.

Cái gì mới là kết quả? Điều đó chỉ do một hành động của sự tự xem xét ngay lập tức, cũng như sự ngay thẳng, tinh thần đã đi tới một trong những nhận thức chính yếu và quan trọng nhất của những nhận thức mang tính tôn giáo. Chính nó nhận thức được, dù đang sống nhưng vẫn bất lực để sống; dù có thể chết, nhưng lại bất lực để chết; và tất cả đều cùng nhau, ở mọi lúc, và trong mọi cái đặc thù, vẫn nằm trong tay của một sức mạnh xa lạ và cũng không thể nào thăm dò ra được.

Về quyền lực có thể cảm nhận được này, tôi thú nhận cũng chẳng biết gì hơn. Đối với tôi, như thế cũng chỉ là đối trọng của sự bất lực của chính tôi. Tôi sẽ không phiêu lưu, như chẳng hạn để gọi cái sức mạnh này là quyền năng vô hạn, bởi vì tôi không có phương tiện nào để biết về nó đến một mức độ nào nó có thể có được: nhưng tôi cũng sẽ không do dự, nếu tôi có thể tạo ra được một từ ngữ, và tôi sẽ gọi nó là *omnificient:* tức đối với tôi, theo như định nghĩa, là yếu tố tạo ra tất cả mọi sự vốn đã được tạo ra. Tôi không có ý xác nhận tính tương thích về mặt Vật lý học trong ý nghĩa này của sự diễn tiến hay nguyên nhân: tôi chỉ thấy cả sức mạnh, tình thân hữu, sự thù địch, sự không thể nào thăm dò được của thế giới. Tôi đang diễn tả về một ấn tượng; và điều đó có thể lâu dài, trong ý nghĩa của tôi về sức mạnh bao trùm khắp nơi mà nó có thể được gợi lên, với nhiều phẩm chất, vào trong một lý thuyết thần học của sự hiện diện khắp nơi của Thượng Đế. Nhưng sự hiện hữu của sức mạnh đạo đức đã đi tới ở một người trong một đêm, trong sa mạc, khi người đó tìm thấy chính mình, như là những người Ả Rập nói, chỉ có một mình với Đức Allah. Nó tái hiện trong mọi tình huống vô cùng nan giải, trong những hoàn cảnh cực kỳ, trong sự sinh ra đời của một đứa bé, hay khi đối diện với thần chết. Và bởi vì đối với sự đơn nhất của quyền lực này, tức là nó vẫn không bao gồm trong những sự thể hiện đa tạp, nhưng đúng hơn là trong chính sự đơn độc của tôi; trong sự đơn nhất của điều này, tinh thần phải chịu đựng sự bị chiếm lĩnh bởi tất cả mọi tai nạn đó. Định mệnh của tôi là duy nhất, sự duy nhất lại mang tính bi kịch, không có vấn đề làm thế nào mà những sự phiền tạp như thế lại có thể là những nguyên nhân của định mệnh của tôi. Bởi vì tôi như bị kinh hoảng, tôi không được gọi tới để nói ra như thế nào, nếu tôi có thể đi vào bên trong sự vận động sâu xa nơi các sự vật, tôi sẽ có thể khám phá được sức mạnh có mặt khắp mọi nơi là cái đơn giản hay cái kết hợp, liên tục hay gián đoạn từng lúc, có ý định hay mù quáng. Tôi đứng trước nó chỉ đơn thuần thụ nhận, cái gì đó như ở tại Rôma, tôi có thể đứng trước dãy núi vĩ đại ở Trevi. Ở đó tôi nhìn thấy những tia nước và thác nước tuôn ra từ những dòng suối riêng biệt và theo các hướng khác nhau. Tôi không chắc chắn rằng một Pontifex Maximus đơn côi thiết kế tất cả nó, và dẫn dắt được tất cả những suối nước âm nhạc này vào trong chính những đường hầm đó. Một số dòng suối có thể đã khô cạn, hay đã bị chuyển dòng do sự sáng tạo; một vài con lạch có thể được bổ sung ngày hôm nay bởi những trận mưa mới trút xuống từ bầu trời; bên sau một trong những khối đá nhân tạo có một con quỷ nhỏ nào đó, bởi ý chí tự do của chính nó, có thể ngay cả giờ này đang chơi đánh vòng với những người dẫn đường; và ai mà biết được có những chi tiết ra sao trong hình ảnh của tôi, có thể đã không bị đặt sai hay là bị nhân lên bởi những trò lừa dối về mặt quang học của chính tôi? Đúng là ở đây, đối với tinh thần, là một ấn tượng kỳ vĩ toàn diện, một sức mạnh sấm chớp, đối chọi tôi chính với cảnh tượng này nhưng vẫn là quang cảnh ngoạn mục.

Thế nhưng điều này cũng chẳng phải là tất cả. Sức mạnh giáng xuống trên tôi đã được bao phủ trong hàng ngàn hiện tượng; và những sự biểu hiện này của sức

mạnh đó mở ra cho tôi một nguồn suối tinh thần mới. Trong khi chịu khuất phục vào sức mạnh đó, tôi học những cách thức của nó; từ sự thụ động tinh thần của tôi, tôi đã trở nên hoạt động; nó bắt đầu thụ hưởng một trong những đặc quyền cốt yếu của nó. Bởi vì giống như một đứa trẻ, tinh thần bị mọi sự kiện hấp dẫn chỉ do sự tấn công của sự hiện diện và sự biến đổi vô lý của chúng. Nó ngắm nhìn tất cả những điều gì xảy ra hay là đã được làm với một sự phấn chấn hạnh phúc nào đó, ngay cả với những tai biến kinh khủng nhất. Mặc dù yếu tính này của tinh thần có thể chỉ làm cho ta suy nghĩ, thế nhưng sự căng thẳng và sự tiến bộ nào đó là thiết yếu cho sự suy nghĩ này; sự suy nghĩ là một cách của sự sống, và là cách cốt yếu nhất. Thế nên mọi sự vận hành của sức mạnh phổ quát, khi chúng mang tới những chủ đề cho nhận thức, cũng mang tới những cơ hội cho lạc thú của trí năng. Ở đây ý chí và trí tuệ, như Spinoza đã nói với chúng ta, là phù hợp: bởi vì sức mạnh hiện diện khắp nơi đó tuôn chảy một phần thông qua những con người chúng ta; tinh thần tự nó là một tia lửa của ngọn lửa đó, hay đúng hơn là ánh sáng của ngọn lửa đó; nó không thể có một nguyên tắc vận động ngược lại. Với sức khỏe từ một sự phấn khởi nào đó, một sự tự tin nào đó và ý nghĩa của sự làm chủ là được đưa vào trong tinh thần; và một hiệu lực tự nhiên của viễn tượng, tình trạng bệnh hoạn của sự gần kề, vẫn quay ánh sáng yếu ớt của chúng ra cho chúng ta, vào trong một mặt trời trung tâm. Thế giới chuyển động chung quanh chúng ta, và chúng ta cùng vận động một cách thích thú với thế giới. Cái gì sẽ có nếu sự diễn tiến của mọi sự vật là để tràn ngập chúng ta? Nó không thể tàn phá nguồn vui mà chúng ta đã có trong sự vĩ đại của nó và trong sự chiến thắng của nó. Ở đó có lẽ ngay cả khi nỗi cộm lên trong sự đi qua từ ý tưởng bị khủng hoảng của chính chúng ta sang ý tưởng của sự vật nào đó phong phú hơn trong cuộc đời, kể cả trong chính phạm vi và sự tiến triển của nó, không bị rối loạn: và có thể dễ dàng hơn đối với tôi để hiểu được sự vận động của bầu trời và vui sướng trong nó hơn là để hiểu hay là để vui sướng trong chính những sự vận động của tôi. Sự bị che khuất của chính tôi, những tật xấu của chính tôi, những điều buồn lòng của chính tôi, có thể trở thành một chủ đề đối với tôi cho sự tính toán chính xác và một sự ngạc nhiên đầy thích thú. Con mắt triết học có thể tạo nên một hòa điệu vũ trụ từ những sự xung đột thiết yếu này, và một đời sống vô hạn từ những cái chết có thể được mong muốn này.

Phải chăng nó có vẻ đã không bắt đầu bằng sự cô đơn của một tinh thần trần truồng để có thể được cư trú tốt hơn? Trong chừng mực nào mà chúng ta chối từ tiếng gọi hoang dã và những nhu cầu thôi thúc trong bản thân chúng ta, phải chăng chúng ta đã không thở một hơi thở của không khí tươi mát hơn và trong lành hơn? Chẳng phải sự từ chối mọi sự làm trong lành mọi sự, và làm quay mọi sự trở lại với chúng ta trong thực tại vô tư khách quan của nó, cùng một lúc cũng làm trong lành được các ý chí của chúng ta, và khiến cho chúng ta có khả năng hơn về lòng thánh thiện? Sự thánh thiện này dĩ nhiên sẽ mở rộng đến những đời sống và những sự ham muốn của những người khác, mà chúng ta thừa nhận là không tránh được chẳng kém đối với chính chúng ta; và nó cũng sẽ được mở rộng tới những ý tưởng của họ, và bởi một hậu quả lạ lùng và thánh thiện, đối với sự tương đối và sự nghèo nàn của chính tinh thần chúng ta. Thế nên sự thanh khiết trí tuệ này, bởi vì nó được cảm hứng bởi sự kính trọng đối với cái vô hạn, sẽ nhất thiết chấp nhận tất cả mọi quan niệm một cách thụ động và lãng mạn nếu chúng là bình đẳng và không phải bị đặt vào trong sự phải tu sửa lại; nhưng việc làm tốt hơn điều công lý, đối với khát vọng

thánh thiện mà chúng cổ vũ chúng nói chung, sẽ được phát sinh từ tất cả chúng và chỉ với chúng tất cả, đối với quan niệm về chân lý vĩnh cửu.

Ở đây chúng ta tiếp cận với đỉnh cao của triết học Spinoza, rằng tình yêu trí tuệ của Thượng Đế ở trong đó tinh thần được hòa giải tối hậu với sức mạnh phổ quát và chân lý phổ quát. Tình yêu này mang lại cho ý thức một sự hòa điệu hàm chứa trong sự hiện hữu: không phải một sự hòa điệu được nại ra như thể được gắn vào trong tôn giáo hay triết học mà vẫn cứ như một niềm tin, nhưng là một sự hòa điệu mà tới chừng mực nào nó có thể có được, là hiện tại và tiềm tàng. Trong thực tại của vật chất, sự hòa điệu này được đo lường bằng những cấp độ của sự chính xác, sự phù hợp, và sự kết hợp mà nó một phần nào có thể đạt tới được trong toàn thể; nói gọn lại, nó được đo lường bằng *sức khỏe*. Trong thực tại của sự thật, cùng một sự hòa điệu tự nhiên được mở rộng càng xa có thể được, và có sự thích thú trong việc hiểu biết sự thật: thế nên ngoài sức khỏe ra chúng ta có thể có *tri thức*. Và điều này không phải là một sự kết hợp thụ động, không phải là một sự hòa bình chết; tinh thần vui sướng trong nó; bởi vì tinh thần tồn tại theo Spinoza, một yếu tố thiết yếu đi liền với mọi sự hiện hữu, chính yếu với cùng sự vận động, cái *actuosa essential* của vũ trụ; cho nên chúng ta nhất thiết *yêu mến* sức khỏe và tri thức, và *yêu thương* những sự vật trong đó sức khỏe và tri thức được tìm thấy. Trong chừng mực nào mà sức mạnh có mặt mọi nơi cung ứng sức khỏe cho ta, chúng ta cần thiết yêu thương cái sức mạnh đó mà sự vận động toàn bộ nó làm cho chúng ta đạt tới được sự hoàn thiện của chúng ta; và trong chừng mực nào mà chúng ta có thể hiểu ra chân lý, chúng ta yêu thích một cách thiết yếu những chủ đề của một cái nhìn tập trung và trong sáng mà trong đó khả năng tưởng tượng của chúng ta đạt tới được chức năng hoàn hảo của nó.

Từ tôn giáo về sức khỏe này và ta hiểu được Spinoza là một nhà tiên tri cao cả. Bằng sự vượt lên trên mọi tính yếu kém của con người, ngay cả khi họ dường như dễ yêu và cao quý, và bởi sự vinh danh đối với sức mạnh và sự thật, ngay cả nếu họ có cần giết ông ta, ông ta đã đi vào trong thánh địa của một sự khôn ngoan siêu việt không thể làm hoen ố được, và tự tuyên bố là ông ta vô cùng sung sướng, không phải vì thế giới như ông ta nhận thấy đã làm cho lòng ông phơi phới, và với một sự bạo dạn có tính tiên tri kể cả đầy tính hi sinh, không hề bị che mờ và soi tỏ định mệnh của ông ta, tuy nhiên thân phận của ông ta có vẻ là bi kịch. Và hiện giờ sự tĩnh lặng đã trở lại; bầu không khí khoa học rõ rệt này dường như chỉ một mình nó là phù hợp với chính hơi thở, và chỉ cái bi kịch cao này là xứng đáng với một hào khí. Chính thế mà chân lý là một sự hạnh ngộ vĩ đại và giải phóng một cách ngoạn mục niềm đau khủng khiếp của sự tồn sinh. Chúng ta như đứng trên một ngọn núi, và cảnh tượng không gì có thể so sánh được, với tất cả mọi sự rối bời nhỏ nhoi của chúng ta, những sự yên lặng và những sức mạnh vượt trội của con tim, làm triển khai rộng ra trong một lúc, vào sự thiện cảm không bờ bến với vũ trụ.

Tuy thế vấn đề đạo đức vẫn không được giải quyết. Nó không được giải quyết đối với con người nói chung, dù nó vẫn bị xao lãng chẳng kém hơn trước kia. Nó cũng không giải quyết ngay cả đối với một tinh thần cá lẻ. Có một sự ngưng tụ chủ yếu và cần thiết trong linh hồn hữu hạn, ngay chính diện trước tất cả cái bôm vũ trụ này và tất cả áp lực của vũ trụ này: một sự ngưng đọng mà đối với nó Spinoza vẫn không kém cảm kích hơn các vị thầy khác của đời sống tinh thần, có lẽ cũng vì ông ta đã có phần thực tế hơn bởi tính khí và cũng ít mang tính cách tôn giáo một cách đặc biệt hơn. Vào bất cứ mức độ nào đó, thì nhiều người thánh thiện đã từng phải

chịu đựng nhiều hơn Spinoza đã từng trải qua chính công việc dài ngày của sự cứu vớt, nhiều sự không chắc chắn gì hơn, và cũng thế, để cuối cùng có một sự hạnh phúc lãng mạn và ấm áp hơn. Bởi vì trong vị trí đầu tiên, như tôi nói lúc ban đầu, một tinh thần thuần túy trần truồng thực sự không thể nhận định rằng thế giới là hoàn toàn có thể hiểu được. Có lẽ cũng có sự vô lý, có lẽ đó cũng là những sự kiện khó khăn, và có lẽ đó cũng là những hố thẳm tối đen, mà trước mặt nó trí thông minh phải đành yên lặng, bởi vì sợ rằng sẽ phải điên lên mất. Và điều thứ hai, ngay cả là đối với trí tuệ, thì tất cả mọi sự vật đều cần phải được chứng minh rõ rệt, vì trí tuệ không phải là toàn bộ bản chất con người, ngay cả không phải toàn bộ tinh thần thuần túy trong con người. Lý trí có thể là một đặc điểm của con người; chắc chắn không phải chính yếu tính của nó. Yếu tính của nó, nói cách đúng nhất, là tính động vật được đặc thù hóa bởi lý trí. Và từ ngữ tính động vật này làm cho những cuộc chiến đấu cao nhất của lý trí hoàn toàn có thể tách biệt được. Đích thực đời sống tinh thần là bắt nguồn từ các thuộc tính của loài động vật: nó vận động bằng cách áp đặt lên trên những sự kiện một nhãn quan và sự thúc bách về đạo đức phù hợp với một tạo vật đặc biệt nào đó, hay cũng là một lợi ích đặc biệt nào đó.

Điều tốt, như Spinoza có thể nói được với chúng ta là một thuộc từ mà chúng ta dùng để tăng cường theo cách như thế nào đó cho sự hoàn thiện của chúng ta. Một học thuyết như thế dường như có vẻ là ích kỷ, nhưng đơn thuần thuộc Sinh học; và trên khía cạnh đạo đức của nó, câu châm ngôn là một qui điều lớn hơn cho sự tự do và công bằng, hơn hẳn bất kỳ một nhà chính trị bị đóng khung nào. Bởi vì chính từ đó mà mọi điều tốt được theo đuổi, vì nó tốt thực sự, và sự hoàn hảo của mọi tạo vật là hoàn hảo như nhau. Do thế mọi cái gì tốt cũng là một cái tốt mãi mãi đối với một tinh thần đã được soi sáng thật sự, đúng đắn và vô tư; một tinh thần như thế không thể tự bằng lòng để thỏa mãn về bất cứ khả năng đặc biệt nào, chẳng hạn trí thông minh, hay cũng chẳng phải là một nghệ thuật đặc biệt nào, như triết học chẳng hạn. Rằng trí tuệ có thể được hạnh phúc một cách hoàn hảo trong sự chiêm ngắm chân lý của vũ trụ, mà không làm cho vũ trụ trở thành tốt cho mọi khả năng khác; tốt cho con tim, tốt cho xác thịt, tốt cho con mắt, tốt cho ý thức hay là cho ý nghĩa của công lý. Trong mọi hệ thống thì hệ thống lạc quan là mang tính áp chế nhất. Phải chăng không gì là cay đắng hơn sự cười cợt, nếu trong những từ ngữ của Bradley, thì điều này là cái tốt nhất mà trong thế giới có thể có được, và mọi sự vật ở đó là một cái xấu cần thiết? Cái tốt phổ quát, bởi chính nó mà tinh thần trong những lúc tập trung cao độ nhất của nó, cảm thấy bị tràn ngập, nếu đó không phải là một ảo tưởng kỳ bí, cũng không thể tránh khỏi việc trở thành tổng số của những sự hoàn thiện đó, và khác nhau vô hạn, khiến đối với nó mọi sinh vật lắm lúc phải thấy khao khát. Một dấu vết hay biểu tượng của cái tốt phổ quát này có thể được tìm thấy vào bất cứ lúc nào của hạnh phúc hoàn hảo đang đến viếng thăm bất cứ lồng ngực nào; nhưng nó vẫn không thể là sự thương yêu cuồng nhiệt hay sự tôn thờ một điều gì đó, cho dù đó là vũ trụ hay bất cứ thành phần nào của nó, trừ khi chúng ta tìm thấy trong chính cứu cánh của nó rằng sự vật này là tốt đẹp một cách trọn vẹn: tôi muốn nói là trừ khi nó được toàn hảo chiếu theo loại hạng của nó và cũng là một người bạn thân đối với chính nó, và trừ khi cùng một lúc, nó được trọn lành một cách phổ quát, và là một người bạn thân tình đối với mọi sự vật khác. Tinh thần thuần túy có thể sẽ bị què quặt, và rõ ràng là vụng về, bất toàn bởi một tai nạn sinh học nào đó, nếu nó đã không thể yêu thích mọi cái

tốt đã được yêu mến ở mọi nơi bởi bất cứ ai. Những sự hoàn chỉnh đa dạng này, là sự đối địch và là kẻ thù của nhau trong áp lực của thế giới, nơi mà dường như không có đủ vật chất và thời gian cho mọi sự vật: nhưng đối với tinh thần vô tư thì không có điều tốt nào lại có thể làm cho một cái tốt khác trở thành khủng khiếp. Về mặt vật lý, một cái tốt có thể loại trừ cái khác: thiên nhiên và đạo đức tự nhiên phải được lựa chọn giữa chúng, hay bị tan rã thành cái hỗn độn; nhưng trong sự vĩnh cửu, những điều tốt đối ngược nhất vẫn không phải là những kẻ thù; mà đúng hơn là những huynh đệ với nhau một phần nào đó, như tất cả những tạo vật bất toàn là dành cho Thánh Francis. Và rằng tất cả những sự hoàn chỉnh đa dạng này hiện thời không phải có thể đạt tới được, là một tai nạn vật chất, đau đớn, nhưng không thể lẫn lộn với một tinh thần tự do. Sự trái ngược của chúng làm gia tăng sự buồn phiền, nhưng không làm giảm bớt tình yêu thương; sự đau đớn đúng mực là một vinh dự mới mẻ cho vẻ đẹp đã mất, và một bằng chứng của lòng trung thành; do đó mà tinh thần càng phải chịu đựng nhiều hơn lại càng sáng tỏ hơn, khi nó không vượt qua được sự chịu đựng của mình, nó hiểu được điều gì nó yêu. Mọi sự hoàn chỉnh khi đó chói sáng, sạch bóng, rõ ràng, tách biệt, và không tiêm nhiễm: cho nên tất cả đều hòa hợp, mỗi cái trong vị trí của nó, và hòa điệu cùng nhau. Yêu thích các sự vật trong tính chất tinh thần, tức là muốn nói theo một cách thông minh và vô tư, có nghĩa là yêu thương tình yêu trong chúng, phụng thờ điều tốt mà chúng theo đuổi, và thấy chúng trong sự tiên tri trọn vẹn trong vẻ đẹp có thể có được của chúng. Yêu thích các sự vật như chúng vốn có, sẽ là một sự chế diễu của các sự vật: một người yêu thương thật sự phải yêu thương chúng như là chính chúng muốn có được như thế. Vì không có sự vật nào là hoàn toàn sung sướng giống như nó là thế, và hành vi đầu tiên của mối cảm tình chân thật là phải vận động với đối tượng đó của tình yêu hướng đến hạnh phúc của nó.

Cái tốt phổ quát, chính vậy là cái tổng thể của cái gì đó mà mọi sự vật đều hướng tới, là cái gì đó mà nó vẫn chỉ là tiềm ẩn: và nếu chúng ta mong muốn tạo ra được một tôn giáo của tình yêu, theo kiểu của Socrates, thì chúng ta phải lấy cái tốt phổ quát, mà không phải là cái sức mạnh phổ quát, cho chính đối tượng tôn giáo của chúng ta. Tôn giáo này có thể cũng sẽ cần nhiều trí tưởng tượng hơn, nhiều điều thi vị hơn là loại tôn giáo của Spinoza, và từ ngữ Thượng Đế, nếu chúng ta vẫn còn sử dụng nó, sẽ có nghĩa đối với chúng ta không phải là vũ trụ, nhưng là cái tốt đẹp của vũ trụ. Sẽ không có một vũ trụ được tôn thờ, nhưng là một vũ trụ được cầu nguyện; và ngọn lửa của toàn thể ngọn lửa, cái mầm giống toàn thể, và cái vận động sáng tạo của tự nhiên, sẽ là tình yêu của Thượng Đế. Tình yêu này sẽ là tình ái; nó sẽ là tình yêu thật sự và không phải cái gì đó không bay bổng được, được gọi bởi chính cái tên đó. Nó sẽ mang lại những cái liếc nhìn từ bầu trời không bị giữ lại, nhưng là lên trên cao vào những lúc của sự ngây ngất không thể tả được, trong một sự nối kết với mọi cái tốt, mà trong đó linh hồn có thể bị héo hắt đi giống như một sự vật nào đó, bởi vì trong tính chất của một bộ phận của nó đã tìm thấy được sự sử dụng hoàn chỉnh của nó.

Bởi vì còn có một sự bí mật ở đây, sự bí mật mà dường như chỉ có thể đạt tới được trong cảm xúc, còn lý luận thì không thể nào đạt tới được. Cái tốt phổ quát là cái gì đó bị tách ra, bị thay đổi đi, trở nên trái ngược với chính nó chính trong những sự nhập thân trái ngược của nó; tuy thế, đối với sự kỳ bí, thì nó dường như là một sự vật sống thực đơn lẻ, cái Duy nhất được yêu thương, một cái tốt để được ôm ấp hoàn toàn ngay tức khắc, cho sau cùng và cho mãi mãi, và không để lại

một chút dấu tích nào của cái gì đó tốt đẹp thể lộ ra bên ngoài cả. Thế nên tôi nghĩ rằng sự bí nhiệm này có thể dễ dàng giải quyết được. Tinh thần thiết yếu là một sự tổng hợp; và chính vì tất cả những sức mạnh đã biết và chưa biết của thiên nhiên tạo nên trong mối quan hệ với kinh nghiệm và định mệnh, một sức mạnh đơn nhất có tính cách tự mình đầy đủ ở khắp mọi nơi; và chính vì tất cả mọi sự kiện và tất cả mọi quan hệ giữa những sự kiện được tạo thành cho tinh thần lịch sử và mang tính tiên tri về một thực tại của chân lý không thể bị biến đổi được; chính xác là như thế, đối với con người thương yêu, mọi đối tượng của tình yêu tạo thành một sự tốt đẹp duy nhất thật hoàn thiện. Ông ta có thể nói là ông ta thấy được mọi vẻ đẹp trong một khía cạnh đơn giản, rằng mọi vẻ đẹp khác thì cũng chẳng là gì cả đối với ông ta; thế nên có lẽ trong chính sự cường điệu này mà ông ta có thể đang tạo nên cho trái tim bí ẩn của ông ta một sự bất công. Vẻ đẹp ở đây có lẽ đang lặng lẽ dạy cho ông ta cách phân biệt vẻ đẹp ở mọi nơi, bởi vì trong mọi trường hợp về tình yêu thì chỉ có tình yêu trọn vẹn là được ông ta để mắt tới; và trong mọi tính chất tuyệt đối của tình yêu của ông ta, ông ta có thể cảm thấy một sự hứa hẹn vô hạn. Sự xuất thần của ông ta được cho là một sự trọn đầy, vẫn là một dạng hấp hối; và cho dù tự nó là ảo tưởng, nó có thể do ảnh hưởng của chính nó, giải phóng con tim của nó ra khỏi được sự tầm thường hay những bận rộn vô bổ, và thay vào đó, đưa nó tới một sự trinh khiết phổ quát. Những kẻ đi ăn xin trong những nước theo Thiên Chúa giáo và Hồi giáo dùng sự bố thí dòi khi cả cho tình yêu của Thượng Đế. Đó là một lời kêu gọi ẩn tàng; bởi vì Thượng Đế, phù hợp theo truyền thống Socrates, là một sự tốt đẹp mà tất cả mọi sự sáng tạo đều hướng đến; do thế mà bất cứ ai yêu thương sâu sắc, yêu thương Thượng Đế, thì không thể thất bại, bởi một sự hàm chứa cần thiết là yêu thương điều tốt mà tất cả mọi tạo vật đã sống vì theo đuổi đó, không có vấn đề phải làm thế nào để thoái thác được những tạo vật này, mà có thể là hướng tới tình cảm tự nhiên của con người.

Như vậy tình yêu tuyệt đối của bất cứ sự vật nào cũng đều bao gồm trong đó tình yêu về điều thiện phổ quát; và tình yêu điều thiện phổ quát, cũng bao gồm trong đó tình yêu đối với mọi tạo vật.

Như thế, nói tóm lại, dường như đối với tôi, triển vọng được mở ra cho một tinh thần là xem xét những điều kiện đạo đức của nó nhưng không có bất kỳ những định kiến nào. Có lẽ một sự giản lược thực tiễn, mang tính phê phán, chặt chẽ, về mọi đối tượng vào trong những chức năng mà đối với chúng họ thường có được trong kinh nghiệm, có thể thấy ra chính trong sự khám phá khiêm nhường của tôi mọi yếu tố của tôn giáo. Loài người, như ông ta có thể nói, trong sự suy nghĩ về Thượng Đế hay về thần thánh, luôn luôn có nghĩa là sức mạnh trong các sự kiện; vì khi đó con người nói: *Chúa muốn*. Một đôi khi họ cũng nhầm nói tới chân lý, như khi người ta bảo: *Chúa biết*. Và đó có lẽ là một số những điều thần bí có thể có ý nghĩa là điều tốt, hay là đối tượng tối cao của tình yêu, sự thống nhất với con người mà họ cảm thấy sẽ là hạnh phúc trọn vẹn. Do thế mà tôi sẽ chỉ thay đổi ngôn ngữ của tôn giáo truyền thống một chút, và phiên dịch các thần thoại của nó sang ý nghĩa tương ứng trong thực tại, cùng giản lược tôn giáo vào các yếu tính thực chất của nó. Nhưng không: tôi không làm những chức năng chuyên nghiệp nào như thế cả: chúng vẫn sẽ chỉ đơn giản mang tính ngụy biện. Những chức năng mà những đối tượng đã có được trong kinh nghiệm, không nghi ngờ gì cả, là mở ra cho chúng ta những triển vọng khác nhau cho các đối tượng đó: nhưng chính những đối tượng, nếu chúng tồn tại, vẫn không phải chỉ là những tên

gọi cho những chức năng này. Chúng là những đối tượng của lòng tin; và tôn giáo của loài người, cũng giống như khoa học của họ, là luôn luôn được tạo lập trên cơ sở của niềm tin. Thế nên không có niềm tin nào được nại ra trong chính sự xem xét ý thức, mà đối với nó chúng ta đã tạo nên trước các bạn trong buổi chiều hôm nay: và do đó, nói đúng ra, điều gì mà tôi đã đi tới được, thì không phải là tôn giáo. Cũng chẳng phải chính xác nó là triết học, bởi vì tôi không đưa ra những giả thiết nào về bản chất của vũ trụ hay là về bản chất của tri thức. Như thế là hoàn toàn vô tư, tôi nghĩ rằng trong sự xem xét này của ý thức, có một loại triết học bí mật hay tư riêng nào đó mà có lẽ còn mang tính chất triết học hơn là cái khác: và trong khi tôi không dựng nên những thần thánh, ngay cả dù chẳng phải cái *Deus sive Natura* vô hạn [Thượng Đế hay là Thiên nhiên] của Spinoza, tôi không xem xét trên các chủ đề gì, và trong cứu cánh nào mà chúng ta có thể tham vấn đối với các thần thánh này, nếu chúng ta đã tìm thấy quả thật những điều đó đã hiện hữu; và chắc chắn nguyện vọng muốn có thể đẩy nhanh chúng ta trong trường hợp này, để đi đến việc tôn thờ các thần thánh, sẽ là tấm lòng thật sự ràng buộc nhất của chúng ta cũng như tôn giáo tối hậu của chúng ta.

Thế cho nên nếu có người nào đó trong chúng ta có sự quan tâm như thế, và cũng từng đã có lần nào đó được nghe những bài thuyết giáo của một tôn giáo đầy tính nghi lễ mời gọi tới chúng ta: *Sursum corda, hãy khơi lên con tim của các bạn*, thì có lẽ chúng ta sẽ thành thật đáp lại *Habemus ad Dominum, bản chất của những con tim của chúng tôi là hướng tới Chúa.* Bởi vì chúng ta nhìn nhận quyền lực phổ quát, và tôn kính nó, bởi vì chính trên nó mà chúng ta phụ thuộc đối với các kinh nghiệm của chúng ta cùng những diều hạnh đạt của chúng ta. Chúng ta cũng được nhìn thấy với sự hứng khởi không che đậy, và chăm chú hướng tới chân lý phổ quát, mà trong đó mọi công việc của sức mạnh đó là được xác định và được ghi nhận một cách vĩnh cửu; bởi vì trong mức độ nào đó chúng ta có thể đạt tới được để khám phá về nó, thì chân lý đó nêu lên được tất cả mọi sự vật cho chúng ta đi vào trong ánh sáng, đi vào trong ngôn ngữ của tinh thần. Và cuối cùng, khi sức mạnh đó mang dạng thức như là đời sống, thì nó bắt lại đầu quay vòng để trở về điều đó, và theo đuổi một kiểu hoàn hảo nào đó, tinh thần trong chúng ta luôn nhất thiết yêu thích những sự hoàn hảo này, bởi vì tinh thần có khát vọng trở thành có ý thức, và chúng là những mục đích của cuộc sống: và trong mức độ nào đó mà những mục tiêu của đời sống có thể được xác định hay là đạt tới được, ở bất cứ nơi đâu, ngay cả nếu chỉ ở trong sự tưởng tượng mang tính cách tiên tri, thì chúng đều trở thành vinh hạnh, hay là trở nên đẹp đẽ, và tinh thần ở trong chúng ta vẫn thiết yếu tôn thờ chúng: không phải những vinh hạnh tầm thường và những sự hoàn hảo tạm bợ, chỉ của thế giới này, nhưng thật sự lại là chính cái hoàn hảo được mong ước đó, cái vẻ đẹp vĩnh cửu đó, mà chúng có được dấu ấn ở ngay trong tâm khảm của mỗi một sinh vật.

34

Crito *

PLATO

(427 - 347 Tr. CN)

Cảnh: nhà tù của Socrates

Socrates. Tại sao ông đến vào giờ này, Crito? Đã khuya lắm rồi mà?

Crito. Vâng, đúng thế.

Soc. Chính xác là mấy giờ?

Cr. Bình minh đang ló dạng.

Soc. Tôi thật ngạc nhiên tại sao người gác ngục lại để cho ông vào.

Cr. Anh ta biết tôi, bởi vì tôi thường đến, Socrates à; hơn thế, tôi đã tỏ ra tử tế với anh ta.

Soc. Ông chỉ vừa mới tới đây sao?

Cr. Không, tôi đến lâu rồi.

Soc. Thế tại sao ông chỉ ngồi đó mà chẳng nói gì, và không đánh thức tôi dậy ngay đi?

Cr. Tại sao cơ, đúng thế, Socrates à, chính tôi cũng không muốn bị mất ngủ và phiền muộn. Nhưng tôi ngạc nhiên trước giấc ngủ bình thản của ông, và cũng chính đó là lý do tại sao tôi đã không đánh thức ông dậy, bởi vì tôi muốn ông không bị đau đớn. Tôi đã luôn luôn nghĩ là ông được hạnh phúc, trong sự tĩnh lặng từ nơi tính khí của ông; nhưng chưa bao giờ tôi nhìn thấy được một sự thong dong tương tự như vậy, cái cách thức đáng yêu mà ông chịu đựng tai họa này.

Soc. Tại sao, Crito, một người lớn tuổi như tôi mà lại không được phép thản nhiên trước cái chết chứ.

Cr. Và cả những người già cả khác, khi mà thấy mình lâm vào những sự bất hạnh tương tự, thì tuổi tác vẫn không thể nào ngăn cản họ khỏi mất sự bình thản được.

Soc. Điều đó có thể là đúng. Nhưng ông đã không nói cho tôi rõ tại sao ông lại đến rất sớm như thế này.

Cr. Tôi đến để mang tới cho ông một tin buồn và đau đớn; không phải, như tôi tin tưởng, cho chính ông, mà cho tất cả

* Toàn bộ lời đối thoại

mọi người trong chúng tôi, vốn là những người bạn thân thiết của ông, và cũng thật là điều buồn khổ nhất đối với tôi.

Soc. Cái gì nào! Tôi vẫn cứ cho rằng chính con tàu đã đi tới từ Detos, và một khi nó tới là tôi phải chết?

Cr. Không, con tàu hiện nay vẫn chưa tới, nhưng có lẽ nó sẽ tới đây vào ngày hôm nay, vì những người đi tới từ Sunium đã bảo với tôi rằng họ đã nhìn thấy nó ở đó; và do vậy mà vào ngày mai, Socrates à, sẽ là ngày cuối cùng trong cuộc đời của ông.

Soc. Tốt lắm, Crito; nếu đó là ý muốn của Thượng Đế, thì tôi sẽ phải chìu theo; nhưng trong niềm tin của tôi thì nó sẽ được hoãn lại một ngày.

Cr. Tại sao ông lại nói thế?

Soc. Tôi sẽ nói rõ cho ông biết. Tôi sẽ chết vào cái ngày ngay sau ngày con tàu đó tới?

Cr. Vâng; đó là điều mà nhà chức trách đã bảo.

Soc. Nhưng tôi nghĩ rằng ngày mai con tàu sẽ không tới đây; điều này tôi đã có được từ một sự thấu thị trong đêm qua, hay đúng ra cũng mới đây thôi, khi ông đã tử tế cứ để cho tôi ngủ.

Cr. Và bản chất của sự thấu thi đó là cái gì?

Soc. Nó đến với tôi cũng tương tự như một người phụ nữ lịch lãm và dễ yêu, trong chiếc áo chùng trắng, đã gọi lên tên tôi rồi bảo: Ôi, Socrates,

"Kể từ ngày thứ ba thì Phthia sẽ để cho người đi"

Cr. Thật là một giấc mộng lạ lùng, Socrates!

Soc. Không thể nghi ngờ gì ý nghĩa như thế, theo tôi nghĩ, Crito à.

Cr. Vâng; ý nghĩa của nó thật là rõ. Nhưng, ồ! ngài Socrates đáng mến của tôi ơi, hãy để tôi yêu cầu ngài một lần nữa, hãy nghe theo lời khuyên của tôi mà trốn đi. Bởi vì nếu ngài chết, tôi sẽ không chỉ phải mất đi một người bạn thân, mà còn không bao giờ có ai thay thế được, nhưng cũng còn có điều tệ hại hơn: có những người không biết rõ ngài và tôi tin chắc rằng có lẽ tôi đã có thể cứu được ngài nếu tôi biết cách hối lộ, nhưng tai vì tôi đã chẳng làm thế. Lại còn có cả một điều còn tệ hại còn hơn cả điều này - rằng tôi nghĩ tới giá trị tiền bạc hơn là tới đời sống của một người bạn? Bởi vì nhiều người sẽ không tin rằng chính tôi đã muốn ngài trốn thoát, và rằng chính ngài đã từ chối.

Soc. Nhưng tại sao, ông bạn thân Crito ơi, tại sao tôi lại phải quan tâm tới ý kiến của nhiều người? Những người tốt đó, và họ cũng chỉ là những người xứng đáng để được nể vì, sẽ nghĩ rằng những điều này đã thật sự xảy ra như thế.

Cr. Nhưng chính ngài có thấy chăng, Socrates, rằng ý kiến của nhiều người vẫn tốt nhất đấy chứ, và điều đó hẳn là đúng. Nhưng sự thật là họ cũng chẳng thể làm điều gì tốt hay xấu cả: họ không thể làm cho một người trở nên khôn ngoan, hay là làm cho anh ta trở thành điên khùng; và cho dù họ có làm điều gì, thì kết quả cũng chỉ là cầu may thôi.

Soc. Crito ơi, tôi chỉ mong rằng họ có thể làm được, rồi họ cũng có thể làm những gì tốt nhất và tôi mong rằng mọi sự tốt đẹp. Nhưng sự thật là họ hoặc tốt hoặc xấu: họ không thể làm cho một người thông minh hay làm cho ngu tối đi, và dù họ có gặp may đi chăng nữa.

Cri. Tốt, tôi sẽ không bàn cãi gì về điều đó cả; nhưng xin làm ơn hãy nói cho tôi biết, Socrates à, có phải là ngài đã không hành động, vì không hề quan tâm tới tôi và những bạn bè khác của ngài: có phải ngài không sợ rằng nếu ngài trốn đi như thế, thì chúng tôi có thể phải gặp khó khăn với những người đã phái tôi tới đây, và chính họ sẽ phải bị mất một phần hoặc là toàn thể tài sản của họ; hay là ngay cả có một điều gì đó tệ hại nhất sẽ

có thể xảy đến cho chúng tôi? Thế nên nếu điều này làm cho ngài phải sợ, thì cũng đừng nên quan tâm tới nó; bởi vì để cứu được ngài, mà chúng tôi chắc chắn phải cần làm điều đó, hay ngay cả khi phải chịu sự rủi ro lớn hơn; hãy cứ yên tâm đi, và hãy cứ làm theo điều tôi yêu cầu ngài.

Soc. Vâng, Crito à, đó là một nỗi sợ mà ông đã lưu ý, nhưng cho dù thế nào chăng nữa, thì đó cũng chỉ là một nỗi sợ mà thôi.

Cr. Hãy đừng sợ. Có những người vẫn luôn sẵn sàng muốn cứu giúp ngài và giải thoát ngài ra khỏi cảnh ngục tù; còn đối với những kẻ mật báo, thì ngài có thể quan sát và thấy rằng họ chẳng mấy khi bỏ lỡ đi cơ hội của họ đâu; một chút tiền còm cũng đủ để làm cho họ phải hài lòng rồi. Khả năng của tôi, tôi tin chắc là khá dồi dào để có thể giúp ích được cho ngài, và nếu ngài không ngần ngại thì cứ để cho tôi được giúp đỡ ngài bằng tất cả các khả năng tôi có được, thì đây chính là những người nước ngoài vẫn sẵn lòng phục vụ ngài với mọi khả năng của họ; và một trong những người đó, Simmias là người Theban, cũng đã mang tới một số tiền cho chính mục đích cần thiết này; và Cebes cùng nhiều người khác nữa, cũng đang sẵn sàng trợ giúp ngài. Bởi thế tôi xin nói về mặt này thì ngài không nên do dự gì, mà chỉ nên trốn đi thôi, và cũng không nên nói như ngài đã nói trước Tòa án, rằng ngài thật sự rất khó khăn không biết làm thế nào để có thể trốn thoát đi được. Bởi vì nhiều người yêu thương ngài ở những nơi mà ngài có thể đi tới được, và không phải chỉ ở A-ten mà thôi đâu; còn có những người bạn của tôi ở Thessaly, nếu ngài có ý muốn tới đó ở với họ, thì họ sẽ rất có khả năng bảo vệ ngài, và sẽ không có người dân Thessaly nào lại sẽ gây phiền hà gì cho ngài cả. Tôi cũng không nghĩ rằng ngài sẽ được biện minh, Socrates à, trong khi ngài đánh đổi chính cuộc sống của ngài, khi mà đáng lẽ ngài có thể được cứu thoát; điều này hiện đang nằm trong tay những kẻ thù và những kẻ muốn phá hoại ngài; và hơn thế nữa, tôi có thể nói rằng hẳn ngài cũng đang phụ lòng con cái của ngài; thay vì có thể nuôi nấng chúng lớn lên và dạy dỗ chúng; ngài sẽ phải chết đi và bỏ lại chúng, và chúng sẽ phải bơ vơ; và nếu chúng không gặp phải tình cảnh của những đứa trẻ côi cút thường thấy, thì rồi cũng sẽ phải trách cứ ngài phần nào. Chẳng ai muốn mang con cái mình bỏ vào chính trong một thế giới mà khả năng nuôi dưỡng và giáo dục chúng sẽ đầy rẫy những sự bất trắc và khó khăn. Nhưng ngài đang chọn lựa cái phần dễ dàng hơn, theo tôi nghĩ, mà lại không dám làm điều gì tốt hơn và đầy tình người hơn, như là ngài vẫn đã từng dạy rằng trong mọi hành vi, mọi người đều phải tỏ ra là người có đức hạnh. Và do thế mà tôi thật xấu hổ không phải chỉ đối với ngài mà thôi, mà còn đối với tất cả chúng tôi, là những người bạn thân của ngài, khi tôi suy nghĩ rằng tất cả việc làm theo ý chí này của ngài sẽ bị gán buộc cho tất cả chúng ta là đều không có can đảm. Phiên tòa sẽ không bao giờ tiến hành được, hay có lẽ cũng sẽ phải chuyển qua một nội dung khác; và kết cục của tất cả, sẽ là sự phi lý cao độ, sẽ dường như là đã được phép của chúng ta, vì hèn nhát và tầm thường, những người có lẽ sẽ cứu thoát được ngài, vì ngài có thể sẽ cứu thoát được chính ngài, nếu chúng ta làm tốt được mọi việc (bởi vì sẽ không có sự khó khăn nào trong việc trốn thoát); và chúng ta cũng đã thấy là không có điều gì là bị lỗi đạo, Socrates à, và cũng chẳng có điều gì là đáng trách cứ trong mọi chuyện này đối với chúng tôi và đối với cả ngài. Hãy quyết định ngay đi, Socrates, hay thà rằng ngài cứ quyết định ngay đi, không cần phải làn cãi gì thêm nữa cả, và chỉ còn có mỗi việc phải làm, và phải thực hiện ngay, nếu đã phải quyết như thế, ngay chính trong đêm nay, mà không thể để chậm trễ gì thêm, nếu không

cũng sẽ không còn kịp nữa; và do vậy mà tôi xin khẩn nài ngài, Socrates à, hãy nên nghe theo lời tôi đi, và làm như điều gì tôi đã nói với ngài.

Soc. Crito thân yêu, sự nhiệt tình của bạn thật hiếm có, và tôi cũng chưa hề thấy, nếu đúng điều đó có lý; nhưng nếu nó là sai, thì cứ càng nhiệt tình bao nhiêu lại càng sai đi bấy nhiêu; và do vậy mà chúng ta cần phải xem xét liệu những điều này có nên được thực hiện hay không. Bởi vì tôi vẫn luôn luôn chỉ là một trong những tạo vật phải được chính lý trí hướng dẫn, cho dù bất cứ điều gì đó mà lý trí có thể sẽ phải nghĩ ngợi mà đối với tôi có vẻ đó là cái tốt nhất; và do thế mà cơ hội này đã tới với tôi, khiến tôi không có thể xua đi các lý lẽ mà tôi đã có trước kia: những nguyên tắc mà cho tới giờ nếu tôi vẫn phải trân trọng và tôn kính, thì tôi vẫn cứ sẽ còn trân trọng và tôn kính mãi, và trừ phi tôi tìm thấy những nguyên lý nào đó khác tốt hơn ngay lúc này, nên tôi chắc chắn không thể đồng ý được với các bạn; không đâu, kể cả nếu nếu sức mạnh của số đông lớn lao có thể bó buộc tôi nhiều hơn là bị bỏ tù, cả việc tịch thu tài sản, cả cái chết, khiến cho chúng ta sẽ phải sợ hãi giống như những đứa trẻ đối với những sự dọa dẫm khủng khiếp. Nhưng điều gì sẽ là con đường hay ho nhất để xem xét vấn đề này? Phải chăng tôi sẽ quay trở lại với việc lập luận xưa cũ của các bạn về các ý kiến của nhiều người? Một số của chúng đã được xem xét, và những ý kiến khác, như chúng ta đã đề cấp tới, là không được xem xét. Giờ đây chúng ta có lý do để giữ vững điều này trước khi tôi bị kết án? Và phải chăng đó là lý lẽ đã từng có một lần là tốt, và giờ đây đã được chứng minh, nên được đưa ra chỉ nhằm để bàn; - trong thực tế đó cũng chỉ là bàn để cho vui, và tất cả chỉ là vô bổ? Đó là điều mà tôi muốn xem xét cùng với sự giúp đỡ của bạn, Crito à: - liệu ở trong chính hoàn cảnh của tôi hiện nay, lý lẽ đó có vẻ như ở trong một tính cách nào đó khác hay không; và nó có cho phép tôi hay không. Lý lẽ đó, theo tôi tin, được nhiều người bảo thu, mà họ cũng là những nhà chức trách, khiến nó có hiệu lực, như tôi đã nói, còn những ý kiến của một số người nào đó thì đã được xem xét, nhưng của những người khác thì lại không thể được xem xét đến. Giờ đây, Crito à, nếu bạn là một con người vô tội, thế mà ngày mai bạn sẽ phải chết - thì ít nhất, cũng sẽ không có tính khả thể nào của con người trong việc này, và bạn cũng sẽ không bị ràng buộc vào đó để bị lừa dối bởi những hoàn cảnh mà trong đó bạn đã được đặt vào. Hãy nói cho tôi biết, có phải là tôi đã có lý khi nói rằng có số ý kiến nào đó, và cả những ý kiến của chỉ một số người nào đó, là được đánh giá, còn những ý kiến khác, và những ý kiến của những người khác, là không được đánh giá. Tôi xin hỏi ông, có phải là tôi đúng trong việc bảo lưu điều này không?

Cr. Chắc chắn thế rồi.

Soc. Vậy là điều tốt đã được xem xét, mà không phải là điều xấu?

Cr. Vâng.

Soc. Và những ý kiến của người khôn ngoan vẫn là tốt, còn những ý kiến của những người không khôn ngoan hẳn là xấu?

Cr. Đúng thế.

Soc. Và điều gì đã được nói đối với vấn đề khác? Phải chăng nguyên tắc trong thể thao vẫn giả định rằng, để đạt tới sự khen thưởng và sự quở phạt là theo ý kiến của mọi người, hay chỉ do một người mà thôi - của người thầy thuốc của anh ta hay là của người huấn luyện viên của anh ta, ai là chính?

Cr. Của chỉ một người mà thôi.

Soc. Và anh ta chắc hẳn là phải sợ việc kiểm soát, hoan nghênh và sự khen tặng của một người duy nhất, mà không phải của nhiều người?

Cr. Điều đó rõ ràng rồi.

Soc. Và anh ta được phép sống và được huấn luyện, ăn và uống, trong tính cách mà nó được xem như là tốt đối với người chủ duy nhất là người hiểu được, cũng như còn phù hợp với ý kiến của tất cả những người khác nói chung gộp lại với nhau?

Cr. Đúng thế.

Soc. Và nếu anh ta không vâng lời và bất chấp cả ý kiến và sự tán đồng của một người, để chí chú trọng vào ý kiến của nhiều người mà họ chẳng hiểu biết gì, thì anh ta sẽ không phải chịu đựng điều xấu sao?

Cr. Chắc chắn anh ta sẽ như thế.

Soc. Và điều gì sẽ là điều xấu, mà từ đó nó được nhắm đến, và điều gì sẽ tác động tới, trong con người không chịu vâng lời đó?

Cr. Rõ ràng là sự tác động vào thân xác; đó là điều đã bị tàn phá bởi chính điều xấu.

Soc. Tốt lắm; và điều này phải chăng là đúng, Crito à, đối với những sự vật khác mà chúng ta không cần phải liệt kê ra riêng? Trong vấn đề về sự công chính và không công chính, lịch lãm và thối tha, tốt và xấu, chúng chính là những chủ đề cho sự tham vấn của chúng ta hiện nay, và chúng ta có nên đi theo ý kiến của số đông và e sợ chúng hay không; hay là đi theo ý kiến của một người và người đó đã hiểu nó, và chúng ta phải sợ và kính trọng người đó hơn tất cả mọi người khác trên thế gian này: và nếu người đó được tách riêng ra, chúng ta sẽ tàn phá và làm phương hại tới nguyên lý đó trong chúng ta, và nó có thể được cho là cải thiện bởi công lý, và bị hủy hoại bởi điều bất công; - không có một nguyên lý nào như thế ư?

Cr. Chắc chắn có chứ, Socrates.

Soc. Chúng ta thử lấy một trường hợp tương tự: - nếu, hành động theo lời khuyên của những người mà họ chẳng hiểu biết gì, chúng ta tất sẽ phá hủy điều mà sức khỏe của nó được cải thiện và bị bệnh tật tàn phá - khi điều đó đã bị tàn phá, và theo tôi, thì liệu đời sống còn có giá trị gì nữa không? Và điều đó là - thân xác?

Cr. Vâng.

Soc. Vậy chúng ta có thể sống, với một điều xấu, và thân xác bị hư hoại?

Cr. Hẳn là không.

Soc. Và cuộc sống vẫn cứ có giá trị, nếu cái phần cao hơn này của con người bị suy vi đi, khi nó được công lý cải thiện và bị bất công làm cho hư hoại đi? Chúng ta có giả định về nguyên lý đó, cho dù nó có là gì đi nữa trong con người, thì cũng phải có mối quan hệ tới công lý, và chỉ điều bất công là thấp kém hơn thân xác?

Cr. Chắc là không.

Soc. Thế thì nó vinh hạnh hơn?

Cr. Vinh hạnh hơn nhiều chứ.

Soc. Thế thì, ông bạn ơi, chúng ta không thể xem nặng điều gì mà người ta nói về chúng ta: nhưng nếu điều gì mà anh ta, là một con người đã hiểu biết về công lý và sự bất công, sẽ nói tới, và điều gì mà sự thật sẽ nói lên. Và do thế mà bạn bắt đầu lầm lẫn, khi bạn gợi ý rằng chúng ta cần phải xem trọng ý kiến của nhiều người về điều đúng và không đúng, tốt và xấu, vinh hạnh và nhục nhã - Đúng, có người nào đó đã bảo, "nhưng đám đông có thể giết chết anh đó"

Cr. Vâng, ngài Socrates à; rõ ràng đó sẽ là câu trả lời.

Soc. Điều đó là đúng, nhưng tôi vẫn cứ còn ngạc nhiên là lập luận cũ theo như tôi nhận thấy thì vẫn vững vàng hơn bao giờ hết. Và tôi cũng muốn biết có phải tôi nên nói theo kiểu một mệnh đề khác - là không phải đời sống, nhưng chính là một đời sống tốt mới là cái có giá trị chính yếu?

Cr. Vâng, điều đó đúng là như thế.

Soc. Và một đời sống tốt là tương đương với một đời sống đúng đắn và vinh dự - đúng như thế không nào?

Cr. Vâng, đúng như thế.

Soc. Từ những tiền đề này, tôi sẽ đi tới lập luận với câu hỏi là liệu tôi có được phép hay không để cố gắng trốn thoát mà không có sự đồng ý của những người dân thành A-ten: và nếu rõ ràng việc tôi trốn thoát là đúng, thế thì tôi sẽ thử làm; còn nếu là không, thì tôi sẽ phải đành chịu. Những xem xét khác, thì như các bạn đã lưu ý, về tiền bạc cũng như việc đánh mất tính chất và bổn phận trong việc giáo dục con cái, thì tôi lại sợ đó chỉ là những lý thuyết của số đông, vì họ vẫn luôn luôn sẵn sàng kêu gọi mọi người phải sống, nếu họ có thể làm được việc đó, cũng như họ bị đặt vào chỗ chết - và với chút ít lý do nào đó. Nhưng giờ đây, vì chính lập luận như vậy đã được xem xét kỹ lưỡng rồi, nên vấn đề duy nhất còn lại phải được xem xét tiếp, là liệu chúng ta sẽ làm đúng hoặc khi thực hiện việc trốn thoát hay là chính trong việc phải chịu để nhiều người khác giúp đỡ trong sự trốn thoát của chúng ta, và rồi trả họ tiền và cám ơn họ, hay là chúng ta sẽ không làm điều đó là đúng; và nếu điều sau sẽ đưa tới cái chết hay bất cứ tai họa nào đó khác mà có lẽ nó sẽ xảy ra nếu tôi cứ phải ở lại đây mà không được toan tính bất cứ điều nào.

Cr. Tôi nghĩ rằng ngài có lý, Socrates à; nên làm thế nào mà chúng ta phải hành động đây?

Soc. Chúng ta hãy cùng nhau xem xét vấn đề, và ông có thể hoặc bác bỏ tôi nếu ông thấy có thể, và tôi sẽ phải chịu khuất phục; hay là nếu không như thế, ông bạn thân à, thì đừng nhắc lại với tôi rằng tôi có thể trốn thoát nhằm chống lại những điều mong muốn của những người A-ten: bởi vì tôi thật sự rất mong ước sẽ được ông thuyết phục, nhưng không chống lại chính lập luận tốt lành hơn của chính tôi. Và giờ đây thì hãy làm ơn xem xét lại tình huống đầu tiên của tôi, và hãy trả lời thật tốt cho tôi.

Cr. Tôi sẽ cố hết sức vậy.

Soc. Chúng ta có nên nói rằng chúng ta không bao giờ có ý định làm điều sai lầm, hay theo một cách khác, chúng ta được phép làm theo cách khác để chúng ta không được làm điều gì sai lầm, hay là làm điều sai lầm là luôn luôn xấu và nhục nhã, như tôi đã vừa nói đó, và nếu như chúng ta đã hoàn toàn biết rõ chúng ta? Phải chăng tất cả những điều gì đã được chấp nhận trước kia của chúng ta, mà chúng cũng đã được thực hiện chỉ trong một vài ngày là đã bị vất đi hết? Và phải chăng chúng ta đang ở độ tuổi khiến chúng ta đã thật sự mất can đảm đối với mọi cái khác trong tất cả cuộc sống chúng ta, mà chỉ do việc đã khám phá thấy rằng chúng ta cũng chẳng hơn gì những đứa trẻ? Hay phải chăng chúng ta vẫn cả quyết cho dù ý kiến của nhiều người, và mặc dù hiệu quả của nó ra sao, có tốt đẹp hay là tệ hại, về sự thật của điều gì đã được nói đó, rằng sự bất công luôn luôn là một điều xấu xa và nhục nhã đối với một người hành động bất công? Chúng ta có khẳng định điều đó không?

Cr. Có chứ.

Soc. Thế nên chúng ta không được làm điều gì sai?

Cr. Chắc chắn là không.

Soc. Cũng chẳng phải khi làm hại lại bị làm hại trở lại, như nhiều người tưởng tượng; bởi vì chúng ta sẽ không được quyền làm hại bất kỳ ai cả?

Cr. Chắc hẳn là không.

Soc. Như vậy, Crito à, có lẽ chúng ta đã làm sai chứ?

Cr. Chắc chắn không đâu, Socrates à.

Soc. Và điều gì làm sai thì đến phiên nó lại trở thành nguy hại, đó chính là đạo lý của nhiều người - điều đó có đúng thế hay không nhỉ?

Cr. Chẳng phải thế đâu.

Soc. Bởi vì làm điều xấu cho người khác, thì chính người đó cũng tự làm hại cho mình?

Cr. Quả đúng vậy.

Soc. Thế thì chúng ta không có quyền đáp trả lại, hay ăn miếng trả miếng đối với bất cứ người nào, về bất cứ điều xấu nào mà chính chúng ta đã phải chịu. Nhưng tôi muốn yêu cầu bạn hãy xem xét, Crito à, là bạn có thật sự muốn nói lên điều gì mà bạn đang nghĩ đó chăng. Bởi vì ý kiến này đã không bao giờ được nêu lên, và không bao giờ sẽ được nêu lên, bởi bất cứ một số khá đông người nào; và những người nào đồng ý và những người nào không đồng ý đối với điểm này, đều không có một nền tảng chung, và có thể sẽ chỉ coi thường nhau khi họ thấy họ có ý kiến quá khác xa nhau như thế nào. Thế thì hãy nói cho tôi biết có phải bạn đã hài lòng và đồng ý với nguyên lý đầu tiên của tôi, rằng không thể có một sự làm hại nào có thể có sự đáp trả mà lại có thể loại trừ được cái xấu, bởi cái xấu vẫn luôn luôn tồn tại. Và điều đó hẳn sẽ là tiền đề của lý luận của chúng ta? Hay là ông bạn sẽ phải chịu thua và tránh xạ khỏi điều này? Vì điều này vốn đã là, và vẫn cứ còn là ý kiến của tôi; nhưng nếu ý kiến của chính bạn là khác, thì hãy cứ nói cho tôi nghe ý đó như thế nào. Tuy thế nếu bạn vẫn cứ giữ vững điều gì đã từng nói ra trước đây, thì tôi sẽ đi sang bước kế tiếp.

Cr. Ngài cứ nói tiếp đi, bởi vì tôi vẫn không thay đổi ý kiến của tôi.

Soc. Vậy tôi sẽ chuyển sang bước kế tiếp, mà nó có thể sẽ được đặt dưới dạng một câu hỏi: - Một người có được phép làm điều gì mà anh ta thừa nhận là đúng, hay là anh ta được phép phản bội lại điều đúng đó?

Cr. Anh ta nên làm điều gì mà anh ta cho là đúng.

Soc. Nhưng nếu như điều này là đúng, thì sẽ áp dụng nó ra sao? Trong việc cứ để mặc cho người đó đi ngược lại ý kiến của những người A-ten, tôi có làm điều gì sai không? hay là thà tôi không làm điều gì sai đối với những người, mà chí ít tôi được phép làm sai? Tôi sẽ không nên xa rời những nguyên tắc mà chúng đã được nhận thức là đúng bởi chúng ta? Bạn sẽ nói như thế nào đây?

Cr. Tôi không thể nói được gì cả, Socrates à; bởi vì tôi không biết.

Soc. Thế thì hãy xem xét vấn đề theo cách này: - Hãy tưởng tượng rằng tôi đang định đào tẩu (bạn có thể gọi cách hành động này bằng bất cứ cái tên gọi nào cũng được, nếu bạn muốn), và Luật pháp cùng Chính quyền sẽ đi đến và truy vấn tôi: "Hãy nói đi, Socrates", họ bảo; "anh định sẽ làm gì nào? anh đang định làm một hành vi mà anh nhắm để hòng qua mặt chúng tôi ư - Luật pháp và toàn thể Nhà nước cũng chỉ giống như điều anh đối gạt sao? Bộ anh cứ tưởng một Nhà nước có thể tồn tại mà không thể bị lật đổ đi, nếu trong đó những quyết định của Luật pháp lại chẳng còn sức mạnh nào, mà là đã bị bỏ sang một bên và bị các cá nhân vất đi hết?" Crito ơi, chúng ta sẽ phải trả lời như thế nào cho những câu hỏi kiểu như thế? Bất cứ người nào, và đặc biệt một người rành về tu từ và đầy thông minh, sẽ có một khối điều để cổ vũ cái xấu, và đặt qua một bên Luật pháp đòi hỏi một bản án phải được thực hiện; và có lẽ tôi phải đáp lại: "Vâng; nhưng Nhà nước đã làm hại chúng ta và cho ra một bản án bất công". Tôi có nên nói thế hay không?

Cr. Tốt lắm, Socrates.

Soc. "Và phải chăng theo ông đó là lập luận của chúng ta?" Luật pháp sẽ nói; "hoặc là người sẽ phải tuân thủ bản án của Nhà nước?" Và nếu tôi tỏ ra ngạc nhiên ở câu nói này của họ, Luật pháp có lẽ sẽ nói thêm: "Hãy trả lời đi, Socrates, thay vì cứ nhìn trừng trừng như thế; anh vẫn có thói quen của việc truy vấn và trả lời những câu hỏi mà. Hãy nói cho chúng tôi điều gì anh không vừa lòng nên đã khiến cho anh hành động chống lại chúng tôi, mà chính nó chứng minh anh đã có ý

đổ phá hoại chúng tôi và Nhà nước? Trước hết, chẳng phải chính chúng tôi đã mang anh tới cuộc sống hay sao? Cha anh kết hôn với mẹ anh là bởi sự giúp đỡ của chúng tôi và đã sinh ra anh. Hãy nói thử có phải anh có một ý phản đối nào đó nhằm chống lại những người làm chức năng quan lý hôn nhân của chúng tôi?" Không, tôi sẽ đáp lại, "Hoặc là chống lại chúng ta những người điều tiết hệ thống nuôi nấng và dạy dỗ những đứa trẻ mà trong đó bạn đã từng được nuôi dạy? Chẳng phải là Pháp luật đã đảm nhận trách vụ về việc này, ngay trong việc chỉ huy cha của bạn trong việc huấn luyện âm nhạc và thể thao?" Đúng, tôi sẽ đáp lại. "Tốt, vậy bởi vì bạn đã được mang vào trong cuộc đời này, cũng như đã được nuôi dưỡng và giáo dục bởi chúng tôi, thì làm sao anh có thể chối bỏ được việc trước hết anh là một đứa bé nô lệ của chúng tôi, như các cha ông của các anh đã từng như thế cả trước khi có anh? Và nếu điều này là đúng thế, thì anh chẳng có sự bình đẳng nào với chúng tôi; anh cũng chẳng thể nghĩ anh có lý để làm như thế đối với chúng tôi, về điều gì chúng tôi đang làm cho anh. Phải chăng anh đã có cái quyền nào đó để mà phản kháng, hay là để đáp trả lại, hay làm điều gì đó tồi tệ khác, đối với một người cha, hay đối với người thầy của anh, nếu anh đã có một, khi anh đã bị đánh, hay bị ông ta đáp trả lại, hay là nhận được một điều xấu nào khác từ đôi bàn tay của ông ta? - phải chăng anh không nói ra được điều này? và bởi vì chúng tôi nghĩ hẳn đúng là phải tàn hại anh, thì anh có nghĩ rằng anh có cái quyền nào đó để tàn phá trả lại chúng tôi, và liệu quê hương của anh hẳn cũng đồng tình với anh? Và anh có muốn chăng, ôi người thầy của đức hạnh đích thực, để nói rằng anh vẫn được biện minh trong điều này? Có chăng một nhà triết học giống như anh, đã thất bại khi khám phá ra rằng quê hương của anh vẫn còn nhiều giá trị hơn, cao hơn, và thánh thiện hơn nhiều, so với người mẹ, hay người cha, hay bất cứ một người tiền nhân nào, và được xem trọng hơn nữa trong đôi mắt của các vị thần linh và những người hiểu biết? Thế cũng là mềm mỏng và dịu dàng, và đối xử tử tế khi nóng giận, ngay cả một người cha, và nếu không khẳng quyết, vâng lời? Và khi chúng ta bị quở phạt bởi bà mẹ Tổ quốc, cho dù có bị bỏ tù hay bị giam giữ, thì hình phạt vẫn phải chịu trong im lặng; và nếu bà ta có dẫn chúng ta tới những vết thương hay cái chết trong những trận đánh, thì điều chúng ta tuân theo vẫn luôn là đúng đắn; không một ai có thể nhượng bộ, hay phản bội nào, hay là rời bỏ hàng ngũ của mình, nhưng cho dù trong một trận đánh hay trong một tòa án, hay trong một nơi nào đó khác, thì người ấy vẫn phải làm điều gì đó mà đô thị và quê hương của người ấy đã ra lệnh; hay là người ấy phải thay đổi cách nhìn của họ về cái gì là đúng; và nếu người ấy có thể làm điều đó mà không bạo động, đối với cha hay mẹ của mình, thì người ấy có thể sẽ làm điều đó cũng kém bạo động hơn nhiều, đối với quê hương của mình". Tôi sẽ phải trả lời như thế nào đây, Crito? Có phải Luật pháp đã nói đúng hay là nói không đúng?

Cr. Tôi nghĩ là Luật pháp đã nói đúng.

Soc. Thế thì luật pháp cũng sẽ nói: "Hãy xem đi, Socrates, nếu điều này là đúng, rằng trong mưu toan hiện thời của bạn, chính là bạn đã nhằm cư xử sai trái với chúng tôi. Bởi vì sau khi đã mang bạn vào trong cuộc đời, cùng nuôi dưỡng và giáo dục bạn, cũng như đã cho bạn và mọi công dân khác một phần chia sẻ trong mọi điều tốt mà chúng tôi đã phải cho, chúng ta còn phải đòi hỏi thêm nữa, và giao quyền cho mọi người dân A-ten rằng nếu họ không thích chúng tôi, và khi họ đã tới tuổi khôn lớn rồi, và cũng đã nhìn thấy ra được những cách thức của đô thị, cũng như đã quen thuộc với chúng tôi, thì họ có thể đi tới bất cứ nơi đâu mà họ muốn tới và cảm thấy hài lòng; và không

một ai trong chúng ta có quyền cấm đoán họ hay là can dự vào ý muốn của họ. Bất cứ người nào trong các bạn không thích chúng tôi và đô thị, và người đó muốn đi tới một nơi nào đó khác, hay là tới một đô thị khác, đều có thể tới nếu họ thích, và cứ tha hồ mà làm theo ý của họ. Nhưng người nào đã có kinh nghiệm về các cách thức mà trong đó chúng tôi theo đuổi công lý và điều hành Nhà nước, mà hãy còn ở lại, đã đi vào trong một hợp đồng bao quát mà họ sẽ tuân thủ theo sự điều hành của chúng tôi đối với họ. Và người nào mà không vâng lời chúng tôi, như chúng tôi yêu cầu, thì phạm ba sai lầm; trước hết bởi vì không vâng lời theo chúng ta tức họ cũng không vâng lời cả cha mẹ mình; thứ hai bởi vì chúng ta là những tác giả của sự giáo dục của họ; thứ ba, bởi vì họ đã đồng ý với chúng ta là họ sẽ nhất định vâng theo các yêu cầu của chúng tôi; và họ không vâng theo chúng cũng như không thuyết phục được chúng tôi rằng những mệnh lệnh của chúng ta là sai trái; và chúng ta muốn áp đặt một cách thô lỗ, nhưng cho họ có sự chọn lựa hoặc là vâng lời hoặc là thuyết phục được chúng ta; - rằng đó là điều gì mà chúng mang tới, và họ cũng chẳng có được như thế. Những điều này là các loại cáo giác mà như chúng đã nói, Socrates à, anh sẽ phải bày tỏ, nếu anh hoàn thành những ý định của mình; bởi vì chính anh, ở trên tất cả những người dân A-ten khác". Giả thử tôi hỏi, tại sao lại là điều này? thì họ sẽ đáp lại ngay với tôi là tôi ở trên tất cả những người khác đã có nhận thức được về sự đồng ý. "Có một bằng chứng rõ ràng", họ sẽ nói, "Socrates, rằng chúng tôi và đô thị không có gì phật lòng với anh. Trong tất cả những người A-ten, anh đã là một cư dân thường xuyên nhất trong đô thị, và anh đã không bao giờ bỏ đi, anh có thể được cho là yêu thích nó. Bởi vì anh đã không bao giờ đi ra ngoài đô thị cho dù là để đi xem các trò chơi, trừ một lần khi anh đi tới Isthmus, hay là tới một nơi nào đó khác, trừ khi anh đang phải phục vụ trong quân đội; và anh cũng chẳng đi như những người khác đã làm. Anh cũng chẳng có sự tò mò nào để biết những Nhà nước khác hay là những Luật pháp của họ; những tình cảm của họ cũng không đi quá xa hơn chúng ta, và Nhà nước của chúng ta; chính chúng ta đã rất ưu ái đối với bạn, và bạn tuân thủ theo yêu cầu của chúng ta đối với bạn; và điều này là trong Nhà nước mà nơi đó bạn đã sinh ra các con cái của mình, mà nó là bằng chứng của sự hài lòng của bạn. Hơn thế nữa, có lẽ nếu như bạn yêu thích, thì đã bị xác định một tội trạng mà bạn đã phải chịu trong quá trình xét xử - Nhà nước mà giờ đây đã từ chối để cho bạn đi thì cũng chẳng sẽ để cho bạn đi đâu. Nhưng bạn đã cho thấy rằng bạn thà chết còn hơn đi đày, và rằng bạn không hề buồn phiền vì cái chết. Và giờ đây bạn đã quên đi những tình cảm tế nhị này, và không còn lòng kính trọng đối với Luật pháp và chúng tôi, của những người mà bạn định tàn phá; và đang định làm điều gì đó mà chỉ là một người nô lệ đáng thương sẽ làm, là bỏ chạy đi, và quay lưng lại những yêu cầu và những thỏa thuận mà bạn đã từng thực hiện như một công dân. Và trước hơn cả, hãy trả lời thật đúng đắn câu hỏi đặt ra; Chúng ta có đúng không khi nói rằng bạn đã đồng ý để được cai quan phù hợp theo với chúng ta trong thực tế, và không phải chỉ là trên lý thuyết mà thôi? Điều đó có thật đúng thế chăng?" Làm thế nào chúng ta trả lời đây, Crito? Chúng ta có đồng ý hay không?

Cr. Chẳng thế nào khác đâu, Socrates à.

Soc. Rồi họ sẽ bảo: "Này bạn, Socrates, bạn đã phá bỏ những quy ước và những thỏa thuận mà bạn đã tự nguyện thực hiện cùng chúng tôi, không phải trong sự bộp chộp nào cả, hay dưới một áp lực hoặc sự dối gạt nào, nhưng mà đã qua nhiều năm dài suy nghĩ chín chắn, và trong thời gian đó bạn đã có thể hoàn toàn tự quyết

rời khỏi đô thị, nếu chúng tôi đã làm điều gì đó không phải đối với bạn, hay là nếu những quy ước đối với bạn có vẻ như không phù hợp. Bạn đã có được sự lựa chọn của bạn, và có lẽ hẳn cũng đã đi hoặc là tới Lacedaemon hay Crete, mà những nơi đó vẫn thường được tán dương về sự cai trị tốt đẹp ở đó, hay là đến một nơi nào đó khác ở Hy Lạp hay là ở nước ngoài. Tuy vậy, bạn luôn ở trên tất cả những người A-ten, lại dường như vẫn rất thích Nhà nước, hay nói cách khác, những Luật pháp của Nhà nước chúng ta (bởi vì có người nào lại thích một Nhà nước mà nó chẳng có luật lệ gì), và bạn đã không bao giờ quậy nó lên cả; những kẻ lừng khừng, kẻ mù quáng, kẻ dở hơi, cũng không hề bị ngừng trệ trong nó hơn điều gì như bạn đã có. Và giờ đây bạn lại còn muốn đào thoát, và bỏ mặc các sự thỏa thuận của bạn. Chẳng phải thế đâu, Socrates, nếu bạn vẫn muốn nghe theo lời khuyên của chúng tôi; đừng có tự biến bạn thành ra buồn cười bằng cách trốn thoát khỏi đô thị này.

"Bởi vì như vừa được xem xét, nếu bạn vi phạm và có hành vi sai lầm theo cách đó, thì bạn sẽ mang điều gì đến cho các bạn hữu và cho chính bản thân của bạn? Rồi thì các bạn bè của bạn sẽ bị đưa đi đày và sẽ bị truất mất hết quyền công dân, hay là sẽ bị mất hết tài sản của họ, là điều rất chắc chắn; và chính bản thân bạn, nếu bạn đào thoát tới một trong các đô thị láng giềng, chẳng hạn như Thebes hay là Megara, thì cả hai nơi đó dù đang là những đô thị được cai quản tốt, bạn sẽ trở thành một kẻ thù đối với họ, Socrates à, và chính quyền của họ sẽ chống lại bạn, và tất cả những công dân yêu nước sẽ nhìn bạn bằng đôi mắt thù hận, như là một người đến phá hoại luật pháp, và bạn sẽ thế khẳng định được trong đầu óc của các vị quan tòa về chính những điều họ kết án bạn. Bởi vì người nào đó là một kẻ làm suy đồi luật pháp, thì lại còn nguy hiểm hơn một kẻ làm hư đốn các thanh niên và làm băng hoại một phần loài người. Như thế thì bạn có thể chạy thoát khỏi được những thành phố có nền nếp trật tự ổn định đó hay không, và những người có đức hạnh đó hay không? Và rồi cuộc sống có còn là đáng sống, do từ những tiếng xấu đó không? Hay là bạn sẽ đi tới với họ mà chẳng thấy điều gì hổ thẹn, và sẽ nói chuyện với họ, Socrates? Và điều gì bạn sẽ nói với họ? Điều gì bạn sẽ nói về đức hạnh và công lý và những định chế cùng luật pháp, mà chúng đều là những điều tốt nhất trong thế giới con người? Điều đó chẳng làm cho bạn cảm thấy trơ trẽn ư? Chắc chắn là không rồi. Nhưng nếu bạn bỏ đi khỏi những Nhà nước được quản lý tốt, để đi tới những bạn bè của Crito ở Thessaly, nơi có một sự hỗn loạn và sa ngã khủng khiếp, thì họ sẽ chào đón tưng bừng về câu chuyện tự bạn đã bỏ trốn khỏi nhà tù, rồi sẽ thêu dệt thêm biết bao nhiêu điều kỳ bí khác, của chính cách thức bạn đã bị bao bọc bằng một tấm da dê hay cái gì đó ngụy tạo khác, và bị huyễn hoặc nhiều thêm lên nữa như thói thường vẫn có - điều đó tất nhiên; nhưng rồi cũng sẽ không còn lại một ai nhớ được trong thời gian tuổi già của bạn, đã từng vi phạm những luật pháp thiêng liêng nhất, bởi do từ một niềm mong ước khốn nạn để được sống thêm chút nữa? Có lẽ không đâu, nếu bạn sẽ làm cho họ vẫn giữ được bình thản; nhưng nếu họ không còn bình tĩnh, bạn sẽ nghe nhiều lời quở mắng; bạn sẽ sống, nhưng như thế nào đây? - giống như một người đi nịnh bợ tất cả mọi người, và người đầy tớ của tất cả mọi người; và còn làm cái gì nào? - ăn và uống ở Thessaly, mà phải đi ra nước ngoài để có được cái ăn ư. Và rồi những tình cảm cao quý của bạn về công lý và đức hạnh nó sẽ như thế nào đây? Hãy nói là có phải bạn muốn sống để nhằm cho các con cái của bạn không, để bạn có thể nuôi dưỡng và giáo dục chúng không - bạn sẽ đưa chúng cùng đến Thessaly và sẽ tước

đi các quyền công dân A-ten của chúng? Điều đó có phải là có lợi khi bạn muốn dành cho chúng? Hay là bạn vẫn có cảm tưởng rằng chúng sẽ được săn sóc tốt hơn và được giáo dục tốt hơn ở tại đây nếu bạn vẫn còn sống, mặc dù không được gần gũi chúng; bởi vì rằng chính những bạn bè của bạn sẽ chăm sóc chúng? Bạn có tưởng tượng được rằng nếu bạn là một cư dân của Thessaly, thì họ sẽ săn sóc chúng, và nếu bạn là một cư dân của một thế giới khác, thì họ sẽ không săn sóc chúng? Này nhé, nhưng nếu họ tự nhận họ là những bạn bè chân chính, thì hẳn họ phải như thế nào.

"Vậy thì hãy nghe đây, Socrates, chính chúng tôi là những người đã từng nuôi dưỡng bạn. Hãy đừng nghĩ tới đời sống và con cái trước tiên, rồi sau đó mới nghĩ tới công lý; nhưng là phải nghĩ tới công lý trước nhất, rằng bạn có thể được biện minh ở đây trước những ông hoàng của thế giới trần tục này. Bởi vì sẽ không phải chính bạn hay bất cứ cái gì đó thuộc về bạn là hạnh phúc hơn, hay thánh thiện hơn, hay công chính hơn trong cuộc đời này; hay là được hạnh phúc hơn trong cuộc sống khác, nếu bạn làm như Crito yêu cầu. Giờ thì bạn ra đi trong sự vô tội, một người bị oan thì không phải là người phạm tội; một nạn nhân không phải của luật pháp nhưng là của con người. Nhưng nếu bạn cứ đi tới, lấy oán trả oán, và gây thiệt hại để báo thù, phá bỏ những quy ước và những điều thỏa thuận mà bạn đã có với chúng tôi, và làm điều xấu đối với những người nào ít ra đã gây điều xấu đối với bạn, thì điều đó có thể nói là chính bạn, các bạn hữu của bạn, quê hương của bạn, và cả chúng tôi, chúng tôi sẽ giận dữ đối với bạn trong khi bạn còn sống, và những người anh em của chúng tôi, và luật pháp trong thế giới trần thế này, sẽ xem bạn như một kẻ thù; bởi vì họ sẽ biết rằng bạn sẽ làm tất cả điều gì đó có thể làm để tiêu diệt chúng tôi. Hãy nghe đây, Socrates, thế thì hãy nghe theo chúng tôi, và đừng nghe theo Crito".

Điều này chính là giọng nói mà dường như tôi vẫn đang nghe thì thầm trong đôi tai của tôi, giống như âm thanh của một tiếng sáo trúc trong đôi tai của sự thần bí; cái tiếng nói đó, tôi nghe rõ như đang thì thầm trong tai tôi, và ngăn cản tôi không thể nghe một tiếng nói nào khác. Và tôi biết rằng bất cứ điều gì nữa mà bạn có thể nói thêm nữa cũng sẽ vô ích. Nên cứ nói thêm nữa đi, nếu bạn vẫn có điều gì đó còn muốn nói.

Cr. Tôi không còn điều gì để nói nữa cả, Socrates à.

Soc. Vậy thì hãy để yên tôi ở lại đây đi, Crito, để tôi có thể tuân theo những tiếng gọi sâu thẳm của chính ý muốn của Thượng Đế.

Mục lục

Lời nói đầu ... 5

Vài nét về các tác giả có các bài trích được tuyển chọn trong nội dung tập sách ... 6

Ý ngỏ cùng bạn đọc ... 7

PHẦN MỘT

Sự nhấn mạnh vào

TINH THẦN PHÊ PHÁN,

ĐỊNH NGHĨA và PHÂN TÍCH TRIẾT HỌC

1. Euthyphro ... Plato 10
2. Có thể có các giá trị tuyệt đối không? ... Moritz Schlick 24
3. Hai suy tưởng ... René Descartes 32
4. Các sự vật có khác biệt với những ý tưởng không? ... George Berkeley 44
5. Các phương pháp để được thuyết phục ... Charles Sanders Peirce 67
6. Niềm tin: cùng với và không cùng với sự hiển nhiên ... John Henry (Cardinal) Newman 81
7. Bốn thần tượng ... Francis Bacon 97
8. Những cách vận dụng ngôn ngữ ... Bertrand Russel 107
9. Tự nhiên ... John Stuart Mill 113
10. Về hai khái niệm: "nguyên nhân" và "ngẫu nhiên" ... Aristotle 139
11. Các phép lạ ... David Hume 145
12. Về sự hiện hữu của Thượng Đế ... Thánh Anselm 161
13. Tưởng tượng ... Jean-Paul Sartre 163
14. Ý thức ... Gilbert Ryle 174
15. Về cái đẹp ... Plato 181
16. Tiến trình tư duy khoa học ... John Dewey 205
17. Ý chí tự do, con người và lịch sử ... John Stuart Mill 225

PHẦN HAI

Tập trung vào

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VIỄN TƯỢNG TRIẾT HỌC

18. Nhà nước ..... Aristotle 247
19. Bản chất con người và quyền lực chính trị ..... Thomas Hobbes 254
20. Tiến hóa và đạo đức ..... Thomas Henry Huxley 272
21. Chế độ dân chủ ..... John Dewey 289
22. Khái niệm về pháp luật ..... Roscoe Pound 294
23. Quan điểm duy vật ..... Hugh Elliot 307
24. Niềm tin và lý trí ..... Thánh Thomas Aquinas 321
25. Sự hiện hữu, sự kiện và việc tồn tại ..... George Edward Moore 334
26. Nghệ thuật và sự tồn tại ..... Arthur Schopenhauer 350
27. Một khảo sát về quan điểm siêu nhiên ..... Paul Henri Thyry (Baron) d'Holbach 359
28. Bản ngã ..... William James 372
29. Đại ngã ..... Josiah Royce 383
30. Sự thất vọng ..... Soren Kierkegaard 401
31. Đạo đức của sự tự hi sinh ..... Francis Herbert Bradley 418
32. Lạc thú và niềm hạnh phúc ..... Aristotle 428
33. Tôn giáo tối hậu ..... George Santayana 441
34. Crito ..... Plato 451

TRÍCH VĂN TRIẾT HỌC

- JOHN HERMAN RANDALL, JR. - JUSTUS BUCHLER - EVELYN SHIRK

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGUYỄN NGỌC LƯU

Biên tập : Lê Sơn
Trình bày : Yến Bình
Vẽ bìa : Hs Nguyễn Hùng
Sửa bản in : Thiên Trung

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 Nguyễn Trường Tộ - Hà Nội
Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM
ĐT : (84.8) 8483481 - 8469858 * Fax : (84.8) 8483481

Liên kết xuất bản :
CTY VĂN HÓA MINH TRÍ - NS. VĂN LANG
25 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.I, TP.HCM
ĐT : 8.242157 - 8233022 - Fax : 84.8.235079

In 1000 cuốn khổ 19x27cm tại Xưởng in CN Trung Tâm Hội Chợ Triển Lãm Việt Nam.
Giấy chấp nhận đăng ký KHXB số 834-60/XB-QLXB Cục xuất bản cấp ngày 02.06.2005.
Trích ngang kế hoạch xuất bản số 168/VHGP Nhà xuất bản Văn Học cấp ngày 17.06.2005.
In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2006.

Phương pháp hiệu quả nhất để khám phá và lĩnh hội triết học là tiếp cận trực tiếp chính những dẫn nhập, những trích văn có tính chất cốt lõi và nền tảng nhất của những triết gia nổi tiếng.

Tất nhiên, không phải một bài đã được lựa chọn nào cũng là chìa khóa vạn năng hay sự đúc kết đầy đủ đối với toàn bộ nội dung tư tưởng của triết gia đó. Nhưng chắc chắn khi đã được lựa chọn, trích văn ấy nhất định sẽ tiêu biểu và hàm chứa phần nào tinh túy của tác giả.

Người ta thường bảo rằng triết học bắt đầu bằng sự ngạc nhiên. Như thế, một cuộc "hành trình triết học" với quyết tâm "đi tới bất cứ nơi nào lý lẽ có thể dẫn đến" - như lời khuyên của triết gia Plato - đang chờ bạn đọc với những giải đáp thỏa đáng, phong phú trong nội dung sách này.

TRÍCH VĂN TRIẾT HỌC

J. HERMAN RANDALL, JR
JUSTUS BUCHLER - EVELYN SHIRK

Nhà Sách VĂN LANG
25 Ng. T. Minh Khai, Q.1 * ĐT: 8233022 * Fax: 8235079
01 Quang Trung, Q. Gò Vấp * ĐT: 9894523 * Fax: 9894522
9 Phan Đăng Lưu, Q. BT, TP. HCM * ĐT: 8413306
E-mail: vanlangnt@yahoo.com

8 935073 020308

Giá: 170.000đ